

0001. Thành Thái Phế đế (húy Chiêu tự Bửu Lân, là con thứ bảy của Cung Huệ hoàng đế, mẹ được truy tôn là Từ minh Huệ hoàng hậu Phan thị, húy Điều. Sinh giờ Bính thân ngày 20 Bính thân tháng 2 Đinh Mão năm Kỷ Mão Tự Đức thứ 32. Tháng 8 mùa thu năm Tự Đức thứ 36 theo Cung Huệ hoàng đế dời tới ở trong giảng đường của Thái y viện. Ngày 6 Đinh Mùi tháng 9 mùa thu năm Giáp Thân Kiến Phúc thứ 1 Cung Huệ hoàng đế băng, theo mẹ là Từ minh Huệ hoàng hậu về ở quê ngoại. Năm Mậu Tý Đồng Khánh thứ 3 lại dời vào ở phía trong cửa Chính Đông kinh thành giữ việc thờ cúng tôn từ. Ngày 27 tháng 12 năm ấy Cảnh tông Thuần hoàng đế băng, vì hoàng tử còn nhỏ nên được tôn lập, mở hòm vàng xem bài thơ Đế hệ được chữ thứ bảy là chữ Chiêu, lấy đó làm tên, lấy tên kép hai chữ làm tên tự. Ở ngôi 19 năm, cuối đời mắc tâm bệnh, nhường ngôi cho hoàng tử thứ năm là Vĩnh San, đó là Phế đế Duy Tân. Tháng 12 năm Khải Định thứ 1 chuẩn cho gọi là Hoài Trạch công. Tháng 12 năm thứ 7 vắng lời chuẩn cho chép là Phế đế).

0002. Năm Kỷ Sửu (tức 1889 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Ngày Đinh Mùi (ngày 1), Phủ Tôn nhân và đình thần văn vũ cùng quý Bảo hộ vâng ý chỉ của Nghi thiên Chương hoàng hậu và Lệ thiên Anh hoàng hậu đón về tôn lập. Ngày Giáp Tuất (ngày 2) lên ngôi hoàng đế ở điện Thái Hòa, đặt niên hiệu là Thành Thái. Quần thần bưng sách vàng dâng lên, lời sách nói “Nối ngôi thông vâng mệnh trời, dự vào ngôi chính, đổi thời truân qua vận kiến, cốt ở được người. Cho nên phải hợp lòng người cả trong ngoài, mới có thể thành tông chủ của lê thứ. Kính nghĩ điện hạ là cháu của Đại hành hoàng đế, cháu đích tôn của Dực tông Anh hoàng đế. Minh mẫn đầy đủ, cõi mở sâu xa. Vốn tính hiền lành, quẻ Càn ẩn mà chứa chất (1), trong lòng nhu thuận, quẻ Di tối mà rõ ràng (2). Trước đây Đại hành hoàng đế tuổi trẻ về trời, làng mây ruổi giá. Lòng người trông ngóng, vin cung (3) ai cũng đau thương, việc nước gian nan, ngôi báu há nên để trống. Nhưng hoàng tử tuổi còn thơ ấu, khó nhận cơ đồ, may còn ông trí đã lớn khôn, đủ đương xã tắc. Nên nối ngôi thông của Đại hành hoàng đế, để an ủi hồn thiêng của tiên thánh hoàng đế. Dực tử noi Chu (4), bốn phương hẹn ngày yên tĩnh, hoàng tôn nối Hán (5), nghiệp lớn nhờ đó trung hưng. Còn mong dưới thuận lòng người, trên vâng ý chỉ, tôn lên bảo vị, gánh vác cơ đồ. Giữ cho cùng lòng, ngọc lụa y quan có chủ, yên nhờ nhiều phúc, non sông miếu xã yên bình”. Lễ đăng quang đã xong, ban ân chiếu cho trong ngoài (tất cả 18 điều).

(1) *Quẻ Càn tuy ẩn mà chứa chất*: nguyên văn là “Càn tuy tiềm nhi trú đức”, lấy chữ trong *Kinh Dịch*, quẻ *Bát Thuần Càn*, phần *Hào từ* và *Tiểu tượng truyện*, hào *Sơ cửu* “Tiềm long vật dụng” (Rồng đang nấu mình, không nên hành động), đây ý nói vua Thành Thái tuy tính tình hiền lành nhưng có đức độ.

(2) *Quẻ Di dùng tối mà rõ ràng*: nguyên văn là “Di dụng hối nhi di quang”, lấy chữ trong *Kinh Dịch*, quẻ *Địa Hòa Minh Di*, phần *Đại tượng truyện* “Minh nhập địa trung, minh di, quân tử dĩ lý chúng, dụng hối nhi minh” (Ánh sáng vào trong đất, ánh sáng bị mờ tối, quân tử lấy đó làm lợi cho mọi người, mờ tối mà sáng), đây ý nói Thành Thái đã bộc lộ tư chất đế vương ngay từ lúc chưa làm vua.

(3) *Vin cung*: *Sử ký*, *Phong thiện thư* chép Hoàng Đế lấy đồng ở núi Thú Sơn, đúc đỉnh dưới núi Kinh Sơn, đỉnh đúc xong có con rồng rừ râu hạ xuống đón. Hoàng Đế cưỡi lên rồng, có hơn bảy mươi bễ tôi và phi tần lên theo, người và rồng cùng bay đi. Các bễ tôi còn lại không được lên níu kéo râu rồng, râu rồng đứt ra rơi xuống, chiếc cung của Hoàng Đế cũng rơi xuống. Hoàng Đế đã lên trời, trăm họ ôm cung và râu rồng kêu khóc, người sau nhân đó gọi nơi ấy là Đỉnh Hồ. Văn chương xưa thường dùng các từ “Đỉnh Hồ”, “phần hào” (vin râu rồng kêu khóc), “phần cung” (vin cung) để chỉ việc đế vương qua đời, trăm họ đau xót, đây chỉ việc vua Đồng Khánh chết.

(4) *Dực tử noi Chu*: nguyên văn là “Dực tử thiệu Chu”, lấy chữ trong *Kinh Thi*, *Đại nhã*, *Văn vương hữu thanh* “Di quyết tôn mưu, Dĩ yên dục tử” (Lưu lại mưu kế cho cháu nội, Để con cháu được yên ổn), chỉ việc cháu nội kính cẩn nối theo tổ tiên, đây chỉ việc vua Thành Thái lên ngôi thừa kế cơ nghiệp của vua Tự Đức.

(5) *Hoàng tôn nối Hán*: đời Hán Vũ đế, thái tử Lưu Cứ gặp họa vu cô, con là Sử hoàng tôn (vì mẹ họ Sử nên người ta gọi là Sử hoàng tôn) lưu lạc trong dân gian, sinh ra Lưu Bệnh Kỳ tức Lưu Tuân. Hán Chiêu đế Lưu Phát Lãng nối ngôi Vũ đế 12 năm thì chết, Xương Ấp vương Lưu Hạ nối ngôi nhưng dâm loạn nên được 27 ngày thì bị phế truất. Đại thần Hoắc Quang tìm được Lưu Tuân đưa về nối ngôi, tức Hán Tuyên đế, được coi là thời kỳ trung hưng của nhà Tây Hán. Đây chỉ việc vua Thành Thái là cháu nội dòng đích của vua Tự Đức lên nối ngôi.

0003. Lấy Tuy Lý công Miên Trinh làm Phụ chính thân thần thứ nhất kiêm nhiếp Tả Tôn chính Phủ Tôn nhân. Hoài Đức công Miên Lâm làm Phụ chính thân thần thứ hai kiêm nhiếp Hữu Tôn chính Phủ Tôn nhân, Hiệp biện đại học sĩ Nguyễn Trọng Hợp làm Phụ chính đại thần thứ ba, Phủ doãn hàm Thượng thư Trương Quang Đản làm Phụ chính đại thần thứ tư đều sung vào Cơ mật viện, phạm các bộ dâng tấu đối thì Phụ chính đại thần kính duyệt rồi sau đó tâu lên (kể chuẩn cho Nguyễn Trọng Hợp gia hàm Văn Minh điện đại học sĩ, Trương Quang Đản làm Thượng thư bộ Binh vẫn sung kiêm bộ Lại).

0004. Kính tiền tiền đồng niên cho cung Gia Thọ 20.000 quan (vốn lệ chỉ có 10.000, năm nay kính gặp lễ bát tuần đại khánh tiết nên kính tăng thêm 10.000 quan và 5.000 đồng (1), 100 nén bạc), 1.800 phương gạo, cung Trường Ninh 8.000 quan, 1.500 phương gạo.

(1) *Đồng*: Nguyên bản chép là “ngân nguyên”, tức Đồng bạc ngoại thương (Piastre de Commerce) do Ngân hàng Đông Dương phát hành năm 1879, nặng 27,215gr với hàm lượng bạc 900, mỗi *piastre* gồm 100 *cent* hay *centime* tức *sou*. Trờ đi chúng tôi nhất loạt dịch “ngân nguyên” hay “nguyên” là đồng.

0005. Tiền cho Tôn tử (tức Từ minh Huệ hoàng hậu) 1.200 quan tiền, 500 phương gạo (tham chiếu lệ về bổng lộc cho ba bà phi của Kiên Thái vương mà chức lượng ban cho), lấy đó làm lệ hàng năm.

0006. Ngày Tân hợi (ngày 5), làm lễ mùa xuân, từ đó về sau lấy làm lệ thường (năm ấy gặp ngày quốc hiếu, chiếu lệ năm Kiến Phúc thứ 1 làm lễ).

0007. Đặt định chế độ tang phục quốc hiếu (tham chiếu nghi thức năm Tự Đức thứ 36 và năm Kiến Phúc thứ 1 chằm chức thi hành. Sau đó vì gặp lễ bát tuần đại khánh tiết của Từ dũ Bác Huệ Thái Thái Hoàng thái hậu nên đổi định sau khi ninh lăng thì liên tiếp làm lễ cứu ngu, mười lăm ngày thì làm lễ tiểu tường, lại mười bốn ngày sau làm lễ đại tường, lại bảy ngày nữa thì làm lễ tế đàm (1), xả tang phục).

(1) *Lễ cứu ngu, lễ tiểu tường, lễ đại tường, lễ tế đàm*: *ngu* là lễ tế quanh mộ sau ngày chôn cất. Người xưa cho rằng sau khi xương thịt chôn xuống đất, hồn phách không còn nơi nương tựa nên lang thang khắp nơi, phải tế ngu để được yên ổn. Theo lễ chế ngày xưa thiên tử tế ngu chín lần, chư hầu bảy lần, khanh đại phu năm lần, sĩ ba lần, nên gọi là cứu ngu. *Lễ tiểu tường* là lễ tế sau ngày chôn cất 13 tháng, hiếu chủ bỏ khăn tang. *Lễ đại tường* là lễ tế sau ngày chôn cất 25 tháng, hiếu chủ không mặc tang phục, người tới dự có thể uống rượu mừng hiếu chủ đã hết tang. *Lễ tế đàm* là lễ tế sau ngày chôn cất 27 tháng, hiếu chủ chính thức bỏ tang phục. Tuy nhiên nếu hoàng đế hậu phi chết thì những nghi thức rườm rà nói trên sẽ ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động của triều đình, nên các triều đại phong kiến trước kia đều có khuynh hướng rút ngắn tối đa thời gian từ khi ninh lăng đến khi bỏ tang phục.

0008. Ngày Nhâm tuất (ngày 16) thành phục, kính tới làm lễ ở điện Càn Thành.

0009. Ngày Bính dần (ngày 20) rước từ cung (1) của Đại hành hoàng đế vào điện Phụng An, kính dâng tôn thụ cho Đại hành hoàng đế là Hoàng liệt Thông triết Mẫn Huệ Thuần hoàng đế*, miếu hiệu là Cảnh tông. Trước đó phụng lời dụ nói “Đệ vương từ xưa có công đức không gì lớn bằng, ắt có tôn hiệu không gì lớn bằng. Cho nên tên lụy để thuật hành trạng, tên thụ để tôn tiếng tăm, truyền tiếng hay tới vô cùng, lưu công to nơi bất hủ là điều to lớn nhất của điện, việc long trọng nhất của lễ. Kính nghĩ Đại hành hoàng đế: lịch trời thông suốt, đức thánh tiến dài. Nói ngời thông vãng mệnh trời, sáng tỏ về cơ khôi phục, tính cơ mưu lo ngại tháng, thiết tha giữa lúc gian nan. Kính trời thì Giao tự cử hành, noi tổ thì điển chương kính giữ. Hiếu tổ mẫu thì hai cung thăm viếng (2), tế tự đích thân, thân họ hàng thì tôn thất gia ân, thân thần trọng dụng. Siêng chính sự đọc khắp chương tấu, trước sau không chút biếng lười (3), yêu nhân dân tha giảm thuế tô, xa gần đều hưởng ân huệ. Nêu thân vũ dùng oai dùng đức, phân trác đều yên, ngự Kinh diên học rộng học chăm, quang minh thấy rõ. Mở rộng khoa trường để tuyển chọn kẻ sĩ, bao dung khoan hậu mà thể thiệp bề tôi. Hoãn việc tử hình, nghe lời can gián. Thơ văn sửa lại hai tập, văn sách Hán Đường Tống, lý số đọc khắp các nhà, học thông thiên địa nhân. Giữ thành tín đôn hòa hiếu với lân bang, làm quốc thư mong phúc trạch cho lê thứ. Tức vị ba năm đi n nay, chói chang rực rỡ, to lớn làm sao, nếu trời cho thêm tuổi thì đại hóa thân minh, ơn to trải khắp, ngày thái bình có thể mong đợi vậy. Nhưng công nghiệp chưa xong, kiếp người đã hết. Buồn mây sao thoát dòi, vin cung khóc ngất, sợ gió mưa tự tới, chôn kiếm buồn tênh. Than ôi xót thay! Ta là cháu của Đại hành hoàng đế, đích tôn của Dực tông Anh hoàng đế, kính vâng ý chỉ hai cung, trong ngoài suy tôn, nối dòng đại thống, kính nghĩ Đại hành hoàng đế ta công to đức thịnh như thế, há lại không có lời soạn thuật để kính tôn thành điển với thiên hạ. Kính dâng miếu hiệu là Cảnh tông, lấy đó để trên soi liệt thánh, dưới chiếu người sau. Còn việc bản dâng thụ hiệu tôn danh thì chuẩn cho hoàng thân, Tôn nhân, đình thần, Nội các, Sử quán, Quốc tử giám đều được dự bàn, phải cẩn thận kê cứu điển lễ, tham khảo xưa nay, cốt thật xác đáng. Ta sẽ xin mệnh với Giao miếu, cáo tế trước án cúng, ngõ hầu ít nhiều bày tỏ niềm hiếu kính hết lòng mà an ủy sự kính mộ của thần thứ”. Tôn nhân đình thần xin chiếu theo sáu chữ huy trung của Giản tông Nghị hoàng đế kính cẩn dâng tôn thụ cho Đại hành hoàng đế là Hoàng liệt Thông triết Mẫn Huệ Thuần hoàng đế. Kính phụng mệnh chuẩn y, bèn sai chọn ngày tốt tế cáo với Giao miếu. Đến hôm ấy vua đích thân suất lĩnh các quan dâng kim sách, lời sách nói “Thần nghe: Nghiệp to đức thịnh (4) là lời soạn thuật ở Thi Thư, hiển hiệu tôn danh là điển tôn sùng nơi sử sách. Tên lụy sánh với trời, đức sáng học vàng nhật. Kính nghĩ Đại hành hoàng đế: vận gặp trung hưng, chất gồm thượng trí. Gắng công nơi mộng dưỡng (5), yên phận lúc gian truân. Quang phục dư đồ, thu cơ nghiệp trước, phát dương lý đạo, kính điển chương xưa. Trí tuệ xét khắp tám phương, đức hiệu ngời trong bốn biển. Thủ tín làm thư giữ yên xã tắc, thân chinh trao kẻ quét sạch hơi mù. Lời can gián để tâm, liền giám chi mà xa nịnh, sở Kinh diên nghe giảng, lại suy xưa mà biết nay. Thi Thư tinh tú khởi phát ra văn, sự vật đúng sai cân nhắc theo lý. Trí như ngọc chiếu, biết khắp thiên hạ hiện tại, tâm tựa đuốc soi, thấy rõ dân gian u ám. Muôn việc thường xuyên răn bảo, trăm lo duy chỉ tinh thành. Chăm nơi việc thì tự xét nên thành (6), chăm nơi làm thì tự cường chẳng mỏi. Tăng giải

ngạch ra ơn cho người học, thương dân chúng ràng buộc cả bốn phương. Khánh tiết ra ơn, hoàng gia tích phúc, ngày xuân ban lệnh, quân tử thể nhân. Ba năm đến nay, mọi hay gồm cả. Mở rộng nghiệp tổ, nêu rõ công to, đức thánh rất thông, biết người là triết. Chăm chính sự nên nắm dây căng lưới, thương nhân dân nên xa tới gần vui (7), đó đều là giữ lòng thuần vương, theo đạo thuần vương. Khấp chón vừa vui mền đức, lãng Kiêu (8) chợt xót khóc cung. Đức sáng không quên, mới hiểu sâu công thiệu thuật, danh to chẳng nát, càng thêm gấp ý xung dương. Kính chọn ngày lành xin mệnh với Giao miếu, tâu lên Từ dữ Bác huệ Thái Thái Hoàng thái hậu, Trang ý Thái Hoàng thái hậu, đích thân suất lãnh Tôn nhân và đình thần văn vũ kính bung kim sách dâng tôn thụ là Hoảng liệt Thông triết Mẫn huệ Thuần hoàng đế, miếu hiệu Cảnh tông. Kính nghĩ anh linh còn đó, cảm cách được nhờ. Sau trước nêu danh, lưu trong muôn thưở, bình yên phúc lớn, trái đến vô cùng”. Lễ xong, ban ân chiếu cho trong ngoài.

(1) *Tử cung*: tức quan tài của vua chúa hậu phi.

(2) *Hiếu tổ mẫu thì hai cung thăm viếng*: nguyên văn là “dĩ hiếu tắc lưỡng cung định tỉnh”. Hai cung đây chỉ bà Nghi thiên Chương hoàng hậu Phạm Thị Hằng vợ vua Thiệu Trị ở cung Gia Thọ và bà Lệ thiên Anh hoàng hậu Vũ Thị Duyên ở cung Trường Ninh. “Định tỉnh” tức “hôn định thân tỉnh” (buổi tối tới thăm để trấn định, buổi sáng tới hỏi để yên lòng), chỉ việc hiếu kính chăm sóc cha mẹ ông bà.

(3) *Trước sau không chút biếng lười*: nguyên văn là “thủy chung bất đãi vu Càn hành” (trước sau không bỏ bê việc Càn hành). Càn hành lấy ý trong *Kinh Dịch*, quẻ *Bát Thuần Càn*, phần *Đại tượng truyện* “Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức” (Trời đi mạnh mẽ, quân tử vì thế tự cường không thôi).

(4) *Nghiệp to đức thịnh*: nguyên văn là “cảnh quang hồng liệt”, lấy chữ trong *Kinh Thư, Lập chính* “Dĩ cận Văn vương chi cảnh quang, dĩ dương Vũ vương chi đại liệt” (Để thấy rõ đức thịnh của Văn vương, để nêu cao nghiệp sáng của Vũ vương).

(5) *Mông dưỡng*: chỉ việc học hành lúc chưa lên ngôi vua.

(6) *Tự xét nên thành*: nguyên văn là “lũ tinh nãi thành”, lấy ý câu trong *Luận ngữ, Học nhi* “Ngô nhật tam tỉnh ngô thân” (Ta mỗi ngày xét mình ba lần).

(7) *Xa tới gần vui*: nguyên văn là “cận duyệt viễn lai”, lấy chữ trong *Luận ngữ, Tử Lộ* “cận giả duyệt viễn giả lai” (người gần ưa thích, người xa hướng về).

(8) *Lãng Kiêu*: nguyên văn là “Kiêu sơn”, tức Kiêu Sơn ở Thiểm Tây, tương truyền là lăng của Hoàng Đế do nhà Hán xây dựng để cúng tế. Xem thêm chú thích (2) điều 0002.

0010. Chuẩn cho Thượng thư bộ Hộ sung Cơ mật viện đại thần Trương Như Cương sung Tổng hộ sứ, Thống chế kiêm chương Viện Thượng tứ sung quản lãnh Thị vệ Nguyễn Trực Lượng làm phó, Thống chế Thụ Tả quân Đô thống Nguyễn Gia Trinh sung Đồng lý việc xây dựng, Tá lý bộ Công Hà Thúc Quan làm phó, Tổng đốc lãnh Tuần phủ Hà Tĩnh về kinh chiêm cận Vũ Khoa sung Đồng lý lễ tang, Chương vệ quyền Chương án triệu quân Tả dục Vũ lâm Trần Văn Cư làm phó, Đốc công Vũ khố Thị lang Nguyễn Văn Thái, Thị lang sung Quản đốc Nha Thông báo Nguyễn Xuân Hiền cùng sung Tham biện. Lại sai các thân thần đại thần Phụ chính luân phiên tới đó đích thân xem xét để công việc được long trọng.

0011. Vì có đại tang nên đình kỳ lễ xuân hưởng (chiều lệ năm Tự Đức thứ 36 đình cả hai lễ xuân hưởng hạ hưởng, những lễ tế theo mùa khác đều chọn người phụng mệnh kính cẩn tế thay).

0012. Đem việc xong lễ dâng quang sai làm quốc thư gởi tới triều đình nước Pháp. Thư viết “Hạ quốc dựa vào thượng quốc được yên ổn đã lâu, ngày 16 tháng 12 năm trước Đại hành hoàng đế của hạ quốc không khỏe, đến 8 giờ tối ngày 27 qua đời. Hôm sau Phủ Tôn nhân và đình thần tuân theo ý chỉ của Từ dữ Bác huệ Thái Thái Hoàng thái hậu, Trang ý Thái Hoàng thái hậu của hạ quốc hội đồng với Khâm mệnh Toàn quyền đại thần Rheinart (1) của thượng quốc thương nghị. Đại hành hoàng đế sinh được hai hoàng tử, con trưởng bốn tuổi, con thứ ba tuổi, đều còn quá nhỏ, sợ chưa kham nổi việc lớn quốc gia, bèn lấy quả nhân là con cố Thụy (2) Nguyên quận vương, đích trưởng tôn của Dục tông Anh hoàng đế kế thừa đại thống, nối ngôi Đại hành hoàng đế, vẫn kính tâu lên xin ý chỉ hai cung, cho ngày 29 đón vào điện Đông Các, các bề tôi cùng dâng lời khuyên lên ngôi. Quả nhân nghĩ thân khí rất trọng, không nên để trống quá lâu, không thể không cúi xuống thuận theo tình người, nên ngày 2 tháng giêng năm nay đã lên ngôi hoàng đế ở điện Thái Hòa, lấy niên hiệu là năm Thành Thái thứ 1, vẫn chuẩn cho Phủ Tôn nhân và đình thần thương nghị với Toàn quyền đại thần tâu xin với hai cung chọn hoàng thân Tuy Lý công Miên Trinh, Hoài Đức công Miên Lâm sung làm Phụ chính thân thần, cùng bề tôi cũ là Hiệp biện đại học sĩ Nguyễn Trọng Hợp, Thượng thư Trương Quang Đản sung làm Phụ chính đại thần. Phạm việc ở các bộ nha đều do các bề tôi Phụ chính xem xét tâu lên để thêm đầy đủ trọn vẹn. Những việc nói trên Phủ Tôn nhân và đình thần của hạ quốc đã thương nghị với Khâm mệnh toàn quyền đại thần báo lên cho quý Khâm mệnh Đông Dương Tổng thống Toàn quyền đại thần Richaud (3) gởi điện văn về cho quý Giám quốc điện hạ biết rõ. Nay sai Phụ chính đại thần thay lời quả nhân đặc biệt soạn thư để đạt lòng thành của người ở xa. Vả lại hạ quốc gần đây nhiều lần gặp nguy biến, đến nay quả nhân là cháu đích tôn của tiền triều nối ngôi, là nhờ sức giúp đỡ của thượng quốc để giữ ngôi thống, không phải chỉ riêng quả nhân vô cùng cảm kích mà hồn thiêng của các tiên vương thật cũng cậy nhờ. Riêng quả nhân đang tuổi thơ ấu, đức bạc tài sơ, gặp lúc này việc nước gian nan, rất là sợ sệt, cũng chỉ nhờ phúc nơi thượng quốc,

ngõ hầu trở đi việc nước ngày càng tốt hơn, may được lợi ích để cùng hưởng phúc thanh bình, là điều quả nhân rất mong mỏi vậy”.

(1) Nguyên bản viết là “Lê Na”, tức Pierre Paul Rheinart. Trước khi triều đình Huế ký Hòa ước 1883, người Pháp đã thành lập Quân đoàn viễn chinh Bắc Kỳ (Corps expéditionnaire du Tonkin) để xâm lược Bắc Kỳ, các viên Tư lệnh Quân đoàn này cũng đồng thời giữ chức Thống soái Bắc Kỳ, đến 1885 Trung tướng Philippe Marie André Roussel de Courcy giữ chức này đồng thời kiêm nhiệm cả hoạt động của người Pháp ở Trung Kỳ. Đến 1886 Paul Bert được cử qua Việt Nam giữ chức Tổng Trú sứ Trung – Bắc Kỳ (Résident général de l’Annam et du Tonkin), còn được gọi là Toàn quyền Trung Bắc lưỡng kỳ, đây là quan chức dân sự đầu tiên thay mặt chính phủ Pháp chủ trì mọi việc ngoại giao với triều đình Việt Nam. Đến 1889 chức vụ này bị bãi bỏ, tất cả các viên Thống đốc Nam Kỳ (Lieutenant Gouverneur de la Cochinchine), Khâm sứ Trung Kỳ (Résident supérieur de l’Annam), Thống sứ Bắc Kỳ (Résident supérieur du Tonkin), Khâm sứ Campuchia (Résident supérieur du Cambodge) đều trở thành cấp dưới trực tiếp của Toàn quyền Đông Dương (Gouverneur-général de l’Indochine Française). Pierre Paul Rheinart giữ chức Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ từ 8. 9. 1888 đến tháng 5. 1889 nên ở đây chép là Toàn quyền, nhưng chỉ là Toàn quyền Trung Bắc lưỡng kỳ.

(2) Nguyên bản viết chữ này đều thiếu bộ ngọc (vì kiêng húy vua Bảo Đại).

(3) Nguyên bản viết là “Mi Sô”, tức Étienne Antoine Guillaume Richaud. Nhân vật này giữ chức Toàn quyền Đông Dương từ 22. 4. 1888 đến 30. 5. 1889.

0013. Chuẩn ban tặng quý Toàn quyền đại thần Richaud làm Hộ quốc công, Khâm mệnh Toàn quyền đại thần Rheinart làm Hộ quốc quốc công. Kế lại tặng Hộ quốc công làm Phủ quốc quận vương, Hộ quốc quốc công làm Lương quốc quận vương, Quản lý phủ Toàn quyền Boulloche (1) làm Tá quốc quận công, đều tặng kim bài ngọc khánh kim khánh các hạng. Trong lễ đăng quang quý đại thần đều dự, có công giúp rập, nên tặng thưởng.

(1) Nguyên bản viết là “Bô Lô Sơ” (phía sau có khi viết là “Lô Sơ” nhưng cũng là một người), tức Léon Jules Pol Boulloche. Nhân vật này về sau thấy giữ chức Công sứ (Résident) Thanh Hóa từ 1891 đến 1893, Thống sứ Bắc Kỳ (Résident général du Tonkin) từ tháng 3. 1896 đến 1897, nhiều lần giữ chức Khâm sứ Trung Kỳ (Résident supérieur de l’Annam), lần cuối đến 1903.

0014. Bắt đầu ngự ra điện Văn Minh nghe chính sự (theo lệ trước nay sau khi làm lễ đăng quang thì ra triều nghe chính sự. Bộ Lễ tâu lên, bèn sai Khâm thiên giám chọn ngày tốt, giờ Tỵ ngày 25 tháng ấy vua mặc cát phục thiết triều ở điện Văn Minh, các bề tôi mặc thụng phục rảo bước vào lạy. Trờ đi nếu có vào chầu thì vẫn theo lệ đã có đội khăn trắng mặc áo đen chờ sau cửa khuyết). Kế chuẩn trở đi cứ năm ngày thì nghe chính sự một lần (các ngày 1, 6, 11, 15, 21, 26), bắt đầu từ ngày 1 tháng sau.

0015. Quan tài của Bảo quốc huân thần Càn Chánh điện đại học sĩ Cơ mật viện đại thần, Khâm sai Bắc Kỳ Kinh lược đại sứ Vĩnh Lại quận công Nguyễn Hữu Độ (truy phong Vĩnh quốc công) từ Hà Nội đưa về. Chuẩn cho quan viên văn vũ các bộ và phủ thần Thừa Thiên mỗi nơi một viên ra đón về phủ đệ được ban. Sai Cẩm Giang (1) công Miên Miên sung chức Khâm sai ban tế, đến hôm an táng lại vâng ý chỉ sai Thị lang bộ Lễ Tạ Thúc Dĩnh sung Khâm sai ban tế.

(1) Nguyên bản viết là “Cẩm Giang”.

0016. Quan tỉnh Quảng Trị báo tin biên giới (phủ Cam Lộ báo tin có nhiều quân binh súng ống từ châu Lào kéo về châu Mường Chấn (1) đòi trả lại đất đai, tỉnh ấy đã bàn bạc phái quân đề phòng ngăn chặn). Cơ mật viện xin cứ cho các quan tỉnh ấy tăng cường phòng bị để ngăn chặn không cho sự tình lan ra.

(1) Nguyên bản viết là “Mang Chân”.

0017. Chuẩn cho Tổng đốc Hải Yên Hoàng Cao Khải sung làm Khâm mệnh đại thần, lại đặt các chức Tán lý Vũ Quang Nhạ, Tán tương Nguyễn Hữu Vĩnh, Đào Trọng Kỳ, Bang tá Nguyễn Hữu Tấn đều theo Khâm sai chịu sai phái điều bát. Lúc bấy giờ Bắc Kỳ tạm yên, duy một hạt Bắc Ninh còn giặc cướp tụ họp cần người võ về đánh dẹp, Cao Khải từng sung chức Tiểu phủ các tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh, Hưng Yên, am hiểu tình hình nên có mệnh ấy.

0018. Tháng 2. Bắt đầu mở nhà Kinh diên. Trước là bề tôi Phủ Phụ chính vâng ý chỉ vì vua còn nhỏ tuổi, nối theo cái học đế vương, chính cần bề tôi theo hầu giảng sách, cũng nên cẩn thận chọn người, bèn tâu xin chuẩn lấy ngày 13 tháng ấy mở nhà Kinh diên, lấy điện Văn Minh làm Sở Kinh diên (kế chọn Tá Tham tri bộ Lễ Trần Văn Nhượng, Tá Thị lang bộ Hộ Lê Trinh, Tá Tham tri bộ Hình Đinh Nho Quang, Tá Thị lang bộ Lễ Tạ Thúc Dĩnh sung Kinh diên nhật giảng quan, cùng bề tôi Nội các luân phiên tiến giảng các sách *Đại học*, *Luận ngữ*).

0019. Chuẩn cho cố Gia Hưng công Hồng Hưu được truy phục nguyên tước quận vương (quận vương trước kia can việc bị nghi ngờ, trong niên hiệu Đồng Khánh từng vâng lệnh chuẩn cho khai phục tước công, nay vì ân điển nên truy phục cho), Triệu Phong quận công Miên Triệu được khai phục tước Quỳnh quốc công.

0020. Tân phong Tuy Lý công Miên Trinh là Tuy Lý quận vương. Phạm gặp đại lễ trong triều chuẩn cho cùng Hoài Đức công Miên Lâm làm lễ khấu đầu năm lượt, miễn cho không phải lạy (kể chuẩn cho cùng đại thần Nguyễn Trọng Hợp, Trương Quang Đản được đi kiệu mềm tới ngoài cửa Nhật Tinh).

0021. Quan tỉnh Thanh Hóa Nguyễn Thuật dâng tập tâu xin sung bổ người bản địa hàm Bát phẩm Cửu phẩm để người bản địa kê lịch duyệt giúp được cho nhau. Bộ Lại cho là không hợp lệ (lệ các năm Tự Đức thứ 27, 31 quy định nhân viên Bát phẩm Cửu phẩm thuộc tỉnh đều bổ người hạt khác), tâu xin đình bãi.

0022. Chuẩn cho Đông Các đại học sĩ Hoàng Tá Viêm về quê hưu trí. Tá Viêm trong niên hiệu Đồng Khánh từng xin nghỉ hưu, lúc bấy giờ tỉnh Quảng Bình còn cần người xử trí, nên vâng lệnh vua chuẩn cho ở lại kinh đô để tiện hỏi han kế sách. Đến nay vì đã già xin về quê (Quảng Bình), cho theo lời xin.

0023. Ban dụ bố cáo cho trong ngoài. Lời dụ nói “Nước ta nhờ liệt thánh khai thác xây dựng, gìn giữ cho dân, đức trạch với người vô cùng sâu nặng. Gần đây vận nước gian nan, may là nước Đại Pháp vốn rất thành tín, nhiều lần nguy khốn mà vượt qua được, quả thật do miếu xã linh thiêng làm cảm lòng trời. Nay tiểu tử ta còn nhỏ tuổi nối ngôi, còn nhờ quý Toàn quyền đại thần Rheinart cùng các thân thần đại thần Phụ chính ra sức giúp đỡ, hèn ngày bình trị. Vẫn nghĩ dân là gốc của nước, việc cần thiết trước tiên là bồi bổ nguyên khí, quan tỉnh phủ huyện các hạt đều nên giữ tròn chức phận của mình, nay các chi phí đã giảm bớt, chỉ cốt cùng dân nghỉ ngơi. Phạm những việc nha lại vòi vĩnh sách nhiễu, mượn cớ thu tiền cùng tất cả những việc làm hại cho dân đều phải hết sức trừ bỏ, khiến dân được yên ổn nơi ruộng vườn thôn xóm, ngày càng khởi sắc. Tới như những lầm lỗi trước kia cũng nhất loạt bỏ qua tất cả để cùng nhau đổi mới. Nay chuẩn cho các tỉnh Tả Hữu Trực kỳ cùng Bắc Kỳ nhiều năm gần đây vì việc hợp chúng có khi phạm vào phép nước, ai đã qua xét xử, định rõ tội danh thì giao cho cho các nha sở quan làm thành danh sách, do bộ Hình nghĩ xin giảm miễn, ai còn trốn núp nơi núi rừng, hoặc thỉnh thoảng cướp bóc làm khổ cho dân, nay đều thuộc chuyện đã qua, cho được tới quan sở tại nạp đơn quy thuận, đều chuẩn cho miễn tội. Trong đó xem xét ai lòng dạ có chỗ đáng lượng, tài năng có chỗ đáng xem có thể ghi tên bổ dùng thì do hữu ty tâu lên chờ quyết. Lại như các hạt ở Bắc Kỳ mấy năm nay loạn lạc chưa dứt, quả thật do kẻ bất sinh lỗ bước không còn chỗ mà về nên làm bừa không kiêng sợ gì, dân bị vướng vào vòng hoạn nạn, nát bét quá lắm. Nay nên biết nước Đại Pháp giúp đỡ nước ta như thế vốn không có ý gì khác. Và lại Tuyên đế kế thống thì nhà Hán trung hưng, bia dựng quan vui nhưng lòng trời còn đó. Muốn được nghỉ ngơi, nay chỉ có cách theo thời nghi, mau lệ tuân theo các lễ trong lời dụ, đều cùng khai báo, những người trước kia lỗ bước ra thú thì miễn tội, dân thường không còn bị mê hoặc. Ruộng người nhà người đủ để nuôi thân, cùng với các tỉnh từ Thanh Hóa trở vào nam nhất loạt yên ổn, lại chẳng tốt đẹp sao! Phạm trên đây là ân điển yên dân tha tội hậu với người dưới của trẫm cùng bản ý giúp đỡ của quý Toàn quyền đại thần. Ngày lời dụ gởi tới hữu ty nên siêng năng tuyên bố, cho ân trạch thấu tới người dưới, dân ta sớm yên, để cùng hưởng phúc thăng bình, là điều trẫm rất mong mỗi vậy”.

0024. Bắt đầu đặt trường Canh nông ở Hà Nội (tuyển ba mươi người từ 18 đến 20 tuổi vào học, do quý quan dạy bảo).

0025. Chế cấp ấn kiếm và đặt thuộc viên các ty cho Phủ Phụ chính (Viên ngoại, Chủ sự, Tư vụ mỗi ty 1 người, Bát phẩm Cửu phẩm mỗi ty 2 người, thư lại 10 người, lương bổng chiếu lệ Cơ mật viện mà chi cấp. Bát phẩm Cửu phẩm sung Thừa phái cũng chuẩn cho cấp bài ngà).

0026. Bãi bỏ chức Bang tá phủ Thừa Thiên (Bang tá Phạm Phú Lâm đổi sung làm Viên ngoại ở Phủ Phụ chính, nhân đó bãi luôn).

0027. Nguyên Tuyên phủ sứ Thanh Hóa Trần Lục (là linh mục ở Phát Diệm Ninh Bình) xin nạp lại nguyên hàm Tuyên phủ sứ (ấn quan phòng và kiểm đều do tỉnh Ninh Bình nạp lại), bề tôi Cơ mật viện vì lời lẽ thành thật khẩn thiết nên tâu xin chuẩn y.

0028. Ban sắc sai chế tạo kim bội. Lệ trước đây đã chế tạo ngọc khánh ngọc bội và kim bài kim khánh kim tiền các hạng, duy kim bội chưa từng chế tạo. Bèn chuẩn cho phỏng theo thể thức ngọc bội chế tạo thêm kim bội, chia làm ba hạng nhất hai ba để dùng vào việc tặng thưởng.

0029. Tổng đốc Nghệ An Nguyễn Chánh dâng sớ nói tình ấy năm trước bọn côn đồ sinh sự, lâm thời làm bậy, nhiều người bị bức bách, nhưng việc xong đều yên phận thủ thường. Duy những kẻ tìm thù báo oán thỉnh thoảng bắt được giấy tờ thư từ của giặc còn giữ, hoặc rách nát, hoặc nguyên vẹn nhưng lễ tế rời rạc không có thứ tự, xét ra hoặc là giấy tờ quyên góp tiền gạo, hoặc là bằng cấp của giặc. Lúc bấy giờ quanh thành đều là giặc, loại giấy tờ ấy làm sao kê xiết, nếu cứ nhất nhất truy cứu thì việc đã nguội lạnh, khó có bằng chứng xác thực. Xin trở đi nếu có bắt được bằng cấp của giặc, ai rõ ràng có nhận chức tước của giặc, quen thói hung hãn sẽ tra xét bắt riêng. Còn lại thì từ tháng 11 năm trước trở về trước nhất thiết đều không hỏi tới cho dân yên ổn. Bề tôi Cơ mật viện thương nghị với quý Toàn quyền đại thần Rheinart cho rằng lời tâu ấy là cốt để yên lòng dân, bèn kèm vào phiến tâu dâng lên xin chuẩn cho như lời tâu.

0030. Đào sông Vĩnh Định ở tỉnh Quảng Trị. Lấy Tham biện Cơ mật viện Nguyễn Tăng Ý làm Đồng lý. Sông ấy có lợi cho nhà nông, lại rất tiện cho khách thương. Ý là người bản địa nên đặc biệt có lệnh cho coi việc ấy (tháng 6 năm ấy hoàn thành).

0031. Đại Pháp phái quan chia khám vùng núi phía nam, quý Tòa thương nghị do Cơ mật viện tâu lên chuẩn y thông tri cho các tỉnh giúp đỡ.

0032. Bắt đầu đánh thuế thuyền ở Bắc Kỳ và cho người Tây lãnh trung đất đai. Lúc bấy giờ Thống sứ Parreau (1) bàn nghị trưng thu thuế thuyền các loại (thuyền đi sông hạng nhất thuế 15 đồng, hạng hai 5 đồng, hạng ba 3 đồng. Thuyền đi biển hạng nhất bề ngang rộng 1 thước Tây trở xuống chịu thuế 6 đồng 5 hào (2), hạng hai 5 đồng, hạng ba hạng tư đều 4 đồng).

(1) Nguyên bản viết là “Ba Tô”, tức Eusèbe Irénée Parreau. Nhân vật này giữ chức Thống sứ Bắc Kỳ từ 29. 4. 1888 đến 10. 5. 1889

(2) Nguyên bản viết là “mao”, tức một lỗi viết tục tữ của chữ “hào”. Theo *Quốc tế điều lệ* của nhà Thanh thì thời Thanh ở Trung Hoa có ba loại tiền bằng bạc, đồng và kẽm, đều lấy bạc làm chuẩn, đôi ngang được 6 tiền 4 phân 8 ly bạc ròng gọi là một “viên” (tức “nguyên”), trong đó “ngân viên” (tiền bằng bạc) có bốn hạng: một viên, nửa viên, hai giác và một giác, cứ một “ngân viên” ăn mười “ngân giác”. Hạng một giác còn gọi là “tiểu ngân viên”, tục gọi là “hào tử”. Đồng ngân viên này du nhập qua Việt Nam từ cuối thế kỷ XVIII cùng với các tên gọi nói trên, nhưng ở phía Nam tiếp xúc trực tiếp qua khẩu ngữ của người Hoa nhiều hơn nên đọc “giác” theo âm Hoa Hán giọng Quảng Đông là “cắc”, ở phía Bắc có lẽ tiếp xúc qua văn bản viết tay nhiều hơn nên đọc là “hào” và viết với chữ “mao”, đều có ý nghĩa là một phần mười của một đồng (bạc). Hệ thống đồng bạc Đông Dương của Pháp ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX trở đi đã được định danh theo hệ thống tên gọi này.

0033. Lại cho người Tây Đa Câu Ê (1) lãnh trung khu đất ở Đông Hồ tất cả 1.950 mẫu Tây. Trước đó Quyền Kinh lược sứ Trần Lưu Huệ đã đóng ấn ký tên trong lời bàn, kể trình lên Cơ mật viện. Viện thần bèn kèm vào phiến tấu tâu lên, chuẩn cho thi hành.

(1) Nguyên bản viết là “Đa Câu Ê”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0034. Chuẩn đổi huyện Sầm Tứ (1) lệ vào tỉnh Thanh Hóa. Huyện ấy vốn thuộc tỉnh Nghệ An, người Tiêm mưu chiếm. Quan tư (2) đóng ở phủ Quảng Hóa tuần tra thám vùng thượng du gặp quân Tiêm tới ra mắt. Quan tư vì Sầm Tứ thuộc về địa giới nước Nam, người Tiêm không được cư trú ở đây, lập tức hiệu sức bảo đi. Vẫn đổi cho lệ về tỉnh Thanh Hóa (đường đi từ huyện ấy tới Nghệ An phải mất 15 ngày, còn tới Thanh Hóa chỉ mất 8 ngày). Toàn quyền Rheinart chuẩn y lời ấy, bàn do bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành.

(1) Nguyên bản viết là “Sầm Tứ”.

(2) Nguyên bản chép là “Tứ khuyên quan” (quan bốn khoanh), tức sĩ quan quân Pháp, quân hàm có 4 vạch. Trở đi chúng tôi nhất loạt dịch “Nhị khuyên quan”, “Tam khuyên quan”... là quan hai, quan ba...

0035. Nhân lễ dâng quang, ban ân miễn thuế nhân đình ruộng đất cho các hạt nhiều ít khác nhau (trong đó trừ vùng từ Ninh Bình trở ra bắc còn cần nhiều chi phí đánh dẹp sẽ tùy việc mà ban ơn khác).

0036. Quý Đô thống Hà Nội My Nanh (1) tới kinh vào yết kiến, chuẩn tặng một tấm ngọc khánh, lại tặng quý Quản lý phủ Toàn quyền Chavassieux (2) một tấm kim khánh hạng nhất.

(1) Nguyên bản viết là “My Nanh”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) Nguyên bản viết là “Sa Hoa Sơ” (phía sau có chỗ viết là “Sa Ba Sơ” nhưng cũng là một người) tức Léon Jean Laurent Chavassieux. Nhân vật này vào năm 1889 thấy giữ chức Khâm sứ Trung Kỳ, về sau giữ chức Thống sứ Bắc Kỳ từ 27. 10. 1891 đến 20. 7. 1893 rồi Quyền Toàn quyền Đông Dương từ tháng 3 đến tháng 10. 1894.

0037. Ngày 22 tháng ấy kính gặp ngày Vạn thọ khánh tiết, thiết triều ở điện Thái Hòa nhận chúc mừng. Tôn nhân đình thần văn vũ kính cẩn dâng biểu mừng, quý sứ cùng quý quan văn vũ cũng vào. Làm lễ mừng xong, các việc đãi yến đều theo lệ trước châm chúc mà làm, từ đó về sau lấy làm phép thường.

0038. Chế tạo thêm tự khí trong đền thờ Thụy Nguyên quận vương, lại sửa sang phần mộ (đều chiếu theo chế độ đối với quận vương mà làm).

0039. Tháng 3. Bá cáo ngày đại lễ ninh lăng cho trong ngoài. Lời dụ nói “Đế vương ngày trước, đạo không gì lớn bằng kính hiếu, lễ không gì lớn bằng tống chung, vì đó là dịp hội họp người thân mà làm rõ điển lớn. Ngày 27 tháng chạp năm trước Đại hành hoàng đế ta lên làm khách trời, vin gào chẳng kịp (1), thương cảm khôn cùng, nhớ lại điều chí đức thật khó mà gọi tên, bèn sai kê cứu điển cổ dâng tôn Thụy, tỏ điều sáng nêu danh cao để làm rõ sự kính cẩn thành tâm của riêng ta, an ủi lòng mong mỏi tôn thân của thần thú. Còn như thu xếp việc lớn thì tuy hợp tài lực của cả thiên hạ cũng chưa dám cho là trọn vẹn. Chỉ là ta hết lòng kính hiếu, noi chí người trước, sai Thái sử chọn đất tốt ở núi Cửu An bên phải Khiêm lăng xây dựng lăng tẩm, kính cẩn dâng tên hiệu là Tư lăng. Về huyền cung (1) thì hữu ty khảo cứu rõ ràng lo việc lăng tẩm, phía trước bên trái sơn lăng dựng điện Truy Tư. Điện này theo quy chế đế vương, kính tuân lời bàn năm Tự Đức thứ 29 mà làm sơn lăng tẩm điện hiện nay. Huống hồ trước

kia đã vâng lời phê kính cần bày ảnh ngự trong điện ấy, ngày sau thay bày bài vị bằng vàng, đã dự định lấy đó làm nơi thờ cúng. Vậy nên lấy điện ấy làm chánh điện, kính cần dâng thêm tên hiệu là điện Ngưng Hy, kính thờ thần vị ở đó. Nay mọi việc đã xong, kính chọn ngày tốt tế cáo Giao miếu xã tắc, ngày 11 tháng 3 mùa xuân năm nay bố cáo, ngày 19 ninh lăng, tuần tự làm lễ cử ngu. Qua ngày 2 tháng 4 sẽ làm lễ tốt khóc, ngày 4 làm lễ tiểu tường, ngày 18 làm lễ đại tường, ngày 25 làm lễ tế đàm xả tang phục. Khép nép run sợ, thương xót khôn nguôi. Nghĩ thân dân các người ngưỡng mộ đã lâu, cùng lòng yêu kính, đến nay đã sắp tới việc lớn sơn lăng, lòng thành đau thương ngưỡng mộ ngàn vạn người cũng đều như một, nên đặc biệt bố cáo cho mọi người cùng biết, những điều cấm giới thì giao cho bộ kính giới để tuân hành”.

(1) *Huyền cung*: tức mộ huyết chỗ chôn quan tài của vua chúa hậu phi.

0040. Ngày Giáp tý (ngày 19) kính cần cử hành đại lễ ninh lăng. Trước là lúc Đại hành hoàng đế cười rồng lên trời, quần thần vâng ý chỉ của Nghi thiên Chương hoàng hậu, Lệ thiên Anh hoàng hậu nói chiếu theo nghi lễ đại tang năm Tự Đức thứ 36 châm chước mà làm, kính cần tuân theo, các bề tôi Tổng hộ Đồng lý kính cần phụng hành, đến lúc ấy sai Khâm thiên giám chọn ngày tốt, trước đó đã tế cáo với Thái miếu, đến giờ Nhâm thân kính cần cử hành đại lễ ninh lăng (tôn lăng ở xã Dương Xuân Thượng huyện Hương Thủy, chỗ xứ Cửu An bên phải khu Khiêm lăng, tọa Dậu hướng Mão kiêm Tân Ất). Mây mù Đỉnh Hồ, vin gào chẳng kịp, Tắt lặng tám âm Nghiêu tới biển, Khóc than muôn dặm Tổng vang non (1), nhớ thương kính mộ cũng một lòng ấy. Dâng tên lăng là Tư lăng.

(1) *Tắt lặng tám âm Nghiêu tới biển, Khóc than muôn dặm Tổng vang non*: nguyên văn là “Át mật bát âm Nghiêu bạc hải, Ai hào vạn lý Tổng thâm sơn”. Câu trước lấy ý trong *Kinh Thư, Ngu thư, Thuấn điển* “Tam tài, tứ hải át mật bát âm” (Trong ba năm bốn biển tắt lặng tiếng âm nhạc), ý nói nhân dân đau thương vì vua Nghiêu chết không muốn ca hát, câu sau lấy chữ trong bài *Tế Nhạc văn* “Ai hào vạn lý tận tương văn” (Muôn dặm đều nghe tiếng khóc than) tế Nhạc Phi thời Tống.

0041. Rạng sáng ngày Ất sửu (ngày 20) kính đặt thân chủ ở điện Ngưng Hy.

0042. Chuẩn cho Tổng đốc lãnh Tuần phủ Hà Tĩnh Vũ Khoa thôi giữ chức Đồng lý lễ tang, trở về lý sở ở Hà Tĩnh, vì dân trong hạt đều muốn lưu Khoa lại, nên có mệnh ấy.

0043. Thường Khâm sai đại thần quân thứ Bắc Kỳ Hoàng Cao Khải hàm Thái tử Thiếu bảo và mười người ở đạo Khâm sai từ Vũ Quang Nhạ, Đào Trọng Kỳ trở xuống đều được thăng thưởng có thứ bậc khác nhau (Thống sứ Parreau vốn xin thưởng Cao Khải hàm Thái tử Phủ Phụ chính, nhưng xin châm chước thưởng hàm Thái tử Thiếu bảo để hợp thể chế).

0044. Sai biên tập điều lệ cho Lục bộ chư nha. Phủ Phụ chính tâu nói bản triều đặt định chế độ, lập ra pháp luật đã rõ ràng lại đầy đủ, điều lệ cho các bộ nha đã vâng lệnh biên tập thành sách *Hội điển*, sau đó có khi nhân thời thế mà châm chước bổ sung thay đổi, hoặc trước đã thi hành sau xin đình chỉ. Gần đây vì có việc, văn thư phần nhiều mất mát, gặp lúc cần rất khó kê cứu, xin ban sắc sai các bộ nha đều sức cho ty thuộc tra cứu biên soạn điều lệ (ngoài *Hội điển* đã biên tập), do đường quan xem xét sửa chữa cho đúng. Trong đó nếu có khoản nào cần châm chước thêm bớt thì hết lòng suy nghĩ cặn kẽ trình lên đình thần duyệt lại sẽ chuẩn sao ra cho thi hành (sau đó đã qua nhiều lần triển hạn vẫn chưa làm xong, bèn chuẩn cho Tham tri bộ Công Phạm Xứng sung Đồng lý chuyên lo việc ấy. Đến tháng 3 năm thứ 7 hoàn thành bản thảo, do bộ Lễ thông tư cho Lục bộ chư nha đều sai thuộc hạ tới sao một bản điều lệ của bộ mình nha mình trình lên Phủ Phụ chính duyệt xong mang về giữ gìn. Bản chính thì do Nội các giữ).

0045. Khởi phục Bó chánh về hưu Trần Nhượng (65 tuổi), so hàm bỏ Thị lang lãnh Tả Tham tri bộ Lễ. Nhượng là cựu thần, Phủ Phụ chính thương nghị với quý Quản lý Baulloche khởi dụng, nên lại phục chức.

0046. Bề tôi Phủ Phụ chính tâu nói tâu chương của Lục bộ chư nha đều do bề tôi ở phủ kiểm duyệt, e có chỗ khó trọn vẹn, xin trước tiên cho bề tôi Nội các cùng duyệt những điều nên giữ nên sửa nên bác, sau đó trình rõ cho Phủ Phụ chính duyệt, rồi cùng làm phiên tấu dâng riêng. Nếu có việc quan trọng cần dâng lên ngay cũng theo đó mà làm. Nếu trong phiên tấu tập tâu có khoản nào chưa trọn vẹn hay trái với điển lệ cần phân xử xin tuân chiếu lệ mà làm, sau khi được chỉ dụ thì cho bề tôi Khoa đạo trực ban kính duyệt, khoản nào chưa tiện đều nên theo lệ tâu lên, mới chuẩn sao ra cho thi hành.

0047. Chuẩn định lệ cấp phát bổng lộc cho các quận vương, thân công, quốc công, quận công, công chúa và tôn thất (bổng lộc của quận vương theo lệ năm Minh Mạng thứ 21, những người còn lại theo lệ năm Tự Đức thứ 14 và 17), bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm nay.

0048. Bắt đầu thân định quyền hành của Nha Kinh lược Bắc Kỳ (Một khoản: Nha Kinh lược thống thuộc các tỉnh hạt ở Bắc Kỳ, phạm các việc về ngoại giao cai trị thuế ngạch hình án lễ nhạc và công văn đi lại với các nước ở kinh đô đều đưa tới cho Nha Kinh lược duyệt rồi thi hành, nhưng phải nhớ chức chương Kinh lược ngoài thì coi sự vụ các tỉnh, trong là theo mệnh lệnh triều đình, phạm mọi việc quyết định thể nào đều phải tâu lên chuyên đệ cho triều đình biết rõ. Một khoản: việc sắp xếp quan lại thì cấp phủ huyện trở xuống do Nha Kinh lược chọn lựa xem xét, bàn bạc với quý Thống sứ, hoặc chuyên hoặc bổ đều tư riêng cho bộ Lại chiếu theo thi hành. Từ Tổng đốc

tới Tham tá Thương tá có khuyết thì Nha Kinh lược xem xét bỏ hai ba viên, bàn bạc với quý Thống sứ gửi điện văn tư cho bộ Lại chiếu theo thi hành. Bộ Lại sẽ tư trình cho Phủ Phụ chính bàn bạc với quý Toàn quyền đại thần cùng tâu xin chỉ, vẫn gửi điện văn trước cho Nha Kinh lược biết để tuân hành. Nếu có viên nào cần chuyển cần thay cũng theo đó mà làm, nhưng không câu nệ việc người vùng nào bổ nhiệm ở vùng ấy. Một khoản: việc khản trưng ruộng đất từ 10 mẫu trở xuống khám xong thấy đúng thì chuẩn cho Nha Kinh lược cho phép khản trưng, trên 10 mẫu phải tư cho bộ xem xét. Một khoản: danh sách ngạch binh các sở phải tư cho bộ, khi giới lương hưởng còn ở các tỉnh thì 6 tháng tư một lần. Nếu gặp chuyện quan trọng khản cấp, quan quân lương hưởng có thiếu thì bàn bạc với Thống sứ trừ tính mà làm, tư về cho bộ tri chiếu. Một khoản: việc xây dựng sực cho các tỉnh căn cứ những cầu đường sông đê trong hạt nơi nào cần tu sửa thì thương nghị với quý Thống sứ giúp đỡ mà làm, mỗi cuối quý báo rõ từng mục với bộ. Một khoản: thuê khóa mỗi cuối năm phải sao sổ thuê của các xã đóng thành tập tư về bộ Hộ một lần, hạt nào xin giảm thuê từ 1.000 đồng trở xuống thì để quý Thống sứ xét cho, từ 1.000 đồng trở lên thì tư cho bộ để xem xét thi hành. Lại chi phí lương bổng xây dựng mỗi tháng phải đóng thành tập tư về bộ phúc duyệt. Một khoản: tiền lãnh trưng thuế chợ thuế bến đò bàn bạc thế nào phải tư cho bộ tri chiếu. Một khoản: án kiện thì tuân theo luật lệ bản quốc mà xét xử. Một khoản: điển lễ thì tuân theo thể lệ bản quốc mà cử hành).

0049. Dụ sai chú ý những việc nên làm ở Sơn Tây Bắc Ninh (lúc bấy giờ các hạt ở Bắc Kỳ đã tạm yên, duy ở vùng thượng du hai tỉnh Bắc Ninh, Sơn Tây dư đảng của giặc thông đồng với bọn phi người Khách vẫn lén lút kéo ra quấy nhiễu cướp bóc, nhiều lần làm hại dân. Bề tôi Phủ Phụ chính cùng Toàn quyền đại thần thương nghị trừ tính các lễ tâu lên, bèn ban dụ sai quan tỉnh tuân theo đức ý hội đồng với Trú sứ để tính toán những việc nên làm như đề phòng bọn phi nhiều cách, xử trí sủng ông khi giới bắt được, sai ra đầu thú, nghiêm cấm che giấu, ước thúc bọn đầu đảng và thậm trọng trong việc chọn quan phủ huyện, định rõ thưởng phạt, phạm những điều có liên quan tới kế sách rất ráo để bắt cướp yên dân đều phải thi hành).

0050. Toàn quyền đại thần Rheinart về nước, sai các thân thần đại thần Phụ chính tiễn tới cửa biển Thuận An.

0051. Mở khoa thi Hội (khoa này chuẩn lấy những người trúng cách hạng chính hạng thứ trong khoa Ất Dậu, trừ số có lý do còn được 8 người cùng 15 người mới trúng cách đều vào thi Điện. Tháng 5 thi Điện, sai Văn Minh điện đại học sĩ Nguyễn Trọng Hợp, Hiệp tá đại học sĩ (1) Đoàn Văn Bình sung Độc quyền, thi xong lấy Hoàng Bính, Nguyễn Việt Bình làm Nhị giáp Tiên sĩ, bọn Nguyễn Ngọc Liên 11 người làm Đồng Tiên sĩ và 10 người Phó bảng).

(1) Nguyên bản điều này và các điều 0091, 1593, 2038 chép là “Hiệp tá đại học sĩ”, cũng là “Hiệp biện đại học sĩ”.

0052. Chuẩn cho Phụ chính đại thần Nguyễn Trọng Hợp sung làm Tổng tài Quốc sử quán kiêm quản Khâm thiên giám. Lệ trước nay Quốc sử quán và Khâm thiên giám đều lấy đại thần đầu ban sung chức, Trọng Hợp là người lớn tuổi có danh vọng đương triều nên có lệnh ấy. Kế vì Quốc sử quán vốn đặt hai Tổng tài, hiện đang vắng lệnh biên soạn bộ *Thực lục Đế từ ký* chưa xong, lại chuẩn cho Phụ chính đại thần Trương Quang Đản kiêm sung.

0053. Bãi bỏ chức Tuần phủ Thanh Hóa. Thanh Hóa theo lệ vốn không đặt chức Tuần phủ, trước đây vì nhiều việc, Tổng đốc là vũ quan nên đặt đề thêm người bàn bạc làm việc. Sau đó việc bớt đi, bề tôi Phủ Phụ chính vì thế xin bãi bỏ. Bèn chuẩn điều nguyên Tuần phủ là Lê Thụy làm Tá Thị lang bộ Công.

0054. Sai xét giảm bớt Thương biện Bang biện ở các tỉnh và phủ huyện (vì công việc đã ít đi).

0055. Mùa hạ, tháng 4. Chuẩn cho Hồng lô tự khanh nguyên lãnh Tuần phủ Nghệ An Lương Quy Chính (người tỉnh Hưng Yên) về kinh chờ chỉ thăng thụ Tá Thị lang lãnh Hữu Tham tri bộ Lại kiêm quản ấn triện Đô sát viện, Lê Trinh thôi kiêm quản. Chính là cựu thân, Phủ Phụ chính dâng sớ xin dùng lại, nên có mệnh ấy.

0056. Ban cho Tuy Lý quận vương Miên Trinh 1.000 đồng để xây phủ đệ (kể lại chuẩn cấp cho Quỳnh quốc công Miên Triệu 3.000 quan tiền).

0057. Sai các tỉnh Nam Bắc chế tạo đồ vật ở địa phương gửi qua nước Đại Pháp dự hội Đấu xảo.

0058. Sai sứ thông hiếu với Đại Pháp. Lấy Quỳnh quốc công Miên Triệu sung Chánh sứ, gia Thượng thư bộ Lễ Vũ Văn Báo làm Phó sứ, Thị lang bộ Lễ Nguyễn Trùng làm Bồi sứ cùng Tham tá Nguyễn Thoại, Thông dịch Nguyễn Hữu Mẫn và tùy hành là bọn Hồng Dánh, Đoàn Phương mười người đem theo quốc thư (đại lược nói “Hạ quốc làm phiên thượng quốc giúp đỡ, đến nay hòa hiếu đã tăng, tình thân cũng ngày càng thắm thiết mà lâu lắm chưa có một lần cử sứ giả thông hiếu, tự hỏi lòng quả thật thấy áy náy. Nay đúng dịp mở hội Đấu xảo, đã đem việc cử sứ giả báo với quý Toàn quyền đại thần Rheinart gửi điện văn trình đề thượng quốc ra ơn cho phép. Vì thế đặc biệt sai Quỳnh quốc công Miên Triệu, gia Thượng thư bộ Lễ Vũ Văn Báo làm Phó sứ, Tham tá Cơ mật viện gia Thị lang bộ Lễ Nguyễn Trùng mang quốc thư và lễ vật các hạng dâng lên. Kính chúc quý Giám quốc điện hạ khang cường vạn phúc, thọ khảo hên ngày, quý triều đình hiền tài giữ chức, yên ổn lâu dài, cùng nhau hưởng phúc thái bình”). Vì thông hiếu với triều đình nước Pháp và dự hội Đấu xảo nên trước đó chuẩn cho Cơ mật viện nghĩ trước các điều hỏi đáp (một khoản về việc hai nước hòa hiếu, một khoản về đại lễ đăng quang, một khoản về việc chi tiêu trong nước và thu nhập tiền thuế trong năm, một khoản về việc đặt Công sứ ở các tỉnh từ Thanh Hóa trở vào nam, một khoản về việc giao trả kinh thành, một khoản về việc trở đi nước Pháp phái quan binh đóng ở kinh thành và các tỉnh thì có chuyện gì không công bằng không, một khoản về binh khí của bản quốc, một khoản về việc hai Cam

(1) và Trần Ninh, quân Tiêm và quân Lào (2) ở Cam Lộ xâm phạm biên giới, một khoản về việc Lê Thuyết (3) hiện ẩn núp nơi nào, đồng đảng hiện còn bao nhiêu, một khoản về việc Dupuis (4) lãnh trung thuế rừng ở Thanh Nghệ, một khoản về tình hình đánh dẹp ở Bắc Kỳ, một khoản về tình hình lương giáo (5) hiện nay, một khoản về những việc sứ bộ nên làm khi yết kiến), giao cho sứ bộ theo đó mà làm. Sứ bộ đáp thuyền do quý quốc đài thọ, tới thành Paris (6) thì chi phí hàng ngày ước lượng 15.000 quan tiền Tây, vẫn tính trước trích 1.000 đồng tiền trong kho giao cho sứ bộ mang theo chi dùng. Còn việc thưởng cấp thế nào thì chiếu lệ năm Tự Đức thứ 30 mà châm chước thi hành. Ngày 2 tháng 6 năm ấy tới thành Paris yết kiến quý Giám quốc, chuyên lời thăm hỏi, lại tặng một tấm Long bội tinh hạng lớn. Tháng 8 sứ bộ trở về, đều được ban thưởng có thứ bậc khác nhau.

(1) *Hai Cam*: tức hai phủ Cam Lộ, Cam Môn thuộc tỉnh Nghệ An.

(2) Nguyên bản viết chữ này với nhiều mã chữ “Lao” khác nhau không phân biệt, trong trường hợp là quốc danh (Ai Lao) thì chúng tôi nhất loạt phiên là Lao, trong trường hợp là tộc danh (Lao) thì chúng tôi nhất loạt phiên là Lào.

(2) *Lê Thuyết*: tức Tôn Thất Thuyết, bị triều đình Đồng Khánh xử vắng mặt tước bỏ tôn tịch, đổi theo họ mẹ.

(3) Nguyên bản viết là “Đồ Phô Nghĩa” (phía sau có chỗ viết là “Đồ Phôi” nhưng cũng là một người), tức Jean Dupuis, một thương nhân người Pháp đã tích cực giúp đỡ hoạt động xâm lược của thực dân Pháp ở miền Bắc Việt Nam cuối thế kỷ XIX.

(4) Nguyên bản viết là “bình giáo”.

(5) Nguyên bản viết là “Pha Lê”.

0059. Quyền Kinh lược sứ Bắc Kỳ Trần Lưu Huệ báo tin biên giới (Phùng Đề đốc* nước Thanh ngầm tụ họp bọn phi và thống lĩnh 2.000 quân khỏe chia nhau đóng trại. Lại đầu mục bọn phi là bọn Chung Phương Thành, Trần Khai Ký tụ tập nhiều quân sĩ ngầm vào hạt Quảng Yên cướp bóc. Phùng Đề đốc cũng mộ thêm quân khỏe, từ tháng 5 xây dựng Liên Thành ở vùng giáp giới biên ải Khâm Châu).

0060. Chuẩn định lệ quan chức và quân binh coi giữ sơn lăng (từ Thiên Thọ lăng tới Xương lăng (1) đặt một Thủ hộ sứ, hai Thủ hộ phó sứ, một Quản thủ hộ và quân binh. Bôi lăng, Tư lăng (2) đặt một Thủ hộ sứ, một Thủ hộ phó sứ, hai Quản thủ hộ, cũng đặt quân binh. Thuộc viên ty Điện nghi theo ban phụng trực, lấy đó sung chức, lại lấy 383 quân sĩ hiện có lập thành hai vệ Thủ hộ nhất nhị – nguyên vệ Thủ hộ làm vệ Thủ hộ nhất, nguyên vệ Kiền thị làm vệ Thủ hộ nhị. Các quân suất thuộc viên vẫn giữ như cũ, nhưng các chức Kiền thị Cung hộ vốn đặt đều bỏ hết).

(1) *Từ Thiên Thọ lăng tới Xương lăng*: chỉ Thiên Thọ lăng, Hiếu lăng, Xương lăng chôn cất ba vua Gia Long. Minh Mạng, Thiệu Trị.

(2) *Bôi lăng, Tư lăng*: lăng hai vua Kiến Phúc, Đồng Khánh.

0061. Bãi bỏ Nha Sơn phòng Thanh Hóa, đặt lại huyện Thạch Thành. Tổng đốc Nguyễn Thuật dâng tập tâu xin bãi bỏ Nha Sơn phòng, bèn tâu Cơ mật viện cho rằng Sơn phòng đã bãi thì hai huyện Thạch Thành, Quảng Tế (năm Minh Mạng thứ 16 do phủ Quảng Hóa kiêm lý) địa thế rộng lớn, nên đặt lại huyện để trị lý, tâu lên chuẩn cho thi hành.

0062. Chuẩn cho Tổng đốc Bắc Ninh Nguyễn Tư Giản lấy hàm Tổng đốc về hưu trí.

0063. Tạm đình lệ tâu báo tình hình động tĩnh theo quý ở các địa phương (lời nghị chuẩn năm Tự Đức thứ 15 có một khoản quy định phạm qua năm các địa phương trong hạt có yên ổn không, hải phận có giặc cướp không, cứ cuối mỗi ba tháng phải tâu về cho bộ Lại đầy đủ. Lại một khoản quy định trong một quý phủ huyện nào có phát sinh án cướp từ 6 nơi trở lên hoặc chưa tới 6 nơi nhưng có tới 30 người trở lên thì cũng theo lệ báo lên. Những nơi không thuộc lệ ấy thì do quan làm tờ tư ghi rõ mỗi quý có bao nhiêu vụ cướp ở đâu, bao nhiêu người, đã bắt được tội phạm hay chưa, báo rõ lên bộ). Lúc bấy giờ các hạt chưa được nhất loạt yên ổn, tâu báo vô cùng phiền phức nên tạm đình. Duy hạt nào phát sinh án cướp từ 6 nơi trở lên hoặc chưa tới 6 nơi nhưng có tới 30 người trở lên thì vẫn theo lệ báo lên.

0064. Tháng 5. Lễ Thiên thu khánh tiết (ngày 9). Vua đích thân suất lĩnh các quan kính tới cung Trường Ninh làm lễ chúc mừng, trở đi lấy đó làm lệ thường.

0065. Bề tâu Phủ Phụ chính tâu nói lúc Toàn quyền đại thần Rheinart về nước có bàn bạc nói xin vua lúc rảnh rỗi việc sớ tấu nên đi dạo ngoài sân và ngự viên mỗi ngày một hai lần để hóng mát và vận động, hoặc lúc trời nóng tới hồ Tịnh Tâm ngắm cảnh, phải nên cẩn thận người theo hầu để di dưỡng tính nết tự nhiên, nên theo lời ấy, trong lúc thung dung hàm dưỡng cũng nên giữ ý cẩn thận,

0066. Truy phục tước hàm cho cố huân thần Phan Đình Bình, chuẩn khôi phục tước hàm và ruộng thờ đã tặng phong.

0067. Người Tiêm quấy rối vùng thượng du ba tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị. Sai quan tỉnh đề phòng nghiêm ngặt không để lan ra.

0068. Tổng thống Toàn quyền đại thần mới là Piquet (1) tới kinh yết kiến, cùng Phủ Phụ chính và Cơ mật viện thượng nghị các khoản, theo thứ tự chuẩn cho thi hành (một khoản về việc nước Xiêm quấy nhiễu biên giới, xin chiếu theo hiệp ước để thu xếp. Một khoản về tình hình lương giáo, xin gia tâm hiệu dụ cho được yên ổn. Một khoản là dân Trung Kỳ rất khổ, phàm có việc nên tiếc tài lực của dân. Một khoản về đất nhượng địa ở kinh thành, việc xây dựng ở nhượng địa phải do thượng quốc chi tiền làm, quý quan Đốc công lại nói bản quốc phải làm, rất là phiền phức, xin thôi đi. Lại Cơ mật viện bàn việc xử trị công việc ở Bắc Kỳ, xin dùng người phải được kẻ xứng đáng, làm việc cốt hợp với lòng người).

(1) Nguyên bản viết là “Bích Khê”, tức Jules Georges Piquet. Nhân vật này giữ chức Toàn quyền Đông Dương từ 31. 5. 1889 đến tháng 4. 1891.

0069. Nguyên Tổng thống Đông Dương Toàn quyền đại thần Richaud chết, sai Cơ mật viện làm thư viếng.

0070*.** Ngày 15 tháng ấy tấn tôn thêm cho Nghi thiên Chương hoàng hậu là Từ dũ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu. Trước đó tế cáo với miếu điện, tuyên dụ bố cáo cho trong ngoài. Lời dụ nói “Có đức lớn ắt được thọ ấy, ắt được danh ấy. Phàm danh lớn trong thiên hạ không có đức thịnh phúc đủ thì ai được dự vào đó. Thánh tổ Nhân hoàng đế ta bắt đầu nối ngôi thống, phụng tôn quốc mẫu làm Hoàng thái hậu 18 năm, gặp lễ thất tuần đại khánh tiết của Hoàng thái hậu lại tôn thêm tên hiệu là Nhân tuyên Từ khánh Hoàng thái hậu. Đến khi Hiến tổ Chương hoàng đế ta lên ngôi, tôn thêm là Nhân tuyên Từ khánh Thái Hoàng thái hậu, đến năm thứ 5 lại tôn thêm tên hiệu là Nhân tuyên Từ khánh Phúc thọ Thái Hoàng thái hậu, là để nêu cao đức thánh, tuyên bố danh thơm rộng ra bốn bể, truyền đến muôn đời, diên lễ rất to lớn vậy. Kính nghĩ Từ dũ Bác huệ Thái Hoàng thái hậu bệ hạ: như họ Đồ Sơn xương thịnh nhà Hạ (1), như mẹ Văn vương kéo dài nhà Chu (2), trước giúp Hiến tổ Chương hoàng đế ta trị bình bảy năm, kế giúp Dục tông Anh hoàng đế ta luân lao ba mươi sáu năm, lời tư trai trong Kinh Thi (3), đức thường trinh nơi Kinh Dịch (4), thật rất tốt đẹp. Từ đó đến nay ân trạch ban ra, xã tắc nhờ đó được yên, trăm nói theo mưu lớn thường nhớ đạo hiếu. Nhưng đạo hiếu không gì lớn bằng tôn thân nêu hiệu, mà tôn hiệu cao ngợi chưa trọn, trong lòng muôn lần không yên. Huống hồ trăm nói ngôi chưa lâu, năm nay kính gặp lễ thánh thọ bát tuần đại khánh tiết, đồng tôn hợp kính, đầu dằm thiếu sót. Trước đã đích thân suất lãnh Tôn nhân Phụ chính đình thần cùng tâu xin dâng thêm tôn hiệu, kính vâng ý chỉ thành thật nói chỉ mong vua sáng tôi hiền, quốc thái dân an, còn như nêu điều tốt tôn hiệu to thì khiêm nhường không nhận, qua mấy lần tới sân cầu khẩn mới được ban dụ ưng thuận. Trong niên hiệu Hàm Nghi kinh thành có việc, từ giá về cung, giá chuông như cũ. Năm rồi Cảnh tông Thuần hoàng đế lên làm khách trời, vâng ý chỉ rất vì kế lớn quốc gia, trong ngoài hợp sức, miếu xã vững bền, đó đều là đức quẻ Khôn dày nặng, lâu dài đến vô cùng, giúp muôn dân được an khang, vượt một đời chỗ thọ khảo, gọi Khang gọi Thọ là phúc của hoàng gia, ngõ hầu làm rõ điều tốt đẹp ấy. Nay phụng tôn thêm hoàng tăng tổ mẫu là Từ dũ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu, để tỏ lòng thành hiếu với bà của riêng ta, làm thỏa ước nguyện tôn người thân của trăm họ”. Bèn sai bộ Lễ tuần bàn nghi lễ, Khâm thiên giám chọn ngày tốt, sai quan tế cáo với miếu điện, đến hôm ấy vua đích thân suất lãnh hoàng thân cùng đình thần văn vũ bung kim sách kim bảo dâng tôn hiệu. Lời sách nói “Quẻ Tôn (5) trung chính mà gần phúc, hợp tốt đẹp chỗ ba linh (6), quẻ Khôn sáng lớn ứng với trời (7), ngụ bảo hàm nơi muôn vật. Người có đức lớn trong thiên hạ thì được danh tôn trong thiên hạ, hiển hách thời lãnh, rõ ràng diên tốt. Kính nghĩ Thánh tăng tổ mẫu Từ dũ Bác huệ Thái Thái Hoàng thái hậu bệ hạ: đức lớn sánh non, trí sâu tựa vực. Giúp trị bình suốt bảy năm, họ Đồ Sơn dấy Hạ, dạy siêng năng trong ba kỷ, mẹ Văn vương hưng Chu. Mới rồi vận nước gian nan, nhờ có lòng thánh trừ hoạch, kế lớn đã định, thần dân có chủ, Lòng chí thành phát lộ, xã tắc bình yên, việc chi dụng hơi dư, dân đều nhân thọ. Đó đều là công yun chín trụ (8) mà gom mỗi phúc, khang thọ gồm hai, đức ban tám cõi mà nêu điều hay, danh thực như một. Huống nay chất đẹp, kính nhận nghiệp to, phúc gặp bát tuần, ngôi nên tôn phụng. Tuy nhún nhường tự hạ, tiếng tốt không màng, nhưng rộng rãi khôn lường, hiệu hay phải tiến. Kính cẩn suất lãnh hoàng thân cùng đình thần văn vũ bung kim sách kim bảo dâng tôn hiệu là Từ dũ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu. Kính nghĩ danh lớn đã chính, đức giáo càng cao. Đạo chính dạy người, trái bốn đời làm quốc mẫu, an trinh thêm phúc, hợp bốn bể thành một nhà, ngõ hầu cháu cố gắng để được phúc thọ khang vậy”. Lễ xong, ban ân chiếu cho trong ngoài.

(1) *Họ Đồ Sơn xương thịnh nhà Hạ*: lấy tích vợ vua Hạ Võ họ Đồ Sơn, từng giúp vua Võ trị thủy.

(2) *Mẹ Văn vương kéo dài nhà Chu*: lấy tích bà Thái Nhâm vợ Vương Quý sinh ra Văn vương, sử sách xưa coi như người có công với nhà Chu.

(3) *Lời Tư trai trong Kinh Thi*: lấy ý câu trong *Kinh Thi*, *Đại nhã*, *Tư trai* “Tư trai Thái Nhâm, Văn vương chi mẫu” (Thái Nhâm đoan trang, mẹ của Văn vương), đây ví với bà Nghi thiên Chương hoàng hậu.

(4) *Đức thường trinh nơi Kinh Dịch*: chữ “thường” đây chính là “hằng”, vì kiêng tên húy của bà Nghi thiên Chương hoàng hậu Thái hậu Từ Dũ là Phạm Thị Hằng nên viết là “thường”. *Hằng trinh* lấy chữ trong *Kinh Dịch*, quẻ *Lôi Phong Hằng*, phần *Soán truyện* “Hằng hanh, vô cửu, lý trinh, cửu ư kỳ đạo dã” (Hằng hanh, không có lỗi, lợi trinh, lâu dài ở đạo chính).

(5) *Tôn*: Nguyên bản chép là “Tân”, là “Tôn” bị chép lầm, đây đính lại như trên. *Quẻ Tôn trung chính* lấy chữ trong *Kinh Dịch*, quẻ *Bát Thuần Tôn*, phần *Soán truyện* “Trùng tôn dĩ thân mệnh, cương tôn hồ trung chính nhi chí hành” (Trùng tôn để ban lệnh, cương tôn chỗ trung chính mà thi triển chí hướng).

(6) *Ba linh*: tức tam tài, chỉ trời, đất, người.

(7) *Quẻ Khôn sáng lớn ứng với trời*: lấy chữ trong *Kinh Dịch*, quẻ *Bát Thuần Khôn*, phần *Soán truyện* “Chí tai Khôn nguyên, vạn vật tự sinh, nãi thuận thừa thiên. Khôn hậu tài vật, đức hợp vô cương, hàm hoàng quang đại, phẩm vật hàm hanh” (Hết mức thay Khôn nguyên, muôn vật nhờ sinh, lại thuận theo trời. Khôn dày chở vật, đức hợp vô cương, chứa cát sáng lớn, phẩm vật được nhờ).

(8) *Chín trừ*: Hồng phạm cử trừ, tức chín nguyên tắc quản lý xã hội nêu ra trong thiên *Hồng phạm* của *Kinh Thư*.

0071. Ngày 19, kính gặp lễ bát tuần đại khánh tiết của Nghi thiên Chương hoàng hậu, vua đích thân suất lĩnh các quan tới cung Gia Thọ làm lễ mừng thọ, quý Toàn quyền Đô thống cùng quý quan văn võ cũng vào chúc mừng. Lễ xong, ban ân chiếu cho trong ngoài (tất cả 18 điều).

0072. Chuẩn cho Thượng thư bộ Công Huỳnh Vĩ kiêm việc bộ Lại, Hiệp biện đại học sĩ Đoàn Văn Bình sung Tổng tài Quốc sử quán. Lúc bấy giờ Phụ chính đại thần Trương Quang Đản vì việc phủ bận rộn xin từ chức kiêm quản bộ Lại, lại vì Văn Bình đứng đầu văn ban có thể sung Phó Tổng tài, nên có lời chuẩn ấy.

0073. Đặt Nha Thông báo ở tỉnh Thanh Hóa để đốc tiên đồng mới hiệu Thành Thái (kê vì công việc bận rộn lại đặt thêm chức Phó Quản đốc cho nha ấy).

0074. Vì hạn hán lâu ngày, sai bộ Hình thanh lý việc ngục tụng, sửa sang nhà giam, theo ân điển ban ra vào lễ bát tuần đại khánh tiết chuẩn cho bàn bạc xem xét châm chước tha cho các tù phạm bị phát phối ra Côn Lôn.

0075. Định lệ lính tập (Toàn quyền Rheinart bàn định tất cả 11 khoản. Như có ai từ 20 tới 35 tuổi xin đăng lính tập phải có giấy xác nhận quê quán lý lịch của tổng lý mới chuẩn, đã đăng lính thì chuẩn cho xã ấy được miễn một phần cung cấp cho quân binh. Mãn hạn 6 năm nếu muốn đăng lần nữa cũng cho. Mãn hạn 12 năm được cấp tiền hưu trí, cũng như lính tập ở Nam Kỳ. Lúc đang làm lính tập thì xã ấy phải cấp ruộng lương nuôi dưỡng vợ con, gia đình ấy được miễn một suất thuế thân. Đến khi mãn hạn về quê thì được miễn sưu dịch sai dịch 5 năm).

0076. Nhân đại lễ đăng quang lại gặp lễ bát tuần đại khánh tiết, tặng quý Giám mục Lộc ở nhà thờ Kim Luông (Thừa Thiên), quý Giám mục Phúc ở nhà thờ Đình Khê (Hà Nội), quý Giám mục Lễ ở nhà thờ Đạo Ngạn (Bắc Ninh) cùng nguyên Tuyên phủ sứ Thanh Hóa Trần Lục mỗi người một đồng kim tiền hạng lớn (khắc chữ “Triệu dân lại chí”). Giám mục Lộc lại dâng tám tấm kim sách cũ (đều là vàng 8 tuổi, cân nặng 40 lượng. Giám mục nói ngày có việc có người nhặt được đem dâng cho viên ấy nạp lên), nạp cho phái viên đệ về, lại chuẩn trích một tấm kim bội hạng vừa, một cặp quạt lông ban thưởng.

0077. Khâm sứ Chavassieux về nước, nguyên Khâm sứ Hector (1) tới thay.

(1) Nguyên bản viết là “Hách Tô”, tức Séraphin Hector. Nhân vật này giữ chức Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ lần thứ nhất thời gian 1888 – 1889, lần thứ hai từ 1889 đến tháng 10. 1891, sau đó chức vụ này chính thức bị bãi bỏ.

0078. Thống sứ Bắc Kỳ Brière (1) tới Hà Nội, chuẩn trích phẩm vật để tặng.

(1) Nguyên bản viết là “Pha Di Y”, tức Ernest Albert Brière. Nhân vật này giữ chức Thống sứ Bắc Kỳ lần thứ nhất từ 10. 5. 1889 đến 6. 4. 1890, lần thứ hai từ 3. 2. 1891 đến 27. 10. 1891, sau đó đổi làm Khâm sứ Trung Kỳ từ tháng 10. 1891 đến 1894.

0079. Ngày Chánh chung (1) nước Đại Pháp (ngày 17 tháng ấy (2)). Vua ngự ra lầu Ngọ Môn thưởng lãm. Chuẩn theo lệ trước treo cờ giăng đèn dựng rạp diễn kịch, trở đi lấy đó làm lệ thường.

(1) Nguyên bản chép là “Chánh trung”, tức lễ Quốc khánh nước Pháp ngày 14. 7 dương lịch. Ngày 14. 7. 1789 nhân dân Pháp ở Paris nổi dậy phá ngục Bastille, đến ngày 14. 7. 1790 một hội nghị gồm đại diện tất cả các tỉnh ở nước Pháp đã được tổ chức tại Champ de Mars, Paris với sự hiện diện của vua Pháp Louis XVI, tuyên bố sự thống nhất của nước Pháp và thề trung thành với “Quốc gia, Luật pháp, Nhà vua”. Từ đó trở đi trên nguyên tắc nước Pháp không còn là một quốc gia hình thành từ các tỉnh đã được nhà vua chinh phục mà là một quốc gia với các tỉnh và nhân dân tự nguyện hình thành nên một Nhà nước chung. Đến 1880, những người Cộng hòa Pháp coi ngày hội nghị ấy là ngày sinh thật sự của nước Pháp, ngày đặt nền móng cho chính thể cộng hòa (régime républicain) nên lấy đó làm ngày Quốc khánh. Qua Việt Nam, ngày lễ “chính thể cộng hòa” này được dịch thành “ngày Cộng chánh” hay phổ biến hơn là “ngày Chánh chung”, đặc biệt là ở Nam Kỳ, nhưng khi ra tới Trung Bắc thì vì lý do ngữ âm có khi được nói và viết là “ngày Chánh trung”. Trong bản dịch này chúng tôi nhất loạt đính lại là ngày Chánh chung.

(2) Ngày 14. 7. 1899 là ngày 17 tháng 6 năm Kỷ Sửu, nhưng từ điều 0063 tới điều này không thấy nguyên bản chép mấy chữ “Tháng 6”, rõ ràng bị chép sót nhưng chúng tôi chưa thể xác quyết để hiệu đính nên tạm theo đúng nguyên bản chờ tìm hiểu thêm.

0080. Chuẩn trở đi phạm người bệnh chết trên đường và trong bệnh viện, hoặc do Nha Hộ thành tới khám, do quan phủ Thừa Thiên chi tiền (5 quan) chôn cất rồi tư cho bộ tòn chiếu, cuối năm hủy đi, lấy đó làm lệ.

0081. Định lệ tra xét tù phạm ăn cướp ở Bắc Kỳ (trở đi phạm Bắc Kỳ bất kể hạt nào, nếu bắt được đầu đảng ăn cướp thủ mưu hoặc không phải là đầu đảng nhưng xét ra là kẻ hung phạm nhiều tội ác và những tội phạm thông đồng với giặc cướp, theo giặc cướp và oa trữ tài vật ăn cướp đều do quan Án sát hội đồng với tòa Đè hình tra xét rõ ràng, hoặc nên xử tội chém bêu đầu, chém ngay, trảm giam hậu, hoặc nên giam xử sung quân đi đày trở xuống cứ theo tình tiết tội lỗi chiếu theo luật lệ thi hành. Những tổng lý ở bản quán dung túng và những kẻ che chở né tránh không chịu dẫn đường đi bắt tội phạm, thì tổng lý hào mục đều bị đánh 100 trượng, đày đi 3.000 dặm, đổi làm khổ sai 10 năm, mãn hạn thì giao cho quan lại quản thúc. Còn quan viên ai thông đồng với giặc cướp cũng xử phát lưu. Trở lên những tội từ sung quân phát lưu trở xuống có nên phạt tiền thì chiếu lệ gần đây thi hành. Quan lại tỉnh phủ huyện thân sức không nghiêm thì chiếu lệ kiểm thúc không nghiêm chia ra hỏi tội. Còn khoản nguyên định bắt người già cả trong nhà tội phạm chia hạng đày ra Côn Lôn thì lập tức đình chỉ).

0082. Mùa thu, tháng 7. Hạn hán. Bề tời Đô sát viện dâng sớ xin ban sắc cho các nha môn Đè hình trong kinh ngoài tỉnh phạm những người bị kết án sung quân phát phối đi đày có thể được ân xá thì nên tiến hành phóng thích, tới như những trọng phạm bị xử trảm xử giảo thì do quan tỉnh kiểm tra sức cho bỏ bớt gông xiềng, ai khôn cùng thì chức lượng chân cấp. Kể vì hạn lâu lại ban dụ cho các quan trong ngoài chăm chỉ chức vụ, giám hình phạt nhẹ thuế khóa, bỏ điều tệ hung mỗi lợi để giảm nỗi khổ cho dân.

0083. Định lệ mai táng cho hoàng thân vương công công chúa (chiều lệ năm Đồng Khánh thứ 1 tăng gấp đôi mà cấp tiền. Trở đi thân vương cấp 4.000 quan tiền, quận vương 3.600 quan, thân công 3.200 quan, quốc công 2.800 quan, quận công 2.400 quan. Chiều lệ năm Đồng Khánh thứ 1 nghị định trở đi hoàng tử chưa phong nhưng đã có phủ đệ, từ 12 tuổi trở lên và hoàng tử đã phong mà bị giáng thì cấp 1.800 quan, công chúa đã phong 2.000 quan, chưa phong nhưng đã lấy chồng 1.800 quan).

0084. Gởi cho quận công Ứng Lịch (Xuất đế Hàm Nghi) các vật dùng cần thiết (sách vở giấy bút và khăn giầy các loại). Khâm sứ Chavassieux chuyển thư của quận công nói cần các vật dùng, bèn trích tiền kho gởi cho, chiếu bồng hàng năm của công (mỗi năm 25.000 quan tiền Tây, đổi ra là 6.250 đồng) trừ lại, trở đi chiếu theo đó mà làm.

0085. Thân định điều lệ bổ quan (trở đi phạm thuộc viên có khuyết thì do hai bộ Lại Bình trích trong số Hậu bổ có hàm tương đương sung bổ. Các viên Hậu bổ 60 tuổi trở lên trừ các án quan từng bị giáng chức, cách chức, khai phục thì đều cho mang nguyên hàm về hưu. Nếu có thượng ty sở tại xét thực bảo tâu thì bản riêng).

0086. Sai trở đi phạm công việc quan trọng ở Lục bộ chur nha trước tiên phải do bề tời Phủ Phụ chính duyệt qua, không được tư trước cho Tòa Khâm sứ.

0087. Khâm sai Bắc Kỳ Hoàng Cao Khải phi báo về hiện tình giặc cướp ở tỉnh Đông (giặc Tiết Hiện cùng giặc Tán Thuật họp đảng chiếm giữ chỗ hiểm, làm khổ cho dân đã lâu). Chuẩn cho trừ tính một phen thẳng tới phá tan sào huyệt để nhân dân vùng ấy được yên ổn.

0088. Định lệ sưu dịch cho xã dân Bắc Kỳ (đồng niên mỗi suất định phải chịu sưu dịch 30 ngày, vẫn cho xã dân 10 ngày để sửa chữa đường sá đê điều, còn 20 ngày cho nạp thay bằng 2 đồng).

0089. Đặt lại Ty Thông chính, lấy Tá lý bộ Lễ Lê Địch Cát kiêm quản ấn triện sự vụ.

0090. Khâm sứ đại thân Hector gởi thư nói thương nhân người Thanh Lương Vân Phong vốn lãnh trung mỏ than Nông Sơn ở Quảng Nam (năm Tự Đức thứ 34 xin lãnh trung liên tiếp 20 năm, nạp tiền tổng cộng 311.500 quan) nhường lại cho thương nhân người Tây Cô Tôn (1) lãnh trung, lại sao lời giao ước làm bằng cứ cho bộ Hộ xem xét. Bề tời bộ Hộ vì kỳ hạn lãnh trung, tiền thuế phải nạp đều đúng nên tâu lên, chuẩn cho thi hành.

(1) Nguyên bản viết là “Cô Tôn”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0091. Chuẩn cho hậu duệ công thần Vọng Các (1), công thần Trung hưng được hưởng một nửa tiền lương tháng (Tiên Hưng bá Phạm Văn Hội cháu nội Tiên Hưng quận công Phạm Văn Nhân, Lê Văn Diển cháu nội Tả quân quận công Lê Văn Duyệt, Lê Văn Phú cháu nội Hậu quân Lê Chất, Kinh Môn tử Nguyễn Văn Vĩnh cháu nội Kinh Môn quận công Nguyễn Văn Nhơn, Đoan Hùng tử Nguyễn Văn Đắc cháu nội Đoan Hùng quận công Nguyễn Văn Trương, Trương Văn Tề cháu nội Khinh xa Đô úy Trương Văn Danh) theo như cựu chế (năm Minh Mạng thứ 5 chiếu phẩm hàm cấp bổng, năm Tự Đức thứ 18 chuẩn cấp nửa bổng).

(1) *Công thần Vọng Các:* Vọng Các là phiên âm Việt Hán từ “Bangkok”, tức thủ đô nước Xiêm từ cuối thế kỷ XVIII. Trong thời gian 1783 – 1787 Nguyễn Ánh bị Tây Sơn đánh bại phải chạy qua Bangkok, sau khi đánh bại Tây Sơn năm 1802 Gia Long xếp những bề tời theo qua Bangkok vào loại công thần Vọng Các, cao hơn công thần Trung hưng của nhà Nguyễn một bậc.

0092. Chuẩn cho tu sửa đền thờ Hiệp tá đại học sĩ tặng Thiếu sư Nguyễn Đăng Tuân. Tuân người Quảng Bình, trải thờ ba triều, ở ngôi sư phó, năm Tự Đức thứ 26 ban sắc sai dựng đền thờ cúng, dần dần hư nát, bề tời bộ Lễ xin đặc biệt ra ơn trùng tu một lần, trở đi không được viện lệ ấy mà theo.

0093. Tháng 8. Chuẩn định thể lệ gửi nhận công văn (trở đi phạm các địa phương và Nha Kinh lược Bắc Kỳ có công văn quan trọng khẩn cấp đều phải điện tư cho Phủ Phụ chính phúc duyệt, còn việc thường do nha hữu quan tư báo, có việc gì cần thương nghị thì do nha ấy chuyển đệ lên Phủ Phụ chính bàn bạc thi hành. Những việc Phủ Phụ chính tâu lên được chuẩn cho thi hành đều do các nha có liên quan và Nha Kinh lược Bắc Kỳ sao lại tư cho các tỉnh đạo tuân hành, để hợp thể chế).

0094. Định điều ước tổng trưng thuế thuốc phiện, tất cả 7 khoản, đồng niên giao cho Nam triều 140.000 đồng. Lại định chương trình nghiêm cấm hàng gian hàng lậu, tất cả 57 khoản (trở đi đến tháng 12 năm nay chiếu theo đó giao trả nước ta mỗi tháng một tháng rưỡi tiền thuế, là 17.500 đồng).

0095. Triệu Thương tá Nha Kinh lược Bắc Kỳ Hồ Lệ về bổ làm quan ở kinh.

0096. Chuẩn cấp 1.500 quan tiền kho tu sửa phân mộ của Gia Hưng quận vương, lại sai bộ Công chước lượng cấp cho một tấm bia đá, là tuân theo ý chỉ của Nghi thiên Chương hoàng hậu.

0097. Bắt đầu đặt Nha Hội đồng Tu lý. Lúc đầu nguyên Toàn quyền đại thần Rheinart bàn nói phở phờng trong ngoài kinh thành cư trú hỗn tạp, đường sá nhỏ hẹp, nên đặt hội đồng chia vạch nhà dân, sửa sang đường sá. Đến lúc ấy Khâm sứ Hector bàn chọn Phủ doãn Phan Thanh Liêm (1), Đề đốc Hộ thành Nguyễn Hữu Cấp, Đốc phủ sứ (2) Lê Duy Hinh, Kiêm đốc Diệp Văn Cương sung vào. Lại vì việc có liên quan rất nhiều tới phủ Thừa Thiên, nên lấy thuộc viên Phủ Phụ chính Hồng (3) Trí bổ sung Tham tá phủ Thừa Thiên, đều cấp cho ấn quan phòng bằng ngà (ấn khắc chữ “Hội đồng Tu lý quan phòng”), kiếm nhỏ (khắc hai chữ “Hội đồng”) để dùng cho mau lẹ thông suốt (về sau đến tháng 2 năm thứ 4 chuẩn cho bộ Công, Nha Hộ thành, phủ Thừa Thiên mỗi nơi cử một viên đường quan hội đồng với quý Đốc công làm việc. Tháng 8 năm thứ 6 quý Tòa chọn Công sứ phủ Thừa Thiên làm Chánh Đốc lý).

(1) Nguyên bản chép là “Phan Liêm”, đây dịch như trên. Nhân vật này tên thật là Phan Tông, tự Thúc Thanh, còn gọi là Phan Liêm hay Phan Tam, con thứ ba của Phan Thanh Giản.

(2) Nguyên bản chép là “Đốc phủ”, đây dịch như trên. Đốc phủ sứ là một vinh hàm phong cho các viên chức hành chính người Việt trong bộ máy cai trị của chính quyền thuộc địa ở Nam Kỳ trước 1945, không có quan hệ gì với các chức Đốc Phủ (Tổng đốc, Tuần phủ) của triều Nguyễn trên địa bàn Trung Bắc.

(3) Nguyên bản viết là “Cộng”, ngờ là chữ Hồng viết thiếu *châm thủy*, đây tạm đính như trên.

0098. Triều đình nước Pháp đặc mệnh sai quý quan Cơ Đô Gia (1) đi khắp nước ta dạy nghề trồng gai. Chuẩn tư cho các địa phương giúp đỡ thi hành để làm lợi cho dân.

(1) Nguyên bản viết là “Cơ Đô Gia”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp..

0099. Định lệ thuế thân cho thương nhân người Thanh (Toàn quyền đại thần Piquet bàn định tất cả 33 khoản. Chiếu theo điều 10 trong Hòa ước năm Giáp thân thì khách thương người Thanh phải do Đại Pháp xử đoán, bèn bàn định thuế thân đồng niên hạng nhất 40 đồng, hạng hai 12 đồng, hạng ba 3 đồng, những người già cả, trẻ em, phụ nữ và người tàn tật đều được miễn, do Công sứ sức cho tỉnh chia hạng. Mỗi bang phải có Bang trưởng, vẫn chỉ đặt bốn bang Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hải Nam. Tiền thuế thiếu thì Bang trưởng hoặc người bang ấy phải chia nhau bù vào. Mỗi năm Bang trưởng làm sổ đinh trong bang trình báo, nếu không đúng sự thật thì bị phạt. Ai nạp thuế thì Trú sứ nước Thanh cấp cho giấy tờ cư ngụ, nếu dời đi ở nơi khác thì trình để đổi cấp giấy khác).

0100. Thân định lệ tuyển bạ cho xã dân (làm thành bốn bản, vẫn theo lệ trước nay chỉ đưa lên phủ hoặc tỉnh nạp lên, đình việc đưa lên huyện để bớt phiền phức).

0101. Tháng 9. Chuẩn định phẩm vật các ngày kỵ và lễ tiết ở các lăng miếu cùng các án tòng tự trong Thái miếu theo thứ bậc khác nhau (phẩm vật các ngày lễ tiết trong niên hiệu Hàm Nghi, Đông Khánh đã phụng mệnh giảm bớt tam sinh, nay tham khảo lời chuẩn định trong niên hiệu Tự Đức và chiếu lệ gần đây châm chước cho phù hợp).

0102. Hai tỉnh Quảng Ngãi Bình Định gạo đắt dân đói. Sai Ngự sử đạo Bắc Kỳ Phạm Hữu Mô tới nghe ngóng xem xét và cùng quan tỉnh bàn bạc những việc cần làm để cứu giúp.

0103. Thân định thể lệ Phủ Phụ chính. Lúc bấy giờ Khâm sứ Hector bàn nghị Phủ Phụ chính đứng đầu trăm việc, giúp vua thống nhiếp bộ viện các nha, phạm việc gì bộ viện cần suy nghĩ bàn bạc thì trước tiên trình lên Phủ Phụ chính, việc gì cần làm thì thương nghị với bộ viện có nên hay không, làm thế nào thì do Phủ Phụ chính thẩm xét nhưng vẫn do sở ty nhận làm chứ Phủ Phụ chính không cần tự làm. Bàn nghị như các việc của bộ viện các nha đều có người giữ chức mà tôn thể thống. Lại việc chọn cử thuộc viên ban văn và ấn quan đều thuộc bộ Lại, nay chọn cử ấn quan thì bộ Lại nên hội họp với đình thân chọn lựa trình lên Phủ Phụ chính, trong đó nên theo nên sửa do Phủ Phụ chính thẩm xét rồi vẫn do bộ ấy chiếu theo tuân hành, chuẩn sào ra cho thi hành.

0104. Tặng quý Khâm sứ Hector một tấm kim khánh hạng lớn (khắc chữ “Bảo nghĩa thù huân”).

0105. Ban sắc sai trùng tu vườn Dữ Dã. Khâm sứ Hector tâu nói vườn Dữ Dã do đời trước xây dựng, đáng được tôn trọng, nhưng lâu ngày chưa sửa sang, bốn phía cho dân canh tác lấn trung, đến nỗi không được tề chỉnh, xin đều thu hồi để làm vườn ngự. Bèn ban sắc sai hữu ty tuân hành.

0106. Ban cấp sách vở cho Tàng thư viện ở Gia Định. Trước là Toàn quyền đại thần Rheinart gửi thư nói Thượng thư (khuyết tên) ở Gia Định lập Tàng thư viện, muốn có sách vở nước ta để biết sự tích phương Đông. Bèn sai trích các bộ sách (1 bộ *Việt sử tổng vịnh*, 1 bộ *Khâm định Việt sử*, 1 bộ *Thuơng Sơn thi tập*) gửi cho (trở đi đến tháng giêng năm thứ 2 lại chọn mua và sao lại các bộ kinh truyện tử sử và thư của bản quốc gửi cho).

0107. Mở rộng nơi chữa bệnh ở kinh. Khâm sứ Hector vì nơi ấy nhỏ hẹp hư nát nên bàn nghĩ mở rộng sửa sang, theo như lời bàn.

0108. Khâm sứ Hector gửi thư nói Tổng thống Toàn quyền đại thần báo tin nhận được tờ tư của Tổng đốc Lương Quảng nước Thanh nói hiện đã bắt giam Lê Thuyết ở tỉnh Quảng Đông. Bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn sao ra thông tri cho các nơi cùng biết.

0109. Đem việc sứ bộ trở về ôn hòa làm thư gửi cho Đại Pháp.

0110. Thương cho các quan viên giúp sức lập ra nghĩa địa trong tỉnh thành Hà Nội theo thứ bậc khác nhau (thường cho Công sứ A Lê (1) kim tiền hạng lớn, còn lại thưởng cho nhân vàng hoặc phẩm hàm vì có lòng chuộng điều nghĩa).

(1) Nguyên bản viết là “A Lê”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0111. Bãi bỏ chức Phòng ngự sứ An Biên. Chuẩn cho nguyên Phòng ngự sứ (hàm Tùng Ngũ phẩm) Nguyễn Văn Quang làm quyền Phó Quản đạo kiêm lý ba châu Thủy Vĩ, Văn Bàn, Chiêu Tấn (chế cấp ấn kiếm bằng gỗ để dùng).

0112. Chức định thể lệ lấy người khảo khóa trúng cách cho sĩ tử Bắc Kỳ. Lệ trước sĩ tử khảo khóa (tỉnh lớn 2.000, tỉnh vừa 1.000 hoặc 800 - 900, tỉnh nhỏ 200 - 300) được chuẩn trừ suu dịch. Gần đây nhân bản việc thu tiền công suu nên chức định (trở đi phạm tỉnh lớn như Hà Nội, Bắc Ninh, Nam Định, Sơn Tây, Hải Dương không quá 500 người, tỉnh vừa như Ninh Bình, Hưng Yên 300 người, Nha Hải Phòng 100 người, tỉnh nhỏ như Hưng Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Quảng Yên, Cao Bằng, Hải Ninh một hai mươi người, chờ năm sau khảo khóa trúng cách sẽ tư cho quý sứ chức trừ tiền suu, bắt đầu từ năm nay).

0113. Mùa đông, tháng 10. Sai Quốc sử quán kiểm in sách *Minh Mạng cung từ* (do Tùng Thiện quận vương Miên Thẩm tuyển chọn), ban cấp cho hoàng thân đình thần mỗi người một bộ.

0114. Ngày 18 tháng ấy tâu tôn Lê thiên Anh hoàng hậu là Trang ý Thuận hiệu Thái Hoàng thái hậu. Trước đó tế cáo với miếu điện, ban dụ bố cáo cho trong ngoài. Lời dụ nói “Đức lớn ắt được nêu danh, tôn thân gọi là chí hiếu. Bậc nhân quân từ xưa nối ngôi nhận mệnh, đã được đội ơn thương dạy, phải dâng sách ngọc ấn vàng, là điều lớn nhất trong điển lễ vậy. Kính nghĩ Trang ý Thái Hoàng thái hậu bệ hạ: đoan trinh gương nhả, cẩn thận khuôn thơm. Giúp Dực tông Anh hoàng đế ta thành toàn nội trị, thờ Từ dữ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu ta kính hiếu thành tâm, hay tốt thi hành, xã tắc nhờ cậy. Khuôn phép đến nay ngày càng phù hợp, đức thịnh truyền trong lời thơ, danh tôn sáng nơi sử sách. Đầu niên hiệu Đồng Khánh Cảnh tông Thuận hoàng đế ta hiếu phụng người thân, dâng thêm hiệu tốt. Ngẩng kính què Hằng trình (1) què Khôn hậu, lâu ngày càng thêm rõ ràng. Trẫm còn ấu thơ kế thừa đại thống, ngẩng nhờ phúc từ cung ngọc qua lúc gian nan, được hưởng ơn trời đã không bờ bến vậy. Mới rời kính gặp lễ bát tuần đại khánh tiết của Từ dữ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu ta, kính phụng tâu tôn, lễ lớn đã xong, tình người rất thỏa, hay đẹp làm sao! Lại nghĩ đạo cao hiền phụ, nối bước Chu Khương (2), lấy thuận mà chứa sáng cát lớn, lấy hiếu mà kính tuổi chiều lòng (3), rất nên đức vàng khắc ngọc, truyền rộng ơn to để hình dung trong muôn một. Gần đây hoàng thân Tôn nhân Phụ chính đình thần cùng dâng lời xin tiến dâng tôn hiệu, trẫm đã đem việc tâu lên, lòng thánh nhún nhường át đi không nhận. Vẫn đích thân suất lãnh quần thần mấy lần tới sân khải cầu tâu bày, may được ý chỉ hai cung ban ơn ưng thuận. Hợp kính đồng tôn, tra cứu điển lễ, nay kính tiến tên hiệu là Trang ý Thuận hiệu Thái Hoàng thái hậu, đề tỏ mong muốn phụng dưỡng của riêng ta, thỏa ước nguyện tôn thân của trăm họ”. Bèn sai bộ Lễ tuân bàn nghi lễ, Khâm thiên giám chọn ngày tốt, sai quan tế cáo với Thái miếu. Đến hôm ấy vua đích thân suất lãnh hoàng thân cùng đình thần văn vũ bung kim sách kim bảo dâng tôn hiệu. Lời sách nói “Trộm nghe: chứa sáng cát lớn, điều đẹp đầy đủ bên trong, ngoại tốt tụng lành, đức sáng phát dương hết mức. Tháng năm thêm tỏ rõ lòng thành, danh tiếng sẽ theo cùng sự thật. Kính nghĩ hoàng tổ mẫu Trang ý Thái Hoàng thái hậu bệ hạ: Xe sao (4) rục vè, cung cấm bay thơm. Nêu nữ tắc ở cung Đường (5), an trinh hợp tốt, kính từ hoan nơi điện Hán (6), kính tuổi thêm tình. Đức thuận hiệp với nước nhà, đạo hiếu gắng nơi chung thủy. Lúc trước ấn vàng sách ngọc, chưa đủ hình dung, xin nay sử đồ tre xanh (7), càng ngời tốt đẹp. Cháu nay thơ ấu, ngẩng cậy ơn to, chỉ giáo hóa nơi cung vi, mà lợi ban cho xã tắc. Tuy lòng thánh khiêm nhượng, sâu xa ý đã đủ đầy, nhưng đức sáng phô dương, tôn thân lòng càng tha thiết. Kính tra điển lớn, chính hợp thời lành, kính cần suất lãnh hoàng thân cùng đình thần văn vũ bung kim sách kim bảo dâng tôn hiệu là Trang ý Thuận hiệu Thái Hoàng thái hậu. Kính nghĩ nêu rõ tên hay, tuyên dương đức đẹp (8). Nhận dâng tâu phúc, cùng xem sao Vụ (9) thêm ngời, hết mức Khôn nguyên, lại khiến âu vàng thêm vững”. Lễ xong, ban ân chiếu cho trong ngoài.

(1) *Quẻ Hằng trinh*: Nguyên bản chép là “Thường trinh”. Xem chú thích (4) điều 0070.

(2) *Đạo cao hiền phụ, nói bước Chu Khương*: nguyên văn là “Đạo long kinh thất, âm tự Chu Khương”, lấy chữ trong *Kinh Thi, Đại nhã, Văn vương, Tư trai* “Tư trai Thái Nhâm, Văn vương chi mẫu, Tư my Chu Khương, Kinh thất chi phụ. Thái Tự tự huy âm, Tắc bách tư nam” (Thái Nhâm trang kính, Mẹ của Văn vương, Chu Khương yêu mến, Xứng đáng hiền phụ, Thái Tự nổi tiếng hay, Sinh được trăm trai) ca ngợi bà Thái Nhâm mẹ Văn vương là hiền phụ được mẹ chồng là Chu Khương yêu mến, đây ý nói bà Lệ thiên Anh hoàng hậu vợ vua Tự Đức là hiền phụ, được mẹ chồng là Thái hậu Từ Dũ yêu mến.

(3) *Kính tuổi chiêu lòng*: nguyên văn là “kỳ kính sắc dưỡng”, kỳ kính tức kính trọng người già, sắc dưỡng lấy ý lời Khổng Tử trong *Luận ngữ, Vi chính* “Sắc nan” (khó ở chỗ sắc mặt), tức thờ phụng cha mẹ không khó ở chỗ lo cho cha mẹ no ấm, mà khó ở chỗ giữ gìn lời ăn tiếng nói, sắc mặt cử chỉ cho mềm mỏng nhẹ nhàng để cha mẹ vui lòng.

(4) *Xe sao*: nguyên văn là “Tinh hiền”, tức sao Hiền Viên, theo quan niệm thiên văn cổ là tượng nữ vương, sau dùng chỉ xe của phụ nữ xuất giá, thường dùng chỉ hậu phi.

(5) *Nêu nữ tặc ở cung Đường*: nữ tặc tức sách *Nữ tặc* do Văn Đức Trương Tôn hoàng hậu vợ Đường Thái tông soạn, đây chỉ chung đức tốt của bậc hậu phi.

(6) *Kính từ hoan nơi điện Hán*: điện Hán đây chỉ điện Đông Triều tức cung Trường Lạc ở phía đông cung Vị Ương thời Hán, là nơi ở của thái hậu, sau dùng chỉ chung ngôi thái hậu. *Kính từ hoan nơi điện Hán* đây ý nói bà Lệ thiên Anh hoàng hậu thờ phụng mẹ chồng là Thái hậu Từ Dũ rất kính cẩn.

(7) *Sử đồ tre xanh*: nguyên văn là “đồng sử thanh biên”. Các triều Đường Tống Nguyên Minh thường đặt chức Đồng sử trong cung, lấy những phụ nữ có học thức sung vào để ghi chép chính lệnh trong hậu cung, việc làm của hậu phi kiêm giúp các việc lễ tiết trong cung, vì thường dùng bút quản đồ để ghi chép nên gọi là Đồng quản. Đây ý nói bà Lệ thiên Anh hoàng hậu nêu gương tốt trong lịch sử nội cung nhà Nguyễn.

(8) *Hồ huân*: đức tốt của phụ nữ.

(9) *Sao Vụ*: còn có tên là Vụ Nữ, tức sao Nữ thuộc chòm sao Huyền Vũ trong Nhị thập bát tú theo thiên văn Trung Hoa cổ, tượng trưng cho Thiên tôn nữ tức Chức Nữ, cháu nội gái của Thiên đế, đây ví với bà Lệ thiên Anh hoàng hậu.

0115. Thương định lệ thuế Thương chính về thuế xuất nhập cảng (Toàn quyền Piquet chiếu theo Nghị định lập nha Thương chính ngày 8. 9. 1887, lại chiếu Nghị định châm chước thay đổi năm điều ngày 9. 5. 1889. Khoản 1: ngoài các hàng hóa xuất nhập khẩu trong địa giới Bảo hộ đều được miễn thuế Thương chính, còn hàng hóa ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ xuất cảng ra nước ngoài đều chiếu theo định ngạch Thương chính mà thu thuế. Khoản 2: những hàng hóa xuất nhập cảng đều phải chịu phí biên kiểm. Như mỗi hòm, mỗi phong hoặc một ngàn cân, một phương, một thước và ngựa bò heo dê mỗi con nạp phí khoảng 2 xu (1). Khoản 3: lệ thu phí phải tuân theo Nghị định năm trước, từ điều 536 đến 542. Khoản 4: nếu có ai vi phạm Nghị định thì chiếu theo điều 2 trong Nghị định ngày 17. 10. 1886 mà phạt. Khoản 5: Trú kinh Khâm sứ, Thông sứ Bắc Kỳ và Quản lý Thương chính chiếu theo 34 điều trong Nghị định ngày 6. 6. 1889 tại Hà Nội và quy định về mức thuế các loại hàng hóa đính kèm Nghị định này).

(1) Nguyên bản viết là “tiên”, là phiên âm Việt Hán của từ Pháp “cent” tức “sou”, một đơn vị của đồng bạc Đông Dương. có giá trị bằng 1/100 của 1 *piastre*. Trở đi chúng tôi nhất loạt dịch “tiên” là xu.

0116. Lúc bấy giờ đầu đảng giặc ở Hà Tĩnh là Cao Thắng tụ họp bè đảng quấy nhiễu các hạt Hương Sơn, La Sơn. Bọn phi tàn ác ở Thanh Hóa là Cầm Bá Thước thông đồng với bọn phi ở Thanh Hóa xông vào quấy rối các hạt Thiệu Hóa, Nông Công (Hà Tĩnh báo trong trận đánh vào trị sở và chợ Hương Sơn, bè đảng của giặc Đề Thắng giết chết hơn 20 quân tỉnh. Thanh Hóa báo Cầm Bá Thước trở về Thanh Xá, bọn giặc từ Nông Công tới Thiệu Hóa đốt phá nhà chùa và nha thự). Sai quan tỉnh bản bạc cùng Trú sứ xem xét địa thế phải binh đóng giữ, tùy cơ đánh dẹp để ngăn chặn không cho lan ra.

0117. Triệu lãnh Tổng đốc An Tĩnh Nguyễn Chánh về kinh chờ lệnh, lấy Tả Tham tri bộ Hộ sung Thương tá Cơ mật viện Đào Tấn thay giữ chức.

0118. Đặt tỉnh Lục Nam (tỉnh lỵ mới đặt ở địa phận xã Tiên Nhiêu huyện Lục Ngạn. Vì phủ Lạng Giang và ba huyện Lục Ngạn, Yên Thế, Hữu Lũng địa thế rộng rãi, vẫn còn giặc cướp nên nghĩ lập riêng một tỉnh, đặt các chức Bố chánh, Án sát và một Phó Công sứ, vẫn do Tổng đốc và Công sứ Bắc Ninh quản lý như cũ).

0119. Bắt đầu đánh thuế chợ và thuế bến đò ở phủ Thừa Thiên. Khâm sứ Hector tư nói thuế chợ và bến đò nên thử thi hành trước ở phủ Thừa Thiên. Ba chợ An Cựu, Bao Vinh, An Vân, hai bến đò Trường Tiền, Bao Vinh nên sức đầu giá trung thu, vì số tiền có giảm cũng nên thi hành thêm ở 26 nơi (như 24 chợ Thanh Lương, An Truyền, Nam Phố, Khuông Phò, Cao Đồi, Ưu Đàm, 4 bến đò Phú Xuân, Dương Xuân, Vĩnh Tu, Đò Gội (1)) để sung vào chi phí sửa chữa cầu đường. Bè tôi ở bộ xin chiếu theo lời nghị trước (tháng 12 năm Đồng Khánh thứ 2 đình thần tâu xin chuẩn cho chức định thuế ngạch đồng niên ở chợ và bến đò, cho dân xã lãnh trung hoặc cho đầu

giá lãnh trung, còn những chợ và bến đò nhỏ hơn thì cứ tạm để đó), chuẩn cho xã dân ở những nơi ấy nhận trung (về sau đến tháng 3 năm thứ 4 Cơ mật viện bàn nghĩ tâu lên, chuẩn cho tạm đình).

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “*khẩu + hội*”.

0120. Tháng 11. Nguyên soái Đại Pháp gửi thư nói quý hội đồng theo ngày đã định tới cùng quan lại nước Thanh phân định địa giới (ở xứ Mông Cái) (1), sai đạo Hải Ninh và quan các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hóa cùng thi hành.

(1) Nguyên bản viết là “Mông Cái”.

0121. Định thuế võ quế ở hai tỉnh Quảng Nam Quảng Ngãi. Thuế ấy trước kia do khách thương người Thanh Lý Hành Ký xin lãnh trung, tiền thuế đồng niên là 30.000 quan. Nay Toàn quyền Piquet bàn định do Thương chính tiến hành mua bán, mỗi năm giao lại cho nước ta 50.000 quan (cứ sau 6 tháng thì giao một nửa), hai nước sẽ làm tờ nghĩ định để ghi nhớ. Lại nghĩ chia đặt đồn cục, chọn phái quan binh chuyên làm việc, tất cả 12 khoản. Lại nghiêm sức tuần đình tra xét để đề phòng gian lậu, tất cả 11 khoản, do Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành (về sau đến tháng 3 năm thứ 4 Toàn quyền De Lanessan (1) bàn đem thuế ấy giao trả cho nước ta, ngoài thuế quế đồng niên ở hai nguồn tại Quảng Nam là Chiên Đàn 20 cân, Thu Bồn 10 cân trước kia cho người ta lãnh trung chiếu lệ thu nạp, còn lại đều đình triệt).

(1) Nguyên bản viết là “Đa La Niết San”, tức Jean-Marie de Lanessan. Nhân vật này được bổ nhiệm làm Toàn quyền Đông Dương ngày 21. 4. 1891, chính thức nhậm chức ngày 26. 6. 1891, hết nhiệm kỳ ngày 29. 12. 1894

0122. Cho Sơn phòng xứ Quảng Bình Trương Quang Ngọc hàm Lãnh binh (lại đặt các chức Thừa phái, thư lại, chế cấp cho án quan phòng). Lúc bấy giờ trong hạt Hà Tĩnh bọn giặc tàn ác lớn mật cướp bóc hai huyện Hương Khê, La Sơn, thông đồng với giặc cướp ở tỉnh Quảng Bình. Quang Ngọc là người bản địa thông thạo siêng năng, có thể ủy cho việc ngăn chặn đánh dẹp ở vùng thượng du nên trao cho hàm ấy.

0123. Tấn phong Khâm sai đại thần ở Bắc Kỳ Hoàng Cao Khải là Diên Mậu tử, lại thưởng một tấm Long bội tinh hạng hai. Cao Khải vâng lệnh coi việc quân, đánh dẹp điều độ đều rất thích hợp, đáng giặc đều sợ sệt, toàn kỳ được yên ổn nên đặc chuẩn phong thưởng để báo đáp công lao.

0124. Thưởng linh mục Đê ở xứ Ninh Thuận một đồng kim tiền hạng lớn. Lúc đầu linh mục Đê đắp đập Nha Trinh (ở địa phận thôn Mỹ Thạnh, dài 260 thước Tây, rộng 10 thước Tây, chân đập rộng 15 thước Tây, cao hơn 4 thước Tây, mất 45.000 ngày công, trải qua 4 tháng thì đắp xong, tưới nước cho hơn 5.600 mẫu ruộng), vì có công bảo vệ nghề nông nên chuẩn chiếu lệ năm Đồng Khánh thứ 3 thưởng cho (tháng 9 năm ấy linh mục lại đắp đập Lâm Cẩm, chuẩn thưởng cho một đồng kim tiền Triệu dân lại chi hạng lớn). Lại những người có lòng giúp đỡ (Chánh tổng Nguyễn Như, Trưởng đập Bùi Văn Lược thưởng hàm Chánh Cửu phẩm, Bang tá Thường Hậu thưởng hàm Tùng Cửu phẩm, đều là Bá hộ) cũng được ban thưởng theo thứ bậc khác nhau.

0125. Toàn quyền đại thần Piquet tư nói triều đình nước Pháp đặc biệt sai Lãnh sự Ba Vi (1) sung Chánh Khâm sai, quý quan Câu Pha Vi (2) sung Phó Khâm sai qua nước Tiêm bàn việc giao lại cương giới chín châu Cam Lộ thuộc Quảng Trị, Trấn Tĩnh, Trấn Định, Lạc Biên thuộc Hà Tĩnh, Trấn Biên, Trấn Ninh thuộc Nghệ An cho nước ta quản hạt, xin theo lệ cũ chuẩn cấp sắc thư giao cho Chánh Phó Khâm sai nhận lãnh mang đi. Lại sai quan các tỉnh Quảng Trị, Nghệ An, Hà Tĩnh chuyển sức cho phủ huyện và thổ quan (3) giúp đỡ.

(1) Nguyên bản viết là “Ba Vi”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) Nguyên bản viết là “Câu Pha Vi”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(3) *Thổ quan*: quan là người tại chỗ, đây chỉ những quan lại là người dân tộc ít người.

0126. Tháng 12. In xong bộ *Khâm định Việt sử cương mục*, ban cấp cho các hoàng thân đại thần, chính khanh và học đường đều một bộ. Lại tặng Khâm sứ đại thần Hector một bộ, Đốc phủ Lê Duy Hinh và Hành nhân Diệp Văn Cương mỗi người một bộ.

0127. Lúc bấy giờ thời tiết không hòa, người vật cùng nghề nông nghề thợ đều bị thiệt hại. Bề tôi Phủ Phụ chính nhận lỗi, lại xin ban dụ nghiêm sức cho các quan siêng năng chức vụ để xoay chuyển nạn trời. Lại sai các địa phương tìm nhiều cách trừ tính cứu tế (như bỏ lòng tham để lấp tuyết nạn cá lớn nuốt cá bé, cốt bớt việc để lấp tuyết sự nhùng nhể, tiết kiệm sức nông dân để khoan sức dân, đề phòng thiếu tiền để ổn định giá gạo cùng nghiêm sức tra bắt trộm cướp, thanh lý hình ngục) để giảm nỗi khổ cho dân. Kế vì thời tiết chưa hòa, lại ban sắc sai Phủ chính thân thân Miên Trinh, Phủ chính đại thần Nguyễn Trọng Hợp vào ngày 9 tháng giêng năm sau kính cẩn tới đàn Nam Giao thành kính cầu đảo (kể lại chuẩn trích 10.000 hộ thóc kho do quan phủ Thừa Thiên giảm giá bán ra và đình miễn thuế chợ thuế bến đò ở các tỉnh, nghiêm cấm đánh bạc dịp Tết).

0128. Ngày 25 tháng ấy theo lệ lau chùi hộp đựng và bảo ấn, trở đi lấy làm lệ thường.

Quyển 2

0129. Năm Canh dần Thành Thái thứ 2 (1890 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Kính gặp lễ tế Giao, sai quan Khâm sai sung làm lễ (lúc bảy giờ mỗi năm tế Giao một lần, nhưng chưa chuẩn bị kịp lễ long trọng nên đặc biệt có mệnh sai người kiêm nhiệm tế cáo).

0130. Tết Nguyên đán năm ấy cung kính tới thăm hai cung, phẩm vật gồm 18 lượng vàng mười tuổi (cung Gia Thọ 10 lượng, cung Trường Ninh 8 lượng).

0131. Ngày Mậu thân (ngày 2) ngự giá du xuân (mỗi khi ra ngoài trước tiên tới Sứ quán thăm hỏi Khâm sứ đại thần một lúc rồi phụng giá theo đường phố cạnh sông du lãm, lát sau hồi loan, thường quân hồ tưng và quý quan tiền vàng tiền bạc có thứ bậc khác nhau, hàng năm lấy đó làm lệ thường).

0132. Ngày Đinh ty (ngày 16) sai quan tế thần Kỳ Độc (1) (trước nay đầu mùa xuân hàng năm lập đàn ở phía đông nam ngoài thành, bày lễ vật cúng tế, đều do phủ Thừa Thiên chuẩn bị), trở đi đều theo đó thi hành.

(1) Kỳ Độc: cờ lớn kết lông vũ và lông đuôi trâu bò, là cờ của tướng sùỵ theo quân lễ ngày xưa.

0133. Lấy Thự Hiệp biện đại học sĩ nguyên Tổng đốc An Tĩnh Nguyễn Chánh lãnh Thượng thư bộ Hộ, nguyên Thượng thư bộ Hộ Trương Như Cương đổi lãnh Thượng bộ Binh, đều sung Cơ mật viện đại thần (Chánh về sau đội ơn được cho thực thụ Hiệp biện đại học sĩ, sung Kinh diên giảng quan).

0134. Sai bộ Binh và các quan thống lĩnh chỉnh đốn quân hiệu doanh trại (lúc bấy giờ quan Pháp đã giao trả các doanh trại trong kinh thành nên có mệnh ấy).

0135. Bề tôi Cơ mật viện nói ngày tháng 4 năm Đồng Khánh thứ 2 nguyên Toàn quyền Bihouard (1) nói đại bác bằng đồng của bản quốc (ngoài 9 khẩu loại lớn còn 611 khẩu) phá nát thành đồng khoảng 700.000 cân Tây (1.200.000 cân bản quốc) giao cho bản quốc nhận giữ, vẫn giao trả quý quốc 500.000 quan tiền Tây, tính ra tiền là 120.500 đồng để bổ sung phí tổn xây dựng đài Trấn Bình. Từ khi quý quan giao lại, cân được 287.449 cân Tây, giao cho Vũ khố hội đồng cân giữ chờ lệnh. Nay quý thương Bi Đa (2) muốn mua số đồng ấy, khoảng 700 tấn (3) (mỗi tấn giá 140 đồng 2 hào 5 xu), duy giá ấy chiếu theo số nguyên định thu tiền trả lại phí tổn vẫn không đủ. Nghĩ xét lại số đồng ấy phát mãi được bao nhiêu thì bản quốc cũng lấy đó giao trả cho triều đình quý Bảo hộ mà thôi, không phải cứ dựa vào số 500.000 quan tiền Tây đã định. Bèn chuẩn cho Bi Đa nhận mua, vẫn do bộ Hộ hội đồng với Vũ khố giao nhận.

(1) Nguyên bản viết là “Bi U”, tức Paul Louis Georges Bihouard. Nhân vật này giữ chức Tổng Trú sứ Trung – Bắc Kỳ từ 29. 1 đến 11. 9. 1887.

(2) Nguyên bản viết là “Bi Đa”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) Nguyên bản viết là “đôn”, tức phiên âm Việt Hán từ Pháp “tonne”.

0136. Cho Kim Thanh Hưng người bang Phúc Kiến nước Thanh tiền cứu trợ thuyền bị bão (chiều lệ cứu trợ thuyền bị bão mỗi người được nửa quan tiền, 1 phượng gạo, nay chước cấp cho mỗi người 10 quan, cộng 150 quan). Thuyền của y bị bão dạt vào cửa biển Tư Hiền, chuẩn cho quan phủ Thừa Thiên trích tiền quan cấp cho. Từ đó trở đi, nếu có thuyền bị bão dạt vào cũng chiếu theo đó mà làm.

0137. Bãi bỏ tên hiệu Đồng Châu xã ở Bình Thuận. Trước là người Nam Trung ra lưu ngụ ở hai tỉnh Bình Thuận, Khánh Hòa rất đông, năm Tự Đức thứ 35 chuẩn cho lập Đồng Châu xã (nhân đinh chiếu lệ xã Minh Hương, thuế thân đồng niên 10 quan, lại chiếu theo ruộng vườn mà đóng thuế), đến lúc ấy Khâm sứ Hector cho rằng người Nam Trung cư trú rải rác ở các tỉnh, nếu lập riêng danh hiệu thì rất đáng ngại. Viện thân tư cho Tổng đốc Thuận Khánh (Vũ Doãn Tuân) bàn bạc với Trú sứ bàn bạc tiền hành, lại chuẩn cho Huỳnh Bá Trinh (người Nam Trung, nguyên quyền Tiểu phủ sứ mắc bệnh về nghỉ ở tỉnh Khánh Hòa) luân phiên tới hai hạt bàn bạc giúp đỡ thu xếp cho ổn thỏa (Đồng Châu xã nhân đinh có 30 người, cho phép theo đồn điền nhận thực lưu ngụ, ruộng gồm 153 mẫu làm sổ sách rõ ràng, sáp nhập vào ấp Vĩnh Xuân sở tại chiếu lệ nạp thuế). Danh hiệu Đồng Châu xã cùng từ đường (ở phủ hạt Hàm Thuận) đều triệt bỏ.

0138. Dự chuẩn cho Thượng thư bộ Binh sung Phụ chính đại thần thứ tư Trương Quang Đản thăng Thự Hiệp biện đại học sĩ sung hàm như cũ. Quang Đản mấy lần dâng sớ từ chối (đại lược nói “Hiệp biện đứng đầu Lục khanh, chỉ sau bốn Điện hàm, ắt phải là người độ lượng tài thức mới xứng đáng. Huống hồ đang gặp lúc thời tiết không hòa, nhân dân còn khổ, đã không có tài điều nhiếp lại không có sức văn hồi, lại nghiêm nhiên nhận chức, như thế thì sĩ phu sẽ nói gì, trăm họ sẽ nói gì. Thân khản thiết xin thu hồi mệnh lệnh đã ban ra”). Vua nói “Khanh là nhà thế thần, nên gắng sức làm việc nước, không được chối từ”.

0139. Sai Tổng đốc An Tĩnh nghiêm sức dân gian không được chọn lựa các loại tiền đồng. Lúc bấy giờ các tỉnh từ Quảng Bình, Quảng Trị trở vào nam dân đói gạo đắt, cái ăn khó khăn, tình cảnh quẫn bách. Bề tôi Đô sát

viện tâu xin sai quan chia nhau đi các nơi trừ hoạch cứu giúp, đã được chuẩn cho thi hành, kể Khâm sứ đại thần Hector bàn nói không tiện bèn đình lại. Bèn sai quan viên các tỉnh quyền góp giúp đỡ việc chẩn tế để giúp dân lúc khó khăn.

0140. Đình lệ điểm duyệt binh đình đầu mùa xuân (trước đây theo lệ đầu mùa xuân hàng năm trong kinh ngoài tỉnh tập hợp binh đình điểm duyệt thao diễn, nhưng lúc bấy giờ các quân binh khí chưa được đầy đủ nên chuẩn cho đình).

0141. Tháng 2. Khâm sứ đại thần Hector bàn nói trước đây vì hai miền nam bắc của bản quốc có việc, nước Đại Pháp tuân theo hòa ước bảo hộ giúp đỡ đã phái quan binh đồn trú rất nhiều nơi, hiện nay nam bắc đã hơi yên ổn, nghĩ nên giảm bớt, chỉ lưu quan binh đóng lại ở ba nơi là đài Trấn Bình và cửa Thuận An, cửa Đà Nẵng (1). Còn lại từ Thanh Hóa trở vào nam hiện còn giặc cướp, nên tuyển 3.000 biên binh khỏe mạnh, khí giới đầy đủ hợp sức cùng quan binh bản quốc chia nhau đánh dẹp. Lại nên nghiêm sức cho các địa phương gia tâm kiểm soát tình hình (xây ra trộm cướp hoặc giặc cướp ngấm ngầm tụ họp hoặc nổi dậy hoặc việc gì khiến dân không yên), bàn bạc với Trú sứ hoặc quan binh các đồn đóng gần đó để sớm diệt trừ. Nếu không gia tâm phòng bị kiểm soát, một khi xảy ra việc thì quý quốc không khỏi phải phái binh trở lại chia ra đóng giữ, khó mà lại triệt bỏ. Chuẩn cho lập tức sao ra thi hành.

(1) Nguyên bản phân nhiều chép là “Đà tấn”, có khi chép là “Đà Nẵng”, trở đi chúng tôi nhất loạt dịch là Đà Nẵng.

0142. Chước định ngạch gián binh của các tỉnh (Thanh Hóa 600, lính đồng thường trực 46 người, Nghệ An cả quân mộ và quân thường trực 700 người, Hà Tĩnh 600, Quảng Bình 250. Quảng Trị 200, Quảng Nam 400, Quảng Ngãi 200, Bình Định 280, Phú Yên 200, Khánh Hòa 237, Bình Thuận 200).

0143. Định lệ các dịch trạm trong kinh ngoài tỉnh chia ban (ngoài Dịch thừa Dịch mục thì chia làm ba ban, một ban lưu, hai ban về) chước lượng lệ lưu lại.

0144. Định lệ lính lệ ở các phủ huyện chia ban, chước lượng lưu lại (chia làm ba ban, hai ban lưu, một ban về. Các huyện thuộc phủ Thừa Thiên cùng các phủ thuộc tỉnh đều lưu lại 20 người, cho 10 người về. Các huyện thuộc tỉnh đều lưu lại 13 người, cho 7 người về để được như nhau mà tránh lãng phí)

0145. Dồn giảm số vệ đội kinh binh (vệ Tả Hữu dực doanh Vũ lâm và vệ Thần cơ doanh Long vũ nguyên là 2 vệ nay dồn làm 1, giảm 2 Suất đội. Doanh Tiền phong vốn có 3 vệ, nay dồn làm 1 vệ, giảm 1 Quản vệ, 8 Suất đội. Doanh Hồ uy thì vệ Hùng nhuệ giảm 1 Quản vệ, 11 Suất đội, các vệ Trung bảo Tiền bảo Tả bảo Hậu bảo tăng dồn cho đủ 10 đội, là tăng 1 Quản vệ, 4 Suất đội. Thủy sư vốn trước có 6 vệ, nay dồn làm 2 vệ, giảm 27 Quản vệ Suất đội. Vệ Thượng tứ vốn trước có 7 đội dồn làm 5 đội, giảm 2 Suất đội. Quân ở phủ vốn có 6 đội dồn làm 5 đội, giảm 1 Suất đội. Cẩm y, Kim ngô, Loan giá dồn làm 2 vệ, giảm 1 Vệ úy. Các đội sách Anh danh Giáo dưỡng chỉ lưu 1 Quản vệ, giảm 2 Suất đội. Ty Hộ vệ có 1 Suất đội vẫn giữ như cũ. Cảnh sát 3 đội do quan viên hiệp lãnh cùng quản. Nhạc chính 2 đội có 2 Nhạc trưởng vẫn giữ như cũ. Quân viện Vũ bị hợp với Tư pháo làm 1 đội. Đội Ngự hộ và đội Tài thụ dồn làm 1 đội. Vệ Kỳ vũ vốn có 8 đội dồn làm 5 đội, giảm 1 Quản vệ 3 Suất đội. Vệ Tuyển phong vốn có 8 đội dồn làm 4 đội, giảm 1 Quản vệ 4 Suất đội. Vệ Kinh tượng vốn có 10 đội dồn làm 5 đội, giảm 1 Quản vệ 5 Suất đội. Vệ Long chu vốn có 6 đội dồn làm 5 đội, giảm 1 Quản vệ 1 Suất đội. Vệ Võng thành vốn có 4 đội dồn làm 3 đội, giảm 1 Quản vệ 1 Suất đội. Vệ Phụng hộ vốn có 8 đội dồn làm 6 đội, giảm 1 Quản vệ 2 Suất đội. Vệ Thủ hộ vốn 10 đội dồn làm 7 đội, giảm 1 Quản vệ 3 Suất đội. Vệ Trấn phủ vốn có 2 đội hợp làm 1 đội, giảm 1 Suất đội. Hai đội Tạo chu, Thiện chu vốn đặt 1 Giám đốc 1 Bang tá, còn các ty Loan nghi Cảnh sát Kỳ cô, các đội Lý thiện, Thượng thiện, Phụng thiện, Dực chân, viện Thượng trà mỗi đội có khi ba bốn mươi người đều vẫn lưu 1 Suất đội. Trở lên số quân ngoài số lo việc tế tự ở Thái miếu, bảo vệ sơn lăng và Anh danh Giáo dưỡng có tất cả hơn 10.000 người, lên ban xuống ban đều hơn 5.000 người, đặt 40 Quản vệ, 204 Suất đội, giảm 17 Quản vệ 95 Suất đội).

0146. Thà hết số thuế năm trước còn thiếu ở các tỉnh đạo Bắc Kỳ (mùa đông năm trước Bắc Kỳ bị hạn hán lụt lội, mùa màng tổn thất, dân bị thiệt hại rất lớn, chuẩn tha hết những tiền thuế còn thiếu trong các năm Đồng Khánh thứ 1, thứ 2, thứ 3. Duy các hạng thuế năm trước còn thiếu thì sức thu cho đủ), là theo lời nghị của Toàn quyền Thống sứ đại thần.

0147. Đình hoãn việc xây dựng các sở. Lúc bấy giờ thời tiết không hòa, nhân dân binh thợ phần nhiều mắc bệnh, bề tôi Đô sát viện dâng sớ xin tuân theo lời chuẩn năm Đồng Khánh thứ 1 (gần đây thời tiết không hòa, trong thành thỉnh thoảng có bệnh dịch, việc xây dựng trừ những nơi cần gấp thì thông thả sửa sang, còn lại đều đình hoãn, chờ thời tiết hơi tốt hơn sẽ tiếp tục), phạm những việc xây dựng việc nào khẩn cấp thì thông thả sửa sang, còn lại đều đình hoãn.

0148. Thân định cấm các quan thu đòi thuế khóa (ở kinh do Thống chương, ở tỉnh ngoài do Đề đốc Lãnh binh nghiêm sức cho thuộc cấp kính tuân kỷ luật điều cấm, không được tự ý thu đòi thuế khóa), vẫn do quan viên Chương án Binh khoa thường xuyên kiểm tra xem xét. Trở đi nếu ai vẫn thu đòi thuế khóa thì giáng chức bắt giam nghiêm trị. Đây là theo lời xin của bề tôi Phủ Phụ chính.

0149. Thân định rõ thể lệ tờ tư tờ tấu (trở đi phạm công việc của các nha trong kinh ngoài tỉnh nên tâu nên từ đều phải tuân theo thể lệ mà làm. Như việc tuyển chọn cất nhắc phải tâu đúng thời hạn, việc thăng trật thực thụ

phải tự. Nếu vẫn làm sai làm vượt như trước, hoặc nên làm tập tâu mà tùy tiện tư tất, hoặc nên tự để thi hành mà lại làm tập tâu thì theo luật xử tội cho có phép tắc).

0150. Tháng 2 nhuận. Chuẩn cho Thự Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lại sung Cơ mật viện đại thần Bùi Ân Niên được thực thụ Hiệp biện đại học sĩ, sung làm Phụ chính đại thần thứ năm, những chức hàm khác vẫn như cũ. Ân Niên dâng sớ từ chối (đại lược nói chức vụ Phụ chính công việc rất nhiều, viên ấy tuổi cao sức yếu, độ lượng rộng rãi, kẻ sách chu đáo thì không bằng Nguyễn Trọng Hợp, kiên thức mau lẹ, suy nghĩ tinh tế thì không bằng Trương Quang Đản, ngẩng xin đình bãi hàm mới). Vua không cho, kẻ lại chuẩn sung Phó Tổng tài Quốc sử quán.

0151. Thân định lệ đổi cấp tiền thay ruộng ngụ lộc cho công thần (chiều theo lời nghị tháng 2 năm Tự Đức thứ 36, mỗi mẫu đồng niên cấp tiền 40 quan, bắt đầu từ năm nay. Những công điền đã cấp thì giao lại cho dân chia cấp, ruộng tịch sản do quan nhận lãnh). Kế chuẩn chiều lệ cấp tiền tự điền cho công thần Vọng Các Đao Hùng quận công Nguyễn Văn Trương, Bảo quốc huân thần Vĩnh Lại quận công Nguyễn Hữu Độ (mỗi người 10 mẫu, đổi cấp tiền đồng niên mỗi mẫu 40 quan). Sau lại chuẩn tự điền vốn cấp cho các công thần khai quốc và công thần trung hưng, nếu đã vào sổ sách thì đều cho giữ như cũ.

0152. Cấp từ phụ cho đền thờ Anh Duệ hoàng thái tử (15 người).

0153. Giảm bớt quan viên chức dịch trong ngoài.

0154. Thân định cấm xã dân không được cầm cố công điền liên tiếp nhiều năm (trở đi dân gian cầm cố công điền phải được quan địa phương phê chuẩn, vẫn theo lệ trước không được quá 3 năm, hết hạn thu ruộng lại giao cho dân xã chia cấp).

0155. Bề tôi Phủ Phụ chính tâu nói từ mùa đông năm trước đến nay, các tỉnh các phủ dịch khí lan tràn, vẫn chưa yên ổn, xin ban sắc cho hai bộ Lại, Bình lập danh sách về những người bị giam cầm oan ức sau khi kinh thành có biến (hoặc rủi ro trúng đạn, hoặc vì việc bị xử tử, hoặc bỏ mạng nơi rừng rú, hoặc đang bị giam cầm), chức lượng ra ơn giải oan, cùng nhau đổi mới. Lại chuẩn cho các quan văn võ vì việc mà chết đều được truy tặng thêm một trật, quân binh thì ban tiền tuất gấp đôi. Lại sắc cho các nha môn thuộc bộ Hình ngoài những trọng phạm đều phải tùy việc mà phân xử, không được qua loa mà bắt giữ giam cầm hành hạ. Lại thân sức cho các phủ thần quan tỉnh đều tuân theo dự trước mà làm (như hết lòng tính toán cẩn tể và tới đền miếu thành kính cầu khẩn), để được yên ổn.

0156. Bề tôi Phủ Phụ chính tâu xin việc ăn mặc trong cung đều do Phủ Nội vụ dâng lên, còn những khoản trong cung sắc phái người đi mua thì vĩnh viễn đình chỉ.

0157. Toàn quyền đại thần Piquet tới kinh vào yết kiến và dâng quốc thư (quý Giám quốc Carnot (1) trả lời thư thông hiếu và thư của Thượng thư Bộ Ngoại vụ Étienne (2) trả lời thư Cơ mật viện). Sai đãi yến ở lầu Thái Bình ngự lãm thư, chuẩn cho bề tôi Cơ mật viện thương nghị các việc quan yếu (Một khoản về việc Bắc Kỳ chờ tiền về kinh, Toàn quyền Paul Bert (3) ưng thuận mỗi năm trích chờ tiền gạo tính ra là 2.280.000 quan, nhưng chưa chờ thì Toàn quyền Bihouard đổi định chỉ ưng thuận cho chờ 1.500.000 quan tiền Tây. Tháng 8 năm Đồng Khánh thứ 3 Toàn quyền Richaud lại thay đổi, ưng thuận năm đầu cho chờ 500.000 quan, năm thứ hai 1.000.000 quan, năm thứ ba 1.500.000, năm thứ tư 2.000.000 quan, nay xin chậm chức ưng thuận. Năm trước đã chờ về 500.000 quan, những năm về sau cũng xin ưng thuận cho chờ về. Một khoản về việc trả tiền phá hủy pháo đồng, Toàn quyền Bihouard ước lượng số đồng ấy khoảng 700.000 cân Tây, giao về vốn phải trả cho quý quốc 120.500 đồng. Giả như tương lai phát mãi toàn bộ vẫn còn thiếu nhiều, xin nhận số đồng ấy, phát mãi được bao nhiêu thì số còn lại không nói tới nữa, đã được ưng thuận, xin ban cho giấy tờ rõ ràng để làm bằng. Một khoản về việc mua súng pháo, khoảng 2.400 khẩu để tiện cho quân sĩ trong kinh ngoài tỉnh luyện tập, chia ra phòng giữ ngũ hầu giảm được quân phí cho quý quốc. Số tiền mua súng pháo ấy xin sẽ nạp đủ). Trở đi khoản tiền mà quý Toàn quyền cho chờ từ Bắc Kỳ về kinh (năm 1889 chờ về 500.000 quan tiền đồng) thì trích ra trừ tiền mua pháo đồng, số còn lại chờ khi kinh phí Bắc Kỳ có thừa sẽ trả lại khoản tiền phá hủy pháo đồng. Nghị khoản tiền mua cấp súng pháo thì phải có, nhưng triều đình nước Pháp đã có mệnh lệnh thôi cho lính tập giữ việc phòng giữ).

(1) Nguyên bản viết là “Ca Ra Đô” (có chỗ viết là “Ca Nô” nhưng cũng là một người), tức Marie François Sadi Carnot. Nhân vật này giữ chức Tổng thống Pháp từ 1887 đến 1894.

(2) Nguyên bản viết là “É Chỉnh”, tức Eugène Étienne. Nhân vật này giữ chức Thứ trưởng đặc trách Thuộc địa (Sous-secrétaire d'État aux Colonies) từ 14. 3. 1889 đến 27. 2. 1892 chứ chưa phải là Thượng thư - Bộ trưởng. Vào thời gian này bộ phận phụ trách thuộc địa trong Nội các Pháp chưa chính thức trở thành một bộ, chẳng hạn đến 1881 nó thuộc bộ Hải quân và Thuộc địa (Ministère de la Marine et des Colonies), cuối 1881 thuộc bộ Thương mại và Thuộc địa (Ministère du Commerce et des Colonies), đầu 1882 lại thuộc bộ Hải quân, đầu 1889 lại thuộc bộ Thương mại, đầu 1892 lại thuộc bộ Hải quân, đến 20. 3. 1894 mới chính thức trở thành bộ Thuộc địa (Ministère des Colonies).

(3) Nguyên bản viết là “Côn Pha”, tức Paul Bert. Nhân vật này giữ chức Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kỳ từ tháng 4 đến tháng 11. 1886.

0158. Khâm sứ đại thần Hector sao giao tờ trát của Tổng đốc Lương Quảng họ Trương nói bọn Lê Thuyết, Trần Xuân Soạn, Ngụy Khắc Hương, Trần Văn Đống, Hồ Quỳnh tới đất Việt cầu viện. Tổng đốc Lương Quảng sai cư trú ở tỉnh thành, về sau vì khó ngăn giữ chu tất nên sức đưa bọn ấy tới an trí ở châu La Định (cấp cho cái ăn vật dùng, lấy số 15 người tới trước tiên làm hạn). Bề tôi Cơ mật viện đem việc tâu lên.

0159. Chuẩn cho thương nhân người Tây Dupuis lãnh trưng thuế gỗ ván và thuế đầu nguồn ở ba hạt Thanh Nghệ Tĩnh (thuế gỗ ván hạn 10 năm, thuế đầu nguồn hạn 5 năm, tiền thuế đồng niên là 800 đồng). Bộ Hộ (1) viện lệ năm trước (tháng 2 năm Đồng Khánh thứ 3), lãnh trưng thuế gỗ ván và thuế đầu nguồn ở hạt Thanh Nghệ chỉ trong 2 năm, thuế mỗi năm 11.471 đồng, nay tăng lãnh cả hạt Hà Tĩnh, niên hạn đã tăng gấp đôi mà tiền thuế lại bớt đi, nhiều lần bàn với Cơ mật viện đòi đình lại. Quý sứ trả lời nói Toàn quyền đại thần đã đồng ý cho thương nhân người Tây ấy lãnh trưng, bèn chước định khoán ước 20 khoản cấp bằng cho làm, bắt đầu từ tháng này (tiền thuế 11.471 đồng còn thiếu chiếu theo lời hứa đến kỳ nạp đủ).

(1) Nguyên bản chép là “Y bộ” (bộ ấy), là “Hộ bộ” (bộ Hộ) bị chép lầm, đây đính lại như trên.

0160. Tháng 3. Nghị định lệ ba năm tế Giao một lần. Lệ trước đây mỗi năm tế Giao một lần, bề tôi Phủ Phụ chính xin tham chiếu lệ cũ thời Hán thời Tống (ba năm tế Giao một lần) vào các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu (theo lệ ngày 9 tháng 1 tế cáo, đến kỳ thì làm lễ). Bèn ban dụ nói “Vương giả thờ trời không gì lớn bằng tế Giao. Hệ từ Kinh Dịch nói Xem xét động tĩnh để tiến hành điển lễ, quý chỗ hợp thời. Triều ta sau khi Thế tổ Cao hoàng đế đại định, lập đàn tế Giao, sai bề tôi bộ Lễ khảo xét kinh tịch thời cổ, hàng năm đầu mùa xuân kính cẩn lo việc tế tự, tới như lo việc hương hoa chuông trống cúng tế thì nhiều năm nay vẫn truyền làm điển lớn. Từ khi có việc, lễ lớn bỏ phế lâu ngày, trầm vừa lên ngôi, rất kính điển trước, đặc biệt chuẩn cho bộ Lễ tìm xét điển lễ của các đời cùng của bản triều châm chước bàn bạc tâu lên. Và lại thời tiền cổ thuần hậu giản dị nên hàng năm làm lễ tế Giao, đến đời sau nghi thức rườm rà nên thường coi việc cử hành là khó. Xét từ Tiên Hán đến Đường Tống đều ba năm tế Giao một lần, quả thật là nhân thời thế chế cách thức cho phù hợp, lấy khoảng thừa ra để tỏ rõ là khác trước. Nay sức dân chưa nhàn, kho tàng chưa đủ, vật liệu trang hoàng, phu thợ điều bát còn chưa được như trước mà hàng năm cử hành đại lễ thật có chỗ khó khăn. Nay theo lời tâu của bề tôi Phủ Phụ chính, qua đình thần duyệt rõ, rất hợp ý trầm. Nay nên tham khảo ghi chép thời trước, ba năm cử hành đại lễ tế Giao một lần, bắt đầu từ năm Tân Mão Thành Thái thứ 3. Cử đến năm tế Giao thì trước tiên chọn ngày tốt trong tháng 2, theo lệ trước đến ngày 9 tháng 1 kính làm lễ tế cáo ngày tế Giao, đến hôm ấy thì làm lễ. Còn như các việc cần làm chuẩn do bộ Lễ bàn rõ, cốt phải phù hợp, trình rõ với đình thần phúc duyệt tâu lên thì hành, theo thứ tự mà làm cho việc lễ được trọng thể. Dụ này cho hữu ty sao ra cho trong ngoài kính tuân”.

0161. Chuẩn cho Thự Văn Minh diện đại học sĩ sung Phủ chính đại thần thứ ba Nguyễn Trọng Hợp lãnh Thượng thư bộ Binh, Thượng thư Thự Hiệp biện đại học sĩ sung Phủ chính đại thần thứ tư Trương Quang Đản lãnh Thượng thư bộ Lễ, Tham tri lãnh Thượng thư bộ Binh Trương Như Cương đổi lãnh Thượng thư bộ Công, nguyên sung hàm Văn thần Phò mã vẫn giữ như cũ, Tham tri lãnh Thượng thư bộ Lễ Tôn Thất Vịnh chuyên sung Tả Tôn khanh Phủ Tôn nhân, Thượng thư bộ Công Huỳnh Vĩ đổi làm Thự Tổng đốc lãnh Tuần phủ Nam Ngãi.

0162. Sắc sai hoàng đệ Bửu Thiện (tức Bửu Tấn, Tuyên Hóa công), Bửu Kiên (tức Hoài Ân công), Bửu Lũy (tức Mỹ Hóa quận công đã quá cố) ra Nội các đọc sách.

0163. Đình lệ thuộc viên văn ban đi tuần ban đêm (việc đi tuần ban đêm trong kinh thành vốn do vũ ban chuyên trách, về sau vì có việc nên lấy ấn quan Lục bộ dự vào. Bề tôi Phủ Phụ chính cho rằng Lục bộ việc nhiều, xin chuyên giao cho vũ ban tuần tra kiểm soát, nên chuẩn cho đình).

0164. Khôi phục lệ hạch bỏ những Tú tài trên 40 tuổi tình nguyện làm việc quan (chiếu theo lời nghị chuẩn năm Tự Đức thứ 26 tuân hành).

0165. Chia đặt các tỉnh đạo mới ở Bắc Kỳ (trích các phủ huyện Thái Bình, Kiến Xương tỉnh Nam Định lập tỉnh Thái Bình, vẫn trích các huyện Nam Xương, Bình Lục, Thanh Liêm thuộc Hà Nội, các huyện Phong Doanh, Ý Yên thuộc Ninh Bình đổi lệ vào tỉnh Nam Định. Lại trích các phủ huyện Mỹ Đức, Chương Mỹ và tỉnh Phương Lâm đặt lại đạo Mỹ Đức, trích bốn huyện Mỹ Hào, An Mỹ, Văn Lâm, Cẩm Lương vốn thuộc các hạt Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh làm đạo Dịch Lâm).

0166. Thống sứ đại thần (1) Bắc Kỳ Briere về nước, Quyền Khâm sứ Bonnal (2) tới thay.

(1) Nguyên bản viết là “Khâm sứ đại thần”, là “Thống sứ đại thần” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

(2) Nguyên bản viết là “Bô Nan”, tức Jean Thomas Raoul Bonnal. Nhân vật này giữ chức Quyền Thống sứ Bắc Kỳ từ 7. 4. 1890 đến 3. 2. 1891.

0167. Chước định lệ phẩm vật đồng niên cho các đền miếu (gần đây vì có việc nên chước giảm. Bộ Lễ xin tham chiếu lệ trước khôi phục lại châm chước cho phù hợp để tiện tuân hành).

0168. Dời chợ Đông Gia qua phía tây cửa thành (chợ vốn ở cửa Đông Môn, chưa được tiện lợi, Nha Tu lý xin dời xây ở bên phải, mở riêng đường lớn để tới Gia Hội, đều do người lãnh trưng là bọn Nguyễn Hữu Lộc, Nguyễn Hữu Nên (1) chiếu theo bản đồ quy thức nhận lãnh xây dựng, lại cho lãnh trưng tiền thuế trong 5 năm liên

tiếp (12.000 quan). Kế thi hành điều khoản trung thu thuế chợ đã định (phạm gian hàng trong chợ hai bên quay mặt ra phố thuế đồng niên hạng nhất 54 quan, hạng hai 36 quan, hạng ba 18 quan. Cửa hiệu đặt trong chợ thuế buôn bán hạng nhất bán gạo đậu, vải vóc, bò heo mỗi ngày thu 1 mạch (2) 40 đồng kẽm, hạng hai bán vàng mã, thuốc hút, miến, trứng, dầu, rượu thu 1 mạch 20 đồng kẽm, hạng ba như đồ sành, đường đen, trưng mắm thu 1 mạch, hạng tư như than củi, trầu cau, muối rau, hoa quả, chiếu tre, bánh cháo thu 40 đồng kẽm. Nếu người buôn bán trong chợ không có hàng quán, tùy tiện tìm chỗ buôn bán thì cứ bán được 1 quan thu tiền 6 đồng kẽm. Còn các thuyền chở hàng hóa đỗ lại bên, thuyền lớn mỗi ngày thu 1 mạch 30 đồng kẽm, thuyền vừa thu 1 mạch, thuyền nhỏ thu 30 đồng kẽm. Thuyền nào không chở hàng hóa và những quán xá cách chợ hơn 10 trượng thì không được thu thuế. Nếu người lãnh trung làm trái lệ thu bừa, thì lần đầu phạt tiền 30 đồng, lần sau sẽ thu bằng không cho lãnh trung nữa).

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “*niên + thành*”.

(2) *Mạch*: đơn vị tiền tệ thời Nguyễn, còn được sử dụng đến đầu thế kỷ XX ở vùng Trung Bắc. Thời Nguyễn quy định 1 quan gồm 600 đồng (văn) kẽm, 1 mạch gồm 60 đồng kẽm.

0169. Định lệ trả tiền chờ hàng cho thuyền dân (thuyền chở gạo hạng lớn mỗi chiếc 58 quan, hạng vừa 48 quan, hạng nhỏ 30 quan. Thuyền chở gỗ đá qua một hạt hạng lớn mỗi chiếc trả tiền công 60 quan, hạng vừa 50 quan, hạng nhỏ 40 quan, qua hai ba hạt trở lên thì chiếu theo đó tăng thêm một nửa).

0170. Thân định lệ thưởng phạt trong việc trung lương (bộ Hộ chiếu theo lời nghị năm Tự Đức thứ 23 và Tự Đức thứ 36 đặt ra Nghị định, tất cả 11 khoản).

0171. Sai chần cấp cho dân đói ở Bắc Kỳ (vì gân dây giặc cướp quấy nhiễu, ruộng vườn bỏ hoang, kể đó mùa đông năm ngoài bị hạn nặng).

0172*.** Mùa hạ, tháng 4. Ban dụ truy tôn Thụy Nguyên quận vương là Hoàng khảo Cung Huệ hoàng đế, tôn xưng Hoàng lệnh từ là Hoàng mẫu. Lời dụ nói “Lễ không gì lớn bằng nói đạo thống, hiếu không gì lớn bằng tôn người thân. Duy nghĩa ắt ứng kính, mà việc được hợp đạo, từ xưa đã có, việc cũng khác nhau. Truy lại Bản Thủy (1) lo toan kế thuật, Quảng Minh (2) cung kính sơn lăng, tình văn đều đủ, về lễ không hiềm. Kế tới Nguyên Minh, về sau càng mật, nhưng điển chương vốn rõ, việc cũ vẫn còn. Quốc triều đầu đời Gia Long kính dựng miếu hoàng khảo, lại kính sửa lăng Cơ Thánh (2), theo bản đồ chọn lựa đã hợp thể thức lăng miếu, nhân núi gò xây dựng cũng không xa xỉ quy mô, tôn sùng đủ lễ, danh thực cùng sánh hết mức như thế. Lại như vui thờ Đông Triều (3), tôn xưng Hoàng mẫu, khiêm mà lưu sáng, trải vâng từ huấn, việc ấy không dám sánh nhưng phép hay rõ rõ, để lại đến nay. Kính nghĩ tiên quận vương được Dục tông Anh hoàng đế lập làm hoàng tử, lâu rồng thăm hỏi (4) là ở ý vua, để chờ ghé ngọc tuyên phong sai nói ngôi báu, ngôi vị đã định, người đều thấy nghe, nhưng vừa mới cử tang đã gặp rời hoàng ốc (5). Kính noi đức tốt, ắt hưởng danh cao, truy niệm tiếng hay, khôn nguôi cảm mộ. Nay trẫm lấy thân phận đích trưởng tôn của Dục tông Anh hoàng đế nối theo Cảnh tông Thuần hoàng đế, nghĩ việc kế thừa tôn miếu là trọng, sớm tối sợ sệt, không dám lơ là. Mới rời hoàng thân Tôn nhân Phủ Phụ chính đình thần văn vũ kê cứu điển lệ, ngăn tuân di chiếu của Dục tông Anh hoàng đế, xin dâng tôn danh cho tiên quận vương là Hoàng khảo, lại bản dâng tôn hiệu, trong ngoài đều đồng lòng. Trẫm xem xét rõ ràng, nghĩ có chỗ hợp, đã tâu lên với hoàng tăng tổ mẫu Từ dũ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu, hoàng tổ mẫu Trang ý Thuận hiệu Thái Hoàng thái hậu thánh giám, kính vâng chỉ dụ của hai cung, sai bề tôi bộ Lễ kính chọn ngày tốt bưng kim sách kim bảo dâng tôn Thụy cho hoàng khảo là Cung Huệ hoàng đế, xây dựng tẩm miếu riêng trong kinh thành. Tôn lăng chiếu theo quy cách trước đây, truy xưng là lăng, tên là An lăng, bốn mùa thờ cúng, kính sai quan trông coi, tới như kính gặp ngày sinh ngày kỵ cùng theo mùa dâng cúng, trẫm sẽ kính tới chiêm bái, làm lễ người nhà để tỏ lòng hiếu. Việc phụng sự từ thân thì kính bưng kim sách kim bảo dâng danh hiệu là Hoàng mẫu. Trở lên nghi thức thể nào thì do hữu ty theo từng khoản bản bạc tâu lên để thi hành. Tập tâu của hoàng thân Tôn nhân, Phủ Phụ chính, đình thần và các địa phương thì lưu trong Nội các, cũng sao ra một bản giao Quốc sử quán cất giữ, để làm rõ điển lớn, ngõ hầu tế cúng miếu đường nghiêm trang cung kính, nhân hiếu tuân lời bảo lỵ, to lớn nổi mở cơ đồ, là điều trẫm thường lo nghĩ (6) để ngăn nói theo mệnh trời nghiệp tổ, lưu phúc đến vô cùng vậy! Dụ này cho sao ra cho trong ngoài cùng biết”.

(1) Bản Thủy... sơn lăng: *Bản Thủy* là niên hiệu đầu tiên của Hán Tuyên đế Lưu Tuân lúc vừa lên ngôi, đây chỉ việc trung hưng vương triều. Xem chú thích (5) điều 0002.

(2) *Lăng Cơ Thánh*: tức lăng Hưng tổ Hiếu Khang hoàng đế Nguyễn Phước Noãn, cha vua Gia Long.

(3) *Vui thờ Đông Triều*: *Đông Triều* chỉ thái hậu. *Vui thờ Đông Triều* đây chỉ việc vua Tự Đức hiếu thuận với Thái hậu Từ Dũ.

(4) *Lâu rồng thăm hỏi*: nguyên văn là “long lâu vấn tẩm”. “Long lâu” là cửa cung của thái tử thời Hán, sau dùng chỉ chung ngôi thái tử, “vấn tẩm” là thăm hỏi sức khỏe của bậc tôn trưởng. *Lâu rồng thăm hỏi* đây chỉ việc vua Dục Đức được vua Tự Đức chọn làm người nối ngôi, cho vào ở trong Dục Đức đường.

(5) *Gặp rời hoàng ốc*: *hoàng ốc* là xe mui vàng của thiên tử. Đây chỉ việc vua Dục Đức vừa mới cử tang vua Tự Đức đã bị phế truất.

(6) Nguyên bản chép là “thị trẫm sở niệm tư tại tư”, là “thị trẫm sở niệm tại tư” bị chép lầm, đây dính lại như trên.

0173. Trùng tu các miếu, lấy Thự Hữu quân Nguyễn Trì trông coi công việc.

0174. Chế lại cáo sắc có trục cuốn sơn màu cho các công thần được tòng tự giao cho gìn giữ thờ cúng. Lúc đầu các bề tôi đội ơn được tòng tự đều được chế cấp cáo sắc có trục cuốn sơn màu để lưu lại đến vô cùng. Về sau gặp việc thất lạc, Từ tế sử Hồng Mục trình xin với bộ, bèn chuẩn cho chế lại ban cấp (Khai quốc tôn thân Nghĩa Hưng quận vương Tôn Thất Khê, Tá vận tôn thân Tương Dương quận vương Tôn Thất Hạo, Khai quốc công thần (trở xuống cũng thế) Uy quốc công Nguyễn Ứ Dĩ, Hoàng quốc công Đào Duy Từ, Tĩnh quốc công Nguyễn Hữu Dật, Vĩnh An hầu Nguyễn Hữu Cảnh, Tân Minh hầu Nguyễn Cư Trinh, Kiệt tiết công thần Nguyễn Cửu Dật, Tá vận công thần (trở xuống cũng thế) Lâm Thao quận công Châu Văn Tiếp, Ninh Hòa quận công Ngô Tông Châu, Kinh Môn quận công Nguyễn Văn Nhơn, Vĩnh Lại hầu Mai Đức Nghi),

0175. Chuẩn cho con cháu công thần Vọng Các và các bề tôi đã quá cố thừa ảm trông coi việc thờ cúng (cháu huyền tôn thứ hai của Hoài quốc công Võ Tánh là Võ Văn Long chuẩn đổi cho thừa ảm Kỳ đô úy, tập phong Hoài quốc tử, cháu tăng tôn của quận công Nguyễn Văn Thành là Nguyễn Văn Uyên, cháu tăng tôn của quận công Nguyễn Văn Khiêm là Nguyễn Thường Đính đều được tập ảm Phi kỵ úy, cháu huyền tôn của Hựu Đức hầu Ngô Hữu Hựu là Ngô Hữu Thành tập ảm Ân kỵ úy, cháu đích tôn của Tiền quân Đô thống Hồ Uy là Hồ Kỳ cho tập ảm Chánh Thất phẩm Thiên hộ, con Tổng đốc Long Tường Đoàn Văn Phú là Đoàn Văn Tường cho tập ảm Tùng Thất phẩm, con Quang lộc tự khanh Phạm Tấn là Phạm Năng Tuần cho tập ảm trao hàm Tùng Cửu phẩm).

0176. Phủ Tôn nhân, Phủ Phụ chính cùng đình thần văn võ tâu xin dâng tiền, phiên tâu đưa lên hai cung, vâng ý chỉ sắc nói “Trước nay những việc cần chi dùng trong cung đều cố gắng tiết giảm. Như trong niên hiệu Tự Đức kho tàng hơi đầy đủ mà những thức dâng riêng ngoài lệ đều từ chối không nhận, huống hồ hiện nay tiền ít mà chi phí lại nhiều, nên tuân nguyên lệ mà cung tiến, không được bừa bãi lần nữa. Tới như lương bổng của quan viên lớn nhỏ trong ngoài có nên tăng cấp hay không thì cho tùy các quan chức lượng bàn bạc”, cho sao ra để tuân phụng.

0177. Chuẩn cho Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên, Quyền Kinh lược sứ Bắc Kỳ Trần Lưu Huệ lấy hàm Tổng đốc quyền coi việc Kinh lược.

0178. Chuẩn trở đi phàm ngày vào chầu các bộ viện theo lệ tâu việc (mỗi lần một hai việc), là theo lời xin của bề tôi Đô sát viện Lương Quy Chính.

0179. Chuẩn trở đi vĩnh viễn đình chỉ lệ cho các viên Hiệu úy, Kiểm hiệu tình nguyện làm việc quan (theo lệ cũ con trai hoặc con nối dõi của các công chúa có một người được ảm thụ Cẩm y Hiệu úy, Cẩm y Kiểm hiệu, là được ảm thụ trao hàm ở nhà hầu hạ thờ phụng công chúa, vốn không có lệ đổi bỏ qua hàm văn giai để làm việc quan. Sau đó vì thỉnh thoảng đội ơn được chuẩn bỏ một hai người, về sau trở thành quá lạm. Đến lúc ấy bề tôi Phủ Phụ chính tâu chuẩn những người đã ra làm việc quan thì chức lượng bỏ hàm để tiện thờ phụng công chúa, còn lại đều đình chỉ).

0180. Sai quan (bộ Lại, Nội các, Đô sát viện) hội đồng khảo hạch những người được ảm thụ và lạc quyền chuẩn bị được cấp phẩm hàm (trong lệ có một khoản quy định con cháu Tôn thất và quan viên văn võ đã được ảm thụ từ 25 tuổi trở lên thì Tôn thất do Phủ Tôn nhân, Quan viên từ do quan sở tại xét thực tư cho bộ Lại chiếu lệ sát hạch. Ai có thể ghi tên lục dụng thì tâu xin chuẩn bỏ. Lại sĩ dân lạc quyền từ Thất phẩm tới Cửu phẩm nếu quả thật có học thức tình nguyện làm việc quan thì do bộ Lại, Nội các, Đô sát viện hội đồng khảo hạch đóng thành tập tâu dâng lên chờ bỏ. Năm ấy có 7 người bọn Hồ Văn Phúc dự trúng hạng thứ). Trở đi theo lệ ấy mà làm.

0181. Thân sức rõ lệ tiến cử người mình biết. Năm trước bộ Lại vì hồ sơ quá nhiều xin tạm đình khoản cử người mình biết xét thực tư về. Đến lúc ấy bề tôi Phủ Phụ chính xin theo lệ thi hành (theo lệ công cử, chuyên cử tháng 12 năm Tự Đức thứ 25), cho như lời tâu.

0182. Dụ sai quan phủ huyện các địa phương gia tâm vào chữ võ về (có hai việc chính sự quan trọng nhất là đốc thúc cày ruộng, khuyến khích đọc sách, để dân biết rõ thuế nước không thể không nộp đủ, kiểm tra trừ bỏ những tệ đoan khi phái người xuống làng thu thuế để dân được tiện lợi trong việc nộp thuế), kính tuân theo lời thánh dụ đầu niên hiệu Tự Đức (lấy câu “Thu thuế không những nhiều là võ về trong việc thu thuế” của Triệu Phương thời Tống (1) làm lời châm cho quan lại, ban bố khắp trong ngoài) mà làm.

(1) *Lấy câu ... Triệu Phương thời Tống: Tống sử, quyển 403, Liệt truyện 162, Truyện Triệu Phương chép Phương tự Ngạn Trực, người Hành Sơn, thi đỗ Tiến sĩ trong đời Hiếu tông, lúc ra làm Huyện lệnh Thanh Dương nói với Thái thú Sử Di Viễn “Thu thuế không những nhiều là võ về trong việc thu thuế, hình phạt không sai lệch là giáo hóa trong việc trừng trị”, người ta coi là danh ngôn.*

0183. Thân định lệ quan viên nghỉ tang (trở đi phàm quan viên văn võ từ Cửu phẩm trở lên và Hậu bổ, Cử nhân, Vũ cử, Tôn sinh, Ấm sinh, sinh viên Quốc tử giám tuân chiếu lời thánh dụ năm Tự Đức thứ 31, đều cho nghỉ đến khi mãn tang, Thự lại Thông phán, Lễ sinh, binh thợ các hạng chiếu lời nghị năm Tự Đức thứ 3 cho nghỉ một tháng, khoản quan viên đã mãn tang nhưng nhà nghèo, sau ba tháng tình nguyện làm việc quan thì vĩnh viễn đình chỉ.

0184. Định lệ tăng thêm lương bổng (phi tần các đời từ Nhất giai tới Cửu giai đều chiếu lệ trong niên hiệu Minh Mạng, từ vị nhập giai tới thị nữ chiếu theo lời nghị trong niên hiệu Tự Đức, đều tăng lương gấp đôi. Hoàng thân tôn tước đều chiếu theo lương bổng đang hưởng chức lương tăng lương gấp đôi. Quan viên lại dịch văn vũ trong kinh ngoài tỉnh đều chiếu theo lời nghị năm Kiến Phúc thứ 1 cũng tăng lương gấp đôi. Những người còn lại theo lệ cấp đủ hay cấp một phần có thứ bậc khác nhau).

0185. Bàn nghị giám bớt nha dịch tăng thêm lương bổng, vâng ý chỉ nói “Hiện tại bệnh dân chưa khỏi, kho tàng còn thiếu, nếu hiện tại cấp bổng quá nhiều thì sắp tới không khỏi phải tăng thêm thuế khác”, bèn ban sắc sai đình lại. Sau đó Khâm sứ đại thần nói lại chuyện ấy, lại chuẩn cho làm.

0186. Sách *Đại Nam điện báo tiện lãm* hoàn thành. Sách ấy năm trước bản định bắt đầu tu soạn, đã phái thuộc viên Cơ mật viện là bọn Nguyễn Duy Phan biên tập. Đến lúc ấy quý Tòa giao qua bản in sách gốc, tất cả 32 quyển, chuẩn do Cơ mật viện chia gửi cho các bộ nha phủ tỉnh chiếu theo thi hành (từ Thanh Hóa trở vào nam tới Bình Thuận định trả mỗi chữ 1 xu, Nam Kỳ và Bắc Kỳ định trả mỗi chữ 2 xu), đều sai người học tập để khi cần thì dùng.

0187. Bãi bỏ chức Đề đốc tỉnh Bình Định (vì việc bớt binh giảm).

0188. Thân định lệ thưởng người bắt được cộm (lệ trước bắt được 1 con cộm chỉ thưởng 30, 40 quan. Nay chuẩn trở đi phạm xã dân bắt được cộm bất kể đường xá xa gần đều cho đem móng, đuôi và bộ da trình nạp, ai bắt được một con cộm thưởng 100 quan. Đến tháng 3 năm thứ 4 Toàn quyền đại thần bản định bắt được một con cộm thưởng 12 đồng, một con beo thưởng 8 đồng, do ngân sách của Bảo hộ cấp phát).

0189. Thân định lệ đệ án cho Bắc Kỳ (trở đi các tỉnh ở Bắc Kỳ, trừ những vụ án dâng tờ tâu chờ chỉ và tư án chờ phúc duyệt thì vẫn tuân theo lệ cũ mà làm, bộ Hình làm phiếu duyệt xong chuyển giao cho Đô sát viện phúc duyệt, còn lại như tòa Đề hình kết án thì bản giao cho Nha Kinh lược duyệt. Còn các vụ án mà tù phạm đã hoặc chưa phát phối và tù phạm bị xử quyết đã đóng tập và tư về duyệt lại thì hàng quý đóng tập tư về để bị chiếu).

0190. Chuẩn đặt Phó Lãnh binh ba đồn và Bang tá bốn châu Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Hoài Ân, Đức Phổ ở Quảng Ngãi và Bình Định. Trước là quan Sơn phòng Nguyễn Thân dâng tập tâu trừ hoạch về những việc nên làm với sơn Man, tất cả 6 khoản (Một khoản: xin chia đặt ba đồn, đều đặt một Lãnh binh, một Phó Lãnh binh, lưu lại khoảng trên dưới 200 quân, trích cấp súng ống đạn dược chia ra để dùng. Một khoản: xin đặt thêm bốn châu, mỗi châu đặt một Tri châu, một Bang tá, Lại Lệ đều 1 người, Thông lại 2 người, lính lệ 15 người. Lại định rõ lệ thưởng phạt đối với tổng lý, Sách trưởng. Một khoản: ba đồn mới đặt xin trích một nửa quân xuống ban ở lại đồn trú, chiếu lệ cấp lương tháng. Một khoản: các cơ đồn điền xin do viên ấy mộ dân, miễn sưu dịch, ruộng thì mỗi mùa một mẫu trung thu 5 hộ thóc, chờ khi lập thành thôn ấp thì ruộng của quan là công điền, ruộng mới khẩn là tư điền giao cho quan sở tại theo lệ thu thuế, lập sổ sách. Một khoản: xin cho người Việt người Man qua lại buôn bán vẫn phải mật dịch công bằng, nếu sinh sự sẽ trị tội. Một khoản: số ruộng Man ấy vẫn theo lệ thu tô, còn như thuế thân và tạp dịch thì nhất loạt xin miễn). Khâm sứ đại thần xét lại những khoản ấy, tuy thực tế thì tăng quân nhưng có ý định kỳ giảm quân, bộ Binh bèn tâu lên, chuẩn cho thi hành.

0191. Tháng 5. Ngày Kỷ tỵ (ngày 1) có nhật thực.

0192. Chuẩn chiếu lệ Nội các cấp thêm tiền cho Kinh diên nhật giảng quan và các nhân viên Chính tự (Nhật giảng quan chiếu lệ đường quan Nội các đồng niên cấp 200 quan, Chính tự chiếu lệ như thuộc viên Nội các, Chánh Tùng Lục phẩm đồng niên cấp 108 quan, Chánh Tùng Thất phẩm đồng niên cấp 84 quan).

0193. Toàn quyền đại thần Piquet bàn nói Long tinh viện của nước ta bắt đầu lập ra trong niên hiệu Đồng Khánh, về sau nếu có thưởng cấp thì chỉ sửa đổi niên hiệu trong bằng cấp mà thôi, còn như đồ chương họa tiết trong Long tinh và dấu triện trong bằng cấp vẫn giữ để ghi lại việc. Bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành.

0194. Chuẩn cho thự Bô chánh sứ tỉnh Khánh Hòa Hoàng Xuân Phúng quyền lãnh Tuần phủ Hà Tĩnh kiêm lý việc tiểu phủ, lãnh Hình khoa Chương án Lê Kinh Hiệp sung Tham tá, Thương tá Thái Văn Trung vẫn như cũ. Lúc bấy giờ Phiên ty, Niết ty tỉnh Hà Tĩnh (Nguyễn Cửu Tự, Tôn Thất Diệm) dâng tập tâu nói “Sự thế vùng Hương Sơn, La Sơn bề tôi đánh dẹp tuy dứt được đồn phi, bắt được đầu đảng, việc đánh dẹp giống như có kế sách, nhưng xét ra thể giặc lòng dân nghĩ khó mà xong. Lại nói gốc rễ là bọn Phùng, Muru, Phác, Thảng*** trốn núp vào trong núi, tác oai tác phúc ban bố hiệu lệnh vốn đã lâu ngày. Hôm trước vâng lệnh triều đình mở cho đường sống, khiến cho quay đầu, họ vẫn còn ngờ vực chưa quyết. Sau khi nghe tin Bang Đôn của giặc ra đầu thú bị quan Pháp bắn chết thì càng quyết chí, mối loạn ngày càng lớn, những kẻ bị bắt trước đây chẳng qua chỉ là dân bị ép phải theo, bức bách làm đầu mục mà thôi, chứ đầu đảng giặc chưa bắt được thì gốc loạn vẫn còn. Còn nói tới việc đánh dẹp thì trước nay chưa từng nghe họ ra đánh nhau với ta, ẩn núp trong núi, tung tích khó tìm. Huống hồ những nơi lính tập lính thú kéo tới chưa chắc đã không động tới cây kim sợi chỉ, lòng dân không thích, giặc dễ ép theo, kế sách đánh dẹp trộm nghĩ khó mà xong được. Nghĩ nên nhân cơ hội trong khi đánh dẹp làm việc vỗ về thì có khi còn có cách. Nếu đội ơn ban sắc sai bậc đại thần có danh vọng tới kinh lược, vừa đánh dẹp vừa vỗ về thì dân Nghệ An Hà Tĩnh mới có thể sớm được yên tĩnh”. Tập tâu dâng về, triều đình bàn bạc cho rằng có quan hệ với việc xử trí cơ nghi, bọn Xuân Phúng đều là người bản địa (Xuân Phúng người La Sơn, Kinh Hiệp và Văn Trung đều là người Hương Sơn), am hiểu tình thế, xin chuẩn y lời đề cử, nên có mệnh ấy.

0195. Trùng tu miếu Công thần. Ba miếu Công thần vốn dựng ở xã Vĩ Dã, gần đây vì kinh thành có việc, miếu mạo hư hỏng hoang tàn, đồ thờ thất lạc, bèn chuẩn cho dựng chung thành một miếu trên nền miếu Trung

hung công thần cũ (một tòa bảy gian, gian giữa thờ Khai quốc công thần, hai gian thứ nhất hai bên thờ Trung hưng công thần, hai gian thứ hai hai bên thờ Trung tiết công thần, còn hai gian giải vũ tây đông đều như cũ) để kịp năm sau cử hành lễ tế mùa xuân (kế chuẩn cho chế độ thờ bộ sung cùng cấp cho lễ phẩm các khoản).

0196. Triệt bãi các đồn ở trấn Thuận An (các đồn Triều Sơn, Thủy Tú, Thuận Hòa, Cáp Châu, Phổ Lợi, Hòa Thục, Thảo Long, Quy Lai, Lộ Châu). Các đồn sau khi có việc giao cho xã thôn sở tại canh giữ, lâu ngày hư hỏng, bộ Công nghệ xin trừ đồn nào hiện có quan binh người Pháp lưu trú và đồn lớn ở Triều Sơn đã chuẩn cho Sở Tu lý triệt giải, còn lại xin hội đồng với phủ Thừa Thiên kiểm tra xác nhận các hạng gỗ ván gạch đá chờ thi hành, những pháo đạn thuốc súng thì do bộ Binh xử trí. Còn bao nhiêu vốn là ruộng đất được trừ thuế lệ thì sức cho các xã sở tại đều vào sổ chịu thuế, bèn sai triệt bãi.

0197. Tháng 6. Sai Phụ chính đại thần Nguyễn Trọng Hợp cùng Khâm sứ đại thần Hector ra Bắc Kỳ thăm hỏi quý Toàn quyền đại thần và bàn bạc các khoản (Một khoản: luyện tập quân binh để sung vào việc phòng bị. Một khoản: Nha Kinh lược nên dùng điện báo. Một khoản: mua gạo Bắc Kỳ chở về để sung vào việc chi dùng ở kinh đô).

0198. Chuẩn cho Tả Tham tri bộ Hình sung Kinh diên nhật giảng quan Đinh Nho Quang đổi làm Tuần phủ tỉnh Hà Tĩnh kiêm lý việc tiểu phủ (thay nguyên Tuần phủ Hoàng Xuân Phúng ốm chết bị khuyết).

0199. Định cột mốc ở chòm (1) Lục Lâm (khắc bốn chữ “Đại Nam quốc giới”, chòm ấy đều là người nước Thanh cư trú, vì gần đây bọn côn đồ tụ họp âm ỉ nên quý Khâm sai đại thần và Trú sứ cùng đốc suất quan quân tới xét rõ địa phận, chia giải binh đặt dấu mốc).

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “*trúc đầu + chiếm*”.

0200. Thưởng cho Nguyễn Ngọc Ngoạn (trú ở phố Đồng Thuận Hà Nội) hàm Chánh Bát phẩm văn giai. Công sứ Hà Nội tư nói năm trước quan binh Pháp đánh nhau với Thanh đoàn ở cửa ô Cầu Giấy (1), nhiều người chết trận, Ngoạn tự xuất tiền ra mua lại đầu của quan năm (2) và 31 lính Tây, bàn xin ban thưởng, bèn chuẩn chức lượng thưởng cho hàm ấy.

(1) Nguyên bản viết là “*Chỉ Kiêu ở môn*”.

(2) *Quan năm*: tức Henri Laurent Rivière, Đại tá hải quân Pháp, người chỉ huy quân Pháp hạ thành Hà Nội lần thứ hai ngày 25. 4. 1882, bị quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc phục kích giết chết ở cửa Ô Cầu Giấy ngày 19. 5. 1893 cùng nhiều lính Pháp, đều bị quân Cờ Đen cắt đầu bêu lên cọc. Xác Henri Laurent Rivière chỉ được chôn lấp qua loa, đến tháng 9 năm ấy mới được Giám mục Pugnier thu thập đưa về Pháp chôn cất tại Nghĩa trang Montmartre ở Paris.

0201. Chuẩn miễn thuế ruộng thờ cho Bùi tộc họ ngoại vua ở phường Cát Sơn (năm Đồng Khánh thứ 3 chọn mua ruộng đất, cộng 15 mẫu, chiếu lệ các công thần được đội ơn cấp ruộng thờ thì bất kể là ruộng công hay tư và hạng nào cũng đều được miễn thuế).

0202. Mùa thu, tháng 7. Chuẩn cho Thái tử Thiếu bảo Tổng đốc sung Khâm sai đại thần Diên Mậu tử Hoàng Cao Khải đổi nhận hàm Thượng thư bộ Binh sung Kinh lược sứ Bắc Kỳ, nguyên Quyền Kinh lược sứ Trần Lưu Huệ đã lớn tuổi, chuẩn cho vẫn ở ngoài chờ chỉ. Lúc trước Phụ chính đại thần Nguyễn Trọng Hợp tới Hà Nội cùng Toàn quyền đại thần Piquet, Khâm sứ đại thần Hector bàn bạc gần đây Bắc hạt chưa được yên ổn, Cao Khải theo việc quân lâu ngày, thân trải gian lao, việc tiểu phủ hiện nay rất cần trừ hoạch, xin chuẩn đổi sung Kinh lược sứ để thêm người làm việc, nên có mệnh ấy.

0203*.** Chuẩn cho tô thóc ở Quý huyện Tống Sơn theo lệ (lệ năm Tự Đức thứ 4 thóc 1 hộ, gạo 1 phương giá 1 quan 3 mạch, cho dân chiết giảm nạp bằng tiền để có phân biệt với huyện khác. Tháng 3 năm nay bàn chuẩn cho tô thóc theo lệ cũ chiết giảm nạp tiền mỗi hộ 3 quan) chức lượng giảm một phần ba (mỗi hộ chiết giảm nạp tiền 3 quan) để tỏ rõ là có phân biệt.

0204. Thân rõ lệ tuất điền cho quan viên văn võ (trở đi phạm quan viên văn võ trong kinh ngoài tỉnh bất kể là đường quan hay thuộc viên đều chiếu lệ về việc hưu trí, hưu dưỡng, dưỡng bệnh, chung dưỡng, đình ưu (1), xin nghỉ, hậu bổ, bệnh chết năm Tự Đức thứ 18 và lệ về việc quan viên tại chức binh thợ nha dịch bị khuyết năm thứ 29 mà cấp, còn như ấn quan văn võ từ Ngũ phẩm trở lên vẫn chiếu theo lời nghị tháng 4 năm Đồng Khánh thứ 2 cấp cho toàn số, đều 180 quan).

(1) *Hưu dưỡng, chung dưỡng, đình ưu: hưu dưỡng* là thôi làm quan để chăm sóc cha mẹ, *chung dưỡng* là thôi làm quan để chăm sóc cha mẹ đến khi cha mẹ chết, *đình ưu* là nghỉ làm quan để chịu tang cha mẹ.

0205. Thân định lệ xét bổ phủ huyện (trở đi phạm các phủ huyện có khuyết thì lấy Tiến sĩ Phó bảng vừa thi đỗ cùng các viên Cử nhân Tú tài Âm thụ xuất thân có thể kham được việc phủ huyện, phẩm hàm hơi cao bổ vào. Còn các Tú tài, Âm thụ, Học sinh cùng Lại điển từng được bổ giữ chức ở phủ huyện mãn hạn giữ chức thì do bộ

xét thực tư cho các tỉnh, cấp bằng về quê ghi vào danh sách chờ bổ. Như có ai làm việc thật xuất sắc, mọi người đều biết thì bàn riêng).

0206. Dự chuẩn cho quan viên trong ngoài đổi bổ (Bổ chánh Nghệ An Đào Hữu Ích điều lãnh Bồ chánh Bình Định, Thị lang Nội các Trần Khánh Tôn điều lãnh Bồ chánh Nghệ An, Án sát Khánh Hòa Nguyễn Văn Tấn làm Tham biện Các vụ, Chuông án Phạm Quang Trí làm Biện lý bộ Lại, nguyên Án sát Tôn Thất Đạm lãnh Án sát Bình Định, Hồng lô tự thiếu khanh Phạm Phú Lâm lãnh Án sát Quảng Ngãi, Bồ chánh Quảng Ngãi cách lưu Nguyễn Văn Trung về bộ chờ lệnh, Án sát Quảng Ngãi Bùi Duy Tịnh về kinh chờ bổ).

0207. Bọn côn đồ ở tỉnh Bình Định gây chuyện xông vào tỉnh thành, phá hủy Sở Điện báo và trại lính tập, giết một lính tập, lại tụ họp ở phủ An Nhơn đánh tháo tù phạm, kẻ bị quan binh Pháp đánh giết chạy tan. Quan tỉnh đều nhận tội, bèn giáng chỉ dụ nghiêm xét quan tỉnh đề phòng không chu đáo, lại sức cho bộ Hình lập tức tra xét, trước tiên phân biệt nghĩ xử. Kế chuẩn cho Tiểu phủ sứ Sơn phòng Nghĩa Định Nguyễn Thân đem quân tới tra bắt và thu xếp các việc phải làm cho ổn thỏa (lời dụ đại lược nói “Khoảng tháng 2 tháng 3 năm nay dân đói ở Bình Định lưu tán có tới cả ngàn người, mà quan tỉnh không thu xếp lại im lặng không tâu báo về triều. Đến nay tiểu dân cùng khổ làm bậy, lúc đầu thì trộm cắp trong làng xóm, kẻ tới chỗ công điền tụ họp đánh chiếm nha thự, cướp đoạt khí giới, lui tới tự do như thế mà quan tỉnh không lo võ vệ, không biết phòng bị, đều là tội của quan tỉnh. Bồ chánh Nguyễn Văn Trung phải triệt hồi, Hộ Tổng đốc Nguyễn Hiệp tạm chuẩn cho cách lưu, hội đồng với Tiểu phủ sứ làm việc, cốt sao bắt cướp yên dân cho được yên ổn như cũ, nếu vẫn bỏ phế chức vụ như trước thì quyết không tha thứ”).

0208. Thường cho quan Pháp coi việc điện báo ở tỉnh Bình Định là Mạc Lê (1) một tấm kim khánh hạng lớn, vì bản trả bọn cướp có công nên thưởng cho.

(1) Nguyên bản viết là “Mạc Lê”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0209. Ban dụ sai các địa phương ở Bắc Kỳ gia tâm trừ hoạch cứu giúp (lúc bấy giờ Bắc Kỳ nhiều lần báo tin nước sông dâng cao, đề điều bị ngập bị vỡ, lúa má tổn thất. Bèn ban dụ sai do quan Kinh lược sứ bàn bạc tùy nghi tìm cách thu xếp, nghiêm khắc nhắc nhở các quan tỉnh và các quan phủ huyện vâng phép công giữ luật pháp, trừ bỏ tham nhũng, hết sức giảm sự phiền nhiễu, đề dân bị nạn không đến nỗi khổ thêm. Còn như lâm thời chân tế cùng việc hộ đê nên thôi hay nên đắp thì bàn bạc tâu lên để thi hành).

0210. Lúc bấy giờ khí hậu không hòa, bệnh dịch lại phát sinh, quân dân nhiều người mắc bệnh, sai lập đàn ở khoảnh đất rộng trước Tầng Thư lâu, lại sắc quan các tỉnh đều tới những linh từ trong hạt kính cẩn cầu đảo để được yên ổn.

0211. Bãi bỏ Nha Điền nông Quảng Ngãi. Trước đó vào tháng 4 năm Đồng Khánh thứ 3, quan bản địa là Võ Duy Tịnh xin đặt nha khẩn hoang, đã chuẩn đặt nhân viên, trích cấp quân ở tỉnh (100 người) chia ban thi hành, hạn trong ba năm phải khẩn được 300 mẫu cho lãnh trung. Đến nay thành ruộng không được bao nhiêu (khoảng 50, 60 mẫu), lúc bấy giờ quan Sơn phòng Nghĩa Định Nguyễn Thân xin bãi mà chuyên do nha Sơn phòng mộ dân khai khẩn. Lại chuẩn chuyên do Sơn phòng sứ thi hành, Võ Duy Tịnh thì về kinh chờ lệnh.

0212. Chế tạo bổ sung các đồ tự khí ở đền Nam Giao (vì sau khi có việc bị mất mát).

0213. Chia đặt huyện Võ Giàng (1) tỉnh Bắc Ninh (trích 6 tổng của huyện Quế Dương, 2 huyện Yên Phong, Tiên Du mỗi huyện 1 tổng chia đặt, vẫn do phủ Từ Sơn quản hạt), huyện Thanh Miện tỉnh Hải Dương (nguyên thuộc phủ Bình Giang kiêm lý, nay trích tổng Đoàn Lâm thuộc huyện Gia Lộc hợp với 8 tổng của huyện ấy chia đặt lý sở cũ ở xã Thọ Trương) và huyện Ân Thi tỉnh Hưng Yên (2 tổng Phù Cừ, Ân Thi địa thế rộng lớn nên đặt riêng làm một huyện). huyện Thần Khê (thuộc tỉnh Thái Bình), hai huyện Thanh Liêm, Bình Lục tỉnh Hà Nội hợp đặt làm phủ Liêm Bình, cùng các huyện Phong Doanh*. Ý Yên tỉnh Ninh Bình đều lệ thuộc vào tỉnh Nam Định. Lúc bấy giờ Bắc Kỳ tạm yên ổn, việc kinh lý đặc biệt chuẩn cho (2) hoặc đặt ra để tiện phòng bị đánh bắt, hoặc chia tách sáp nhập để tiện công vụ, địa danh phần nhiều có thay đổi.

(1) Nguyên bản viết là “Vũ Giang”.

(2) Nguyên bản chép là “đặc tường”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “đặc chuẩn” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

0214. Chước định mười kho thuộc phủ Nội vụ đều quy thành năm kho (vải, tiền, vàng bạc, đá, thuốc các hạng, đến tháng 1 năm thứ 13 vì kho vàng bạc hiện trữ không còn bao nhiêu nên lại giảm).

0215. Tháng 8. Bỏ các chữ “thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư” trong tên hiệu ở Phủ Phụ chính, tuân theo di chiếu năm Thiệu Trị thứ 7 và năm Tự Đức thứ 36 (Phụ chính đại thần đều không phân biệt thứ tự), chuẩn bỏ những chữ ấy để theo hiến lệnh đã có.

0216. Chuẩn cho Tả Tham tri bộ Lại kiêm quản ấn triện Đô sát viện Lương Quy Chính thăng Thượng thư bộ Binh sung Kinh lược sứ Hữu Trực kỳ. Lúc bấy giờ các tỉnh Trị Bình An Tĩnh gạo đắt, cái ăn khó khăn mà bọn bắt sinh thừa cơ nổi dậy mê hoặc, giặc cướp cũng chưa yên, cần cứu giúp đánh dẹp. Bèn sai Quy Chính cầm cờ tiết tới đây điều lợi trừ mối tệ, bàn bạc chằm chước trừ hoạch. Việc kiêm quản ấn triện Đô sát viện thì lấy lãnh Thượng thư bộ Công Trương Như Cương sung vào.

0217. Tuần phủ Hà Tĩnh Đinh Nho Quang dâng tập tâu xin tăng cấp binh lương (đại lược nói hạt ấy giặc cướp chưa yên, chỉ có cách đóng đồn giữ chỗ hiểm yếu mới dễ ra sức. Nhưng nếu không có nhiều quân thì khó mà phân phái chu toàn. Xin căn cứ vào số quân gồm 5 vệ, 1.991 người chia làm ba ban, mỗi tháng lưu hai ban 1.327 người để tiện sung phái. Số lương tháng thì chia cho xã dân chia nhau đóng góp, bắt đầu từ ngày 1 tháng trước, nay tư cho viện thương nghị). Khâm sứ đại thần nghĩ hạt ấy có nơi không có liên quan với giặc cướp, nếu bắt cùng chịu quân phí thì chưa công bằng, nên xét xã nào có nhiều giặc cướp hơn phải nạp thuế thêm gấp ba bốn lần để sung vào việc cần thiết bất thường. Bề tôi Cơ mật viện nghĩ tăng quân bấy nhiêu người cứ tạm chuẩn cho hai ba tháng để tròn trách nhiệm, còn như đòi các xã đóng thuế gấp ba bốn lần để chống giặc cướp thì rất khó làm, xin chờ tỉnh ấy tra cứu tư lại sẽ thương nghị thi hành.

0218. Đặt đồn Nam Huân (thuộc huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh) để dự bị việc phòng ngự đánh bắt.

0219. Tháng 9. Quan Sơn phòng Nghĩa Định Nguyễn Thân tuân lời chuẩn mang quân tới Bình Định tiểu phi, bắt được Nguyên soái giặc Huỳnh Quyên (giả danh Phan Công Nhật), Phó soái giặc Võ Duy Tân (mạo danh Duy Dương) và bằng sắc giấy tờ của giặc, làm tập tâu dâng lên xin xử trị. Cơ mật viện nghĩ Huỳnh Quyên, Võ Duy Tân đều là bọn thủ ác, đều xử chém bêu đầu, còn giấy tờ bằng sắc của giặc mà không có ký nhận thì nên đình việc truy nã bắt bớ để tránh liên lụy tới nhiều người tâu lên, chuẩn cho thi hành (Thân lần trước bắt được đầu mục bọn giặc là 60 người bọn Đỗ Văn Lâm, Hà Diễm đều theo luật xử trị).

0220. Tuần phủ Hà Tĩnh Đinh Nho Quang tâu việc đồ đảng của giặc Trạch, giặc Chanh (1) tán mác ả núp trong các huyện Hương Khê, La Sơn kết đảng với bọn giặc Tán, giặc Thắng lan ra. Nếu chuyên ủy hai viên Tham tá, Thương tá thì thế khó ổn thỏa, xin cho viên ấy hai ba tháng chuyên lo việc tiểu phủ, tỉnh vụ thì giao cho Phiên ty, Niết ty hội hàm tâu tư làm việc, gặp việc quan trọng thì bàn bạc ổn thỏa sẽ làm. Bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành (kể Nho Quang bị bệnh lưu lại ở quê chữa trị, lấy Bồ chánh Nguyễn Doãn Tựu lãnh chức Tuần phủ).

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “*mộc + chinh*”.

0221. Bắt đầu đặt tỉnh Hà Nam và tỉnh Vĩnh Yên ở Bắc Kỳ (trích phủ Lý Nhân tỉnh Hà Nội cùng 3 huyện Nam Xương, Bình Lục, Thanh Liêm tỉnh Nam Định đặt làm tỉnh Hà Nam, tỉnh lỵ đặt ở phủ Lý Nhân. Lại trích huyện Bình Xuyên tỉnh Thái Nguyên, các huyện Yên Lãng, Lập Thạch, Yên Lạc, Tam Dương phủ Vĩnh Tường tỉnh Sơn Tây đặt làm tỉnh Vĩnh Yên, tỉnh lỵ đặt ở xã Tam Cảnh huyện Yên Lạc).

0222. Đầu mục Thanh đoàn Lương Tam Kỳ về hàng. Tam Kỳ chiếm cứ các huyện vùng thượng du Thái Nguyên đã lâu, đến lúc ấy quyền An phủ sứ Thái Nguyên Nguyễn Đình Quang cùng quan Pháp Mi Nô (1) đem quân tới phủ Tùng Hóa hiểu dụ Tam Kỳ cùng các tướng hiệu quy thuận, có lập giao ước, chuẩn cho Tam Kỳ sung Phó Lãnh binh đóng ở phủ Tùng Hóa để đánh dẹp.

(1) Nguyên bản viết là “Mi Nô”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0223. Bãi bỏ chức Bang biện Thương biện ở các phủ huyện Bắc Kỳ (lúc nhiều việc cần người lấy giáo chức sở tại sung vào), là theo lời xin của Kinh lược sứ Hoàng Cao Khải.

0224. Chuẩn cho hai trường Thanh Hóa, Bình Định đến khoa sắp tới vẫn thi riêng (năm Đồng Khánh thứ 3, Thanh Hóa hợp thí ở Nghệ An, Bình Định hợp thí ở Thừa Thiên, đến lúc ấy quan tỉnh xin vẫn theo lệ cũ thi riêng, bèn chuẩn cho khôi phục).

0225. Vì năm tới kính gặp dịp tế tự lớn, chức định cờ hiệu của các quân (Vũ lâm thì Tả dực là vệ Tiền nhất, Hữu dực là vệ Tiền nhị, Cẩm binh thì Thần cơ là Trung vệ, Tiền phong là Tiền vệ, Long vũ là Tả vệ, Hồ uy là Hữu vệ, Hùng nhuệ là Hậu vệ, Ngũ bảo thì Trung bảo là Trung bảo nhất vệ, Tiền bảo là Tiền bảo nhị vệ, Hậu bảo là Hậu bảo nhị vệ, Tả bảo là Tả bảo nhất vệ, Hữu bảo là Hữu bảo nhị vệ, Viện Thượng tứ 5 đội, vệ Long thuyền 5 đội. Trung sư gồm hai vệ Trung doanh nhất nhị).

0226. Sai Hộ Tổng đốc Bình Phú Hồ Lệ kiêm sung Khâm sai mang bọn Khoa đạo Trần Khánh Hội cùng tới hội đồng tra xét nguyên Bồ chánh Nguyễn Văn Trung và Tri phủ Tôn Thất Trực cùng bọn thuộc lại tham lam bất pháp, là theo lời xin của Sơn phòng sứ Nghĩa Định Nguyễn Thân (Nguyễn Văn Trung, Tôn Thất Trực kẻ đều bị cách chức, triệt chức).

0227. Tam pháp ty dâng danh sách thu thảm cho vua xem, lại xin chiếu lệ (ngoài việc giao cho đình thần phúc thảm thì do nha thảo ra bản án thi hành), lại tuân chiếu lời phê năm Tự Đức thứ 35 (“Lệ dâng danh sách thu thảm, trăm và pháp ty đều mặc áo đen, không biết là lấy phép tắc từ đâu. Nếu nói như thế mới cẩn thận, thì cẩn thận là việc trong lòng, không phải ở ngoài áo. Nếu trong lòng không cố gắng cẩn thận, thì áo có thể làm cho cẩn thận sao? Không phải ngày kỵ mà mặc áo ấy thì sợ quan chức mặc áo tía cũng không được bái mệnh, các ty cũng không được tâu việc, tuy là việc nhỏ không đáng gì cũng thấy vướng mắc, chẳng bằng cứ mặc áo thường mà cẩn thận. Trờ đi nên đình bãi. Phạm việc do trong lòng chứ không phải do dáng vẻ bề ngoài”), tâu xin cho thi hành, theo như lời tâu.

0228. Ban sắc nói bổng lộc của những người trong hoàng tộc trở đi cấp thêm đã đủ chi dùng, nhưng thường nghe có nhiều người cờ bạc phung phí, đến nỗi thiếu tiền mắc nợ rất thảm hại, mỗi tề ấy phải cấm chỉ. Giao cho Phủ Tôn nhân nghiêm sức cho các hoàng thân công chúa và Công tử Công tôn đều phải cẩn thận tự giữ mình, ai có lỗi ấy phải sửa ngay, nếu đã nghiêm sức mà vẫn còn phạm lỗi thì sẽ do hữu ty trích ra hặc tội nghiêm trị. Đây là tuân theo ý chỉ của hai cung.

0229. Mùa đông, tháng 10. Ra ơn ban cho đại thần Phụ chính Bùi Ân Niên là Tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân. Khoa Ất Sửu năm Tự Đức thứ 18 Ân Niên thi đỗ Phó bảng, đến lúc ấy vâng ý chỉ vì viên ấy văn học uyên bác, được tiền triều tri ngộ nên đặc cách ban cho khoa giáp để tỏ rõ sự rộng rãi với Quỳnh lâm. Việc chế cấp ban cho áo mũ cờ biển và đề danh khắc bia ở nhà Thái học thì theo lệ mà làm, sĩ phu đều coi là việc vinh dự hay lạ.

0230. Đặt đạo Đông Triều ở Bắc Kỳ (trích huyện Đông Triều cùng 3 tổng huyện Thủy Nguyên, 4 tổng huyện Chí Linh tỉnh Hải Dương chia làm ba huyện Đông Triều, Chí Linh, Trúc Động, lập thành một đạo, lý sở đặt ở xã Kinh Triều).

0231. Sơn phòng sứ Nghĩa Định Nguyễn Thân tâu nói tình hình đánh dẹp xử trị đã tạm yên nhưng sơn Man gần đây lại quấy rối, xin về nhà Sơn phòng làm việc, chuẩn cho.

0232. Thường cho tiết phụ Công nữ Thị Từ tiền lựa ngân bài các hạng (Thị Từ là Công nữ phòng Kiến An vương. Lúc vương còn sống đã đính hôn, chưa kịp nạp sính thì người chồng đã chết. Thị Từ xuống tóc vào chùa, đến năm ấy 72 tuổi, suốt đời giữ tiết nên thường đề khuyến khích).

0233. Chấn cấp lưu dân Hà Tĩnh (vì trước đây giặc cướp quấy nhiễu, nhân dân lưu tán, ruộng vườn bỏ hoang).

0234. Tháng 11. Nha Kinh lược Bắc Kỳ báo tin giặc cướp ở Hà Nam (đang giặc khoảng 40 tên mặc quần áo lính tập, có súng ống, đi thuyền xông vào nhà nguyên sung Như Tây phó sứ Vũ Văn Báo ở xã Vĩnh Trụ bắt Văn Báo (kể Báo bị giặc giết chết), Cử nhân Vũ Văn Nghĩa và gia quyến 5 người nam nữ, gia đình 1 người đều bị bắt chết). Bề tôi Cơ mật viện xin do Kinh lược sứ khẩn sức nã bắt và phi tư cho tỉnh Hà Nam cùng các hạt giáp giới mau lệ phái quân tra bắt, chuẩn lập tức sao ra cho thi hành.

0235. Quan Sơn phòng Nghĩa Định Nguyễn Thân trừ nghĩ các khoản nên làm (một khoản xin huân thị sức cho lương giáo hòa thuận ở yên với nhau, một khoản xin nghiêm sức phủ huyện bắt cướp yên dân, một khoản xin nghiêm cấm du sĩ để tuyệt việc mê hoặc ngu xuẩn, một khoản xin ra lệnh cho văn thân hào mục kiềm thúc thôn dân). Cơ mật viện bàn bạc với Khâm sứ đại thần duyệt nghĩ (trong đó một khoản thân hào ai biết kẻ gian mà không báo phải chiếu luật trừng trị, lại nên xử trị thế nào để người bị tố cáo không biết làm sao để báo phục về sau) tâu lên, xin chuẩn tư cho các tỉnh từ Thanh Hóa trở vào nam tùy theo tình hình gia tâm thực hành. Lại nghiêm sức cho xã dân nếu có người từ Quảng Trị, Quảng Bình trở ra bắc tới cư ngụ phải do quan địa phương sở tại xét thực, nếu quả không có chỗ nào khả nghi thì do tổng lý kết nhận mới cho cư ngụ, nếu không thì đuổi về nguyên quán để tránh trở ngại.

0236. Thường Tiểu phủ sứ Sơn phòng Nguyễn Thân gia quân công một cấp và một đồng kim tiền hạng lớn, những quân suất tùy từng đều chức lượng thưởng cho thứ bậc khác nhau, quân lính dưới quyền thì thưởng chung 500 quan, vì có công trong việc đánh dẹp.

0237. Lấy ngày sinh nhật của Hoàng mẫu (27 tháng 7) làm tiết Khôn thành.

0238. Tháng 12. Quyền Khâm sứ Bonnal ở Hà Nội về nước, Khâm sứ Briere tới thay.

0239. Kinh lược Hữu Trục kỳ Lương Quy Chính tâu báo tình hình (đại lược nói trước đây Nguyễn Quý Am, Cao Điển ở Thanh Hóa, giặc Phác, giặc Mậu và bọn phi tần mác ở Nghệ An và giặc cướp ở Hà Tĩnh là bọn tên Thắng, tên Trạch, tên Chanh đều hy vọng vào nhau, từ khi đánh dẹp phá được giặc Mậu thì đều trốn lên các sào huyệt cũ ở Ngàn Bông (1), Eo Cây Khé (2). Trước đây thám tiểu bắn chết, bắt sống, đầu thú rất nhiều, đầu mục đảng giặc đều đã trốn xa. Xét kỹ tình hình bọn cướp thì tài nghệ chỉ ở chỗ vơ vét đòi hỏi khiến dân tình sợ giặc hơn sợ quan, trước đây đã tới các phủ huyện hiểu thị và thương định điều khoản, với giặc thì chia đường truy nã ráo riết, với dân thì lập ra phép tắc nghiêm trị, nghĩ bọn đầu mục giặc cướp không bao lâu cũng sẽ sa lưới. Xin do quan các tỉnh bàn bạc với Trú sứ mà làm, lại xin chuẩn cho viên ấy mang tùy viên và quân lính chuyển về Quảng Trị, Quảng Bình để tùy nghi tiêu phủ). Tờ tâu đưa lên, chuẩn cho Quy Chính vẫn lưu lại ở Nghệ An, Hà Tĩnh bàn bạc trừ hoạch cho ổn thỏa.

(1) Nguyên bản viết là “Bông Ngạn”.

(2) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

0240. Dời phủ nha Thừa Thiên về chỗ nha môn Đô sát viện cũ.

0241. Năm Tân mao Thành Thái thứ 3 (1891 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Đầu xuân ban ơn, chuẩn cho Phụ chính đại thần Văn Minh điện đại học sĩ Nguyễn Trọng Hợp thăng Thự Hiệp biện đại học sĩ, bọn Trương Quang Đản được thực thụ Tham tri lãnh Thượng thư bộ Công, Trương Như Cương thăng thụ Thượng thư bộ Binh, Tả Tham tri Nguyễn Hữu Thằng thăng Thự Thượng thư, đều lãnh nguyên hàm kiêm hàm như cũ (Trọng Hợp dâng sớ từ chối nhưng không cho).

0242. Sắp tế Nam Giao, sai Phụ chính đại thần Nguyễn Trọng Hợp kính cẩn tới đàn Nam Giao tế cáo.

0243. Chuẩn cho Nguyễn Tri Đạo (người Kim Luông Thừa Thiên, cháu nội Tráng Liệt bá Nguyễn Tri Phương, con trai Phò mã Nguyễn Lâm) gia thêm một cấp, thừa âm lục dụng. Vì cha con một nhà tiết liệt khả phong nên vâng ý chỉ đặc biệt chuẩn cho để khuyến khích người tận tiết.

0244. Ngày Kỷ mao (ngày 14) có sét (Khâm thiên giám tâu nói sét bắt đầu nổi ở phương Ly, tiếng vang rền từ từ phát ra. Xét *Kinh Thư* nói “Bắt đầu nổi lên ở Hỏa môn, mùa hạ hạn hán, sâu bọ đục khoét ngũ cốc”).

0245. Chuẩn cho Toàn tu Quốc sử quán Nguyễn Trung Quán kiêm làm việc Khâm thiên giám. Trung Quán ngày thường chuyên tâm về cái học thiên văn lịch số, rất tinh tường, được Phụ chính đại thần Nguyễn Trọng Hợp tiền cử (Trung Quán lấy có đã già 70 tuổi xin từ chối, không cho).

0246. Vì sắp đến kỳ đại tự, chuẩn theo lệ cũ (lệ trước đây phía trong tường trai cung kính trồng mười cây tùng, do Cấm y vệ chuẩn bị cây để chờ khi trồng, cùng Đốc công chế tạo mười tấm bia đá, Nội các phụng soạn minh văn tiến trình, sao ra để khắc) trồng cây tùng, cùng khắc bài minh lên bia (Lời bài minh nói “Mục mục trai cung, giai khí uất thông, tài âm chi thụ, quyết mộc duy tùng. Y dư kiêu tùng, Đan tiêu tiêu tùng, Tinh cái vân chàng, sâm nhiên pháp túng. Chiếu dĩ thiên quang, phong dĩ du nhượng, trác nhĩ phong tiêu, bách mộc chi trường. Ngật lập thiên tâm, hàn thử bất xâm, vắn hà năng nhĩ, viết duy hữu tâm. Thác căn thanh loan, trạc tú vân đoàn, doãn hĩ quân tử, bất cái tuế hàn. Lãm nhiên kỳ tiết, xán nhiên kỳ quang, viên trắng bản chi, viên tác đồng lương. Tài giả bồi chi, tùng chi mậu hĩ, uất uất sâm sâm, cù bản loan ý. Khuê tinh chi tinh, hóa nhi vi long, liệt liệt lãnh lãnh, đào thanh bán không. Dĩ mạc bất hung, dĩ mạc bất tăng, như tùng chi mậu, vô bất hoặc thăng (thừa). Bạ đồng nhi sinh, để thụy trình hề, ư vạn tư niên, lặc chi minh hề” (Nghiêm chỉnh trai cung, nghi ngút khí lành, trồng cây lấy bóng, duy chỉ có tùng. Đẹp thay tùng cao, trời xanh chói vót, lọng sao rèm mây, giăng bày san sát. Sáng nhờ nắng trời, xanh nhờ đất tốt, vững giữa gió lay, đứng đầu bách mộc. Cao vót ngàn tầm, nóng rét không xâm, hỏi sao được thế, đáp duy có lòng. Gởi gốc non xanh, vượn đẹp mây trời, quân tử giữ tiết, không đổi theo thời (1). Tiết tháo lẫm liệt, danh tiếng rõ ràng, đủ mạnh gốc rễ, đủ làm cột rường. Kẻ trồng vun bồi, cây tùng tươi tốt, san sát xanh xanh, loan kê rồng cuộn. Là tinh sao Khuê, hóa thân làm rồng, ào ào vi vút, sóng rền không trung. Nhờ thế mãi hưng, nhờ thế mãi tăng, như tùng tốt đẹp, ai cũng vui tình. Mộc cạnh môn đình, nghiệp để diêm lành, muôn năm vạn thưở, khắc làm bài minh). Lại chuẩn cho các ấn quan văn vũ ở kinh, những người vừa được thăng chức trồng cây tùng, những người bị cách giáng triệt giải bia đá đều theo lệ (mới thăng từ Trương Quang Đản trở xuống 38 người, cách giáng từ Nguyễn Văn Tường trở xuống 8 người).

(1) *Quân tử giữ tiết, không đổi theo thời*: nguyên văn là “Doãn hĩ quân tử, tuế bất cái hàn”, lấy ý lời Khổng Tử trong *Luận ngữ, Tử Hãn* “Tuế hàn nhiên hậu tri tùng bách chi hậu điều dã” (Mùa rét đến mới biết tùng bách tàn tạ sau cùng).

0247. Nha Kinh lược Bắc Kỳ tâu báo về tình hình giặc cướp (tỉnh Phương Lâm phi báo nửa đêm 20 tháng chạp năm trước có bọn giặc cướp khoảng 500 tên họp nhau một cánh từ trong rừng, một cánh theo đường thủy xông vào tòa Trú sứ vây bắt đốt phá. Trú sứ bị bọn phi chém chết, tù phạm giam trong tỉnh đều thoát thân, công văn sổ sách của Niết ty đều bị đốt hết, duy rương bạc vốn khóa hiện trong kho đồn vẫn còn nguyên số, Phó Công sứ Hội Loát (1) nhận giữ. Sau đó tỉnh Sơn Tây báo tiếp cho Trú sứ và Bỏ chánh Lê Hoan mang quân đáp thuyền tới tỉnh Phương Lâm trừ hoạch sắp xếp, khám thấy Tòa sứ và doanh thự Tuần án cùng chợ phố ở tỉnh lỵ đều bị thiêu hủy, Trú sứ bị hại đã đưa xác về Việt Trì chôn cất. Kiểm tới súng ống đạn dược đều mất hết, duy một rương bạc bằng sắt đã giao cho Ký lục Pháp đem tới đồn Phù An lánh nạn. Trú sứ Sơn Tây hiện bàn với Lê Hoan cứ ở lại tỉnh ấy để làm việc). Tin báo về, sai Nha Kinh lược xét rõ nghĩ xử tội để thất thủ tỉnh thành (khoản ấy nói có thể có thổ binh thông đồng với giặc gây biến mà các quan tỉnh không có ý đề phòng, nên nghĩ xử Tuần phủ Phương Lâm Đinh Văn Vinh, Tuần phủ Hưng Yên Lê Cơ, Tri phủ Khoái Châu Trịnh Đình Vĩ, Tri huyện Tiên Lãng Đồng Ngô đều phải phát lưu Côn Lôn, việc tỉnh Phương Lâm giao cho Đinh Công Nhung quyền biện). Lại gọi điện văn chuẩn cho Lê Hoan sung chức Tam Tuyên Tiểu phủ sứ hợp đồng với quan binh Đại Pháp tiểu phi. Hoan lập tức đem quân chia đường, nhân cơ hội bao vây tiểu trừ. Tiến tới xã Thái Cản (thuộc huyện Tùng Thiện), đảng giặc nhìn thấy quan quân, bèn trốn vào đầu núi ẩn núp. Đến khi quan quân tới, đôi bên đánh nhau, Giặc dựa vào đầu núi bắn xuống, quân ta có người bị thương vong, quân Pháp chết 2 người, bị thương 3 người, lính tập chết 2 người, bị thương 1 người. Bèn bắn bạc độc suất các đạo binh xuyên qua núi đánh úp, sản lên đầu núi tranh chiến. Lại ra sức truy tiểu, quân giặc tan vỡ bỏ chạy. Quân ta kéo vào đồn giặc, đốt phá tất cả (kiểm thấy hơn 10 đồn, hơn 100 chỗ ẩn núp của giặc), trận này bắt chém được đầu mục bọn giặc, thu được rất nhiều khí giới. Bọn giặc theo đường rừng các xã Xuân Đài, Long Cốc chạy đi. Trú sứ bàn nói đã phá được chỗ hiểm nhưng quân ta mệt mỏi, nên thu quân tạm nghỉ ngơi, chờ thuốc đạn chuyên tới sẽ tiếp tục hội tiểu. Sau đó lại tiến tiểu ở thôn Khánh Chúc và vùng rừng thôn Cự

Đặng, quân giặc nghe gió là chạy, quan quân đuổi theo, bắt được quân lương vô số. Bọn phi và thổ dân ở xã Yên Lãng cùng các thôn xóm nối nhau ra thú, đặng giặc tan tác kéo qua các hạt Lâm Thao, Thanh Ba cướp bóc, Lại bàn ủy cho hai đạo binh trở về trước thám thính tiêu trừ, kể lại chuẩn cho Lê Hoan làm Tán lý quân vụ sung Tuần phủ tỉnh Dịch Lâm.

(1) Nguyên bản viết là “Hội Loát”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0248. Tháng 2. Ngày Tân hợi (ngày 27) bắt đầu tiên hành lễ tế Giao ba năm một lần. Kính đưa bài vị Dục tông Anh hoàng đế lên phối hưởng ở án thứ ba bên trái trên đàn. Trước là bàn ba năm làm lễ tế Giao một lần, những việc cần làm đều chuẩn cho các nha môn có liên quan tham chiếu theo điển lễ châm chước tuân hành. Đến lúc ấy sai Khâm thiên giám chọn ngày lành là Ất mùi (ngày 1) thiết triều tuyên dụ bố cáo. Lời dụ nói “Từ xưa minh vương cúng tế trời đất ắt lấy người nhận mệnh có công thánh nhân cùng người nối dòng dấy nghiệp có đức thánh nhân (1) phối vào. Tượng ân tiên của Kinh Dịch (2), lời hữu hưởng trong Kinh Thi (3), sáng ngời thẻ sách, vô cùng to lớn. Triều ta định đô ở Phú Xuân, dựng đền tế Giao, tôn Thái tổ Gia dụ hoàng đế ta phối hưởng, liệt thánh ơn sâu, lưu làm điển tốt. Kế tôn Thế tổ Cao hoàng đế, Thánh tổ Nhân hoàng đế, Hiến tổ Chương hoàng đế ta thần công thánh đức theo thứ tự thăng phối, là làm sáng nghĩa tôn sùng báo đáp, tỏ rõ sự to lớn tới vô cùng vậy. Kính nghĩ hoàng tổ Dục tông Anh hoàng đế ta lấy tư chất duệ triết mở vận hội doanh thành, lòng dạ cao xa, thẻ đạo khiêm hòa. Từ khi nhận bảo lục giữ cơ đồ, gắng tinh tường cầu đạo lý. Lòng thành cung kiệm, đức tốt hiếu nhân, kính trời noi tổ, thương sĩ yêu dân. Rộng lớn quyết đoán mà làm lớn cơ đồ, cứng rắn kiên định để giữ yên ngôi thống, ơn sâu đức lớn, văn trị vũ thành, ở ngôi ba mươi sáu năm, vốn chuyên giữ tâm lòng lo sợ mà làm rõ công tích kinh luân, làm sáng thêm nghiệp trước để lưu đủ cho người sau, lòng rộng thay cùng đất trời sánh lớn, rất nên thăng lên phối hưởng, sánh với liệt tổ ở trên. Cảnh tông Thuần hoàng đế ta lo việc kế thuật, năm Đồng Khánh thứ 3 đã qua hoàng thân đình thần văn vũ kê cứu điển sách cùng dâng tờ tâu, vâng chỉ phê chuẩn, thần người cùng hợp, nhưng lễ lớn chưa cử hành, ai cũng trông ngóng. Trẫm tuổi nhỏ nối ngôi, quả thật nhờ trời cao thương xót, liệt tổ linh thiêng, nhất là nhờ hoàng tổ ta lưu kế sông Phong (4), phúc lớn vô cương, lòng thành cúng tế, nay nên theo thời cử hành. Nay theo số của bệ tôi bộ Lễ bộ xin đầu năm kính cẩn tiên hành đại lễ Nam Giao, kính tuân nếp trước, kính đưa hoàng tổ ta lên phối hưởng trên đàn, bệ tôi Phủ Phụ chính kính duyệt dâng lên, rất hợp ý trẫm. Còn những việc cần làm, thì các hữu ty phải kính cẩn tuân hành để nêu cao đức to, nối theo mỗi lớn, sáng trong hội điển, truyền tới đời sau, làm rõ sự kính cẩn thành tâm của riêng ta cùng lòng mong mỏi tôn thân của muôn vạn bách tính. Đặc biệt ban lời cáo dụ này cho trong ngoài đều biết”.

Ngày Ất tỵ (ngày 11) tế cáo với Giao đàn và Thái miếu. Ngày Tân hợi (ngày 17) ngự giá tới Nam Giao kính cẩn tiên hành đại tự thăng phối. Lễ xong, ban ân chiếu cho trong ngoài (tất cả 9 khoản), lại thưởng cho mọi người có thứ bậc khác nhau.

(1) Nguyên bản chép là “tất dĩ thụ mệnh hữu thánh nhân chi công, hựu dĩ kế thế hưng bình hữu thánh nhân chi đức”, có chỗ không đặng đối, ngờ là đoạn “tất dĩ thụ mệnh hữu thánh nhân chi công” bị chép sót hai chữ, đây tạm dịch theo đúng nguyên bản chờ tìm hiểu thêm.

(2) *Tượng ân tiên của Kinh Dịch*: nguyên văn là “Đại Dịch ân tiên chi tượng”, lấy ý câu trong *Kinh Dịch*, quẻ *Lôi Địa Dục*, phần *Đại tượng truyện* “Lôi xuất địa phần, dự, tiên vương dĩ tác nhạc sùng đức, ân tiên chi thượng đế, dĩ phối tổ khảo” (Sấm ra khỏi đất, dự, tiên vương vì thế làm nhạc kính đức, dâng hiến lên thượng đế để dâng phối ông cha), đây chỉ việc đưa Dục tông Anh hoàng đế (Tự Đức) vào phối hưởng trong lễ tế Nam Giao.

(3) *Lời hữu hưởng trong Kinh Thi*: nguyên văn là “Chu Tụng hữu hưởng chi văn”, lấy chữ trong *Kinh Thi*, *Chu tụng*, *Thanh miếu*, *Ngã tương* “Ký hữu hưởng chi” (Đã xuống hưởng lễ vật ở án dưới), đây cũng chỉ việc Thành Thái đưa tổ tiên vào phối hưởng trong lễ tế Nam Giao.

(4) *Lưu kế sông Phong*: nguyên văn là “Phong thủy di mưu”, lấy chữ trong *Kinh Thi*, *Đại nhã*, *Văn vương hữu thanh* “Phong thủy hữu dĩ, Vũ vương khởi bất sĩ, Di quyết tôn mưu, Dĩ yên dự tử” (Sông Phong có cỏ dĩ, Vũ vương há không lo lắng, Lưu lại mưu kế cho cháu nội, Để con cháu được yên ổn), đây ví với công ơn của Dục tông Anh hoàng đế.

0249. Tiết Thanh minh, sai các hoàng thân làm lễ. Đến hôm ấy ngự giá tới chiêm bái, sơ yết An lăng.

0250. Chuẩn cho triệt bỏ hậu đường nhà Chính Mông (nhà chính đường đã triệt hạ dời đi dựng ở chỗ khác), sửa làm Cơ mật ngoại viện (làm nơi đón tiếp quan Pháp và nơi ở của gia quyến, nhân viên Phủ Phụ chính).

0251*.** Bỏ bớt tấn thủ ở các cửa biển tại kinh thành và tỉnh ngoài (Thừa Thiên có 5 tấn thủ Thuận An, Tư Hiền, Cảnh Dương, Chu Mãi, Hải Vân chỉ giữ tấn thủ Tư Hiền. Quảng Trị có 2 tấn thủ Việt An, Tùng Luật đều bỏ. Quảng Bình có 3 tấn thủ Nhật Lệ, Linh Giang, sông Ròn chỉ giữ Nhật Lệ, Linh Giang. Hà Tĩnh có 3 tấn thủ Sót, Khâu, Nhượng đều bỏ. Nghệ An có 3 tấn thủ Hội, Hoan, Càn chỉ giữ tấn thủ Cửa Hội. Thanh Hóa có 6 tấn thủ Nghi Sơn, Trào, Y Bích, Hên, Bạng, Bạch Cầu chỉ giữ 3 tấn thủ Nghi Sơn, Trào, Bích. Quảng Nam có 3 tấn thủ Đà Nẵng, Đại Áp, Đại Chiêm chỉ giữ tấn thủ Đại Áp. Quảng Ngãi có 6 tấn thủ Cổ Lũy, Thái Cần, Sa Kỳ, Mỹ Á, Sa Hoàng, Lý Sơn ở chỉ giữ tấn thủ Cổ Lũy. Bình Định có 4 tấn thủ Kim Bồng, An Dụ, Đề Di, Thi Nại, tấn thủ Thi

Nại đã triệt bãi chỉ còn các tẩn thủ Kim Bồng, An Dụ, Đề Di, vẫn giữ như cũ. Phú Yên có 6 tẩn thủ Cù Mông, Xuân Đài, Vũng Lắm, Đà Rằng, Phú Sơn, Đà Nùng chỉ giữ 2 tẩn thủ Phú Sơn, Đà Rằng. Khánh Hòa có 6 tẩn thủ Cù Huân, Vân Phong, Nha Phu, Cam Ranh, Phan Rang, Ma Văn chỉ giữ 2 tẩn thủ Phan Rang, Cù Huân. Bình Thuận có 6 tẩn thủ La Hàn, Ròn, Phan Rí, Mũi Né, Phan Thiết, Ma Ly đều bỏ hết) (1).

(1) Trong các địa danh trên đây có một số nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

0252. Tỉnh Thanh Hóa báo tin tiểu phi toàn thắng (bắt được giặc Cao Điền và bè đảng là Nguyễn Quý Am, và thu được rất nhiều quân lương, khí giới). Tin báo về, chuẩn cho khẩn cấp sai phái quân binh đóng đồn ngăn chặn để đề phòng quân giặc lan ra.

0253. Tháng 3. Triều đình nước Pháp sai Tổng lý đại thần hạng nhất Bideau (1) quyền sung Tổng thống Đông Dương Toàn quyền đại thần (vâng sắc phái quan viên tới dâng sắc thư, vật phẩm, lại tặng kim khánh hạng lớn để ủy lạo, quý đại thần gửi điện từ chối không nhận, bèn thôi).

(1) Nguyên bản viết là “Bi Đô”. Nhân vật này giữ chức Toàn quyền Đông Dương từ 12. 4 đến 26. 6. 1891.

0254. Chuẩn cho Tổng đốc tỉnh Thanh Hóa Nguyễn Thuật được gia hàm Thái tử Thiếu bảo, điều làm Thượng thư bộ Binh (Nguyễn Trọng Hợp quản lãnh bộ Binh đổi lãnh bộ Công), Kinh lược sứ Tả Trực kỳ Lương Quy Chính đổi làm Tổng đốc Thanh Hóa. Quy Chính dâng sớ từ chối, nhường cho Trương Như Cương, Nguyễn Hữu Thăng, không chuẩn, sai vẫn ở lại Nghệ Tĩnh bàn bạc trừ tính cho ôn hòa rồi sẽ tới nhận chức.

0255. Bề tôi Phủ Tôn nhân là Miên Trinh dâng tập tâu xin thưởng biễn ngạch và bài đeo các hạng cho các công chúa hiếu nghĩa (công chúa An Thường), có văn học (công chúa Quy Đức, công chúa Lại Đức), lại xin giao cho Sử quán sao lục truyện của các công chúa để tỏ rõ việc khuyến khích phong tục. Bộ Lễ tra cứu hành trạng các công chúa bản triều như công chúa Ngọc Huyền, công chúa Long Thành, công chúa Minh Nghĩa, công chúa Bình Thái, công chúa Ngọc Trăn đều rất trác việt, các triều chưa từng có, bèn dâng phiến tấu xin. Bề tôi Nội các duyệt nghĩ quốc triều bản lệ ban thưởng người trình tiết hiếu thảo đều là cho những người nhà nghèo mà gắng sức giữ được tiết tháo nên vâng lệnh biểu dương để khuyến khích phong tục, còn như phong hóa của hoàng gia chưa thể lấy lệ của bình dân mà bản. Khảo xét các triều như các công chúa Ngọc Huyền hành trạng trác việt mà chưa thấy cấp tinh biểu, nghĩ chắc có ý sâu chứ không phải để sót. Nay ba công chúa An Thường, Quy Đức, Lại Đức hành trạng đáng khen, ngày sau đã có Liệt truyện, nếu nghĩ ban tinh biểu thưởng cấp thì mở ra tiền lệ, trước sau soi nhau e có chỗ chưa hợp, xin chờ vâng chỉ truyền ban thưởng, chuẩn như lời nghị của Nội các.

0256. Kinh lược sứ Bắc Kỳ Hoàng Cao Khải dâng tờ khai trừ nghĩ các khoản về việc đề điều (ra hạn việc đắp đê từ tháng 1 đến cuối tháng 2 phải xong, vẫn sức cho phủ huyện tổng lý không được tự ý bỏ thu tiền dân mà thuê mướn riêng. Nếu hạt nào có đề cần điều bát dân phu ứng dịch thì trích tiền công mua gạo chiều số dân phu mà phát. Nếu khởi công thì quan tỉnh cùng quan Pháp hội đồng đốc thúc thi hành và trừ liệu việc bảo vệ, không được chỉ giao cho phủ huyện tổng lý nhận làm. Từ tháng 2 trở đi thì sức cho các nơi đắp thêm đê cũ để phòng mùa hạ nước lớn. Đến tháng 3 thì sức cho xã dân các nơi gieo mạ ở chân đê, trên mặt đê thì đặt đất đá để chuẩn bị hộ đê. Hạt nào giữ vững được đê thì quan đốc thúc được thưởng gia một cấp, tổng lý thì chức lượng ban thưởng để tỏ rõ ý khuyến khích, hạt nào vỡ đê thì quan đốc thúc bị giáng một cấp lưu, phủ huyện giáng ba cấp điều đi nơi khác, tổng lý thì bãi dịch), chuẩn sao ra cho thi hành.

0257. Kính cẩn sửa chữa điện thờ trong các tôn lăng, lấy Chương vệ Nguyễn Hữu Cấp trông coi công việc.

0258. Mùa hạ, tháng 4. Phủ Phụ chính tâu nói kinh sư là có nghĩa đông đúc lớn lao, năm trước trong ngoài chung quanh kinh thành nhân dân đông đúc, sau khi có việc trở về chưa được như cũ, một dải phía tây bắc vẫn còn cỏ hoang rậm rạp, nhà cửa thưa thớt, tháng 11 năm Thành Thái thứ 1 chuẩn cho dựng lại phủ nha Thừa Thiên ở bên phải phía trong thành, các trại quân cũng đã lần lượt sửa sang, xin cho quan phủ gia tâm kinh lý, mở mang cửa sông phía tây thành để thông đường nước, chiêu tập võ về nhân dân trồng tọt đóng thuế, chia vạch đường phố để tiện kiểm tra kê khai, cốt để nhân dân trở về ngày càng đông đúc. Cho như lời xin.

0259. Ban sắc nói Phụ chính thân thân Tuy Lý quận công Miên Trinh là người thân có đức lớn, năm nay tuổi tác đã cao, chuẩn cho ở phủ đệ làm việc, mỗi tuần vào châu một lần, gặp lúc mưa gió nóng rét thì đều cho miễn, để tỏ rõ ý thể tất.

0260. Đặt nhà Giảng tập cho các hoàng tử của tiền triều (1). Vâng ý chỉ nói các hoàng tử con Cảnh tông Thuần hoàng đế đều đã hơi lớn, nên có nơi dạy dỗ riêng, bề tôi Phủ Phụ chính nên chọn một viên khoa mục phụng sung Giáo tập để sớm có thành hiệu, bèn chọn Điền tịch Đỗ Hải Lượng sung vào chức ấy.

(1) Các hoàng tử của tiền triều: tức các con trai của vua Đồng Khánh gồm Bửu Đảo (về sau là vua Khải Định), Bửu Tung (sau được phong làm An Hóa quận vương), Bửu Nga, Bửu Cát, Bửu Quyên.

0261. Tăng thêm thuộc viên cho Nha Kinh lược Bắc Kỳ (nha ấy vốn đặt Thương biện 1 viên, Viên ngoại, Chủ sự, Tư vụ, Bát phẩm mỗi chức 1 viên, Cửu phẩm 2 viên, thư lại 4 viên. Nay đặt thêm Tham biện 1 viên, Tư vụ, Bát phẩm, Cửu phẩm mỗi chức 1 viên, thư lại 2 viên).

0262. Thân định lệ quan viên văn võ hưu trí hưu dưỡng (trở đi phạm quan viên văn võ trong ngoài từ Cửu phẩm trở lên trừ ai tự thấy vẫn đủ sức tuân lệnh sai phái vẫn lưu lại đến 70 tuổi, còn ai đã 65 tuổi mà tại chức được 30 năm trở lên hay tự thấy suy yếu tình nguyện trí sĩ đều cho, ân lệ cũng như những người 70 tuổi hưu trí. Còn như ai lão thành khỏe mạnh nên lưu lại giữ chức thì không nệ 70 hay 65 tuổi, lâm thời vắng đặc chỉ sau khi trí sĩ nên khởi phục như gần đây vẫn làm thì đều tuân theo lời nghị chuẩn năm Minh Mạng thứ 4 và tham chiếu lệ gần đây mà làm. Những người chưa có phẩm hàm, đã 60 tuổi xin về hưu đều cho. Những quan lại về nghỉ phụng dưỡng cha mẹ, ngày sau chờ bổ nếu ai tình nguyện chiếu lệ mới xin về hưu thì cho quan sở tại tư cho hai bộ Lại Binh xem xét mà làm).

0263. Mở khoa thi Hương (Thừa Thiên, Bình Định mở vào tháng 4, Nghệ An mở vào tháng 6, Thanh Hóa mở vào tháng 7, Hà Nội mở vào tháng 10, giải ngạch vẫn như cũ, duy đình lệ thi đỗ nhất trường nhị trường thì được trừ tiền sưu)***.

0264. Lúc bấy giờ qua mấy tuần không mưa, bộ Hình tâu xin ngoài các vụ án khâm giao (1) và giao thiệp cần tra xét gấp thì đều xin tạm đình. Lại thân sức quét dọn rửa ráy nhà ngục, lau chùi gông cùm, còn như những phạm nhân đang bị giam giữ, ai tình tội hơi nhẹ xin cho người thân ở tổng lý vệ đội tạm nhận để tra xét sau. Chuẩn cho lập tức thi hành.

(1) *Khâm giao*: tức những vụ án quan trọng mà vua phải sai các đại thần trong triều tham gia điều tra xét xử.

0265. Quan tỉnh Nghệ An Đào Tấn tâu xin miễn tội cho những giặc cướp ra thú (từ Suất đội giặc trở lên trừ ai xét ra hung hãn, ngày thường có tang tích giết người đốt nhà phải giam giữ tra xét cùng những người dâng nạp khí giới và bắt giải đầu đảng giặc ra thú nên miễn tội, thì những người ra thú không nạp khí giới nên định lệ nạp phạt, Suất đội giặc mỗi người 10 đồng, Hiệp quản, Đốc binh, Đốc chiến, Thương bang, phủ huyện giặc mỗi người 15 đồng, vẫn giao cho phủ huyện giam giữ khổ sai 3 tháng, mãn hạn giao cho xã thôn cùng tộc trưởng nhận về nghiêm quản, mỗi tháng do hào lý điểm danh một lần. Trở đi nếu có ai ra thú cũng chiếu theo đó mà làm). Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành.

0266. Quan Sơn phòng Quảng Ngãi Bình Định Nguyễn Thân làm tập tâu xin tiếp tục thưởng cho những người có công tiểu phi ở Bình Định, xin thăng chức cho 81 người. Bộ Binh xin giao cho đình thần duyệt nghị. Đình thần tra cứu lời nghị năm Tự Đức thứ 21, 22 và tháng 6 năm Đồng Khánh thứ 1 thì năm rồi Bình Định bọn côn đồ gây sự là nhất thời nổi dậy chứ không phải giặc cướp tụ họp gây loạn, lần này tiểu phủ phái ủy người tìm bắt chứ không phải chiến đấu ngoài trận, không nên theo lệ thưởng hàm. Huống hồ trước đây đã đội ơn ban thưởng, nay lại xin thưởng, trong đó lại có nhiều người không xứng đáng, xin truyền chỉ thân sức một lần. Chuẩn như lời bàn.

0267. Tháng 5. Vâng ý chỉ của Nghi thiên Chương hoàng hậu nói “Hoàng đế còn nhỏ, cho thân thần đại thần ở Phủ Phụ chính tùy việc uốn nắn, nếu ngẫu nhiên lời nói hành động có chỗ chưa đúng thì phải lập tức dâng lời can gián, nếu chưa chịu nghe thì dừng vì lễ tiết mà bỏ qua, nên can gián nhiều lần, ắt sẽ được như lời mới nên, ngõ hầu không có sai lầm, thành toàn đức cho vua, đó là điều lão thân rất mong mỏi”. Bề tôi Phủ Phụ chính bèn tâu lên, chuẩn lấy bọn Hiệp biện Đại học sĩ Nguyễn Chánh, Đoàn Văn Hội đều sung Phụ đạo đại thần, đại thần quản lãnh Thị vệ Nguyễn Hữu Thảng, Tham tri sung Toàn tu Quốc sử quán Hoàng Hữu Xứng, Tham tri bộ Hình Nguyễn Thượng Phiên (1), Tham tri bộ Lễ Tạ Thúc Dĩnh đều sung Kinh diên nhật giảng quan, lại khởi phục nguyên Tổng đốc Hải An đã hưu trí là Nguyễn Thành Ý, Tuần phủ Nam Ngãi Đoàn Khắc Nhượng đều sung chức Giảng kinh để đủ người bàn bạc suy nghĩ (vì Khắc Nhượng đã già yếu nên chuẩn cho ở lại quê, Thành Ý được thăng Thượng thư bộ Lễ sung Phụ chính đại thần).

(1) Nguyên bản chép là “Nguyễn Phiên”.

0268. Lấy đảo Phan Rí (1) làm nơi phát phối. Khâm sứ đại thần Hector vì trước nay các phạm nhân bị phát phối tới ở vùng Trấn Lao, Quảng Ngãi, Bình Định thường có nhiều người lên trốn đi, xin đặt đồn lũy ở đảo ấy, sai quân binh đóng giữ cũng để tiện giam giữ các tù phạm bị phát phối. Bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành.

(1) Nguyên bản viết là “Phan Lý”.

0269. Tháng 6. Toàn quyền đại thần De Lanessan tới kinh vào yết kiến. Bề tôi Cơ mật viện trừ nghị các khoản quan trọng (Khoản 1: thuế thuốc phiện từ ngày 15. 10. 1889 Tây lịch quý quốc bản định nhận trung, thuế đồng niên 140.000 đồng, giao lại theo từng tháng, đến nay mới nhận được tiền thuế 9 tháng. Khoản 2: thuế quế ở Quảng Nam Quảng Ngãi cũng hội định trong năm ấy, thuế đồng niên 50.000 đồng, từ đó đến nay thuế ấy cũng chưa được nhận. Khoản 3: những vật nhu yếu ở kinh từ Bắc Kỳ chở về, năm thứ 1 còn chưa chở 200.000 quan, xin ưng thuận cho chở thêm, những năm về sau cũng xin như thế. Khoản 4: các mỏ vào năm Ất Dậu đã định điều ước

thi hành, duy tỉnh Thanh Hóa là đất phát tích, Thừa Thiên là kinh sư, nơi gốc rễ mà đào bới thì rất đáng ngại, hai hạt ấy nên đình cùng với mạch núi Triệu Tường từ Ninh Bình chạy tới Thanh Hóa, giả như tìm lấy mỏ gì thì đúng là có điều đáng ngại với bản quốc, cũng xin lâm thời bàn bạc ngừng lại. Khoản 5: kho công và lúa gạo hàng hóa chuyên chở cùng tiền thuế dân gian chở nạp ở hai miền nam bắc bản quốc cùng tàu máy của bản quốc có khi từ Hương Cảng và các nơi chở hàng hóa về, xin quý Thượng chính miễn việc thu thuế để được thông hành mà hợp quốc thể) tâu lên chuẩn cho thương nghị thi hành (về sau đến tháng 10 năm ấy sai Phụ chính thân thần Miên Lâm, Phụ chính đại thần Nguyễn Trọng Hợp mang sắc thư ra Bắc Kỳ thăm hỏi ủy lạo Toàn quyền đại thần và bàn bạc năm khoản ấy. Quý đại thần trả lời đều nên bình tâm chăm chức. Khoản thuế thuốc phiện xin từ tháng 12 Tây lịch năm nay trở về trước giao 60.000 đồng, đến năm sau giao tiền đồng niên 80.000, các khoản còn lại chờ đến tháng 2 năm sau quý đại thần tới kinh sẽ tiến hành bàn bạc thỏa thuận).

0270. Dụ quan quân sĩ thứ Bắc Kỳ. Lúc bấy giờ dân các địa phương ở Bắc Kỳ còn chưa yên tĩnh, Toàn quyền đại thần De Lanessan vừa tới, trải qua bàn bạc hiểu dụ lại xin ban dụ để họ nghe theo (Lời dụ đại lược nói “Bắc Kỳ vài năm nay dân tình tiêu tụy quá lắm. Đã đặt Nha Kinh lược cũng chưa thể nhất loạt yên ổn, xét tới lý do cũng bởi tình thế xa cách, quan lại chưa được người hiền, nên đồ hội văn vật lại liền năm không yên, dân phải chịu khổ. Toàn quyền đại thần đã tính trước tới điều đó, trẫm rất lấy làm may cho dân một phương. Phàm những việc quý đại thần làm đều tính toán vì sự yên ổn có lợi cho dân ta, có thể không hết sức lo toan làm ngược lại với trước đây, mà còn nháo nhác như thế, tự mình đâm đầu vào chỗ lâm than sao? Phàm nhân dân Bắc Kỳ không phải thích làm loạn, hưởng hồ tinh người khốn khổ đã lâu, không ai không muốn yên ổn, mà kẻ sĩ ắt thấy rõ đại thể thiên hạ. Ta cũng là một nước ở phương Đông, mà nay các nước lớn như Đại Thanh, Nhật Bản, Cao Ly, Tiêm La đều đã đặt sứ thông thương, thì ta làm sao riêng mình khác hẳn. Đã biết rõ như thế là nên, há lại còn có ý khác. Chỉ có năm ba bọn người bất sính, cam chịu chê cười. Nhân sơ hờ bịa đặt dụ dối, đến nỗi chỗ này tụ nơi kia họp, buông thả cướp bóc, không thể không dùng binh đánh bắt. Thử nghĩ xem mỗi lần bắt bớ đem ra chính pháp, động tới là hàng trăm người, hôm sau còn quá hôm trước, làm sao sinh ra cho kịp. Mà người còn sống cũng hết cách sinh sống, dân có tội gì mà phải đến nỗi như thế? Nay mỗi tề của quan lại, triều đình đã ra sức chỉnh đốn cải cách, còn việc giữ cho nhau yên ổn thì do cha anh hào mục của dân ta còn có thể ngăn cấm ước thúc, một nhà không có ai theo giặc, dòn lại thì một hương một huyện cũng thế. Ở trong nhà người, cây ruộng của người, cùng nhau yên vui hưởng lợi, há không hơn làm bậy để bị tru lục sao? Còn như có chuyện gì khốn khổ thì cho do Nha Kinh lược đề đạt với quý đại thần, ắt có thể trừ tham nhũng mà giảm sưu dịch, diệt trộm cướp mà yên ruộng vườn. Triều đình sẽ thêm tình thương xót, để cùng nhau hưởng phúc thái bình”).

0271. Thân sức rõ lệ cử người mình biết (trở đi quan viên văn võ trong kinh ngoài tỉnh cử người mình biết đều theo lời nghị chuẩn năm Tự Đức thứ 1 tuân hành).

0272. Chuẩn cho đầu đảng đầu mục giặc cướp ở các hạt Quảng Bình Hà Tĩnh Nghệ An Thanh Hóa nếu chưa ra đầu thú thì gia hạn trong hai tháng nữa ra thú sẽ được miễn tội, bắt đầu tính từ ngày tờ tư gởi tới nha môn.

0273. Mùa thu, tháng 7. Ban cho Phụ chính thân thần Miên Trinh, Miên Lâm, Phụ chính đại thần Nguyễn Trọng Hợp, Bùi Ân Niên, Trương Quang Đản sâm (mỗi người 3 lượng), quế (mỗi người 1 phiến), gấm (mỗi người 1 tấm), bạc (thân thần 12 hốt, đại thần 10 hốt), vì khi làm đại lễ Giao miếu hết lòng chính đốn sắp xếp nên đặc biệt tuân theo ý chỉ ban cho để tỏ ý ưu lễ. Bê tôi Phủ Phụ chính đều dâng sớ từ chối, không cho.

0274. Nguyên Tuần phủ Hà Tĩnh Đinh Nho Quang bị giặc bắt (lúc bấy giờ Nho Quang về quê dưỡng bệnh, bị bọn giặc Thăng bắt giam đòi tiền chuộc). Tin báo lên, sai quan tỉnh bàn bạc đốc suất quan binh dò xét tìm bắt (về sau đến tháng 3 năm thứ 4 Phó Công sứ Hà Tĩnh Đa Mạt (1) tới xứ Eo Ngàn (2) đánh phá sào huyệt của giặc, cứu được viên ấy về. Tháng 2 năm thứ 5 Nho Quang bị giáng hai cấp, đổi làm Quang lộc tự khanh lãnh Thị lang bộ Hình).

(1) Nguyên bản viết là “Đa Mạt”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) Nguyên bản viết là “Ngạn Yêu xứ”.

0275. Thân sức rõ lệ cấm hoàng thân tôn thất hút thuốc phiện (trở đi phạm từ hoàng thân tới tôn thất ai giữ chức mà nghiện thì chiếu lời nghị theo lệ quan viên đang làm việc công mà thi hành. Còn như hoàng thân tôn thất ở nhà quả có bệnh nghiện chuẩn cho tự tâu bày, cũng cho kỳ hạn (3 tháng) để cai. Trong đó những người tuổi cao nghiện nặng thì gia thêm ba bốn hạn cũng được. Nếu quả cai được thì cứ chiếu lệ thường lục dụng, nếu quá bốn hạn vẫn cam lòng tự vứt bỏ mình, nên coi là loại vứt đi, tuy có văn học tài nghệ cũng vĩnh viễn không dùng. Các phủ các phòng trở đi nên răn cấm con em không được theo vết xe đổ trước. Nếu phát giác được người mới nghiện thì người đứng đầu các phòng cũng bị kết tội).

0276. Tháng 8. Chuẩn cho Tổng đốc Hà Tĩnh đã hưu trí Trần Đình Túc thực thụ Hiệp biện đại học sĩ, nguyên Thượng thư bộ Hộ đã hưu trí Vũ Trọng Bình gia hàm Hiệp biện đại học sĩ, đều theo nguyên lệ cấp cho nửa bổng. Đình Túc và Trọng Bình đều là cựu thân lão thành thạc vọng, đặc biệt nghĩ tới công lao trước kia nên có lệnh này.

0277. Nghệ Tĩnh mưa lụt lớn khác thường (nước lụt tới 13 thước), bị hại rất lớn. Chuẩn cho quan tỉnh chia nhau tới khám trừ tính việc chẩn cấp để cứu dân gặp nạn (Nghệ An xin trích xuất ở kho ra 300 phương gạo, Hà Tĩnh xin trích xuất 300 quan tiền thuế, đều chuẩn cho thi hành).

0278. Đặt *Đại Nam đồng văn nhật báo* (ở Hà Nội, chuẩn cho Bó chánh Lục Nam Dương Lâm lấy hàm Tham biện Nha Kinh lược quản lãnh. Trước là năm Đồng Khánh thứ 1 đã đặt *Đại Nam công báo*, về sau vì nhiều việc nên đình bãi không thi hành. Đến lúc ấy Toàn quyền đại thần De Lanessan bàn nên đặt lại, phàm những công văn tư lục ở kinh có quan hệ đến chính thể và những việc có quan hệ tới dân tình, thương chính ở Bắc Kỳ đều nhất nhất in lên báo, mỗi tháng bốn kỳ, phát giao cho các bộ nha ở kinh và các phủ tỉnh ở ngoài xem (về sau đến tháng 3 năm thứ 4 Thống sứ Bắc Kỳ Chavassieux bàn xin tư cho các tỉnh như có tích xưa sách mới, dân ca đã sử cùng con hiếu cháu hiền, nghĩa phu tiết phụ trong dân gian và danh nho nghĩa sĩ trác hạnh cao phong thì chuyển giao cho cục ấy đăng tải để mở rộng kiến văn, chuẩn sao ra cho các nơi thi hành).

0279. Tháng 9. Chuẩn cho Thượng thư bộ Hộ Lương Quy Chính sung Cơ mật viện đại thần kiêm quản Đô sát viện (Quy Chính trước được chuẩn làm Tổng đốc Thanh Hóa, kế chuẩn cho Tổng đốc Thanh Hóa Nguyễn Thuật vẫn lưu lại, Quy Chính trở về nên có mệnh ấy).

0280. Dời huyện nha huyện Tuy Phong tới chỗ khác (thuộc tỉnh Bình Thuận, đặt tại xã Vĩnh Văn, vì thủy thổ không tốt, chuẩn cho dời đặt ở xã Long Lung. Về sau đến năm thứ 12 vì dân cư thưa thớt lại dời tới đặt ở xứ La Cô).

0281. Thân định lệ phát lương cấp ruộng cho thợ các cục tượng (trở đi phạm thợ các cục tượng nơi nào ngạch giảm việc nhiều như loại thợ mộc, thợ rèn, thợ súng, thợ cưa, thợ đúc, thợ đá, thợ đúc tiền, thợ đồng thau, nguyên lệ cấp 9 sào, tăng cấp thêm 4 sào, cộng là 13 sào. Còn các cục tượng ngạch giảm mà việc ít như loại thợ làm đồ sùng làm ngà, thợ vẽ tranh cùng các ngạch mộ mà việc nhiều như thợ nề, thợ làm ngói, thợ thêu, thợ khắc chữ, nguyên lệ cấp 7 sào, tăng cấp thêm 3 sào, cộng là 1 mẫu. Cục tượng nào thuộc ngạch mộ mà việc ít như thợ làm hàng mã (1), thợ xà cừ nguyên lệ cấp 4 sào, tăng cấp thêm 2 sào, cộng là 6 sào để được công bằng. Trong đó xã nào số ruộng không đủ thì chiếu theo số người nhiều ít mà quân cấp, không được nhất khái viện cố. Nếu xã thôn nào lại không tuân cấp, bị phát giác ra thì lập tức cứ hỏi lý dịch mà trách phạt).

(1) Nguyên bản chép là “mã (ngựa) đồ (bản đồ)”, đây tạm dịch như trên.

0282. Nha Kinh lược Bắc Kỳ phi báo về việc quân binh ở Thái Nguyên làm phản (lính tập khổ xanh khổ đỏ (1) ở đồn Hùng Sơn huyện Đại Từ cùng lính cơ giết chết Suất đội người Pháp và Suất đội người Nam, làm phản xông vào huyện nha Đại Từ (2) bắt Tri huyện Trịnh Quang Toán, cướp lấy súng ống khí giới các hạng). Tin báo về, chuẩn do Nha Kinh lược bàn với quan cầm quân của Đại Pháp biết mà làm. Sau đó Toàn quyền đại thần De Lanessan nghĩ định giao các tỉnh vùng biên giới cho quan cầm quân của Pháp nhận lãnh thu xếp.

(1) Nguyên bản chép là “Thanh khóa xích khóa tập binh”.

(2) Nguyên bản chép là “Từ Sơn”, có chỗ vô lý, ngờ là “Đại Từ” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

0283. Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên Cao Xuân Dục xin ban khắc văn thể trường thi để sĩ tử tuân hành. Bộ Lễ cho rằng văn quyền khoa trường gần đây cũng là trong cái dở tìm cái hay, còn nói tới văn lý uẩn súc, thể cách thuần chính có thể làm phép tắc cho đời nay mà truyền lại cho ngày sau thì chưa thấy, xin chờ khoa nào văn thể hùng hồn, quả thật có thể lấy thi sẽ in ra. Vua nghe theo.

0284. Mùa đông, tháng 10. Bắt đầu chuẩn cho Thông ngôn Ký lục ở Tòa Khâm sứ so sánh với quan Nam mà trao phẩm hàm. Lúc bấy giờ Thông sự Ngô Đình Khả, Nguyễn Đình Hòe ở Tòa Khâm sứ đã vào làm việc ở Tòa sứ, đội ơn được vào hạng nhưng không có bằng sắc của bản quốc, xin Viện Thương bạc chức lượng đem mười hạng Thông sự Ký lục so sánh với các trật từ Tòng Cửu phẩm tới Chánh Ngũ phẩm của bản quốc, Thông sự Ký lục hậu bổ so sánh với Thứ lại vị nhập lưu, theo thứ tự từng hạng ban cấp cho sắc hàm tương ứng. Sắc văn nói rõ được thăng lên hạng nào, do Viện Thương bạc trình với bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành (Thông sự hạng hai Ngô Đình Khả so thưởng hàm Tri phủ, Thông sự hạng tư Nguyễn Đình Hòe so thưởng hàm Thông phán, số còn lại thì đều so sánh ban phẩm hàm cao thấp khác nhau).

0285. Khâm sứ đại thần Hector về nước, Thống sứ Bắc Kỳ Brière tới thay. Hector nhiều lần giữ chức (tháng 9 năm Hàm Nghi thứ 1 làm Tham biện rồi Quyền Khâm sứ, tháng 4 năm Đồng Khánh thứ 1 làm Khâm sứ, tháng 10 năm Đồng Khánh thứ 3 về nước, tháng 6 năm Thành Thái thứ 1 lại giữ chức), làm lợi cho nước rất nhiều, sai làm chỉ dụ có trục cuốn sơn màu tới tuyên dương ủy lạo, lại tặng phẩm vật.

0286. Kiêm quản Sơn phòng sứ các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Quảng Nam Nguyễn Thân bị bệnh, xin theo Khâm sứ đại thần Hector về Gia Định chữa trị (tờ tư nói Khâm sứ đại thần điện nói hiện vắng lệnh về nước, nếu muốn qua quý quốc hay tới Gia Định thì trả lời, sẽ giúp đỡ cho. Viên ấy vốn bị bệnh thấp, xin về chữa trị). Bề tôi Cơ mật viện vì viên ấy hiện quản việc Sơn phòng ba tỉnh là nơi quan yếu, đi xa sợ có nhiều điều bất tiện nên tâu xin không chuẩn.

0287. Quan tỉnh Hà Tĩnh báo về tình hình biên giới (trường các sách bản (1) ở phủ Trấn Tĩnh cũ bẩm xin triệu tập dân Man phục hồi địa giới hai Cam, Lại dò thám biết được Chiêu Khôn hiện đang chuẩn bị quân binh súng ống cùng Thổ Lại mục Trấn Tạo Công Man*** theo ứng dịch với nước Tiêm, từ Cẩm Muộn (2) tới Nậm Nhoóng (3), Cam Cát cũng bị người Tiêm chiếm cứ), bề tôi Cơ mật viện dâng tờ phiến tâu lên.

(1) Trong nguyên bản những chữ “bản” này đều viết bằng chữ Nôm “*chấm thủy + bản*”

(2) Nguyên bản viết là “Cam Muộn”.

(3) Nguyên bản viết là “Nậm Nhũng***”.

0288. Tăng thêm giải ngạch cho trường thi Hà Nam (giải ngạch vốn có là lấy 53 Cử nhân, khoa này tăng thêm 12 Cử nhân, 1 Cử nhân thì lấy 3 Tú tài, vẫn theo lệ cũ), là theo lời xin của Toàn quyền đại thần De Lanessan.

0289. Tháng 11. Chuẩn cho Kinh lược sứ Bắc Kỳ Hoàng Cao Khải gia hàm Phụ chính đại thần, thăng Thự Vũ Hiến điện đại học sĩ vẫn sung Khâm sai Bắc Kỳ Kinh lược đại sứ. Lúc đầu Toàn quyền đại thần De Lanessan vì Cao Khải siêng năng làm việc xin gia hàm Phụ chính, đình thần tâu nói Kinh lược từ Chánh Nhị phẩm thăng lên Chánh Nhất phẩm, và lại còn giữ chức ở ngoài thì trước nay chưa từng được gia hàm Phụ chính, nhưng quý đại thần viết thư nói rất khẩn thiết, về tình nên châm chước làm theo, cho như lời xin.

0290. Thân định lệ quan viên văn vũ ngủ lại trực đêm (trừ hai lúc sáng chiều từ công thự về nha ăn cơm phải theo đúng giờ ra vào, còn lại đều phải thường xuyên có người ở lại trực ban. Từ cung thành tới các cửa hoàng thành và sở Sa Lậu không được tự ý rời bỏ, mỗi buổi chiều đều điểm danh theo lệ, ai vắng mặt thì do quan trực và Khoa đạo nêu tên xử trị).

0291. Chuẩn trở về sau phạm tờ tâu cất nhắc quan viên thì dưới tên phải ghi rõ công lao, lý lịch, chức hàm, chức khuyết tương đương mới được dâng lên.

0292. Định ra chương trình dạy tiếng Pháp (2 giờ chiều hàng ngày tiến giảng, lấy Chủ sự ty Hành nhân Nguyễn Hữu Mẫn sung chức).

0293. Tổng đốc Thanh Hóa Nguyễn Thuật tư nói quý viên Trú sứ Boulloche bàn mở đường sông để tiện cho thuyền máy tới Hà Nam, Ninh Bình, lại đắp sửa đường quan lộ Ninh Bình để tiện xe ngựa đi lại. Duy chiếu tôn thành ở một hạt Hà Trung, lúc mở mang đường sá trong núi sông đều có quan hệ, xin sai quan tới trước khám xét cho rõ để bàn bạc cho ổn thỏa rồi làm. Bèn chuẩn cho Đốc học Bình Định Lê Bá Đôn sung phái. Bá Đôn tuân chỉ tới khám xét, xin đổi con đường vòng cung ở Nùng Sơn qua phía tây nam chân núi để giữ nguyên trạng, chuẩn cho như lời bàn.

0294. Sửa tàu máy Ích Thông (vốn tên là tàu máy Quảng Nam, trích tiền kho Bào hộ 15.000 quan tiền Tây để tu sửa).

0295. Tháng 12. Tấn phong Tuyên quốc công Hồng Tô là Hoàng Trị công, Thường quốc công Hồng Kiện là An Phước công, là tuân theo ý chỉ.

0296. Thân định nghi thức bang giao (Một khoản: kính đệ quốc thư thì do ty Loan nghi chuẩn bị long đình dù lọng, nghi trượng nhã nhạc, Đường quan Cơ mật viện, bộ Lễ, Nội các mỗi nơi một viên kính đệ, đều mặc quan phục đại triều, Một khoản: kính nhận quốc thư của quý Pháp quốc cũng thế, duy Cơ mật viện có hai viên, bộ Lễ một viên án quan cùng nhận, đều mặc quan phục đại triều. Hai điều này là tuân chiếu lệ định trong niên hiệu Tự Đức. Một khoản: Toàn quyền đại thần, Khâm sứ đại thần vừa tới kinh, sai quan đón tiếp ở cửa tấn Thuận An, ở cửa tấn Đà Nẵng cũng thế, tới bến đò ở kinh thì Sứ quán, Tôn nhân, đình thần đón tiếp, đều mặc thịnh phục, lúc về cũng thế. Một khoản: Toàn quyền đại thần vào yết kiến thì bày nghi thức đại triều, sai quan đón tiếp, lại dùng chỉ dụ sắc chỉ trả lời tặng biếu. Đường quan Cơ mật viện, bộ Lễ, Nội các mỗi nơi một viên, đều mặc quan phục đại triều. Một khoản: Khâm sứ đại thần vừa tới và lúc về thì dùng chỉ dụ sắc chỉ trả lời tặng biếu, đường quan Cơ mật viện, bộ Lễ mỗi nơi một viên, đều mặc quan phục đại triều. Một khoản: Toàn quyền đại thần vừa tới Bắc Kỳ thì quan Kinh lược và quan các tỉnh đón tiếp, đều mặc quan phục đại triều, lúc về nước cũng thế. Sau đó đại thần nhân việc công đi qua các tỉnh, tỉnh quan yết kiến đều mặc thịnh phục. Duy gặp ngày đầu năm cùng những ngày đại lễ khánh tiết của quý quốc thì ra tiếp kiến, đọc chúc từ đều mặc quan phục đại triều. Một khoản: lần này quý đại thần theo đường bộ tới kinh triều yết, thì các đường quan ở kinh ra đón tiếp tuân chiếu theo điều 4, mặc quan phục đại triều, quan tỉnh Thanh Hóa cũng thế. Tới như các tỉnh dọc đường, quý đại thần nghỉ lại tỉnh nào thì quan tỉnh tới yết kiến mặc quan phục đại triều, còn lại tiếp kiến ở hành thứ đều mặc thịnh phục. Một khoản: lần này Toàn quyền đại thần theo đường bộ tới kinh, chuẩn sai ba viên đường quan Cơ mật viện, bộ Lễ và Kinh triệu doãn ra đón ở Bắc đình, cũng chiếu theo điều 4, mặc quan phục đại triều, những Tôn nhân đình thần cùng ra đón tiếp đều mặc thịnh phục).

0297. Bề tôi Đồ sát viện là bọn Lương Quy Chính tâu nói “Kẻ bề tôi vì nghĩa không giao du riêng, *Kinh Xuân thu* ghi rõ ý ấy. Nước ta cùng nước Đại Pháp hòa ước, định rõ tín nghĩa hòa mục thêm bền, trong đó một khoản giao thiệp càng nên cẩn thận. Trước nay phạm có việc gì quan hệ phải tới Tòa Khâm sứ bàn bạc thì đều do đại thần ở Phủ Phụ chính và Cơ mật viện cùng Lục bộ có liên quan cũng trình do phủ viện tới bàn bạc. Lại nghe trước đây có người lấy việc riêng (hoặc mưu cầu cho mình, hoặc kẻ xấu vu cáo) đi tắt gặp riêng, việc đã qua rồi

không cần truy cứu, nhưng có quan hệ không nhỏ tới quốc thể. Trở đi xin sai Lục bộ chú nha phạm có việc cần bàn bạc đều do Phủ Phụ chính, Cơ mật viện và các nha hữu quan làm việc, tự có thể lệ giao thiệp. Còn lại quan viên văn võ (bất kể là đường quan hay thuộc viên) trừ khi Khâm sứ đại thần lâm thời muốn hỏi tới ai việc nào phải tới lập tức, nếu vô cơ mà tự ý đi lại riêng, bị phát giác ra sẽ lập tức giao cho bề tôi hai bộ Lại Binh và Khoa đạo xét tội, để đề phòng chuyện sắp tới mà vun bồi hòa hiếu”, theo như lời tâu.

0298. Bề tôi Đô sát viện tâu xin trở đi phạm quan văn võ trong kinh ngoài tỉnh được thiên chuyển, bổ dụng, trừ khi được lệnh gác bỏ những việc bị tố cáo và phải tra xét cho rõ thì quan lại từ Thanh Hóa trở vào nam nếu can tội nặng vĩnh viễn không được lục dụng, có ra Bắc Kỳ nhờ vả cũng không cho quan Kinh lược sứ vì tình đồng liêu bổ nhiệm lại. Quan lại ở Bắc Kỳ nếu có ai làm việc không tốt thì không được do Nha Kinh lược bổ nhiệm mà xin do hai bộ Lại Binh ghi tên không được bổ dụng nữa để dứt đường cầu may tiến thân mà làm trong sạch quan trường. Lúc bấy giờ người chạy chọt xin làm quan có nhiều cách, có khi không được dùng ở chỗ này thì cầu cạnh mua chức ở chỗ khác, nên Ngự sử nhắc tới chuyện ấy.

0299. Thân định lệ Bắc Kỳ đóng tập án kiện tâu lên (trở đi phạm các tỉnh đạo ở Bắc Kỳ trừ các vụ đánh cướp, giết người, cướp của, đào mộ, bắt người, gian dâm bị xử tới tội chết cùng các vụ quan lại tham tang phải làm tập tâu chờ chỉ thì lâm thời theo lời quan tỉnh tra xét nghị án làm tập tâu đưa về bộ Hình duyệt lại cho thi hành, còn lại nếu những án ấy và án đánh cướp chỉ bị tội sung quân, đi đày trở xuống và án giết người không xét xử được cùng các tội đánh người bị thương, cờ bạc mà tòa Đề hình đã tư trình cho Nha Kinh lược duyệt thì do các tỉnh tư cho Hình bộ chấp chiếu, không cần giao cho Đô sát viện duyệt lại, vẫn do Nha Kinh lược chuyển tư cho các tỉnh đạo trong kỳ, theo quý đóng thành tập chấp chiếu, không cần nhất loạt tư sai xét lại để giảm bớt giấy tờ phiền phức).

0300. Chuẩn lấy nhà Dục Đức đường cũ (nơi ở cũ của Cung Huệ hoàng đế lúc còn ở ngôi Tiềm đế) làm miếu Tiên y (ba gian phía trước sảnh đường bày án thờ cúng, hai gian nhà hai bên thì làm nơi giảng tập của Thái y viện).

0301. Thân định lệ tập ẩm của con cháu các hoàng thân vương công, tôn thất và quan viên văn võ chết trận (Một khoản: con cháu các thân công tập tước thì tuân theo lệ năm Tự Đức thứ 21, ai không có con nối dõi đều đưa vào thờ chung ở đền Triền Thân, không được cầu may xin nối dõi kế tập. Ai đặc biệt được ân sủng nên lấy con ai nối dõi thì lâm thời do đặc ân ban ra, còn lại không được nhất khải viện lệ ấy. Một khoản: trở đi phạm tôn thất và các bề tôi văn võ đã quá cố đáng được tập ẩm vẫn lấy con trưởng dòng đích, nếu đã chết cho theo luật lấy đích tôn nhưng giảm xuống một bậc. Giả như đích tử đích tôn đều chết và chưa từng tập ẩm mới cho lấy con thứ tập ẩm, vẫn giảm xuống một bậc. Nếu con cháu chưa từng tập ẩm mà người quá cố cho lấy con thứ tập ẩm, thì vẫn lấy theo dòng đích, cũng chỉ được một người mà thôi. Còn lại con cháu quan viên tôn thất thì theo lệ năm Tự Đức thứ 33, con cháu quan viên văn võ theo lệ năm Tự Đức thứ 18 mà làm. Một khoản: trở đi phạm tôn thất và quan viên văn võ ai không có con nối dõi cần lấy con của anh em nối dõi thì bất kể là ở trong kinh hay ngoài tỉnh, còn sống hay đã chết, vẫn thì các án quan Tứ phẩm Ngũ phẩm và thuộc viên Tùng Tứ phẩm, võ thì Tùng Tam phẩm trở lên có một con nối dõi cho bổ nhập Ấm sinh. Còn như ẩm thụ thì xin chiếu lệ tập ẩm cho tôn thất và các bề tôi văn võ đã quá cố nhưng đều giảm xuống một bậc, cũng chỉ được một người mà thôi, vẫn phải có gia tộc kết nhận, quan địa phương xét thực mới chuẩn, còn lại chiếu theo lời nghị bổ sung lệ Ấm sinh năm Tự Đức thứ 26 mà làm. Một khoản: trở đi phạm tôn thất và quan viên văn võ ai đội ơn được giữ nguyên hàm về quê hưu trí hưu dưỡng, nếu con cháu có ai tình nguyện ra sức thì tuân chiếu lời nghị vốn có và lời nghị mới ẩm bổ một người. Còn như đã được ẩm bổ mà cha phạm tội gì bị cách giáng thì chiếu theo hàm bị giáng bổ thấp xuống hoặc cách hoặc thu lại, để tránh lạm dụng. Một khoản: việc phong tặng và ẩm lệ cho các bề tôi chết trận trong niên hiệu Kiến Phúc trở về trước đã chiếu lệ các năm Tự Đức thứ 20, thứ 27 và năm Kiến Phúc thứ 1 mà làm, còn những quan viên văn võ từ niên hiệu Đồng Khánh đến nay ai chết trận và bị giặc giết thì con cháu em cháu nên được nhiều ẩm, chiếu theo lời nghị vốn có hoặc tuân lời chuẩn gần đây, cũng vẫn lấy con cháu dòng đích, nếu không có người trong dòng chính mới cho một người là em ruột cháu ruột tập ẩm).

Quyển 4

0302. Năm Nhâm Thìn Thành Thái thứ 4 (1892 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Chuẩn cho Thượng thư lãnh Tham tri bộ Binh Nguyễn Hữu Thằng Thượng thư bộ Binh, Văn Minh điện đại học sĩ Thượng thư Nguyễn Trọng Hợp chuẩn lấy bản hàm quản lý sự vụ bộ Binh, Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hình Đoàn Văn Hội kiêm giữ ấn triện bộ Lại, Hiệp biện đại học sĩ nguyên lãnh Thượng thư bộ Lại Bùi Ân Niên lấy bản hàm sung Phủ Phụ chính, Cơ mật viện, Quốc sử quán kiêm quản Quốc tử giám.

0303. Đắp đường từ cầu Phú Cam thẳng tới xã Cư Chính bên trái đản Nam Giao (dài hơn 1.300 trượng, rộng 15 thước, hai bên đào hào đều rộng 2 thước. Tiền nhân công và thuê mướn dân phu do bề tôi phủ Thừa Thiên tính toán), là theo lời bàn của Khâm sứ đại thần Brière.

0304. Lấy dân phu các hạt ở Bắc Kỳ chuẩn bị làm đường xe lửa (một đường từ Hà Nội tới Ninh Bình, một đường từ Hà Nội tới Hải Phòng), miễn cho công sưu năm sau.

0305. Bề tôi Phủ Phụ chính tâu nói bậc nhân quân giữ lòng nuôi đức không nơi nào chỗ nào không học, ở trong cung sâu ra sức cũng phải có lúc ra vào nghỉ ngơi, vui với người thân người hiền sĩ đại phu để di dưỡng tinh thần mà vun bồi ý chí. Xin lúc nào ở Kinh diên rảnh rỗi thư thái thì ngự giá du lãm, một hai tháng một lần, sáng đi chiều về, mỗi lần đều sai Nội các phụng giá mang sách đi theo, bề tôi ở phủ cùng các Thị vệ và Giảng quan chia nhau luân phiên theo hầu để hồi hạp ý nghĩa sách vở và xem xét dân tình lại trị, mùa màng ruộng vườn, như thế đi chơi có lúc mà học vẫn ngày càng tiến, ngõ hầu đức của vua sẽ nổi được đức lớn. Lúc bấy giờ bề tôi Phủ Phụ chính muốn thành toàn đức cho vua nên mới dâng sớ nói tới chuyện ấy.

0306. Thân định lệ đóng tập giấy tờ ở các kho trong kinh ngoài tỉnh (trở đi phạm kho tàng trong kinh ngoài tỉnh sổ sách cuối tháng cuối quý cuối năm phải theo lệ, sổ sách cuối tháng đến thượng tuần tháng sau, sổ sách cuối quý đến trung tuần tháng sau, sổ sách cuối năm đến trung tuần tháng giêng năm sau đóng thành tập gửi nạp, nếu chậm trễ kỳ hạn thì tăng bậc nghĩ xử, như nguyên chiếu lệ Kê trình văn thư chậm trễ thêm hai bậc thì nay thêm một bậc. Sổ sách cuối năm chiếu nguyên lệ đến trung tuần tháng giêng năm sau đóng thành tập gửi về bộ, tháng 2 đều tiến hành hội đồng chiếu số tra kiểm. Tôn nhân, Nội vụ, Thương trường, Vũ khố ở kinh thì do bộ Hộ cùng bộ Công hội đồng với Khoa đạo Đốc đồng Giám lâm tra kiểm, kho ở tỉnh, sơn phòng, phủ huyện ở ngoài do quan tỉnh, quan sơn phòng tra kiểm, hạn trong hai tháng phải xong, tư cho bộ Hộ hội đồng làm phiên tâu dâng lên mỗi năm một lần. Nếu có thiếu hụt thì chiếu luật xử trị).

0307. Tháng 2. Miếu mới làm xong, sai khắc biển ngạch “Hoàng khảo miếu”. Trước là tháng 4 năm thứ 2 sắc nghị việc truy tôn, Phủ Tôn nhân và đình thần xin dâng tôn hiệu là Hoàng khảo Cung Huệ hoàng đế, dựng tấm miếu riêng trong kinh thành (ở bên phải phường Thuận Cát trong kinh thành), đã chuẩn cho tuân hành. Đến lúc ấy miếu đã dựng xong, bèn sai bộ Lễ tuân nghĩ nghĩ thức, Khâm thiên giám chọn ngày tốt. Ngày Canh dần (ngày 1) truy tôn Thụy Nguyên quận vương làm Hoàng khảo Cung Huệ hoàng đế. Trước tiên tuyên dụ bố cáo cho trong ngoài. Lời dụ nói “Đức lớn ắt được danh thơm, tôn thân gọi là đạt hiệu. Duy ứng được với kinh nghĩa thì sẽ hợp với thần người, trên nối theo điều tốt đẹp của liệt tổ, dưới thỏa mãn lòng trông ngóng của muôn dân, noi theo điển trước, cũng hợp việc sau. Kính nghĩ Hoàng khảo Cung Huệ hoàng đế bệ hạ: thiên tư thuần túy, học nghiệp quang minh, từ lúc dưỡng chính ở nơi Trừ cung, đã biết thân khí có chỗ ký thác. Đàn Giao ngọc biếc ứng lòng trời, sánh cầm cửa vàng xem việc chính. Lúc ghé ngọc được tuyên phong, truyền sách vàng ghi lịch số, nhưng nhường không lên ngôi lớn, để chờ có được người sau. Tới tiêu tử ta nhờ linh thiêng của tổ tông trên trời, nhận nghiệp lớn này, ngày đêm lo sợ. Kính nghĩ Hoàng khảo ta đức tốt khó nổi gọi tên, nghĩ nên phát dương nghiệp to, noi lời tổ huấn. Trước đây vương công quần thần trong triều kê cứu sách vở, phỏng theo việc Hán Tuyên đế, lấy điển trước của bản triều làm phép tắc nghĩ bàn, cùng nhau tâu lên. Trẫm xem xét rất kỹ, nghĩ thấy nên làm, đã từng ban dụ cho thi hành. Nay miếu mới lạc thành, đã sai hữu ty chọn ngày tốt, lấy ngày 15 tháng trước kính đề bài vị, ngày 25 sai quan tế cáo với Giao miếu, lại tâu lên với hai cung Gia Thọ, Trường Ninh và Hoàng mẫu thánh giám. Ngày 27 kính đón bài vị đưa vào miếu. Ngày 1 tháng này kính mang kim sách kim bảo dâng tôn hiệu, quang linh như tại, đại lễ khánh thành, nhờ đó tổ điều sáng đến vô cùng, nỗi niềm lạnh dãi muôn thuở, là lòng thành hiếu phụng của riêng ta cùng lòng mong mỏi tôn thân của thần tử vậy. Đặc biệt bố cáo cho trong ngoài cùng biết”. Lại sai quan đem việc tế cáo với Giao miếu. Đến hôm ấy vua suất lãnh hoàng thân và các quan văn võ dâng kim sách kim bảo làm lễ truy tôn (kể sai Tôn nhân và bộ Lễ tuân chiếu theo pháp điển thời quốc sơ bản định việc cấp bổng cho các hoàng tử hoàng nữ có thứ bậc khác nhau, còn việc phong tước thì chờ khi trưởng thành sẽ có đặc chỉ. Những người đã quá cố đều chuẩn cho các ty thiếp còn sống hay đã chết đều được đăng ký, chờ vâng ý chỉ chước lượng ban cho phẩm tước theo cấp bậc cung giai).

0308. Toàn quyền đại thần De Lanessan tới kinh, tiếp đón đãi yến như lệ. Kế cùng Phụ chính đại thần thương nghị 14 khoản (Một khoản về thuế tín chỉ, từ kinh sư tới Tả Hữu Trực Kỳ và Bắc Kỳ phạm dân gian mua bán, vay mượn, văn khế phải dùng tín chỉ có ký hiệu của hai nước, giấy tín chỉ ấy do Thống sứ Bắc Kỳ giám sát in ra. Một khoản về thuế thuốc phiện và thuế khác. Một khoản về thuế củi đốt, dầu hỏa, thuốc Lào đều cho trưng bạc đồng niên, chia làm hai phần, mỗi nước một phần. Một khoản về việc giảm đèn biển, bỏ thuế thuyền, để thương thuyền ở các tấp khẩu tiện ra vào thì thuế cảng mới thu được sẽ tăng lên. Một khoản về việc bãi bỏ các khoản thuế đầu nguồn, thuế gỗ ván ở thượng du, chỉ chước lượng thu tiền thuế kiểm biên để tiện thương mại. Một khoản về việc thu thuế gỗ ván xuất cảng, nếu chờ tới Nam Kỳ Bắc Kỳ thì miễn thu. Một khoản về việc bãi bỏ thuế chợ và thuế bến đò ở phủ Thừa Thiên. Một khoản về thuế thuyền các hạng trước tiên cứ thi hành thử ở phủ Thừa Thiên, chờ khi chương trình đầy đủ chỉ có cái lợi không có mỗi tệ sẽ nhất loạt thi hành. Một khoản về việc đúc tiền đồng để dùng, do Công cụ Hải Phòng dùng máy móc đúc. Một khoản về số tiền từ Bắc Kỳ chở về kinh sẽ bàn riêng thi hành. Một khoản thiết lập hai nha Sơn phòng ở Quảng Trị Nghệ Tĩnh, đặt chức Tiểu phủ sứ. Một khoản bàn chọn Thượng thư bộ Công Trương Như Cương ra Bắc Kỳ chờ bổ nhiệm, xin bỏ Khâm sai đại thần Quảng Nam Quảng Ngãi Bình Định Nguyễn Thân làm Thượng thư bộ Công. Một khoản xin cho lãnh trưng thuế rượu, thuế tô yến. Một khoản bản định việc xây dựng đường sắt từ kinh sư tới Bắc Kỳ), tâu lên chuẩn cho thi hành.

0309. Vua ngự ra điện Văn Minh coi châu, tuyên triệu Kinh lược sứ Hoàng Cao Khải (lúc bấy giờ Cao Khải theo Toàn quyền đại thần tới kinh chiêm cận), sắc hỏi “Hiện nay Bắc Kỳ nhân dân có yên không, lúa má có

tốt không?”. Cao Khải tâu nói “Việc sứ đò khổ của nhân dân Bắc Kỳ có quan hệ với Đê chính. Năm trước đê vỡ liên tiếp, đến nỗi lúa má tổn thất rất nhiều, đã bàn chi tiền đắp lại. Năm rồi nước sông yên ổn, đến mùa đông lúa má phong đăng. Năm nay bàn trích tiền kho 40.000 đồng chia ra giao cho các tỉnh theo địa phận đắp thêm đê, nếu thành công thì có thể được yên ổn”. Lại sắc “Nay quý Toàn quyền tới kinh, phạm những việc có lợi thì khanh nên bàn bạc thỏa thuận với Phủ Phụ chính”. Cao Khải vì ở Bắc Kỳ hiện nay còn nhiều việc quan trọng khẩn cấp phải làm, xin hết lòng thành ngõ hầu được ổn thỏa. Vua khen ngợi ban thưởng cho (thường cho kim khánh kim tiền hạng lớn và gấm đoạn the lụa các hạng).

0310. Sai bộ Hộ kê cứu các hạng biệt thuế ở các phủ tỉnh từ Thanh Hóa trở vào nam (ngoài thuế chính cung thì trước nay thu được thiếu đủ ra sao và năm nay phải thu bao nhiêu) tư cho quan các phủ tỉnh đốc thúc thu cho đủ, nếu chậm trễ thiếu hụt thì tham hặc xử tội.

0311. Đặt đạo Yên Bái (1) (trích huyện Hạ Hòa thuộc tỉnh Sơn Tây, các huyện Trấn Yên, Yên Lập, Thanh Sơn thuộc tỉnh Hưng Hóa đặt làm một đạo để tiện phòng giữ).

(1) Nguyên bản viết là “Yên Phái” (dòng chảy yên ổn), có lẽ vì đọc qua tiếng Pháp với chữ “h câm” nên thành Yên Bái, rồi theo quy luật P => B trong ngữ âm tiếng Việt nên chuyển thành Yên Bái như cách gọi phổ biến hiện nay.

0312. Chuẩn trở đi phạm các phủ tỉnh ngoài kinh dùng viên tử để sai phái (không phân biệt cha còn sống hay đã chết) đều theo lệ cũ cấp cho lương tháng (mỗi tháng 1 quan 5 mạch tiền, 1 phương gạo).

0313. Tháng 3. Chuẩn cho Tổng đốc Thanh Hóa Nguyễn Thuật thăng Hiệp biện đại học sĩ (Thuật dâng sớ từ chối, không cho), Hộ Tổng đốc An Tĩnh Đào Tấn thăng Thự Tổng đốc, Bộ chánh Trần Khánh Tồn gia hàm Tuần phủ, đều lãnh chức như cũ, Tuần phủ Ninh Bình Trần Giản thưởng gia hai cấp, Bộ chánh, Án sát, Đề học, Lãnh binh và phủ huyện ba tỉnh ấy đề được thưởng thêm kỷ lục nhiều ít khác nhau, Thị lang bộ Hộ Trần Chỉ Tín thưởng gia hai cấp và một tấm kim khánh hạng hai. Lúc bấy giờ Toàn quyền đại thần tới kinh, cầu đồ dịch trạm các tỉnh qua ngang được sửa chữa và sức cho tiếp đón đều làm ổn thỏa, nên ban thưởng cho.

0314. Quan tỉnh Hà Tĩnh báo về tình hình giặc cướp (bọn côn đồ ba bốn mươi tên xông vào huyện nha Thạch Hà bắt Tri huyện, cướp lấy ấn kiếm rồi đi. Tỉnh ấy bàn bạc ủy phái Lãnh binh cùng lính tập truy bắt). Tin báo về, sai quan tỉnh khẩn cấp phái quan quân phối hợp với quan binh các đồn dò xét đánh dẹp.

0315. Phong Hộ Tổng đốc Ninh Thái Vũ Quang Nhạ là An Tập nam. Quang Nhạ trước sung Tán lý giúp việc quân, nhiều lần lập công, Toàn quyền đại thần đề đạt xin thưởng, bèn chuẩn phong cho.

0316. Bề tôi Phủ Phụ chính tâu nói “Bậc nhân quân hiếu học nuôi đức, không thể không cẩn thận về những người tả hữu thân cận. Kính xét thấy bọn Thái giám Phạm Thường, Thị vệ Tôn Thất Nhiếp, Vũ Văn Kiêm đáng mạo cử chỉ gian xảo khó gần, để cho hầu hạ gần gũi e không thích hợp. Phạm Thường xin cho về quê yên nghiệp, bọn Nhiếp Kiêm xin do bộ Binh chức lượng bỏ cho chức vụ còn khuyết, ngõ hầu phòng việc lúc mới manh nha, dứt cơ không cho nảy nở, mà đức của vua ngày càng tiến”, theo như lời tâu.

0317. Ban sắc sai bề tôi Cơ mật viện gửi thư báo những việc sai trái của Lê Duy Hinh (Hinh trước nay cậy thế làm bừa, như triệt hạ kho gỗ để xây nhà riêng cùng tham ô tiền công ở Nha Tu lý) cho phủ Toàn quyền. Lúc đầu Toàn quyền đại thần De Lanessan xét biết Hinh cậy thế làm bừa đã có lời đồn, đã định bãi chức nhưng còn lưu lại ở hạt Bình Định, nên sắc sai bàn trực xuất vĩnh viễn (về sau Khâm sứ đại thần bàn định trả lời đã trực xuất Hinh về Sài Gòn (1), không cho ở lại địa hạt bản quốc).

(1) Nguyên bản viết là “Sài Côn”.

0318. Bỏ lệnh cấm chở gạo. Năm trước cái ăn của dân các hạt còn chưa dư dật, đã chuẩn tạm cấm chở gạo đi các tỉnh trong ba tháng, còn chở qua nước khác thì nhất thiết nghiêm cấm. Đến lúc ấy giá gạo đã hơi bình ổn, Khâm sứ đại thần Brière nghĩ bàn nên nhất loạt bỏ lệnh cấm để được thông thương, theo như lời bàn.

0319. Tiết Thanh minh, tới các tôn lăng làm lễ yết lăng. Trước là tháng 4 năm Thành Thái thứ 1 đã vâng bàn về lễ yết lăng, kể vì có việc nên đình. Đến lúc ấy vâng dụ cử hành, lời dụ nói “Lễ lên yết lăng là để tỏ lòng hiếu kính. Liệt thánh bản triều nối theo ngôi thống, trước tiên kính cẩn với các lăng điện, kính tới bái yết, điển trước còn đó. Trẫm ngửa cậy sự linh thiêng của tổ tông, nhận nghiệp lớn này, từ khi hết tang đến nay vẫn chưa cử hành lễ yết tôn lăng, xa nhìn lăng miếu, tha thiết trong lòng. Nay lấy tiết Thanh minh tháng 3 năm nay kính cẩn bái yết các lăng điện, những việc cần làm do bề tôi bộ Lễ chậm chước tâu lên để chờ thi hành, để thỏa lòng thành sùng kính của ta”. Đến hôm ấy ngự giá tới các tôn lăng làm lễ yết lăng xong, trở về.

0320. Cấp phu giữ đền phủ giữ mộ cho cố Tuy Thịnh quận công (1) (15 người).

(1) Tức Trương Đăng Quế, người Quảng Ngãi, làm Phụ chính đại thần dưới hai triều Thiệu Trị Tự Đức, được phong Tuy Thịnh quận công, sau khi chết được ban thụy là Văn Lương.

0321. Chuẩn cho Thượng thư bộ Lễ sung Phụ đạo đại thần Nguyễn Thành Ý gia hàm Hiệp biện đại học sĩ hưu trí (lại sắc ban cho 5 hốt bạc, tiền đồng niên 1.200 quan vẫn như cũ).

0322. Sao chổi hiện (Khâm thiên giám tâu nói “Canh năm bốn khắc đêm 26 tháng này nhìn thấy sao chổi xuất hiện ở phương đông, đuôi chỉ về phương tây, ở dưới các sao Chử, Cữu trong chòm sao Ngụy (1), hình dáng dày chắc, có màu trắng nhạt, dài khoảng hai thước, trộm nghĩ lòng trời nhân ái, chỉ có bậc nhân quân biết lo sợ tu tình ngõ hầu mới có thể tiêu trừ tai họa trở thành điềm tốt”), hơn một tháng thì mất.

(1) *Sao Ngụy*: tức Ngụy nguyệt yên, sao thứ năm trong chòm Huyền Vũ thuộc nhị thập bát tú theo thiên văn Trung Hoa cổ. Bài *Bộ thiên ca* nói chòm sao Ngụy có hơn mười sao là Ngụy, Nhân Tinh, Chử, Cữu, Xa Phủ, Thiên Câu, Tạo Phụ, Phần Mộ, Hư Lương, Thiên Tiên, Cái Ốc.

0323. Chuẩn cho dân phủ Hoài Nhơn tỉnh Bình Định đặt lân sách ở ven núi (trích dân các xã thôn khoảng 100 người đặt làm một lân, mỗi lân đặt một Quán lân, năm sáu đầu mục, ba bốn quân binh để xướng suất. Lại đặt vọng lâu ở những nơi quan trọng để tùy thời quan sát canh giữ, vẫn do Tri châu Hoài Ân thống quản, thường phạt chiều lệ Sơn phòng Quảng Ngãi). Lúc bấy giờ mới lo Sơn Man ở Sơn phòng Bình Định cũng tương tự Sơn phòng Quảng Ngãi, nên chuẩn cho đặt lân để tự vệ, là theo lời bàn của Khâm sai Nguyễn Thân.

0324. Mùa hạ, tháng 4. Chuẩn cho Phủ chính đại thần Hiệp biện đại học sĩ Trương Quang Đản Thụ Đông Các đại học sĩ (vẫn giữ chức cũ), Phủ chính đại thần Bùi Ân Niên lấy hàm Hiệp biện đại học sĩ sung Phủ đạo đại thần (đều miễn các chức sung Phủ chính đại thần và Cơ mật viện), Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hình kiêm chương quản sự vụ bộ Lại Đoàn Văn Hội đổi lãnh Thượng thư bộ Lại, Hiệp biện đại học sĩ Nguyễn Chánh lãnh Thượng thư bộ Hình.

0325. Điều Thượng thư bộ Binh kiêm quản sự vụ Sơn phòng ba tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Quảng Nam Nguyễn Thân làm Thượng thư bộ Công, kế lại chuẩn cho sung Cơ mật viện đại thần (lúc bấy giờ Thân tới kinh chiêm cận), chuẩn cho nguyên Thượng thư bộ Công Trương Như Cương tới Bắc Kỳ, do Nha Kinh lược tùy theo chức vụ còn khuyết bàn bạc bổ nhiệm (kể vì Bắc Kỳ hiện đã đủ quan lại, chuẩn cho Như Cương đổi lãnh Thượng thư bộ Hộ kiêm quản ấn triện Đô sát viện và Văn thần Phò mã).

0326. Ngày Quý sừ (ngày 25) tấn tôn Hoàng mẫu làm Hoàng thái hậu. Trước là tháng 4 năm Thành Thái thứ 2 đã kính tôn xưng là Hoàng lệnh từ làm Hoàng mẫu. Đến lúc ấy Tôn nhân, Phủ Phủ chính đình thần lại tâu nay lễ truy tôn ở miếu mới đã xong, mà lễ tấn tôn làm Hoàng thái hậu còn chưa cử hành, tình lễ chưa yên, xin dâng tôn hiệu cho Hoàng mẫu là Hoàng thái hậu. Vua chuẩn theo lời xin, bèn ban dụ nói “Bậc minh vương ngày xưa lấy đạo hiếu trị thiên hạ, vui điều lành thờ mẹ, nhân người thân dạy dân, là điều trọng nhất của lễ, lớn nhất của điển vậy. Kính nghĩ Hoàng mẫu bệ hạ: Khuôn phép quẻ Khôn, hơi thơm cửa đức. Trước ở Thanh cung (1) giúp hoàng khảo ta, đức lớn lòng lành, vun nền giáo hóa (2), thương yêu con nhỏ, nuôi nấng chu đáo đến lúc thành người. Trên cây miếu xã linh thiêng, nói theo nghiệp lớn to tát gian nan (3), kính cẩn sợ sệt. chỉ nhờ từ huân, ngày theo tháng tới, ngõ hầu nói được liệt thánh. Trước kính hết lòng trẻ nhỏ, chưa tiến hiệu to, theo lời Phủ Tôn nhân Phủ chính đình thần văn vũ cùng bản điển lễ suy tôn, đã ban dụ cho thi hành. Quẻ Khiêm tôn mà sáng (4), lòng người đều ngóng trông. Nay lễ truy tôn ở miếu mới đã xong, vương công trăm quan trong triều cùng tâu xin tiến thêm hiệu lớn. Kính tâu lên cung Gia Thọ, cung Trường Ninh hai thánh xét rõ. Ngọc âm đã chuẩn, điển lễ đã hợp, kính chọn ngày 25 tháng này đích thân suất lãnh các bề tôi bưng kim sách kim bảo dâng tôn hiệu cho Hoàng mẫu là Hoàng thái hậu, những việc cần làm do hữu ty chiếu lệ tuân hành, để thỏa lòng thành thờ phụng của riêng ta, làm sáng điềm lành của nước nhà vạn thuở”. Trước đó hữu ty bàn nghị thức dâng lên, Khâm thiên giám chọn ngày lành tế cáo với Thái miếu, tâu với ba cung. Đến hôm ấy vua đích thân suất lãnh quần thần dâng kim sách kim bảo làm lễ tôn hiệu. Lời sách nói “Thần nghe: bậc minh vương ngày xưa có đức có đạo để trị thiên hạ, lo thân lo yêu hợp với trên dưới, là tốt bậc của điều hiếu vậy. Kính nghĩ Hoàng mẫu bệ hạ: Trong giữ thuần nhất, ngoài đủ từ huệ, ngày đêm lo sợ để giúp đỡ nhỏ này. Trên thờ Đông Triều, hiếu thuận xuất từ tính trời, dưới thương lê thứ, chở vật nhờ vào đức hậu, tứ dĩ huy diệu, khắc thừa phi tự. Và lòng khiêm vẫn giữ, hiệu lớn chưa dâng, nghĩ hiền phụ nức tiếng hay, khiến nhân tâm đều mong mỏi. Mới rồi kê cứu điển lễ, mọi người cùng lời, nên xin mệnh với miếu điện, tâu với hai cung xét rõ, đích thân suất lãnh Phủ Tôn nhân quần thần văn vũ kính dâng kim sách kim bảo, dâng tôn hiệu là Hoàng thái hậu. Kính nghĩ nhận lấy danh to, càng nhiều phúc lớn. Đủ đầy nguyên cát, hợp lòng thần thứ mừng vui, dâng đặc vô cương, dài phúc nước nhà thịnh vượng”. Lễ xong, ban ân chiếu cho trong ngoài.

(1) *Thanh cung*: cung xanh, chỉ ngôi Thái tử. Trong bát quái quẻ Chấn có một hào dương dưới hai hào âm, là tượng dương sinh, nên được gọi là quẻ trưởng nam. Theo bát quái quẻ Chấn ứng với phương Đông, thuộc hành mộc, sắc thuộc màu xanh, nên nơi ở của thái tử thường được gọi là Chấn cung, Đông cung hay Thanh cung. *Thanh cung* đây chỉ vua Dục Đức lúc chưa lên ngôi.

(2) *Vun nền giáo hóa*: nguyên văn là “thực cơ hóa thủy”. “Thực cơ” lấy chữ trong bài sách văn đối thụ hiệu cho Thành Thái hoàng hậu nhà Tống “Thủy ư cung vi, đạt ư thiên hạ, đản duy nội trợ, thực cơ vương hóa” (Bắt đầu nơi cung vi mà tới khắp thiên hạ, tuy chỉ giúp đỡ việc trong nhà mà thật ra là vun đắp cho vương hóa), “hóa thủy” lấy chữ trong lời nghị đặt thụ hiệu cho Từ Ý hoàng hậu nhà Tống “Hóa thủy ư cung vi nhi trị hình vu hải vũ” (Giáo hóa bắt đầu từ cung vi mà trị bình hiện ra nơi hải vũ), đều chép trong *Tống Hội yếu tập cáo*, đây dùng để xưng tụng bà Từ Minh Huệ hoàng hậu.

(3) *To tát gian nan*: nguyên văn là “di đại đầu gian”, chữ trong *Kinh Thư, Đại cáo* “Dư thảo thiên dịch, di đại đầu gian vu trăm thân” (Lại đến lúc có việc của trời, dời chuyện lớn đổ chuyện khó lên cho trăm), chỉ việc vua nhỏ nổi ngôi lúc triều chính rối ren, việc nước khó khăn.

(4) *Quê Khiêm tôn mà sáng*: nguyên văn là “Khiêm tôn nhi quang”, chữ trong *Kinh Dịch, quẻ Địa Sơn Khiêm*, phần *Soán truyện* “Khiêm tôn nhi quang, ty nhi bất khả du, quân tử chi chung dã” (Quê Khiêm tôn mà sáng, thấp mà không thể vượt qua, là chung cục của kẻ quân tử), đây dùng để xưng tụng bà Từ minh Huệ hoàng hậu.

0327. Vương tước Đô thống Nga La Tư Viademxki (1) tới kinh yết kiến, chuẩn cho đãi yến ở sảnh đường Cơ mật viện và tặng cho kim khánh hạng lớn cùng phẩm vật các hạng.

(1) Nguyên bản viết là “Vi A Xanh Ky”, tức Hoàng thân Nga, nhà văn Viademxki, Hội viên Hội Địa lý Nga. Chuyến đi xuyên Việt bằng ngựa này của Viademxki bắt đầu từ Lạng Sơn ngày 14. 3. 1892 qua Hà Nội, Nam Định, Huế, Đà Nẵng, đến cuối tháng 7 kết thúc ở Sài Gòn, khi đi qua Huế ông được vua Thành Thái tiếp đón tặng quà kỷ niệm.

0328. Giảm bớt số thuế đinh điền của các tỉnh Nghệ An Thanh Hóa còn thiếu năm trước. Vì cung ứng phí tổn vào việc tiếp đón Toàn quyền đại thần đi qua, nên chức lượng giảm cho.

0329. Sai khám xét chẩn cấp cho dân Man bị đói và miễn thuế năm nay cho dân Man ở tỉnh Khánh Hòa (lúc bấy giờ dân Man ở Khánh Hòa bị nạn cào cào đói kém báo lên, Quản đốc gửi điện văn báo tin, quan Pháp Ba Nhi An (1) chuyển tin tức dân tình lên, Khâm sứ đại thần bàn việc cứu giúp, nên có mệnh ấy).

(1) Nguyên bản viết là “Ba Nhi An”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0330. Đặt lại Sơn phòng ở Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị. Lúc bấy giờ vùng thượng du các hạt nối nhau báo tin nước Tiêm pháit quân vượt qua biên giới đóng đồn, thổ dân sở tại khó được yên ổn, nên đặt lại để phòng bị. Lại chuẩn sao các khoản trong chương trình Sơn phòng cho thi hành (kể chọn Tuần phủ Hưng Yên Phan Huy Quán làm Tiểu phủ sứ Sơn phòng Nghệ Tĩnh, Tri phủ Cam Lộ Trần Đình Phác kiêm sung Sơn phòng sứ Quảng Trị).

0331. Đặt đạo Nhã Nam ở Bắc Kỳ (trích hai huyện Hữu Lũng, Yên Thế đặt làm một đạo, đặt Quản đạo và thuộc viên để trị lý. Về sau đến tháng 4 năm thứ 5 đình bãi, huyện Yên Thế đạo ấy trả về tỉnh Bắc Ninh, huyện Hữu Lũng giao cho Đạo Quan binh thứ hai (1) quản lý cai trị, quan lại do Nha Kinh lược bổ nhiệm).

(1) Nguyên bản chép là “Đệ nhị đạo binh quan”, là “Đệ nhị đạo quan binh” bị chép lầm, đây đính lại như trên. Đạo Quan binh thứ hai của quân Pháp ở Bắc Kỳ được thành lập theo nghị định ngày 9. 9. 1891 của Toàn quyền Đông Dương, gồm ba Tiểu quân khu Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang.

0332. Sai Tham tri bộ Hộ Lê Trinh sung Khâm phái tới ba tỉnh Thanh Nghệ Tĩnh kiểm tra việc trưng thu gỗ ván. Lúc bấy giờ Dupuis giao nạp hai khoản thuế gỗ ván lâm sản (còn thiếu tiền thuế ba quý xin bỏ qua), Toàn quyền đại thần nghĩ thuế lâm sản nên cho người lãnh trưng như cũ, thuế gỗ ván nên phái người kiểm thu để biết rõ số thực, bèn sai Trinh cùng quan tỉnh hội đồng bàn bạc trừ tính thi hành. Trinh tới Nghệ An chợt được tin cha mẹ bệnh làm tập tâu rồi tự về không ở lại chờ lệnh. Bộ Hộ xin giao đình thần nghị xử (kể chuẩn Trinh bị giáng ba cấp lưu, đổi bổ làm Tham tri bộ Binh). Sau Phủ Phụ chính tâu xin sao lục giao cho quan tỉnh Thanh Hóa Nghệ Tĩnh tuân chiếu phiến chuẩn thi hành, lại như thuế lâm sản nguyên trưng đã mãn hạn thì nên thu thế nào cũng bàn bạc cho ổn thỏa để khỏi phái người khác lại chậm trễ, chuẩn sao ra cho thi hành.

0333. Sao Kim hiện ra giữa ban ngày (ở tỉnh phận sao Chủy gần sao Thiên Quan (2), màu trắng, đi ở phía đông mặt trời, lúc mặt trời lặn cũng lặn xuống phía tây), hơn một tháng mới hết.

(1) *Sao Chủy gần sao Thiên Quan*: sao Chủy tức Chủy hỏa hầu, sao thứ sáu trong chòm Bạch Hổ thuộc nhị thập bát tú theo thiên văn Trung Hoa cổ. *Sao Thiên Quan* tức sao Bắc thần (Tử Vi).

0334. Tháng 5. Ban dụ lập Cục Tín chỉ (Khoản 1: kinh sư và Bắc Kỳ đều lập Cục Tín chỉ, trong tín chỉ có dấu ấn của quan làm bằng chứng. Phạm nhân dân Đại Nam và phương Đông (1) có mua bán ruộng đất nhà vườn ghe thuyền và vay mượn cùng việc chúc thư tài sản theo luật lệ bản quốc đều dùng tín chỉ ấy để lập văn khế. Khoản 2: Tín chỉ có ba loại, loại một mỗi tờ giá 15 xu (cho những văn khế có giá trị 1.000 quan trở lên), loại hai mỗi tờ giá 10 xu (cho những văn khế có giá trị 100 quan trở lên) loại ba mỗi tờ giá 5 xu (cho những văn khế có giá trị dưới 100 quan. Khoản 3: ai muốn bán tín chỉ ấy trước tiên đem tiền tới tỉnh hoặc phủ huyện trình mua đem về bán lại, phải làm một tấm biển gỗ treo trên cửa, hàng trên đề “Tín chỉ phát đoái”, hàng dưới đề “Thu tiền quá giá in trong tín chỉ bị phạt 15 đồng”. Khoản 4: Phạm những việc có liên quan với khoản 1 thì trước tiên phải dùng tín chỉ này mà thực hiện, người làm trái về sau nếu có việc kiện tụng thì nhất loạt không xét. Khoản 5: người bán tín chỉ không được thu tiền quá giá in trong tín chỉ, ai làm trái sẽ bị phạt 15 đồng. Khoản 6: phạm những người lãnh bán tín chỉ

này mà đang làm quan cũng nghĩ cấp tiền cho). Định lấy ngày 23 tháng 6 nhuận Nam lịch năm nay (ngày 15. 8 Tây lịch) thi hành. Sau đó Toàn quyền đại thần De Lanessan bàn bổ sung, phạm việc bẩm xin kiện tụng nên dùng loại tín chỉ 4 xu (trừ những giấy tờ của quan sức cho dân khai báo phải dùng giấy thường), lại chức lượng tăng hai khoản 1, khoản 2 (phạm người nước Nam và người ngoại quốc phương Đông làm đơn bẩm xin hoặc khiếu tụng lên quan Đại Pháp hoặc Đại Nam, bằng cấp của tổng lý, cùng giấy khai báo, bảo lãnh, đơn từ của khách thương người Thanh và người ngoại quốc phương Đông tới cư trú (ngày 5. 2. 1892 Nghị định khách thương người Thanh và người ngoại quốc phương Đông tới cư trú phải có giấy khai báo, bảo lãnh), lại các văn khế mua bán vay mượn giữa dân gian và người ngoại quốc phương Đông chiếu theo luật lệ Đại Nam đều phải dùng tín chỉ ấy để viết và phê chuẩn. Khoản 2: Tín chỉ chia làm bốn loại, bằng cấp của tổng lý, cùng giấy khai báo, bảo lãnh, đơn từ của khách thương người Thanh và người ngoại quốc phương Đông cùng văn khế mua bán vay mượn có giá trị từ 1.000 quan trở lên đều phải dùng tín chỉ loại 15 xu). Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành.

(1) *Người phương Đông*: tức “người châu Á” (les Asiatiques), trên phương diện tư pháp là chỉ chung những người Hoa, Minh Hương, Thái Lan, Chăm, Stieng, người Chăm Châu Đốc (Sang Méles)... được xét xử theo luật pháp Việt Nam, khác với “người châu Âu” (Européens) được xét xử theo luật pháp nước Pháp.

0335. Tán phong Phụ chính đại thần Văn Minh điện đại học sĩ Nguyễn Trọng Hợp là Vĩnh Trung tử. Trọng Hợp dâng sớ từ chối. Vua nói “Ý chỉ đã định, khanh đừng cố từ”.

0336. Nhân dịp đại lễ tôn hiệu đã xong, chuẩn thăng thưởng cho các quan văn võ trong ngoài có thứ bậc khác nhau (Thự Vũ Hiền điện đại học sĩ Khâm sai Bắc Kỳ Kinh lược đại thần Hoàng Cao Khải được thực thụ Vũ Hiền điện đại học sĩ, Hiệp biện đại học sĩ Đoàn Văn Hội gia hàm Thái tử Thiếu bảo, Thự Thượng thư bộ Binh sung đại thần quản lãnh Thị vệ Nguyễn Hữu Thằng thực thụ Thượng thư, Thự Tổng đốc Khánh Hòa Vũ Doãn Tuấn thực thụ Tổng đốc, Hộ Tổng đốc Bình Phú Hồ Lê thăng Thự Tổng đốc, Thự Tổng đốc lãnh Tuần phủ Nam Ngãi Huỳnh Vĩ được thực thụ Tổng đốc vẫn lãnh chức cũ, Tham tri bộ Lại sung Toàn tu Quốc sử quán Hoàng Hữu Xứng, Tham tri bộ Hình Nguyễn Phiên đều được chuẩn gia hàm Thượng thư).

0337. Dụ sai đốc thúc thu thuế chính cung ở Bắc Kỳ. Lúc bấy giờ các tỉnh Bắc Kỳ nợ thuế chông chất, Toàn quyền đại thần De Lanessan bàn xin sắc cho quan địa phương đốc thúc để thu, phải xong tiền thuế trong năm, bèn ban dụ cho thi hành.

0338. Cử hành lại việc thi Điện. Năm ấy thi Hội có 13 người trúng cách cùng 3 người chưa kịp phúc thí khoa Ất Dậu (Nguyễn Thượng Hiền, Khiếu Hữu Sử, Vương Danh Quý, trừ Phan Duy Phổ người Nghệ An chưa tới, Nguyễn Tử Thân người Quảng Nam bệnh chết và Nguyễn Khải không được cho dự thi) đều chuẩn cho vào thi Điện, lấy ngày 8 tháng ấy cử hành. Quan Đốc quyền là Bùi Ân Niên, Nguyễn Chánh, Duyệt quyền là Tạ Thúc Dĩnh, Lê Duy Thụy phụng nghị đầu đề bài thi Chế sách có hàm ý châm chọc (đầu đề là “Thế thiên hạ mà thôi”, trong phần phát vấn có câu “Kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu không biết chán”), Phụ chính đại thần cho rằng không hợp thể cách, giao cho đình nghị (kế chuẩn gia ân cho Bùi Ân Niên, Nguyễn Chánh đều giáng hai cấp lưu, Tạ Thúc Dĩnh, Lê Duy Thụy đều giáng một cấp lưu. Sau gặp dịp Đầu xuân ban ơn, đều chuẩn cho khai phục). Lại xin sai quan phụng sung Duyệt quyền, ngày khác thi lại. Bèn chuẩn lấy Đoàn Văn Hội, Lương Quy Chính sung Đốc quyền, Hoàng Hữu Xứng, Bùi Quang Tạo sung Duyệt quyền, ngày 15 lại cử hành thi Điện. Lấy đỗ bảy người bọn Đệ nhất giáp Tiên sĩ cập đệ đệ tam danh (Thám hoa) là Vũ Phạm Hàm, Đệ nhị giáp Tiên sĩ Nguyễn Thượng Hiền cùng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ Tạ Tương, bảy người bọn Vũ Thiện Đễ làm Phó bảng (Vũ Phạm Hàm từ thi hương tới thi đình đều đỗ đầu, vâng chuẩn cho cờ lọng vinh quy được thêm hai chữ “Tam nguyên” để tỏ rõ sự biệt đãi).

0339. Truy tặng cố Văn Minh điện đại học sĩ Phù Nghĩa tử Phan Đình Bình là Thái bảo, gia phong Phù quốc công (ban tên thụy là Ôn Nhã), phu nhân là Nguyễn thị được phong là Phù quốc công Nhất phẩm phu nhân (bổng đồng niên là 3.000 quan, 100 phương gạo, 5 người lính hầu). Lại truy tặng tước hàm cho bốn đời có thứ bậc khác nhau, xây lại từ đường ở xã Phú Lương.

0340. Cấp cho các đầu mục người Man (ở Sơn Bô, Ô Lâu, Hưng Bình, Tả Trạch) the (the hoa) vải (vải Tây). Trước là tháng 5 năm Đồng Khánh thứ 3 quý quan Khâm phái về địa giới Lâu Sơ (1) gọi thư nói một dải vùng thượng du nước ta tiếp giáp với hữu ngạn sông Khung (2), nước Tiêm phái quan phủ dụ dân Man khắp nơi, nay nên do quan địa phương phái người tới hiểu thị, làm cho họ quy phục mới có thể cản trở người Tiêm không thể xâm lấn cương giới của ta vân vân. Sau đó bèn tâu Cơ mật viện đã tâu lên xin chuẩn sao ra cho thi hành, lại chọn ủy người mẫn cán cẩn thận tới nơi hiểu thị hỏi xét tình hình, vẽ thành bản đồ. Đến lúc ấy quan phủ Thừa Thiên đưa các đầu mục người Man tới Cơ mật viện chờ lệnh, bèn chuẩn trích cấp vật hạng trong kho để tỏ ý thương mến người xa về theo.

(1) Nguyên bản viết là “Lâu Sơ”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) *Sông Khung*: tức sông Mékong.

0341. Tháng 6. Bắt đầu bàn việc đánh thuế thuyền ở hai hạt Thừa Thiên, Quảng Trị (Khoản 1: các loại thuyền chịu thuế chia làm bốn hạng. Thuyền ra biển đi buôn là thuyền nan thuế đồng niên 24 quan, thuyền ra biển

đánh cá bằng lưới là thuyền nan, thuyền đánh cá trên sông lưới ngựa là thuyền ván, thuyền đi sông loại vừa chở đồ là thuyền mũi bông, thuyền đi sông buôn bán là thuyền mũi bông thuế đồng niên 12 quan, thuyền đi sông loại nhỏ chở đồ là thuyền mũi bông – tục gọi là “thuyền hến” (1), thuyền ra biển đi câu loại nhỏ là thuyền nan thuyền ván, thuyền các vạn ở Hồ Xá, Châu Phố, Cao Đồi thuế đồng niên 8 quan, thuyền đánh cá trên sông các loại, thuyền đi sông chở những hàng nặng như đất cát thóc gạo thuế đồng niên 6 quan. Khoản 2: các hạng thuế thuyền định thi hành từ ngày 1 tháng 6 năm nay. Vạn trưởng Lý trưởng báo cho các chủ thuyền chiếu theo loại hạng thuyền của mình tới bên đò sông Hương (tỉnh Quảng Trị thì tới bên đò ở tỉnh thành) trình khám, chuẩn bị tiền để nạp thuế nửa năm trong năm nay, nhận lãnh thẻ bài làm bằng, cùng chuẩn bị đánh số thuyền (từ số 1 tới số hàng trăm hàng ngàn, dùng sơn đỏ ghi lên đầu thuyền). Hạn từ ngày 1 tháng 6 đến cuối tháng 7 trình khám, nếu quá hạn không khai báo sẽ lập tức tịch thu thuyền sung công, Vạn trưởng Lý trưởng không phát giác ra cũng đều xử phạt. Khoản 3: từ năm sau trở đi, cứ qua năm mới thì từ ngày 1 tháng giêng tới cuối tháng 3 các chủ thuyền đều đem tiền thuế đồng niên và thẻ thuyền vốn có trình lên phủ đường tỉnh đường đổi cấp thẻ bài mới làm bằng. Như có thuyền nào đóng từ tháng giêng năm nay trở đi, cho nối theo trình khám, phải nạp toàn bộ thuế đồng niên, thuyền nào đóng từ tháng 7 năm nay trở đi cho nạp thuế nửa năm. Khoản 4: phạm sau khi lãnh thẻ bài, nếu vì việc gì làm mất, báo quan tra số hiệu tên họ không sai thì cho chiếu hạn nạp một nửa tiền thuế để cấp lại. Ai giả mạo hay mượn thẻ bài thuyền của người khác làm của mình thì người mượn và người cho mượn đều chiếu mức thuế theo hạng tiền phạt nặng (như hạng thuyền mức thuế 12 quan thì tăng gấp ba lần thành 36 quan, mỗi người đều bị phạt 36 quan). Nếu người mượn thẻ bị xét ra trốn thuế thì còn chiếu theo phần 2 khoản 2 tịch thu thuyền sung công. Khoản 5: phạm có ai khai gian hạng thuyền (như hạng thuyền phải đóng mức thuế 12 quan mà khai gian để đóng 6 quan) cũng chiếu khoản trước (chiếu mức thuế phạt gấp ba lần) xử phạt. Khoản 6: thuyền hạng nào hư nát không thể sửa chữa thì cho làm đơn, do Vạn trưởng Lý trưởng nhận thực báo quan cùng nạp lại thẻ bài để xóa tên không phải đóng thuế. Nếu khai báo không đúng, cũng chiếu lệ không khai báo ở khoản 1 mà xử (tịch thu thuyền sung công). Khoản 7: trong thẻ bài ghi rõ xã thôn huyện Mỗ, tên họ Mỗ, thuyền hạng Mỗ, số hiệu Mỗ (từ số 1 đến hàng trăm hàng ngàn trở lên), mức thuế bao nhiêu, bản in dùng giấy nhỏ dày bóng in dấu nhỏ của quan, lại dùng một ấn nhỏ hình cái thuẫn bằng gỗ (khắc các chữ “Thẻ bài thuyền phủ Thừa Thiên”) đóng kiểm để đề phòng môi tệ. Phủ nha (các tỉnh cũng thế) lập một quyển sổ cái, cứ phát ra một thẻ bài thuyền thì lập tức vào sổ. Quyển sổ cái ấy chép làm hai bản, một bản lưu ở nha môn, một bản gửi về bộ Hộ chấp chiếu. Khoản 8: phạm đến kỳ nạp thuế, các thuyền hộ phải nạp đủ ngay từ đầu tháng đến tháng sau trở đi (từ ngày 1 tháng 6 nhuận đến cuối tháng 7 năm nay, từ năm sau trở đi từ ngày 1 tháng 2 đến cuối tháng 3). Thuyền nào chưa nạp thuế nếu gặp việc công điều bát thì không được trả tiền công. Khoản 9: thuyền nào trốn thuế không lãnh thẻ bài cùng khai gian hạng thuyền, lén lút chở thuê thì bất cứ ai cũng được tố giác, nếu xét ra đúng sự thật thì thưởng cho một phần ba giá trị chiếc thuyền và tiền phạt. Khoản 10: đến kỳ thuyền hộ nạp thuế, quan phủ huyện tỉnh phải ra công đường nghe thuyền hộ trình báo nạp thuế lãnh thẻ bài, không được giao hết cho nha lại. Khoản 11: kiểm tra tố giác việc gian lậu đã có quy định lệ cáo giác trong khoản 9 ở trên, ngoài ra nên kiểm tra xét hỏi thế nào thì do thượng ty sở tại cùng phủ huyện lưu tâm thi hành, không được qua loa, hạ trá sai người kiểm soát những nhiều, ai làm trái sẽ xử theo tội vi chế. Lại nghiêm cấm Vạn trưởng Lý trưởng không được tìm có thu tiền (như vào dịp lễ tết và thác có việc công bắt phải cung ứng), ai làm trái sẽ xử tội nặng. Khoản 12: với thuyền các hạng đã đóng thuế thì trở đi phạm quan lại có việc công cần bao nhiêu thuyền hạng nào cùng quan viên đi lại đều phải thuê mướn, không được ngang ngược điều bát. Các bộ nha ở kinh nếu có việc công cần thuê mướn điều bát thì do thượng ty tư cho phủ Thừa Thiên thuê. Đi bao nhiêu ngày thì giao phiếu, chủ thuyền ấy trình nạp cho phủ, xét theo số ngày trả tiền ngay. Mỗi ngày mỗi thuyền hạng lớn 2 quan, hạng vừa 1 quan 5 mạch, hạng nhỏ 1 quan).

(1) Nguyên bản chép là “ngao thuyền”.

0342. Bắt đầu đánh thuế rượu ở các hạt từ Thanh Hóa trở vào nam tới Bình Thuận (bọn khách thương người Thanh là Lâm Phúc Lợi, Trình Xuân Điền lãnh trung liên tiếp bốn năm, mỗi năm nạp tiền thuế 600.000 quan, theo tháng nạp trước thu sau, vẫn ký quỹ trước 10.000 đồng).

0343. Tháng 6 nhuận. Chuẩn thưởng cho Trú kinh Khâm sứ đại thần Brière một tấm ngọc khánh (một mặt có chữ “Thành Thái trên bảo” mạ vàng, một mặt khắc chữ “Bảo nghĩa thù huân”).

0344. Đổi đặt quan lại tỉnh Phương Lâm (Quan lang Chánh Phó và Đề đốc mỗi chức đều 1 người, đổi hai huyện Lạc Thủy, Cơ Thủy phủ Lương Sơn thuộc tỉnh làm châu. Lại đặt hội viên (1), chọn quan lang trong hạt bỏ vào. Ấn triện của Tuần phủ Án sát và phủ huyện trước đó do Nha Kinh lược nạp về), là theo lời bàn của Toàn quyền đại thần De Lanessan.

(1) *Hội viên*: tức hội viên Hội đồng nghị viên cấp tỉnh.

0345. Mùa thu, tháng 7. Đặt thêm huyện Sơn Hòa tỉnh Phú Yên (huyện lỵ đặt ở xã Vân Hòa). Địa thế vùng thượng du hạt ấy trải dài, rừng núi cách trở, bọn côn đồ tụ tập, khó phòng bị chu tất, bèn chuẩn chia đặt 3 tổng (Sơn Xuân, Sơn Bình, Sơn Lạc) đặt làm một huyện để tiện trị lý.

0346. Chuẩn trở đi phạm gặp ngày cúng ngày kỵ ngày thánh đàn và các dịp lễ tết, các quan viên dự làm việc ai trễ nãi vắng mặt đều bị cắt bổng 3 tháng, ghi lại làm lệ.

0347. Thân định rõ lệ Tào vận trình báo kỳ hạn (như lần thứ nhất lên đường tháng 4, trở về tháng 5, lần thứ hai kỳ đầu lên đường tháng 3, trở về tháng 4, kỳ sau lên đường tháng 6, trở về tháng 6). Lúc bấy giờ gạo thóc cần kíp, có khi sau ngày Đông chí sai phái ra biển, phần nhiều bị mưa gió làm tổn thất. Bề tôi Phủ Phụ chính xin tuân lệ cũ để trọng của công, chuẩn sao ra cho thi hành.

0348. Sắc trở đi phạm các bộ nha tâu trình khoản nào phải chiếu do nha có liên quan nhận làm. Ai làm trái thì do Nội các kiểm điểm phát giác theo luật xử tội, làm rõ việc trừng phạt cho đúng với thể lệ, là theo lời xin của bộ Lại.

0349. Khâm sứ đại thần Briere bàn nói việc Tiêm Lao tranh chiếm ranh giới đã tư cho Toàn quyền đại thần nghị định, Chính phủ Đại Pháp sẽ có cách liệu lý với người Tiêm, bề tôi Cơ mật viện đem việc tâu lên.

0350. Sắc cho Cơ mật viện làm thư gửi Nguyên soái Gia Định xin châm chước miễn sưu thuế cho phu giữ mộ của họ ngoại Phạm tộc (sau đó đến tháng 3 năm thứ 5 nhận được thư trả lời của quý Đại Pháp nói Phạm tộc họ ngoại của vua ở Nam Kỳ hiện đã chiếu theo hòa ước trừ thuế cho 8 người, còn 13 người thân thuộc cũng nghị chiếu theo Hòa ước miễn trừ thuế thân).

0351. Đặt lại tấn thủ Thương chính ở hai bên Tân Quan, Sông (1) Cầu (vốn đã triệt bãi, lúc bấy giờ Toàn quyền đại thần bàn nên đặt lại).

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “*chấm thủy + long*”, nhưng phía sau có chỗ viết là “Song” (hai).

0352. Tháng 8. Sai Phụ chính đại thần Nguyễn Trọng Hợp, Trương Quang Đản tới Bắc Kỳ hội đồng với Kinh lược đại sứ Hoàng Cao Khải và Toàn quyền đại thần De Lanessan bàn về các việc cần làm. Lúc bấy giờ Toàn quyền đại thần vì mắc bệnh nên qua Nhật Bản tĩnh dưỡng, hiện đã trở lại Bắc Kỳ hơn một tháng sẽ vào Gia Định, lại vì bận việc chưa tiện tới kinh, nên sai các bề tôi phủ Phụ chính ra thăm hỏi bàn bạc.

0353. Thân định lệ thăng cách nhân viên Ty Hành nhân (Viên ngoại 1 người, Chủ sự và Tư vụ mỗi chức 2 người, Bát phẩm Cửu phẩm và Hành nhân ngoài những người thăng tới Chánh Bát phẩm gặp lúc có khuyết xét cứ, còn Tùng Bát phẩm trở xuống và Hành nhân làm việc đủ ba năm mà phiên dịch thông suốt, sai phái đặc lực thì thăng tới Chánh Bát phẩm là thôi).

0354. Giáng Xuyên quốc công Miên Phương là An Xuyên quận công (đình chức vụ ở Phủ Tôn nhân, gặp ngày lễ tiết không được theo ban vào lạy mừng). Lúc bấy giờ công phái lính hầu đón gối, vì thế liên tiếp có hai người chết. Bộ Binh tham hặc giao cho đình nghị. Bộ Hình xin chiếu luật xử tội sung quân cấm cố. Vua vì công phạm tội nặng chưa thể khoan thứ nên giáng tước (về sau vì công biết sợ sệt hối hận nên chuẩn cho theo ban vào châu, đến tháng 8 năm thứ 5 chuẩn cho khai phục tước Xuyên quốc công).

0355. Chước định lệ tuyển bổ Anh danh Giáo dưỡng (quan vũ thì Chánh Tùng nhất phẩm được 2 con bổ Anh danh, 3 con bổ Giáo dưỡng. Công thần Chánh Tùng Nhất phẩm được 1 cháu nội bổ Anh danh, 2 cháu nội bổ Giáo dưỡng. Chánh Nhị phẩm được 2 con bổ Anh danh, 2 con bổ Giáo dưỡng. Công thần Chánh Nhị phẩm được 1 cháu nội bổ Anh danh, 2 cháu nội bổ Giáo dưỡng. Tùng Nhị phẩm được 1 con bổ Anh danh, 2 con bổ Giáo dưỡng. Công thần Tùng Nhị phẩm được 2 cháu nội bổ Giáo dưỡng. Chánh Tam phẩm được 1 con bổ Anh danh, 1 con bổ Giáo dưỡng. Công thần Chánh Tam phẩm được 1 cháu nội bổ Giáo dưỡng. Tùng Tam phẩm và ấn quan Tứ phẩm (như Quân cơ lãnh Chánh Phó Lãnh binh) được 2 con bổ Giáo dưỡng, thuộc viên Tứ Ngũ phẩm được 1 con bổ Giáo dưỡng. Còn như con cháu quan văn (có công hoặc không có công) nếu có ai tình nguyện sung bổ Anh danh Giáo dưỡng hoặc các sách đội ty viện Cảnh tất Vũ bị Thượng trà trong kinh hay các tỉnh ngoài thì được khấu trừ lệ tập ám (như vốn được ám lệ bao nhiêu người, hiện đã vào học trường Giám bao nhiêu người), còn bao nhiêu người cho bổ vào số định ngạch học tập. Lấy Anh danh Giáo dưỡng mỗi sách đội 40 người, hai đội Cảnh tất mỗi đội 40 người, Thượng trà 50 người, Vũ bị 30 người, ở ngoài tỉnh lớn 20 người, tỉnh vừa 10 người, tỉnh nhỏ 8 người. Niên hạn thăng bổ thì tuân chiếu lời nghị năm Thành Thái thứ 2, Anh danh bổ làm Đội trưởng Tùng Thất phẩm, Giáo dưỡng bổ làm Đội trưởng Chánh Bát phẩm, lệ tùy bổ làm Đội trưởng Tùng Bát phẩm. Tròn 2 năm Anh danh thăng làm Chánh Đội trưởng Cẩm binh (Tùng Lục phẩm), Giáo dưỡng thăng làm Đội trưởng Cẩm binh (Chánh Thất phẩm), Lệ tùy thăng làm Đội trưởng Tinh binh (Tùng Thất phẩm), vẫn theo ban lãnh lương như cũ nhưng do bộ Binh ghi tên. Chờ có chức Suất đội bị khuyết thì thuộc Anh danh bổ làm Suất đội Cẩm binh (nếu bổ ra tỉnh ngoài so sánh bổ làm Chánh đội Tinh binh, tròn 3 năm được thực thụ Chánh đội Tinh binh), thuộc Giáo dưỡng bổ làm Suất đội Tinh binh thì sai ở tỉnh ngoài, tròn 3 năm được thực thụ (lâm thời chọn bổ, cần người mà gặp cũng cho thực thụ Suất đội Tinh binh), thuộc Lệ tùy cũng án bổ làm Suất đội thì sai, tròn 3 năm được thăng thụ Chánh Đội trưởng Cẩm binh, vẫn thì sai tiếp tròn 2 năm thì được thực thụ Suất đội Tinh binh. Trở đi theo lệ các quân mà làm. Còn như Dụng tử Viên tử ở ngoài theo tỉnh học tập đều lấy hạn 6 năm khảo xét, cách thức cũng chiếu lệ trong kinh. Duy người theo tỉnh học tập so với các ty viện sách đội Anh danh Giáo dưỡng trong kinh phức tạp đơn giản khác nhau, bổ dụng cũng nên nhìn vào chỗ ngoài tỉnh mà giảm một trật (Dụng tử bắt đầu bổ làm Đội trưởng Chánh Bát phẩm, tròn 2 năm thăng Chánh Thất phẩm, Viên tử bắt đầu bổ làm Đội trưởng Tùng Bát phẩm, tròn 2 năm thăng Đội trưởng Tùng Thất phẩm, gặp lúc có chức khuyết đều cho lấy bản hàm làm Suất đội thì sai). Ai coi quân tròn 3

năm thì theo thứ tự khảo xét, vẫn giảm một trật so với trong kinh (Dụng tử tròn 3 năm thực thụ Chánh Đới trưởng Tinh binh, Suất đội thăng thụ Chánh Đới trưởng Cẩm binh (Tùng Lục phẩm), vẫn lãnh chức như cũ). Trở đi cũng chiếu lệ các quân mà làm. Các khoản quy định lệ cháu tăng tôn của công thần vẫn vũ cùng con của các quan vũ vì việc công bị cách chức giáng chức và quan viên Ngũ Lục phẩm được bỏ vào Giáo dưỡng đều đình bãi.

0356. Sai Thự Đô thống Tiền quân Lưu Cung hiệp với Chuồng vệ doanh Long vũ Bùi Văn Bằng và lãnh Đề đốc kinh thành Phan Văn Vũ ngày đêm luân phiên tra xét trong hoàng thành và khu vực các cửa kinh thành, Khoa đạo tuần tra cũng ngày đêm kiểm soát, nếu ai vắng mặt trễ nãi lập tức tham hặc xét tội. Lúc bấy giờ trong thành liên tiếp xảy ra các vụ gian dân ăn trộm, nên có mệnh ấy.

0357. Tháng 9. Chuẩn cho Thượng thư bộ Binh Nguyễn Hữu Thảng đổi lãnh Thượng thư bộ Công, Thượng thư bộ Công Nguyễn Thân đổi lãnh Thượng thư bộ Binh, vẫn giữ kiêm hàm như cũ. Lúc đầu Khâm sứ đại thần tư nói Nha Hội đồng Tu lý chước lượng sai phái binh đình tu sửa đường sá nên có Thượng thư bộ Binh dự vào cho tiện. Cơ mật viện lấy Thân sung vào Hội đồng nên tâu xin đổi bổ.

0358. Định lệ bổ dụng Kỳ Ngoại hầu (trở đi phạm các Kỳ Ngoại hầu nếu có ai tình nguyện làm việc được Phủ Tôn nhân khảo xét, nếu quả thật có học hạnh thì do bộ Lại phái làm Thừa phái ở các bộ nha, chờ mãn hạn (nha nhiều việc là 2 năm, nha ít việc là 3 năm), tuân theo nguyên lệ trong niên hiệu Kiến Phúc hội đồng khảo xét, nếu dự hạng chiếu lệ giảm bổ thực hàm, nhưng chỉ bổ ở kinh không được bổ ra tỉnh ngoài. Người không dự hạng thì thái vè, không được làm Thừa phái nữa). Lúc bấy giờ các Kỳ Ngoại hầu có nhiều người làm đơn xin bổ dụng nên bộ Lại có lời nghị ấy.

0359. Định lệ lương bổng cho các tãn thủ (người có phẩm hàm chiếu theo lời nghị năm Kiến Phúc thứ 1 chi cấp nửa bổng, người không có phẩm hàm mỗi tháng cấp cho 1 quan tiền 1 phương gạo thì chiết tính thành tiền cấp cho mỗi tháng 8 quan, đình chỉ việc cấp tiền mỗi tháng 12 quan).

0360. Đặt ba đồn Trấn Lao, A Xúc, A Qua ở Quảng Trị (vùng thượng du tỉnh ấy tiếp giáp với nước Tiêm nên quan Pháp bàn lập ba đồn phòng thủ, kế lại đặt thêm hai đồn Na Bôn, Lang Thìn).

0361. Mùa đông, tháng 10. Tu sửa đền thần ở núi Triệu Tường và đình dựng bia ngự đề ở Quý hương.

0362. Sắc trở đi phạm văn thư tư lục của Lục bộ chur nha đều do Tá lãnh khảo duyệt cẩn thận, nếu có sơ suất thì đưa ra chiếu luật nghị xử. Lúc bấy giờ tư lục của bộ Lễ gửi Nha Kinh lược chữ viết cầu thả, tới mức chỗ quan hàm của Nha ấy cũng tẩy xóa bôi đen rất trái với thể chế. Kinh lược đại sứ Hoàng Cao Khải đem việc trình lên, Cơ mật viện tâu xin thân sắc cho làm.

0363. Khai đường sông từ Đà Nẵng (thuộc tỉnh Quảng Nam) tới Nông Sơn (qua ba xã Câu Nhi, Cẩm Lũ, Bằng An thuộc phủ Điện Bàn. Nhân công do các xã thôn sở tại cung cấp, phí tổn do Công ty Than Nông Sơn (1) xuất ra). Việc vận chuyển từ mỏ than Nông Sơn ra ắt phải theo đường sông ấy, thể nước thông suốt, ruộng đất ven sông cũng được tưới tắm, việc làm ruộng cũng tiện, nên sai khai đào (dự trữ cần 169.600 ngày công, hơn 16.000 quan. Lại trích thêm 1.500 quan để trồng cây chặn cát bồi). Về sau đến tháng giêng năm thứ 6 hoàn công, chuẩn thưởng các nhân viên tham dự có thứ bậc khác nhau

(1) Nguyên bản chép là “Nông Sơn Thán hội”.

0364. Làm các đường ở vùng thượng du tỉnh Quảng Trị (một đường từ Ai Lao tới Mai Lĩnh, một đường từ A Xúc tới Mậu Hòa, một đường từ Mai Lĩnh tới Cam Lộ. Lại từ Mậu Hòa tới Cam Lộ sức cho dân Việt dân Man ở gần đó theo địa phận ứng dịch).

0365. Đặt lại chức Thổ Tri huyện ở hai huyện Thúy Vân, Quế Phong tỉnh Nghệ An (hai huyện Thúy Vân, Quế Phong địa thế rộng lớn, trong niên hiệu Kiến Phúc giặc cướp quấy nhiễu nhân dân xiêu tán, quan tỉnh xin tạm đặt chức Thổ Tri huyện, khi hồi phục lại theo như cũ, vẫn do phủ Quy Châu kiêm lý. Gần đây vì tiếp giáp huyện Sầm Tô, người Tiêm quấy nhiễu, việc phòng bị đang gấp nên đặt lại, vẫn do phủ Quy Châu kiêm lý).

0366. Chuẩn hoãn thuế mùa hạ năm trước của tỉnh Quảng Trị (vì tỉnh ấy mất mùa, thuế mùa hạ còn thiếu chưa thu được, nên lại triển hoãn).

0367. Thượng thư nước Anh Cô Dung (1) tới kinh vào yết kiến, lúc về chuẩn tặng một tấm kim khánh hạng lớn.

(1) Nguyên bản viết là “Cô Dung”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Anh.

0368. Tháng 11. Chuẩn bãi bỏ chức Thương biện Bang biện ở phủ huyện các tỉnh (vì các hạt đã dần dần yên ổn).

0369. Định lệ cày ruộng tịch điền ở các tỉnh.

0370. Định trưng thuế cờ bạc, thân định điều cấm cờ bạc.

0371. Đặt lại chức Tổng đốc Nam Ngãi.

0372. Lấy nguyên quan Điện báo Mi Lư (1) sung làm Ngự tiền Thông sự (kế chuẩn cho kiêm quản Ty Hành nhân, chế cấp cho ấn quan phòng, trong khắc “Ngự tiền Thông sự kiêm chương Hành nhân ty quan phòng”).

(1) Nguyên bản viết là “Mi Lu”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0373. Nguyên Hiệp biện đại học sĩ trí sĩ Trần Đình Túc chết. Túc trải lập nhiều công lao, là cựu thần có danh vọng, năm Tự Đức thứ 34 hưu trí, đến lúc ấy chết. Chuẩn cấp thêm tiền tuất (1.200 quan), lại sai bề tôi phủ Thừa Thiên tới ban tế.

0374. Bắt đầu làm cầu sắt Đông Gia (ở phía đông bên ngoài kinh thành, nguyên là cầu gỗ, nay Khâm sứ bàn làm cầu sắt để được kiên cố mãi mãi).

0375. Tỉnh Thanh Hóa báo tin đánh dẹp thắng trận (Công sứ Boulloche đem quân tới xã Sĩ Thọ đánh dẹp, bắt sống được Tham tán giặc Tống Duy Tân, thu được toàn thắng). Tin báo về, thưởng Công sứ Boulloche một đồng kim tiền hạng lớn, các quý quan (bọn Phó Công sứ Phan Đô Y (1), quan hai Soler (2) và quan Nam (bọn Cao Ngọc Lễ, Phan Văn Liên) có công lao đều được thưởng có thứ bậc khác nhau.

(1) Nguyên bản viết là “Phan Đô Y”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) Nguyên bản viết là “Xu Ly”, một trong những sĩ quan Pháp chủ chốt trong việc đàn áp cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh của Tống Duy Tân.

0376. Đặt thêm huyện Vân Xuyên, đổi lệ vào tỉnh Lục Nam quản hạt (Toàn quyền đại thần De Lanessan bàn với Kinh lược sứ trích phía bắc huyện Hoàn Bồ tỉnh Quảng Yên đặt làm một huyện, đổi lệ vào tỉnh Lục Nam quản hạt. Tới như tên huyện thì vốn xin đặt là Quảng Bắc, chuẩn đổi là Vân Xuyên).

0377. Tháng 12. Khâm sứ đại thần Briere bàn nói tù phạm giặc cướp khổ sai trong 12 phủ tỉnh bản quốc rất đông, giam giữ không khỏi có chỗ thiếu sót trở ngại, nên đem số án nhẹ phân phát cho các tỉnh, những kẻ kiệt kiệt nhất đày ra Côn Lôn, phí tổn hai nước chia ra cùng chịu (phí tổn đồng niên cho mỗi phạm nhân khoảng 36 đồng). Bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành.

0378. Thưởng Đốc học Nam Trung Trương Vĩnh Ký một đồng kim tiền Phi long hạng lớn (vì biên soạn sách vở có ích nhiều cho người học).

0379. Thân định lệ chọn bổ Công tử Công tôn trong tôn thất và lệ thăng chuyển thuộc viên lâu năm (Một khoản: Tôn thất đang học ở Quốc tử giám hoặc chưa vào Quốc tử giám hoặc công tử ở nhà hay đang học ở Quốc tử giám chưa từng chọn lựa khảo hạch bổ dụng theo Phủ Tôn nhân hoặc Điền nghi bộ Lễ và Thừa phái ở các từ đường đã đủ hạn (nhà nhiều việc 2 năm, nhà ít việc 3 năm, các từ đường đổi làm 4 năm) thì công tử chiêu lệ công tử ở nhà khảo xét, người dự hạng (sảo thông) trước tiên bổ hàm Cung phụng. Tôn thất (công tôn cũng thế) chiêu lệ ra ơn chọn bổ thứ hạng tôn sinh, trước tiên bổ hàm Thị chiếu nhưng vẫn sung Thừa phái chờ khảo hạch (chiêu lệ âm thụ sát hạch), người dự hạng sẽ bổ sang nha làm việc thật sự. Công tử sát hạch dự hạng toàn thông bổ hàm Điền tịch, Tôn thất bổ hàm Điền bạ, dự hạng thứ thông vẫn như cũ chiêu lệ chờ có chức khuyết thì bổ thực hàm. Nếu dự hạng thứ thông vẫn làm Thừa phái như cũ, tròn ba năm sẽ phúc hạch, nếu vẫn dự hạng thứ thông thì giáng một cấp, án bổ chức vụ nhân nhã (Công tử giáng xuống hàm Đãi chiếu, Tôn thất giáng bổ hàm tam sung Tùng Cửu phẩm), việc thăng chuyển về sau chiêu lệ đối với quan viên mà làm. Tới như các chức nhân nhã như Giám thủ từ đường tế tự, trở đi nếu có chức khuyết cần người thì chọn bổ theo lệ trong niên hiệu Tự Đức. Vua phê: chọn người trưởng thành (25 tuổi trở lên) có học vấn bổ vào. Một khoản: trở đi thuộc viên lãnh hàm hoặc quyền sung (bất kể là hai ba bốn cấp) gặp dịp khánh tiết hay Đầu xuân ban ơn và những người giữ chức có công (như tiểu phi thắng trận, làm việc đặc lực hay thu thuế đầy đủ đúng hạn) hoặc có việc thiên chuyển đội ơn thăng một cấp thì lâm thời tính hết niên hạn, có ai nên thăng thì tâu rõ chức lượng cho thăng một cấp. Ai đội ơn được thăng tới hai cấp thì niên hạn được thăng lần sau phải tính từ ngày mới thăng, không được viện lệ lần nữa.

0380. Tu sửa cầu đường từ tỉnh thành Quảng Nam tới Hội An (tỉnh thành ở xã La Qua, Tòa sứ ở phố Hội An, đường ấy cần tiện cho việc đi lại bàn bạc nên cho tu sửa)

0381. Thân định lệ bổ dụng và ghi công cho tôn tước (Tôn tước chưa được bổ dụng tình nguyện làm việc quan do Phủ Tôn nhân tham chiêu lệ âm bổ cho con cháu quan viên mà xét thực, trừ những người kẻ tập trông coi việc thờ cúng không được vì quen biết mà bổ, nếu quả có học hạnh, trong nhà có con trai hoặc em cháu trưởng thành từ 20 tuổi trở lên có thể thay lo việc thờ cúng mới được tâu xin do bộ Lại phân bổ làm Thừa phái ở các bộ nha. Người thay lo việc thờ cúng không được xin thay đổi kẻ tập).

0382. Tiểu phủ sứ Sơn phòng Nghệ Tĩnh Phan Huy Quán tâu nói bọn phi ân náu trong hai hạt ấy thường lén lút quấy nhiễu là do người thừa hành như chơi đùa, nếu không nghiêm khắc một lần thì khó mà sớm được yên ổn. Xin trở đi phạm khi đánh bắt gặp bọn giặc có súng ống khí giới thì lập tức xử quyết, còn số đầu mục và bề lũ tình tội rõ ràng cùng các tổng lý xã dân che giấu không báo, ngầm ngầm giúp đỡ giặc cướp nếu tra xét quả đúng thì chiếu luật nghiêm trị. Nay đã bàn với quan Pháp, sẽ gửi điện văn cho Cơ mật viện xem xét thẩm định, hàng tháng đóng thành tập gửi về. Còn số ngầm theo hay bị ép theo giặc, tình tội thuộc loại nhẹ thì chiếu theo lời bàn gần đây chặt ngón tay cái, giao về cho xã dân bảo lãnh để biết sợ pháp luật. Bề tôi Cơ mật viện cho rằng định án mà dựa vào điện báo, phiên dịch có khi sai sót, quan hệ tới việc sống chết của người ta, chặt ngón tay thì tội quá thảm khốc, có trở ngại chỗ thấy nghe nên dâng phiến tấu xin bác không chuẩn. Duy việc đánh bắt ở hạt ấy cần thiết xử trị

thì cho như đã chuẩn (phạm đánh bắt gặp bọn giặc có súng ống khí giới thì lập tức xử quyết, số còn lại thì phân biệt xử trị) mà thi hành.

Quyển 5

0383. Năm Quý ty Thành Thái thứ 5 (1893 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Tiết Nguyên đán, Khâm sứ đại thần Brière chưa vào chúc hạ mà trăm quan vào khánh hạ trước. Làm lễ xong thì được điện văn của Toàn quyền đại thần De Lanessan thăm hỏi (ai thế nào cũng theo lệ cũ), Phủ Phụ chính và Cơ mật viện đều làm thư trả lời.

0384. Bề tôi Phủ Phụ chính dâng sớ xin nghỉ lễ tiến giảng ở Kinh diên (ngày 4 và 18 hàng tháng) tuân theo việc cũ trong niên hiệu Tự Đức, lấy điện Văn Minh làm nơi tiến giảng.

0385. Bề tôi Phủ Phụ chính dâng sớ xin đình sung chức Phụ chính (lời sớ đại lược nói “Hoàng thượng tuổi vừa mười lăm (1), đức vua ngày càng tốt đẹp, mà bọn thần ở chỗ then chốt lâu ngày, trong lòng không yên. Xin đình sung chức Phụ chính, còn trong tàu chuẩn nếu có điều gì chưa ổn thỏa và có nên làm hay không sẽ tùy việc tâu bày. Xin nghĩ sâu tính xa, nhớ lời phó thác, lưu ý sự học, nghe lời can ngăn, bỏ việc rong chơi, chuyên cần chính sự để các quan đều làm tròn chức trách, việc trị dân có thể hẹn ngày tăng tiến). Vua tâu lên ba cung, ý chỉ nói “Các khanh không được từ chức”.

(1) *Tuổi vừa mười lăm*: nguyên văn là “niên tê chí học” (đến tuổi chí học). “Chí học” lấy từ lời của Khổng Tử trong *Luận ngữ*, *Vi chính* “Ngô thập hữu ngũ nhi chí ư học” (Ta mười lăm tuổi thì có chí ở việc học). Vua Thành Thái sinh năm 1879, theo cách tính “tuổi ta” thì đến năm 1891 đã 15 tuổi.

0386. Truy phục Trương Văn Đễ đã quá cố hàm Tham tri bộ Binh. Đễ là em Phụ chính đại thần Trương Quang Đản, trải theo việc quân, tháng 7 năm Quý mùi bị Tôn Thất Thuyết triệu về kinh thành, sau đó theo Thuyết tới Quảng Trị bệnh chết, truy thụ hàm Tham tri bộ Binh. Năm Ất Dậu Đồng Khánh nghị là bề đảng kẻ xấu truy đoạt tước hàm, đến lúc ấy Quang Đản dâng sớ xin gia ân truy phục (lời sớ đại lược nói “Văn Đễ từ khi xuất thân đã theo việc quân ra nơi biên giới vào chỗ hiểm trở trải nhiều gian nan. Đến cuối đời lại vì là bề đảng kẻ xấu đội ơn tước đoạt chức hàm. Nói về lỗi thì vì người khác mà đến nỗi bị tội, vẫn chưa rõ ràng, nói về công thì hai mươi năm theo quân mà sau khi chết không được ban cho nửa cấp”), nên có lời chuẩn ấy.

0387. Chuẩn cho Tham biện Các vụ Bùi Quang Tạo thăng thụ Quang lộc tự khanh vẫn sung chức như cũ. Lúc đầu là vua vì Quang Tạo là người ngay thẳng, làm việc ổn thỏa nên thăng vượt bậc làm Thị lang lãnh Tham tri bộ Lại, Quang Tạo mấy lần ra sức từ chối, bèn chuẩn cho thăng hàm ấy.

0388. Đắp đường đê mới ở huyện Tiền Hải tỉnh Thái Bình (từ cửa biển Ba Lạt (1) tới cửa biển Lạch Giang).

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “*chấm thủy + cức*”, là “*chấm thủy + lạt*” bị viết lầm, đây đính lại như trên.

0389. Thân định lệ trưng thu thuế khóa và quy chế ban thưởng (đến kỳ thu thuế, trừ tỉnh nào ngạch thuế không có bao nhiêu, nhân viên Tư thương có thể kham nổi và phủ huyện nào không có kho khác, không có Tư thương, thuế lệ chuyên do phủ huyện đốc thúc trưng thu không cần phái thêm quan Hộ tào, nơi nào cần phái thêm thì tham chiếu lệ năm Tự Đức thứ 36 và năm Kiến Phúc thứ 1 châm chước phái người đi thu. Tỉnh lớn và tỉnh vừa chước lượng phái 1 viên Bát phẩm hoặc Cửu phẩm, 1 thư lại, tỉnh nhỏ phái 1 viên thư lại Bát phẩm hoặc Cửu phẩm, thu được đầy đủ đúng hạn thì quy chế ban thưởng chiếu theo lời nghị mới mà làm. Trong lời nghị tháng 3 năm Thành Thái thứ 2 có một khoản nói các hạt thu thuế một mùa đúng hạn, số thuế thu được hơi nhiều (tiền và thóc thuế thu được tính ra tiền 10.000 quan trở lên) thì Chánh hoặc Phó tổng và Hộ tào dự việc trưng thu đều được thưởng một đồng ngân tiền nặng 3 tiền. Chờ đến mùa sau nếu cũng thu được đầy đủ đúng hạn thì bất kể ngạch thuế nhiều hay ít, Chánh tổng đều được thăng một cấp, Phó tổng thưởng cấp bằng Tùng Cửu phẩm Bá hộ lãnh chức như cũ, Lý trưởng ký danh được làm Phó tổng, Hộ tào cũng được thưởng một cấp thí sai).

0390. Thưởng nguyên Biên tu lãnh Huấn đạo Quý hương đã hưu trí Nguyễn Khuê (người tỉnh Quảng Nam) 15 lượng bạc. Khuê biên tập các sách *Toát vận huấn hải*, *Thi Lễ loại đối*, *Luận ngữ chính văn tiểu đối*. Tổng đốc Thanh Hóa Nguyễn Thuật cho rằng dùng những sách ấy dạy học không phải không có ích, bèn đề đạt xin thưởng cho.

0391. Khai vét đường sông Thủy Quan phía tây kinh thành (đường sông từ cầu Vĩnh Lợi tới Thủy Quan có bốn chỗ cần khơi vét, từ Thủy Quan tới cửa sông Bạch Hạc có hai chỗ cần khơi vét, đất đá hai bên bờ sông bị sụp lở cũng đắp lại), lấy Chương vệ Bùi Văn Bằng sung Đông lý (đến tháng 8 năm ấy hoàn công).

0392. Nguyên quan tỉnh Quảng Nam Huỳnh Vĩ dâng tập tâu nói xã dân ở ba tổng Tiên Giang, Đức Hòa, Phước Lợi huyện Hà Đông thuộc tỉnh ở gần núi nhiều lần bị ác Man quấy nhiễu, xin rút tinh binh về chước lượng cấp súng ống khí giới, tập hợp dân binh, chước lượng đặt quân mục cùng Phó tổng tuần tra xét những nơi quan

yếu ở thượng du cho dân được yên ổn. Lại xin miễn thuế kim nhuệ (dân đãi vàng 418 người, thuế đồng niên 5.016 quan), còn thuế thân thì theo lệ thu nạp (mỗi người tiền thuế đồng niên 1 quan 3 mạch). Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành.

0393. Tháng 2. Bề tôi Phủ Phụ chính tâu nói “Hiện quốc khố còn có hạn, sức dân chưa thư thả, việc gì cũng nên tiết kiệm, nhưng việc làm của hữu ty vẫn còn nhiều điều vì lâu ngày sinh tệ doan (Hóa đơn mua hàng mà bộ Hộ gọi lên hàng năm chỉ dựa vào lời tư khai của Nội vụ và Vũ khố, không có chức lượng dự liệu. Như đóng sửa thuyền bè thì ít mà dầu sơn đều mua rất nhiều, đến nỗi lãng phí, việc giao cho người nhận mua hàng là một mối tệ lớn, gần đây đã đình bãi, mà thương hộ nạp hàng lại không có hóa đơn quyết toán hàng tháng, chỉ theo việc quyền nghi riêng, tiền bạc động tới là chi ra hàng vạn, giá hàng nạp về nhiều năm không được xét lại, việc thông đồng quen biết làm gian trong đó khó mà kể rõ). Xin do bộ Hộ xét rõ những hàng đã nạp trước nay nếu quả có chi thật làm thật thì lập tức xem xét cấp cho, trong đó như có phát giác được việc thông đồng tác tệ sẽ lập tức nêu ra tâu lên, hạn trong một tháng phải xong, nếu lần nữa dây dưa thì Khoa đạo tham hặc nghị tội. Trờ đi hàng hóa cần dùng thì thương hộ nạp lên, mỗi tháng lập tức xem xét trả tiền một lần, không được lần nữa sinh tệ. Lại những người lãnh trưng thu thuế còn thiếu phải lập tức gia hạn nghiêm thu, không đủ thì chiếu lệ phạt tiền. Thuyền hộ nạp thuế còn thiếu cũng theo đó mà làm. Phạm việc mua bán cần có hóa đơn hàng năm xin do bộ Hộ bàn bạc với bộ Công, căn cứ sổ sách ở kho, theo đó châm chước. Những vật thường dùng thì đều phải mua, còn những vật chưa dùng ngay thì chờ khi có việc cần thiết sẽ sức mua trước. Còn lại xin do bộ Hộ trừ tính mà làm để quốc khố đầy đủ”. Sớ dâng vào, chuẩn sao ra cho thi hành.

0394. Kính cẩn biên tập sách *Thánh chế thi sử* của Dục tông Anh hoàng đế, lấy Phụ đạo đại thần Hiệp biện đại học sĩ sung Phó Tổng tài Quốc sử quán Bùi Ân Niên sung làm Tổng duyệt. Trước đó Phủ Phụ chính tâu nói tháng 6 nhuận năm trước bề tôi Nội các dâng lời chuẩn, trong có một khoản dâng lên một bộ thi sử của Dục tông Anh hoàng đế, kính cẩn tra cứu nguyên cảo có ngự bút phê sửa, hiện đã có mười bốn bản hoàn chỉnh sạch sẽ nhưng chưa thành sách (136 quyển). Kính tuân lời châu phê (vâng thánh chỉ di chúc có một trang sao lại bài tựa nói “Về thi sử thì ta dụng công rất chăm chỉ mà chưa xong, giao cho Nội các làm theo, phải làm thành sách in ra. Kinh văn nếu có chỗ nào không phù hợp thì cho sửa đổi nhuận sắc, nếu là sử chú thì cũng như thế, đừng có qua loa. Kính đây”) lần lượt kiểm lại, bề tôi Nội các nhiều lần tâu xin chọn quan biên tập để Nội các kiểm duyệt, chờ xong sẽ tâu xin in ra. Duy nghĩa lệ phân sử chú cần phải kiểm duyệt, nhưng Nội các nhiều việc, khó mà làm tròn, xin giao cho Sử quán biên tập. Duy người đốc suất cần có quan viên chuyên trách, xin tuân chiếu lời nghị trong niên hiệu Tự Đức (*Khâm tu Vĩnh sử phú* do Thượng thư bộ Hình Trương Quốc Dụng sung làm Tổng tài), chờ chuẩn lấy bậc đại thần chuyên trách đốc suất biên tập để trọng việc ấy. Bèn chuẩn cho Ân Niên sung vào (về sau đến tháng 10 năm thứ 7 bề tôi ở Sử quán là bọn Hoàng Hữu Xứng nói theo hoàn chỉnh thành sách, trước sau tất cả 156 quyển, chuẩn cho chiếu theo các tập *Thánh chế thi văn* đời Minh Mạng, Thiệu Trị kính dâng nhan đề là *Tự Đức Thánh chế thi sử*).

0395. Ngày Mậu ngọ tế xã tắc, ngày Kỷ ty tế Văn miếu, đều phụng ngự giá tới làm lễ.

0396. Ngày Canh ngo, tiết Thanh minh tới các tôn lăng yết lăng, làm lễ xong hồi loan.

0397. Chuẩn cho Phụ đạo đại thần Hiệp biện đại học sĩ Bùi Ân Niên lãnh Thượng thư bộ Công, vẫn giữ hàm kiêm sung như cũ (thay nguyên Thượng thư bộ Công Nguyễn Hữu Thảng đổi bổ làm Tổng đốc Nam Ngãi).

0398. Phụ chính đại thần Văn Minh điện đại học sĩ sung Cơ mật viện đại thần Tổng tài Quốc sử quán kiêm quản sự vụ Khâm thiên giám Vĩnh Trung tử Nguyễn Trọng Hợp thọ 60 tuổi, sai Thị lang sung lý Các vụ Đồng Sĩ Vĩnh ban tặng phẩm vật (kim tiền ngân tiền và các loại vải the gấm đoạn).

0399. Lúc bấy giờ qua mấy tuần ít mưa, ở kinh đô giá gạo tăng vọt, sai quan phủ Thừa Thiên hiệu dụ cho những người trữ nhiều gạo thóc trong hạt liệu lượng bán ra, không được giam hàng để giúp dân có cái ăn (các tỉnh Trị Bình Nam Ngãi đều báo tin hạn hán, đều chuẩn cho quan tỉnh làm lễ cầu mưa).

0400. Quảng Nam bị nạn cào cào.

0401. Hà Tĩnh đói (các huyện Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Hương Khê nặng nhất), chuẩn cho quan tỉnh tạm trích 2.000 hộ thóc kho chiếu giá công bán ra (mỗi hộ 8 quan) để giúp dân lúc khẩn cấp, vẫn do quan tỉnh hết lòng bàn bạc trừ tính làm việc cho tới nơi tới chốn (kể đó lại chuẩn trích 4.000 quan tiền công chia ra cho vay).

0402. Toàn quyền đại thần ủy nhiệm quan ba tùy tùng Lư Ba Sơ (1) tới nói về việc biên giới. Trước là người Tiêm pháit quân rộng càn xâm lấn địa giới, bề tôi Cơ mật viện tuân chiếu điều 1 Hòa ước (1) (quý Pháp quốc tình nguyện giúp đỡ bản quốc về mọi việc ngoại giao và chống lại giặc cướp trong ngoài) bàn bạc gửi thư thi hành. Đến lúc ấy Toàn quyền đại thần ủy nhiệm quan ba tới kinh bí mật nói rõ Đại Pháp quốc bảo hộ nước ta giữ cho cương giới được như cũ. Hiện đã pháit binh đánh đuổi người Tiêm, đã khởi hành từ Sài Gòn, trước tiên tới kinh lý vùng thượng du các tỉnh Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa. Chuẩn cho bề tôi Cơ mật viện tư ngay cho các tỉnh yên tâm và niềm yết hiệu dụ cho phù hợp (về sau Khâm sứ đại thần ủy nhiệm người nói đã nhận được điện báo của quân thứ Quảng Trị nói quý quan binh tới kinh lược vùng thượng du Quảng Trị, quân Tiêm rút lui, hiện đã tiến chiếm được đồn Hồ Xan, những nơi khác không bao lâu cũng sẽ lần lượt thu hồi).

(1) Nguyên bản viết là “Lư Ba Sơ”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) *Hòa ước*: tức Hòa ước Giáp thân, còn gọi là Hòa ước Patenôtre ký kết ngày 6. 6. 1884 theo đó triều đình Kiến Phúc thừa nhận quyền Bảo hộ toàn diện của chính phủ Pháp, nguyên văn tiếng Pháp điều 1 như sau “(Art 1). L’Annam reconnait et accepte le Protectorat de la France. La France représentera Annam dans toutes ses relations extérieures. Les Annamites à l’étranger seront placés sous la protection de la France” (Nước An Nam thừa nhận và chấp nhận nền bảo hộ của nước Pháp. Nước Pháp sẽ thay mặt nước An Nam trong mọi quan hệ đối ngoại. Người An Nam sống ở nước ngoài sẽ đặt dưới sự bảo hộ của nước Pháp).

0403. Lập sông Triêm Đứ ở Bắc Ninh (vì cửa sông bị lấp tắc, đê điều nhiều lần bị vỡ nên lập).

0404. Tháng 3. Chuẩn cho Thượng thư bộ Binh Nguyễn Thân đổi làm Tổng đốc Bình Phú. Lúc bấy giờ Toàn quyền đại thần gọi thư nói nước Đại Pháp đang nghĩ việc kinh lý từ vùng thượng du tới sông Khung phía tây, muốn cương thổ được như cũ phải có quan viên thông đạt mẫn cán của nước Đại Pháp và nước ta mới có thể làm xong. Nguyễn Thân tài lược có thể cáng đáng, xin trao chức ấy, theo như lời thư (nguyên Tổng đốc Hồ Lệ chuẩn cho tới kinh (1) chờ chỉ).

(1) Nguyên bản chép là “lai ngôn” (tới nói), là “lai kinh” (tới kinh) bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

0405. Toàn quyền đại thần De Lanessan tới kinh vào yết kiến, đãi yến ở Quang Cảnh thư lâu trong ngự uyển, kể cùng bề tôi Cơ mật viện thương nghị các khoản (Một khoản về thuế thuốc phiện, đã bàn trích một nửa cho bản quốc nhận dùng, trong đó từ tháng 1 đến tháng 10. 1892 (từ ngày 21 tháng 11 năm Thành Thái thứ 3 đến ngày 11 tháng 9 năm thứ 4) tổng cộng mười tháng, Thương chính nhận thi hành, được bao nhiêu tiền (trừ những khoản chi tiêu công nạp) đều đã chiếu theo đó trích giao cho bản quốc nhận dùng. Từ ngày 1. 11 Tây lịch năm trước (ngày 12 tháng 9 năm Thành Thái thứ 4) giao số thuế mới trung được mỗi năm, số nạp trước nạp tiếp đều chia giao cho bản quốc một nửa, định rõ số lượng và thời hạn hàng năm là ngày tháng nào. Một khoản về thuế tín chỉ, ngày 15. 8. 1892 Tây lịch (ngày 26 tháng 6 nhuận năm Thành Thái thứ 4) thi hành, từ đó đến nay tiền tín chỉ do các tỉnh bán ra đã do quý Công sứ nạp lên đầy đủ, khoản một nửa giao cho bản quốc ấy định rõ số lượng và thời hạn hàng năm là ngày tháng nào. Một khoản về thuế củi đốt, dầu hỏa, thuốc lào Toàn quyền đại thần bàn lấy ngày 1. 6 Tây lịch năm trước (ngày 7 tháng 5 năm Thành Thái thứ 4) thi hành, khoản ấy chia cho bản quốc một phần, hàng năm cứ mấy tháng chia giao một lần thì do từng sở giao nhận tiến hành xem xét. Một khoản về thuế đầu nguồn và thuế gỗ ván ở ba tỉnh Thanh Nghệ Tĩnh xin cho dân sở tại hoặc Khách thuộc có lai lịch lãnh trung, liệu lượng địa thế trên sông đặt trạm trung thu (người bản quốc buôn bán thì 14 phần lấy 1, người ngoại quốc buôn bán thì 100 phần thu 5) như quý thương Dupuis thi hành gần đây để ngõ hầu tránh thất thu thuế. Một khoản về thuế cau khô, đây là sản vật của bản quốc, chỉ tiêu thụ ở bản quốc, không chở ra ngoài, xin do bản quốc phái người trung thu hoặc cho người lãnh trung để bù vào các sắc thuế đã đình bãi. Một khoản về thuế quế, thì nguồn núi Tà My chưa được phục hồi như cũ, bản quốc xin từ chối khoản tiền 50.000 đồng hàng năm, xin sức cho Thương chính đình việc thu thêm (thu thêm 25 xu) cùng chia ra loại hạng trung thu (nghe nói quý Thương chính không chia hạng nên buôn bán không tiện, người buôn ít đi) để việc khai thác đầu nguồn dần được phồn thịnh. Một khoản về thứ tự chương trình trung thu của Thương chính, Toàn quyền đại thần nghĩ định hàng hóa từ cảng Mỗ xuất khẩu, chờ tới cảng Mỗ, nếu trong phạm vi bản quốc đều được miễn thuế, chỉ thu tiền kiểm biên, xin thân sức cho Thương chính tuân chiếu chương trình mà làm để nhân dân bản quốc được đội ơn hưởng lợi ích thật sự. Một khoản về việc đúc tiền đồng in chữ, như lò đúc của quý quốc ở Hải Phòng, bản quốc có thể đưa đồng tới đúc kèm, nếu có gì chưa tiện thì bản quốc sẽ nghĩ việc dựng lò đúc ở tỉnh Thanh Hóa để thêm vào việc quốc dụng). Sau đó quý đại thần trả lời nói các hạng thuế chia giao cho bản quốc một phần tổng cộng là 86.489 đồng 75 xu, trong đó trừ khoản tuế bổng cấp cho quận công Ứng Lịch 6.811 đồng và giao cho Nha Kinh lược 5.000 đồng, trả chi phí thuyền dò 1.200 đồng, còn giao 73.332 đồng. Còn như tiền thuế ruộng đất ở Bắc Kỳ chờ đến tháng 6 năm nay sẽ bắt đầu thi hành, chiếu theo giao lại. Từ đó trở đi cứ tháng 6 hàng năm bản thu một lần.

0406. Ban sắc nói “Quý Tổng thống Toàn quyền đại thần De Lanessan từ khi tới giữ chức phàm gặp việc thì hết lòng bảo vệ giúp đỡ, hiện có nhiều việc đang cần thu xếp vẫn hỏi, chuẩn cho quý đại thần sung làm Phụ chính đại thần, cùng các bề tôi Phủ Phụ chính bàn bạc giảng giải phụ đạo, nghĩ chắc có nhiều điều ích lợi cho trẫm. Đây cũng là trẫm đặc cách biểu dương công lao khuông phò giúp đỡ của quý đại thần, sau này trẫm đích thân coi việc chính sự cũng vẫn như thế”. Lại ban tặng ấn quan phòng bằng ngà và bài đeo bằng vàng (đều khắc các chữ “Phụ chính đại thần, ngôi trên các Phụ chính đại thần nước Đại Nam”). để tỏ rõ sự đặc cách. Đến khi về bắc lại ra lệnh trích các hạng phẩm vật (tiền vàng, châu hoa) tặng cho (kể chuẩn cho Chủ sự Hồng Khẳng thuộc Cơ mật viện theo quý đại thần ra bắc làm việc công).

0407. Dời đặt Tòa sứ Sông Cầu vào tỉnh thành Phú Yên (để tiện lui tới bàn bạc).

0408. Tổng đốc Quảng Nam Nguyễn Hữu Thắng dâng tập tâu nói Đốc học tỉnh ấy là Nguyễn Liên văn chương mô phạm, được sĩ nhân tin tưởng vâng lời, theo lệ đến tuổi (70 tuổi) xin về hưu, nhưng Giáo thụ và Cử nhân Tú tài sĩ nhân trong hạt đồng tình xin giữ lại, xin chuẩn thăng Quang lộc tự thiếu khanh vẫn giữ chức để thỏa lòng kẻ sĩ, cho như lời tâu.

0409. Quan tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi báo việc dân trong hạt bị bão lụt (hai phủ huyện Thăng Bình và Hà Đông ở Quảng Nam, huyện Bình Sơn ở Quảng Ngãi bị nặng nhất). Chuẩn chiếu lệ (năm Tự Đức thứ 26) chẩn cấp cho.

0410. Tặng thưởng cho xã Bạch Lựu Hạ huyện Lập Thạch tỉnh Sơn Tây biển ngạch (trên khắc các chữ “Phấn dũng”). Xã ấy vốn có tiếng trung nghĩa, nhiều lần đội ơn được ban cấp biển ngạch (Năm Cảnh Hưng thứ 2 nhà Lê được ban cấp biển “Trung nghĩa dân”, năm Tự Đức thứ 26 ban cho biển “Bạch Lựu xã nghĩa dân”). Đến lúc ấy lại có thể đồng lòng bất giặc, Tổng đốc Cao Xuân Tiều tâu lên, đặc biệt chuẩn y ban thưởng để làm rõ ý khuyến khích.

0411. Kính cẩn tu sửa tiền điện và Thông Minh đường cung Gia Thọ.

0412. Thanh tra bốn bộ Lại Hộ Binh Hình và kho tàng ở kinh cùng nghĩa thương thuộc Phủ Tôn nhân (năm Thành Thái thứ 2 chuẩn đặt lại nghĩa thương thuộc Phủ Tôn nhân, đến kỳ thanh tra kho tàng thì do nhân viên Đồng lý thi hành). Lấy Biện lý bộ Lễ Lê Đức sung Đồng lý, Lang trung Nguyễn Đình Trạch sung Hiệp lý, lại chọn 12 thuộc viên phân phái sung vào.

0413. Tu sửa phần mộ từ đường của Quý tần Đinh thị tiền triều, lại ban sắc sai trích 13 hốt bạc giao cho phủ Thừa Thiên chọn mua ruộng tư giao cho chùa Từ Hiếu nhận giữ để sung làm ruộng thờ. Quý tần Đinh thị nguyên là mẹ ruột của Yên Phong công (1), con cháu phòng ấy sớm chết hết, vâng ý chỉ đặc biệt thương xót nên ban sắc ưu cấp.

(1) *Yên Phong công*: tức Hồng Bảo, con vua Thiệu Trị, anh vua Tự Đức, vì không được nối ngôi nên năm 1854 âm mưu đảo chính, việc bại lộ bị bắt giam, chết trong nhà ngục.

0414. Mùa hạ, tháng 4. Lấy Thái tử Thiếu bảo Hiệp biện đại học sĩ nguyên lãnh Tổng đốc Thanh Hóa Nguyễn Thuật lãnh Thượng thư bộ Binh, kế chuẩn sung Cơ mật viện đại thần, Kinh diên giảng quan (thay Nguyễn Thân đổi bổ làm Tổng đốc Bình Phú), Tả Tham tri bộ Binh Lê Trình kiêm sung quản lãnh Thị vệ.

0415. Chuẩn cho Thượng thư bộ Hình Nguyễn Thượng Phiên sung Kinh diên giảng quan, Tham biện Các vụ Tôn Thất Đạm sung Kinh diên nhật giảng quan. Phiên lãnh Thượng thư, Đạm sung Nội các nên chuẩn sung vào cho hợp thể lệ.

0416. Chuẩn cho thổ mục người Man làm Tri châu và Phó Tri châu châu Lang Thìn. Lúc bấy giờ đã thu phục đồn Rào (1), người Tiêm lui về hữu ngạn sông Khung.

(1) *Rào*: nguyên bản viết bằng chữ Nôm “*xích + lao*”, có lẽ là Rào tức Rào Quán, một sông nhỏ ở thượng du sông Thạch Hãn thuộc địa phận Nghệ An.

0417. Sai các tỉnh đều gửi sản vật tới hội Đấu xảo. Trước (1) là Tòa Khâm sứ tư nói nước Đại Pháp giao hiếu với Hợp chúng quốc America (2), năm ấy nước Mỹ mở hội Đấu xảo ở thành Chicago (3), nước ta nên gửi sản vật hàng hóa địa phương tới hội Đấu xảo ấy, thật rất có ích, nên có mệnh ấy.

(1) Nguyên bản chép là “quang” (sáng), là “tiên” (trước) bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

(2) Nguyên bản viết là “Á Mỹ Lý Gia”.

(3) Nguyên bản viết là “Sĩ Ca Cô”.

0418. Đặt chức Đốc học ở bốn tỉnh Ninh Bình, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nam thuộc Bắc Kỳ. Bốn tỉnh đều thuộc vùng trung châu, số học trò nhiều, nhưng hoặc năm trước đình bãi (Ninh Bình, Hưng Yên), hoặc chưa có lời nguyên nghị (Thái Bình, Hà Nam), quan Kinh lược sứ dâng sớ xin chọn người bổ chức ấy, cho như lời tâu.

0419. Sai các nha môn xét án trong kinh ngoài tỉnh kính tuân lời nghị đã chuẩn (lời nghị tháng 8 năm Tự Đức thứ 6, tháng 11 năm Tự Đức thứ 13, tháng 1 năm Tự Đức thứ 23). Trở đi đến kỳ thu thẩm, những ngục thất quân lao đang giam giữ các hạng tù phạm bất kể đã thành án hay chưa đều do thượng ty xét xử thân sức kiểm tra xem xét, quét dọn nhà giam, rửa ráy gông cùm cho được sạch sẽ. Phạm các tù phạm bị kết án tù sung làm nô, làm binh, khổ sai tới sung quân đi đày, tử tội không có người cấp dưỡng hay có thân nhân nhưng xét ra quả thật nghèo khổ khó khăn thì cứ đến mùa rét cấp cho mỗi người áo quần vải thô đều một bộ, người bệnh thì cấp thuốc, người chết thì cấp tiền (1 quan) vải (10 thước) để khâm liệm.

0420. Dân các tỉnh Hải Dương, Lục Nam, Thái Bình ở Bắc Kỳ đói. Chuẩn trích cấp tiền kho (tỉnh Hải Dương 5.000 đồng, tỉnh Thái Bình 2.000 đồng, đạo Lục Nam 2.700 đồng), mở việc xây dựng thay cho chẩn cấp.

0421. Dời xây trường thi phủ Thừa Thiên vào phường Tây Nghị trong kinh thành (chỗ bãi đất trống gần cầu Thủy Quan. Dự trữ tiền vật liệu cần thiết hơn 1.189 quan, tiền thuê nhân công hơn 37.484 quan, do nha môn phủ Thừa Thiên nhận lãnh để làm). Trường thi vốn ở địa phận hai xã La Chử, An Lưu, xa cách bất tiện nên dời về dựng ở đó.

0422. Tháng 5. Tù phạm bị giam ở tỉnh Bình Thuận phá nhà ngục (ngày 6 tháng ấy tù phạm bị giam thừa sơ hở phá nhà ngục, giết chết Lãnh binh Nguyễn Tình Định, Án sát Trịnh Trí Viễn cũng bị bắt. Bỏ chánh Phạm

Quang Trí suất lĩnh quân lính tới đánh bắt nhưng không địch nổi chạy về Phan Thiết. Ân kiểm văn thư kho tàng hàng hóa mất mát rất nhiều). Bộ chánh Phạm Quang Trí đem việc phi báo, lại gọi điện văn cho Tổng đốc Thuận Khánh Vũ Doãn Tuân bàn bạc mau lẹ đánh bắt. Bề tôi Cơ mật viện xin chọn Phó Quản cơ Nghĩa phòng nhất Văn Khắc Thân (Cử nhân võ) lãnh chức Phó Lãnh binh tỉnh ấy, mau lẹ tới ngay để làm phận sự. Kế theo lời tư bằng điện báo giữa tỉnh ấy với Khánh Hòa thì hiện đã bắt xử quyết 40 tù phạm, lại bắn chết 15 người, thu lại 10 nén bạc, 2.636 đồng, còn lại đang tra xét tìm kiếm, sẽ trình báo tiếp. Sau đó vì quan tỉnh ấy phòng bị không chu đáo và bớt xén làm gian của công đến nỗi bị dân sở tại khiếu kiện và bọn tù phạm ấy làm bậy nên Bộ chánh Phạm Quang Trí, Án sát Trịnh Trí Viễn trước tiên bị giải chức về kinh chờ xét, chọn người khác giữ chức. Kế chọn Khâm phái Nguyễn Huyền theo dịch trạm tới ngay hiệp đồng với quan mới ở tỉnh tra xét, lại gọi điện văn cho Tổng đốc Vũ Doãn Tuân theo từng khoản tra xét sự thực. Còn công án quan phòng hiện đã mất thì tạm chế án gỗ để dùng. Đến tháng 3 năm thứ 6 bọn quan tỉnh Tôn Thất Hoài Điền, Lê Chí Thành và Khâm phái Nguyễn Huyền hội đồng kết nghị chiếu luật Bỏ bê chức vụ đóng thành tập đệ về cho bộ Hình xem xét, bản nguyên Bộ chánh Phạm Quang Trí theo lời nghĩ cách chức cho về nguyên tịch (Cử nhân), nguyên Án sát Trịnh Trí Viễn cũng xử cách chức, nhưng vì đã chết nên thôi. Nguyên Lãnh binh Nguyễn Tình Định chống tù phạm đến chết thì không bàn, còn lại phân biệt hặc tội xử án. Chuẩn như lời bàn của bộ.

0423. Thân sức các địa phận khám xét rõ ràng nhà ngục nơi giam, phải đúng như quy định (tường vách giam nhốt phải mười phần kiên cố, ngục tốt trong lao phải chọn người khỏe mạnh, khí giới chế ngự lúc cần thiết phải đầy đủ, lại vào lúc mùa nóng mùa rét phải sai quét dọn nhà ngục). Và lại số người bị giam không thể quá nhiều, nên xét rõ tình tội của tù phạm, ai tội nhẹ thì chia giao về phủ huyện làm lao dịch hoặc khổ sai, gần mãn hạn nếu xã dân tình nguyện bảo lãnh xét không có gì quan ngại thì tư cho bộ Hình xem xét chước lượng cho phép, nhưng mỗi tháng phải tới phủ huyện điểm danh một lần, ai làm trái thì trích ra xử tội nặng hơn. Lúc bấy giờ tỉnh Bình Thuận xảy ra việc tù phạm bị giam phá nhà ngục, nên bề tôi Phủ Phụ chính có lời nghị ấy.

0424. Sai các phủ tỉnh Thừa Thiên Quảng Trị Quảng Nam Bình Định dâng nạp thóc để đầu xảo. Toàn quyền đại thần tư nói quản hạt Batavia (1) tại phương Đông của nước Hòa Lan định lập trường Đầu xảo nghề nông và nghề thủ công, xin chọn các loại thóc gửi tới Hội Đầu xảo. Bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành.

(1) Nguyên bản viết là “Ba Ta Vi A”, tức khu vực Banten trên đảo Java thuộc Indonesia, lúc bấy giờ là thuộc địa của người Hà Lan.

0425. Định lệ thuế về thuyền đi biển, tất cả 19 khoản (Một khoản: phạm thuyền đi sông đi biển ghé vào các tấp nước Đại Nam, số thuyền phải theo tải trọng chia hạng, mỗi chiếc nạp thuế đi lại hàng năm. Nếu tải trọng không tới 25 tạ thì đóng thuế 25 xu, từ 25 đến 50 tạ đóng thuế 1 đồng, từ 50 đến 100 tạ đóng thuế 3 đồng, từ 100 đến 150 tạ đóng thuế 6 đồng, từ 150 đến 200 tạ đóng thuế 10 đồng, các tấp thủ thu thuế cứ 100 phần trích thưởng 1 phần, nếu tìm có đòi hỏi riêng thì giao cho Án sát tra xét trị tội. Một khoản: thuế ấy mỗi năm phải thu đủ số ngay trong quý đầu, thuyền nào phải nạp 20 đồng trở lên chuẩn cho đóng làm hai kỳ, mỗi sáu tháng phải nạp đủ trước. Một khoản: phạm ghe thuyền mới đóng trong năm kể từ tháng hạ thủy chiếu lệ nạp thuế. Một khoản: phạm mỗi chiếc thuyền đều ghi chữ A, kể tới số hiệu, chủ thuyền đều lãnh một quyển sổ thuyền, trong ghi tên họ quê quán lai lịch để làm bằng cứ kiểm tra nhận thực. Lại trong thuyền có mang súng ống khí giới hoặc đã nạp thuế, hạng thuế và ngày tháng ra vào cùng những khoản riêng khác thì do Thương chính tùy việc ghi rõ kiểm tra. Một khoản: thuyền lâm thời bán hay cầm, thay đổi, thất lạc thì hạn trong mười ngày tới ty thuyền bạ khai báo. Một khoản: thuyền nào chỉ muốn ra vào tấp nào một lần thì cho khai báo nạp thuế một quý. Một khoản: thuyền nào đã nạp thuế đi lại ở các tấp trong nước Đại Nam khi ra ra Bắc Kỳ không cần phải nạp thuế nữa. Duy lâm thời để lại vào lúc hết kỳ thuế thì do tấp ấy thu thuế kỳ sau. Một khoản: phạm thuyền đánh cá vốn từ hải phận nước Thanh tới hải phận của Bảo hộ thì cho Thương chính ở đảo Cát Bà Bắc Kỳ và Thanh Hóa nước Đại Nam khai kết lãnh bằng. Một khoản: phạm các thuyền tự xưng là thuyền đánh cá nước Thanh thì phải hoàn toàn không được buôn bán, nếu không thì phải chiếu lệ thương thuyền hiện hành mà nạp thuế. Một khoản: các thuyền thuộc khoản 9 lập số hiệu riêng để có phân biệt. Một khoản: thuyền đánh cá nước Thanh một khi đã lãnh bằng đều cho tùy tiện ra vào đỗ lại trong hải phận, cá mắm và những thức cần dùng mang theo trên thuyền đều miễn thuế. Những cá đánh được chở ra thì tới Thương chính ở Cát Bà và Thanh Hóa nạp thuế. Gặp lúc bằng hết kỳ hạn phải tới Thương chính hai tấp ấy xin cấp bằng mới. Một khoản: nhân viên Thương chính ra lệnh và hiểu thị khoản nào thì người trên thuyền đều phải tuân theo. Một khoản: nếu thuyền đánh nước Thanh có mang theo súng ống khí giới thì mỗi thuyền chỉ cho mang theo 4 khẩu, 100 viên đạn. Phạm thuyền tới các tấp ở hải phận Bắc Kỳ thì do lãnh sự Đại Pháp ở tấp ấy phê chuẩn, nếu xét thấy không thật thì sẽ tịch thu thuyền và những vật chở theo. Một khoản: bất kể là thương thuyền hay thuyền đánh cá, nếu quan Pháp tra hỏi sổ thuyền và súng ống khí giới đều phải lập tức dừng lại trình báo. Một khoản: các thuyền máy nhỏ đều tuân thủ lệ đánh thuế phía trên mà thi hành. Một khoản: những người làm trái với các khoản lệ thuế có liên quan thì phạt từ gấp đôi tới gấp mười thuế thuyền. Nếu làm trái những khoản khác thì phạt 5 đồng tới 100 đồng, lâm thời có thể bắt giữ thuyền phạm pháp để làm tiền phạt. Thuyền tái phạm sẽ bị tịch thu sung công. Một khoản: lệ thuế thuyền Đại Nam vốn có cùng các Nghị định về ghe thuyền ngày 12. 7. 1888, ngày 12. 2. 1889 và Nghị định ngày 6. 7. 1889 của Đại Pháp có khoản nào không phù hợp với điều lệ hiện hành đều bãi bỏ. Một khoản: lời nghị

này bắt đầu thi hành từ ngày 1. 7. 1893 tức ngày 18 tháng 5 năm nay. Một khoản: Trú kinh Khâm sứ đại thần theo lệ thi hành). Kế chuẩn cho Thừa biện tấn thủ các tấn sung làm thuộc viên Thương chính để kiểm hàng, chi cấp lương bổng có thứ bậc khác nhau. Còn lời nghị vốn có về việc trưng thu thuế thuyền đi sông ở hai hạt Thừa Thiên, Quảng Trị đều bãi bỏ. Về sau đến tháng 6 năm thứ 6 Quyền Toàn quyền Chavassieux tới kinh bàn đình thuế ấy, bèn chuẩn đến nửa sau năm Tây lịch năm ấy tạm đình (1).

(1) Nguyên bản chép là “nãi chuẩn Tây thị niên bán niên hậu kỳ tạm”, có chỗ tối nghĩa, đầu điều sau lại có chữ “đình”, ngờ là “nãi chuẩn Tây thị niên bán niên hậu kỳ tạm đình” vì lặp lại nên bị chép sót, đây đính lại và dịch như trên.

0426. Đình thu thuế mậu dịch, thuế đầu nguồn của dân Man (các hạng thuế trung tiền hơn 25.500 mân). Lúc bấy giờ đã thu phục sơn Man các xứ, thẳng tới sông Khung lần át quân Tiêm, dân Man quy phục, Toàn quyền đại thần bàn đặc biệt ra ơn vỗ về, nên chuẩn đình bãi.

0427. Định lệ thu thuế cau khô. Vốn trước đây chỉ hai hạt Thừa Thiên Quảng Nam có thuế này (tiền thuế đồng niên hơn 20.000 quan), đến lúc ấy Toàn quyền đại thần bàn điều khoản nhất loạt thu thuế ở cả 12 tỉnh hạt (hạt cau khô mỗi 100 cân thu thuế 1 đồng, cau miếng mỗi 100 cân thu thuế 25 xu, cau tươi thì cho miễn thuế), bắt đầu từ ngày 1. 7 Tây lịch năm ấy (ngày 18 tháng 5 Nam lịch).

0428. Vua đích thân cày ruộng tịch điền, ban dụ nói “Nghề nông là gốc lớn của thiên hạ. Từ xưa cày ruộng tịch điền, kính cúng cơm xôi, suất lãnh muôn dân, trong điển lễ là long trọng nhất. Đầu niên hiệu Minh Mạng phụng sắc sai hữu ty chọn đất trong kinh thành làm chỗ cho vua cày ruộng, phép tắc trước nay đã rõ ràng lại đầy đủ. Từ khi có việc, chưa rồi mà làm. Trẫm từ khi nối ngôi đến nay luôn nghĩ tới chỗ dựa của dân, ngăn kính trọng hiến lệnh vốn có, nên sai bộ Lễ kê cứu điển lễ, châm chước thi hành. Qua Khâm thiên giám chọn ngày 15 tháng này là ngày hiệp cát, trước đó một ngày trẫm ngự giá tới hành cung sau điện Quan Canh trú tất, hôm sau cày ruộng, làm lễ xong sẽ hồi loan. Những việc cần làm giao cho hữu ty kính cẩn tuân hành, đây là ý vì việc gốc trọng nghề nông của trẫm. Đặc biệt ban bố cáo này cho trong ngoài đều nghe biết”. Bèn sai bộ Lễ kính tuân lời nghị năm Thiệu Trị thứ 3, chuẩn cho nghĩ bàn nghị thức, trước đó chuẩn bị chỉnh đốn sắp đặt đầy đủ, Sai quan phủ Thừa Thiên tế đền Tiên Nông. Đền hôm ấy vua đích thân suất lãnh hoàng thân và các quan văn võ dự lễ tới làm lễ tịch điền (cày ba lượt đi ba lượt về). Làm lễ xong ban thưởng theo thứ bậc khác nhau.

0429. Bộ Lễ tâu nói năm Hàm Nghi thứ 1 kinh thành có biến, quan lại binh dân nhiều người chết vì binh lửa, rất là đáng thương. Năm Đồng Khánh thứ 1 đã đội ơn ban lễ tế một lần. Nay vì ngày tháng đã lâu, xin ân tế một đàn để an ủi u hồn. Bèn chuẩn lấy ngày 23 tháng ấy lập đàn ở nhà Vũ học cũ ban tế.

0430. Giảng Thự Hiệp biện đại học sĩ sung Thương tá Nha Kinh lược Lương Ân Thứ làm Thị lang về kinh chờ lệnh. Lúc đầu Kinh lược đại sứ Bắc Kỳ Hoàng Cao Khải dâng sớ nói Ân Thứ gần đây hành sự có nhiều điều không phù hợp, lại phao tin thất thiệt (như nói Toàn quyền đại thần De Lanessan về nước nhất định không lẽ nào quay lại, Thống sứ đại thần bàn xin tăng lương cho đại sứ và quan viên nhưng xin giảm bớt Tham tá cùng Bộ chánh các tỉnh) và bình luận với báo quán (năm trước Tổng đốc Bắc Ninh Vũ Quang Nhạ bị nhật báo viết một bài châm chọc, xét ra là do viên ấy gợi tới), đã bị các đại thần Toàn quyền, Thống sứ xin giảng chức khiển trách, bèn chuẩn điều về làm Tá Thị lang bộ Binh.

0431. Thân định rõ lệ phát phối tù phạm ra các tỉnh (kính tuân lời chuẩn định năm Minh Mạng thứ 17, các tỉnh lớn Bình Định, Nghệ An, Thanh Hóa, Gia Định, Vĩnh Long, Hà Nội. Nam Định, Hải Dương, Sơn Tây không được quá 150 tù phạm, các tỉnh vừa Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Bình Thuận, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Định Tường, An Giang, Hưng Yên, Lạng Sơn không được quá 120 tù phạm, các tỉnh nhỏ Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa, Biên Hòa, Hà Tiên. Quảng Yên, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Cao Bằng không được quá 100 tù phạm). Tháng hoặc giam giữ tù phạm nhiều hơn số chuẩn định phải lập tức tâu lên chờ chỉ, không được coi là chuyện thường hời hợt sơ suất bỏ qua, nếu có chuyện bất ngờ thì tội lỗi không nhỏ). Lúc bấy giờ quan tỉnh Phú Yên là bọn Nguyễn Toàn tư phân phát 30 tù phạm mắc tội sung quân đi đày và khổ sai tới Sơn phòng Nghĩa Định và tỉnh Bình Thuận (mỗi nơi 15 người). Bọn quan Sơn phòng Nghĩa Định Trịnh Quang Thái, quan tỉnh Bình Thuận Phạm Quang Trí đều trả lời nhà giam nhỏ hẹp, quân ít tù đông, và lại chưa nhận được công văn của bộ nên không dám nhận bừa. Bộ Hình bàn Bộ chánh Nguyễn Chất, Án sát Nguyễn Toàn phạm lệ phải tâu mà không tâu đều xử phạt đánh 80 trượng giảng hai cấp lưu, chuẩn như bộ bàn. lại thân định rõ lệ kèm theo sao lục gởi tới các địa phương để tuân hành.

0432. Tháng 6. Thống sứ đại thần Bắc Kỳ Chavassieux về nước nghỉ, Thống sứ mới là Rodier (1) tới thay.

(1) Nguyên bản viết là “Đô Đi Khẩn”, là “Đô Đi É” bị viết lầm, đây đính lại như trên. “Đô Đi É” tức François Pierre Rodier. Nhân vật này giữ chức Thống sứ Bắc Kỳ từ 20. 7. 1893 đến 30. 3. 1895

0433. Tấn phong Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên Cao Xuân Dục là An Xuân nam. Xuân Dục khoa mục xuất thân nhưng ra sức ở chiến trường, trước kia sung chức Tấn tương quân thứ Bắc Kỳ, bàn định việc quân giúp ích rất nhiều, tới trị sở ở Sơn Tây gặp lúc giặc cướp rông càn quấy nhiễu tình bên lại có thể hết sức đánh bắt phòng bị, mở

cửa thành hiệu dụ, đầu mục giặc cướp nổi nhau quy thuận, cả hạt nhờ đó được yên ổn nên đặc biệt chuẩn tấn phong cho để ban thưởng công lao.

0434. Dân ấp Dã Khê Lê Văn Thi nhiều lần bắn được voi rừng dâng nạp, chuẩn chiếu lệ (lời nghị tháng 4 năm Tự Đức thứ 30 quy định bình định dân phu ai bắn được voi rừng, hạng lớn cấp tiền 50 quan, hạng vừa cấp tiền 50 quan, hạng nhỏ cấp tiền 30 quan).

0435. Mùa thu, tháng 7. Vua ngự ra điện Bồng Dinh nghỉ ngơi. Trước là vâng ý chỉ của Từ dũ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu nói vua gần đây can hòa thất hòa, nên nghỉ chọn một nơi gần thoáng đãng có thể trú tất để tạm dời tới an dưỡng, có Nội giám Thị vệ hỗ từng để tiện cho Thái y dâng thuốc hàng ngày. Tôn nhân đình thần xin tới điện Hoàng Phúc bày biện lại để làm nơi tĩnh dưỡng. Đến lúc ấy tới điện Bồng Dinh hồ Tịnh Tâm trú tất, vâng ý chỉ nói Tôn nhân chính khanh đại thần chia ban ngày đêm túc trực, Phủ Phụ chính thỉnh thoảng vào hầu, tùy việc quan sát can ngăn để vua tu tính sửa lỗi thành đức. Lúc bấy giờ vua vừa nghỉ ngơi, phàm sắc dụ và chương sớ trong ngoài đều tuân theo ý chỉ sao ra thi hành.

0436. Chuẩn cho Thự Tả Đô Ngự sử Hồ Lệ đổi làm Thự Thượng thư bộ Công sung Kinh diên giảng quan (sáng sớm hàng ngày Phủ chính đại thần và Phủ đạo, Kinh diên giảng quan, Kinh diên nhật giảng quan luân phiên tiến giảng), nguyên Tuần phủ Nam Ngãi Huỳnh Vĩ đổi giữ chức Tả Đô Ngự sử Đô sát viện.

0437. Chuẩn cho Đốc học Hà Nội Vũ Phạm Hàm thăng Quang lộc tự thiếu khanh kiêm quản sự vụ *Đồng văn nhật báo* (1) (thay Tham tá Phan Văn Tâm về quê lưu dưỡng nên khuyến).

(1) Nguyên bản chép là “Dụng văn nhật báo”, là “Đồng văn nhật báo” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

0438. Đặt đàn chay ở chùa Linh Mục (tụng kinh ba ngày ba đêm), là tuân theo ý chỉ.

0439. Ban sắc nói “Ta trước đây không sáng suốt ở đức, vô cùng hấp tấp. Từ khi tới nghỉ ngơi ở điện Bồng Dinh đến nay lưu tâm hồi cải, để ý vào việc học. Phàm mọi việc đều ngưng tuân ý chỉ của ba cung và theo lời tâu của Phủ Tôn nhân Phủ chính đình thần mà làm, không hề trái ý. Còn nhờ sức khuông phù để mưu tốt đẹp, ta rất mong mỏi. Cho hữu ty phụng sao ra cho mọi người cùng biết”.

0440. Tháng 8. Toàn quyền De Lanessan tới kinh rồi về Gia Định, việc đưa rước tiếp đón khoản đãi đều theo lệ cũ.

0441. Định lệ thăng thưởng cho án quan ở Bắc Kỳ (trở đi phạm án quan trở lên ở Bắc Kỳ trừ những người xét ra quả thật có làm việc gì to lớn, tiếng tăm lừng lẫy cần được đặc biệt thăng cấp thì chuẩn cho làm thời chậm chức thi hành, những người còn lại chuẩn cho cứ tròn 2 năm mới chuẩn cho thăng một trật, Tổng đốc Tuần phủ phải qua cấp Thự mới được thực thụ, vẫn phải xem xét người ấy có thực sự xứng đáng hay không chứ không được nhất loạt thăng lên thực thụ). Theo định chế của quốc triều thì việc thăng cấp án quan là do thánh thượng quyết định, nhưng từ khi có việc thì quan lại Bắc Kỳ do quan Kinh lược sứ bàn bạc với quý quan Thống sứ chọn cử, là gặp lúc gấp gáp bận rộn cần người cũng có khi phá lệ cất nhắc. Gần đây tình hình đã dần yên ổn, quan tinh theo lệ thường làm việc, Kinh lược sứ Hoàng Cao Khải xin định niên hạn để khỏi lạm dụng, bèn vâng ý chỉ ban dụ cho thi hành.

0442. Thân định lệ cử người mình biết (trở đi phạm quan lại trong kinh ngoài tỉnh cử người mình biết đều theo lệ mỗi người tiến cử một người, không được viện cớ theo lệ tiến cử cho đủ số hàng năm, ai làm trái do bộ nêu tên tâu lên nghị tội, để lấp tắc việc lạm dụng). Lúc bấy giờ Thự Thượng thư bộ Lễ Tôn Thất Vịnh dâng tập tâu tiến cử tới ba người, bộ Lại dâng phiến bác đi, nên có lời nghị ấy.

0443. Đặt tỉnh Hải Phòng ở Bắc Kỳ (vốn trước đây trích ba huyện An Dương, An Lão, Kiến Thụy đặt nha Hải phòng, năm trước trích huyện Thủy Nguyên ghép vào, đến lúc ấy trích thêm huyện Tiên Lãng và huyện Kim Thành phủ Kinh Môn sáp nhập về nha ấy quản lý, đổi làm tỉnh vừa, đặt Tuần phủ, Án sát, Thương tá mỗi chức một viên).

0444. Thân định lệ xem xét tiến cử bổ dụng phủ huyện (trở đi phạm Tri phủ có khuyết thì trước tiên đề cử những người đã giữ chức Tri huyện lập danh sách tâu lên, khi có chỉ dụ thì xét xem ai kham nổi chức Tri phủ chiếu hàm theo thứ tự bổ vào. Nếu chưa giữ chức Tri huyện mà trước đó đã được xét kham nổi chức Tri phủ, hiện đang có tên trong danh sách thì do bộ Lại trích tư cho các thượng ty chiếu lệ xét lại bổ làm Tri huyện. Trong đó ai học hạnh tài thức quả thật xuất sắc có thể bổ làm Tri phủ thì cho bảo cử. Còn khoản chưa giữ chức Tri huyện mà xét bổ Tri phủ thì đều đình bãi, Lại trở đi những người được xét cử và chưa giữ chức Tri huyện mà được trích tư chiếu lệ xét lại đều cho làm tập tâu lên để trọng chức Tri phủ Tri huyện)

0445. Định số quân ở kinh và các tỉnh cùng chức lượng ngạch binh lưu lại trong các vệ (số kinh binh ở các tỉnh: Thừa Thiên 2.996 người, Quảng Trị 893 người, Quảng Bình 503 người, Quảng Nam 3.116 người, Quảng Ngãi 392 người, Bình Định 2.673 người, tổng cộng hơn 10.500 người. Ngạch binh của các vệ chia làm hai ban, một ban lưu một ban về, cứ bốn tháng đổi phiên một lần. Trở xuống Túc vệ lưu 250 người, vệ Long thuyền lưu 125 người, vệ Vông thành lưu 73 người, vệ Phủ binh lưu 170 người, vệ Thủ hộ lưu 175 người, chia làm ba ban, một ban lưu hai ban về. Trở xuống là thủy sư, Nhất vệ 128 người, Nhị vệ lưu 130 người, vệ Vũ lâm Tiên nhất lưu 165 người, vệ Vũ lâm Tiên nhị lưu 167 người, vệ Tiên phong lưu 114 người, vệ Long vũ lưu 179 người, vệ Hồ uy lưu 177 người, vệ Hùng nhuệ lưu 180 người, viện Thượng tứ lưu 167 người, hai vệ Thủ hộ lưu 160 người, vệ Trung

bảo lưu 167 người, vệ Tiền bảo lưu 164 người, vệ Tả bảo lưu 166 người, vệ Hữu bảo lưu 168 người, vệ Hậu bảo lưu 165 người, chia làm bốn ban, một ban lưu ba ban về. Vệ Tào thiện chu lưu 71 người, theo như tháng 4 năm trước chước lượng lưu ban phát lương. Trờ xuống vệ Loan giá 83 người, vệ Kinh trọng 130 người, đội Nhạc chính 22 người, viện Thượng trà 25 người, đội Lý thiện 20 người, hai đội Cử thiện nhất nhị 26 người, đội Thượng thiện 20 người, ba đội Cảnh tất 17 người, đội Dực chân nhất 20 người, Dực chân nhị 30 người, Dực chân tam 26 người, Ngu hộ Tài thụ 25 người, đền Diên Phúc 8 người, đội Tân nghi 13 người, thự Vũ can 30 người, đội Vũ bị tư pháo 20 người, ty Trấn phủ 28 người, tổng cộng hơn 4.300 người).

0446. Tháng 9. Ban cấp cho Tôn nhân, Phụ chính, Chính khanh và đại thần quế khe Ngọc Ba (do quan tỉnh Nghệ An Đào Tấn cung tiến) mỗi người một phiến, là vâng theo ý chỉ.

0447. Tấn phong Yên Thành quận công Miên Lịch là Yên Thành quốc công, là kính vâng ý chỉ. Vì quận công là con út của Thánh tổ Nhân hoàng đế, tuổi tác đã cao, chuẩn cho tấn phong là Yên Thành quốc công để tỏ rõ ý đôn thân.

0448. Đặt nhà giảng tập cho các hoàng đệ (lấy Diển tịch đang đình ưu, Hành chi bộ Công Đình Dụng Tân sung chức).

0449. Tặng Công sứ Quảng Trị Thừa Thiên Đô Phê Ninh (1) một đồng kim tiền Long văn. Quý sứ gần đây kinh lý vùng thượng du, trải khắp gian lao, quân Tiêm phải rút lui, giữ vững được cương thổ. Đến lúc ấy đổi bổ làm Công sứ An Tĩnh, nên chuẩn tặng cho.

(1) Nguyên bản viết là “Đô Phê Ninh” (phía sau có chỗ viết là “Đô Phi Ninh” nhưng cũng là một người), chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0450. Dụng cột dây điện báo từ phía trên Lao Bảo (1) Cam Lộ tới sông Khung, phát tù phạm khổ sai ở Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Trị, Quảng Nam ứng dịch (trích lương cấp cho để siêng năng làm việc).

(1) *Lao Bảo*: tức Trấn Lao bảo (bảo Trấn Lao) gián lược qua khẩu ngữ.

0451. Quan tỉnh An Tĩnh báo tình hình giặc cướp (Nghệ An tư nói dò xét được Đồng suất giặc Cao Thắng kéo qua hạt ấy, quý quan đem binh tới đồn Lương Điền giao chiến với đảng giặc, giặc bị thương bị chết nhiều, thu được các loại súng đạn ẩn kiếm giấy tờ của giặc. Hà Tĩnh tư nói đảng giặc kéo qua đồn Lương Điền gặp quan binh đánh nhau, giặc Thổ giặc Vạn bị giết, giặc Thắng bị thương, kể chết. Những đầu mục còn lại của giặc họp ở sơn phận Trại Năng (1) đều tranh nhau làm người đứng đầu). Lập tức ban dụ sai hai tỉnh nhân cơ hội tiểu trừ ngay không cho giặc lan ra (trận ấy thủ lĩnh giặc là Cao Thắng bị chết, bè đảng bị thương bị chết rất nhiều, quý quan và lính tập nhiều người đặc lực, chuẩn thưởng cho quan một đồn Đô Lương một đồng kim tiền hạng lớn, Phó quản lính tập Phan Phiến thăng làm Phó Lãnh binh, số còn lại phân biệt ban thưởng theo thứ bậc khác nhau).

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

0452. Triệt chức Tổng đốc Bắc Ninh Vũ Quang Nhạ cho trở về Nha Kinh lược, lấy lãnh Tuần phủ Hưng Hóa Lê Hoan thay thế, chức Tuần phủ bị khuyết thì lấy Bồ chánh Sơn Tây Bùi Tập bổ lãnh. Lúc bấy giờ việc thăng đổi triệt bãi quan lại Bắc Kỳ từ Tổng đốc Tuần phủ trở xuống đều do Kinh lược sứ bàn bạc với Thông sứ thi hành, rồi gởi điện văn tư cho Cơ mật viện tâu lên.

0453. Đình việc đặt huyện lỵ Thanh Miện tỉnh Hải Dương (vẫn thuộc phủ Ninh Giang kiêm lý như cũ, quan lại thì rút về Nha Kinh lược chờ bổ)

0454. Chuẩn trở đi phạm quan viên văn võ tâu việc nếu vào triều thị hầu đều phải kính cẩn đứng vào chỗ đã có (1), tiến lui lời lẽ cốt phải nhẹ nhàng nghiêm trang để hợp thể thống. Nếu ai vẫn bừa bãi như trước lập tức do Đô sát viện chỉ trích tham hặc nghiêm trị để nghiêm triều hiến, là theo lời xin của bề tôi Đô sát viện Hồ Lệ.

(1) Nguyên bản chép là “các nghi khác cộng hữu hữu vị”, là “các nghi khác cùng hữu vị” bị chép lầm, đây tạm đính và dịch như trên.

0455. Mùa đông, tháng 10. Ngày Đông hưởng, sai hoàng thân công hành lễ. Lúc bấy giờ vua ở điện Bồng Đình nghỉ ngơi, các lễ tiết đều sai khâm mệnh làm thay.

0456. Cấp ruộng thờ cho Anh Duệ hoàng thái tử. Phụ chính đại thần tâu nói các khai quốc công thần đều đội ơn được cấp ruộng cấp thóc, hưởng hồ thái tử ngôi cao, có nhiều công lao, rất nên hậu đãi, xin do quan phủ Thừa Thiên trích ruộng sung công làm quan điền ra khoảng 10 mẫu sung làm ruộng thờ, chiếu lệ miễn thuế, giao cho sư (1) ở chùa coi việc tế tự nhận lãnh để tỏ rõ ý đôn thân sùng bái, theo như lời tâu.

(1) Nguyên bản viết là “tăng” (thêm), ngờ là “tăng” (sư) bị chép lầm, đây tạm đính và dịch như trên.

0457. Chuẩn trở đi phạm việc nhận lãnh xử lý tầu sớ cho hạn 10 ngày, có việc cần kê cứu thì cho 15 ngày.

0458. Sai các địa phương sức cho Quân vệ Suất đội thuộc tỉnh đều cư trú theo vệ đội, ai làm trái sẽ chiếu luật tự ý rời bỏ quân ngũ hồi tội, là theo lời xin của Tổng đốc Thanh Hóa Nguyễn Chánh.

0459. Thân định lệ xét bổ thuộc viên vũ ban (trở đi phạm quản viên từ Thành thủ úy tới Suất đội có khuyết trước tiên lấy những người chờ bổ và những người xét ra kham nổi chức vụ, ai lý lịch rõ ràng, tại chức hai năm hoặc trên một năm theo thứ tự bổ nhiệm. Còn ai vừa được đội ơn thăng thưởng chưa tròn một năm dự vào, xét kham nổi chức Hiệp quản, Thành thủ úy, Suất đội hiện trong danh sách thì tư cho thượng ty Thông chương chiếu lệ xét lại để tránh lạm dụng, trong đó những người là Suất đội xét có thể thăng lên Thành thủ úy thì làm tập tâu lên).

0460. Tháng 11. Sai Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Binh sung Cơ mật viện đại thần Nguyễn Thuật cùng Khâm sứ đại thần Briere tới Lao Bảo Quảng Trị công cán. Lúc bấy giờ các sách người Lao người Man ở thượng du lại về theo nước ta. Quý Khâm sứ lần đầu đích thân tới đó, nên đặc mệnh sai đại thần cùng đi để tuyên dụ đức ý (Thuật tới nơi dâng tập tâu nói đầu mục chín châu đều tới bảo chờ ra mắt, hội đồng ban cấp hiệu thị, không ai không vui mừng. Kế dẫn bọn đầu mục về kinh chiêm bái, vẫn chuẩn cho đầu mục người Man là Thạch Phụng làm Thổ Tri châu Na Bồn, Tào Khâm Bô làm Thổ Tri châu Song Khôn, Lâm Nhạc làm Thổ Tri châu Mừng Vành (1), lại sai trích vật hạng trong kho ban thưởng để tỏ rõ ý thương mến người xa về theo).

(1) Nguyên bản chép bằng chữ Nôm “*son + vinh*”.

0461. Định tổng sách thu chi năm sau. Lúc bấy giờ Toàn quyền đại thần De Lanessan nghĩ định bản quốc trưng thu thuế khóa và chi cấp lương bổng việc công các hạng đồng niên thu chi bao nhiêu, trở đi từ cuối năm nên dự toán làm hai sổ thu chi trong năm tới để biết rõ số xuất nhập. Bèn sai Đốc lý Hộ chính Ghi (1) hội đồng với Phủ Chính, Cơ mật viện và bộ Hộ bàn định tổng số thu chi năm Thành Thái thứ 6 tổng cộng 10.817.928 quan (số thu được trong cả năm như dưới đây. Khoản 1: thuế chính cung thì các hạng thuế đinh thuế điền và thuế thân thu được tổng cộng là 6.349.610 quan. Khoản 2: thuế ngoại ngạch (như thuế thuốc phiện, thuế rượu, thuế buôn bán và thuế xuất cảng) là 1.278.850 quan. Khoản 3: thuế lãnh trưng linh tinh (như thuế tổ yến, thuế chợ Đông Gia), thuế nhà phố, thuế mỏ than Nông Sơn 124.196 quan. Khoản 4: tiền năm trước còn lưu lại trong kho các tỉnh 3.065.272 quan. Số chi ra trong cả năm như dưới đây. Khoản 1: tiền chi phí ở kinh là 4.715.161 quan. Khoản 2: tiền chi phí ở các tỉnh ngoài là 2.534.001 quan. Khoản 3: tiền thuế còn thiếu cùng tiền thuế bị hao hụt mất mát là 1.562.480 quan. Khoản 4: tiền chi vào Đại Công cục phối hợp với quý quốc sửa sang cầu đường trong nước Đại Nam là 2.006.283 quan), đóng thành tập tâu lên, chuẩn cho thi hành.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “*trúc đầu + ky*”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0462. Ngày Kỷ hợi (ngày 21) vua về cung, ngự ra điện Cần Chánh nhận chúc mừng.

0463. Dời tỉnh thành Bình Thuận tới đặt ở huyện lỵ Hòa Đa.

0464. Tháng 12. Định phẩm trật cho Thổ Châu úy, Thổ Huyện úy (chiếu lệ quan huyện người thiểu số được phẩm trật cao nhất là Tùng Bát phẩm).

0465. Thân định lệ phát mãi ruộng vườn nhà cửa bị tịch thu (trở đi phạm ruộng vườn nhà cửa bị tịch thu thì sức cho dân trong xã hoặc xã thôn lân cận nếu có tiền công hoặc bổ thu được thì nạp đủ số lãnh mua làm ruộng công, quân cấp cho dân lãnh canh. Nếu xã thôn nào không muốn mua thì cho phủ huyện kê khai bẩm lên theo nguyên giá tịch thu khấu trừ số còn thiếu, vẫn giao cho xã thôn sở tại lãnh canh, thuế lệ theo như cũ. Ruộng công hạng nhất mỗi mẫu thu 120 bát thóc, đất công mỗi mẫu tiền thuế 7 mạch, chờ qua ba bốn năm bù cho đủ số còn thiếu. Mãn hạn thì theo lệ mới, ruộng công hạng nhất mỗi mẫu thu 40 thăng thóc, hạng hai mỗi mẫu thu 30 thăng, hạng ba mỗi mẫu thu 20 thăng, hạng ruộng mới khai phá mỗi mẫu trưng thu 10 thăng). Lúc bấy giờ Thanh Hóa năm trước còn lưu nhiều gia sản tiền thóc tịch thu để bồi thường các khoản thiếu, Tổng đốc Nguyễn Chánh xin thân định rõ lời nghị ấy, chuẩn sao ra cho các địa phương tuân hành.

0466. Đình lệ thẩm xét trọng phạm ở Bắc Kỳ (từ phạm trăm giáo giam hậu từ Ninh Bình trở ra bắc hàng năm do do các tỉnh đạo theo quý đóng thành tập đệ lên cho bộ chấp chiếu, còn như lệ thẩm xét thì đình bãi). Lúc đầu bộ Hình tâu xin chuẩn cho từ Ninh Bình trở ra bắc nên tiến hành thẩm xét, do quan các tỉnh đạo hội đồng thẩm xét đệ về Nha Kinh lược phúc thẩm bàn định chia hạng đóng thành tập, trong hạ tuần tháng 8 phải đệ về cho bộ trình đình thần phúc duyệt. Kế Nha Kinh lược trả lời nói về các vụ án bị xử trăm giáo giam hậu ở Bắc Kỳ, gần đây Thống sứ đại thần đã bàn đổi thành đi đày mười năm, số cần giữ lại thẩm xét không còn bao nhiêu, có khi gặp ngày lễ tiết Chánh chung, Nguyên đán của quý quốc lại được khoan giảm đổi thành đi đày khổ sai, nếu viện lệ thẩm xét thì có nhiều điều bất tiện, bèn chuẩn cho đình bãi.

0467. Đình lệ ghi chép về Lãng quốc công (1). Trước là tháng giêng năm Đồng Khánh thứ 3 đình thần đã tâu xin chuẩn, trong nói Lãng quốc công đã lên ngôi vua, xin theo lệ Phế đế Từ Dục nhà Tống (2), Chiêu Nghiệp nhà Tề (3), theo văn mà ghi. Đến lúc ấy bề tôi Quốc sử quán tâu nói sử lệ nên theo *Cương mục* của Chu Từ (4) làm chính. *Cương mục* chép về Từ Dục nhà Tống, Chiêu Nghiệp nhà Tề chỗ niên kỷ chỉ ghi Tống chủ Từ Dục, Tề vương Chiêu Nghiệp, cũng vì Tần ghi Tống nổi vậy. Không ghi chữ Phế đế, đại khái đều vì các vua ấy được chính

thức truyền ngôi, không viết là Phế thì không kể là bị phế. Nhưng Lãng quốc công là bàng chi được lập, kể lại bị phế, niên hiệu chưa ghi, cũng giống như Xương Ấp vương nhà Hán (5), xin theo lệ Xương Ấp vương ghi là Lãng quốc công, những việc ghi chép ở sau cũng ghi là công, ngõ hầu có chỗ để theo. Chuẩn giao cho Tôn nhân đình thần bàn lại, đều nói *Cương mục* vẫn ghi tên hai chúa Tông Tề chứ không ghi chữ Phế đế, nay theo lệ ấy ghi tên rất là chưa ổn, xin như tờ phiến của bề tôi Quốc sử quán theo tước vốn được phong ghi là Lãng quốc công, còn những việc ghi chép ở sau cũng ghi là công thì đúng với nghĩa lệ, chuẩn như lời nghị (về sau bề tôi Quốc sử quán dâng Phạm lệ phần Phụ biên về Lãng quốc công, chuẩn cho tuân hành). Đến tháng 7 năm thứ 11 lại đổi ghi là Phế đế.

(1) *Lãng quốc công*: tức vua Hiệp Hòa.

(2) *Tử Dục nhà Tông*: tức Lưu Dục, con trưởng của Minh đế Lưu Úc nhà Lưu Tống thời Nam Bắc triều, nối ngôi năm 10 tuổi, tính tàn nhẫn hiếu sát, về sau bị kẻ hầu cận ám sát, được truy phong là Thương Ngô vương. *Tống thư*, *Bản kỷ 9* ghi là Hậu Phế đế.

(3) *Chiêu Nghiệp nhà Tề*: tức Tiêu Chiêu Nghiệp, con trưởng của thái tử Tiêu Trường Mậu, cháu nội Vũ đế Tiêu Di nhà Nam Tề thời Nam Bắc triều, được Vũ đế phong là hoàng thái tôn, nối ngôi năm 22 tuổi, ngay trong năm ấy bị người trong hoàng tộc giết chết, truy biếm là Úc Lâm vương. *Nam Tề thư*, *Bản kỷ 4* ghi là Úc Lâm vương.

(4) *Cương mục của Chu Tử*: tức *Thông giám cương mục* của Chu Hy thời Tống.

(5) *Xương Ấp vương nhà Hán*: tức Lưu Hạ, xem thêm chú thích (5) điều 0002. Sau khi bị phế truất, Lưu Hạ được phong là Hải Hôn hầu, về sau Ban Cố trong *Tiền Hán thư*, quyển 63, *Đế ngữ từ truyện* ghi Hạ là Xương Ấp vương, không ghi là đế.

Quyển 6

0468. Năm Giáp ngọ Thành Thái thứ 6 (1894 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Quý Toàn quyền đại thần De Lanessan về nước (Thống sứ Chavassieux quyền thay). Sai Phụ chính đại thần Trương Quang Đản cùng Tham tri bộ Lễ Nguyễn Văn Thịnh mang sắc thư và triều phục cùng phẩm vật tới Đà Nẵng tặng biếu. Kinh lược sứ Bắc Kỳ Hoàng Cao Khải cũng xin hộ tống quý đại thần về Gia Định (sau đó vì quý Toàn quyền đại thần đi chiến hạm về thẳng Gia Định nên Quang Đản không tới Đà Nẵng, vẫn do Tham tri bộ Lễ Nguyễn Văn Thịnh mang sắc thư cùng phẩm vật theo sứ bộ tới Gia Định thăm hỏi đưa tiễn).

0469. Sai sứ qua nước Đại Pháp. Trước là tháng 10 năm trước vâng ý chỉ ba cung nói “Bản quốc và quý quốc giao hiếu đã lâu, Từ khi quý Tổng thống Toàn quyền đại thần tới bản quốc đến nay, nhiều lần bàn bạc trừ hoạch có nhiều lợi ích, lại có thể vâng theo chỉ dụ của quý quốc hết lòng kinh lý thượng du, khôi phục cương giới cho ta, lại thêm gần một năm nay các vị quý đại thần trú sứ làm việc phạm điều gì cũng ôn hòa, trong ngoài yên ổn, lão thân quá thật rất cảm tạ. Nay sai quan mang lễ vật thông hiếu, bản lấy Phụ chính đại thần Nguyễn Trọng Hợp tuân hành để đôn đốc tinh hiếu mà long trọng sự thể. Nhưng hoàng đế hiện nay vừa mới nghỉ ngơi, việc chính sự trong triều đình còn nhờ thân thân đại thần trong Phủ Phụ chính đồng tâm giúp đỡ, việc khác cần gởi gắm cũng còn nhiều, các đại thần trong triều có thể kham nổi việc đi sứ nghĩ cũng có người. Nay nếu chuẩn cho viên đại thần ấy tuân hành thì có chỗ chưa ổn. Phủ Phụ chính và Cơ mật viện nên hết lòng bàn bạc chọn người khác sung việc đi sứ” vân vân. Đình thần bàn nói chuyện đi này có quan hệ rất lớn tới quốc thể bang giao, việc chuyên đối Hoàng hoa (1) duy chỉ có Trọng Hợp đáng đứng nổi chức ấy. Bèn đặc mệnh sai Phụ chính đại thần Văn Minh điện đại học sĩ Vĩnh Trung từ Nguyễn Trọng Hợp làm Chánh sứ cùng Phó sứ Lê Bảng (Tham tri bộ Lễ gia hàm Thượng thư), Bồi sứ Tôn Thất Thiệm (Biện lý bộ Lễ) cùng bọn tùy thuộc (Tham biện Nguyễn Văn Mại, Chủ sự Nguyễn Văn Mẫn. Thường cấp và các việc nên theo lệ năm Thành Thái thứ 1 mà làm) mang quốc thư, sắc thư và phẩm vật tới thành Paris thông hiếu. Trước khi lên đường tuyên triệu sứ bộ vào triều, ban sắc nói “Nay Phụ chính đại thần Nguyễn Trọng Hợp vâng sách mệnh qua Đại Pháp thông hiếu, chuyên đi này có quan hệ rất lớn tới quốc thể, đã vâng cung Gia Thọ sắc thị các lễ cùng ý chỉ của hai cung Trường Ninh, Từ Nghi chắc đã đầy đủ rõ ràng, nên tuân theo thi hành, cốt chuyện gì cũng được ôn hòa để thỏa ý trăm hết sức mong mỏi. Phó sứ Lê Bảng tuổi cao lịch duyệt, Bồi sứ Tôn Thất Thiệm là người trong tôn phả, lại có khoa bảng, đều nên ra sức toan tính, phạm gặp việc nên cùng đại thần Chánh sứ thu xếp cho ôn hòa”. Lại ban sắc sai Phủ Phụ chính làm thư gởi tới Toàn quyền đại thần Rheinart, khi sứ bộ tới đô thành Paris chiêm cận xong nên tới phủ đệ riêng của quý Toàn quyền đại thần, nên làm thư tuân sắc thăm hỏi. Lại chọn phái Thị lang bộ Hộ Trần Chí Tín, Chương vệ Bùi Văn Bằng chinh đón quân sĩ nghi trượng tới Đà Nẵng hộ tống. Quý Toàn quyền đại thần cũng phái quan tư Khu Lê (2) tới kinh đón tiếp, lấy ngày 29 tháng ấy do tàu máy A Da Tu (3) tới Đà Nẵng (các quan viên trong phái bộ dự hội Đẩu xảo cũng đáp thuyền cùng đi với sứ bộ tới thành Lyon (4) dự hội). Ngày 3 tháng 2 tới Gia Định, ngày 5 cùng quý Toàn quyền đại thần đáp tàu máy Xa Ca Liên (5) ra biển, ngày 30 tới thành Marseille (tức Mã Trại) (6) lên bờ. Ngày 1 tháng 3 đáp xe lửa lên đường, ngày 2 tới thành Paris nghỉ lại. Quan Bạt tiếp là quý Chương ấn Xương Ông (7) (nguyên trú biện *Đông văn nhật báo* ở Hà Nội, thông hiểu chữ Hán và chữ quốc ngữ) tới nói việc giao thiệp với các nước ngoài và sự vụ thuộc địa của quý quốc trước nay đều do Thượng thư bộ Ngoại giao chủ trì, nhưng nay đã đặt thêm Thượng thư bộ Thuộc

địa, ngày tới yết kiến nên chờ hỏi quý Thượng thư sẽ quyết định ổn thỏa. Kế bàn định là ngày 18 tháng ấy vào ra mắt quý Giám quốc diện hạ (quý văn vũ đại thần tám người cùng Thượng thư bộ Thuộc địa, Toàn quyền đại thần cùng hầu). Bọn sứ thần Trọng Hợp theo bậc thềm chính giữa đi vào, đứng chấp tay khấu đầu ba lần dâng quốc thư và sắc thư lên. Quý Giám quốc tiếp lấy, Trọng Hợp bước lên đọc lời chúc từ (Xương Ông đọc lời phiên dịch). Quý Giám quốc nói lời đáp từ xong, dẫn đi xem các nơi, tới chậu cảnh Tùng tươi bách tốt, Quý Giám quốc lấy đó hỏi, Trọng Hợp đáp nói Tùng tươi bách tốt ví như tình hòa hiếu gắn bó giữa hai nước. Đến khi dâng các phẩm vật phụng sắc mang theo để biểu lộ tình cảm thì Quý Giám quốc gật đầu tiếp nhận, vui thích ngắm nghía. Yết kiến xong cáo từ trở ra, hẹn ngày tới thăm hỏi yết kiến Thượng thư bộ Thuộc địa Boulanger (8) và Thượng thư bộ Ngoại giao Casimir Périer (9) cùng tùy nghi bàn bạc các việc. Ngày 23 tới thành Lyon xem hội Đấu xảo (đều tặng Viện Quản giáo và Cục Đúc tiền một đồng tiền lớn cho kho lưu trữ để đôn bang giao). Lại tới Đạo quán truyền giáo Phương Đông (10) kính cẩn chiêm ngưỡng chân dung của Anh Duệ hoàng thái tử và Giám mục Pigneau de Béhaine (11) để biết tích xưa. Sau đó đến tháng 6 năm ấy sứ bộ đáp tàu máy Cảnh Tung (12) trở về, quý Giám quốc Carnot phúc thư cảm tạ (lời thư đại lược nói “Kính tiếp quốc thư và lễ vật do quý sứ bộ đệ lên tặng biểu, rất vui mừng cảm động. Chỉ mong hết lòng giúp đỡ để quý quốc sớm được yên ổn, rào bước trên đường thịnh lợi. Còn chuyến đi này của sứ bộ phạm mọi việc đều được ổn thỏa, ngày về nước xin chuyển báo tình cảm liên lạc mật thiết giữa hai nước, hòa hiếu mãi mãi vân vân. Viết ở kinh thành Paris ngày 22. 5. 1894, Carnot ký tên”). Sứ bộ về nước rồi, lại sai giữ chức như cũ. Trọng Hợp vâng lệnh đi sứ, được ba cung ban cho 500 lượng bạc, dâng số khăn thiết từ chối. Trên đường đi qua các đô thị ven biển đều gửi điện văn báo rất rõ ràng, gặp những ngày lễ tiết đều đặt hương án vọng về chiêm bái, đến khi về nước có *Tây tra thi tập*.

(1) *Việc chuyên đối Hoàng hoa: chuyên đối tức đối đáp. Hoàng hoa* lấy chữ trong *Kinh Thi, Tiểu nhã, Hoàng hoàng giả hoa* “Hoàng hoàng giả hoa, Vu bi nguyên thấp, Sần sần chinh phu, Mỗi hoài mỹ cập” (Rực rỡ hoa vàng, Gò cao trũng thấp, Mau mắn người đi, E lo chẳng khắp), ý nói người đi sứ lo lắng để không nhục mệnh vua.

(2) Nguyên bản viết là “Khu Lê”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(3) Nguyên bản viết là “A Da Tu”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(4) Nguyên bản viết là “Ly Ông”.

(5) Nguyên bản viết là “Xa Ca Liên”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(6) Nguyên bản viết là “Mặc Sai (Mã Trại)”. Mã Trại có lẽ là một cách phiên âm Việt Hán khác của địa danh Marseille.

(7) Nguyên bản viết là “Xương Ông”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(8) Nguyên bản viết là “Bô Lãng Di”, tức Ernest Boulanger. Nhân vật này giữ chức Bộ trưởng bộ Thuộc địa Pháp từ 20. 3 đến 30. 5. 1884.

(9) Nguyên bản viết là “Ca Nhi My Pha Di Ê”, tức Jean Paul Pierre Casimir Périer. Nhân vật này về sau giữ chức Tổng thống Pháp từ 27. 6. 1894 đến 16. 1. 1895.

(10) Nguyên bản chép là “Đông phương hành giáo đạo quán”, tức Trụ sở Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris (Missions Étrangères de Paris).

(11) Nguyên bản viết là “Bá Đa Lộc”, tức Pierre Joseph Georges Pigneau de Béhaine, giáo sĩ người Pháp tích cực giúp Nguyễn Ánh chống lại Tây Sơn, từng đưa hoàng tử Cảnh sang Pháp cầu viện năm 1787.

(12) Nguyên bản viết là “Cảnh Tung”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0470. Giặc cướp ở tỉnh Nghệ An (từ thượng du Hà Tĩnh chèo thuyền ngầm kéo tới) xông vào Nha Thương chính đốt phá cướp bóc (người giúp việc (1) có kẻ bị khinh rẻ giết hại). Tin báo về, sai quan tỉnh bàn bạc với Trú sứ phòng bị nghiêm ngặt.

(1) Nguyên bản điều này và các điều 1247, 1896 chép là “bồi đình”.

0471. Quan tỉnh Thanh Hóa báo tình hình giặc cướp (đảng cướp có tên Bạch Xi cùng bọn Trần Xuân Soạn từ nước Thanh bắt đầu trở về tụ họp Đình Ngọc Tài, Nguyễn Ngọc Lăng cùng khoảng hơn 400 người Nam Kỳ Bắc Kỳ ở núi Bầu Gió (1) tổng Trịnh Vạn. Lại có bọn giặc Mậu ở Nghệ An thư tín qua lại, ngày thì luyện quân, đêm thì canh phòng. Cầm Bá Thước cũng chinh đốn thổ binh hẹn mùa xuân năm nay gây sự) và xin đặt Bang tá phủ Thọ Xuân cùng trích quân xuống ban tuần phòng, khi bớt việc sẽ bãi bỏ. Bề tôi Cơ mật viện cho là nhân việc quyền nghi, tâu xin chuẩn sao ra cho thi hành.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

0472. Định lệ thưởng chức hàm võ giai cho lính tập (trở đi phạm lính tập có ai xứng đáng được thưởng thì chức Đội trưởng cho hàm Chánh Đội trưởng Tinh binh Chánh Thất phẩm, chức Cai thưởng cho hàm Đội trưởng Tùng Bát phẩm. Còn như Ngũ trưởng cùng quân binh xem xét thấy thật rất đặc lực thì mới thưởng cho hàm Chánh, Tùng Cửu phẩm Bá hộ để có phân biệt).

0473. Sai Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Nam thông sức cho các phủ huyện, trở đi có xã dân bắt được trộm cướp thì lập tức giải nạp, nếu tra xét tang chứng quả đúng thì bắt kê hiện đang ở đâu cũng một mặt tư cho bộ Hình, một mặt phát giao tới đồn Trấn Lao tỉnh Quảng Trị để làm lao dịch, sẽ chiếu tội kết án sau. Vì việc xây dựng đồn ấy đang gấp nên làm như thế.

0474. Tù phạm ở bảo Trấn Lao tỉnh Quảng Trị bỏ trốn (63 người). Quan tỉnh là Đào Hữu Ích xin nghiêm sức cho người trong hạt bắt được sẽ có thưởng (bắt được một người thưởng tiền 50 quan, cứ thêm một người thì thêm một bậc). Nếu xã phường nào dung túng bị người khác bắt được xin chiếu lệ (lời nghị chuẩn tháng 10 năm Đồng Khánh thứ 1 có một khoản quy định nếu bắt được một người theo giặc cướp, tra xét quả đúng thì Lý trưởng bị phạt 50 quan, Chánh Phó tổng đều bị phạt 20 quan, cứ thêm một người thì thêm một bậc sung làm tiền thưởng cho người bắt được) mà làm. Bề tôi Cơ mật viện cho rằng khoản tiền thưởng ấy động tới tiền công không tiện, xin do sở tại trích tiền kho cấp phát rồi thu lại ở người nhà quê quán của phạm nhân, chuẩn sao ra cho thi hành (sau đó Tri phủ Hồ Lãm phủ Hà Thanh tỉnh Hà Tĩnh bắt được 9 người, ra lệnh tra xét, trọng phạm thì chính pháp, kẻ tội nhẹ thì giam lại. Tiền còn thiếu thì sức bắt nạp, cùng tư cho Thừa Thiên, Quảng Bình, Quảng Nam, Hà Tĩnh truy thu, chiếu luật xử án).

0475. Đặt lại Sở Doanh thiện (bên phải kho Mộc thương), lấy Chương vệ Bùi Văn Bằng sung Đồng lý, Biện lý bộ Công Ngô Cung làm phó. Sở ấy vào năm Tự Đức thứ 36 chuẩn đặt, về sau vì có việc nên triệt bãi. Hiện thời việc xây dựng bận rộn, gặp lúc phải binh không có người chuyên đốc thúc, nhiều điều bất tiện (thời thúc dấy đưa ngày tháng, Quản Suất thác có mua bán), nên hai bộ Binh Công tâu xin đặt lại. Bèn sai bộ Binh chức lượng phái quân lính (Quản vệ 2 người, Suất đội 10 người, quân lính khoảng 500 người), bộ Công chức lượng trích các hạng thợ (khoảng 200 người) giao cho Đồng lý sở ấy quản lý. Phạm gấp tôn lẫm miếu điện và nhà cửa có nơi nào cầu tu sửa xây cất thì do Đồng lý hội đồng với bộ Công tra khám trừ tính để làm, thuộc viên phái sung qua sở ấy hạn trong 3 năm, quân binh hạn trong 1 năm, thợ hạn trong 6 tháng thì thay đổi, để chia đều sự nhọc nhằn nhả (về sau đến tháng 3 năm thứ 8 bộ Công tâu phạm công trình nào lớn do bộ ấy hội đồng với bộ Lễ tới nơi khám thực trừ tính thi hành, còn những công trình sửa chữa lẻ tẻ đều do sở ấy tra khám trừ tính tư cho bộ xem xét trừ biện).

0476. Chuẩn cho dùng tiền đồng hiệu Đồng Khánh 1 đồng ăn 10 đồng tiền kẽm (trước kia Nha Thông bảo vâng lệnh đúc được 290 cân, bộ Hộ tâu lên, chuẩn sao ra cho các nơi thi hành để được lưu thông).

0477. Hiệp biện đại học sĩ Nguyễn Thuật tâu nói viên ấy cùng Phụ chính đại thần Bùi Ân Niên phẩm trật tương đương nhưng khi vào chầu đứng theo ban thứ thì Ân Niên vì viên ấy lãnh chức ở bộ nên nhường cho đứng trước. Vả lại Ân Niên hơn tuổi thì đồ làm quan sớm hơn, về văn học phẩm hạnh viên ấy vốn đều phải suy nhường. Nay lấy thứ tự trong bộ vượt lên đứng trên, lòng thật không yên, tha thiết xin trở đi phạm việc lạy chầu theo ban đều để Ân Niên đứng trước viên ấy, ngõ hầu hợp với nghĩa nhường người có đức. Vua ưng thuận lời tâu.

0478. Ít mưa. Sai quan phủ Thừa Thiên tới các đền thờ linh thần trong hạt thành tâm cầu mưa để thỏa lòng nhà nông trông ngóng.

0479. Tháng 2. Chuẩn cho Tổng đốc Nam Ngãi Nguyễn Hữu Thảng gia hàm Thái tử Thiếu bảo. Nam Ngãi hạt lớn việc nhiều, viên ấy làm Tổng đốc vốn có danh vọng, gần đây trừ biện đào sông đều được ổn thỏa, nên đặc biệt chuẩn gia hàm để ban thưởng người có công.

0480. Định ngạch binh Tuần sai ở Thanh Nghệ Tĩnh (mỗi tỉnh 200 người) để giúp việc phòng bị đánh bắt và nghĩ định điều lệ (6 khoản) để thi hành (Một khoản: ngạch binh chia làm 2 đội, mỗi đội 2 toán, đều 50 người, Suất đội 2 viên, Chánh Phó quân đều 1 viên. Một khoản: lương hưởng của Quản Suất cùng cơ binh trích từ tiền trong Đại Nam chi sách mà cấp phát. Một khoản: cơ binh do quan tỉnh sai phái, lâm thời đóng đồn ở phủ huyện thì do phủ huyện sai phái, đều do Trú sứ kiêm quản, binh khí thì do Bảo hộ cấp phát. Một khoản: xã dân chiếu theo địa phận sung bổ, như lệ sung bổ lính tập khổ xanh khổ đỏ ở Bắc Kỳ, nếu có ai phạm tội hoặc đào ngũ thì hỏi tới xã thôn. Một khoản: lâm thời cần tăng thiết cơ binh ở tỉnh khác thì do Khâm sứ và Cơ mật viện nghĩ định. Một khoản: Nghị định này làm ở Hà Nội ngày 15. 2. 1894, Khâm sứ đại thần cùng Cơ mật viện chiếu theo chức vụ thi hành). Đây là theo Nghị định của Toàn quyền đại thần De Lanessan (kế chuẩn cho Quảng Bình chiếu lệ Thanh Nghệ Tĩnh đặt ra 50 binh Tuần sai, giảm 50 người ở Hà Tĩnh cho hợp với số 300 mà Toàn quyền định ra).

0481. Ngày Tân mùi (ngày 24) kính cẩn cử hành đại lễ Nam Giao (nghỉ tiết đều chiếu lệ năm Thành Thái thứ 3).

0482. Chuẩn cho Thị độ học sĩ sung Thương biện Cơ mật viện Mi Lư trông tòng ở đền Nam Giao, việc quý quan trông tòng là bắt đầu từ Mi Lư.

0483. Chuẩn trở đi phạm các bộ nha doanh vệ nếu có cử bỏ chọn bỏ đều chiếu lệ đóng thành tập giao cho nha sở quan làm phiếu nghĩ để giữ lệ trước mà lấp đường cầu may, nếu ai làm trái thì do bề tôi Nội các nêu ra trị tội. Đây là theo lời nghị của Nội các.

0484. Tiết Thanh minh, vua kính phụng từ giá của Hoàng thái hậu tới điện Hòa Khiêm bái yết, rồi tới An lăng chiêm yết. Lễ xong hồi loan.

0485. Đặt lại chức Thương đốc Nha Hộ thành. Nha ấy năm trước có đặt một viên Thương đốc cùng với Đề đốc quản phái quan binh ngày đêm tuần phòng đề phòng hỏa hoạn trộm cướp. Năm Thành Thái thứ 4 lấy Quản cơ kiêm sung, không đặt riêng nữa. Nhưng lúc bấy giờ các nhà dân trong thành nhiều người bị hỏa hoạn trộm cắp, bộ Binh xin đặt lại để tiện tuần phòng. Bèn lấy Vệ úy Cẩm binh Phan Văn Thuận chuyên sung làm Thương đốc nha ấy

(nguyên Thương đốc kiêm quản Võng thành Ngô Đức Đĩnh đổi sung làm Hiệp quản vệ Võng thành, chuyên lo các việc săn bắt).

0486. Tháng 3. Ngày Mậu dần (ngày 1) có nhật thực, đổi ngày tế Xã qua ngày Mậu tý.

0487. Ban sắc nói “Phủ hạt Thừa Thiên nguyên là nơi dưới chân thiên tử, dân tục vốn thuần hậu. Nhưng gần đây nhiều lần xảy ra các vụ trộm cướp, quan phủ trách nhiệm ở chỗ thân dân mà ngày thường sơ suất trong chuyện võ về đánh bắt đến nỗi tiểu dân được thể làm bậy, sau khi việc xảy ra lại không biết tìm cách tróc nã trị tội, tương lai bọn vô lại lộng hành còn quá hơn, dân trong hạt làm sao yên ổn. Vả lại định lệ tra xét bắt bớ rất nghiêm mà quan phủ lại coi là điều luật suông, quả thật rất thiếu sót trong chức vụ. Các vụ trộm cướp trước đây trong hạt sai quan phủ lập tức tra xét tróc nã, cốt phải phá án để dứt rễ ác mà làm yên địa phương. Nếu vẫn không có công trạng, lại để xảy ra chuyện trộm cướp thì quan phủ đều sẽ bị nghiêm trị”, là vâng theo ý chỉ.

0488. Khâm sứ đại thần Brière tư nói tình hình Thanh Nghệ hiện vẫn chưa yên, Công sứ hai tỉnh có nhiều lời phiến trách về hai viên Tổng đốc (Tổng đốc Thanh Hóa Nguyễn Chánh ngậm ngậm cản trở quan Pháp, không lo dò xét bọn Cầm Bá Thước, lại hai hạt Thanh Nghệ liên tiếp hạn lụt, nhân dân cho rằng đi tới đâu làm hại tới đó. Tổng đốc Nghệ An Hồ Lệ vừa tới lý sở, bàn bạc với Trú sứ không khoản nào hợp) cùng Án sát Hà Tĩnh Tôn Thất Tịnh tham lam những nhiều, dung túng giặc cướp, nên triệt hồi thay thế hai viên Tổng đốc Thanh Hóa (Nguyễn Chánh) và Án sát Hà Tĩnh Tôn Thất Tịnh. Tổng đốc An Tĩnh mới là Hồ Lệ thì nên nghiêm khắc quở phạt một lần để tỏ ý đề tỉnh. Bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành (kế chuẩn cho Nguyễn Chánh lấy nguyên hàm Hiệp biện đại học sĩ hưu trí, Hồ Lệ thì thân sức một lần, Tôn Thất Tịnh tạm lưu giữ chức, về sau cũng triệt hồi).

0489. Khâm sứ đại thần Brière về nước, Khâm sứ mới là Boullouche tới thay.

0490. Chuẩn cho Bộ chánh Thanh Hóa Vương Duy Trinh thăng Thụ Tuần phủ, quyền Hộ lý Tổng đốc quan phòng. Duy Trinh vào tháng chạp năm trước được gia hàm Tuần phủ, đã chuẩn cho bộ lãnh Tuần phủ Hà Tĩnh, kế vì Tổng đốc Thanh Hóa Nguyễn Chánh bị Trú sứ trách móc và xin đổi bổ, Phủ Phụ chính bàn bạc chọn Tham tri bộ Lại Nguyễn Đình Nhuận đổi lãnh. Kế đó Quyền Toàn quyền đại thần Chavassieux cùng Trú kinh Khâm sứ Boullouche bàn nói tình ấy hiện thời chưa yên ổn, Bộ chánh Án sát đều mới tới (Bộ chánh Hồng Hàn, Án sát Nguyễn Văn Tường), chức Tổng đốc lại bỏ người mới e khó ổn thỏa. Duy Trinh ở Thanh Hóa lâu ngày, am tường tình hình nghĩ nên vẫn giữ lại. Chức Hộ lý Tuần phủ bị khuyết thì chọn người khác thay thế. Phủ Phụ chính bèn tâu xin ưng chuẩn.

0491. Lấy Thị lang Thương trường Nguyễn Vĩ lãnh Tuần phủ Hà Tĩnh, Hình khoa kiêm Công khoa Chương án Trần Trí Tri đổi bổ Quang lộc tự thiếu khanh lãnh Án sát sứ.

0492. Giặc cướp ở Hà Tĩnh (khoảng 400 người) đánh úp tỉnh thành. Quan binh Đại Pháp bắn lui, bọn ấy xông vào huyện Thạch Hà đốt phá nhà thự. Tin báo về, sai tỉnh thần bàn bạc với Trú sứ mau lẹ tra xét đánh bắt, lại phái quân binh đi mau tới theo lệnh sai phải của quan Pháp ở đồn Cam Môn vùng thượng du (ba tháng thay đổi một lần để chia đều nhọc nhằn nhân nhả). Kế sai phái 200 quân trong kinh (Tác lãnh 2 viên, Suất đội 4 viên tới ngay tỉnh ấy đóng giữ).

0493. Giặc cướp ở Nghệ An (khoảng 150 người, cải trang làm lính tập) xông vào đồn Sa Nam (bắt giết 1 Suất đội và 1 lính, lại giết nhân viên thu thuế rượu). Quản cơ Phan Phiến đóng ở đồn Lương Điền đem quân tới đánh, bị quân giặc bắn chết, quan binh tan vỡ, bọn giặc đuổi theo tới tận bên bờ Sa Nam. Quan tỉnh bàn phái lính tập tiếp tục chặn đánh, lại khẩn tư cho Phạm Văn Khoa đang giữ chức đánh dẹp chuyên qua hội tiểu (về sau Hà Tĩnh báo quan phủ Đức Thọ và quan đồn Linh Cảm bắt được bọn ấy, có Hiệp quản giặc Lê Phan tức người lần ấy giết chết Quản Phiến, lập tức chính pháp).

0494. Quyền Toàn quyền đại thần Chavassieux tới kinh vào yết kiến. Chuẩn cho đãi yến ở lầu Quang Cảnh trong ngự uyển.

0495. Chuẩn cho Thị lang bộ Công Phan Huy Nhuận tại ngoại chờ chỉ (vì là người trong họ của Phan Đình Phùng). Kế vì việc thuộc loại còn ngờ, dường như không có bằng cứ nên chuẩn cho vẫn giữ chức cũ (lãnh Thị lang bộ Công).

0496. Mùa hạ, tháng 4. Khâm sứ Boullouche bàn nói mùa hạ năm nay khí trời nóng bức, nên thỉnh thoảng đưa vua dạo chơi (hoặc tới các sơn lăng, hoặc tới vườn Dữ Dã) để tránh hơi nóng mà dưỡng thiên hòa, nhưng chơi phải định nơi, đi phải định lúc (chiều lấy chiều thứ năm trong tuần lễ Tây lịch (1) làm kỳ hạn), phải có đại thần hộ tòng, nghi thức cốt phải đơn giản, trong ngày phải hồi loan, đừng nên ở lâu đi xa. Nếu phụng giá đi thuyền thì phải tàu máy trực hầu, bèn theo lời.

(1) Nguyên bản chép là “chiều Tây lễ bái đệ tứ nhật văn phân”. “Lễ bái” đây tức tuần lễ dương lịch gồm 7 ngày, ngày thứ 7 trong tuần tức Chủ nhật thì giáo dân đạo Thiên chúa tới nhà thờ đi lễ, trở đi chúng tôi nhất loạt dịch là “tuần lễ” để phân biệt với tuần (thượng tuần, trung tuần, hạ tuần) của tháng âm lịch gồm 9 - 10 ngày. Vì người Việt Nam gọi ngày đầu tuần lễ là Thứ hai, nên “lễ bái đệ tứ nhật” đây tức Thứ năm.

0497. Sắc sai dựng thủy tạ thừa lương trước bến Phú Văn Lâu để vua ra hóng mát.

0498. Ban sắc nói “Gần đây theo các tỉnh Thanh Nghệ Tĩnh Bình báo về thì bọn Phan Đình Phùng, Cầm Bá Thước vẫn còn tụ tập rất nhiều ở thượng du các hạt ấy, ngậm ngậm cướp bóc, dân địa phương vì thế không yên,

trầm thật rất nóng ruột. Hiện tại tuy có quan binh Pháp bảo hộ nhưng ta cũng há có thể điềm nhiên mà nhìn. Lệnh cho Phủ Phụ chính và Cơ mật viện bàn bạc với Khâm sứ phái thêm nhiều quan quân, giúp cho súng đạn, hoặc võ về hoặc đánh dẹp, phải làm sao sớm tiêu diệt giặc cướp, giữ yên dân cư để thỏa lòng ta muốn cho dân yên ổn”. Cơ mật viện bèn phụng dụ thân sức cho các tỉnh tuân hành. Lời dụ nói “Gần đây được tờ tâu báo tình hình giặc cướp ở Thanh Nghệ Tĩnh Bình, đọc tới thật rất lạ lùng tức giận. Và lại giặc cướp ở các tỉnh ấy trước đây đã bị quan binh nước Pháp đánh dẹp đã tạm yên ổn, dư đảng còn sót trốn lánh vào tận núi rừng, nghĩ loại tro lạnh dư lu ấy khó gì mà không tiêu diệt được. Vậy gần đây làm việc thế nào mà giặc cướp ở Hà Tĩnh lại lan ra, giặc cướp ở Thanh Nghệ đã yên lại nổi dậy, hôm nay báo cướp xã Mỗ, ngày mai báo đánh đồn Mỗ, động phiên triều đình và quý đại thần chú thác. Đó không phải là do địa phương phủ dụ trái cơ, phòng bị bất lực cùng dân gian che giấu không báo, dung túng làm bậy mà đến nỗi như thế sao? Phạm bắt giặc yên dân là trách nhiệm của quan phủ quan tỉnh, một người dân không được yên sở còn lấy làm nỗi lo của mình, huống hồ một tỉnh rộng lớn muôn nhà đông đúc, lại ngồi nhìn giặc cướp như (nhuru) lặn mấy mươi năm nay mà không thương xót, cho dù triều đình khoan dung tha thứ không nở tru lục khiển trách thì với trách nhiệm giữ đất, nghĩa lớn chẵn dân sẽ nói thế nào, trầm cũng rất không hiểu quan tỉnh các người vậy! Nay quý Toàn quyền đại thần cùng quý Khâm sai tới kinh triều yết, bàn tới tình hình giặc cướp ở các tỉnh, nghĩ điều điều thêm quân binh súng ống ra sức đánh dẹp, lại đặt thêm binh Tuần sai do quan tỉnh các người chiếu quán phân phái tuần tra bắt giặc. Ở kinh cũng phái quân mạnh tới hạt Hà Tĩnh đóng giữ, phải nhân cơ hội hợp sức đánh dẹp, thử triều thực, quyết không thể do dự như mấy năm nay. Các quan nên gia tâm trừ hoạch, bàn với quý Công sứ ở tỉnh hoặc dụ sai đầu thú, hoặc tìm cách đánh bắt. Nếu không đủ sức, cần thêm quân thêm súng đều chuẩn cho tâu lên chước lượng bàn bạc cấp cho, hạn trong sáu tháng phải thành công. Nơi nào làm xong trong kỳ hạn, thì quan tỉnh và các phủ huyện tham gia đều được thăng thưởng, không câu nệ theo lệ thường. Lại gần đây quan ở các tỉnh gặp giặc cướp thì đùn đẩy cho quan Pháp Bảo hộ chịu vất vả mà mình thì ở yên, lại lấy thể thống phương diện mà tự cao, đến nỗi quan tỉnh và Trú sứ bất hòa, tức như việc gần đây ở Thanh Nghệ cho thấy, nên tự xét mình. Phạm làm việc giao thiệp với quý quan phải nhất nhất tuân thủ thể lệ chế độ, bang giao quốc thể quan hệ ở đó, nếu không đồng tâm làm sao cộng sự, nếu nghĩ kỹ thì đâu cần phiền lời nhắc nhở? Phủ huyện có chức trách thân dân, so với quan tỉnh càng gần gũi hơn, việc động tĩnh trong hạt nếu quả gia tâm dò xét thì có gì khó biết? Sao không nghĩ lễ xử tội phủ huyện để xảy ra trộm cướp nguyên là rất nặng, gần đây vì nhiều việc nên thường đều chước lượng khoan thứ, việc đề án kiện tôn đong cũng khoan thứ không hặc tội, điều đình ninh chi là phải chăm chỉ dò xét báo cáo mà thôi. Phạm đạo dùng binh cốt ở chỗ thi hành gián điệp, hoặc giặc chưa phát đã biết trước, hoặc giặc vừa tới thì báo ngay, duy phải mau lẹ mới có thể xong việc. Hiện nay phủ huyện tổng lý giặc tới thì không hay, chờ đi rồi mới báo, đến nỗi có mối lo roi dài không đánh tới bụng ngựa (1), không gì khác là vì phủ huyện một là khiếp nhược bất tài, không để tâm vào việc dân, một là có ý trông ngóng người khác, cứ tạm che giấu tặc trách, rất là đáng ghét. Nay sai quan các tỉnh lưu tâm tìm xét, nếu thấy phủ huyện có ai quả thật bất tài thì lập tức triệt hồi, có ai quả thật trông ngóng người khác, che giấu sự tình thì lập tức tham hặc hội đồng xét tội. Trong số đó có ai tự thấy yếu ớt không kham nổi bận rộn tình nguyện lui về hay không am hiểu việc dân xin đổi qua giáo chức đều cho do quan tỉnh bẫm lên xem xét cho về quê hưu trí hay đổi bổ qua chức khuyết ở các nha ít việc hay giáo chức. Nếu vẫn tham lam nuôi tiếc không chịu tự trình, về sau xảy ra chuyện kém, bị quý quan trách lỗi sẽ lập tức cho quan tỉnh tham hặc nghiêm trị không tha, để khiến mọi người đều biết sợ mà hăng hái địch khái cần vương, xứng với chức vụ. Nếu qua lần này răn sức mà vẫn không biết phân phát ra sức thì không còn mong mỏi gì nơi các người, các quan tỉnh cũng cứ bẫm lên không được xao nhãng. Lời dụ này chuẩn cho sao lục ra gửi ngay, các nơi nhận phải lập tức sao ra nhiều bản niêm yết cho mọi người cùng biết”.

(1) *Roi dài không đánh tới bụng ngựa*: nguyên văn là “tiên trường bất cập”, lấy ý câu trong *Tả thị Xuân thu, Tuyên thập ngữ* “Tuy tiên chi trường, bất cập mã phúc” (Dẫu roi có dài, không tới bụng ngựa), chỉ việc sức chẳng như lòng.

0499. Lúc bấy giờ tình hình giặc cướp ở các tỉnh trở ra Bắc chưa yên, còn cần trừ hoạch cơ nghi kinh lý. Khâm sứ Bouloche lại bàn đưa đi một tờ hiểu cáo bằng quốc âm (đại lược nói “Hiện nay các tỉnh phía bắc chưa yên ổn, Toàn quyền đại thần rất lo lắng, xin Cơ mật viện thông tư cho quan các tỉnh, quý đại thần sẽ tư riêng cho các Trú sứ thể nhận các lễ sau đây, đồng tâm cộng sự cốt cho yên ổn. Phạm có chức trách giữ đất mà giặc cướp đi qua địa hạt hay ẩn núp trong hạt lại không báo lên, không phải bắt lực thì là theo giặc, ắt có một trong hai tội ấy, mà tội thứ nhất là không báo lên. Hiện tại trong quan trường tỉnh Hà Tĩnh có nhiều người quen biết Phan Đình Phùng, phải tìm cách cho các viên ấy được tại ngoại chờ lệnh, việc yên sẽ xét. Lại nên hiểu dụ để dân sự biết rõ triều đình cốt làm yên dân chứ không phải hại dân, chớ quá đáng trong việc trừng phạt, đốt phá quá nhiều đến nỗi mất sự công bằng, lại thành chọc giận đám đông. Ai chưa chắc chắn theo giặc phải tra xét rõ ràng, đừng khinh suất giết chết. Xã thôn nào a tòng đảng giặc thì phạt tiền hào mục để sung quân phí. Nên biết bấy nhiêu quân phí là do Bảo hộ và Nam triều cùng chịu, phải lo tính gấp để làm sao sớm xong việc, cùng được lệnh sai phải cùng quan viên bàn bạc thỏa thuận. Quan lại người Nam hiểu rõ dân tình, được họ giúp đỡ mới mong đảng giặc quay đầu. Toàn quyền đại thần đã ủy (1) cho chức trách bắt giặc yên dân, phải làm sao hết lòng đánh bắt võ về, nhất loạt dẹp yên, để cùng chia sẻ nỗi lo với người trên, mới hết chức trách bảo hộ. Gần đây liên tiếp được tin thắng trận nhưng

chưa hoàn toàn yên ổn, lại nên xem xét tình hình chờ nội bộ đảng giặc lục đục thì đánh một lần là phá được. Còn nếu họ ra đầu thú thì nên mở đường cho tự do mới, phải biết nghĩa vụ bảo hộ An Nam thì lấy nhân đức làm họ phục còn hơn là lấy súng ống mà tấn công” vân vân), do Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành.

(1) Nguyên bản chép là “thỏa” (ôn thỏa), có chỗ tối nghĩa, ngờ là “ủy” (ủy thác) bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

0500. Hà Tĩnh báo tình hình giặc cướp (tháng trước Đô Thống, Đô Mậu giặc đánh nhau với đồ đảng Bạch Xi, hai bên đều có người bị thương bị chết. Quan đồn Linh Cảm giao chiến với giặc Mậu, đảng giặc nhiều người bị thương bị chết). Chuẩn cho quan tỉnh mau lệ thừa cơ đánh dẹp để sớm được yên ổn.

0501. Nghiêm định điều cấm về dịch trâu bò. Trở đi các địa phương nếu có dịch làm chết trâu bò thì nghiêm sức lý dịch sở tại lập tức chọn chỗ đất rộng xa nơi người ở để chôn (phải sâu 1 thước 5 tấc thước Tây), bên trên rắc tro, phải nện đất thật chặt để lấp mùi hôi thối độc hại. Nếu ai dám lén lút mổ thịt để ăn thì xử tội An trộm trâu bò, ai ném trâu bò chết xuống sông thì xử tội Đầu độc giết người giảm hai bậc. Lý dịch và láng giềng không tố giác thì phân biệt xử theo tội Giấu diếm việc gian và Địa phương răn sức không nghiêm.

0502. Mở khoa thi Hương (khoa này giải ngạch đều chiều theo khoa trước, duy trường Thừa Thiên có nhiều người phụ thí nên lấy thêm 1 Cử nhân 3 Tú tài, trường Hà Nam chiều lệ khoa Tân mã lấy thêm 4 Cử nhân 12 Tú tài để rộng ân điển).

0503. Tháng 5. Phủ Thừa Thiên có bệnh dịch, sai quan phủ cấp thuốc chữa trị.

0504. Chuẩn định phạm người Tây tới các tỉnh khẩn đất làm ruộng phải chiếu lệ đã thi hành ở Bắc Kỳ mà làm (lệ đã thi hành ở Bắc Kỳ quy định phạm người Tây thuê mướn người Nam khai khẩn canh tác đều có cấp giấy ghi rõ tên họ ngày tháng, trong hạn phải trình với quý Tòa phê chuẩn đóng dấu và quan tỉnh chấp chiếu, thuê bao nhiều người với điều kiện gì thì người ấy tự chịu, phải theo (1) ý dân các xã, không được bắt ép như làm sưu dịch).

(1) Nguyên bản chép là “y” (ây), có chỗ tối nghĩa, ngờ là “y” (theo) bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

0505. Quý Giám quốc nước Đại Pháp Carnot mất, gởi điện văn an ủi (theo lệ treo cờ ở giữa cột cờ, đình ca nhạc ba ngày). Giám quốc mới Casimir Périer (nguyên là Thượng thư bộ Ngoại giao kiêm đứng đầu Tòa Thượng thư các bộ) nối giữ chính sự, lại sai làm thư chúc mừng.

0506. Lập đàn tế vong hồn. Lúc đầu bộ Lễ tâu nói năm Hàm Nghi thứ 1 kinh thành có việc, lần ấy những người gặp nạn binh đao phơi xác ngổn ngang, lâu năm biến thành lửa hồn quấy nhiễu dân cư, đến nỗi nhiều khi phát hỏa, xin lập đàn trong thành, mỗi năm trí tế một lần để an ủi vong hồn. Bèn chuẩn chọn đất trước Nha Hộ thành dựng đàn, hàng năm đến ngày 24 tháng 5 trí tế (phủ Thừa Thiên mua sắm lễ vật, Đề đốc Nha Hộ thành sung chức Khâm mệnh ban tế), bắt đầu từ năm ấy.

0507. Ban sắc khen thưởng những người có lòng tu sửa phần mộ của Kinh Môn quận công Nguyễn Văn Nhon, lại sai khắc việc ấy vào bia (Lời sắc thư đại lược nói “Mộ của cố quận công Nguyễn Văn Nhon ở thôn Tân Đông, gần đây bị nước sông xói lở, may nhờ Toàn quyền đại thần De Lanessan, Nguyên soái Nam Kỳ Fourès (1) và các quan người Pháp người Nam như bọn Đốc phủ Trần Văn Trường kêu gọi quyền góp được tới 3.000 đồng, di táng tới nơi yên ổn. Nghĩ cố quận công là công thần trung hưng của bản quốc, ngày trước từ Sa Đéc (2) ứng nghĩa lập công chép ở kỳ thường (3), tài lược mưu mô lưu trong sử sách. Quý đại thần nghĩ tới bề tôi công huân hàng trăm năm trước, chọn đất tốt đắp mộ cao, xương nghị hồn trung được yên nơi suối vàng, cỏ thu dương trắng tránh khỏi cảnh thê lương, nói tới việc chân tâm hiếu nghĩa thì người xưa đắp mộ đề bia nghĩ cũng không hơn được. Xem tờ tâu thấy rất nên khen thưởng, sai bề tôi ở bộ chép ra khắc vào bia đá, lưu mãi không mất), là quý Tòa gởi thư tới xin, nên sắc ban thưởng.

(1) Nguyên bản viết là “Phó Yết” (phía sau có chỗ viết là “Phu Liệt”, “Phu Ra”, “Phu Gie Si” nhưng cũng là một người), tức Augustin Juline Fourès. Nhân vật này giữ chức Thống đốc Nam Kỳ (Gouverneur de la Cochinchine) lần thứ hai từ 1892 đến 1895, sau đó giữ chức Phó Toàn quyền Đông Dương, khi Paul Armand Rousseau chết tạm giữ chức Toàn quyền Đông Dương từ tháng 12. 1896 đến 13. 2. 1897, sau đó giữ chức Phó Toàn quyền Đông Dương, lúc Toàn quyền Đông Dương Doumer về Pháp lần thứ nhất thì giữ chức Quyền Toàn quyền Đông Dương từ 29. 8. 1898 đến 21. 1. 1899.

(2) Nguyên bản viết là “Sa Đích”.

(3) Kỳ thường: tức cờ kỳ và cờ thường, tên hai loại cờ trong quân lễ thời cổ dùng để ghi công lao của các võ tướng, sau dùng chỉ quân công nói chung.

0508. Tháng 6. Ban dụ sai kính soạn *Thực lục Chính biên Đế lục kỷ*. Trước là bề tôi Quốc sử quán tâu nói “Cảnh tông Thuần hoàng đế ở ngôi hơn ba năm, ngoài hòa mục với lân bang, trong giữ yên cho lê thứ, duy trì được toàn cục, nghĩ nên theo lệ soạn tiếp *Thực lục Chính biên Đế lục kỷ*, cùng các kỷ *Tiền biên* và *Chính biên* về liệt thánh cùng làm tín sử”, đã chuẩn cho thi hành. Đến lúc ấy lại xuống dụ nói “Từ xưa thánh đế minh vương sự hưng

thịnh của một đời ắt có sử của một đời làm gương cho muôn thuở. Nước ta mở nghiệp ở phương nam, thánh thần nối nhau, tâm pháp trị pháp chép ở *Tiền biên*, quả là tín sử. *Thực lục Chính biên đệ nhất kỷ* về Thế tổ Cao hoàng đế, *Thực lục Chính biên đệ nhị kỷ* về Thánh tổ Nhân hoàng đế, *Thực lục Chính biên đệ tam kỷ* về Hiến tổ Chương hoàng đế, *Thực lục Chính biên đệ tứ kỷ* về Dục tông Anh hoàng đế, *Thực lục Chính biên đệ ngũ kỷ* về Giản tông Nghị hoàng đế ta đã lần lượt biên soạn thành sách, đưa vào kho sử, tốt thay sáng thay! Văn mô vũ lược, vĩ tích phong công ghi vào sử sách có thể truyền lại đủ làm phép tắc. Cảnh tông Thuần hoàng đế ta vận hội trùng hanh, thiên tư thượng triết. Ba năm nối ngôi thống vừa gặp lúc sau cơn biến loạn, mà ngoài hòa mục với lân bang, trong giữ yên cho lễ thứ, thiện chính rõ ràng để lại cho người sau vô cùng đầy đủ. Nên theo thứ tự biên chép làm *Thực lục Chính biên* để cùng *Tiền biên* và *Chính biên* các kỷ lưu lại mãi mãi. Gần đây xem lời tâu của bề tôi Quốc sử quán thấy có chỗ hợp, những việc cần làm đều cho bề tôi bộ Lễ bàn rõ tâu lên chờ chuẩn cho thi hành. Sử thần các người đều nên gia tâm kê cứu biên tập cho sớm thành sách để thỏa ý kế thuật của ta”. Bèn sai bộ Lễ bàn nghị nghi thức, kính tuân lệ năm Kiến Phúc thứ 1 sai Khâm thiên giám chọn ngày tốt, lấy ngày 8 tháng sau bắt đầu.

0509. Lấy Thượng thư bộ Hộ sung Kinh diên giảng quan kiêm quản Văn thân Phò mã Trương Như Cương sung Cơ mật viện đại thần, Thự Thượng thư bộ Công Đào Tấn thì chuẩn cho thực thụ.

0510. Thự Tuần phủ lãnh Bồ chánh Nghệ An Trần Khánh Tiến sinh sự bị giải chức chờ xét (Khánh Tiến quê ở Hà Tĩnh, người ta nói thường có thư từ qua lại với giặc cướp ở Hà Tĩnh, như gởi tặng quế và gắm lụa các khoản), kế chuẩn giải lên kinh giam giữ. Về sau đến tháng 4 năm thứ 7 chuẩn cho theo Quốc sử quán chịu sai phái, đến tháng 3 năm thứ 10 chuẩn cho khai phục nguyên hàm hưu trí (chiều lệ cấp tiền hưu bổng đồng niên 800 quan).

0511. Đặt đạo Bình Kinh (vốn thuộc tỉnh Lạng Sơn, nay trích phủ Trường Định đổi làm 10 tổng châu Thất Khê, phủ Trường Khánh đổi làm 5 tổng châu Ôn, 8 tổng châu Văn Uyên, 6 tổng châu Lộc Bình, 1 tổng 3 xã huyện Hữu Lũng cùng 3 tổng châu Cao Lộc mới đặt, tất cả hơn 7 châu huyện 38 tổng (1) đặt làm đạo mới, dùng người bản địa cai quản trị lý).

(1) Nguyên bản chép chỉ có 6 châu huyện và 33 tổng, ngờ là bị chép sót.

0512. Vua vì Viên ngoại ty Cận tín Ngô Oánh theo hầu lúc còn ở tiềm đề (1) là người thuần hậu cẩn thận nên phê chuẩn cho thăng Thị giảng học sĩ, Biện lý sự vụ bộ Lại. Quan trực là Thự Tham tri bộ Lễ Trần Chi Tín, Tham biện Nội các Nguyễn Gia Thoại dâng tờ tâu nói Oánh được thăng hàm Chánh Thất phẩm đổi lãnh Viên ngoại mới hơn hai năm, nhiều lần đội ơn thăng thưởng, nay lại thăng ngay lên ấn quan, e không phải là tuân thủ quy lệ mà thận trọng danh khí, bèn thôi.

(1) *Tiềm đề*: chỉ thái tử lúc chưa lên ngôi vua.

0513. Mùa thu, tháng 7. Kinh kỳ bị hạn lâu ngày. Quan phủ là Huỳnh Côn tới đền Quan Công (ở xã Trạc Linh) thành kính cầu đảo được mưa, chuẩn thưởng kỷ lục hai thứ, một đồng kim tiền Nhị nghị.

0514. Ban dụ sai Hộ chính trừ tính ngân sách. Lúc bấy giờ Khâm sứ đại thần Boulloche bàn việc thu chi của bản quốc và quý quốc nên hợp làm một sổ. Bề tôi Cơ mật viện bàn nói việc thu chi của bản quốc và quý quốc hợp làm một sổ thì rất không tiện, nhưng nếu được quý Khâm sứ giúp đỡ Hộ chính thì chắc sẽ có ích, xin phụng dụ chuẩn cho thi hành. Bèn ban dụ nói “Việc lớn trong chính sự không gì hơn tiết chế tiêu dùng, tiêu dùng đầy đủ không gì quan trọng bằng làm cho dân dư dật. Cho nên người khéo tính toán cho nước ắt theo số nhập vào mà chi ra, đều có điều lý, dân không phải gánh vác thêm mà đều được ích lợi, việc chính trị xưa nay đều theo đạo ấy. Bản quốc nhiều năm nay việc Hộ chính còn quá sơ sài, chưa được chặt chẽ, đến nỗi quốc dụng còn thiếu mà chính trị thương dân có chỗ còn chưa làm được, rất nên một phen trừ hoạch. Chuẩn phạm thu chi trong năm trước tiên theo sổ sách năm trước dự trừ bản bạc đóng lại thành tập để tiện tra chiếu và thu chi có mức. Nay Trú kinh Khâm sứ đại thần Boulloche tài cán tinh minh, xử sự công bình, thường theo ý tốt của thượng quốc giúp đỡ bản quốc, chuẩn cho quý đại thần giúp lo việc Hộ chính của bản quốc. Phạm dự toán thu chi thì mỗi tháng bộ Hộ đệ lên Phủ Phụ chính duyệt qua rồi đệ lên quý đại thần chấp chiếu để tiện trừ tính. Nếu số chi trong năm còn thừa thì Phủ Phụ chính và Cơ mật viện nên bàn với quý đại thần thu xếp, hoặc lưu lại trong kho để thêm dành dụm, hoặc chước lượng tha thuế thiếu và chẩn tế dân bị điêu hác, hoặc chước lượng tăng lương bổng cho quan lại, hoặc trích ra sung vào các việc xây dựng có ích cần làm. Phạm những việc phải làm có ích cho bản quốc, Phủ Phụ chính và Cơ mật viện nghĩ tới mà hợp ý quý đại thần, những điều quý đại thần bàn định mà Phủ Phụ chính và Cơ mật viện cũng hợp ý, hai bên thỏa thuận thì lập tức tâu lên trước chuẩn cho thi hành, ngõ hầu việc Hộ chính được sửa sang, quốc dụng tạm đủ mà chính trị làm lợi cho dân cũng được thực hiện, việc dân khang vật phụ có thể hện ngày mà tăng tiến, là điều trăm rất mong mỏi vậy”. Kế lại thân định biểu mẫu hàng tháng, chuẩn sao ra cho thi hành (một biểu mẫu hàng tháng của nha Mổ: tiền tháng trước còn bao nhiêu, trong tháng mới thu tổng cộng bao nhiêu, trong tháng chi ra bao nhiêu, trong đó chi khoản nào bao nhiêu, hiện còn bao nhiêu, thu chi việc gì vì sao bao nhiêu vẫn phải có biên bản nhật ký ghi rõ từng ngày. Biểu mẫu hàng tháng ấy phải nạp lên trong thượng tuần tháng sau, cuối năm phải nạp lên trong trung tuần tháng giêng. Nếu chậm trễ thì chiếu lệ mới về việc Kê trình văn thư - chậm một ngày đánh 30 roi, chậm

một tháng đánh 70 trương, chậm hai tháng thì thêm một bậc, tội chỉ đánh tới 100 trương. Lại dịch phải chịu tội trước tiên, còn tá lãnh đường quan thì giảm xuống). Tổng sách thu chi năm ấy là 10.817.928 quan.

0515. Lãnh Tuần phủ Hà Tĩnh Nguyễn Vĩ xin định ra các khoản thưởng phạt để phạt giặc cướp. Cơ mật viện bàn bạc tham khảo châm chước tâu lên, chuẩn tâu cho các tỉnh Trị Bình Thanh Nghệ tuân hành (Một khoản nguyên nghĩ xử phạt thân thuộc của đầu mục giặc cướp để tang từ hạng đại công trở lên (1) hạn trong một tháng không tuân theo chỉ dụ thì chiếu án kết tội, bề tôi Cơ mật viện đổi xin chỉ phạt cha mẹ vợ con anh em ruột, còn những người thân thuộc khác thì không bắt để tránh liên lụy cho nhiều người. Một khoản nguyên nghĩ xử phạt hào mục ở các xã thôn quê quán đầu mục giặc cướp, nếu dụ dỗ ra đầu thú hay bắt giải thân thuộc của giặc cướp, chỉ ra mộ giặc cướp mới được chước lượng, nếu bắt lợc thì lập tức xóa bỏ tên xã, hộ tịch đình điền chia ghép vào xã khác, nghiêm trị hào lý, bề tôi Cơ mật viện nghĩ chuẩn y. Một khoản nguyên nghĩ đốc thúc những Tiến sĩ Phó bảng Cử nhân tuổi tác sức khỏe có thể làm việc trong tỉnh tới kinh chờ lệnh còn quan lại về hưu, Tú tài, những người được thưởng hàm cùng tổng lý mới cũ và xã dân hơi có tài sản thì phải dò xét canh phòng bắt giặc, nếu hư ứng thì nghiêm trị, bề tôi Cơ mật viện nghĩ nên miễn cho xã dân hơi có tài sản và quan lại về hưu cùng quan viên chức sắc. Một khoản nguyên nghĩ tổng lý hào mục có ai ngầm đóng thuế quyền tiền cho giặc, bị phát giác thì lập tức đem ra kết án xử quyết, thân thích đều bị khép tội, bề tôi Cơ mật viện nghĩ khép tội thân thích e có nhiều người bị oan uổng, nên miễn. Một khoản nguyên nghĩ bắt kẻ quan lại thân hào tổng lý sĩ dân, ai bắt được đầu mục và bình đình giặc cướp thì chiếu theo số thưởng cấp mà thu lại ở quê quán tù phạm để bù vào, bề tôi Cơ mật viện nghĩ thấy quá đáng, xin tham chiếu lời nghị năm Đồng Khánh thứ 1 bàn lệ khen thưởng. Một khoản nguyên nghĩ đầu mục bình đình giặc cướp ngầm ngầm quấy nhiễu ở xã thôn nào mà hào lý giấu diếm không chịu bắt giải, bị người khác dò xét bắt được thì phạt xã thôn ấy 1.000 hay 500 đồng, hào lý và người che giấu đều bị nghiêm trị, phủ huyện không thể tra xét bẩm báo cũng phân biệt xử tội, bề tôi Cơ mật viện nghĩ chuẩn y).

(1) *Để tang từ hạng đại công trở lên*: Lễ chế ngày xưa căn cứ vào mức độ thân sơ với người chết đặt ra ngũ phục tức năm loại tang phục gồm trăm thôi, tề thôi, tư thôi, đại công, tiểu công, mỗi loại đều có quy định chi tiết về hình thức tang phục, thời gian để tang..., trong đó trăm thôi (áo tang sổ gấu) và tề thôi (áo tang may gấu) là loại đại tang.

0516. Lệnh cho quan các tỉnh Bình Phú Thuận Khánh sức cho các thương hộ nghiệp hộ trở đi phàm đồn hạ cây gỗ chớ vào Nam Kỳ thì chiều dài đường kính phải theo như Nghị định của Toàn quyền (điều lệ chớ gỗ ván ở nơi khác vào Nam Kỳ) để được lưu thông.

0517. Chia đặt châu Thường Xuân (thuộc tỉnh Thanh Hóa) làm 2 châu (châu ấy thế đất xa rộng, Cầm Bá Thước hiện đang ẩn núp ở đó, bèn chuẩn cho quyền nghi đặt chức Tri châu để tiện kinh lý).

0518. Ngày Tân sửu, kính gặp lễ tứ tuần đại khánh của Từ minh Huệ hoàng hậu. Trước đó ban dụ bỏ cáo cho trong ngoài. Lời dụ nói “Từ xưa vua sáng đức lớn, hiếu phụng Đông Triều, Trường Lạc thừa hoan, Trường Ninh ghi tiết, là điều long trọng nhất của lễ, to lớn nhất của điển. Kính nghĩ Hoàng thái hậu bệ hạ ta: Khuôn phép quẻ Khôn, hơi thơm cửa đức. Trước ở Thanh cung giúp hoàng khảo ta, đức lớn lòng lành thương yêu con nhỏ, nuôi dưỡng dạy bảo đến lúc thành người. Đến nay nối nghiệp to này, được hầu ẩm mát (1), may được trời ban phúc đức, miếu xã yên bình. Ngày 27 tháng 7 năm nay kính gặp dịp tứ tuần đại khánh, Tôn nhân Phụ chính đình thân văn vũ cùng xin chiếu lệ trước nay thi hành, trẫm kính vâng từ huân có ý khiêm tốn át đi, nhưng ý nguyện tôn thân khởi từ mọi người, đã đem việc tâu lên, lại tâu với cung Gia Thọ, cung Trường Ninh xét. Những việc cần làm thì sai hữu ty tham khảo châm chước tâu lên cho tuân hành, ngõ hầu nêu rõ đức hiền, trái lòng báo hiếu”. Đầu xuân năm nay theo lệ ban ân chiếu, bèn sai bộ Lễ kính nghĩ nghi thức (tham chiếu nghi thức lễ lục tuần đại khánh tiết của Trang ý Thuận hiếu Thái Hoàng thái hậu năm Đồng Khánh thứ 2 châm chước thi hành), Khâm thiên giám chọn ngày tốt sai quan tế cáo với Thái miếu. Đến hôm ấy vua đích thân suất lãnh phủ Tôn nhân và đình thân văn vũ tới cung Từ Nghi làm lễ mừng thọ. Lễ xong, ban ân chiếu cho trong ngoài (13 điều).

(1) Nguyên bản chép là “thân phụng ôn thanh”, là “thân phụng ôn lương” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

0519. Tấn phong Tuy Lý quận vương Miên Trinh là Tuy Lý vương, Hoài Đức công Miên Lâm là Hoài Đức quận vương, vẫn sung Phụ chính thân thần (lương bổng chuẩn cho tham chiếu liệu lý, tiền bổng đồng niên của Tuy Lý vương là 16.400 quan, của Hoài Đức quận vương là 13.100 quan).

0520. Tháng 8. Bàn định việc kinh lý cương giới vùng thượng du, tất cả năm khoản (Khoản 1: từ vùng thượng du các tỉnh Trị Bình Nghệ Tĩnh thẳng tới sông Khung nghĩ chia làm hai đạo, lý sở đặt ở các hạt Song Khôn, Cam Môn. Đạo Song Khôn thống quản chín châu ở Cam Lộ (Mường vanh, Na Bôn, Thượng Kế, Tầm Bôn, Xương Thịnh, Tá Bang, Lang Thìn, Mường Đãi, Ba Lan (1)), đạo Cam Môn thống quản các phủ Trấn Định (Cam Môn, Cam Cát, Cam Linh), Lạc Biên (Lạc Hoàn), Trấn Tĩnh (Yên Sơn, Mộng Sơn, Nguyên Thuộc). Khoản 2: nước Bảo hộ phái quan đại diện quản lý, mỗi đạo một người, theo sự thống thuộc của Trú kinh Khâm sứ đại thần. Huyện châu thuộc hai đạo ấy đều chuẩn lời nghị trong niên hiệu Minh Mạng đặt Thổ Tri châu Thổ Tri huyện, Huyện thừa thì do các huyện châu ấy bảo cử, vẫn do triều đình Đại Nam và Trú kinh Khâm sứ đại thần đại diện Đại Pháp chuẩn y,

chiều lệ thu nạp thuế theo nhân số, mỗi người 2 tiền (khoảng 2 quan), do quan viên Đại Pháp ở hai đạo ấy chiếu số thu nhận giao cho hai nước theo lệ thuế tạp ngạch. Khoản 3: nước Đại Nam chiếu lệ dịch trạm trên quan lộ chức lượng đặt hai đường dịch trạm mới thông tới sông Khung, trong đó một đường từ Cam Lộ tới Ai Lao, Na Bôn, Lang Thìn lên Song Khôn, một đường từ Nghệ An đi Hà Trai, Long Mã tới các sở Cam Môn. Khoản 4: lương bổng của quan lại thuộc viên ở đó và việc chia đặt quân hiệu tuần phòng do quan quản hai đạo ấy sai phái sẽ có lời nghị riêng. Khoản 5: Trú kinh Khâm sứ đại thần chiếu biện). Kế lại bản định trở đi phạm việc vận tải xây dựng khoản nào nên chi xuất tiền của quý khổ và nên do bản quốc cấp phát bao nhiêu đều do bản quốc và quý quốc thỏa thuận.

(1) Trong các địa danh trên đây có một số nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

0521. Bản định lệ quan binh đi công cán và tới nhiệm sở bằng tàu máy (Khoản 1: quan Nhất Nhị Tam phẩm được đi vé hạng nhất, tùy tùng mang theo thì Nhất phẩm 5 người, Nhị phẩm 3 người, Tam phẩm 2 người đều đi vé hạng ba. Khoản 2: quan Tứ Ngũ Lục phẩm được đi vé hạng hai, tùy tùng mang theo thì ấn quan Tứ phẩm 2 người, thuộc viên Tứ Ngũ Lục phẩm 1 người đều đi vé hạng ba. Khoản 3: quan viên Thất Bát Cửu phẩm được đi vé hạng ba, trong đó Thất phẩm được 1 người tùy tùng, cũng đi vé hạng ba. Khoản 4: phạm quan viên cần đi tàu không được như lệ trước nay tự tới xin quý Tòa cấp vé nữa. Ở kinh thì do Cơ mật viện, ở tỉnh ngoài thì do quan tỉnh tư cho quý Tòa chiếu cấp, đều có đóng ấn xác nhận theo lệ. Khoản 5: Phủ Phụ chính, Cơ mật viện, ấn quan nếu có ủy nhiệm người đi lại công cán thì đến lúc ấy tư cho quý Tòa chiếu biện. Trở xuống là giá cước. Từ Đà Nẵng tới Hải Dương, Hải Phòng vé hạng nhất giá cước và tiền ăn (trở xuống cũng thế) tiền Tây (1) là 55 quan 7 mạch 3 tiền, vé hạng hai 40 quan 5 mạch 3 tiền, vé hạng ba 20 quan 2 mạch 7 tiền, vé hạng ba không có tiền ăn là 15 quan 2 mạch. Từ Đà Nẵng tới Quy Nhơn vé hạng nhất giá cước và tiền ăn (trở xuống cũng thế) tiền Tây là 32 quan 6 mạch 4 tiền, vé hạng hai 32 quan 7 mạch 4 tiền, hạng ba 11 quan 8 mạch 8 tiền, vé hạng ba không có tiền ăn là 8 quan 9 mạch. Từ Đà Nẵng tới Sài Gòn vé hạng nhất giá cước và tiền ăn (trở xuống cũng thế) tiền Tây là 98 quan 9 tiền, vé hạng hai 71 quan 3 mạch 4 tiền, vé hạng ba 35 quan 6 mạch 6 tiền, vé hạng ba không có tiền ăn là 20 quan 7 mạch 5 tiền. Từ Hải Dương, Hải Phòng tới Sài Gòn vé hạng nhất giá cước và tiền ăn (trở xuống cũng thế) tiền Tây là 153 quan 8 mạch 2 tiền, vé hạng hai 111 quan 8 mạch 7 tiền, vé hạng ba 55 quan 9 mạch 5 tiền, vé hạng ba không có tiền ăn là 41 quan 9 mạch 5 tiền). Về sau đến tháng 8 năm thứ 8 chuẩn cho ấn quan từ chức về hưu chiếu lệ cấp ngựa trạm vé tàu nhưng đều giảm một bậc, đáng cấp vé hạng nhất thì giảm xuống cấp vé hạng hai, đáng cấp vé hạng hai thì giảm xuống cấp vé hạng ba để tỏ ra là có phân biệt.

(1) *Tiền Tây*: Nguyên bản chép là “Tây tiền”, có lẽ giá vé tàu máy ở đây tính bằng đồng franc của Pháp nhưng gọi tên bằng các đơn vị quan, mạch, văn (tiền) của tiền tệ triều Nguyễn, ví dụ 55 quan 7 mạch 3 tiền chính là 55 francs 73 cents.

0522. Đàng giặc đốt phá huyện Nông Công (thuộc tỉnh Thanh Hóa). Lúc bấy giờ quan quân tiến tới thượng du đánh bắt Chăm Bá Thuộc, đàng ấy lên tới hạt ấy quấy phá, cướp lấy lương tiền giấy tờ, đánh tháo tù phạm. Tin báo về, sai quan tỉnh bàn bạc khẩn cấp phái người dò xét tước nã, cốt phải phá án.

0523. Vua phê chuẩn cho Trần Hoảng Cương lãnh Tri huyện huyện Bồ Trạch. Bộ Lại vì Tri huyện đương nhiệm (1) nghị về quê lo việc tang cho vợ chưa phải là khuyết, Hoảng Cương lại là thí sai xuất thân, phẩm hàm còn thấp (Điện tịch), dưới tên chưa có lời nhận xét kham nổi chức trách bèn tâu lên. Vua phê nói “Cương có công dạy em trăm, ban cho chức ấy cũng không phải quá đáng, nếu phê mà các anh ở bộ không theo lời phê cũng được”. Về sau bề tôi ở bộ là bọn Đoàn Văn Hội, Tạ Thúc Dĩnh dâng sớ nhận lỗi. Vua phê trong phiến tấu của Thúc Dĩnh “Khanh không có lỗi”.

(1) Nguyên bản chép là “Tri huyện Tạ Thúc Dĩnh”, ngờ là bị lầm vì vào thời điểm này Tạ Thúc Dĩnh đang làm Tham tri bộ Lễ, đây tạm lược tên người thay bằng chữ “đương nhiệm” để chờ tìm hiểu thêm.

0524. Tháng 9. Chuẩn cho Phụ chính đại thần Nguyễn Trọng Hợp, Trương Quang Đản, Phụ đạo đại thần Bùi Ân Niên đều sung Kinh diên giảng quan. Lệ trước nay Kinh diên đều lấy đại thần sung vào, ba viên đại thần ấy thường vào hầu giảng mà chưa đội ơn được trao hàm ấy. Thân thần Miên Trinh, Miên Lâm tâu xin chuẩn gia thêm hàm ấy để tỏ ý đòi hỏi thành hiệu, bèn theo lời.

0525. Quyền Toàn quyền đại thần Chavassieux về nước, sai Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Binh Nguyễn Thuật mang sắc thư tới Đà Nẵng đưa tiễn.

0526. Chuẩn trích giải đồng ở hầm Trang Liệt qua Cục Thông báo. Nha ấy vừa đặt, đã giao cho đồng Chủ Lai và đồng Tự Long nhưng là lần đầu nên khó đúc. Bộ Hộ xin mở hầm đồng ở Trang Liệt (vốn cất giữ 62.901 cân, trích ra 43.763 cân), trích giải lần đầu để tiện đúc tiền, bèn theo lời (về sau lại xin lấy 19.138 cân trích giải đúc tiếp).

0527. Ban cấp sắc thần cho các địa phương. Lúc đầu bộ Lễ xin chiếu lời nghị các năm Thành Thái thứ 1 và thứ 2 (Một khoản: cùng một thần hiệu đã phong cho xã khác mà chưa phong cho xã này, xin so lại đều cấp cho sắc

chỉ sắc văn. Một khoản: những thần mà sự tích đúng là chính thần xin phong vào hạng trung và đẳng thần. Một khoản: những thần sự tích mai một chưa rõ ràng nhưng dân khai là linh ứng, danh hiệu nhã chính, xin phong là Linh phù chi thần. Một khoản: cùng một xã một thần hiệu mà phát sinh thêm thôn giáp phường khu đã hoặc chưa chia ân triện sổ sách nhưng có đền thần riêng, xin đều cấp cho một đạo sắc văn. Một khoản: các bề tôi bản triều và những thần xét ra sự tích mờ昧, danh hiệu thô tục quê mùa, xin đều đình lại không phong) kiểm tra thi hành, đến lúc ấy sắc thần đã viết xong, chuẩn cho ban cấp.

0528. Nha Kinh lược lấy Nguyễn Lương (Chánh Cửu phẩm thư lại thí sai thăng vượt bậc lên hàm Tùng Lục phẩm) làm quyền Án sát sứ Cao Bằng. Bộ Lại cho rằng quá lạm, nhưng vì việc đã bàn định thỏa thuận nên tâu lên, chuẩn cho thi hành.

0529. Mùa đông, tháng 10. Kính dâng cung Từ Thọ 5.000 đồng, cung Trường Ninh 3.000 đồng. Gần đây hai cung xuất tiền tu sửa đền thờ họ ngoại, chi phí rất nhiều mà ngoài các khoản tiền đầu xuân khánh tiết theo lệ thì chưa dâng thêm khoản nào, bề tôi Phủ Phụ chính xin trích tiền Phủ Nội vụ dâng lên để sung vào việc chi dùng.

0530. Chuẩn cho Văn miếu ngoài kinh hàng năm trí tế vào hai tháng trọng xuân trọng thu, bắt đầu từ năm nay. Trước kia Văn miếu theo lệ hàng năm trí tế vào hai tháng trọng xuân trọng thu, đến năm Đồng Khánh thứ 1 chúc lượng thu tế một lần, năm Thành Thái thứ 2 nghị định xuân tế một lần, đến lúc ấy bề tôi Phủ Phụ chính xin khôi phục cựu chương để làm sáng điển lễ, theo như lời tâu.

0531. Sắc trở đi phiên tấu tâu việc phải ghi rõ ngày nào tháng nào, không được dùng các từ “khứ” (trước đây), “lai” (sắp tới), “tạc” (hôm trước), “tư” (nay).

0532. Toàn quyền đại thần De Lanessan trở lại Đà Nẵng rồi tới Bắc Kỳ (vì Bắc Kỳ nhiều việc quan trọng khẩn cấp chưa tiện tới kinh yết kiến), sai bọn Phụ chính đại thần Nguyễn Trọng Hợp mang dụ tới Đà Nẵng thăm hỏi ủy lạo và bàn bạc các việc (lúc Trọng Hợp tới Đà Nẵng cùng Tổng đốc Nguyễn Hữu Thăng bàn bạc hỏi han việc công, xét được tình hình tệ đoan những nhiễu của nhân viên Hộ tào Thương chính bèn dâng sớ về xin do tỉnh xét trị, lại sao lục thông báo cho các tỉnh nghiêm xét. Lại các sắc thuế chính cung khác trước nay vì chỉ phái Hộ tào biên thu và đốc thúc trung thu quá nhiều danh mục nên rất phiền nhiễu, xin do bộ Hộ bàn bạc cho ổn thỏa để trừ bỏ mối tệ).

0533. Đầu đảng giặc là Bạch Xi bị bắt. Bạch Xi người xã Hòa Ninh (1) tỉnh Quảng Bình, tên Đoàn Chí Tuân, dùng thuật số sấm vĩ mê hoặc mọi người, tụ họp đồ đảng ẩn núp ở thượng du, từng chống cự quan quân, đến lúc ấy quan tỉnh Nghệ An phái Suất đội Vũ Lâm Mật tước nã bắt được cùng ba người đồng đảng và thu được cờ quạt (một đề “Thiên bắc Thăng Long”, một đề “Thiên địa trình kỳ”) cùng súng ống giấy tờ các hạng. Tin báo về, sai bàn bạc cùng tra hỏi nghiêm trị. Tổng đốc Hồ Lệ và các quan viên có công đều được khen thưởng theo thứ bậc khác nhau.

(1) Nguyên bản chép là “Ninh Hòa”, là “Hòa Ninh” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

0534. Lúc bấy giờ phủ hạt Thừa Thiên liên tiếp phát sinh án cướp, bề tôi Đô sát viện là bọn Huỳnh Vĩ cho rằng chức trách Kinh triệu ắt phải nghiêm minh giữ phép, trộm cướp sẽ yên. Hạt ấy từ tháng chạp năm trước đến nay xảy ra tới bảy tám vụ cướp mà hoặc gượng gạo nói là trộm, hoặc giấu diếm không báo lên, trước nay chưa từng tìm bắt, chỉ nhận lỗi để qua chuyện, xin do bộ Hình tuân sắc (tháng 3 năm trước vâng ý chỉ) nghị xử để tuân thủ phép công. Lại xin do quan phủ ấy xét khám các Tri huyện ai ốm yếu nhu nhược không kham nổi chức vụ hoặc tham nhũng làm hại dân thì lập tức tham hặc trị tội, ngõ hầu quan dùng đúng người, dân được yên nghiệp. Vua nói “Đúng là rất hay”. Sau đó bộ Hình nghị xử quan phủ và các Tri huyện đều bị giáng cấp nhiều ít khác nhau, lại ra kỳ hạn nghiêm ngặt trong vòng ba tháng phải ra sức tước nã phá án để dứt rễ ác, làm yên địa phương.

0535. Tháng 11. Sai bề tôi Phủ Phụ chính làm thư gọi tới Toàn quyền đại thần bàn xin các khoản (Khoản 1: điều 2 khoản 4 trong sổ thu chi của bản quốc nói trích thuế tạp ngạch giao cho bản quốc một phần ba (hơn 19.961 đồng), lưu lại ở quý khổ dự chi cho các công việc xây dựng ở Đại Nam, nhưng chi vào việc gì thì bản quốc chưa được biết rõ. Khoản 2 (1): điều 3 khoản 4 trong sổ thu chi của bản quốc nói chúc lượng trích trong tiền thuế của bản quốc 1.500.000 quan, tính ra là 250.000 đồng sung vào các việc xây dựng lớn ở Đại Nam, xin giao khoản ấy cho quốc khổ bản quốc. Khoản 3: các đường ở thượng du Ai Lao xin chi ra 20.000 đồng giao cho quý Đốc công thuê hay bản quốc mộ dân phu mà làm. Khoản 4: dịch trạm ở thượng du vùng Cam Lộ phải đặt 13 dịch trạm, lương bổng của phu trạm mỗi năm cần khoản 6.000 đồng thì do ai chịu. Khoản 5: Quý Khâm sứ bàn ở kinh đặt thêm Công sứ, ở Quảng Ngãi đặt thêm Phó Công sứ, Công sứ ở Quảng Bình dời tới đóng ở Quảng Trị, nhưng ở kinh trước nay không đặt Công sứ, đặt thêm thì bất tiện, Quảng Ngãi là tỉnh nhỏ việc ít, ở Quảng Bình thì Tòa sứ đã xây dựng xong, đặt thêm dời đi e rất phiền phức. Khoản 6: tạp thuế năm trước đã bàn định số của bản quốc là 89.884 đồng 99 xu (2) nhưng quý Thương chính chưa giao lại. Khoản 7: khoản tiền Bắc Kỳ trích chớ về phải khấu trừ các khoản thuế ở 12 tỉnh từ Thanh Hóa trở vào nam xin xem lại châm chúc. Khoản 8: Nha Kinh lược nghị trích hai tổng thuộc huyện Thanh Trì sáp nhập vào huyện Vĩnh Thuận thì Nguyễn Trọng Hợp đã bàn với Nha Kinh lược trình lên xem xét. Khoản 9: các nơi lăng tẩm miếu điện của bản quốc gần đây quý quan tới tham quan thường tới trước bảo khám âm ỉ sấm sồ, trong lòng không yên, xin thông sớ cho các quý quan đều biết và cấp giấy cho năm nơi đều như một để quý quan không làm trái lễ tục của bản quốc). Về sau Toàn quyền đại thần trả lời nói Khoản 1:

khoản thuế tạp ngạch trích giao một phần ba chỉ sung vào việc chi cho các công việc xây dựng ở Đại Nam, không nên chuyển qua dùng vào việc khác. Khoản 2: 250.000 đồng sung vào các việc xây dựng lớn ở Đại Nam do quốc khố Đại Nam giữ nhưng lần lượt trích giao cho Bảo hộ chi tiêu, vẫn phải do quý Khâm sứ bàn định, quý Toàn quyền duyệt y mới được. Khoản 3: đường ở thượng du Ai Lao nên trích khoản ấy chi ra, cũng phải bàn định thỏa thuận duyệt y mới làm. Khoản 4: chi phí cho các dịch trạm từ Ai Lao tới Sông Khôn (3) do Bảo hộ nhận chịu nhưng trong đó có một hai khoản nghĩ có thể làm thì Nam triều cũng không nên từ chối. Khoản ấy do quan Giám đốc Điện báo chọn đất đặt dịch trạm, vẫn không được chi tiêu quá nhiều và khiến dân gánh vác nặng nề, quan Giám đốc cũng phải suy nghĩ cho ổn thỏa. Về việc Nam triều gửi thư đã có quan Khâm sứ quản lãnh. Khoản 5: theo như lời bàn. Khoản 6: tạp thuế năm trước đã sức giao ngay, đã gửi điện văn báo thông tri, còn ngạch tạp thuế năm nay cũng giao ngay nhưng Nam triều và Khâm sứ phải chiếu theo khoản 1 bàn định mà làm. Khoản 7: số 20.000 đồng thuế tạp ngạch mà Nha Kinh lược nhận so với nghị định có chỗ sai trái, sẽ sức riêng cho biết để thi hành, không hiểu lắm nữa, trở đi chi phí của Nha Kinh lược nên do ngân sách Bắc Kỳ chia chịu. Khoản 8: ba Thị vệ nịnh hót dẫn đường chuẩn cho miễn tội sung quân. Khoản 9 khoản 10 (3) đều theo như lời bàn.

- (1) Nguyên bản chép là “tam khoản”, là “nhị khoản” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.
- (2) 99 xu: nguyên văn là “cửu mao cửu tiên” (9 hào 9 xu). Trở đi trong những trường hợp loại này chúng tôi nhất loạt quy về đơn vị xu.
- (3) Điều này nêu ra 10 khoản Nam triều đề nghị và Toàn quyền Đông Dương phúc đáp, nhưng từ khoản 8 trở đi thì lời đề nghị và lời phúc đáp lại không ăn khớp, ngờ là nguyên bản bị chép sót chép lầm, đây tạm dịch theo đúng nguyên bản chờ tìm hiểu thêm.

0536. In sách *Trần thị Tùng chính di quy* cấp cho các địa phương trong kinh ngoài tỉnh. Trần thị ngũ quy (gồm 5 phần *Dưỡng chính*, *Giáo nữ*, *Huấn tục*, *Tùng chính* và *Tại quan pháp giới*) một bộ là do Trần Hoàng Mưu người Quảng Tây Trung Quốc biên soạn, năm trước Như Yên Phó sứ Trần Văn Chuẩn mua về đã khắc bản cất ở Sứ quán, đến lúc ấy Phụ chính đại thần cho rằng *Tùng chính di quy* đều là chuyện quan trọng cần thiết đối với người làm quan tâu xin ban hành, theo như lời tâu.

0537. Bọn côn đồ ở Quảng Ngãi gây sự (một bọn xông vào Sở Điện báo bị quan Pháp bắn lui, một bọn xông vào tấn Cỗ Lũy giết quan Thương chính, cướp đoạt tài vật), sai quan tỉnh hội đồng với Sơn phòng sứ chia đường truy nã và quan hai tỉnh Bình Định Quảng Nam lân cận theo ranh giới chặn bắt. Lại chuẩn cho Tham tri bộ Binh sung Thương biện Cơ mật viện Lê Trinh làm Khâm sai mang quan binh tới hội đồng tiến tiêu để làm yên địa phương (về sau theo lời bêu tội Khâm sai tư nói tra xét ra đảng ấy là Đề đốc giặc Vũ cử Nguyễn Văn Vịnh và Lãnh binh giặc Nguyễn Nhự mỗi người đứng đầu một bọn, kẻ bắt được Đề đốc giặc Nguyễn Văn Vịnh và đầu mục giặc là bọn Nguyễn Lâm Phụ, Nguyễn Nhự, còn dư đảng đều đã chính pháp, những việc về sau nên do tỉnh ấy thu xếp, sau đó bêu tội Khâm sai về kinh phục mệnh. Kế nghị xử quan tỉnh và phủ huyện đều bị cách giáng nhiều ít khác nhau).

0538. Trú kinh Khâm sứ đại thần Bay (1) mới tới, sai quan mời tiếp như lệ (kế sai Thượng thư bộ Lễ Tôn Thất Vịnh mang tặng đại thần một tấm kim khánh hạng lớn).

- (1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “*bi + phi*”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp và thời gian tại nhiệm của nhân vật này.

0539. Tháng 12. Kính gặp đại lễ thăng phụ, trước đó sai bộ Lễ bàn rõ nghi thức (1) tuân chiếu lệ năm Đồng Khánh thứ 2, bèn sai Khâm thiên giám chọn ngày tốt tể cáo với Thái miếu. Đến hôm ấy (ngày Mậu thân) kính đưa Giản tông Nghị hoàng đế lên thăng phụ ở án thứ hai bên phải trong Thế miếu (2), Cảnh tông Thuần hoàng đế lên thăng phụ ở án thứ ba bên trái trong Thế miếu. Làm lễ xong, thiết triều nhận chúc mừng, ban ân chiếu cho trong ngoài (tất cả 8 điều).

- (1) Nguyên bản chép là “tường nghi (nghi = *nhân + nghĩa*) nghi chú”, là “tường nghị (nghị = *ngôn + nghĩa*) nghi chú” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.
- (2) *Thế miếu*: tức miếu thờ Thế tổ Cao hoàng đế Nguyễn Ánh, tức vua Gia Long của triều Nguyễn,

0540. Toàn quyền đại thần De Lanessan về nước, sai Phụ chính đại thần Trương Quang Đản, Biện lý bộ Lại Hồng Khảng mang sắc thư tới Đà Nẵng đưa tiễn. Thống sứ Bắc Kỳ Rodier quyền coi việc phủ Toàn quyền, sắc cho Cơ mật viện gửi điện văn thăm hỏi.

0541. Khởi phục Hồng lô tự thiếu khanh nguyên lãnh Sơn phòng sứ Quảng Trị Trần Đình Phác làm Khâm phái cùng quý Giám đốc Điện báo Đề Lạc (1) tới tra khám vùng thượng du hạt Quảng Trị (từ Mai Lĩnh tới bảo Trấn Lao, lại từ bảo Trấn Lao tới đạo Sông Khôn) chức lượng địa thế đặt dịch trạm. Lúc bấy giờ quý Tòa bàn tìm một viên siêng năng lão luyện cùng làm việc, Đình Phác khá am hiểu vùng thượng du hạt Quảng Trị nên ủy nhiệm

cho chức ấy (quý Giám đốc lại luân phiên tới phủ Thừa Thiên và các tỉnh Bình Phú Nam Ngãi tra khám, chuẩn thường một tấm kim khánh hạng lớn).

(1) Nguyên bản chép là “Đề Lạc”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0542. Sai in sách *Hội điển* của bản triều cấp cho các tỉnh trong ngoài và các bộ nha. Trước là tháng 10 năm Đồng Khánh thứ 1 nguyên Kinh lược sứ Bắc Kỳ (hiện là Phụ chính đại thần) Nguyễn Trọng Hợp dâng sớ nói sách *Hội điển* của bản triều trước kia đã vâng lệnh ban hành, gần đây vì có việc nên mất mát, duy tỉnh Thanh Hóa còn giữ một bộ, xin theo nguyên bản đính chính khắc in cấp phát. Sau đó đến tháng 10 năm Thành Thái thứ 4 khắc ván xong, Tổng đốc Hà Nội Trần Lưu Huệ báo lên bộ, lại sớ in thử một bộ gửi về do bộ kiểm lại những chỗ sai sót. Đến lúc ấy đã kiểm lại xong, sai in ra 50 bộ gửi về ban cấp (trong đó 44 bộ cấp cho Lục bộ chư nha và 12 phủ tỉnh từ Thanh Hóa trở vào nam, 6 bộ cấp cho Nha Kinh lược và 5 tỉnh lớn Hà Nội, Nam Định, Bắc Ninh, Hải Dương, Sơn Tây), ván in (hiện lưu ở đình thôn Thọ Nam huyện Thọ Xương) thì chở về kinh.

Quyển 7

0543. Năm Ất mùi Thành Thái thứ 7 (1895 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Tế xuân hương, sai quan kính thay làm lễ.

0544. Phụ chính đại thần Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lại sung Cơ mật viện đại thần Đoàn Văn Hội chết (ân cấp tiền tuất 200 lượng bạc và sa mát vài gấm các hạng).

0545. Người Lào tới kinh buôn bán. Trước là Khâm sứ đại thần Bay tư nói quan quản đồn Song Khôn nghĩ đem người Lào, người Diên Điện và người Thanh mang các hạng trâu bò thổ sản tới kinh buôn bán, lại muốn mua các hàng hóa của nước ta và của nước Thanh, nên mở hội chợ ngày nào, mua bán hàng gì thì báo lại. Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho bàn bạc thi hành, bèn thông tri cho các phủ tỉnh cùng biết, lại chọn bến sông Trường Tiền làm hội chợ, lấy ngày 21 tháng 1 mở hội. Đến lúc ấy người Lào tới kinh buôn bán, chuẩn trích các hạng ngân tiền ban cấp để tỏ ý thương mến người xa.

0546. Thương định phàm lúa gạo chở ra khỏi các tẩn của bản quốc thu thêm 5 xu (gạo xuất cảng mỗi tạ (1) tiền thuế cộng 30 xu, bắt đầu từ tháng này). Tẩn nào không đặt Thương chính thì cấm chở gạo ra (để gạo lúa không bị chở đi quá nhiều và không chở lậu).

(1) Tạ: tức “tạ tạ” ở Việt Nam thời trước, khoảng 60,7 kg.

0547. Các hạt ở Thừa Thiên báo có dịch lệ, sai chế các thuốc hoàn tán theo kinh nghiệm và sao chép bổ cáo phương thuốc chữa trị cho sớm để chữa bệnh cho dân.

0548. Tháng 2. Toàn quyền đại thần Rousseau (1) mới tới (tới Sài Gòn rồi ra Bắc Kỳ). Sai Thượng thư bộ Binh Nguyễn Thuật, Thượng thư bộ Lễ Tôn Thất Vịnh tới Đà Nẵng thăm hỏi, lại mang thư bàn bạc các khoản (Khoản 1: Đại Pháp cùng Nam triều ngày càng thân thiết để ngày càng có nhiều lợi ích. Khoản 2: tiền thuế ở Bắc Kỳ chở về kinh hiện đang cần chi phí nhiều chưa dám nói tới, duy tiền thuế ở các tỉnh từ Thanh Hóa trở vào nam xin do bản quốc sung vào kho để chi dùng. Khoản 3: năm Thành Thái thứ 6 (1894 Tây lịch) trích lưu 250.000 đồng của bản quốc nhập vào Đại Công cục, ngân sách chi thu năm sau xin đình khoản ấy. Khoản 4: bàn cách tiểu trừ giặc cướp ở thượng du Nghệ An Hà Tĩnh. Khoản 5: các khoản kinh lý vùng thượng du Ai Lao như làm đường vận tải nên trích tiền ở Đại Công cục chi tiêu. Khoản 6: trở lên là lược cử vài điều, còn lợi ích chung của hai nước xin giúp đỡ hết để được ổn thỏa xong việc). Về sau Toàn quyền đại thần trả lời nói khoản 1 thì Đại Pháp cùng Đại Nam đồng tâm để trong nước ngày càng thịnh lợi. Khoản 2 thì tiền thuế ở Bắc Kỳ chở về kinh hiện chưa thể chiếu theo điều ước giao lại, phải chờ triều đình nước Pháp cung cấp toàn bộ lương bổng cho quan binh ở Bắc Kỳ mới được sung vào kho. Khoản 3 thì tiền thuế ở 13 phủ tỉnh vẫn do Nam triều thu, còn thuế tạp ngạch những năm trước thì năm rồi đã sớ giao lại, trở đi chia làm ba phần, một phần giao cho Bảo hộ, một phần sung chi việc xây dựng ở 12 tỉnh, tới như 250.000 đồng năm rồi Nam triều trích giao đã điện cho Trú kinh Khâm sứ cùng chi làm. Khoản 4 thì việc tiểu trừ giặc cướp ở thượng du Nghệ An, Hà Tĩnh chờ tới kinh sẽ bàn định riêng. Khoản 5 việc kinh lược làm đường ở thượng du từ Ai Lao tới Song Khôn rất có lợi, đã giao cho Khâm sứ 117.000 đồng để trừ biện. Khoản 6 thì ngày khác quý đại thần tới kinh sẽ bàn bạc các việc lợi ích, chắc sẽ đồng tâm cùng làm.

(1) Nguyên bản viết là “Du Sô”, tức Paul Armand Rousseau. Nhân vật này giữ chức Toàn quyền Đông Dương từ tháng 2. 1895 đến tháng 12. 1896.

0549. Quan năm Thủy sư nước Nga La Tư Hề Vinh Ky (1) và ba viên quan hai tới kinh, sai bề tôi Cơ mật viện thăm hỏi, đến khi về chuẩn tặng mỗi người một tấm kim khánh (quan năm hạng hai, quan hai hạng ba). Nước Nga giao hiếu với nước Đại Pháp, đôi với nước ta cũng là nước bạn nên tặng để tỏ ý hòa hiếu.

(1) Nguyên bản viết là “Hề Vinh Ky”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Nga.

0550. Tù phát phối ở Lao Bảo trốn thoát (khoảng hơn 300 người). Tin báo về, sai Chương vệ Tuyển phong Trần Hữu Viêt đem quân lính súng ống hiệp cùng quân Sơn phòng ở tỉnh chia đường chặn bắt (lần lượt bắt được hơn 50 người đều đem chính pháp. Về sau Cơ mật viện thấy số bị chính pháp nhiều quá rất đáng thương nên xin trừ những người chống cự lúc bị bắt và vốn có nhiều tội ác, đều theo nguyên án tăng niên hạn lên gấp đôi, xiềng khóa bắt làm lao dịch).

0551. Quan hai đóng ở đồn Kiêm Ích Xa Ma Lãng (1) đánh đồn giặc Trạch (thuộc vùng rừng Cây Khế (2) ở Hà Tĩnh) bị giặc phục kích bắn chết, Phó Quản lính tập Trần Di suất lãnh quân lính cự chiến đuổi bắn đoạt lại được xác quan đồn đem về, chuẩn thưởng cho có thứ bậc khác nhau.

(1) Nguyên bản viết là “Xa Ma Lãng”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

0552. Thân định rõ lệ quan viên bị bệnh cáo quan và hồi ty (trở đi phạm quan viên trong kinh ngoài tỉnh từ Tứ phẩm trở xuống có ai bị bệnh cáo quan thì do thượng ty xét thực cho nghỉ một tháng chữa trị, khỏi bệnh lại cung chức như cũ. Nếu hết hạn vẫn chưa khỏi bệnh thì lập tức chọn người khác sung vào chức khuyết để tránh bỏ bê công việc. Còn việc hồi ty chiếu theo lời nghị các năm Thiệu Trị thứ 4 và thứ 6 thi hành).

0553. Tháng 3. Chuẩn cho Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Binh Nguyễn Thuật đổi lãnh Thượng thư bộ Lễ (thay thế nguyên Thượng thư Đoàn Văn Hội bệnh chết), sung hàm vẫn như cũ. Chức vụ bị khuyết ở bộ Binh thì bề tôi phủ Phụ chính tâu xin lấy Tả Đô Ngự sử Huỳnh Vĩ đổi lãnh. Sau phụng lời phê lấy Tổng đốc Bình Phú Nguyễn Thân lãnh chức ấy, chức khuyết ở Bình Phú giao cho phủ Phụ chính chọn người bổ vào, Huỳnh Vĩ vẫn giữ chức cũ. Về sau Khâm sứ đại thần Bay gởi thư nói Toàn quyền đại thần nghĩ không nên chuẩn y việc lấy Tổng đốc Bình Phú Nguyễn Thân làm Thượng thư bộ Binh, ngày khác quý đại thần tới kinh sẽ tâu lên cử người, chức viên ấy đang mưu tính việc lợi ích cho nước, chức Thượng thư bộ Binh bị khuyết nên chọn người khác sung vào thay thế, còn Tả Đô Ngự sử (1) Huỳnh Vĩ vừa đội ơn thăng chức, nên cho giữ chức cũ thì hợp, bèn lấy Tham tri bộ ấy là bọn Lê Trinh quyền coi việc bộ.

(1) Nguyên bản chép là “Tả Phó Đô Ngự sử”, là “Tả Đô Ngự sử” bị chép lầm, đây đính lại như trên. Xem điều 0436.

0554. Sửa chùa ở núi Thúy Vân, lấy Chương vệ Hồng Đơn trông coi công việc.

0555. Bãi bỏ Ty Công tác (đã đặt vệ Doanh thiện nên bãi).

0556. Xây dựng bệnh viện (1) (chọn chỗ rộng ở trại Thủy sư, tháo dỡ gỗ ván kho Vũ khố dời tới xây dựng). Lúc đầu Khâm sứ đại thần Bay tư nói hiện nay nhân dân nhiều người tới bệnh viện chữa bệnh, nghĩ nên xây thêm nhà dưỡng bệnh để tiện cư trú, bèn sai quan phủ Thừa Thiên hội đồng với quan thầy thuốc Pháp khám xét thi hành (tháng 6 năm ấy làm xong, thông tư yết sức cho quan lại binh dân có ai bị bệnh bị cảm thì 8 giờ sáng mỗi ngày tới đó khám bệnh chữa trị, nếu muốn ở lại cũng cho, chiếu số cấp thuốc).

(1) Nguyên bản chép là “Y bệnh sở”.

0557. Quan tỉnh Quảng Bình báo tin giặc cướp (bọn giặc khoảng 500 người đều cầm súng ống khí giới xông tới địa phận Cơ Sa. Lãnh binh Sơn phòng cùng quan ba tiền quân tới thôn Đa Năng, thẳng tới xứ Ma Lâm đánh nhau với giặc, bọn giặc bị chết khá nhiều, lính tập cũng có thương vong, kể lui về thôn Đa Năng chính bị binh lương tiếp tục đánh dẹp). Sai quan tỉnh hết lòng bàn bạc tìm cách đánh bắt không để lan rộng ra (sau lại báo tin bọn giặc đốt phá phủ nha Quảng Trạch, bèn sai Chương vệ Trần Hữu Viêt đóng ở tỉnh Quảng Trị quản lãnh tiêu binh và binh pháo tăng phái tiền quân chặn đánh, lại sai quan tỉnh bàn phái lính tập hiệp đồng đánh bắt. Kế lại chuẩn cho Phó Lãnh binh quân thứ Nghệ An Vũ Văn Hy lãnh chức Lãnh binh Sơn phòng tỉnh ấy tới tìm cơ đánh dẹp. Kế Trần Hữu Viêt vì không có ý giúp đỡ bị Trú sứ trách tội triệt hồi, chuẩn lấy Chương vệ Nguyễn Viêt Hữu đổi bổ làm Phó Đề đốc quản lãnh quân đạo ấy tiến đánh. Vũ Văn Hy vì kém cỏi bị Công sứ Trị Bình Ô Sát (1) triệt hồi, lấy Vệ úy Phan Văn Cương thay thế).

(1) Nguyên bản viết là “Ô Sát”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0558. Ngày Thanh minh, ngự giá tới Khiêm lăng, An lăng chiêm bái.

0559. Ngày Đinh Hợi (ngày 16) tế miếu Lịch đại đế vương, ngự giá tới làm lễ. Lúc đầu vâng lời dụ nói “Miếu Lịch đại đế vương là theo lệ hàng năm sai quan hành lễ. Trẫm lúc mới nối ngôi ngựa tuân thành điển, rất nên cử hành lễ to để tỏ thành kính. Theo ngày tốt Khâm thiên giám chọn, lấy ngày Đinh Hợi 16 tháng sau tới tế là ngày tốt, chiều hôm trước trẫm theo đường sông khởi hành, tới bến sông ấy thì đỗ lại, vẫn trên ngự chu. Đến giờ tế kính tới hành lễ, sai hữu ty kính cẩn tuân biện, lại sai bộ Lễ kính nghĩ nghĩ thức, tham chiếu lệ năm Tự Đức thứ 4 mà làm”. Đến hôm ấy ngự giá tới hành lễ, lễ xong hồi loạn.

0560. Chuẩn cấp 4.000 quan tiền kho cho Quý hương tu sửa đình vũ. Đình vũ ở Quý hương Gia Miêu (1) ngoại trang có hai ngôi, nguyên là trước kia dựng riêng, qua các đời Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức nhiều lần đội ơn được ban cấp tiền công để tu sửa (tháng 11 năm Minh Mạng thứ 15 cấp 500 quan, tháng 5 năm Thiệu Trị thứ 2 cấp 200 quan, tháng 2 năm Tự Đức thứ 34 cấp 1.000 quan). Đến lúc ấy đột nát, các kỳ lão trình xin cấp tiền, Tổng đốc Vương Duy Trinh làm tập tâu dâng lên, đặc biệt cấp cho.

(1) Nguyên bản chép là “Nha Miêu”, là “Gia Miêu” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

0561. Năm ấy thi Hội (Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lại Nguyễn Thuật sung Chủ khảo, Hàn lâm viện Trực học sĩ sung Toàn tu Quốc sử quán Nguyễn Quán làm Phó, có 278 người dự thi, theo lệ chia làm hai vi, từ Quảng Bình trở vào nam làm vi Giáp, từ Hà Tĩnh trở ra bắc làm vi Ất, các viên Giáo thụ Chánh Lục phẩm cũng đều cho được dự thi, ai qua ba kỳ được 7 phân thì ra ơn cho xếp ở cuối hạng thứ trúng cách), lấy ngày 1 tháng 5 thi Điện (Thượng thư bộ Hình Nguyễn Thượng Phiên, Tham tri bộ Lại Bùi Duy Thụy sung Độc quyền, Tham biện Các vụ Nguyễn Gia Thoại, Toàn tu Quốc sử quán Ngô Huệ Liên sung Duyệt quyền). Ngày 11 truyền lô ra bảng, lấy đỗ 7 người là bọn Đệ nhị giáp Tiến sĩ Trần Đình Sĩ, Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ Nguyễn Đức Huy (12 Phó bảng là bọn Hoàng Mậu).

0562. Giám quốc mới nước Pháp (1) nổi giữ việc chính sự, thiết triều ở điện Thái Hòa chúc mừng (Khâm sứ đại thần đích thân mang quốc thư tiến trình, tuyên đọc chúc từ, vâng lời ngự đáp chúc mừng), sai Cơ mật viện làm quốc thư đệ đạt.

(1) Túc Félix Faure, giữ chức Tổng thống Pháp từ 17. 1. 1895 đến 16. 2. 1899, chết lúc đương nhiệm.

0563. Mùa hạ, tháng 4. Chuẩn triển hoãn việc duyệt tuyển ở các hạt Thừa Thiên Nam Ngãi Trị Bình Thanh Hóa An Tĩnh đến khóa sau. Lúc bấy giờ Tổng đốc Thanh Hóa Vương Duy Trinh vì vùng thượng du và các xã thôn ở phủ huyện trung châu hạt ấy liên tiếp xiêu tán bèn tư lên, bèn tâu Phủ Phụ chính cho rằng tỉnh ấy và các hạt Thừa Thiên Nam Ngãi Trị Bình An Tĩnh hoặc đang gấp việc đánh bắt, hoặc đang bận việc xây dựng, tình hình gần giống nhau, xin đều triển hoãn, vẫn do quan phủ quan tỉnh nghiêm sức các phủ huyện phạm có việc thì bớt đi cho dân để được yên việc nông tang, sớm được khởi sắc, bèn nghe theo.

0564. Trú kinh Thống binh Bô Vi Gie (1) về nước, chuẩn trích tặng một đồng kim tiền Long văn hạng lớn và phẩm vật các hạng.

(1) Nguyên bản viết là “Trú kinh Thống sứ Bô Vi Gie”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp, đồng thời mấy chữ “Trú kinh Thống sứ” có chỗ vô lý, ngờ là “Trú kinh Thống binh” bị chép lầm, đây tạm đính như trên.

0565. Lại lấy Tham tri bộ Công Đào Hữu Ích làm Tuần phủ Trị Bình (thay nguyên Tuần phủ Nguyễn Văn Thịnh về kinh chờ bổ). Hạt ấy có việc kinh lý thượng du rất quan trọng, Hữu Ích trước từng làm Tuần phủ ở đó, am hiểu tình hình nên lại sai giữ chức.

0566. Tu bổ đền thờ Anh Duệ hoàng thái tử (sai bộ Công và phủ Thừa Thiên khám nghĩ trừ tính, giao cho người lo việc thờ cúng là Anh Nhu lãnh tiền chi làm, theo thời hạn bảo trì).

0567. Đầu đảng giặc ở Thanh Hóa là Cầm Bá Thước bị bắt. Bá Thước là đầu đảng giặc trọng yếu ở Thanh Hóa, tụ tập đồ đảng chiếm cứ vùng thượng du, ra vào không thường, dân địa phương nhiều lần bị hại. Trước đã tìm đủ cách chiêu dụ tước nã, đến lúc ấy quân lính tập Marlier (1) bắt được. Sai quan tỉnh hỏi cung làm thành tập tâu kinh đệ về. Kế chuẩn thưởng cho Trú sứ Đô Phi Ninh một tấm kim khánh hạng nhất, Công sứ tiền nhiệm Bí Tĩnh (2) một đồng kim tiền Phi long hạng vừa và thưởng các quý quan kim khánh kim tiền các hạng. Lại chuẩn trích tiền kho (2.786 đồng) thưởng cho những người bắt được đầu mục đảng giặc (bọn Đinh Công Tài, Đề Lăng, Lãnh Thuận của giặc) trước kia có thứ bậc khác nhau.

(1) Nguyên bản viết là “Ma Đi Ê”, tức viên sĩ quan Pháp giữ chức Giám binh chỉ huy trận đánh cuối cùng của quân Pháp vào căn cứ Cầm Bá Thước tháng 5. 1895.

(2) Nguyên bản viết là “Bí Tĩnh”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0568. Nguyên lãnh Bộ chánh sứ Quảng Yên Nguyễn Tiến hồi lộ quý Công sứ xin được bổ chức Bộ chánh Bắc Ninh. Việc lộ ra, quan Nha Kinh lược Hoàng Cao Khải nghĩ việc làm của Tiến là mất thể thống xin giáng xuống Quang lộc tự thiếu khanh (nguyên hàm là Hồng lô tự khanh), đình bổ một năm. Quan trực ở Nội các là bọn Vũ Duy Tĩnh, Lưu Đức Xứng tâu xin cho mang hàm bị giáng về hưu, không được bổ dụng nữa, về sau có phát giác ra loại người như thế phải xét rõ theo luật xử tội để làm trong sạch quan trường, chuẩn cho như lời nghị (về sau Nha Kinh lược bàn bổ Tiến làm Án sát sứ Hải Dương, lời nghị ấy cũng bị chìm đi).

0569. Chuẩn cho Biện lý bộ Lại Tôn Thất Thiệm kiêm quản Hữu Tôn khanh coi Phủ Tôn nhân, đình sung Kinh diên nhật giảng quan. Thiệm dâng sớ nói giúp đỡ thành toàn đức của nhà vua không gì bằng Kinh diên, viên ấy lạm dự vào việc giảng học, biết không xứng đáng nên rất lo sợ. Nay đội ơn chuẩn cho đình hàm giảng quan, tấm lòng quyền luyến không thể kìm được, chỉ mong thánh học cao minh, nóng rét đều không gián đoạn, trên làm vui lòng ba cung, dưới dứt lời bàn chia rẽ để không khiến các bề tôi trễ nãi lười biếng. Lại vào những hôm giảng học rảnh rỗi nên cùng hai ba đại thần và các nho thần nói thêm công việc trên đời, bàn rộng tình hình ở ngoài, cốt sao sáng tỏ tất cả đại thể hoàn cầu, lợi hại quốc gia, lấy thiên tư thông minh trời cho, ra sức theo kế sách tự cường tự trị, thi học vẫn minh quân theo đó tăng tiến, mệnh lệnh thánh vương có chỗ thi hành, làm thỏa lòng mong mỏi của thần dân thì không hiền hơn là giỏi chuyện khác sao! Vua nhận lời tâu.

0570. Sách *Minh Mạng chính yếu* hoàn thành, sai in cấp cho hoàng thân, ấn quan trong ngoài và Quốc tử giám cùng các học đường đều một bộ.

0571. Sai bốn tỉnh Bình Tĩnh Nghệ Thanh đều chọn tuyển 1 Quân cơ, 5 Suất đội, 200 quân trong ban đổi đóng thú (quân Quảng Bình đóng thú ở Nghệ An, quân Nghệ An đóng thú ở Quảng Bình, quân Hà Tĩnh đóng thú ở Thanh Hóa, quân Thanh Hóa đóng thú ở Hà Tĩnh). Vì bốn tỉnh hiện chưa yên ổn nên đổi đóng thú để dứt tuyệt việc thông đồng (về sau đến tháng 8 có khi vì đổi đóng thú phiền phức, có khi vì phải đi đóng thú khó khăn nên đình).

0572. Tháng 5. Trú kinh Khâm sứ đại thần Bay về nước (quý quan A Lê (1) quyền thay), chuẩn trích phẩm vật tặng cho. Khâm sứ cũ Briere lại tới, sai quan mời tiếp như lệ.

(1) Nguyên bản viết là “A Lê”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0573. Toàn quyền đại thần Rousseau tới kinh vào yết kiến, sai Phủ Phụ chính và Cơ mật viện bàn bạc các khoản (Khoản 1: ngăn chặn trừ diệt đảng giặc ở tỉnh Hà Tĩnh. Khoản 2 (1): giúp cho Sơn phòng tỉnh Quảng Bình 1.000 khẩu súng mở lòng (2) để tiện phòng giữ. Khoản 3: ba Thổ huyện Sầm Nưa (3), Sầm Tớ, Man Duy vốn thuộc Thanh Hóa, về sau quý Khâm sứ trích lệ vào Long Phụ Na nhưng ba huyện ấy thuộc tỉnh Thanh Hóa đã lâu, thổ dân đã ở yên, xin vẫn giữ như cũ. Khoản 4: mỏ than Nông Sơn ở Quảng Nam bắt đầu cho lãnh trưng từ năm 1881 đến 1909 (nguyên hạn 29 năm), mãn hạn xin giao lại cho bản quốc, nên cho trưng biện thể nào hai nước sẽ hội đồng bàn riêng, khoản này đã bàn nhưng chưa trả lời. Khoản 5: vùng thượng du Quảng Trị nên giải tiền gạo chi cấp cho dân phu và tu sửa bảo Trấn Lao và đường Hải Vân, bản quốc xin ra sức lo liệu, về chi phí xin trích khoản một phần ba thuế tạp ngạch để chi. Khoản 6: việc Lương giáo ở Nghệ An Hà Tĩnh xin tư cho Công sứ các tỉnh bình tĩnh thẩm xét liệu lý để được ổn thỏa). Quý đại thần lại đưa các thức phẩm vật (bình pha và chén uống cà phê (4) cùng vài vóc thượng hạng cung tiến, sai trích phẩm vật trong kho tặng đáp.

(1) Nguyên bản chép là “Đệ tam khoản”, là “Đệ nhị khoản” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

(2) *Súng mở lòng*: Nguyên bản chép là “khai phúc pháo”, tức loại súng phương Tây nạp đạn bên cạnh phía sau thân súng.

(3) Nguyên bản viết là “Sầm Na”.

(4) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

0574. Dự định thể lệ Lại chính Hộ chính. Lời dụ nói “Bản quốc cùng nước Đại Pháp giao thiệp công việc có nhiều quan hệ với nhau, rất nên cùng lòng một ý bàn định thi hành cho được ổn thỏa xong việc. Nay theo các khoản về hội đồng mà Phụ chính đại thần Rheinart nguyên nghĩ, mỗi tuần định ngày họp bàn. Lại hai bộ Lại Hộ dùng người lo tiền đều rất quan trọng, nghĩ nên ủy nhiệm hai vị quý quan cùng bộ hội biện để biết rõ. Lại trở đi quý đại thần vào yết kiến xin được giản dị, lâm thời cần bàn việc với Tôn nhân đình thần cũng cho được tiện lợi để dễ chiếu lệ bàn việc với phủ Phụ chính và Cơ mật viện. Các khoản ấy đã qua quý Toàn quyền đại thần đồng ý, đã chuẩn cho phủ Phụ chính cùng Cơ mật viện bàn định ổn thỏa tâu lên. Nay về khoản hội đồng chiếu như trước đây mỗi tuần hội thương hai lần. Lại các khoản quý Khâm sứ vào yết kiến và hội thương bàn việc với Tôn nhân đình thần đều như lời bàn mà làm. Khoản Hội biện bộ Lại và bộ Hộ trong đó nhiều điều phức tạp phải chằm chước bàn bạc để làm. Bộ Lại trừ việc bỏ từ Thất phẩm (trong kinh là Tư vụ, Biên tu, ngoài tỉnh là Kinh lịch) trở lên cùng chọn quan Chương án Khoa đạo phải dâng phiến tấu chờ chuẩn y và Công sứ ở tỉnh có cần bổ chức nào khuyết nên hội thương với quý quan Hội biện. Còn lại từ Bát phẩm trở xuống cùng các việc chiếu theo lệ thường vẫn do bộ chiếu biện. Sổ sách thu chi cuối tháng cuối năm của bộ Hộ và các thứ thuế cho phép lãnh trưng, phạm những việc trọng đại sự nên cùng quý quan Hội biện bàn bạc, còn lại các khoản theo như lệ thường biện lý cũng do bộ nghĩ để các việc lớn nhỏ đều có thứ tự, không gặp phiền phức trở ngại để hợp chính thể. Mà việc trị lý như thế là hai nước

thành toàn cho nhau, bản quốc nhờ vào sự giúp đỡ của đại quốc mà có tiến bộ ích lợi, các quan hữu ty đừng ôm thiên kiến, theo thể lệ mà làm việc cho tốt, đó là điều quan trọng nhất”. Kế bản định lấy Phó Công sứ Bùi Như (1) làm Hội biện Lại bộ, Chương án Đo Xa (2) làm Hội biện Hộ bộ, hai bộ Lại Hộ có Hội biện là bắt đầu từ đó (về sau đến tháng 8 năm thứ 8 lại bản định Bát Cửu phẩm văn giai nếu có khuyết thì do Lại chọn bổ, như có ai (3) quý đại thần xét thấy không hợp gạt ra thì nên đình bổ, bản lại để thay thế).

(1) Nguyên bản viết là “Bùi Như”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) Nguyên bản viết là “Đo Xa”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(3) Nguyên bản chép là “như hữu như nhân”, là “như hữu hà nhân” bị chép lầm, đây dính lại và dịch như trên.

0575. Trú sứ tỉnh Thái Bình trích cấp (1) cho xã Thái Đường (150 đồng) tu sửa đền thờ và lảng tâm các vua nhà Trần (tặng cấp tiền tế hàng năm 60 quan, bỏ 4 người sai phu, ngày tế quan tỉnh đích thân tới tế). Tin báo về, chuẩn truyền chỉ khen thưởng.

(1) Nguyên bản chép là “Thái Bình tỉnh trú tỉnh trích cấp”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “Thái Bình tỉnh Trú sứ trích cấp” bị chép lầm, đây tạm đính và dịch như trên.

0576. Bộ Hình tâu xin trở đi phạm trong ngoài kinh thành (trừ những vụ có quan hệ tới việc giao thiệp cùng những vụ xin do bộ ấy tra xét) như bắt được trộm cướp thì do Nha Hộ thành giải giao cho phủ Thừa Thiên, xử án xong đưa lên bộ ấy duyệt xong mới chiếu lệ giao cho Đô sát viện phúc duyệt để hợp với thể chế, theo như lời tâu.

0577. Tháng 5 nhuận. Sai Tổng đốc Bình Phú (1) Nguyễn Thân sung Khâm mệnh Tiết chế quân vụ đại thần. Lúc đầu là Toàn quyền đại thần Rousseau, Khâm sứ đại thần Briere bản nói tình hình Hà Tĩnh hiện chưa yên ổn, Nguyễn Thân vốn thạo việc quân, xin chuẩn sung làm Khâm sai tới đó trừ hoạch làm việc để sớm được yên ổn, bèn ban dụ cho thi hành. Lời dụ nói “Đế vương ngày xưa bắt giặc yên lương, ban ơn cho dân (2) ắt có trọng thần chuyên lo việc ngoài cửa khỏ để tuyên dương đức lớn, tỏ rõ oai vua, giữ lặng phong cương mà làm yên lẽ thứ vậy. Trẫm từ khi lên ngôi đến nay luôn nghĩ tới việc bảo vệ cho dân mà thôi. Các tỉnh Hữu Trục kỳ địa thế sơn phận liên nhau, trong đó thượng du Hà Tĩnh Nghệ An lại càng hiểm yếu. Từ sau khi có việc biến động, đầu đảng giặc cướp lấy rừng núi kéo dài hơi tàn, tụ tập đồ đảng ra vào quấy nhiễu, hại dân đã lâu. Đã từng nghiêm trách sai quan các tỉnh ấy ra sức thu xếp, lại chọn phái kinh binh để giúp đánh bắt nhưng khe sâu huyệt hiểm nên dây dưa ngày tháng, gần đây đảng ấy lại xông vào địa giới tỉnh Quảng Bình, từ đó cướp giã kết đảng lan ra gây họa cho địa phương, vốn nên một phen trừ diệt để được yên ổn. Hôm trước theo lời phủ Phụ chính bản xin chọn trong thần thu xếp, các vị đại thần quý Toàn quyền quý Khâm sứ đều đã bàn bạc thỏa thuận các lẽ tâu lên, trẫm giờ xem thấy có chỗ hợp ý. Nay cho Thự Hiệp biện Đại học sĩ lãnh Tổng đốc Bình Phú Diên Lộc nam Nguyễn Thân thực thụ Hiệp biện Đại học sĩ, Khâm mệnh Tiết chế quân vụ đại thần tới coi việc tiểu phủ ở các hạt từ Quảng Bình tới Thanh Hóa thuộc Hữu Trục kỳ, chuẩn cho lãnh quan phòng kiểm ký, chọn ngày ra quân, trẫm sẽ ngự ra điện Cần Chánh đích thân ban cho mao tiết cùng Thượng phương kim kiếm, chuẩn cho tiện nghi hành sự. Phạm những việc liên quan tới quân vụ cơ nghi thì quan các tỉnh ấy từ Tổng đốc Tuần phủ trở xuống phạm Khâm mệnh đại thần tư làm việc gì cũng phải theo lệnh, nếu làm trái chậm trễ hay quan cách này khác báo về sẽ lập tức tham hặc nghiêm trị để nghiêm phép công. Mà việc này quyền nghi dùng các viên Tham tá thì cho chọn người tâu lên thu xếp, còn cần bao nhiêu quân lính súng ống nên bàn bạc trình qua quý đại thần và quý Công sứ thu xếp giúp đỡ. Và lại nhận mệnh làm tướng (3) chức chương cực cao, Khanh vốn thạo việc quân, từng lập công lao, nên thi triển mưu hay, ra tay trừ hoạch, những nơi quân tới thôn xóm yên bình, giặc cướp im hơi, dân đều vui vẻ, sớm giết hết bọn đầu sỏ để các hạt ấy nhất loạt yên ổn, mộ đắp kinh nghệ, đầm yên hồng nhận, từ đó cùng vui yên tĩnh, mãi được thanh bình để đáp đền thành ý ủy nhiệm trách thành, là điều trẫm rất mong mỏi vậy”. Dụ ban xuống, Thân bèn chọn bọn Tán lý (Nguyễn Gia Thoại, Lê Khiết), Thương biện (Ngô Đình Khả), Tán tương (Lê Văn Trung, Nguyễn Kiện, Tạ Tương), Đề đốc (Văn Tiên Hùng), Lãnh binh (Lê Chân, Nguyễn Văn), Phó Lãnh binh (Đoàn Văn Cân, Phạm Cát), Tham biện (Nguyễn Xuân Triêm, Hồ Phúc), Bang biện (Nguyễn Hiến Dĩnh), đều chuẩn cho theo đạo Khâm mệnh chịu tiết chế. Chuyến đi này chuẩn cho mang theo 1.000 lính tập, 500 quân, 2 Quân vệ, 10 Suất đội trong quân Sơn phòng Nghĩa Định và 50 quân, 1 Suất đội kinh binh sung làm tùy tùng (súng đạn do quý Tòa cấp, quân lương thì chiếu lệ quân bắt giặc ở Thanh Nghệ mà thi hành), lấy ngày 11 tháng ấy bái mệnh lên đường. Vua ngự ra điện Cần Chánh, đích thân ban cho mao tiết kim kiếm. Ngày Mậu ngọ (ngày 18) tế cáo thần Kỳ Độc (4), ngày Kỷ mùi (ngày 19) ra quân.

(1) Nguyên bản chép là “Bình Yên”, tức “Bình Phú” (Bình Định, Phú Yên) bị chép lầm, đây dính lại như trên.

(2) Nguyên bản chép là “phu huệ dân hạ”, tức “phu huệ hạ dân” bị chép lầm, đây dính lại như trên.

(3) *Nhận mệnh làm tướng*: nguyên văn là “sư trung chi cát”, lấy chữ trong *Kinh Dịch*, quẻ *Địa Thủy Sư*, phần *Tiểu tượng truyện*, hào *Cửu nhị* “Tại sư trung cát, vô cữu, vương tam tích mệnh” (Trong quân, tốt, không có lỗi, vua mấy lần ban mệnh).

(4) Nguyên bản chép là “Độc Kỳ”, là “Kỳ Độc” bị chép lầm, đây dính lại như trên.

0578. Triệt hồi Tiểu phủ sứ Hà Tĩnh Nguyễn Đình Nhuận về kinh chờ chỉ (sau đó Khâm mệnh đại thần gọi điện đề cử Hồng lô tự khanh Phan Huy Quán kiêm Hộ Tuần phủ tỉnh ấy).

0579. Chuẩn cho Quỳnh quốc công Miên Triệu khai phục Hoàng Hóa công.

0580. Sai quan tỉnh Hà Nội kiểm kê đệ nạp ván in bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (1) cho Quốc sử quán.

(1) Nguyên bản chép là “Khâm định thông giám cương mục”, tức “Khâm định Việt sử thông giám cương mục” chép tắt, đây dịch như trên.

0581. Tháng 6. Tiến thêm tiền đồng niên cho cung Gia Thọ 30.000 quan (nguyên 10.000 quan, nay tăng thêm 20.000 quan, thành tiền 2.597 đồng), cho cung Trường Ninh 24.000 quan (nguyên 8.000 quan, nay tăng thêm 16.000 quan, thành tiền hơn 2.077 đồng), bắt đầu tính từ tháng giêng năm nay.

0582. Toàn quyền đại thần Rousseau từ Hà Nội đi Sài Gòn, sai Thượng thư bộ Hộ Trương Như Cương, Tham biện Cơ mật viện Phạm Phú Lâm tới Đà Nẵng thăm hỏi.

0583. Ban dụ định lệ cấp bổng hưu trí cho ân quan văn võ trong ngoài. Lời dụ nói “Minh vương ngày xưa có việc nuôi dưỡng quốc lão. Quốc triều ta chính thể nhân hậu, đặt quan chế lộc phẩm hàm quy chế đầy đủ, lệ lương bổng hưu trí lâm thời là ban ra từ đặc ân, thật là đề ưu đãi bậc lão thần thạc vọng mà khích lệ phong tục tiết tháo vậy. Trẫm từ khi lên ngôi đến nay với đạo thể thiếp bề tôi, nuôi dưỡng kỳ lão luôn luôn đề ý, vì nghĩ kẻ bề tôi trải theo vương sự ra sức nhiều năm, đến khi già cả cáo về chưa được lương ban cấp bổng lộc, lấy gì để đủ sống. Gần đây theo lời phiến của bộ Hộ tâu xin cho ân quan văn từ Tam phẩm, võ từ Nhị phẩm trở lên, bất kể trong kinh ngoài tỉnh, ai đến 70 tuổi và 65 tuổi theo lệ được hưu trí hay chưa đến 65 tuổi nhưng đã tại chức được 30 năm trở lên tình nguyện trí sĩ đều chiếu thực hàm cấp cho tiền hưu bổng hàng năm, văn Chánh Nhất phẩm 1.200 (1) quan, Tùng Nhị phẩm 1.100 quan, văn Chánh Nhị phẩm, võ Chánh Nhất phẩm đều 1.000 quan, văn Tùng Nhị phẩm, võ Tùng Nhị phẩm đều 900 quan, văn Chánh Tam phẩm, võ Chánh Nhị phẩm đều 800 quan, văn Tùng Tam phẩm, võ Tùng Nhị phẩm đều 700 quan, những quan viên hưu trí trước đây đã đội ơn được chuẩn cấp cho tuế bổng so với lệ này ai ít hơn thì cấp thêm, ai nhiều hơn vẫn chỉ cấp như cũ. Trẫm xem xét thấy có chỗ hợp ý, chuẩn cho thi hành, để bày tỏ ý trẫm muốn ưu đãi bậc lão thần, lấy làm định lệ mãi mãi”, lấy ngày bản sao gửi tới làm ngày bắt đầu thi hành.

(1) Nguyên bản chép là “Nhị thiên nhị bách” (2.200), ngờ là “Nhất thiên nhị bách” (1.200) bị chép lầm, vì trên đây mỗi cấp thấp hơn đều theo thứ tự giảm dần 100 quan, đây dính lại như trên.

0584. Tu sửa đền miếu nhà Lê (ở thôn Kiều Đại huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa). Miếu nhà Lê vào năm Tự Đức thứ 36 tu sửa, năm Kiến Phúc thứ 1 trùng tu, đến lúc ấy trải qua nhiều năm, gỗ ván hư hỏng. Quan tỉnh báo lên, chuẩn trích tiền gạo kho công (5.592 (1) quan, hơn 147 phương gạo) khởi công tu sửa.

(1) Nguyên bản chép là “ngũ thiên bách ngũ cử thập nhị”, là “ngũ thiên ngũ bách cử thập nhị” bị chép lầm, đây dính lại như trên.

0585. Khâm mệnh đại thần Nguyễn Thân tâu báo tình hình tiểu phi (ở quân thứ Bình Định Phó Đề đốc Nguyễn Viết Hữu và Bang biện Nguyễn Nhuận quản binh tìm bắt, tới xã Thọ Linh Thượng gặp giặc khoảng hơn 300 người, đánh nhau từ giờ Ngọ đến giờ Thân bắn chết và bắt được rất nhiều. Ở quân thứ Hà Tĩnh Phó Lãnh binh Nguyễn Khắc Trọng tìm bắt tới xứ Khe Nước Lượng (1) ở sơn phận Thạch Hà đốt phá đồn giặc, bắt được Hiệp quản giặc, thu được tài sản của giặc), thưởng cho các viên tiểu biện đặc lực có thứ bậc khác nhau (Nguyễn Viết Hữu thăng thụ Phó Đề đốc, kê chuẩn cho về quê lo việc tang (2) một tháng, Nguyễn Khắc Trọng được thực thụ Phó Đề đốc).

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

(2) Nguyên bản chép là “tương sự” (xong việc), có chỗ tối nghĩa, ngờ là “tang sự” bị chép lầm, đây dính lại và dịch như trên.

0586. Thân định rõ lệ tra biện án kiện. Lúc bấy giờ án kiện còn tồn đọng và đang xét xử ở các phủ tỉnh rất nhiều, bộ Hình tâu xin chiếu lệ tham hặc nghị tội (các viên Kinh lịch Thông phán ở phủ huyện đều trước tiên phạt giáng một cấp, các quan phủ tỉnh thì giảm, phạt bổng 1 năm, Tổng đốc Tuần phủ lại giảm, phạt bổng 9 tháng). Lại sai các địa phương nghiêm sức tra cứu xét án cho sớm xong, nếu về sau vẫn như thế thì chiếu lệ (năm Tự Đức thứ 1) và tuân lời thánh dụ (năm Tự Đức thứ 36, án kiện tồn đọng gia hai cấp trị tội) gia cấp nghị xử. Lại sắc cho các nha coi việc đề hình trong ngoài tra xét tù phạm, trừ những người đáng bị tội khổ sai trở lên phải giam để xét, còn

những người tình tội thuộc loại nhẹ thì lập tức xử đoán phát lạc, nếu có ai cần xét thêm thì lấy xong lời cung cho phép được bảo kết tại ngoại chờ án, để tránh án kiện ứ đọng.

0587. Sắc sai xây dựng chế tạo lâu đài cầu thuyền trước đài Bị Lãm để vua du ngoạn.

0588. Kiên quản Thị vệ Phan Thanh Liêm mật tâu nghe nói thị tỳ trong cung có người chết giữ lại chôn cất trong cung, sợ sinh ra ma quái dịch lệ, xin ban sắc sai tra cứu sự thật, tìm chỗ đào lên dời ra chôn ở ngoài, dựng bia làm mốc để tránh làm mất dấu vết, đó cũng là ý ban ơn tới tận xương khô. Số dâng vào, chuẩn cho thi hành.

0589. Tha các ban đồng nữ luyện tập biểu diễn trong đại nội (các ban Thuyền quyền, Vũ mỹ, Nghiêu kiều, Thanh cân luyện tập biểu diễn, tất cả 66 người) lại vứt bỏ các đồ vật biểu diễn (như áo mũ xiêm quần guom súng Tây Dương). Lúc bấy giờ Khâm sứ đại thần Briere bàn với Phủ Phụ chính, Cơ mật viện cho rằng chỗ đồng nữ luyện tập biểu diễn chứa cất nhiều đồ vật biểu diễn có liên quan tới thể chế, giữ lại e đến nỗi lỡ việc, nhiều lần xin giao ra và vào đó kiểm soát bỏ đi (trong đó có người lén giữ lại, Khâm sứ đại thần xin giao ra đủ số, nếu vẫn như cũ ắt có ý khác bất phục, sẽ kiểm lại như trước).

0590. Sắc cho ba hoàng đệ đã xuất các và các công chúa đã hạ giá trở đi nếu vào hầu ắt phải báo rõ cho bề tôi Thị vệ xử biết mới được, nếu không sẽ lập tức tâu lên, là theo lời xin của Khâm sứ đại thần Briere.

0591. Mùa thu, tháng 7. Làm cầu sắt An Cựu (trích tiền giữ ở Đại Công cục chỉ làm và trích chớ 20.000 viên đá xanh tới xây dựng, lấy ngày 1. 8 Tây lịch tức ngày 11 tháng 6 Nam lịch khởi công).

0592. Tỉnh Thanh Hóa còn thiếu tiền thuế nhiều năm trước (hơn 1.000.000 quan (1)), chuẩn giáng các quan đốc trung, kinh trung ở tỉnh và các phủ huyện có thứ bậc khác nhau. Lại thân sức các địa phương trở đi phải theo hạn nộp thuế đủ thu đủ thuế công.

(1) Nguyên bản điều này và các điều 0596, 1118, 1716 đều chép là “mân” (chuối tiền), cũng có nghĩa là quan tiền.

0593. Khâm mệnh đại thần Nguyễn Thân tâu báo về việc quân, đại lược nói từ khi tới Hà Tĩnh Nghệ An xem xét biết bọn giặc có súng ống tinh nhuệ, lấy rừng núi làm sào huyệt, ngầm xuống thôn xóm quyền góp, nghĩ nên chia quân đánh bắt ngăn chặn (Đề đốc Văn Tiến Hùng và Tán tương Tạ Tương đóng ở hai huyện La Sơn Can Lộc, Tán lý Nguyễn Gia Thoại và Phó Lãnh binh Đoàn Văn Cân đóng ở hai huyện Thạch Hà Cẩm Xuyên, Tán lý Lê Khiết và Lãnh binh Lê Chân đóng ở hai huyện Hương Sơn Hương Khê, Tán tương Nguyễn Kiện và Đốc binh Hoàng Thoan đóng ở huyện Nghi Xuân, Tham biện Nguyễn Xuân Triêm đóng ở hạt Quảng Bình, Tham biện Hồ Phúc và Thương tá Nghệ An Phạm Văn Khoa đóng ở phủ Diễn Châu, quân binh mỗi nơi hoặc một trăm người, hoặc tám chín mươi người chước lượng phân phái). Lại sức lập đoàn dũng để bảo vệ nhau, dứt tuyệt lương thực, cắt đứt thông tin, thế giặc tới đường cùng sẽ có cách đánh phá. Lại xin đem các tướng quan (bọn Tán lý Lê Văn Trung, Thương biện Ngô Đình Khả, Lãnh binh Nguyễn Văn, Phạm Cát và Bang biện Nguyễn Hiễn Dĩnh) tới đồn Linh Cảm đóng lại để bàn bạc với quý Khâm sứ đại thần Duvillier (1) (Công sứ Nghệ An sung Đồng biện sự vụ Nghệ An Hà Tĩnh kiêm Thanh Hóa Quảng Bình) sai phái điều bát việc đánh dẹp, Tin báo về, chuẩn lập tức sao ra cho thi hành.

(1) Nguyên bản viết là “Đô Vi Ế”.

0594. Ác Man ở Tà My Quảng Nam nhiều lần làm hại cho dân, chuẩn lập ra ba đồn ở dọc chân núi để phòng ngự (chọn 100 người khỏe mạnh chia làm hai ban chiều lệ giảm binh cấp lương, ba tháng thay ban một lần).

0595. Miễn giảm thuế ruộng mùa hạ ở Nghệ An Hà Tĩnh nhiều ít khác nhau (Tổng đốc Nghệ An Hồ Lệ xin miễn 10.729 hộ thóc, cho miễn năm phần tức còn hơn 5.360 hộ. Bọn Bố chánh Hà Tĩnh Tôn Thất Hân xin miễn 5.320 hộ, cho miễn hai phần tức còn 3.480 hộ).

0596. Hạt Bình Định hơn một tuần không mưa, gạo đất dân đói, chuẩn trích gạo trong kho Xã thương, Nghĩa thương cho vay (cho đến vụ gặt mùa thu thì trả, nếu còn thiếu thì vụ gặt mùa hạ năm sau phải trả đủ). Kê chuẩn cho sửa đường quan lộ từ tỉnh thành tới phủ Hoài Nhơn, trích tiền trữ ở hai kho Định Thành, An Dụ (hơn 97.200 quan) nhân việc xây dựng làm việc chân tế.

0597. Đặt hai đồn Tiên Lễ và Lâm Xuân ở Quảng Bình (ở phường Cao Mại phủ Quảng Trạch, bốn mặt núi non trùng điệp, đảng giặc ẩn núp, thỉnh thoảng đồ ra cướp bóc nên chuẩn cho đặt. Kê chuẩn cho Phó Đề đốc Nguyễn Viết Hữu đóng ở đồn Tiên Lễ, Vệ úy giữ chức Lãnh binh Nguyễn Gia đóng ở đồn Lâm Xuân để tiện đánh bắt).

0598. Tháng 8. Phụ đạo đại thần Hiệp biện đại học sĩ sung Quốc sử quán Phó Tổng tài kiêm quản Quốc tử giám sung Tổng duyệt Sở Tu thư Bùi Ân Niên chết. Ân Niên văn học uẩn súc, vốn có danh vọng, khi chết có để lại di biểu. Vua rất thương tiếc, sắc chiếu lệ Phụ đạo đại thần Đoàn Văn Hội cấp tuất (vốn cấp 800 quan, gia ân cấp 200 lượng bạc cùng the vải gấm lụa các hạng), để tỏ ý ưu lễ. Quý Tòa cũng vì học rộng nổi tiếng, có lòng lo nước nên làm điều văn tới điều (vốn tên Văn Dị, tự Ân Niên, lấy tên tự làm tên, người Châu Cầu Hà Nội. Năm Thành Thái thứ 2 thi Hội dự hàng chánh trúng cách, được ân tứ là Đồng Tiến sĩ khoa ấy. Làm quan trải các chức Hàn lâm, Nội các, Ngự sử, Chánh sử sang Thanh tới Kinh diên sung Phụ chính đại thần, nhờ văn học được Dục tông Anh

hoàng đế yêu mến. Lúc được đội ơn ban là Tiến sĩ có câu liền như sau “Cúc nguyên điện tuệ khai nghi văn, Mai đài điều canh phóng cổ tri - Cúc nguyên điện tuệ (1) nên hoa muện, Mơ đợi nếm canh (2) phải nở chầy”).

(1) *Điện tuệ*: ở đây có chỗ chơi chữ không dịch được. “Điện tuệ” nghĩa đen là lúc cuối năm, chỉ hoa cúc nở vào mùa thu, nhưng còn có nghĩa bóng là “năm thi Điện”.

(2) *Nếm canh*: nguyên văn là “điều canh”, lấy ý câu trong *Kinh Thư, Duyệt mệnh*, lời Cao Tông nói với Phó Duyệt “Nhược tác hòa canh, nhữ duy diêm mai” (Nếu như nấu canh, thì người là mơ là muối), văn chương xưa dùng chỉ việc làm Tể tướng.

0599. Cẩm Giàng quận công Miên Miễn chết, chiếu lệ cấp tiền tuất (2.400 quan), lại gia ơn cấp tiền 600 quan.

0600. Bộ *Thánh chế thi sử* của Dực tông Anh hoàng đế kiểm điểm viết lại gần xong (hiện đã thành sách hai bộ, kính đặt ở điện Hòa Khiêm một bộ, ở điện Phụng Tiên một bộ, nguyên bản do Nội các kính giữ). Sai Toàn tu Quốc sử quán là bọn Hoàng Hữu Xứng, Ngô Huệ Liên đốc suất làm tiếp cho sớm thành sách để làm sáng pháp điển.

0601. Ban dụ chuẩn cho Tả Tham tri bộ Binh Lê Trinh giữ chức Hộ lý Tổng đốc quan phòng An Tĩnh (thay nguyên Tổng đốc Hồ Lệ bị bệnh về nghỉ).

0602. Sai quan quân ở các quân thứ từ sông Gianh (1) Quảng Bình trở ra bắc phạm các việc đánh bắt phòng ngự đều do Khâm mệnh tiết chế, việc quân phải theo dịch trạm tâu về.

(1) Nguyên bản viết là “Linh Giang”.

0603. Khâm mệnh đại thần Nguyễn Thân gửi điện văn xin thêm quân, đại lược nói hiện tình Hà Tĩnh rất khó khăn, xin thêm từ lính bảo ở Bình Định tới lính tập cũ ở kinh 1.000 người và 1.000 khẩu súng Tây để đánh giặc. Bèn sai các phủ tỉnh thôi thúc được 829 người, sai phái viên đưa thuyền lên bắc chuyển giao cho quân thứ sai phái (lương hướng và phòng binh mang theo đều chiếu lệ binh Tuần sai chỉ cấp, quân nhu bao nhiêu về sau tính hết chia làm ba phần, bắt các xã dân bị phạt chịu một phần).

0604. Chuẩn cho Thân Trọng Huệ (người Phong Điền Thừa Thiên, con cố Tổng đốc Thân Văn Nhiếp) và Hoàng Trọng Phu (người La Sơn Hà Tĩnh, con Kinh lược đại thần Hoàng Cao Khải) được phái qua thành Paris học xong về nước bổ làm Hàn lâm viện Biên tu, theo Cơ mật viện làm việc công. Bọn Trọng Huệ vào tháng giêng năm Thành Thái thứ 1 được chọn phái qua Tây học tập, đến khi trở về Toàn quyền đại thần gửi điện văn xin thưởng bổng, nên trao cho hàm áy (kế chuẩn sung làm Thị thư ở điện Quang Minh, luân phiên tiến giảng, mỗi ngày thứ bảy thì sung làm thông dịch hội thương).

0605. Tỉnh thành Nghệ An bị thất hỏa, cháy mất 180 nhà dân, 2 nơi đền miếu. Chuẩn trích tiền gạo (tiền 119 quan 5 mạch, gạo 83 phương chiết thành tiền là 704 quan) chẩn cấp. Những người tuần phòng (Thành thủ úy Nguyễn Việt Lợi) và những chủ nhà đầu tiên phát hỏa đều bị xử phạt khác nhau.

0606. Chuẩn cho dùng tiền đồng hiệu Thành Thái mới đúc, một đồng ăn 10 đồng tiền kẽm (Nha Thông bảo nhiều lần chở về được 7.380 quan, trích tiền hiệu Đồng Khánh hiện trữ 10 quan làm kiều thức, số còn lại đều cấp phát để tiêu dùng).

0607. Tháng 9. Quan quân đạo Khâm mệnh báo tin thắng trận (Lãnh binh Nguyễn Văn đóng ở đạo Nghi Xuân giao chiến với giặc ở xứ Hang Đá (1) thu được súng ống đạn dược, đảng giặc bị thương bị chết khá nhiều. Tán lý Nguyễn Gia Thoại đóng ở huyện Cẩm Xuyên Thạch Hà đánh nhau với giặc ở Nhiên Sơn, đốt được hai đồn phi, bắt được Lãnh binh giặc Trần Lai), sai (2) thừa cơ tiến đánh để sớm được yên ổn.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

(2) Nguyên bản chép là “hợp”, là “lệnh” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

0608. Vì mưa lụt nên tạm đình việc ứng dịch cho dân phu các nơi Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Trị (Thừa Thiên, Quảng Nam phải làm đường bộ đi Hải Vân, Quảng Trị phải làm đường bộ đi Lao Bảo).

0609. Toàn quyền đại thần Rousseau về nước, Phó Toàn quyền sung triều nghị đại thần Fourès quyền thay.

0610. Thân dụ các địa phương cẩn thận thẩm xét việc hình án. Lời dụ nói “Làm rõ hình phạt, răn bảo pháp lệnh là điều bậc triết vương đề cao. Triều ta từ ngày 16 tháng 12 năm Đồng Khánh thứ 3 khâm phụng lời dụ thiết lập Tòa án hội đồng đề hình, phạm những việc can tội làm giặc phản nghịch và người nước ta làm việc với quý Bảo hộ nếu phạm tội nặng phải do Tòa án hội đồng ấy xét xử. Kính nghĩ những ý lớn tài định trong lời dụ quả thật có tài lược anh minh thượng trí, đại khái do quý quốc Bảo hộ trong hòa ước ngày 6. 6. 1884 Tây lịch tức ngày 13 tháng 5 năm Kiến Phúc thứ 1 đã tự nhận giúp nước Nam ta, thì bảo hộ cho ta không bị ngoại địch nội phản, há không phải là lẽ đương nhiên, nếu có những án ấy, quan viên quý quốc muốn có quan viên nước ta báo lại cho rõ thì cũng là vì muốn biện lý kết thúc, lại há không phải là việc đương nhiên sao? Nhân dân bản quốc làm việc cho quý quốc phải do quan viên nước ta cùng quan viên quý quốc nghĩ biện cũng là hợp với như thế. Duy trong niên hiệu Đồng Khánh

có ban dụ nói ở các tỉnh có nhiều sơ suất lỗi lầm, cũng có bỏ qua không ghi chép, đã theo lời tâu của Cơ mật viện nói lời bàn của Trú kinh Khâm sứ đại thần nghĩ có chỗ hợp, nay cho thân sức quan các tỉnh ấy đều nên kính tuân lệ trong chỉ dụ năm Đồng Khánh mà biện lý. Lại thượng ty các tỉnh (tỉnh lớn là Tổng đốc, tỉnh vừa là Tuần phủ, tỉnh nhỏ là Bố chánh) cùng Án sát sứ mỗi tuần lễ một lần phải tới Tòa sứ sở tại để tiện bàn bạc kết thúc công việc của Hội đồng Tòa án. Những văn án ấy phải có đóng dấu của ba quan Đề hình (quan Công sứ, thượng ty tỉnh hạt cùng quan Án sát), cùng phải chép rõ ràng thành bốn bản, trong đó hai bản đệ cho Cơ mật viện chiếu lệ nghĩ biện, một bản vẫn phát giao cho phủ ấy tuân biện, một bản đệ cho Khâm sứ đại thần, một bản giao lưu ở phòng văn thư Tòa Công sứ. Lại phạm xử án xong thì quan viên nước ta bàn bạc với các Công sứ quý quốc ghi ngày tháng và số hiệu vào sổ sách. Các khoản trên đây đều phải nhất loạt tuân hành, ngõ hầu hện ngày việc hình án công bằng, dân tuân thủ pháp luật, các địa phương sớm được yên ổn là điều cốt yếu nhất.

0611. Mùa đông, tháng 10. Sai sao các bài văn chế sách trong các khoa thi của quốc triều (từ khoa năm Nhâm ngọ Minh Mạng thứ 3 đến khoa Ất mùi năm nay, phạm 31 khoa đều sao làm ba bản, bản chính giữ ở tầng trên Nội các, hai bản giao cho Nội các và bộ Lễ kính giữ. Trở về sau gặp khoa thi thì do Nội các và bộ Lễ cùng sao tiếp thành ba bản để chấp chiếu).

0612. Nội các kính sao lịch ra triều nghe giảng nghị ngại hàng tháng tiến lăm.

0613. Khâm sứ đại thần Brière dâng một tấm bản đồ Đại Pháp (lại xin treo trong điện Văn Minh, ngày thường tiến giảng tiếng Pháp chiếu theo bản đồ dịch ra).

0614. Khâm mệnh đại thần Nguyễn Thân báo tin đánh dẹp (Một khoản báo viên ấy đóng ở đồn Nam Huân được tin Tán (1) tương Tạ Tương dẫn bọn Kiểm hiệu Nguyễn Tuyển, Thừa biện Mai Hữu Dực, Phó quản Lê Quý của giặc đều nạp khí giới đầu thú. Lại gần đây tấn công bắt được rất nhiều, thế ắt sẽ sớm xong việc. Một khoản nói bọn Phạm Văn Khoa, Hồ Văn Phúc ở phủ Diễn Châu báo mắc bệnh xin về chữa quân chờ tội, chờ về tới sẽ xét, đã phái Lãnh binh Nghệ An Trần Văn Dã hội hiệp với Đoàn Đình Duyệt tiểu báo. Một khoản báo Hiệp quản Lê Tụy đóng ở đồn Chế tiến quân tới xã Bình Lăng bắt được Lãnh binh Cát của giặc và Tán tương Thái Văn Trung báo Quản Trần Mai của giặc đã ra đầu thú nhưng vẫn thường ngầm ngầm giúp đỡ bọn giặc Đạt, giặc Cát, giặc Thu, đều chính pháp để làm rõ sự trừng trị. Lại báo Tán lý Lê Khiết tới xã Hà Linh đánh nhau với bọn Đề Hương, Đề Khang, Tán Thuận của giặc, chém bản thu hoạch được rất nhiều. Đốc binh Vũ Văn Ty bị chết, chiếu lệ xin tặng cấp tiền tuất hạng ưu).

(1) Nguyên bản chép là “Tương Tạ Tương”, tức “Tán tương Tạ Tương” bị chép sót, đây đính lại như trên.

0615. Sai chế cấp ngân bài cho đạo Khâm mệnh thưởng công (trước sau cộng hai lần, 50 tấm (1)).

(1) Nguyên bản chép là “tiền hậu cộng nhị diện ngũ thập diện”, là “tiền hậu cộng nhị thứ ngũ thập diện” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

0616. Bọn đầu đảng giặc Cao Điền ở Thanh Hóa đều chưa bắt được hết, bản định treo giải thưởng cho ai bắt được có cao thấp khác nhau (về sau đến tháng 12 quý Khâm sứ đại thần phái binh bắt được, hạt Thanh Hóa dần dần yên ổn).

0617. Đầu đảng giặc ở Hà Tĩnh Phan Quang Cư (nguyên là Bố chánh) tới phủ Toàn quyền đầu thú. Kinh lược đại sứ Hoàng Cao Khải xin tạm lưu ở Hà Nội chữa bệnh, chờ giảm sẽ giao lại cho đạo Khâm mệnh xử trí (về sau đạo Khâm mệnh ủy nhiệm Bùi Đình Phác dẫn về theo Tán lý Lê Khiết sai phái).

0618. Phân sáp các thôn Trung Lễ, Gia Hanh, Sơn Huy ở Hà Tĩnh vì thông đồng với giặc (Trung Lễ thông đồng với giặc Ninh, chia ra sáp nhập vào ba thôn Đông Khê, Thượng Ích, Thụy Vân. Gia Hanh (1) thông đồng với giặc Trạch, sáp nhập vào thôn Thanh Khê. Sơn Huy vì giặc Tại giết Suất đội Tịnh sáp nhập vào thôn Đại Bản).

(1) Nguyên bản viết là “Gia Phong”, đây đính lại cho thống nhất với đoạn trên.

0619. Lúc bấy giờ mộ của nhiều hoàng thân công chúa bị đào trộm (mộ của Lạc Hóa quận công, Hòa quốc công, Quý Sơn quận công và hoàng tử thứ 18, hoàng tử thứ 33 tiền triều). Phủ Tôn nhân và bộ Lễ xin ban sắc cho quan phủ Thừa Thiên nghiêm sức canh phòng và mau lẹ phái người bí mật truy tra để tuyệt gốc rễ, theo như lời xin.

0620. Tháng 11. Thân định lệ thuế thuyền đi biển. Thuế ấy vào tháng 5 năm thứ 5 đã bản định điều khoản thi hành, đến tháng 6 năm trước chuẩn tạm đình bãi. Đến lúc ấy Khâm sứ đại thần Brière bàn giao cho quản lý Thương chính bản định, tất cả 24 khoản, lấy ngày 15. 9 Tây lịch năm ấy (tức ngày 27 tháng 7 Nam lịch (1) bắt đầu thi hành (Khoản 1: thuyền có trọng tải từ 26 tới 50 tạ thuế đồng niên 5 hào, từ 51 tới 100 tạ thuế đồng niên 2 đồng 5 hào, từ 101 tới 200 tạ thuế đồng niên 5 đồng, từ 201 tới 300 tạ thuế đồng niên 8 đồng, từ 301 tới 600 tạ mỗi năm nạp thêm 8 đồng, lại lớn hơn thì mỗi tạ nạp thêm 2 xu, do Thương chính chiếu lệ thu thuế, chiếu theo thỏa thuận chia làm ba phần, một phần giao cho nước Đại Pháp, một phần giao cho nước Đại Nam, một phần giữ lại để làm những việc công ích ở Nam Kỳ. Khoản 2: như điều 2 khoản trước. Khoản 3: phạm thuyền nạp thuế lấy ngày ra biển làm ngày bắt đầu, đến hết năm theo tháng mà nạp đủ, trong kỳ hạn thu thuế mà thuyền bị hư hỏng thì châm chước

giảm thuế. Khoản 4: mỗi thuyền đều phải có biển số, phải thường xuyên lau chùi, lại phải lập một quyển sổ nhỏ ghi rõ hình dáng của thuyền và số thuế phải nộp mỗi năm, nộp ngày nào, đi về ngày nào và trong thuyền có bao nhiêu thủy thủ chiếu theo Nghị định Thương chính nhất nhất ghi rõ. Khoản 5: lúc nào thay đổi chủ thuyền phải lập tức trình cho Tòa giữ thuyền bạ biết để phát số mới. Thuyền tới nơi nào, gặp Tòa Thương chính cũng phải trình rõ để biết, hạn trong mười ngày kể từ khi làm giấy bán thuyền. Khoản 6: phàm thuyền không phải nộp thuế, một là chở gạo chưa tới 26 tạ, hai là không dài tới 8 thước Tây nhưng làm nghề đánh cá, ba là các thuyền đi trong sông chưa từng ra biển. Khoản 7: những thuyền tuy không trong hạng nộp thuế cũng phải do Thương chính đo khám và ghi số thuyền vào sổ nhỏ, phí tổn không được quá 10 xu. Khoản 8: phàm thuyền trong Nam chuyên làm nghề đánh cá thì bất kể là thuyền lớn hay nhỏ cũng nộp thuế không quá 8 đồng. Khoản 9: phàm thuyền buôn thuộc Cao Miên (2) tới Nam Kỳ phải nộp thuế như khoản 1. Tới lần đầu thì ba tháng nộp một lần, lại tới nơi khác thì sáu tháng nộp một lần. Khoản 10: nếu thuế thuyền ở Bắc Kỳ nặng hơn thuế thuyền ở Nam Kỳ, như thuyền nào đã nộp thuế ở Nam Kỳ, ra tới cửa biển Bắc Kỳ thì trừ phần thuế đã nộp ở Nam Kỳ, còn thiếu bao nhiêu thì nộp tiếp ở Bắc Kỳ. Khoản 11: thuyền nào ở ngoài biển Nam Kỳ chưa có Tòa Thương chính thì phải nộp cho Tòa Thương chính bên cạnh. Khoản 12: những thuyền buôn thuyền đánh cá nước ngoài có trọng tải 100 tạ thì đóng thuế 3 đồng, 150 tạ thì đóng thuế 6 đồng, từ 151 tạ tới 200 tạ thì đóng thuế 10 đồng, trên 200 tạ thì mỗi năm lại nộp thêm 10 đồng. Nếu lại lớn hơn thì mỗi tạ nộp thêm 4 xu. Thuyền buôn nào chỉ tới một lần thì như khoản 9 trên đây mà nộp, thuyền đánh cá thì nộp đủ 6 tháng. Khoản 13: thuyền đánh cá nước Thanh tới cửa biển Nam Kỳ phải có Tòa Thương chính cấp giấy tờ. Khoản 14: Thuyền đánh cá tới Tòa Thương chính trước tiên phải nộp thuế qua cửa biển, lại phải nộp trước một số để về sau sung vào khoản thuế cá nhập khẩu. Khoản 15: thuyền nào đã có biển số, đã cấp giấy tờ thì có thể lui tới các nơi, thuyền đánh cá chở muối cũng được miễn thuế, duy chở cá tới nơi khác không thuộc hải phận Nam Kỳ thì chiếu theo mức thuế đã định mà nộp cho Thương chính sở tại. Khoản 16: gặp thuyền công của Tòa Thương chính khám xét hiểu cáo thì thuyền đánh cá nhất định phải vâng lời. Khoản 17: những thuyền nước ngoài đã tuân thủ những điều khoản nói trên, trong thuyền chỉ được có 4 khẩu súng, mỗi khẩu chỉ được có 100 viên đạn, nếu quá số ấy thì bị phạt. Khoản 18: trường quan nào phái người khám súng đạn trong thuyền thì thuyền ấy phải lập tức dừng lại chờ khám. Khoản 19: các thuyền lớn nhỏ cũng chiếu lệ thi hành. Khoản 20: thuyền nào lậu thuế ít thì phạt gấp đôi, nhiều thì phạt từ gấp mười trở lên. Vi phạm điều lệ phạt từ 5 đồng tới 100 đồng, phạm lần đầu thì bắt phải nộp đủ, tái phạm thì tịch thu cả thuyền. Khoản 21: tất cả các quy định về thuế thuyền ngoài biển, thuế thuyền đánh cá trước kia đều hủy bỏ. Khoản 22: tàu máy nhỏ đưa thư ở Đà Nẵng và Thuận An không lấy tiền cước. Khoản 23: Nghị định này bắt đầu thi hành từ ngày 15. 9 Tây lịch năm nay. Khoản 24: Tổng thống Toàn quyền đại thần, Trú kinh Khâm sứ đại thần chiếu Nghị định thi hành). Về sau đến tháng giêng năm thứ 8, Nghị định châm chước thay đổi các khoản (Khoản 1: thuyền của bản quốc có trọng tải không đầy 2 tạ ở An Nam miễn thuế, ở Bắc Kỳ thu 3 hào, từ 26 tạ đến 300 tạ ở An Nam và Bắc Kỳ thuế lệ cũng như nhau, từ 300 tạ trở lên, mỗi tạ thu thêm 2 xu. Thuyền đi biển nước ngoài có trọng tải không đầy 26 tạ và từ 26 tạ tới 50 tạ đều thu 1 đồng 25 xu, từ 51 tạ tới 100 tạ thu 10 đồng, từ 201 tạ tới 300 tạ thu 15 đồng, từ 300 tạ trở lên mỗi một tạ thu thêm 5 xu. Khoản 2: lời nghị ngày 29. 8. 1895 Tây lịch tức tháng 6 Nam lịch năm trước, trừ những khoản đã châm chước thay đổi thì thuế lệ hiện thi hành ở An Nam và Bắc Kỳ vẫn tiếp tục như cũ, bắt đầu thi hành từ ngày 1. 1. 1896).

(1) Nguyên bản chép là “Tây thất nguyệt nhị thập thất nhật”, là “Nam thất nguyệt nhị thập thất nhật” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

(2) Nguyên bản chép là “thuộc Gia Định Cao Miên”, có chỗ vô lý, ngờ là “thuộc Cao Miên” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

0621. Đồi đặt 10 châu ở tỉnh Cao Bằng (Thạch Lâm, Hà Quảng, Thạch An, Nguyên Bình, Chợ Rã (1), Cẩm Hòa, Thượng Lang, Quảng Uyên, Phục Hòa, Bình Lang tất cả 10 châu). Tỉnh ấy nguyên đặt 6 phủ huyện (phủ Hòa An và các huyện Thạch An, Nguyên Bình, Quảng Uyên, Thượng Lang, Hạ Lang), đến lúc ấy vì địa thế rộng lớn nên đổi chia thành 10 châu để tiện quản lý.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “Trợ Dã”.

0622. Đặt các dịch trạm ở vùng thượng du Hà Tĩnh, Quảng Bình (Hương Khê, Phúc Trạch, Bái Đức, Tân Ấp, Xóm Cướp, Khe Nạc (1), Kim Lũ, Đồng Văn***, Minh Cầm), vì hai hạt ấy đang gặp việc đánh bắt rất cần dịch trạm nên đặt.

(1) Nguyên bản viết hai địa danh này bằng chữ Nôm.

0623. Công ty Dupuis ở Nghệ An xin lãnh trưng thêm đất công ở Thủy Trường, cho như lời xin (trước sau nhận trưng hơn 98 mẫu 7 sào).

0624. Tán lý đạo Khâm mệnh Lê Khiết sai Phan Quang Cư chiêu dụ Đề Trạch của giặc ra thú (lại chiêu dụ được 4 Lãnh binh, 2 Hiệp quân và đồ đảng 12 người cùng nạp 50 khẩu súng điều thương), dư đảng cũng nổi nhau

ra đầu thú, hạt Hà Tĩnh tạm yên. Duy có Phan Đình Phùng không chịu ra thú (Đình Phùng người Đông Thái La Sơn Hà Tĩnh, nguyên là Đồng Tiến sĩ).

0625. Tháng 12. Việc trùng tu chùa Thúy Vân hoàn thành. Vua ngự giá ra du lãm, đến khi hồi loan thưởng cho tùy tùng có thứ bậc khác nhau.

0626. Khâm sứ Brière dâng các bộ sách nổi tiếng (*Cách vật nhập môn, Công pháp tiện lãm, Công pháp hội thông, Vạn quốc công pháp, Phú quốc sách*, đều một bộ). Sai bọn Thị thư Thân Trọng Huệ, Hoàng Trọng Phu đem về dịch ra tiên lãm.

0627. Bàn định thiết lập Tòa Đê hình ở kinh (tuân chiếu lời dụ tháng 12 năm Đồng Khánh thứ 3 về việc thiết lập Tòa Đê hình ở các tỉnh, một khoản nói Phó Công sứ Thừa Thiên và Phủ doãn phủ ấy tùy chính hội đồng viên nghĩ xử bọn côn đồ bị bắt trước đó, một khoản nói Phó Công sứ phải thi hành các khoản như lời nghị. Về sau lại chuẩn thiết lập Tòa Đê hình Bình Định).

0628. Quan tỉnh Nghệ An báo về tình hình giặc cướp (phủ Diễn Châu báo tin một bọn giặc đột nhập vào nhà Quang lộc Phạm Đức Tư ở thôn Mai Các bắt người cướp của, phủ Anh Sơn báo tin một bọn giặc xông vào nhà Nguyễn Mỹ Lăng ở thôn Văn Khuê ăn cướp. Lại dò thám biết được cha con giặc Mậu chỉ còn hai khẩu súng, đốc suất ba người lên ra cửa Cam Môn kiểm cái ăn), hiện đã phá quân binh chặn bắt, các nơi khác đều tạm yên ổn.

0629. Đạo Khâm mệnh phi đệ hai lá cờ đỏ báo tiếp (đều ghi các chữ “Chánh tướng Phan Đình Phùng và đầu mục của giặc ở Nghệ Tĩnh đều đã bị bắt”), sai đem một lá đi khắp các phố trong kinh thành truyền thị rồi treo trước sân đường bộ Binh ba ngày, một lá thì mang đi lần lượt từ Quảng Nam tới Bình Thuận để thông tri. Lúc đầu đạo Khâm mệnh tư nói dò thám được bè đảng Phan Đình Phùng khoảng hơn 300 người núp trốn ở chỗ tên Tổng Hôm (1) xứ bản Tung, đã bàn pháí Tán tương Thái Văn Trung, Lãnh binh Lê Chấn, Phó Lãnh binh Đoàn Văn Cân đem quân lính súng ống hiệp đồng với quan Pháp dò thám đánh bắt. Kế báo quan binh tới sơn phận bản Vang, bản Nác (2) thấy có hai đồn (mỗi đồn có thể chứa hơn 400 người), tiến tới xứ bản Tung bắt được cha con Tổng Hôm, 2 khẩu súng, 2 nén bạc 5 lượng và một thanh kiếm, một tờ bằng cấp của giặc (trao cho Tổng Hôm chức Tri huyện). Tổng Hôm khai đảng ấy có khoảng 200 người nam nữ, đã qua bản ấy sức sai mua gạo chuyển vào bản Cù Tá cư trú. Đảng ấy lại pháí Đê Tào giặc đi bắt Tán thủ nhưng không bắt được, lập tức sai chém Đê Tào. Đến lúc quan quân tiến tới bản Cù Tá, đảng ấy đã dò thám biết trước nên mang bè đảng tới hạt Quảng Bình. Lại tìm khắp trong núi, gặp một toán giặc, giao chiến một khắc bọn ấy tan chạy, thu được 2 khẩu súng, 15 viên đạn (3). Lập tức phân pháí Đê đốc Văn Tiến Hùng, Lãnh binh Lê Chấn đều cùng quan quân Đại Pháp tới sơn phận hạt Quảng Bình. Trước đó Đình Phùng đã chết, quan binh Đại Pháp tới nơi khám xét xác nhận xong, trước tiên gửi điện văn báo hai lần (Một nói quân thứ Quảng Bình báo tin bắt được Đốc binh giặc Vi méo (4) khai Đình Phùng ngày 11 trước đây bị thương, ngày 13 chết, lại nhận được tờ tư của quý Khâm sai đại thần nói quan binh Pháp tới nơi tìm được quan tài của Đình Phùng, khám thấy đúng là bàn tay phải có ngón thừa, cùng việc Chánh Lãnh binh Khuê của giặc tới quân thứ ấy xin đầu thú. Một nói nhận được tin quan một về đồn đòi họ hàng làng xóm lên khai, khám ra quả là xác tên giặc ấy đã được thiêu hóa. Tờ tư của Quảng Bình cũng giống như thế), kế đem cờ đỏ báo tiếp, lại gửi phi chương tâu lên. Vua mừng vì không phụ sự ủy thác, chuẩn cho bàn xong những việc cần làm về sau thì sớm ban su.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “*nhật + hân*”.

(2) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “*chấn thủy + niết*”.

(3) Nguyên bản viết là “cát tốt thập ngũ hoàn”, “cát tốt” tức phiên âm Việt Hán từ Pháp “cartouche” (viên đạn).

(4) Nguyên bản chép là “Vi tiêu”.

Quyển 8

0630. Năm Bính thân Thành Thái thứ 8 (1896 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Chuẩn cho Khâm mệnh đại thần Nguyễn Thân theo đường dịch trạm về kinh hội đồng trừ hoạch những việc cần làm về sau rồi sẽ cùng các đại thần Khâm sứ Khâm sai cùng tới các hạt ấy xử trí cho được nhất loạt yên ổn (lần về này hơn 500 phòng binh lẽ ra phải mang theo vẫn đóng giữ như cũ). Nguyễn Thân tuân lệnh về kinh, vẫn xin lưu bọn Phó Đê đốc Nguyễn Việt Hữu, Tán lý Nguyễn Gia Thoại, Tán tương Thái Văn Trung, Lãnh binh Lê Chấn quản hơn 500 quan binh chia ra đóng đồn giữ gìn, về sau nếu có chuyện gì thì bắt kể thuộc Nghệ An hay Hà Tĩnh, nhất thiết phải tư trình tỉnh Nghệ An bàn định mà làm, theo như lời xin.

0631. Ngày Chính đán, Khâm sai đại thần Duvillier tới kinh cùng quý quan vào triều yết, chuẩn khoản đi ở Cơ mật viện.

0632. Ác man ở Nghĩa Định làm hại (ngầm xuống cướp các thôn Vạn Khánh, Hòa Bình, Cự Nghi, đốt nhà cửa, bắt dân đinh, cướp trâu bò). Quan Sơn phòng Trịnh Văn Thái phi báo, lại xin chia phòng binh ở đó làm ba ban, hai ban lưu một ban về đề tiện tùy cơ đánh dẹp ngăn chặn, chuẩn cho.

0633. Bàn đặt chức Phó Công sứ ở Quảng Trị, chịu sự thống thuộc của Tòa sứ ở Thừa Thiên (vì ở đó xa cách, liên hệ với Quảng Bình không tiện nên bàn đặt Phó Công sứ. Về sau phạm mọi việc đều chịu sự thống thuộc của Tòa sứ ở kinh).

0634. Lại bắt đầu xây dựng các đường bộ ở Hải Vân, Mai Lĩnh, Ai Lao. Tháng 9 năm trước vì mưa lụt tạm đình, đến lúc ấy làm tiếp, bèn chuẩn cho Phủ doãn phủ Thừa Thiên Tôn Thất Uyển kiêm sung Đồng lý đường Hải Vân (đường Hải Vân dân phu 800 người, mỗi ngày cấp cho một người 14 xu. Đường Mai Lĩnh Ai Lao dân phu 500 người, mỗi ngày cấp cho một người 20 xu).

0635. Chuẩn cho Chánh phiên dịch Tòa Khâm sứ Nguyễn Hữu Bài được trao hàm Hồng lô tự thiếu khanh, vì việc công có nhiều thực trạng, các việc giao thiệp ôn hòa nên đặc biệt khen thưởng.

0636. Tổng thống Toàn quyền đại thần Rousseau lại trở qua, thuyền tới Đà Nẵng tiện đường ra Bắc Kỳ ở lại. Chuẩn cho Phụ chính đại thần Nguyễn Trọng Hợp, Thượng thư bộ Hình Tôn Thất Vịnh mang sắc thư tới Đà Nẵng thăm hỏi. Lại sai Trọng Hợp theo Toàn quyền ra Hà Thành bàn việc (chuyến đi này mang theo Hoàng Trọng Phu để tiện phiên dịch. Kế chuẩn cho Trọng Phu thăng Thị giảng sung Bang tá Cơ mật viện, nguyên sung Thị thư chuẩn cho đình bãi).

0637. Chia đặt huyện Thanh Miện (thuộc tỉnh Hải Dương, trích 9 tổng 67 xã thôn nguyên thuộc huyện Thanh Miện, đặt huyện lỵ ở xã Thọ Trương, đặt quan lại, lại phái quân đồn trú). Huyện ấy vốn thuộc phủ Bình Giang kiêm lý. Tháng 2 năm Thành Thái thứ 2 chia đặt huyện lỵ, tháng 4 năm thứ 5 lại sáp nhập vào phủ Ninh Giang kiêm lý, nhưng dân cư xa cách, việc công chậm trễ, hiện việc đánh bắt đang khẩn cấp bèn chia đặt lại.

0638. Chia đặt châu Định và huyện Văn Lãng. Năm trước thuộc phủ Tùng Hóa, do Lãn binh Lương Tam Kỳ quản trị. Đến lúc ấy phủ hạt đã yên ổn, dân cư dần dần trở về, bèn đặt nha thự chính thức (châu lỵ châu Định đặt ở xã Trung Khâm, huyện lỵ Văn Lãng đặt ở xã Văn Xiển) để tiện quản trị.

0639. Tháng 2. Tấn phong Toàn quyền đại thần Rousseau là Phủ Nam vương, Khâm sứ đại thần Brière là Hộ Nam công, Khâm sai đại thần Duvillier là Vệ vũ hầu, lại chế cấp cáo sắc có trục cuốn sơn màu, triều phục, bài bằng vàng bằng ngà và ấn bằng bạc bằng đồng (tước vương tước công thì bài vàng ấn bạc, tước hầu thì bài ngà ấn đồng) để báo đáp nhưng công mà đặc biệt nêu rõ sự yêu mến. Lại tặng quý phu nhân của Toàn quyền và Khâm sứ mỗi người một tấm kim khánh hạng lớn.

0640. Triều đình nước Pháp thưởng cho Khâm mệnh đại thần Nguyễn Thân Chương Nghĩa@ viện bội tinh hạng ba, Khâm sứ đại thần Hộ Nam công Brière gửi thư nói Nguyễn Thân công lao tài năng khác thường, đặc biệt nêu rõ sự yêu mến, Nam triều tưởng cũng nên ban thưởng để xứng đáng với công lao. Và lại năm trước quý đại thần từng ra Bắc Kỳ, Kinh lược đại thần Hoàng Cao Khải vì có quân công đã được thăng thụ vượt bậc hai cấp. Nay việc đánh dẹp ở các tỉnh Hữu Trục kỳ còn lớn hơn công lao ở Dịch Lâm, Toàn quyền bàn há nên ban thưởng kém hơn, xin tấn phong tước bá, lại thăng thêm diện hàm để báo đáp công lao. Bèn chuẩn tấn phong là Diên Lộc bá, lại chế ấn kiềm bằng đồng ban cấp, lại sắc thưởng cho một tấm kim bài (trong khắc ba chữ “Túc Liệt tướng”).

0641. Bãi bỏ chức Thương biện Bang biện ở bốn tỉnh Thanh Hóa Nghệ An Hà Tĩnh Quảng Bình (vì đã dẹp xong giặc).

0642. Khâm mệnh đại thần Nguyễn Thân dẫn 52 người nam nữ ra đầu thú về (văn từ Tham biện, vũ từ Đốc binh trở lên) tới Tòa Khâm sứ chờ ra mắt. Quý sứ bàn tha Phan Quang Cư và vợ con Phan Đình Phùng, số còn lại sai giam giữ cẩn thận chờ xét (sau đó sai Biện lý bộ Hình Tôn Thất Luận hội đồng với quan Pháp và quan phủ Thừa Thiên phái quan quân áp giải 22 người bọn phạm nhân làm giặc là Nguyễn Đắc Mậu, Phan Đình Nghênh, Nguyễn Thuận, Nguyễn Khang, Trần Đình Tặng tới bãi Bắc Dã chính pháp).

0643. Tổng đốc Nghệ An Lê Trinh báo về tình hình ở tỉnh (phủ Diễn Châu báo tin giặc Vinh giặc Nghị đóng ở lâm phận Khê Chúc, phủ viên bàn cùng phái quan binh tiến tiêu, bắt được súng ống giấy tờ các loại của giặc. Lãn binh Trần Văn Dã đóng ở quân thứ báo viên ấy mang quân tiểu nã tới sơn phận thôn Văn Trai bắt sống được Đội Toàn của giặc và khí giới. Bang biện Nguyễn Hữu Tường báo vây đánh đồn giặc Vinh thu được giấy tờ ấn kiềm các loại của giặc. Quý Châu báo đánh dẹp ở sơn phận Diễn Châu lấy được súng ống và bằng cấp của giặc, còn các huyện đều yên ổn).

0644. Chuẩn cho binh đình đạo Khâm mệnh mang theo về kinh được nghỉ ngơi 6 tháng (trừ số viên binh chức lượng lưu lại 53 người). Còn các viên tỳ tướng phụ tá thì văn do bộ Lại, vũ do bộ Binh chiếu lệ thi hành.

0645. Khâm mệnh đại thần Nguyễn Thân dâng sớ nói chiều ngày 26 tháng trước trở về tới Bắc Môn, quan viên kính mang cờ tiết ấn kiềm đi trước đều xuống xe ngựa kính cẩn chiêm bái. Nhưng Ngự tiền Thị thư Thân Trọng Huệ vẫn ngồi trên ngựa ngang nhiên bên cạnh đường không chịu tránh đi, chỉ cách thiên nhan trong gang tấc. Trọng Huệ là con em nhà quan mà có hành vi khinh suất như thế, vốn nên chiếu luật Xung đột nghi trọng hỏi tội, nhưng vì cha y Thân Văn Nhiếp đã quá cố là trọng thần của Dục tông Anh hoàng đế, xin gia ân chức lượng giảm ba cấp cách chức cho về quê để làm rõ quốc pháp. Vua phê nói “Lời tâu ấy của khanh rất hợp, nhưng nghĩ tên ấy Tây học rộng rãi, làm thời hỏi han xét thấy ngôn ngữ cũng khả quan, nên bàn với Trú kinh Khâm sứ cho cách hết chức hàm vào làm Thừa phái ở Cơ mật viện để tiện hỏi han khi cần”. Về sau đến tháng 8 chuẩn khai phục Biên tu, sung Bang biện Cơ mật viện.

0646. Đặt tỉnh Bắc Giang (trích 4 huyện Yên Dũng, Việt Yên, Hiệp Hòa, Phượng Nhãn phủ Lạng Giang tỉnh Bắc Ninh và huyện Lục Ngạn tỉnh Lục Nam đặt riêng một tỉnh, tỉnh lỵ ở phủ Lạng Giang, chiếu lệ tỉnh vừa đặt quan, lấy Trần Đình Lương làm Tuần phủ, Nguyễn Tiến làm An sát và đặt ty thuộc, cấp cho ấn kiếm để dùng).

0647. Bỏ tỉnh Lục Nam (hai huyện Đông Triều, Chí Linh vốn thuộc tỉnh ấy sáp nhập vào tỉnh Hải Dương, huyện Yên Bái sáp nhập vào tỉnh Quảng Yên, huyện Lục Ngạn sáp nhập vào tỉnh Bắc Giang mới, quan lại rút về Nha Kinh lược). Bắc Ninh địa thế rộng lớn, việc trưng thu phòng bị rất quan yếu nên chia đặt như thế. Lục Nam trước thuộc đạo Quan binh, hiện nay đã yên ổn nên đình bãi, là theo lời bàn của Phó Toàn quyền Fourès.

0648. Tán lý đạo Khâm mệnh Lê Khiết phái Hồ Khuê tìm vàng bạc của Đốc Cơ giặc, Khuê dùng ngũ trảo kiểm tra vấn Thị Ngưng. Việc lộ ra xét nghĩ Khuê phải bị khổ sai ba năm, Tán lý Lê Khiết đánh 40 roi, phạt bổng 6 tháng. Kế Tuần phủ Hà Tĩnh Phan Huy Quán xét nghĩ Hồ Khuê đói nghèo bệnh tật, Khuê được tha tội, Khiết cũng được miễn nghị.

0649. Tháng 3. Triệt bãi Hậu bổ Quảng Ngãi Trương Quang Kỳ (Cử nhân, con Phụ chính đại thần Trương Quang Đản) về kinh chờ lệnh. Lúc đầu Phó Công sứ Quảng Ngãi Bôn Na Tinh (1) tư nói Trương Quang Kỳ cậy thế làm bậy, phải trục xuất phái giải về kinh, nên triệt bãi (trong vòng hai năm không được tới Nghĩa Định Quảng Nam và ra khỏi phủ hạt Thừa Thiên. Về sau đến tháng giêng năm thứ 10 ân chuẩn trao hàm Hàn lâm viện Biên tu, theo làm Thừa phái bộ Binh).

(1) Nguyên bản viết là “Bôn Na Tinh”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0650. Quan tỉnh Nghệ An Hà Tĩnh báo về việc chiêu dụ dư đảng giặc (Hà Tĩnh báo quý quan ở đồn Phúc Trạch bắt được Đốc binh giặc là bọn Dương Ninh, Phạm Hân và thu được súng ống đạn dược. Nghệ An báo phủ viên Diên Châu Đoàn Văn Lan chiêu dụ được Lãnh binh giặc Trần Thoan cùng đồ đảng súng ống khí giới ra đầu thú, còn giặc Vinh giặc Nghị hiện đang chiêu dụ tìm bắt), bèn tâu Cơ mật viện đem việc tâu lên.

0651. Bàn định lệ người Đại Pháp và những người thuộc quyền bảo hộ của Đại Pháp lãnh trung công thổ bản quốc. Trước là tháng 8 năm Đồng Khánh thứ 3 vâng lời dụ trong có một khoản nói quan dân Đại Pháp và những người thuộc quyền bảo hộ của Đại Pháp được mua bán ruộng đất trong 12 tỉnh của nước Đại Nam, nhưng việc mua bán phải tuân theo thể lệ của bản quốc mà làm. Đến lúc ấy Khâm sứ Brière bàn định sáu khoản về thể lệ (Khoản 1: đơn xin lãnh khẩn phải do quan Công sứ chuyển đệ qua quan tỉnh xét cho thi hành. Khoản 2: Công sứ thương định cùng quan tỉnh khám xét lập mốc, xét thực đất ấy không có khiếu nại gì có thể ưng thuận. Khoản 3: bàn định cùng lập tờ bằng khoán giao cho người lãnh trung nhận đệ thi hành, trong bằng khoán phải ghi rõ các khoản sau đây, nếu người lãnh trung không tuân thủ thì hủy bỏ lời chuẩn. Khoản 4: như có phát sinh việc tranh tụng thì người lãnh trung được quan Bảo hộ chuyển trình bằng cứ pháp lý về quyền sở hữu. Khoản 5: bằng khoán viết bằng chữ Hán có đóng ấn của Tổng đốc, Tuần phủ và Bộ chánh giao cho Tòa sứ dịch ra đệ trình lên Khâm sứ đại thần duyệt lại. Khoản 6: bằng khoán duyệt xong sẽ cấp cho người lãnh trung một bản để giữ làm văn khế riêng), và bảy khoản về bằng khoán (Khoản 1: những đất xin khẩn trong vòng 5 năm phải khai khẩn xong. Khoản 2: phần nào thành ruộng thì năm sau phải bắt đầu nộp thuế ruộng đất. Khoản 3: sau 5 năm ai không khai khẩn thành ruộng, cũng không nộp thuế thì sung công trở lại. Khoản 4: trong bằng khoán phải ghi rõ và để lại 5 khoản các lẽ đại lược như sau đây. Khoản 5: khoảnh đất nào vốn có phần mộ đình chùa đền miếu các loại rơi vào ranh giới thì người lãnh trung phải tôn trọng, để cho người Nam lui tới ra vào những nơi ấy. Khoản 6: hoặc hiện thời hoặc về sau có người chia lãnh trung đất công đất tư bên cạnh thì phải cho người bên cạnh lui tới qua lại. Khoản 7: nước Bảo hộ có quyền tùy nghi trích lấy những đất đã cho để tiện xây dựng đường sá hoặc làm những việc công ích khác, vẫn chiếu lệ trong phần đất sung công có xây dựng tường vách nhà cửa thì theo nguyên giá đền bù), chuẩn sao ra cho thi hành.

0652. Triệt bãi Sơn phòng ở tỉnh Quảng Bình, kế đặt bốn đồn trên đường núi Hà Tĩnh (Thanh Lãng, Minh Cầm, Quy Đạt, Đông Văn***). Khâm mệnh đại thần Nguyễn Thân xét nghĩ nên triệt bãi Sơn phòng Quảng Bình để tránh làm hại cho dân, đặt riêng một đồn lính tập Thanh Lãng. Tới như các đường núi ở Hà Tĩnh đã có quân đóng thì giữ đồn Đông Văn, chờ việc quân đã xong sẽ đặt riêng bốn đồn để làm thế ý giặc, bèn theo lời (kể vì đồn Thanh Lãng xây dựng quá chậm, sai Tán lý Lê Khiết sung Khâm phái Quảng Bình tới đó đốc suất, đến tháng 8 đồn sơ tạm xong, đã có quan Pháp chuyên đốc suất nên chuẩn cho Lê Khiết về kinh phục mệnh).

0653. Khâm mệnh đại thần Nguyễn Thân hẹn ngày trở lại Nghệ Tĩnh xử trí các việc cần làm rồi ra Hà Nội thăm hỏi Toàn quyền đại thần sẽ về kinh phục mệnh. Vua phê nói “Khanh đi chuyến này nên sớm trở về, mang theo hai chữ bình an”.

0654. Bề tâu Đô sát viện tâu nói “Việc ra triều giảng sách tự có nhật kỳ, gần đây mỗi khi đến ngày thì lại vắng sắc nói không được khêu đình miễn, hoặc chưa vắng sắc mà đã quá giờ cũng vắng đình bãi. Phạm nghiệp có rộng là nhờ chăm chỉ, mà chăm chỉ thì gốc rễ ở chỗ tỉnh dưỡng, Chu Văn bỏ việc say mê săn bắn, nên đến chiều cũng không nghỉ ngơi mà việc chính trị thành đạt, Cao tông nhà Thương cung kính lặng lẽ suy nghĩ nên thủy chung theo việc học mà đức chính được tăng tiến. Nay ngự giá ra ngoài hóng mát không nề sương giá, trong cung kèn trống thường nghe nửa đêm còn vang, có khi vì thế mà không khêu nên dậy muộn, chưa được chăm chỉ với chức trách như các vua nhà Thương nhà Chu cũng có lý do. Còn mong sớm hôm lo sợ, bớt chơi đùa để dưỡng thiên hòa,

ngõ hầu việc ra châu giảng sách được bình thường, đức thành trị lý mà thần dân thiên hạ có khi còn được đội phúc vậy”. Sớ dâng vào, vua phê nói “Về khoản dậy muộn ta cam nhận lỗi”.

0655. Khoa đạo Nguyễn Văn Quý tâu nói trong kinh thành có những nơi cấm tới gần, việc phòng bị phải nghiêm ngặt, gần đây quan thự nhà dân nhiều lần bị trộm, thậm chí nửa đêm còn gọi thầy đồng phù thủy lập đàn cầu đảo, tiếng người và trống chiêng huyền não mà Nha Hộ thành và các Phường trưởng không biết nghiêm cấm, dần dần tới nỗi như hiện nay, nguyên Tư vụ Hoàng Văn Tuân nhà ở phường Khuyến Trung vì việc bùa phép đến nỗi gây ra án mạng, tích tụ vốn có nguyên do, Nha Hộ thành xin giao cho bộ Binh nghĩ xử để nghiêm phép công mà bỏ tệ tục, bèn theo lời.

0656. Lúc bấy giờ hơn một tuần không mưa, sắc cho phủ hạt Thừa Thiên và các địa phương cầu đảo để thỏa lòng mong mỏi của nhà nông.

0657. Mùa hạ, tháng 4. Khâm sứ đại thần Hộ Nam công Brière nghĩ định xử trị việc cơ nghi ở quân thứ Hà Tĩnh gồm sáu khoản (Khoản 1: ngày 1. 5 Tây lịch năm nay (tức ngày 19 tháng 3 năm ấy) quân đóng ở các hạt Hữu kỳ đều nhất loạt bãi về. Khoản 2: các huyện ở hai phủ Quảng Trạch, Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình trước đã trích do đạo Khâm mệnh cai quản, nay nên phục hồi. Khoản 3: Khâm sai đại thần Duvillier trở về nguyên chức Công sứ An Tĩnh, chức Khâm mệnh đại thần tạm sung chờ chỉ. Khoản 4: tiền lương cấp thêm cho quan binh Đại Pháp Đại Nam nay nên nhất loạt thôi cấp. Khoản 5: quân phí của đạo ấy do Công sứ Nghệ An kê khai, vẫn do quan các tỉnh Bình Tĩnh Thanh Nghệ giúp đỡ, nên sung bổ thì chia nhau sung bồi quân phí. Phủ Phủ chính bàn nghĩ trình với Toàn quyền và vâng chỉ chuẩn cho thi hành. Khoản 6: lời nghị này do Trú sứ ở các tỉnh Thanh Nghệ Tĩnh Bình và Quản lý ở kinh, Khâm mệnh đại thần, Phủ chính thân thân, Phủ chính đại thần cùng theo chức vụ thi hành), do Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành.

0658. Khâm sứ đại thần Brière dâng bảy tấm bản đồ (Thiên hạ chư quốc toàn đồ, Đại Pháp quốc toàn đồ, Âu La Ba Á Tế Á và Phi Úc lưỡng châu toàn đồ, Nam bắc Á Mỹ Lợi Gia toàn đồ, Anh Đê Di và Tu Ni Di quốc toàn đồ (1) mỗi loại một tấm), thiên cầu địa cầu mỗi thứ một quả, mười bộ sách Tây dịch ra chữ Hoa (*Cách trí tu tri, Trung Pháp văn phiên dịch văn nghĩa, Các quốc giao thiệp công pháp, Luận hóa học cầu số, Hóa học giám nguyên và Tục biên, Hóa học tài liệu, Trung Tây danh mục biểu toàn thể tu tri, Thủy học quang học lực học tu tri, Thực vật đồ thuyết* (2), tất cả 63 quyển), mười bộ sách Tây chữ Tây (*Liệt quốc phong hóa truyện, Phong hóa lược biên, Thái Tây sử lược, Liệt quốc danh nhân biệt truyện, Đại Pháp quốc địa đồ tường thuyết, Thái Tây tiên đại sử lược, Đại Pháp quốc sử ký, Đại Pháp quốc sử luận, Đại Pháp quốc tiểu học sử ký, Hoàn cầu địa dư đồ thuyết*, tất cả 92 quyển). Bản đồ và cầu do Cơ mật viện dâng lên, sách vở do Nội các nhận giữ. Về sau đến tháng 9 lại dâng mười bộ sách Tây (*Đông Dương địa đồ tiểu ký, Đông Dương địa đồ chỉ lược, Tây tự văn tân, Tập độc Tây tự, Quốc ngữ văn tân, Tây học từ trát thể thức, Bệnh chứng tiểu giải, Kim Thạch kỳ duyên, Nam ngữ học lệ, Pháp học tân lương*, cùng một bộ sách in ảnh máy móc).

(1) Nguyên bản chép như trên, vì có chỗ chép gộp nên hơi khó hiểu, song có thể hiểu bảy tấm bản đồ nói trên là bản đồ thế giới, bản đồ nước Pháp, bản đồ châu Âu và châu Á, bản đồ châu Phi và châu Úc, bản đồ châu Mỹ, bản đồ nước Ấn Độ và bản đồ nước Tunisia.

(2) Nguyên bản chép như trên, vì có chỗ chép gộp nên hơi khó hiểu, song có thể hiểu *Thủy học quang học lực học tu tri* là ba bộ *Thủy học tu tri, Quang học tu tri* và *Lực học tu tri*.

0659. Dời chỗ hai tấm bia ngự chế trong Quốc tử giám tới hai bên Di Luân đường. Quan Quốc tử giám Khiếu Năng Tĩnh vì nhà bia trước cổng Quốc tử giám bị đột, lại gần đường đi qua lại hỗn tạp nên xin chiếu theo kiểu thức hai tấm bia trước Văn miếu dời đặt để được chỉnh nhả, chuẩn do nha hữu quan thi hành.

0660. Phủ chính thân thần Miên Trinh, Miên Lâm xin cho sĩ nhân Đặng Huyền lấy quyền hàm của cha (Đặng Chiêu quyền hàm Tùng Tứ phẩm lãnh Viên ngoại) dự vào hàng Ấm sinh. Bề tôi Khoa đạo tâu nói hai vương là thân phiến làm Phủ chính, phạm việc quan hệ tới thành toàn đức của vua, giữ giềng mối của nước mới nên tâu xin, lại bỏ qua đại thể, việc nhỏ lại vì tình thân, lại vì con nhà giàu mà xin ban ơn, e công luận có chỗ chưa phục, xin bác đi không chuẩn để trọng danh khí mà giữ pháp điển, theo như lời tâu.

0661. Ban dụ chuẩn cho quan viên văn võ đạo Khâm mệnh đều được thăng thưởng cao thấp khác nhau (Tán lý Nguyễn Gia Thoại, Thương biện Ngô Đình Khả đều được thăng thụ Thái thường tự khanh, Tán lý Lê Khiết, Tán tương Nguyễn Đình, Thái Văn Trung, Tham biện Hồ Văn Phúc đều được thăng Quang lộc tự khanh, Tán tương Tạ Tương, Độc biện từ hàn Lê Thám đều được thăng Quang lộc tự thiếu khanh, Tham biện Nguyễn Xuân Triêm thăng Hồng lô tự thiếu khanh, lãnh Bồ chánh Hà Tĩnh Tôn Thất Hân thăng thụ Quang lộc tự khanh, lãnh Bồ chánh Quảng Bình Huỳnh Côn thăng thụ Hồng lô tự khanh, Chương vệ Văn Tiên Hùng thực thụ Đề đốc, Thụ Chương vệ hàm Nguyễn Viết Hữu, Lãnh binh Lê Chấn, Phó Lãnh binh Ngô Mậu Trực đều được thưởng quân công thăng Chương vệ, Phó Lãnh binh Nguyễn Khắc Trọng, Quản cơ Nguyễn Văn, Đoàn Văn Cân đều được thăng Lãnh binh, Quản cơ Tôn Thất Vĩ, Đào Xuân Bách, Phó Quản cơ Phạm Cát đều được thăng Phó Lãnh binh).

0662. Tháng 5. Triệt bãi Tuần phủ Hà Tĩnh Phan Huy Quán về kinh xét nghĩ. Huy Quán làm việc có nhiều tiếng xấu khiến dân tình không vui. Khâm sứ đại thần Brière bàn xin triệt hồi, bèn chuẩn cho Bồ chánh Tôn Thất Hân, Án sát Nguyễn Hiền Dĩnh hội đồng quyền giữ ấn Tuần phủ.

0663. Đặt lại Thổ huyện Hòa Đa ở tỉnh Bình Thuận, lấy nguyên Tri huyện Thanh Giang là người bản địa làm Thổ Tri huyện. Huyện ấy nhân đình ruộng đất hơi nhiều, việc công cũng như một huyện, mà huyện người Việt Hòa Đa công việc bận rộn, khó mà kiêm lý nên đặt lại.

0664. Tấn phong Tổng đốc Ninh Thái Lê Hoan là Phú Hoàn nam. Hoan trải qua chiến trận gian lao, Kinh lược đại sứ Hoàng Cao Khải vì thế xin cho tấn phong (về sau vì gặp việc nên giảm một cấp, rút lại chờ sau khi yên tỉnh, việc phong tạm dừng. Đến tháng 4 năm thứ 12 mới bắt đầu tiến hành tuyên phong).

0665. Chuẩn cho Thừa phái ở Phủ Phụ chính chiếu lệ thuộc viên Nội các (Thừa phái sung bổ 5 năm bổ thụ Chánh Cửu phẩm, tròn 3 năm thì thăng hai trật, tới Chánh Thất phẩm là thôi. Hiện có 18 viên, trừ 1 người sung qua Sở Thạch ấn, 1 người viết biên bản hội thương, còn 16 người thường xuyên làm việc công thì chia ban chi lương, bắt đầu từ ngày 1 tháng sau).

0666. Tặng Phó Toàn quyền đại thần Fourès một tấm ngọc khánh, một đồng kim tiền Long văn hạng hai, Đồng lý đại thần Lu Sơ Tồi (1) một tấm kim khánh hạng lớn, Khâm sai đại thần Công sứ Bắc Giang Kê Niết (2) một đồng kim tiền Long văn hạng lớn. Kinh lược đại sứ Bắc Kỳ Hoàng Cao Khải tư nói đầu mục giặc tên Thám ở huyện Yên Thế Bắc Giang làm giặc lâu năm chiếm cứ núi rừng, năm trước Toàn quyền đại thần Rousseau về nước bàn định ủy nhiệm các quý đại thần trừ hoạch đánh dẹp chiêu dụ, tuy đầu mục giặc chưa bị bắt nhưng trốn nã chiêu dụ được đồ đảng rất nhiều, dân trong hạt nhờ vậy được yên ổn, nghĩ nên tặng thưởng nên chuẩn trích tặng.

(1) Nguyên bản viết là “Lu Sơ Tồi”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) Nguyên bản viết là “Kê Niết”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0667. Đạo Khâm mệnh ban sư khải hoàn, lấy ngày 10 tháng ấy cung nạp cờ tiết ấn kiếm, ngày 12 lãnh yến, ngày 26 trí tế tạ thần Kỳ Độc.

0668. Giảm hai toán Vũ sinh chiến sĩ ở tỉnh Hà Tĩnh, vẫn lưu binh Tuần sai để đánh dẹp.

0669. Phụ chính đại thần Trương Quang Đản dâng sớ nói viên ấy lạm dự ngôi phụ bật tám năm, đến nay chỉ ra sức làm việc để mong báo đáp. Duy hiện nay việc giao thiệp phần nhiều là ở trung ương, kỷ cương triều đình quy về Hội thương mà viên ấy tuổi cao (64 tuổi) sức yếu, ở chỗ nhiều việc bận rộn, sức chẳng như lòng, e có sơ sót lầm lỗi, ngẩng xin ân chuẩn giải chức ở Phủ Phụ chính và Cơ mật viện, chỉ chuyên sung chức ở Quốc sử quán, Kinh diên kiêm quản Quốc tử giám, ngô hầu phù hợp, tránh được bị trừng phạt. Vâng chỉ nói “Khanh lấy thân phận cựu thần giữ việc Phụ chính, trăm đang ý trọng, việc ở trung ương há cho từ chối. Nhưng đã vì tuổi cao sức yếu mà ở chỗ nhiều việc bận rộn có khi sức không kham nổi, xét lời xin ấy cũng là xuất phát từ đáy lòng, nên chuẩn cho như lời xin để tỏ rõ ý ưu đãi thể thiếp với bậc đại thần”.

0670. Ban dụ chuẩn cho Khâm mệnh đại thần Nguyễn Thân lấy hàm Hiệp biện đại học sĩ sung Cơ mật viện đại thần, kế chuẩn thăng Vũ Hiển điện đại học sĩ sung Phụ chính đại thần (lúc bấy giờ vì Phụ chính đại thần Trương Quang Đản xin từ chức chưa có ai sung vào để thay, và lại Vũ Hiển điện đại học sĩ Hoàng Cao Khải hiện lo việc ở Bắc Kỳ, cần người phụ tá tán trợ nên đặc biệt có mệnh sung vào).

0671. Chuẩn cho dời Lê Mẫn đế vào thờ ở gian chính tẩm trong miếu nhà Lê (ở thôn Kiều Đại tỉnh Thanh Hóa), sau Hựu tông Trưng hoàng đế (vốn thờ ở hành lang hai bên, về sau vâng lệnh đổi tên thụ dời vào thờ ở gian thứ bảy bên phải tiền đường, đến lúc ấy mới bắt đầu thờ trong miếu để hợp tình lễ).

0672. Đặt đạo Yên Thế ở Bắc Kỳ (trích các tổng Bồ Hạ, Hữu Thượng, Nhã Nam, Lạc Giới và xã Yên Lộc tổng Yên Lễ, các xã Hữu Mục, Dương Sơn, Quát Du, Cựu Phong tổng Mục Sơn, các xã Ngọc Cục, Phùng Cục, Mỗ Thổ, Ngọc Nham tổng Ngọc Cục, các xã Lạc Khuất, Thúy Cầu, Vân Cầu tổng Vân Cầu huyện Yên Thế tỉnh Bắc Ninh và hai tổng Quang Lang, Sơn Trang châu Bình Mô tỉnh Lạng Sơn, ba tổng Trú Hựu, A Hộ, Kiên Lao huyện Lục Ngạn, các xứ Chợ (1) Phong, Bảo Đài, Cai Kinh tỉnh Bắc Giang đặt làm một đạo, chiếu lệ đặt quan lại). Lấy Bang tá Bắc Ninh Thân Văn Ưông đổi bổ làm Quản đạo, nguyên quyền coi châu vụ châu Bình Mô Vi Viết Tinh làm phó. Hạt Yên Thế địa thế rộng lớn, hiện tại chưa yên ổn nên chia đặt như thế.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

0673. Chuẩn cho Quang lộc tự thiếu khanh lãnh Đốc học Quảng Bình Trần Văn Thiêm thăng Quang lộc tự khanh sung giảng tập cho hoàng đệ. Văn Thiêm là bề tôi dạy học cũ, từng giữ chức học quan, quan tỉnh là Huỳnh Côn đề đạt xin cho, nên có mệnh ấy.

0674. Hòa Thịnh công Miên Tuấn thọ 70 tuổi, sai Kiến Thụy hương công Bửu Thạch mang phẩm vật tới ban cấp.

0675. Bộ Lễ tâu xin cho Lê Ứng lập Ty Pháp lục và đặt dòng đạo, châm chước cấp cho tiền lễ theo lệ. Bề tôi Nội các kẹp phiếu nghĩ vào tờ tâu nói khoản Đạo lục không có ích lợi gì cho việc thật, sau khi có việc các tượng thần Ty Đạo lục quán Linh Hựu đã được thờ phụ ở chùa Diệu Đê, nghĩ cũng đã ổn thỏa. Nay lại nghe lời xin các lễ của Lê Ứng thì về sau lại nhân đó viện lệ kêu xin nhiều điều phiền phức, rất là bất tiện, phiếu tâu ấy xin không cần bàn. Vua không chuẩn lời nghĩ của Nội các mà theo lời nghĩ của bộ. Bề tôi Nội các lại làm tờ tâu nói “Việc trị bình phải quý thực hiệu, người làm việc ắt nghĩ tới lúc cuối, xét rõ điều tệ. Năm trước Đạo lục tuy đặt một dòng truyền

đạo nhưng rất nghiêm điều cấm về phép thuật, gần đây đạo quán ấy đã đình bãi nhưng còn nghe nhiều việc lên lút lừa dối mê hoặc nhân dân, tức như vụ nhà Hoàng Văn Tuân ở phường Khuyến Trung trong thành tháng 3 năm nay vì lên đồng mà xảy ra án mạng. Nếu cho lập lại đạo quán thì không chỉ hao phí của công mà bọn ấy còn tạ sự lừa dối mê hoặc, e không phải đạo lý ngăn tà thuyết mà chính nhân tâm, khẩn thiết xin thu hồi lệnh chuẩn ngõ hầu ngăn mặt lưu mà bớt lãng phí”. Vua theo như lời tâu. Về sau đến tháng 9 năm thứ 9 bộ Lễ lại tâu lên, chuẩn cho chọn đất xây nơi thờ, chức cấp 300 quan tiền công, 30 quan tiền lễ theo lệ để giữ chế độ cũ, nhưng không được tạ đoan sinh sự, vi phạm điều cấm, cũng không được viện lệ kêu xin gì cả.

0676. Tháng 6. Chuẩn miễn 67.000 đồng tiền sung bồi vào quân phí của bản quốc cho bốn tỉnh Thanh Nghệ Tĩnh Bình (Hà Tĩnh 16.000 đồng, Nghệ An 17.000 đồng, Thanh Hóa 32.000 đồng, Quảng Bình 2.000 đồng). Vốn bản bốn tỉnh phải nạp bù tiền quân phí cho nước Pháp 112.905 đồng và quân phí cho bản quốc 67.000 đồng. Tiền quân phí của quý quốc ngoài Thanh Hóa được miễn 40.000 đồng, Quảng Bình được miễn 2.000 đồng, số còn lại theo ruộng đất phân bổ thu nạp. Tới như tiền quân phí của bản quốc thì sau cơn binh lửa dân khó kham nổi nên đặc biệt chuẩn miễn cho (về sau tiền thuế của bốn tỉnh, quan tỉnh hoặc xin trích tiền thuế nạp quân phí, hoặc xin triển hạn nạp thuế nhưng đều không chuẩn, sai phải ráo riết đốc thúc đúng hạn nạp đủ).

0677. Giảm hai phần mười thuế ruộng vụ hạ cho Quảng Trị (hơn 7.024 hộ). Hạt ấy vì vừa rồi bão hạn lụt lội, lúa vụ hạ bị tổn thất nên châm chức miễn cho.

0678. Sắc sai học quan các phủ tỉnh thông sức trong hạt nếu có bản thảo *Đại Nam Nhất thống chí* dâng nạp (hoặc nạp nguyên bản, hoặc sao nạp, hoặc cho quan mượn sao) thì do bộ Lễ giao qua Quốc sử quán giữ, chờ phân biệt nghĩ thưởng. Trước là trong niên hiệu Tự Đức kính soạn bộ *Đại Nam Nhất thống chí* đã xong bản thảo hoàn chỉnh, nhưng năm Hàm Nghi thứ 1 vì có việc bị thất tán, đến lúc ấy quan Quốc sử quán tâu xin rộng tìm để có thể nhân sách cũ biên soạn, nên ban sắc sai tìm hỏi (về sau đến tháng 9 năm thứ 10 chuẩn cho quan Quốc sử quán là bọn Ngô Huệ Liên, Hoàng Hữu Xứng trông coi công việc).

0679. Xã An Ninh Thượng (huyện Hương Trà) phủ Thừa Thiên phát sinh vụ án ăn cướp nhà Thị vệ Hồ Biên (bọn cướp khoảng 7 người cầm đèn đuốc gây gộc ép bắt chủ nhà mở rương lấy đi 100 lượng vàng lá, 500 đồng, 150 quan tiền đồng và của cải khác). Tin báo lên, chuẩn trước tiên giáng Tri huyện Hoàng Tuấn một cấp lưu, tổng lý sở tại chiếu lệ bỏ bê chức vụ cách chức, vẫn ra hạn nghiêm ngặt dò xét tước nã để làm yên địa phương.

0680. Dãy phố bên phải cầu Đông Gia ngoài kinh thành bị phát hỏa lan ra các nơi An Hội, thôn mới Xuân Lộc, Trung Bộ, cháy mất 73 gian nhà tranh (thieu chết một người đàn bà), cháy lan qua 62 gian nhà tranh ở phường ấp huyện Hương Trà (cộng 135 nhà). Chuẩn chiếu lệ đã có (năm Thành Thái thứ 6 bộ Hộ bàn chuẩn trong có một khoản xã Bao Vinh huyện Hương Trà bị hỏa hoạn, cấp cho mỗi nhà thiệt hại nặng 20 quan, thiệt hại vừa 10 quan) chia hạng cấp cho (nhà người đàn bà chết cháy chức cấp cho 20 quan), lại châm chức trừ thuế năm nay để tỏ rõ sự thể tuất (kể nghĩ Đề đốc Hộ thành, Phủ thừa phủ Thừa Thiên, Tri huyện và nha thuộc đều bị giáng phạt nhiều ít khác nhau).

0681. Chuẩn chia đặt tổng mới Quế Phương ở huyện Hải Hậu (thuộc tỉnh Nam Định, gồm Quế Phương, Trùng Quang, Thanh Trà, Trung Phương, Liên Phú, Doanh Châu tất cả 6 xã, ruộng đất hơn 4.000 mẫu, đình 543 người, sưu thuế hơn 1.616 đồng). Tổng ấy trong niên hiệu Tự Đức nguyên Doanh điền sứ Đỗ Phát chia giao cho khách hộ ở các xã trung khẩn, đã dần dần đăng nhập vào sổ sách nguyên quán các xã ấy chịu thuế. Đến lúc ấy vì ruộng đất ở đó rộng rãi, những hộ trung khẩn chỉ còn rời rạc lẻ tẻ nên chia đặt, là theo ý dân mong muốn.

0682. Mùa thu, tháng 7. Toàn quyền đại thần Phủ Nam vương Rousseau tới kinh, sai Phụ chính thân thân Miên Lâm, Phụ chính đại thần Nguyễn Trọng Hợp, Nguyễn Thân, Trương Như Cương, Huỳnh Vĩ và vũ ban là bọn Lưu Cung ra cửa Thuận An đón tiếp. Đến khi vào triều yết tuyên phong xong, chuẩn đãi yến ở đình Nam Huân hồ Tịnh Tâm (lúc bấy giờ Bắc Kỳ Kinh lược đại sứ Hoàng Cao Khải gửi điện văn xin theo Toàn quyền đại thần về kinh chiêm cận, chuẩn cho). Toàn quyền đại thần tới chuyến này là có ý xem việc làm các đường bộ Hải Vân, Lao Bảo.

0683. Ngày Mậu tuất, ngự giá ra Hải Vân quan xem đường bộ. Lúc đầu Toàn quyền đại thần vào yết kiến xin ngày 22 tháng này ngự giá ra tàu máy cùng tới bến An Cư rồi lên bộ qua Hải Vân quan, tới bến Liên Chiểu sẽ do tàu máy hộ tống tới Đà Nẵng rồi ngự bình thuyền hồi loan. Bèn sai Hữu ty đều chiếu lệ vua ra ngoài ngày thường tuần hành (chuẩn cho Văn Minh điện đại học sĩ Nguyễn Trọng Hợp, Thống chế doanh Thần cơ Văn Tiến Hùng sung Lưu kinh, Vũ Hiến điện đại học sĩ Nguyễn Thân sung Hộ giá, Hiệp biện đại học sĩ Nguyễn Thuật, Tham tri Lê Thụy làm Tiền phong, Chương vệ Đỗ Hữu Lợi sung Hành cung, Biện lý bộ Hộ Hồ Đắc Trung, Tham biện Các vụ Đoàn Lang sung Hồ tùng, còn lại đều chiếu lệ thường thi hành). Ngày Tân sửu hồi loan, ban thưởng theo thứ bậc khác nhau.

0684. Toàn quyền đại thần đi tàu máy tới Đà Nẵng rồi vào Gia Định, chuẩn cho đại thần là bọn Trương Như Cương, Huỳnh Vĩ tới cửa Thuận An tiễn hành.

0685. Khâm sứ đại thần Briere nói Thống quản Hà Nội đã đệ tới 270.000 đồng xu đồng do Cục Thông báo Paris mới đúc xong (hai mặt in hình người, một mặt in bốn chữ “bách phân chi nhất”, có lỗ ở giữa), cấp phát để lưu hành, chuẩn gửi điện văn cho 12 tỉnh biết để thi hành. Tiền xu bằng đồng lưu hành là bắt đầu từ đó.

0686. Chuẩn cho Tổng đốc Thuận Khánh Vũ Doãn Tuân gia hàm Thái tử Thiếu bảo. Doãn Tuân ở chức tám năm, mọi việc đều ổn thỏa, dân cũng yên ổn, đặc chuẩn gia hàm để tỏ ý tưởng thưởng.

0687. Hai xã Phú Nông, Chính Lộc huyện Phong Điền phủ Thừa Thiên bị phát hỏa cháy hơn 100 nhà, chuẩn chiếu lệ chấn cấp (bị thiệt hại nặng mỗi nhà 10 quan, bị thiệt hại nhẹ cấp 5 quan, nhà hai người bị chết cháy cấp tiền gấp đôi là 20 quan). Nguyễn Xuân Liên chủ nhà phát hỏa đầu tiên không được cấp, đóng công giải rao (1) một tháng, đánh 100 trượng, tổng lý đánh 60 trượng, Tri huyện Hồng Kỳ bị phạt bổng 6 tháng.

(1) *Giải rao*: Nguyên bản chép là “giải hào”, là một hình phạt theo đó người có tội bị đóng công giải đi khắp nơi để răn bảo nhân dân trong một thời gian nhất định.

0688. Tháng 8. Bề tôi Phủ Phụ chính tâu nói ngày 2 tháng 6 năm nay khâm phụng Từ dũ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu ban dụ trong có một khoản nói nhân dân thuộc hạt Thừa Thiên kéo nhau theo đạo, nghe có người cậy thế làm bừa để quyết oán thù, công nhiên họp bọn cướp giết, thế mà không nghiêm khắc bắt xét trị tội, ắt sẽ còn quá hơn. Phủ Phụ chính phải hết lòng trừ tính, chờ Toàn quyền tới kinh bàn định thế nào thì lập tức tâu lại. Tháng trước quý Toàn quyền tới kinh, vâng đem việc bàn bạc, quý Toàn quyền nói gần đây những người theo đạo nghe có kẻ trước đây can án trộm cướp, nay thác cớ vào nhà thờ để mong được che chở thì có, những người ấy xét ra không phải là kẻ lương thiện, duy các việc hà hiếp cướp đoạt của bình dân thì chưa từng nghe, trước đây nhận được tờ tư chưa có nhân chứng rõ ràng, khó mà dựa vào để thu xếp. Bề tôi Phủ Phụ chính bàn nói những người mới theo đạo quả thật nhiều người phi lý làm bừa, dân không chịu nổi, như gần đây cướp đoạt thóc lúa, đòi hỏi tiền bạc nhưng việc cũng qua rồi, nghĩ nên đình chỉ tra xét. Trở đi hai bên có chuyện gì lãng nhục bức hiếp như tranh giành ruộng đất và chia tách đình vũ, xã dân khiếu kiện xin do quan ở các địa phương ấy bàn bạc với quý Công sứ chiếu lý mà phân xử ôn hòa công bằng để ai cũng biết sợ, không dám quá đáng mới có thể yên ổn với nhau. Quý Toàn quyền đại thần đáp nói việc ấy quý đại thần sẽ trình với Giám mục răn sức giáo dân để biết mà tuân hành.

0689. Nhà Chương vệ Thượng tứ Nguyễn Văn Hữu (người xã Vân Trình) bị cướp (Cửu phẩm Nguyễn Văn Tấn người trong xã theo đạo suất lãnh bề đảng cùng cầm đèn đuốc gây gộc xông vào nhà bắt ép đòi lấy tiền bạc, đuổi đánh vợ con viên ấy), chuẩn cho quan phủ Thừa Thiên phái người bắt bọn Nguyễn Văn Tấn giải giao cho bộ Hình tra xét rõ ràng nghiêm trị.

0690. Bàn định thuế rượu. Lúc bấy giờ Toàn quyền đại thần Rousseau tới kinh bàn bạc các khoản trong đó có bàn về thuế rượu. Công ty đến cuối năm Tây lịch mãn hạn lãnh trưng nên định ra phép đấu giá, mỗi tỉnh đều có công ty thì người mua được dễ dàng mà dân cũng tiện, đồng niên có thể thu được tới trên dưới 30.000 đồng. Nếu không có ai tình nguyện lãnh trưng thì lại khôi phục phép tổng trưng ở cả 12 tỉnh. Lại tư nghĩ định chia tiền lãnh trưng là 7% (ở Thừa Thiên, Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh Trị Bình Nam Ngãi Bình Phú Thuận Khánh) cho tiện. Bề tôi Cơ mật viện vì việc ấy tăng thêm tiền thuế, tâu lên chuẩn cho thi hành.

0691. Bàn định hai hạt Thanh Hóa, Thừa Thiên không được khai trưng mỏ than. Trước là năm Thành Thái thứ 3 bề tôi Cơ mật viện vì hai hạt ấy đều có lăng tẩm của tiền triều cùng núi Khải Tường từ Ninh Bình tới Thanh Hóa có quan hệ tới mạch đất nên chỗ nào khai mỏ đều phải kính tránh. Tra lại điều ước về khai mỏ trước kia chưa ghi rõ, đã qua bàn bạc nhưng chưa phúc đáp, đến lúc ấy Toàn quyền tới kinh lại đem ra bàn bạc thân định điều ước về khai mỏ không được khai trưng mỏ than ở hai hạt ấy để hợp với thể lệ của bản quốc (về sau quý Toàn quyền phúc đáp nói khoản ấy phù hợp, kính cần cùng tôn ý tốt, xin sao ra cho quan ở hai phủ tỉnh ấy ghi nhớ tuân thủ mãi).

0692. Phủ chính đại thần Nguyễn Trọng Hợp có bệnh dăng sớ xin nghỉ sáu tháng để về quê chữa trị (lời sớ đại lược nói chờ tội ở trung ương, gánh vác nhiều việc bận rộn đã lâu, chỉ nghĩ roi mạnh ngựa mỏi, còn chưa báo bổ, nay tuổi già nhiều bệnh, từ mùa thu năm trước đến nay bệnh ở tý phế lúc phát lúc yên, thầy thuốc nói phải yên ổn nghỉ ngơi, uống thuốc mới có thể kiến hiệu. Và lại vì bệnh thì sức chẳng như lòng, quả thật khó mà gắng gượng). Sớ dăng vào, chuẩn cho nghỉ ba tháng, lại sắc cho phủ Nội vụ trích 30 nén bạc rỗng, 3 cân quế Thanh, 10 lượng sâm ban cấp. Ngày nào đại thần lên đường, chuẩn cho một viên quản lãnh Thị vệ theo đường bộ hộ tống tới Cao Đồi, theo đường thủy đưa tới Thuận An để tỏ rõ ý thể thiếp.

0693. Ban dụ định rõ thể lệ bàn bạc thăng bổ quan vũ. Lời dụ nói “Bản quốc và nước Đại Pháp tình cùng một thể, mọi việc có liên quan với nhau, và lại dùng người quan trọng nhất phải nên bàn bạc cho được ôn hòa. Nay theo lời tâu của Phủ Phụ chính nói được lời bàn của hai đại thần Toàn quyền và Khâm sứ, tháng 6 năm trước đã vâng dụ chuẩn cho quan văn từ Thất phẩm trở lên thì bộ Lại trừ tính tư qua cho quý Khâm sứ duyệt lại thi hành, tới như quan vũ thì chưa nói tới, xin nên tăng bổ khoản về quan vũ mới được đầy đủ ôn hòa, Phủ Phụ chính đã bàn bạc tâu lên, trẫm thấy rất hợp. Nay cho quan vũ từ Lục phẩm Suất đội trở lên nên bỏ vào chức khuyết thì do quan bộ Binh chọn bổ, tư trình quý Khâm sứ đại thần duyệt lại rồi sẽ tâu xin thi hành. Còn lại từ Thất phẩm trở xuống và việc thường chiếu lệ biện lý vẫn do bộ chiếu biện, để việc chọn bổ được người, hẹn ngày bình trị. Việc này quan hệ tới việc hai nước thành thật giúp nhau, các hữu ty đều nên tuân theo thể lệ liệu lý cho tốt, đó là điều cốt yếu nhất” (kể bản lấy Hội biện Lại chính Bùi Như kiêm sung Binh chính).

0694. Sách *Từ huấn lục* của Nghi thiên Chương hoàng hậu, *Tự Đức thánh chế thi sử toàn biên* in xong, kính đưa ra điện Phụng Tiên, điện Hòa Khiêm để thờ.

0695. Trích huyện Mường Lâm (1) sáp nhập vào đạo Trấn Ninh Quảng Trị. Huyện ấy tên cũ là Mường Lan, vốn thuộc phủ Trấn Biên tỉnh Nghệ An. Lúc bấy giờ Khâm sứ Brière cùng tới kinh lý đất Lào, Khâm sứ Boulluche nghĩ so khoảng đường xa gần (cách tỉnh thành Nghệ An 22 ngày đường, cách đạo Trấn Ninh chỉ 6 ngày đường), nên đổi sáp nhập.

(1) Nguyên bản viết là “Mang Lâm”.

0696. Tổng đốc Nghệ An Lê Trinh báo tình hình ở tỉnh (ở phủ hạt Diên Châu Đề đốc Vinh, Lãnh binh Nghi, Thương biện Đĩnh của giặc hoặc bị bắt sống, hoặc ra đầu thú, đều đã đảo án), hạt Nghệ An nhất loạt yên ổn.

0697. Thái tử Thiệu bảo Hiệp biện đại học sĩ nguyên lãnh Tổng đốc Thanh Hóa trí sĩ Nguyễn Chánh chết. Chánh trước sung chức sư bảo, huân lao nhiều năm, chuẩn chiếu lệ cấp tiền tuất (700 quan), lại ân cấp 300 quan để tỏ ý ưu đãi thể thiết.

0698. Thường Đốc phủ sứ Gia Định Huỳnh Tịnh Của (1) hàm Hàn lâm viện Trục học sĩ. Tịnh Của nổi tiếng Tây học, đã đội ơn thường kim khánh, kim tiền, Long tinh các hạng. Gần đây lại mới soạn một bộ tự vị, tinh tường rộng rãi đáng khen, đặc biệt chuẩn ban thưởng cho.

(1) Nguyên bản chép là “Gia Định Đốc phủ Huỳnh Tịnh”, đây đính lại như trên. Bộ tự vị nói tới trên đây là bộ *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của xuất bản ở Sài Gòn năm 1895 - 1896

0699. Chuẩn cho cháu huyện tôn của Tá vận công thần Thái bảo Kinh Môn quận công Nguyễn Văn Nhơn đã quá cố là Nguyễn Tuân (Ấm sinh học ở Quốc tử giám) chiếu lệ (năm Tự Đức thứ 33 vâng lời dụ chuẩn trong có một khoản nói con cháu của các bề tôi được âm thụ phạm có học thức thì cho tập ấm theo hàm Hàn lâm viện, lấy đó làm lệ mãi mãi, lại chiếu lệ gần đây người Nam Trung phải có quan viên châu huyện nhận thực) đổi làm Hàn lâm viện Tu soạn, tập phong Kinh Môn nam.

0700. Sách *Thánh chế tự học giải nghĩa ca*, *Luận ngữ thích nghĩa ca* hoàn thành, chuẩn do Sở Tu thư Quốc sử quán kiểm xét in ra.

0701. Chuẩn khai phục chức hàm cho cô Tri phủ Kiến Xương bị cách Nguyễn Công Tuy. Công Tuy là ông nội (1) của Phụ chính đại thần Nguyễn Thân, trong niên hiệu Minh Mạng bị dân vu khống bị cách chức, con là cô Tĩnh Man Tiểu phủ sứ Nguyễn Tấn, trong niên hiệu Tự Đức tình nguyện mộ quân ra sức chuộc tội những chưa được đội ơn rửa oan. Đến lúc ấy đại thần Nguyễn Thân đem việc tâu lên, chuẩn cho như lời xin.

(1) Nguyên bản chép là “tằng tổ” (ông cố), là “tổ” (ông nội) bị chép lầm, vì Nguyễn Công Tuy là cha Nguyễn Tấn, Nguyễn Tấn là cha Nguyễn Thân, đây đính lại và dịch như trên.

0702. Nha Thương trường kê khai những hiệu tiền đồng tiền kẽm các triều lưu lại làm kiểu thức chứa riêng (tiền đồng hiệu Gia Long một đồng ăn 6 đồng tiền kẽm, loại lớn 1 quan 2 mạch, loại nhỏ 12 quan, loại nhỏ trên lưng có khắc chữ triện “6 phân” 1 quan 2 mạch, loại nhỏ đúc trước 12 quan, loại nhỏ đúc sau 15 quan, tiền kẽm 15 quan. Tiền đồng hiệu Minh Mạng một đồng ăn 6 đồng tiền kẽm, loại lớn 12 quan, loại nhỏ 12 quan, tiền kẽm 15 quan. Tiền đồng hiệu Thiệu Trị một đồng ăn 6 đồng tiền kẽm, loại lớn 12 quan, loại nhỏ 12 quan, tiền kẽm 5 quan. Tiền đồng hiệu Tự Đức một đồng ăn 6 đồng tiền kẽm, loại lớn 12 quan, loại lớn trên có khắc chữ chính tự “lục văn” 12 quan, loại nhỏ 12 quan, tiền kẽm 15 quan. Tiền đồng hiệu Đồng Khánh một đồng ăn 10 đồng tiền kẽm 12 quan. Tiền đồng hiệu Thành Thái một đồng ăn 10 đồng, loại đúc thử 12 quan, loại do Thanh Hóa theo kiểu đúc 40 quan – đồng thời Trang Liệt và đồng khác đều 10 quan (1), đồng nắp nổi (2) 20 quan) dâng lên ngự lãm.

(1) Nguyên bản chép là “Trang Liệt đồng điều các thập quan” (đồng thời Trang Liệt đều 10 quan), ngờ là bị sót. Điều 0527 chép tháng 9 năm Giáp Ngọ Thành Thái thứ 6 (1894) “chuẩn trích giải đồng ở hàm Trang Liệt qua Cục Thông báo. Nha ấy vừa mới đặt, đã giao đồng Chử Lai và đồng Tự Long nhưng là lần đầu nên khó đúc...”, có lẽ chữ “đều” ở đây là kể cả các loại đồng ấy, đây tạm đính và dịch như trên.

(2) Nguyên bản chép là “Oa cái đồng”, có lẽ chỉ chung loại đồng tái chế từ các vật dùng bằng đồng đã hư hỏng.

0703. Tháng 9. Ngự giá ra xã Cổ Bi xem săn bắn.

0704. Chuẩn cho Tổng đốc Nam Ngãi Nguyễn Hữu Thằng thăng thụ Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Binh (kế chuẩn sung Cơ mật viện đại thần), Hộ Tổng đốc Thanh Hóa Vương Duy Trinh đổi làm Hộ Tổng đốc Nam Ngãi, Thượng thư bộ Hình Tôn Thất Vịnh đổi làm Tổng đốc Thanh Hóa, Thượng thư bộ Binh Đào Tấn đổi làm Thượng thư bộ Hình, Quang lộc tự khanh lãnh Bộ chánh sứ Hà Tĩnh Tôn Thất Hân Hộ lý Tuần phủ quan phòng tỉnh ấy (thay nguyên Tuần phủ Đào Hữu Ích xin nghỉ về quê), Hồng lô tự khanh nguyên Hộ Tuần phủ Hà Tĩnh Phan Huy Quán quyền Hộ Tuần phủ Trị Bình, Bộ chánh Quảng Bình Huỳnh Côn đổi lãnh Bộ chánh Hà Tĩnh, Tán lý đạo Khâm mệnh Lê Văn Trung đổi lãnh Bộ chánh Quảng Bình, lãnh Án sát Quảng Trị Trần Đình Phác đổi lãnh Phủ thừa Thừa Thiên (thay Trần Xán đang tại ngoại chờ tra xét), Viên ngoại Phủ Tôn nhân Tôn Thất Lệnh đổi

lãnh Án sát Quảng Trị, Lễ khoa Chương án Lưu Đức Xứng đổi làm Án sát Nghệ An (thay Phan Hữu Thường làm việc tầm thường về kinh chờ chi), Bang biện Nha Tu lý Lê Xuân Bút đổi thụ Quang lộc tự thiếu khanh tham biện công việc nha ấy.

0705. Chuẩn cho Đông Các đại học sĩ sung Phó Tổng tài Quốc sử quán Trương Quang Đản sung Tổng tài (vì Tổng tài Nguyễn Trọng Hợp xin nghỉ), Thượng thư bộ Công sung Toàn tu Hoàng Hữu Xứng sung Phó Tổng tài, Đốc học Khánh Hòa Nguyễn Liên đổi thụ Hồng lô tự thiếu khanh sung Toàn tu.

0706. Tham tri bộ Lại sung đại thân quân lãnh Thị vệ Phan Thanh Liêm chết. Thanh Liêm dòng dõi phiệt duyệt, huân lao nhiều năm, về sau truy tụy ở cung cấm, hết lòng làm việc, chuẩn truy tặng Thượng thư bộ Binh, chiếu theo hàm mới cấp tiền tuất để tỏ ý ưu đãi cựu thần.

0707. Bề tôi Phủ Phụ chính tâu xin trở đi phạm đường quan ở Lục bộ chừa nha nên cư trú trong bản nha, trừ khi có việc gấp thì thuộc viên tới nha thự trình việc thì đều do trưởng quan bộ nha ấy nghĩ định kỳ hạn (hai ngày một lần, hoặc buổi sáng hoặc buổi chiều) họp ở sảnh đường của bộ bàn việc. Nếu vẫn vắng mặt trễ nãi như trước thì do trưởng quan ấy tham hặc để thêm chăm chỉ. Quốc triều thiết lập nha thự các bộ cho quan viên đương chức cư trú, về sau hoặc cho tụy tiện dời qua ở nơi khác, hoặc làm việc công ở nhà, thường đến nỗi bề trễ công việc, nên bề tôi Phủ Phụ chính nhắc tới.

0708. Ban dụ xây dựng cầu sắt bắc qua sông Hương. Lời dụ nói “Chính trị nhân đức không gì quan trọng bằng ra ơn cho dân. Gần đây phạm tiến hành làm các cầu đường là để tiện cho dân vậy. Nay theo lời Cơ mật viện tâu nói phía trước sông Hương là đường quan lộ, nghĩ nên làm một chiếc cầu sắt để tiện thông hành, duy vì phí tổn rất lớn nên còn phải chờ tính toán trừ biện. Nay Toàn quyền đại thần Đại Pháp Phủ Nam vương Rousseau tới kinh, qua bàn định với Trú kinh Khâm sứ đại thần Hộ Nam công Briere và bề tôi Cơ mật viện thì chiếc cầu sắt ấy nghĩ chiếu theo kiểu thức thứ nhất (bề ngang khoảng 5 thước 2 tấc thước Tây), lần lượt chi tiền kho 190.000 đồng để xây dựng. Quý Toàn quyền đại thần bàn nói cầu ấy là công trình to lớn, đã do bản quốc chịu chi phí, quý đại thần cũng hết lòng giúp đỡ, phạm mua bán các vật liệu gỗ ván than sắt đều nên đấu giá, ngoài ra cho Đốc công Bô Ra (1) xem xét, lương tháng của viên ấy do nước ta chiếu lệ cấp phát, khoảng 18 tháng có thể hoàn thành. Nay trước tiên phải tiến hành đấu giá cùng làm khoán ước với những người lãnh biện trước ngõ hầu giảm được các khoản phí tổn, khoản này đã bàn định ổn thỏa, nghĩ cũng có thể thi hành, cho Cơ mật viện bàn định tâu lên chuẩn cho thi hành”. Về sau đến tháng 4 năm thứ 9, Toàn quyền Doumer (2) tới kinh, nghĩ việc xây dựng cầu này là công trình rất lớn. Bàn nên chịu tổn kém một lần để có thể yên ổn lâu dài, bèn ban dụ sai bộ Hộ trích giao 190.000 đồng cho quý Bảo hộ nhận làm, số còn thiếu do quý Bảo hộ trích tiền giúp đỡ, còn như những vật liệu cần dùng thì do bộ Công trừ biện thi hành. Khi hoàn thành chuẩn dựng bia ghi lại việc ấy. Tháng 9 hội đồng đấu giá, lại chuẩn cho đại thần Nguyễn Thân sung Kiểm giám việc đấu giá (tháng 4 năm thứ 10 mở rộng cầu, phí tổn khoảng 500.000 đồng, cũng do Bảo hộ giúp đỡ. Tháng 10 ngự giá lên cầu làm lễ đặt viên đá đầu tiên (3), đến tháng 10 năm thứ 12 làm lễ khánh thành).

(1) Nguyên bản viết là “Bô Ra”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) Nguyên bản viết là “Đô Mi” (phía sau có chỗ viết là “Đô Mỹ”, “Đô Mai” nhưng cũng là một người), tức Paul Doumer. Nhân vật này giữ chức Toàn quyền Đông Dương từ 13. 2. 1897 đến 30. 6. 1902 thì xin từ chức, chính thức giải nhiệm ngày 15. 10. 1902.

(3) Nguyên bản chép là “hành thiết thạch lễ”.

0709. Ban dụ chuẩn cho trở đi phạm đất xây dựng Tòa sứ ở các tỉnh thì nước ta nên coi như nhượng địa, vẫn chờ quý Đốc công vẽ xong bản đồ đệ lên sẽ do Cơ mật viện bàn bạc ổn thỏa xin ban chỉ cho thi hành.

0710. Chuẩn trích tiền công cấp cho 8 phủ huyện ở Hà Tĩnh mỗi nơi 200 quan trí tế vong hồn một đàn, để tránh oán khí ngưng trệ (hạt ấy từ khi có việc đến nay nhân dân gặp nạn binh đao chết oan rất nhiều, oán khí tương triền không biết lúc nào tan hết. Hộ Tuần phủ Tôn Thất Hân xin trích tiền công để tế, lại chi lương quan dựng đàn siêu độ, bèn chiếu lệ năm Đông Khánh thứ 2 trích cấp cho các phủ huyện tỉnh Quảng Nam làm lễ cấp cho).

0711. Trùng tu điện Khâm Văn và Ngự lãm thư lâu, lấy Chương vệ Tả dực doanh Vũ Lâm Nguyễn Cảnh sung Đồng lý.

0712. Ký lục Di Mông Bì Gia (1) ở Tòa sứ Quy Nhơn xin trưng một khoảnh đất bỏ hoang (ở chỗ giáp giới hai thôn Tăng Vinh, Cát Hiến huyện Tuy Phước) 493 mẫu, chiếu lệ ruộng hạng ba nạp thuế (đồng niên hơn 542 quan), do quan tỉnh lập khoán ước giao cho lãnh trưng.

(1) Nguyên bản viết là “Di Mông Bì Gia”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0713. Mùa đông, tháng 10. Tấn phong Phụ chính đại thần Vũ Hiên điện đại học sĩ Khâm sai Bắc Kỳ Kinh lược đại sứ Diên Mậu tử Hoàng Cao Khải là Diên Mậu bá để biểu dương công lao mà tỏ rõ sự phong tặng về vang.

0714. Toàn quyền đại thần Rousseau từ Nam Kỳ đi tàu máy ra bắc tới Đà Nẵng, sai Phụ chính đại thần Nguyễn Thân, Thượng thư bộ Hộ Trương Như Cương tới đón tiếp.

0715. Toàn quyền đại thần Phù Nam vương Rousseau, Khâm sứ đại thần Hộ Nam công Brière vì gần đây đội ơn được phong tước xin chiếu lệ bản quốc trông tòng ở đàn Nam Giao để ghi lại việc ấy mãi mãi, cho theo lời.

0716. Đô thống Tiền quân Lư Cung vì gian xảo bất pháp (vơ vét hạch sách tặng biếu các khoản) bị đình thần văn vũ tâu hạch, chuẩn giải chức giao cho bộ Hình tra xét (về sau chuẩn giáng bốn cấp cho về quê hưu dưỡng, vĩnh viễn không được bổ dụng).

0717. Tháng 11. Toàn quyền đại thần Phù Nam vương Rousseau chết (quý quan Fourès quyền thay). Sai bề tôi Cơ mật viện gửi điện văn thăm hỏi, lại gửi điện văn thông tri cho các tỉnh treo cờ ở giữa cột cờ để tỏ ý cùng đau xót. Chuẩn cho Phụ chính đại thần Văn Minh điện đại học sĩ Vĩnh Trung tử Nguyễn Trọng Hợp, Phụ chính đại thần Vũ Hiến điện đại học sĩ Bắc Kỳ Kinh lược đại sứ Diên Mậu bá Hoàng Cao Khải mang lễ phẩm cùng tới viếng tang. Lại chuẩn cho Cơ mật viện đại thần Nguyễn Hữu Thăng sung Khâm mệnh cùng Tham biện Nội các Hồ Đắc Trung mang sắc văn tới Quảng Nam và Hải Phòng chờ tàu máy tới (do quý phu nhân và con trai con gái đưa quan tài đại thần lên tàu về nước) ban sắc văn, lễ phẩm (tam sinh), tới trước linh cữu quý đại thần tuyên đọc trí tế để hợp tình lễ.

0718. Hai bên lương giáo xã Thâm Triều (thuộc tỉnh Quảng Trị) tranh giành công điền công thổ. Tòa Khâm sứ bàn nghĩ nên do quan tỉnh bàn bạc đốc sức hào lý chiếu lệ phân cấp cho được công bằng để cùng yên ổn.

0719. Khâm sứ đại thần Brière bàn nên đắp lại đường từ Cột cờ (1) tới đàn Nam Giao và núi Ngự Bình để tránh quanh co cho tiện đi lại. Ban sắc sai ngày nào cấm mốc thì do Khâm thiên giám khám lại xem có quan ngại gì không thì tâu lại rõ ràng. Về sau quan Nội các tâu nói khoảng giữa đoạn đường cấm mốc (từ bờ sông bên phải Phủ Cam tới đàn Nam Giao) có nhiều mồ mã, xin do quan phủ Thừa Thiên chỉ xuất tiền công mua quan tài dời qua chôn ở bãi mộ hoang gần đó (thuộc xã Dương Xuân), mùa thu hàng năm tế lễ, lễ phẩm thêm một phần ba, ngô hầu ơn trạch thăm tới xương khô, nghĩ cũng là một việc thuộc nhân chính, bèn theo lời.

(1) Nguyên bản chép là “kỳ trụ”.

0720. Việc tu sửa điện Sùng Ân hoàn thành. Ngày Nhâm Tuất (ngày 2 tháng 12) phụng hành lễ cung nghênh an vị (tham chiếu nghi thức hoàn thành điện Biểu Đức năm Thành Thái thứ 4 châm chước thi hành).

0721. Tháng 12. Bắt đầu đặt Trường Quốc học chữ Tây. Trước là Khâm sứ Brière bàn về các khoản sinh viên Quốc tử giám nên học thêm chữ Tây, phép thi nên thêm phần thi chữ Tây cùng quy thức học tập ở Ty Hành nhân nên đổi định thế nào. Bèn đặt hội đồng cùng bàn, kế Nghị định ban dụ thi hành. Lời dụ nói “Học không có thầy nhất định, cốt phải học rộng. Việc dạy ắt phải lập cho sự học được rộng. Đại khái ngoài cái học sáu kinh còn có Lục thư (1), việc giao thông giữa các nước trọng chuyện từ lệnh, duy việc học có rộng thì sau có thể theo phương mà dùng cho phù hợp, việc dạy có chuyên thì về sau có thể tinh nghiệp mà thành người tài năng, đó đều là việc cần thiết hiện nay không thể coi thường. Nước ta từ Quốc tử giám ở kinh sư tới các tỉnh phủ huyện không đâu không học Nho học, đã tinh tường lại đầy đủ, nhưng về cái học Thái Tây vẫn còn nhiều khiếm khuyết. Mới đây Cơ mật viện tâu nói Tổng thống Đông Dương Toàn quyền đại thần nước Đại Pháp Phù Nam vương Rousseau tới kinh và Trú kinh Khâm sứ đại thần Hộ Nam công Brière họp bàn đặt trường học chữ Tây, chiếu nguyên các khoản mà các viên hội đồng Phó Công sứ nguyên sung quản lý tòa sứ Bắc Xích (2), Phó Công sứ sung Hội biện Lại chính Bùi Như lâm Chương hội, Thương biện Cảnh Tê (3), Thượng thư bộ Hộ Trương Như Cương, Thượng thư bộ Lễ Huỳnh Vĩ, Thương biện Ngô Đình Khả bàn định chắc đã ổn thỏa phù hợp. Nay chuẩn đặt trường ấy, gọi là Trường Quốc học để dạy tiếng và chữ Đại Pháp, tham khảo dạy thêm chữ Hán. Học trò chuẩn cho những người từ 15 tới 20 tuổi, phạm Công tử tôn thất, Âm tử quan viên, ai đã thông Nho học và sinh viên Quốc tử giám cùng học đường các tỉnh, ai tình nguyện thì tuy quá 20 tuổi mà tư chất tốt đẹp cũng cho chiếu lệ chi học bổng (4) cho vào học. Tới như học trò Ty Hành nhân, phạm học trò ưu tú con nhà dân ai thông hiểu chữ Hán mới cho vào học, sát hạch nếu đúng là thông hiểu cũng được cấp học bổng dự học như lệ học sinh. Tới như những người từ 8 tới 12 tuổi thì cho cha anh trình với Chương giáo cho vào lớp khác học tập để đúng thứ tự. Giáo quan chuẩn đặt 1 Chương giáo, 4 Đốc học trợ giáo, 1 Giáo tập trẻ em, đều chiếu hàm chi bổng. Lại chiếu theo hội đồng đã định cấp thêm lương tháng có cao thấp khác nhau. Còn nên đặt 2 người Giám thị (5) cùng Từ hàn, Điền thủ đều 1 người, chiếu hàm chi cấp lương bổng, không được cấp thêm. Viên Chương giáo trước tiên chuẩn cho Khâm sứ đại thần chọn lựa cử ra, bàn bạc với Cơ mật viện, nếu ưng thuận thì trình cho Toàn quyền đại thần sắp xếp, vẫn chiếu cấp ấn quan phòng để dùng. Phạm việc có quan hệ với Tòa sứ và viện bộ các nha đều được toàn quyền tư báo để coi trọng trách nhiệm. Còn lại như các viên giáo chức do bề tôi Cơ mật viện cùng quý Khâm sứ đại thần ủy cho hội đồng sát hạch, ai am tường chuẩn cho sung bổ, vẫn đều ở lại trong trường để chuyên việc giáo tập. Các viên Từ hàn, Điền thủ thì cho bộ Lại chọn bổ, việc xây dựng trường học phòng ốc và nhà ở của nhân viên giáo chức Giám thị và lương bổng chi phí cho trường đều do bản quốc chi cấp. Việc phân định nhật kỳ dạy học, tất cả việc trường quy sĩ số, xét bổ niên hạn chi cấp lương bổng chuẩn do Chương học và nha sở quan bàn rõ trình qua bề tôi Cơ mật viện xem xét bàn bạc với quý Khâm sứ đại thần duyệt lại ổn thỏa thì chuẩn cho thi hành, phạm những việc có quan hệ tới trường ấy phải do quý đại thần chiếu lệ giúp đỡ, cốt cho ổn thỏa. Và lại việc giao thiệp hiện nay thì hiểu rõ ngôn ngữ thông suốt tình lý đang là điều cốt yếu, các viên Chương học đều nên cẩn thận theo đúng khóa trình gia tâm đào tạo để người học thông hiểu cả chữ Tây chữ Hán, trẻ em thành người đều được ích lợi, ngô hầu làm việc xử thế đi sứ đều được người xứng đáng để không phụ thành ý đặt trường học dạy nhân tài, đó là điều trẫm rất mong mỏi vậy”. Từ dụ này chuẩn

sao ra cho quý Toàn quyền đại thần tuân duyệt, các khoản lớn về Chương học và điều lệ của trường ấy chuẩn do quý đại thần nghĩ định rõ thêm và có nên đặt quan hay không thì hội đồng bàn bạc giúp đỡ, Việc trường vụ và sát hạch giáo chức đều chuẩn cho bàn bạc ôn thỏa hoặc ủy cho quý Khâm sứ đại thần nghĩ biện để tiện làm theo (lại chuẩn cấp cho Trường Quốc học ấn quan phòng và kiểm nhỏ, chiếu theo kiểu thức của Quốc tử giám mà làm). Đến lúc ấy Toàn quyền đại thần đưa công văn qua bàn định các khoản (Khoản 1: thiết lập trường học ở kinh, gọi là Trường Quốc học, chuyên dạy chữ và tiếng Đại Pháp, cũng không nên bỏ hết chữ Hán. Khoản 2: trường Hành nhân vốn có nay nên đình bãi, lấy Trường Quốc học thay thế. Khoản 3: ngoài sinh viên Quốc tử giám và học trò trường Hành nhân thì định rõ từ phạm người từ 15 tới 20 tuổi mới cho vào học, những người nêu ra trong khoản 6 không theo lệ này. Khoản 4: Công tử, Công tôn. Tôn sinh, Âm sinh, học trò trường Hành nhân, sinh viên Quốc tử giám theo lệ được vào trường thì do bản quốc chi cấp học bổng. Khoản 5: học trò khảo xét thấy am hiểu chữ Hán có thể học được thì cho vào học. Khoản 6: trẻ em từ 8 tới dưới 15 tuổi do cha anh trình với Chương giáo thì nên cho vào học, đặt riêng một lớp để dạy. Khoản 7: quan chức trong trường nghĩ nên đặt bốn hạng giáo chức một hai ba tư mỗi hạng 1 người, Giáo tập trẻ em 1 người, Giám thị 2 người. Khoản 8: Chương giáo do Khâm sứ đại thần bàn với Cơ mật viện nhất trí thì xin với Toàn quyền đại thần quyết định bổ nhiệm. Viên ấy theo lệ được bổ hàm tương đương với quan viên bản quốc, phạm gặp việc có lên quan với tòa viện bộ nha thì cho được toàn quyền tư báo. Khoản 9: các chức giáo tập do Tòa sứ ủy quan hội đồng sát hạch bổ nhiệm. Khoản 10: các viên Chương giáo, giáo chức ngoài việc được chiếu hàm chi bổng theo lệ, nên cấp thêm cho Chương giáo mỗi tháng 50 đồng, giáo chức hạng nhất 25 đồng, giáo chức hạng hai 20 đồng, giáo chức hạng ba 15 đồng, giáo chức hạng tư và Giáo tập trẻ em 10 đồng (6). Khoản 11: các viên Chương giáo, giáo chức đều phải cư trú trong trường. Khoản 12: giờ giấc dạy học nghỉ ngơi của trường, nội quy trong trường cùng số hiệu học trò và tất cả các việc cần làm phải trình lên Cơ mật viện và Tòa Khâm sứ hợp duyệt, nhưng trước tiên phải trình rõ cho các quan coi việc giáo tập khắp Nam Kỳ Bắc Kỳ nước ta xem xét góp ý. Khoản 13: sinh viên sát hạch dự hạng được thưởng thế nào sẽ bàn định riêng. Khoản 14: lương bổng học bổng của quan chức học sinh trong trường do bản quốc chi cấp. Khoản 15: Nghị định này do Tòa Khâm sứ và Cơ mật viện chiếu lời nghị thi hành). Bèn lấy Thái thường tự khanh Ngô Đình Khả làm Chương giáo, định rõ từ trung tuần tháng giêng năm sau khai trường.

(1) *Lục thư*: sáu lỗi tạo tự trong chữ Hán như chỉ sự, hội ý, giả tá, hình thanh..., đây dùng chỉ các loại chữ viết không phải chữ Hán.

(2) Nguyên bản viết là “Bác Xích”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(3) Nguyên bản viết là “Cạnh Tê”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(4) *Học bổng*: nguyên văn chép là “chi lằm”, trong bản dịch này chúng tôi nhất loạt dịch là “học bổng”.

(5) Nguyên bản chép là “Kiềm khán” hay “Khán học”.

(6) Nguyên bản không chép số tiền phụ cấp hàng tháng cho giáo chức hạng tư, có lẽ cũng là 10 đồng như Giáo tập trẻ em nhưng bị chép sót, đây đính lại như trên.

0722. Sắc sai Hoàng Trị công Hồng Tổ kiêm nhiếp Hữu Tôn khanh phủ Tôn nhân, là vâng theo ý chỉ.

0723. Chuẩn trở đi phạm quan văn từ Tùng Ngũ phẩm (thực hàm, trở xuống cũng thế), quan vũ từ Tùng Tứ phẩm trở lên cùng Đồng Tri phủ, Đồng Tri huyện, Đồng Tri châu văn giai và các viên đứng đầu Thái giám trong cung đều ban cấp cáo sắc, về loại giấy văn thức đều tuân theo lệ trong niên hiệu Minh Mạng mà làm. Còn lại văn từ Chánh Lục phẩm, vũ từ Chánh Ngũ phẩm và Thái giám trong cung hạng vừa trở xuống tuân chiếu lời chuẩn năm Tự Đức thứ 18 nhất loạt cấp sắc văn bằng giấy hội.

0724. Chuẩn định lệ chép là Hàm Nghi đế trong sách Phụ biên (1). Trước là tháng giêng năm Đồng Khánh thứ 3, Tôn nhân và đình thần tâu xin theo lệ chép Hàm Nghi đế là Xuất đế, tháng 12 năm Thành Thái thứ 5 chuẩn chép phụ phần Xuất đế vào Đệ ngũ kỷ. Về sau bề tôi Quốc sử quán vì không có sử sách nào chép là Xuất đế để dựa vào nên xin giao cho Tôn nhân đình thần bàn lại. Tháng 9 năm nay Tôn nhân đình thần bàn chuẩn như cách chép Hoài Dương vương (2), gọi là Hàm Nghi đế, bề tôi Quốc sử quán cho rằng tước Hoài Dương vương là Quang Vũ phong cho, còn Hàm Nghi là xa giá rời kinh, so về niên hiệu e có chỗ chưa ổn nên trình xin bàn lại. Tôn nhân đình thần vì lần trước dẫn lệ bản bạc có chỗ chưa phù hợp, lại xin theo lệ hai vua Kiến Văn (3), Cảnh Thái (4) trong *Minh sử* (Kiến Văn xuất vong, chép là “Vua ngài Kiến Văn đế xuất vong hải ngoại”. Thành vương nối ngôi đặt niên hiệu Cảnh Thái, Anh tông lại tránh chép là phế vua Cảnh Thái, vẫn chép là Thành vương”), theo lệ gọi là Hàm Nghi đế chép phụ vào sau tháng 6 năm Kiến Phúc thứ 1, niên hiệu chia ra chú dưới chữ “Năm Ất Dậu”, phạm gặp việc thì chiếu theo nghĩa lệ sách Phụ biên thu xếp ngõ hầu ôn thỏa, theo như lời bàn.

(1) *Phụ biên*: tức phần *Đại Nam chính biên Đệ ngũ kỷ phụ biên* chép về lịch sử Việt Nam đời vua Hàm Nghi.

(2) *Cách chép Hoài Dương vương*: Hoài Dương vương tức @

(3) *Kiến Văn*: tức Chu Doãn Văn, cháu nội Minh Thái tổ Chu Nguyên Chương, cha là Ý Văn thái tử chết sớm, được lập làm Hoàng thái tôn, Sau khi Minh Thái tổ chết được lập làm vua, lấy niên hiệu là Kiến Văn, Yên vương Chu Lệ con thứ tư Minh Thái tổ bắt phục, thác có trừ nạn cho hoàng gia, dấy quân cướp ngôi, hạ Nam Kinh, Doãn Văn tự thiêu chết. Chu Lệ tìm được xác cho chôn cất, nhưng về sau trong dân gian đồn đãi Chu Doãn Văn chưa

chết mà lưu vong ra nước ngoài. Câu “Vua ngự Kiến Văn đế xuất vong hải ngoại” trên đây là trong Minh sử, quyển, Truyện,

(4) *Cảnh Thái*: tức Chu Kỳ Ngọc, con thứ Minh Tuyên tông, em Minh Anh tông, được phong là Thành vương. Lúc Anh tông lên bắc được giao làm Giám quốc, kế lên ngôi, lấy niên hiệu là Cảnh Thái, tôn Anh tông làm Thượng hoàng. Anh tông trở về, Kỳ Ngọc nghe lời Thạch Hanh đón Anh tông lên ngôi vua, kế chết, được

Quyển 9

0725. Năm Đinh Dậu Thành Thái thứ 9 (1897 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Chuẩn trở đi phàm xã dân tới quý Tòa nạp đơn khiếu kiện các việc lật vật thì đều bác đi. Lúc đầu Khâm sứ Briere tư nói gần đây xã dân tranh giành các việc lật vật nhiều người vượt cấp kêu lên với tòa, thông dịch tư xét thêm nhiều phiền phức. Và lại chiếu theo Hòa ước thì những việc ấy chỉ do bản quốc chiếu luật Đại Nam xét xử, nghĩ nên thân sức trở đi trừ các việc công ích trong nước cùng thể lệ quốc chính của nước Bảo hộ và quan lại giao thiệp cùng các việc khó khăn (như các khoản về đạo và xã ấp mới lập chuyển qua kiện tụng, hoặc nhượng địa, hoặc kiện tụng phủ huyện Chánh tổng những nhiều có bằng chứng xác thực) có liên quan với người phương Tây, thì phàm những đơn từ khiếu kiện phân xử việc riêng ở Tòa không nhận đơn. Cơ mật viện bèn tâu lên, chuẩn cho thi hành.

0726. Bô chánh Bình Thuận Phạm Văn Khoa vì tham nhũng bị triệt hồi tra xét. Khoa vào tháng giêng năm trước được bổ làm Bô chánh Bình Thuận (thay Lê Văn Trứ bệnh chết), đến lúc ấy Trứ sứ vì không ngay thẳng chỉ trích xin triệt hồi (về sau vì xét không phạm tội nặng, và lại trước kia đánh dẹp có công được thăng thưởng, lại được cho về quê nghỉ hai tháng thăm cha mẹ, kế chuẩn thăng Thái thường tự khanh đổi thụ Bô chánh Thanh Hóa).

0727. Sách *Thực lục Chính biên đệ tứ kỷ* hoàn thành, chuẩn thưởng cho sử thần nhiều ít khác nhau (tháng 12 năm ấy kính in chánh pho bản ba bộ, kính đưa lên tầng trên điện Càn Thành, điện Đông Các và Quốc sử quán kính giữ).

0728. Sách phong Mậu tần Nguyễn Gia thị làm Hoàng quý phi (con gái của Vũ Hiến điện đại học sĩ Túc liệt tướng Diên Lộc bá Nguyễn Thân). Công chúa thứ nhất, công chúa thứ hai đều chuẩn phong làm Trưởng công chúa.

0729. Tháng 2. Toàn quyền đại thần mới là Doumer tới kinh. Sai bọn Phụ chính thân thần Miên Phương, Phụ chính đại thần Nguyễn Thân tới cửa Thuận An đón tiếp. Kế vào yết kiến, chuẩn đãi yến ở hồ Tịnh Tâm rồi tới Tòa Khâm sứ thăm hỏi. Đến khi trở về, chuẩn cho bọn Phụ chính đại thần Nguyễn Thân, Trương Như Cương tiễn tới Cao Đồi, Thượng thư bộ Hình Đào Tấn hộ tống tới Đà Nẵng. Lại trích phẩm vật ban tặng (tặng quý đại thần ngọc khánh loại tốt và ngà voi, kiếm bạc, gấm đoạn các loại, tặng quý phu nhân ngọc bội loại tốt và các quý quan tùy tùng kim khánh các hạng).

0730. Phụ chính đại thần Văn Minh điện đại học sĩ Vĩnh Trung tử Nguyễn Trọng Hợp trí sĩ. Trọng Hợp vào tháng 8 năm trước vì bệnh tình xin nghỉ ba tháng về quê tỉnh dưỡng. Đến tháng 11 vì tuổi cao (63 tuổi) sức yếu, bệnh tình lúc nặng lúc nhẹ, thể khó miễn cưỡng, viện lệ (lời nghị chuẩn tháng 4 năm Thành Thái thứ 3) xin hưu trí. Đến lúc ấy Toàn quyền đại thần tới kinh bàn định ổn thỏa tâu lên. Vua phê nói “Khanh là cựu thần thạc vọng, phụ bật nhiều năm, việc nước việc ngoài đều được ổn thỏa. Trước đây vì bệnh xin về, trăm hàng ngày mong cho mau khỏi, sớm trở về kinh. Nay vì già bệnh viện lệ xin hưu, dục hoàn vi thượng, tình rất tha thiết, sao có thể lại làm trái ý, chuẩn cho khanh mang nguyên hàm về quê hưu trí, bổng lệ chuẩn chiếu theo nguyên hàm chi cấp ba phần tư, đây là ưu đãi đại thần, việc thuộc đặc cách. Khanh còn sống thì khẩn khẩn không quên triều đình là điều trăm rất mong mỏi vậy”. Sau đó nhận được thư của Khâm sứ đại thần Briere nói Văn Minh điện đại học sĩ Vĩnh Trung tử Nguyễn Trọng Hợp về hưu nên xét lệ Tể phụ về hưu trước đây đội ơn được hậu đãi, xin ban dụ cho thỏa đáng. Bề tôi Phủ Phụ chính bèn xin tham chiếu lệ Càn Chánh điện đại học sĩ Tuy Thịnh quận công Trương Đăng Quế về hưu năm Tự Đức thứ 16 (trong có một khoản Nội các nghị dụ chuẩn cho lấy nguyên hàm hưu trí, lại chuẩn cho đình thân đều đưa tiền, hàng năm vẫn chi nửa bổng, quan tỉnh phải tới thăm hỏi mỗi tháng một lần tư lên cho bộ biết, nếu bị bệnh nặng thì lập tức tâu lên bất kỳ lúc nào), do Nội các phụng dụ để tỏ ý ưu đãi. Bèn ban dụ nói “Từ xưa bề tôi cũ có công lao thì quốc gia vốn ý trọng nên thường đến ngày trí sĩ, ân lễ càng thêm, đó không phải là ân huệ đặc biệt để nuôi dưỡng lão thần mà là khích lệ tiết tháo giữa dòng lui gáp (1) để khuyến khích người sau. Phụ chính đại thần Văn Minh điện đại học sĩ Vĩnh Trung tử Nguyễn Trọng Hợp khoa giáp cựu thần, có công với nước. Trăm lúc thơ trẻ nối ngôi, khanh ở Phủ Phụ chính hết lòng giúp đỡ, trong hợp nhân dân, ngoài bèn hòa hiếu, trong tám năm nay rất nhiều công tích rõ ràng. Nay tuy rằng tóc chưa suy nhưng lo nghĩ chồng chất khiến nên thành bệnh, mùa thu năm trước xin nghỉ về quê, ta hàng ngày trông ngóng, nghĩ tuổi cao già bệnh, đang nghĩ đưa vào chỗ tốt, ngõ hầu ân nghĩa lưỡng toàn. Mùa xuân năm nay lại viện lệ xin về hưu, trăm đành phải miễn cưỡng cho theo lời xin để tỏ chút lòng coi trọng, chứ trong lòng yêu mến biết ngày nào quên. Nay theo lời tâu của Phủ Phụ chính nói Khâm sứ đại thần gởi thư nghĩ xin các lễ, nghĩ có chỗ hợp, phàm chim hồng bay xa (2) là nhờ cánh lông, chim hạc kêu vang (3) không cầu chức tước, nay chuẩn gia hàm Thái tử Thái bảo, hàng năm chi bổng ba phần tư, đặc mệnh sai Hữu Tham tri bộ Lễ Trần Chí Tín mang dụ cùng một tấm kim bài, mười chi lộc sâm, bốn phiến

quế Thanh, năm lượng hoàng kim và mười tám gấm tới truyền chỉ ban cấp, lại tuyên thị cho quan tỉnh sở tại phải tới thăm hỏi mỗi tháng một lần tư lên cho bộ biết. Nếu khanh khỏi bệnh khỏe mạnh có muốn triều yết thì lúc nào cũng cho tâu bày, hoặc có việc gì quan trọng cần tuyên triệu cũng chuẩn cho tới kinh triều yết để tỏ thành ý của trẫm nhớ tới cũ mong người hiền. Khanh nên nghĩ tới các triều yêu mến, lòng ở vương thất, tuy bàn trắng gió nói nông tang mà chỉ trung với hiếu để giúp đỡ con cháu, thỉnh thoảng tâu bày lời lão thần, làm sáng cho nước nhà là điều trẫm rất mong mỗi vậy”.

- (1) *Giữa dòng lui gấp*: nguyên văn là “cấp lưu dừng thoái”, chỉ việc đang làm quan thuận lợi mà xin trí sĩ,
- (2) *Chim hồng bay xa*: nguyên văn là “minh hồng”, đây ví với kẻ sĩ ở ẩn tránh đời.
- (3) *Chim hạc kêu vang*: nguyên văn là “lệ hạc”, đây ví với cuộc sống tự do không bị ràng buộc.

0731. Ngày Tân mùi (ngày 12) cử hành đại lễ tế tự Nam Giao.

0732. Thân định lệ mới mộ lập ấp (trở đi phạm các xã thôn mới mộ lập ấp, bất kể có muốn lãnh tiền quan hay không thì số ruộng đất thực trung phát canh và trong sổ sách ghi là bỏ hoang chằm chước chia làm ba phần, hai phần làm ruộng công một phần làm ruộng tư, chiếu lệ nạp thuế. Trở đi phạm có việc như thế, như nếu có tên xã mà dân xiêu tán bỏ hoang ruộng đất lại mộ lập lại cũng theo đó mà làm).

0733. Bàn định lệ cho vay của Đông Dương hối lý ngân hàng. Lúc đầu Quyền Toàn quyền đại thần Fourès bàn định về các khoản ngân hàng ấy cho các xã thôn thế chấp ruộng đất vay tiền (tất cả 12 khoản), trong đó Nam Bắc hai kỳ có xã thôn nào muốn vay tiền đều cho tới ngân hàng ấy nạp đơn, do quý quan phê chuẩn làm tin (mỗi năm vay 100 đồng thì tiền lãi 8 đồng, tiền Tây 100 quan thì tiền lãi 8 quan). Toàn quyền đại thần và các Công sứ chằm chước thay đổi muốn cho chỉ có lợi mà không có hại duyệt lại để thi hành. Cơ mật viện đem việc tâu lên.

0734. Quan Thanh tra Thuộc địa của Đại Pháp Mê Di Sơ (1) tới làm việc, chuẩn thưởng cho kim khánh hạng nhất. Bác vật sư trường Toulouse (2) là Hưng Di Dinh Bôn (3) đệ tiến một quyển Tân thư (trong nói cách dùng điện khí luân chuyển), chuẩn thưởng kim khánh hạng hai đều một tấm.

- (1) Nguyên bản viết là “Mê Di Sơ”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.
- (2) Nguyên bản viết là “Tu Lô Sơ”.
- (3) Nguyên bản viết là “Hưng Di Dinh Bôn”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0735. Khâm sứ đại thần Brière gởi thư nói nhận được tờ tư của bộ Hộ cho biết năm nay kính gặp lễ thất tuần khánh tiết của Trang ý Thuận hiệu Thái Hoàng thái hậu, số thuế còn thiếu của các tỉnh năm trước xin giảm bốn phần mười, quý đại thần duyệt thấy ôn hợp, và lại việc đó tuân theo điển lệ trước nay, ra ơn thì nhân dân càng thêm kính mộ triều đình hiện nay mà cũng có thể giảm bớt những lời đàm luận không tốt. Đại khái trước nay vua vì ngôi vua tôn quý nên cư xử sơ suất cố chấp, đã qua nhiều lần can gián đều ban sắc hối hận sửa lỗi nhưng vẫn không làm. Bề tôi Cơ mật viện dâng phiến tâu rõ.

0736. Bãi bỏ huyện Thọ Xương (thuộc tỉnh Hà Nội), thiết lập Nha Hiệp lý Hà Thành. Lúc đầu Phó Toàn quyền đại thần Fourès bàn nói thành phố thuộc tỉnh án kiện rất nhiều, quan tỉnh không phải thống thuộc thì quyền quản trị chưa có thể lệ xác định, nghĩ bỏ huyện đặt nha để tiện chia ra trị lý. Kinh lược đại sứ Hoàng Cao Khải đem việc ấy làm tập tâu dâng lên, chuẩn lấy Bộ chánh Lục Nam Nguyễn Cần sung làm Biện lý nha ấy (chê cấp ấn kiểm để dùng, ấn kiểm của huyện Thọ Xương nạp về cho Nha Kinh lược, quan lại đổi bỏ chức khác, văn thư giao cho Nha Hiệp lý nhận thi hành).

0737. Nguyên Tổng đốc lãnh Tuần phủ Hà Tĩnh hưu trí Vũ Khoa chết. Khoa là cựu thần làm quan trải khắp trong ngoài, nhiều lần tỏ rõ công lao, Hồng quận làm quan (1), sĩ dân cùng lòng ái mộ, Châu Sơn cáo lão (2), ưu ái hiện ở thơ văn. Đến lúc ấy chết (74 tuổi), ân cấp tiền tuất (800 quan) để tỏ ý ưu đãi thể thiết.

- (1) *Hồng quận làm quan*: nguyên văn là “Hồng quận tuần tuyên”. “Tuần tuyên” là chữ trong *Kinh Thi, Đại nhã, Giang Hán* “Vương mệnh Thiệu Hồ, lai tuần lai tuyên” (Vua sai Thiệu Hồ, đi khắp nơi để tuyên bố mệnh lệnh), về sau cũng dùng chỉ chức Tuần phủ. “Hồng quận” tức quận Hồng Lĩnh, đây chỉ tỉnh Hà Tĩnh, nơi Vũ Khoa làm Tuần phủ trước khi về hưu trí.
- (2) *Châu Sơn cáo lão*: nguyên văn là “Châu Sơn quy lão”. Châu Sơn là một địa danh thuộc huyện Hương Thủy phủ Thừa Thiên, quê của Vũ Khoa.

0738. Tháng 3. Tiết Thanh minh, vua ngự ra An lăng chiêm bái, các tôn lăng tôn điện đều sai quan kính thay hành lễ.

0739. Tiến tặng Kiến Thụy quận vương làm Kiến Thoại Thái vương, vương cơ Lê thị làm Kiến Thụy vương phi.

0740. Vua ban sắc phái Thị vệ cùng quan phủ Thừa Thiên đi khắp trong hạt dò xét xem lương giáo có yên ổn với nhau không, mùa màng được mất ra sao cùng hiện tình rõ ràng tâu lên không được che giấu. Về sau đến cuối mùa hạ đầu mùa thu lại chiếu lệ phái biện. Bề tôi Phủ Phụ chính sao lục đem bàn, Khâm sứ Brière viết thư trả lời

nêu ra ba khoản (Khoản 1: vua còn chưa chấp chính, chưa tiện ban sắc sai làm những việc ấy. Khoản 2: việc ấy phải do Phủ Phụ chính bàn với quý Tòa chiếu biện. Khoản 3: phải biện như thế không khỏi gây ra việc khơi gợi thù oán cũ, bàn tán xôn xao bất tiện), bèn đình ban sắc ấy.

0741. Dời đặt phủ lý Tương Dương (thuộc Nghệ An) tới Cửa Rào (1). Phủ lý phủ ấy vốn đặt ở địa phận xã Chính An, Trú sứ Nghệ An nghĩ xin dời đi cho được ở ngay giữa phủ, lại nghĩ lập cạnh phủ lý một khu chợ để tiện việc thương mại, đặt một viên Giáo thụ để dạy học trò, theo như lời xin.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “Lạo”@.

0742. Khâm sứ đại thần Briere tư nói các khoản Phủ doãn Thừa Thiên Tôn Thất Uyển bị tố cáo (thông đồng với nha thuộc đánh tráo tiền công, mua trâu bò làm tam sinh trong lễ tế Giao, đòi hỏi những nhiễu) và việc tra xét xử án có nhiều điều không hợp, lại trái với Nghị định giao thiệp giữa hai nước (Một khoản: Kiêm Đô sát viện Võ Duy Tịnh sung Tam pháp ty thu nhận đơn của tên Cửu Lý mà tên ấy can tội làm mất tiền công hiện bị giam cầm, quả thật trái lẽ. Lại viên ấy là Phó Đô Ngự sử lại phái người xuống xã dân hỏi lấy đơn kiện để tham hặc quan phủ, cũng là trái lẽ. Một khoản: viên Phó Đô Ngự sử ấy cùng sung biện Các vụ Lê Khiết thông đồng dâng tờ tâu xin bớt việc của Phủ doãn phủ ấy giao cho Phủ thừa chuyên biện, mà không hề chuyển bàn với đại diện Bảo hộ và thượng quan cùng biết, trái với Nghị định giữa hai nước. Một khoản: Phủ Phụ chính và Cơ mật viện không thân sức chế ngự đến nỗi viên Phó Đô Ngự sử ấy cùng Nội các có thể vượt phận làm trái thể lệ, rất là bất nhã đối với quan đại diện Bảo hộ. Và lại viên ấy làm việc không phải không có tiếng xấu, quý đại thần không muốn che chở, nếu chiếu theo lý phải trừng trị cũng không nên thiên lệch tha thứ vân vân), nên do Cơ mật viện và chính khanh Lục bộ tra xét nghĩ xử. Kế nghĩ Võ Duy Tịnh, Lê Khiết giáng hai cấp rồi chức, Tôn Thất Uyển giáng một cấp lưu, đều dời bổ chức ở ngoài.

0743. Đặt các chức Đốc học và Trợ giáo tiếng Pháp ở Trường Quốc học (Hồng lô tự thiếu khanh Nguyễn Hữu Mẫn sung Đốc giáo, Thị giảng Nguyễn Tiến Cương sung Trợ giáo hạng hai, Cung phụng Nguyễn Tương sung Trợ giáo hạng ba, Tu soạn Nguyễn Văn Phiếm sung Trợ giáo hạng tư), lại định lệ phụ cấp thêm (Trợ giáo hạng nhất 25 đồng, hạng hai 20 đồng, hạng ba 15 đồng, hạng tư và Giáo tập trẻ em – tức hạng năm đều 10 đồng). Kế lại đặt các chức Giáo quan và Trợ giáo chữ Hán (bọn Quản giáo Nguyễn Văn Mại, Trợ giáo Hoàng Thông).

0744. Thân dụ về ngạch tạp thuế của bản quốc, lời dụ nói “Quốc gia chi dùng tự có phép thường, thuế lệ trung thu phải theo định ngạch. Nước ta và nước Đại Pháp hòa hiếu ngày càng thân thiết, phạm các việc thuế khóa cần phải bàn bạc ôn hòa. Tháng 5 năm Thành Thái thứ 7 đã chuẩn định ngạch tạp thuế chia làm ba phần, một phần giao cho bản quốc, một phần giao cho quý Bảo hộ, một phần sung vào Công cục, lại như thuế với người Thanh cũng chiếu lệ ấy mà làm. Nay theo lời Cơ mật viện tâu nói nhận được lời bàn của quý Toàn quyền đại thần và quý Khâm sứ đại thần Hộ Nam công Briere nói khoản thuế tạp ngạch ấy đã chia làm ba phần, vẫn truy lên từ năm trước giao cho bản quốc một phần, trong đó có thêm bớt khác nhau. Duy năm trước bản quốc được chia 130.000 đồng, so với các năm trước thì nhiều hơn. Nay Nghị định trở đi quý Bảo hộ trích khoản thuế ấy giao cho bản quốc mỗi năm 130.000 đồng, chia làm hai kỳ, mỗi kỳ sáu tháng trích giao một nửa là 65.000 đồng để tiện biên chép vào sổ sách, vẫn là chiếu thuế tạp ngạch hiện thu mà nói, nếu sau này có khoản thuế nào mới sẽ bàn chia trích riêng. Xem tờ tâu cũng là tùy nghi theo thời bàn bạc cho thu có định ngạch, thuế có số thường, chuẩn cho thi hành. Lời dụ chia làm ba phần trước đây thì nên đình bãi”.

0745. Mùa hạ, tháng 4. Toàn quyền đại thần Doumer từ Gia Định đi tàu máy ra Bắc Kỳ qua ngang Đà Nẵng, chuẩn cho đại thần Nguyễn Thân, Tham tri bộ Lễ Trần Chí Tín tới thăm hỏi (về sau đến tháng 5 quý đại thần từ Bắc Kỳ đi tàu máy về Gia Định, lại sai bọn Nguyễn Thân đưa tiễn như trước. Quý đại thần nói từng nghe vua ban đêm vẫn nhiều lần ngự giá ra ngoài, xin cố gắng tu tinh chăm lo đức chính, quý đại thần cũng nguyện hết lòng bảo hộ vân vân).

0746. Chuẩn miễn số tiền phạt mà các tổng lý ở Hà Tĩnh còn thiếu. Hạt ấy năm trước nghĩ trách phạt tổng lý để sung thưởng quan quân, hiện tại số tổng lý ấy hoặc đã bị xử án, hoặc đã chết, hoặc vì nghèo khổ nên rất nhiều người không thể nộp đủ. Quan tỉnh là bọn Tôn Thất Hân xin trừ số đã nộp rồi, hiện còn thiếu 7.615 quan, 104 lượng bạc, 7.469 đồng đều cho khoan miễn. Bề tôi Cơ mật viện vì tình ấy trải qua bình lữa, mười nhà thì chín nhà trống rỗng, khó mà nộp đủ, khoản thiếu ấy xin chuẩn đình thu để giảm nỗi khổ cho dân, theo như lời bàn.

0747. Ban dụ định lệ cấp giấy chứng nhận thưởng kim khánh kim tiền kim bội. Lời dụ nói “Chế độ Trung tộ (1), triều đình lấy đó để tôn đức báo công, nhưng trong khoảng ban thưởng phải có sự thận trọng. Các hạng kim khánh kim bội kim tiền của nước ta là vật quý nhất trong danh khí. Trước nay đội ơn được thưởng tặng đều cấp vật thật, chưa có phân biệt. Nay theo lời Cơ mật viện tâu nói quý Khâm sứ đại thần Hộ Nam công Briere hội thương với bề tôi viện ấy nói các hạng kim khánh kim tiền của bản quốc rất quý trọng nhưng trước đây tặng cấp quá nhiều, e có sự lạm dụng ân cách mà kho nước lại không có gì để bù. Trở đi như có tặng biếu các đại thần thượng ty của quý quốc kim khánh kim tiền và ban thưởng tiền bạc cho quý quan đều xin cấp vật thật, còn lại được dự thưởng kim tiền kim khánh hạng nào, xin nên viết cấp giấy chứng nhận, trên giấy ấy vẽ hình dáng kiểu thức của loại khánh loại tiền được thưởng để tiện chấp chiếu, còn tiền thật khánh thật cho được tự thu xếp để thuận tiện. Giờ xem thấy có ý thận trọng danh khí, nghĩ là ôn hòa thích đáng, tựu trung ai được thưởng kim khánh kim bội chuẩn cho cấp

giấy chứng nhận bằng giấy Long tiên, ai được thưởng kim tiền chuẩn cho cấp giấy chứng nhận bằng giấy Đông Hồ, mặt trước viết văn thức khâm cấp, mặt sau phía trên in hình dáng kiểu thức kim khánh kim bội kim tiền được thưởng, phía dưới viết Cơ mật viện cung lục, đóng ấn của viện giao cho chấp chiếu. Còn khoản chuẩn cho phỏng theo kiểu thức thì cho thi hành”.

(1) *Trung tề*:@

0748. Năm này mở khoa thi Hương, chuẩn cho trường Thừa Thiên lấy thêm 3 Cử nhân, trường Hà Nam tăng thêm giải ngạch (18 Cử nhân, 54 Tú tài). Khoa này Phân khảo trường Nghệ An Trương Đức Uẩn vì can tội bị cách chức.

0749. Giảm một nửa tiền thuế thân năm nay cho tỉnh Bình Định (16.485 quan). Hạt Ấy mùa đông năm trước bị lụt 242 thôn, nhân dân bị chết, nhà cửa trôi dạt, đã chuẩn chẩn cấp (6.753 quan), mùa màng tổn thất, chiếu lệ trừ tô thuế. Đến lúc Ấy lại châm chước giảm thuế thân để giảm nỗi khổ cho dân.

0750. Bề tôi Quốc sử quán dâng năm điều Phàm lệ của bộ *Thực lục Chính biên đệ ngũ kỷ* và *Phụ biên* cùng ba điều Phàm lệ của bộ *Chính biên đệ lục kỷ* lên ngự lãm, chuẩn cho sao ra tuân hành (Phàm lệ đều chép rõ trong *Thực lục* các kỷ).

0751. Giảng tập hoàng đệ Trần Văn Thiêm tâu nói đội ơn lấy việc dưỡng chính làm đầu, học tập lấy việc thành đức làm quý. Các hoàng đệ chưa đỗi được tính trẻ con, rất dễ tới chỗ sai sót, vụ làm đổ xe trước đây (hoàng đệ mượn xe độc mã của quý quan Thống binh Xu Phi (1) vô ý làm đổ hỏng phải đền 200 đồng) rất là đáng sợ. Nếu ngày thường không đề phòng thì lòng lãnh để sơ suất, xin ban sắc định ngày tề tựu ở Duyệt Thị đường thỉnh an để biết lễ thăm hỏi (2), do trực thân trong Nội các khảo vấn đề có chỗ sợ hãi phân phát. Lại xin ban một cái roi mây để đánh kẻ lười biếng. Còn như những người trực hầu xin đều lệ vào Sở Giảng tập sai khiến để đề phòng chỗ tai mắt không nghe tới thấy tới. Phàm như thế chí mới chuyên nhất, việc dạy mới có chỗ thi thố, không có sự dẫn dụ khác với lòng thì không thể theo vào chỗ tối tăm, mà đức nghiệp từ đó thành tựu. Vua chuẩn lời tâu.

(1) Nguyên bản chép là “Xu Phi”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) Nguyên bản chép là “ôn thanh chi lễ”, là “ôn lương chi lễ” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

0752. Tháng 5. Ngày Bính ngọ (ngày 5), kính gặp lễ thất tuần đại khánh tiết của Lê thiên Anh hoàng hậu. Trước đó sai Tôn nhân đình thần kính nghĩ những nghi thức cần làm (tham chiếu lễ lục tuần đại khánh tiết năm Đồng Khánh thứ 2 và lễ bát tuần đại khánh tiết năm Thành Thái thứ 1 của Nghi thiên Chương hoàng hậu), châm chước cử hành, đầu mùa xuân làm lễ đàm ban ân chiếu (tất cả 10 điều). Trước đó ba ngày đem việc tế cáo ở điện Phụng Tiên, tâu lên cung Gia Thọ. Đến hôm Ấy vua đích thân suất lãnh Tôn nhân và đình thần văn vũ kính tới cung Trường Ninh làm lễ chúc mừng thượng thọ. Lễ xong, ban ân chiếu cho trong ngoài (tất cả 10 điều).

0753. Chuẩn cho ba hoàng đệ vào những ngày lễ tiết theo lệ (ban hoàng tử hoàng đệ sau các hoàng thân, đều theo thứ tự lớn nhỏ làm thứ tự, không cần phân biệt bên trái bên phải, câu nệ tước phong) xếp hàng sau các hoàng thân, theo ban lạy mừng (về sau kính gặp những ngày lễ tiết cũng theo lệ Ấy mà làm).

0754. Tặng đại sứ nước Pháp ở thành Tokyo (1) Nhật Bản Harmand (2) một tấm kim khánh hạng lớn nhất, một đồng kim tiền và quý phu nhân một tấm kim bội. Quý đại thần trước đây sung Khâm sai đại thần ở Bắc Kỳ, lập nhiều công lao, đến lúc Ấy gặp đại khánh tiết, chuẩn tặng để tỏ ý thân thiết.

(1) Nguyên bản viết là “Tô Ky Ô”.

(2) Nguyên bản viết là “Hà Gia Bân (tức Hà Ra Mang)”, tức François Jules Harmand, Tổng ủy (Commissaire Général) đại diện ngoại giao của Pháp ở Việt Nam từ tháng 7. 1883 đến tháng 10. 1884, là người thay mặt chính phủ Pháp ký kết Hòa ước Quý mùi ngày 25. 8. 1883.

0755. Khâm sứ đại thần Brière bàn giao số thuế thân của người Thanh và thuế tạp ngạch thu được năm Tây lịch năm trước tổng cộng hơn 519.567 đồng (thuế thân của người Thanh hơn 28.324 đồng, thuế thuốc phiện 125.000 đồng, thuế rượu từ nước ngoài đưa vào 3.584 đồng 92 xu, thuế muối 7.316 đồng 33 xu, thuế thuốc lào hơn 4.320 đồng, thuế dầu hỏa 12.643 đồng 92 xu, thuế củi 1.190 đồng 93 xu, thuế cau khô 13.560 đồng 50 xu, tín chỉ 18.117 đồng 52 xu, ty thuế rượu 305.500 đồng), trừ các khoản phí tổn chia cho bản quốc 125.981 đồng, lại trừ phí tổn chi cấp (13.430 đồng 15 xu), thực tồn 106.546 đồng 23 xu (1), do kho của Nam triều nhận. Sai bộ Hộ hội đồng với Phủ Nội vụ kiểm nhận mang về giữ.

(1) Nguyên bản chép về những số liệu thống kê loại này nhiều khi rất không ăn khớp, chỉ là con số đại khái chứ không phải con số chính xác.

0756. Định lệ nạp tiền chuộc tội bị đánh roi đánh trượng và thay đổi kỳ hạn khổ sai ở Bắc Kỳ. Trừ các án đánh trượng đi đây, đánh trượng khổ sai và đánh trượng khổ sai vài tháng thì chiếu án phạt thật, còn lại những án

phải đánh roi đánh trọng có thể nạp tiền chuộc tội thì chuẩn nạp mỗi trọng 5 hào, mỗi roi 3 hào, nạp xong thì tha. Lại trở đi phạm quan viên có chức tước phạm tội bị đánh trọng chuẩn cho nạp tiền chuộc tội và phạt bổng giáng cấp cách lưu hay thuộc loại tội nhẹ theo tội nạp tiền chuộc tội thì chiếu theo luật lệ mà làm, còn lại ai phạm tội bị đánh trọng nhưng tình tội quá nặng không thể khoan miễn có thể châm chước đổi thành khổ sai, đánh 60 trọng đổi thành khổ sai 3 tháng, đánh 70 trọng đổi thành khổ sai 4 tháng, đánh 80 trọng đổi thành khổ sai 6 tháng, đánh 90 trọng đổi thành khổ sai 8 tháng, đánh 100 trọng đổi thành khổ sai 10 tháng, lấy đó làm lệ vĩnh viễn. Lúc bấy giờ Thống sứ Bắc Kỳ cho rằng nguyên lệ nạp tiền chuộc tội quá nhẹ (mỗi trọng nạp tiền 1 mạch 30 đồng, mỗi roi 1 mạch), các hạt nghị án không thống nhất (có khi tội đánh 100 trọng mà chuẩn đổi thành khổ sai 7, 8 tháng, có khi tội đánh 70, 80 trọng mà chuẩn đổi thành khổ sai một năm), nên có lời nghị ấy.

0757. Chuẩn trở đi phạm dịch trạm tỉnh nào bị trộm mất nhiều hàng hóa thì so sánh chiếu luật Người giám thủ tự trộm cấp tiền lương trong kho (điều 233) (1) cùng tang vật luận tội.

(1) *Điều 233*: tức điều 233 trong *Hoàng Việt Luật lệ*, tức Luật Gia Long@.

0758. Tháng 6. Tán phong Hoàng Trị công Hồng Tô là Hoàng Trị quận vương.

0759. Sách phong con gái Vĩnh Lại quận công (tức Vĩnh quốc công hiện nay) mới tuyển là Nguyễn Thị làm Huyền phi Nhất giai.

0760. Ban dụ chuẩn cho Vũ Hiền điện đại học sĩ Nguyễn Thân thăng Văn Minh điện đại học sĩ kiêm sung hàm như cũ.

0761. Tích phong cho Tổng đốc lãnh Tuần phủ Lạng Bằng Vi Văn Lý làm Trạng Phái nam. Văn Lý được đề bạt từ hàng trận, nhiều lần lập quân công, làm quan ở biên giới phía bắc lâu ngày, bắt giặc yên dân, nên đặc chuẩn tích phong để báo đáp công lao.

0762. Đổi định tín chỉ, chia làm hai loại (Một loại dùng để viết đơn từ, đưa tới quan Đại Pháp hoặc Đại Nam khiếu kiện, mỗi tờ định giá 5 xu, cũng như loại giấy 4 xu đang dùng. Một loại là tín chỉ phải dùng để viết văn tự như lời nghị định, vốn trước chia làm ba hạng 5 xu, 10 xu, 15 xu nay đều quy về một hạng 20 xu), lấy ngày 2 tháng 6 năm nay (tức ngày 1. 7. 1897 Tây lịch) thi hành.

0763. Khâm sứ đại thần Brière tư nói tháng 8 năm trước quý Giám quốc điện hạ ban chỉ dụ quy định quy trình phân xử việc kiện tụng ở nước ta và Bắc Kỳ. Thượng Nghị viện Đại Pháp định ra điều lệ mới, tất cả 34 khoản về việc lập ba nơi tố tụng (một Tòa chính ở Hà Nội, hai Tòa Sơ thẩm một ở Hà Nội một ở Hải Phòng) cùng hai tòa hình (một ở Hà Nội, một ở Hải Phòng) và đặt quan (Tòa chính 1 Tòa trưởng, Hội biện 3 người, Chánh Phó Đốc lý mỗi chức 1 người, 2 Thừa biện, Tòa Sơ thẩm thì Trưởng Phó tòa, Đại biện, Đốc lý mỗi chức 1 người). Bàn định (việc thường hay việc không thường về tiền bạc ruộng đất thì hội đồng xử đoán, việc bị cáo chọn trạng sư tự giúp, nếu có ai chối nại không phục thì giao cho Công sứ và Toàn quyền đại thần xử định) các khoản, trong đó hai khoản 21, 22 nói tòa Đề hình và việc kiện tụng ở 12 phủ tỉnh cũng chiếu theo luật lệ ở Hà Nội Hải Phòng xử đoán. Bề tôi Cơ mật viện cho rằng việc ấy quan hệ tới chính sự nước ta nên tâu xin chuẩn cho sao ra để tuân hành.

0764. Ban dụ bãi bỏ Nha Kinh lược Bắc Kỳ, chuẩn cho Vũ Hiền điện đại học sĩ Diên Mậu bá sung Kinh lược đại sứ Hoàng Cao Khải về kinh sung Phụ chính đại thần. Lời dụ nói “Từ xưa trọng thân chế ngự ngoài cửa khôn thường nhân thời mà đặt ra, một là vì châm chước tình thế, một là vì hợp với thời nghi. Nay theo lời bề tôi Cơ mật viện tâu nói Khâm sứ đại thần Hộ Nam công Brière nói Toàn quyền đại thần muốn bãi bỏ Nha Kinh lược Bắc Kỳ, chức Kinh lược đặt ra trước đây là để tiện biện lý sự vụ ở Bắc Kỳ, hiện nay chức việc ấy không những không cần gấp nữa mà càng sinh phiền phức tốn kém, quý đại thần nghĩ nên giảm bớt là hợp, quyền hành của Kinh lược sứ giao lại cho Tòa Thống sứ Bắc Kỳ chuyên biện, quan viên trong nha vẫn do Phòng Nam chính sự vụ phủ Thống sứ đại thần Bắc Kỳ thu xếp lương bổng công việc các lễ, xem tờ tâu cũng là châm chước tình thế xét nghĩ. Và lại lúc chưa đặt Nha Kinh lược Bắc Kỳ thì quan lại các tỉnh đều do triều đình chọn bổ, công việc các tỉnh ấy do quan các tỉnh ấy tự làm. Trong niên hiệu Đồng Khánh chuẩn đặt Nha Kinh lược vì lúc bấy giờ các tỉnh Bắc Kỳ chưa được yên ổn, nhiều việc phải lưu tâm thi thố, đến nỗi phải làm như thế là vì quyền nghi. Nay hiện tình các tỉnh yên ổn, phạm công việc đã có Đốc Phủ Bố Án chiếu biện nên quý đại thần nghĩ nên làm như thế. Vậy chuẩn cho Phụ chính đại thần Vũ Hiền điện đại học sĩ Diên Mậu bá hiện sung Kinh lược đại sứ Hoàng Cao Khải về kinh sung làm việc Phủ Phụ chính, quan viên nha ấy từ Tham tá Thương tá trở xuống chuẩn cho lệ vào tòa Thống sứ đại thần Bắc Kỳ sung biện. Còn quan các tỉnh phạm có việc tư tấu có nên theo chế độ cũ biện lý hay nên chước định thế nào để mệnh lệnh có chỗ thống thuộc, lòng người không đến nỗi kinh nghi thì phải do quý Toàn quyền đại thần bàn định cho ổn thỏa”. Quyền hành công việc ở Bắc Kỳ quy hết về Thống sứ là bắt đầu từ đó.

0765. Miễn khoản thuế còn thiếu từ năm Thành Thái thứ 7 trở về trước của tỉnh Nghệ An (10.325 quan 4 mạch 33 đồng và 3.701 hộc 12 thăng thóc), là theo lời xin của quan tỉnh Hồ Lệ.

0766. Định lệ chia hạng phát phối tù phạm (Một: những tù phạm can tội làm giặc ăn cướp giết người và ăn trộm tội nặng (như đả thương chủ nhà, lúc bị bắt chống cự đả thương người khác, đốt nhà và ăn trộm tới ba bốn lần) bị xử tù trăm quyết tới trăm giam hậu đều phát phối qua Ai Lao làm lao dịch. Một: bất kể can tội gì mà chỉ bị xử sung quân đi đày khổ sai nhưng xét ra là kẻ hung hãn tàn ác, sau khi mãn hạn phát phối làm binh giao cho Sơn phòng Nghĩa Định. Một: bất kể can tội gì mà bị xử sung quân đi đày khổ sai đổi thành khổ sai và những tù phạm

rủi ro bị liên lụy phát đi các tỉnh phủ giam giữ, mãn hạn thì tha. Một: tù phạm nào can tội khác bị xử trăm giam hậu và trăm quyết nhưng lưu lại chờ xét và các tù phạm bị giam thêm xét ra không phải làm giặc ăn cướp giết người và ăn trộm tội nặng đều giam lại chờ xét). Bề tôi Cơ mật viện tâu nói bảo Trấn Lao là nơi trọng địa lam chương, trước đây phạm những kẻ bị tội nặng thì chia ra phát phối tới đó làm lao dịch. Gần đây vì các tỉnh chưa thật yên ổn, nên tù phạm bất kể tội nặng tội nhẹ đều giao tới đó phát phối, số bị chết rất nhiều, kẻ tội nặng đã đành cứ mặc kệ cho chết (1) nhưng kẻ tội nhẹ cũng ngậm oan, không phải là ý ngăn lên thể theo đức hiếu sinh của trời. Và lại tội có nặng nhẹ khác nhau, phát phối cũng nên phân biệt, xin chước nghĩ chia hạng để có phân biệt. Chuẩn cho bộ Hình sao lục gởi cho các phủ tỉnh tuân hành.

(1) Nguyên bản chép là “tội trọng giả ký nhiệm (nhiệm = nhuộm) tử”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “tội trọng giả ký nhiệm (nhiệm = mặc kệ) tử” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

0767. Toàn quyền đại thần Doumer bàn nghĩ gởi chớ pháo đồng hiện giữ ở các tỉnh Nam Ngãi Quảng Trị về Gia Định (Quảng Nam Quảng Ngãi đều 6 khẩu, Quảng Trị 5 khẩu).

0768. Bàn định phạm thuyền các hạng chờ hàng của công tới kinh đều cho miễn thuế (đến ngày đi chủ thuyền phải tới Trú sứ xin giấy trình với Nha Thương chính biên vào sổ thuyền làm bằng).

0769. Mùa thu, tháng 7. Nhân lễ thất tuần đại khánh tiết chuẩn cho bề tôi văn vũ trong ngoài thăng trật cao thấp khác nhau (văn từ Tổng đốc An Tĩnh Hồ Lệ đổi thụ Thượng thư bộ Hình trở xuống 14 người, vũ từ Chương vệ Đỗ Hữu Lợi thăng thụ Thống chế doanh Tiền phong và Vệ úy Nguyễn Như Lâm thăng thụ Chương vệ).

0770. Đổi vệ Thủ hộ ở An lăng làm vệ Kiên hộ (phân phái bảo vệ đều chiếu lệ mà làm, nhưng đổi đặt tên vệ để tránh trùng lặp).

0771. Chuẩn cho phạm sĩ tử ứng thí trừ những người can tội làm giặc (bất kể là bị bắt hay ra đầu thú) bị xử tội khổ sai và đi đày trở lên từ năm Thành Thái thứ 1 trở về sau thì bản thân và con cháu đều không được vào thi, còn những người phạm tội ấy từ cuối năm Đồng Khánh thứ 3 trở về trước và con cháu đều do địa phương xét thực cho được ứng thí, để được tự đổi mới mà mở rộng đường cho người học.

0772. Chuẩn y điều lệ về thuế muối (tất cả 4 điều, 26 khoản. Điều 1 nói về điều lệ làm ruộng muối, điều 2 nói về điều lệ diêm trường, điều 3 nói về việc thiết lập thuế thực phẩm và số lượng, thể thức trưng thu, điều 4 nói về các khoản phạt như lò nấu muối thu 1 đồng, ruộng muối mỗi mẫu hoặc không tới một mẫu cũng thu 1 đồng, muối thì mỗi tạ thu 3 hào, nếu giấu diếm số lò số ruộng thì mỗi mẫu phạt 20 đồng, tái phạm tăng gấp đôi, lại phạt giam từ 5 ngày tới 1 tháng. Ai không bán cho quan mà tự bán lậu tại ruộng tại lò thì bất kể lò lớn nhỏ bao nhiêu cũng phạt 20 đồng bắt giam, tang vật sung công. Ai chở muối từ ruộng ra các nơi chung quanh trong vòng 20.000 mét Tây mà không có sổ làm nghề muối và thẻ mua ở diêm trường thì phạt và tịch thu như trên đã nói. Về khoản khám xét biên sổ và tra bắt muối lậu do Ty Thương chính tuân chiếu thi hành).

0773. Lúc bấy giờ các tỉnh báo tin bị hạn hán và cào cào. Sai quan tỉnh tìm cách nhượng trừ, hết lòng trừ hoạch cứu giúp để giảm nỗi khổ cho dân.

0774. Thường cho tiết phụ huyện Quỳnh Lưu Nghệ An (38 người), mỗi người một tờ lục chỉ “Phụ tiết khả lục”. Lại thường Hồng lô tự khanh hưu trí Phạm Đình Toái (người tỉnh Nghệ An) 15 lượng bạc. Đình Toái ngày thường thích làm việc phúc đức, khắc in sách dạy làm điều thiện, diễn dịch ca từ dễ tiện cho người mới học (như các sách *Hiếu kinh*, *Luận ngữ chính văn tiểu đối*, *Đại Nam quốc sử diễn ca* và *Giác thế kinh*, *Phản tính đồ*), lại biên tập truyện tiết phụ ở một huyện, tuy là hiếu sự nhưng cũng có quan hệ với phong hóa, bèn chiếu lời chuẩn gần đây (năm Thành Thái thứ 5 thường cho Huấn đạo Quý hương Nguyễn Khuê 15 lượng bạc vì biên tập các sách) cũng ban thưởng cho.

0775. Tấn phong Thái Thịnh quận công Hồng Phó là Thái Thịnh quận vương.

0776. Tháng 8. Ban dụ chuẩn tăng tiền bổng cho thân thần đại thần và ấn quan ở bộ cùng Nội các nhiều ít khác nhau. Toàn quyền đại thần bàn chiếu lệ lương bổng ở Bắc Kỳ thì đại thần Hoàng Cao Khải mỗi tháng được 500 đồng mà các thân thần đại thần cùng ở Phủ Phụ chính không được tăng bổng, nghĩ cũng chưa công bằng, bèn chước nghĩ tăng bổng, phụng dụ thi hành. Lời dụ nói “Quốc gia thể thiệp cho bề tôi ắt ban lương bổng trọng hậu, là để khuyến khích trăm quan, có liên quan lâu dài với chính thể, vốn nên tùy thời chước định. Nay theo Phủ Phụ chính và Cơ mật viện tâu nói quý Khâm sứ bàn nghĩ tăng bổng hàng tháng cho Phủ Phụ chính, Cơ mật viện, Lục bộ, Nội các nhiều ít khác nhau, qua bề tôi bộ Hộ ước lượng chi cấp, thật cũng là lượng số chi để thu, cốt hợp thời nghi, chuẩn cho đều chiếu nguyên bổng cấp thêm. Thân thần đại thần Phủ Phụ chính mỗi tháng 500 đồng, Hiệp biện đại học sĩ Thượng thư sung Cơ mật viện đại thần mỗi tháng 150 đồng, Thượng thư Lục bộ mỗi tháng 110 đồng, Tham tri mỗi tháng 75 đồng, Chánh Tam phẩm Thị lang mỗi tháng 50 đồng, Tùng Tam phẩm lãnh Thị lang hoặc Biện lý mỗi tháng 45 đồng, Chánh Tứ phẩm Biện lý mỗi tháng 30 đồng, Tùng Tứ phẩm Biện lý mỗi tháng 25 đồng, Chánh Ngũ phẩm Biện lý mỗi tháng 20 đồng, Tham tri sung biện Các vụ mỗi tháng 75 đồng, Tùng Tứ phẩm sung biện Các vụ mỗi tháng 25 đồng. Bổng cũ của quan viên ở kinh chiếu từ tháng này, bổng mới thêm chiếu theo tháng Tây lịch lãnh riêng, bắt đầu từ ngày 1 tháng này. Còn như các nha cần chước lượng tăng thêm bao nhiêu thì do Phủ Phụ chính và Cơ mật viện bàn nghĩ dâng phiến tâu lên chờ chuẩn cho thi hành”.

0777. Ban sắc nói xã Phú Lương quê ngoại vua, nghe nói trong xã có tên Hanh tên Tấn tên Khanh 11 người mới theo đạo rất là ngang ngược mà quan phủ Thừa Thiên không ngẩng nhìn thể diện để thu xếp, nên truyền chỉ nghiêm sức. Tới như 11 tên ấy thì giao cho bề tôi Phủ Phụ chính kết án xử tội đầy đưa ra biên giới xa xôi an trí, gặp dịp đại xá cũng không được tha. Bề tôi Phủ Phụ chính tuân lệnh bàn với Khâm sứ đại thần Brière, Khâm sứ phúc đáp nói bọn ấy theo đạo thì phải do quan phủ Thừa Thiên chiêu biện, bèn đình sắc ấy.

0778. Chuẩn cho hoàng tử thứ nhất của tiền triều (tức Hoàng tông Tuyên hoàng đế) và hoàng tử thứ hai Bửu Tung (được truy phong An công) khai phủ ngoài điện Ngung Hy học tập.

0779. Tu sửa Quốc tử giám, lấy Chương vệ Kinh tượng Nguyễn Chúc sung Đồng lý. Quốc tử giám vào năm Thành Thái thứ 6 đã chuẩn giao cho Sở Doanh thiện sửa chữa các nơi giảng đường và nhà ở của các quan, còn Di Luân đường và phòng ốc của Tôn sinh Âm sinh hai bên chưa kịp thu xếp, nên sai tu bổ.

0780. Chuẩn cho Phủ chính đại thần Thái tử Thiệu bảo Vũ Hiến điện đại học sĩ Hoàng Cao Khải đổi gia hàm Thái tử Thiệu phó sung quân giáo hoàng đế. Lúc đầu quý Tòa bàn ba hoàng đệ nên vào trường đạo ở Gia Định học tập, Cơ mật viện đem việc tâu lên, phụng sắc nói trăm không có bao nhiêu anh em, nếu đi xa thì lòng không yên, các hoàng đệ đều lưu lại ở kinh, chuẩn cho viên đại thần ấy sung làm Quản giáo cùng chọn người dạy bảo, trừ tính dưng phủ đệ để tiện học tập. Lại ban cho viên đại thần ấy một chiếc roi mây để nghiêm giáo pháp. Các hoàng đệ lâm thời vào hầu phải trình với viên đại thần ấy mới được vào Duyệt Thị đường thị hầu để bớt rong chơi mà hèn ngày thành tự. Lại chuẩn cho nguyên Án sát Trương Trọng Hữu sung chức Giáo đạo.

0781. Sắc trở đi phạm vua ra triều nghe việc chính sự thì ân quan văn vũ đều phải đi giày mang tất vào châu, để tỏ hết ý kính lễ.

0782. Tháng 9. Toàn quyền đại thần Doumer tới kinh. Sai các đại thần Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải, Nguyễn Thuật tới Đà Nẵng đón tiếp.

0783. Sách *Khâm định Việt sử phú* khắc in xong. Chuẩn ban cấp cho hoàng thân và quan lại trong ngoài cùng các học đường đều một bộ.

0784. Ban dụ bãi bỏ Phủ Phụ chính. Lúc bấy giờ Khâm sứ Brière bàn nói hiện tại Phủ Phụ chính và Cơ mật viện đều đặt riêng làm một nha, gặp lúc thương biện hoặc tới Phủ Phụ chính hoặc tới Cơ mật viện rất phiền phức, vả lại gặp việc có quan hệ tới Lục bộ thì trong đó tư đi báo lại gặp nhiều trở ngại chậm trễ, không phải quý đại thần ưa thích chuyện thay đổi, nhưng nên làm sao để việc công được mau chóng. Bề tôi Cơ mật viện bàn định tâu xin chuẩn y, bèn ban dụ nói “Nay chiếu theo Hội nghị Cơ mật viện ngày 27. 9. 1897 Tây lịch (tức ngày 2 tháng 9 năm Thành Thái thứ 9) có Đông Dương Toàn quyền đại thần quản giám và Trú kinh Khâm sứ đại thần dự bàn, vả lại viện ấy nghĩ trăm còn thơ trẻ nối ngôi, nay đã trưởng thành nên kính giao lại quyền hành nhà vua, vẫn có các đại thần giúp đỡ cùng quý Đại Pháp bảo hộ. Lại thể chế nước ta trước nay đặt các thượng nha, đều nên chiếu theo thời thế thay đổi điều chỉnh cho phù hợp với việc giao thiệp giữa nước ta với Bảo hộ. Chiếu như biên bản hội thương ngày 27. 9 Tây lịch (ngày 2 tháng 9 Nam lịch) và các khoản Cơ mật viện tâu lên hôm ấy kê ra dưới đây (Khoản 1: Nha Phụ chính chuẩn cho đình bãi nhưng hai hoàng thân vẫn chiếu bổng mới chỉ cấp mỗi tháng 500 đồng, danh hiệu Phụ chính thân thần vẫn giữ như cũ lại thêm chức Phụ nghị thân thần, gặp lúc tuyên triệu hai hoàng thân ấy được xin cho quan viên trong triều lui ra để tấu đối không bị trở ngại. Phạm tâu nghĩ việc xong thì được đề đạt thẳng với Khâm sứ đại thần không cần qua Cơ mật viện chuyển bàn. Hai viên Phụ chính đại thần cũng vẫn giữ chức hiệu như cũ, cũng chiếu cấp lương tháng 500 đồng, vẫn quản lãnh một bộ và sung Cơ mật viện đại thần. Khoản 2: sung Cơ mật viện đại thần có 6 viên (hiện 2 người quản lãnh bộ, 4 người là Hiệp biện đại học sĩ lãnh bộ) đều là Thượng thư Lục bộ, ngoài hai viên Phụ chính đại thần vốn có công lao, danh vị sùng trọng hiện nay thì các viên Thượng thư khác chuẩn cấp lương tháng 250 đồng, đều trao cho hàm Hiệp biện đại học sĩ (Tùng Nhị phẩm). Khoản 3: Trú kinh Khâm sứ đại thần là đại thần đại diện nước Bảo hộ được thống quản Cơ mật viện và Phủ Tôn nhân, phạm công văn thư từ gặp lúc viên đại thần ấy nghĩ có chỗ tiện cũng được ủy nhiệm cho một viên quan giúp việc ở bộ thay mặt ký tên đóng dấu. Khoản 4: Nha thuộc ở Nha Phụ chính cho lệ vào Cơ mật viện ứng biện việc công. Khoản 5: chuẩn cho lập tức giảm bớt quan viên trong Lục bộ, chiếu lệ định ngạch năm Thành Thái thứ 2, mỗi bộ có 4 viên đường quan (kể cả Thượng thư), Việc phân chia quyền hành của Thượng thư vẫn chiếu theo như trước và căn cứ theo các lẽ đã qua hội đồng nghị định mà xác biện. Mỗi viên Thượng thư nên ghi ra một bản kê rõ việc nào thuộc quyền hành của Cơ mật viện, việc nào vẫn do Thượng thư xử lý đệ qua cho Tòa Khâm sứ chấp chiếu. Khoản 6: các khoản quan trọng và các khoản thuộc quyền hành của Cơ mật viện thì do Thượng thư trình thẳng với Cơ mật viện chờ hội đồng bàn bạc tâu lên phụng chỉ, vẫn chờ đại thần đại diện nước Bảo hộ duyệt qua ưng thuận mới được thi hành, còn xử lý các việc bình thường vẫn do Thượng thư tuân hành chiếu biện. Lại chiếu theo các khoản đã hợp nghị và chỉ dụ chuẩn định về việc giao thiệp giữa nước ta với nước Bảo hộ thì khoản hội đồng các bộ nghĩ nên đình bãi. Còn như các Thượng thư phạm việc ở bộ thì đã có ba viên phụ tá chuyên trách, đều có quyền hành phận sự như dưới đây. Phận sự của Tham tri (do Thượng thư kiểm tra) một là dự việc trừ biện và phân phái việc công, hai là phân phái các việc phải làm, ba là đọc duyệt chỉnh sửa phiên tấu văn thư, bốn là quản lý giám sát ty tào, năm là kiểm tra huộc viên sổ sách (do cần có loại sổ sách ấy để tiện kê biên các việc nhận được cùng các khoản đã làm và đang làm). Viên Tham tri ấy lại có hai viên đường quan trong bộ giúp việc, trong đó một viên quản Hữu ty tham dự trừ biện sự vụ thuộc các tỉnh từ kinh trở ra phía bắc và Bắc Kỳ, một viên quản Tả ty tham dự trừ biện sự vụ thuộc các tỉnh phía nam từ kinh tới Nam Trung và nước ngoài khác. Phạm các việc Tham tri giao cho

hai viên ấy chuyên trách, mà Thượng thư thì giao cho viên Tham tri ấy chuyên trách. Khoản 7: đường quan Lục bộ đều có phận sự chuyên trách của mình, phạm có biệt phái không thể chọn cử sung biện, gặp lúc có việc gì cần phải thì chọn cử quan viên ở Đô sát viện hay nha khác phái biện. Khoản 8: số quan viên quá số ngạch hiện tại do Cơ mật viện trích làm Hậu bổ, gặp có chức khuyết thì chiếu hàm xét bổ, các viện Hậu bổ ấy chức lượng cấp cho lương bổng. Khoản 9: giờ giấc ứng biện việc công ngày thường do Cơ mật viện chỉ định. Khoản 10: chọn riêng một nơi trong kinh thành xây dựng phòng ốc để tiện tới làm việc công. Một là một tòa Chính đường trong có một gian văn phòng của Khâm sứ đại thân, một gian hội thương cùng các gian cho ty thuộc văn thư và Hội biện của Bảo hộ. Hai là một tòa Hộ chính, ba là một tòa Lại chính, bốn là một tòa Binh chính, năm là một tòa Lễ chính, sáu là một tòa Hình chính, bảy là một tòa Công chính. Khoản 11: quyền hành phận sự của Hội biện bộ Hộ đã có dụ tháng 5 năm Thành Thái thứ 7 ứng chuẩn các khoản, nay chuẩn thêm cho viên Hội biện ấy dự bàn thay đổi điều chỉnh các khoản thuộc Hộ chính, trừ nghĩ tất cả cách tính thể lệ kho tàng thể nào để đơn giản tiện lợi, về sự thể khoản này viên ấy được tới bộ Hộ hỏi han. Còn như Hội biện hai bộ Lại Binh quyền hành phận sự thể nào sẽ ban dụ tiếp chuẩn cho thì hành”. Kế chuẩn cho hai thân thần ở nhà giữ chức trách phiên vương, vẫn mang chức hiệu Phụ chính thân thần lại gia thêm Phụ nghị cận thân thỉnh thoảng vào triều yết. Văn Minh điện đại học sĩ Nguyễn Thân quản lãnh bộ Lại, Vũ Hiến điện đại học sĩ Hoàng Cao Khải quản lãnh bộ Binh vẫn mang danh hiệu Phụ chính đại thân. Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lại Nguyễn Thuật đổi lãnh bộ Công, lãnh Thượng thư bộ Công Nguyễn Hữu Thăng đổi lãnh bộ Hình, lãnh Thượng thư bộ Hộ Trương Như Cương vẫn giữ chức cũ, Thượng thư bộ Lễ Huỳnh Vĩ thăng thụ Hiệp biện đại học sĩ vẫn lãnh Thượng thư bộ ấy, đều sung Cơ mật viện đại thân. Ấn kiểm bội bài Phủ Phụ chính thì phụng nạp cho Nội các (bông lệ của hai thân thần và hai đại thần Văn Minh, Vũ Hiến mỗi tháng 500 đồng, Hiệp biện lãnh Thượng thư mỗi tháng 250 đồng).

0785. Ban dụ thân định lệ người Đại Pháp mua ruộng đất. Lời dụ nói “Theo lời Cơ mật viện tâu xin các lễ và chiếu theo điều 13 trong Hòa ước ngày 6. 6. 1884 Tây lịch chuẩn cho người Đại Pháp và những người do Đại Pháp bảo hộ được mua ruộng đất, nhận lãnh mở thương điền tại các tấc sở ở địa phận Bắc Kỳ và An Nam cùng chiếu theo các thể lệ được lời dụ ngày 16 tháng 8 năm Đồng Khánh thứ 3 chuẩn y mà thi hành. Lại về khoản phải mở rộng quyền hành của chủ đất cho có chủ thật sự để giúp việc khai khẩn ruộng đất bỏ hoang, đặc biệt ban dụ chuẩn cho như sau (Khoản 1: Cho phép bắt đầu từ hôm nay phạm người Đại Pháp và những người do Đại Pháp bảo hộ trong toàn hạt nước ta đã được nhượng cho công thổ hay ruộng đất người trước lưu lại hoặc bỏ tiền ra mua lại của người Nam vẫn vẫn đều cho nhận làm của mình, vẫn phải chuẩn theo điều lệ tuân biện. Những điều lệ ấy sẽ do Đông Dương Toàn quyền đại thân thay quyền trẫm tự ban Nghị định. Khoản 2: các khoản thuế lệ trưng thu với những ruộng đất ấy vẫn chiếu theo luật lệ chỉ dụ hiện hành trong nước mà thi hành, thuế ruộng đất ấy sẽ do Công sứ các tỉnh đôn đốc thu nạp chuyển giao về kho tỉnh cất giữ. Khoản 3: trong các luật lệ chỉ dụ trước nay nếu có khoản nào không phù hợp với thể lệ dụ này đều cho đình bãi”).

0786. Gia phong Tổng đốc Định Ninh An Tập nam Vũ Quang Nhạ làm An Tập tử.

0787. Chuẩn cho Thượng thư bộ Công sung Kinh diên nhật giảng quan Nguyễn Thượng Phiên thăng thụ Hiệp biện đại học sĩ về hưu trí. Thượng Phiên khoa giáp xuất thân, huân lao nhiều năm, vì đã 70 tuổi nên xin hưu trí, bèn cho.

0788. Sắc cho bộ Công và các công sở trong thành lập tức đem bốn dãy trường lang giải vũ Hóa nhật nguyên đã triệt bỏ dời tới dựng ở vườn Tây An, lại triệt bỏ tường gạch từ cửa Cẩm uyển tới Đông An và mở đường nước sau hồ để du lãm. Bề tôi Cơ mật viện vì đó là vết cũ của tiên triều, xin giữ quy chế, trọng địa thâm nghiêm e có chuyện trở ngại, hưởng hồ hiện tại bảo lụt, việc xây dựng đang bề bộn gấp rút cho rằng việc ấy quả thật không nên, tâu xin đình lại.

0789. Bàn định đặt Công sứ Hà Tĩnh làm một tòa riêng không lệ thuộc tòa Công sứ Nghệ An nữa (lúc bấy giờ quý Tòa chọn Công sứ Hội An Đa Mạt (1) sung Công sứ tỉnh Hà Tĩnh, Công sứ bèn bàn đặt riêng để tránh việc công bị dây dưa chậm trễ).

(1) Nguyên bản viết là “Đa Mạt”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0790. Ban dụ định lệ thời hạn giam giữ phát phối tù phạm. Lời dụ nói “Quốc gia lập pháp vốn để trừ bạo cấm gian, nhưng ắt lấy thương xót làm đầu. Kinh Dịch nói Quân tử sáng suốt thận trọng trong việc dùng hình phạt mà không để trong ngục bị ứ đọng (1), cổ nhân trị lý việc ngục tụng không để tồn đọng nên dân không bị oan, cũng là đạo ấy. Nay theo lời bề tôi Cơ mật viện tâu nói nhận được lời nghĩ của Khâm sứ đại thân Hộ Nam công nói hiện tại nhà ngục các tỉnh đều đầy tù phạm, trong đó nhiều người mãn hạn đã lâu vẫn còn bị giam, là bắt giữ mà tính từ ngày duyệt án, mới đến nỗi tù phạm có khi xét giam ba tháng cũng bị giam tới một năm. Chiếu theo tình lý công bằng nên tính từ ngày bắt giam, bất kể duyệt án lúc nào cũng theo đó biện lý thì nhân chính thì hành rộng rãi, tù phạm không đến nỗi bị tồn đọng trong nhà giam, quốc khố cũng bớt hao phí, đều là muốn thanh lý việc ngục tụng, xem ra thấy rất xác đáng. Chuẩn cho trở đi phạm các nha xét xử việc hình ngục tuân chiếu lời nghị chuẩn của bộ Hình tháng giêng năm Tự Đức thứ 22 tuân biện, trong đó nếu có vụ nào tình lý nhiều khê khó làm rõ ắt phải xin triển hạn rõ ràng, cũng phải theo hạn kết thúc đệ lên. Nếu có vụ nào can các tội khổ sai, đi đây, bị giam thì kỳ hạn

đều tính từ ngày bắt giam, mãn hạn phải lập tức phóng thích, chờ bộ Hình duyệt y thay đổi nguyên án thể nào sẽ tước riêng, cốt cho việc hình được thanh lý, nhà ngục không ứ đọng mà ít phí tổn để thỏa ý trăm”.

(1) *Quân tử... ứ đọng*: lấy chữ trong *Kinh Dịch*, quẻ *Hỏa Sơn Lữ*, phần *Đại tượng truyện* “Quân tử dĩ minh thận dụng hình nhi bất lưu ngục” (Quân tử sáng suốt thận trọng trong việc dùng hình phạt mà không để trong ngục bị ứ đọng).

0791. Lúc bấy giờ kinh sư và các địa phương đều báo tin bão lụt, sai quan tỉnh khám thực chia hạng chân cấp, trích thóc kho trữ hoạch cứu giúp.

0792. Mùa đông, tháng 10. Chuẩn cho trở đi phạm việc ở Lục bộ chur nha thuộc các tỉnh từ kinh đô trở vào phía nam tới Nam Trung và nước ngoài khác thì do Thị lang đốc suất thuộc viên (thuộc viên trong bộ do bộ đường chia thành hai ty làm việc) theo phận sự làm việc, việc thuộc các tỉnh từ kinh đô trở ra phía bắc và Bắc Kỳ thì do Biện lý trong bộ đốc suất thuộc viên theo phận sự làm việc, đều do Tham tri vâng dụ chuẩn kiểm tra biện lý. Các việc trong ty có chậm trễ làm lẫn mà thuộc loại xét ra phải nghị tội thì tội danh lấy Thị lang chuyên biện ty ấy làm đầu, Tham tri nhẹ hơn, quản viên ty khác cùng đứng tên trong phiên tấu nhẹ hơn nữa, thuộc viên ty chuyên trách (trở xuống cũng thế) thì theo thứ tự giảm tội, việc nào thuộc loại kê cứu (số mục, luật lệ) thì tội danh lấy thuộc viên lại diễn làm đầu, người quản lãnh nhẹ hơn, Thị lang (hoặc Biện lý chuyên biện) thì nhẹ hơn nữa, Tham tri và quản viên ty khác thì theo thứ tự giảm tội. Trong đó thuộc viên nếu có tác tệ khoản nào thì ngoài kê phạm tội chiếu theo tình tội nghĩ xử, còn Bất phẩm Cửu phẩm trong ty và quản viên đứng đầu cùng các viên Tham tri Thị lang chuyên biện kiểm biện cũng chiếu theo đó (chia ra thủ phạm từng phạm) mà liệu lý. Còn Bộ trưởng khoản nào nên hặc nên miễn và khoản nào đường quan thuộc viên nên chia ra thủ phạm từng phạm thì tuân chiếu lệ cũ biện lý để đều chuyên tâm vào việc của mình, mà tiện tuân thủ gần được như lời chuẩn.

0793. Cấp sách chữ Hán cho Trường Quốc học (*Ngũ kinh đại toàn thể chú*, *Tứ thư đại toàn thể chú* (1) đều 2 bộ, *Khâm định Việt sử cương mục* 1 bộ, *Bách sử tiết yếu*, *Tính lý đại toàn* đều 2 bộ, *Tự vựng*, *Thi vận tập thành*, *Khâm định tập yếu*, *Thi vận*, *Đại học diễn nghĩa đại toàn* đều 1 bộ).

(1) Nguyên bản chép gộp là “*Ngũ kinh Tứ thư đại toàn thể chú*”, đây dịch tách ra như trên.

0794. Ban dụ sai giữ gìn cây tùng trên núi Ngự Bình. Lời dụ nói “Kinh thành là trọng địa của quốc gia, là nơi bốn phương chiêm ngưỡng. Núi Ngự Bình lại là tiên án của kinh thành, hơi lành nghi ngút, việc tạo dựng thiết lập gói gắm vào đó. Trước đây Trú kinh Khâm sứ đại thần Hộ Nam công Brière bàn làm các đường ở hai phía nam bắc núi Ngự Bình và hai núi nhỏ bên cạnh, việc xây dựng đã xong, địa thế trong khoảng núi ấy lại càng quan trọng, tách rời không còn nối liền với những nơi khác nữa, mà cây tùng cũng đã trồng. Và lại núi ấy đã được các triều phong tặng, cây cối xanh biếc, quả thật là một thắng cảnh ở kinh sư. Mà hai núi bên cạnh lại vốn do quý Toàn quyền đại thần Rousseau và quý Khâm sứ đại thần Brière ban cho tên hay, lên xuống nơi trú tiết, rèm xe trước mắt khiến người ta thường nhớ tới công lao, cây cỏ núi rừng thêm phần tráng quan, rất nên giữ cảnh đẹp ấy để ghi lại dấu vết cam đường (1). Nay cho quan phủ Thừa Thiên ủy người khám xét, chiếu theo phần đất phía trong cột mốc các đường thông sức, cấm chỉ nhân dân trong hạt không được xâm phạm đất rừng và đốn cây hạ gỗ, ngõ hầu ngày càng tươi tốt, che rợp mãi mãi. Lại phạm chỗ nào còn trống không có cây tùng cũng nên trồng tía cho tốt, hàng năm thường xuyên sức cho trồng thêm, làm sao nhìn ra là thấy xanh um để làm đẹp thêm phong cảnh thần kinh, đó là điều vui vậy”.

(2) *Dấu vết cam đường*: nguyên văn là “đường bạt”, lấy chữ trong *Kinh Thi*, *Thiệu Nam*, *Cam đường* “Tể phé cam đường, Vật tiến vật phạt, Thiệu Bá sở bạt” (Cam đường tươi tốt, Đùng đốn đùng mé, Thiệu Bá từng ghé), chỉ người làm quan có chính tích được nhân dân yêu mến.

0795. Ban dụ định lệ sưu dịch đồng niên cho dân đình. Lời dụ nói “Thời xưa ít việc, việc dùng sức dân hàng năm còn có định chế. Nước ta ở ngoài kinh đô hiện nay cầu đòi đường sá phải lo tu tạo, việc xây dựng rất gấp rút mà kho tàng chưa dư dật, trước nay sưu dịch của dân chưa có chừng mực, một khi gặp việc thôi sai dân tuy đều bỏ sức mình ra nhưng trong đó có kẻ bỏ của ra, tổng lý lại tư được mua bán trong đó, người nghèo cả năm tất bật đi làm mà kẻ giàu nằm ngửa trong nhà, dân nhiều người than van mà việc công cũng không sao làm xong, là vì có ấy. Nay theo lời tâu của bề tôi Cơ mật viện nói Khâm sứ đại thần Hộ Nam công Brière nghĩ trình Toàn quyền đại thần Doumer bàn định việc công sưu của dân, mỗi dân đình đồng niên chịu sưu 30 ngày, nhưng trích 10 ngày để làm việc công dịch ở làng xã, 10 ngày cho nạp thay bằng tiền là 1 đồng, 10 ngày điều đi làm các việc công ích, chức định các khoản chương trình, cũng thể theo ý người xưa miễn việc lao dịch, đã được đồng đều mà tránh được kẻ thừa hành lại điều tư tệ, nghĩ thấy cũng hợp thời nghi. Cho quan 12 phủ tỉnh lập tức chiếu theo chương trình ấy và các khoản Nghị định bản bạc với quan Công sứ ở tỉnh yết thị cho trong hạt đều thông sức mà làm. Lại phải đốc thúc các phủ huyện cùng tuân theo lời Nghị định, gia tâm giúp đỡ, hiểu dụ cho dân ta đều nghĩ tới nghĩa vâng lệnh người trên mà vui vẻ ứng dịch, lượng ngày ra sức, lượng sức ra tiền khiến công tư đều được tiện lợi (1), sưu dịch đã

làm xong, thung dung nơi làng xóm, đừng để như trước nặng nhẹ không đều, là điều rất mong mỏi ở hữu ty của ta vậy”. Điều khoản Nghị định cho kê ra như sau đây” (Khoản 1: kể từ ngày 1. 1, 1898 Tây lịch trở đi, mỗi dân đinh trong trong 12 phủ tỉnh nước Đại Nam phải chịu sưu dịch đồng niên 30 ngày. Khoản 2: trong số 30 ngày ấy trích 10 ngày cho xã thôn tiện làm công dịch quanh vùng, do quan tỉnh và quan Công sứ Bảo hộ ở các tỉnh kiểm tra xem xét, như đắp vườn làm đường đào kênh đắp đê vùn vùn, 10 ngày phải nộp thay bằng tiền, mỗi ngày 10 xu, 10 ngày còn lại xã thôn nào tình nguyện cũng cho được chiếu giá ấy nộp thay, hoặc cả 10 ngày hoặc 5 ngày đều được. Nhưng lý dịch trước ngày 1. 11 Tây lịch mỗi năm phải khai trình năm tới muốn xin thế nào. Khoản 3: phạm những người dự vào hạng được miễn dao dịch thì được trừ công sưu. Khoản 4: mỗi năm Công sứ các tỉnh phải bàn bạc với quan tỉnh làm sổ dự trừ năm tới mỗi xã thôn phải nộp tiền sưu bao nhiêu, sổ ấy phải đệ lên trước ngày 23. 12 Tây lịch mỗi năm để Khâm sứ đại thần duyệt biện. Khoản 5: phạm đến lúc bắt đầu trưng nộp sẽ sức sao cho mỗi xã thôn phải nộp sưu bao nhiêu yết thị ở đình để tiện cho nhân dân tới xem mà nộp, nộp đủ cũng được hỏi Lý trưởng để lấy biên lai. Khoản 6: đầu mỗi năm giao cho Lý trưởng một tờ giấy nộp sưu, thể thức giấy ấy thế nào sẽ do Khâm sứ đại thần bàn định. Khoản 7: tiền sưu sẽ do Chánh Phó Công sứ các tỉnh đòi lý dịch xã thôn đệ nộp. Khoản 8: lúc đăng nộp thì quan viên coi việc thu nộp đều ghi rõ số tiền đã nộp vào giấy nộp sưu, lại ghi số ký tên vào sổ đã nộp sưu. Khoản 9: Tòa sứ mỗi tỉnh phải có sổ nhật ký thu tiền sưu, sổ ấy ghi rõ số hiệu thu vào bao nhiêu thì lúc bấy giờ quan viên coi việc thu nộp cũng ghi số hiệu ấy vào giấy nộp sưu. Khoản 10: Nghị định này do Trú kinh Khâm sứ đại thần thi hành).

(1) Nguyên bản chép là “tiện công tư các đặc tiện lợi”, là “sử công tư các đặc tiện lợi” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

0796. Vì là năm đại khánh tiết nên ban thưởng cho thợ quan nguyên Thượng thư bộ Hộ gia Hiệp biện đại học sĩ Vũ Trọng Bình (91 tuổi) phẩm vật (20 lượng bạc, 3 tấm the Nam)

0797. Tuy Lý vương Miên Trinh chết. Vương là người thân ngôi lớn, đức nghiệp văn chương phúc trạch đều rất hiếm thấy, đến lúc ấy 79 tuổi thì chết. Đặc chuẩn ban cấp hàng lụa tiền tuất 4.000 quan và ban tiếp lương tháng hai tháng.

0798. Tháng 11. Ngự giá Nam tuần. Trước đó ban dụ bố cáo cho trong ngoài, lời dụ nói “Thời cổ có điển lễ đi tuần để làm yên địa phương quan sát phong tục, có lễ hội gặp gỡ để bàn việc hòa mục thành tín, một phen đi chơi một phen tốt đẹp, nên tiên vương lấy đó làm việc thường. Hôm trước quý Toàn quyền đại thần tới kinh tâu nói Nam Kỳ hiện nay phồn thịnh, xin nên vào chơi một phen, nhân đó tổ chức thắng hội, cố kết bang giao, lại càng có nhiều lợi ích. Trẫm nghĩ hiện nay nam bắc thanh bình, triều đình yên ổn, vận hội một phen đổi mới, thời thế nên theo. Trẫm cũng đem việc tâu lên ba cung biết rõ từ lâu, nay theo lời bề tôi Cơ mật viện tâu nói đến lúc nên đi, những việc cần làm đã bàn ổn thỏa, chuẩn lấy thượng tuần tháng sau đại giá lên đường, theo tàu máy của quý quốc hộ tống tới Gia Định cùng các quý quan đại diện Bảo hộ và quốc vương Cao Man kết tình hòa hiếu. Chuẩn cho hoàng thân An Xuyên công Miên Phương làm Hộ giá thân thần, Phụ chính đại thần Văn Minh điện đại học sĩ quản lãnh Thượng thư bộ Lại sung Cơ mật viện đại thần Túc Liệt tướng Diên Lộc bá Nguyễn Thân, Phụ chính đại thần Thái tử Thái phó Vũ Hiến điện đại học sĩ quản lãnh Thượng thư bộ Binh sung Cơ mật viện đại thần Diên Mậu bá Hoàng Cao Khải, Thái tử Thiếu bảo Hiệp biện đại học sĩ lãnh Tổng đốc Thuận Khánh Vũ Doãn Tuần cùng sung Hồ giá đại thần, Bang biện Cơ mật viện Thân Trọng Huệ chuẩn sung Hồ tòng. Và lại bản quốc cùng nước Bảo hộ giao tình đã lâu, các nước cũng biết, chuyên đi này là việc quan trọng, đã có liệt vị quý đại thần bàn bạc hết lòng bảo hộ, quả thật có sự an toàn lợi ích, người nghe kẻ thấy nghĩ chắc đều vui vẻ thỏa lòng, nên đặc biệt ban dụ này để tuân tri. Thân thần đại thần và bề tôi hồ tòng các người đều nên tuân theo ý trẫm, cẩn thận giữ gìn chức sự, phạm có việc gì quan trọng và việc nên làm nên thôi thì do các thân thần đại thần bàn bạc ổn thỏa tâu lên để chuẩn cho tuân hành, cốt được chính tề nghiêm trang chu tất ổn thỏa cho việc bang giao tốt đẹp mãi mãi để thỏa lòng trẫm. Còn như chức hàm tên họ quan binh hồ tòng cùng phí tổn chu cấp và những việc cần làm cùng các khoản lưu kinh canh phòng tuần tiễu thì do hữu quan tâu xin. Phiếu phụng lời dụ và phiến tâu chuẩn cho sao ra để tuân biện. Dụ này trước tiên chuẩn sao ra cho các nơi tuân hành”.

Lại chuẩn cho Hữu Tôn khanh (1) kiêm nhiếp Phủ Tôn nhân Hồng Tổ, Đông Các đại học sĩ sung Tổng tài Quốc sử quán Trương Quang Đản, Hiệp biện đại học sĩ (trở xuống cũng thế) lãnh Thượng thư bộ Công Nguyễn Thuật, lãnh Thượng thư bộ Hộ Trương Như Cương, lãnh Thượng thư bộ Lễ Huỳnh Vĩ, lãnh Thượng thư bộ Hình Nguyễn Hữu Thảng, quyền Chương Tiền quân Văn Tiến Hùng, quyền Chương Tả quân Bùi Văn Bằng, quyền Chương Hữu quân Trương Văn Hùng đều sung Lưu kinh đại thần luân phiên làm việc, Tham tri bộ Lễ Trần Chí Tín, Thị lang bộ Binh Phan Huy Dũng sung Hành cung đường bộ, Tham biện Các vụ Mai Khắc Đôn sung Thị hầu. Bề tôi Cơ mật viện xin những việc quan trọng khẩn cấp trong kinh ngoài tỉnh thì do các Lưu kinh đại thần bàn bạc với quý Quản lý liệu lý cho ổn thỏa, vẫn do viên ấy chuyển tới hành tại chờ chỉ, những việc tầm thường khác thì đều do bộ nha hữu quan tuân lệ thu xếp. Còn khoản nào có quan hệ tới chính thể giao thiệp mà chưa gấp lắm thì chờ lúc hỏi loan sẽ bàn định thi hành.

(1) Nguyên bản chép là “kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Hữu Tôn nhân”, là “kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Hữu Tôn khanh” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

Hai bộ Lại Binh dâng phiếu tâu xin cho ấn quan văn vũ chiếu lệ trước nay luân phiên tuần hành kiểm soát phía ngoài hoàng thành cho được nghiêm ngặt (phía trong hoàng thành chuyên do các viên quản lãnh Thị vệ đốc suất quân Túc vệ canh gác tuần phòng).

Lại phụng sắc nói “Trẫm giá ngự Nam tuần làm yên địa phương quan sát phong tục, đi về tự có kỳ hạn, quan binh bản quốc và quý quốc hộ giá, sự thể long trọng, người nghe kẻ thấy ắt đều vui vẻ, đừng nên ngờ vực kinh ngạc. Hiện tại dân tình quần bách đã sắc chắn cấp, nếu có bọn bất sinh bất chợt từ trong thông đồng làm bày thì cho quan phủ chuyển sức cho các quan huyện nghiêm sức xã dân trong hạt tuần phòng địa phương cho được yên ổn để an ủi ý thương dân của ba cung. Nếu đốc suất không nghiêm thì ngoài kẻ phạm tội chiếu luật nghiêm trừng, còn lại quan phủ và các quan huyện cũng can lỗi nặng”.

Lại ban dụ nói “Ngày 6 tháng sau ngự giá Nam tuần, chuẩn cho Hoàng quý phi, Huyền phi và một Quý nhân, một Tài nhân, một thị nữ cùng hoàng đệ Bửu Thiện, Bửu Kiêm, Bửu Lũy tùy hầu, phạm cử chi lời lẽ đều phải kính cẩn để xứng ý trẫm”.

Chuẩn cấp cho Hồ giá thân thần Miên Phương, đại thần Hoàng Cao Khải mỗi người một tấm kim bài (một tấm khắc “Hoàng thân An Xuyên công”, một tấm khắc “Thái tử Thái phó”).

Đổi cấp kim bài cho Khâm sứ đại thần Hộ Nam công Briere (vì kim bài chế lần trước chưa được dày đẹp).

Tặng Toàn quyền đại thần Doumer một bức trướng thêu (thêu dính bốn chữ lớn “Dự trọng doanh hoàn”).

Cấp thêm tiền cho quan binh hộ tòng thị hầu nhiều ít khác nhau.

Trích các hạng kim khánh, kim bội, kim tiền, ngân tiền, gấm đoạn, ngà voi và 10.000 đồng trong Phủ Nội vụ để sung vào việc tặng biếu.

Sai bộ Lễ tuân nghĩ các nghi thức cần làm chậm chước thi hành.

Trước ngày khởi giá ba hôm đem việc tế cáo với Thái miếu, trước đó một hôm tâu lên với ba cung.

Ngày 6 khởi giá, theo đường sông tới Cao Đồi rồi theo đường bộ tới Đà Nẵng, do tàu máy lớn hộ tống tới Gia Định.

Ngày 29 hồi loạn, sai bề tôi Cơ mật viện làm thư cảm ơn Toàn quyền đại thần để đền đáp ý tốt (thư đại lược nói “Nay phụng sắc Nam tuần, xe loan hiện đã về tới đô thành, trẫm và quan binh hộ tòng đều bình yên khỏe mạnh. Và lại chuyến đi này một phen đi chơi một phen tốt đẹp, mà đôn đốc hòa hiếu mở rộng kiến văn, có ích rất nhiều, quả thật như lời quý Toàn quyền đại thần đã bàn. Tới như khi đi lúc về đã ủy nhiệm Khâm sứ đại thần hộ tống, lại phái tàu máy Ta Mi Xa (1) đưa đón, muôn dặm hải trình sóng gió yên ổn. Khi ngự giá tới Gia Định thì tiếp đón khoản đãi tình ý thân thiết, lễ đủ nhạc hòa, nhất thiết cung ứng (2) không gì không chu đáo, khiến nơi vui hợp ý, khách tới như về, trước nay chưa từng có thịnh sự như thế, quả thật là nhờ thịnh ý bảo hộ của quý Toàn quyền đại thần, quả nhân vô cùng cảm kích nên sai bề tôi Cơ mật viện làm thư để cảm tạ”).

(1) Nguyên bản viết là “Ta Mi Xa”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) Nguyên bản chép là “cung ứng”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “cung ứng” bị chép lầm, đây tạm đính lại và dịch như trên.

Lại tặng Khâm sứ đại thần một tấm kim khánh hạng lớn nhất và thưởng quý quan kim khánh kim tiền ngân tiền các hạng, thân thần Miên Phương một tấm kim khánh hạng lớn, Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải mỗi người một đồng kim tiền hạng lớn, và chuẩn thưởng cấp cho quan viên văn vũ hộ tòng nhiều ít khác nhau (về sau đến tháng 12 lại chuẩn thưởng cho các Lưu kinh đại thần mỗi người một đồng kim tiền).

0799. Tháng 12. Hoài Đức quận vương Miên Lâm chết. Ban cấp cho vải lụa, chiếu lệ cấp tiền tuất (3.800 quan), lại chuẩn cho lãnh bổng thêm một tháng (500 đồng) và miễn số nợ đã lâu ở Nghĩa thương (700 quan) để tỏ ý đôn thân (quận vương là người thân đức lớn, cùng Tuy Lý vương phụ chính huân lao nhiều năm nên đặc biệt ưu niệm).

0800. Lúc bấy giờ hạn lụt liên tiếp, các nơi nổi nhau mất mùa, ngoài kinh thành dân tình quần bách, Quảng Trị Quảng Bình là nặng nhất. Bèn sai Thượng thư bộ Công sung Phó Tổng tài Quốc sử quán Hoàng Hữu Xứng sung làm Khâm mệnh Trị Bình Trù tế đại thần cùng Khoa đạo là bọn Nguyễn Huyền Trần Trạm tới hai hạt ấy bàn với Công sứ ở tỉnh khám thực liệu lý (hoặc trích kho công chước lượng chẩn cấp, hoặc khuyên người giàu giúp đỡ việc nghĩa, hoặc thuê người làm việc xây dựng thay cho chẩn cấp, hoặc chi tiền công cho vay). Lại ban dụ sai quan tỉnh và phủ huyện gia tâm làm việc, khuyến dụ người giàu giúp đỡ kẻ nghèo để giảm bớt nỗi khổ của dân. Về sau vì hai tỉnh Trị Bình đã có Tuần phủ Bố chánh mới, lại có đại thần Nguyễn Thân tới trừ hoạch cứu giúp bèn chuẩn cho Hữu Xứng về kinh.

0801. Lúc bấy giờ lưu dân tới chợ phố trong ngoài kinh thành kiếm ăn, sai bộ Hộ hội đồng với quan phủ Thừa Thiên chước lượng chẩn cấp (tránh hạng không kham nổi việc ứng dịch cấp cho một hợp gạo, trẻ em cấp cho nửa hợp. Ai kham nổi việc công dịch thì cấp cho mỗi ngày một bát gạo, 30 đồng tiền kềm, do Nha Tu lý phân phát đưa đi ứng dịch).

0802. Chuẩn ban biển ngạch cho đền thờ Phạm Sĩ Ái ở thôn Nghĩa Lộ (thuộc tỉnh Hưng Yên) và đền thờ Nguyễn Giản ở xã Phương Khê (thuộc huyện Nông Công Thanh Hóa) (Phạm Sĩ Ái là Nhị giáp Tiến sĩ năm Nhâm Thìn niên hiệu Minh Mạng, làm quan tới chức Thị lang bộ Binh sung Chủ khảo trường Gia Định bị bệnh chết đưa về chôn cất, thôn ấy lập đền thờ. Nguyễn Giản là Cử nhân năm Mậu thân niên hiệu Tự Đức, làm quan tới chức Án sát bị giáng, trở về mộ dân khai khẩn lập ra hai ấp Liên Khê, Dược Khê, sau khi chết dân trong ấp lập đền thờ, đều có linh ứng. Quan sở tại xin chức lượng khen thưởng biểu dương, bèn chuẩn ban cho biển ngạch, kiểu thức thì trước khắc niên nguyệt nhật, hàng ngang ở giữa khắc bốn chữ lớn “Sắc tứ lập từ”, sau khắc ấp xã thôn tổng huyện phủ tỉnh Mỗ kính khắc).

0803. Thường biển ngạch cho tiết phụ Nguyễn Thị Viên xã Cao Du (thuộc huyện Sơn Vi) tỉnh Hưng Hóa. Thị Viên là vợ cố Ngự sử đạo Lạng Bằng Phạm Thắng Phương, năm 25 tuổi chồng chết, thê không tái giá, đến 60 tuổi bạc đầu trọn tiết. Quan tỉnh đem việc tâu lên, chuẩn ban thưởng để biểu dương. Lại chuẩn cho các tỉnh từ Ninh Bình trở ra bắc có tiết phụ thì bất kể hạt nào đều chuẩn cho nhất loạt thay đổi quy chế cấp một tấm biển ngạch, vẫn do người tiết phụ ấy xuất của nhà chiêu theo kiểu thức chế tạo, có ai không đủ sức thì do quan tỉnh giúp đỡ, lấy đó biểu dương cho hợp thời nghi (lúc bấy giờ từ Ninh Bình trở ra bắc do Phủ Thống sứ chiêu biện, tiền bạc vải vóc không lấy đâu mà chỉ cấp).

0804*.** Sắc ban biển ngạch cho đền thờ Thu Lãnh hầu Ngô Phúc Hoàn (người xã Qua Nha Thạch Hà Hà Tĩnh) và tiết phụ Phan Thị Thuần tiền triều (kiểu thức chiếu theo lệ tiết phụ hạng ưu, cao 1 thước 4 tấc 4 phân, ngang 2 thước 5 tấc 2 phân, khắc hình giao long và hoa hồi văn sơn đỏ, trong khắc bốn chữ lớn “Trung liệt nhất gia” (Trung liệt một nhà), trước khắc chữ “Sắc tứ”, sau khắc niên nguyệt nhật). Trong niên hiệu Cảnh Hưng nhà Lê giặc Huệ phạm Thăng Long, Ngô Phúc Hoàn vâng mệnh cùng các tướng chặn giặc, đốc suất quân thủy đánh nhau ở hồ Thúy Ái, các quân đều tan vỡ, một mình suất lãnh quân bản bộ ra sức đánh nhưng không địch nổi, cùng hai con trai đều chết trận. Vợ là Phan Thị Thuần có sắc đẹp, hơn hai mươi tuổi, được tin vẫn cười nói thản nhiên như không có chuyện gì. Đến hôm cúng một trăm ngày bày đàn tế tướng quân xong lập tức thuê thuyền chài ăn mặc đẹp để ra chỗ tướng quân chết gieo mình tự tử, một nhà cha con vợ chồng đều được trọn tiết. Người sở tại lập đền thờ chung, đến lúc ấy chuẩn ban biển ngạch để biểu dương.

Quyển 10

0805. Năm Mậu Tuất Thành Thái thứ 10 (1898 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Ngày Ất Dậu (ngày 1) có nhật thực, ngày triều hạ dịp Nguyên đán đổi qua ngày 2.

0806. Chuẩn cho nguyên Thự Thượng thư sung Tham biện Nha Kinh lược Bắc Kỳ Dương Lâm thăng thụ hàm Thượng thư bộ Công sung Tổng tài Quốc sử quán.

0807. Ân phong cho con trưởng của Khâm sứ đại thần Hộ Nam công Brière là Jean Brière (1) làm Hộ Nam huyện công, lại cấp cho kim bài (trong khắc bốn chữ “Hộ Nam huyện công”).

(1) Nguyên bản viết là “Pha Di Y Giang”.

0808. Chuẩn cho Đông Các đại học sĩ Trương Quang Đản gia hàm Thái tử Thiếu phó.

0809. Chuẩn trích 500 đồng tu bổ phần mộ của cố quận công Pigneau de Béhaine. Lúc đầu là vua ngự giá Nam tuần ban tế một lần, lại sắc cấp tiền tu bổ, giao cho Giám mục Gia Định nhận làm, đến lúc ấy trích cấp cho.

0810. Khâm sứ đại thần Hộ Nam công Brière về nước (Auvergne (1) quyền thay). Trước đó đã yển ở Duyệt Thị đường, lúc lên đường sai quan đưa tiền, trích phẩm vật tặng biểu ủy lạo theo lệ.

(1) Nguyên bản viết là “Ô Ve Gio” (phía sau có chỗ viết là “Ô Ve” nhưng cũng là một người), tức Jean Calixte Alexis Auvergne. Nhân vật này giữ chức Quyền Khâm sứ Trung Kỳ từ 1897 đến tháng 3. 1898, sau đó giữ chức Khâm sứ Trung Kỳ từ 9. 5. 1901 đến 1904.

0811. Lại chính Bùi Như về nước, Sô Lê (1) quyền thay, sai trích phẩm vật tặng biểu.

(1) Nguyên bản viết là “Sô Lê”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0812. Lúc bấy giờ Quảng Bình gạo đắt, cái ăn khó khăn, nhân dân nhiều người họp bọn làm cướp. Tòa Khâm sứ bàn xin chuẩn cho trọng thần về đánh bắt. Bèn sai Văn Minh điện đại học sĩ Nguyễn Thân tới trừ hoạch cứu giúp. Thân tới nơi xét hỏi tình trạng, trừ nghĩ những việc cần làm để chấn cấp (trước đã trích hơn 30.000 học gạo, 20.000 quan tiền ủy nhiệm Bố chánh Nguyễn Văn Bản đi chấn cấp cho dân đói ở các phủ huyện từ tỉnh hạt trở lên phía bắc, Viên ngoại Nguyễn Trần Lương đi chấn cấp cho dân đói ở các phủ huyện từ tỉnh hạt trở xuống phía nam). Lại làm rõ việc thưởng phạt các phủ huyện (Tri phủ Triệu Phong Nguyễn Đức Huy khuyến quyền đắc

lực xin thường hai cấp trác dị, Tri huyện Vĩnh Linh Trần Đức Tuy làm việc tầm thường xin triệt hồi, lấy Nguyễn Hữu Trác thay thế, Tri huyện Bồ Trạch Vương Đình Trân vừa tới nhận chức chưa am hiểu nhiều, đổi lấy nguyên Tri huyện Trần Gia Mô thay thế, Tri huyện Lê Thủy Lê Hữu Điền chất phác không kham nổi nhiều việc gấp rút, xin đổi bỏ làm Tri huyện Bồ Trạch, đều chuẩn cho thi hành). Đến khi tình hình hơi yên, chuẩn cho quan tỉnh bàn bạc chấn cấp, Thân thì cuối tháng ấy về kinh phục mệnh.

0813. Định lệ cấp thêm bổng cho Trợ giáo chữ Hán Trường Quốc học. Khâm sứ Brière bàn nói các viên Trợ giáo chữ Tây đều được cấp thêm mà Trợ giáo chữ Hán thì chưa nói tới, nghĩ cũng chưa công bằng. Bèn chuẩn chia hạng theo thứ tự cấp thêm (Quản giáo mỗi tháng 25 đồng, Trợ giáo hạng hai mỗi tháng 20 đồng, hạng ba mỗi tháng 15 đồng, hạng tư mỗi tháng 10 đồng, hạng năm mỗi tháng 6 đồng). Lại vì các viên Tế tửu, Tư nghiệp Quốc tử giám làm việc cũng giống các viên Quản giáo Trường Quốc học nên cũng chuẩn cấp thêm (Tế tửu mỗi tháng 25 đồng, Tư nghiệp 20 đồng), chuẩn cho bắt đầu từ ngày 1 tháng sau.

0814. Tháng 2. Nguyên Khâm sứ đại thần Tá quốc quận công Bouloche lại tới. Sai bọn đại thần Nguyễn Thân, Nguyễn Thuật, Nguyễn Hữu Thảng tới Đà Nẵng đón tiếp, khi tới kinh các việc triều yết khoản đãi tặng biếu đều chiếu lệ trước nay mà làm.

0815. Ngày 22 tháng ấy là lễ Vạn thọ nhị tuần đại khánh tiết, trước đó vâng sắc nói “Trẫm nay tuổi đã nhị tuần, bọn phên bề tôi bộ Lễ há lại không biết mà gần đây chưa thấy tâu xin. Vậy cho bề tôi bộ ấy chước nghĩ những việc nên làm cho hơn khánh tiết các năm trước để mọi người cùng vui vẻ, còn như việc trong kinh ngoài tỉnh cung tiến phẩm vật thì chuẩn cho đình”. Bộ Lễ tâu nói “Đã tra cứu các sách *Ngũ lễ thông khảo* và *Hội điển* nhà Minh nhà Thanh nhưng hoàn toàn không thấy nói nghi thức mừng nhị tuần đại khánh tiết của đế vương các đời, kính cần tra cứu dịp Dục tông Anh hoàng đế 30 tuổi, tháng 8 năm Tự Đức thứ 11 kính phụng dụ chuẩn chiếu điển lệ hàng năm biện lý. Tôn nhân đình thần mấy lần xin chuẩn bị phẩm vật nghi thức dâng lên để khác hàng năm, lại phê nói “Nay tuy người làm quan thì nhiều nhưng người hết lòng làm việc thì ít, đến nỗi sĩ phong kiêu bạc, tài dụng thiếu thốn, binh tịch thiếu hụt, nhân dân khổ cực, một mình ta thiếu đức ít học làm sao có thể trị lý tới nơi tới chốn. Kinh Lễ nói: Mùa màng không thuận, thiên tử ăn không ngon, đại phu không được chế tạo xe ngựa, lại nói: Ất phải giản dị hết sức kính cần không nên lòe loẹt, thì cần gì ra sức tô điểm!”, thánh đức to lớn để lại làm phép tắc cho người sau. Trộm nghĩ mấy năm nay hạn lụt thiên tai, các nơi trong ngoài dân tình quần bách, trước đã gia ơn chấn cấp, sai quan cứu giúp nhưng lúa thóc chưa gặt, dân sinh chưa yên, một khoản phẩm vật nghi thức vâng chuẩn cho đình bãi, quả thật là không cốt ở tô điểm lòe loẹt. Duy những việc nên làm trong dịp đại khánh tiết xin do Tôn nhân đình thần chước nghĩ và đình nghị tâu lên”. Vua phê “Chưa ổn”, lại sai chước nghĩ. Kế nghĩ xin trích 100 đồng ngân tiền các hạng và 3.000 đồng kính tiến để thưởng cấp. Chuẩn cho bộ Lễ tuân nghĩ nghi thức, trước hai hôm đem việc tể cáo với điện Phụng Tiên và Cung miếu, trước một hôm tâu với ba cung. Đến hôm ấy thiết đại triều ở điện Thái Hòa, trăm quan kính dâng biểu mừng, làm lễ chúc mừng. Lễ xong, ban ân chiếu cho trong ngoài (tất cả 6 điều).

0816. Chuẩn thưởng nha thuộc Phủ Toàn quyền là Tri huyện hàm Phạm Văn Tươi (1) hàm Thái thường tự khanh và một tấm kim khánh hạng hai. Tri huyện thăng thẳng lên Cửu khanh là bắt đầu từ Tươi (về sau Nguyễn Tiến Tài nha thuộc của Tòa cũng được theo lệ này thăng vượt bậc lên hàm ấy).

(1) Nguyên bản chép là “Phạm Văn Tiên”. Phạm Văn Tươi là người Chợ Quán Sài Gòn, theo đạo Thiên chúa, lúc đầu làm việc tại sở Điện báo Sài Gòn, sau giúp việc cho Lê Phát Đạt rồi làm Thông ngôn ở Chợ Lớn, vài năm sau đổi ra làm việc ở Phủ Toàn quyền Đông Dương, cuối đời làm Đốc phủ sứ ở Vĩnh Long.

0817. Ban sắc sai Nội các chọn sáu bảy người có văn học phái theo Thượng thư bộ Hình Đào Tấn học soạn tuồng *Phong thần truyện* để xem. Bề tôi Nội các cho rằng soạn tuồng ắt phải học rộng hiểu nhiều, xin cho Đào Tấn chọn lựa người thông thạo để làm, cho như lời xin.

0818. Lúc bấy giờ các nơi trong kinh ngoài tỉnh từ năm trước đến nay hạn lụt nối nhau, dân tình quần bách. Chuẩn trích tiền gạo chấn cấp nhiều ít khác nhau (Thừa Thiên cấp tiếp gạo 6.000 phượng, Quảng Nam 1.700 tạ, Quảng Trị tiền 5.160 quan, gạo 831 phượng, lại cấp tiếp 10.000 quan, Quảng Bình gạo 17.700 phượng, Hà Tĩnh cho vay thóc 3.000 hộc, tiền 1.000 đồng, 10.000 quan, Nghệ An trích thóc kho 2.000 hộc giảm giá bán ra, lại trích gạo 300 phượng chấn cấp cho lưu dân).

0819. Tháng 3. Bàn định phủ Thừa Thiên phạm việc quan hệ tới giao thiệp đều do Quản lý quý Tòa (Đô Lãng Tôn (1)) tư để bàn bạc. Lúc bấy giờ Khâm sứ Bouloche vì 11 tỉnh đều có Công sứ giúp đỡ làm việc, duy phủ Thừa Thiên chưa đặt, việc nào cũng tư bàn, Tòa Khâm sứ cũng bận rộn, nên có lời nghị ấy. Kế lại đặt Tòa Hội đồng Đề hình ở phủ ấy (chiếu theo tòa án các tỉnh mà biện lý).

(1) Nguyên bản viết là “Đô Lãng Tôn”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0820. Giảm bớt thuộc viên trong Cơ mật viện và bãi bỏ Ty Hành nhân (Cơ mật viện chước lượng lưu lại từ Tham biện trở xuống 20 người, giảm bớt 34 người, Ty Hành nhân chọn lưu lại 2 người lệ vào Cơ mật viện, những người tầm thường cho qua học tập ở Trường Quốc học, ty ấy triệt bãi).

0821. Bãi bỏ Hải phòng sứ Quảng Nam. Hải phòng sứ Quảng Nam vốn lúc đầu có đặt Phòng sứ cùng nha thuộc binh đình, đến lúc ấy việc phòng bị không quá bận rộn, đã bàn định nghĩ nên chước giảm. Bèn chuẩn cho Hải phòng sứ Phạm Tự về kinh chờ chỉ, ấn kiểm nha ấy phụng nạp cho Nội các (chỉ lưu lại Thương biện Lê Liên và Điện báo, Hành nhân đều 1 người, quân binh 5 người, hợp với quan huyện Hòa Vang (1) sung biện sự vụ thị xã (2) Đà Nẵng). Lại dời huyện nha Hòa Vang tới nha thự Hải phòng sứ để làm việc công.

(1) Nguyên bản viết là “Hòa Vinh”.

(2) Nguyên bản chép là “thành phố”, nhưng theo hệ thống hành chính thuộc địa thì vào thời điểm này toàn Việt Nam chỉ có bốn thành phố (ville) là Sài Gòn, Chợ Lớn, Hà Nội, Hải Phòng, còn ở các địa phương khác kể cả Huế, trung tâm hành chính mang tính chất đô thị chỉ là thị xã (centre urbain). Trong bản dịch này chúng tôi nhất loạt dịch những từ “thành phố” loại này là thị xã.

0822. Đổi chức Bang biện Cơ mật viện làm Tham biện, lấy bọn Thân Trọng Huệ, Đặng Như Vọng sung vào.

0823. Công sứ Thanh Hóa tư nói tháng 8 năm trước vợ lẽ của Lê Thuyết là Đặng Thị Huệ cùng ba con trai (tên Tấn tên Sần tên Khánh) (1) ra thú, bản do Cơ mật viện nghĩ bàn. Bề tôi Cơ mật viện xin chuẩn đổi theo họ mẹ (họ Đặng) do tình ấy quản thúc, theo như lời tâu.

(1) Theo quy ước riêng, người trong gia tộc Tôn Thất Thuyết đều được đặt tên với bộ “ngôn” trong Hán tự như Tôn Thất Đình, Tôn Thất Thuyết, Tôn Thất Đàm, nhưng nguyên bản chép ba tên người này chỉ có chữ Sần có bộ “ngôn”.

0824. Bãi bỏ Tập hiền viện (Chính tự, Thừa phái, Lệ mục, Tùy phái đều cho về hậu bổ, cấp tiếp bổng một tháng là thôi. Công văn thư từ bệ bài của viện ấy giao cho Nội các giữ).

0825. Giảm bớt thuộc viên trong Thái y viện (chước lượng lưu lại 11 người, giảm bớt 12 người, đều cấp bổng một tháng cho về hậu bổ).

0826. Thường thị Tư (1) Thường (khuyết họ) ở thành phố Hà Nội*** hàm Tùng Ngũ phẩm Nghi nhân (2) và biển ngạch “Nghĩa phụ”. Thị ấy quyền 1.200 đồng giúp đỡ dân đói ở ba hạt Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn chiếu lệ (lời nghị tháng 5 năm Tự Đức thứ 24) thưởng cấp một đạo sắc văn, một tấm biển ngạch, thưởng thêm một đồng kim tiền Tam thọ để khuyến khích người có lòng hiếu nghĩa.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm Tư (*tư + tư*).

(2) Nguyên bản chép là “Tùng Ngũ phẩm”, ngờ là “Tùng Ngũ phẩm Nghi nhân” bị chép sót, đây đính lại như trên.

0827. Chước miễn thuế điền cho Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi nhiều ít khác nhau (Thanh Hóa miễn tô thóc 52.225 hộc, Nghệ An 14.772 hộc, Hà Tĩnh 2.000 hộc, Quảng Bình 3.894 hộc thóc và 1.933 quan tiền, Quảng Trị 941 hộc, Quảng Nam 16.830 hộc, Quảng Ngãi 2.341 hộc). Các hạt ấy liên tiếp bị hạn lụt, mùa màng tổn thất nên chuẩn miễn cho.

0828. Năm ấy thi Hội (Tổng đốc Thanh Hóa Vương Duy Trinh làm Chủ khảo, Sung biện Các vụ Cao Đệ làm Phó Chủ khảo) lấy 3 người trúng cách (Nguyễn Tự Như, Nguyễn Văn Trình, Phạm Tuấn) và 11 người thứ trúng cách là bọn Đào Nguyên Phổ. Tháng 4 thi Điện (Độc quyền là Đông Các đại học sĩ Trương Quang Đản, Hiệp biện đại học sĩ Hoàng Hữu Xứng, Duyệt quyền là Thị lang bộ Lại Tôn Thất Thiệm, Tế tửu Quốc tử giám Khiếu Năng Tĩnh), lấy Đào Nguyên Phổ làm Đệ nhị giáp tiến sĩ, 7 người bọn Phạm Liệu làm Đệ tam giáp tiến sĩ, 10 người Phó bảng.

0829. Nguyên Thượng thư bộ Hộ gia hàm Hiệp biện đại học sĩ hưu trí Vũ Trọng Bình chết. Trọng Bình (Cử nhân, người xã Mỹ Lộc tỉnh Quảng Bình) là bậc cự thần thạc vọng, có tiếng thanh liêm, làm quan trong ngoài huân lao với nước, sau vì tuổi già về trí sĩ năm Thành Thái thứ 3, kính vâng ý chỉ là bậc kỳ cự thanh liêm tài cán của tiền triều nên ban cho hàm ấy (Hiệp biện đại học sĩ). Đến lúc ấy chết, đặc chuẩn truy thụ, chiếu lệ cấp tiền tuất (700 quan) để tỏ ý ưu đãi thể thiếp.

0830. Nguyên Phụ chính đại thần gia hàm Hiệp biện đại học sĩ hưu trí Nguyễn Thành Ý chết. Thành Ý (Cử nhân, người xã Thúy La tỉnh Quảng Nam) huân lao nhiều năm, cự thần đức vọng, đã đội ơn gia hàm cho về hưu trí. Đến lúc ấy chết, chuẩn truy thụ hàm ấy, chiếu lệ cấp tiền tuất (Tùng Nhất phẩm 700 quan) để tỏ ý nhớ bề tôi cũ.

0831. Tháng 3 nhuận. Giảm hai nha Tu lý Doanh thiện, chước lượng lưu lại binh viên lệ vào bộ Công.

0832. Lúc bấy giờ vì sau khi có việc, quan viên thăng trật mỗi khi qua hàm khác bổng lệ đều không nhất định. Bề tôi Cơ mật viện tâu xin trở đi quan viên văn võ trong kinh ngoài tỉnh phạm từ Cửu phẩm trở lên như hàm cao mà lãnh chức thấp và hàm thấp mà lãnh chức cao thì chiếu theo chức đang lãnh đang thụ mà chỉ bổng (như Thượng thư lãnh Tham tri thì chiếu bổng Tham tri mà cấp, Thị lang Thự Tham tri thì chiếu bổng Tham tri mà cấp, Tùng Tam phẩm lãnh Thị lang thì chiếu bổng Thị lang mà cấp. Duy Biện lý là hư hàm, bất kể là phẩm nào sung vào cũng chiếu bổng Chánh Tứ phẩm mà cấp, Lang trung lãnh Viên ngoại thì chiếu bổng Viên ngoại mà cấp, Viên

ngoại lĩnh Lang trung thì chiếu bổng Lang trung mà cấp, còn lại theo lệ mà suy. Quan ngoài tỉnh và vũ viên cũng chiếu theo đó thi hành). Còn lại các viên Tham biện Thương biện Bang biện ở các bộ nha sảnh phòng (theo lệ không có hàm cao nhất) đều chiếu theo hàm hiện có. Hành tâu, Hậu bổ, Thừa biện, Thừa phái, Tùy phái đều chiếu hàm lúc đầu và hàm hiện có cùng hàm cao nhất chi cấp, trong đó nếu ai có công lao tài năng thực trạng và quá lâu chưa thăng lâm thời xin chức lượng thăng quá chức hàm đang giữ (như Lại mục trật tới Chánh Cửu phẩm là hàm cao nhất mà thăng Chánh Tòng Bát phẩm (trở xuống cũng thế), Thừa biện Chánh Thất phẩm mà thăng Chánh Tòng Lục phẩm, Tri huyện Chánh Tòng Lục phẩm mà thăng Chánh Tòng Ngũ phẩm, thư lại chức lượng thăng lên Cửu phẩm) cũng chiếu hàm cao nhất chi cấp, lại việc chọn bổ quan viên thự lãnh chiếu lệ không được quá hai trật. Tờ tâu dâng lên, chuẩn cho thi hành.

0833. Lúc bấy giờ Cơ mật viện hội thương, Khâm sứ đại thần hỏi tới việc thăng trật, Văn Minh đại thần Nguyễn Thân, Vũ Hiến đại thần Hoàng Cao Khải đôi bên tranh biện rất thiếu hòa khí. Bề tôi Khoa đạo dâng sớ xin ban sắc tuyên triệu vào dụ trước mặt để đều bình tĩnh qua lúc khó khăn mà khiến kẻ thấy nghe được thỏa lòng. Vua nói “Cần gì”.

0834. Ban dụ định lệ lương bổng của đường quan ở phủ tỉnh cùng Đốc học phủ huyện châu tỉnh ngoài (mỗi thng Hiệp biện đại học sĩ lãnh Tổng đốc 120 đồng, Tổng đốc 100 đồng, Tuần phủ 75 đồng, Phủ doãn đứng đầu các viên Bộ chánh đều 60 đồng, còn lại Bộ chánh các tỉnh đều 50 đồng, Phủ thừa và Án sát các tỉnh đều 30 đồng, Đốc học 25 đồng, Tri phủ 18 đồng, Tri huyện Tri châu 14 đồng, bắt đầu từ ngày 1 tháng 4).

0835. Thân định lệ cấp bổng cho quan viên hưu trí. Phạm ấn quan trong kinh ngoài tỉnh văn từ Tam phẩm trở lên, vũ từ Tứ phẩm trở lên, viên nào đã 70 tuổi theo lệ được hưu trí cùng những người 65 tuổi hay chưa đến 65 tuổi từng sự được 30 năm hiện đang tại chức nhưng muốn hưu trí thì chiếu lệ năm Thành Thái thứ 7 cấp bổng. Còn những ai chưa tới lệ ấy và viên nào trước đây đã về nghỉ phụng dưỡng cha mẹ hay bị bệnh về quê thì tuy đến tuổi hưu trí cũng không được viện lệ để xin, để tỏ rõ là có phân biệt. Lúc bấy giờ Khâm sứ đại thần Boulloche bàn nói quan viên ai đến tuổi hưu trí chỉ nên cấp tiền một lần, nên bề tôi Cơ mật viện bèn có lời nghị ấy.

0836. Thân định lệ cấp bổng cho quan chức Trường Quốc học (Chương giáo quan Pháp 1 viên do Tòa Khâm sứ tuyển bổ, lấy Thương biện Nordemann (1) sung vào, lương tháng do ngân sách Bảo hộ chi cấp, tất cả trường quy sự vụ có quan hệ với viện bộ các nha đều được toàn quyền tư báo. Phó Chương giáo quan Nam dạy tiếng Pháp mỗi tháng 90 đồng, Trợ giáo hạng nhất 2 người đều 35 đồng, Trợ giáo hạng hai 2 người đều 30 đồng, Trợ giáo hạng ba 2 người đều 20 đồng, Phụ giáo thí sai 1 người 12 đồng, Quản giáo chữ Hán 1 người 40 đồng, Trợ giáo hạng nhất 1 người 25 đồng, Trợ giáo hạng hai 1 người 20 đồng, Trợ giáo hạng ba 1 người 15 đồng, Giám thị 1 người 6 đồng, Tờ hàn 2 người đều 4 đồng 5 hào. Trờ lên các quan viên chuẩn do Chương giáo chọn cử bàn bạc thi hành, nhưng không được kiêm chức ở bộ và không có phụ cấp. Còn lại sinh viên cũng theo lệ cấp lương, chi phí trường vụ mỗi tháng 80 đồng đều do ngân sách Nam triều chi cấp).

(1) Nguyên bản viết là “Ô Đăng Đan”, có lẽ là lầm. Nhân vật này là Edmond Nordemann, nhà Việt Nam học người Pháp, tác giả quyển *Chrestomathie annamite (Quảng tập viên văn)* xuất bản ở Hà Nội năm 1898, từng tự phiên âm tên mình ra chữ Hán là Ngô Đề Mân. Xem thêm các điều 1248, 1402.

0837. Lệ trước đây thuộc viên các bộ nha (từ Lang trung trở xuống) và thuộc viên ở tỉnh ngoài (Thông phán, Kinh lịch, Giáo thụ, Huấn đạo (1) trở xuống) có khuyết thì do bộ Lại chọn điền bổ hay do thượng ty xét làm tập tâu, bộ Lại duyệt làm phiếu tâu lên. Đến lúc ấy Khâm sứ đại thần Boulloche bàn nghĩ trở đi thuộc viên các bộ từ Lang trung trở xuống có khuyết nên do bộ trưởng xét bổ, như có vượt bậc hay không hợp lệ thì do bộ Lại bàn riêng và ở tỉnh ngoài văn từ Chánh Cửu phẩm trở xuống) có khuyết thì do quan tỉnh và quý Công sứ cử bổ, hoặc làm tờ tâu hoặc làm tờ tư cho bộ Lại duyệt làm phiếu tâu lên, như có ai không hợp lệ thì do bộ Lại nêu ra chọn người khác để bổ. Còn Giáo Huấn (2) Thông Kinh ở phủ huyện do bộ Lại chọn bổ mà các tỉnh cũng được làm tập tâu đề cử với bộ Lại tâu lên, chuẩn cho thi hành.

(1) (2) Nguyên bản đều chép là “Huấn Giáo”, theo thứ tự quan chức có chỗ vô lý, ngờ là “Giáo Huấn” bị chép lầm, vì Giáo thụ là học quan cấp phủ, cao hơn Huấn đạo là học quan cấp huyện, đây dính lại như trên.

0838. Xóa tiền nợ cho dân bị nạn vay mượn (giáo dân Nghệ An vay 250 nén bạc, thổ dân Trấn Lao mượn 300 quan, đều thật sự cấp cho dân bị nạn, chuẩn đều cho chi).

0839. Chuẩn trở đi các phủ tỉnh nếu có những quan dân sống lâu, nghĩa phu tiết phụ và người lạc quyền theo lệ được cấp biển ngạch thì đều chiếu theo kiểu thức biển ngạch thợ dân cùng công thợ vật liệu tiền gạo được chuẩn năm Thành Thái thứ 1 và năm trước (mỗi tấm 52 quan 9 mạch 4 đồng, 2 phương 20 bát gạo) chế cấp. Nếu họ tình nguyện nhận lãnh tiền gạo để tự chế tạo cũng cho. Lúc bấy giờ quan tỉnh Bình Định chế cấp biển ngạch cho thợ dân Dương Văn Điện (105 quan), rất là lãng phí, nên bộ Công có lời nghị ấy.

0840. Mùa hạ, tháng 4. Chuẩn đổi huyện Hưng Nguyên tỉnh Nghệ An làm phủ, lại dời đặt huyện lỵ các huyện Nam Đàn, Yên Thành, Thanh Chương (huyện lỵ Nam Đàn dời tới đặt ở xã Diên Lâm tổng Xuân Liễu, huyện lỵ Yên Thành dời tới đặt ở thôn Phụng Luật tổng Quan Hóa, huyện lỵ Thanh Chương dời tới đặt ở xã Vũ Liệt,

trong đó trích hai tổng Quan Trung, Vân Tụ huyện Đông Thành cùng các xã thôn mới mộ dân khẩn đất lập làm một tổng lệ vào huyện Đông Thành để được đường sá xa gần đều nhau, việc công thuận tiện mau lẹ).

0841. Chức giảm thư lại ở Lục bộ, chức lượng lưu lại ở mỗi bộ nhiều ít khác nhau (bộ Lại 9 người, bộ Hộ 15 người, bộ Lễ và bộ Công đều 13 người, bộ Binh 13 người, bộ Hình 12 người, thường xuyên chi lương cho làm việc công. Số còn lại đều cho về hạng miễn sai dịch chờ bổ dụng, bắt đầu từ ngày 1 tháng này). Lúc bấy giờ thư lại ở Lục bộ vì số ngạch nhiều, chia ban làm việc công cũng bất tiện, nên Khâm sứ đại thần có lời bàn nghĩ ấy.

0842. Cấp cho Hoàng thúc tổ mẫu (1) Thuần nghị Kiên thái vương phi 2.000 đồng. Thái vương phi là mẹ vua Đồng Khánh triều trước (2) nên đặc biệt ban ơn cấp cho, là theo lời bàn của Khâm sứ đại thần Tá quốc quận công Boulloche (sau đó đến tháng 12 lại vì nguyên bổng 70 đồng không đủ chi dùng nên tăng cấp mỗi tháng 150 đồng).

(1) Nguyên bản chép là “Hoàng thúc mẫu”, tức “Hoàng thúc tổ mẫu” bị chép lầm, đây đúng như trên. Thuần nghị Kiên thái vương Hồng Cai cha vua Đồng Khánh là em Thoại thái vương Hồng Y ông nội vua Thành Thái, tức theo thế thứ Thuần nghị Kiên thái vương phi là bà thím (Hoàng thúc tổ mẫu) chứ không phải thím (Hoàng thúc mẫu) của vua Thành Thái.

(2) Nguyên bản chép là “tiên triều Khánh nguyên sơ tự”, tức “tiên triều Đồng Khánh nguyên sơ tự” bị chép sót, đây đúng như trên.

0843. Thân định điều khoản phòng cấm trong kinh thành. Lúc đầu nguyên Khâm sứ Brière bàn nói Nha Hộ thành trình nghị các khoản phòng cấm trong kinh thành chưa được đầy đủ chi tiết, nên cho bề tôi Cơ mật viện thẩm xét kê rõ duyệt lại. Bề tôi Cơ mật viện bèn nghĩ định các khoản tâu lên, chuẩn cho thi hành (Khoản 1: ba cửa Ngọ Môn, Hiến Nhân, Chương Đức trong hoàng thành quan lại binh thợ phải có bội bài (hoặc bài bằng ngà sừng gỗ) mới cho ra vào. Khoản 2: các phường trong thành mỗi phường có bao nhiêu nhà, mỗi nhà có bao nhiêu người, hoặc nhà nào có thuê mướn bao nhiêu người ngụ lại phải khai rõ số người, tên họ, tuổi tác, quê quán, để tiện kiểm soát. Khoản 3: các nhà trong phường hoặc có thân quyến tới thăm hoặc thuê mướn ai ở lại phải lập tức trình rõ cho Phường trưởng hoặc đêm canh biết. Khoản 4: trong thành sau khi đêm xuống bắn súng thì quan viên qua lại bộ ty đội nha phải có bội bài, nếu ai không có phải cầm đèn đuốc, phạm đi qua chỗ canh giữ mà gặp quan binh tuần đêm phải tới gặp mặt trình rõ để tiện tuần xét. Khoản 5: trong thành bất kể ngày đêm, các nhà trong các phường ai tụ họp cờ bạc, uống rượu say sưa huyên não âm ỉ thì cho nha ấy bắt về trị tội. Khoản 6: điều khoản phòng cấm trong thành đã kính nghiêm sức rõ ràng, trở đi nếu nha ấy tra xét không nghiêm, nếu quan thợ bị soi tường khoét vách vào trộm thì bắt nha ấy phải đền một nửa, còn lại chiếu theo nguyên lệ mà làm).

0844. Tháng 5. Sắc trở đi phạm kính gặp lễ tế cáo và ngày chính các ngày kỵ, ngày thánh đàn, nếu đúng ngày ra triều đều chuẩn cho miễn triều. đ

0845. Bãi bỏ hai đội Dục để ở Khánh Hòa. Trước là trong niên hiệu Tự Đức chuẩn lập ba đội Dục để để thị hầu cung Gia Thọ nhưng vì có việc bị tán lạc. Năm Đồng Khánh thứ 2 chuẩn cho quyền Suất đội Nguyễn Thiện mộ được một đội, năm Thành Thái thứ 8 chuẩn cho Tú tài Phạm Dư mộ được một đội, đều chiếu lệ nạp thay tiền sưu cho (đồng niên đều 600 quan) và dâng tiến các loại vật sản thổ nghi để giữ chế độ cũ. Đến lúc ấy Khâm sứ đại thần Boulloche cho rằng mộ lập ở xã khác không khỏi có chỗ thiên vị, đường sá xa cách, việc đệ nạp lại là làm phiền dân, bèn bàn do Cơ mật viện tâu xin chuẩn cho bãi đi (binh trong đội 2 rút về số dân chịu sai dịch, đình việc đệ nạp, duy binh trong đội 1 tình nguyện ứng mộ đã lâu, số tiền sưu 600 quan hàng năm do bộ Hộ trích tiền kho ra dâng tiến).

0846. Gia phong Khâm sứ đại thần Tá quốc quận công Boulloche làm Tá quốc quận vương. Lại chế cấp kim bài (trong khắc các chữ “Tá quốc quận vương”), ấn kiếm (ấn bạc mạ vàng khắc các chữ “Tá quốc quận vương chi ấn”, kiếm khắc các chữ “Tá quốc”), sách bạc (trong khắc văn thức) ban cho.

0847. Tháng 6. Ngày Quý tỵ (ngày 11), vua đưa từ giá tới chùa Thúy Vân ngắm cảnh, ngày Giáp ngọ (ngày 12) làm lễ tụng kinh, ngày Bính thân (ngày 14) hồi loan.

0848. Đặt phường ấp bên ngoài kinh thành. Bên ngoài kinh thành vốn do Nha Hộ thành tuần phòng, gần đây phố xá chen chúc, hào nước quanh thành bần thiêu. Công sứ Thừa Thiên nghĩ trong thành vẫn do Nha Hộ thành tuần phòng gìn giữ như cũ, còn ngoài thành đổi giao cho phủ Thừa Thiên nghĩ lập phường ấp, đều đặt Phường trưởng Phó trưởng sai tuần phòng kiểm soát. Khâm sứ bàn do Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành (về sau theo thứ tự chức lượng đặt từ phường 1 tới phường 9).

0849. Trích bạc ở Phủ Nội vụ 40.000 nén gửi Ngân hàng Đông Dương đúc thành tiền (mỗi nén đổi lấy 15 đồng, cộng 600.000 đồng) và vàng (về sau đến tháng 9 lại trích thêm 30.000 nén).

0850. Triệt giảm Bang biện ở sáu phủ huyện Thừa Thiên. Năm trước cái ăn khó khăn, vì cần người trừ hoạch cứu giúp nên đặt thêm, đến lúc ấy việc bớt nên triệt bãi.

0851. Ngày Giáp thìn (ngày 20), có sao băng từ phương tây nam bay qua phương đông bắc, có sắc đỏ xanh, rơi xuống thành tiếng (Khâm thiên giám tâu nói kính xét sách nói Sao băng rất lớn, có sắc xanh đỏ, ánh sáng soi ra bốn phía, nếu có ánh sáng màu đỏ thì nơi nào nó rơi xuống ngũ cốc không chín, dân đói).

0852. Mùa thu, tháng 7. Ban dụ đổi định thuế dân đinh ruộng đất. Lúc bấy giờ tình hình các tỉnh nam bắc đã hơi yên ổn, Tòa Khâm sứ bàn nghĩ đổi định việc chia hạng dân đinh ruộng đất chịu thuế, bèn ban dụ cho thi hành. Lời dụ nói “Chiều thấy thuế lệ dân đinh ruộng đất ở nước ta bất nhất, thu nạp nhiều lối, đến nỗi lâu ngày sinh tệ, cần phải theo thời thay đổi. Nay theo bề tôi Cơ mật viện trù nghĩ các lẽ, vả lại may mắn nhờ có các vị quý Toàn quyền, Khâm sứ đại thần đại diện nước Bảo hộ gia tâm bảo hộ, nay định lấy ngày 9 tháng 11 năm nay tức ngày 1. 1. 1899 Tây lịch chiều lời nghị thi hành. Nay các hạng thuế sản vật đều nhất loạt đình bãi, trừ đi thuế lệ đổi nạp bằng đồng bạc, nhưng hiện nay đồng bạc chưa nhiều, tạm cho chia làm ba phần, hai phần nạp bằng đồng bạc, một phần nạp bằng tiền để tiện thu nạp. Từ Thanh Hóa trở vào nam tới Bình Thuận 12 phủ tỉnh đều theo lệ ấy biện lý. Thuế thân và công sưu gân đây chia làm hai lần trung thu, nay nghĩ hợp làm một lần. Phạm những người thuộc lập hộ, đồng châu, lân dân, đoàn dân theo lệ trước đây được giảm thuế đều đình bãi, vẫn định hạng tráng từ 18 tới 60 tuổi vốn trước đây phải chịu công sưu, có tên trong sổ đinh thì định mỗi năm mỗi người phải nạp 2 đồng 2 hào. Lân dân, đoàn dân trước đây được miễn dao dịch thì định mỗi năm mỗi người phải nạp 4 hào. Còn lại hạng chức sắc văn võ từ Nhất phẩm tới Cửu phẩm và khoa mục có sắc văn như Tiến sĩ, Phó bảng, Cử nhân, Tú tài, Giám sinh, Âm sinh, Học sinh, Vũ cử, quan viên tử cùng Thông ngôn, Ký lục làm việc với quý quốc, Linh mục trong nhà thờ cùng sư trong các chùa công có bằng cấp của bộ Lễ, hạng miễn sai dịch đang làm Cai Phó tổng Lý trưởng và Thông lại, Thư lại, Đội trưởng, gián binh, lính lệ, lính trong ngạch ở các cục thợ, phu trạm làm việc với bản quốc hiện có lương bổng cùng lính pháo thủ, lính khố xanh, lính thủy và phu ở cửa tấn lãnh lương của Tòa Thương chính làm việc với quý quốc đều được trừ thuế lệ. Còn hạng lân dân, đoàn dân được miễn dao dịch vốn có tên trong sổ đinh nhưng được châm chước trừ công sưu cũng được miễn thuế, chỉ nạp 4 hào là thôi. Lại Viên phụ Viên tử Nhiều tử thuộc hạng ấy dự trong danh sách Thí sinh hàng năm của bộ Lễ và danh sách miếu phu từ phu mộ phu thuộc bộ ấy cũng đều chuẩn miễn dao dịch, chỉ nạp 4 hào để liệu lý. Các khoản trên đây vẫn do các xã lập sổ kê biên số mục, Công sứ các phủ tỉnh hội đồng với quan phủ tỉnh kiểm soát cho rõ ràng. Còn như công sưu đã đình bãi cho nạp tiền thay thì theo lẽ không điều bắt bắt đi làm nữa, nhưng trừ đi nếu có việc công ích nào mà Cơ mật viện bàn bạc với quý Khâm sứ đại thần cần dùng dân phu thì các xã ấy cũng phải thôi thúc điều bắt, mỗi người một ngày cấp cho 1 hào để ăn uống chi dùng.

Còn như khoản ruộng đất theo nguyên lệ chia hạng đã nhiều, việc trưng thu thuế lệ so với thuế thân còn rắc rối hơn, đến nỗi lại tư dễ dàng sách nhiễu nhiều bề, dân ta làm sao chịu nổi sự bức bách đòi hỏi ấy. Trẫm không phải có ý tăng thuế thu nhiều, chỉ mong mở ra một điều ích lợi cho dân, ruộng chỉ định làm bốn hạng, đất chỉ định sáu hạng là thôi. Ruộng hạng nhất mỗi mẫu nạp 1 đồng 5 hào, ruộng hạng hai mỗi mẫu nạp 1 đồng 2 hào, ruộng hạng ba mỗi mẫu nạp 8 hào, ruộng hạng tư mỗi mẫu nạp 6 hào, đất hạng nhất mỗi mẫu nạp 1 đồng 5 hào, đất hạng hai mỗi mẫu nạp 7 hào, đất hạng ba mỗi mẫu nạp 5 hào, đất hạng tư mỗi mẫu nạp 4 hào, đất hạng năm mỗi mẫu nạp 2 hào, đất hạng sáu mỗi mẫu nạp 1 hào. Các hạng ruộng đất ấy không phải là chiều theo đất đai màu mỡ hiện nay mà thu thêm, thuế lệ cũng chỉ tuân theo địa bạ đã định của liệt thánh triều ta gia ân cho dân mà thi hành, tức như khoản đất thổ trạch là đất đai màu mỡ rõ ràng cũng chỉ theo như trước xếp vào hạng cuối cũng có thể thấy rõ. Còn một khoản lập sổ thế nào để tiện cho dân thì trước tiên quan địa phương phải tiên liệu cho dân được biết, vả lại việc thay đổi địa bạ vốn không muốn khiến dân ta bị một phen phiền nhiễu. Còn nếu quan viên làm việc thấy dân không hiểu thế lệ mà tạ sự dọa nạt lấy tiền, thì việc ấy người ấy quyết xử tội nặng không tha. Vốn triều đình đã nghĩ cách tăng thêm lương bổng để họ đủ chi dùng, nghĩ cũng không đến nỗi sinh sự nhiễu dân mà khiến kẻ có nước có loại người tệ hại ấy. Lý trưởng các xã thôn tự tới phủ nha huyện nha chờ lệnh, lúc ấy đã có Công sứ và quan tỉnh hoặc quan viên đại diện tới các nha ấy nhận tờ khai của dân. Cách làm tờ khai phải chiều theo sổ đinh điền trong xã khai thật, cho kỳ hạn trong một tháng theo quan điền xích (1) tự đo đạc lại, không được bỏ sót giấu diếm, Nếu ruộng hoặc đất trong 5 phần giấu diếm tới 1 phần, bị phác giác là có việc trốn thuế thì những ruộng đất trốn thuế ấy sẽ bị sung làm ruộng công hay đất công, thuế lệ cũng tăng lên một bậc mà thu, như ruộng hạng hai sẽ tính là ruộng hạng nhất, ruộng hạng ba sẽ tính là ruộng hạng hai, Lý trưởng kỳ dịch khai gian cũng bị phạt nặng. Còn các xã thôn trước đây khai gian hạng ruộng đất nay ai theo sự thật lập tức khai trình thì thuế lệ sẽ giảm cho một bậc mà thu, như ruộng hạng nhất sẽ tính là ruộng hạng hai, ruộng hạng hai sẽ tính là ruộng hạng ba.

(1) *Quan điền xích*: thước đo ruộng thời Nguyễn, có nguồn gốc từ thước kinh của nhà Lê, dài 0,4664 mét, đến 1910 được nhà Nguyễn chuẩn hóa thành 0,47 mét áp dụng vào việc đo khám ruộng đất để thu thuế trên toàn quốc. Sau khi quân Pháp chiếm đóng toàn bộ Nam Kỳ năm 1867 thước đo này chỉ còn được áp dụng trên địa bàn Trung Bắc. Trước khi giải thể Nha Kinh lược Bắc Kỳ, Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer đã ra Nghị định ngày 2. 6. 1897 quy định từ ngày 1. 1. 1898 một thước ta có độ dài 0,4 mét, thước đo này được áp dụng ở Bắc Kỳ, nên đến 1945 quan điền xích của nhà Nguyễn chỉ còn được áp dụng ở Trung Kỳ mà thôi.

Còn như khoản thuế thân thì theo tờ khai của các Lý trưởng kỳ dịch ở các hạt ấy thu biện cùng đình bạ điền bạ, chờ bề tôi Cơ mật viện cùng quý Khâm sứ đại thần duyệt y sẽ phát giao cho Lý trưởng mỗi xã ở các hạt một bản và một tờ chỉ bài, chiều số trong xã nạp bao nhiêu mà ghi vào, chờ ngày nào yết thị định việc trưng thu thì thôi thúc các viên Lý trưởng tới tề tựu ở tòa Công sứ, do Công sứ và quan phủ tỉnh thu nạp, nếu một lần chưa xong thì chia làm hai lần, mỗi lần nạp xong thì ghi vào chỉ bài giao cho Lý trưởng chấp chiều để có con số nhất định, không

có việc hà khắc những nhiều như trước kia. Các khoản thuế hiện do Nha Thương chính thu và cho lãnh trưng trở đi sẽ chi vào những những việc đại sự có ích trong nước, cũng như các nước thuộc Đông Dương dùng các hạng thuế ấy, trong 12 phủ tỉnh tương lai ắt sẽ bắt đầu xây dựng đường xe lửa và nạo vét các đường sông cạn hẹp để tiện cho thương thuyền lui tới, lại tu sửa các cửa biển để thông việc buôn bán và mua sắm máy móc dẫn nước để làm lợi cho nhà nông. Còn thuế đình điền là để sung vào việc chi dùng của triều đình, chu cấp lương bổng cho hoàng tộc cùng chi vào việc xây dựng trong 12 phủ tỉnh. Các khoản trên đây quả đã chỉnh lý như thế để thi hành, huống hồ được quý quốc Bảo hộ giúp đỡ thì chính sự trong nước sẽ ngày càng đổi mới, dân ta sẽ ngày càng thịnh vượng, đại khái do triều đình thu thuế có chế độ không đến nỗi tăng nhiều, trừ bỏ một mối tệ doan vì dân ta tức khôi phục một hiến lệnh cho triều đình vậy. Trở đi dân ta nên biết lệ có nhất định, thuế không lạm thu, việc tuy là canh cải nhưng dân quả thật được nhờ ích lợi, lại không phải là một điều hay trong việc trầm trị nước sao!”. Kế sai đại thần Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải mang theo thuộc viên dùng ngựa trạm tới các tỉnh nam bắc (Nguyễn Thân tới các tỉnh phía nam tới Bình Thuận, Hoàng Cao Khải tới các tỉnh phía bắc tới Thanh Hóa) hiểu dụ, phạm mọi việc được tùy nghi bàn bạc cho ổn thỏa, theo đó thi hành.

0853. Dời đặt tỉnh thành Bình Thuận tới phủ lý Hàm Thuận (phủ lý Hàm Thuận dời tới đặt ở thôn Long Khê, huyện lý Hòa Đa dời tới đặt ở tỉnh thành cũ, dự trữ cần 3.100 đồng và đôn đốc quân binh ứng dịch).

0854. Tả Tham tri bộ Công Tạ Thúc Dĩnh chết (Phó bảng, người Minh Hương Thừa Thiên), Dĩnh sung làm việc ở Hàn lâm Nội các nhiều năm, lại làm quan trong ngoài, huân lao rõ rệt, đến lúc ấy chết. Chuẩn truy thụ Thượng thư bộ Công, chiếu hàm cấp tiên tuất để tỏ rõ ý thể tất.

0855. Tháng 8. Ban dụ định thuế lệ cho dân Lào thuộc tỉnh Thanh Hóa (phép tắc thời quốc sơ định với các huyện Lào dân Lào ở vùng thượng du Thanh Hóa không trưng thu thuế ruộng đất, chỉ thu thuế thân qua loa mà thôi. Đến lúc ấy ban định dân Lào dân Di hạng tráng từ 19 tới 60 tuổi mỗi năm mỗi người thuế thân 2 đồng, đồng niên chịu công sưu 20 ngày, còn dân Miêu, dân Kha, dân Bru Yén, dân Giao mỗi năm thuế thân 1 đồng, đồng niên chịu công sưu 10 ngày, chỉ ứng dịch ở các huyện Lào, không được điều bát tới những hạt khác. Tới như Pha nga cùng Phi a hu, A ba lạt, La xa (1) cùng Cai tổng Lý trưởng sư sãi ở các huyện Lào đều được miễn thuế thân, công sưu đình bạ thì chiếu theo quan địa phương sở tại khai báo nạp cho quý quan đại diện Bảo hộ ở huyện Sầm Tớ làm thành sổ gởi cho Tổng đốc và Trú sứ Thanh Hóa duyệt chiếu, chờ Cơ mật viện và Khâm sứ đại thần duyệt y sẽ do quý quan ở Sầm Tớ chiếu sổ thu thuế, lấy ngày 20 tháng 11 năm nay (2) tức ngày 1. 1. 1899 Tây lịch bắt đầu ban dụ cho thi hành),

(1) Nguyên bản chép là “pha nga dữ phi a hu a ba lạt la xa”, có lẽ chỉ các chức sắc trong tổ chức xã hội cấp cơ sở của người Lào, chúng tôi chưa tìm hiểu được cụ thể, chỉ tạm ngắt câu như trên.

(2) Nguyên bản chép là “thập nhất nguyệt nhị thập nhật”, là “thập nhất nguyệt cửu nhật” bị chép lầm, đây dính lại và dịch như trên. Xem điều 0861.

0856. Bàn định thuế lệ cho dân Man ở Bình Phú Thuận Khánh (dân Man tráng đinh từ 18 tới 60 tuổi ở Bình Định Phú Yên mỗi năm nạp thuế 1 đồng, hai Man ở Nha Trang Khánh Hòa và Phan Rang (1) mỗi năm nạp thuế 1 đồng 5 hào, còn Man Rhade (2) vẫn như lệ cũ nạp thuế sản vật sáp vàng 800 cân chờ nghị định sau, 11 tổng Man đã cấp bằng cấp cho đầu mục ở Bình Thuận chiếu lệ như Man ở Khánh Hòa thu 1 đồng 5 hào). Lúc bấy giờ Khâm sứ đại thần Bouloche bàn nghị việc buôn bán của sơn Man vào tháng 5 năm Thành Thái thứ 5 đã nghị định kể sách xử trí rất hay nhưng thi hành lại không thể tuân thủ, trong đó xử trí với những người lui tới dẫn đường phần nhiều không tốt nên thành trở ngại. Quý đại thần cùng Trú sứ các tỉnh bàn bạc thì việc xử trí với sơn Man ở Sơn phòng Nghĩa Định nên gác qua một bên, duy những dân Man từ Sơn phòng tới Bình Thuận hiện phải một phen xử trí, bỏ việc thu thuế sản vật, ngăn chặn những người dẫn đường tới đất Man thông dịch môi giới, định rõ các khoản thuế lệ thu nạp và việc sử dụng tiền thuế (một là cấp phát cho Thủ ngự, Thừa biện và Thông dịch lưu lại ở tỉnh, hai là sung vào việc khoán đãi đầu mục và dân Man lui tới, ba là lập chợ phiên để thông việc buôn bán). Bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

(2) Nguyên bản viết là “Ra Ê”, nhưng điều 1549 viết là “La Ê”.

0857. Định điều cấm hạ gỗ ở ba tỉnh Thanh Hóa Nghệ An Hà Tĩnh. Lúc bấy giờ Khâm sứ đại thần Bouloche bàn nói ở lâm phận thượng du nước ta rất nhiều cây gỗ, thật là một nguồn lợi lớn của quốc gia. Nhưng những người vào núi phần nhiều không biết nuôi tiếc giữ gìn, cứ đốn những cây còn nhỏ, đến nỗi cây rừng ít đi, giá gỗ tăng vọt, nghĩ nên nghiêm định điều cấm để làm kho gỗ cho dân ta dùng. Trừ gỗ dầu đặc biệt nghiêm cấm không cho đốn hạ, phạm các hạng gỗ lim, gỗ cà ôi, gỗ cối, gỗ dổi, gỗ gu, gỗ trắc, gỗ tùng (1) cao ngang đầu người cho dù đường kính mặt gỗ không đầy 6 tấc Tây cũng không được đốn hạ, các loại gỗ còn lại đều cho đốn hạ lấy lợi, do quan và Trú sứ ở các tỉnh đồng lòng bàn bạc cho được chuyên lợi. Các nghiệp hộ trong rừng núi được lãnh giấy phép không phải mất tiền nhưng trước tiên phải nạp tiền ký quỹ (2) làm tin, nếu phạm lệ cấm thì tịch thu số tiền ký quỹ ấy vào kho quan, thu hồi giấy phép, những gỗ đốn hạ trái lệ thì phát mãi thu tiền nạp vào công khổ, biên vào

khoản thu tạp ngạch. Bề tôi Cơ mật viện tâu xin ghi rõ làm lệnh (tháng 3 năm thứ 11 đời Định cố có đường kính 5 tấc Tây làm hạn).

(1) Nguyên bản viết các loại gỗ nói trên theo thứ tự là “du mộc”, “thiết mộc, cá ôi mộc, cối mộc, lỗi mộc, cụ mộc, trắc mộc, tùng mộc”.

(2) Nguyên bản chép là “án quỹ tiền”.

0858. Dời dựng phủ nha Thừa Thiên tới bãi đất rộng chỗ Thủy sư cũ. Phủ nha nguyên đặt trong thành, đến lúc ấy vì xa cách Tòa sứ không tiện việc công nên dời tới đó (đến tháng 6 năm thứ 11 làm xong).

0859. Định lệ bảo cử Chánh Phó tổng (trở đi phạm Chánh Phó tổng bị khuyết, trừ khi trong tổng có Phó tổng nên cử làm Chánh tổng, thì do Lý trưởng Hương trưởng các xã trong tổng liên danh bảo cử ba người, trước tiên vẫn do phủ huyện sở tại xét thực dẫn lên trình với quan tỉnh và Trú sứ chọn lấy một người sung bổ, cấp bằng cho làm việc. Tới như các khoản bổ thụ Chánh tổng thì sai và được xử phân thì tuân chiếu theo nguyên lệ mà làm).

0860. Tháng 9. Bắt đầu lập Công sở ở thị xã Thừa Thiên, Nghệ An. Khâm sứ đại thần bàn nói hiện nay nhà phố không nối liền thì lợi ích cũng bị chia rẽ, nghĩ ở các nơi đô hội đều nên lập một Công sở thị xã, tiền bạc số ấy thu vào đều làm công nhu của thị xã, trước tiên thì hành ở hai phủ tỉnh Thừa Thiên Nghệ An. Phạm thuế xe thuyền chợ bến và các thuế khác ở thị xã (như thấp đèn) đều do Công sở sở tại và quan tỉnh quản lý xem xét thu chi, vẫn cấp bằng cho các Phường trưởng làm việc thu nhận để sung vào việc tu sửa đường sá, đắp kè đá dọc sông, chi cho trường học và thấp sáng đèn đường, tu bổ các chùa viện sở tại và chi cấp cho tuần binh, tâu lên chuẩn cho thi hành.

0861. Chuẩn định trở đi phạm các nha môn coi việc hình ngục xét nghĩ ai phạm các tội đánh roi đánh trượng, nếu trong án không có trở ngại gì khác hoặc không đến nỗi phải đánh chứ không cho chuộc thì người phải bị đánh roi và trượng ấy được chiếu số nạp tiền chuộc, mỗi roi 3 hào mỗi trượng 5 hào, đều thu vào ngân khố Bảo hộ để tiện sổ sách thu chi quy về một mối. Tới như quan viên văn võ từ Cửu phẩm tới Nhất phẩm ai có chức phận mà làm việc trái với chức phận thì không xử tội đánh roi đánh trượng, duy nên chiếu theo tình tội nặng nhẹ chức lượng phạt trị, một là thân sức một lần và ghi việc xấu vào lý lịch, hai là cho mang nguyên hàm cách chức cho tại ngoại chờ bổ dụng sau, ba là chiếu theo tội nặng nhẹ giáng cấp, bốn là cách hết chức hàm. Nếu ai phạm tội nặng tới mức không thể xử bằng những cách nói trên mà ắt phải tra xét thì trước tiên cách hết chức hàm rồi do thượng ty đem việc tâu lên giao qua bộ Hình tra hỏi rõ ràng mà xét xử, bắt đầu thi hành từ ngày 20 tháng 11 năm nay (tức ngày 1. 1 Tây lịch năm sau).

0862. Định thuế cho hộ thổ dân ở thượng du Nghệ An (đồng niên mỗi hộ 2 đồng 2 hào, bắt đầu từ ngày 20 tháng 11 năm nay (tức ngày 1. 1 Tây lịch năm sau)).

0863. Thân định lại lệ Tú tài bổ quan (trở đi phạm Tú tài từ 35 tuổi trở lên vì khoa trường bất lợi tình nguyện làm việc công mỗi khi đến đầu mùa xuân do sở tại khai trình với quan địa phương xét thực ngày thường không có án tích gì tư riêng lên bộ Lại ghi vào hồ sơ chờ khi có khuyết chức Thư lại Thừa phái thì ở kinh do bộ Lại, ở tỉnh ngoài do quan địa phương chọn lựa điền bổ, trong đó nếu có ai được xã dân thuận tình bảo cử làm Chánh Phó tổng cũng cho. Các viên Thừa phái ấy cứ mỗi ba năm do thượng ty xem xét, ai chăm chỉ hiểu biết thì thăng hàm Cung phụng, người kém hơn thăng hàm Đãi chiếu, gặp lúc lại mục Cửu phẩm bị khuyết thì trích bổ, sau đó chiếu lệ người làm quan làm việc. Ai lười biếng xấu xa cho về nguyên tịch. Còn Thừa phái thư lại trước đó vì thừa cho về thì do thượng ty xem xét, ai chăm chỉ hiểu biết gặp lúc thư lại Thông phán bị khuyết thì châm chức bổ dụng. Tới như việc sĩ nhân xin làm thư lại vị nhập lưu bị khuyết thì trở đi đều đình chỉ). Nguyên nghị (trong niên hiệu Tự Đức) Tú tài từ 40 tuổi trở lên tình nguyện làm việc quan thì do bộ Lại hội đồng với Đô sát viện sát hạch bổ dụng, về sau vì có việc nên lệ ấy tạm đình. Gần đây các chức Bát Cửu phẩm bị khuyết phần nhiều lấy thư lại điền bổ, có khi còn mộ sĩ nhân sung vào khiến người có khoa mục ngồi nhàn ở thôn xóm mà kẻ toan trốn tránh binh dịch lại được bước vào quan trường nên Cơ mật viện có lời nghị ấy, chuẩn ghi làm lệ.

0864. Bắt đầu đặt trường Canh nông. Trước là Cơ mật viện nghĩ các hạt ở kinh sư và trực kỳ có nhiều đất cát còn bỏ hoang, nên theo thổ nghi mà trồng cây để tránh bỏ sót mỗi lợi, đã chuẩn đặt Sở Ngu hành, lấy Đông Các đại thần Trương Quang Đản chuyên đốc thúc việc ấy. Đến lúc ấy lại bàn định thiết lập hội đồng (Khâm sứ đại thần, Công sứ Thừa Thiên, quý Hội trưởng hội Nông thương cùng bề tôi Cơ mật viện Đông Các đại thần đều sung hội đồng), chiếu quản các việc học đường, nghĩ trích trong kinh thành lấy một khoảnh đất trồng giao cho quan viên quản biện việc học nhận làm (bên phải Ngự hà trích lấy từ Hậu Phố tới Vũ khố, bên trái Ngự hà thì đất trồng từ các tôn sở Long An, Hiếu Tư tới Trường Thi). Trích Sở Đốc công Vũ khố thiết lập trường học (nhà ở của quan viên, phòng ốc của học trò và nơi ở của binh đinh đều xây dựng ở đó), phí tổn chọn mua các loại cây giống và trâu bò nông cụ do viên quản biện khai trình, hội đồng thẩm xét rồi trích tiền công chi làm. Chọn 25 học trò cấp lương cho (một tháng mỗi người đều được 6 đồng) học tập nghề nghiệp. Lại trích 150 gian binh tới trường ấy và Sở Ngu hành thường xuyên ứng dịch. Học trò khảo hạch trúng cách chuẩn trao cho phẩm hàm cho về cai quản giáo trường Canh nông ở tỉnh nhà và đi khám hết các việc trồng trọt trong hạt, đem cách thức mới học được hiểu thị cho dân biết. Người nước Pháp muốn vào học cũng cho, thể lệ quy thức do Khâm sứ đại thần nghĩ định. Cơ mật viện tâu lên, phụng dụ chuẩn cho thi hành.

0865. Cơ mật viện dâng sách *Đại bảo châm* của quý Toàn quyền soạn (trong nói các khoản xin tu tỉnh).

0866. Sai bộ Công đúc hai cái đỉnh đồng (cao 4 thước 3 phân, thân cao 1 thước 7 tấc 5 phân, chân cao 1 thước 6 tấc 5 phân, quai cao 6 tấc 3 phân, đường kính 1 thước 8 tấc 8 phân, hông tròn 7 thước 7 phân, đều theo kiểu thức cổ khí của bản quốc) đặt ở Tòa Khâm sứ và Cơ mật viện.

0867. Mùa đông, tháng 10. Các tỉnh Hữu kỳ báo tin lụt lội (nói về tình trạng tổn thất gần như nhau), chuẩn chức lượng trích tiền gạo chẩn cấp và miễn thuế nhiều ít khác nhau.

0868. Ân cấp 3.000 tiền công xây dựng từ đường cho Ứng Hòa công Mỹ Đường, Thái Bình công Mỹ Thù để làm rõ đạo trọng hậu.

0869. Tháng 11. Khâm sứ đại thần bàn nghị ở Thanh Hóa và trường Canh nông ở kinh thành đều nên đặt một viên thầy thuốc người Pháp để chữa bệnh cho súc vật và nên phái người tới học phép ấy, học xong sẽ phái đi các nơi làm việc. Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành.

0870. Định lệ giam giữ những người không có sức chuộc tội đánh roi đánh trượng (bị đánh 100 trượng giam 18 tháng, bị đánh 90 trượng bắt giam 16 tháng, bị đánh 80 trượng giam 14 tháng, bị đánh 70 trượng giam 1 năm, bị đánh 60 trượng bắt giam 10 tháng, bị đánh 50 roi giam 6 tháng, bị đánh 40 roi giam 5 tháng, bị đánh 30 roi giam 4 tháng, bị đánh 20 roi giam 3 tháng, bị đánh 10 roi giam 1 tháng).

0871. Định giới hạn các bản giáp giới xứ Lào ở tỉnh Quảng Bình. Man ấy trước kia đã bị nước Lào chiếm cứ thu thuế, Khâm sứ đại thần tư cho Công sứ tỉnh ấy phái thuộc viên tới bản Na Ty hội đồng với phái viên nước Lào dẫn các Man trưởng tới các nơi giáp giới khám xét, trồng cột mốc bằng gỗ, Quan tỉnh đồng biên bản địa đồ hội khám cùng nhân số Man đình (tổng cộng 37 ty bản, 346 đình) thành tập gửi cho Cơ mật viện tâu lên.

0872. Đình bãi quan viên thuộc viên ở các nha Doanh thiện, Tu lý, Tu thư, Đại lý, Vũ khố (trước đã lệ về bộ Công, còn các hạng đồng chi sắt và hầm chứa cất vốn thuộc Vũ khố thì phái quân canh giữ, số còn lại vật nhẹ thì do Phủ Nội vụ, vật nặng thì do Thương trường giao nhận ghi chép gìn giữ. Văn thư của Sở Tu thư do bộ Lại và Quốc sử quán kiểm kê, văn thư của Đại lý tự do bộ Hình nhận, kho tàng của các nha ấy do Nha Hộ thành canh giữ) cùng Điện ty các nha, Điện báo phủ Thừa Thiên, Dục thiện, Suất đội, lính mộ, Bát Cửu phẩm Thư lại, Thừa phái thuộc phủ các hoàng thân cũng đều đình bãi. Lúc bấy giờ Khâm sứ đại thần bàn nghị thuộc viên trong các nha ấy không cần dùng nhiều nên bãi đi (đường quan các nha ấy do bộ Chờ chỉ, thuộc viên các nha vệ phủ thì cấp tiếp ba tháng tiền lương, do hai bộ Lại Bình cấp bằng cho về quê chờ bổ).

0873. Chuẩn cho Hiệp biện đại học sĩ lãnh Tổng đốc Nam Ngãi Đào Tấn đổi lãnh Tổng đốc An Tĩnh (thay nguyên Tổng đốc Lê Trinh xin về nuôi cha mẹ bị khuyết), Hiệp biện đại học sĩ sung Cơ mật viện đại thần lãnh Thượng thư bộ Hình Nguyễn Hữu Thảng làm Khâm sai Tổng đốc Nam Ngãi, Hiệp biện đại học sĩ sung Cơ mật viện đại thần lãnh Thượng thư bộ Công Nguyễn Thuật kiêm quản sự vụ bộ Hình.

0874. Bắt đầu phái Tiến sĩ, Phó bảng khoa ấy theo Trường Quốc học học tập chữ Tây (Tiến sĩ hàng tháng cấp 10 đồng, Phó bảng 8 đồng).

0875. Chức định ngạch thí sinh ở 12 phủ tỉnh, qua tháng 9 năm sau sẽ chiếu như nguyên định (thí sinh Thừa Thiên 800 người, Quảng Trị 450 người, Quảng Bình 500 người, Hà Tĩnh 700 người, Nghệ An 1.200 người, Thanh Hóa 1.000 người, Quảng Nam 700 người, Quảng Ngãi 450 người, Bình Định 700 người, Phú Yên 100 người, Khánh Hòa 120 người, Bình Thuận 100 người), chọn những người trúng cách cho trừ sưu thuế, chuyên việc học tập để chờ đến khoa thi. Việc khảo khóa mùa hạ năm sau chuẩn cho đình chỉ,***

0876. Bộ Hình tâu xin trở đi phạm gập ngày lễ tiết của nước Đại Pháp hoặc ngày đại khánh tiết của bản quốc trừ các tù phạm (từ từ tội tới khổ sai và các tù phạm làm binh làm nô) tội nặng phải giam lại và sung phát phồi xin không cần bàn, còn tù phạm nào tình tội có nhẹ (1) nguyên nên giảm hoặc nên tha thì do quan các phủ tỉnh Sơn phòng và bộ ấy trích nghị bàn, xin vẫn trình lên Cơ mật viện thúc duyệt thi hành (trừ án nghị nên xử quyết, còn tù phạm bị giam phát giác ra là kẻ hung hãn thì trích ra xin chính pháp), còn kỳ thu thẩm từ năm sau trở đi xin đình, cho như lời xin.

(1) Nguyên bản chép là “tình tội hữu tuyến (tuyến = dây)”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “tình tội hữu thiên (thiên = cạn, nhẹ)” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

0877. Chuẩn truy phục tước cho cố Yên Phong công Hồng Bảo và tôn tịch cho phòng ấy, ân phong cho công tử Ứng Tinh phòng Thái Thịnh công làm Phụng quốc lang để giữ việc thờ cúng công. Trước là công can tội bị tước tôn tịch, đổi theo họ mẹ (họ Đinh) cầm cố, sau biết tội thất cố tự tử. Năm Tự Đức thứ 17 chuẩn tha cho các con trai con gái, kể can việc nghịch Trung (1) phạm cửa khuyết, con cháu đều bị xử giáo. Trước đã chuẩn cho dựng đền thờ, cấp ruộng thờ (năm Tự Đức thứ 29 dựng đền thờ, năm Đồng Khánh thứ 1 cấp ruộng thờ). Năm Thành Thái thứ 1 Toàn quyền đại thần Rheinart bàn khôi phục tôn tịch cho phòng ấy nhưng việc chưa xong, đến lúc ấy vâng ý chỉ của Từ dữ Bắc huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu sai Tôn nhân đình thần nghị bàn ổn thỏa có nên chức lượng truy phục và khai phục tôn tịch cho phòng ấy và chọn trong hoàng phái một người giữ việc thờ cúng hay không giao cho đình nghị, đều xin truy phục nguyên tước (đại lược nói công trước kia can trọng tội chưa được đội ơn khoan xá vì Dục tông Anh hoàng đế không làm sao được. Đại khái vì luật định phạm tội Hoài Nam (2) lúc còn sống theo phép không thể tha thứ, bản phải quản thúc, thì sau khi chết ân sùng với người thân đều tuyện) nên có

lời chuẩn ấy (năm thứ 11 chuẩn cho xây từ đường phần mộ ở xã Cư Chính phủ Thừa Thiên, truy ban tên thụ là Cung Túc, việc thờ cúng chiếu theo lệ thân công).

(1) *Nghịch Trung*: tức Đoàn Trung, lãnh tụ cuộc binh biến Chày vôi ở Huế năm 1865.

(2) *Hoài Nam*: tức Hoài Nam vương Lưu An, cháu nội Hán Cao tổ Lưu Bang, được tập phong làm Hoài Nam vương, về sau bị khép tội mưu nghịch tự sát, sử sách xưa coi là điển hình về việc người trong hoàng tộc mưu làm loạn, đây ví với Hồng Bảo.

0878. Chước định số ngạch vũ quan và các sắc binh đình phu trạm lưu lại trong kinh ngoài tỉnh cùng lương bổng nhiều ít khác nhau. Lúc bấy giờ bộ Binh vì hiện đã ít việc, việc xây dựng tạm nhàn, nghĩ xin chước giảm chỉnh lý để quy về một luật (số binh đình lưu lại trong kinh ngoài tỉnh 12.402 người, là giảm 4.574 người, lính lệ lưu lại 1.026 người, là giảm 771 người, phu trạm lưu lại 4.752 người, là giảm 1.178 người, chước định lương bổng đồng niên cho quan binh 230.438 đồng 4 hào, là bớt 112.393 đồng. Còn ngạch vũ quan trong đại nội chỉ đặt 45 viên Chỉ huy sứ quân lãnh Thị vệ (là giảm 14 viên), còn ngoài kinh (trở xuống cũng thế) Chánh Phó Đội trưởng đều 115 viên (là giảm 127 viên), Chánh Phó Quản vệ đều 26 viên (là giảm 38 viên), Thành Thủ úy 11 viên, Ngũ quân 1 viên, Thống chương 14 viên, Đề đốc 1 viên, Chánh Lãnh binh 6 viên, Phó Lãnh binh 7 viên (là giảm 5 viên), lệ mục vẫn 78 người như cũ). Lại đình đặt quân hiệu của quân cũ, trong kinh thì gọi là kinh binh (kinh binh lưu 4.500 người, đồn làm 9 vệ 45 đội), ngoài tỉnh thì gọi là cơ binh (phủ Thừa Thiên binh 500 người, Quảng Nam 500 người, Quảng Ngãi 300 người, Sơn phòng Nghĩa Định 1.600 người, Bình Định 500 người, Phú Yên 300 người, Khánh Hòa 250 người, Bình Thuận 300 người, Quảng Trị 400 người, Quảng Bình 400 người, Hà Tĩnh Nghệ An 600 người, Thanh Hóa 800 người), các chức Điển ty đều triệt bãi hết, tâu lên chuẩn cho thi hành (quân hiệu quân cũ như Tiên phong, Long vũ và Dương vũ, Chấn vũ giống như trước kia).

0879. Tháng 12. Chuẩn cho nguyên Tuần phủ Trị Bình gia hàm Tổng đốc Đào Hữu Ích thực thụ Tổng đốc (1) về hưu trí (vì 60 tuổi, tại chức hơn 20 năm nên đình cấp bổng).

(1) Nguyên bản chép là “thực thụ Tổng hưu trí”, là “thực thụ Tổng đốc hưu trí” bị chép sót, đây đính lại như trên.

0880. Tuần phủ Trị Bình Hồng Hàn có tội (các khoản bày tiệc mừng thọ và can tội ruộng lậu thuế ở xã Diên Sinh) bị triệt chức tra xét (kế chuẩn giáng 2 cấp rồi chức), lấy Tham tri bộ Lễ sung biện Các vụ Đồng Sĩ Vịnh thay thế.

0881. Chuẩn lưu lại chức Hành tẩu ở Lục bộ (mỗi bộ 2 viên), Thừa biện Thừa phái đều giảm bớt.

0882. Bắt đầu đặt công thự cho vũ ban. Lúc bấy giờ sảnh thự của Thống chương Ngũ quân chưa có nơi nhất định, chuẩn trích một dãy nhà trong Nha Thông chính làm công thự cho vũ ban.

0883. Bãi bỏ Ty Trấn phủ (quân trong ty phân phái chia đi làm việc, tù phạm bị giam có lai lịch giao về Nha Hộ thành, không có lai lịch giao về phủ Thừa Thiên nhận giam, hình cụ giao cho Nha Hộ thành giữ).

0884. Bắt đầu đặt chức Phòng thành phủ Thừa Thiên. Quan phủ Huỳnh Côn vì hạt ấy ở dưới chân thiên tử, nhân dân tụ họp, đang cần chức phòng ngự nên tâu xin chiếu lệ các tỉnh đặt thêm một viên Phòng thành để sung việc đề phòng kiểm soát, cho theo lời tâu.

0885. Bề tôi Quốc sử quán tâu xin trừ tính in sách *Tiền biên Liệt truyện*, *Chính biên Liệt truyện sơ tập* đều 150 bộ ban cấp cho hoàng thân và ấn quan trong kinh ngoài tỉnh cùng Quốc tử giám và học đường các tỉnh đều một bộ, cho theo lời tâu (về sau đến tháng 4 năm thứ 12 lại chuẩn in 60 bộ cấp tiếp).

Quyển 11

0886. Năm Kỷ hợi Thành Thái thứ 11 (1899 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Giám quốc điện hạ nước Đại Pháp Faure (1) chết. Sai chiếu lệ đình việc vui mừng một tháng (treo cờ ở giữa cột). Giám quốc mới Loubet (2) tiếp ngôi, sai Cơ mật viện làm thư đệ đạt tình ý hòa hiếu.

(1) Nguyên bản viết là “Phố”. Xem chú thích (1) điều 0562.

(2) Nguyên bản viết là “Luu Bi”, tức Émile Loubet. Nhân vật này giữ chức Tổng thống Pháp từ 18. 2. 1899 đến 18. 2. 1906.

0887. Bãi bỏ Nha Sơn phòng Nghĩa Định. Trong niên hiệu Tự Đức vì các sơn phạm ở Bình Định Phú Yên hiểm trở, hoang Man nhiều lần làm hại cho dân nên đặt Nha Sơn phòng đánh dẹp. Đến lúc ấy dân Man dần dần thuần hóa, ở yên với dân Việt (1), Văn Minh điện đại học sĩ Nguyễn Thân cùng Khâm sứ đại thần Bouloche tới khám nghĩ xin triệt bãi, lại bàn định các khoản chỉnh lý tâu lên, chuẩn cho thi hành (lấy địa hạt Sơn phòng cũ lệ vào tỉnh Quảng Ngãi thống thuộc, nguyên Lãnh binh Sơn phòng đổi làm Lãnh binh ở tỉnh, thuộc viên chia bổ các chức

còn khuyết ở nơi khác, lương bổng của quan binh cũng giao về sổ chi của tỉnh ấy. Bốn châu Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Đức Phổ, Hoài Ân thuộc Sơn phòng đều đổi làm huyện, trong đó huyện Hoài Ân lệ vào phủ Hoài Nhơn tỉnh Bình Định thống thuộc, chiếu theo hình thể chia làm các tổng Hán Man, đặt 150 binh Tuần sai, chức lượng lưu lại 300 quân giản binh của Sơn phòng, Quản Suất vẫn giữ như cũ. Các sở đồn điền đổi làm xã thôn, đình tịch công điền chiếu lệ thu thuế. Ruộng đất thuộc Sơn phòng chia cấp cho quân cũ của Sơn phòng, vẫn trích 150 mẫu cấp cho đại thần Nguyễn Thân làm ruộng thờ cho cố Tiều phủ sử Nguyễn Tấn. Lại trích 100 mẫu cấp giao cho các đền chùa trong hạt Sơn phòng, còn lại ban thưởng cho các quan viên cũ trong Sơn phòng. Kế chuẩn san dồn các phủ huyện Bình Sơn, Tư Nghĩa, Mộ Đức mỗi phủ huyện lấy hai tổng chia ra sáp nhập vào ba huyện Nghĩa Hành, Đức Phổ, Sơn Tịnh. Lại vì khoảng đường ở các tổng xã thôn không đồng đều nên trích 11 xã thôn thuộc hai tổng Nghĩa Thượng Nghĩa Trung đặt tổng Nghĩa An, trích các xã thôn ở thượng du phủ Hoài Nhơn sáp nhập vào huyện Hoài Ân). Lại vì tỉnh và Sơn phòng hợp nhất, việc kinh lý bận rộn nên Bộ chánh Quảng Ngãi đổi đặt Tuần phủ để trọng thêm công việc quyền hành. Lấy Tuần phủ lãnh Phủ doãn Thừa Thiên Huỳnh Côn đổi làm Tuần phủ tỉnh ấy, nguyên Bộ chánh Tôn Thất Đề đổi lãnh Phủ doãn phủ Thừa Thiên.

(1) *Dân Việt*: nguyên bản chép là “Hán dân”, chỉ người Việt (Kinh).

0888. Chuẩn cho Châu úy châu Như Xuân Thanh Hóa Quách Văn Sâm được thế tập. Trước là Đốc binh Sơn phòng Văn Hiệp cha Văn Sâm mộ dân khẩn hoang, lập ra tổng Xuân Du. Đến khi Văn Sâm kế tập, mộ quân theo tiều phi và mộ dân khẩn hoang có công (lập ra tổng Hạ Thượng, khôi phục lại hai tổng Xuân Du, Lăng Lăng). Năm Thành Thái thứ 6 chuẩn đặt châu lý, lấy Văn Sâm làm Châu úy. Đến lúc ấy Sâm sợ đổi bỏ lưu quan (1) sẽ mất cơ nghiệp cũ xin cho thế tập, quan lại (Thông phán 1 người, thổ binh 10 người) và lương bổng do Sâm tự chiêu mộ chi cấp. Tổng đốc Thanh Hóa Vương Duy Trinh dâng tập tâu xin cho, bèn cho theo lời, kế đổi Châu úy thành Tri châu.

(1) *Lưu quan*: tức quan người Việt (Kinh).

0889. Chuẩn từ ngày 20 tháng 12 năm trước trở về trước các khoản thuế đình điền và sản vật trong dân còn thiếu bao nhiêu đều tha hết, quan viên đi thu lên thu tiêu riêng đều bị trị tội nặng. Tới như những khoản vay mượn và lãnh trung cùng các hạng thuế khác còn thiếu thì chiếu lệ thôi thúc thu đòi, không được viện cớ đã tha, là theo lời bàn của Khâm sứ đại thần Boullouche.

0890. Tháng 2. Bình Định Phú Yên đói. Chuẩn trích gạo cho vay và chẩn cấp (Bình Định trích kho tỉnh và Nghĩa thương hơn 2.500斛 thóc gạo, Phú Yên trích kho tỉnh Bình Định 3.000 phương gạo, lại trích trong 1.000 tạ gạo Nam Kỳ bán ra giúp đỡ 100 bao chẩn cấp).

0891. Triệt bãi kho phủ Quảng Ninh tỉnh Quảng Bình (lúc bấy giờ thuế đình điền chuẩn đổi cho nạp bằng tiền, kho phủ không thu chứa nữa nên chuẩn triệt bãi. Số gạo còn trữ giao (1) cho quan phủ phát mãi, cộng với số tiền còn trữ hơn 9.000 quan đệ về kho tỉnh cất giữ, thuộc viên quân binh sức cho về ty về đội ngũ làm việc công).

(1) Nguyên bản chép là “chi”, có chỗ vô lý, ngờ là chữ “giao” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

0892. Giảm bớt thuộc viên binh thợ ở Nha Thông bảo Thanh Hóa (giữ lại Tư vụ và Bát phẩm Cửu phẩm đều 1 người, thư lại 4 người, binh 55 người, thợ 147 người do Bộ chánh sứ đốc suất làm việc. Phàm các văn thư dùng Tổng đốc quan phòng đóng dấu, quan phòng kiểm ký của nha ấy nạp về quan hữu quan).

0893. Chuẩn cho đền Biểu Trung ở Phú Yên đổi tế vào mùa xuân (đền ở thôn Vĩnh Cửu trên hải đảo, lệ cũ hàng năm tế vào mùa thu, mỗi lần đến kỳ tế gặp nhiều mưa bão, thuyền bè khó tới, cứ phải triển hạn. Đến lúc ấy quan tỉnh xin đổi tế vào mùa xuân để được lúc trời tạnh gió thuận, cho theo lời xin).

0894. Chuẩn trích quan điền (15 mẫu) ở xã Mậu Tài huyện Phú Vang (1) sung làm ruộng thờ cho Tuy Lý vương (quan điền ở xã Mậu Tài có 75 mẫu, nguyên cho lãnh thuê lấy tiền cung tiền, đến lúc ấy bọn Hồng Nhung xin trích cấp 15 mẫu để sung vào việc hương hỏa cho vương. Cơ mật viện nghĩ Tuy Lý vương trước kia sung Phụ chính rất có huân lao, bèn nghĩ chuẩn trích cho 15 mẫu giao cho người cai quản việc thờ cúng, số còn lại giao cho xã ấy cùng trung, chiếu lệ quân cấp chịu thuế).

(1) Nguyên bản viết là “Phú Vinh”.

0895. Phủ hạt Thừa Thiên không mưa. Sai quan phủ tới linh từ trong hạt (đền Quan Công ở xã Trạc Linh) thành kính cầu đảo được mưa, chuẩn chiếu lệ cúng tạ.

(1) Nguyên bản chép là “Địa Linh”, là “Trạc Linh” bị chép lầm, đây đính lại như trên. Xem điều 0513, 1390, 1782.

0896. Tháng 3. Chuẩn cho tỉnh Thanh Hóa nạo vét đường sông (sông Hoạt sông Tống thuộc phủ Hà Trung thông tới các sông Tùng Chính), tạm đặt Tham biện, Bang biện hiệp đồng đốc suất.

0897. Khâm sứ đại thần Boulloche vì huyện Sơn Hòa tỉnh Phú Yên địa thế dài rộng, trên giáp đất Man, dưới liền phủ Tuy An, bàn nên chia hai hạt phủ huyện Tuy An, Sơn Hòa đặt huyện Đồng Xuân. Lại vì lý sở tỉnh ấy và phủ (Tuy An) huyện (Sơn Hòa, Tuy Hòa) địa thế chơi voi cách trở, công vụ bất tiện bèn chuẩn cho dời đổi (dời tỉnh lý tới thôn Long Bình cạnh Tòa sứ ở Sông Cầu, dời phủ lý Tuy An tới tỉnh thành cũ, dời huyện lý Sơn Hòa tới thôn Lạc Thịnh, đặt huyện Đồng Xuân ở thôn Triều Sơn, đổi huyện Tuy Hòa làm phủ), quan tỉnh đem việc dời đặt chia đặt các nha lý và sáp nhập quản lý tổng xã dân số bản đồ của mỗi hạt làm tập tâu do Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành (tất cả 2 phủ 2 huyện 16 tổng, cộng 234 xã thôn, nhân đinh 9.837 người).

0898. Hộ Tổng đốc tỉnh Hà Tĩnh Tôn Thất Hân tâu nói tình hạt trước trải qua binh lửa, có 40 xã thôn điêu hạo nặng nhất đã bàn trích cấp 2.500 đồng chiêu mộ nhân dân canh tác, đến lúc ấy đều đã phục hồi (đinh 925 người, ruộng đất 3.035 mẫu 5 sào), lại lập thêm 14 xã thôn mới (đinh 135 người, ruộng đất hơn 400 mẫu), bèn chuẩn thường cho người đốc suất mộ dân là Bang biện Lê Đạt hàm Ngũ phẩm.

0899. Truy lục cháu nội các bề tôi cũ có công ở Hà Tĩnh (Trương Quốc Dụng trước là Đồng Tiến sĩ thăng Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hình sung Khâm mệnh Hiệp thống Hải Yên Tiểu bộ quân vụ đại thần chết trận, tặng Đông Các đại học sĩ, con trưởng là Cử nhân thường hàm Chủ sự Trương Quốc Quán cũng cùng chết trận, con thứ là Quốc Can đội ơn thánh phê cho âm thụ hàm Chủ sự, vốn thuộc loại đặc cách cũng đã chết. Lê Tuấn trước là Nhị giáp Tiến sĩ thăng Thượng thư bộ Hình sung Như Tây Chánh sứ bệnh chết, Mai Quý (1) trước là Đồng Tiến sĩ thăng Tham tri bộ Binh kiêm Tuần phủ Tuyên Quang Thái Nguyên bệnh chết, con trai đều chết chưa được âm thụ. Đến lúc ấy Tuấn phủ Hà Tĩnh làm tập tâu dâng lên, bèn chuẩn chiếu lệ người có công âm thụ cho cháu là bọn Trương Quốc Tiến, Lê Nhất Thiều hàm Hàn lâm viện Biên tu, Mai Trọng Điền hàm Hàn lâm viện Điển tịch), là theo lời xin của Tuấn phủ Hà Tĩnh Tôn Thất Hân.

(1) Nguyên bản chép là “Lê Quý”, là “Mai Quý” bị chép lầm, đây đính lại như trên. Mai Quý còn có tên là Mai Thế Quý, người xã Phù Lưu huyện Can Lộc tỉnh Nghệ An, đỗ Cử nhân trường Nghệ An khoa Nhâm tý 1852, đỗ Tiến sĩ khoa thi Hội năm Quý sửu 1853, làm quan tới chức Tuần phủ Tuyên Quang.

0900. Thái tử Thiếu bảo Đông Các đại học sĩ hưu trí Hoàng Tá Viêm thọ bát tuần. Quan tỉnh Quảng Trị tâu lên, chuẩn chiếu lệ thọ quan thưởng cấp (Nhất phẩm thưởng 20 lượng bạc, 2 tấm the) để ưu đãi bậc lão thần.

0901. Mùa hạ, tháng 4. Vì là năm có lễ mừng nên ban ơn tấn phong Hòa Thịnh công Miên Tuấn là quận vương, Văn Minh điện đại học sĩ quản lãnh bộ Lại Diên Lộc bá Nguyễn Thân, Vũ Hiến điện đại học sĩ quản lãnh bộ Binh Diên Mậu bá Hoàng Cao Khải đều tấn phong quận công, Thái tử Thiếu bảo Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Công Nguyễn Thuật tấn phong là An Trường tử, lãnh Thượng thư bộ Hộ Trương Như Cương, lãnh Thượng thư bộ Lễ Huỳnh Vĩ gia hàm Thái tử Thiếu phó, Tổng đốc An Tĩnh Đào Tấn gia hàm Thái tử Thiếu bảo.

0902. Nguyên Đốc học Quảng Trị hưu trí Trần Viết Thọ chết. Thọ vào năm Thành Thái thứ 5 về hưu, phát nguyện thờ Phật, đến lúc ấy tuyết thực, chỉ ăn hoa uống nước, qua vài hôm đốt lửa tự thiêu, ngồi thẳng trong liêu cầm tràng hạt niệm Phật, theo lửa thiêu hóa. Tuần phủ Trị Bình tâu lên, chuẩn chiếu lệ cấp tiền tuất (40 quan).

0903. Huyện Quỳnh Lưu Nghệ An hạn hán đói kém lâu ngày, nhân dân nhiều người lưu tán. Chuẩn trích 1.000 hộc gạo trong kho và 500 đồng chẩn cấp cho, lại trích 2.400 đồng cho vay. Tổng đốc Đào Tấn lại bàn với Trú sứ mở việc xây dựng thay cho chẩn cấp, hiểu dụ khuyến dân giúp đỡ lẫn nhau để giảm bớt sự quẫn bách.

0904. Huyện Quảng Xương Thanh Hóa liền năm hạn lụt mất mùa, nhân dân xiêu tán (có hơn 40 người chết đói), chuẩn trích 2.000 đồng nạo vét lòng sông, mở việc xây dựng thay cho chẩn cấp (trước đó trích 500 đồng trợ cấp những người khốn cùng), là theo lời bàn của Khâm sứ đại thần Boulloche.

0905. Chẩn cấp cho xã Tinh Nga (thuộc huyện Hoằng Hóa) tỉnh Thanh Hóa vì bị hỏa hoạn (xã ấy phát hỏa cháy hết 90 nhà, chuẩn cấp cho mỗi nhà 1 đồng).

0906. Tháng 5. Chuẩn lấy ngày sóc ngày vọng mỗi tháng làm kỳ ra triều, mỗi kỳ ba bộ tâu việc. Việc thiên chuyên thăng bổ quan viên (1) do nha sở quan gửi kèm tờ tâu vọng bái (2), còn lại chờ kỳ ra triều.

(1) Nguyên bản chép là “Nghị viên thiên trạc phó chức”, là “Quan viên thiên trạc phó chức” bị chép lầm, đây tạm đính và dịch như trên.

(2) *Tờ tâu vọng bái*: lệ triều Nguyễn quy định các tỉnh ngoài kinh đô lập hành cung, ngày 1 và ngày 15 hàng tháng quan viên ở tỉnh tới đó vọng bái về kinh, nhân đó làm tập tâu định kỳ về tình hình ở tỉnh báo lên.

0907. Bắt đầu chọn những người trẻ tuổi tư chất tốt đẹp bỏ vào Trường Quốc học học tập.

0908. Lễ cử tuần đại khánh tiết của Từ dữ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu. Trước đó ban dụ bố cáo cho trong ngoài, lời dụ nói “Đế vương từ xưa cung Dao ngồi khí tốt, cửa Lan bày diêm lành (1), trong đó những người nhìn thấy tăng tôn (2) thì đời nào cũng có, nhưng tới như lên tuần thượng thọ mừng thấy huyền tôn, sao Vụ sáng giữa trời, cảnh vàng nảy năm lá (3) thì là việc thời xưa chưa từng nhìn thấy. Kính nghĩ Nhân tuyên Từ khánh Phúc thọ Khang ninh Thái Hoàng thái hậu triều ta sắp đến lúc thượng thọ bát tuần thì gặp ngày nguyên tôn

đản sinh (4), năm đời một nhà, tăng thêm lễ mừng, chép nơi sử ngọc, thật là hiếm có. Ngày 11 tháng 11 năm Thành Thái thứ 9 hoàng tử thứ ba của trẫm là Vĩnh Trân đản sinh, là cháu huyền tôn của Thánh tăng tổ mẫu Từ dữ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu. Năm nay kính gặp lễ thánh thọ cửu tuần đại khánh tiết, ngày Nguyên đán trẫm đích thân suất lĩnh hoàng thân quần thần kính tới cung Gia Thọ làm lễ chúc mừng. Lễ xong lại đích thân bệ huyền tôn tới làm lễ bảo kiến (5), kính phụng thánh từ mừng rỡ, ban thưởng rất hậu, trước tiệc dâng quả, trên thềm mớm đường (6), đó thật là chuyện hay lạ suốt xưa nay, việc vui mừng của hoàng gia vậy. Trẫm khôn xiết vui mừng, ân chiếu đầu xuân đã ban, nay đặc biệt dụ rõ sao ra cho thần dân trong ngoài cùng biết”. Lại sai hữu ty tham chiếu nghi lễ trong dịp bát tuần đại khánh tiết nghĩ làm, lại vì dịp đại khánh tiết năm nay so với các dịp khác còn long trọng hơn, nên chuẩn cho các việc bày biện trang hoàng đều tăng lên gấp đôi.

(1) *Cung Dao*: cung ngọc, đây chỉ ngôi thái hậu.

(2) Nguyên bản chép là “tôn tăng”, là “tăng tôn” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

(3) *Cành vàng nảy năm lá*: ý nói ngũ đại đồng đường.

(4) *Nhân tuyên... nguyên tôn đản sinh*: nguyên tôn tức huyền tôn (cháu năm đời). Nhân tuyên Từ khánh Phúc thọ Khang ninh Thái Hoàng thái hậu tức bà Thuận thiên Cao hoàng hậu vợ vua Gia Long, mẹ vua Minh Mạng, bà nội vua Thiệu Trị. Năm 1845, lúc bà Thuận thiên Cao hoàng hậu 78 tuổi thì hoàng tử Yên Phong công Hồng Bảo con vua Thiệu Trị sinh được hoàng tôn Ứng Phúc, theo thế thứ là cháu huyền tôn đầu tiên của bà Thuận thiên Cao hoàng hậu, tức năm đời một nhà (ngũ đại đồng đường). Ở đây lời dụ nhắc lại để ví với việc bà Hiến tổ Chương hoàng hậu (Thái hậu Từ Dũ) có cháu huyền tôn là hoàng tử Vĩnh Trân con vua Thành Thái.

(5) *Lễ bảo kiến*: lễ ra mắt lúc còn bé.

(6) *Trước tiệc dâng quả, trên thềm mớm đường*: nguyên văn là “diên tiền hiến quả, đường thượng hàm di”. “Hiển quả” tức @. “Hàm di” tức “hàm di lộng tôn”, lấy chữ trong *Hậu Hán thư, Mã hoàng hậu ký* “Ngô dẫn đương hàm di lộng tôn, bất năng phục quan chính đã” (Ta chỉ nên ngậm đường đưa với cháu, không thể dính dáng tới chính sự nữa), sau dùng chỉ việc tuổi già khỏe mạnh yên vui.

Ngày 15 tế cáo với điện Phụng Tiên. Ngày chính (ngày 19) vua đích thân suất lĩnh hoàng thân vương công bách quan văn vũ kính tới cung Gia Thọ làm lễ mừng thượng thọ. Khâm sứ đại thần Tá quốc quận công (1) Boullouche và quan viên văn vũ người Pháp cũng vào tôn cung chúc mừng. Lễ xong vua bệ huyền tôn Vĩnh Trân tới trước giường ngự làm lễ bảo kiến. Lễ xong thiết triều nhận chúc mừng, ban ân chiếu cho trong ngoài (tất cả 6 điều). Lời chiếu nói “Quê Tấn kinh Dịch còn lưu (2), phúc trao vương mẫu, cơ trừ Kinh Thư đã vạch (3), phúc tới thứ dân. Phàm hiếu không gì lớn bằng tôn thân, on thì phải tới khắp lê thứ, đều là lấy lòng nhân ái mà ban ân huệ vậy. Nhà nước ta thần truyền thánh kế hơn ba trăm năm, một mạch nối nhau đã lâu xa lắm. Năm Thiệu Trị thứ 5 kính gặp dịp mừng thọ bát tuần của Nhân tuyên Hoàng thái hậu (4), năm đời một nhà, hoàng gia ghi tiết, khánh phổ thần dân. Đến hoàng tổ Dục tông Anh hoàng đế ta phụng sự Đông Triều, gặp dịp ngũ tuần đại khánh tiết ban on (5), đều là hiển điển có thể kê cứu vậy. Trẫm vụng lầy tư chất trẻ thơ nhận việc trị dân, cậy mưu yển dục, lập nghiệp doanh thành, tức vị đến nay đã mười một năm, ngày đêm lo sợ nghĩ việc kế thuật. Kính nghĩ Thánh tăng tổ mẫu Từ dữ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu bệ hạ: Mai cương đúc nét, Cẩn hải un lạnh (6). Sinh hạ thánh nhân, ba kỷ thịnh trị, quyết định đại kế, muôn thuở vô cương. Điềm lành ra cả nước nhà, phúc lớn truyền tới con cháu, trời soi đức lớn, vết để thiêng xa. Ngày 19 tháng 5 năm nay kính gặp lễ thánh thọ cửu tuần đại khánh tiết, nhìn thấy huyền tôn, đúng là việc lạ, hơn cả ngày xưa, thật cây miếu xã linh thiêng, đều do đức Khôn chất chứa. Gặp ngày hoàn hải thay đổi phong vân, đúng lúc quần phượng mong chờ ân huệ. Tuy sùng tiết kiệm bỏ xa hoa, thấy đều ngưng tuân ý chỉ, nhưng làm lễ mừng ban ân huệ, cũng phải bài tạ ân quang. Nên theo điển xưa, mà ban on mới. Đã sai Thái sử chọn ngày tốt, đến hôm ấy trẫm kính tới điện Phụng Tiên tế cáo. Đến hôm ấy trẫm đích thân suất lĩnh hoàng thân đình thân văn vũ kính tới cung Gia Thọ làm lễ lạy mừng. Lễ xong ngự ra điện Thái Hòa thiết triều nhận chúc mừng, ban ân chiếu, là cốt thỏa lòng vui mừng của lê thứ, không phải khoe việc hay lạ của hoàng gia. Các điều ban on kê ra dưới đây”. (Một: hoàng thân tôn thất, Công tử Công tôn và các quan trong kinh, văn từ Ngũ phẩm trở lên, vũ từ Tứ phẩm trở lên đều ban yên cho một lần, ở tỉnh ngoài thì Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chánh, Án sát, Phủ doãn, Phủ thừa, Chánh Phó Lãnh binh, Lãnh binh Sơn phòng, Đốc học (7) đều được ban thưởng nhiều ít khác nhau. Một: các công chúa, công nữ, phủ thiếp (8) cùng các phi tần, nữ quan, thái giám, cung giám đều gia ân ban tứ nhiều ít khác nhau. Một: tôn thất xa gần thuộc Phủ Tôn nhân đều gia ân ban tứ nhiều ít khác nhau, trong đó bất kể nam nữ, nếu từ 70 tuổi trở lên thì chước lượng thưởng thêm. Một: hoàng thân, vương công, hoàng tử cùng ân quan văn vũ trong kinh ngoài tỉnh và quan lại trong kinh từ Tứ phẩm, ngoài tỉnh từ Tam phẩm trở lên hiện không mang hàm bị giáng đều thưởng thêm một cấp, còn quan văn ở bộ nha tự các từ Chánh Thất phẩm trở lên, ở tỉnh ngoài từ Lục phẩm trở lên đều thưởng kỷ lục hai cấp, còn lại nữa thì quan văn Bát Cửu phẩm đều được thưởng tiền nhiều ít khác nhau. Một: quan viên văn vũ trong kinh ngoài tỉnh từ Tứ phẩm trở lên bất kể hiện còn sống hay đã chết, ai có cha mẹ ông bà còn sống đều cho khai rõ đóng thành tập gởi về để nghĩ gia ân ban tứ nhiều ít khác nhau. Một: quan viên hưu trí văn từ Ngũ phẩm, vũ từ Tứ phẩm trở lên ngự ở Thừa Thiên có ai theo ban chúc mừng thì chuẩn cho dự yến nhận thưởng, còn lại đều do quan địa phương làm danh sách gởi về, cũng sẽ gia ân ban tứ nhiều ít khác nhau. Một: họ Phạm thôn Tân Niên Đông, họ Hồ thôn Linh Chiểu Tây, họ Trần xã Văn Xá, họ Tống xã Bùi Xá, họ Vũ xã Hòa

Luật, họ Phan xã Phú Lương (9) đều gia ân ban tứ. Một: quân dân ai từ 80 tuổi trở lên thì ban cho 1 tấm vải 2 phương gạo, từ 100 tuổi trở lên thì ban cho 1 tấm gấm 3 phương gạo, vẫn do quan địa phương xét thực trình rõ để biểu dương. Một: thu lại vị nhập lưu trong các nha môn ở kinh thường mỗi người 1 quan. Một: các hạng tù phạm sung quân đi đày khổ sai làm binh trừ những người tội nặng như trộm cướp làm giặc và đã thả ra cho lập công chuộc tội, còn lại cho bộ Hình bàn nghị lập danh sách tên họ, quê quán, tội trạng dâng lên chờ chỉ định đoạt). Than ôi, chứa hòa dưng đức ngân thuở miếu đường, nghe nhạc mừng ngỵ chín họ hòa mục, về sau thọ khảo hện ngày, con cháu may mắn, trời còn ban mệnh ra ơn, trăm họ các người sẽ được đội phúc, bố cáo trong ngoài để đều nghe biết”.

(1) Nguyên bản chép là “Tá quốc quận vương”, có chỗ vô lý vì sau thời điểm này Boulloche mới được triều đình Thành Thái tấn phong là Tá quốc quận vương (xem điều 0913), ngờ là “Tá quốc quận công” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

(2) *Quẻ Tấn kinh Dịch còn lưu*: nguyên văn là “Dịch thù Tấn tượng chi chiêm”, lấy ý từ *Kinh Dịch*, quẻ *Hỏa Địa Tấn*, tượng quẻ trên là Ly minh, dưới là Khôn thuận, tức Nội Khôn Ngoại Ly, trong thì thuận ngoài thì sáng, đây ví với Thái hậu Từ Dũ.

(3) *Cơ trừ Kinh Thư đã vạch*: nguyên văn là “Thư yết cơ trừ chi phạm”, tức Hồng phạm cử trừ. Xem chú thích (8) điều 0070.

(4) *Dịp mừng thọ bát tuần của Nhân tuyên Hoàng thái hậu*: chi tiết này chỉ là phiếm chỉ, vì bà Thuận thiên Cao hoàng hậu vợ vua Gia Long chết năm 1846, thọ 79 tuổi.

(5) *Gặp dịp ngũ tuần đại khánh tiết ban ơn*: chỉ sự kiện năm Mậu ngọ 1858, nhân dịp ngũ tuần đại khánh tiết của Thái hậu Từ Dũ, vua Tự Đức cho cử hành lễ thượng thọ rất trọng thể.

(6) *Mai cương, Càn hải*: tức Gò Cây Mai và cửa biển Càn Giò, đây chỉ chung vùng Gia Định – Gò Công, quê của Thái hậu Từ Dũ.

(7) Nguyên bản chép là “Chánh Phó Lãnh binh, Sơn phòng, Đốc học”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “Chánh Phó Lãnh binh, Sơn phòng Lãnh binh, Đốc học” bị chép sót, đây đính lại và dịch như trên.

(8) *Phủ thiếp*: vợ thiếp của các thân vương.

(9) *Họ Phạm... Phú Lương*: đều là những họ ngoại của các vua nhà Nguyễn, như họ Phạm thôn Tân Niên Đông (ở Gò Công, nay thuộc tỉnh Tiền Giang) tức gia tộc bà Nghi thiên Chương hoàng hậu (Thái hậu Từ Dũ) mẹ vua Tự Đức, họ Hồ thôn Linh Chiêu Tây (ở Thủ Đức, nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh) tức gia tộc bà Tá thiên Nhân hoàng hậu mẹ vua Thiệu Trị, họ Phan xã Phú Lương (ở Quảng Điền, nay thuộc tỉnh Thừa Thiên) tức gia tộc bà Từ minh Huệ hoàng hậu mẹ vua Thành Thái...

0909. Sai Quốc sử quán kính in thơ văn ban cấp cho quan lại trong kinh ngoài tỉnh, là vâng theo ý chỉ.

0910. Đặt các đồn Nghĩa Định ở đất Man (quần mỗi đồn 25 người) để lo phòng thủ (vì Sơn phòng đã triệt bãi nên làm như thế).

0911. Đổi định lệ cấp lương bằng tiền cho quân binh (kinh binh ở kinh 1.950 người cùng Cẩm binh trong đại nội 436 người, cộng 2.386 người, mỗi người một tháng 1 đồng 8 hào. Cơ binh, gián binh, binh Tuần sai ở các tỉnh lưu lại 2.800 người, cơ binh mỗi tháng 1 đồng 6 hào, gián binh mỗi tháng 2 đồng, binh Tuần sai mỗi tháng 2 đồng 5 hào, phu trạm trong kinh ngoài tỉnh lưu lại 2.372 người, mỗi người một tháng 1 đồng 5 hào). Vì trước nay cấp gạo có nhiều mối tệ, lại lương quân không đủ chi dùng, nên chước lượng giảm ngạch binh đổi cấp bằng tiền để đủ nuôi thân.

0912. Tháng 6. Định ra những việc cần làm để chỉnh lý các thị xã. Trước là tháng 9 năm trước đã chuẩn lời nghị thành lập thị xã ở kinh thành và Nghệ An, nhưng vẫn chưa nghĩ về những việc cần làm để chỉnh lý. Đến lúc ấy Khâm sứ đại thần Boulloche lại nghĩ định các khoản, lại đệ lời dụ do Cơ mật viện tâu lên, chuẩn y ban dụ cho thi hành. Lời dụ nói “Ngày 6 tháng 9 năm trước theo lời Cơ mật viện tâu xin nghĩ định thiết lập Công sở thị xã ở kinh thành và các tỉnh, duy những việc cần làm đều chưa được rõ ràng đầy đủ, phải nên nghĩ định lại cho chu tất ổn thỏa để tiện thi hành. Các thị xã ở kinh thành và Thanh Hóa Nghệ An cùng các hạt Hội An ở Quảng Nam, Quy Nhơn ở Bình Định, Phan Thiết ở Bình Thuận chuẩn cho trưng thu chứa trữ riêng để chi dùng. Ranh giới thị xã ở các phủ tỉnh ấy sẽ do Trú kinh Khâm sứ đại thần bàn bạc với bề tôi Cơ mật viện phân định để có thống thuộc. Mỗi thị xã phải có ngân sách thu chi riêng, vẫn do quan phủ tỉnh giúp đỡ quý Trú sứ bàn nghị lập thành sổ sách đệ lên trước ngày 1 tháng 12 Tây lịch hàng năm để Khâm sứ đại thần cùng Cơ mật viện duyệt định sẽ phát hồi tuân biện. Ngân sách ấy đã được duyệt, nếu trong đó có khoản nào phải thay đổi thì trình lại quý Khâm sứ đại thần bàn với bề tôi Cơ mật viện nghĩ đổi định. Lại ngoài hai khoản thuế đình điền thu riêng nhập vào tổng sách thì các hạng thuế ở thị xã như thuế dọn rác, tiền phạt bắt súc vật chạy rong, thuế lò mổ, thuế hiệu cầm đồ, các khoản thuế chợ, thuế xe tay và các hạng xe chờ thuê (1) làm thời đều giao cho quý Khâm sứ đại thần bàn với bề tôi Cơ mật viện nghĩ định. Thuế trưng thu bất thường đều do các thị xã ấy thu biện, tới như các hạng thuế cửa hiệu buôn bán và nghề khác sẽ bàn nghị riêng. Còn các khoản mà thị xã ở các phủ tỉnh cần chi tiêu như đèn đường, tuần phòng thị xã, sửa sang đường sá, dọn rác, thiết lập trường học và Sở Tế bản, giữ gìn đất mộ cùng tất cả những việc có ích cho thị xã, xây dựng tu bổ và chọn người giữ gìn các nha sở đèn miếu trong thị xã đều do ngân sách thu chi của thị xã chi biện, nếu

không đủ sẽ do quý Khâm sứ đại thần nghĩ cách giúp đỡ. Về việc tính toán các khoản trong ngân sách thu chi chuẩn do quý Khâm sứ đại thần chỉ thị tuận biện cho được ổn thỏa. Và lại thị xã ở các phủ tỉnh là nơi nhân dân tụ họp, nay có dự định kiến thiết trước như thế thì ngõ hầu dân ta ngày càng đông đúc thịnh vượng, tuy không phải đóng thêm thuế mà ăn ở có phép tắc, đường sá tề chỉnh, nếu không một phen nghĩ định chấn chỉnh thì làm sao mong mỗi trở thành đô hội lớn, giàu có sung túc lâu dài được!”.

(1) Về các sắc thuế trên đây, Nguyên bản chép là “tịnh khiết thuế, nã giam súc vật thuế, đồ tể sở thuế, điền chấp cục thuế, chư hội thị thuế, thủ xa dữ các hạng cô xa thuế”, trong đó “tịnh khiết thuế” là phí dọn rác, “nã giam súc vật thuế” là tiền phạt, “đồ tể sở thuế” là thuế hành nghề, “điền chấp cục thuế” là thuế môn bài..., nói chung rất lộn xộn.

0913. Ban dụ tấn phong Khâm sứ đại thần Tá quốc quận công Bouллоche là Tá quốc quận vương (1). Lúc đầu Bouллоche từ chối, bèn chuẩn tặng cho người cha một tấm kim khánh hạng lớn (một mặt khắc “Đức hậu lưu quang”, một mặt khắc “Thành Thái sắc tứ”), lại cấp một đạo sắc văn để chấp chiếu.

(1) Nguyên bản chép là “Dụ tấn biểu Khâm sứ đại thần Tá quốc quận công Bô Lô Sơ vi Tá quốc”, là “Dụ tấn biểu Khâm sứ đại thần Tá quốc quận công Bô Lô Sơ vi Tá quốc quận vương” bị chép sót, đây đính lại và dịch như trên.

0914. Biểu dương người đàn bà có hiếu ở Hà Nội là Nguyễn Thị Tần. Thị là người xã Kim Lũ, chồng chết thủ tiết phụng dưỡng cha mẹ chồng, lại phân tán gia tư làm nhiều việc nghĩa, hương đảng đều khen ngợi, không ai có lời gì khác. Làng xã trình xin với bộ Lễ, bộ ấy tâu lên, sắc ban cho biển ngạch “Hiếu nghĩa khả phong” để biểu dương.

0915. Phát các hạng tù phạm khổ sai và sung quân đi đày giam ở các phủ tỉnh 200 người giao lên Lao Bảo làm việc sai dịch tu sửa đường tới Lao Bảo, cấp cho lương thực quần áo thuốc men (mỗi năm chi phí 8.200 đồng, toàn bộ tiền dự trù làm đường ấy khoảng 150.000 đồng). Phạm ai hết hạn phát phối lao dịch 6 năm thì miễn cho tội trước, cấp cho lương thực trâu bò nông cụ sai khai khẩn đất hoang, chờ đến lúc có vốn liếng thì chia niên hạn trả lại chi phí mà quan đã cấp.

0916. Hội đồng kiểm tra tiền bạc ở Phủ Tôn nhân, thiếu mất 652 đồng. Thuộc viên trong phủ khai là quận vương Hồng Tố mượn tạm, Hồng Tố khai nhận chỉ mượn 300 đồng, bèn chuẩn chiếu số thu đòi, số còn lại do đường quan thuộc viên trong phủ chia nhau bồi thường (số tiền phủ ấy còn giữ và lãnh trước 765 đồng giao cho Phủ Nội vụ nhận giữ).

0917. Khâm sứ đại thần Bouллоche bàn nói nhận được giấy báo và qua lời Hoàng Tri quận vương Hồng Tố nói trong đời Minh Mạng, Thiệu Trị có chôn nhiều bạc trong đại nội, nên phái quan hội đồng (quận vương Hồng Tố, Thượng thư bộ Công Nguyễn Thuật, Thượng thư bộ Lễ Huỳnh Vĩ, Hội biện Sô Lê, Đô Ty, quận công Ứng Huy, Tham biện Tôn Thất Hoài Điền) và phát 100 phu khỏe theo nơi được chỉ đào lên. Kế đào được một hầm bạc thối ba vét (1), Khâm sứ đại thần bàn trích 30.000 nén do Thượng thư bộ Hộ Trương Như Cương, Hội biện Đô Ty chờ ra Ngân hàng Hải Phòng đổi lấy tiền ngân nguyên chi biện các việc công ích, dừng việc đào bới, vẫn do quan trong hội đồng kê khai trình lên. Trước nay việc đào bới tìm của cốt phải rõ ràng chi tiết nhằm tránh việc người sau nghi ngờ đào bới, để không bao giờ còn xảy ra chuyện như thế nữa. Kế chuẩn cho Quán biện Thị vệ Tôn Thất Hoài Điền đốc suất quan binh trong đại nội lấp chặt những nơi đào lên, sửa lại như cũ (về sau Khâm sứ đại thần hội thương nói số bạc ấy mỗi nén đổi được 15 đồng 5 hào, trừ phí tổn đào tải và thuế Thương chính mỗi 100 đồng thu 1 đồng thì tổng cộng còn 460.350 đồng, hiện gửi ở Ngân hàng Thương Hải, mỗi năm tiền lãi được 2%, khoản lưu ký 300.000 đồng thì Ngân hàng ấy cho vay mỗi năm lấy lãi 5,5%, còn khoản ngoại ký 160.350 đồng trả lãi 2%, nếu bản quốc cần dùng thì lấy ở Ngân hàng Đà Nẵng. Bề tôi Cơ mật viện nghĩ xin ưng thuận, bèn do Phó Ngân hàng Sài Gòn Ma Di (3) biên nhận hai tờ, một tờ biên nhận ngoại ký 160.350 đồng trả lãi 2%, một tờ biên nhận bản quốc cho vay 300.000 đồng trả lãi 4%, đến hạn giao trả. Bộ Hộ tâu lên. chuẩn cho thi hành, giao hai tờ biên nhận ấy cho Phủ Nội vụ nhận giữ, hàng năm tới quý khổ chiếu số nhận tiền lãi).

(1) *Bạc thối ba vét*: nguyên văn là “Tam tích ngân điều”, là loại bạc “trung bình” của nhà Nguyễn trên đó thường có ba cụm chữ triện đóng riêng rời. Hiện giới sưu tập còn giữ được một số thối bạc đúc dưới đời Minh Mạng, trong có một loại có ba cụm chữ Minh Mạng, Quý ty, Nội nô đúc năm Quý ty 1833.

(2) Nguyên bản chép là “Ma Di”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0918. Mùa thu, tháng 7. Chuẩn cho tu bổ và sắp xếp các sở trong đại nội. Lúc đầu Khâm sứ đại thần Bouллоche bàn nói điện vũ phòng ốc trong đại nội có nhiều chỗ không thật sự cần dùng, đến nỗi lâu ngày sụp lở, viên đình bỏ hoang, rất thiếu mỹ quan. Nếu vẫn như cũ thì khó mà tu bổ, xin bỏ bớt những chỗ vô ích để tiện sắp xếp lại những chỗ cần dùng (sơn phết lại) (Từ Tả hữu miếu ở Ngọ Môn tới điện Thái Hòa triệt lầu Nhật Thành, điện Tinh Phúc, san phẳng nền đôi làm vườn hoa, gỗ ván chờ tới đồn Lộ Châu Thuận An làm sở Thừa lương. Lại dựng lầu Minh Viễn theo kiểu Tây, mái hiên của các cung viện thấp tới đều bỏ đi, các đường đi sửa sang thì rút lấy

gạch lát đường cũ đổi lát lại, đập non bộ lấp hồ nước, những đình gò thừa thải đều nhất thiết san phẳng). Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành.

0919. Đặt đàn chay ở chùa Thiên Mục. Lúc đầu vâng ý chỉ của Từ dũ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu vì gặp lễ cửu tuần đại khánh tiết ban tiền trong kho cung Gia Thọ 1.300 đồng (lại ban vải vóc vật liệu trong kho làm bảo tháp Phúc Duyên và cúng một tòa tháp vàng, ba tòa tháp bạc), đặt đàn chay tụng kinh ba ngày (ngày 15 bắt đầu, ngày 19 viên mãn), lấy Tham tri bộ Binh Nguyễn Văn Thịnh sung làm Đồng lý.

0920. *Thực lục Chính biên đệ tứ kỷ* do Quốc sử quán biên soạn hoàn thành kính tiến. Thiết đại triều ở điện Cần Chánh nhận chúc mừng, ban thưởng cho bề tôi Quốc sử quán ăn yến cao thấp khác nhau. Kế chuẩn cho trong phần *Phụ biên* đổi chép Lăng quốc công (1) là Phế đế (năm Thành Thái thứ 5 nghị chuẩn chép là Lăng quốc công, đến lúc ấy sách xong dâng lên, đến tháng 10 vì Phủ Tôn nhân tâu lên xin chuẩn theo lời Khâm sứ đại thần bàn nghị, lại đổi chép là Phế đế).

(1) *Lăng quốc công*: tức vua Hiệp Hòa.

0921. Đàng giặc Ba Mai La Xá (1) ở Thanh Hóa bị bắt (Ba Phan, Ba Mạn là em Mường phó La Xá ở Sầm Tó, Ba Khuông, Ba Hang (2) là người nhà La Xá, trước theo Cầm Bá Thước ở châu Thường Xuân nổi dậy làm giặc, Bá Thước chết rồi về theo La Xá. Ba Kiều cũng là người nhà La Xá, đều theo La Xá nổi dậy làm giặc, quấy nhiễu cướp bóc Thanh Hóa và các man Bang Phong, Ca Ba, chống cự quan binh. Đến lúc ấy bị quý Giám binh ở thượng du bắt sống), xử chém và đi đày khác nhau (chém hai người Ba Khuông, Ba Phan, đày ba người Ba Kiều, Ba Hang, Ba Mạn).

(1) Nguyên bản chép là “La Xa”, nhưng đoạn sau đều chép là “La Xá”, đây tạm đính lại cho thống nhất.

(2) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “Hang” (*huong + cóc*).

0922. Tháng 8. Khâm sứ đại thần Tá quốc quận vương Bouloche bàn đặt quân tuần canh trong đại nội 50 người (chế cấp quần áo kiêu riêng) chuẩn cho Phó Đề đốc Nguyễn Sanh cai quản đốc suất huấn luyện để canh giữ các cửa hoàng thành cùng Phủ Nội vụ và Cơ mật viện.

0923. Sắc ban một tấm kim bài (trong khắc bốn chữ “Giao lân dĩ nghĩa”) tặng quốc vương Cao Miên, một tấm kim khánh hạng nhất tặng Phó vương, lại sai làm quốc thư đệ đạt (thư gửi quốc vương đại lược nói quý quốc cùng bản quốc địa thế nối liền, trước đây từng qua lại làm nước láng giềng thân thiết. Về sau vì đường sá cách trở chưa từng gửi thư, lòng rất tương nhớ. Mùa đông năm trước vào Gia Định may được gặp gỡ, dù có ý hay tình cờ quả thật cũng rất thỏa ý. Nay chế một tấm kim bài gửi tặng để tỏ tình hòa hiếu vân vân, một thư gửi Phó vương cũng giống như thế) và ban cấp cho thị thần một tấm kim khánh hạng hai, cũng gửi thư cho Toàn quyền đại thần Đông Dương Doumer biết (lúc ấy nhân hội nghị ở nước Cao Miên nên Toàn quyền đại thần cùng Cơ mật viện đại thần Nguyễn Thân cùng tới dự hội nghị).

0924. Tổng đốc Thanh Hóa Vương Duy Trinh tư nói trong hạt nhiều đất bỏ hoang và ở thượng du đường núi gập ghềnh khe suối nhỏ hẹp mậu dịch không thông, hiện có Bác vật lục lộ và các quan Đại Pháp trông bông khăn ruộng kinh lý các việc lợi ích ở thượng du hạ du, xin đặt một viên Tham biện, một viên Bận tùy để bàn bạc trừ biện. Cơ mật viện tâu lên, chuẩn lấy nguyên Tham biện đường sông Hà Trung Lê Thiện Kế sung vào chức ấy.

0925. Chuẩn cho Tham tri sung biện Các vụ Kinh diên nhật giảng quan Bùi Quang Tạo thực thụ Thượng thư bộ Lễ về trí sĩ. Quang Tạo là cựu thân văn học, làm quan Hàn lâm Nội các Kinh diên công lao tài năng rõ ràng, đặc biệt chuẩn cho thực thụ hàm ấy, lại ban cho một tấm kim khánh hạng hai. Quang Tạo dâng sớ xin từ chối, không cho.

0926. Tháng 9. Vua tới trường Canh nông duyệt lãm, thấy việc trường tề chỉnh, dạy học có phương, bèn thưởng quan binh Đại Pháp kim khánh kim tiền có thứ bậc khác nhau (quan Canh nông kim khánh hạng nhất, quan Bác vật kim khánh hạng ba đều một tấm, hai quân binh mỗi người một đồng kim tiền hạng ba).

0927. Công sứ phủ Thừa Thiên Đô Lăng Tôn tư nói ở xã Hà Trung có nhiều nơi đất thấp nước cạn chưa vào sổ sách có thể thành ruộng mà chức dịch chia phần tự nuôi béo mình không hề quân cấp, xin cho 5 giáp của xã ấy lập riêng làm một xã, sung công số ruộng chưa vào sổ sách ấy và cho tên xã mới (lại ấp Hà Trữ bên cạnh hình thế cũng tương tự, nên trích hai xã ấp lập riêng một tổng mới thì có thể được bảy tám xã, hơn 4.000 mẫu ruộng đất). Bề tôi Cơ mật viện cho rằng như thế có thể trừ bỏ mối tệ, tiện lợi cho dân bèn tâu xin chuẩn cho Phó sứ Hồng Dục tới đó bàn bạc với Trú sứ và quan phủ thu xếp cho ổn thỏa.

0928. Khâm sứ đại thần Tá quốc quận vương Bouloche bàn nghị người trong tôn thất hoàng phái cho tùy tiện cư trú ở các hạt Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, ghi tên vào xã tịch sở tại, miễn sưu thuế như chức sắc (vẫn ghi tên trong tôn phả, ghi rõ là ngụ ở xã thôn nào), người trong bảy hệ tôn thất còn lại thì lập riêng ấp mới ở xã Hà Trung, trích 600 mẫu ruộng trốn thuế ở xã ấy giao cho các trường hệ nhận lãnh chia cấp (mỗi người 5 mẫu). Lại chiếu số bổng hiện nay (bất kể nam nữ) cấp trước cho 4 năm làm vốn (ai không muốn nhận ruộng thì cấp 5 năm), trở đi nhất loạt đình chỉ. Các hoàng thân, vương công, công chúa thì vẫn ở trong kinh như cũ, chiếu lệ chi bổng. Bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn y ban dụ nói “Nước ta bản đồ rộng lớn, nhân dân đông đúc sản vật dồi dào, nguồn

lợi đã nhiều lại rộng, nhưng đạo ấy không ngoài việc nhân dân chăm lo làm ăn. Cho nên phàm người sinh ra trong nước bất kể sang hèn cùng lai lịch bậc nào, nếu lớn lên lười biếng tự vứt bỏ phận sự phải làm thì khó tránh được lời mỉa mai chỉ ngòi ăn không, như thế không phải việc hay. Và lại mưu lợi ích cho dân ta là điều người có nước phải trù hoạch trước tiên, mà công tính công tộc ta cũng phải cùng lo sức nước, cốt cho trong nước đều thành lạc thổ, chẳng cũng hay sao! Hiện nay những người trong công tính công tộc tôn thất ở kinh, số lương bổng chi cấp chỉ đủ chi dùng sớm tối, vốn không có cách nào có thể thay đổi khiến cho sung túc để thỏa lòng họ, nên phải mở ra cách khác ngõ hầu có ngày ổn thỏa. Nay theo Trú kinh Khâm sứ đại thần cùng Cơ mật viện Phủ Tôn nhân hội đồng bàn bạc các lễ đều hợp nghĩ nên thi hành. Trờ đi phàm người trong tôn thất hoàng phái chuẩn cho cư trú ở ba hạt Thừa Thiên Quảng Trị Quảng Bình, cư trú ở nơi nào ắt phải ghi tên vào sổ sách xã ấy, được miễn sưu thuế như chức sắc trong xã, ở Phủ Tôn nhân vẫn kê khai lại lịch của họ vào sổ sách để bản chi tung tích truyền lại mãi mãi. Trong đó ai hiện ngụ ở xã thôn nào mà đã ghi tên vào sổ dân xã ấy thì không được ghi tên vào sổ nơi khác. Còn lại người trong bảy hệ tôn thất ắt phải ghi tên vào ấp mới. Ấp mới ấy đặt riêng ở địa phận xã Hà Trung phủ Thừa Thiên, lại trích ra 600 mẫu ruộng có thể canh tác giao cho các trưởng hệ nhận lãnh chia giao cho ai trong tôn thất muốn có ruộng làm cơ nghiệp nhận giữ canh tác. Người trong tôn thất bất kể nam nữ hiện được cấp bổng do Phủ Nội vụ chiếu số phát cho mỗi người tiền bổng bốn năm làm vốn. Các người đã có số vốn ấy, lấy đó làm ăn tìm lợi, ngõ hầu có thể mong mỗi đời sự thiếu thôn ngày trước lấy sự đầy đủ hôm nay chăng! Đã nhận lãnh khoản ấy thì trở về sau vĩnh viễn không được lãnh nữa, chỉ có cách theo phận làm ăn nhất loạt như người thường mà thôi. Gần đây trong hoàng phái có nhiều người mong muốn đặc cách gia ơn như thế, trầm nghĩ đi nghĩ lại không nỡ làm trái ý. Trờ về sau người trong hoàng phái có ai làm đơn xin lãnh cả một lần thì cho Khâm sứ đại thần và bề tôi Cơ mật viện xét thực tình cảnh chức lượng thi hành cấp phát, trong đó nếu ai không được cấp ruộng thì phát năm năm tiền bổng, ai muốn lãnh năm mẫu ruộng thì chỉ cấp bốn năm tiền bổng mà thôi. Và lại có ruộng công hạng nhất có thể thu lợi, làm quan lại được chia ruộng canh tác thì có thể hẹn ngày no ấm. Tư cơ của các người lúc đầu tuy nhỏ hẹp nhưng sau cùng sẽ tự thành rộng lớn. Mà các hạt Thừa Thiên Quảng Trị Quảng Bình liền với kinh kỳ nên cho tùy tiện cư trú chung quanh, trầm thật không muốn người thân rời xa nơi khác cách xa với trầm. Các người đã chia ra cư trú ở các hạt ấy thì các hạt ấy ắt được thêm môi lợi rào giậu, sẽ vui vẻ mời gọi không có gì trở ngại. Còn người trong hoàng phái và tôn nhân được chia cấp ruộng nếu không được Cơ mật viện ưng thuận thì không được tự tiện cầm bán. Tới như hoàng thân vương công công chúa chỉ nên ở mãi trong kinh, do Phủ Nội vụ chiếu lãnh phần bổng cấp, dài hưởng lộc nước để vinh dưỡng tuổi trời mà thôi. Các con của Cảnh tông Thuần hoàng đế và các con trầm thì nên ở bên cạnh trầm cho tiện vui vầy dưới gối để thỏa ý trầm” (kể vì Hà Trung đất thấp không thể dựng nhà bèn trích lấy đất ở các xã La Hà, An Thạch, La Sơn, Bao Vinh chia cấp làm nhà, trích tiền kho 5.000 đồng trả cho chủ đất các xã).

0929. Khởi đào sông mới ở phủ Triệu Phong (dài 450 thước Tây).

0930. Mùa đông, tháng 10. Chuẩn cho Vũ Hiến điện đại học sĩ quản lãnh Thượng thư bộ Binh Hoàng Cao Khải kiêm coi bộ Công, Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Công kiêm coi bộ Hình Nguyễn Thuật thôi quản bộ Công, chỉ chuyên quản bộ Hình, Thị lang bộ Công Nguyễn Trừng thăng Tham tri, Hộ lý quan phòng Nha Đốc công Trần Văn Vĩ đổi làm Tả Thị lang bộ Công, Nha Đốc công lệ vào bộ Công (thuộc viên trong nha tất cả 24 người, chức lượng giảm bớt, ngoài 1 Chủ sự, 2 Bát phẩm, 10 thư lại còn 11 người, đều lệ vào bộ Công làm công vụ).

0931. Bắt đầu đặt Trường Bách công (1) ở kinh thành. Khâm sứ đại thần Boulluche bàn nói hiện nay việc xây dựng ngày càng gấp rút, cần nhiều loại thợ, nên lập một trường học tập kỹ nghệ để ngày sau gặp việc ứng biện có người mà dùng. Cơ mật viện tâu lên, chuẩn ban dụ cho thi hành (chuẩn cho nha môn Vũ khổ trích tiền công xây một trường học trong kinh thành, gọi là Trường Bách công (dạy các nghề thợ sắt thợ mộc thợ rèn). Học trò trong trường khoảng 200 người, mỗi tháng cấp học bổng 3 đồng, việc dạy chia ra từng bậc, mỗi bậc đều có mức tay nghề riêng. Giáo sư chỉ dạy việc kỹ nghệ, không nói tới văn chương chữ nghĩa. Học trò có ai lười biếng học hành không tấn tới và bị tố cáo việc khác thì đuổi học, ai phạm lỗi thì do quan coi trường khiển trách, giám thị trừng phạt. Kỳ thi tay nghề ai dự hạng trúng cách thì cấp cho một số thợ, một tấm bằng, sau khi học nghề xong thi đỗ ra trường nếu muốn vào làm công trong Sở Đốc công hoặc theo các sở tư nhân làm việc đều cho tùy ý. Chi phí cho trường ấy ghi làm một khoản riêng vào ngân sách chi tiêu năm sau, do Khâm sứ đại thần chọn một viên Đốc công cai quản. Lại phái quý quan cùng Thượng thư bộ Binh nước ta sung làm hội đồng, phàm mọi việc cho quan Hội đồng nghĩ định cai quản kiểm soát. Lại trích kinh binh 100 người phái theo Chương vệ 1 người tới ở lại trong trường chờ khi sai phái).

(1) Tên tiếng Pháp là École Confessionnelle de Hué.

0932. Khâm sứ đại thần Boulluche nghĩ định điều lệ tù phạm phát phối ở Lao Bảo (tất cả 11 khoản), bàn do bộ Hình tâu lên, chuẩn cho thi hành (Khoản 1: số tù phạm phát phối 200 người trích những người nghĩ giam hậu hoặc sung quân, khổ sai chung thân, đầy chung thân theo lệ phát phối làm việc lao dịch. Khoản 2: tù phạm phát phối quá 6 năm mà cẩn thận chăm chỉ không có lỗi lầm thì khoan miễn phóng thích, cho tới ở khu vực gần đồn, cấp cho ruộng đất trâu bò làm ăn, do quan bảo cai quản kiểm soát. Khoản 3: ai bị án khổ sai bị giam chưa tới 10 năm

mà phạm tội hoặc ngộ sát hoặc không rõ quê quán nên chiêu lệ phát phối sung quân, nếu cẩn thận chăm chỉ không có lỗi lầm thì ân xá. Khoản 4: tù phạm mãn hạn thì cấp khẩu phần lương ăn, chờ khi nào canh tác làm ăn đã có thể tự nuôi thân thì đình chỉ. Khoản 5: tù phạm phát phối ai đã mãn hạn thì cho thân nhân tới đó ở cùng. Khoản 6: tù phạm phát phối bỏ trốn bị bắt lại thì phạt giam trong ngục, thời gian phát phối trước đó đều không tính nữa, nhưng giảm một nửa hoặc một phần ba khẩu phần lương ăn. Khoản 7: phạm bắt được một tù phạm bỏ trốn thì thưởng cho 10 đồng. Khoản 8: mùa nóng phát cho tù phạm mỗi người một cái áo cộc xanh, một cái quần vải xanh, mùa đông thì phát cho các hạng chăn áo giầy nón (1). Khoản 9: khẩu phần lương ăn của tù phạm mỗi ngày 800 gram (2) gạo, mỗi tháng chức lượng cấp cho mắm và cá khô, 720 gram muối cùng 20 hào. Khoản 10: quan quản bảo phải kiểm soát tù phạm hàng ngày, ai có bệnh thì lấy thuốc được cấp trữ chữa cho. Khoản 11: cứ cuối tháng cử một viên đội Tây đem quân giải tù về Mai Lĩnh khuân vác đồ vật. Khoản 12: đến kỳ hạn khuân vác nếu lâm thời có người nhận làm thì viên đội ấy không cần đem quân giải tù khuân vác. Khoản 13: phạm tới Mai Lĩnh khuân vác đồ vật phải trả tiền cước, quan bảo chiều giá bình thường cấp cho tù phạm. Khoản 14: cho quan bảo tùy nghi mua gạo cấp dưỡng cho tù phạm, lại đốc suất tu bổ mở rộng đường lên Lao Bảo cho được bằng phẳng chắc chắn, lại do viên đội Tây nghiêm sức lính tập khổ xanh không được ngược đãi tội nhân, phạm mọi việc phải khoan hậu, lấy sự nhân đạo mà đối xử).

(1) Nguyên bản chép là “y khâm nha (*nha = thảo đầu + nha*) lạp các hạng”, có chỗ vô lý, ngờ là “y khâm mao (*mao = thảo đầu + dư*) lạp các hạng” bị chép lầm, đây dính lại và dịch như trên. Mao tức cỏ tranh, đây chỉ chung giầy bện bằng cỏ.

(2) Nguyên bản chép là “Tây phân”.

0933. Quan tỉnh Phú Yên Trần Đình Phác dâng tập tâu xin thả tù phạm ra (10 người bị tội giao giam, 2 người bị tội sung quân) đưa tới đồn Củng Sơn (thuộc huyện Sơn Hòa) quản thúc, cấp cho trâu bò nông cụ khai khẩn đất hoang, hạn trong mười năm có kết quả sẽ khám đặt tên thôn, cho chịu sưu dịch như các xã thôn khác, cho như lời tâu.

0934. Bắt đầu đặt tỉnh Đồng Nai (1) Thượng. Khâm sứ đại thần Boulloche bàn nói Thượng Nghị viện Đông Dương (2) nghĩ đặt tỉnh mới ở thượng du hai tỉnh Bình Thuận Khánh Hòa thuộc địa giới Đại Nam (một khu đất rộng lớn ở cao nguyên tên xứ Mạ (3) và xứ Lang Biang (4), phía nam giáp vùng thượng du Biên Hòa, phía bắc gần (5) xứ Lang Biang, phía đông giáp giới sông núi hai tỉnh Bình Thuận Khánh Hòa), đặt tỉnh lỵ ở xứ Di Linh, lấy quan Pháp Outrey (6) làm Công sứ tỉnh mới (khám đặt bốn năm châu và chọn bổ Chánh Phó tổng để tiện sai phái). Lại lấy xứ Sông Sâu (7) ở thượng du tỉnh Khánh Hòa quy về quan đồn Củng Sơn quản hạt. Cơ mật viện tâu lên, chuẩn tư cho hai tỉnh Bình Thuận Khánh Hòa chuẩn bị bản đồ địa giới và sổ sách đình điền của tỉnh mới giao cho Công sứ mới nhận chiếu. Lại giao sổ Man đình tỉnh Khánh Hòa cho đồn Củng Sơn đệ cho tỉnh Phú Yên nhận lãnh.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “*khuyển + ni*”.

(2) Túc Hội đồng tối cao Đông Dương (Conseil Supérieur de l’Indochine), được thành lập theo Sắc lệnh ngày 17. 10. 1887 của Tổng thống Pháp.

(3) Nguyên bản viết là “Mã xứ”.

(4) Nguyên bản viết là “Lang Biên xứ”.

(5) Nguyên bản chép là “bắc kỳ (*kỳ = thổ + cân*)”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “bắc cận (*cận = xước + cân*)” bị chép lầm, đây dính lại và dịch như trên.

(6) Nguyên bản viết là “U Tư Lai”, tức Antoine Georges Amédée Ernest Outrey. Nhân vật này giữ chức Công sứ Đồng Nai Thượng đến 1904 thì chuyển về làm Tỉnh trưởng (chef de la province) tỉnh Thủ Dầu Một.

(7) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

0935. Tháng 11. Chuẩn cho tu sửa đường dịch trạm ở hai tỉnh Khánh Hòa, Bình Thuận. Lấy Án sát Khánh Hòa Đặng Ngọc Thụ chuyên sung các việc kinh lý đường sá cầu đò ở hai tỉnh, cho tùy nghi lập dịch trạm, đặt phu trạm, bàn bạc với quan tỉnh và Trú sứ ở hai tỉnh ấy liệu lý (vì đường cái quan ở hai tỉnh ấy chưa được bằng phẳng, công văn hàng hóa đệ về phần nhiều chậm trễ).

0936. Chuẩn cho các xã ấp ở giữa hai phủ huyện Điện Bàn Hòa Vang tỉnh Quảng Nam đều chiêu theo địa thế nối liền mà thay đổi sáp nhập để tiện cho dân (7 xã ấp là ấp Hóa Khuê Đông, Mỹ Thị, Phước Trường, An Hải, Tân An, Nam Thọ, ấp Phong Lộc thuộc phủ Điện Bàn sáp nhập vào huyện Hòa Vang, ấp Phong Lộc Bắc tổng Thanh Châu sáp nhập vào tổng Bình Thái, 3 giáp Đông Tây Nam Thanh Châu và 7 xã Đại An, Hà Quảng cùng 9 giáp Phước Trạch, Đề Cương, Tân Hợp huyện Hòa Vang sáp nhập vào tổng Phú Triêm phủ Điện Bàn).

0937. Đình lệ mãn khảo với phủ huyện tại chức (trở đi phạm phủ huyện tại chức được hai năm thì bất kể là khoa mục, Lại điển, Tú tài, Tôn sinh, Âm sinh, Giám sinh đều do thượng ty xét thực, nếu ai thanh liêm công bằng hết lòng với việc dân thì nêu tên trích tư xin cho, nếu ai lười biếng thì triệt hồi hậu bổ (1), chuẩn cho đình lệ mãn khảo, nhưng người tài cán làm được việc cũng phải giữ chức hai ba năm mới được thăng chuyển). Trước kia không có lệ mãn khảo, nhưng trong đó chức quan bị khuyết thì ít mà người chờ làm quan thì nhiều, việc bổ dụng không

phải không có sự lẫn lộn tạp nhạp (năm Thành Thái thứ 2 nghị chuẩn phạm Tú tài, Tôn sinh, Âm sinh, Giám sinh và Lại điển xuất thân đã được bổ làm phủ huyện ai mãn khảo đều triệt hồi chức lượng bổ dụng. Chức khuyết ở các bộ nha sẽ lấy người xứng đáng bổ vào). Đến lúc ấy bộ Lại vì phủ huyện mãn khảo triệt lưu bất nhất bèn tâu xin chuẩn cho đình.

(1) Nguyên bản chép là “các do thượng ty xác sát, nhược giải nợ giả triệt hồi hậu bổ, khám hà hệ liêm bình tận tâm dân sự các chỉ danh trích tư thỉnh, nhược giải nợ giả triệt hồi hậu bổ”, bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

0938. Chuẩn cho tỉnh Thanh Hóa đặt kho lưu trữ (năm nay tỉnh ấy được mùa mà huyện Quảng Xương vẫn có người quần bách, Trú sứ xin đặt kho mua thóc trữ lại, sẽ chiêu ngang giá bán ra hoặc cho vay, chẩn cấp. Chuẩn trích 15.000 đồng giao cho tỉnh ấy làm thử).

0939. Khâm sai Tổng đốc Nam Ngãi Nguyễn Hữu Thăng xin chức giảm ngạch binh, đại lược nói lúc đầu giảm binh chiêu tùy số đình, cứ ba đình lấy một, trong đó có khi không có công điền công thổ để quân cấp, đến nỗi không có ruộng lương phụ cấp, khó giữ yên quân ngũ, xin sai các xã thôn thuộc tỉnh nơi nào có công điền công thổ từ 10 mẫu trở lên chức lượng lấy một binh, chức lượng cấp ruộng cho (mỗi binh một người cấp khẩu phần và ruộng đất cộng 2 mẫu, còn bao nhiêu chia cho xã dân), còn lại đều giảm cho về hạng trắng chịu sưu dịch, cho như lời xin.

0940. Lại chức giám quan quân ở kinh. Lúc ấy việc xây dựng đã bớt đi, quan quân đã vâng lệnh cắt giảm nhưng ở kinh vẫn phải chi phí lương bổng rất nhiều (Thông chương Quân vệ Suất đội cùng Tùy phái ngoài ngạch hơn 170 người, quân đương ban hiện có hơn 1.850 người), nên Khâm sứ đại thần Boulloche bàn nghĩ giảm bớt (lưu lại Thông chương 18 người, Chánh Phó quân 18 người, Chánh Phó đội 90 người, quân đương ban 1.700 người, theo như cũ chia làm 9 vệ phân phái ra các sở, do Thông chương kiêm quản lãnh, cấp cho lương tháng, còn các viên quan vũ Tùy phái trong kinh ngoài tỉnh đều giảm về). Bộ Binh tâu lên, chuẩn cho thi hành (số Tùy phái và Quân vệ Suất đội trong kinh ngoài tỉnh giảm về cộng 95 người chiêu cấp mỗi người hai tháng tiền lương, cấp bằng cho về quê chờ bổ, số quân đương ban 250 người thì chiêu theo lần trước cho vào hạng miễn sưu chờ đợi).

0941. Tháng 12. Khâm sứ đại thần Boulloche bàn nói Nghệ An tỉnh lớn việc nhiều, thương nhân người Pháp ở đó buôn bán rất đông, cần có chi phí giao tiếp. Mà Hiệp biện đại học sĩ lãnh Tổng đốc Đào Tấn lương bổng (120 đồng) không đủ, viên ấy năm trước làm Tham tri ở bộ từng sung Cơ mật viện, lương tháng nên cấp 200 đồng, về sau có Hiệp biện đại học sĩ lãnh Tổng đốc mà từng làm Thượng thư ở bộ sung Cơ mật viện đại thần cũng nên biệt đãi. Cơ mật viện tâu lên, cho như lời tâu.

0942. Tỉnh Quảng Trị dân tình quần bách, quý Trú sứ tâu xin phái quan tới cứu giúp (vì Bộ chánh Tôn Thất Uyển bị bệnh chưa khỏi, An sát Nguyễn Khoa Đàm có việc phải chuyên trách), bèn chuẩn lấy Hộ lý Phủ Nội vụ Nguyễn Nhuận (là người bản địa, am hiểu tình thế) sung Thương biện tỉnh Quảng Bình,

0943. Sai Quốc sử quán biên soạn sách *Nhân thế tu tri*, lấy Hiệp biện đại học sĩ sung Phó Tổng tài Cao Xuân Dục đồng lý việc ấy, là theo lời xin của Cơ mật viện đại thần Nguyễn Thân (Thân dâng sớ đại lược nói Dạy dân thành tục ắt phải từ nội dung sự học. Nay phong hội ngày càng mở ra, kiến văn ngày càng rộng rãi, sách trong sách ngoài cũng đều phải đọc, học dạy học đạo có thể cùng làm. Nhưng học rộng mà tạp không bằng học gọn mà tinh, muốn cho gom về một mối, ai ai cũng hiểu thì nên lấy việc làm sáng nhân luân làm chủ nghĩa hàng đầu. Xin do Quốc sử quán tập hợp các sách về việc luân lý cương thường, những chuyện thù tạc vãng lai, phạm những điều có liên quan tới việc sinh hoạt hàng ngày của con người, mô phỏng bút pháp Tử Dương (1), trước tiên chọn những câu cách ngôn, nêu chứng cứ bằng gương tốt, trích ra phân loại biên soạn, nhan đề là *Nhân thế tu tri*, khi hoàn thành thì khắc in ban bố truyền tụng, tương cũng là một việc cần thiết để uốn nắn nhân tâm, duy trì phong tục, lại xin do Hiệp biện đại học sĩ sung Phó Tổng tài Cao Xuân Dục đốc suất làm việc để có chuyên trách. Sớ dâng vào, theo như lời xin),

(1) *Tử Dương*: biệt hiệu của Chu Hy thời Tống @.

0944. Thân định lệ tiền bổng hưu trí cho quan viên (Khoản 1: quan viên văn từ Ngũ phẩm, vũ từ Tứ phẩm trở lên đã làm quan liên tục 30 năm, đến 60 tuổi đều cho kê khai lý lịch chuẩn về hưu trí. Khoản 2: tiền bổng hưu trí đồng niên (trở xuống là văn ban) Chánh Nhất phẩm 700 đồng, Tùng Nhất phẩm 500 đồng, Chánh Nhị phẩm 360 đồng, Tùng Nhị phẩm 240 đồng, Chánh Tam phẩm 180 đồng, Tùng Tam phẩm 150 đồng, Chánh Tứ phẩm 100 đồng, Tùng Tứ phẩm 96 đồng, (trở xuống là vũ ban) Chánh Nhất phẩm 180 đồng, Tùng Nhất phẩm 150 đồng, Chánh Nhị phẩm 120 đồng, Tùng Nhị phẩm 108 đồng, Chánh Tam phẩm 96 đồng, trong đó quan Chánh Nhất phẩm mà ngày thường tỏ rõ tài cán công lao, nếu đến lúc trí sĩ được Khâm sứ đại thần và Cơ mật viện nghĩ xin cấp thêm thì không trong lệ này. Khoản 3: các quan văn vũ theo lệ được hưu trí đều chiêu trích 5% tiền bổng hiện chức giữ lại làm tiền bổng hưu trí (1). Khoản 4: ai về hưu trước khi dụ này ban hành thì tiền bổng chỉ tuân theo lời dụ ngày 18 tháng 6 năm Thành Thái thứ 7 cấp phát. Khoản 5: quan viên văn vũ (2) ai sẽ về hưu trước tháng 1. 1902 thì chiêu trích 5% tiền bổng hai năm ấy giữ lại làm tiền bổng hưu trí cũng như những viên hiện đang tại chức Theo lệ tiền bổng hưu trí mỗi cuối ba tháng cấp phát một lần, phải có giấy tờ kê khai rõ ràng và có quan địa phương xác

nhận chứng thực cùng Công sứ duyệt mới cho cấp phát. Khoản 6: từ hôm nay lập một kho riêng gọi là Kho tiền hưu bổng của quan viên Đại Nam (Đại Nam quan viên hưu trí bổng khổ), trích 30,000 đồng tiền công đưa qua kho ấy để làm vốn cơ bản, lại trích 5% lương bổng quan viên đưa qua lưu giữ ở đó. Lại nên chiếu tình hình hiện tại dự trữ số tiền lương bổng của các quan viên văn võ theo lệ được hưu trí về sau trích từ tiền công ra 4% nạp trước vào đó để tăng thêm số tiền. Tiền kho ấy trừ còn có phần sinh lãi, người đang làm quan nếu có tiền phụ cấp cùng tiền lạc quyền thu được và tiền của những người quá cố mà di chúc lại đều trữ trong kho ấy. Khoản 7: từ ngày 1. 1. 1902 trở đi quan viên văn từ Chánh Thất phẩm, võ từ Chánh Lục phẩm trở lên ai đến ngày hưu trí đều được chiếu lệ cấp tiền bổng hưu trí. Khoản 8: từ ngày 1. 1 năm ấy trở đi quan viên văn từ Chánh Thất phẩm, võ từ Chánh Lục phẩm trở lên cũng chiếu lệ định trích lại 5% tiền lương tháng. Khoản 9: tiền trong kho ấy chuẩn bị để cấp phát cho những người làm việc nhiều năm cáo lão về hưu cùng bất kể người làm việc bao nhiêu năm nhưng vì công vụ ngẫu nhiên bị thương tích và tàn tật đều chiếu lệ cấp dưỡng nhiều ít khác nhau. Khoản 10: người làm việc có lương được 30 năm, đến 55 tuổi chiếu lệ cấp tiền bổng hưu trí. Khoản 11: định số tiền bổng hưu trí nên cộng số lương bổng trong bảy năm sau cùng chia làm bảy phần, lấy đó làm số trung bình, lại lấy 1% số trung bình ấy nhân với số năm làm việc để xác định số tiền bổng hưu trí, nhưng không được quá 45% số trung bình, lại mỗi năm cũng không được dưới 24 đồng. Khoản 12: ai vì công vụ ngẫu nhiên bị thương tích và tàn tật có giấy kết nhận và giấy khám của quan thầy thuốc Tây thì bất kể tuổi tác bao nhiêu, làm việc bao lâu cũng đều được cấp tiền bổng hưu dưỡng, số bổng ấy không được dưới 5% số tiền lương của năm sau cùng, còn lại như khoản 11. Khoản 13: lập Tòa hội đồng kiểm hạch do Khâm sứ đại thần kiêm quản, lại do Cơ mật viện chọn năm người sung vào, Khâm sứ đại thần lại chọn một người chuyên giữ văn thư sổ sách và trông coi công việc kho bạc. Khoản 14: việc hưu trí ấy cho được tình nguyện hoặc do Cơ mật viện chỉ định cũng được. Lại ai tình nguyện hưu trí trước tiên phải do hai bộ Lại Binh kê ra tư cho Tòa hội đồng xét duyệt ưng thuận rồi chuyển tư cho Cơ mật viện định nhưng phải có Khâm sứ đại thần chuẩn y mới được. Khoản 15: ai theo lệ được tiền bổng hưu trí và cấp dưỡng phải có một tờ bằng cấp của Cơ mật viện, lại do viên kiêm quản Tòa hội đồng phê vào đóng dấu, lại ghi vào tổng danh sách quan viên hưu trí của Nam triều. Khoản 16: tiền bổng hưu trí bắt đầu tính từ ngày thôi làm công vụ và không còn lãnh lương. Khoản 17: điều lệ về việc hưu trí của người Đông Dương làm việc cho Đại Pháp Bảo hộ cũng nên tham chiếu thi hành, nhưng khoản nào hơi khác với lời dụ ngày 18 tháng 6 năm Thành Thái thứ 7 thì không được viện dẫn).

(1) Nguyên bản chép là “bổng hưu”, là “hưu bổng” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

(2) Nguyên bản chép là “văn võ văn viên”, là “văn võ quan viên” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

0945. Chuẩn chia tổng Lưu Vệ huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa thành hai tổng Lưu Thanh, Vệ An. Tổng Lưu Thanh dân đông đất rộng (44 xã thôn, 9.170 mẫu ruộng, tráng đinh 949 người), tổng lý quản lãnh khó được chu tất, có nhiều trộm cướp ẩn núp. Quan tỉnh bàn xin chia thành hai tổng (tổng Lưu Thanh (1) 20 xã thôn, 5.214 mẫu ruộng, tráng đinh 580 người, tổng Vệ An 24 xã, 3.956 mẫu ruộng, tráng đinh 369 người) để tiện quản lý. Khâm sứ đại thần bàn do bộ Hộ tâu lên, chuẩn cho thi hành.

(1) Nguyên bản chép là “Thanh Lưu”, đây đính lại như trên.

Quyển 12

0946. Năm Canh tý Thành Thái thứ 12 (1900 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Ban sắc nói “Trở đi thiết triều chuẩn cho Diên Lộc quận công Nguyễn Khanh, Diên Mậu quận công Hoàng Khanh về ban thứ chiếu lệ bề tôi đã quá cố Tuy Thịnh quận công Trương Văn Lương mà làm để tỏ ý ưu lễ”. Nhưng kể đó bề tôi bộ Lễ Huỳnh Vĩ kê cứu ban thứ lúc ra triều của Tuy Thịnh quận công không thấy ghi rõ, xin bề tôi Nội các tâu rõ chờ quyết. Nội các nghĩ xin tham chiếu ban thứ của hoàng thân công, bèn ban dụ chuẩn cho hai đại thần Nguyễn Thân và Hoàng Cao Khải đứng sau hoàng thân công (trên thêm điện).

0947. Hoàng tử thứ hai triều trước Bửu Tung chết (tức nay truy phong An Hóa công). Sai chọn đất tốt ở hành cung Vạn Tuế trong cấm thành táng yên phần mộ.

0948. Khâm sứ đại thần Boulloche bàn nói có quan Pháp vốn biết chữ Nho vừa tới tìm kiếm sử sách của bản quốc, mong được giúp đỡ. Bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho Quốc sử quán tuân hành.

0949. Ân cấp cho các phòng trong tôn thất hoàng phái tiền bổng bốn năm và trích cấp ruộng đất ở Hà Trung (tháng 9 năm trước đã có dụ, đến lúc ấy bèn thi hành).

0950. Đặt chức Huấn đạo ở ba huyện Nghĩa Hành, Đức Phổ, Sơn Tịnh tỉnh Quảng Ngãi. Ba huyện ấy vốn trước đặt châu, gần đây đổi làm huyện, Tuần phủ Huỳnh Côn xin đặt chức Huấn đạo để giúp việc dạy học, nên có lời chuẩn ấy.

0951. Bàn định lộc điền tự điền cho công thần trở đi chiếu lệ nạp thuế. Lộc điền tự điền cho công thần trước đây chuẩn miễn thuế lệ, đến lúc ấy Khâm sứ đại thần Boullouche bàn nghị chiếu lệ nạp thuế, thuế lệ có nên chước lượng giảm cho hay không thì do Trú sứ xét nghĩ. Bộ Hộ tâu lên, chuẩn cho thi hành.

0952. Tháng 2. Toàn quyền đại thần Doumer về kinh kính xem lễ tế Giao, sai quan đón rước tiếp đãi như lệ.

0953. Bàn định Hội đồng kiểm hạch ngân khố hưu bổng (do Khâm sứ đại thần kiêm quản, lấy Thượng thư bộ Hộ, Tham tri hai bộ Lại Bình và hai viên Hội biện sung vào).

0954. Bắt đầu đặt Tòa Công sứ ở Hội An, Quảng Nam (trừ huyện hạt Hòa Vang thuộc Công sứ Đà Nẵng quản lý, vẫn chiếu theo địa thế thay đổi sáp nhập các tổng xã ở hai phủ huyện Điện Bàn, Hòa Vang để tiện cho dân).

0955. Bãi bỏ Nha Sơn phòng tỉnh Quảng Trị (tiền thóc súng đạn nha ấy đang giữ đều giao lại cho phủ Cam Lộ nhận lãnh, quan phòng kiểm ký thì nạp về bộ hữu quan. Thị độc sung Sơn phòng sứ Lê Hữu Tính chuẩn cho lãnh Tri huyện Cam Lộ, đình chức quyền sung việc Sơn phòng).

0956. Vì sắp đến ngày đại tự, chuẩn đình lễ mừng Vạn thọ khánh tiết.

0957. Ngày Tân mao (ngày 19) tế Giao. Ban sắc nói “Ngày 6 tháng này trăm ngự giá tới điện Ngưng Hy, nhân xem lễ tang hoàng tử thứ hai triều trước. Lúc bấy giờ phi tần trong nội cung theo hầu, vừa gặp lúc Phó sứ Hồng Ích đội nón lông đi hải đồ tới thẳng trước ngự tiền không có chút gì kính sợ. Trẫm trong lòng bực tức, nhân lấy roi ngựa đánh lên nón cho lui lại. Người ấy không biết hối lỗi, lại ôm lòng hờn oán, lên tới tòa Trú sứ tố cáo bậy bạ, thật rất trái lẽ vượt phạm, coi như trò đùa, sai bề tôi Cơ mật viện bàn về việc ấy rồi giao cho bộ Lại nghị xử thật nghiêm để những kẻ bất kính lấy đó làm răn” (về sau bề tôi ở viện và bộ nghị chiếu luật Xung đột nghi trượng xin (1) gia ân chước lượng giảm tội, tước hết chức tước cho về nguyên tịch công tử).

(1) Nguyên bản chép là “thiên (*thiên = nhân + thanh*) gia ân lượng giảm”, là “thinh (*thinh = ngôn + thanh*) gia ân lượng giảm” bị viết lầm, đây đính lại và dịch như trên.

0958. Tu bổ trường thi Bình Định và Thừa Thiên (trường Bình Định trích 462 đồng, trường Thừa Thiên trích 876 đồng).

0959. Tiết Thanh minh, sai quan thay làm lễ.

0960. Hiệp biện đại học sĩ sung Phó Tổng tài Quốc sử quán Cao Xuân Dục xin chiếu lệ gần đây (tháng 12 năm trước quản lãnh Thượng thư bộ Hình Nguyễn Thuật khai khẩn ruộng hạng nhất, cấp hơn 1.330 đồng) để khai khẩn ruộng ở xứ La Vân (thuộc phủ Hưng Nguyên tỉnh Nghệ An), cho như lời xin.

0961. Tháng 3. Kính sửa Thái miếu, Triệu miếu và ba điện Chiêu Kính, Mục Tư, Long Đức, lấy Thị lang bộ Công Trần Văn Vĩ, Thống chương Lê Chấn trông coi công việc (dự trừ 18.000 đồng).

0962. Đổi định kiểu thức kim khánh (một mặt khánh chiếu hạng khắc chữ, như “Nhất hạng kim khánh”, “Nhị hạng kim khánh”, Tam hạng kim khánh” vân vân, một mặt khắc sáu chữ “Đại Nam hoàng đế sắc tứ”). Trước đây kim khánh được chế tạo vốn có ba hạng (hạng nhất khắc chữ “Bảo nghĩa thù huân”, hạng hai khắc chữ “Gia thiện tinh năng”, hạng ba khắc chữ “Lao năng khả tưởng”), đến lúc ấy (1) bề tôi Cơ mật viện nghị đổi kiểu để rộng hơn. Khâm sứ đại thần Boullouche bàn nói đó vẫn dùng để thưởng cho quan viên bản quốc, chiếu theo thể thức tự dạng trước đây cũng được. Bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành.

(1) Nguyên bản chép là “chí như” (tới như), có chỗ tối nghĩa, ngờ là “chí thị” (đến lúc ấy) bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

0963. Thân định điều khoản về Trường Bách công (nguyên nhân số trong Trường Bách công có Trợ giáo 13 người, công nhân 151 người, học trò 72 người, học bổng mỗi tháng tổng cộng 897 đồng, lại trích gián binh 100 người sung dịch. Đến lúc ấy giảm bớt chính binh gián binh, giao cho viên Quản giáo trường ấy chọn lấy lính thợ khéo léo 28 người giữ lại trong trường để đủ người dạy dỗ. Học trò nguyên số 72 người, nay thêm 28 người cho đủ 100. Phạm học trò vào trường tròn một tháng phải do họ tự nguyện ghi tên vào sổ của trường học tập ba năm, sau khi học thành hoặc cho điền bổ chỗ khuyết, hoặc về nhà lập xưởng riêng, hoặc muốn làm công cho tư nhân cũng đều cho phép. Còn số người và lương tháng thì thợ vẽ và kiểm tra máy móc đều 1 người, lương tháng đều 20 đồng, thợ cưa gỗ 1 người lương tháng 30 đồng, Trợ giáo 10 người lương tháng đều 6 đồng, học trò 100 người lương tháng 3 đồng hoặc 2 đồng, lương chi cộng 640 đồng, ít hơn nguyên số 257 đồng).

0964. Khâm sứ đại thần Tá quốc quận vương Boullouche về nước, Khâm sứ mới Auvergne tới thay, đều sai quan tiễn đưa đón tiếp như lệ.

0965. Hội biện hai bộ Lại Bình Sô Lê về nước, phái viên Bô Đoan (1) tới thay.

(1) Nguyên bản viết là “Bô Đoan”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0966. Vua ban sắc sai Phó Chương giáo Trường Quốc học Ngô Đình Khả sung làm Giáo tập dạy các hoàng đệ. Khâm sứ đại thần Auvergne bàn nói viên ấy làm Phó Chương giáo Trường Quốc học có lợi hơn, hưởng hồ việc này đã được Toàn quyền nghĩ định, đổi bỏ chưa tiện, việc bèn dim đi. Kế chuẩn cho Viên ngoại lang bộ Binh Nguyễn Năng Quốc kiêm sung Giảng tập cho các hoàng đệ.

0967. Lấy Hoàng Bá Đàm (học trò hạng nhất Trường Quốc học) sung làm Giáo tập chữ Pháp cho các hoàng tử triều trước. Lúc đầu Khâm sứ đại thần Boulloche bàn bỏ, vua phê nói “Cần gì phải là Bá Đàm!”, vẫn giữ như cũ. Về sau Khâm sứ đại thần Auvergne bàn nói nếu không ưng thuận tại sao không bác ngay từ lúc Khâm sứ trước chưa đi, lại đến lúc Khâm sứ mới vừa tới thì chuẩn cho bàn định, là lợi dụng Khâm sứ mới để phá hoại việc làm của Khâm sứ cũ. Phàm việc đã bàn định thì phải thi hành, chờ xét nếu quả là vô ích sẽ thay đổi. Bề tôi Cơ mật viện cho rằng nếu làm trái e có hại tới sự hòa hiếu bèn tâu lên, chuẩn cho Bá Đàm sung chức ấy.

0968. Lễ đại tự hoàn thành, chuẩn thưởng cho quan binh dự việc nhiều ít khác nhau. Lại vì những cung giám theo hầu chưa được đều đội ơn, sắc cho trở đi gặp lễ tiết mà có ban thưởng thì Giám viện cũng được dự thưởng, lấy đó làm lệ mãi mãi (chiếu lệ quan viên hồ tòng văn từ Lục phẩm vũ từ Ngũ phẩm trở xuống đều thưởng cho tiền bạc nhiều ít khác nhau).

0969. Phái bộ Bắc Kỳ qua Pháp dự hội Đấu xảo tới kinh chiêm cận. Chuẩn thưởng Chánh sứ Vũ Quang Nhạ (Hiệp biện đại học sĩ lãnh Tổng đốc Bắc Ninh) kim khánh hạng nhất, Phó sứ Trần Đình Lượng (Tuần phủ Bắc Giang), Hoàng Trọng Phu (Tham tri bộ Lễ sung Đốc học Trường Quốc học) mỗi người một tấm kim khánh hạng hai.

0970. Lấy Tham tri bộ Hình Phạm Bính sung Thị vệ đại thần, Thống chế Trần Văn Hữu sung quản lãnh Thị vệ. Lúc đầu chức đại thần quản lãnh Thị vệ bị khuyết (Tôn Thất Hoài Điển bổ lãnh Bộ chánh Quảng Bình), vua phê chuẩn lấy Trần Chi Tín (Tham tri bộ Lễ) sung vào. Tín dâng sớ từ chối, bèn lấy Bính thay, kế châu khuyên (1) cho nguyên Tham tri bộ Lại Lê Duy Thụy bổ Tham tri bộ Hình. Bề tôi Cơ mật viện sao lại biên bản họp bàn với Khâm sứ đại thần Auvergne duyệt lại để xin làm, duy khoản ấy đã ban lệnh quyết định mà gần đây hội thương ở Cơ mật viện các quý quan không ai không có ý ngăn ngừa do dự, quả thật do khoản ấy tờ phiến thuộc loại phê tấu, có chỗ trái lệ nên mới như thế. Cho nên phàm cử một đại viên mà không tuân lệ cũ thì ắt tới nỗi lục đục như thế, xin trở đi việc gì cũng phải tuân theo lệ cũ mà làm, không nên làm việc trái lệ như thế nữa. Phiến dâng lên, vua phê “Trở đi chuẩn cho bàn định ổn thỏa xong thì dâng phiến chờ ra lệnh”.

(1) *Châu khuyên*: vòng tròn bằng mực son. Theo thể thức hành chính triều Nguyễn, nhà vua phê duyệt lên sớ tấu phiến phiếu đều dùng mực son, viết thêm vào để sửa chữa văn bản gọi là châu cái, phê ý kiến vào cuối văn bản gọi là châu phê, chắm vào văn bản tỏ ý khen ngợi gọi là châu điểm, khoanh tròn (thường là lên tên người) vào văn bản tỏ ý tán thành gọi là châu khuyên, nên những công văn giấy tờ hành chính của triều Nguyễn thường được gọi chung là Châu bản.

0971. Mùa hạ, tháng 4. Chuẩn định khoa thi Hương năm ấy chức lượng tăng thêm giải ngạch nhiều ít khác nhau (ngạch Cử nhân trường Thừa Thiên lấy thêm 10 người, trường Nghệ An lấy thêm 8 người, trường Bình Định lấy thêm 6 người, trường Thanh Hóa lấy thêm 4 người, cứ 1 Cử nhân thì 3 Tú tài, đều chiếu số tăng mà thi hành). Lệ trước nay gặp dịp đại khánh tiết thì đặc biệt mở thêm ân khoa, năm trước kính gặp lễ cửu tuần đại khánh tiết của Từ dữ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu, bề tôi Cơ mật viện đã bàn nghĩ mở ân khoa, sau vì có việc không làm được. Đến lúc ấy tâu xin chức lượng tăng thêm giải ngạch để mở rộng ân điển, cho như lời xin.

0972. Quan tỉnh Thanh Hóa báo tin mưa đá (ở xã Đặc Kiệt châu Quan Hóa vào ngày 27 từ giờ Thìn đến giờ Thân chợt nổi mưa to gió lớn, mưa đá rơi xuống chát cao năm sáu tấc, ba ngày mới tan hết, hoa lợi chim thú rấn chuột bị tổn thất chết chóc rất nhiều).

0973. Bãi bỏ Sở Ngu hành, lệ vào trường Canh nông kiêm quản. Lúc đầu đại thần Trương Quang Đản tâu nói sở ấy đất rộng quân thưa, để lâu không khỏi bỏ hoang, nên giao cả cho quan Pháp trường Canh nông kiêm làm. Bề tôi Cơ mật viện bèn tâu lên, chuẩn cho đình bãi.

0974. Quan tỉnh Thanh Hóa tâu xin sắp xếp lại hai châu Thường Xuân, Lang Chánh, lại đặt thêm châu Ngọc Lặc để tiện công vụ. Bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành.

0975. Ngày 15 tháng ấy vua ngự giá ra tấn Thuận An duyệt lãm, kế ngự giá tới tấn Đà Nẵng. Bề tôi Khoa đạo Ngô Hoán vì ngự giá ra biển vào nam chưa từng ban sắc nói rõ, ngại người ta thấy nghe, xin trở đi nếu ngự giá tới đâu thì ban sắc hiệu thị cho biết trước để hợp thể thống, vua theo lời tâu.

0976. Thường biển ngạch cho tiết phụ tỉnh Nam Định (hạng binh có Mai Thị Ôn, Trần Thị Dạng, hạng thứ có Nghiêm Thị Thập, chiếu lời nghị năm Thành Thái thứ 9 thi hành. Bề tôi bộ Lễ lại xin trong biển ngạch khắc thêm chữ nhỏ chú thích Mã tỉnh phủ huyện tổng xã, họ tên người nổi tiếng tiết hạnh, phía dưới ghi thêm 4 chữ “ở ngạch hạng ưu (binh. thứ)” để nêu rõ sự phân biệt). Kế chuẩn tiết phụ ở các tỉnh từ Thanh Hóa trở vào nam tới Bình Thuận đều chiếu lệ các tỉnh từ Ninh Bình trở ra bắc mà làm (năm Thành Thái thứ 9 nghị chuẩn cho tiết phụ ở các tỉnh từ Ninh Bình trở ra bắc xuất của nhà chiếu theo kiểu thức chế tạo biển ngạch).

0977. Phủ nha Quỳnh Châu tỉnh Nghệ An bị hỏa hoạn (ngày 20 tháng trước gió nam mạnh, lửa núi bốc lên lan ra thiêu rụi vệ thự trại xá đền miếu chợ búa và 297 nhà dân chung quanh phủ nha). Chuẩn trích 1.000 đồng tu bổ và chức lượng trích 250 đồng trợ cấp cho.

0978. Chuẩn cho hai ấp Đông Hồ, Khánh Lộc ở Thừa Thiên đổi làm xã Đông Hồ (Đông Hồ đình ít ruộng nhiều, Khánh Lộc đình nhiều ruộng ít nên sáp nhập lại).

0979. Kính sửa lầu Ngọ Môn điện Thái Hòa (trích 7.800 đồng mua vật liệu trang trí).

0980. Tháng 5. Chuẩn cho Án sát Bình Thuận Nguyễn Đình Văn về quê chờ lệnh. Đình Văn làm việc cùng Trú sứ phần nhiều không hợp (Trú sứ bàn đổi án tên Hùng cùng tư bảo tha Học sinh Nguyễn Thanh và sai lạy, Đình Văn đều không chịu theo lời), bèn cùng Bồ chánh Hồng Thiết làm tập tâu nói Trú sứ ấy hiệp chế quan tỉnh, không có chút gì là thể thống, khó cùng làm việc, xin đều về kinh (Hồng Thiết) về quê (Đình Văn) thăm nhà tảo mộ, việc xong sẽ tới bộ chờ lệnh. Bề tôi Cơ mật viện tư bàn, Khâm sứ đại thần trả lời nói quý đại thần không phải che chở cho Trú sứ ấy, nhưng xét viên Án sát ấy tính tình nóng nảy, nghĩ nên cho về quê chờ lệnh, còn Bồ chánh Hồng Thiết thì lưu lại làm việc. Bề tôi Cơ mật viện gửi điện văn cho tỉnh ấy tuân hành trước rồi tâu lên sau.

0981. Gian tăng Võ Trứ dấy loạn (Trú người Bình Định, ngụ cư ở sách Lang Đồng tỉnh Phú Yên, nguyên bị truy nã lần trốn ở các sách Man vùng thượng du, thác việc bán bùa chú thuốc men để mê hoặc người ta. Tháng trước tỉnh Phú Yên phái quân tìm kiếm được một quả ấn đồng trong khắc sáu chữ “Đại Hóa quốc chủ tế ấn”, lại thấy một lá cờ vải đỏ treo ở cột điện, trong viết “Nam triều ta có một danh tướng xuất hiện ở xứ Bàn Thạch, Tây Dương các người cứ dốc cả nước kéo tới mà tấn công” vân vân. Ngày 16 tháng này đảng ấy khoảng 300 người đều cầm gậy gộc ngấm tới thôn Triều Sơn huyện Đồng Xuân gần Tòa sứ tỉnh ấy, lính tập đuổi bắt đảng ấy chạy tan, lấy được một lá cờ vải đỏ trong viết “Chủ tế Minh Tề nước Đại Hóa, Dấy nhưng binh phù tá thánh vương. Ngày 16 tháng 4 năm Minh Tề thứ 1” vân vân, lại những người bị bắt chết bắt sống lập tức bêu đầu hiệu thị. Tòa sứ lại phái 100 lính tập tới đóng ở tỉnh, lại bàn chọn Phan Huy Quán lãnh chức Bồ chánh đánh dẹp). Quan hai tỉnh Bình Định, Phú Yên gửi phi chương tâu lên, sai hết lòng tìm bắt để dứt rễ ác (1), làm yên địa phương.

(1) Nguyên bản chép là “dĩ tuyệt ác côn (côn = côn đồ) nhi ninh địa diện”, ngờ là dĩ tuyệt ác căn (căn = rễ) nhi ninh địa diện” bị chép lầm, vì “căn” có khi cũng đọc là “côn”. Đây đính lại cho thông nhất với điều 0521.

0982. Đặt lại Thổ huyện Tuy Lý (trên đường từ Phan Thiết tới xứ Phước Linh có một nơi cách Phan Thiết năm dặm Tây, tên là Dương Mậu, vốn trước có đặt Thổ huyện Tuy Lý, về sau vì có việc triệt bãi. Tháng 11 năm trước Đồng Phạm tới gặp Công sứ tỉnh xin lập lại, huyện viên nên chọn người Chăm (1) bảo cử. Bèn chuẩn cho lấy thổ nhân Nông Tang, Chánh tổng Thông Trá sung vào).

(1) Nguyên bản chép là “Chiêm Thành”.

0983. Vì năm trước kính gặp lễ cửu tuần đại khánh tiết của Nghi thiên Chương hoàng hậu, ban thưởng những người già cả ở Tả Hữu Trục kỳ vải lụa có nhiều ít khác nhau (80 tuổi trở lên cấp 1 quan tiền 1 phượng gao, 90 tuổi trở lên cấp 1 tấm vải 1 phượng gao, 100 tuổi trở lên cấp 1 tấm gấm 1 phượng gao).

0984. Tháng 6. Thay đổi sáp nhập các phủ huyện thuộc tỉnh Thanh Hóa cùng đặt thêm huyện Nga Sơn (phủ Hà Trung phủ lỵ vẫn đặt ở thôn An Nội xã Bình Hòa tổng Nam Bạt như cũ nhưng trích ra 9 xã thôn nguyên thuộc tổng Phi Lai, 14 xã thôn nguyên thuộc tổng Đông Yên huyện Nga Sơn hợp với 4 tổng 66 xã thôn ở huyện Tống Sơn, tổng cộng 6 tổng 89 xã thôn đều thuộc phủ ấy kiêm lý. Phủ Thiệu Hóa hiện có 6 tổng 99 xã thôn, đình điền đều ít (ngoài số trích ra nhập vào châu Ngọc Lặc) trích ra tổng Vận Quy 18 xã thôn, tổng Đại Bối 14 xã thôn thuộc huyện Đông Sơn, tổng cộng 8 tổng 131 xã thôn sáp nhập vào huyện Thụy Nguyên thuộc phủ ấy kiêm lý. Huyện Đông Sơn (ngoài 2 tổng Đại Bối Vận Quy) 7 tổng 114 xã thôn vẫn thuộc huyện ấy quản trị, do phủ Thiệu Hóa thống hạt. Còn 7 tổng 122 xã thôn thuộc huyện Nga Sơn thì đặt riêng làm huyện Nga Sơn, huyện lỵ đặt ở xã An Hạnh tổng Mậu Lâm, đặt thêm Tri huyện Huấn đạo đều 1 viên, do phủ Hà Trung thống hạt. Huyện ấy thuộc loại nhiều việc (1) nên trích chia cho đều để tiện quản trị).

(1) *Nhiều việc*: Nguyên bản chép là “yếu khuyết”. Từ đời Minh Mạng các phủ huyện ở Việt Nam tùy theo đặc điểm vị trí địa lý, thực trạng kinh tế xã hội... tức mức độ khó khăn phức tạp trong việc cai trị mà được chia thành bốn loại tối yếu khuyết (rất nhiều việc), yếu khuyết (nhiều việc), trung khuyết (công việc vừa phải), giản khuyết (ít việc), trên cơ sở đó có chính sách cụ thể về việc khảo xét quan lại, thăng thưởng giáng phạt và đãi ngộ khác nhau cho Tri phủ Tri huyện.

0985. Bàn định đặt sở Hội đồng Bảo hộ (1) ở kinh (Toàn quyền đại thần Nghị định tất cả 9 khoản. Khoản 1: nghị đặt ở cạnh Tòa Khâm sứ ở kinh đô một sở Hội đồng, tên là Hội đồng Bảo hộ. Khoản 2: Hội đồng ấy thì Trú kinh Khâm sứ đại thần sung làm Hội trưởng, quan Chánh Đốc công cai quản các việc xây dựng ở An Nam, quan Chánh Thống binh, quan quản đốc việc Thương chính ở địa hạt An Nam, quan Chánh Thanh tra đại diện coi việc Hộ chính Đông Dương, quan đại diện coi việc Hội đồng Nông thương ở An Nam, hai viên Cơ mật viện đại thần

của Đại Nam đều sung làm quan Hội đồng, Quản lý phủ Khâm sứ sung biện các việc văn thư của Hội đồng ấy. Khoản 3: quan Đại lý quản biện sở Hội đồng Nông thương ở An Nam mỗi năm do sở ấy chọn ra một người sung vào Hội đồng Bảo hộ, lại chọn ra một người phó dự bị để phòng khi người chính có việc gì khác. Tới như Cơ mật viện đại thần thì mỗi năm do Khâm sứ đại thần tiến cử, Toàn quyền đại thần chọn định. Quan Đại lý sở Nông thương và Cơ mật viện đại thần đến cuối năm nếu Khâm sứ đại thần Toàn quyền đại thần vẫn cử người cũ sung vào Hội đồng không thay người khác cũng được. Khoản 4: Khâm sai đại thần kiểm khám thanh tra nếu lâm thời muốn tham gia bàn bạc với Hội đồng ấy cũng được, hoặc do đại thần ấy phái quan viên tùy tùng tham dự cũng được, trong hội nghị thì đại thần ấy ngồi ngang với Hội trưởng, muốn bàn bạc việc gì cũng được. Khoản 5: các quan văn võ Bảo hộ ở kinh, quan quản lý các sở nếu lúc hội nghị có liên quan tới việc các sở ấy thì quan Hội đồng mời các quan quản lý tới dự hội nghị, vẫn phải có lệnh của Toàn quyền đại thần mới được, tới như các quan viên cùng người khác mà hội đồng lâm thời muốn mời tới bàn bạc khoản nào cũng được. Khoản 6: Hội đồng ấy lâm thời tới họp hoặc ở kinh hoặc ở Đà Nẵng đều do Khâm sứ đại thần ấn định. Khoản 7: sở Hội đồng ấy bàn bạc định ra ngân sách thu chi trong hạt An Nam nhưng do Khâm sứ đại thần tính toán suy nghĩ, ngân sách thu chi ấy đến phiên họp của Hội đồng Đông Dương thì Toàn quyền đại thần quyết định, sẽ có chỉ dụ thi hành. Khoản 8: lâm thời như muốn đặt ra khoản thuế mới hay thuế lệ đã đặt ra mà muốn thay đổi thế nào mà thuộc ngạch ở An Nam ắt phải do Hội đồng bàn luận nhất trí mới được. Lại như có trích quan điền quan thổ cho người ta khẩn trung canh tác và cho phép ai hoặc công ty nào lãnh biện việc gì và trợ cấp tiền bạc hàng hóa cho ai hay trợ cấp ai làm việc gì có lợi có lấy tiền của Bảo hộ thì phải do Hội đồng bàn bạc nhất trí mới được. Lại như các việc xây dựng dùng tới tiền công ắt phải do Hội đồng nhất trí mới được. Lại Khâm sứ đại thần nếu lâm thời giao việc công cho Hội đồng phúc duyệt thì các quan Hội đồng cũng được dự bàn. Khoản 9: Thống lý đại thần phủ Toàn quyền và Trú kinh Khâm sứ đại thần chiếu theo các khoản trên đây thi hành. Làm ở Nam Kỳ ngày 8. 6. 1900. Đông Dương Tổng thống Toàn quyền đại thần Doumer ký, Thống lý đại thần phủ Toàn quyền Broni ký (2), Trú kinh Khâm sứ đại thần Auvergne ký).

(1) *Hội đồng Bảo hộ*: tức Hội đồng Bảo hộ Trung Kỳ (Conseil de Protetoral de l' Annam) thành lập theo Nghị định ngày 8. 6. 1900 của Toàn quyền Đông Dương, trong nguyên bản có khi còn được chép là Hội đồng Bảo hộ An Nam, Hội đồng Bảo hộ mười ba tỉnh An Nam...

(2) Nguyên bản viết là “Pha Sô Ni”, tức Broni. Nhân vật này còn giữ chức Quyền Toàn quyền Đông Dương trong thời gian Doumer về Pháp lần thứ hai (từ 16. 2 đến 20. 8. 1901) và lần thứ ba (từ 14. 3 đến 15. 10. 1902).

0986. Mùa thu, tháng 7. Trích đặt thêm tổng ở các hạt Tuy Hòa Sơn Hòa tỉnh Phú Yên (tổng Sơn Tường 9 thôn, tổng Sơn Bình 13 thôn, tổng Sơn Xuân 10 thôn đều thuộc huyện Sơn Hòa. Tổng Hòa Tường 13 thôn thuộc phủ Tuy Hòa).

0987. Kính sửa đồ thờ trong điện Long Ân ở An lăng (tuần chiếu quy thức miếu Hoàng khảo chế làm, trừ những vật liệu trích trong kho để làm, chi hết 1.398 đồng).

0988. Kính sửa vòng thành và đình bia, nhà lính ở tôn miếu cùng các đường và cửa Hồ Kiều ngoài hoàng thành (chi tiền 739 đồng) (1).

(1) Nguyên bản chép là “thất bách tam thập cửu bách”, là “thất bách tam thập cửu nguyên” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

0989. Tháng 8. Tân phong hoàng đệ Bửu Thiện (tức Bửu Tán, con thứ chín của Cung Huệ hoàng đế) là Tuyên Hóa quận công (kế sắc cho cưới Nguyễn Thị Đình con gái thứ của Diên Lộc quận công Nguyễn Thân cùng trích vật hạng trong kho và 5.000 đồng ban cho, lại bàn chiếu lệ trích tiền công 4.000 quan xây dựng phủ đệ).

0990. Thân định lệ quan viên đình ưu. Trở đi phạm quan viên từ Cửu phẩm trở lên cùng Cử nhân, Vũ cử, Tôn sinh, Âm sinh, Giám sinh hậu bổ tới lại dịch (chưa có phẩm hàm, trở xuống cũng thế) lĩnh thợ nếu gặp tang cha mẹ đều tuân lời nghị năm Tự Đức thứ 3 (người có phẩm hàm thì cho hạn 12 tháng về quê để tang, không có phẩm hàm thì cho hạn 1 tháng về quê lo việc tang) mà làm, nếu ai tình nguyện để tang trọn đời cũng cho.

0991. Ban cấp cáo sắc thăng thưởng cho quan viên ở Bắc Kỳ có thứ bậc khác nhau. Lúc ấy quan viên Bắc Kỳ thăng bổ đều do Phủ Thống sứ chuyên trách, ở bộ vốn không có lý lịch có thể kê cứu. Trong danh sách các viên xin được thăng thưởng phiên dịch chữ nghĩa có nhiều sai lầm, bộ thân xin chiếu theo ngày tháng năm viên ấy được thăng mà làm cáo sắc, nếu về sau có sai sót thì xin theo sự thật đòi cấp lại, chuẩn cho thi hành.

0992. Thân định lệ thăng trật cho thuộc viên văn giai từ Tứ phẩm trở xuống. Trở đi phạm thuộc viên trở xuống (trừ viên nào như có phái biện việc quân và công sai gian nan vất vả đều thuộc loại có công lao, không kể niên lệ đã được đặc biệt ban thưởng) nếu được thăng đều tuân theo lời nghị năm Tự Đức thứ 23 (thuộc viên văn giai từ Tứ phẩm trở xuống lâm thời gặp chức khuyết đã theo niên hạn chiếu lệ hạn lấy nơi nào nhiều việc thì hai năm, nơi nào ít việc thì ba năm, chuẩn thăng hai trật. Nếu không phải gặp chức khuyết mà hiện lãnh sung nha cao (như Lang trung Tùng Ngũ phẩm hoặc Ngũ phẩm Lục phẩm quyền sung) cũng chiếu theo lệ nhiều việc ít việc hai năm ba năm, do thượng ty xét thực. Nếu chăm chỉ mãi cán không có lỗi, hoặc có lỗi nhẹ thì chức lượng thăng hai trật. Ai bị xử thuộc tội nặng thì đình việc thăng cấp một năm, hết hạn lại chuẩn cho thăng hai trật, nhưng nha nào

nguyên đặt phẩm nào thì phụng thăng tới thực hàm đó là thôi (như ở Bộ Viện Các Lang trung thì tới Lang trung là thôi, lãnh Viên ngoại lang thì tới Viên ngoại là thôi, lãnh Thị độc thì tới Thị độc là thôi, còn lại theo đó mà suy), sau đó nếu có thực trạng thật xuất sắc thì do thượng ty xét thực tâu lên chờ chỉ ra lệnh chọn bổ, không được nhất khải viện có làm việc lâu năm chưa được thăng mà xin thăng trật, để có mức độ) mà làm.

0993. Vì *Thực lục Chính biên đệ tứ kỷ* hoàn thành, chuẩn ban thưởng cho bề tôi làm sử nhiều ít khác nhau.

0994. Chuẩn cho Đề đốc Nha Hộ thành Vũ Thành về hưu. Kinh thành là nơi trọng địa mà Thành dung túng cờ bạc, đến nỗi trong thành trộm cắp sinh sôi, bề tôi Cơ mật viện tâu xin cho Thành về hưu, chọn người khác sung vào, theo như lời tâu.

0995. Tháng 8 nhuận. Tặng Phiệt Năng Đô Mỹ Tịnh Phái (1) con trưởng Toàn quyền đại thần hai tấm kim khánh Quan phi phong theo kiểu cổ hạng lớn.

(1) Nguyên bản viết là “Phiệt Năng Đô Mỹ Tịnh Phái”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

0996. Lúc bấy giờ các địa phương trong kinh ngoài tỉnh nhiều nơi báo tin thiên tai (tỉnh Thanh Hóa báo ngày 28, 29 tháng 7 có mưa bão lớn, các tỉnh Thừa Thiên Quảng Nam Quảng Trị báo ngày 11, 12 tháng ấy có mưa bão ngập lụt to hơn bình thường, quan (1) thự nhà dân đổ sụp, lúa ở ruộng bị ngập hết).

(1) Nguyên bản chép là “cung”, là “quan” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

0997. Kính sửa điện Sùng Ân ở Hiếu lăng.

0998. Tháng 9. Đặt thêm huyện Đại Lộc ở Quảng Nam (trích từ huyện Hòa Vang 49 xã thôn thuộc 3 tổng Đức Hòa, An Phước, Phú Khê, lại trích 58 xã thôn thuộc hai tổng Đại An, Mỹ Hòa, 2 châu phường thuộc tổng Phú Mỹ hạt ấy và xã Phú Thứ Thượng huyện Quế Sơn đặt thêm một huyện tên là Đại Lộc, xếp vào loại nhiều việc, tất cả 5 tổng 110 xã thôn phường ấp, huyện lỵ đặt ở địa phận châu Đông Lâm, quan lại chiếu theo lệ các huyện bổ nhiệm). Tổng đốc Nam Ngãi Nguyễn Hữu Thảng vì phủ Điện Bàn hạt ấy địa thế rộng lớn (nguyên 10 tổng 226 xã thôn) nên cắt giao. Các tổng thuộc huyện Hòa Vang có tất cả 285 xã thôn, đòi thúc sưu thuế đình điền sớ bị chậm trễ nên làm tập tâu xin theo địa thế liền nhau chúc lượng đất đai đặt thêm để tiện quản trị, cho như lời xin.

0999. Mùa đông, tháng 10. Sắc trở đi kính gặp việc tế lễ thì quan binh dự việc thị hầu áo mũ phải chỉnh tề, nếu vẫn như cũ thì cho Khoa đạo tham hặc để trọng điển lễ. Lại trở đi những ngày ra triều bình thường thì hoàng thân cùng ân quan văn vũ phải nhất loạt đi giày Hạ Châu (1), mang tất Tây, y phục cũng phải tề chỉnh đẹp mắt. Lúc bấy giờ vua tới Thế miếu làm lễ Đông hưởng, thấy người chấp sự áo mũ không chỉnh tề, nên ban sắc nói tới chuyện ấy.

(1) *Hạ Châu*: tức Singapore.

1000. Kiên thái vương phi Bùi thị chết. Thái phi là mẹ ruột của hai vua Kiến Phúc và Đồng Khánh (1) triều trước, đến lúc ấy chết. Ban tên thụy là Đoan Nhu, chuẩn trích 1.000 đồng trong Phủ Nội vụ mai táng.

(1) Nguyên bản chép là “lưỡng triều Khánh nguyên sớ tự”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “lưỡng triều Phúc Khánh nguyên sớ tự” bị chép sót, đây đính lại và dịch như trên.

1001. Toàn quyền đại thần Doumer sắp tới kinh (khởi hành từ Bắc Kỳ tới tỉnh Thanh Hóa theo đường bộ về kinh) để dự lễ khánh thành cầu sắt sông Hương. Sai An Xuyên quận vương Miên Phương, Thượng thư lãnh Tham tri bộ Binh Nguyễn Văn Thịnh, Thống chương Hồng Đơn tới đón tiếp. Khi tới kinh khoản đãi như lệ, lại chuẩn thưởng các quý quan kim khánh các hạng khác nhau.

1002. Vì bão lụt nên sai kính sửa các tôn lăng tôn điện (chi tiền cộng 548 đồng).

1003. Sắc sai bộ Binh phi tư cho tỉnh Phú Yên chọn mua 10 con ngựa tốt (phải cao 3 thước trở lên), trích tiền Mã khải cấp cho.

1004. Trùng tu biển ngạch điện Vũ Hiến.

1005. Đến kỳ kính sửa *Ngọc điệp*, *Tôn phá* (tháng 3 năm Tự Đức thứ 33 kính vâng lời thánh dụ chuẩn định cứ 12 năm tu sửa một lần, lấy năm Tý làm hạn), chuẩn chiếu lệ trước nay sai quan sung làm (Hiệp biện đại học sĩ Nguyễn Thuật sung chức Tổng tài Sở Ngọc điệp, Thị lang bộ Hộ Tôn Thất Đạm sung Phó Tổng tài, Thừa chỉ Phạm Tuấn, Nguyễn Việt Tuyên sung Toàn tu, Lại khoa Chương án Trương Đình sung Tổng Toàn tu Sở Tôn phá, Viên ngoại lang Phủ Tôn nhân Ứng Trí sung Toàn tu, trích 464 đồng chi làm. Lại lấy Quốc sử quán làm Sở Toàn tu, về sau Nguyễn Thuật về (1) hưu, Tôn Thất Đạm đổi bổ chức khác, lấy Tham tri Phạm Xứng, Tả Tôn khanh Hồng Nhung sung vào).

(1) Nguyên bản chép là “tứ” (bốn), là “hồi” (về) bị chép lầm, đây đính lại như trên.

1006. Tháng 11. Tấn phong cung giai cho cung tần trong nội đình (từ phi tần trở xuống 20 người).

1007. Khâm sứ đại thần Auvergne đệ giao một tờ dụ văn (trong nói thuế đình điền, thuế Man thổ của bản quốc cùng các khoản tiền chuộc tội đánh trọng đã chuẩn đều do nước Bảo hộ thu, còn các khoản thuế tạp ngạch như thuế tổ yến, thuế chợ búa bến đò, thuế nghề cá trước nay nước ta trung thu vẫn chưa được đội ơn chuẩn cho nước Bảo hộ thu biện, xin nên chuẩn định lại giao cho thu luôn một thể, nhưng bắt đầu từ ngày 20 tháng 11 năm Thành Thái thứ 11). Bề tôi Cơ mật viện chiếu theo ý hội thương tâu lên, chuẩn cho thi hành. Lại ban dụ nói “Chiếu ngày 27 tháng 6 năm Thành Thái thứ 10 đã có dụ chuẩn cho đình thuế trung thu vật sản hàng hóa trước đây như gạo thóc dâu sấp. Sau đó bàn với Trú kinh đại thần thỏa thuận những ngạch thuế trước nay vốn do nước Đại Nam ta trung thu chuẩn giao cho quý Bảo hộ thu biện, sẽ do quý Bảo hộ án số nạp cho nước Đại Nam ta một khoản tiền lớn để sung chi phí. Duy lần ấy những hạng thuế mà trẫm ban dụ chuẩn giao cho quý Bảo hộ thu là thuế đình, thuế công sưu điền thổ, thuế Man thổ, tiền chuộc tội đánh trọng, tức như ngày 13 tháng 8 năm Thành Thái thứ 10 ban dụ chuẩn giao thuế ngạch của các Thổ huyện ở tỉnh Thanh Hóa, ngày 24 tháng 8 năm Thành Thái thứ 10 ban dụ chuẩn giao Man thuế từ Sơn phòng Nghĩa Định tới Bình Thuận, ngày 6 tháng 9 năm Thành Thái thứ 10 ban dụ chuẩn giao thuế ngạch của các Thổ phủ ở tỉnh Nghệ An, ngày 3 tháng 9 năm Thành Thái thứ 10 ban dụ chuẩn giao tiền chuộc tội đánh trọng đều cho quý Bảo hộ thu biện. Nhưng còn các hạng thuế tạp ngạch như thuế tổ yến, thuế chợ búa bến đò, thuế nghề cá trước nay do nước ta trung thu vẫn chưa có chỉ chuẩn do quý Bảo hộ thu biện, nên ban định tiếp để tiện một thể. Tất cả các hạng thuế tạp ngạch trước đây vốn do nước ta trung thu đều chuẩn giao cho quý Bảo hộ thu, nhưng cho bắt đầu từ ngày 20 tháng 11 năm Thành Thái thứ 11”.

1008. Thân định điều khoản thuế quế ở Thanh Hóa (Một khoản: cây quế tìm được ở Thường Xuân, Lang Chánh phải quản thủ để tiến cung. Một khoản: tìm được cây quế phải lập tức trình báo với quan sở tại phi báo cho quan Sở Đại lý (1) ở Bái Thượng biết. Một khoản: sẽ phái quan viên tới chỗ ấy khám xét quản biện việc hạ xuống bóc vỏ (2), chiếu theo thời tiết phù hợp hoặc không bóc vỏ thì giữ gìn, lúc ấy phải sức rào lại đánh dấu chờ lúc thích hợp. Một khoản: ai tìm được cây quế thì chiếu theo giá cả và công hạ xuống bóc vỏ trừ đi tiền thuế của hộ ấy. Nếu thu được nhiều quế đệ lên kinh tiền cung còn thừa thì giao lại cho người tìm được nhận dùng). Lúc bấy giờ tỉnh Thanh Hóa tư bản thể cách quế ở hai châu Thường Xuân, Lang Chánh, Khâm sứ đại thần trả lời nói khoản thuế quế trước đây bàn nghĩ giao cho hai tổng Trịnh Vạn, Quân Nhân thu nạp, mỗi tổng trừ 6 người quế phu, đồng niên phải nạp 20 cân chiếu giá cấp tiền, duy trước nay làm việc không có hiệu quả, việc chọn mua loại quế cũng có mỗi tệ, có khi chưa được công bằng. Gặp lúc tỉnh ấy bàn nghĩ rất hợp, bề tôi Cơ mật viện bèn tâu lên, chuẩn cho thi hành.

(1) *Sở Đại lý*: tức Délégation, một cấp hành chính trong hệ thống chính quyền thuộc địa ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, là trung tâm hành chính của một số tổng. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, ở Nam Kỳ nhiều trong các Sở Đại lý này dần dần chuyển hóa thành khu (Circonscription, thường dịch qua tiếng Việt là quận).

(1) Nguyên bản chép là “đại (đại = thay thế) tước”, là “phạt (phạt = đốn hạ) tước” bị chép lầm, đây dính lại như trên.

1009. Thường Linh mục Allys (1) ở nhà thờ Phủ Cam kim khánh hạng nhất, Chương giáo Trường Quốc học Ngô Đình Khả, Tham biện Cơ mật viện Nguyễn Hữu Bài kim khánh hạng hai, Biện lý bộ Lại Hồ Văn Phúc kim khánh hạng ba đều một tấm.

(1) Nguyên bản viết là “An Lý”, tức Eugène Marie Joseph Allys, Linh mục Chánh xứ Phủ Cam đương thời.

1010. Khâm sứ đại thần Auvergne nói năm trước đã vâng dụ chuẩn nhường thành phố Đà Nẵng cho nước Đại Pháp nhận biện nhưng ranh giới nhỏ hẹp, nay vì xây dựng ụ tàu xưởng tàu, Đại Công cục (1) nghĩ nên mở rộng địa giới (địa giới mới một mặt giáp Mỹ Khê, một mặt giáp đại lộ, đều có bản vẽ và cột mốc. Những đất lọt vào địa giới mới nếu là đất riêng thì vẫn cho ở như cũ, nếu là đất công thì sung công), lại ủy đệ dụ văn cho bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành. Bèn ban dụ nói “Ngày 27 tháng 8 năm Đồng Khánh thứ 3 đã vâng thánh dụ chuẩn chia địa phận tấn thủ Đà Nẵng giao cho nước Đại Pháp làm nhượng địa, cho quý quốc quản nhận tự chủ. Hôm trước theo lời Cơ mật viện tâu thì những việc xây dựng lớn ở tấn ấy quý Bảo hộ sẽ tiến hành khởi biện, như các khoản nạo vét một vụng sâu ở cửa biển, xây dựng kho xưởng, làm đường sắt, những công việc ấy một khi đã mở ra sẽ làm lợi cho việc thương mại ngày càng phồn thịnh, cũng nên giúp đỡ để tấn ấy ngày càng rộng lớn tráng lệ. Duy chiếu theo ranh giới tấn ấy hiện tại rất nhỏ hẹp mà những việc xây dựng sắp thi hành đều ngoài giới hạn nhượng địa, nên chuẩn cho mở rộng địa giới nhượng địa, chiếu theo ranh giới mới trong bản đồ đính kèm sau đây mà giao, chiếu theo điều 2 trong dụ chuẩn ngày 3. 10. 1888 và các điều trong dụ chuẩn ngày 27. 9. 1897 Tây lịch thi hành (thuộc nhượng địa cũ là các xã An Hải, Cổ Mân, Vĩnh An, đường quan lộ tới sơn phận và các xã Hà Khê, Xuân Hòa, Thạc Gián đều thuộc nhượng địa, còn các xã thôn từ Hóa Khuê, Đông Xã, ấp Bình Thuận tới Liên Trì, Xuân Thả, Phục Đán, An Khê, Thanh Khê, Phú Lộc, An Hải, Mỹ Khê, Phước Trường hoặc nhượng một nửa hoặc nhượng một hai khoảnh đất, đều có cờ tam (2) tải cắm làm cột mốc”.

(1) Nguyên bản chép là “Công dịch đại cục”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “Đại Công cục” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

(2) Nguyên bản chép là “nhị”, là “tam” bị chép lầm, đây đính lại như trên. Cờ tam tài là cờ ba màu, tức quốc kỳ nước Pháp.

1011. Thái tử Thiếu phó Đông Các đại học sĩ sung Tổng tài Quốc sử quán Kinh diên giảng quan kiêm quản Quốc tử giám Trương Quang Đản trí sĩ.

1012. Hiệp biện đại học sĩ sung Phó Tổng tài Quốc sử quán Kinh diên giảng quan Hoàng Hữu Xứng hưu trí. Hữu Xứng là cựu thần triều trước, làm quan trong ngoài, đến lúc ấy viện lệ tâu bày (đã 70 tuổi, làm quan liên tục hơn 30 năm), chuẩn cho lấy nguyên hàm về quê hưu trí, tiền hưu bổng chiếu lệ trích cấp để tỏ ý ưu đãi thể thiếp.

1013. Định ngạch sinh viên chức lượng lưu lại ở Quốc tử giám và học đường các tỉnh (Quốc tử giám 157 người, Thanh Hóa 70 người, Nghệ An Quảng Bình Quảng Nam Bình Định đều 30 người, Hà Tĩnh Quảng Trị Quảng Ngãi đều 25 người, Khánh Hòa 20 người, Phú Yên 15 người, Bình Thuận 9 người). Lúc bấy giờ bộ Lễ bàn nghĩ ngân sách năm tới chiếu theo nguyên số chức lượng giảm bớt, cốt cầu thực học mà xứng đáng hưởng lương, bèn tâu xin đình ngạch Cử nhân từ Quảng Trị trở vào nam. Còn học sinh thì chiếu số (Thừa Thiên 20 người, Quảng Nam, Bình Định đều 18 người, Quảng Bình Quảng Trị Quảng (1) Ngãi đều 15 người, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận đều 10 người), mỗi tháng chỉ cho nửa lương, Ấm sinh do quan tỉnh và Đốc học khảo hạch (ai ham vui lười biếng lập tức tước ngạch, ai học lực không tiến cho về hạng Quan viên từ) cho phù hợp với ngân sách. Lại định hàng năm khảo hạch một lần (lệ cũ mỗi năm hai lần vào tháng 2 và tháng 8), tuổi từ 18 trở lên mới được dự khảo. Tới như con vũ quan có tư chất tốt đẹp hiếu học thì chỉ cho một người dự vào hạng Ấm sinh, còn lại chiếu lệ Anh danh Giáo dưỡng mà làm. Chuẩn như lời bàn của bộ.

(1) Nguyên bản chép là “Nam”, là “Quảng” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

1014. Trang Quý hương Thanh Hóa bị hòa hoạn (phát hỏa từ nhà tên Như, cháy lan ra 29 nhà), chuẩn trích tiền ân cấp cho (mỗi nhà 1 đồng).

1015. Văn Minh điện đại học sĩ Vĩnh Trung tử hưu trí Nguyễn Trọng Hợp tâu nói “Quốc sử nước Việt ta từ khi có nhà Trần mới bắt đầu sai học sĩ Lê Văn Hưu biên soạn, sau có Phan Phu Tiên chép tiếp. Đến niên hiệu Hồng (1) Đức nhà Lê sử thần Ngô Sĩ Liên nối theo, trên từ Hồng Bàng, dưới tới kỷ vua Lê Gia tông, gọi là *Đại Việt sử ký toàn thư*. Đương thời chất phác, có việc ắt ghi, tuy nói là tạp nhạp nhưng về việc thì rất rõ ràng, đủ để khảo xét việc xưa. Nay *Việt sử cương mục* đã vâng lệnh ban hành, thật e sử cũ ít có, nhưng sách vở vắn in rơi rụng mất mát, về sau không biết khảo cứu từ đâu, khẩn thiết xin ban sắc in thêm vài mươi bộ ban cho Nội các, Quốc sử quán, Quốc tử giám cùng học đường ở các tỉnh từ Thanh Hóa trở vào nam và trung châu Bắc Kỳ đều một bộ gìn giữ, để văn hiến nước Việt ta càng lâu càng rõ, đúng là điển hay hy triều khảo cứu việc xưa có đủ văn chương (2) vậy”. Vua chuẩn lời tâu.

(1) Nguyên bản viết là “Hồng” (chim hồng).

(2) Nguyên bản chép là “hy triều kê cổ hữu (hữu = bên phải) văn chi điển ý”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “hy triều kê cổ hữu (hữu = có) văn chi điển ý” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

1016. Tỉnh Nghệ An bắt được tù phạm bỏ trốn Nguyễn Doãn (nguyên Đốc binh giặc). tin báo về, chuẩn thưởng cho những quan binh tầm nã đắc lực có thứ bậc khác nhau (1) (Chánh Đội trưởng (trở xuống cũng thế) Nguyễn Điền thưởng thăng Quan cơ, Vũ Xuân Lâm thưởng thụ Phó Quan cơ).

(1) Nguyên bản chép là “chuẩn thưởng tầm nã đắc lực chư viên nhân hữu”, là “chuẩn thưởng tầm nã đắc lực chư viên nhân hữu sai” bị chép sót, đây đính lại như trên.

1017. Tháng 12. Trú kinh Thống binh Đại Pháp Rô Bi (1) về nước, chuẩn trích phẩm vật (một cây đoạn bóng, một đồng kim tiền Phi long hạng lớn) tặng cho.

(1) Nguyên bản viết là “Rô Bi”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1018. Toàn quyền đại thần Doumer về nước, Đốc lý Lại chính Broni quyền thay (về sau đến tháng giêng năm thứ 13 triều đình Pháp gọi điện văn nói Toàn quyền đại thần về nước yên ổn khỏe mạnh, khoảng sau tháng 3 sẽ trở lại Đông Dương).

1019. Sắc sai Lục bộ chư nha trở đi gặp ngày thiết triều tuân lệ tâu việc. Lúc bấy giờ ra triều chỉ dâng tờ tâu của những người thuyền chèo thăng chức gọi về bái mệnh mà không tâu việc nên có lời chuẩn ấy. Sắc nói “Nghe chính lệ có thiết triều ở điện Cần Chánh, trở đi chuẩn lấy ngày 6 hàng tháng làm lệ”.

Quyển 13

1020. Năm Tân sửu Thành Thái thứ 13 (1901 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Sắc nói nước ta trung hưng kính từ Thế tổ Cao hoàng đế Gia Long năm thứ 1 đến nay đã được 100 năm, sai phủ Tôn nhân, Cơ mật viện bàn nghị làm lễ mừng để ghi lại phúc đức vô cương của quốc gia (kể vì lễ tang nên dim việc ấy đi).

1021. Tổng đốc Thanh Hóa Vương Duy Trinh tâu nói thôn Đoài ở xã Thượng Phú huyện Quảng Hóa trong tỉnh hạt có tên cũ là Tiên Lữ, nhân khang vật thịnh. Từ triều Lê đổi làm thôn Đoài thì nhân dân phong tục không được như trước, đồng dân xin đổi lấy lại tên cũ để mong giàu có, xin chuẩn cho để thỏa lòng mong mỏi của dân. Vua nói “Lẽ nào có chuyện ấy”, không chuẩn, vẫn giữ tên thôn Đoài như cũ.

1022. Chuẩn cấp ruộng thờ cho cha Lãnh binh Bình Định Phạm Cát là cố Đề đốc Phạm Biểu (10 mẫu 2 sào). Biểu trước sung làm đồn điền Sơn phòng Nghĩa Định khai khẩn có công, chiếu lệ (tháng giêng năm Thành Thái thứ 11 dụ chuẩn, trong có một khoản Nghị định Sơn phòng triệt bãi, còn quan điền trích cấp thưởng cho các quan viên cũ) trích cấp để tỏ ý thể tuất.

1023. Tháng 2. Thân định lệ mua bán đất trong thị xã. Trước là tháng 11 năm trước Khâm sứ đại thần Auvergne nói trước đã vâng dụ chuẩn cho đặt việc thu thuế xe thuê chợ trong thị xã nhưng không nói gì tới khoản mua bán đất. Gần đây thương nhân người Tây tụ họp ngày càng đông, mà việc mua bán đất hiện theo luật lệ Nam triều lại chưa tiện, phải tuân lời dụ chuẩn năm Đồng Khánh thứ 3 và Thành Thái thứ 8 (quan lại và thương nhân người Tây mua ruộng đất ở Bắc Kỳ hoặc trong 12 phủ tỉnh thì cho theo lệ Tây vĩnh viễn làm sản nghiệp riêng) mà làm cho ổn thỏa, đến lúc ấy nghĩ đưa dụ văn qua do Cơ mật viện duyệt lại. Bề tôi ở viện tâu lên, chuẩn cho thi hành. Lại ban dụ nói “Thị xã các tỉnh ở nước ta vào ngày 12. 10. 1888 và ngày 12. 7. 1889 Tây lịch đã dụ chuẩn thiết lập cho được sạch sẽ tráng quan để tiện cho nhân viên quý quốc và quý thuộc quốc cư trú. Nay chiếu địa phận các thị xã ở kinh thành, Nghệ An, Thanh Hóa, Hội An, Quy Nhơn và Phan Thiết nơi nào không có nhà người bản quốc cư trú hoặc xây dựng ở tạm đều cho thuộc về đất công trong địa phận các tỉnh ấy. Những đất ấy tại các phủ tỉnh, ở kinh thì có Công sứ Thừa Thiên, Thượng thư bộ Hộ và quan phủ Thừa Thiên, ở tỉnh thì có Công sứ và quan tỉnh hội đồng bàn nghị thỏa thuận. Tới như đất đai mà người bản quốc cư trú nếu nhiều đời truyền lại đã lâu, hoặc dựng nhà ở lâu năm thì chủ đất sẽ có chứng nhận của quan, trừ nơi nào phải đặc biệt lưu lại để tiện xây dựng nhà thự quan viên, đình chùa đền miếu và phủ đệ của hoàng thân, vương công, công chúa và đường cái, bến sông, trại lính, những đất mà thị xã tỉnh ấy đã đưa vào bản đồ thì không được xâm phạm. Dụ này đính kèm lời Nghị định các điều lệ về đất ấy của Toàn quyền đại thần để thi hành”.

1024. Ngày Tân hợi (ngày 15), truy tiến tôn thụ cho Hoàng khảo Cung Huệ hoàng đế là Cung tông Khoan nhân Duệ triết Tĩnh minh Huệ hoàng đế. Lúc đầu vua nhớ chí người trước, ban sắc sai nghị tôn hiệu là Khoan nhân Duệ trí Triết tĩnh Thông minh Cung Huệ hoàng đế, tên miếu đổi là Dụ miếu, điện Long Ân đổi là điện Long Đức, giao cho đình thần cùng bàn duyệt lại thi hành. Đình thần bàn “Kính tra cứu lời nghị truy tôn của các hoàng thân vương công Tôn nhân Phụ chính đình thần văn vũ tháng 2 năm Thành Thái thứ 2 đã tuân bản truy tôn, trong có một khoản kính nghị tôn quận vương được Dục tông Anh hoàng đế nghĩ sâu về đại kế xã tắc, lập làm hoàng tử, để chờ ghé ngọc tuyên phong sai nói ngôi báu, kế thừa di chiếu, người đều thấy nghe. Nhưng vừa mới cư tang mấy ngày thì việc khác đi, từ lúc ấy trở đi Giản tông Nghị hoàng đế, Cảnh tông Thuận hoàng đế nối nhau làm vua, đến hoàng thượng hiện nay nói ngôi Cảnh tông Thuận hoàng đế kế thừa đại thống, danh nghĩa rất nghiêm, nhưng ngẩng tuân đi ý của Dục tông Anh hoàng đế, hoàng thượng có việc ở hai điện Chấp Khiêm, Ngưng Hy thì xưng là cháu. Nay tôn vương nên tôn xưng Hoàng khảo là chính đáng, vì việc tôn vương nối ngôi đã có thành mệnh nhưng chưa kịp lên ngôi thì khác với các vua đã chính thức lên ngôi, nghĩa lớn ở đó. Gần đây tôn sùng điển lễ, hữu ty xin bản, lần nào cũng vâng chỉ khiêm nhường nên chưa được, quả thật sâu sắc nhìn xa hơn hẳn kẻ tầm thường. Nay bọn thần kính cẩn tìm khắp điển sách, xin gia tôn thụ cho tôn vương là Cung Huệ, kính tôn di chiếu mang kim sách kim bảo dâng tôn hiệu là hoàng đế, gọi là Hoàng khảo Cung Huệ hoàng đế, lập tâm miếu riêng trong kinh thành. Kính phụng châu phê “Đã xem tờ tâu. Trẫm đã tâu lên hai cung, vâng ý chỉ cho như lời xin tuân hành. Kính đây”. Lại kính tra cứu tháng 7 năm Kiến Phúc thứ 1 các bề tôi tôn nhân đình thần phụng phiến ra lệnh tôn huy hiệu cho Nghị hoàng đế tám chữ, phụng ý chỉ của Từ dữ Thái Thái Hoàng thái hậu nói “Hiếu Định hoàng đế, Hiếu Khang hoàng đế triều ta công đức to lớn mà huy xưng đều có tám chữ, nay Đại hành hoàng đế (Giản tông Nghị hoàng đế) nối ngôi không bao lâu mà huy xưng cũng tám chữ, nghĩ thấy chưa ổn, nên chước lượng giảm đi hai chữ để phù hợp. Kính đây tuân đây”. Lại phụng chiếu huy xưng của Cảnh tông Thuận hoàng đế cũng chỉ có sáu chữ, đều có ở án. Nay kính phụng sắc chuẩn các lễ, thật ngẩng thấy hoàng thượng ta hiểu niệm có thành ý muốn làm rõ ràng người trước, bọn thần mấy lần bàn bạc cùng trộm nghĩ rằng để vương ngày xưa miếu hiệu huy trung cốt ở chỗ nêu rõ đức nghiệp, danh thực phù hợp để lưu lại mãi mãi mà làm rõ cho người sau. Nay kính gia tôn hiệu là Dụ tôn Khoan nhân Duệ trí Triết tĩnh Thông minh Cung Huệ hoàng đế, miếu hiệu đổi thành Dụ miếu, điện Long Ân đổi thành Long Đức, bọn thần kính cẩn xem kỹ lại thì hai chữ Duệ trí dùng liền với nhau đã có trong bài vị thứ tư bên trái trong Thái miếu, hai chữ Thông minh dùng liền với nhau đã có trong bài vị thứ tư bên phải trong Thế miếu, tự

nghĩa huy hiệu e bị trùng lặp. Lại chữ Dụ thì ở án thứ tư bên trái trong Thế miếu hiện có Dụ đỉnh, chữ Dụ xin kính tránh đi cho hợp, kính dâng miếu hiệu tôn miếu là Cung miếu, những chữ huy xưng xin chờ đổi định thành sáu chữ. Lại phụng chiếu điện Long Đức là biệt điện trong Thái miếu (để làm ngày kỵ ở án chính hàng năm), tên điện ấy xin vẫn kính tuân lời chuẩn trước gọi là điện Long Ân, ngõ hầu tự nghĩa đầy đủ xứng đáng”.

Lời bàn dâng lên, vua theo lời, trước tiên tuyên dụ bố cáo cho trong ngoài, đến lúc ấy chuẩn chọn ngày tốt, lấy hôm trước ngày Thanh minh tháng ấy làm lễ, lại sai bộ Lễ nghĩ soạn nghi thức, sai quan tế cáo với Thái miếu, lại đem việc tâu với ba cung. Hôm ấy vua đích thân suất lãnh bách quan dâng kim sách kim bảo, lời sách nói “Thần nghe: danh lớn ắt về người có đức lớn, hiền thân không gì lớn bằng tôn thân, phạm thánh đức thần công, điều tốt không thể mai một, mà đỉnh minh miếu hiệu, tên gọi có thể xưng hô. Cho nên ban tên thụ phải phép sáng mà theo, còn tôn tên thụ thì xứng trời để viếng, việc từ nghĩa mà dấy, kính từ yêu mà làm. Kính nghĩ Hoàng khảo Cung Huệ hoàng đế: thánh dưỡng mông công, long di tiềm đức@. Cung xanh chính vị, nhân hiệu hiền thánh rõ ràng, gác vàng theo thầy, sự truyền nghi thừa giúp ích. Ham học thì ngày theo tháng tới, áp hy quang minh, giữ lòng thì Càn dịch Khiêm ty, đêm ngày lo sợ. Bốc giao hưởng miếu, bí tự kiến đối viết chi nghi, hầu cơm vấn an, hiểu phụng bảm trai quỳ chi niệm. Khoan nhân chương tín nhi kính đức dẫn phu, duệ triết hữu lâm nhi nghĩa thiên xiển lãng. Tĩnh dĩ trí viễn tắc huyền mục duy tu, minh dĩ chúc cơ tắc u ần tất đạt. Thị giai cung mặc tư đạo, huệ ích hữu phu, giản tại Anh miếu chi tâm, giới thừa liệt thánh chi nghiệp. Âu ca du thuộc, lịch số hữu quy, mà biến cố bất ngờ, đau vịn gào chẳng kịp. Thần đem tuổi nhỏ nhận lấy nghiệp này, ngăn yển dực di mưu, đức to vẫn đó, nghĩ tên hay truyền mãi, lễ lớn nên làm. Kính cần chọn ngày tốt, xin mệnh với Giao miếu, tâu lên ba cung Từ dữ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu, Trang ý Thuận hiếu Thái Hoàng thái hậu, Hoàng thái hậu thánh giám, đích thân suất lãnh Tôn nhân đình thần văn vũ kính mang kim sách kim bảo dâng tôn thụ là Khoan nhân Duệ triết Tĩnh minh Huệ hoàng đế, miếu hiệu là Cung tông. Kính nghĩ Sau trước nêu danh, lên xuống quyết sĩ (1). Nhận thêm hiệu lớn, huy xưng thêm sáng suốt ngàn năm, bảo hựu người sau, phúc lớn (2) mãi ngời trong muôn thuở”. Lễ xong ban dụ bố cáo cho trong ngoài. Lời dụ nói “Đức lớn ắt được danh hay, tôn thân gọi là đạt hiếu. Cho nên ngân trân ngọc sách ký dĩ hy hồng hiệu u vô cùng, mà thừa liệt dương huy (3), hiểu tử chi tâm mỗi hoài bất quĩ. Kính nghĩ Hoàng khảo Cung Huệ hoàng đế ta: thiên tư thuần túy, học nghiệp quang minh. Ngồi ở cung xanh, thân kẻ phủ tía. Giao đàn đối viết khắc hưởng thiên tâm, miếu điện thăng hình mặc thông thần giám@. Đang non tĩnh suối trong hội trí, dao đồ bảo lục có nơi, để chờ ghé ngọc tuyên phong sai nối ngôi báu, lượng âm phô trạch, việc chợt xảy ra, khái tiền mỹ chi phát chương, chính đang chờ người sau mà hữu đãi vậy. Nay tiểu tử ta cậy sự linh thiêng của tổ tông trên trời, nhận ngôi báu này, đêm ngày truy niệm. Lúc vừa lên ngôi, Tôn nhân đình thần ngăn nhớ đức lớn, tham khảo điển sách, đã xin truy tôn là Cung Huệ hoàng đế, gọi là Hoàng khảo. Còn hoàng dao bảo, thụ thị vô vong, nhiên nhi nhụ mộ trầm tâm, quyền quyền phát trị. Nên muốn làm việc tôn sùng, điển lễ rất trọng, phải đưa ra công luận, bàn bạc đồng lòng. Mới rồi Tôn nhân đình thần hợp lời tâu xin dâng thêm tôn thụ là Khoan nhân Duệ triết Tĩnh minh Huệ hoàng đế, miếu hiệu là Cung tông. Trẫm duyệt lại cẩn thận nghĩ có chỗ hợp, đã ban dụ cho thi hành, sai hữu ty chọn ngày tốt, lấy ngày 10 tháng này sai quan tế cáo với Nam Giao Thái miếu, cùng đem việc tâu lên với Từ dữ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu, Trang ý Thuận hiếu Thái Hoàng thái hậu, Hoàng thái hậu thánh giám. Ngày 11 kính đề lại bài vị, đến hôm ấy kính dâng kim sách kim bảo, đại lễ khánh thành, lấy đó nêu điều sáng suốt ngàn thu, kéo phúc dài cho vạn thuở. Đây là việc hợp với lòng tôn thân của muôn người, không phải thành ý hiểu kính của riêng ta, đặc biệt ban dụ này bố cáo cho trong ngoài cùng biết”.

(1) *Kinh Thi, Đại nhã, Văn vương* “Văn vương trác giảng, tại đế tả hữu” (Văn vương lên xuống, Đều cạnh Thượng đế), chỉ việc phù hộ cho người sau. Quyết sĩ lấy chữ trong *Kinh Thi, Chu tụng, Hoàn* “Hoàn hoàn Vũ vương, Bảo hữu quyết sĩ” (Vũ vương oai dũng, Bảo hộ kẻ sĩ), @

(2) *Phúc lớn*: nguyên văn là “thuần hồ”, lấy chữ trong *Kinh Thi, Đại nhã, Quyền a* “Thuần hồ nhĩ thường hĩ” (Phúc lớn thì ông thường được hưởng), chúc tụng Chu Thành vương

(3)

(4) *Thi, Đại nhã, Ký túy* “Hiếu tử bất quĩ” (Lòng hiếu không cùng)

(5) *Càn dịch*: lấy chữ trong *Kinh Dịch*, quẻ *Bát Thuần Càn*, phần *Hào từ*, hào Cửu tam “Quân tử chung nhật kiên kiên, tịch dịch nhược, lệ, vô cự” (Quân tử suốt ngày hăng hái, ban đêm sợ sệt, nguy hiểm, không có lỗi).

(6) *Khiêm ty*: lấy chữ trong *Kinh Dịch*, quẻ *Địa Sơn Khiêm*, phần *Soán truyện* “Khiêm tôn nhi quang, ty nhi bất khả du” (quẻ Khiêm tôn thì sáng, ty thì không thể vượt qua)

1025. Tiết Thanh minh, vua ngự giá tới An lăng yết miếu, còn các tôn lăng khác thì sai hoàng thân vương công khâm mệnh làm lễ.

1026. Hoàng trưởng nữ triều trước hạ giá lấy Nguyễn Hữu Tý con thứ của cố Vĩnh Lại quận công (nay truy phong Vĩnh quốc công) Nguyễn Hữu Độ, chuẩn chiếu lệ chước cấp nữ trang và phủ đệ 2.500 đồng (sai An Xuyên quận vương Miên Phương làm chủ hôn, Hiệp biện đại học sĩ An Xuân nam Cao Xuân Dục sung việc thu xếp).

1027. Thân định lệ duyệt lại án kiện. Lúc đầu năm Minh Mạng thứ 13 nghị chuẩn những án kiện xử tử tù phạm mà các địa phương tâu lên qua bộ Hình thẩm duyệt dâng phiếu nghĩ rồi mới giao cho Đô sát viện duyệt lại. Gần đây duyệt phiên bản bạc chuẩn sao ra cho thi hành, không giao cho Đô sát viện duyệt lại, bề tôi Cơ mật viện

bàn nghị để được thận trọng, quý Khâm sứ đại thần cũng nói trừ những tội làm loạn làm phản bắt được thì chiếu lệ thi hành không cần giao duyệt, những án còn lại xin xử tới tội chết xin chiếu theo nguyên nghị giao cho Đô sát viện duyệt lại. Cơ mật viện lại chức lượng nghị các khoản hình danh án kiện (Một: những tội xử sung quân đi đày trở xuống nhưng có tội tở thuộc hạ của quý quan, lính tập và giáo dân quan hệ tới việc giao thiệp và các án do Tòa Đê hình xét xử. Một: án quan trong kinh ngoài tỉnh can tội nặng phải giải chức hoặc cách giáng lưu. Một: người bản quốc trong kinh ngoài tỉnh bị khép vào tử tội và bộ Hình tra xét khép vào tử tội do bộ thảo rõ trình Cơ mật viện duyệt bàn lại dâng lên. Một: các tù phạm tử tội giam hậu gặp lúc xét nghị hoặc xử quyết, hoặc giảm tội, hoặc lưu lại đều do bộ trình cho Cơ mật viện duyệt bàn) nên do Cơ mật viện duyệt nghị rồi vâng lời chuẩn cho thi hành. Về sau đến tháng 3 Đô sát viện vì trong phiên giao có một khoản lệ trước kia và lệ gần đây bất nhất, tâu xin phạm án tử tội thì bất kể trong kinh ngoài tỉnh giao cho viện ấy phúc duyệt nếu có chỗ không hợp thì trích ra tâu lại, nếu không có trở ngại xin theo lệ gần đây (có trở ngại thì trích tâu, không có thì biên giao) biên giao cho bộ Hình phê duyệt phụng lời chỉ thi hành, theo như lời bàn.

1028. Chuẩn cho Thị lang nguyên Linh mục Nguyễn Hoàng thăng Tham tri bộ Lễ về quê (Hà Tĩnh) hưu trí. Hoàng trước sung Tham tá Cơ mật viện và Thương bạc, lại sung Phụ tế đại thần rất có công lao, lúc bấy giờ chuẩn cho thăng hàm hưu trí.

1029. Phủ doãn phủ Thừa Thiên Tôn Thất Đề tâu nói bọn Trương Đình Bình, Nguyễn Văn Tham ở xứ Bến Trạch huyện Hương Trà trong phủ hạt mộ dân khẩn đất thành ruộng, xin lập thành thôn Lương Miêu (thuộc tổng Long Hồ), cho như lời xin.

1030. Tu bổ miếu Công thần. Sai nguyên sung Đồng lý Sở Doanh thiện Thống chế Nguyễn Tất Trung trông coi công việc.

1031. Tri phủ phủ Triệu Phong Nguyễn Đức Huy có tội bị cách chức bắt giam. Lúc bấy giờ Chương án Đô sát viện Trần Trạm, Ngự sử Nguyễn Xuân Toàn phúc duyệt vụ án nhân mạng ở Dương Hợp tỉnh Quảng Trị, có trở ngại bèn trích tâu lên (đại lược nói căn cứ theo lời khai thì Bùi Huệ là người đứng đầu tổ cáo phủ viên, phủ viên Nguyễn Đức Huy đã có tội không hồi ty, tự ý tra xét kết án, hưởng hồ đày đi làm chết một người, can vào tội nặng. Quan tỉnh ấy là Đồng Sĩ Vinh duyệt đệ lên không có trích bác, bề tôi ở bộ tuy giảm tội chết khép tội đi đày nhưng trong việc làm có chỗ không hợp, phủ viên và quan tỉnh ấy để đó không hỏi tới nghị chưa ổn với công luận, xin ban sắc cho bề tôi Cơ mật viện bàn nghị lại để làm rõ việc hình là đáng tin cậy). Vua phê giao cho Cơ mật viện bàn bạc với bề tôi Đô sát viện tâu lên, chọn phái Khoa đạo Bùi Xuân Huyền, Nguyễn Văn Tề hội đồng phúc tra. Đến khi án thành, Đức Huy bị tội (đánh 100 trượng, đày 3.000 dặm), tước quan tịch giải giao cho phủ Thừa Thiên giam giữ (về sau nhân tiết Chánh chung, Tòa Khâm sứ bàn nghị chớ ân chuẩn phóng thích). Bọn Trạm vì trích tâu đúng sự thật được thăng thưởng có thứ bậc khác nhau (Trạm thưởng thụ Thị độc học sĩ, Xuân Toàn được thưởng Thị giảng học sĩ, đều lãnh chức như cũ). Còn nguyên Tuần phủ Đồng Sĩ Vinh bệnh chết, lãnh Thượng thư bộ Hình Nguyễn Thuật hưu trí và đường quan đương nhiệm ở tỉnh ở bộ đều chuẩn cho gia ân miễn nghị.

1032. Tháng 3. Sai Hiệp biện đại học sĩ sung Phó Tổng tài Quốc sử quán An Xuân nam Cao Xuân Dục sung Chủ khảo khoa thi Hội, Quang lộc tự khanh lãnh Bộ chánh Quảng Nam Nguyễn Văn Mại làm phó. Khoa ấy quan trường lấy 16 người trúng cách hạng chánh và hạng thứ (bọn Nguyễn Văn Tính, Trần Văn Thống). Văn bài đưa lên ba nha hội đồng kiểm duyệt, lấy thêm 6 người (bọn Nguyễn Việt Thông, Ngô Đức Kế), cộng 22 người. Đến khi thi Điện (Hiệp biện đại học sĩ Nguyễn Hữu Thăng, đại thần quản lãnh Thị vệ Phạm Bính sung Độc quyền, Quán giáo Trường Quốc học Trần Đạo Tiềm, Đốc học Quảng Nam Trần Đình Phong sung Duyệt quyền) lấy 9 người bọn Nguyễn Đình Tuân làm Tiến sĩ, 13 người bọn Nghiêm Châu Tuệ làm Phó bảng.

1033. Sai trích cấp cho quan Chương giáo Trường Cổ tích Đông Dương (1) một bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*.

(1) Nguyên bản chép là “Đông Dương Cổ tích trường”, tức Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp (L' École Française d' Extrême-Orient - EFEO), được chính thức thành lập ngày 20. 1. 1900. Viên Chương giáo được nhắc tới trên đây là Louis Finot, Giám đốc đầu tiên của trường.

1034. Ngày Mậu dần (ngày 12) ngự giá ra điện Long Ân làm lễ thăng tự. Lễ xong hồi loạn.

1035. Tổng đốc Khánh Hòa Hồ Đệ tâu xin được tùy nghị thay đổi sáp nhập những tổng xã ở các phủ huyện Diên Khánh, Ninh Thuận, Vĩnh Xương, An Phước để tiện công vụ, cho như lời xin.

1036. Sách *Minh Mạng chính yếu* in xong, ban cấp cho hoàng thân, án quan văn võ trong kinh ngoài tỉnh và học đường đều một bộ. Về sau đến tháng 11 lại ban cấp cho án quan văn giai và đại viên hưu trí ở các tỉnh đạo cùng Đốc học các tỉnh và nha lo việc in ấn đều một bộ.

1037. Hoàng thân chưa được phong là hoàng trưởng tử triều trước (tức Hoàng tông Tuyên hoàng đế), tuổi vừa mới lớn (17 tuổi) sai bộ Lễ chế cấp triều bào và áo châu ngày thường mỗi loại một bộ để tiện lâm thời gặp các lễ tiết khánh hạ kỵ đàn theo ban vào lay.

1038. Sai bộ Công kính cần tu sửa bảo thành Khiêm lăng (đến tháng 6 hoàn công).

1039. Bắt đầu đặt đạo Ninh Thuận (trích phủ Ninh Thuận và huyện An Phước tỉnh Khánh Hòa lập thành một đạo, lỵ sở đặt ở xứ Phan Rang), lấy Tri phủ Nguyễn Văn Thụy thăng lãnh Quán đạo (lúc bấy giờ Công sứ tỉnh

Khánh Hòa vì phủ Ninh Thuận địa thế xa cách, công vụ bận rộn, nghĩ nên đặt riêng làm một đạo để tiện quản trị, tư cho Khâm sứ đại thần bàn bạc với bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành).

1040. Mùa hạ, tháng 4. Ngày Bính thân (ngày 1) có nhật thực, đổi lễ Hạ hưởng qua ngày Canh tý (ngày 5).

1041. Từ dũ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu băng. Lúc đầu là Thái Thái Hoàng thái hậu không khỏe, vua sớm tối hầu bệnh, đến lúc ấy trở nặng, linh giá thăng hà, thọ 93 tuổi, kính đặt tử cung ở cung Gia Thọ.

1042. Đem tin quốc hiếu bố cáo cho trong ngoài, nói “Ngày 27 tháng trước Thánh tăng tổ mẫu Từ dũ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu ta thánh cung không khỏe, trầm hầu bệnh sớm tối khẩn cầu cung Dao tu phúc, ngày càng khỏe mạnh, để an ủi lòng tôn thân của thần thứ. Đến giờ Mão ngày 5 tháng này linh giá thăng hà, nhớ lại đức tốt, kính ngưỡng từ huy, kêu trời khóc đất, thương xót khôn xiết. Duy quốc gia lấy hiếu trị dân, điển lễ rất trọng, các việc nghi thức tang phục cần làm giao cho bộ Lễ kê tra điển lệ nêu rõ từng khoản bàn kỹ tâu lên chờ chỉ thi hành”.

1043. Định chế độ tang phục cho trong ngoài (Vua ở trong cung để tang 1 năm. Trang ý Thuận hiếu Thái Hoàng thái hậu trảm thôi 3 năm. Hoàng thái hậu tề thôi 1 năm. Hoàng thân triều Thiệu Trị tề thôi 3 năm. Hàng thân phiên vương triều Minh Mạng, hoàng tử và các phi tần ngự nữ triều trước (Đồng Khánh) tề thôi 1 năm. Tôn tước cùng Công tử Công tôn hàng anh chị em là con các hoàng thân vương tề thôi 5 tháng, cháu nội tiểu công 5 tháng. Tôn tước cùng Công tử Công tôn hàng anh chị em là con các thân công tề thôi 5 tháng, cháu nội tiểu công 5 tháng. Trường công chúa triều Thiệu Trị tề thôi 1 năm. Thái trưởng công chúa triều Minh Mạng, công chúa hoàng nữ triều trước, công chúa hoàng nữ triều Cung tông tề thôi 5 tháng, các phi tần trong đại nội cùng phi của hoàng đệ tề thôi 5 tháng. Con trai con gái của hàng Trường công chúa triều Thiệu Trị tiểu công 5 tháng, phủ thiếp của các hoàng thân tề thôi 5 tháng. Ấn quan văn vũ từ Tứ phẩm trở lên tề thôi 3 tháng, Tứ phẩm trở xuống trong 3 tháng phàm có ai tới chỗ tang thờ thì chít khăn trắng mặc áo đen 3 tháng là thôi. Mệnh phụ cũng tang phục theo như chồng. Đề đốc, Phủ doãn, Phủ thừa phủ Thừa Thiên cùng Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chánh, Án sát, Tuyên phủ, Lãnh binh các tỉnh miễn chế tang phục, nhưng đến ngày ninh lăng thì chít khăn vải trắng mặc áo đen đặt hương án vọng bái. Trong 3 tháng nếu phụng chỉ tới kinh thì cho chế tang phục như quan ở kinh, trở về lý sở thì thay, vẫn chít khăn trắng 3 tháng thì thôi. Người tôn thất ai phải chịu tang thì chiếu theo thế thứ mà chế tang phục, nếu làm quan thì chiếu theo phẩm hàm mà chế tang phục. Nữ quan thái giám lão tỳ hầu hạ ở cung Gia Thọ đều tề thôi 1 năm. Họ Phạm ở thôn Tân Niên Đông ai phải chịu tang thì theo lễ chế tang phục. Quan chức văn vũ thị hầu thường ngày đều dùng khăn đen áo đen 3 năm. Cấm dùng quần áo màu tía màu hồng, âm nhạc ca xướng trong 6 tháng, cưới gả thì quan viên văn vũ từ Tam phẩm trở lên trong 3 tháng, trở xuống trong 1 tháng, quân dân trong 15 ngày. Phàm gặp việc quân, việc tế tự cùng các việc xuất sai. thí trường, tuyển trường thì cho mặc cát phục làm việc. Việc vọng bái tại hành cung các địa phương cho miễn trong 3 tháng).

1044. Ngày Tân sử (ngày 6), đặt án cúng ở cung Gia Thọ, mỗi ngày tế điện ba lần. Hôm ấy tế điện buổi sáng, vua đích thân tới làm lễ, trở đi sai tôn tước luân phiên làm lễ.

1045. Các quý đại thần Toàn quyền, Khâm sứ cùng Thống sứ, Phó soái Nam Bắc hai kỳ và Công sứ Giám mục cùng quan Thông binh các tỉnh được tin quốc hiếu đều gởi thư tới viếng, do Cơ mật viện tâu lên.

1046. Sai Thượng thư lãnh Tham tri bộ Binh Nguyễn Văn Thịnh sung Đồng lý Tang nghi, Thống chế Nhị vệ kinh binh Đỗ Văn Lợi sung Phó Đồng lý, nguyên Chương vệ thị hầu cung Gia Thọ sung Tham biện.

1047. Ngày Nhâm tuất (ngày 27) xây dựng sơn lăng. Trước là trong niên hiệu Tự Đức đã kính xây thạch thất huyền cung và thành gạch ba mặt trong Vạn niên đại cát cục bên trái Xương lăng (ở sơn phận xã Cư Chính huyện Hương Trà), đều đã xây xong, đến lúc ấy sai Thống chương Nhất vệ kinh binh Hồng Đơn chỉnh lý đôn đá giương đá và tường thành, tuân chiếu quy thức lăng Hiếu Đông mà làm.

1048. Bố chánh Phú Yên Phan Huy Quán có tội (trước sung Chủ khảo trường Bình Định đổi phê vào quyển thi, kể lo việc xây thành mới Phú Yên chi không tiền nhân công) triệt hồi tra xét. Sau bề tôi Cơ mật viện nghĩ xin giáng bốn cấp rồi chức, không được bổ dụng nữa, theo như lời xin.

1049. Đình đặt chức Giáo thụ phủ Tương Dương vì hạt ấy học trò thừa thớt (Tương Dương thuộc tỉnh Nghệ An).

1050. Tặng phu nhân của quan năm Tổng thủy binh nước Hòa Lan Xu Danh (1) một tấm kim bội (về sau thay đổi kiểu thức bằng cấp kim bội, là vâng theo ý chỉ của Trang ý Thuận hiếu Thái Hoàng thái hậu).

(1) Nguyên bản viết là “Xu Danh”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Hòa Lan.

1051. Tháng 5. Đem ngày ninh lăng bố cáo cho trong ngoài

1052. Sai Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hộ sung Cơ mật viện đại thần Trương Như Cương sung làm Tổng hộ Chánh sứ, Đô thống phủ Đô thống Tả quân kiêm chương Tứ vệ Lê Phú Ân, Đô thống phủ Đô thống kiêm chương Ngũ vệ Nguyễn Tất Trung làm Phó, Thống chế kiêm chương Cửu vệ Lê Cơ, Thự Chương vệ kiêm chương Tam vệ Nguyễn Hữu Thứ sung Đề đốc Thủy đạo tiền hậu, Thống chế kiêm chương Tứ vệ Nguyễn Viết Hữu, Thự Chương vệ kiêm chương Cửu vệ Nguyễn Giao sung Đề đốc Lục đạo tả hữu, những việc lúc đi đường cho theo hiệu lệnh của Tổng hộ sứ đốc suất các quân thủy bộ bày theo đội hình cho được tề chỉnh.

1053. Ngày Giáp tuất (ngày 10) dâng tôn thụ cho Đại hành Từ dữ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu là Nghi thiên Tán thánh Từ dữ Bác huệ Trai túc Tuệ đạt Thọ đức Nhân công Chương hoàng hậu. Lúc đầu vua dụ Tôn nhân và đình thần văn ban rằng “Đức lớn ắt được nêu danh, tôn thân gọi là chí hiếu, nên đế vương từ xưa coi trọng nghi thức hiếu phụng ắt có tôn thụ huy xung để rõ ràng muôn thuở, là điều lớn nhất trong điển lễ vậy. Kính nghĩ Thánh tăng tổ mẫu Đại hành Từ dữ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu ta hiền tinh giáng tử, ngọc thẳng ngưng tường. Giúp đỡ Hiến tổ Chương hoàng đế ta bảy năm trị bình, công sánh Đồ Sơn giúp Hạ, mở cho Dục tông Anh hoàng đế ta ba kỷ cơ nghiệp, đức ngang Văn mẫu hưng Chu. Gặp khi vận nước gian nan, toàn cậy công thánh trừ hoạch, miếu xã nhờ đó bảo toàn, trong ngoài nhờ đó yên ổn. Đức Khôn điềm tốt @, hoàn vũ đều hay nhân ái, cung Dao ngôi cao chót vót, lân bang thấy trọng dung nghi, công nào to như thế, đức nào cao như thế. Trẫm còn ấu thơ kế thừa nghiệp lớn, tài sơ đức bạc chỉ e không gánh vác nổi, quả thật ngẩng nhờ thánh từ khích lệ giúp đỡ mới có sự tốt đẹp ngày nay. Ân hoài nhụ mộ kiên thức mẫu nghi, hợp ước nguyện tôn thân của trăm họ bày tỏ sự tốt đẹp của một người, năm thứ 1 trẫm lên ngôi đã cử hành điển lễ long trọng, đích thân suất lĩnh quần thần kính bưng kim sách dâng thêm tôn hiệu bổ cáo trong ngoài để lưu lại đến vô cùng. Đến năm thứ 11 kính gặp dịp cửu tuần đại khánh tiết, ngũ đại đồng đường, đang mong tuổi thọ thêm dài, mặt tiên vui vẻ. Ngờ đâu @ ngày 5 tháng này linh giá thẳng hạ, vin gào chẳng kịp, đau thương khôn xiết, nhớ lại đức lớn nhân cao vốn ca tụng không phải hết được nhưng tỏ hay truyền đẹp thì báo đáp là việc đương nhiên. Nghĩ việc gia hiệu tôn sùng là điển lễ rất lớn, đưa ra công luận cho nghị luận đồng lòng, sai Phủ Tôn nhân đình thần kê tra điển lễ, kính cẩn soạn thuật thế nào để biểu dương điều sáng, dâng thêm tôn hiệu tâu lên, trẫm sẽ ghi vào kim sách dâng lên án thờ, ngõ hầu tỏ chút thành ý luyện chiêm@ mà truyền mãi tiếng hay cho vạn thuở”. Tôn nhân đình thần xin kính cẩn chiếu theo lời nghị dâng tôn hiệu cho Thuận thiên Cao hoàng hậu trong niên hiệu Thiệu Trị nghĩ bàn, vua cho theo lời. Bèn sai quan tể cáo với miếu điện và hai đền Đức quốc công, đền Tích Thiện, hôm ấy đích thân suất lĩnh quần thần tới trước án thờ bưng kim sách kim bảo dâng lên. Lời sách nói “Thần nghe: Có đức lớn trong thiên hạ thì nhận danh lớn trong thiên hạ. Từ xưa long hiếu phụng chi thành tất đương hậu tôn sùng chi điển. Kính nghĩ Thánh tăng tổ mẫu Từ dữ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu bệ hạ: Mai cương un nét đẹp, kim khâu (1) hiện điềm lành. Giúp đỡ Hiến tổ Chương hoàng đế ta bảy năm trị bình, mở cho Dục tông Anh hoàng đế ta ba kỷ cơ nghiệp. Gặp lúc gió mây biến đổi, vận trù lặng lẽ một lòng, mạc nhiên non nước cao trong, thiếp thái tư đồng bốn biển. Biểu nghi thiên chi cảnh thức, hậu tái hàm hoẵng, mậu tán thánh chi phương hình, hóa nguyên thuần bị. Từ tường vi đức dụ ngã hậu nhân, bác ái cư tâm huệ phu tử tính. Bá huy âm vu lương thất, mỹ côn tư trai, tiêu hồ phạm ư nội đình, nghi đoan ủng túc. Tuệ tính lạc quan thư sử, từ huấn lục thành, đạt quyền ứng chức thời nghi, triều cương tái chấn. Năm đời cùng nhà, cửu tuần tấn thọ, đức ắt được thôi, lợi thi xã tắc, nhân tới nước nhà, công nói cao vậy. Sóc tất khánh chung tường chi sở tự, cảm mộ hà cùng, ngẩng thánh đức chí thiện chi nan vong, tụng dương yết ký. Tái kê di điển. bàng thái thêm mưu, viên kính tâu lên Trang ý Thuận hiếu Thái Hoàng thái hậu cung Trường Ninh, Hoàng thái hậu cung Từ Nghi chi dụ kính chọn ngày lành xin mệnh với liệt miếu cáo tế trước án cúng, đích thân suất lĩnh Phủ Tôn nhân đình thần văn vũ kính bưng kim sách kim bảo truy dâng tôn hiệu là Nghi thiên Tán thánh Từ dữ Bác huệ Trai túc Tuệ đạt Thọ đức Nhân công Chương hoàng hậu. Kính nghĩ đức lớn đúng danh hay, tiếng thơm nên hiệu sáng. Linh thông có miếu, đủ linh sáng suốt ngàn năm, mãi phát điềm lành, tích phúc dài cho vạn thuở”. Hôm sau ban ân chiếu cho trong ngoài.

(1) *Kim khâu*: cúc áo bằng vàng. Sử triều Nguyễn chép dưới đời vua Minh Mạng bà Nghi thiên Chương hoàng hậu và Lê phi con gái Kinh Môn quận công Nguyễn Văn Nhơn cùng được chọn vào cung hầu hạ hoàng thái tử Miên Tông (tức vua Thiệu Trị về sau). Có lần vua Minh Mạng ban cho mỗi người một cái áo thêu hoa, bà Thuận thiên Cao hoàng hậu vợ vua Gia Long bèn sai nữ quan ban thêm cho mỗi người một chiếc cúc áo vàng, một chạm hình chim phượng, một chạm hình cảnh hoa nhưng phong kín lại, khấn rằng ai nhận được chiếc cúc chạm hình con phượng sẽ sinh con trước. Bà nhường Lê phi lấy trước, khi mở ra thì bà được chiếc cúc chạm hình con phượng, qua năm sau quả nhiên liền tiếp sinh hai công chúa, nội cung triều Nguyễn coi là ứng với điềm lành.

(2) *Linh thông có miếu*: nguyên văn là “Lai cách hữu miếu” lấy chữ trong *Kinh Dịch*, quẻ *Trạch Địa Tụy*, phần *Soán từ* “Tụy hanh, vương cách hữu miếu” (Tụy, hanh, vương làm cảm động thần linh ở tôn miếu), đây chỉ việc được cúng tế ở tôn miếu nói chung.

1054. Ngày thánh đàn cung Gia Thọ (ngày 19), sai hoàng thân công làm lễ trước án cúng như lúc còn sống.

1055. Ngày Bính tuất (ngày 22) kính cẩn cử hành đại lễ ninh lăng. Trước đó sai quan tể cáo với miếu điện và hai đền Đức quốc công, đền Tích Thiện, sai hai viên đại thần văn vũ (đại thần quản lĩnh Thị vệ Phạm Bính, Thống chế Lê Mậu) Lưu kinh. Ngày Đinh sửu (ngày 13) vua mặc áo tang chống gậy đích thân suất lĩnh quần thần tới án cúng làm lễ khải cáo. Ngày Quý mùi (ngày 19) đề thần vị ở thái điện tôn cung, hôm ấy khải cáo trước án cúng. Hôm sau hữu ty phóng bảy tiếng pháo, linh giá ra cung Gia Thọ, vua đi bộ đưa tới điện cỏ Chương Đức thì lên xe (đều sơn màu xanh) theo sau, Hoàng thái hậu ngự kiệu mềm tới ngự chu trước kính chờ linh giá. Tới bên Nam Môn ngoài kinh thành lên thuyền theo đường thủy đi, ngày 21 tới Cư Chính lên bộ. Đến giờ Canh dần hôm ấy kính an huyền cung bên trái Xương lăng, kính dâng tên lăng là Xương Thọ, kính an thánh vị ở điện Lương Khiêm trong Khiêm lăng, là theo di chúc của Dục tông Anh hoàng đế (giờ Tân mao hôm ấy làm lễ sơ ngọ, ngày Kỷ sửu

làm lễ tái ngu, ngày Nhâm thìn làm lễ tam ngu, ngày Quý tỵ làm lễ tứ ngu, ngày Bính thân làm lễ ngũ ngu, ngày Kỷ Hợi làm lễ lục ngu, ngày Giáp thìn làm lễ thất ngu, ngày Đinh mùi làm lễ bát ngu, ngày Mậu thân làm lễ cử ngu, ngày Canh dần 20 tháng 6 làm lễ tốt khốc. Từ ngày khai điện đến ngày tế đàn, Thái Hoàng thái hậu, Hoàng thái hậu, phi tần triều trước, phi tần trong đại nội, hoàng thân quốc thích, quan viên trong kinh ngoài tỉnh và Quý hương Quý huyện đều nói nhau cung tiến lễ phẩm).

1056. Đồi Ôn Khiêm đường làm Ôn Khiêm điện. Lúc đầu vâng ý chỉ của Trang ý Thuận hiệu Thái Hoàng thái hậu tới Vạn Niên trước chờ xong lễ ninh lăng sẽ ở lại Ôn Khiêm đường. Vua mấy lần xin ngự giá về lại cung Gia Thọ để tiện sớm tối viếng thăm nhưng ý chỉ không chuẩn, bèn dời làm điện để làm nơi trú tất. Kê đồi cung Gia Thọ làm cung Ninh Thọ, để Hoàng thái hậu trú tất.

1057. Lấy Thái tử Thiệu bảo Hiệp biện đại học sĩ sung Cơ mật viện đại thần Khâm sai Tổng đốc Nam Ngãi Nguyễn Hữu Thăng đời lãnh Thượng thư bộ Hình vẫn sung hàm như cũ, Tuần phủ Hà Tĩnh Tôn Thất Hân thăng Thượng Tổng đốc Nam Ngãi, Thị lang bộ Hộ Tôn Thất Đạm thăng Tuần phủ Hà Tĩnh.

1058. Chuẩn cho Hiệp biện đại học sĩ lãnh Tổng đốc Định Ninh hưu trí Trần Lưu Huệ thăng Đông Các đại học sĩ vẫn trí sĩ như cũ. Lưu Huệ làm quan đã lâu, năm trước quyền giữ chức Bắc Kỳ Kinh lược đại sứ cũng rất vất vả, nên đặc biệt ân thưởng cho.

1059. Tháng 6. Sai Quốc sử quán biên soạn sách *Đại Nam Chính biên Liệt truyện nhị tập* (các bề tôi từ Thừa Thiên trở ra bắc do Văn Minh điện đại học sĩ Vĩnh Trung từ đã trí sĩ Nguyễn Trọng Hợp tập hợp biên soạn, các bề tôi từ Thừa Thiên trở vào nam do bề tôi Quốc sử quán tập hợp biên soạn, là theo lời xin của Văn Minh điện đại học sĩ Vĩnh Trung từ đã trí sĩ Nguyễn Trọng Hợp).

(1) Nguyên bản chép là “Chính biên Liệt truyện đệ nhị tập”, ở các điều 1243, 1642, 1722 thì chép là “Chính biên Liệt truyện nhị tập”, đều là “Đại Nam Chính biên Liệt truyện nhị tập”, trong bản dịch này chúng tôi nhất loạt dịch thống nhất như trên.

1060. Kính cẩn tu sửa Triệu miếu, Thái miếu. Sai Thống chương Lê Mậu, Đỗ Hữu Lợi sung Đồng lý (Mậu làm Đồng lý tu sửa Triệu miếu, Hữu Lợi làm Đồng lý tu sửa Thái miếu). Đến tháng 2 năm thứ 19 hoàn thành (chi hơn 16.000 đồng).

1061. Truy tặng tước phong thụy hiệu cho tổ tiên bốn đời của Thoại Thái vương phi có thứ bậc khác nhau (Cha là nguyên Tuần phủ Trị Bình Lê Trường Danh truy tặng Tư Thiện đại phu hàm Thượng thư Tuy Viễn hầu thụy Đôn Mục, chính thất Phạm Thị Bích là Đao nhân thụy Huy Trinh. Ông là Phụng nghị đại phu Lê Trường Kỳ truy tặng Gia Nghị đại phu Hàn lâm viện Chương viện học sĩ Phú Phong bá thụy Đôn Trang, chính thất Nguyễn Thị Khang là Lệnh nhân thụy Trinh Thục. Ông tặng tổ là Lê Trường Tô truy tặng Trung thuận đại phu Hàn lâm viện Thị độc học sĩ Phúc Tích tử thụy Thuần Nhã, chính thất Nguyễn Thị Chu là Cung nhân thụy Trinh Nhân. Ông cao tổ là Lê Trường Yêu truy tặng Phụng nghị đại phu Hàn lâm viện Thị độc Chính Lộc nam thụy Đao Trực, chính thất Lê Thị Tây là Nghi nhân thụy Nhu Thục).

1062. Mùa thu, tháng 7. Định lại kỳ ra triều như cũ (ngày 1 và ngày 15 mỗi tháng). Vì tang lễ tạm đình, đến lúc ấy lễ ninh lăng đã xong nên lại khôi phục.

1063. Đặt đàn chay ở chùa Thiên Mục, tụng kinh bảy ngày bảy đêm. Sai Tham tri bộ Binh Nguyễn Văn Thịnh sung Đồng lý, Thống chế Nguyễn Viết Hữu làm Phó.

1064. Bắt đầu đặt chức Huân đạo ở huyện Hoài Ân tỉnh Bình Định.

1065. Vua sắc sai phủ Thừa Thiên nạo vét đường nước nguồn Tả Trạch (từ ghềnh Hộ tới suối Nước Nóng) để tiện cho ngự chu qua lại, chỗ suối Nước Nóng tạm dựng nhà tranh để kịp lần này ngự giá ra uống rượu. Khâm sứ đại thần Auvergne vì chỗ ấy nguy hiểm, lại có nhiều thú dữ ra vào, lâm thời ngự giá tới đó uống rượu e có chuyện đáng lo ngại, lập tức đích thân tới Cơ mật viện bàn tâu xin đình lại, việc ấy bèn chìm đi.

1066. Tháng 8. Đặt chức Bang biện ở xứ Trà My tỉnh Quảng Nam, lấy Hậu bổ Đặng Xuân Huy sung chức ấy. Xứ ấy địa thế heo lánh xa xôi, phạm có công vụ thì huyện viên đốc sức không xuể, Tòa Công sứ bàn đặt một viên Bang biện để tiện công vụ. Bộ Lại tâu lên, chuẩn cho thi hành.

1067. Bắt đầu cấp mũ áo Thất phẩm cho Phó bảng tân khoa (1 mũ Đông Pha, 1 áo giao lãnh, 1 quần xanh cùng hốt khăn giày tất đầy đủ), lại cấp cho ngựa trạm về thăm nhà, lấy đó làm lệ mãi mãi, là theo lời xin của Hiệp biện đại học sĩ Cao Xuân Dục.

1068. Khâm sứ đại thần Auvergne bàn nói gần đây nghe nói nhân dân có người đồn bậy việc trong cung, tức như gần đây Dương thị trong nội cung mất mạng có thật hay không, là thế nào mà đến nỗi có lời đồn, e có chỗ quan ngại tới chuyện thấy nghe. Xin trở đi trong đại nội từ cung giai tới nữ quan thị tỳ ai bị bệnh nặng qua đời xin ban sắc cho bề tôi Thị vệ xứ báo qua Cơ mật viện bàn bạc cho biết, đại thần sẽ mang quan thầy thuốc vào thăm khám, việc xong giao cho người nhà (1) chiếu lệ tống táng, nếu ai đồn bậy sẽ bắt trị tội nặng. Bề tôi Cơ mật viện cho rằng lời bàn của Khâm sứ đại thần là muốn cẩn thận chuyện cung vi mà dứt lời đồn đãi bèn tâu lên, theo như lời tâu.

(1) Nguyên bản chép là “bình an gia”.

1069. Tháng 9. Khâm sứ đại thần Auvergne tư nói quân canh ở các cửa trong hoàng thành ít ỏi thừa thớt trong đó cửa Hòa Bình là đáng lo ngại nhất, nên nghiêm sức lập tức đóng cửa ấy (Hòa Bình). Bề tôi Cơ mật viện cho rằng lời bàn ấy là muốn việc canh phòng được cẩn mật bèn tâu lên, chuẩn cho thi hành. Lại xin do Thị vệ xử chức lượng phải lính tập trong đại nội canh giữ cửa Chương Đức để tránh sơ sót, theo như lời tâu.

1070. Khâm sứ đại thần Auvergne tư nói Công sứ tỉnh Thanh Hóa tư về việc lấy Ba Phan con của Pha Nha đã quá cố bổ làm quan viên người Man, giữ chức Pha gà (1). Người ấy hiện còn nhỏ tuổi (16 tuổi), xin cho tặc trưởng tộc ấy là Thao Man quyền giữ chức, chờ Ba Phan trưởng thành sẽ giao lại. Bộ Lại tra cứu trước đó chưa có chức ấy nhưng nay Tòa sứ có lời tư ấy bèn bàn bạc tâu lên, chuẩn cho như lời xin, để tỏ rõ ý coi mọi người đều như nhau.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “gà” (*điều + ca*), chưa rõ là chức gì.

1071. Mùa đông, tháng 10. Toàn quyền đại thần Doumer tới kinh cùng các quý đại thần Thượng nghị viện vào cung yết kiến, sai đãi yến ở Tả vu.

1072. Thân định quy cách gỗ đốn hạ (trở đi phạm gỗ lim, gỗ cà ổi, gỗ dổi, gỗ gu, gỗ trắc, gỗ thông ở sơn phận 13 phủ tỉnh đạo cây nào cao ngang đầu người, đường kính không đầy 4 tấc Tây thì cấm đốn hạ, nhưng cho đốn những cây mà vỏ lõm vào trong gỗ thành hình vòng không gọi là cây gỗ. Tới như gỗ dâu (1) thì bất kể hạng nào cũng cấm không cho đốn hạ. Phạm gỗ dài chặt cưa ra nhiều đoạn phải khắc rõ thứ tự từng đoạn, gập lúc thì nổi lại để tiện kiểm tra. Phạm người muốn lên núi hạ gỗ do quan phủ tỉnh đạo bàn với Trú sứ cấp cho giấy phép, lại sức nạp tiền ký quỹ, phải nạp bao nhiêu thì do quan tỉnh và Trú sứ nghĩ định. Nếu ai phạm lệ cấm thì tịch thu số tiền ký quỹ ấy vào kho quan, thu hồi giấy phép, những gỗ cấm hạ trái lệ thì sức thu phát mãi nạp vào công khổ, còn những loại gỗ khác (không phải những danh mộc kể ở trên) thì đều như lệ cũ cho đốn hạ để dùng. Những gỗ mà dân trong núi làm nghề hầm than đốn hạ đều thuộc loại gỗ tạp thì cho tự tiện sinh nhai, không thuộc lệ cấm, cũng miễn việc cấp giấy phép và nạp tiền án quỹ). Trước đã chuẩn định điều lệ đốn hạ gỗ cho các tỉnh Thanh Hóa Nghệ An Hà Tĩnh (tháng 8 năm thứ 10), đến lúc ấy lại thân định.

(1) Nguyên bản viết các loại gỗ nói trên theo thứ tự là “thiết mộc, ca ôi mộc, lỗi mộc, cụ mộc, trắc mộc, tùng mộc”, “du mộc”, có một số là chữ Nôm.

1073. Đặt thêm hai dịch trạm Nam Qua, Nam Cẩm ở tỉnh Quảng Nam (vì tỉnh ấy và Tòa sứ Hội An cùng Sở Điện báo phát đệ công văn hàng hóa quá bận rộn).

1074. Định lệ tra xét kết án lúc quan tỉnh phủ huyện bị mất trộm. Trở đi phạm huyện viên bị mất trộm sức nã bắt được kẻ trộm thì giao cho phủ viên kiêm hạt tra xét kết án, phủ viên bị mất trộm thì giao cho Án sát ở tỉnh đường tra xét kết án, Án sát bị mất trộm thì trình với Tổng đốc Tuần phủ hội đồng với Bộ chánh tra xét kết án, Tổng đốc Tuần phủ Bộ chánh bị mất trộm thì trình với Án sát chuyên ty tra xét kết án. Lúc bấy giờ phủ viên Đức Thọ Hà Tĩnh bị mất trộm bắt được kẻ trộm chiêu lệ nghĩ xử không hề tỵ hiềm, Án sát chuyên ty không sao chính đốn cho đúng, nên bộ Hình có lời nghị ấy.

1075. Đổi các dịch trạm Hòa Hợp, Hòa Lai, Hòa Mai, Hòa Trinh, Hòa Thuận ở đạo Ninh Thuận thành Ninh Hợp, Ninh Lai, Ninh Mai, Ninh Trinh, Ninh Lăng để có phân biệt.

1076. Tháng 11. Chuẩn cho Văn Minh điện đại học sĩ quản lãnh Thượng thư bộ Lại kiêm quản sự vụ Khâm thiên giám sung Cơ mật viện đại thần Túc Liệt tướng Diên Lộc quận công Nguyễn Thân thăng thụ Cản Chánh điện đại học sĩ, Vũ Hiến điện đại học sĩ quản lãnh Thượng thư bộ Binh kiêm quản sự vụ bộ Công sung Cơ mật viện đại thần Hoàng Cao Khải thăng thụ Văn Minh điện đại học sĩ, Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hình sung Cơ mật viện đại thần Nguyễn Hữu Thăng thăng Đông Các đại học sĩ quản lãnh sự vụ bộ ấy, Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hộ sung Cơ mật viện đại thần Kinh diên giảng quan kiêm quản Đô sát viện Văn thân Phò mã Trương Như Cương tấn phong là Hiền Lương tử, Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lễ sung Cơ mật viện đại thần Huỳnh Vĩ gia hàm Thái tử Thiếu phó sung lãnh như cũ. Lúc bấy giờ Toàn quyền đại thần bàn nói các vị đại thần Cơ mật viện phần nhiều có công lao dâng tờ tâu lên, nên có mệnh ấy.

1077. Sai trích các sách *Đại Nam Liệt truyện Tiền biên*, *Đại Nam Chính biên Liệt truyện* (1), *Minh Mạng chính yếu*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* mỗi loại một bộ giao cho Tòa Khâm sứ chuyển cho Giáo hội Thượng Hải nước Thanh để tỏ ý là nước đồng văn.

(1) Nguyên bản chép gộp là “*Đại Nam Liệt truyện Tiền biên*, *Chính biên*”, đây dịch tách ra như trên. “*Đại Nam Liệt truyện Chính biên*” đây tức bộ *Đại Nam Chính biên Liệt truyện sơ tập*.

1078. Khâm sứ đại thần Auvergne về nước, Quyền Khâm sứ mới Bouulloche tới thay.

1079. Hoàng trưởng tử triều trước (tức Hoàng tông Tuyên hoàng đế) ra phủ, chuẩn trích 2.000 đồng để chuẩn bị phủ đệ. Lại trích 1.000 đồng dâng lên hoàng quý phi triều trước (tức Khôn nguyên Hoàng thái hậu hiện nay), và trích thêm 9.000 đồng chia cấp cho các hoàng thân công chúa.

1080. Miễn khoản nợ 757 đồng 5 hào mà dân nghèo hai phủ huyện Hưng Nguyên, Quỳnh Lưu Nghệ An còn thiếu (dân phủ Hưng Nguyên còn thiếu 54 đồng, dân huyện Quỳnh Lưu còn thiếu 703 đồng 5 hào).

1081. Đổi định lệ tra xét trộm cướp (trở đi phạm các phủ tỉnh và các nha môn phủ huyện tra biện các án trộm cướp ngoài kẻ phạm tội tuân chiếu lời Nghị định năm Thành Thái thứ 2 kết tội, còn các khoản về người chứa chấp tang vật nếu sơ suất thì nên coi là thủ phạm hay tòng phạm, hoặc nên giảm bậc (1 bậc), nên đánh roi (40 roi) cùng người mua tang vật biết chuyện hay không biết chuyện và người oa trữ tang vật nên chiếu luật xét tình lý mà kết án, còn lời nghị mới (người chứa chấp tang vật biết chuyện thì cùng tội với kẻ phạm tội, không biết chuyện thì giảm một bậc) thì đình việc dẫn dụng).

1082. Thân định lệ xét xử tội trộm cắp trâu ngựa (1). Trở đi phạm một khoản trộm cắp trâu ngựa của dân và của quan tuân chiếu lời Nghị định năm Thành Thái thứ 2 xử tội (tính tang vật trộm cắp trâu ngựa thì đình việc tính tang vật trộm cắp hoa lợi trong ruộng trong vườn, gỗ đá trên núi trên đồng, tính tang vật trộm cắp từ 5 tiền trở lên nếu là tài sản của dân thì chiếu lời nghị mới năm nay, nếu là tài sản của quan thì chiếu lời nghị năm Minh Mạng thứ 12 về tội trộm cắp kho tàng ở kinh thành giảm bậc kết tội), còn các khoản trộm cắp những súc vật khác và hoa quả thóc lúa gỗ đá trong vườn ngoài ruộng và những tội phải tính toán tang vật, trộm cắp vật gì thì chuẩn cho khép tội trộm cắp vật ấy vẫn theo lời nghị thay đổi năm thứ 5 (khoản phải chiếu luật nguyên lệ biện lý thì lời nghị mới đình bỏ) mà biện lý. Lúc bấy giờ các vụ án trộm cắp trâu ngựa xảy ra ở các tỉnh, quan địa phương chiếu theo lời nghị mới năm Thành Thái thứ 5 khoan hồng xử tội, đến nỗi liên tiếp làm quan dân bị thiệt hại, Khâm sứ đại thần bàn tới nên có lời chuẩn ấy.

(1) Nguyên bản chép là “Thân định đạo ngư mã lệ”.

1083. Trích các xã thôn ở huyện Lê Thủy tỉnh Quảng Bình (Thủy Trung, Thủy Tú, Thủy Càn, Cháp Lễ, Hoàng Công, Mỹ Duyệt, Thất Luật, Yên Vũ) sáp nhập vào huyện Vĩnh Linh tỉnh Quảng Trị, vì địa thế nối liền.

1084. Tháng 12. Bắt đầu đặt huyện Tân Quan đạo Ninh Thuận (sở Lâm Viên đạo ấy có nhiều Man đình, địa thế dài rộng, Quản đạo Nguyễn Văn Thụy xin đặt riêng làm một huyện để tiện quản trị, cho như lời xin. Lại lấy Man trưởng thứ nhất tên Nhú (1) làm Tri huyện, Man trưởng thứ hai tên Ý (2) làm Bang biện, chế cấp kiểm ký để làm việc).

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “*thủ + nhu*”.

(2) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “*thủ + ý*”.

1085. Lại cắt giảm nhân viên các bộ nha (ba bộ Hộ Bình Công Biện lý đều 1 người, bộ Hộ Viên ngoại 1 người, bốn bộ nha Lại Bình Công và Phủ Nội vụ Chủ sự đều 1 người, ba bộ Lại Hộ Bình Tư vụ đều 1 người, bộ Công Tư vụ 3 người, Thương trường Tư vụ 1 người, Phủ Nội vụ Tư vụ 2 người, bộ Hộ Bát phẩm 3 người, bộ Bình Bát phẩm 1 người, bộ Công Bát phẩm 3 người, Thương trường và Phủ Nội vụ Bát phẩm đều 1 người, bộ Hộ Cửu phẩm 3 người, bộ Bình Cửu phẩm 1 người, bộ Công Cửu phẩm 4 người, Thương trường và Phủ Nội vụ Cửu phẩm đều 2 người, bộ Hộ thư lại 4 người, bộ Bình thư lại 3 người, bộ Công thư lại 7 người, Thương trường thư lại 2 người, Đô sát viện Chương án 1 người. Ngự sử 2 người, Quốc sử quán Thu chương 2 người, Đăng tả 1 người, Biên tu một người).

1086. Thân định thuế chợ (chia làm 4 hạng, mỗi tháng hạng nhất 5 đồng, hạng hai 3 đồng, hạng ba 2 đồng, hạng tư 1 đồng). Lúc bấy giờ người Nam người Thanh nhiều kẻ xin với Phủ Toàn quyền và Tòa sứ xin trưng thuế chợ các tỉnh, nhưng người lãnh trưng mưu lợi thu thêm nên lại nảy sinh chuyện bất tiện. Khâm sứ đại thần nghĩ thông tư cho quan lại thương nhân và Trú sứ các tỉnh đạo xem xét chia hạng các chợ trong hạt định mức thu, vẫn cho chức dịch sở tại hội đồng lãnh nạp. Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành.

1087. Đặt lại Tam pháp ty. Lệ trước đặt Tam pháp ty (bộ Hình, Đô sát viện, Đại lý tự) thu nhận đơn tố cáo trong kinh ngoài tỉnh. Năm Thành Thái thứ 12 giảm bớt, nhân dân nếu bị oan uổng gởi đơn tố cáo hoặc tới Cơ mật viện hoặc tới hai bộ Hộ Hình, rất không thống nhất. Đến lúc ấy Cơ mật viện tâu xin đặt lại như cũ, bèn chuẩn cho. Lấy lãnh Tham tri bộ Lễ Trần Chí Tín sung Đại lý tự khanh, phạm có việc thì hội đồng với bộ Hình và Đô sát viện chiếu lệ trước mà làm để giữ chế độ cũ.

1088. Định lại lệ Nha Hộ thành tuần phòng kiểm soát (bản trích 50 quân, 1 Quản cơ, 4 Suất đội trong Nha Hộ thành chức lượng đặt trạm chia ra ở đó, ban ngày chỉnh lý đường sá trong thành, ban đêm theo địa phận tuần phòng kiểm soát, do Đề đốc kiêm trông coi, nếu về sau có hỏa hoạn mất trộm thì chiếu nguyên lệ xử phân). Lệ trước nay trong kinh thành đều thuộc Nha Hộ thành tuần phòng kiểm soát chỉnh lý, mỗi cuối quý theo lệ có xử phân, về sau vì có việc đình bãi, việc tuần phòng bỏ bê, nên Cơ mật viện tâu xin đặt lại.

1089. Sai bộ Công tu bổ xây dựng đường sá trong kinh thành (đường từ phía sau Quốc sử quán tới cổng trường Canh nông dài 871 thước Tây, chi tiền 746 đồng 9 hào, lại đường từ cửa đông nam kinh thành tới nhượng thổ ở Cầu Đá (1) 1.712 thước Tây, chi tiền 2.311 đồng 2 hào).

(1) Nguyên bản chép là “Thạch kiều”.

1090. Dời huyện Can Lộc (thuộc Hà Tĩnh) tới xã Thổ Vượng tổng Độ Liêu. Huyện lỵ ấy vốn đặt ở xã Ngoại Can Lộc tổng Nội Ngoại, địa thế hẻo lánh vắng vẻ nên chuẩn cho dời đi.

1091. Tuần phủ tỉnh Quảng Ngãi Huỳnh Côn tâu nói 2 tổng Bình Châu, Bình Điền trong tỉnh đình điền đều nhiều, địa thế trải dài, xin trích 15 xã thôn thuộc 2 tổng ấy đặt thêm tổng Hòa Bình để tiện công vụ, cho như lời xin.

1092. Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lễ Huỳnh Vĩ vì lớn tuổi (66 tuổi, làm quan liên tục hơn 30 năm) xin về hưu, không chuẩn vì Khâm sứ đại thần Auvergne bàn nên lưu lại.

Quyển 14

1093. Năm Nhâm dần Thành Thái thứ 14 (1902 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng, ngự giá Bắc tuần. Lúc đầu là Khâm sứ đại thần Auvergne bàn nói Toàn quyền đại thần Doumer từng mời vua ngự giá ra Hà Nội quan lâm, bèn sai hữu ty tuân nghĩ những nghi thức cần làm, tham chiếu lệ ngự giá Nam tuần năm Thành Thái thứ 9 mà làm (chuẩn cho Hoàng Trị quận công Hồng Tố, Cơ mật viện đại thần Trương Như Cương, Huỳnh Vĩ, Hiệp biện đại học sĩ Cao Xuân Dục, Đô thống Lê Phú Ân, Nguyễn Tất Trung đều sung Lưu kinh đại thần, An Xuyên quận vương Miên Phương sung Hộ giá thân thần, Văn Minh điện đại học sĩ Hoàng Cao Khải, Đông Các đại học sĩ Nguyễn Hữu Thảng đều sung Hộ giá đại thần, Quyền Khâm sứ đại thần Bouloche cũng cùng hộ giá. Lại trích các hạng kim khánh kim tiền kim bội và 10.000 đồng trong Phủ Nội vụ để dự bị tặng cấp). Ngày Tân mùi (ngày 10) xa giá ra đi từ kinh sư (đáp tàu máy Thuận An tới bến Cao Đồi. Ngày 11 theo đường bộ tới Đà Nẵng lên tàu máy Tra Các Tô (1). Ngày 15 tới Hải Phòng. Ngày 17 ngự xem duyệt binh, chiều hôm ấy đi tàu máy tới Hà Nội, Ngày 18 mở Thượng Hội nghị cục. Ngày 21 theo đường xe lửa mới làm từ Hà Nội trở lại Hải Phòng). Ngày Giáp thân (ngày 23) hồi loan, sai Cơ mật viện làm thư cảm tạ các đại thần Toàn quyền và Khâm sứ, lại thưởng các bề tôi hộ tống và quan viên Bắc Kỳ nhiều ít khác nhau.

(1) Nguyên bản viết là “Tra Các Tô”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1094. Sai sứ thông hiếu với nước Đại Pháp. Trước là năm Thành Thái thứ 12 thành Bordeaux (1) nước Pháp mở hội Đấu xảo, vua định ngự giá qua xem hội, nhưng vừa gặp lúc cung Gia Thọ không khỏe nên không đi được. Bèn ban sắc nói “Nay nghe đến kỳ Đấu xảo, Diên Lộc quận công Nguyễn Khanh vâng lệnh tới thành Paris, cho bề tôi Cơ mật viện soạn quốc thư thăm hỏi quý Giám quốc nói hội Đấu xảo vốn có tiếng là hội lớn, trẫm muốn qua thăm để tiện quan lâm nhưng nghĩ cung Gia Thọ xuân thu đã cao, gần đây lại nhiều lần không khỏe, trong lòng không yên nên chuyến này ủy nhiệm cho đại thần ấy thay mặt, cũng như trẫm đích thân tới”. Đến lúc ấy chuẩn cho Cần Chánh điện đại học sĩ Nguyễn Thân sung Như Tây Khâm mệnh đại thần, Tham tri bộ Hình sung Thượng biện Cơ mật viện Nguyễn Hữu Bài sung biện sự vụ đạo Khâm mệnh cùng thuộc viên tùy tùng sứ bộ (Viên ngoại Tôn Thất Trám, Chủ sự Nguyễn Văn Hiến sung từ hàn, Tri huyện Nguyễn Văn Phương, Âm tử Nguyễn Văn Đông sung thông dịch) mang quốc thư (đại lược nói “Hạ quốc đội ơn được che chở đã lâu, biên thùy yên ổn, triều dã thanh bình, và lại vài năm nay nhờ có quý Tổng thống Đông Dương Toàn quyền đại thần Doumer có lòng giúp đỡ, được ích lợi thật rất nhiều, ân đức thương người nhỏ giữ nước còn không chỉ cảm tạ chuyện đã qua mà còn nhờ cậy trong tương lai nữa. Từ khi quý Giám quốc nhiếp chính quả nhân từng gởi thư đệ đạt nhưng chưa được đích thân vái chào, năm trước thành Bordeaux của quý quốc mở hội Đấu xảo, quả nhân nghĩ muốn tới dự hội, gần gũi tôn nhan, nhưng ngẫu nhiên vì cung Gia Thọ không khỏe, kể gặp quốc tang nên không đi được. Nay kính cần ủy nhiệm Phụ chính đại thần Cần Chánh điện đại học sĩ quản lãnh bộ Lại sung Cơ mật viện đại thần Túc liệt tướng Diên Lộc quận công Nguyễn Thân là quốc thích nguyên huân khâm mệnh đại diện mang theo Tả Tham tri bộ Hình Thượng biện Cơ mật viện Nguyễn Hữu Bài sung biện sự vụ đạo Khâm mệnh mang quốc thư và phẩm vật qua thượng quốc kính thăm quý Giám quốc điện tiền cùng phụng tặng biểu tạ hữu để tỏ ý khản khoản. Quả nhân sẽ chờ dịp khác tới thượng quốc gặp gỡ tôn nhan để tỏ ý mong mỏi”) và phẩm vật qua thông hiếu (Chuyến đi ấy của sứ bộ phẩm tất cả những việc cần làm đều tham chiếu điển lệ tiện nghi hành sự. Lại chuẩn ban cấp các hạng quần áo tiền bạc cùng chuẩn cấp thêm tiền bạc nhiều ít khác nhau. Những chi phí cần dùng đi lại ăn ở thì trích tiền ở Phủ Nội vụ sung biện). Đến tháng 4 năm ấy sứ bộ trở về, đem mọi việc sứ vụ gặp gỡ đóng tập dâng lên ngự lãm (Ngày 6 tháng ấy bái mệnh. Ngày 26 đáp tàu máy nhỏ tới Cao Đồi lên bộ tới Đà Nẵng. Ngày 29 đáp tàu máy La Mang (2), ngày 1 tháng 2 tới Gia Định. Ngày 4 cùng Toàn quyền đại thần Doumer đáp tàu máy lớn Tỳ Nê (3) ra biển, ngày 29 tới thành Marseille nước Pháp, quan Pháp tiếp đón là Ni Cô La (4) đưa về nơi nghỉ. Ngày 1 tháng 3 đi tàu máy tới đô

thành Paris nghỉ ngơi. Quan tiếp đón bàn nói ngày yết kiến chờ Thượng thư bộ Thuộc địa Decrais (5) công cán về tới sẽ thăm, định ngày 8 cùng quan tiếp đón tới công thự của quý Thượng thư thăm hỏi bàn định ngày yết kiến, lại đưa quốc thư sắc thư đệ duyệt. Sáng ngày 12 quý quốc phái xe tới nhận phẩm vật về bày biện ở quý điện, Chiều hôm ấy quan hai quân Long kỵ suất lãnh 26 quân kỵ đưa 3 chiếc xe của quý Giám quốc tới đón, tới giữa điện trước Đại Cung môn của quý Giám quốc thì xuống xe kính đệ quốc thư, quý Giám quốc tiếp nhận. Nguyễn Thân nói lời chúc mừng, quý Giám quốc đáp từ, khen ngợi an ủi rất nhiều. Kế đưa qua xem nơi bày biện lễ vật, Nguyễn Thân kính thuật ý lời trên bức trướng thêu và thành thực với nhau mãi mãi, quý Giám quốc vui vẻ lãnh nhận, kế mời qua Nhà hát lớn (6) xem hát, quan quân Long kỵ đưa về nơi nghỉ rồi về. Ngày 25 quý Giám quốc điện hạ ban dụ tặng Nguyễn Thân một bộ Bắc Đẩu bội tinh hạng hai (2 tằm), chiếu theo lệ vũ giai của quý quốc chi bồng đồng niên 600 đồng, do ngân sách Đông Dương chi phát, Nguyễn Hữu Bài một tằm Bắc Đẩu bội tinh hạng tư, những người khác đều được thưởng cấp nhiều ít khác nhau. Ngày 5 tháng 4 sứ bộ từ thành Paris đáp xe lửa tới thành Marseille, ngày 11 đáp tàu máy về nước).

- (1) Nguyên bản viết là “Bạch Đò”.
- (2) Nguyên bản viết là “La Mang”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.
- (3) Nguyên bản viết là “Tỷ Nê”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.
- (4) Nguyên bản viết là “Ni Cô La”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.
- (5) Nguyên bản viết là “Đề Kỳ Di”, tức Albert Decrais. Nhân vật này giữ chức Bộ trưởng bộ Thuộc địa Pháp (Ministre des Colonies) từ 22. 6. 1899 đến 4. 6. 1902.
- (6) Nguyên bản chép là “Đại ca trường”.

1095. Trị tội đào trộm phần mộ (công tử Hồng Thứ phòng Hải quốc công đổi theo họ mẹ là họ Nguyễn Hữu, kết tội trăm giam hậu, công tử Hồng Phó phòng Quý Châu quận công đổi theo họ mẹ là họ Lâm, công tôn Ứng Tạo phòng Trần Biên quận công đổi theo họ mẹ là họ Vũ, đều kết tội giảo giam hậu, vĩnh viễn không được giảm tội, còn lại đều bị xử tội cao thấp khác nhau). Lúc bấy giờ phần mộ của Quảng Ninh quận vương và phi tần công chúa triều trước nhiều lần bị đào trộm, Đô sát viện xin sắc cho Phủ Tôn nhân, bộ Lễ tới khám xét kiểm tra, lại nghiêm sức cho phủ Thừa Thiên khẩn cấp phái người bí mật dò xét bắt giao bộ Hình tra xét. Kế phủ Thừa Thiên bắt được bọn tên Thứ tên Tạo giải giao, bộ xin giao cho Phủ Tôn nhân và Tam pháp ty hội đồng tra xét. Án thành, chuẩn chiếu điều luật Đào mộ nghĩ xử để tỏ rõ sự trừng phạt. Lại chuẩn chiếu nguyên lệ cấp phu canh cho các phần mộ (3 người) và trích tiền công cấp cho những người coi việc thờ cúng bị hại lo việc cải táng nhiều ít khác nhau (bị thiệt hại nặng mỗi nơi 120 đồng, bị thiệt hại ít hơn mỗi nơi 30 đồng).

1096. Tháng 2. Sai cấp tiền dựng tượng đồng của Đông cung Anh Duệ hoàng thái tử và Pigneau quận công Giám mục Béhaine. Lời sắc nói “Nước ta lúc đầu khi còn thảo muội, lúc bấy giờ Thế tổ Cao hoàng đế ta ủy nhiệm Thái tử Thái phó Pigneau quận công Giám mục Béhaine đưa Đông cung Anh Duệ hoàng thái tử qua quý quốc làm con tin xin giúp binh thuyền mới khôi phục được Xuân kinh, dựng được đại nghiệp trung hưng, quý Giám mục cùng Đông cung thật rất có công với quốc gia. Sau khi đại định bàn luận công lao, quý Giám mục cùng Đông cung đều cùng được ghi vào danh sách công thân. Nay quý liệt hiền Bảo hộ đã hội đồng đúc hai pho tượng đồng của Giám mục và Đông cung dựng ở tỉnh Gia Định, là truy niệm người có công, muốn khiến đời sau thấy tượng nhớ người, lưu lại danh thơm bất hủ. Quả nhân cùng lòng hâm mộ, sai Phủ Nội vụ trích 300 đồng do Khâm mệnh đại thần Cần Chánh điện đại học sĩ Diên Lộc quận công Nguyễn Thân mang vào Gia Định tuân sắc cung nạp để tỏ rõ việc đền đáp cho kẻ có công”.

1097. Tiết Thanh minh, vua hầu từ giá tới lăng Xương Thọ chiêm yết, còn các lăng điện khác thì sai hoàng thân công kính thay làm lễ.

1098. Ngày Vạn thọ khánh tiết, chuẩn đình các việc chúc mừng và diễn kịch (vì đang trong kỳ quốc hiếu).

1099. Dựng thêm nhà Chính đường Cơ mật viện.

1100. Văn Minh điện đại học sĩ Hoàng Cao Khải trước đây sung Hộ giá đại thân vì bệnh xin lưu lại Bắc Kỳ, đến lúc ấy lại xin ở lại (2 tuần lễ) để tĩnh dưỡng, cho như lời xin.

1101. Tu bổ hai đền Hiền Lương, Trung Nghĩa (đền Hiền Lương chi tiền hơn 479 đồng, đền Trung Nghĩa chi tiền hơn 755 đồng).

1102. Chế tạo thêm đồ thờ ở Vũ miếu và điện Huệ Nam (chi tiền cộng 360 đồng).

1103. Tháng 3. Ngày Canh tuất (ngày 10), vua hầu từ giá tới núi Ngũ Hành tỉnh Quảng Nam duyệt lãm, chuẩn tụng kinh ở chùa Tam Thai ba ngày (chi tiền tự điển 500 đồng). Ngày Mậu ngọ (ngày 18) hỏi loan, chuẩn thưởng quan viên hỗ tụng kim tiền ngân tiền và thưởng tiền cho tất cả quân binh nhiều ít khác nhau.

1104. Bắt đầu định điều lệ thuê mướn nhân công ở Đông Dương (Một khoản: người Nam được tùy tiện làm thuê, hoặc giao ước bằng miệng hoặc làm giấy tờ đều được. Một khoản: người tình nguyện làm thuê phải có sổ để ghi chép. Một khoản: nếu làm giấy tờ thuê mướn không được quá 3 năm, còn nếu chỉ giao ước bằng miệng thì người chủ và người làm thuê nếu muốn hủy bỏ giao ước phải báo trước 15 ngày. Một khoản: người Nam từ 18 tuổi trở xuống nếu không có lệnh của bậc tôn trưởng không được tự ý làm giấy tờ nhận làm thuê cho người ta. Một khoản: làm giấy tờ phải có quan Canh nông xét duyệt và kê biên giao ước rõ ràng (như chủ nhân thuê tới hạt khác

thì chi phí đi lại do ai chịu, hạn một ngày hoặc một tháng hoặc một năm phỏng chừng cơm ăn cùng lương tiền quần áo vật dùng và tăng cấp tiền thưởng bao nhiêu, như có bệnh chủ nhân phải cấp thuốc điều trị, hoặc nếu chết chủ nhân phải cấp tiền chôn cất). Một khoản: thời hạn trả tiền hoặc một tuần lễ hoặc nửa tháng hoặc một tháng một lần đều tùy đôi bên giao ước. Một khoản: nếu hai bên vì giao ước mà kiện tụng thì do quan xét án Tòa Tạng tụng xử đoán. Một khoản: nếu người làm thuê bỏ ngang hay bỏ trốn là bội ước, sẽ chiếu pháp luật phạt giam phạt tiền, tới như làm lỡ sơ sót thuộc tội nhẹ thì chiếu theo tạp tội xét xử), là theo lời nghị của Toàn quyền đại thần Doumer.

1105. Tỉnh Quảng Trị báo về tình hình dân Man (xứ Thâm Bản phủ Cam Lộ có hai người tới dựng nhà, một người cạo đầu mặc áo sư Lào, một người mặc áo người Lào, dân Lào bảo vệ chủ nhân có tới bốn năm trăm người, có năm sáu mươi khẩu súng điều thương, năm sáu mươi cánh nỏ lớn, còn lại đều cầm chùy gỗ, nam phụ lão ấu xúm xít rất đông, chủ nhân ấy ngày thì gom cát, đêm thì thắp đèn cầu khẩn, lại Man dân ở những nơi giáp giới với đất Lào thuộc phủ ấy mê muội tin theo lui tới), sai quan tỉnh thường xuyên tuần phòng do thám để dứt mầm gian (về sau Khâm sứ đại thần Bouloche gửi thư nói đã sức cho các toán lính tập sai phái ở đất Lào tiểu bộ, dân Lào có 12 người chết, nhiều người bị thương. Công sứ ở tỉnh đích thân tới phủ Cam Lộ thám sát dân tình thấy đều đã yên ổn).

1106. Chuẩn trở đi phạm cung tằm từ Tiệp dư trở xuống tới Tài nhân bậc chín vì bệnh mà chết thì cho người nhà lãnh tiền lo việc chôn cất, việc sai quan tới tế hôm tế điện thì chuẩn cho đình.

1107. Biểu dương ban thưởng tiết phụ (Nguyễn Thị Tuyên người Hà Tĩnh, Đoàn Thị Thuyền người Quảng Ngãi đều chuẩn cho dự hạng bình).

1108. Bộ Hình tâu nói chỗ quan trọng nhất của việc xét án là tình người quen thói điều ngoan, nếu không chuẩn định trình hạn thì điều ngoan xảo trá, kiện tụng bất bớ, nhân dân khổ vì bị liên lụy lâu ngày. Pháp ty xin nghị lại phạm án nào đã qua quan tỉnh kết nghị thì do bộ ấy cùng Tòa Khâm sứ duyệt lại, việc xong sẽ cho thi hành ngay, án nào quan tỉnh kết nghị đệ lên Cơ mật viện và bộ ấy nghĩ nên phúc thẩm, Khâm sứ đại thần duyệt y thì giao ty ấy thẩm xét thì chắc đơn giản tiện lợi, chuẩn cho ghi lại làm lệ. Lúc bấy giờ nhân dân cứ có chuyện bất bình là tới khiếu kiện với Tam pháp ty, rất là phiền phức, nên bộ Hình có lời nghị ấy.

1109. Mùa hạ, tháng 4. Truy tặng hoàng đệ Bửu Lũy là Mỹ Hóa quận công, ban tên thụy là Tĩnh Nhã, lại chuẩn cho Công tôn Bửu Giới sung làm người giữ việc tế tự phòng của công. Lũy là ái đệ của vua, tháng trước mắc bệnh qua đời, vua rất thương tiếc, nên ban tặng cho (sau đó đến tháng 12 chuẩn cấp 3.000 quan dựng từ đường cho công, đến tháng 7 năm thứ 15 chuẩn ban cho phòng ấy bộ ấy chữ ấy, lại chuẩn cho Bửu Giới hạ xuống một đời đổi tên là Vĩnh Tỳ. Đến tháng 11 năm thứ 16 ân chuẩn cho Vĩnh Tỳ được tập phong Kỳ Ngoại hầu, còn lại đều không được viện lệ – lệ định tập phong không kể tặng hàm).

1110. Tổng đốc Thuận Khánh Hồ Đệ tâu nói tổng Phước Tường phủ Ninh Hòa thuộc hạt hơi nhiều xã thôn (31 xã thôn), nhân đinh (hơn 1.190 người), ruộng đất (hơn 5.370 mẫu), đường đi lại kéo dài (qua hơn ba dịch trạm), đều là men theo chân núi chạy dọc bờ biển, lại có nhiều côn đồ tụ họp, xin trích đặt làm hai tổng Phước Tường Nội Ngoại (trích 14 xã Hội Khánh, Tân Phước, Long Hòa, Lộc Thọ, Nhơn Thọ, Hải Triều, Tiên Mao, Ninh Hội, Ninh Phước, Tuần Lễ, Diêm Điền, Ninh Mã, Ninh Lâm, Ninh Thọ từ xứ Tu Bông (1) lên phía bắc tới trạm Phước Hòa và 4 xã thôn Vĩnh Dật, Khải Lương, Đàm Môn, Ninh Đảo tổng Phước Hà Ngoại cộng 18 xã thôn đặt làm tổng Phước Tường Ngoại, 17 xã thôn Bình Trung, Bình Lộc, Tứ Chánh, Trung Dũng, Phú Hội, Quảng Hội, Mậu Thạnh, Phú Cang, Tân Mỹ, Hiền Lương, Tân Đức, Mỹ Tương, Mỹ Thủy, Xuân Tự, Vinh Hòa, Quảng Tân, Diệp Sơn từ Tu Bông về phía nam vẫn là tổng Phước Tường Nội) để tiện công vụ, cho như lời xin.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

1111. Lấy dịch trạm Thuận Phiên tỉnh Bình Thuận làm công quán của thị xã Phan Thiết (trạm Thuận Phiên cũ dời tới đặt ở xứ Chợ Lớn (1)).

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “*cư + lại*”.

1112. Tu bổ Quốc sử quán (chi tiền 2.399 đồng).

1113. Chuẩn cấp cho Kiên hộ sứ Hồng Kháng 500 đồng để cải táng phần mộ của cố Trần Biên quận công (vì phần mộ của công rơi vào khu vực đường xe lửa mới).

1114. Ngày Kỷ ty (ngày 27) Trang ý Thuận hiệu Thái Hoàng thái hậu băng. Lúc đầu là Thái Hoàng thái hậu không khỏe, vua bên cạnh hầu hạ, đến lúc ấy trở nặng, linh giá thăng hà, thọ 75 tuổi, kính đặt từ cung ở điện Ôn Khiêm.

1115. Đem tin quốc hiệu bỏ cáo cho trong ngoài, nói “Đêm 26 tháng này Hoàng tổ mẫu Trang ý Thuận hiệu Thái Hoàng thái hậu ta thánh cung không khỏe, trẫm bên cạnh hầu hạ khẩn cầu cung Dao tự phúc, ngày càng khỏe mạnh, để an ủi lòng tôn thân của thần thứ. Đến giờ Mùi ngày 27 tháng này linh giá thăng hà, nhớ lại đức tốt, kính ngưỡng từ huy, gào khóc không thôi. Duy quốc gia lấy hiệu trị dân, điển lễ rất trọng, các việc nghi thức tang phục cần làm giao cho bộ Lễ kê tra điển lệ nêu rõ từng khoản bản kỹ tâu lên chờ chỉ thi hành”.

1116. Đặt án cúng ở điện Ôn Khiêm, mỗi ngày tế điện ba lần.

1117. Văn Minh điện đại học sĩ Vĩnh Trung tử trí sĩ Nguyễn Trọng Hợp chết. Hợp (Tiến sĩ đệ nhất danh khoa Ất sửu, người Kim Lũ Hà Nội, lúc thi đỗ tên Tuyên tự Trọng Hợp, sau lấy tên tự làm tên, hiệu là Kim Giang) công huân vốn rõ, tài đức kiêm toàn, phụ chính tám năm, quốc gia ý trọng, lại coi Sử cục, sở trường về văn học. Năm Thành Thái thứ 9 (lúc ấy Thạch Trì công (1) từ quân thứ phía Bắc về, kể thăng điện hàm sung Phụ chính) dâng sớ cáo lão, được như lời xin, kể sung Thượng Nghị viện, biên soạn liệt truyện các bề tôi, thủy chung một đời gian lao (lúc đầu là năm Đồng Khánh thứ 2 công vâng lời triệu vượt biển về kinh, tới Đà Nẵng thì vua mơ thấy Trọng Hợp tới Đà Nẵng, đến khi về tới vào cung chiêm bái, vâng sắc cho biết, lại ngự tứ một bài thơ, đội ơn được vua biết tới như thế). Đến lúc ấy chết, thọ 68 tuổi, chuẩn truy thụ Cần Chánh điện đại học sĩ, chiếu lệ cấp tuất (800 quan), lại sai mang văn tế tới phủ đệ ở Bắc Kỳ ban tế, hôm chôn cất lại chuẩn phái binh hộ tống. Quan viên Đại Pháp cũng có nhiều người tỏ lòng thương tiếc.

(1) *Thạch Trì công*: tức Nguyễn Thân. Nguyễn Thân quê gốc ở thôn Thạch Trụ huyện Mộ Đức tỉnh Quảng Ngãi nên lấy tên hiệu là Thạch Trì.

1118. Tháng 5. Xây dựng sơn lăng. Trước là trong niên hiệu Đồng Khánh kính xây Vạn vạn niên cát cục ở núi bên trái Khiêm lăng, đến lúc ấy sai Thượng thư lãnh Tham tri bộ Binh Nguyễn Văn Thịnh, Thống chế sung Chương vệ Nhất vệ kinh binh Hồng Đơn phụng sung Đồng lý Tôn cục, tuân chiếu tôn cục của Nghi thiên Chương hoàng hậu chế tạo biện lý, chi tiền 10.000 đồng.

1119. Triều đình nước Pháp cùng các quý đại thần Toàn quyền, Khâm sứ, Thống sứ Bắc Kỳ cùng Công sứ các tỉnh được tin quốc hiệu đều gửi thư gửi điện văn tới viếng, do Cơ mật viện tâu lên.

1120. Định chế độ tang phục cho trong ngoài (Vua ở trong cung để tang 1 năm. Hoàng thái hậu trăm thôi 3 năm. Hoàng thân triều Thiệu Trị tề thôi 1 năm. Hoàng thân phiên triều Minh Mạng đại công 9 tháng. Hoàng tử triều Cung tông, hoàng tử triều Đồng Khánh tề thôi không chống gậy. Hoàng tử hoàng nữ trong đại nội tề thôi 9 tháng. Các phi tần triều Tự Đức, Cung tông và Đồng Khánh đều tề thôi 1 năm. Tôn tước Công tử Công tôn hàng anh chị em là con các hoàng thân công tề thôi 5 tháng, cháu nội tiểu công 5 tháng, tôn tước tề thôi 5 tháng, Trưởng công chúa triều Thiệu Trị tề thôi 5 tháng. Thái trưởng công chúa triều Minh Mạng tề thôi 5 tháng. Công chúa hoàng nữ triều Cung tông và Đồng Khánh tề thôi 1 năm. Các phi tần trong đại nội và phi của hoàng đệ đại công 9 tháng. Ân quan văn võ trở lên đều tề thôi 3 tháng, từ Tứ phẩm trở xuống nếu trong 3 tháng phụng chỉ tới kinh thì chít khăn trắng mặc áo đen, quá 3 tháng thì thôi. Mệnh phụ tang phục theo như chồng. Đê đốc, Phủ doãn, Phủ thừa phủ Thừa Thiên cùng Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chánh, An sát, Tuyên phủ, Lãnh binh các tỉnh miễn chế tang phục, nhưng tới chỗ tang thứ thì cho chế tang phục như quan ở kinh, trở về lý sở thì thay chít khăn trắng trong 3 tháng thì thôi. Ân quan văn võ hưu trí, hưu dưỡng, chung dưỡng đang nghỉ chờ bổ trở lên chiếu lệ quan ở kinh chế tang phục. Người tôn thất ai phải chịu tang thì chiếu theo thể thứ chế tang phục, ai không phải chịu tang mà làm quan thì chiếu theo phẩm hàm chế tang phục. Nữ quan thái giám nữ tỳ lớn tuổi hầu hạ ở điện Ôn Khiêm đều tề thôi 1 năm. Họ Vũ ở xã Hòa Luật ai phải chịu tang thì theo lễ chế tang phục. Quan chức văn võ thị hầu thường ngày đều dùng khăn đen áo đen 3 năm. Cấm dùng quần áo màu tía màu hồng, âm nhạc ca xướng trong 6 tháng, cưới gả thì quan viên văn võ từ Tam phẩm trở lên trong 3 tháng, trở xuống trong 1 tháng, quân dân trong 15 ngày. Phạm gặp việc quân, việc tế tự cùng các việc xuất sai. thí trường, tuyển trường thì cho mặc cát phục làm việc. Việc vọng bái tại hành cung các địa phương cho miễn trong 3 tháng. Trước hôm ninh lăng 3 ngày, sau hôm ninh lăng 1 ngày cấm xử án, ca hát, mặc quần áo màu tía màu hồng, cưới gả).

1121. Sai Thượng thư lãnh Tham tri bộ Binh Nguyễn Văn Thịnh sung Đồng lý Tôn cục, kiêm sung Đồng lý Tang nghi Thống chế Nguyễn Việt Hữu làm phó, phạm gặp việc thì bàn bạc với ba bộ Lễ Binh Công biện lý.

1122. Ngày Giáp tuất (ngày 15) thành phục.

1123. Định ranh giới đạo Ninh Thuận tỉnh Khánh Hòa (chia vùng đất từ vịnh Cam Ranh tới sông núi, hai phần rưỡi quy về phía nam thuộc đạo ấy, nửa phần quy về phía bắc thuộc tỉnh ấy. Dịch trạm Hòa Hợp cho nhập vào đạo Ninh Thuận, còn dân ở thôn Thủy Triều giữa đường trạm rút về chịu thuế).

1124. Chuẩn dân Man ở thượng du Quảng Ngãi do quý quan đồn Lang Di mới đặt quản trị (vì đồn ấy ở khoảng giữa sách Man, chiếu quản rất tiện).

1125. Đổi định lệ Tôn sinh vào học ở Quốc tử giám (ai 18 tuổi trở lên say mê học hành chuẩn cho vào Giám học hành, không câu nệ 20 tuổi. Theo lệ trước đây các phủ đệ có đặt chức Dục thiện chuyên việc giảng tập, đến năm Kiến Phúc thứ 1 nghị chuẩn Tôn sinh 20 tuổi mới cho vào Giám, hiện giảm chức Dục thiện nên đổi định lại).

1126. Thân định lệ phúc duyệt án kiện ở các phủ tỉnh đạo (trở đi phạm các phủ tỉnh đạo tuyên biện án kiện trừ những án có quan hệ tới việc giao thiệp phải do quý Tòa xét nghĩ và khoản nào nên đệ lên Cơ mật viện duyệt biện, thì những án kiện hộ hôn điền thổ trộm cướp giết người trong dân gian nhất thiết đều do tỉnh tra xét kết án, việc xong vụ nào phải đệ lên bộ huyện thì một mặt đóng thành tập tư bản với Công sứ ở tỉnh duyệt lại, một mặt đóng thành tập đệ về cho bộ báo cho Cơ mật viện phúc duyệt. Vụ nào nên theo nên đổi do viện do bộ tư trình Khâm sứ đại thần thẩm duyệt rồi lập tức phụng chỉ thi hành. Nếu Công sứ các tỉnh phúc duyệt án nào có nên bàn nghĩ thể nào thì cũng gửi điện văn trình cho Khâm sứ thẩm duyệt tư cho viện cho bộ chiếu theo biện lý). Lúc ấy các

phủ tình đạo tra biện án kiện kết nghĩ tội danh trình qua Công sứ ở tỉnh duyệt lại nên giữ nên đổi bất nhất có khi chậm trễ nên thân định.

1127. Lúc bấy giờ ở phủ Thừa Thiên thời chứng lan rộng, nhân dân quanh kinh thành và ở thôn xóm nhiều người mắc bệnh. Phủ doãn Lưu Đức Xứng, Phủ thừa Nguyễn Văn Ích dâng sớ nhận lỗi, lại xin lập đàn ngoài cửa đông nam kinh thành cúng tế tổng ôn để chữa bệnh cho dân, cho như lời xin.

1128. Tháng 6. Ngày Nhâm thìn (ngày 4). Dâng tôn thụy cho Đại hành Trang ý Thuận hiệu Thái Hoàng thái hậu là Lệ thiên Phụ thánh Trang ý Thuận hiệu Cần thứ Ôn từ Hiền minh Tĩnh thọ Anh hoàng hậu. Trước là vua ban dụ hiệu thị cho tôn nhân và đình thần văn ban nói “Đại đức tất đắc kỳ danh, tôn thân thị chi vị hiệu@. Tự cô để vương đạo long hiệu trị, lễ cực tôn sùng ắt có mỹ thị huy xưng thùy thị lai hứa, điển chí cự dã. Kính nghĩ Hoàng tổ mẫu Đại hành Trang ý Thuận hiệu Thái Hoàng thái hậu: lệ hải sinh kim, hiền tinh biểu thị. Khôn nguyên mậu thuận thừa chi đức, Dịch mỹ hóa quang, kinh thất đôn hiệu phụng chi thành, Thi xưng tư my. Thử quốc gia chi đa nạn, kỳ miếu xã chi điện an, mặc vận nhất tâm, đồ hồi thứ chính. Chu Văn mẫu chi đồng kinh lý, nghi hình nhĩ trọng vu trung bang, Hán Minh Đức chi tán huy du, vãn vọng diễm truyền vu Nam quốc. Phương huy ý phạm, tự ngã thánh tăng tổ tỷ Nghi thiên Chương hoàng hậu cung thứ ký yên. Đồng Khánh sơ niên phụng ngã Cảnh tông Thuận hoàng đế tuân di chiếu thượng tôn xưng long hiệu trị dã. Trẫm lấy đức bạc kính nhận nghiệp lớn, sự đại trách long, thâm duy phát khắc phụ hà thị cụ, ngưỡng tạ từ huân minh bảo thức khắc, chí vu kim nhật hưu ân hoài nhụ mộ kiên, thức mẫu nghi tức vị chi sơ, kính phụng cử gia tôn đại lễ, đích thân suất lãnh trăm quan tới tôn cung dâng huy xưng bá cáo cho trong ngoài dụng bổ thịnh nguyệt vu tương lai, quan tôn danh vu giảng sách. tuân thường điển dã. Tháng 4 năm trước Thánh tăng tổ tỷ ta ngự giá lên tiên, tháng 5 xong việc ninh lăng, đón thân chủ về điện Lương Khiêm điện thờ phụng, Hoàng tổ mẫu lưu lại ở điện Ôn Khiêm, tần tảo trọn nghĩa hữu tề, sớm hôm hết lòng phi giải. Mới rồi hạc toán vạn linh, Trường Tín dẫn hàm di chi lạc, bàn đảo thiên tuế, Dao Tri nùng xưng thọ chi bồi. Ngày 27 tháng 4 năm nay lại phụng linh giá thăng hà, vin gào chẳng kịp, đau xót sao cùng. Tri duy đại đức chí nhân, danh ngôn yết khánh, để thử dương huy biểu thực, báo xưng nghi nhiên. Cố niệm gia sùng chi vãn, doãn nghi công vu thiên nghi. Sai Phủ Tôn nhân đình thần tra cứu điển kính cần soạn thuật thế nào để dương lệ hoàng hưu, phu tuyên cảnh diêu tâu lên, trẫm sẽ sai chọn ngày lành xin mệnh với liệt miếu kính bưng kim sách tới trước án cúng, ngõ hầu chút tỏ tư mộ chí tình mà mãi bá tiếng hay cho vạn thưở. Tôn nhân đình thần xin kính chiếu lệ năm trước bàn dâng tôn thụy cho Nghi thiên Chương hoàng hậu tôn thụy mà làm, cùng dâng lời tâu, kính phụng chuẩn y, bèn sai hữu ty tuân nghĩ các nghi thức cần thiết cử hành. Trước đó tuyên dụ bố cáo cho trong ngoài, sai quan tới tế cáo với miếu điện và đền Lệ quốc công từ, tức chi từ”. Đến hôm ấy vua đích thân suất lãnh quần thần kính tới trước án cúng, bưng kim sách kim bảo dâng lên. Lời sách nói “Thần nghe: phương nghi tú hạnh, ngàn thu bút đỏ lưu huy, biểu thực trình huy, muôn thưở ân vàng hữu diêu. Tên lụy sánh với trời, đức sáng học vàng nguyệt. Kính nghĩ Hoàng tổ mẫu Đại hành Trang ý Thuận hiệu Thái Hoàng thái hậu: Lệ Thủy un linh, cao môn đĩnh thực. Giúp Dục tông Anh hoàng đế ta ba kỳ thăng bình chi hóa, nội trị dĩ thành, thờ Nghi thiên Chương hoàng hậu ta cửu tuân thọ khảo chi hoan, huy âm khắc tự. Phụng dĩ trai trang ý mỹ chi toàn, nhu thuận hiệu thành chi bị. Chiêm ngưỡng hàm phu vu lê thứ, nghi hình nhĩ trọng vu xa gần. Vưu thả đại hóa lệ thiên, huy nhu phụ thánh, đề cung cần thứ, bình đức ôn từ, hiền nhi thả minh, vãn mặc vô di ư thánh lự, tĩnh năng trí thọ, thiên hòa diên bảo phu tiên linh. Duy thịnh đức chí thiện chi nan vong, hình dung bất tận, sóc thùy dụ lưu huy chi sở tự, cảm mộ sao cùng. Nãi phụng tâu đạt Ninh Thọ cung Hoàng thái hậu chi dụ kính chọn ngày tốt dụng xin mệnh với các miếu, kính tới án cúng bưng kim sách kim bảo truy dâng tôn thụy là Lệ thiên Phụ thánh Trang ý Thuận hiệu Cần thứ Ôn từ Hiền minh Tĩnh thọ Anh hoàng hậu. Còn mong bảo thụ hồng xưng, mặc phu huyền sáng. Linh thông có miếu, trường hâm bật tự chi kiên, trường phát kỳ trường, thân tích thuần thường chi hĩ”. Hôm sau ban ân chiếu cho trong ngoài.

1129. Tiết Chánh chung nước Đại Pháp. Vì quốc hiếu nên đình hết những việc duyệt binh diễn kịch (là theo lời Khâm sứ đại thần Boulluche).

1130. Đêm ngày ninh lăng bố cáo cho trong ngoài.

1131. Ngày Quý mao (ngày 15) cử hành đại lễ ninh lăng. Trước đó sai quan sung Tổng hộ Chánh Phó sứ và Đề đốc quân Tả hữu thùy bộ, lại sai hai viên đại thần văn vũ Lưu kinh cùng đem việc tế cáo với miếu điện và đền Lệ quốc công, đền Tích Chi. Ngày Canh tý (ngày 12) vua đích thân suất lãnh quần thần tới án cúng làm lễ khai điện. Đến hôm ấy linh giá ra đi từ điện Ôn Khiêm, vua đi bộ theo. Đến giờ Mão an huyện cung ở núi bên trái Khiêm lăng, kính dâng tên là Khiêm Thọ lăng, kính đề thần vị ở trước thái điện tôn lăng. Lễ xong kính an thần vị ở điện Ôn Khiêm (hôm ấy làm lễ sơ ngu, ngày Ất tỵ làm lễ tái ngu, ngày Mậu thân làm lễ tam ngu, ngày Kỷ dậu làm lễ tứ ngu, ngày Nhâm tý làm lễ ngũ ngu, ngày Ất mao làm lễ lục ngu, ngày Bính thìn làm lễ thất ngu, ngày 1 tháng 7 Kỷ mùi làm lễ bát ngu, ngày Canh thân làm lễ cửu ngu, ngày Giáp tý làm lễ tốt khốc. Từ ngày khai điện đến ngày tế đàm các lễ cung tiến phụ tiến đều tham chiếu lệ ninh lăng Nghi thiên Chương hoàng hậu năm trước mà làm).

1132. Cơ mật viện tâu nói gần đây bàn phía trong các cửa hoàng thành (Ngọ Môn, Hiển Nhân) do quan binh người Pháp trực hầu canh phòng, lâm thời xa giá ra vào ắt có quan binh hồ tòng để trọng sự thể. Ban đêm sau khi phóng pháo như xa giá có tới các lăng điện hoặc nơi nào xin sắc cho bề tôi Thị vệ xử sao ra giao cho viện ấy sức cho quan quân sở tại biết để tuân hành. Lúc bấy giờ vua thường vi hành nên bề tôi Cơ mật viện dâng sớ nói tới chuyện ấy.

1133. Hạn hán, từ tháng 3 đến tháng 6 không mưa. Sai bề tôi Nội các soạn văn khấn tự trách giao cho bộ Lễ tới các linh từ thành tâm cầu đảo, lại ban dụ bố cáo cho trong ngoài. Lời dụ nói “Trẫm còn nhỏ tuổi, ngưng cậy trời đất và liệt thánh linh thiêng, nhờ đại thần bảo hộ của quý quốc giúp đỡ, nối ngôi mười bốn năm đến nay, canh cánh ngay ngáy chỉ sợ không gánh vác nổi. Duy trẫm tuổi nhỏ đức bạc, hành sự có chỗ chưa đúng lý, gần đây xem tấu chương can gián của Tôn nhân đình thần, trẫm biết lỗi rồi. Tiết tư hối cải, cung phi bên cạnh đã đuổi bớt, các việc không gấp đã triệt bãi, lo sợ tu tỉnh, một ngày càng thận trọng hơn một ngày, may ra có thể trên hòa lòng trời, dưới thỏa ý dân. Nhưng gần đây hạn lụt nối nhau, dịch bệnh liên tiếp, nghĩ rồi lại nghĩ, hay là do lỗi của trẫm trách mình có chỗ chưa tới, đến nỗi lòng trời cảnh cáo, thần linh oán ghét mà như thế chẳng? Sai bộ Lễ thành tâm tới các linh từ đem ý trẫm kính cầu cầu đảo, trẫm ở trong cung cũng nghĩ việc sửa lỗi hướng thiện, tinh tâm mật đảo hai ba đại thần và thần thứ trong ngoài đồng lòng giúp đỡ cho trẫm không trễ nãi, ngõ hầu được đội ơn ban phúc dòi dòi thiên tai, chữa khỏi bệnh cho dân, là điều trẫm rất mong mỏi vậy. Cho bộ Lễ sao ra cho trong ngoài cùng biết”.

1134. Tấn phong Tổng đốc An Tĩnh Đào Tấn là Vinh Quang tử. Tấn hai lần làm Tổng đốc Nghệ An, công lao rõ rệt (năm trước giặc cướp nổi loạn và gần đây dân Lào xuất động, Tấn hiểu dụ đánh bắt đều được yên ổn). Trú sứ tư xin tấn phong tước bá, Cơ mật viện cho là vượt bậc, tâu xin đổi phong tước nam để hợp thể chế, Khâm sứ đại thần Boulloche bàn nghĩ xin chước lượng tấn phong tước tử, nên có mệnh ấy.

1135. Từ giá của Hoàng thái hậu tới trú tất ở đồng điền điện Long Ân.

1136. Mùa thu, tháng 7. Vua dụ Tôn nhân, Cơ mật viện và đình thần rằng “Trẫm còn nhỏ tuổi kế thừa đại thống, nối ngôi mười bốn năm đến nay phần nhiều nhờ các bề tôi giúp đỡ, ngờ đâu tuổi trẻ ít học thường dễ vật dục lôi kéo, tiểu nhân dụ dỗ, khinh nhờn không thuận, nhiều phen xấu hổ thường muốn thay đổi mà không biết làm sao, hướng thiện không kiên trì, sửa lỗi không dũng cảm, vì thế cứ tạm để đó, lỗi cũ dây dưa. Gần đây xem tấu chương can gián của Tôn nhân, Cơ mật viện và đình thần nói rõ các khoản, lời lẽ khẩn thiết, thật là vì tôn miếu xã tắc mà lo lắng, trẫm lòng dạ nào mà làm như thế nữa! Chỉ mong hồi tâm tu tỉnh, phạm những việc trước đây nhất thiết sửa đổi, còn sợ điều đúng chưa thấu tới lòng trời, lòng thành chưa thông với liệt thánh, tín mục chưa đủ với thượng quốc, khuôn phép chưa sáng nơi thần dân, ở kín trong cung sâu có lỗi không tự biết, nếu không ai giúp đỡ làm sao làm được. Xưa Thái Giáp tròn danh, thật cậy A hành tả hữu (1), Thành vương kế nghiệp, cũng nhờ Cơ tể phù trì (2), hai ba thân thần đại thần chỉ vẽ, trẫm quan coi việc giữ phép, ai cũng bỏ lòng hiềm nghi, ra sức phụ bật, tận tâm phù tá, trình điều thiện lập đường tà, trẫm lâm thời có sơ suất trái đức cho đều tâu bày không nên giấu diếm, để ta được kết thúc trọn vẹn, để tiếng lâu dài, không phải chỉ là điều may cho trẫm mà hồn thiêng của liệt thánh trên trời cũng đều chứng giám. Dụ này xuất phát từ lòng thành, nghĩ chắc Tôn nhân Cơ mật viện đình thần hiểu được ý trẫm”.

(1) *Thái Giáp... tả hữu*: Thái Giáp là cháu nội vua nhà Thương Thành Thang, sau khi nối ngôi buông thả bê tha, bị Y Doãn đang giữ chức A hành (Tể tướng) đày ra đất Đổng. Về sau Thái Giáp hối lỗi, Y Doãn lại đón về cho làm vua.

(2) Nguyên bản chép là “Thành vương trùng bí, diệc tư Cơ tể phạt (phạt = *nhân đứng* + *phát*) kiên (kiên = vai)”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “Thành vương trùng bí, diệc tư Cơ tể phạt (*phạt* = *thủ* + *phát*) thân (thân = bề tôi) bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên. Cơ tể tức Cơ Đán, em Chu Vũ vương, chú Thành vương, làm tướng giúp Thành vương bình nội nạn, định lễ nhạc, được Nho gia về sau coi là một thánh nhân của Nho giáo và đại công thần của nhà Chu.

1137. *Thánh chế tự học giải nghĩa, Luận ngữ thích nghĩa ca* in xong. Ban cấp cho hoàng thân và ấn quan trong kinh ngoài tỉnh cùng các học đường đều một bộ.

1138. Dời huyện Hoài Ân tỉnh Bình Định tới thôn Phước Bình (huyện lỵ cũ ở thôn Lão An, thuộc đất thượng du lam chương nên dời đi).

1139. Đặc biệt trao cho Cử nhân Đoàn Tử Quang (người Hương Sơn Hà Tĩnh) hàm Hàn lâm viện Kiểm thảo. Tử Quang đỗ thi Hương lúc 80 tuổi, ở nhà có mẹ già (98 tuổi), tâu xin đề bạt lên hàm ấy bỏ chức Huấn đạo ở gần nhà để được làm quan gần mẹ. Tử Quang lại xin mang hàm ở lại quê chung dưỡng, bộ Lại tâu lên nên có lời chuẩn ấy.

1140. Sách *Nhân thế tu tri* hoàn thành. Ban cấp cho hoàng thân và ấn quan trong kinh ngoài tỉnh cùng các học đường đều một bộ (về sau đến tháng 2, tháng 6 năm thứ 15 lại chuẩn ban cấp hai lần nữa).

1141. Quảng Ngãi dân đói (hai tổng Bình Hà, Bình Điền huyện Bình Sơn và tổng Đức Cảm huyện Đức Phổ là nặng nhất), quan tỉnh Huỳnh Côn xin triển hạn giảm bớt sưu thuế và trích tiền (300 đồng) chẩn cấp, cho như lời xin.

1142. Tu sửa miếu Lịch đại đế vương, lấy Đô thống Nguyễn Tất Trung làm Đồng lý.

1143. Xây dựng đường sá trong hoàng thành kinh thành (các đường từ bên phải phía trong cửa Đông Nam tới ngoài cửa Hiển Nhân và từ hai bên trái phải phía trong Ngọ Môn vòng qua cửa Nhật Tinh, Nguyệt Anh chuyên tới hai cửa Hiển Nhân, Chương Đức, dài 1.584 thước Tây, chi tiền 2.514 đồng)

1144. Tháng 9 (1). Toàn quyền đại thần mới Beau (2) và Phó Toàn quyền đại thần Boulloche tới. Sai Càn Chánh diện đại học sĩ Nguyễn Thân tới Sài Gòn mời tiếp, nhưng tới Đà Nẵng lại ra Bắc Kỳ, lại sai Tuyên Hóa quận

công Bửu Thiên, Văn Minh điện đại học sĩ Hoàng Cao Khải, Đông Các đại học sĩ Nguyễn Hữu Thằng mang sắc thư tới Đà Nẵng thăm hỏi.

(1) Từ điều 1136 tới điều này không thấy nguyên bản chép mấy chữ “Tháng 8”, rõ ràng bị chép sót nhưng chúng tôi chưa thể xác quyết để hiệu đính nên tạm theo đúng nguyên bản chờ tìm hiểu thêm.

(2) Nguyên bản viết là “Bô”, tức Jean Baptiste Paul Beau. Nhân vật này giữ chức Toàn quyền Đông Dương từ tháng 10. 1902 đến tháng 2. 1907.

1145. Thôn Xuân Nha (thuộc huyện Nghi Xuân) Hà Tĩnh bị hỏa hoạn (cháy lan ra 229 nhà), quan tỉnh xin trích tiền chẩn cấp (mỗi hộ 1 đồng), cho như lời xin.

1146. Sửa miếu Lê Thánh tông.

1147. Mùa đông, tháng 10. Đón Hoàng thái hậu về cung. Trước là đón từ giá tới trú tất ở phía đông điện Long Ân, ý chỉ nói “Phía sau Cung miếu nhỏ hẹp, lão thân tĩnh dưỡng bất an, muốn về cung Ninh Thọ ở yên để tiện uốn nắn đức của nhà vua”. Vua vì từ giá dời tới điện Long Ân đã ba tháng, lại vào mùa đông ăn ở bất tiện nên ban sắc sai bàn đón về. Khâm sứ đại thần Boulloche@ trả lời nói trước đây Hoàng thái hậu ở trong cung mà dân gian còn có lời bàn tán thị phi, nên án định chương trình để tránh lại phát sinh lời bàn bên ngoài. Phủ Tôn nhân và đình thần bèn bàn bạc các điều khoản trong cấm cung tâu lên, mới bắt đầu đón về.

1148. Quan tỉnh Phú Yên tâu xin trích cấp Thận Đức phủ Tuy An và cấp Tuy Phong huyện Sơn Hòa lập riêng xã Phong Hậu nhưng thuộc huyện Sơn Hòa, cho như lời xin.

1149. Bắt đầu định lương theo ban cho các quân trong kinh ngoài tỉnh (lãnh theo tháng Tây lịch, ban thứ cũng theo Tây lịch 6 tháng đổi một lần, bắt đầu từ tháng 1 Tây lịch năm sau tức ngày 3 tháng 12 Nam lịch năm nay).

1150. Tháng 11. Sai Văn Minh đại thần Hoàng Cao Khải, Hiệp biện đại học sĩ sung Tổng tài Quốc sử quán Cao Xuân Dục, Thự Tham tri bộ Công Trần Văn Vĩ cùng Gia Hưng quận công Ứng Huy tới Hà Nội dự Hội Đấu xảo và mang theo phẩm vật đệ tặng Chánh Phó Toàn quyền đại thần để tỏ ý hòa hiếu (lại gửi điện văn cho các tỉnh phủ đạo ngoài kinh tùy tiện cử một viên Tổng đốc Tuần phủ Bố chánh Án sát tới dự, còn phủ huyện và hào lý các hạt ai tình nguyện đi dự cũng cho, do quan tỉnh và Công sứ cấp phát vé tàu máy).

1151. Quan phủ Thừa Thiên tâu nói ba giáp Đông Tây Nam xã Phúc Lộc thuộc hạt dân cư gián cách, xin đổi giáp Tây Phúc Lộc làm ấp Phúc Hưng, giáp Nam Phúc Lộc làm ấp Phúc An, cho như lời xin.

1152. Lấy sảnh đường Thị lang Lục bộ và nhà ở của quân Hữu dực Vũ lâm làm nơi ở cho Thống chương (vì gần đây các viên Thống chương đều cư trú ở nhà riêng).

1153. Thân định lệ thăng bổ Quan Suất và lệ bổ thụ Suất đội ở kinh (Thống chương chiếu lệ trình lên bộ Binh tiến hành xét thực, ai nên chuẩn nên bác trình qua Khâm sứ đại thần duyệt biện).

1154. Tặng Toàn quyền đại thần Beau ngọc bài (một mặt khắc “Thành Thái sắc tứ”, một mặt khắc “Khuê chương ngọc độ”), Phó Toàn quyền đại thần Boulloche kim bài (một mặt khắc “Thành Thái sắc tứ”, một mặt khắc “Danh trú hữu bang”).

1155. Tháng 12. Chuẩn cho Phụ chính đại thần sung Cơ mật viện đại thần Cần Chánh điện đại học sĩ quản lãnh bộ Lại Diên Lộc quận công Nguyễn Thân, Văn Minh điện đại học sĩ quản lãnh hai bộ Binh Công Diên Mậu quận công Hoàng Cao Khải đều về hưu. Lúc đầu là Văn Minh điện đại học sĩ Nguyễn Trọng Hợp, Đông Các đại học sĩ Trương Quang Đản đã nghỉ việc chính sự, Nguyễn Thân và Hoàng Cao Khải đều nhờ quân công vào làm Tể tướng (Nguyễn Thân có công bình định Hữu kỳ, Hoàng Cao Khải có công bình định Dịch Lâm). Lúc bấy giờ nam bắc tam yên, đổi định lại thuế khóa, thi hành tân chính, nội trị ngoại giao quả thật có nhiều công tích, nhưng nghị luận nơi sảnh đường thường hay thất hòa, môn khách ở ca quán lại càng bè cánh (lúc bấy giờ hai tướng phủ đều dựng ca quán riêng, triều sĩ lui tới yến ẩm, đều thành bè cánh), quý Tòa nhiều lần than phiền mà vua cũng chán ghét. Đến lúc ấy hai người đều xưng bệnh xin về hưu, vua bèn chuẩn y, ban dụ nói “Theo lời Phụ chính đại thần Cần Chánh điện đại học sĩ quản lãnh bộ Lại sung Cơ mật viện đại thần kiêm quản sự vụ Khâm thiên giám Túc liệt tướng Diên Lộc quận công Nguyễn Khanh, lại theo lời Phụ chính đại thần Văn Minh điện đại học sĩ quản lãnh hai bộ Binh Công sung Cơ mật viện đại thần Diên Mậu quận công Hoàng Khanh vì bệnh đều xin về hưu, nay chuẩn y. Hai bộ Binh Công đã có các viên đường quan ở bộ quyền biện công việc, còn sự vụ bộ Lại chuẩn cho Thái tử Thiếu bảo Đông Các đại học sĩ quản lãnh bộ Hình sung Cơ mật viện đại thần Nguyễn Hữu Thằng quyền quản. Chức khuyết ở ba bộ giao cho Cơ mật viện bàn chọn các viên liêm chính sung bổ, giao cho Nội các sao ra để tuân hành” (kế chuẩn cấp cho hai đại thần tiền hưu bổng mỗi tháng đều 200 đồng).

1156. Khởi phục nguyên Thái tử Thiếu bảo Hiệp biện đại học sĩ An Trường tử trí sĩ Nguyễn Thuật lãnh Thượng thư bộ Lại, Hiệp biện đại học sĩ lãnh Tổng đốc An Tĩnh Đào Tấn đổi lãnh Thượng thư bộ Công, nguyên Tổng đốc An Tĩnh bị bệnh trở lại làm việc Hồ Lệ đổi làm Thượng thư bộ Binh, đều sung Cơ mật viện đại thần.

1157. Thân định lệ lại lệ đình ưu (trở đi phạm là lại lệ bất kể là thí sai hay bổ dụng lãnh chức gặp lúc có việc đình ưu thì những người được chi bổng theo hàm Bát Cửu phẩm cho về quê để tang 12 tháng, còn lại tuân theo lời nghị năm Thành Thái thứ 12 biện lý).

1158. Bắt đầu đặt Tri huyện người Việt ở huyện Nghĩa Đàn tỉnh Nghệ An (vốn trước chọn đặt Thổ quan, đến lúc ấy Khâm sứ đại thần vì 7 tổng Phác Lỗ, Cự Lâm, Thạch Khê huyện ấy đều là dân Việt nên bàn chọn bổ quan người Việt làm việc để chờ mau lẹ ổn thỏa. Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành).

1159. Quan phủ Thừa Thiên Lưu Đức Xứng dâng tâu xin sáp nhập hai xã Hà Trung, Hà Trữ huyện Phú Lộc thuộc phủ hạt vào tổng Sư Lễ huyện Phú Vang để tiện công vụ, cho như lời xin.

1160. Chuẩn thưởng các bề tôi kính sửa Ngọc điệp có nhiều ít khác nhau (Tổng tài Phạm Xứng, Phó Tổng tài Hồng Nhung mỗi người 1 tấm kim khánh hạng hai, Toàn tu Phạm Tuấn 1 tấm kim khánh hạng ba, Đăng lục Trần Văn Giảng, Phạm Cửu Lăng mỗi người 1 đồng ngân tiền Ngũ phúc, Tam thọ), Trước là tháng 12 năm thứ 12 vâng chỉ kính sửa, tháng 9 năm ấy hoàn thành dâng lên, đến lúc ấy bèn chuẩn thưởng cho.

Quyển 15

1161. Năm Quý Mão Thành Thái thứ 15 (1903 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Ngày Bính dần (ngày 10) ngự giá tới Cơ mật viện mới. Trước là chuẩn lấy nền cũ của chùa Giác Hoàng xây dựng viện mới để tiện hội thương, đến lúc ấy hoàn công, nhân đầu năm mở lễ hội thương nên giá lâm để trọng việc ấy.

1162. Sắc ban cho các hoàng tử công chúa tiền triều 1.000 đồng.

1163. Vua tuyên triệu đại thần Cơ mật viện vào Hữu vu hỏi việc dân gian chính sự, nhân sắc nói “Hàng ngày ngự triều, rèm buông chia cách vua tôi, khó mà gần gũi, trẫm muốn trở đi chiều tuần lễ Tây, cứ chiều thứ năm lịch Tây (1) triệu các đại thần hỏi han việc dân gian chính sự, ngõ hầu đơn giản thích hợp, vẫn lấy hôm ấy bắt đầu, còn như kỳ ra triều vào ngày sóc ngày vọng thì nên đình”.

(1) Nguyên bản chép là “Tây lễ bái đệ tứ nhật”. Xem chú thích (1) điều 0496.

1164. Khâm sứ đại thần Bouloche về nước, chuẩn tặng một tấm ngọc bài (một mặt khắc “Thành Thái sắc tặng”, một mặt khắc “Dự trọng Nam duy”) cùng trích phẩm vật tặng cho. Khâm sứ cũ là Auvergne tới thay.

1165. Sắc trở đi quan viên có ai nên thăng chuyển phải tâu trước mặt vua vào ngày ra triều, sau đó làm phiến tâu dâng lên ngự lãm, khi phiến có châu điểm thì Nội các sẽ vâng dụ. Lấy đó làm lệ mãi mãi.

1166. Thự Tả quân Nguyễn Tất Trung khâm mệnh tế thần Kỳ Đốc thất nghi, Khoa đạo Trương Đình dâng tờ tâu tham hặc có câu “Vũ thần không biết gì”. Vua phê nói “Câu Vũ thần không biết gì xuất từ sách nào, phải lập tức tâu lại sẽ có chỉ riêng”. Về sau Đình dâng phiến tâu nói “Theo văn viết ra, chứ vốn không xuất từ sách nào”. Vua khiển trách nói “Bề tôi đều là bề tôi, sao còn chia ra văn vũ, quá khinh vũ tới mức như thế. Tả quân thất nghi, bắt tội nguyên là việc đương nhiên, nhưng viên ấy phẩm hàm ở đầu ban, người có sánh được không? Nếu tham hặc cũng phải theo lý mà viết, chứ sao lại được khinh mạn như thế?”. Phiến tâu ấy giao cho Nội các sao giao qua bộ Lại giáng Trương Đình một cấp, bỏ ra ngoài sảnh của Cương (lúc bấy giờ Trương Như Cương kiêm quản Đô sát viện).

1167. Tháng 2. Thân định lệ thuộc viên văn vũ vào trực (văn từ Tư vụ và Hành tâu, Thừa biện (Thất phẩm trở xuống), vũ từ Suất đội trở lên, đều vẫn phải đeo bài ngà vào trực, còn lại nếu không phải đang giữ chức thì không được đeo bài xương bài ngà vào trực, trừ Thừa biện Bát phẩm Cửu phẩm và vị nhập lưu theo hầu quan bộ viện sảnh đeo bài sừng).

1168. Toàn quyền đại thần Beau tới kinh. Sai bề tôi Cơ mật viện trích bàn các khoản (Một khoản: trong 13 phủ tỉnh đạo từ Thanh Hóa tới Bình Thuận xã thôn nào đất xấu dân nghèo ruộng đất nhỏ hẹp mà diện tích tăng vọt, hoặc thật ra là đất mà đổi làm ruộng, hoặc thật ra là ruộng mà đổi làm đất cùng các hào lý giấu diếm cho con em nhà hào hữu cùng ruộng đất vẫn còn thừa thì trong vòng ba tháng cho các xã dân tố giác con số. Các phủ tỉnh đạo sẽ bàn với Trú sứ phái người cùng tới khám theo sổ thực định thuế. Nếu tố cáo ngoài hạn sẽ lập tức bác đơn, nhưng ần lậu không khai thì Lý trưởng sẽ gia tội phạt nặng. Một khoản: chương trình thuế muối có nên chước lượng thế nào để vật dùng của dân được thư thả. Một khoản: binh chính của bản quốc nên do bộ Binh cùng các phủ tỉnh đạo trừ ngạch binh tỉnh Quảng Nam cùng kinh binh chiếu theo số công điền công thổ chọn tuyển, xét xã thôn nào có công điền công thổ từ 15 mẫu trở lên chước lượng lấy quân một người, có 30 mẫu trở xuống lấy quân 2 người. Nếu không đủ 15 mẫu hay hoàn toàn không có công điền công thổ thì miễn lấy quân, những quân đã lấy đều tha về chịu sai dịch. Một khoản: Lý trưởng chúng nhận ký tên vào các văn khế của nhân dân cầm cố mua bán ruộng đất chiếu lệ thu tiền lệ phí hoặc 3% hoặc 1%, không được đòi hỏi ngoài lệ. Tiền lệ phí ấy Lý trưởng đệ nạp thì chiếu lời nghị cấp 10% làm tiền lệ phí. Nếu thác cố giữ lại làm khó không chịu ký nhận đến ngoài kỳ hạn một tháng, những người cầm cố mua bán xin kỳ dịch sở tại lập bằng đưa lên quý Tòa trần tình tố cáo, sẽ lập tức theo quê quán thôi thúc đích danh Lý trưởng ký nhận ngay, nhưng khoản tiền thu được không cấp cho tiền lệ phí để tỏ rõ sự trừng phạt).

1169. Thân định lệ làm văn khế mua bán cầm cố ruộng đất vật hạng (Khoản 1: việc mua bán cầm cố bình thường trong nước phải chiếu phép thường lập văn khế, nhưng Lý trưởng xã thôn ấy phải ghi vào sổ nhật ký. Khoản 2: Lý trưởng áp triệu nhận thực không được đòi tiền, duy chiếu lệ thu tiền vào sổ nhật ký được bao nhiêu

chuẩn cho Lý trưởng ấy được hưởng 10%. Khoản 3: trong thượng tuần hàng tháng Lý trưởng tới Tòa sứ đệ trình sổ nhật ký tháng trước và phó bản văn khế (vốn viết thành hai bản) nạp để Tòa sứ lưu chiếu. Quan Công sứ kiểm duyệt và chiếu sổ tiền thu được ghi trong sổ cho qua nạp vào kho bạc, ngoài sổ cho Lý trưởng nạp đủ xong quan Công sứ sẽ phê rõ vào biên nhận ngày ấy tháng ấy số bao nhiêu bao nhiêu tiền. Khoản 4: sổ mà Lý trưởng nhận giữ khi nào ghi hết phải lập tức đệ nạp lên Tòa sứ để tiện lưu chiếu. Khoản 5: Điều 19 trong lời nghị ngày 13. 11. 1900 nay nên đổi như sau. Điều 19 về văn khế đã nói đến ngoài kỳ hạn mới ghi vào sổ thì thu tiền gấp đôi nhưng thiếu giả mỗi tờ cũng không dưới 2 đồng. Khoản 6: kể từ sau khi văn khế được ghi vào sổ nhật ký quá 2 năm nếu cần thu thêm thì miễn truy thu, nếu quan chuyên ty xét ra phải truy thu thêm hoặc phải phạt tiền nhưng quá 2 năm đều miễn thu, quá 2 năm người chủ văn khế cũng không được trình xin trả lại sổ bị thu quá mức. Nếu chưa tròn 2 năm thì đều cho quan chuyên ty ban trát sức truy thu thêm, truy phạt và chủ văn khế xin trả lại sổ bị thu quá mức, chưa tròn 2 năm thì quan chuyên ty thu đòi thêm, chủ văn khế xin trả lại đều chiếu lệ thi hành không được miễn, duy có trát sức thu đòi và đơn xin trả lại nhưng bị gác lại tới 1 năm mà các Tòa Hình vẫn chưa thụ lý thì tuy chưa tròn 2 năm cũng cho miễn. Khoản 7: lời nghị ngày 13. 11. 1900 định các văn khế thuộc luật lệ Đại Pháp ghi vào sổ nhật ký, nay về khoản người trong nước lập văn khế phải chiếu các điều 17, 18, 19, 20, 21, 24 trong lời nghị ấy tuân biện. Khoản 8: khoản 4 lời nghị ngày 13. 11. 1900 về việc người trong nước lập văn khế và lời nghị ngày 1. 7. 1902 đều đình bãi. Khoản 9: Phó Đông Dương Toàn quyền đại thân chiếu lời nghị này thi hành).

1170. Chuẩn cấp *Đồng văn nhật báo* cho các bộ viện và các địa phương trong kinh ngoài tỉnh (mỗi tuần lễ một kỳ đều cấp cho mỗi nơi một bản, các bộ viện thì do ngân sách Nam triều trích trả, các xã thôn thì chiếu theo định số chia cấp, cứ 50 người trở lên thì đồng niên cấp cho 2 đồng, 49 người trở xuống đồng niên cấp cho 1 đồng, sáu bảy người trở xuống chuẩn đình cấp). Kế sai trong kinh cùng 13 phủ tỉnh đạo về sau có việc gì có lợi cho kiến văn thì sao gửi quý Tòa chuyển giao cho báo quán in ra.

1171. Ngày Nhâm dần (ngày 16) tế Giao, vua đích thân tới làm lễ. Lễ xong hồi loan, các quan viên dự việc chuẩn thường cho kim tiền ngân tiền kim khánh có thứ bậc khác nhau.

1172. Tu bổ các tôn lăng tôn điện.

1173. Đình lệ cho sĩ tử phụ thí (trở đi mỗi khi đến kỳ thi Hương sĩ tử đều về trường tỉnh ứng thí để hợp với lệ định, Nếu có ai xin phụ hạch có kết nhận xác thực hoặc bộ nha sánh xét tư mới cho, người phụ thí trúng cách thì ngoài Thông phán Ký lục và học trò Quốc tử giám đều do bộ tư về bản trường ứng thí).

1174. Tháng 3. Ngày Bính thìn (ngày 1), có nhật thực.

1175. Hạn hán. Sai các địa phương trong kinh ngoài tỉnh đều tới linh từ thành kính cầu đảo để giảm bớt nỗi khổ của dân, là theo lời xin của bề tôi Cơ mật viện.

1176. Chuẩn cho Đông Các đại học sĩ Nguyễn Hữu Thảng, Hiệp biện đại học sĩ Trương Như Cương đều sung làm Chánh hội viên, lãnh Thượng thư bộ Lại Nguyễn Thuật, lãnh Thượng thư bộ Công Đào Tấn đều sung Phó hội viên Hội đồng Bảo hộ mười ba tỉnh An Nam (1) (lúc bấy giờ hai đại thần Cần Chánh, Văn Minh đã xin hưu trí, không ai dự họp, nguyên Khâm sứ đại thần Baulloche nghĩ xin chọn người sung vào, nên có lệnh ấy).

(1) *Hội đồng Bảo hộ mười ba tỉnh An Nam*: tức Hội đồng Bảo hộ Trung Kỳ. Xem điều 0985.

1177. Sắc cho bộ Công và quan phủ Thừa Thiên sửa chữa hành cung ở bên Thúy Vân để dự bị lúc lâm thời ngự giá ra đó.

1178. Vua thường ngự xe hơi (1) du lãm. Bề tôi Cơ mật viện vì xe chạy quá nhanh rất nguy hiểm nên cùng dâng lời can ngăn (đại lược nói “Lời xưa nói Đứa con nhà ngàn vàng không ngồi trên thềm cao, huống hồ tấm thân tôn quý trên thì tôn xã trông mong, dưới thì thần dân nhờ cậy. Nhìn thấy thị xã hiện nay đường sá chưa bằng phẳng, ở kinh đô càng nhiều nhân dân tụ họp, nếu lúc đi mau lẹ e đến nỗi có chuyện khó khăn. Còn mong hoàng thượng muôn phần bảo trọng, đi thường thì có kiệu cáng, đi nhanh thì có xe ngựa, dạo chơi ngắm cảnh đều có mực thường. Tới như xe hơi đều xin không đi hoặc cho máy lửa chậm lại để làm rõ sự cẩn thận). Sớ dâng vào, vua phê nói “Lòng người dễ nguy” (2), chứ xe hơi thì có gì nguy. Chỉ có biết người là khó, chứ biết xe ấy lái xe ấy có gì khó. Cứ yên tâm đừng lo, và lại trăm thuộc loại người trì trọng, quyết không có gì phải lo”.

(1) Nguyên bản chép là “điện khí cơ xa” (xe máy hơi điện).

(2) *Lòng người dễ nguy*: nguyên văn là “Nhân tâm duy nguy”, lấy chữ trong *Kinh Thư, Đại Vũ mô* “Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi. Duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung” (Lòng người dễ nguy, lòng đạo khó tỏ. Chỉ nên chuyên nhất, nắm chắc chỗ giữa).

1179. Khâm sứ đại thần Auvergne bàn nói phạm phụng có sắc dụ và khoản nào nên bàn bạc xin lập tức sao ra trước để bàn bạc, biết việc có thể làm thì xin theo, nếu không tiện làm sẽ bàn bạc can ngăn để tránh có khó khăn khác. Nếu chờ việc đã thi hành mới sao ra thì nếu việc chưa ổn thỏa mà đại thần không tuân theo e phạt ý hoàng thượng, nếu cứ câu thả tuân theo thì e mất thể diện Bảo hộ của đại thần. Và lại đại thần lại tới đại diện Bảo hộ lần nữa, việc gì cũng muốn đồng lòng giúp cho ổn thỏa, không phải đặt lời làm khó. Bề tôi Cơ mật viện dâng phiếu tâu lên để vua rõ.

1180. Bề tôi Cơ mật viện dâng sớ xin chính đôn phép thi. Sớ đại lược nói “Tuyển cử cốt được người có thực tài, công khí há có thể được riêng lạm. Quốc triều mở khoa thi lấy kẻ sĩ, phép thi trường quy đều rất chặt chẽ. Gần đây các khoa thường xảy ra các vụ án, mang sách vào trường thi cũng có, làm văn hộ người khác cũng có, trước kia người thuê người làm thay là từ bên ngoài, nay thì mạo danh vào trường làm bài, trước kia thông đồng với lại phòng hoặc quân canh trong trường còn là chuyện nhỏ, nay thì có việc quan trường tác tệ, cho nên bên ngoài có lời mỉa mai “Cử nhân tiền Tú tài bạc”, nếu không một phen thân định để chấn chỉnh thói quen của sĩ tử mà làm nghiêm trường quy thì e việc gian dối giả trá ngày càng nhiều, sẽ dẫn tới mối lo phé mà không cử, đã thân định bàn bạc các khoản tâu lên xin chuẩn sao ra cho thi hành, lấy đó làm lệ mãi mãi. Cho như lời tâu (Một khoản: sau khi sĩ tử đã vào trường thì người trong ngoài cửa trường không được liên hệ với nhau. Một khoản: quan Giám thí ngoài trường dò xét được ai lén vào trường, kiểm nghiệm nét chữ là kẻ làm bài thi hộ thì bắt người và tang vật trình lên nghiêm trị, quan bình Giám thí bắt được kẻ mang tài liệu vào trường thi và kẻ mạo danh vào trường được thưởng. Một khoản: sau khi quan trường vào trường, ở kinh thì do bộ Lễ, ở tỉnh thì do quan tỉnh yết thị nghiêm cấm nhà dân chung quanh không được chứa chấp người ngoài làm bài thi hộ, nếu bắt được sẽ xử phạt. Lại sau khi vào trường thì quan địa phương phải luân phiên đi lại ngoài trường giám sát. Một khoản: mỗi kỳ vào trường, ở kinh thì nghiêm sức các thuộc viên Hành tẩu Thừa phái có khoa mục thuộc các bộ nha và Cử nhân học ở Quốc tử giám cùng các sinh viên Trường Quốc học không dự thi sáng sớm hôm ấy tề tựu chỗ Cơ mật viện mới để tiện điểm danh, ở tỉnh thì các tỉnh có trường thi đốc thúc thuộc viên và Tường sinh ở tỉnh tới điểm danh. Một khoản: việc làm văn nạp quyển ở mỗi trường định cuối giờ Dậu đầu giờ Tuất làm hạn, quá hạn thì không chấm bài. Một khoản: sớ Cử nhân Tú tài được lấy ở các trường theo lệ đều có giải ngạch, các quan trường đều phải chiếu theo văn lý duyệt lấy cho tinh tường xác đáng, nếu không đủ thì thà lấy thiếu chứ không lấy lạm. Chờ khi ba nha phúc duyệt quyển nào văn lý không thông và phạm lỗi nặng thì đánh rớt, còn lại nếu văn lý thô thiển, chữ viết sai sót, về tình có chỗ đáng ngờ sẽ dò tới phúc hạch, nếu quả thông thì cho dự hạng, nếu không thông thì đánh rớt).

1181. Đặt thêm các dịch trạm ở phủ Diễn Châu Nghệ An (trạm Yên Cát 1 Dịch mục, 18 phu trạm, ba trạm Yên Thanh, Văn Trường, Phú Nghĩa đều 1 Dịch mục, 6 phu trạm, lương tháng Dịch mục 3 đồng, phu trạm 1 đồng 5 hào, bắt đầu từ tháng 2 Tây lịch). Lúc bấy giờ phủ ấy đặt Phó Công sứ trú biện, lại có các sớ Thương chính Thanh Sơn, Phú Nghĩa, Vạn Phần***, văn thư chuyển phát bận rộn nên đặt thêm.

1182. Mùa hạ, tháng 4. Lúc bấy giờ thời tiết cực kỳ oi bức, trích tiền chi bắt thường (135 đồng) chia giao cho Nha Hộ thành cùng các trại quân và các phường ấp trong kinh thành quét vôi lên tường, lại sức cho binh dân quét dọn nhà cửa đường sá để tránh nhiễm khí độc.

1183. Giảm bớt chức Giáo phụ phủ Quỳnh Châu tỉnh Nghệ An (vì phủ ấy không có học trò).

1184. Thân định lệ xử phân việc xét xử án kiện chậm trễ. Bộ Hình tâu nói gần đây các tỉnh xét xử án kiện chậm trễ, đã phân biệt nghĩ xử các phủ huyện và Án sát chuyên ty, còn Tổng đốc Tuần phủ thường vì phải lo nhiều việc nên miễn nghĩ. Việc đôn đốc xét xử án kiện tuy có chuyên trách nhưng Tổng đốc Tuần phủ và Bố chánh tỉnh nào không có Tổng đốc Tuần phủ cũng phải kiêm quản, nên trở đi có các án kiện xét xử chậm trễ xin đều nghĩ xử để nghiêm phép công, theo như lời tâu.

1185. Chuẩn trở đi phạm Nội các và Thị vệ xử có việc quan hệ tới chính thể thì chiếu cho theo nha sở quan kính cẩn sao ra thi hành, không được gởi tất cho các địa phương. Phủ nha Thừa Thiên phạm có việc cần tâu hay tư thì do nha sở quan dâng bẩm nghĩ sao ra thi hành, không được gởi thẳng phiến tấu như trước. Lúc bấy giờ bề tôi Cơ mật viện vì Nội các Thị vệ phụng lời thánh dụ năm Thiệu Trị thứ 6, nhưng phủ nha Thừa Thiên đã dời đi (ở ngoài kinh thành hiện đặt Tòa Công sứ giống như các tỉnh) nên có lời nghị ấy.

1186. Tháng 5. Mở rộng địa phận thị xã ở phủ Thừa Thiên. Ban dụ nói “Người xưa làm chính trị tùy thời mà làm việc thích hợp, chưa từng đê chặt ở một chỗ nhất định. Chiếu theo thị xã ở kinh thành đã đặt giới hạn đã từng chuẩn định thi hành. Nay theo lời tâu của bề tôi Cơ mật viện nói nhận được lời bàn của Trú kinh Khâm sứ đại thần nghĩ mở rộng đường xe lửa từ kinh đô tới Đà Nẵng, nhà trạm nghĩ nên đặt ở bờ sông chỗ Phủ Cam. Chỗ ấy vốn nằm ngoài ranh giới thị xã, nay nghĩ nên lấy thêm một dải đất phía sau Tòa sứ Thừa Thiên tới đường ngự ra Nam Giao, qua chùa Báo Quốc và miếu Lịch đại đế vương tới đường rẽ bên cạnh phần mộ của cô Phụ chính đại thần Tuy Lý vương thẳng ra bờ phải sông Hương tới Tòa sứ Thừa Thiên. Ranh giới cũ của thị xã nên chiếu theo bản đồ, phạm ruộng đất nhà cửa trong chỗ ấy đều lệ vào ranh giới thị xã, nhân dân hiện ở trong đó đều nên an nghiệp, không nên nghe thế mà sợ hãi ngờ vực chuyển bán đất đai nhà cửa. Chờ về sau nếu có xây dựng đường xe lửa và nhà trạm lán vào vườn nhà ai, nếu là đất riêng sẽ chiếu nguyên giá trả lại, còn như những đất trồng thuộc đất công thì có nên phát mại thu tiền sung làm công quỹ thì việc mua bán ấy nên làm thế nào chiếu theo lời dụ chuẩn tháng 2 năm Thành Thái thứ 13 mà biện lý vân vân. Xem tờ tâu là muốn thị xã ngày càng mở mang, việc kinh doanh ngày càng phát đạt, rất đáng thi hành, chuẩn sao dụ này ra để thi hành” (về sau đến tháng 5 năm thứ 18, bọn Hồ Viễn, Hồ Hưu dân xã Phú Xuân vì gần đây đường xe lửa mới làm lán vào nơi cư trú không biết ở đâu lần lượt mộ được 36 người xin nhận lập riêng phường 9 chịu nạp thuế đinh thuế điền. Phủ nha hội đồng khám biên, vẽ ra bản đồ đất công đất tư tới 13 mẫu 1 sào, nhà cửa quan dân tất cả 118 hộ, tư xin chuẩn cho những người ấy lập ấp bảo, đặt Lý trưởng địa bạ, cấp cho triện gỗ, lệ thuộc vào tổng Phú Xuân huyện Hương Trà chịu sưu sai, cho bắt đầu chịu thuế từ năm thứ 19. Bề tôi Cơ mật viện tâu lên xin chuẩn cho thi hành. Duy miếu Lịch đại đế vương và miếu Lê Thánh tông vẫn do xã Phú Xuân điều bát canh giữ).

1187. Quan tỉnh Nghệ An tư về việc ba xã thôn Cẩm Bào, Yên Lý, Mỹ Quan thuộc phủ Diên Châu tranh giành ruộng đất, chiếu số đinh ba xã thôn ấy chước lượng chia ra (Yên Lý 35 mẫu, Mỹ Quan 25 mẫu, Cẩm Bào 15 mẫu), theo phần được chia nhận trung, đã sức trồng cột mốc phân định ranh giới, chiếu lệ ruộng hạng ba ghi thêm vào sổ trung thuế, mọi việc đã xong. Bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho sao ra tuân biện.

1188. Khôi phục tên thôn Lạc Thiện tỉnh Hà Tĩnh (thuộc xã Cổ Ngu phủ Đức Thọ), nguyên tên là Trung Lễ. Vì người trong thôn là Trần Cát Miễn làm Lãnh binh của giặc, làng xóm không thể bắt được nên sai xóa tên thôn, nhân đinh ruộng đất đền thần miếu vũ chia ra sáp nhập vào ba thôn Đông Khê, Thượng Ích, Thụy Vân. Đến lúc ấy việc đã yên, dân thôn xin khôi phục tên thôn, Tuần phủ Nguyễn Văn Mai dâng sớ xin cho lập lại, lấy tên là thôn Lạc Thiện (trong sớ có câu “Vạn tử tù đồ thượng hữu tái sinh chi lộ, Nhất thôn thần phật khởi vô nhất nghị chi điều” - Tù đồ muôn chết còn có được đường tái sinh, Thần phật một thôn há chẳng ban cho một nghị), cho như lời xin.

1189. Truy phục nguyên hàm cho Hiệp biện đại học sĩ Lê Bá Thận. Bá Thận làm quan hơn 30 năm, từng qua việc quân (sung Tham tán đại thần quân thứ Lạng Bằng, lại sung Tổng thống đại thần quân thứ Tĩnh Bình), năm Tự Đức thứ 31 lãnh Thượng thư bộ Lễ, vì lỗi phạm tât bị cách, kể vì bệnh chết, đã được truy phục Tham tri. Đến lúc ấy con là Phò mã Lê Bá trình bẩm với Cơ mật viện tâu lên, nên được truy phục.

1190. Tháng 5 nhuận. Bề tôi Cơ mật viện tâu nói “Trong nước có ba điều lớn mà sử là một, đọc sử mà không khảo Thực lục thì văn hiến chưa chắc đã đủ để làm chứng cứ. Tháng 4 thiết triều kính phụng diện dụ trong có một khoản nói “Người nước Nam nên học việc nước Nam, nay chỉ đọc sách vở phương Bắc nên về núi sông hình thế phong tục dị đồng ở nước ta thế nào đều không biết gì”, thật ngẩng thấy hoàng thượng ta muốn đôn đốc việc học, muốn sai thần dân nên biết việc của bản quốc để chờ ngày thực dụng. Các kỹ trong Thực lục triều ta hoàn thành đã lâu, xin ban sắc cho sử thần kính cẩn in cấp cho ấn quan trong ngoài và các học đường học trường. Ai tình nguyện tự bỏ tiền thuê thợ khắc in cũng cho phép để sau khi kính đọc, ngẩng biết liệt thánh sáng tạo gian nan và dấu vết nhân vật các triều thì càng thấy rõ thêm hoàng thượng ta mở rộng sự học, quả thật là điều quan trọng trong việc giáo hóa nhân dân, thành toàn phong tục”. Vua chuẩn y lời tâu.

1191. Tổng đốc Thanh Hóa Vương Duy Trinh dâng gạo tre (ở châu Quan Hóa trong hạt dân đói, ở hai xã Cổ Nam, Cổ Cương hoa tre cát biến thành gạo rơi xuống đất, nhân dân lấy đó ăn để đỡ lòng, quan tỉnh cho là việc có quan hệ với cái ăn của dân nên dâng lên).

1192. Ban cấp cho hoàng đệ Bửu Kiên 3.500 đồng để sửa sang phủ đệ.

1193. Làm đường từ Vinh (1) tới Trạch Lão thẳng tới xứ Tạ Đô (kinh phí hơn 20.000 đồng, dân phu ứng dịch nhiều người bị bệnh chết).

(1) Nguyên bản chép là “Vĩnh”, đây dịch theo thói quen phổ biến của người Việt Nam trước nay.

1194. Tháng 6. Tỉnh Nghệ An động đất (giờ Dần ngày 16 tháng trước tỉnh thành động đất, hơi bị rung rinh. Phủ Quy Châu báo chiều tối ngày 15 có mưa to gió lớn, đến 3 giờ sáng chợt nghe một tiếng thủy pháo, mặt đất rung chuyển. Quỳnh Lưu báo hai núi Quy Lĩnh, Di Nhân đá núi rơi xuống, các phủ huyện khác cũng báo tương tự).

1195. Đặt thêm dịch trạm Bình Giang ở huyện Bình Khê tỉnh Bình Định (trước đây đường từ tỉnh thành tới huyện Bình Khê chưa đặt trạm, đặt thêm để làm việc chuyển phát).

1196. Chuẩn cho quân đội Đại Pháp bày trận diễn tập trước Ngọ Môn (thứ tư và thứ bảy mỗi tuần lễ, từ 5 đến 6 giờ sáng).

1197. Mùa thu, tháng 7. Tòa Khâm sứ bàn lập Trường Đua ngựa trong cửa Tây Bắc kinh thành, cho như lời xin (chỗ bãi đất trống gần đài Trấn Bình).

1198. Hai thôn Xuân Nha, Phú Giang tổng Tam Xuân huyện Nghi Xuân tỉnh Hà Tĩnh bị hỏa hoạn cháy lan ra 241 hộ, chuẩn chiếu lệ trích tiền cấp cho (241 đồng) (1).

(1) Điều này trong nguyên bản đoạn trước chép là “nhị bách tứ thập nhất hộ”, đoạn sau lại chép là “nhị bách tứ thập nhị nguyên”, rõ ràng một trong hai con số nói trên bị chép lầm, đây tạm đính và dịch như trên.

1199. *Thực lục Chính biên Đệ ngũ kỷ* hoàn thành dâng lên, bộ Lễ dâng trình nghi thức thiết triều lay mừng, vua phê nói “Bỏ việc thiết triều chúc mừng”.

1200. Nguyên Bô chánh Nghệ An Lê Khiết có tội bị đoạt hàm (bị Nguyễn Chúc Nguyễn Giảng làm đơn tố cáo vụ án mạng Thị Kỳ, giáng 4 cấp rời chức về quê ở tỉnh Quảng Ngãi, không được lưu trú ở kinh).

1201. Thân rõ lệ kính tránh chữ húy (người đi thi làm lần phạm húy theo lệ phải đánh 80 trượng giảm còn 60 trượng, theo lệ phải đánh 60 trượng giảm còn 50 trượng, theo lệ phải đánh 60 trượng giảm còn 50 roi, theo lệ phải đánh 50 roi giảm còn 30 roi, ai có tiền thì cho chuộc, ai không có tiền thì xử lập tức, còn Công sinh Giám sinh Cử nhân ở Quốc tử giám cùng những người đã làm việc công mà được dự thi còn lầm lẫn phạm húy thì tuân chiếu lời nghị vốn có mà thi hành).

1202. Thân rõ lệ xử phân việc đệ đạt văn thư án kiện chậm trễ (trở đi phạm án kiện trừ những vụ có khoản phải bàn nếu chậm trễ thì chiếu lệ năm Tự Đức thứ 1, công văn kê trình nếu chậm trễ thì chiếu lệ năm Tự Đức thứ 14 nghĩ xử, không được du di nhập nhèm viện dẫn). Lúc ấy các phủ tỉnh đạo xử án thường quen lề mề lười biếng, lâm thời hoặc chiếu lệ Xử án chậm hoặc chiếu lệ Kê trình công văn, rất không thống nhất, nên bộ Hình có lời nghị ấy.

1203. Quan tỉnh Bình Thuận báo tin bệnh dịch (từ ngày 2 đến ngày 25 nhân dân các xã thôn ở hai phủ huyện Hàm Thuận Hòa Đa có 115 người nam nữ nhiễm bệnh, đã sức cho Tri phủ Tri huyện đích thân tới các linh từ thành kính cầu đảo).

1204. Tháng 8. Định sổ sách chi tiêu của các tỉnh và thị xã năm tới. Ban dụ nói “Chiều ngày 5 tháng 6 năm Thành Thái thứ 11 (ngày 27. 7. 1899 Tây lịch) đã dụ chuẩn cho lập sổ sách chi tiêu của thị xã các tỉnh lớn, từ đó đến nay tuân biện rất có hiệu quả, nên thi hành ở tỉnh hạt để quan đầu tỉnh và Công sứ có mà chi tiêu vào việc công ích trong tỉnh. Nay theo lời Cơ mật viện tâu rõ các lẽ, chuẩn cho các phủ tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thừa Thiên, Quảng Nam. Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Bình Thuận đều lập sổ sách chi tiêu, bắt đầu từ ngày 1 năm Tây lịch năm sau. Sổ sách chi tiêu vốn có của thị xã nên hợp với sổ sách chi tiêu mới làm một bản, do Công sứ bàn bạc với quan tỉnh xét thực xem nên thu chi bao nhiêu ghi rõ vào sổ sách thu chi đệ trình lên để Khâm sứ đại thần cùng bề tôi Cơ mật viện duyệt định thi hành. Sổ sách ấy đã duyệt định, nếu trong đó có khoản nào cần thay đổi sửa chữa chuẩn cho Khâm sứ đại thần chiếu theo thể lệ trên đây cho làm. Sổ sách thu chi của tỉnh phải chiếu theo sổ sách thu chi của thị xã thu các hạng thuế. Lại tiền phụ tăng thuế điền thổ trong tỉnh hạt, số tiền phụ tăng ấy mỗi năm nên thu bao nhiêu thì do Cơ mật viện bàn định. Còn việc chi cũng chiếu theo các khoản chi của sổ sách thị xã cùng công vụ có ích trong các tỉnh hạt như cầu đường kênh đê. Tới như các khoản chi tiêu của các tỉnh cùng thống kê toàn bộ thì do Toàn quyền đại thần nghị định, ngõ hầu được tường tất. Lời nghị này của Hộ chính thi hành trước ở các tỉnh lớn để có ích lợi, chắc về sau ắt có thể thi hành trên cả nước vân vân”.

1205. Chuẩn cho Đốc học Khánh Hòa Đàm Liêm (người Bắc Ninh, Đồng Tiến sĩ khoa Ất mùi) đổi thụ Quang lộc tự thiếu khanh vẫn lãnh chức như cũ. Liêm tính thuần học rộng, Tổng đốc Bình Phú Dương Lâm, Tổng đốc Thuận Khánh Hồ Đệ cùng làm tờ tâu tiến cử, nên có lời chuẩn ấy.

1206. Sai Cơ mật viện đại thần Thượng thư bộ Binh Hồ Lệ sung chức Khâm sai đại thần theo dịch trạm tới tỉnh Hà Tĩnh tra xét cho rõ việc Tuần phủ Nguyễn Văn Mại, Bồi chánh Trương Trọng Hữu và các phủ huyện mua thóc cấp tiền cùng phân bổ chiết nạp những tệ các khoản (nguyên bản mua 4.000 hộc thóc, mỗi hộc trả 2 đồng, kể sức mua được 2.500 hộc, mỗi hộc chỉ trả 1 đồng). Đến khi án thành, Tuần phủ Nguyễn Văn Mại, Bồi chánh Trương Trọng Hữu hoặc vì lỗi Không khéo làm việc hoặc vì lỗi Thất sát đều bị giáng bốn cấp rồi chức, Án sát Cao Ngọc Lễ giáng ba cấp lưu, Tri phủ Hà Thanh Vương Đình Trân làm nhiều việc tội tệ kết án đánh 100 trượng khổ sai 3 năm, Tri huyện Can Lộc Lê Tiếp giáng hai cấp lưu, Tri huyện Cẩm Xuyên Trần Đức Cơ triệt hồi cải bổ, Cửu phẩm thư lại Trần Chí cách chức về sổ dân, còn các lại dịch Chánh tổng phạm luật còn lại đều bị giáng phạt nhiều ít khác nhau. Tỉnh Hà Tĩnh lại xảy ra vụ Tham biện Lê Đạt bớt xén tiền tu bổ hành cung (nguyên dự trừ 1.400 đồng, nhưng ngoài số ấy còn bỏ thu vợ vết nhiều khoản) cũng giao cho Khâm sai đại thần tra cứu, kết án giáng Đạt ba cấp rồi chức không được bổ dụng nữa, đều chuẩn sao ra cho thi hành.

1207. Tham biện Cơ mật viện Thân Trọng Huệ dâng sớ xin chỉnh đốn học quy thí pháp (sớ đại lược nói “Trộm nghĩ lập học là điều cốt yếu của chính sự, việc trước tiên để giáo hóa nhân dân, thành toàn phong tục. Các nước trên hoàn cầu sơ dĩ giàu mạnh chưa chắc đã không phải nhờ học vấn mà làm được. Nay thấy phong hội ngày càng mở ra, phép tắc việc học việc thi rất nên chỉnh đốn để hện ngày thực dụng. Nước Đại Pháp lập học chia làm ba cấp gọi là tiểu học, trung học, đại học, lại có văn học, vũ học, khoáng học cùng các Trường Bách công kỹ nghệ, tùy tài mà dạy, từ khi tới đất này cũng rất chú ý tới việc lập học (Nam Kỳ là thịnh nhất, Bắc Kỳ cũng có một hai trường Tây). Trong kinh vài năm nay chỉ có Trường Quốc học, tỉnh ngoài chỉ có Đà Nẵng và thị xã Nghệ An mỗi nơi có một trường, nghĩ nên mở rộng quy chế cho được phổ biến. Còn phép thi Hương xin ngoài ba trường theo chế độ vốn có chọn lấy Tú tài, nếu ai đã trúng trường phúc hạch thi thêm chữ Tây tiếng Tây luật Nam toán Tây đều một bài, người dự trúng cho vào hạng Cử nhân, người không dự trúng cho khoa tới chỉ thi chữ chữ Tây luật Tây toán Tây mà thôi. Còn thi Hội xin đình lệ ba năm cử hành một lần, trong đó ai đã đỗ Cử nhân mà sức học dồi dào muốn làm Tiến sĩ thì làm đơn bẩm với bộ Lễ tự chọn nghị luận việc cổ và thời vụ đều một đề cho về làm, cốt được đầy đủ rộng rãi, phát minh nghĩa lý, mỗi đề phải viết được 50 trang giấy lệnh chỉ trở lên. Lúc nào sách xong chép ra một số bản đệ nạp cho bộ Lễ, do bộ ấy tâu xin sai quan Hội đồng duyệt trước, hện ngày khác chiếu theo sự lý viết trong sách mà hỏi vấn, nếu ai trả lời thông suốt thì lấy làm Tiến sĩ, chiếu lệ biện riêng”). Sớ đưa vào, chuẩn cho Cơ mật viện bàn bạc.

1208. Tu bổ hai miếu Văn thánh Khải thánh (trừ tính chi phí 10.000 đồng, lấy Thống chương Lê Mậu sung Đồng lý, đến tháng 3 năm thứ 16 hoàn công).

1209. Giảm giải ngạch của trường Hà Nội (nguyên ngạch Cử nhân 90 người, Tú tài 270 người, đến lúc ấy giảm còn Cử nhân 50 người, Tú tài 150 người), là theo lời Thống sứ đại thần Bắc Kỳ.

1210. Năm ấy Lê Tấn (người Nghệ An, học sinh trường Pháp Việt) phụ thí trường thi Hương Nghệ An nhờ người (Nguyễn Đức Hiệp, người cùng hạt) làm bài giúp, làm thi đỗ (Cử nhân thứ 11), bị bề tôi Đô sát viện Hồ Lệ

trích ra, bèn chuẩn cho ba nha hội đồng sát hạch, đến khi phiên tấu dâng lên, vua phê nói “Lê Tấn tước bằng Cử nhân, cho về thi lại”.

1211. Tháng 9. Dời đền thờ Kiên thái vương tới dựng ở xã Dương Phẩm.

1212. Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lễ sung Cơ mật viện đại thần Huỳnh Vĩ lại dâng sớ xin về hưu (68 tuổi, làm quan liên tục hơn 30 năm). Vua nói “Khanh là cựu thần, làm quan trong ngoài đã lâu, một lòng chăm chỉ, nay vì lớn tuổi tâu xin trí sĩ, trăm không nỡ lại làm trái ý, chuẩn cho như lời xin, tiền hưu bổng do bộ Hộ bàn cấp để làm rõ ý huệ dưỡng bậc lão thần”. Bèn chuẩn nguyên Tổng đốc An Tĩnh Lê Trinh đổi thụ Thượng thư bộ Lễ sung Cơ mật viện đại thần.

1213. Chuẩn trở đi phàm các nha môn trong kinh ngoài tỉnh làm việc tư tấu và sĩ tử làm văn gặp hai chữ tôn tự (một chữ bên trái là Ngôn bên phải là Giai, một chữ bên trái là Ngôn bên phải là Chu (1)) thì đổi dùng chữ khác, không được vẫn kính cần viết thiếu một nét như trước, tên người tên đất thì không được dùng.

(1) Tức chữ Hải và chữ Điều. Điều là tên húy, còn Hải có lẽ là tiểu tự của bà Từ minh Huệ hoàng hậu mẹ vua Thành Thái.

1214. Thân định nghi thức triều hạ trong triều đình (qua năm kính gặp hai ngày Vạn thọ, Nguyên đán tuần chiếu nghi tiết trong niên hiệu Tự Đức lên điện, phi tần ngự nữ từ Cửu giai trở lên chia làm hai hàng đứng hai bên điện đình, từ vị nhập giai tới thị nữ đều chia làm hai hàng đứng hai bên phía ngoài. Nữ quan bày biện lễ phẩm đều phải mặc áo đội mũ xếp hàng, nữ quan và nữ nhạc đánh trống xướng tán như thứ tự nghi thức. Công chúa các triều chia làm hai hàng theo thứ tự đứng trên điện. Thái giám phụng trực các hạng, các công nữ tôn nữ trước điện đình đều làm lễ vái lạy, sau đó rước vua vào, nhạc chương do Nội các nghĩ soạn, lễ phẩm do Thị vệ lo liệu).

1215. Sai bộ Công dựng hai dãy nhà ở cho thuộc viên (mỗi dãy 20 gian) trong cửa Chính Đông (tháo dỡ gỗ ván nhà cửa Lục bộ và nhà ở của quân binh xây dựng. Có nhà tranh lều cỏ nào quá gàn thì sức cho dời đi, chức lượng cấp tiền cho).

1216. Lúc bấy giờ dịch khí lưu hành, các tỉnh Tả Trục kỳ đều báo về tình hình hoạn nạn của dân (nhân dân bị cảm nhiễm các chứng hàn nhiệt ghê lở, súc vật có con bị dịch chết, trong đó tỉnh Bình Thuận bị thiệt hại nặng nhất).

1217. Mùa đông, tháng 10. Sắc nói “Theo lời tâu của Cơ mật viện xin khôi phục lệ ra triều cũ, mỗi buổi chiều ngày sóc ngày vọng hàng tháng trăm ngự ra điện Văn Minh nghe chính sự, bắt đầu từ ngày sóc tháng sau”. Lúc bấy giờ vì gặp các ngày lễ thánh đàn và ngày kỵ nên chuẩn cho đình.

1218. Đặt thêm chức Thương biện tỉnh Nghệ An, chuẩn cho Tri phủ Anh Sơn Từ Thiệp lấy hàm Hồng lô tự thiếu khanh sung vào. Tỉnh ấy công việc bận rộn, Thương biện Đoàn Đình Duyệt chuyên sung Đốc biện làm đường bộ, Trú sứ gửi điện văn về trình nên có lệnh ấy.

1219. Bắt đầu đình lễ ngày Đông chí. Lúc bấy giờ bộ Lễ trình nghi thức thiết triều, vua chuẩn cho đình.

1220. Tháng 11. Đình đặt chức Tham biện ở tỉnh Thanh Hóa (vì việc ít nên nguyên Tham biện Lê Thiện Kế được triệt hồi hậu bổ).

1221. Hoàng nữ triều trước là Hỷ Hỷ hạ giá lấy Nguyễn Hữu Thiện con thứ Đông Các đại học sĩ Nguyễn Hữu Thăng, chuẩn chức cấp nữ trang và tiền phủ đệ (2.500 đồng. Sai Tuyên Hóa quận công Bửu Tán sung chủ hôn, Thống chế Tôn Thất Phương sung việc thu xếp).

1222. Dời đặt dịch trạm Lương Lãng phủ Anh Sơn tỉnh Nghệ An tới Chợ Dừa (1) (thuộc địa phận Quan Lãng). Trạm ấy vốn đặt ở xã Hội Lâm, gọi là trạm Lương Hội, đến lúc ấy Tổng đốc Tôn Thất Hân vì khoảng đường không đều tâu xin dời đặt, cho như lời xin.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

1223. Thân định điều khoản tiền chuộc và khổ sai (Một khoản: người già, trẻ em, người tàn phế, người có tật cùng nhỏ sinh (1) và phụ nữ nghèo khổ phạm tội bị đánh 10 roi cho nạp tiền chuộc 3 hào, đánh 20 roi chuộc tiền 5 hào, 30 roi chuộc tiền 1 đồng, 40 roi chuộc tiền 1 đồng 5 hào, 50 roi chuộc tiền 2 đồng, 60 trọng chuộc tiền 2 đồng 5 hào, 70 trọng chuộc tiền 3 đồng, 80 trọng chuộc tiền 3 đồng 5 hào, 90 trọng chuộc tiền 4 đồng, 100 trọng chuộc tiền 4 đồng 5 hào. Khổ sai 1 năm chuộc tiền 5 đồng, khổ sai 1 năm rưỡi chuộc tiền 5 đồng 5 hào, khổ sai 2 năm chuộc tiền 6 đồng, khổ sai 2 năm rưỡi chuộc tiền 7 đồng, khổ sai 3 năm chuộc tiền 8 đồng. Đi đày 2.000 dặm chuộc tiền 9 đồng, đày 2.500 dặm chuộc tiền 10 đồng, đày 3.000 dặm chuộc tiền 11 đồng. Tội sung quân (trở xuống cũng thế) phát phối tới vùng phụ cận hay biên giới ở gần chuộc tiền 12 đồng, phát phối tới vùng biên giới xa xôi chuộc tiền 13 đồng, phát phối tới nơi biên giới xa nhất chuộc tiền 14 đồng. Tội trảm và giam giữ hậu chuộc tiền 15 đồng. Tội như thiên văn sinh có ai phạm tội cũng chiếu theo đó mà biện lý. Một khoản: vợ con quan viên và phụ nữ có tiền phạm tội đánh 10 roi chuộc tiền 6 hào, 20 roi chuộc tiền 1 đồng, 30 roi chuộc tiền 2 đồng, 40 roi chuộc tiền 3 đồng, 50 roi chuộc tiền 4 đồng, 60 trọng chuộc tiền 5 đồng, 70 trọng chuộc tiền 6 đồng, 80 trọng chuộc tiền 7 đồng, 90 trọng chuộc tiền 8 đồng, 100 trọng chuộc tiền 9 đồng. Khổ sai 1 năm chuộc tiền 10 đồng, khổ sai 1 năm rưỡi chuộc tiền 11 đồng, khổ sai 2 năm chuộc tiền 12 đồng, khổ sai 2 năm rưỡi chuộc tiền 14 đồng,

khô sai 3 năm chuộc tiền 16 đồng. Bị đày 2.000 dặm chuộc tiền 18 đồng, đày 2.500 dặm chuộc tiền 20 đồng, đày 3.000 dặm chuộc tiền 22 đồng. Tội sung quân (trở xuống cũng thế) phát phối tới vùng biên giới phụ cận chuộc tiền 24 đồng, phát phối tới vùng biên giới xa xôi chuộc tiền 26 đồng, phát phối tới nơi biên giới xa nhất chuộc tiền 28 đồng. Tội trăm và giáo (1) giam hậu chuộc tiền 30 đồng. Một khoản: đàn ông tráng đinh và quân nhân phạm tội đánh 10 roi chuộc tiền 3 đồng, 20 roi chuộc tiền 6 đồng, 30 roi chuộc tiền 9 đồng, 40 roi chuộc tiền 12 đồng, 50 roi chuộc tiền 15 đồng, 60 trượng chuộc tiền 30 đồng, 70 trượng chuộc tiền 35 đồng, 80 trượng chuộc tiền 40 đồng, 90 trượng chuộc tiền 45 đồng, 100 trượng chuộc tiền 50 đồng. Khô sai 1 năm chuộc tiền 60 đồng, khô sai 1 năm rưỡi chuộc tiền 70 đồng, khô sai 2 năm chuộc tiền 80 đồng, khô sai 2 năm rưỡi chuộc tiền 90 đồng, khô sai 3 năm chuộc tiền 100 đồng, binh, nô, tù chuộc tiền 130 đồng. Đày 2.000 dặm chuộc tiền 145 đồng, đày 2.500 dặm chuộc tiền 160 đồng, đày 3.000 dặm chuộc tiền 180 đồng. Tội sung quân (trở xuống cũng thế) phát phối tới vùng phụ cận chuộc tiền 190 đồng, phát phối tới vùng biên giới ở gần chuộc tiền 200 đồng, phát phối tới vùng biên giới xa xôi chuộc tiền 210 đồng, phát phối tới nơi biên giới xa nhất chuộc tiền 220 đồng. Giáo giam hậu hoặc giáo quyết đội ơn giáo giam hậu chuộc tiền 230 đồng, trăm giáo (2) giam hậu chuộc tiền 250 đồng. Còn như án quan văn võ và tãn quan phạm tội công thì đều chiếu như thường dân tăng lên gấp rưỡi (như khô sai 1 năm, thường dân chuộc tiền 60 đồng thì án quan văn võ và tãn quan thêm 30 đồng, thành 90 đồng) tội tư đều tăng gấp đôi (như khô sai 1 năm chuộc tiền 60 đồng thì quan viên và tãn quan thêm 60 đồng, thành 120 đồng) cho chuộc. Một khoản: nha dịch áp giải tù phạm lục soát trộm cắp tài vật của người ta, nếu tang vật không có bao nhiêu (1 quan trở xuống) theo nguyên lệ đóng gông giải rao 3 tháng, đôi thêm khô dịch 2 tháng (cộng 5 tháng), nếu tang vật phạm tới tội khô sai (trở xuống cũng thế) theo nguyên lệ đóng gông giải rao 1 năm, đôi thêm khô dịch 10 tháng (5 tội khô sai đều thêm 10 tháng). Phạm tội đi đày theo nguyên lệ đóng gông giải rao 2 năm, đôi thêm khô dịch 1 năm rưỡi (ba tội đi đày đều thêm 1 năm rưỡi). Phạm tội sung quân theo nguyên lệ đóng gông giải rao 3 năm, đôi thêm khô dịch 2 năm rưỡi (các tội sung quân đều thêm 2 năm rưỡi). Tù phạm tử tội (trăm, giáo giam hậu) lại phạm tử tội theo nguyên lệ nghĩ xử quyết, nay nên lưu trăm giáo giam hậu, gặp lúc ân xá cũng không được viện cố giảm tội. Còn quân lính áp giải tù phạm nếu phóng túng ăn chia tang vật thì cùng tội với thủ phạm, nếu lâm thời sơ suất việc canh phòng xin theo lệ tù phạm giảm đi một nửa (như tù nhân thêm giam 2 tháng thì quân lính áp giải tù phạm chiết giảm còn 1 tháng), là theo lời nghị của bộ Hình).

(1) Nguyên bản chép là “thiên văn sinh”, có chỗ tội nghĩa, đây tạm đính và dịch như trên.

(2) Nguyên bản chép là “trăm giam hậu”, có chỗ không thống nhất, đây đính lại như trên.

1224. Làm cầu sắt Gia Hội và cầu sắt Thanh Long ngoài Thủy Quan.

1225. Tu bổ xây dựng đường sá trong kinh thành (hai đường Đông nam, Chính đông dài 2.312 thước Tây, rộng 6 thước Tây, bốn đường chung quanh Lục bộ dài 1.249 thước Tây, rộng 4 thước Tây, chi phí hơn 3.329 đồng).

1226. Thân định lệ công sưu đồng niên của xã dân. Lúc đầu là Khâm sứ đại thần Auvergne bàn nói nguyên định tráng đinh mỗi người đồng niên chịu công sưu 30 ngày, nhưng 20 ngày cho nạp thay bằng tiền 2 đồng, còn 10 ngày lưu lại để làm việc trong làng xóm. Nay nên trích 6 ngày trong đó điều bát đi làm việc công ích trong tỉnh hạt, lại chép thành dụ văn giao cho Cơ mật viện tâu lên chuẩn cho thi hành. Bèn phụng dụ nói “Chiều theo lời dụ chuẩn đổi định thuế khóa của bản quốc năm trước (ngày 14. 8. 1898 Tây lịch tức ngày 27 tháng 6 năm Thành Thái thứ 10) và triệt bãi sưu dịch, đặc biệt bố cáo cho mọi người cùng biết những điều triệt bãi nguyên là sưu dịch thuộc Đại Công cục, từ khi ban dụ chuẩn cho thi hành đã có ngân sách chi biện. Ý ban đầu không phải là triệt bỏ công sưu để làm việc công ích trong hạt. Nay lấy lời lẽ đại cương trong dụ ấy rút gọn bản như sau: khoản công sưu ấy phải thân định lệ ngõ hầu tránh được việc kẻ thừa hành nhân đó bẻ cong pháp luật. Theo lời bề tôi Cơ mật viện bàn bạc tâu lên, nay Nghị định tráng đinh mỗi suất đồng niên chịu công sưu cho quốc gia 6 ngày, chỉ làm các việc công ích trong hạt. Khoản công sưu này nạp thay bao nhiêu cho xã dân tùy tiện, việc cho nạp tiền thay khoản sưu ấy qua năm sau do quý Bảo hộ bàn với Cơ mật viện nghĩ định”. Lại quan Công sứ bàn với quan tỉnh qua năm sau lập sổ công sưu do Cơ mật viện duyệt hợp với Khâm sứ bàn định thi hành.

1227. Sai quan tỉnh từ Thanh Hóa tới Bình Thuận súc sao địa bạ vốn đang giữ (hiện kiểm lại bị thiếu) đệ lên bộ Hộ lưu chiếu. Lúc đầu bắt được 234 bản địa bạ phủ Thừa Thiên bị thiếu trong Tàng thư lâu ở nhà Lý trưởng cũ là Ký ở xã An Hóa, y khai bọn Đội trưởng Chiêu kiểm thủ lấy trộm bán cho, việc lộ ra chuẩn giao cho bộ Hình tra xét nghĩ tội, lại sai phủ nha Thừa Thiên và các địa phương sao lại để thi hành.

1228. Tháng 12. Ban sắc nói “Thượng thư bộ Lễ sung đại thần quản lãnh Thị vệ Ngô Đình Khả tinh thông chữ Pháp, trở đi cho thường ngày tới phủ đệ của em trăm là Tuyên Hóa quận công Bửu Tán và Bửu Kiêm giảng tập cho sớm thông hiểu chữ Tây”.

1229. Sai Chương vệ Nguyễn Vũ Trinh sung Đồng lý trưởng Canh nông (thay Chương vệ Nguyễn Văn Khâm về hưu nên khuyết).

1230. Tu bổ xây dựng đường sá trong hoàng thành (hai đường từ cửa Hiên Nhân tới cửa Nhật Tinh và từ tường nhà quân Túc vệ tới cửa Hưng Khánh, chi phí 463 đồng 1 hào)

1231. Tế hưởng Thái miếu, Vua đích thân tới chiêm bái, bách quan theo ban vào lạy, có người cười nói với nhau, Khoa đạo Cù nghi là Ngô Hoán không kiểm soát nêu ra, vua tuyên triệu gọi các viên chính khanh vào ban sắc

khiến trách, lại khiến trách tới Hoán. Hoán sợ dâng sớ chịu tội, vua phê nói “Trở đi nếu có những việc như thế thì viện các người phải lập tức kiểm soát trích ra tham hặc, không được qua loa như thế nữa”.

1232. Lại giảm ngạch binh trong kinh ngoài tỉnh (Kinh binh Nhất vệ hiện ngạch 200 người giảm 50 người, Nhị vệ 204 người giảm 16 người. Tam vệ 190 người giảm 20 người, Tứ vệ 202 người giảm 18 người, Ngũ vệ Lục vệ đều 185 người đều giảm 18 người, Thất vệ 185 người giảm 19 người, Bát vệ 183 người giảm 18 người, Cửu vệ 180 người giảm 18 người, Thanh Hóa Nghệ An Hà Tĩnh đều 250 người đều giảm 20 người, Quảng Bình Quảng Trị đều 150 người đều giảm 10 người, Quảng Nam 220 người giảm 25 người, Quảng Ngãi 150 người giảm 20 người, Sơn phòng Quảng Ngãi 225 người giảm 55 người, duy quân Tuần sai 100 người vẫn giữ như cũ, Bình Định 220 người giảm 25 người, Sơn phòng Bình Định 75 người giảm 25 người, quân Tuần sai 40 người vẫn giữ như cũ, Phú Yên Khánh Hòa Bình Thuận đều 100 người đều giảm 10 người).

Quyển 16

1233. Năm Giáp Thìn Thành Thái thứ 16 (1904 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Cấp lại nguyệt bổng cho tôn tước và Công tử Công tôn. Các phủ phòng sau khi lãnh trước nguyệt bổng 5 năm vẫn nhiều người cùng quân, nhiều lần làm đơn kêu với Tòa sứ, lại nhân Toàn quyền đại thần tới kinh, kêu xin chu cấp. Khâm sứ đại thần Auvergne rất lấy làm bất tiện, bèn bàn với Cơ mật viện tâu lên chuẩn cho Phủ Tôn nhân xét thực kê rõ tôn tước 72 người và Công tử Công tôn 21 tuổi trở lên 329 người chiếu lệ chi cấp (người làm quan chiếu lệ chi quan bổng không được lãnh nữa, nhân số giảm đi thì trừ không chi bổng, không được bổ sung), bắt đầu từ ngày 1 năm Tây lịch năm sau. Còn Công tử Công tôn từ 20 tuổi trở xuống cùng các công tăng tôn, tôn thất đều phải tìm nghề mưu sinh, không được viện lệ kêu nài (về sau người các hệ trong tôn thất lại kêu xin với Tòa sứ và Cơ mật viện xin cấp bổng lại, Khâm sứ đại thần cho rằng việc đã bàn định mà vẫn lại như thế bèn bàn với Cơ mật viện tâu lên chuẩn cho trưởng các hệ và nha môn bắt giam trừng trị).

1234. Bắt đầu đặt Trường Tôn học, ban dụ nói “Văn học Thái Tây dịch ra chữ quốc ngữ nước ta rất là cần thiết, trẫm đã tham khảo châm chước quyết định, lại dặn dò sai báo các tôn tước cùng Công tử Công tôn đều nên học tập để chờ ngày hữu dụng, tới như những người tuổi trẻ thông minh dĩnh ngộ cũng cho vào học”. Bèn sai Tuyên Hóa quận công Bửu Tán kiêm quản Tôn học, nghị định quy chế chương trình tâu lên để thi hành (đặt 2 Trợ giáo, 5 Giáo học, 10 Thừa biện). Lấy sảnh đường cũ của Cơ mật viện làm nơi giảng tập, chế cấp ấn kiếm (ấn khắc các chữ “Kiêm quản Tôn học chi ấn”, kiếm khắc các chữ “Tôn học”) để làm việc, hàng tháng trích 300 đồng trong đại nội đưa qua để chi phí.

1235. Ngày Ất mùi (ngày 10), thăng phụ Nghi thiên Chương hoàng hậu vào miếu điện (trong Thế miếu và điện Phụng Tiên đều ở án thứ nhất bên phải, trong điện Biểu Đức thì ở án chính). Trước đó ban dụ bố cáo cho trong ngoài, lời dụ nói “Hiếu không gì lớn bằng tôn thân, lễ đặc biệt to nơi học tổ. Cho nên đồng tòng hợp tự, sáng nền thơm hương. Kinh Dịch có lời văn “Cách hữu miếu” (1), Kinh Thi có câu tụng “Hữu Văn mẫu” (2), đạo lớn nhân hiếu tới đó là hết mức. Nhà nước ta nhất thống dư đồ, điển chương đầy đủ. Năm Minh Mạng thứ 3 bắt đầu đưa Thừa thiên Cao hoàng hậu vào hợp tự ở Thế miếu, năm Tự Đức thứ 1 đưa Thuận thiên Cao hoàng hậu thăng phụ cùng hợp tự ở điện Phụng Tiên, ghi thành điển lễ kéo dài muôn thuở. Kính nghĩ Hoàng tăng tổ tỷ Nghi thiên Chương hoàng hậu ta làm mẫu nghi thiên hạ 61 năm, thọ 92 tuổi, giúp Hoàng tăng tổ khảo Hiến tổ Chương hoàng đế ta lập công nội trị, lại giúp Hoàng tổ khảo Dực tông Anh hoàng đế ta mở vận thăng bình. Đức khiêm sáng ở cung vi, ân trạch khắp cả thiên hạ. Ngẫu nhiên vận nước gian nan, thành từ lạng lẽ xoay chuyển, giữ yên tôn miếu, cuộn cuộn mệnh mông, lưu lại cho người sau, làm lợi cho xã tắc, mưu thơm đức thánh quả thật sáng nơi sử sách. Trẫm truy niệm tiền huy, ghen ngào nức nở, nghĩ rất nên chọn lúc cử hành lễ thăng phụ, bèn sai hữu ty chọn ngày tốt, lấy ngày 2 tháng tới (tháng 2) trẫm đích thân tới điện Lương Khiêm tế cáo, ngày 6 sai quan tế cáo với các miếu điện, ngày 7 đem việc tâu lên với cung Ninh Thọ, ngày 10 Kỷ mùi sẽ kính đưa thân chủ lên thăng phụ ở án thứ nhất bên phải trong Thế miếu, thánh vị hợp tự ở án thứ nhất bên phải trong điện Phụng Tiên cùng án chính trong điện Biểu Đức. Lễ lớn làm xong, lưu lại hậu thế, để làm rõ sự kính cẩn thành tâm của riêng ta, an ủi lòng mong mỏi tôn thân của thần thứ. Bố cáo trong ngoài để đều nghe biết”. Đến hôm ấy vua đích thân suất lãnh hoàng thân quần thần kính cử hành đại lễ thăng phụ, lại đưa vào điện Lương Khiêm thờ vọng, là kính vâng theo di chúc của Dực tông Anh hoàng đế (di chúc đại lược nói “Điện Lương Khiêm lưu lại làm nơi thờ vọng, sớm tối trầu nước phụng sự cho cẩn thận để không quên ý niệm mong mỏi gần nhau lúc sống”. Theo lệ trước nay làm lễ thăng phụ xong đều ban ân chiếu, nhưng năm ấy vì kính gặp dịp ngũ tuần đại khánh tiết của cung Ninh Thọ, từ tháng giêng đầu mùa xuân đã có ân chiếu nên chuẩn cho đình).

(1) *Cách hữu miếu*: đây chỉ việc làm lễ thăng phụ cho bà Nghi thiên Chương hoàng hậu. Xem chú thích (2) điều 1054.

(2) *Hữu Văn mẫu*: lấy chữ trong *Kinh Thi*, *Chu tụng*, *Ung* “Ký hữu liệt khảo, Diệc hữu Văn mẫu” (Trước có liệt khảo, Sau có Văn mẫu). Văn mẫu chỉ bà Thái Tự vợ vua Văn vương, đây ví với bà Nghi thiên Chương hoàng hậu.

1236. Vua hầu từ giá ngự tàu máy Phú Xuân kính tới lăng Thoại Thái vương làm lễ chiêm bái.

1237. Chuẩn cho Nha Thông bảo Thanh Hóa mộ thêm ngạch thợ (Nha Thông bảo nguyên ngạch có 127 người, mỗi tháng đúc được 1.500 quan tiền, nhưng nhiều lần đã giảm bớt hay bỏ trốn, số còn lại không có bao nhiêu, chuẩn mộ thêm cho đủ 190 người, chia làm ba ban, lưu hai ban làm việc hưởng lương, một ban cho về) và cấp thêm lương tháng cho các hạng thợ có khác nhau.

1238. Chuẩn cho dân sống trôi nổi ở cù lao Phú Mỹ tỉnh Quảng Ngãi lập riêng vạn Mỹ An (trong niên hiệu Tự Đức dân nghèo Quảng Nam Bình Định xiêu dạt tới ngụ ở các xã thôn Hà Khê, Thu Sà, An Chuẩn, Phổ An, Phú Nhơn, Phú Mỹ, đã ghi vào hộ tịch cù lao Phú Mỹ. Đến lúc ấy sinh sôi ngày càng đông đúc, xã Phú Nhơn trích cho hai mẫu đất cù lao để ở, tự xin lập thành một vạn riêng, bèn cấp cho kiểm ký bằng gỗ cùng bài chi, có 1 Lý trưởng, tráng hạng nạp thuế đinh 19 người, thuế đất 2 mẫu, thuế lưới 39 đồng 8 hào). Lại dân xã An Nhơn Ninh Thuận (thuộc Thổ huyện An Phước) lập riêng thôn Phước Nhơn (dân xã An Nhơn tới cư trú trên ruộng đất của người Tây Bi Ly Nhung (1) mới khai khẩn, chia ruộng đất với xã cũ xin lập thành một thôn riêng, bèn cấp cho kiểm ký bằng gỗ cùng bài chi, tráng đinh 88 người, ruộng đất hơn 2 mẫu)

(1) Nguyên bản viết là “Bi Ly Nhung”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1239. Người Man ở Quảng Nam giết chết lương dân (ác Man ở sơn phận huyện Đại Lộc làm loạn kéo xuống cướp bóc hai xã An Thạnh, Trúc Hà và cù lao Hà Nhai, giết chết 3 đứa trẻ chăn trâu, làm bị thương 1 đứa), tâm nã bất được yếu phạm là bọn Đinh Bái. Quan tỉnh là Hồ Đệ nghĩ án đóng thành tập tâu đệ về, đại lược nói “Xét tặc người Man, một người giết chết được một người thì cả bọn kéo tới chúc mừng, thường coi việc giết người là làm hưng vượng gia đình làng xóm. Nếu coi là dân ngoài vòng giáo hóa thì ắt người Man ngày càng ác hơn, người Việt ngày càng khổ hơn, e không phải cái gọi là Trừ diệt mối lo ngoài biên”, xin đều chiếu luật phân biệt nghĩ xử (Đinh Bái cố ý giết người xử trăm giam hậu, 5 người theo giúp sức đều xử giáo giam hậu, những người cùng sách tới chúc mừng tuy không cùng đi nhưng không coi việc giết người là đáng sợ mà lại vui mừng thì cũng thuộc loại Cùng ác giúp nhau, đều xử đánh trượng đầy đi Lao Bảo ứng dịch) để trừng trị thói ác, theo như lời tâu.

1240. Sắc sai bộ Binh tư cho quan tỉnh Bình Định Phú Yên chọn mua ngựa tốt (đều ba con).

1241. Tháng 2. Ngày sóc (ngày Canh Tuất), có nhật thực.

1242. Bề tôi Quốc sử quán tâu nói “Tháng 8 năm Thành Thái thứ 7 chuẩn cho soạn tiếp *Liệt truyện Chính biên nhị tập* (từ năm Minh Mạng thứ 1 đến cuối năm Đồng Khánh thứ 3), phụng Nghi thiên Chương hoàng hậu, Lệ thiên Anh hoàng hậu chính vị trong cung, mẫu nghi thiên hạ, Tư trai Tư mỹ vốn đủ tiếng hay, tuy về sau mới băng nhưng lần này lần lượt cử hành lễ thăng phụ đều được tốt đẹp, xin tuân chiếu lệ *Chính biên sơ tập* đưa vào *Hậu phi liệt truyện*. Lại hoàng thân như Tuy Lý vương Miên Trinh là người hiền nhất trong các thân phiến cùng các bề tôi như Vũ Trọng Bình, Trần Đình Túc đều là bậc cự thần thạc vọng, tuy có khi mới chết sau này nhưng sự trạng rõ ràng, xin cũng biên soạn đưa vào”, cho như lời tâu.

(1) *Tư trai Tư mỹ*: lấy ý câu trong *Kinh Thi*, *Đại nhã*, *Tư trai* “Tư trai Thái Nhâm, Văn vương chi mẫu” (Thái Nhâm đoan trang, mẹ của Văn vương), đây ví với Thái hậu Từ Dũ.

1243. Chuẩn cho Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lại sung Cơ mật viện đại thần An Trường tử Nguyễn Thuật trí sĩ, lấy Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hộ Trương Như Cương đối lãnh Thượng thư bộ Lại, gia hàm Tổng đốc lãnh Tổng đốc Thuận Khánh Huỳnh Côn đối lãnh Thượng thư bộ Hộ sung Cơ mật viện đại thần, Thượng thư lãnh Tham tri bộ Hộ Phạm Xứng đối lãnh Tham tri bộ Lại (Tham tri bộ Lại Phạm Ngọc Thụ chờ bổ vào chức khác).

1244. Chuẩn cho các thôn phường điều tán ở Hà Tĩnh Quảng Trị lập lại tên thôn. Nguyên Chánh tổng Lê Cơ ở Hà Tĩnh chiêu hồi dân lưu tán về thôn Long Phụng cũ, lại mộ ngoại đinh 10 người, ruộng hơn 90 mẫu, lập làm thôn Vĩnh An, Nguyễn Văn Quế dân tỉnh Quảng Trị mộ đinh 4 người, tới phường Tân Nại cũ khai khẩn được 18 mẫu ruộng, lập làm phường Tân Chính.

1245. Thân định điều cấm trong kinh thành (Một khoản: xe kéo tay ban đêm ra vào thành phải có đèn xe, đến 12 giờ lập tức ra khỏi cửa thành không được ở lại. Một khoản: người không có chức sự và Công tử Công tôn cùng người tôn thất cư trú buôn bán phải có quan viên Ngũ phẩm trở lên và Tổng lý ở quê kết nhận mới cho phép. Một khoản: trong cửa Thủy Quan hai phía đông tây thành ban đêm nếu có thuyền chài nhỏ ra vào đánh cá, nhân đó lén làm việc trộm cắp thì phải cấm chỉ. Lại chuẩn cho Đề đốc đích thân tới kiểm khám, nhà cửa phải chỉnh tề, đường sá thì sức đắp thêm, chỗ nào không có dân cư thì hoặc sức làm vườn trồng cây trồng hoa hoặc cho khai khẩn thành ruộng đất trồng trọt ngô lúa, sẽ chiêu theo lệ đất vườn nạp thuế để tránh bỏ hoang).

1246. Tháng 3. Thi Hội Công sĩ, lấy Hiệp biện đại học sĩ Tổng đốc Thanh Hóa Vương Duy Trinh làm Chủ khảo, Thị lang sung biện Các vụ Trần Đạo Tiềm làm phó, Hồng lô tự khanh lãnh Đốc học Quảng Nam Trần Đình Phong làm Tri Công cử, lấy 4 người hạng trúng cách, 8 người hạng thứ trúng cách. Đến khi thi Điện (chuẩn lấy

Thượng thư bộ Binh Hồ Lê, Thượng thư bộ Hộ Huỳnh Côn sung Độc quyền, Thị lang bộ Lễ Ngô Liên, sung biên Các vụ Trần Đạo Tiềm sung Duyệt quyền) ban cho 1 người là Đệ nhị giáp Tiến sĩ (Đặng Văn Đoan - vốn tên bên trái là chữ ngọc, bên phải là chữ... (1), sau vì gặp tôn thụy đổi là Đoan), 5 người Đệ tam giáp Tiến sĩ, 5 người Phó bảng (Đỗ Văn Toại nguyên thứ trúng cách đình ưu nên chưa dự thi Đình).

(1) Túc chữ “Thụy”, ở đây viết theo lối chiết tự (vì kiêng húy vua Bảo Đại). Nhân vật này là Đặng Văn Thụy, con rể Cao Xuân Dục,

1247. Người Man Hóa Xá giết chết Công sứ Odend’han (1) (Trú sứ làm việc đã lâu, rất có tài cán công lao, đến lúc ấy tới Hỏa Xá thám sát. Vua Hỏa Xá mời ăn yến, bị dân Man mai phục giết chết cùng 7 Thông ngôn người Nam người Lào và người giúp việc), chuẩn cho Cơ mật viện gửi thư viếng.

(1) Nguyên bản viết là “Ô Đãng Đan”. Nhân vật này ngoài chức vụ Công sứ Phú Yên còn đồng thời là một nhà thám hiểm có cộng tác với Trường Viễn Đông Bác cổ. Theo một số tài liệu, Odend’han bị giết chết vì có những hành động vi phạm luật tục của người Jarai ở Nam Tây Nguyên.

1248. Chuẩn cho các tổng Điền Lô, Cổ Lũng huyện Cẩm Thủy, tổng Thiết Úng và xã Kỳ Luật châu Lang Chánh tỉnh Thanh Hóa đổi sáp nhập vào châu Quan Hóa.

1249. Đại hạn. Từ mùa đông năm trước qua mùa xuân không mưa, đến tháng ấy mưa lớn.

1250. Khâm sứ đại thần Auvergne hội thương nói việc hai thương nhân người Tây là Phi Da (1) đại diện Công ty Long Hoa cùng Ca Di (2) đại diện Ngân hàng Đông Dương bàn về số tiền Công ty ấy vay năm trước (Một khoản: ông Phi Da nghĩ Công ty ấy hiện nay lập thương cục gọi vốn 1.207.500 đồng tiền Tây, Công ty ấy trước thiếu tiền của Nam triều 116.554 đồng, thiếu Ngân hàng Đông Dương 180.000 đồng, nghĩ muốn đều góp vốn vào thương cục mới. Một khoản: Ngân hàng Đông Dương ưng thuận giao 4/5 số tiền ấy góp vốn vào thương cục mới, còn 1/5 cho thương cục ấy vay lấy lãi đồng niên 5%, Công ty Long Hoa cũng nghĩ xin như Ngân hàng Đông Dương. Một khoản: về việc tính toán số tiền góp vốn và tiền lãi cuối mỗi năm thì thương cục ấy sẽ định ra chương trình đệ cho Nam triều chấp chiếu), bệ tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành.

(1) Nguyên bản viết là “Phi Da”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) Nguyên bản viết là “Ca Di”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1251. Mùa hạ, tháng 4. Sắc trở đi phàm các ngày tế hưởng cho Phủ Tôn nhân chọn phái hoàng thân công kính làm lễ thay, lấy đó làm lệ mãi mãi, nếu lâm thời chiêm bái sẽ có sắc riêng cho hữu ty tuân phụng.

1252. Đặt thêm chức Tả Hữu Tôn khanh Phủ Tôn nhân, lấy Thượng thư bộ Lễ Lê Trình (Tả Tôn khanh), Tham tri bộ Hộ Tôn Thất Đạm (Hữu Tôn khanh) sung vào (nguyên Tả Hữu Tôn khanh là lấy tôn thất có quan chức hoặc cần người thì chọn đình thần sung vào. Lúc bấy giờ Tả Hữu Tôn chính@ Ứng Huy, Ứng Hào đều lấy tôn tước kiêm sung, chưa am hiểu thể lệ nên chuẩn chiếu lệ cũ đặt thêm để giúp đỡ).

1253. Thân rõ lệ đeo bài (lúc bấy giờ ca đồng tùy phái đều đeo bài ngà, dần dà mạo danh vượt phận. Khâm sứ đại thần cho là trái với thể chế bèn bàn với Cơ mật viện thân rõ lệ cũ, chiếu theo phẩm trật kiêu thức lớn nhỏ phân biệt, nếu có ai mạo danh vượt phận tự tiện đeo bài sẽ chiếu luật nghiêm trị).

1254. Các hạt Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An có dịch (huyện Gio Linh (1) Quảng Trị, huyện Nghi Xuân Hà Tĩnh, xã Xuân Áng Nghệ An đều báo tin có dịch, trong đó Quảng Trị là nặng nhất, có khi trâu bò không bệnh không già nhưng gặp mưa thì cứng đờ ra mà chết).

(1) Nguyên bản viết là “Do Linh”.

1255. Ngự giá ra trường bia Hậu Phố xem bán, sắc cho án quan văn vũ trở lên vào hầu.

1256. Dự chuẩn cho tỉnh Thanh Hóa dựng sở Thừa lương ở Sầm Sơn (một đoạn cù lao từ Sầm Sơn tới sông Mã chia làm 80 khoảnh đầu giá phát mại. Từ khoảnh thứ 1 tới khoảnh thứ 19 do người Pháp cư trú, xây nhà nghỉ mát dựng bệnh viện, còn lại đều cho người mua xây nhà để ở). Sau đó đến tháng 7 năm ấy lại chuẩn cho quý quan Chuồng binh xây nhà dưỡng bệnh trên công thổ thôn Lang Cung thuộc Sầm Sơn.

1257. Chuẩn bãi nghĩa thương các xã ở Bình Định. Việc đặt xã thương là để dự bị chẩn cấp cho vay lúc mất mùa, nhưng năm Đồng Khánh thứ 1 Thanh Hóa dâng tâu nói về tệ đoan của xã thương (thỏ phồng con số cùng dân xã vay mượn, người chủ thủ bớt xén, lại dịch vợ vét làm khó đòi hỏi rất nhiều tệ đoan), đã chuẩn cho các phủ tỉnh nhất loạt đình bãi (tiền thóc còn tồn kho đưa lên kho tỉnh), duy tỉnh Bình Định là còn giữ (tất cả 113 thôn, do các thôn tự đưa ra 1.195 mẫu ruộng, trừ thuế ra mỗi năm trung thu 2.269 hộ thóc, hoặc do kho tỉnh hoặc do phủ huyện xã thu trữ khác nhau), đến lúc ấy Bố chánh Phan Huy Dũng (quyền Tổng đốc) tự nói ruộng đất của xã thương lúc đầu do dân tự xuất ra nên trung thu mẫu học chỉ dựa vào lời dân khai nạp ít nhiều, tính chung mỗi mẫu không tới 2 hộ, lại vì hào cường bao canh, dân không được chia lợi đồng đều, xin cho thương nhân người Thanh

lãnh trung tất cả số ruộng đất ấy, chiều lệ trung số (2.299 hộ) chiết nạp thành tiền đồng niên 2.800 đồng nạp vào kho tỉnh, chờ giá lúa rẻ mua trữ (khoảng được hơn 2.620 hộ), so với số thóc trung thu có phần nhiều hơn, quả thật rất có lợi. Cơ mật viện cho rằng nếu như thế thì thương nhân một mình nắm quyền lợi, tuy nói là cho dân canh tác mà lại đè nén họ, không khỏi làm hại cho dân, và lại (1) từ khi đổi định thuế lệ, ruộng đất các xã đã bị tăng thuế, nay đã tăng thuế lại phải chịu tăng thu để sung vào kho thì thật là thiên vị. Điều lệ mới mà tình ấy bàn bạc (bảy khoản) rườm rà, một là có chỗ chiều cố không trọn vẹn, lại làm hại cho dân, rất nhiều điều bất tiện, bèn tâu xin triệt bãi (số tiền thóc còn trữ để lên kho tỉnh chứa riêng, công nho các xã bàn trích chi biện, ruộng đất giao về cho các xã thôn quân cấp, việc đồng dân chi tiêu cho việc chung và bịa đặt con số trước nay đều bỏ qua. Các kho đã triệt giải thì người sai dịch cũng tiến hành triệt bãi, về sau gặp hạn lụt mất mùa sẽ do quan tỉnh trích ra chẩn cấp).

(1) Nguyên bản chép là “phả” (rất), có chỗ tối nghĩa, ngờ là “thả” (và lại) bị chép lầm, đây đính lại như trên.

1258. Chuẩn cho Hiệp biện đại học sĩ Thượng thư bộ Công Vinh Quang tử Đào Tấn hưu trí. Lúc đầu là bộ Công dự trừ xây dựng nhà ở cho thuộc viên phía trong cửa Đông Gia, lạm chi tiền công tới 10.000 đồng (nguyên dự trừ xây ba dãy 10.000 đồng, về sau bàn giảm một dãy mà số tiền chi ra cũng thế, lại trích giải gỗ ván ở kho kinh bổ sung tới 29 gian. Đến khi hoàn công khám thấy còn thừa nhiều, lại soát được trong nhà người lãnh làm là Nguyễn Huân, thương nhân người Thanh chủ hiệu Quảng Hưng và nguyên Tuần phủ Hồng Hàn rất nhiều gỗ ván), lại đường quan thuộc viên nhận riêng tiền lễ của người nhận làm, việc lộ ra đều khai nhận, chuẩn giao Cơ mật viện tra xét nghị xử. Bề tôi Cơ mật viện nghĩ Hiệp biện Đào Tấn xin chiếu luật (Luật kê khai vật liệu xây dựng không thật và Luật nhận hối lộ hết mức) xử tội đánh trượng khổ sai hết mức. Đến khi tư trình, Toàn quyền đại thần trả lời nói Đào Tấn cũng có công lao, đã được đội ơn phong tước, lại từng được nước Pháp thưởng cấp bội tinh, nên cho về hưu. Bèn tâu lên, chuẩn cho Đào Tấn theo lệ nghị công (1) mang nguyên hàm về quê hưu trí. Nguyên Tuần phủ Hồng Hàn (Tuần phủ Trị Bình triệt hồi) thông gia với Đào Tấn cậy thế thông đồng thủ lợi, Chủ sự Lê Hữu Tích lấy lòng thương ty dự trừ đòi ra để thủ lợi đều bị kết án đánh 90 trượng khổ sai 2 năm rưỡi, còn lại đường quan thuộc viên cùng bộ vì a dua che giấu cũng bị liên tọa (giáng cấp rời chức, cách chức khác nhau). Chỉ có Thị lang Trần Trạm không biết chuyện bị giáng một cấp lưu, sự vụ bộ Công giao cho Thượng thư bộ Binh Hồ Lệ kiêm chương quản.

(1) *Nghị công*: còn gọi là nghị huân, một trong Bát nghị (nghị thân, nghị cố, nghị huân, nghị hiền, nghị năng, nghị cần, nghị quý, nghị tân) dành cho một số đối tượng có đặc quyền đặc lợi được miễn trừ trách nhiệm pháp lý trong pháp luật Việt Nam thời phong kiến. Đào Tấn được vận dụng điều khoản nghị công (bản tới công huân) xét xử, nên được mang nguyên hàm về hưu.

1259. Nhà dân ở ngoại thành tỉnh Hà Tĩnh bị hỏa hoạn (33 hộ), Tuần phủ Hồ Đắc Trung xin chiếu lệ chẩn cấp (mỗi hộ 1 đồng), cho như lời xin.

1260. Tỉnh Bình Thuận bị bão, thuyền đi biển bị đắm (32 chiếc), nhân dân nhiều người chết đuối.

1261. Các tổng Dã Lê, An Cựu Thừa Thiên bị nạn cào cào.

1262. Cử nhân Tú tài phủ Hàm Thuận tỉnh Bình Thuận chiêu mộ lưu dân (25 người) khai khẩn ruộng đất (ruộng hạng ba 11 mẫu, đất hạng năm 1 mẫu thuộc địa bạ xã Phú Tài), xin cấp giấy tờ có đóng triện lập làm hộ Hưng văn để giữ gìn Văn chỉ trong phủ hạt, cho như lời xin.

1263. Chuẩn cho các ấp ở đạo Ninh Thuận lập tên thôn riêng (3 ấp Mỹ Tế, Mỹ Thạnh, Tân Long thôn Đạo Long cách bức với thôn ấy bởi sông lớn, xin đặt riêng làm thôn An Long, chiều địa bạ chia rõ, đinh số 79 người, ruộng đất hơn 130 mẫu, ghép vào tổng Vạn Phước. Thôn Đạo Long vốn thuộc tổng Kinh Dinh, lại nguyên là hộ Bạch Bó giáo dân đã lưu tán lại sáp nhập vào thôn Công Thành, đến lúc ấy sinh tụ ngày càng đông, chỗ ở lại xa cách thôn ấy, xin lập riêng làm thôn Tân Hội, chiều theo số hiện có ghi rõ đinh số 78 người, ruộng đất 59 mẫu sáp nhập vào tổng Kinh Dinh, đều chiếu lệ cấp cho bài chỉ sổ sách, ấn kiểm bằng gỗ).

1264. Kho tỉnh Bình Thuận bị mất hơn 30.000 đồng (nguyên Ký lục Huỳnh Kim Đài lấy trộm), việc lộ ra dính líu tới cả Đề đốc Hộ thành Nguyễn Viết Hữu (thủ phạm lấy trộm khai Hữu hãm dọa lấy tiền hối lộ hơn 1.000 đồng). Tòa Khâm sứ bàn với Cơ mật viện lập tức đòi ra giao cho Trú sứ phủ Thừa Thiên tra xét. Hôm sau tờ tâu dâng lên, vua phê khiển trách nói “Đề đốc là án quan, nếu có làm bậy cũng phải tâu rõ, có chỉ mới được xử đoán, tại sao chưa tâu mà đã giao ngay cho phủ Thừa Thiên tâu lại?”. Bề tôi Cơ mật viện dâng tờ tâu nhận lỗi, vua lại phê nói “Gần đây những việc như thế rất nhiều, khó mà kể hết, phải xem xét, phải cẩn thận!” (về sau Viết Hữu được Tòa án Quy Nhơn miễn không tra cứu, nhưng chuẩn cho ở ngoài chờ bổ).

1265. Tấn phong Thượng thư bộ Binh kiêm chương sự vụ bộ Công sung Cơ mật viện đại thần Hồ Lệ là An Lương tử. Lệ làm quan trải khắp trong ngoài, nhiều lần tỏ rõ tài năng, trước đây làm Tổng đốc Nghệ An phái người bắt được đầu sỏ giặc là Bạch Xi rất có công lao, Khâm sứ đại thần vì thế xin phong tước cho, cho như lời xin.

1266. Tháng 5. Thân rõ lệ án quan vào trực. Trở đi án quan Lục bộ như có ai kiêm sung Cơ mật viện, Thị vệ xử có trực riêng thì được trừ ra, còn lại đều tuân chiếu lệ năm Minh Mạng thứ 9 (đường quan Lục bộ bắt kể đã

thực thụ hay chưa đều chuẩn cho dự việc đình nghị luân phiên vào trực) mà làm, là theo lời nghị của bề tôi trực Tham tri bộ Hình Nguyễn Hữu Bài.

1267. Khâm sứ đại thần Auvergne về nước (3 tháng), Công sứ Thanh Hóa Moulié (1) quyền thay.

(1) Nguyên bản viết là “Mô Ly É”, tức Jean-Ernest Moulié. Nhân vật này giữ chức Khâm sứ Trung Kỳ từ 1904 đến 1906.

1268. Dự chuẩn cho các tỉnh đạo Quảng Bình, Quảng Trị, Phú Yên, Ninh Thuận tuân chiếu chỉ dụ năm trước (ngày 1. 10. 1903 Tây lịch tức tháng 8 năm trước) đều lập tổng sách thu chi của thị xã (tổng sách ấy đã thi hành ở các tỉnh lớn Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Bình Thuận đã có kết quả, đến lúc ấy bèn cho thi hành rộng rãi).

1269. Tán phong Đông Các đại học sĩ quản lãnh bộ Hình sung Cơ mật viện đại thần Nguyễn Hữu Thảng là Nghĩa An bá. Lúc đầu Khâm sứ đại thần Auvergne bàn nói Hữu Thảng trước làm quan ở Thanh Hóa giúp việc tiểu phi có công, kể trải tổng sớ vào Khu phủ, làm việc phần nhiều ổn thỏa, cuối đời bệnh yếu cũng vì lo nghĩ nhiều năm đưa tới, xin tán phong tước bá để đền đáp công lao, nên ban dụ chuẩn tán phong.

1270. Thống sứ đại thần Bắc Kỳ đệ danh sách các tỉnh và tỉnh lý phủ huyện các tỉnh ở Bắc Kỳ lên (thành phố Hà Nội ở Hà Nội, thành phố Hải Phòng ở Hải Phòng, tỉnh lý (trở xuống cũng thế) Bắc Giang ở phủ Lạng Giang, Bắc Cạn (1) ở châu Bạch Thông, Bắc Ninh ở huyện Võ Giàng, Cầu Đơ (2) ở huyện Thanh Oai, Hải Dương ở huyện Cẩm Giàng, Hà Nam ở huyện Thanh Liêm, Hòa Bình ở huyện Kỳ Sơn, Hưng Hóa ở huyện Tam Nông, Bắc Ninh ở huyện Võ Giàng, Lạc An ở huyện Kim Động, Nam Định ở huyện Mỹ Lộc, Ninh Bình ở phủ Yên Khánh, Phù Liễn ở huyện An Lão, Phúc Yên ở huyện Kim Anh, Bắc Ninh ở huyện Võ Giàng, Quảng Yên ở huyện Yên Hưng, Sơn Tây ở huyện Tùng Thiện, Tuyên Quang ở huyện Cẩm An, Thái Bình ở phủ Kiến Xương, Thái Nguyên ở huyện Đông Hỷ, Vạn Bú (3) ở châu Sơn La, Vĩnh Yên ở huyện Tam Dương, Yên Bái ở huyện Trấn Yên). Lúc bấy giờ các tỉnh ở Bắc Kỳ hoặc đặt mới hoặc triệt bãi, ở kinh không rõ, đến nỗi công văn gửi Công sứ khi thừa khi thiếu, Thống sứ bèn tư bàn với Cơ mật viện tâu lên chuẩn sao ra cho thi hành.

(1) Nguyên bản viết là “Bắc Kiện”.

(2) Nguyên bản viết là “Cầu Đa”.

(3) Nguyên bản viết là “Vạn Mộ”.

1271. Xuất đế Hàm Nghi làm lễ cưới, gửi điện văn cho Tòa Khâm sứ bàn với Cơ mật viện tra rõ phủ phòng và ngày tháng năm sinh ghi lại gửi qua để làm giấy khai sinh (lệ nước Đại Pháp phải có giấy khai sinh).

1272. Đường mới Nghệ An Xuyên Quang làm xong, chuẩn thưởng các viên Đốc biện và quan viên có công nhiều ít khác nhau (vì đường ấy công dịch rất bận rộn nặng nề).

1273. Biểu dương thọ dân 100 tuổi ở Quảng Nam (Nguyễn Văn Cương, Nguyễn Văn Miễn, Lê Văn Khánh, Trương Văn Tiết, Võ Hội đều chiếu lệ thưởng mỗi người 8 lượng bạc, 1 tấm gấm và 1 biển ngạch).

1274. Lúc bấy giờ ở vùng chân núi hạt Thừa Thiên phần nhiều bị nạn cọp, vua sắc cho bộ Binh lập tức đòi dân xã Thủy Ba giỏi nghề bắt cọp (dân phu 100 người đều mang khí giới đồ nghề) hợp với vệ Võng thành cũ chia đường tìm bắt để dân được yên (trích tiền trong Phủ Nội vụ ban cấp để chi dùng hàng ngày).

1275. Sắc cho Tả Hữu hai kỳ phía nam từ Thuận Khánh, phía bắc tới Thanh Hóa tỉnh đạo nào dụ bắt được voi thì bắt kể là được hay cái cũng lập tức đưa về kinh cung tiến, giao cho bộ Binh tuân biện.

1276. Tháng 6. Tặng Quản lý Tòa Khâm sứ Sa Lê (1) một đồng kim tiền hạng nhất cùng phẩm vật (ông Sa Lê từ khi tới sung biện làm nhiều việc có ích, nhân đến lúc về nước trích tặng để tỏ rõ ý hòa hiếu).

(1) Nguyên bản viết là “Sa Lê”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1277. Chuẩn cho đại thần sung Hội viên Hội nghị Bảo hộ Nam triều (năm ấy hội nghị ở kinh, Tòa Khâm sứ và Toàn quyền đại thần bàn định cử Cơ mật viện đại thần Đông Các đại học sĩ Nguyễn Hữu Thảng, Hiệp biện đại học sĩ Trương Như Cương sung làm hội viên. Lại lấy Thượng thư bộ Binh Hồ Lệ, Thượng thư bộ Lễ Lê Trinh làm hội viên bổ sung để thay các hội viên chính thức vì có việc không tới dự hội được).

1278. Mất thượng phương bảo ấn và đồ ngự dụng văn phòng, xử tội người chủ thủ là Tham biện Nội các Trần Khánh Dũng cùng thuộc viên Nội các Phạm Vinh (Biên tu), Trương Văn Loan (Trước tác) đều bị giáng cấp rời chức lưu dụng khác nhau. Trước là tháng 3 năm thứ 14 ngự giá tới núi Ngũ Hành (Quảng Nam), đường quan Nội các (Trần Khánh Dũng) và thuộc viên (Phạm Vinh) phụng mang bảo ấn và đồ ngự dụng văn phòng theo hầu. Đến khi trở về Dũng tự niêm phong giao cho Phạm Vinh mang về cho Trương Văn Loan trực ban giữ, ngẫu nhiên sơ suất không kiểm nhận bàn giao rõ ràng. Đến tháng 11 thuộc viên Nội các Trần Đình Sĩ (Thị độc) kiểm lại thấy thiếu làm tờ trình lên (mất một quả bảo ấn bằng pha lê khắc chữ “Tiêu ngọc ưu cần tín bảo” và bút mực ngự dụng, nghiên vàng hộp bạc các hạng). Dũng phê giao cho bọn Loan, Vinh liệu lý, hạn trong năm phải xử lý ổn thỏa, nhưng lại dặn riêng bọn Vinh lén bán đi để chia tiền nhưng chưa kịp làm thì việc lộ ra. Cơ mật viện tâu xin do hai

bộ Lễ Hình và Đô sát viện chiếu lệ tra xét cho rõ, nhưng tờ phiến ấy lưu lại không phát ra. Tháng 3 năm ấy Cơ mật viện lại tâu xin do viện đốc suất hội đồng tra biện, lại xin giải chức bọn Dũng để giao qua tra hỏi. Đến khi hội đồng tra xét nghĩ xử thì đường quan thuộc viên cứ đùn đẩy đổ tội cho nhau, ai cũng kêu oan. Bề tôi Cơ mật viện vì việc đã lâu, sợ nếu kéo dài sẽ thành án đọng, xin trước tiên cứ phân biệt xử phân (Dũng giáng ba cấp, Vinh giáng hai cấp, Loan giáng một cấp đều rời chức), bảo án bị mất do nha sở quan (bộ Lễ) điều tra, cốt phải tìm kiếm cho ra. Tờ tâu dâng lên, chuẩn sao ra cho thi hành.

1279. Chuẩn trích 3 phường Phúc Lâm, Đạm Thủy, Đồng Lao trong 6 phường xã Tiên Lễ phủ Quảng Trạch tỉnh Quảng Bình sáp nhập vào huyện Tuyên Hóa (3 phường ấy ở vào huyện hạt mà cách xã ấy khá xa, quan tỉnh tư xin thay đổi sáp nhập. Lại chuẩn tăng thêm dân đinh, chiếu nguyên số ruộng đất đang trưng đổi sửa địa bạ hộ tịch, lập riêng tên phường, sáp nhập vào huyện hạt để tiện công dịch). Trích 15 xã thôn thượng du thuộc tổng Phổ Quy huyện Đức Phổ tỉnh Quảng Ngãi lập riêng làm tổng Phổ Lai (tổng Phổ Quy có 31 xã thôn, thuế đinh điền hơn 7.560 đồng, địa thế kéo dài, núi khe cách trở, gặp lúc lâm thời điều bát khó mà mau lẹ nên chia đặt thêm).

1280. Chuẩn trở đi lý lịch vũ viên (từ Đội trưởng được cấp bằng trở lên) ở kinh do các nha đội, ở ngoài do các phủ tỉnh đạo mỗi năm đều sức tra cứu rõ ràng đóng thành tập tư một bản về (niên hiệu vẫn đề ngày 1 tháng 4), lại làm một tập sách riêng về binh ngạch đệ lên bộ để dự bị tra cứu, tập tấu sách ấy chuẩn cho đình (lệ trước nay quan viên trong kinh ngoài tỉnh cứ đến các năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì tu sửa lý lịch làm thành tấu sách đều hai bản Giáp, Ất, hàng năm thì làm tập sách tư về binh ngạch. Lúc bấy giờ bộ Lại vì quan viên đã nhiều lần tính giảm, hoặc thăng chuyển về hưu, nếu cứ theo lệ ba năm tâu báo về binh ngạch một lần thì rất phiền phức, bèn thông tư cho các địa phương mỗi năm đóng tập lý lịch văn quan làm sách tư về để tra cứu, đình việc làm tấu sách để được đơn giản. Quan tỉnh Quảng Bình Nguyễn Hách tư xin với vũ viên cũng như thế, bộ Binh tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành).

1281. Ngày Canh thân (ngày 13) thăng phụ Lệ thiên Anh hoàng hậu vào miếu điện (trong Thế miếu và điện Phụng Tiên đều ở án thứ hai bên trái, trong điện Hòa Khiêm thì ở án chính), trước đó ban dụ bố cáo cho trong ngoài, nói “Hiếu không gì lớn bằng tôn thân, lễ đặc biệt trọng nơi phối tổ, lấy đó đồng tông hợp tự, đối viết huân cao. Cho nên Kinh Dịch có lời văn “Cách hữu miếu”, Kinh Thi có câu tụng “Hữu Văn mẫu”, hiếu trị bị chí ư thị hồ tại. Kính nghĩ hoàng tổ tỷ Lệ thiên Anh hoàng hậu ta: Hiền tinh biểu thái, đức phiệt trừ quang. Giúp Hoàng tổ khảo Dực tông Anh hoàng đế ta ba kỳ thanh bình, thành công nội trị, thờ Hoàng tăng tổ tỷ Nghi thiên Chương hoàng hậu ta cứu tuần thọ khảo, nổi tiếng huy âm, khiêm dung trứ vu cung hồ, đức trạch hiệp vu bang gia. Gặp khi vận nước gian nan, hộ thánh từ nhi mặc tán, tịnh năng điện an tông hựu, hoằng tế nguyên nguyên. dụng phu di ngã hậu nhân, diệc hữu lợi vu xã tắc. Đến ngày Nghi thiên Chương hoàng hậu thăng hà, sau khi ninh lăng trú lại ở điện Ôn Khiêm cạnh điện Lương Khiêm, đêm ngày cúng tế vu tận tư trai chi nghĩa, phương du thực phạm, thành vu đan sử hữu quang, trầm miên niệm tiền huy, bi đồng yết khái. Nay Nghi thiên Chương hoàng hậu đã phụng thăng phụ ở miếu, lễ thăng phụ cho Hoàng tổ tỷ nên làm đúng lúc. Đã sai Hữu ty chọn ngày tốt, tuần chiếu theo lệ trước nay châm chước bàn nghĩ nghi thức, lấy ngày 4 tháng tới (tức tháng này) Tân hợi, sáng sớm tiến đàn sự, hôm ấy trầm đích thân tới điện Ôn Khiêm tế cáo. Ngày 9 chia sai bề tôi tế cáo với các miếu điện. Ngày 11 đem việc tâu lên với cung Ninh Thọ. Ngày 13 Canh thân kính đưa thần chủ lên thăng phụ ở án thứ hai bên trái trong Thế miếu, thánh vị thì hợp tự ở án thứ hai bên trái điện Phụng Tiên và án chính điện Hòa Khiêm. Khái yên hữu thành, đồng thù lai hứa, để làm rõ sự kính cẩn thành tâm của riêng ta, an ủi lòng mong mỏi tôn thân của thần thứ, đặc biệt ban dụ bố cáo cho trong ngoài cùng biết”. Đến hôm ấy vua đích thân suất lĩnh các quan kính cẩn cử hành đại lễ thăng phụ như nghi thức@.

1282. Nợ chế *Âm dương hợp lịch* hoàn thành. Sắc kính đặt ở các tôn điện và ban cấp cho các bộ nha, lại sai Thị vệ là bọn Chế Quang Mỹ, Nguyễn Văn Chất kính mang đi ban cấp cho các tỉnh đạo nam bắc. Bộ Hộ ghi vào ngân sách để hàng năm Khâm thiên giám theo thể thức ấy tuân biện (lúc bấy giờ Trú sứ Bình Định thấy kiểu lịch xảo diệu bàn xin quan tỉnh tâu lên xin ban cấp cho một quyển. Đến khi mang tới, viên Trú sứ ấy mặc lễ phục ra đón, nâng rượu chúc mừng, tự nói là dòng dõi đế vương nước Pháp, còn như việc thờ vua một tiết thì càng cực kỳ cung kính, không dám có chút nào lười biếng trễ nãi vãn vãn).

1283. Thường tiết phụ xã Vân Đình tỉnh Cầu Đơ (Dương Thị Thực vợ Đào Hoàng 20 tuổi chồng chết cạo tóc chặt ngón tay thề không tái giá, chuẩn chiếu hạng bình cấp cho một tấm biển ngạch, nhưng chiếu lời nghị mới cho tiết phụ ấy xuất tiền chiếu theo quy thức chế biện).

1284. Mùa thu, tháng 7. Đảo Thuận Tĩnh tỉnh Bình Thuận bị hạn hán dịch bệnh, dân đói xiêu tán hơn 200 người. Sai quan tỉnh tra xét bàn việc trừ tính chẩn cấp để giúp dân qua lúc cấp bách (Trú sứ xin mua 100 gánh gạo cùng các hạng cá khô, mắm cá, chè kinh (1), muối trắng và 100 đồng phá thuộc viên ở tỉnh chở ra chẩn cấp. Những dân đói lưu tán kiếm ăn thì do quan đồn Phan Rí và Tri huyện Tuy Phong cấp tiền, Tòa sứ sẽ trả lại).

(1) Nguyên bản chép là “kinh trà”.

1285. Chuẩn trích 7 thôn trại tổng Hành Thượng huyện Nghĩa Hành tỉnh Quảng Ngãi (Phú Lâm Đông Tây, Vạn Xuân, Phú Mỹ, Phú Thọ, Long Bình. Tân Phú) lập riêng tổng Hành Cận (tổng Hành Thượng lớn hơn tổng khác, 7 thôn trại lại không nối liền với tổng ấy nên chia đặt).

1286. Ngày 27, kính gặp dịp ngũ tuần đại khánh tiết của Hoàng thái hậu. Trước đó đã sai hữu ty chức nghĩ nghỉ thức, đem việc tế cáo với miếu điện. Hôm ấy vua đích thân suất lĩnh hoàng thân cùng bách quan văn vũ tới tôn cung Ninh Thọ làm lễ mừng thọ, Quyền Khâm sứ Moulié cùng các quan Pháp cũng vào chúc mừng (theo lệ trước nay có thiết triều nhận chúc mừng, năm ấy vắng sắc chuẩn cho đình). Lễ xong, ban ân chiếu cho trong ngoài.

1287. Vì lễ đại khánh đã xong, bày yến ở Tả vu (quan Pháp dự yến từ Quyền Khâm sứ đại thần Moulié trở xuống 15 vị, hoàng thân đại thần bồi yến có 9 vị), lại thưởng tặng (kim khánh kim tiền kim bội) có thứ bậc khác nhau.

1288. Tháng 8. Ngày 2 Mậu thân kinh sư có bão lớn, nước dâng lên ngập hết cung điện trong cấm thành và quan thự trong kinh thành, nhà cửa nóc ngói bay tung, tường vách sụp đổ, công văn vật hạng bị ngâm nước hư hại rất nhiều. Cột cờ trên kỳ đài gãy ngang rơi xuống, cầu sắt Trường Tiền cũng bị trôi đổ. Đền chùa nhà cửa thuyền bè ruộng vườn đồ vật của dân gian tổn hại, nhân dân và gia súc bị đè bị chìm chết và bị thương không biết bao nhiêu mà kể (trong kinh thành thuộc viên bộ Lễ chết 2 người, bị thương 2 người, quân binh chết 2 người, bị thương hơn 40 người, nhân dân các phường chết 13 người nam nữ, nhà cửa bị sụp đổ hư hại 898 gian. Ở 6 huyện nhân dân chết và bị thương 765 người nam nữ, đình chùa miếu mạo nhà cửa sụp đổ hư hại 28.220 gian, súc vật bị trôi bị chết 587 con, thuyền bè bị chìm bị mất 787 chiếc. Tỉnh Quảng Trị nhân dân chết đuối 163 người nam nữ, nhà cửa đền chùa bị trôi bị hỏng 3.168 gian, súc vật chết 3.672 con, thuyền bè bị chìm bị mất 32 chiếc. Tỉnh Quảng Bình hai phủ huyện Quảng Ninh Lệ Thủy nhân dân chết đuối 411 người nam nữ, nhà cửa đình miếu bị trôi bị hỏng 5.888 gian, súc vật chết 2.814 con, thuyền bè bị chìm bị mất 74 chiếc. Nghệ An Hà Tĩnh bão lụt hơn bình thường cũng tổn hại nhiều. Thanh Hóa, Quảng Nam, Quảng Ngãi thì có mưa gió nhưng không bị tổn hại. Từ Khánh Hòa tới Bình Thuận thì không bị bão). Thiên tai xảy ra trên toàn quốc mà một hạt Thừa Thiên bị thiệt hại nặng nhất, quả thật nhiều năm nay chưa có bão lớn như thế.

1289. Chuẩn phát thóc Thương trường chẩn cấp cho binh dân (quân đương ban hiện có hơn 2.000 người, mỗi người nửa hộc, hạt Thừa Thiên có 35 xã thôn vạn ấp bị thiệt hại nặng nhất, cấp 612 hộc).

1290. Tháng 9. Phủ Toàn quyền trích 100.000 đồng giao cho Tòa Khâm sứ bàn với Cơ mật viện chia cấp trừ hoạch cứu giúp cho các hạt bị thiên tai (Thừa Thiên 50.000, Thanh Hóa 10.500, Hà Tĩnh 10.500, Quảng Trị 26.300). Bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành.

1291. Hạm trưởng chiến hạm Diana của Nga La Tư đổ ở Gia Định là Lieven (1) nghe tin ở kinh bị bão gởi 57 đồng giúp đỡ, sai phủ Thừa Thiên nhận cấp cho dân bị thiên tai, Cơ mật viện làm thư cảm tạ.

(1) Nguyên bản viết là “Nga La Tư Đê Á Na binh hạm chủ Ly Y Văn”, tức Alexandr Alexandrovich Lieven, hạm trưởng chiến hạm Diana thuộc hạm đội Bantich của Nga. Trong chiến tranh Nga Nhật 1904 - 1905, chiếc Diana từng chạy qua Việt Nam đổ lại ở cảng Sài Gòn từ 11. 8 đến 7. 12. 1904.

1292. Chuẩn thay đổi sáp nhập các tổng xã ở Bình Thuận để tiện cho dân (Thổ thôn Tánh Linh huyện Tánh Linh vẫn giữ như cũ sáp nhập vào Thổ huyện Tuy Lý, 7 xã thôn tổng Nông Tang cùng các xã thôn người Man tổng Khánh Nhơn thuộc Tánh Linh địa phận giáp Xuyên Mộc (Bà Rịa) (1) sáp nhập vào phủ hạt Hàm Thuận, Thổ huyện Tuy Lý hợp với huyện Tánh Linh, đặt Thổ Tri huyện kiêm lý, 3 tổng Nông Tang (người Thổ), Cam Thang, Ngân Chử (người Man), 3 tổng Đức Thắng, Lại An (người Việt) và Khánh Nhơn (người Man) thuộc phủ Hàm Thuận vẫn do phủ Hàm Thuận kiêm lý).

(1) Nguyên bản viết bằng hai chữ “Bà Rịa” có bộ “thảo đầu”.

1293. Đông Các đại học sĩ quản lãnh bộ Hình sung Cơ mật viện đại thần Nghĩa An bá Nguyễn Hữu Thằng chết ở công thự. Hữu Thằng làm quan trải khắp trong ngoài, nhiều lần tỏ rõ huân lao, đến lúc ấy chết. Vua rất thương tiếc, chuẩn chiếu lệ cấp tuất (120 đồng). Đến khi quy táng sai hoàng thân tới phủ thự đưa tiễn, lại do bộ Binh tham khảo châm chức lệ cũ điều phái quan binh phụ trạm hộ tổng (bộ Binh phái 100 quân, 4 Suất đội mang súng cầm đuốc đưa tới bến sông, dọc đường thì các phủ tỉnh Thừa Thiên Quảng Nam Quảng Ngãi mỗi nơi phái 30 quân, 2 Suất đội, mỗi trạm 30 phu trạm khiêng vác hộ tổng về quê), lại sai quan tỉnh Quảng Ngãi truyền chỉ ban tế. Quyền Khâm sứ đại thần Moulié nghe tin cũng gởi thư viếng (thư đại lược nói quý sứ biết đại thần ấy là người công bằng vọng trọng, nay không may qua đời thì không chỉ Cơ mật viện mất đi một người được tin phục, quý Tòa mất đi một người đồng sự tài cán mà nhân dân còn mất đi một viên Tể tướng tốt bụng, khôn xiết đau buồn).

1294. Triệt giảm Bang biện ba huyện Nghĩa Hành, Sơn Tịnh, Đức Phổ (ba huyện thuộc đất Man, nguyên đều đặt một Bang biện, lúc bấy giờ Trú sứ vì công vụ đã hơi bớt, xin dời Bang biện tới làm việc ở ba phủ huyện Tư Nghĩa Mộ Đức Bình Sơn. Quyền Khâm sứ Moulié vì ba huyện ấy có đặt Quản đốc (mỗi huyện đều một người, chi lương đều 18 đồng) và Chánh tổng các tổng (chi lương 12 đồng), đã có người làm việc, mà các phủ huyện Tư Nghĩa so ra cũng không bận rộn lắm nên bàn xin đều triệt bãi).

1295. Vì bão nên đình lễ tụng kinh chúc hỷ trong dịp khánh tiết. Khoản phí tổn dự trừ 1.000 đồng thì sai bộ Lễ trích giao cho phủ Thừa Thiên hội đồng với Nha Hộ thành chẩn cấp cho nhân dân trong ngoài kinh thành bị tổn hại (còn 500 đồng tu sửa chùa Kim Quang).

1296. Mùa đông, tháng 10. Chuẩn cho Thị lang gia hàm Tham tri lãnh Tế tửu Quốc tử giám Khiếu Năng Tĩnh thực thụ Tả Tham tri bộ Lễ về hưu. Năng Tĩnh (người Chân Mỹ Nam Định, đỗ Đồng Tiến sĩ khoa Canh Thìn niên hiệu Tự Đức), văn học uyên bác, đức hạnh thuần nhã, lúc đầu lãnh Đốc học Hà Nội, trải thăng Tư nghiệp, Tế tửu, coi việc dạy học đã hơn mười năm, dạy người không mỏi, rèn luyện những người có tài thành tựu rất đông, sĩ lâm kính ngưỡng như Thái Sơn Bắc đẩu. Lúc bấy giờ 70 tuổi viện lệ xin về hưu, sinh viên Quốc tử giám liên danh làm đơn xin lưu lại, Quyền Khâm sứ Moulié vì việc Năng Tĩnh cáo hưu đã thành lệ không thể cưỡng ép lưu lại, bèn bàn với Cơ mật viện tâu lên chuẩn cho thực thụ hưu trí. Kế lấy Thái thường tự khanh lãnh Tư nghiệp Nguyễn Duy Miễn thay giữ chức.

1297. Biểu dương tiết phụ Hoàng Thị Kiểm ở Nghệ An (Thị Kiểm năm 18 tuổi chồng chết, thê không tái giá, chuẩn theo hạng ưu thưởng cấp biển ngạch)

1298. Vua nói với cận thần “Gió bão làm hại rất lớn, trăm rất thương xót cho dân”, bèn sai viện Thượng tran trích 1.000 đồng, Thái Hoàng thái hậu cũng ban 500 đồng, sắc cho Phủ doãn Thừa Thiên Trần Đình Phác đi khắp hạt xét khám, xã thôn nào bị hại nhiều nhất thì truyền chỉ ban cấp cho nhân dân được hưởng ân huệ thật sự.

1299. Lấy Thái tử Thiệu phó Hiệp biện đại học sĩ quản lãnh Thượng thư bộ Lại sung Cơ mật viện đại thần Hiền Lương tử Trương Như Cương kiêm quản Khâm thiên giám (lệ cũ Khâm thiên giám lấy văn thần đầu ban kiêm quản, lúc bấy giờ vì Nguyễn Hữu Thằng (1) chết nên khuyết). Như Cương tâu nói tuổi cao (60 tuổi) sức yếu, gặp việc hay quên mà kiêm sung nhiều sở (kiêm quản Đô sát viện, Văn thần Phò mã) sợ có chỗ không làm được chu đáo, xin đình việc kiêm quản sự vụ Đô sát viện, cho như lời xin (kế lấy Thượng thư bộ Hộ sung Cơ mật viện đại thần Huỳnh Côn kiêm quản Đô sát viện).

(1) Nguyên bản chép là “Nguyễn Thằng”.

1300. Tháng 11. Thống sứ đại thần Bắc Kỳ tư nói Tổng đốc Hải Dương Vũ Quang Nhạ xin thăng Vũ Hiến đại học sĩ, xin chiếu lệ cũ Tổng đốc Nam Định Trần Lưu Huệ (thăng Đông Các cho về hưu) mà thăng thưởng. Thống sứ lại vì thế gởi thư đình ninh dạn dờ. Cơ mật viện xét nghĩ hội đồng bàn bạc, chỉ riêng Thượng thư bộ Binh Hồ Lệ cho rằng đại viên thăng chức là do người trên quyết định, trước nay không có lối tự mình xin xỏ, cậy công đòi ơn như thế thì gần như mất dạy. Vả lại Nhạ không phải khoa mục không phải lại lệ, làm việc mười lăm mười sáu năm mà là đại viên một phương được thăng lên Tế tướng (Hiệp biện), tấn phong tước tử thì những bậc khoa giáp xuất thân xưa nay cũng không ai sánh được, tột bực so với kẻ áo vải cũng đã đủ rồi. Nay chưa đến hạn mà cáo hưu đã chắc gì không có ngày lại bước ra, hoặc dự liệu năm khác đến hạn hưu trí đại thủ hiến của Bảo hộ không cho gia hàm nên mới đến nỗi vội vàng xin xỏ như thế, còn ra thể thống phép tắc gì nữa. Quyền Khâm sứ Moulié cho là lời bàn luận công bằng nhưng vẫn do Cơ mật viện tâu lên chuẩn thăng Thự Đông Các đại học sĩ, chờ khi về hưu sẽ xin cho thực thụ. Lệ riêng không đứng tên trong tờ tâu, bèn kẹp thêm lời bàn của Lệ vào tờ tâu dâng lên. Vua xem lời bàn phê nói “Lời ấy đúng làm sao, tiếc thay!”

1301. Chuẩn trở đi đình lệ thiết triều ngày Đông chí (lệ trước đây thiết triều nghi bình thường ở điện Càn Chánh, đến lúc ấy đình bãi).

1302. Vua thường ở trong cung sắc đòi Tôn Thất Anh dạy diễn tập binh pháp, lại bàn mượn quân binh súng ống của quý Tòa. Thượng thư bộ Binh Hồ Lệ lo lắng, nhân bàn nói để đề phòng có ý e ngại. Quyền Khâm sứ Moulié nói “Tôn Thất Anh dạy loại người ưa thích chơi bời, thúc giục luyện tập để biết kỹ luật nghi cũng có ích, có gì phải ngại”. Lệ đáp nói “Bản quốc đã nhận quý Pháp quốc bảo hộ, phạm việc binh bị đều do quý quốc thiết thi, nay lại diễn binh tập súng, tuy quý đại thần thung dung không để ý nhưng chỉ e kẻ thấy nghe bên ngoài rúng động ngờ vực nên ngại”. Khâm sứ đáp nói “Nếu có gì đáng ngại thì bản chức cũng tự gánh vác được”.

1303. Tháng 12. Bắt đầu định lệ thưởng cho những ruộng đất trồng dâu. Tòa Khâm sứ bàn nghĩ lệ thưởng các ruộng đất mới khai khẩn, chức định điều khoản do Cơ mật viện tâu xin chuẩn y. Bèn ban dụ nói “Nông tang là việc gốc không gì lớn hơn trong chuyện cơm áo dân sinh. Bản triều năm Tự Đức thứ 17 ban định nhân dân khai khẩn ruộng đất được 40 mẫu chuẩn cho miễn binh đao trọn đời, được 100 mẫu trở lên thưởng Tùng Cửu phẩm, được 200 mẫu trở lên thưởng Chánh Cửu phẩm. Lại năm thứ 30 ban định quan viên Doanh điền cùng Sơn phòng đốc suất khai khẩn được 200 mẫu thưởng một cấp, khai khẩn được 200 mẫu thưởng một trật, khai khẩn được 600 mẫu thưởng hai trật, kể sách rớt ráo trong việc khuyến nông nghĩ đã trọn vẹn tường tất, duy một việc trồng dâu nuôi tằm chưa từng ban định. Nay quý Toàn quyền đại thần muốn mở ra con đường lợi ích ấy, qua lời bề tôi Cơ mật viện tâu về lệ thưởng khai khẩn ruộng đất trước đây châm chước ban định các khoản, quý Toàn quyền đại thần theo như lời bàn, rất hợp ý trăm, chuẩn cho như kê ra sau đây, lấy ngày 26 tháng 11 năm nay tức ngày 1. 1. 1905 năm Thiên chúa Giáng sinh (1) thi hành, ngõ hầu khiến người làm quan chăm chỉ việc đốc thúc mà kẻ làm dân cũng vui vẻ việc cây cấy, tương lai trở thành một việc có ích lớn là điều trăm rất mong mỏi vậy. Sai sao ra cho các phủ tỉnh đạo trong ngoài tuân phụng” (Một khoản: phạm đất mới khai khẩn trồng dâu ở bản quốc đều miễn thuế như dưới đây. Như đất mới khai khẩn trồng dâu ở chỗ đất cao có thể tưới nước miễn thuế 6 năm, ở chỗ đất bồi miễn thuế 3 năm, tới như những đất vốn trồng dâu trước nay thì không được giảm thuế. Một khoản: người trồng dâu và đốc suất khai khẩn đều được ban thưởng có thứ bậc khác nhau như dưới đây. Người khai khẩn trồng dâu từ 5 tới 10 mẫu thưởng 1 đồng ngân tiền cùng bằng cấp, từ 10 tới 20 mẫu thưởng miễn đao dịch, từ 20 tới 30 mẫu thưởng miễn sai

dịch, từ 30 tới 40 mẫu thường hàm Tùng Cửu phẩm, từ 50 mẫu trở lên thường hàm Chánh Cửu phẩm. Còn phủ huyện đốc thúc khẩn đất trồng dâu được từ 300 mẫu trở lên thường gia quân công một cấp, từ 600 mẫu trở lên thường gia quân công hai cấp, từ 1.000 mẫu trở lên thường thăng một trật, quan vũ có thể đốc suất trong hạt cũng chiếu theo đó mà thưởng. Ai có dâu tằm tơ kén tốt thì Quận Hội đồng Đấu cục cũng sẽ nghĩ thưởng).

(1) Nguyên bản chép là “Giáng sinh”.

1304. Thân định lệ phạt trong việc phòng dịch trâu bò. Lúc bấy giờ ở phủ Thừa Thiên dịch trâu bò lan ra, Quyền Khâm sứ đại thần Moulié cho rằng Chính phủ đã hiểu dụ cách thức nuôi nấng phòng bệnh cho trâu bò, lại biệt phái thú y người Tây đi khắp nơi răn sức hiểu thị nhưng các xã dân không thể tuân hành, đến nỗi mối lo ấy ngày càng tăng, công lao giúp đỡ chữa trị của quốc gia cũng thành uổng phí nên nghĩ định lệ phạt những người vi phạm, cốt để trong nước phải dùng cách ấy cho súc vật đều được bình an, nhưng thấy lệ phạt định vào tháng 7. 1881 quá nặng, phong tục nhà nông chưa dễ thi hành bèn châm chước nguyên lệ, bổ sung điều khoản bàn với Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành (Khoản 1: phạm có súc vật bị bệnh phải nuôi riêng rồi lập tức báo cho Lý trưởng sở tại, Lý trưởng chuyển trình lên phủ huyện, phủ huyện bẩm lên quan tỉnh và Trú sứ. Khoản 2: nghiêm cấm không cho chớ súc vật cùng da sừng dễ lây bệnh ở địa phương có bệnh dịch qua nơi khác. Khoản 3: nghiêm sức cho các xã trích ra một khoảnh đất để chôn súc vật bị bệnh dịch chết cùng súc các chủ nuôi trong vòng 24 giờ phải lập tức chôn con vật bị chết, phải đào hố sâu từ 1 thước Tây trở lên. Khoản 4: nghiêm sức cấm không được ném con vật bị bệnh dịch chết xuống sông. Khoản 5: súc vật bị bệnh không được tự ý đem bán và mua thịt con vật ấy ăn. Lại phạm trong ngày súc vật bị nhiễm bệnh đã báo cho địa phương tới khám, chợ bán súc vật sở tại không được họp chợ. Ai vi phạm các khoản trên đây do Tòa Hình của Pháp xử phạt, bốn khoản trên chiếu điều 350 (Làm trái lệnh quan) xử phạt, khoản 5 chiếu lệ ăn trộm giết mổ trâu bò ngựa phạt đánh 100 trượng).

1305. Ân chuẩn cho con Hòa Thịnh quận vương là Hồng Uy tập phong Hòa Thịnh quận công (lệ định sau khi quận vương quá cố thì con mới được tập phong quận công. Lúc bấy giờ Hòa Thịnh quận vương vì tuổi già con lớn nên xin, bèn chuẩn ân phong nhưng vẫn lãnh bổng công tử hầu hạ, sau khi quận vương qua đời mới lãnh bổng quận công).

Quyển 17

1306. Năm Ất ty Thành Thái thứ 17 (1905 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Chuẩn trích hai tổng Bàn Thạch, Ngọc Dịch huyện Đức Phổ tỉnh Quảng Ngãi lệ vào huyện Nghĩa Hành (vì địa thế ở gần thuận tiện).

1307. Thượng thư bộ Binh sung Cơ mật viện đại thần An Lương tử Hồ Lệ chết. Lệ là người Phú Mỹ Quảng Nam, học hành tinh thuần, làm quan thanh liêm ngay thẳng, trải khắp trong ngoài huân lao rõ rệt, năm Thành Thái thứ 7 làm Tổng đốc Hoan Châu, kế bị bệnh cáo vè, đến năm thứ 12 khởi dụng làm Thượng thư bộ Binh sung phủ Khu mật. Tháng 8 năm trước bị bệnh về nghỉ, đến lúc ấy chết, có để lại di biểu (đại lược nói “Thần từ khi đội ơn được khởi dụng đến nay, ngẩng nhờ đại đức thành toàn cho, thường muốn ra sức báo đáp, không ngờ bệnh tình thêm nặng, mệnh trong sớm tối, Còn mong bệ hạ hết lòng hiếu kính, chăm việc chính sự, ngoài cây quý quốc bảo hộ, trong nghe quần thần can ngăn, phạm các việc nên ngày càng tu tỉnh, đừng chuộng xa xỉ vui chơi, ngõ hầu kéo dài phúc đức vô cương của quốc gia”). Vua xem biểu khen ngợi thương tiếc, chuẩn truy thụ Hiệp biện đại học sĩ, chiếu theo hàm mới cấp tiền tuất, lại chuẩn cho hộ tống (quân binh hộ tống tới thuyền, kế là dân phu hộ tống về tới quê), ban tể (trích 100 đồng sắm sửa lễ phẩm, sai quan tỉnh Đặng Như Vọng truyền chỉ ban tể) để tỏ ý ưu đãi thể thiếp. Khâm sứ đại thần Moulié nghe tin cũng gửi thư chia buồn (thư đại lược nói mấy tháng nay Đông Các đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hình Nguyễn Hữu Thảng tạ thế, Thượng thư bộ Binh Hồ đại thần lại bệnh mất, rất là thương tiếc. Đại thần đức tốt, riêng mình quả cảm bất khuất mà hiểu sâu việc đời, quý đại thần đã biết từ lâu. Nay chợt nghe nói đã mất, vô cùng đau xót).

1308. Ban dụ chuẩn cho Thượng thư bộ Công sung Cơ mật viện đại thần Phạm Xứng quyền kiêm Chương án triện bộ Binh, Thượng thư bộ Hộ sung Cơ mật viện đại thần Huỳnh Côn quyền kiêm Chương án triện bộ Hình.

1309. Hạn hán. Quan phủ Thừa Thiên Trần Đình Phác, quan tỉnh Quảng Nam Hồ Đệ đều tới đền Quan Công thành kính cầu đảo được mưa, chuẩn chiếu lệ cúng tạ.

1310. Tháng 2. Hoàn thành đường xe lửa từ Hà Nội tới Nghệ An. Toàn quyền đại thần Beau tới Nghệ An làm lễ khánh thành, sai Thượng thư bộ Hộ sung Cơ mật viện đại thần Huỳnh Côn, Tham tri bộ Lễ Nguyễn Gia Thoại, Thống chế Lê Chấn mang sắc thư tới thăm hỏi. Khi quý đại thần về Hà Nội gửi thư trả lời cảm ơn.

1311. Án sát Quảng Nam Đinh Hữu Hình phạm luật (tù phạm lên ra ngoài làm bậy mà không biết tra xét, lại trước đó làm quan phủ huyện lâu ngày, nhân dân nhiều người quen biết, lưu lại lâu ngày không tiện), bị Tổng đốc Hồ Đệ trích ra tham hặc, chuẩn cho về nhà chờ bổ.

1312. Huyện Phú Lộc Thừa Thiên có mưa đá (giờ Thân ngày 20 tháng ấy mưa đá rào rào rơi xuống, hoặc to như hạt nhãn hoặc to như hạt vải không như nhau, lúa ngoài ruộng bị tổn hại nhiều).

1313. Bộ Lễ và Nội các đưa danh sách hội đồng chọn được lên ngự lãm, chuẩn cho theo thứ tự bàn chuẩn (năm Tự Đức thứ 12 nghị chuẩn trong có một khoản Tôn sinh Giám sinh Âm sinh ai được đủ 6 năm thì đình thần chọn lựa một lần, chiếu phép thi Hương ra đề khảo thí, người trúng hạng ưu hạng bình giao cho bộ Lại chọn bổ, người trúng hạng thứ vẫn cho lưu lại học tập, hạng liệt thi cho về nguyên tịch. Năm thứ 14 nghị chuẩn công tử ở Quốc tử giám 6 năm hội đồng với Giám sinh Âm sinh cho đình thần chọn lựa một lần chia hạng án bổ, hạng bình trước tiên trao hàm Kiểm thảo, sau 2 năm thăng hàm Tu soạn, hạng thứ trước tiên trao hàm Điền tịch, sau 2 năm thăng hàm Kiểm thảo. Năm thứ 18 nghị chuẩn Tôn sinh trúng hạng bình, Giám sinh Âm sinh trúng hạng ưu trước tiên trao hàm Điền bạ, được tròn 4 năm thăng bổ huyện châu, Tôn sinh trúng hạng thứ, Giám sinh Âm sinh trúng hạng bình trước tiên trao hàm Đãi chiếu, tròn 1 năm thăng hàm Điền tịch, được tròn 4 năm thăng bổ huyện châu. Kỳ chọn lựa năm thứ 36 bộ Lễ dâng phiến tâu xin người trúng chia hạng án bổ, người không trúng chờ lần sau, vâng lời thánh phê “Hai lần chọn lựa không trúng thì bổ hàm thấp hơn để khỏi quá muộn”. Năm Kiến Phúc thứ 1 và năm Thành Thái thứ 4 đều chuẩn do ba nha hội đồng tạm đưa đề bài tam trường ra khảo thí) thi hành. Danh sách ấy có 2 người hạng ưu (Hoàng Chi, Hoàng Xuân Hải), 40 người hạng bình (bọn Trịnh Quang Bích, Ứng Dự, Tôn Thất Phán) và 9 người Công tử Công tôn Tôn sinh cùng Âm sinh chọn lựa lần thứ hai giao bộ Lại án bổ, 5 người chọn lựa lần đầu trúng hạng thứ cho lưu lại học tập chờ lần sau để hợp với lệ định.

1314. Sắc sai dựng nhà ở cho quân ở cửa tây hoàng thành (tháo dỡ Tả hồi lang ở điện Khâm Văn xây dựng để tiện quân binh cận vệ cư trú).

1315. Lúc bấy giờ vì sau bão lụt các cung điện trong hoàng thành cùng quan thự tư gia ở kinh thành phần nhiều sụp đổ hư đột, sai bộ Công khám xét trừ tính trích tiền lần lượt tu bổ. Bèn lấy Chương vệ Vũ Văn Hy sung Đồng lý việc xây cất trong đại nội, Chương vệ Nguyễn Tâm Cảnh sung Đồng lý việc xây cất các nơi trong kinh thành.

1316. Tháng 3. Ngự giá ra sở Thừa lương trú tất. Chuẩn cho hữu ty tuân lệ thị hầu (năm Thành Thái thứ 14 bộ Lại dâng phiến bàn, chuẩn cho khi ngự giá ra hành cung thủy tạ chuyên do vũ quan luân phiên trực hầu để tiện kiểm soát đốc thúc hộ vệ, văn quan chiếu lệ vào trực ở Tả vu để kiểm duyệt chương tấu).

1317. Sắc sai thông sức cho các phủ phòng cùng thần dân trở đi phàm gặp ngự giá trừ ấn quan đã chuẩn cho ngồi trên xe khấu đầu một cái, còn lại đều phải kính cẩn tránh đi, ai trái lệnh sẽ bị bắt giam ba tháng. Lúc bấy giờ ngự giá đi hóng mát, Chủ sự Ứng Vũ không biết kính cẩn tránh đi nên bị phạt, vì thế ban sắc nói tới việc ấy.

1318. Chuẩn cấp cáo sắc cho quan viên văn võ ở Bắc Kỳ (năm Thành Thái thứ 12 quý Đô thống đại thần bàn định thăng thưởng 23 văn quan, năm Thành Thái thứ 16 bàn định thăng thưởng 8 võ quan). Lúc bấy giờ việc thăng bổ quan lại ở Bắc Kỳ đều do Thống sứ và quan Thống binh bàn định, chỉ có cáo sắc chỉ dụ là do nha hữu quan (văn quan do bộ Lại, võ quan do bộ Binh) làm tập tâu dâng lên, chuẩn cho ban cấp.

1319. Đổi tỉnh Cầu Đơ ở Bắc Kỳ thành tỉnh Hà Đông (đổi chế ấn kiểm bằng đồng để dùng, một khắc “Hà Đông Tổng đốc quan phòng”, một khắc “Hà Đông Án sát sứ ty”, một khắc “Hà Đông Phó Lãnh binh quan phòng”, một khắc “Hà Đông Học chính quan phòng”).

1320. Mùa hạ, tháng 4. Chuẩn cấp tiền tự điền cho cố Thái tử Thái bảo truy thụ Càn Chánh điện đại học sĩ Nguyễn Trọng Hợp (chiếu lệ năm Thành Thái thứ 7 chuẩn cho Đông Các đại học sĩ Địch Trung tử Hoàng Tá Viêm lãnh trước 30 năm, chiếu tước từ mỗi năm 160 quan, tổng cộng 4.800 quan, đổi ra ngân nguyên là 685 đồng).

1321. Quan phủ Thừa Thiên Trần Đình Phác xin lập riêng ấp An Hà (thuộc tổng An Nông huyện Phú Lộc. Năm trước quý Tham biện Ra Nê (1) nhận trưng ruộng đất vùng núi gò thuộc địa phận năm thôn ấp Phú Mỹ, Bao Vinh Hạ, Nam Phố Hạ, Nam Phố Càn tổng ấy và thôn Phú Sơn tổng Lương Điền, đều ở tả ngạn sông Hưng Bình. Đến lúc ấy quý quan không nhận trưng nữa, bọn Trần Đình Kiểm (con Trần Đình Phác) xã Hà Trung tỉnh Quảng Trị làm đơn xin nhận trưng toàn bộ, lại nhận 20 mẫu của Âm sinh Phan Thanh Tuấn thôn Phú Mỹ nhường lại lập riêng làm ấp An Hà cư trú làm ruộng, hiện đã thành ruộng đất 19 mẫu 7 sào, năm sau sẽ bắt đầu chịu thuế. Còn đất hoang mới khẩn hạn trong 5 năm thành ruộng sẽ báo khám.* chia làm ba phần, một phần sung làm ruộng công, hai phần làm ruộng tư, xin phê chuẩn cấp bằng và triện gỗ để nhận làm), cho như lời xin.

(1) Nguyên bản viết là “Ra Nê”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1322. Quan tỉnh Khánh Hòa Mai Khắc Đôn tư nói năm trước (năm Thành Thái thứ 15) thương nhân người Tây Bạ Tê Lô Mi (1) khẩn đất ở hai bên cửa biển Cam Ranh (2) được 7.500 mẫu Tây, mộ dân lập ấp, xin đặt riêng làm xã Cam Ranh chịu thuế, đã phái khám và sức làm sổ sách (hạng miễn sai dịch 2 người, hạng chánh nạp 66 người, thuế đồng niên 145 đồng 2 hào), lấy năm ấy (tức 1905) khởi trưng. Bộ Hộ bàn bạc cùng tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành.

(1) Nguyên bản viết là “Bạ Tê Lô Mi”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) Nguyên bản viết là “Cam Linh”.

1323. Xã Cương Giản tỉnh Hà Tĩnh bị hỏa hoạn cháy lan ra 133 hộ, chuẩn quan tỉnh trích thóc ở kho Bị hoang cấp cho (mỗi hộ cấp 1 hộ, trở đi chiếu lệ thi hành).

1324. Hoàng Hóa công Miên Triệu chết, truy tặng là Hoàng Hóa quận vương, cùng chuẩn trích tiền (300 đồng) cấp cho làm lễ mai táng (quận vương từng nhiếp phủ vụ, lại phụng đi sứ vất vả, đặc chuẩn tiến phong để tỏ rõ ý đôn thân).

1325. Tổng đốc Thanh Hóa Vương Duy Trinh dâng hai tập *Thanh Hóa quan phong kỷ thắng** mình soạn (Duy Trinh vào năm Thành Thái thứ 15 tập hợp những danh thắng và ca dao hò vè trong hạt soạn thành tập gửi cho Tiến sĩ Luật khoa của quý Pháp quốc là Gia Kê Dung (1) phiên dịch. Đến lúc ấy biên tập xong, chia sơn xuyên danh thắng làm tập *Kỷ thắng*, ca dao thổ âm làm tập *Quan phong*, đều có hai bản giao cho Tiến sĩ ấy nhận, lại đệ riêng cho bộ Lễ dâng lên), sai Nội các thu giữ.

(1) Nguyên bản viết là “Gia Kê Dung”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1326. Tháng 5. Bộ Lễ tiến trình nghi thức tiết Đoan dương. Vua phê nói tất cả đều bãi bỏ, trở đi chuẩn cho đình.

1327. Tháng 6. Ban cấp *Thực lục Tiền biên* cho án quan văn giai và học đường ở các tỉnh đạo.

1328. Lúc bấy giờ phiên tấu của các bộ nha lưu lại nhiều ngày, bề tôi Nội các xin do các bộ Nha ấy đổi chép lại trình lên, cho như lời xin.

1329. Bề tôi Khoa đạo dâng sớ xin dời trường thi Thừa Thiên tới trường cũ bên trái chùa Thiên Mục (thuộc xã An Ninh). Chuẩn do Cơ mật viện bàn bạc ôn hòa thi hành. Về sau vì phí tổn xây dựng quá nhiều nên đình.

1330. Mùa thu, tháng 7. Ban thảo *Chính biên đệ lục kỷ* về Cảnh tông Thuận hoàng đế (tất cả 12 quyển) soạn xong, bề tôi Quốc sử quán là bọn Cao Xuân Tiếu dâng biểu văn xin khắc in, chuẩn cho như lời tâu. Lúc đầu bề tôi ở Quốc sử quán biên tập đã xong, vì tháng 11 năm trước kính dâng giữ lại trong cung quá lâu chưa giao ra, đến lúc ấy lại đổi chép lại dâng lên ngự lãm, mới chuẩn cho thi hành.

1331. Phủ Tôn nhân và đình thần văn vũ tâu xin khôi phục lễ ra triều ngày sóc ngày vọng. Lúc bấy giờ vua vì khí trời nóng bức ngự giá ra sở Thừa lương trú tất, ở đó lâu không ra triều. Phủ Tôn nhân và đình thần bèn cùng tâu xin.

1332. Sắc cho bộ Công trích tiền lo mua sắm vật liệu vây bắt thú rừng, bộ Công trừ tiền lưới vây bắt cộp cùng mác (1) sắt đao cũi tới hơn 1.918 đồng, dâng phiên tấu lên. Vua phê nói “Cứ tập tức giao đủ số tiền ấy nạp lên, sẽ có chỉ riêng”. Bề tôi ở bộ bèn trích tiền nạp lên.

(1) Nguyên bản chép bằng chữ Nôm “mác” (*thiết + mạt*).

1333. Quảng Trị bị bệnh dịch (hai tổng Mộc Ba, Hồ Xá huyện Vĩnh Linh và hai tổng Cam Vũ, Mai Lộ phủ Cam Lộ nhân dân cảm nhiễm thương hàn rất nhiều, có người đến nỗi phải chết) sai quan tỉnh phái y sinh cấp thuốc men trị liệu.

1334. Tháng 8. Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Trị gần đây vì hạn hán lụt lội càng đói, quan phủ quan tỉnh đem tình hình báo lên, lại xin chờ gạo trợ cấp, đẩy việc xây dựng thay cho chẩn cấp, giảm thuế cho vay để giảm nỗi khổ của dân. Cơ mật viện tâu xin, bản nghĩ năm trước còn lưu lại tiền, đầu giá mua khoảng 20.000 bao gạo hạng ba ở Nam Trung hoặc Bắc Kỳ chờ về chia cấp (Thừa Thiên 10.000, Quảng Trị 7.000, Quảng Nam 3.000), vẫn do quan các phủ tỉnh xem xét bàn bạc tiến hành (hoặc phát mãi, hoặc cho vay và xem xét đường nào cần xây dựng thì lập tức đẩy việc xây dựng thay cho chẩn cấp). Quyền Khâm sứ đại thần Moulié cũng đồng ý, bèn gọi điện văn cho Phủ Toàn quyền tư cho Thống sứ Gia Định giúp đỡ, sức cho thuyền buôn mua chở ra, chuẩn cho lập tức sao lục thi hành.

1335. Tả (1) Tham tri bộ Hộ Nguyễn Vĩ chết. Vĩ làm quan trải khắp trong ngoài, nhiều lần tỏ rõ huân lao, đến lúc ấy chết, chuẩn cấp tiền tuất như lệ.

(1) Nguyên bản chép là “Tại” (ở), là “Tả” (bên trái) bị chép lầm, đây đính lại như trên.

1336. Chuẩn trích tiền tu bổ phần mộ của các phủ phòng (vì gần đây bão lụt bị sụp lở).

1337. Ban cấp sách *Khâm định Tập vận trích yếu* cho Quốc tử giám, Trường Quốc học và học đường các phủ tỉnh. Trước (1) là tháng 9 năm Thành Thái thứ 15, bộ Lễ tâu nói trong phép thi Hương thi Hội thanh vận thơ phú rất là quan trọng, trong niên hiệu Minh Mạng đã phụng mệnh san hành *Khâm định Tập vận trích yếu*, gần đây thầy dạy trò học, quan trường sao ra yết thị chỉ dùng hai bộ *Tập thành*, *Hàm anh* (2), vì cứ theo như thế nên sợ có lầm lẫn, xin sử quán in lại bộ vận thư ấy để ban cấp. Đến lúc ấy in xong bèn tâu lên chuẩn cho ban cấp.

(1) Nguyên bản chép là “quang” (sáng), là “tiên” (trước) bị chép lầm, đây đính lại như trên.

(2) *Tập thành*, *Hàm anh*: @

1338. Bộ Lễ tâu nói lễ phẩm tam sinh trong lễ tiết hàng năm ở các lăng miếu, gần đây vì có việc nên theo thời cắt giảm, về sau bàn trích số tiền chi về đồ thờ hơi dư dật, xin chiếu số lượng tăng lên để hợp tình lễ, qua năm chiếu số cung biện, theo như lời xin.

1339. Bắt đầu định lệ đưa văn thư theo dịch trạm từ kinh đô tới Đà Nẵng, để hành trình mau lẹ, là theo lời bàn của Quyền Khâm sứ đại thần Moulié (lúc bấy giờ dịch trạm chuyển công văn hàng hóa thường chậm trễ, đường đèo Hải Vân đã bằng phẳng, xe đi rất dễ, đại thần bèn có lời bàn ấy, lại yết thị chương trình giờ giấc, tâu lên chuẩn cho thi hành).

1340. Đổi đặt lại dịch trạm ở tỉnh Nghệ An (dọc theo đường cái quan giảm 4 trạm Yên Kim, Yên Cao, Yên Lũy, Yên Quỳnh, đặt 3 dịch trạm Quán Hành, Yên Lý, Cầu Giát (1), vẫn lưu 2 trạm Yên Dũng, Yên Các. Đường Cửa Rào giảm 3 trạm Nam Xuân, Nam Mậu, Phú Lương, đặt 14 trạm Bảo Nham, Lương Phú, Lương Thọ, Lương Lễ, Lương Lãng, Con Công, Khê Quang, Bãi Xa, Na Kham, Khe Kiên, Ca Na, Mường Chử, Cửa Rào (2). Đường tới Nam Đàn giữ lại 2 trạm Yên Thái, Nam Diên, đặt thêm trạm Vũ Liệt. Đường tới Quỳnh Châu giữ lại 3 trạm Mặc Tảo, Tam Lễ, Đại Trung. Đường lên các ruộng muối Thương chính giữ lại 3 trạm Yên Thanh, Văn Trường, Phú Nghĩa). Lại chuẩn trở đi việc chuyển phát công văn và hàng hóa công từ Thanh Hóa trở ra các tỉnh phía bắc đều do Sở Điện báo phát đệ, vì đường xe đã làm xong.

(1) (2) Trong các địa danh nói trên có một số nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

(3) Nguyên bản chỉ chép tên 13 trạm, có lẽ bị sót.

1341. Tháng 9. Chuẩn trích tiền tu bổ tôn điện tôn lăng và đồ thờ ở các đàn miếu (vì tháng 8 năm trước bị bão tôn thất).

1342. Quyền Khâm sứ đại thần Moulié gửi thư nói ngày 14. 5 Tây lịch năm nay đại thần Thượng thư bộ Thuộc địa vâng chỉ dụ của Giám quốc chuẩn thiết lập một vệ lính khổ đờ và một cơ pháo binh ở bản quốc như lệ Bắc Kỳ để tiện lâm thời phòng vệ. Quân trong cơ vệ ấy sẽ trích quân ở Bắc Kỳ còn tại ngũ hai ba năm nữa sung vào, chờ khi hết hạn sẽ chọn người bản quốc, theo thứ tự thay thế, sau ba năm thì những quân binh ấy đều thuộc người bản quốc, Lại đệ trình hai Nghị định của Toàn quyền đại thần (một đề ngày 20. 7 Tây lịch năm ấy bàn nghị đại ý, một đề ngày 28. 9 năm ấy nghị chọn 3.303 lính Bắc Kỳ, 13 lính Thừa Thiên Tứ trực của bản quốc, tháng 10 Tây lịch mở trường chọn tuyển) do Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành, lập tức thông tư cho các tỉnh phủ (Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Quảng Bình) tuân theo yết thị chọn cấp đệ sung vào ngạch binh năm ấy (Toàn quyền đại thần Đông Dương Nghị định như dưới đây. Tiết 1 nói về bản ý tuyển binh. Khoản 1: lính cơ thuộc bản quốc ở Bắc Kỳ và phụ binh của nước Nam nước Pháp phải chiếu theo lời nghị này. Tiết 7 nói lúc nào đã lập lính vệ ở bản quốc xong thì lập tức dồn bộ binh của bản quốc lập thành quân pháo thủ, tuân chiếu khoản 7 (1) đều phải tại ngũ 5 năm. Khoản 2 nói về tuyển trường. Chỗ tuyển trường ở Bắc Kỳ là Hà Nội, Hải Dương, Bắc Ninh, Nam Định, Hải Phòng, tuyển trường ở Trung Kỳ là Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Quảng Bình. Khoản 3: binh ngạch ở các tuyển trường hoặc sung vào lính pháo thủ, lính thợ, lính cơ, Sở Đốc biện, lính cưỡi ngựa Bắc Kỳ và lính pháo thủ, bộ binh trú ở Trung Kỳ bản quốc mỗi năm định binh ngạch bao nhiêu chiếu theo lời nghị trong tiết 2 tuân biện. Tiết 2 nói về việc chia binh ngạch. Xã thôn ở các tỉnh cùng khu vực chung quanh thị xã mỗi năm dẫn những người phải tuyển binh tuyển trường cho Công sứ và phái viên chiếu lệ chọn tuyển. Khoản 5: phạm người được tuyển binh đã đưa vào đội ngũ, nếu có làm bậy việc gì thì xã ấy chịu lỗi như dưới đây. Phạm binh đào ngũ lâm thời thôi thúc đốc suất xã ấy phải tìm bắt dẫn về đội ngũ hoặc lập tức bổ sung, hoặc từ lần tuyển sau mỗi lính trốn nạp phạt 6 đồng, lính trốn hoặc trộm cắp quân phục, xã ấy cũng phải bồi thường. Khoản 6: có ai không chịu nộp ở trong đội ngũ mà cho về hoặc can án tước binh ngạch thì xã thôn ấy phải chọn người khác bổ vào. Khoản 7: chết trận hoặc vì việc công sai không may mất mạng hoặc bị thương hoặc làm công vụ mất sức cho về hưu đều không trong lệ bắt buộc phải bổ sung. Khoản 8: mỗi người ra làm binh thì Lý trưởng phải tuân theo lời huấn sức của Công sứ và phái viên chọn tuyển làm danh sách ghi rõ căn cước của người ấy. Khoản 9: từ ngày 1. 10 đến 1. 11 Tây lịch hàng năm mở tuyển trường ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, những người được chọn phải lập tức dồn vào cơ ngũ ứng vụ kể từ ngày ấy. Những người tình nguyện mộ quân trước ngày ấy thì không trong hạng này. Khoản 10: trước ngày 15. 8 Tây lịch hàng năm sẽ có lời nghị định về ngạch binh ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Tiết 3 nói về thể lệ tuyển binh. Khoản 11: trước ngày 15. 9 Tây lịch hàng năm Tổng thống Toàn quyền đại thần Đông Dương sẽ định ngày và nơi tuyển chọn. Lại định quân được tuyển chọn thân thể cường tráng thì do các đại thần Khâm sứ Thống sứ tư cho Công sứ các tỉnh và phái viên biết. Khoản 12: các sắc binh như tình nguyện đăng lính lần nữa thì chiếu theo ngân sách lưu binh châm chước nghị định. Tiết 5 nói về phụ cấp đương ban. Khoản 13: người đang trong quân ngũ được miễn thuế thân và sưu dịch, xã ấy phải cấp ruộng giúp đỡ gia quyến người ấy, lại ông cha người ấy chết thì anh em được một người miễn đao dịch. Tiết 6 nói về lệ phạt. Khoản 14: quân đương ban có ai can án phạt giam bao nhiêu ngày tháng năm, đến khi mãn hạn thì phải tính số ngày bị giam mà lưu lại chiếu số khấu trừ nhưng chỉ ghi vào binh ngạch dự phòng và lưu thủ. Tiết 7 nghị định niên hạn tại ngũ là 5 năm. Khoản 15: quân tại ngũ 5 năm, kể từ hôm nay đến ngày 1. 10. 1909 mãn hạn, các đợt về sau cũng chiếu theo đó thi hành).

(1) Nguyên bản chép là “đệ thất đệ”, là “đệ thất khoản” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

1343. Mùa đông, tháng 10. Thường Tổng đốc Quảng Nam Hồ Đệ 1 tẩm kim khánh hạng hai, Bô chánh Đặng Như Vọng một đồng kim tiền Nhị nghị và các viên Đốc phái đường sông đều được thưởng có thứ bậc khác nhau (vì khơi vét sông Cầu Nhi có công lao, được Trú sứ đề nghị xin, nên thưởng cho).

1344. Tòa Khâm sứ ủy nhiệm Hội biện Hộ chính Tô Lăng (1) bàn nói triều đình nước Pháp có Nghị định mới quy định bắt đầu từ ngày 1. 1 Tây lịch năm tới (1906, tức ngày 7 tháng 12 Nam lịch) cấm không được thông dụng tiền bằng bạc hiệu con ó (2), phàm ai có tiền hiệu con ó phải lập tức đưa ra Ngân khố trình đổi. Cơ mật viện tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành.

(1) Nguyên bản viết là “Tô Lăng”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) Nguyên bản chép là “Điều hiệu ngân nguyên”, tức đồng tiền bằng bạc của Mexico, một mặt in nổi hình con ó biển, đã được lưu hành ở Việt Nam từ thế kỷ XVIII.

1345. Chuẩn trích tiền (147 đồng) cấp trả cho tỉnh Quảng Trị cấp phát sách vở cho các học đường. Lúc đầu quan tỉnh Quảng Trị Bùi Xuân Huyền vì sách công của trường tỉnh học và trường phủ huyện bị thất tán, trích tiền kho cấp cho. Bộ Hộ bàn bới* quý Tòa nói các tỉnh không có khoản chi để mua sách ấy nên không chuẩn, nhưng Trú sứ nghĩ xin bàn lại chuẩn chi. Bề tôi ở bộ vì Công sứ ở tỉnh muốn ra ơn cho sĩ lâm mà mở rộng việc giảng dạy nên tâu xin chuẩn trích tiền tự điển (1) năm ấy trả cho, nhưng trở đi không được viện lệ.

(1) *Tiền tự điển: tự điển* là danh sách các thần kỳ được chính quyền thừa nhận và thờ phụng, đây chỉ ngân sách thờ cúng các thần kỳ được ghi vào tự điển của triều Nguyễn ở tỉnh Quảng Trị.

1346. Lúc bấy giờ phần mộ của hoàng thân công triều trước nhiều nơi bị đào trộm (mộ Lạc Hóa quận công, Hòa quốc công, Quế Sơn quận công). Tôn nhân và bộ Lễ xin ban sắc cho quan phủ Thừa Thiên nghiêm sức, phàm xã nào có các phần mộ thì phải hết lòng đề phòng kiểm soát để tránh bị đào tiếp, lại khẩn phái truy nã cốt bắt được bọn ấy để tra tội kết án dứt tuyệt rễ ác, theo như lời xin.

1347. Phủ Tôn nhân dâng sớ xin ban sắc cho Cơ mật viện bàn chuẩn cho Tuyên Hóa công Bửu Tán kiêm nhiếp việc Phủ Tôn nhân (sớ đại lược nói “Năm Minh Mạng thứ 17 bắt đầu đặt ra Phủ Tôn nhân, phụng chuẩn lấy bốn hoàng tử làm Tả Hữu Tôn chính (1), Tả Hữu Tôn nhân, trên thì biên soạn phả điệp, dưới thì tuyên dương giáo lệnh, thân sơ có thứ tự, trách nhiệm rất quan trọng, các triều tuân theo quả thật không đổi phép hay. Trong đời Thành Thái thân phiếm kiêm nhiếp việc phủ phần nhiều vì già bệnh nên đề khuyết chức, rất cần chọn người thay thế. Tháng 5 năm trước chuẩn đặt thêm Tả Hữu Tôn khanh mỗi chức một người, lấy Thượng thư bộ Lễ Lê Trinh, Tham tri bộ Hộ Tôn Thất Đạm kiêm nhiếp. Lê Trinh đã từ chức ở phủ, kẻ Tôn Thất Đạm được bổ chức ở tỉnh ngoài, thân Miên Lịch ngày càng già yếu, hiện nay việc phủ bề bộn sợ khó chu toàn, trộm nghĩ kiêm quản Tôn học Tuyên Hóa công Bửu Tán tuổi lớn nét thuần, rất có học thức, có thể làm gương cho hoàng phái, ngẩng xin ban sắc cho Cơ mật viện bàn chuẩn kiêm nhiếp để may mắn có người chân chính”). Vua ưng thuận lời tâu nhưng không làm.

(1) Nguyên bản chép là “Tả Tôn chính”, là “Tả Hữu Tôn chính” bị chép sót, đây đính lại như trên.

(2) Nguyên bản chép là “hiện hạ phủ vụ Tôn Thất Đạm tầm sự phồn”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là hiện hạ phủ vụ sự phồn” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

1348. Tháng 11. Công ty lãnh trung làm đường xe lửa từ tỉnh làm đường sắt chạy qua vườn Dữ Dã, đường ấy chạy vào rừng trúc trong vườn (góc trái phía sau 14 thước), chuẩn cho quan phủ Thừa Thiên đổi chỉnh lại hàng trúc để làm rõ giới hạn cấm địa (sau đó lại chuẩn cho nhận phân đất ở cầu Bạch Hồ dựng trại để lo việc làm đường xe lửa chạy qua cầu).

1349. Toàn quyền đại thần Beau hện ngày tới đạo Ninh Thuận. Sai Tổng đốc Bình Phú Tôn Thất Đạm theo dịch trạm tới ngay đạo ấy đốc suất tu sửa cầu đường và đón tiếp khoản đãi để trọng sự thể, là theo lời Khâm sứ đại thần Moulié.

1350. Các đại thần Toàn quyền, Nguyên soái (năm Thành Thái thứ 12 triều đình nước Pháp đặt ra quan Nguyên soái thống lĩnh lính tập ở Đông Dương) từ Sài Gòn tới Phan Rang quan sát tỉnh mới (Lang Biang) ở thượng du. Sai Hiệp biện đại học sĩ sung Cơ mật viện đại thần Hiền Lương tử Trương Như Cương sung Khâm sai đại thần (trích cấp một tẩm kim bài cùng mang ấn quan phòng theo để tùy nghi làm việc) mang theo sắc thư tới Nha Trang cùng Khâm sứ đại thần Moulié (hiện ở Nha Trang) tới thăm hỏi và tặng Nguyên soái đại thần (sung Khâm sai đại thần Thanh tra các đạo binh ở Đông Dương) Vô Y Lung (1) kim khánh hạng lớn nhất một tẩm.

(1) Nguyên bản viết là “Vô Y Lung”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1351. Nêu thưởng thọ dân 100 tuổi ở tỉnh Quảng Nam (Trần Văn Câu huyện Lễ Dương 101 tuổi, Nguyễn Thanh Nhã ở huyện Duy Xuyên).

1352. Cấp tiền tự điền cho cố Đông Các đại học sĩ Nghĩa An bá Nguyễn Hữu Thăng (tước bá lộc điền 6 mẫu, mỗi mẫu cấp tiền đồng niên 40 quan, bắt đầu từ năm ấy).

1353. Quan tỉnh Quảng Bình Nguyễn Hách tư nói dân lưu ngụ ở hai phường Lê Giáo, Mỹ Hội và phường Kiên Bình thuộc hạt (tụ cư dọc theo một dải Trường lũy thuộc đất quan phòng (1), nên đặt làm xã Lê Mỹ, chọn Lý trưởng đời cấp cho triển gỗ) để công vụ được mau lẹ. Bộ Hộ vì việc ấy thuận với lòng dân, bàn tâu lên chuẩn cho thi hành.

(1) *Đất quan phòng*: đất công dành dùng làm việc công ích.

1354. Tháng 12. Năm ấy ban lịch, Thống sứ Bắc Kỳ gửi điện xin cấp thêm bảo lịch (120 tờ, tăng thêm 8 tờ), quan lịch (12.400 tờ, tăng 300 tờ). Bộ Hộ vì gần đây Bắc Kỳ tăng thêm quan lại nên tăng nhiều như thế, tâu xin sai Khâm thiên giám theo số in ra để cấp để mọi người tuân theo chính sách.

1355. Hội biện bộ Lại Tô Lăng được ủy nhiệm giao giúp hội Ô Liệt (1) một tờ tâu (cho Hội trưởng hội ấy định kỳ ca xướng khiêu vũ - tức nhảy đầm (2)) do Cơ mật viện tâu lên, vua ưng thuận lời xin. Tô Lăng lại đệ thư của Chủ Hội đưa ngựa xin định ngày (ngày 21. 1 Tây lịch sang năm tức ngày 27 tháng ấy Nam lịch) chuẩn cho gởi ngựa tới đua, vua cũng theo lời xin.

(1) Nguyên bản viết là “Ô Liệt”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

1356. Hiệp biện đại học sĩ sung Phó Tổng tài Quốc sử quán, Kinh diên giảng quan hưu trí Hoàng Hữu Xứng chết. Hữu Xứng là cựu thần có danh vọng, coi sử quán, hầu Kinh diên, văn chương phẩm hạnh vốn rất rõ rệt, năm trước theo lệ (70 tuổi) dâng sớ xin hưu trí. Đến lúc ấy chết, có để lại di biểu. Vua rất thương tiếc, chuẩn phái quân binh hộ tống và ưu cấp tiền tuất. Lại sai quan tỉnh (Án sát Quảng Trị Tôn Thất Dịch trạm***) truyền chỉ ban tế để tỏ rõ ý ưu đãi thể thiết.

1357. Bề tôi Cơ mật viện tâu nói trong đường xe lửa có một đoạn (thuộc địa phận ấp Đông Thành) sát cạnh tôn lăng của Thoại Thái vương (cách 120 thước Tây) lại kèm theo bản đồ trình lên, xin tư cho Tòa Khâm sứ chuyên qua với quan Pháp Bác vật ở Sở Đốc công, nếu có thể thay đổi đường ấy thì càng tốt, hoặc thay đổi không tiện thì không được đào bới quá sâu gò núi phía sau để tránh làm hỏng mạch đất. Đến khi đưa bản đồ qua tư bàn, quý Tòa nhận được đệ qua, quan Bác vật Phi Ca Du (1) tư nói đường ấy thay đổi bất tiện, duy chỗ đào bới ở gò núi phía sau sẽ không đào sâu thêm, nhà nước trong việc xây dựng đường xe lửa đã có lòng kính cẩn tránh đi. Phiến tấu dâng lên, vua phê nói “Khoản này trăm từng nói với Phạm Xứng không nên bàn nữa. Và lại thuyết phong thủy không có bằng cứ, trăm vốn không tin, không ngờ các người còn sơ suất như thế. Sao mà sơ suất quá như thế!”. Bề tôi Cơ mật viện lại dâng sớ nhận lỗi (lời sớ đại lược nói khoản ấy gần đây nhận được tờ tư của phủ Thừa Thiên và tờ bẩm của người coi việc thờ cúng là Thụy Khanh công Bảo Thạch, bọn thân câu nệ chuyện tình cảm phong tục nên bất giác ấy vậy). Vua phê nói “Lầm lẫn làm hại việc lớn”.

(1) Nguyên bản viết là “Phi Ca Du”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1358. Cơ mật viện dâng danh sách mười người được tuyển qua Tây du học lên ngự lãm (bọn Nguyễn Việt Thông, Nguyễn Duy Trách, Nguyễn Đình Hiến, Tạ Thúc Kiện, Trần Văn Nẫm, Lương Doãn Nguyên, Đặng Cao Đệ, Đinh Xuân Trạc, Ưng Dự, Tôn Thất Cung). Vua phê nói “Chọn cho cẩn thận mới nên”.

1359. Định tiền lễ phẩm hàng năm cho từ đường bốn đời của Thoại Thái vương phi (chiết cấp thành tiền 40 đồng), lại cấp mộ phu, sai phu tế tự (18 người).

Quyển 18

1360. Năm Bình ngô Thành Thái thứ 18 (1906 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Toàn quyền đại thần Beauvois tới kinh (chuyến đi này của Toàn quyền đại thần là từ nước Lào theo đường bộ qua Lao Bảo thẳng tới đường mới Ba Lòng (1) trở về tỉnh Quảng Trị rồi tới kinh) yết kiến, sai khoản đãi ở Tả vũ. Lại ngự giá tới Tòa Khâm sứ thăm hỏi, chuẩn trích phẩm vật tặng cho, khi Toàn quyền đại thần về lại tặng quan viên tùy tùng kim khánh có thứ bậc khác nhau.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

1361. Sai bộ Công tu sửa điện Cần Chánh, điện Thái Hòa và Tả Hữu vu Đại Cung môn. Lúc ấy sau trận bão năm Giáp Thìn cung điện nhà thờ trong hoàng thành và kinh thành nhiều nơi sụp đổ, bộ Công xin tháo dỡ mang về chờ trù tính xây dựng lại, theo như lời xin.

1362. Tháng 2. Ngày Tân Hợi (ngày 14) tế Giao.

1363. Mở đại hội bàn định việc sửa chữa học quy. Lúc đầu là Toàn quyền đại thần Beau tới kinh bàn nghị mở một đại hội bàn định học quy và san định sách vở cũ của bản quốc, phiên dịch tân thư phương Tây và sưu tầm nhật nhạn các sách vở thiết thực ở Đông Dương in ra thành sách để tiện dạy học, sắp tới phép thi cũng chiếu theo những sách vở ấy mà hỏi. Sau đó Tòa Khâm sứ họp bàn về học quy, bàn do Cơ mật viện tâu lên xin chuẩn sao ra cho thi hành. Bèn sai Thượng thư bộ Lễ Lê Trinh, Hiệp biện đại học sĩ sung Phó Tổng tài Quốc sử quán Cao Xuân Dục sung làm hội viên tới Hà Nội dự hội nghị. Đến khi hội nghị đã xong, Tòa Khâm sứ đệ giao Nghị định các khoản về việc dạy và thi cùng chia hạng lập trường, san định sách vở do bề tôi Cơ mật viện tâu lên chuẩn cho thi hành (An Nam cùng Bắc Kỳ). Giáo pháp bậc Sơ học. 1. Giáo pháp của bản quốc có ba bậc, bậc thứ nhất gọi là Ấu học, bậc thứ hai gọi là Tiểu học, bậc thứ ba gọi là Trung học. 2. Trường Ấu học do các xã thôn tự lập, trường Tiểu học Trung học do quan lập. 3. Giáo pháp ở trường tư cho được tùy tiện, sĩ tử các trường tư đều cho được ứng hạch ứng thí cùng lấy đồ theo lệ như học trò trường công.

Giáo pháp Ấu học. 1. Các xã thôn nên trù tính cách thức để trẻ em được tới trường Ấu học học hành. 2. Trẻ em các xã thôn từ 6 tới 12 tuổi có từ 60 đứa trở lên thì nên lập một trường học và nuôi một thầy giáo (1) để những trẻ em ấy học tập. 3. Cho hào lý các xã thôn được tùy tiện dự trù ngân sách để chi phí cho trường ấy. 4. Các xã thôn dân số ít và quan Chính trị (2) biết là rất nghèo không thể lập trường riêng thì cho cùng lập chung một trường. 5. Hoặc các xã thôn không thể tuân biện lời huấn sức thì quan Chính trị nên nghiêm sức tuân lập trường học hoặc xét nghĩ cách nào để tiện cho việc trường học. 6. Xã thôn nào không lập trường nữ riêng mà trẻ em gái đã đến tuổi đi học, nếu ai tình nguyện vào trường Ấu học cũng cho. 7. Thầy giáo phải được hào lý xã thôn tự chọn, quan Chính trị duyệt ưng thuận mới cho dạy, nhưng hào lý và quan phải khai rõ tên họ tuổi tác quê quán bằng cấp của thầy giáo được chọn cử ấy cùng mức lương cấp dưỡng và tờ thỏa thuận của thầy giáo ấy cùng một tờ nhận thực quê quán họ tên riêng đính kèm theo, do Tri huyện nạp chuyển lên cho đại hiến ở tỉnh xét duyệt. 8. Việc kiểm soát trường ấy là bổn phận của Giáo thụ Huấn đạo, thỉnh thoảng Đốc học hoặc Tri phủ Tri huyện, quan tỉnh hay phái viên Trường Quốc học đi qua cũng được kiểm soát. 9. Các thầy giáo mà quan Chính trị đã ưng thuận thì lúc đã dạy học mà chưa có lời phê chuẩn đều được miễn thuế thân và sưu dịch. Ai dạy học chăm chỉ, quả có thành hiệu đều được thưởng thụ quan hàm. Còn thầy giáo trường tư có thể tuân thủ quy thức trường công và tuân theo sự kiểm soát của quan Học chính của nhà nước tuy không được trừ sưu sai nhưng theo thực trạng cũng được thưởng thụ quan hàm. 10. Mỗi tỉnh thành nên lập một trường Ấu học làm quy thức, nếu số tiền phải chi cấp cho trường ấy quá mức bình thường thì nhận tiền trong ngân sách của tỉnh bổ biện. 11. Trường Ấu học có hai giáo pháp, một là chữ Hán một là tiếng Nam, nếu cha mẹ học sinh trường ấy muốn con học một trong hai cũng được. 12. Quy thức dạy chữ Hán thì dùng chữ thường dùng và những câu danh ngôn nghĩa lý xưa nay cùng những sử truyện địa đồ, chính trị An Nam cần thiết. Giáo pháp ấy phát riêng một quyển sách bỏ túi (3) chữ Hán do hội nghị viện duyệt hợp in ra, những chữ trong sách ấy theo mức khó dễ mà tuần tự giảng dạy nghĩa lý, cũng theo trong sách Nho soạn ra những chữ ít dùng và những chú giải quá dài thì bỏ đi, những ví dụ thời cổ chưa kê ra (4) thì lấy những ví dụ truyền tụng rõ ràng đời nay thêm vào. Sách ấy theo tự vựng chữ Hán viết ra chữ latin, giải thích bằng tiếng Nam. 13. Quy thức dạy tiếng Nam thì viết chữ latin, dùng tiếng Nam cùng các sách Tu tri, giáo pháp ấy riêng chiếu theo trong sách bỏ túi tiếng Nam, mà quyển ấy là hội nghị viện duyệt hợp in ra, sách ấy dùng làm sách đọc để trẻ em đều biết các việc đặt ra ở Đông Dương cùng chính trị, phong tục, cư xử, lễ phép, toán pháp cùng vệ sinh. 14. Cũng làm riêng một quyển sách bỏ túi chữ Hán dịch ra tiếng Nam, trẻ em trường Ấu học ai không muốn thì lấy bằng Tuyển sinh cùng muốn học chữ Hán thì dùng sách ấy để học tập. 15. Đã học thuộc hai quy thức trên đây thì do quan công sở Học chính nhà nước khảo hạch để chứng nhận, gọi là tuyển hạch, người đỗ gọi là Tuyển sinh, sĩ tử ứng hạch không cần chứng nhận đã học bao nhiêu năm và học ở trường nào. 16. Sau khi Nghị định này thi hành một tháng, ai không trình rõ đã thông thạo chữ quốc ngữ thì quan Chính trị không chuẩn cho làm Hương sư, sau khi sách bỏ túi ban hành đến tháng thứ bảy mà thầy giáo không trình rõ đã thông thạo cách thức dạy học trong sách ấy thì quan Chính trị cũng không cho làm. 17. Trường quốc ngữ lập tại tỉnh thành hoặc tại những nơi quan yếu trong tỉnh để thầy giáo tại chức ở các xã thôn tới học, việc dạy ở trường ấy thì quan Chính trị phái các viên am hiểu chữ quốc ngữ tới dạy. Còn thầy giáo trường tư có ai tình nguyện nhập học cũng cho.

(1) Nguyên bản chép là “giáo sư”.

(2) Nguyên bản chép là “chính trị quan”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(3) Nguyên bản chép là “tiện huê” (tiện mang theo).

Tiểu học. 1. Các tỉnh phải lập trường Tiểu học tại phủ huyện (tức trường Giáo trường Huấn). 2. Nên lập trường Tiểu học làm quy thức ở tỉnh thành, chi phí do ngân sách tỉnh chuẩn biện, giáo pháp tiếng Nam hay chữ Pháp đều do thầy giáo trường Pháp Việt sở tại dạy. 3. Giáo pháp trường Tiểu học có hai lớp chữ Hán, một lớp tiếng Nam lại khuyến khích học thêm tiếng Pháp để có Tiểu học học thêm tiếng Pháp nhưng tùy nguyện vọng, cũng

không bắt buộc. 4. Quy thức chữ Hán thì dạy luân lý (2), văn chương, Bắc sử, Nam sử. Dạy luân lý văn chương nên lấy gốc từ Tứ thư nhưng hội nghị viện cũng cho thầy giáo tùy ý chọn sách mà dạy. Dạy chữ Hán cũng có riêng một quyển sách bỏ túi chữ Hán, dạy Nam sử cũng có riêng một quyển sách bỏ túi, đều do hội nghị viện duyệt hợp in phát, quyển ấy kể (3) ra vấn tắt về chính trị, pháp luật, tài chính Đông Dương. 5. Học làm văn chữ Hán nên chiếu theo trong quy thức vốn có mà học tập, nhưng làm văn thì không có luật lệ nhất định, thơ phú câu đối đều nhất loạt đình bãi. 6. Giáo quy tiếng Nam trước tiên dạy tiếng Nam kiêm dạy tổng quát sử ký địa dư địa (4) đồ các nước cùng căn bản cách trí, mà giáo pháp ấy cũng có riêng ba quyển sách bỏ túi do hội nghị viện duyệt hợp in phát. a (5). Một quyển sử truyện cùng địa dư năm châu, trong đó Đại Pháp và Đông Dương là rõ ràng nhất, còn địa danh các xứ cực đông thì dịch theo chữ Hán. b. Một quyển cách trí căn bản như bốn phép tính, đo diện tích đo ruộng đất, đo lường và các loại tiền dùng ở Đông Dương cùng các phép bảo vệ mùa màng và vệ sinh. c. Một quyển tập viết tiếng Nam căn bản. 7. Học làm văn tiếng Nam thì học ám tả cùng làm văn mà làm văn thì chiếu theo quy thức trong sách cách trí và sách toán đơn giản cùng chữ Hán dịch ra tiếng Nam, tiếng Nam dịch ra chữ Hán (6). 8. Học xong trường ấy có khóa công chiếu theo quy thức tinh thí, gọi là khảo khóa, mà trường ấy mỗi năm một khóa, do quan Đốc học ở tỉnh thành chủ trì, người đỗ gọi là Khóa sinh. 9. Phàm ai đã có bằng Tuyển sinh mà tuổi cao nhất cũng chỉ 27 mới được vào dự khảo, sĩ tử dự khảo khóa đều không cần chứng nhận đã học mấy năm và học ở trường nào. 10. Quy thức khảo khóa có ba đề, phải theo đúng đề bài mà làm. Kỳ thứ nhất đề chữ Hán, làm luân lý hoặc Bắc sử hoặc Nam sử hoặc một bài hoặc vài bài. Kỳ thứ hai đề tiếng Nam, một bài ám tả hoặc theo đề làm bài, quốc sử địa dư hoặc cách trí một bài. Kỳ thứ ba một bài chữ Hán dịch ra tiếng Nam, một bài tiếng Nam dịch ra chữ Hán. 11. Mỗi kỳ đều có chấm điểm kể từ 0 điểm tới 20 điểm, chấm xong tính chung, lấy số điểm nhiều ít làm cao thấp. 12. Phàm sĩ tử dự khảo khóa nếu ai muốn thi thêm một kỳ chữ Pháp, đề kỳ ấy có một bài ám tả, một bài tiếng Pháp đơn giản dịch ra tiếng Nam, kỳ ấy chấm điểm từ 0 điểm tới 20 điểm, chấm xong ai được trên 10 điểm trở lên mới được cộng gộp với điểm của ba kỳ trước. 13. Phàm khóa sinh ai thi đỗ hạng cao được miễn công suu liên tiếp ba năm, nếu sĩ tử nào chưa đến tuổi chịu suu mà dự trúng hạng, muốn nhường lại cho người trong họ hàng cũng được, nhưng phải được kỳ dịch bản quán ưng thuận mới cho. Số ngạch lấy đỗ do nhà nước thân sức thay đổi hàng năm, không có số nhất định. 14. Sau khi thi hành Nghị định này, ai mới làm quan không trình rõ đã thông thạo chữ quốc ngữ thì không được bổ dụng. Ở trường Tiểu học kể từ khi sách bỏ túi dạy trường Tiểu học nói trong điều 4 và điều 6 ở trên in phát thi hành một năm mà thầy giáo mới không trình rõ đã thông thạo cách dạy trong các sách ấy cũng không được bổ dụng tại trường học ấy. 15. Mau chóng lập các trường dạy chữ quốc ngữ tại các tỉnh thị xã để các viên Giáo thụ Huấn đạo đang tại chức tới học, thầy giáo ở trường ấy thì nhà nước sẽ phái các viên thông hiểu quốc ngữ tới dạy.

(1) Nguyên bản chép là “Tiểu học trường giáo pháp hữu nhất nhị, Hán tự nhất, Nam âm hựu lãnh dụng Pháp khuyển miễn tỳ phạm hữu Tiểu học tăng học Pháp ngữ nhưng các tùy sở nguyện, diệc vô câu thúc”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là bị chép lầm chép sót, đây tạm dịch như trên.

(2) Nguyên bản chép là “luân thường”.

(3) Nguyên bản chép là “kế” (nổi tiếp), là “kê – kê” (kể ra) bị chép lầm, đây đính lại như trên.

(4) Nguyên bản chép là “liệt quốc sử ký địa dư đồ tổng yếu”, là “liệt quốc sử ký địa dư địa đồ tổng yếu” bị chép sót, đây đính lại và dịch như trên.

(5) Nguyên bản chép là “Giáp”, hai mục phía sau là “Át”, “Bính”, đây dịch là a, b, c.

(6) Nguyên bản chép là “Hán tự dịch Nam âm, dịch Hán Nam âm dịch Hán tự”, là “Hán tự dịch Nam âm, Nam âm dịch Hán tự” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

Giáo pháp Trung học. 1. Quy thức dạy Trung học phải dạy ở các trường tỉnh học tại tỉnh thành (tức trường Đốc học). 2. Giáo quy chữ Hán do quan Đốc học trường ấy dạy, còn giáo quy tiếng Nam và chữ Pháp do thầy giáo trường Pháp Việt sở tại dạy. 3. Giáo pháp trường Trung học có ba, một là giáo quy chữ Hán, một là giáo quy tiếng Nam, một là giáo quy tiếng Pháp. 4. Giáo quy chữ Hán dạy luân lý văn chương và Nam sử cùng chính trị An Nam, dạy luân lý văn chương thì lấy gốc từ Ngũ kinh cùng các sách Bắc sử nổi tiếng, dạy chính trị An Nam thì theo chính văn Nam sử, do danh thần trong lịch sử nước Nam trước tác và Luật lệ tổng yếu tức hiến chương của Lục bộ, khoản này cũng do hội nghị duyệt hợp. 5. Học cách biện bạch dụ giải Hán văn chiếu theo quy thức học tập đã có cùng những loại có quan hệ tới việc quan như tư trình phiến tấu chỉ dụ cáo bản văn vân, nhưng việc làm văn cũng không câu nệ luật lệ nhất định, cho từ kỳ thi năm 1909 Tây lịch nhất loạt đình bãi thơ phú. 6. Quy thức tiếng Nam thì học thuộc sử ký địa dư các nước và cách trí. Phép dạy sử ký các nước thì chú trọng vào việc giao thiệp của các nước và ghi chép luật lệ các đời, mà phép dạy địa dư thì chú trọng vào sản vật mậu dịch, phép dạy cách trí thì chú trọng vào dạy toán học tinh vi tức toán phương trình, toán khai căn, toán pháp căn bản lấy chữ thay số (1). Bác vật thì chú trọng vào nhiệt học, kiến học, văn học (2), cơ khí hóa học, các giáo pháp ấy đều là bách công phải dùng, cùng việc trồng trọt tức chăm thú côn trùng thảo mộc kim khí đều dùng các sách thuyết ước theo loại ở trên, tạng phủ ngũ quan trong cơ thể con người có tác dụng cần thiết gì, y phương thuyết ước có riêng các sách bỏ túi tiếng Nam ghi rõ ở các khoản trên do hội nghị viện duyệt y. 7. Tập làm văn tiếng Nam thì làm văn, mà văn làm cũng chiếu theo các môn cách trí và toán pháp hỏi vốn tính lãi (3) trong quy thức học tập đã có cùng tiếng Nam dịch ra

chữ Hán, chữ Hán dịch ra tiếng Nam. 8. Giáo quy Pháp văn chỉ dạy trong phạm vi sơ học, chiếu hợp với các quyển sách tiếng Pháp bỏ túi, mà sách ấy sẽ chỉ định riêng. 9. Tập làm văn chữ Hán thì dùng ám tả cùng chữ Hán hoặc tiếng Nam dịch ra chữ Pháp, chữ Pháp dịch ra chữ Hán hoặc tiếng Nam, học trò nên tập nói tiếng Pháp và hỏi đáp tiếng Pháp đơn giản. 10. Học xong trường ấy thì có khảo hạch, theo quy thức tỉnh thí, gọi là khảo hạch, mà trường ấy 3 năm thi một lần, do Đốc học ở tỉnh thành chủ trì nhưng phải trước kỳ thi Hương vài tháng, chỉ chuyên để gạt bỏ các học trò có cho được vào thi hay không, người đỗ gọi là Thí sinh. 11. Phàm sĩ tử ứng hạch ắt phải có bằng của trường Tiểu học được ba năm, mà tuổi cao nhất cũng chỉ 30 mới được vào khảo hạch. 12. Sĩ tử ứng hạch không kê học ở trường nào, từ nay đến năm 1909 Tây lịch ai tình nguyện ứng hạch tuổi cao nhất cũng chỉ 50 trở lại mới được tạm cho vào ứng hạch. 13. Trường quy khóa khảo hạch này thì có ba đề, phải theo đúng đề bài mà làm. Kỳ thứ nhất đề chữ Hán, làm luân lý và văn chương hoặc Nam sử cùng chính trị An Nam một bài hoặc vài bài. Kỳ thứ hai đề tiếng Nam, một bài văn chương, một bài về sử ký địa dư các (4) nước hoặc cách trí một bài. Kỳ thứ ba đề Pháp văn, viết ám tả cùng chữ Pháp đơn giản một bài, dịch ra tiếng Nam hoặc dịch ra chữ Hán. 14. Mỗi kỳ đều có chấm điểm, tính từ 0 điểm tới 20 điểm, chấm xong tính chung tất cả, lấy số điểm nhiều ít làm cao thấp. 15. Phàm Thí sinh thi đỗ đều được miễn trừ công (5) sưu một năm, mà vào hạng Thí sinh cũng được miễn trừ công sưu, số ngạch thì do nhà nước dự định hàng năm trước kỳ khảo hạch vài tháng. 16. Phàm thí sinh thi Hương bị rớt nếu tình nguyện khoa sau lại thi thì vào hạch lại, có đỗ mới được ứng thí, mà người vào hạch tuy rớt nhưng tuổi còn trong lệ được ứng thí cũng được hạch lại.

(1) Nguyên bản chép là “giáo dĩ tinh thần vi tức sai phân toán pháp, khai phương toán pháp, dĩ tự đại số toán pháp”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “giáo dĩ tinh vi tức sai phân toán pháp, khai phương toán pháp, dĩ tự đại số toán pháp” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

(2) Nguyên bản chép là “kiến (kiến = thấy) học, văn (văn = nghe) học”, ngờ là quang học và âm học.

(3) Nguyên bản chép là “vấn bản cầu tức”, chỉ chung loại toán tính toán tỷ lệ phân trăm.

(4) Nguyên bản chép là “tịnh quốc sử ký địa dư” có chỗ tối nghĩa, ngờ là “liệt quốc sử ký địa dư” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

(5) Nguyên bản chép là “miễn trừ nhất niên bát sưu”, là “miễn trừ nhất niên công sưu” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

Phép thi Hương. 1. Ngày tháng năm thi và trường thi nguyên đặt ở tỉnh thành nào cùng thể lệ trước nay thế nào đều như cũ. 2. Chỉ cho sĩ tử trúng hạch được dự thi Hương, vì phép thi tuổi tác mới có quy định, nên phàm sĩ tử đã trúng hạch ngẫu nhiên đình ưu mà muốn dự thi thì chiếu phép cho thi. 3. Thi Hương có bốn kỳ. Kỳ thứ nhất văn sách năm bài không như nhau, làm vài bài luân lý văn chương đạo lý, vài bài lịch sử địa dư Nam Bắc hoặc chính trị luật lệ Đông Dương, về cách thức làm văn không câu nệ lệ luật nhất định, phàm sĩ tử nên cầu tứ sáng sủa xác thực trôi chảy tự nhiên là quan trọng nhất. Kỳ thứ hai Nam văn năm bài dùng chữ quốc ngữ, làm văn chương một bài nên hoạt bát và khéo léo, làm sử ký cùng địa dư các nước đều một bài, cách trí một bài. Kỳ thứ ba Pháp văn hai bài, một bài chữ Hán dịch ra chữ Pháp, một bài chữ Pháp dịch ra tiếng Nam. Kỳ thứ tư phúc hạch, lấy ba bài tương tự ba kỳ trước cho làm, chữ Hán một bài, Nam sử một bài, Pháp văn dịch ra chữ Hán một bài. 4. Trong ba kỳ trước nếu có kỳ nào không có điểm sẽ lập tức đánh rớt, sĩ tử nào không bị đánh rớt trong các kỳ trước mà có điểm ưu bình mới được vào kỳ thứ tư. 5. Phàm người thi đỗ theo hạng chia làm Cử nhân Tú tài, còn số ngạch Cử nhân Tú tài thì nhà nước sẽ dự định trước mỗi khoa thi Hương. Phàm người thi đỗ kỳ thứ tư, hạng cao là Cử nhân, hạng thứ là Tú tài, thăng hoặc chưa đủ số ngạch thì lấy những người thi kỳ thứ ba được nhiều điểm sung vào ngạch Tú tài. 6. Phàm người thi đỗ Cử nhân Tú tài đều được chuẩn miễn công sưu trọn đời. 7. Phàm ai không phải là Cử nhân Tú tài xuất thân thì không được bổ thụ làm quan Nam triều, nhưng Ấm sinh và những loại người được ơn riêng trước nay thì đều cho như cũ. 8. Mỗi kỳ thi Hương thì các Trú kinh Khâm sứ đại thần (1), Thống sứ Bắc Kỳ phải thêm quan Pháp và quan Nam thông hiểu chữ quốc ngữ và chữ Pháp hợp với Khâm mệnh trường quan của bản triều đều vào trường thi hội đồng ra đề chấm điểm. 9. Phàm các luật lệ trường thi Hương mà ở trên không nói rõ thì đều như cũ. 10. Khoa thi Hương năm 1906 Tây lịch không có đổi định quy tắc, duy trường Nam Định có thi thêm chữ quốc ngữ cùng chữ Pháp, chiếu theo quan Chính trị ở Bắc Kỳ đã định. 11. Khoa thi Hương năm 1909 Tây lịch tạm cho người từ 50 tuổi trở xuống đều được vào thi, quy thức bốn kỳ kể ra như dưới đây. Kỳ thứ nhất văn sách năm bài, kỳ thứ hai thơ phú, kỳ thứ ba làm văn quốc ngữ một bài, duy các trường ở Bắc Kỳ có chữ Pháp dịch ra quốc ngữ một bài, kỳ thứ tư phúc hạch lấy đủ ba bài trong ba kỳ trước, có làm tiếng Nam tức chữ quốc ngữ một bài.

(1) Nguyên bản chép là “Trú kinh Khâm đại”, là “Trú kinh Khâm sứ đại thần” bị chép sót, đây đính lại như trên.

Phép thi Hội thi Đình. Cuộc thi này lấy Tiến sĩ Phó bảng, cũng nên đổi định như quy thức trường thi Hương, nhưng chờ ngày nào học quy này đã rộng rãi thâm nhuần mới đổi định làm một khoa để xét xem ai có tài lạ.

Giáo pháp trường Pháp Việt. 1. Ngày nào hết hạn nghỉ hè (1), vào nhập học lại thì các tỉnh thành ở An Nam và Bắc Kỳ đều phải có trường Sơ học Pháp Việt, cũng có đặt (2) một thầy giáo Đại Pháp, loại trường ấy nên

tiếp tục lập riêng ở các phủ huyện. 2. Trở đi trẻ em trai đã có bằng Tuyển sinh mới cho vào học trường Sơ học Pháp Việt. 3. Trong quy thức thi lấy bằng Pháp Việt Toàn phần (3) thì thêm một đề chữ Hán. 4. Ai không có bằng chứng nhận đã học hết chương trình Pháp Việt Toàn phần thì không được bổ thụ làm quan chức của quốc gia và vào ngạch tòng sự ở các Tòa sứ. 5. Trở đi đình bãi cấp Sơ học ở Trường Quốc học, chuyển cho trường Sơ học Pháp Việt phủ Thừa Thiên dạy, Trường Quốc học chỉ dạy học trò bậc Toàn phần mà thôi. 6. Trở đi An Nam có bằng Sơ học Pháp Việt riêng, ai học hết và thi đỗ các trường Sơ học Pháp Việt thì được cấp, lại có bằng Toàn phần Pháp Việt riêng, ai học hết và thi đỗ Trường Quốc học toàn phần thì được cấp, quy thức chiếu theo quy thức cấp bằng hiện đang thi hành ở Bắc Kỳ. 7. Việc cấp học bổng cho các trường cụ thể ở An Nam và Bắc Kỳ sẽ theo hệ chiếu cấp riêng).

(1) Nguyên bản chép là “hà nhật mãn hưu tức hạn”, đây có lẽ chi kỳ nghỉ hè năm học 1906 - 1907.

(2) Nguyên bản viết là “thiết” (cắt), là “thiết” (đặt) bị chép lầm, đây đính lại như trên.

(3) Nguyên bản chép là “cụ thể”, tên chính thức trong tiếng Pháp là bậc Bổ túc (complémentaires), đây dịch là Toàn phần.

1364. Bàn trưng thu thuế gỗ rừng.

1365. Nguyên Kỳ Ngoại hầu Cường Để trốn đi. Cường Để là người coi việc tế tự phòng Anh Duệ hoàng thái tử cùng nguyên Cử nhân sinh viên học trường Giám Phan Bội Châu người Nghệ An đồng mưu trốn ra nước ngoài. Để mang theo một bức chân dung của Anh Duệ hoàng thái tử, một đạo sách văn và đưa vợ con cùng đi. Chú là Trợ quốc khanh Anh Nghi cáo giác, Phủ Tôn nhân xét ra quả đúng bèn tâu lên tham hặc, chiếu lệ trước nay (tháng 4 năm Đồng Khánh thứ 3 ban định một khoản Công tử, Công tôn và tôn thất nhận tâu vô cơ trốn đi thì cấp hạn ba tháng tầm nã, nếu không bắt được cấp hạn thêm ba tháng nữa, nếu vẫn không bắt được thì người bỏ trốn bị tước bỏ tôn tịch, giao về quê mẹ cho lý dịch quản thúc) cấp hạn một tháng buộc Anh Nghi phải tìm kiếm khắp nơi, cốt phải bắt được. Lại bàn với Tòa sứ gửi điện văn đi khắp Nam Bắc hai kỳ bí mật truy nã, chờ bắt được sẽ nghĩ xử (về sau hai tỉnh Khánh Hòa Bình Định tư nói Đốc học Đàm Liêm, Giáo thụ An Nhơn Nguyễn Liêu đều nhận được một phong thư của Bội Châu muốn khuyên người trong nước du học, ba tỉnh Thanh Hóa, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Sở Điện báo ở kinh đều đệ một phong thư kính cáo của Cường Để, cùng đóng triện riêng là kiếm nhỏ khắc hai chữ “Duy tân”, đều dùng mực son, nhưng đối chiếu với triện gốc thì dấu triện không phù hợp).

1366. Tháng 3. Ngự giá Bắc tuần. Trước là vâng lời dụ nói “Thanh Hóa là đất phát tích, Nguyên miếu (1) ở đó, trăm từ khi lên ngôi đến nay vẫn mong mỏi chiêm yết. Chiều ngày 1 tháng sau đại giá sẽ từ kinh khởi hành theo đường xe lửa tới Đà Nẵng đi tàu máy tới tỉnh yết Nguyên miếu và các tôn lăng ở tỉnh ấy”. Sau đó gần tới ngày lại tỏ ý muốn ra Bắc Kỳ thăm hỏi Toàn quyền đại thần, việc xong hồi loan. Bèn phong Tuyên Hóa công Bửu Tán, Hưng Nhân quốc công Bửu Kiên đều sung Hộ giá thân thần, Thượng thư bộ Lễ sung Cơ mật viện đại thần Lê Trinh, Thượng thư bộ Hộ sung Cơ mật viện đại thần kiêm quản ấn triện Đô sát viện quyền kiêm quản sự vụ bộ Hình Huỳnh Côn đều sung Hộ giá đại thần, Đề đốc Nhất vệ kinh binh Hồng Đơn, Thị lang lãnh Hữu Tham tri bộ Lại Trần Trạng đều sung Phủ liên đại thần, tất cả những việc cần làm đều do Hộ giá thân thần đại thần kiêm đồng lý, quân binh thì do Phủ liên đại thần đốc suất, cốt phải được mười phần chính tề. Thượng thư sung đại thần quản lãnh Thị vệ Ngô Đình Khả, sung biện Nội các Cao Đệ, Quản biện Thị vệ Nguyễn Xuân Thiêm, Chương vệ Trần Văn Lâm đều sung Hộ tòng. Lại ban dụ chuẩn cho Thái tử Thiếu phó Hiệp biện đại học sĩ sung Cơ mật viện đại thần lãnh Thượng thư bộ Lại kiêm quản sự vụ Văn thần Phò mã và Khâm thiên giám Hiền Lương tử Trương Như Cương, Hiệp biện đại học sĩ sung Phó Tổng tài Quốc sử quán kiêm quản Quốc tử giám An Xuân nam Cao Xuân Dục, Thượng thư bộ Công sung Cơ mật viện đại thần quyền kiêm coi việc bộ Binh Phạm Xứng, Thụ Tả quân Đô thống Chương phủ sự Ngũ vệ kinh binh Nguyễn Tất Trung, Thượng thư lãnh Tả Tham tri bộ Hình Nguyễn Hữu Bài, Tả Tôn khanh Phủ Tôn nhân Ứng Huy, Tả Tham tri bộ Hộ Trần Đạo Tiềm, Tả Tham tri bộ Lễ Nguyễn Gia Thoại đều sung Lưu kinh đại thần luân phiên ngày đêm thân cầm binh đình, trừ những người đang hỡ tòng và ứng biện ở các sở xây dựng đều do Lưu kinh đại thần phân phái thủ hộ, ngày đêm canh tuần cẩn mật. Lại chuẩn cho các bề tôi hoàng thân và quan viên văn vũ Lưu kinh lâm thời gặp việc gì quan trọng khẩn cấp thì cho bàn với Trú kinh Khâm sứ đại thần thu xếp cho ổn thỏa. Ấn quan văn vũ không dự việc hỡ tòng đều sung vào việc tuần phòng kinh thành ban đêm, còn bàn với Tòa sứ chức lượng phái quan binh người Pháp canh tuần nghiêm mật. Lúc lên đường trích kim khánh bội tinh kim tiền ngân tiền các hạng và 200 tờ giấy viết chiếu chỉ trong Phủ Nội vụ mang theo để dự bị ban thưởng. Bộ Lễ tuân biện nghĩ các nghi thức cần làm đệ lên ngự lãm chờ thi hành. Lại sai hoàng thân công tế cáo với miếu điện, cùng sai quan tỉnh Quảng Nam tế tự ở hai tôn lăng Vĩnh Diển, Vĩnh Diên (2) để xa giá ngự tới chiêm yết tế cáo.

(1) Nguyên miếu: tức miếu thờ Nguyễn Kim của triều Nguyễn ở Gia Miêu ngoại trang, Tống Sơn, Thanh Hóa.

(2) Hai tôn lăng Vĩnh Diển, Vĩnh Diên: tức lăng bà Hiếu Văn hoàng hậu vợ Hy tông Phước Nguyên và lăng bà Hiếu Chiêu hoàng hậu vợ Thần tông Phước Lan, đều ở tỉnh Quảng Nam.

Ngày Mậu thìn (ngày 1) xa giá khởi hành từ kinh sư tới Đà Nẵng trú tất.

Ngày Tân mùi (ngày 4) xa giá ngự tới hai tôn lãg Vĩnh Diễm, Vĩnh Diên chiêm yết tế cáo, rồi đáp chiến hạm Ca Xanh (1) ra tới tỉnh Thanh Hóa trú tất.

(1) Nguyên bản viết là “Ca Xanh”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

Ngày Canh thìn (ngày 13) xa giá ngự tới Nguyên miếu và đền Trùng quốc công (1) tỉnh yết, kể theo xe lửa đặc biệt ra Hà Nội thăm hỏi Toàn quyền đại thần.

(1) *Trùng quốc công*: tức Nguyễn Hoàng Dụ, cha Nguyễn Kim, ông nội Nguyễn Hoàng, được Lê Hiến tông phong là Thái phó Trùng quốc công.

Ban cấp cho binh đình Bắc Kỳ 2.400 đồng (cấp cho dân nghèo 2.000 đồng, cấp cho binh đình sở tại 400 đồng).

Ngày Quý tỵ (ngày 26) hồi loan, thưởng cho quan viên văn vũ Đại Pháp và quan viên văn vũ hồ tòng có thứ bậc khác nhau.

Lúc đầu đại giá tới Đà Nẵng thưởng cho Thông sự Huỳnh Phước Lợi hàm Ngũ phẩm, đến khi trích sao ra bản bạc, Quyền Khâm sứ Moulié đáp nói vua tông lãm đại quyền. nếu có sắc dụ hiểu thị khoản nào ắt phải sao lại do Cơ mật viện tư cho Tòa Khâm sứ, trả lời thấy hợp sau đó mới tâu lên chuẩn cho thi hành. Huống hồ việc tuyển bổ quan lại rất nên thận trọng, gần đây việc tuyển bổ ở Bắc Kỳ có nhiều lạm dụng, Toàn quyền đại thần đã đổi định 13 tỉnh đạo ở Trung Kỳ trở đi tuyển bổ quan lại phải tuân theo lệ cũ. Hôm trước có Thông ngôn Nguyễn Duy Đạm được phái theo quan năm thầy thuốc đã thăng Chánh Ngũ phẩm, lại ban một tấm kim khánh, đến nỗi không dám tuân lệnh, nay lại thưởng Huỳnh Bá Lợi hàm Ngũ phẩm thì người khác sẽ viện lệ xin xỏ, chắc chắn rất phiền phức. Huống hồ hôm nay đã xin được hàm, ngày khác sẽ xin bổ quan, mỗi ấy đã mở ra thì không phải là thận trọng quý tiếc danh khí, xin nên thu hồi bằng sắc. Cơ mật viện tâu lên, chuẩn đổi thưởng kim khánh Phúc lợi hạng 3 (năm Thành Thái thứ 15 đã nghĩ định Bắc tuần nhưng chưa làm được, đến lúc ấy mới đi).

1367. Mùa hạ, tháng 4. Quyền Khâm sứ đại thần Moulié về nước, chuẩn trích phẩm vật tặng biếu. Khâm sứ đại thần mới Levecque (1) tới thay, sai Thượng thư lãnh Tham tri bộ Hình Nguyễn Hữu Bài dẫn Chương vệ Bát vệ kinh binh Nguyễn Sanh tới Đà Nẵng đón tiếp, khi về tới kinh đãi yển ở Tả vu điện Cần Chánh.

(1) Nguyên bản viết là “Lê Viết”, tức Fernand Ernest Levecque. Nhân vật này giữ chức Khâm sứ Trung Kỳ từ 1906 đến 1908.

1368. Chuẩn tăng giải ngạch thi Hương (tăng ngạch Cử nhân trường Thừa Thiên 10 người, trường Bình Định, trường Hà Nam 20 người, Tú tài cũng chiều số tăng lên, cứ 1 Cử nhân thì 3 Tú tài), vì năm trước (tháng 7 năm Thành Thái thứ 16) kính gặp dịp ngũ tuần đại khánh của Hoàng thái hậu, gần đây lại vãng ngự giá Bắc tuần hồi loan đều được vãn an nên đặc chuẩn chức lượng tăng thêm giải ngạch để mở rộng ân cách (sau đó Thống sứ Bắc Kỳ vì khoa ấy sĩ số trường Hà Nam giảm đi, xin chiêu giải ngạch cũ lấy đỡ nên đình).

1369. Chuẩn cho tỉnh Thanh Hóa trích tiền (3.500 đồng) mua gạo (1.000 tạ) cho xã dân vay. Lúc bấy giờ Thanh Hóa dân bị đói, phần nhiều tới Ngân hàng Đông Dương vay tiền. Trú sứ nghĩ xin quyền nghi trích tiền kho mua gạo cho họ vay, hạn trong mười tháng chiêu giá thu hồi để khỏi hao phí. Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành.

1370. Cấp ngựa cho các dịch trạm ở Quảng Nam, Thừa Thiên (dịch trạm ở kinh 1 con, các trạm Thừa An, Thừa Mỹ, Thừa Nông, Thừa Hóa, Thừa Lưu, Thừa Phúc, Nam Hòa, Nam Ô, Đà Nẵng mỗi trạm đều 2 con). Lúc bấy giờ Khâm sứ đại thần nghĩ từ Quảng Trị tới Đà Nẵng đặt ngựa trạm để mau lẹ đưa công văn lên các quan phủ tỉnh, vì ngựa trạm không con nào béo tốt khỏe mạnh nên tư cho bộ Binh nghĩ bàn thi hành, bèn chuẩn trích khoản chi bất thường mua ngựa chia cấp cho.

1371. Trùng tu đền Quan Công (chi 494 đồng, vì bị bão hư hại).

1372. Tu bổ đường sá trong kinh thành (một đường từ đường góc trái trường Anh danh tới cầu đá Ngự hà dài 1.410 thước Tây, một đường từ phía trong cửa Chính đông tới Dục Lâm dài 636 thước Tây và bốn đường chung quanh Lục bộ tổng cộng 1.249 thước Tây, chi tiền 1.927 đồng giao cho người nhận biện làm).

1373. Thưởng phẩm hàm cho những người lạc quyền ở Thanh Hóa cao thấp khác nhau (Chánh tổng quyền 400 đồng, sĩ nhân quyền 600 đồng trở lên thưởng hàm Tòng Bát phẩm văn giai, Thư lại Thông lại quyền 200 đồng thưởng Tòng Cửu phẩm, Chánh Phó tổng quyền 200 đồng, sĩ nhân quyền 300 đồng thưởng Tòng Cửu phẩm văn giai). Trước là năm Thành Thái thứ 16 Tổng đốc Thanh Hóa Vương Duy Trinh tư nói tỉnh ấy tu bổ nhà làm phúc chữa bệnh, phí tổn tiền công rất lớn, đã bàn khuyến khích quyền góp xây dựng, chiếu lệ lạc quyền ở Bắc Kỳ thi hành (mỗi 300 đồng thưởng Tòng Cửu phẩm, mỗi 200 đồng thăng thêm một trật, tới Chánh Ngũ phẩm là thôi), trước sau có 30 người tình nguyện quyền góp, được 9.500 đồng, xin bàn nghĩ thưởng. Bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành (về sau lại tăng quyền 900 đồng chuẩn thưởng Chánh Thất phẩm văn giai 1 người, Tòng Cửu phẩm văn giai 6 người).

1374. Đình việc quan lại binh dân tiếp kiến thượng quan phải lạy bốn lạy. Lúc đầu là Toàn quyền đại thần Beau bàn nói tục nước ta tiếp kiến thượng quan phải lạy bốn lạy, nghi thức rườm rà, nên bỏ đi. Cơ mật viện bèn tâu lên, chuẩn cho trở đi như gặp dịp triều hạ tế hưởng và làm lễ người nhà thì vẫn như cũ để trọng lễ tiết, còn thói tục thừa tình tiếp kiến thượng quan thì cho chấp tay làm lễ vái một vái.

1375. Nguyên Bộ chánh Phan Huy Dũng và nguyên Án sát Nguyễn Văn Tề tỉnh Bình Định có tội. Lúc đầu Quyền Khâm sứ đại thần Moulié tư nói Trú sứ Bình Định trích ra các khoản mà hai viên Bộ chánh Án sát can tội (Một khoản: không chờ chỉ chuẩn mà tạm cấp bằng Bá hộ. Một khoản: tiêu lán vào tiền phạt. Một khoản: tiêu riêng tiền công. Một khoản: nhận tiền hối lộ của Thị Nghi. Một khoản: tự phái binh Giáo dưỡng xuống làng. Một khoản: thông đồng với Tú tài bị cách Thái Tri Nhu) giao qua Cơ mật viện tâu chuẩn giải chức triệt hồi tra xét. Về sau Tổng đốc tỉnh ấy là Tôn Thất Đạm tra xét lại thì Bộ chánh can ba khoản, Án sát can bốn khoản, xin theo một tội nặng đều giáng ba cấp rời chức. Bề tôi Cơ mật viện duyệt lại bàn Bộ chánh Phan Huy Dũng nhiều năm vất vả, xin gia ân giáng một trật (là còn Tùng Tam phẩm), Án sát Nguyễn Văn Tề giáng hai trật (là còn Tùng Ngũ phẩm), đều cho về hưu. Phiến tâu dâng lên, vua phê nói “Người đang giữ chức trong kinh ngoài tỉnh giống như loại ấy còn nhiều lắm, người có lòng với nước nhà nên xem xét trừ diệt đi, mong lắm”.

1376. Cấp thêm tiền ngày kỵ cho cung phi các triều và hoàng thân vương công chúa nhiều ít khác nhau (vốn cấp tất cả hơn 742 đồng, đến lúc ấy chức lượng cấp thêm 317 đồng, tổng cộng tiền chi đồng niên là 1.069 đồng, nhưng bắt đầu từ năm Tây lịch năm sau).

1377. Toàn quyền đại thần Beau về nước, sai Cơ mật viện đại thần Trương Như Cương, Tham tri bộ Hình Nguyễn Hữu Bài cùng Khâm sứ đại thần Levecque tới Đà Nẵng thăm hỏi tiễn hành.

1378. Tháng 5. Toàn quyền đại thần Beau bàn định Cơ mật viện đại thần Thượng thư bộ Lại Trương Như Cương sung Chánh phái viên Thượng Nghị viện Đông Dương, Thượng thư bộ Lễ Lê Trinh sung Phó phái viên.

1379. Giám quốc mới nước Đại Pháp là Fallière (1) (nguyên Hội chủ Thượng Nghị viện) nổi giữ chính sự, sai làm quốc thư đệ đạt (thư đại lược nói “Quý Giám quốc là người danh vọng ở Thái Tây, nổi tiếng khắp thế giới, tài đức kiêm toàn, quốc gia ý trọng. Đến nay công nghị suy tôn, lòng người mong ngóng, lên giữ ngôi lớn, tin tới Nam bang, quả nhân khôn xiết vui mừng. Và lại tề quốc đội ơn nước lớn che chở đã lâu, trở đi phạm những việc lợi ích nói nhau cử hành, ân huệ ban khắp. Nay quý Giám quốc vừa nổi giữ chính sự, người đều trông ngóng, chỉ mong mở mang giáo hóa, củng cố bang giao, cho tề quốc ngày càng thịnh lợi, hoàn cầu khắp chốn nghe danh là điều quả nhân và các bề tôi ở tề quốc đều mong mỏi vậy. Thư này là nhân Toàn quyền đại thần Beau về nước kính đệ nhờ đưa lên”).

(1) Nguyên bản viết là “Pha Ly Y Ông”, tức Armand Fallière. Nhân vật này giữ chức Tổng thống Pháp từ 18. 2. 1906 đến 18. 2. 1913.

1380. Chuẩn cho bọn Nguyễn Văn Chiêu, Nguyễn Văn Tất con cố Kỳ Vĩ quận công bị cách Nguyễn Văn Tường chờ khoa sau dự thi. Lúc đầu bọn Chiêu Tất làm đơn xin đi thi, bề tôi Cơ mật viện vì Văn Tường lần trước can án nhưng vợ con đều được miễn tội tâu lên xin gia ân chuẩn cho, nhưng đã qua kỳ thi Hương trường Thừa Thiên nên chuẩn cho chờ khoa sau.

1381. Ban dụ chuẩn cho Thượng thư bộ Công kiêm bộ Binh sung Cơ mật viện đại thần Phạm Xứng đổi làm Thượng thư bộ Binh vẫn sung chức ở Cơ mật viện như cũ, Tổng đốc An Tĩnh Tôn Thất Hân đổi làm Thượng thư bộ Hình, Thượng thư lãnh Tả Tham tri bộ Hình Nguyễn Hữu Bài đổi làm Thượng thư bộ Công, đều sung Cơ mật viện đại thần.

1382. Thương cho Trần Thị Quyên, Hoàng Thị Lịch (người xã Lý Xá) tỉnh Thái Bình mỗi người một tấm biển ngạch (biển ngạch của Thị Quyên khắc “Tiết hạnh khả phong”, biển ngạch của Thị Lịch khắc “Hiếu nghĩa khả phong”. Hạt ấy liền năm bão lụt, gạo đất dân đói, hai người ở góa thủ tiết lại có thể xuất của nhà ra giúp đỡ dân đói (Thị Quyên 300 đồng, Thị Lịch 200 đồng), Tuần phủ Nguyễn Duy Hàn đem việc tâu lên xin cho hai người, bèn chuẩn ban thưởng).

1383. Tháng 6. Đổi huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định, huyện Hà Đông tỉnh Quảng Nam làm phủ, vì một huyện địa thế rộng lớn đình điền quá nhiều nên đổi làm phủ (ấn kiểm đồ ký của quan lại đều chiếu lệ phủ nha mà làm).

1384. Tăng thêm thuế lệ của dân Man tỉnh Phú Yên. Trước là năm Thành Thái thứ 10 chuẩn thu thuế thân đồng niên của dân Man hạt ấy mỗi đình 1 đồng, đến lúc ấy bàn đề sửa sang các đường ở thượng du cần chi phí nhiều, nên định tăng thuế thân đồng niên mỗi đình 2 đồng, bắt đầu từ năm 1905 Tây lịch. Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành.

1385. Chuẩn cho sáp nhập tổng Tam Lư (5 xã, đình số 60 người, ruộng 47 mẫu, sưu thuế tổng cộng 165 đồng) châu Lang Chánh tỉnh Thanh Hóa vào châu Quan Hóa (tổng ấy khá xa châu Lang Chánh, nhân dân phần nhiều theo đường sông Lương Giang tới châu Quan Hóa buôn bán nên đổi sáp nhập quy về cho thuận tiện)

1386. Sai Thượng thư bộ Công sung Cơ mật viện đại thần Nguyễn Hữu Bài cùng Khâm sứ đại thần Levecque đi khám các xứ Tả My ở thượng du Quảng Nam, quan sát việc xây dựng đề bàn bạc trừ hoạch các việc lợi ích.

1387. Phủ hạt Thừa Thiên không mưa, Phủ doãn Trần Đình Phác tới đền Quan Công thành kính cầu đảo được mưa, chuẩn chiếu lệ cúng tạ.

1388. Mùa thu, tháng 7. Tam đẳng Thị vệ Hồ Thế Trị có tội bị cách chức phát giao cho tỉnh Bình Thuận quản thúc. Thế Trị nhờ quen biết được vào Thị vệ, phạm gặp việc thì lấy lòng tác tặc, Khâm sứ đại thần Levecque cho là người không tốt bàn tiến hành xử trị. Bề tôi Cơ mật viện bàn đổi bổ tới tỉnh Bình Thuận, đại thần đáp nói người ấy không nên bổ dụng, bèn tâu chuẩn cho cách chức phát giao tỉnh Bình Thuận quản thúc, vợ con cũng bị giải theo tới tỉnh Bình Thuận cùng ở.

1389. Thân định điều khoản phòng cấm súc vật bị bệnh. (Khoản 1: ngoài những điều đã bàn định trong chỉ dụ ngày 20. 1. 1905, trở đi nếu phát hiện được nơi nào có súc vật bị bệnh thì theo Nghị định này thi hành. 1. Có súc vật bị nhiễm bệnh thì cấm không được dẫn những trâu bò hiện không bị bệnh tới chợ phiên và các chợ cùng nơi khác để đề phòng bị lây bệnh. 2. Những súc vật bị bệnh chết phải dành riêng đất ngay chôn trong vòng 24 giờ, mà hố chôn phải sâu từ 1 thước 5 tấc Tây trở lên. 3. Chuồng và vật dùng nuôi súc vật bị bệnh đều phải tẩy uế. 4. Nghiêm súc cho các xã thôn có súc vật bị nhiễm bệnh và các xã thôn lân cận phải lập một nơi xem xét để ngăn cản súc vật xã ấy lây bệnh ra. 5. Bệnh truyền nhiễm phát ra thì chuồng trại rào giậu và những đường đi lớn nhỏ có uest độc phải có cách thức thông báo cho khắp nơi để đề phòng. Khoản 2: biết nơi nào có bệnh thì thông súc cho sở tại tuân theo chỉ dụ này hoặc chỉ dụ ngày 20. 1. 1905 thi hành, sẽ có chỉ định rõ ràng khác. Khoản 3: nếu có ai không tuân theo tiết 1 và tiết 4 khoản 1 Nghị định này thì giao cho Tòa án bản quốc xử trị. Khoản 4: người làm trái tiết 1 và tiết 4 khoản 1 Nghị định này thì chiếu luật Không tuân theo luật đánh 40 roi đối phạt 12 đồng, ai không đủ sức nạp phạt thì giam 5 tháng. Khoản 5: người làm trái tiết 1 và tiết 5 khoản 1 Nghị định này chiếu luật Làm trái luật lệnh đánh 50 roi đối phạt 15 đồng (1), ai không đủ sức nạp phạt thì giam 6 tháng)

(1) Về hai khoản 4 và 5 này nguyên bản chép có khác nhau, khoản 4 chép là “đài tứ thập phạt thập nhị đồng” (có thể hiểu là vừa bị đánh roi vừa bị phạt tiền), khoản 5 chép là “đài ngũ thập cải phạt thập nhị đồng” (tức bị đánh roi nhưng đổi phạt bằng tiền), có chỗ không nhất quán, ngờ là khoản 4 nguyên bản chép thiếu chữ “cải”, đây đính lại và dịch như trên.

1390. Hạn hán, sai Cơ mật viện đại thần Huỳnh Côn tới đền Quan Công ở xã Trạc Linh thành kính cầu đảo được mưa, chiếu lệ trích tiền tự điển (40 đồng) cúng tạ.

1391. Chuẩn cho Thượng thư sung đại thần quản lãnh Thị vệ Ngô Đình Khả dời nhà thờ trong kinh thành ra dựng ở xã Tiên Nộn (nguyên là đất quan phòng vừa khai khẩn đã triệt bãi, khám đo được 7 sào 10 thước 2 tấc). Lúc đầu mới xây dựng Khả xin chỉ dụ cho dựng nhà thờ trên nền cũ chùa Linh Hựu trong kinh thành, Khâm sứ đại thần Moulié bàn nói khoản ấy tuy có phụng sắc nhưng trở ngại khó mà tuân biện (đất ấy vốn có chùa Phật chưa kịp tu bổ cùng trong thành trước nay không có giáo dân xây dựng nhà thờ), nghĩ nên tháo dỡ, cho tùy ý xây dựng ở bốn phía bên ngoài kinh thành. Khả bèn nhường lại nhà thờ ấy đổi dựng làm chùa để giữ vết cũ, nhưng xin cấp trả tiền công (300 quan) ra dựng nhà thờ ở xã Tiên Nộn. Bề tôi Cơ mật viện bàn với Khâm sứ đại thần Levecque, cho rằng việc nhường lại mua đất chỗ khác thì đôi bề đều tiện bèn tâu lên, chuẩn cho thi hành.

1392. Chức lượng giảm bớt quan viên trong Nội các (Nội các thì Tham biện 1 người, Trước tác 1 người, Biên tu 1 người, Kiểm thảo 1 người, Tư vụ Ty Cận tìn 1 người, vũ viên thì Chưởng vệ 1 người, Hiệp lãnh Thị vệ 1 người, Nhị đẳng Thị vệ 1 người, Ngũ đẳng Thị vệ 2 người, Phó Đội trưởng cũng theo đó chức lượng giảm bớt). Lại chỉnh đốn ngạch binh trong đại nội (Một: quân binh trong đại nội hoặc sở khác phải tới chia làm 3 đội, đội thứ nhất khổ vàng (1) là tuần binh canh giữ các cửa tất cả năm nơi, đội thứ hai chỉnh đốn quét dọn các sở, đội thứ ba chuyên sung việc nấu ăn trà nước nhạc công vân vân, tổng cộng 470 người. Trong đó đội thứ nhất tuần binh 120 người, do quản viên lính khổ xanh quản suất, đội thứ hai và đội thứ ba 350 người, do vũ viên quản lãnh Thị vệ xứ quân suất. Một: không có công vụ (2) hoặc không có giáp phép của Cơ mật viện thì không cho vào. Một: lập danh sách ghi rõ số người, nam nữ, tên họ, tuổi tác, chức vụ trong đại nội, đều phải có bài đeo. Một: ai trong đại nội mà không có giáp phép thì giao cho Cơ mật viện tra xét nghĩ xử. Một: các công trong đại nội 7 giờ tối thì đóng, 6 giờ sáng thì mở), là theo lời bàn của Khâm sứ đại thần Levecque.

(1) Nguyên bản chép là “hoàng khóa binh”.

(2) Nguyên bản chép là “Công vụ hoặc vô Cơ mật viện hứa pháp chi”, là “Vô công vụ hoặc vô Cơ mật viện hứa pháp chi” bị chép sót, đây đính lại như trên.

1393. Sai quan kiểm tra tu chỉnh địa bạ sổ sách ở Tàng thư lâu. Trước là năm Thành Thái thứ 15 đã chuẩn phái thuộc viên các bộ hội kiểm địa bạ các tỉnh chép vào biên bản, về sau vì bão lụt nên trong đó có tập bị nhòe thắm mỗi một, lại sai các tỉnh sao lại đệ lên. Đến lúc ấy lại chuẩn phái Khoa đạo và thuộc viên các bộ kiểm lại chép rõ thành sổ sách để chuẩn bị lúc cần thiết thì tra cứu đối chiếu (địa bạ từ Thanh Hóa tới Bình Thuận chứa ở gian giữa, còn bằng cấp ngạch binh, Châu bản tu chỉnh cùng địa bạ ngạch binh bằng cấp ở Nam Kỳ Bắc Kỳ vốn vẫn lưu giữ thì chứa ở hai gian hai bên).

1394. Tháng 8. Lại đặt chức Tham biện ở Nội các, lấy Tri phủ Ninh Hòa Ứng Dinh (hàm Thị độc đối làm Hồng lô tự thiếu khanh) sung vào. Cơ mật viện trước vốn có đặt Thương biện Tham biện mỗi chức một viên, gần đây vắng lệnh giảm bớt, đến lúc ấy vì việc giao thiệp bận rộn nên chuẩn đặt lại.

1395. Các địa phương trong kinh ngoài tỉnh báo tin bão lụt (ngày 7 tháng ấy gió đông bắc nổi mạnh, nước sông dâng cao hơn lúc thường tới bốn năm thước, nhà cửa dân cư sụp đổ, hoa lợi ruộng vườn tổn thất rất nhiều).

1396. Triều đình nước Pháp tặng Tuyên Hóa công Bửu Tán, Hưng Nhân quốc công Bửu Kiêm mỗi người một tấm Bắc Đẩu bội tinh hạng năm.

1397. Tháng 9. Đình bãi việc đặt Đại lý tự (đơn tố cáo và án kiện do bộ Hình chuyên chương quản).

1398. Sắc trở đi phạm kính gặp các ngày lễ tế miếu tế điện ngày kỵ ngày thánh dần lâm thời ngự giá làm lễ thì Tôn nhân đình thần văn vũ đều phải chiếu theo nghi thức tuân biện, nếu chiêm bái thì chuẩn cho quan Khâm mệnh làm lễ, lễ xong các quan đều phải tới triều chờ lạy, ghi lại làm lệ vĩnh viễn.

1399. Dự chuẩn cho Tổng đốc Nam Ngãi Hồ Đệ đổi bỏ Thương thư bộ Lễ sung Phó Tổng tài Quốc sử quán, Thự Hiệp biện đại học sĩ lãnh Tổng đốc Thanh Hóa Vương Duy Trinh đổi bỏ Tổng đốc Nam Ngãi, Tổng đốc Thuận Khánh mới là Tôn Thất Thiệm đổi làm Tổng đốc Thanh Hóa, chức Tổng đốc Thuận Khánh chiếu lời chuẩn gần đây đình bãi.

1400. Mùa đông, tháng 10. Tán phong hoàng trưởng tử triều trước (tức Hoàng tông Tuyên hoàng đế) là Phụng Hóa quận công, lại chuẩn bản trích tiền công (1.500 đồng) tu bổ phủ đệ.

1401. Năm ấy thi Hương. Sĩ tử có nhiều người làm đơn kêu với Cơ mật viện và Tòa sứ (đều nói quan trường thiên vị câu thả, lấy bỏ không tinh, có người đáng được lấy đỗ thì bị đánh rớt, có người đáng bị đánh rớt thì được lấy đỗ, lại thêm chuyện họ hàng của quan trường dự thi vân vân). Đến khi ba nha phúc duyệt, bản bạc truat bỏ và lấy thêm (truat 3 Cử nhân 3 Tú tài, lấy thêm 1 Cử nhân), Khâm sứ đại thần Levecque nói nên đặt hội đồng xét đơn tố cáo các khoản để biết hư thực, Cơ mật viện bèn tâu lên. Chuẩn cho Hiệp biện đại học sĩ Cao Xuân Dục cùng Quản lý Tòa Khâm sứ Xa (1), Đốc học Trường Quốc học Nordemann (2), Hội biện bộ Lại Tô Lăng và Thị độc Hậu bổ Nguyễn Tiên sung làm hội viên. Sau đó trích quyển thi của Cử nhân (11 người), Tú tài (33 người) và bị đánh rớt (19 người) đệ qua, hội đồng duyệt nghĩ các khoản (một khoản: phân biệt xét xử quan trường, một khoản: giáng 8 Cử nhân bọn Tôn Thất Mịch, truat 19 Tú tài là bọn Trần Di, một khoản: lấy thêm 8 Tú tài là bọn Hồng Thúc Huệ) đưa qua Cơ mật viện bản bạc thi hành. Bề tôi Cơ mật viện bàn nói hội đồng duyệt lại là để tỏ rõ sự công bằng, duy truat bỏ quá nhiều cũng là ý mới. Khâm sứ đại thần đáp nói khoản ấy quan trường lấy bỏ không tinh, đã vắng chuẩn cho hội đồng tra xét duyệt lại, việc đã rõ ràng đúng sự thật, nếu không theo đó mà làm thì chỉ nên đình bãi tất cả Cử nhân Tú tài khoa này. Đến khi phiến tấu dâng lên, vua phê “Ý ta cũng thế. Quan trường là triều đình chọn ra mà còn đáng than thở như thế”. Bề tôi Cơ mật viện bèn bàn bạc theo từng khoản chiếu luật nghĩ xử, chuẩn sao ra cho thi hành (Chủ khảo Tạ Tương, Phó Chủ khảo Từ Thiệp vì không làm tròn chức trách, lấy bỏ thiếu tinh, chiếu luật Công cử không đúng người đều đánh 80 trượng, theo phép công giáng hai cấp lưu. Giám sát trường vụ Nguyễn Văn Quý vì con trai con rể dự thi, lạm dự vào hàng sĩ tử mà không biết phát giác tra xét, chiếu lệ Bao che giáng ba cấp rời chức, trở đi không được bổ dụng lại. Hậu bổ Thừa Thiên Phạm Đôn, Tạ Hàm (con Tạ Tương) dự đỗ sĩ tử lấy tiền, đều chiếu lệ Có việc làm xấu xa, Đôn thì phạt đánh 100 trượng cách chức cho về nguyên tịch, Hàm thì châm chức giảm tội giáng ba cấp lưu, triệt hồi Hậu bổ. Đề tuyển Đào Mẫn chiếu lệ Thất sát giảm tội giáng xuống Lại phòng tam đẳng giáng một cấp lưu. Thuộc viên Cơ mật viện Phan Thanh Toại vì có thân thích can dự muốn miễn tội kêu xin, chiếu lệ Thêm bớt công văn vì việc tư giáng một cấp rời chức. Tham tri bộ Lễ Nguyễn Gia Thoại vì ăn nói sơ suất về đơn kiện của sĩ tử, chuẩn truyền chỉ thân sức một lần).

(1) Nguyên bản viết là “Xa”. chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) Nguyên bản viết là “Ngô Đê Mân”. Xem chú thích (1) điều 838***.

1402. Làm đường bốn bên phía ngoài tường thành bao quanh Khiêm cung. Lúc đầu quý Tòa gọi thư nói Khiêm cung là một cảnh đẹp, người du lãm nườm nượp, duy đường sá gập ghềnh, xe ngựa khó đi, nghĩ nên tu bổ. Cơ mật viện bèn tâu lên, chuẩn cho bản bạc ủy cho đường quan hai bộ Lễ Công hội đồng với quan Đốc công của Đại Pháp tới đo khám cắm mốc vẽ thành bản đồ tu bổ.

1403. Chuẩn cho bản định phụ thu thêm thuế ruộng đất ở 13 phủ tỉnh đạo đều 8%. Trước là năm Thành Thái thứ 15 đã thu thêm 5%, năm thứ 17 lại tăng lên thu thêm 6%, đến lúc ấy Tòa Khâm sứ vì chi phí cho bệnh viện trường học quá nhiều nên chức lượng thu thêm để chi biện. Cơ mật viện bèn tâu lên, chuẩn cho thi hành.

1404. Tháng 11. Ngày Ất ty, Hoàng thái hậu băng. Lúc đầu Hoàng thái hậu từ tháng 5 trở đi thánh cung không khỏe, vua châu chực bên cạnh sớm tối vẫn an. Đến lúc ấy nặng thêm, giờ Ty ngày 20 tháng ấy linh giá thăng hà, thọ 52 tuổi, an tử cung ở cung Ninh Thọ, đặt án cúng tế điện mỗi ngày ba lần (hôm ấy tế điện buổi sáng, vua mặc áo trắng làm lễ, trở đi chuẩn phái Tuyên Hóa công và Hưng Nhân quốc công luân phiên kính cẩn làm thay).

1405. Đem tin quốc hiệu bố cáo cho trong ngoài, nói “Ngày tháng 5 năm nay thánh mẫu Hoàng thái hậu ta thánh cung không khỏe, trăm châu chực bên cạnh sớm tối vẫn an, khẩn cầu cung Dao tụ phúc, ngày càng khỏe mạnh để an ủi lòng tôn thân của thần thứ. Đến giờ Ty ngày 20 tháng này linh giá thăng hà, nhớ lại đức tốt, kính

ngưỡng từ huy, kêu trời khóc đất, thương xót khôn xiết. Duy quốc gia lấy hiếu trị dân, điển lễ rất trọng, các việc nghi thức tang phục cần làm giao cho bộ Lễ kê tra điển lệ nêu rõ từng khoản bàn kỹ tâu lên chờ chỉ thi hành”.

1406. Định chế độ tang phục cho trong ngoài (vua ở trong cung trăm thoi 3 năm, sau khi thành phục vẫn giữ tang phục, chỗ tang thứ mặc áo thường, lúc ra coi chính sự tiện điện. Một: hoàng thân công trăm thoi 3 năm, rời chỗ tang thứ mặc áo thường không có hoa văn màu sắc (trở xuống cũng thế). Một: công chúa đã hạ giá tề thoi 1 năm, chưa xuất giá trăm thoi 3 năm. Một: hoàng tử hoàng nữ tề thoi 1 năm. Một: hoàng tử triều trước tề thoi 1 năm. Công chúa triều trước chưa được phong đã hạ giá đại công 9 tháng. Một: cung tần tề thoi 1 năm. Một: công tử công nữ con hoàng đệ tề thoi 1 năm. Một: phủ thiếp của các hoàng thân công tề thoi 5 tháng. Một: tôn nhân ai phải chịu tang thì chiếu nghi lễ chế tang phục, ai không ai phải chịu tang trong vòng 3 tháng nếu thị hầu chỗ tang thứ thì chít khăn trắng mặc áo giao lãnh. Một: ân quan văn võ trở lên trong kinh tề thoi 3 tháng, có thị hầu chỗ tang thứ và ở nhà thì cho mặc, ra ngoài không được mặc, trong 3 tháng có ai phụng hầu tang thứ thì chít khăn trắng mặc thường phục áo đen, mệnh phụ vợ ân quan văn võ trở lên tang phục như chồng 3 tháng chít khăn trắng, áo tay rộng, thị hầu chỗ tang thứ và ở nhà thì cho mặc, ra ngoài thì hoàn toàn không được mặc. Vợ chính của thuộc viên trở xuống có thị hầu chỗ tang thứ chít khăn trắng, áo thường màu đen. Một: họ Phan ở quê ngoại ai phải chịu tang thì chiếu nghi lễ chế tang phục, không phải chịu tang nếu trong 3 tháng có thị hầu chỗ tang thứ thì chít khăn trắng mặc áo đen. Một: thái giám nữ quan thị tỳ phụng trực ở cung Ninh Thọ đều tề thoi 1 năm. Quan tỉnh ngoài không mặc tang phục, nếu lâm thời có ai được khâm điểm tới thị hầu chỗ tang thứ thì như quan ở kinh. Các quan văn võ ra triều ngày thường dùng áo đen khăn đen, không được dùng y phục màu hồng màu tía. Các ân quan trong kinh trở lên cấm cưới gả 3 tháng, thuộc viên trở xuống 1 tháng, dân 10 ngày. Chánh Ngũ phẩm trở lên cấm mặc y phục màu hồng màu tía âm nhạc ca xướng trong 5 tháng, còn lại đều 3 tháng. Quan viên các tỉnh ngoài bắt đầu từ ngày được tin có tang đều cấm mặc y phục màu đỏ màu tía, ca xướng âm nhạc trong 3 tháng, nhân dân cũng thế).

1407. Sai Thư Đô thống Nhất vệ kinh binh (1) Hồng Đơn, Thị lang bộ Hộ gia hàm Tham tri Trương Quang Tạo sung Đồng lý xây dựng sơn lăng, Tham tri bộ Binh gia hàm Thượng thư Tôn Thất Hoài Điển, Thống chế Nhất vệ kinh binh Tôn Thất Phương sung Hộ lý Tang nghi, phạm có việc thì bàn bạc với ba bộ Lễ Binh Công thu xếp cho đầy đủ (bản trích 13.000 đồng chỉ làm, trong đó bộ Lễ nhận 8.000 đồng, bộ Binh nhận 2.000 đồng, bộ Công nhận 3.000 đồng, bộ nào cần tiền thêm sẽ bàn bạc trích tiếp).

(1) Nguyên bản chép là “kinh quan Nhất vệ”, là “kinh binh Nhất vệ” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

1408. Thân rõ việc tuyển cử tổng lý (trở đi phạm tổng lý có khuyết thì phủ huyện cho xã dân suy cử, làm tờ đính kèm bẩm cho tỉnh đường và Trú sứ biết. Quan tỉnh và Trú sứ sẽ hẹn ngày hội tề tuyển cử, người được cử cho tới chờ cử, quan tỉnh và Trú sứ xét rõ phẩm hạnh sẽ nghĩ điền bổ, bằng được cấp do quan tỉnh cấp cho, Công sứ phê phó, những tổng lý ấy nếu có ai bị cách dịch cũng do quan tỉnh và Trú sứ quyết định. Trở đi phạm mỗi Tòa sứ đều có sổ sách ghi rõ họ tên tuổi tác lý lịch của các tổng lý cùng ngày suy cử cấp bằng để khi biết làm việc chăm chỉ hay lười biếng sẽ định thưởng phạt).

1409. Thân định cho các phủ tỉnh chức lượng lưu lại số giân binh (phủ Thừa Thiên 140 người, Quảng Nam 160 người, Quảng Ngãi 150 người, Bình Định 170 người, Phú (1) Yên Khánh Hòa đều 70 người, Bình Thuận 75 người, đạo Ninh Thuận vẫn như cũ, Thanh Hóa Nghệ An Hà Tĩnh đều 180 người, Quảng Bình Quảng Trị đều 150 người, trở lên 12 (2) phủ tỉnh qua năm sau nghĩ lưu lại quân đương ban hạ ban tổng cộng 3.405 người, giảm hồi 805 người, Chánh Phó đội thừa ra 22 người. Lại các phủ huyện ở tỉnh Thanh Hóa lưu lại 200 lính lệ, giảm 13 người).

(1) Nguyên bản chép là “Quảng Yên”, là “Phú Yên” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

(2) Nguyên bản chép là “hướng thượng hạ nhị phủ tỉnh”, là “hướng thượng thập nhị phủ tỉnh” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

1410. Toàn quyền đại thần Beau lại sang, sai Thượng thư bộ Hình sung Cơ mật viện đại thần Tôn Thất Hân mang sắc thư tới Sài Gòn thăm hỏi.

1411. Toàn quyền đại thần Beau nghe tin quốc hiệu gọi thư viếng, sai Cơ mật viện làm thư trả lời cảm tạ.

1412. Toàn quyền đại thần bàn định chia trích địa phận tổng Khánh Nhơn tỉnh Bình Thuận sáp nhập vào Nam Kỳ (từ mũi (1) Ba Kỳ phía nam thẳng tới núi Thanh Mao phía bắc, phần phía đông thuộc địa giới Bình Thuận, phần phía tây thuộc địa giới Bà Rịa (2)), sai quan tỉnh hội đồng với quan Tham biện người Pháp (3) phân định ranh giới.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

(2) Nguyên bản viết là “Bà Địa”.

(3) Nguyên bản chép là “Tham biện Pháp quan”, đây chỉ viên Chủ tỉnh Bà Rịa. Sau Hòa ước 1862, chính quyền thuộc địa chia ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ thành nhiều Sở Tham biện (Inspection), đến 5. 1. 1876 lại chia Nam Kỳ

thành bốn Khu hành chính (Circonscription administrative), mỗi khu gồm nhiều Tiểu khu hành chính (Arrondissement administratif, thường dịch qua tiếng Việt là hạt), viên chức người Pháp đứng đầu bộ máy hành chính cấp này được gọi là Tham biện. Đến 1. 1. 1900 cấp Tiểu khu hành chính được đổi gọi là tỉnh (Province) thì viên chức này được gọi là Chủ tỉnh, ở đây chép “Tham biện” là theo tập quán trước 1900 chứ không đúng với thực tế hành chính ở Nam Kỳ thuộc Pháp.

1413. Thân định lệ lương bổng cho quan lại (trở đi quan lại văn võ trong kinh ngoài tỉnh đội ơn thăng bổ đều lấy ngày nhận chức làm việc để tính ngày chiết toán cấp cho lương bổng. Như bắt đầu làm việc từ ngày Mỗ trung tuần thì trước ngày ấy chiếu hàm cũ mà cấp, sau ngày ấy chiếu hàm mới mà cấp. Tới như khởi phục hoặc cách chức cũng kể số ngày tại chức làm việc trong tháng mà cấp phát).

1414. Tháng 12. Ngày Quý dậu (1), có nhật thực.

(1) Nguyên bản chép là “Quý Hợi”, là “Quý Dậu” bị chép lầm, đây đính lại như trên. Xem điều 1415.

1415. Ngày Giáp tuất (ngày 12) kính dâng tôn thụ cho Đại hành Hoàng thái hậu là Từ minh Thục thiện Nhu thuận Huệ hoàng hậu***. Trước là dụ cho Tôn nhân đình thần kê cứu điển lệ bàn tên thụ tâu lên, Tôn nhân đình thần kính nghĩ huy hiệu cùng tâu lên, kính phụng chuẩn y, bèn sai hữu ty nghĩ bàn nghi thức cần làm, trước đó ban dụ bố cáo cho trong ngoài. Lời dụ nói “Đề vương từ xưa đại hiếu hiền thân, vì tình dấy lễ, không ai không có danh hay lụy tốt, bảo sách ấn vàng, lấy đó nêu cao phúc to, tuyên dương điều sáng, truyền bá xa gần mà dạy bảo ngày sau, là điển lễ rất to lớn vậy. Kính nghĩ Đại hành Hoàng thái hậu ta: Lương Giang un chất tốt, mũ hoa ứng điềm lành. Từ khi ở Thanh cung giúp đỡ hoàng khảo ta, sau ở kinh thất duy làm theo đức, lệ hồ chân cát vạn nan, chu hoàn nhất tiết, khát năng minh di thuận tắc, tập khảm hữu phu. Tử dư xung nhân khắc thừa tiền nghiệp, tự phục vân sơ mỗi duy phát khắc, phụ hà thị cụ, ngưỡng lại thánh từ huấn dịch thức khắc chí vu kim nhật hưu. Năm Thành Thái thứ 16 kính gặp thánh thọ ngũ tuần đại khánh tiết, cửu tiêu chi Vụ thái tăng huy, thiên tuế chi quỳnh diên tái tề @, trẫm thịnh phúc lễ bị nghi đích thân suất lãnh bề tôi kính tới cung Ninh Thọ làm lễ thượng thọ, hợp sự vui mừng của ức triệu người làm ngày vui mừng của một người, trường nghĩ thập niên kế tiết, tần xung phúc lớn chi xúc âu, hện cứ năm ngày nghi triều tới làm lễ vấn an. Giờ Tỵ ngày 12 tháng 11 năm nay linh giá thăng hà, lúc việc nước đang gian nan, theo hai cung mà giá ngự, kêu trời khóc đất, thương xót sao cùng. Than ôi xót thay! Nhớ câu vông cực on to (1), danh ngôn nào trái @ hề phẫ, nghĩ điển suy sùng lễ trọng, báo đáp nên làm. Đã chuẩn cho Tôn nhân đình thần kê cứu điển lễ soạn thuật huy hiệu, trẫm đã chọn kỹ lại, kính dâng tôn hiệu là Từ minh Thục thiện Nhu thuận Huệ hoàng hậu, hôm ấy ngẩng tuân thành hiến, cúi nhận lời bàn, chọn lựa ngày tốt, lấy ngày 12 tháng này kính cần cử hành, còn những việc cần làm thì hữu ty châm chước mà làm, cốt được đúng với tình lễ. Trước đó trẫm sẽ trai giới xin mệnh với liệt miếu, kính tới án cúng kính mang kim sách kim bảo dâng tôn thụ, ngõ hầu tỏ rõ tình niềm đau thương kính mộ của riêng ta, an ủi lòng tôn thân của thần thứ các người, để kéo dài ơn thiêng đến vô cùng vậy”. Lại sai quan tế cáo với miếu điện và hai đền Phù quốc công, đền Tích Đức. Đến hôm ấy vua đích thân suất lãnh quần thần kính tới án cúng kính mang kim sách kim bảo dâng kim sách, lời sách nói “Thần nghe: Mưu hay nét tốt, ngàn thu sử sách lưu danh, tỏ thực xung huy, muôn thuở ấn vàng @ đề sáng. Lụy đề thuật đức, tên phải xứng tình. Kính nghĩ thánh mẫu Đại hành Hoàng thái hậu bề hạ: Biểu nguyệt ngưng tường, hiền tinh sức thụ. Tự huy âm ư kinh thất, Thi đẹp Tư trai, giúp Hoàng khảo nơi cung xuân, Nhạc canh trùng nhuận. Nhân Minh Di dùng tới, mà Đại Hữu được tôn (2). Từ tường xuất ư tự nhiên, minh chiếu chu hồ chúng lý. Thục thiện chi nghi bất nhị, bản tâm tắc uyên, thiện khánh chi tích hữu dư, mưu thâm thù dụ. Chấn hoa chi mà chẳng ngự, duy quẻ Tôn rất nhu (3), mang giày trắng nên dễ yên, duy quẻ Khôn thì thuận (4). Lượng đức thịnh hình dung chẳng hết, mà ơn xưa cảm mộ sao cùng. Châm chước lời bàn, kê cứu điển lệ, rất nên phối với Hoàng khảo ta, tiền dâng huy hiệu. Nay chọn ngày tốt xin mệnh với liệt miếu, dâng kim sách kim bảo kính dâng tôn hiệu là Từ minh Thục thiện Nhu thuận Huệ hoàng hậu. Còn mong nhận lấy hiệu to mặc phu huyền sáng. Lại cách hữu miếu, thức hâm hiếu hưởng chi kiên, trường phát kỳ tường, thân tích thuận thương chi hồ”. Lễ xong, ban ân chiếu cho trong ngoài tất cả 4 điều.

(1) *Vông cực*: nguyên văn là “Vông cực chi ân”, lấy chữ trong *Kinh Thi*, *Tiểu nhã*, *Lục nga* “Dục báo chi đức, Hiệu thiên vông cực” (Muôn báo đức to, Lòng lộng như trời), ví với công ơn cha mẹ ông bà.

(2) *Nhân Minh Di dùng tới, mà Đại Hữu được tôn*: nguyên văn là “Đãi Minh Di dụng hồi nhi Đại Hữu đắc tôn”. “Minh Di dùng tới” xem chú thích (3) điều 0002, “Đại Hữu được tôn” lấy chữ trong *Kinh Dịch*, quẻ *Hỏa Thiên Đại Hữu*, phần *Soán truyện* “Đại Hữu, nhu đắc tôn vị, đại trung nhi thượng hạ ứng chi” (Đại Hữu, âm nhu ở ngôi tôn, đức trung lớn trên dưới ứng theo). Đây ý nói bà Từ minh Huệ hoàng hậu khiêm nhường mà có tư chất mẫu hậu nên được triều đình tôn kính.

(3) *Quẻ Tôn rất nhu*: lấy chữ trong *Kinh Dịch*, quẻ *Bát Thuần Tôn*, phần *Soán truyện* “Trùng tôn dĩ thân mệnh, cương tôn hồ trung chính nhi chí hành, nhu giai thuận hồ cương, thị dĩ tiêu hanh” (Trùng tôn để ban lệnh, cương tôn chỗ trung chính mà thi triển chí hướng, nhu đều thuận với cương, nên được tiêu hanh). Đây ý nói bà Từ minh Huệ hoàng hậu có đức độ không thích chuyên vẽ vờ.

(4) *Quẻ Khôn thì thuận*: lấy chữ trong *Kinh Dịch*, quẻ *Bát Thuần Khôn*, phần *Soán truyện* “Chí tai Khôn nguyên, vạn vật tư sinh, nãi thuận thừa thiên” (Hết mức thay Khôn nguyên, muôn vật nhờ sinh, lại thuận theo trời). Đây ý nói bà Từ minh Huệ hoàng hậu có đức độ không thích chuyện xa hoa.

1416. Đêm ngày ninh lăng bỏ cáo cho trong ngoài.

1417. Ngày Bính tuất (ngày 24) kính cẩn cử hành đại lễ ninh lăng. Trước đó sai Thượng thư bộ Hình sung Cơ mật viện đại thân Tôn Thất Hân sung Tổng hộ sử, Đô thống Nhất vệ kinh binh Hồng Đơn, Đề đốc Hộ thành Lê Chân làm phó, Chương vệ Nguyễn Văn Tổ, Nguyễn Văn Lâm sung Đề đốc Thủy đạo tiền hậu, Thống chế Nguyễn Văn, Chương vệ Dương Biểu sung Đề đốc Lục đạo tả hữu, lại sai hai viên đại thân văn võ Lưu kinh và sai quan đem việc tế cáo với miếu điện và hai đền Phù quốc công, đền Tích Đức. Ngày Quý mùi (ngày 21) vua đích thân suất lãnh quần thần kính tới án cúng làm lễ khai điện. Ngày Ất dậu (ngày 23) linh giá ra đi từ cung Ninh Thọ, vua mặc áo tang chông gậy đi bộ theo. Tới điện cỏ Chương Đức linh giá đi tiếp, vua ngự ở xe sau theo hầu. Tới bến Nam Môn theo đường thủy đi, vua ngự thuyền rồng theo hầu, quan viên văn võ và binh đinh đều chiếu theo đội hình hồ tùng. Tới bến Nam Giao lên bộ đi tiếp. Đến giờ Dần hôm ấy (ngày 24) kính an huyệt cung bên phải An lăng, kính đề thần vị ở trước thái điện tôn lăng. Lễ xong kính đưa thần vị về cung Ninh Thọ, làm lễ an vị, tuần tự làm lễ cử ngu (đều sai Tuyên Hóa công và Hưng Nhân quốc công luân phiên làm lễ. Ngày 3 tháng 2 năm sau (1) làm lễ tốt khốc, Tôn nhân đình thần văn võ và các quan tỉnh đều kính biện lễ phẩm dâng lên).

(1) Nguyên bản chép là “Khai chính nhị nguyệt sơ tam nhật”, là “Khai niên nhị nguyệt sơ tam nhật” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

1418. Khâm sứ đại thần Levecque bàn nói bạc trong kho của bản quốc đang trữ tổng cộng 1.860.000 đồng, hiện tại giá đồng ngân nguyên đang cao, nên chọn ngân hàng đáng tin trích gửi 1.000.000 đồng lấy lãi (lãi đồng niên là 2 hoặc 2,5%). Lại số bạc thời bạc nén bản quốc đang trữ cũng nhiều (bạc ròng loại một nén 10 lượng có 125.720 lượng, loại một nén 1 lượng có 12.527 lượng, bạc ba vết (1) loại nén 10 lượng có 1.460 lượng, loại nén 1 lượng có 530 lượng, ngân bài (2) có 276 lượng, tổng cộng 140.513 lượng, đổi được 2.100.771 đồng), nên trích đem đổi chắc có ích lợi. Cơ mật viện tâu lên xin lần lượt trích biện, sau đó quan Hội biện bàn đệ qua 150.000 đồng tiền giấy và 300 giỏ (3) (mỗi giỏ 2.000 đồng) do Phủ Nội vụ kiểm nhận chờ thi hành.

(1) Nguyên bản chép là “tam thất ngân” (bạc ba bảy), có chỗ tối nghĩa, ngờ là “tam tích ngân” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên. Xem chú thích (1) điều 0919.

(2) Nguyên bản chép là “bài ngân”, là “ngân bài” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

(3) Nguyên bản chép là “đài” (khiêng vác), đây dịch như trên.đ

1419. Quan tỉnh Thanh Hóa Tôn Thất Thiệm báo về tình hình nhân dân trong hạt đói kém (liền năm hạn lụt, nhân dân hao tán, mùa màng tổn thất, dân các xã nhiều lần kêu nài với quan tỉnh và Tòa sứ. Đến lúc các phủ huyện khám xét thì toàn hạt mười phần tổn thất khoảng bảy tám phần, nhân dân có tới 2.927 đàn ông đàn bà chết đói, 2.670 người lưu tán). Vua phê nói “Muộn rồi”, chuẩn cho quan tỉnh khẩn sức bàn bạc trừ hoạch cứu giúp để giúp dân qua lúc nguy cấp.

1420. Truy phong cố Hiệp biện đại học sĩ Trần Đình Túc tước Lại An tử. Lời dụ nói “Ban tước đền đáp công lao là điển lệ của quốc gia. Trẫm đối với đại thần có công lao tài năng trong kinh ngoài tỉnh, sống thì phong thưởng, chết thì truy tặng, lấy đó tôn đức đền công, làm rõ đạo trọng hậu. Cố Hiệp biện đại học sĩ Trần Đình Túc là nhà phiệt duyệt nhiều đời, lão thần đức lớn, cảm quân đi sứ nổi tiếng trong ngoài, biện bác có tài võ về đúng cách (1), Dục tông Anh hoàng đế vốn vẫn coi trọng. Trong niên hiệu Tự Đức Bắc Kỳ có việc, viên ấy ra sức mao hiểm xin hòa hiếu để tắt việc binh, kế đó đôi bên lại thất hòa, tuy đã về hưu nhưng nghe lệnh ắt ra. Hà Nội Đà Nẵng lần lượt phụng sai, lại thu xếp được đại cục đến tận ngày nay, công lao quả thật có chỗ đáng khen ngợi. Bề tôi Cơ mật viện đã xin truy tặng, rất là xứng đáng, chuẩn cho truy phong Trần Đình Túc đã quá cố là Lại An tử để khuyến khích kẻ làm quan tài giỏi có công. Những việc cần làm thì cho hữu ty chiếu lệ thi hành”.

(1) Nguyên bản chép là “phủ (phủ = tặng phủ) lược tài biện”, là “phủ (phủ = võ về) lược tài biện” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

Quyển 19

1421. Năm Đinh mùi Thành Thái thứ 19 (1907 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Chuẩn cho phái viên sang Tây du học (7 người bọn Tham biện Cơ mật viện Ứng Dinh, nguyên Chủ sự bộ Lại Nguyễn Văn Hiền).

1422. Trích tiền lưu lại trợ cấp cho dân đói tỉnh Thanh Hóa. Tỉnh ấy hai vụ lúa mùa hạ mùa đông năm trước liên tiếp mất mùa, nhân dân nhiều người chết đói lưu tán. Quan tỉnh báo lên, chuẩn cho bàn bạc tìm nhiều cách trừ hoạch cứu giúp để giúp dân qua lúc cấp bách. Đến lúc ấy quan tỉnh lại xin trích tiền mua thóc chia cấp cho những hộ quần bách nhất ở các phủ huyện, bề tôi Cơ mật viện bàn trích tiền mua gạo tùy nghi trợ cấp. Kế đó Khâm sứ đại thần Levecque tới khám gọi điện văn về xin trích 50.000 đồng trừ hoạch cứu giúp, chuẩn cho lập tức sao ra thi hành (về sau lại trích 20.000 đồng và lần lượt đẩy việc xây dựng thay cho chẩn cấp 20.000 đồng, tổng cộng hơn 90.000 đồng).

1423. Tháng 2. Thân rõ lệ cải táng phần mộ (trở đi phần mộ phạm vào ngũ hoạn (1) và lâm thời chôn tạm cần dời mộ cải táng phải trình rõ với quan sở tại khám nếu đúng mới được phép, còn lại nhất thiết tuân lời phê cấm chỉ, nếu ai cố ý làm trái thì chiếu luật xử trị). Lúc đầu phần mộ của cung nhân Lê thị bị thương nhân người Pháp Bogaert (2) bắn súng gần tới vòng tường quanh mộ, người lo việc thờ cúng là Lê Ngọc Trác bầm xin cải táng, bộ Công tâu xin trừ tính chi cấp. Vua phê nói “Chuyện cải táng là tục rất hủ lậu, vả lại còn có thể sinh ra dịch bệnh. Trở đi bất kể là hạng ai cũng đều nhất loạt nghiêm cấm, ai làm trái sẽ khép tội nặng”. Cơ mật viện tâu lại, nói người xưa chọn đất chôn cất cẩn thận để phòng ngũ hoạn, nhưng thời thế đổi dời, có nhiều việc không cẩn thận để phòng hết được, nếu sau khi chôn phạm vào ngũ hoạn mà nhất thiết không cho cải táng e không phải là việc khiến lòng người yên ổn, bèn xin thân rõ lời nghị ấy chuẩn cho thi hành.

(1) *Ngũ hoạn*: nghĩa đen là năm mối lo, là thuật ngữ của giới phong thủy ngày trước, theo đó tìm đất đặt mộ phải tránh khu đất nào ngày sau sẽ làm đường đi, làm thành quách, làm ao hồ kênh mương, bị người quyền quý chiếm cứ, bị dùng làm đất canh tác.

(2) Nguyên bản viết là “Bồ Kê”, đọc theo âm Nôm là Bồ Ghè.

1424. Đổi chế tạo cột cờ ở kinh thành (dựng cột đúc bằng sắt, dự trù 5.180 đồng, do quan Đốc công Pháp quản biện).

1425. Chuẩn cho bàn định các sắc thuế đốt pháo đánh trống và đi đêm cầm đèn trong thị xã (Mộ: việc đốt pháo và đánh trống trừ bốn ngày tiết nhật và lễ Chánh chung thì không thu thuế, còn lại như có ai xin phép đốt pháo hoặc đánh trống thì hôm đầu tiên thu thuế 2 hào, từ hôm thứ hai trở đi mỗi ngày chiếu lệ thu 1 hào. Mộ: người đi đêm nếu lãnh giấy phép miễn cầm đèn đuốc thì đồng niên nạp tiền 4 đồng, nếu là người Nam không có giấy phép thì đi đêm ắt phải cầm đèn, duy quan Nam từ Chánh Tứ phẩm trở lên thì chuẩn cho miễn).

1426. Chuẩn cho thương nhân người Pháp Bogaert trưng thêm đất công ở gò Long Thọ. Lúc đầu Tòa Khâm sứ gửi thư nói Bogaert xin nhận mua một khoảnh đất ở gò Long Thọ, khoảng 25.000 mét Tây, lại giáp xứ Lò Vôi (1), dựng nhà cửa để tránh tro bụi, lại đệ thêm bản đồ cho Cơ mật viện bàn. Bề tôi Cơ mật viện bàn nói gò ấy là cảnh đẹp, vả lại còn thuộc đất cấm (xét *Đại Nam Nhất thống chí* chép gò ấy ở xã Nguyệt Biều huyện Hương Thủy, một dải sông núi gối ngang bờ nam sông Hương, đối diện với gò Thiên Mục bên kia sông, tên cũ là gò Thọ Khương Thượng phố, trước kia có nhà cửa làm chỗ cho các triều ra chơi. Sau cơn binh lửa bị bỏ phế, đầu niên hiệu Gia Long đổi tên là Thọ Xương, trong niên hiệu Minh Mạng đổi tên là Long Thọ, dựng đình khắc bia ghi lại cảnh đẹp. Năm Tự Đức thứ 28 Đại Pháp muốn xây Tòa Khâm sứ ở đó, vâng lời thánh phê nói chỗ ấy thuộc đất cấm, giao cho bề tôi Viện Thương bạc bàn bạc đình lại), nếu thương nhân người Pháp nhận mua nên đo mua dưới chân gò bấy nhiêu mét Tây thì cho, còn một dải đất trên gò đã trồng từng nên giữ lại như cũ. Về sau Khâm sứ đại thần cùng Cơ mật viện đại thần Lê Trinh tới khám, thương nhân ấy nhận dời qua một khoảnh đất phía tây, mỗi bề khoảng 100 thước Tây, còn lại không xâm phạm tới. Bề tôi Cơ mật viện bèn tâu lên, chuẩn cho như lời xin.

(1) Nguyên bản chép là “Chữ khô lô xứ”.

1427. Năm ấy đến kỳ thi Hội. Hiệp biện đại học sĩ sung Tổng tài Quốc sử quán Cao Xuân Dục dâng sớ xin đổi định trường quy (đại lược nói lệ trước nay trong trường chia làm hai vi Giáp Ất, người từ Quảng Bình trở vào nam thuộc vi Giáp, người từ Hà Tĩnh trở ra bắc thuộc vi Ất. Nay xin trong trường cứ trộn lẫn cả hai vi Giáp Ất, trên quyền thi đình việc ghi hai chữ Giáp Ất để giấu hình tích mà làm rõ sự công bằng). Sớ dâng lên, vua phê nói “Những việc trường vụ còn không ít điều bất tiện, Khanh đã có lòng thì nên trích nêu ra nhiều hơn tâu lên để xét chuẩn cho thi hành”. Xuân Dục lại xin bàn thêm năm điều (Mộ: quan trường ra đề xin cho vũ viên giữ chức Thẻ sát trích lấy trong các sách trình lên, do Chánh Phó Chủ khảo chọn định ra đề để làm rõ sự công bằng ngay thẳng. Mộ: lệ trước nay thi Hội thì nam bắc chia ra hai vi Giáp Ất, tới nội trường cùng chăm, cứ quan trường một người nam một người bắc cùng chăm một quyền thi ý kiến thường có khác nhau, không khỏi tranh cãi. Nay đình việc ghi chữ hiệu Giáp Ất, xin cho các quan đồng khảo ký tên duyệt riêng để đơn giản thuận tiện. Mộ: hai viên Giám sát trong ngoài trường thi, lúc đầu đặt ra có chuyên trách, sau đó lại giảm một người, đến nỗi người có trách nhiệm ấy tự ý ra vào, trường vụ vì thế bị tiết lộ, không khỏi bị người ta đồn đại. Trừ trường thi Hội và trường thi Hương Hà Nam đã đặt thêm, bốn trường Thừa Thiên, Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Định xin đều tăng thêm một viên để nghiêm việc đề phòng trong ngoài. Mộ: những quyền thi mà Đề tuyển thu giữ, tên họ phải dán kín và ghi số hiệu, tình tiết rất quan hệ, xin nghiêm cấm không được tự tiện ra vào để đề phòng tặc đoan mua bán. Mộ: xin những người thi Hội

tứ trường có phân số hoặc cả ba trường trước được tám phân thì nhất loạt cho vào hạng trúng cách, không cần chia hạng trúng cách và thứ trúng cách trước, đến lúc thi Đình mà được ba phân trở lên thì ban cho Giáp đệ khác nhau, hai phân trở xuống thì ban là Phó bảng. Lại xin đổi gọi Phó bảng là Át Tiến sĩ để được vinh dự. Một: xin cho Phó bảng được dự yến nhưng ngồi ở gian khác, như thế có phân biệt với Tiến sĩ mà làm rõ sự rộng rãi) đều chuẩn cho thi hành (duy khoản đổi gọi Phó bảng là Át Tiến sĩ thì châu phê “Hãy nghĩ thêm”).

1428. Ban thưởng cho sĩ tử Trường Tôn học đều có thứ bậc khác nhau. Lúc đầu Tuyên Hóa công Miên Tán kiêm quản Trường Tôn học tâu xin khảo hạch học sinh xem tiến bộ thế nào sẽ xướng danh phát thưởng. Bèn chuẩn ân cấp 400 đồng, chọn mua sách Tây và hàng hóa Trung Quốc, Tây Dương để thưởng cấp.

1429. Tháng 3. Thừa Thiên, Quảng Trị có bão và mưa đá, việc tâu lên, sai quan phủ tỉnh khám xét những nơi bị tai nạn theo sự thật tâu lên.

1430. Thân định lệ cầm cố công điền công thổ. Lệ ấy đã chuẩn lời nghị từ năm Gia Long thứ 2 (công điền công thổ không được bán đứt cầm cố, nếu trong xã vì có việc công quan trọng cho người tá canh lấy tiền làm việc công thì cho hạn trong 3 năm, khi hết tiền vốn tiền lãi thì vẫn giao lại công điền công thổ ấy cho xã dân chia cấp. Ai quá hạn không giao bị người ta tố cáo thì người cho tá canh và người tá canh đều xử vào tội nặng, những ruộng đất cho tá canh thu hồi về bản xã), nhưng gần đây hào lý trong dân gian cùng nhau tư tề, đến lúc ấy lập ra hội đồng Nghị định bổ sung thân sức răn cấm, chuẩn sao ra cho thi hành (Khoản 1: xã thôn nào như tình nguyện cầm cố cho tá canh một khoảnh ruộng đất ắt phải làm đơn trên giấy tín chỉ hai bản trình lên phủ huyện sở tại, phủ huyện thẩm xét sự thể thế nào rồi đưa bản lên tỉnh đường. Tờ đơn tín chỉ ấy phải có lý dịch đóng triện và đồng dân trong xã (nếu thiếu thì không được dưới một nửa nhân số) ghi rõ trong đơn vì lý do gì mà cầm cố cho tá canh, ruộng đất bao nhiêu mẫu, ở chỗ nào, cho tá canh bao lâu, tiền bạc bao nhiêu cùng tên họ quê quán người tá canh. Khoản 2: quan tỉnh có quyền cho dân cho tá canh điền thổ nhưng ắt phải có Công sứ phê duyệt vào đơn mới được chuẩn cho thi hành, một bản giao cho người tá canh chấp chiếu, một bản do phòng công văn của tỉnh đường lưu giữ. Khoản 3: số ruộng đất cho tá canh không được quá một phần năm số ruộng đất của xã. Khoản 4: thời hạn cho tá canh không được quá 3 năm, quá hạn thì ruộng đất ấy giao về cho xã dân chia cấp. Khoản 5: nhất định phải cho đấu giá, mỗi khoảnh không được quá 20 mẫu, mỗi người chỉ được đấu giá một khoảnh mà thôi, như thế tránh được việc hào cường trong xã bao chiếm, ruộng đất cho tá canh được giá cao mà dân tự có lợi ích. Khoản 6: người đã tá canh ruộng đất không được đổi ý. Khoản 7: duy người An Nam mới được đấu giá, người Tây và người các nước phương Đông thì cấm. Khoản 8: ngày cho tá canh bắt đầu tính từ ngày lập khế ước ký tên, mãn hạn mới được cho tá canh tiếp. Khoản 9: các Tòa sứ và các tỉnh đường đều có một quyển sổ đăng ký số ruộng đất mà các xã thôn cho tá canh, cũng sao rõ xã thôn nào trong đơn ghi thế nào để dễ tra xét. Khoản 10: các khoản trên đây có ai không tuân theo, nếu đơn từ khế ước không thể làm bằng cứ thì người tá canh không được khiếu nại vì bất cứ lý do gì, ruộng đất giao về cho xã dân mà lý dịch ký tên trong khế ước đều phải chịu phạt).

1431. Đặt đàn chay ở chùa Thiên Mục, tụng kinh bảy ngày (vì mãn tang Từ Minh Hoàng thái hậu).

1432. Bãi đoàn binh ở phủ hạt Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam. Trước là năm Thành Thái thứ 12 vì dân Man quấy nhiễu nên chuẩn cho ba tổng Tiên Giang, Phước Lợi, Đức Hòa ở hạt ấy chọn người sung vào đoàn binh (mỗi tổng 100 người) để phòng bị. Đến lúc ấy dân Man đã tạm yên ổn, quan tỉnh và Trú sứ tỉnh ấy nghĩ xin triệt bãi (số đoàn binh ấy cho trở về tráng hạng chịu thuế, bắt đầu từ năm sau), bộ Hộ tâu lên, chuẩn cho thi hành.

1433. Các hạt ở Nghệ An hạn hán đói kém (Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Yên Thành là nặng nhất), quan tỉnh xin bàn bạc đẩy việc xây dựng thay cho chân cấp, cho theo lời xin.

1434. Đặt Hội đồng thương nghị việc quốc chính ở kinh (hoạch định những việc quan trọng như thuế lệ ở các thị xã, trưng thu thuế lệ ruộng đất nhân đinh, lập thêm thị xã, lập kho dự trữ trong ngân sách các tỉnh, châm chước quy định trưng khẩn ruộng đất, đo khám ruộng đất, dự phòng mất mùa, dự phòng giữ gìn cây gỗ trên rừng, bổ sung lính tập khô xanh). Sai Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lại sung Cơ mật viện đại thần Trương Như Cương, Thượng thư bộ Công sung Cơ mật viện đại thần Nguyễn Hữu Bài hội đồng với quan Đại Pháp (từ Giám đốc Đô Phi Ninh trở xuống 8 người) nghị bàn (lúc ấy Khâm sứ đại thần Levecque chiếu theo các khoản Nghị định ngày 23. 2. 1899 và xét tình hình hiện tại cần Nghị định bổ sung nên họp bàn).

1435. Mùa hạ, tháng 4. Đặt lại Hội đồng tu chỉnh học quy, sai Thượng thư bộ Lễ Lê Trinh, Tổng tài Quốc sử quán Cao Xuân Dục, Tổng đốc Nam Ngãi Vương Duy Trinh, Tế tửu Quốc tử giám Trần Đình Phong sung làm hội viên (lấy ngày 25. 5 Tây lịch tức ngày 14 tháng ấy Nam lịch mở hội nghị ở phòng Tàng thư Tòa Khâm sứ).

1436. Chuẩn cho mở rộng thêm học quy Trường Bách công. Lúc đầu Khâm sứ đại thần Levecque bàn nói Trường Bách công lúc đầu chỉ lập ra để chuyên dạy kỹ nghệ, đến nay trường ấy trở thành một sở ứng dịch, tuy những người có tay nghề cũng có thể làm việc máy móc nhưng hiện nay xe lửa tàu máy cùng các xưởng máy móc càng ngày càng nhiều, nghĩ nên tu chỉnh mở rộng, dạy thêm kỹ nghệ bách công để về sau giới nghề chuyển đi nơi khác dạy khắp cho quốc dân, nghĩ cũng có ích. Bèn sai Thượng thư bộ Công sung Cơ mật viện đại thần Nguyễn Hữu Bài sung làm hội viên hội đồng với Khâm sứ đại thần và các quan Pháp bàn bạc tiến hành.

1437. Quan tỉnh Quảng Nam báo về tình hình bệnh tật (dân gian nhiều người phát bệnh thương hàn, về sau sinh ra sốt rét, hoặc bệnh nặng hoặc chết, ở Quế Sơn, Thăng Bình là nặng nhất, Điện Bàn, Duy Châu, Tam Kỳ, Hòa Vang đỡ hơn). Chuẩn trích tiền mua thuốc (ký ninh) (1) chia cấp cho.

(1) Nguyên bản viết là “ky ninh”, tức phiên âm Việt Hán từ Pháp “quinine”, đây dịch theo cách gọi phổ biến của người Việt Nam.

1438. Bắt đầu đặt máy dẫn nước quanh thành ở kinh. Trước là tháng 3 năm Thành Thái thứ 15 Khâm sứ đại thần trước là Auvergne bàn nói trên suối nước ầm đầu nguồn sông Hương có một khe nước, thể nước rất xiết, nên đặt ở đó một máy điện dùng bánh xe dẫn nước tới trong ngoài kinh thành, nhân dân lấy đó ăn uống để được sạch sẽ, dự trữ tới 600.000 đồng, do ngân sách Bảo hộ gánh vác một nửa, bản quốc nên chịu một nửa, sau đó nếu cần bổ sung bao nhiêu thì do Bảo hộ nhận làm, đã chuẩn sao ra cho thi hành. Sau đó vì bộ Thuộc địa của Đại Pháp phúc đáp hỏi vay chưa đủ, việc phải ngừng lại giữa chừng. Đến lúc ấy Khâm sứ đại thần Levecque lại phái quan Đốc công khám xét trừ tính, đã qua Toàn quyền đại thần và quan sung Đốc công Nha Đốc công Đông Dương duyệt, bộ Thuộc địa chuẩn cho thi hành, bèn cho đấu giá, bắt đầu xây dựng ngay trong năm. Nhưng nạo vét đường sông công trình to lớn, cần gọi mua các hạng máy móc, khoảng 10 tháng hoặc 18 tháng mới có thể hoàn thành, năm trước bàn góp 300.000 đồng, nay nên trích ra đệ giao. Bàn định xong (ngày 21. 5. 1907 Tây lịch hội thương, Khâm sứ đại thần bàn giao các điều khoản lấy nước cấp cho thị xã thuộc về việc vệ sinh phải làm, người Nam được hưởng lợi nhiều. Lại chiếu hội thương ngày 3 tháng 3 năm Thành Thái thứ 15 tức ngày 31. 3. 1903 Tây lịch đã định giao 300.000 đồng của An Nam để tiện cho Công cục liệu biện việc ấy chi biện, nay bàn định), do Cơ mật viện tâu lên chuẩn cho thi hành.

1439. Chuẩn thay đổi sáp nhập các xã thôn ở Quảng Nam, Quảng Trị, Thanh Hóa để tiện cho dân (Tỉnh Quảng Nam 2 xã Sài Tân, Bình An đều sáp nhập vào phủ Tam Kỳ, thôn An Mỹ phủ Thăng Bình không có ruộng đất, chỉ có 1 trảng đình sáp nhập vào xã Đông Mỹ, phường mới Tứ Chánh lập lại ở huyện Đại Lộc sáp nhập vào tổng Đa Hòa Thượng phủ Điện Bàn. Tỉnh Quảng Trị lập riêng phường Tân Trà thuộc phủ Hải Lăng, phường ấy vốn ở xứ Ba Lòng xã Trà Tri, đình số 26 người, ruộng đất 64 mẫu, cách xã Trà Tri hơi xa nên lập riêng. Lại chuẩn cho phường Sơn Lâm thuộc phủ Cam Lộ nhận trung ruộng đất ở xứ Ba Lăng phường An Thái Thượng. Tỉnh Thanh Hóa xã Lữ Hạ thuộc huyện Cẩm Thủy sáp nhập vào xã Phú Môn, xã Phù Lưu sáp nhập vào xã Trại Hà, ba thôn Bông (1), Nỗ, Nham xã Ngọc Sơn thuộc phủ Quảng Hóa vốn trước cùng sở đình điền, gần đây bị điều hao, hai thôn Bông, Nỗ chuẩn hợp làm thôn Bông Nỗ, thôn Nham chuẩn cho làm một thôn riêng).

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

1440. Tháng 5. Năm ấy thi Hội đã xong (Chủ khảo là Tham tri bộ Hộ Trần Đạo Tiềm, Phó Chủ khảo là lãnh Đốc học Thanh Hóa Đàm Khiêm***, Tri Công cử là Lang trung bộ Hộ Đào Phan Duân, lấy 4 người hạng trúng cách, 7 người hạng thứ trúng cách cùng Đỗ Văn Toại thứ trúng cách khoa Giáp thìn, Phan Duy Phổ thứ trúng cách khoa Ất mùi đều được vào thi Điện), lấy ngày 8 tháng ấy vào thi Điện (Hiệp biện đại học sĩ sung Tổng tài Quốc sử quán Cao Xuân Dục, lãnh Thượng thư bộ Hộ Huỳnh Côn sung Đốc quyền, lãnh Tham tri bộ Hình Bùi Xuân Huyền, Tham biện Các vụ Tạ Hàm sung Duyệt (1) quyền), ban cho 4 người Nguyễn Duy Phiên, Lê Hoàn, Nguyễn Khắc Niêm, Nguyễn Đức Lý là Đệ nhị giáp Tiến sĩ, 3 người bọn Trần Đình Tuấn (2) (sau gặp tôn húy nên đổi là Chu) là Đệ tam giáp Tiến sĩ, 6 người Phó bảng. Đến khi dẫn kiến vua đều nhất nhất hỏi han, lại ân tứ cho các Tiến sĩ chia nhau lên hai chiếc xe hơi dạo chơi ngoài thành, ngự giá ra Phú Văn lâu ra đề làm thơ (Phụ đề “Thần đồ tri khinh xa” (Đường bằng ruổi xe nhẹ) một bài thất ngôn luật lấy chữ “phi” (bay) làm vần, lại sắc nói rõ đây không phải là khảo hạch trước mặt, chỉ là muốn ghi lại việc hay, mọi người nên lập tức ứng chế tiến lãm, mỗi người đều viết một bài truyền làm vật gia bảo). Khoa ấy lấy tới 4 Đệ nhị giáp Tiến sĩ, lại chuẩn cho các Tiến sĩ lên xe hơi dạo chơi phổ phường, đương thời cho là việc vinh dự hiếm có.

(1) Nguyên bản chép là “các” (gác), là lầm từ “duyet”, đây đính lại như trên.

(2) Nguyên bản viết chữ này thiếu bộ *nhật* (vì kiêng húy vua Khải Định).

1441. Chuẩn cho Thượng thư bộ Binh sung Cơ mật viện đại thần Phạm Xứng thăng hàm Hiệp biện đại học sĩ trí sĩ, lấy Thượng thư bộ Công sung Cơ mật viện đại thần Nguyễn Hữu Bài chương quản sự vụ bộ Binh.

1442. Hòa Thịnh quận vương Miên Tuấn chết. Quận vương là người chí thân trong đế thất, di lão sáu triều, mê sách hiếu học, giữ lòng đạm bạc, năm ấy 81 tuổi bệnh chết. Chuẩn truy tặng là Hòa Thịnh vương, lại cấp thêm tiền (300 đồng) sung vào việc chôn cất.

1443. Thái tử Thiếu bảo Đông Các đại học sĩ Trần Lưu Huệ chết. Huệ là đại viên kỳ cựu, lúc đầu giữ chức trong kinh, trải sung Bắc Kỳ Kinh lược đại sứ, rất có công lao, năm trước vì già yếu xin hưu trí, đến lúc ấy chết, sai quan ban tế như lệ.

1444. Tổng đốc Quảng Nam Vương Duy Trinh tư nói Tòa sứ dò xét được người của Công ty Hợp thương cậy quyền chức khoa mục thường tới những nhà giàu ở các xã thôn dưới hạt đòi hỏi tiền bạc, không chịu nộp thuế và cản trở người khác nộp thuế, hào lý các xã thôn sợ thế lực dữ tợn không dám thụ đòi, thậm chí còn xuất tiền nộp thay, tiền thuế không thể thu đủ đều do bọn ấy làm cản, tệt đoan như thế không thể không trừ diệt. Hiện đã sức nã

bắt Hội chủ là Bang biện Nguyễn Đình Tán giải lên tỉnh tra xét xử tội, còn Ký thất Tú Vĩ trốn núp đang sai tìm bắt cũng sẽ giải về tra xét xử tội. Cơ mật viện tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành.

1445. Tháng 6. Thân rõ lệ Lý trưởng đóng triện xác nhận đơn từ. Lúc đầu Tòa Hộ chính dịch giao điện văn của Công sứ đạo Ninh Thuận nói Lý trưởng theo lệ không cho phép đóng triện xác nhận đơn từ mà đòi hỏi lấy tiền, nên trừ bỏ thói tệ ấy để tránh việc khiếu kiện. Bộ Hộ tâu lên xin thân rõ lệ trước nay (tháng 6 năm Thành Thái thứ 16 Cơ mật viện bàn chiếu lệ nhân dân ở phủ hạt Thừa Thiên trung mua hoặc cầm cố nhà cửa ruộng đất cùng các giấy tờ như di chúc thì Lý trưởng đóng triện xác nhận, từ 500 quan trở xuống cứ mỗi 100 quan chuẩn cho Lý trưởng thu tiền lệ phí 2 quan, từ 600 quan trở lên chuẩn chiết giảm một nửa, mỗi 100 quan chuẩn cho thu tiền lệ phí 1 quan, nếu ai làm trái thì chiếu luật Làm trái lệ xử trị. Tới như các đơn từ kiện tụng của nhân dân thì không cần Lý trưởng đóng triện xác nhận) thông tư hiểu sức cho biết mà tuân theo để tránh nỗi khổ cho dân, chuẩn sao ra cho thi hành.

1446. Hiệp biện đại học sĩ Vinh Quang tử hưu trí Đào Tấn xin nhận một khoảnh vùng công (khoảng một hai trăm mẫu) ở hai thôn Xuân Quang, Phú Hòa huyện Tuy Phước (tỉnh Bình Định), ủy cho con đắp đê khai khẩn thành ruộng (hạn trong hai năm thành ruộng chịu thuế, nhưng trích ba phần mười giao cho hai thôn ấy, còn bảy phần cho làm ruộng tư). Bộ Hộ tâu lên xin chuẩn, cho như lời xin.

1447. Chợ Sr Lỗ (thuộc huyện Phú Lộc) phủ Thừa Thiên bị hỏa hoạn (cháy lan ra đình miếu chợ quán và nhà dân 66 hộ), chuẩn trích tiền trợ cấp cho.

1448. Mùa thu, tháng 7. Ngày Bính Tuất (ngày 20) vua nhường ngôi lại cho hoàng tử thứ năm Vĩnh San, tức Phế đế Duy Tân. Lúc đầu vua nhỏ tuổi lên ngôi, trên có ba cung dạy bảo, dưới có các bề tôi phụ bật, ngoài có Đại Pháp bảo hộ giúp đỡ, việc nội trị ngoại giao lúc vừa coi chính sự rõ ràng có thể ghi nhận. Đến khi lớn tuổi ba cung khuất giá, chỉ lo chơi bời, kẻ nịnh hót phụ họa ý vua, người can gián không được nghe lời nói thẳng, trong triều chia rẽ, ngoại giao trục trặc. Khâm sứ đại thần Leveque bàn nói vua bị tâm bệnh nghĩ nên tĩnh dưỡng, tới như việc chính sự thì nên đặt Phủ Phụ chính để nhiếp quốc chính, nghĩ lấy Hiệp biện đại học sĩ sung Cơ mật viện đại thần Trương Như Cương làm Phủ trưởng, Khâm sứ đại thần Bảo hộ kiểm soát chiếu cố, phạm mọi việc đều do Phủ trưởng phủ Phụ chính nghĩ biện, lại gửi thư trình Toàn quyền đại thần kèm với thư của đình thần Nam triều đệ đạt. Đến lúc ấy Toàn quyền đại thần Beau nhận được điện văn của triều đình Pháp (điện văn nói đã duyệt bàn các khoản trong thư của đình thần Nam triều nghĩ xin, về một khoản quốc vương thì triều đình Pháp nghĩ thu lại quyền hành, có lấy hoàng tử thay giữ ngôi vua cũng phải đặt Phủ Phụ chính để giúp đỡ) bèn vào đại nội yết kiến xin sắc thư. Yết kiến xong tới dự hội thương, đưa sắc thư cho đại thần Trương Như Cương tuyên đọc (Sắc nói “Trẫm lấy đức bạc kế thừa đại thống mười chín năm nay, ngoài nhờ Đại Pháp giúp đỡ, trong có bề tôi phụ bật tài giỏi không phù nên có ngày nay. Nay muốn nhường ngôi cho hoàng tử, giao cho Tôn nhân đình thần trình ý ấy với Toàn quyền đại thần xét nghĩ thế nào cho được hợp thể, lập tức tâu lên. Thành Thái ngự bút (1): Các hoàng tử có tất cả mười hai người cho trình với quý Toàn quyền đại thần chọn một người sung vào, đây là chuyện liên quan tới việc lớn xã tắc, trẫm không dám riêng tư”). Lại bàn với Tôn nhân Phủ chính tuân theo sắc thư tra cứu thể chế nghi thức truyền ngôi ở nước Nam trước nay để bàn nghĩ (Lúc ấy đại thần Phủ trưởng nói “Giải quyết việc đối xử xong mới nên bàn tới chiếu nhường ngôi”. Toàn quyền đại thần trả lời nói nên bàn về nghi thức nhường ngôi trước, tới như đối xử với vua thế nào sẽ có lời bàn riêng, lại nói có nên mời mười hai hoàng tử tới đây để tùy ý phủ Phụ chính chọn không. Đại thần Phủ trưởng đáp nói “Biết con không ai bằng cha, xin quý đại thần trở vào đại nội tâu xin vua dẫn các hoàng tử ra cho quý đại thần chọn lựa quyết định, chứ nếu để bề tôi chọn vua thì không hợp với lễ”), Nghị định chuẩn cho thi hành, Bèn ban chiếu nhường ngôi nói “Vua là chủ tể của trời đất thần người, ngôi vị rất trọng. Trẫm lấy đức bạc kế thừa đại thống mười chín năm nay, nhờ có Đại Pháp giúp đỡ cùng bề tôi phụ bật tài giỏi không phù nên có ngày nay. Nhưng lo nghĩ chất chứa thành bệnh, thật khó kham nổi. Việc nhường ngôi thì nước Việt ta thời Trần Lê cũng từng làm qua, đã bàn với quý Toàn quyền đại thần chọn được hoàng tử thứ năm Vĩnh San đáng nhường ngôi cho để thừa kế tôn miếu xã tắc, không phải là dám riêng tư. Trẫm sẽ lui về ở trong biệt điện để tĩnh dưỡng. Tới như những việc cần làm thì giao cho Tôn nhân đình thần bàn bạc trình với quý Toàn quyền đại thần nghĩ biện, bố cáo cho trong ngoài cùng biết. Kính thay!”.

(1) Nguyên bản chép như trên, có lẽ có ý nhấn mạnh đoạn này mới là thủ bút của vua Thành Thái, còn phần trên sắc thư là được người Pháp cho soạn sẵn để ép vua ký tên vào mà thôi.

Quyển 20

1449*.** Duy Tân Phế đế hụy Hoàng tử Vĩnh San (lúc đầu theo đế hệ ban tên là Vĩnh San, đến khi nối ngôi tuân theo thành huấn lấy chữ thứ tám trong kim sách là Hoàng làm tên, mà lấy tên kép được ban làm tên tự), là con thứ năm của Thành Thái Phế đế (mẹ đích họ Nguyễn Gia, mẹ ruột họ Nguyễn Văn, sinh giờ Giáp dần ngày 9 (Mậu Tuất) tháng 7 (Giáp thân) mùa thu năm Canh tý Thành Thái thứ 12). Vua tư chất đĩnh ngộ kỳ lạ, tai to trán rộng, giọng nói vang rền. Lúc đầu được nuôi dạy trong cung, cử chỉ nghiêm trang trĩu trọng, lúc năm sáu tuổi thường

theo hầu Thành Thái đế ở Duyệt Thị đường, ngồi yên im lặng, có hỏi mới đứng lên ứng tiếng vâng dạ, dung mạo cử chỉ khác với người thường, được thương yêu nhất trong các hoàng tử. Đến khi nhận chiếu ở ngôi tất cả 10 năm, vì rời ngôi bị phê, cùng Phế đế Thành Thái đều dời qua ở hải đảo Réunion (1) thuộc địa của Pháp (năm Khải Định thứ 7 vâng lời chuẩn gọi là Phế đế).

(1) Nguyên bản viết là “Lê Uy Ni Ông”.

1450. Ngày Đinh tỵ (ngày 28) tháng 7 mùa thu năm Đinh mùi Thành Thái thứ 19 (1907 Tây lịch), vua lên ngôi hoàng đế ở điện Thái Hòa. Lúc đầu là Toàn quyền đại thần Beau đã được điện văn của triều đình nước Pháp nói vì Thành Thái Phế đế mắc tâm bệnh nên thu lại quyền hành, chọn lập hoàng tử, bèn vào đại nội tâu xin thoái vị. Lúc ấy Khâm sứ đại thần Levecque cùng các đại thần Phủ Tôn nhân, Phủ Phụ chính họp ở sảnh đường Cơ mật viện mới, Toàn quyền đại thần từ đại nội ra đưa thủ sắc của Thành Thái đế bàn chọn các hoàng tử ai có thể nối ngôi. Phủ trưởng Trương Như Cương cho rằng biết con không ai bằng cha, vả lại lấy bề tôi chọn vua thì không thể gọi là được dạy bảo, xin Toàn quyền đại thần trở vào tâu trước mặt xin dẫn các hoàng tử ra để chọn. Vua được chọn giữ ngọc tỷ, bèn đón ra ở điện Đông Các, đình thần dâng biểu khuyến tiến, ngày Bính thìn nhận chiếu lên ngôi. Hôm sau nhận bảo tỳ truyền quốc lên ngôi, lấy hôm ấy làm năm Duy Tân thứ 1 (tham chiếu nhà Trần nhà Lê nhường ngôi thì lập tức cải nguyên ngay trong hôm ấy), ban chiếu bố cáo cho trong ngoài (các điều khoản ban ơn vẫn do các nha hữu quan bản bạc tâu lên thi hành).

1451. Tháng 8. Kính đón Hoàng đích mẫu, Hoàng sinh mẫu về ở điện Dưỡng Tâm. Vua mỗi tuần lễ hai lần (thứ hai và thứ năm) vào nội điện kính cẩn thăm hỏi, trở đi lấy đó làm lệ thường.

1452. Ban dụ chuẩn cho Tôn chính Phủ Tôn nhân Yên Thành công Miên Lịch sung Phụ chính thân thân, Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lại Hiền Lương tử Trương Như Cương, Thượng thư bộ Lễ Lê Trinh, Thượng thư bộ Hộ kiêm quản Đô sát viện Tả Phó Đô Ngự sử Huỳnh Côn, Thượng thư bộ Hình Tôn Thất Hân, Thượng thư bộ Công kiêm sự vụ bộ Binh Nguyễn Hữu Bài đều sung làm Phụ chính đại thần, phạm việc tấu đối có quan hệ đều do Phủ Phụ chính cung duyệt rồi tâu lên. Lúc đầu là triều đình nước Pháp vì Thành Thái đế bị tâm bệnh nên đổi Cơ mật viện làm Phủ Phụ chính, lấy Thượng thư bộ Lại Trương Như Cương làm Phủ trưởng, phạm việc chính trị trong nước đều do Chính phủ thay làm. Đến khi vua lên ngôi mới bàn tâu xin lấy Yên Thành công sung làm Phụ chính thân thân, còn lại đều sung Phụ chính đại thần.

1453. Thân định lệ quan viên văn võ vào trực. Lệ cũ ấn quan văn võ cùng Khoa đạo đều một viên, thuộc viên Lục bộ (Thất phẩm trở lên) đều 1 người, Quân vệ Suất đội đều 1 người, mỗi một ngày đêm luân phiên túc trực ở Tả Hữu vu để dự bị ứng biện các công vụ chương tấu và canh phòng, về sau tạm đình. Đến lúc ấy Chính phủ xin chiếu lệ cũ, ấn quan văn võ cùng Khoa đạo Quân Suất đều một người ngày đêm trực hầu ở Tả Hữu vu, không được lúc nào vắng mặt (ấn quan vào trực sáng sớm đều vào thị hầu, Khoa đạo gặp giờ tiến giảng cũng theo ban vào hầu, Quân Suất đốc suất việc canh phòng và quét dọn), việc thuộc viên Lục bộ vào trực đều đình bãi.

1454. Khâm sứ đại thần bàn xin cử hội đồng các quan vào đại nội kiểm kê biên nhận tiền bạc vật dùng của Hoàng phủ.

1455. Thượng thư bộ Lễ sung đại thần quản lãnh Thị vệ Ngô Đình Khả trí sự. Khâm sứ đại thần Levecque bàn nói chức vụ của Đình Khả không cần thiết, cần phải xử trí. Phủ Phụ chính nghĩ vì Đình Khả chưa đúng lệ về hưu (lệ định làm quan liên tục 30 năm, tuổi đến 60 chiếu lệ hưu trí, cấp tiền hưu bổng. Đình Khả mới 51 tuổi, làm quan liên tục 22 năm), duy từng dự việc quân có công, lại sung chức Thị vệ, cũng là rất khó. Bèn bàn tâu lên, chuẩn cho Đình Khả mang nguyên hàm về quê (Quảng Bình) trí sự, chức lượng cấp tiền bổng để tỏ rõ ý thể tất (về sau Tòa Khâm sứ bàn không cấp tiền hưu bổng nữa).

1456. Đặt lại huyện Hương Hóa phủ Cam Lộ. Lúc đầu là năm Minh Mạng thứ 3 đặt châu Hương Hóa lệ vào đạo Cam Lộ, năm thứ 12 đổi đạo làm phủ vẫn kiêm lý châu Hương Hóa, năm thứ 15 đổi làm huyện Hương Hóa, năm Tự Đức thứ 3 đổi làm huyện Thành Hóa, huyện nha đặt ở xã Thượng Húc tổng Trinh Cáo, về sau dời tới cạnh Mai Lĩnh, giữa chừng triệt bãi. Đến lúc ấy quan tỉnh Quảng Trị cùng Trú sứ tư nói dân Man đều nối nhau tới tha thiết mong mỏi, nên đặt một Thổ huyện nơi các tổng Man để tiện thông nhiếp. Khâm sứ đại thần bàn với Phủ Phụ chính phụng chuẩn sao ra cho thi hành (huyện lỵ đặt ở xã Thượng Húc, kế dời đặt ở xứ Khe Cạn (1), cai trị 9 tổng Trinh Cáo, Lang Hạ, Lang Thuận, Tầm Linh, A Thổ, Ô Giang, Tầm Thanh, La Miệt, Lang Sen ở thượng du, lấy người Man đã quy thuận là Thí sai Tùng Cửu phẩm Đội trưởng Nguyễn Cây (2) bổ thụ Tùng Cửu phẩm đội qua văn giai lãnh Tri huyện, đặt 1 viên Bang tá, dùng người Man làm, mỗi năm thay đổi một lần, 1 Lại mục, 2 Thông lại, 1 Lệ mục, 1 Y sinh, 12 lính lệ, trong đó lính lệ một nửa là người Việt một nửa là người Man, cấp cho ấn đồng kiểm đồng đều 1 quả, nguyệt bổng Tri huyện chiếu theo Tri huyện chưa thực thụ ở trung châu tăng gấp rưỡi chi cấp, Bang tá 15 đồng, nha thuộc trở xuống nguyệt bổng tăng thêm một phần ba, Y sinh mỗi tháng 6 đồng 6 hào, Lệ mục 5 đồng 3 hào, lính lệ người Việt 2 đồng, lính lệ người Man 1 đồng 5 hào).

(1) Trong các địa danh trên đây có một số viết bằng chữ Nôm.

(2) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

1457. Chuẩn định kỳ ra triều (vua đã lên ngôi, ngự ra điện Cần Chánh coi triều để tuân chế độ cũ. Sau đó định lấy hai ngày sóc vọng hàng tháng đều ngự ra điện Văn Minh, đình thần chia ban vào hầu, các bộ nha theo lệ tâu việc, xin sắc ban, các đại thần ngồi hầu chuẩn bị để vua có hỏi thì tùy việc tâu bày trước mặt).

1458. Tháng 9. Đặt lại chức Tuần phủ Bình Thuận. Năm Minh Mạng thứ 13 ban đặt chức Tuần phủ Bình Thuận, Bộ chánh kiêm lãnh Án sát đều một viên. Trong niên hiệu Tự Đức đặt một Tuần phủ, một Bộ chánh hoặc một Án sát. Đến năm Đồng Khánh thứ 2 đổi đặt Tổng đốc Thuận Khánh, nha thự đóng ở tỉnh Khánh Hòa, Bình Thuận chỉ có hai viên Bộ Án (đình bãi chức Tuần phủ) năm Thành Thái thứ 18 bãi chức Tổng đốc hai tỉnh, công vụ chuyên do Bộ Án hội đồng làm việc. Đến lúc ấy Trú sứ Phan Thiết tư nói hai viên Bộ Án Bình Thuận có nhiều việc không hợp nhau, xin đặt Tuần phủ để công việc có người thống nhiếp. Phủ Phụ chính vì tình ấy giáp giới với Nam Kỳ, bèn tâu đặt lại chức Tuần phủ kiêm coi sự vụ ty Bộ chánh để trọng sự quyền (Án sát vẫn như cũ, đình đặt chức Bộ chánh).

1459. Lấy Hiệp biện lãnh Tổng đốc Nam Ngãi Vương Duy Trinh làm Thượng thư bộ Binh sung Phụ chính đại thần (Thượng thư Phạm Xứng thăng Hiệp biện hưu trí).

1460. Bắt đầu đặt bộ Học. Ban dụ nói “Giáo hóa nhân dân, thành toàn phong tục ắt do việc học, việc học có quan hệ rất lớn với chính trị vậy. Nước ta trong thì có Quốc tử giám, ngoài thì ở các địa phương đều đặt học đường, đều thuộc Ty Tân hưng bộ Lễ, theo đó đã lâu. Duy hiện nay phong hội vừa mới mở ra, văn minh ngày càng tiến triển, cách học cách thi đều đã lần lượt cải lương, mà bộ Học chưa từng đặt riêng, thì không phải là hợp với thời nghi mà coi trọng việc đòi hỏi thành hiệu. Tìm hỏi xét thấy các nước Âu Á đều đặt bộ Văn học, dùng đó để chấn hưng văn phong, mở mang trí đạo, nhất đạo đồng phong nghĩa tùy thời là rất lớn vậy. Nay theo lời Phụ chính đại thần tâu nói quý Khâm sứ đại thần Levecque bàn nghị đặt thêm một bộ cạnh Lục bộ, gọi là bộ Học, đặt một Thượng thư, một Tham tri hoặc Thị lang để có người chuyên trách. Tất cả văn thư sự vụ của Ty Tân hưng bộ Lễ đều trích giao cho bộ ấy nhận làm, nay tư cho bộ ấy nghĩ biện. Và lại Quốc tử quán có chức trách trước thuật, Quốc tử giám có trách nhiệm tác thành, trước nay đều có đại thần kiêm sung (Sử quán), kiêm quản (Quốc tử giám) chứ không có quan viên chuyên trách. Nay đã đặt có bộ chuyên trách, việc có liên quan tới sự vụ hai nha đều do Thượng thư bộ ấy kiêm quản, trở đi chiếu theo đó mà làm, trong đó Sử quán lâm thời có cần đặt riêng Tổng tài sẽ phụng nghĩ riêng, đây là cỗ vũ để chấn hưng những việc cần làm gấp hiện nay, rất hợp ý trẫm, chuẩn cho thi hành để hèn ngày tiến hóa. Tới như đường quan bộ ấy sẽ có chỉ riêng, còn sổ thuộc viên ở bộ và nha thự ấn kiểm bài của bộ và những việc cần làm đều do hữu ty bàn bạc ôn hòa lần lượt nghĩ biện. Dụ này cho sao ra cho trong ngoài cùng biết để tuân hành”. Bèn chuẩn lấy Hiệp biện đại học sĩ sung Tổng tài Quốc tử quán kiêm quản Quốc tử giám An Xuân nam Cao Xuân Dục lãnh Thượng thư (đặt Tham tri hoặc Thị lang một viên và thuộc viên trong bộ, ấn kiểm đều chiếu theo lệ các bộ mà làm).

1461. Ngày Canh tý (ngày 12), Chính phủ Bảo hộ đưa Thành Thái Phế đế ngự vào Sài Gòn (1), xin bàn định cách xưng hô. Phủ Phụ chính tâu nói bản triều không có lệ ấy, duy vua các triều trước nhường ngôi đều được tôn là Thái thượng hoàng, đích mẫu là Hoàng thái hậu, sinh mẫu là Hoàng thái phi. Nay hoàng thượng lên ngôi, cứ nói là lúc đầu chưa kịp bàn bạc về lễ. Sài Gòn là nhượng địa do nước Pháp quản hạt, việc xưng hô tùy theo tục nước Pháp. Tới như ở Trung Bắc hai kỳ phạm nếu phải viết tới và xưng hô đều tuân theo chiếu tấn tôn gọi là Hoàng phụ, Hoàng đích mẫu, Hoàng sinh mẫu, chờ về sau sẽ bàn nghĩ thi hành.

(1) Nguyên bản viết là “Tây Cống”, là ghi âm từ “Sài Gòn” đọc theo âm Hoa Hán giọng Triều Châu “Xì Coóng”.

1462. Chuẩn cho thôn Định Bình phủ Hoài Nhơn tỉnh Bình Định chia làm hai thôn Định Bình, Định Trị (thôn ấy gồm hai làng Đông Tây, ở giữa ngăn cách bởi một hòn núi, địa thế cheo leo xa cách, tự nguyện chia tách, bèn chuẩn cho làng Tây vẫn giữ tên thôn Định Bình, nhân đinh 106 người, ruộng đất hơn 343 mẫu, làng Đông làm thôn Định Trị, nhân đinh 89 người, ruộng đất hơn 101 mẫu).

1463. Đúc tiền đồng Duy Tân 1 đồng ăn 10 đồng.

1464. Dân xã Mân Quan tỉnh Quảng Nam khai khẩn ruộng hoang ở xã Nhơn Thọ được hơn 50 mẫu, đình số hơn 20 người, xin lập riêng làm xã Lạc Liêm, cho như lời xin.

1465. Hiệp biện đại học sĩ Vinh Quang (1) tử hưu trí Đào Tấn chết, chuẩn ban tế và tặng tuất như lệ (Tấn người Bình Định, thi đỗ Cử nhân, giỏi từ khúc, sở trường về văn chương khôi hài, từng soạn các vở tuồng *Vạn bảo trình tường* cùng *Trầm hương các*, *Diễn vũ đình*, phần nhiều khiến người ta ưa thích).

(1) Nguyên bản chép là “Vinh Thạnh”, là “Vinh Quang” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

1466. Tri phủ Thiệu Hóa Trần Đức Phương phạm tội bị khổ sai. Lúc đầu là nguyên Tổng đốc Thanh Hóa Vương Duy Trinh trích tư các khoản tình tệ của Tri phủ Thiệu Hóa Trần Đức Phương (bắt giam Đội trưởng đến chết cùng dân trong hạt làm đơn tố cáo các việc bức hiếp), Phủ Phụ chính tâu lên. Chuẩn cho Tổng đốc An Tĩnh Trần Đình Phác sung làm Khâm sai đại thần tới tra xét kết tội. Đến khi án thành, Phương bị tội đánh trượng khổ sai hết mức (do phủ Thừa Thiên bắt giam, tịch biên tài sản, trích lấy hai phần ba đưa vào ngân sách chi vào việc xây dựng ở tỉnh Thanh Hóa).

1467. Mùa đông, tháng 10. Sai Thượng thư bộ Lễ Lê Trinh cùng Khâm sứ đại thần Levecque tới khám nơi phát phối ở Lao Bảo, bàn nghĩ sửa sang nhà giam và chỉnh lý đường vận chuyển (vì nơi phát phối chưa được chặt chẽ, tù phạm ở bảo dễ dàng bỏ trốn).

1468. Khâm sứ đại thần Levecque bàn nói Tuyên Hóa công lanh lợi khôn khéo nhiều mưu kế, lưu lại ở kinh sợ có sinh sự, đã trình Toàn quyền đại thần cho phép Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận nơi nào ở được thì cho công tự chọn tới ở. Tuyên Hóa công xin tới Nha Trang, bèn do Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn cho suất lãnh gia quyến trong phủ 10 người dời tới dinh An sát Khánh Hòa (lúc ấy dinh đặt chức Tổng đốc, Bố chánh qua ở dinh Tổng đốc, An sát qua ở dinh Bố chánh, còn dinh An sát bỏ trống) trú ngụ (gặp ngày khánh tiết thì tới hành cung ở tỉnh ấy theo ban vọng bái).

1469. Đặt thêm chức Quảng*** giáo ở Quốc tử giám (lúc ấy bộ Học vì đã đổi định phép thi, khoa Kỳ dậu dùng thêm chữ quốc ngữ, khoa Nhâm tý dùng thêm chữ Pháp, bèn tư cho Phủ Phụ chính tâu xin chuẩn đặt thêm chức Quảng giáo chuyên dạy chữ quốc ngữ và chữ Pháp để kịp khoa thi).

1470. Khâm sứ đại thần Levecque bàn nói thái giám và nữ quan trong đại nội nên chước lượng giữ lại đủ dùng, còn thừa đều cho về. Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn ngoài những người phân phái thị hầu, phụng trực và nhân viên canh phòng quét dọn các sở, giảm hồi nữ quan và cung nghi nô tỳ tất cả 18 người.

1471. Sai Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Học Cao Xuân Dục, Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hộ Huỳnh Côn sung làm hội viên Hội đồng chỉnh lý văn học An Nam (1), vào Sài Gòn hội nghị.

(1) Tức Hội đồng Hoàn thiện giáo dục bản xứ (Conseil de Perfectionnement de l'Enseignement Indigène), có khi được dịch là Hội đồng cải lương Học chính bản xứ.

1472. Tháng 11. Ban dụ sai nhân dân dự phòng bệnh truyền nhiễm. Khâm sứ đại thần Levecque nghĩ định điều khoản phòng bệnh cùng lời dụ bản với phủ Phụ chính dâng lên, chuẩn cho thi hành. Lời dụ nói “Các chứng dịch lệ phần nhiều có nguyên nhân mà dễ truyền nhiễm. Chờ đến lúc có bệnh uống thuốc chẳng bằng đề phòng trước khi có bệnh, đó mới thật là điều quan yếu trong phép vệ sinh. Nay theo lời bệ tôi phủ Phụ chính tâu nói nhận được lời tư của Khâm sứ đại thần nói hiện tại người Nam đều muốn được lương y của quan để điều trị giúp đỡ người bệnh, mà các tỉnh trong nước ta chưa kịp xây dựng, chỉ có Nha Y học ở Hà Nội phái y sinh người Nam theo với quan Tổng lý thầy thuốc người Pháp chữa bệnh, nay Trung Kỳ cũng nên lập ra thể lệ để cứu giúp nhân dân và chỉ bảo những điều nhân dân nên làm trong việc ăn ở, các điều khoản kê ra thấy đã chu tất ôn hòa, chuẩn sao ra cho các nơi thi hành để chờ có lợi ích (Khoản 1 về việc trình báo. Phàm trong xã thôn nghi có người bệnh ngờ là bệnh dịch phải trình với Trú sứ hoặc quan Sở Đại lý cùng khai trình trị bệnh chỗ nào, tên họ thầy thuốc. Khoản 2 về phép trồng đậu. Trẻ em từ 7 tới 11 tuổi trồng đậu một lần, từ 12 đến 21 tuổi nên trồng lần nữa. Chỉ có thầy thuốc Tây y Nam y và bà đỡ có bằng cấp mới được trồng đậu. Khoản 3 về việc cách ly người bệnh. Phàm bị bệnh thương hàn, sang ngược, thiên hoa, chần đậu, xích điển phong, yết hầu ung hạch dịch, ngược dịch, tả lý, thiên thời, phụ nữ huyết xấu, trẻ em cam nhạn và các chứng ban phong nên cho ở riêng một nơi, dùng để người bệnh và người chăm sóc lây nhiễm cho người khác. Khoản 4 về việc tẩy uế. Phàm nước bọt nước dịch của người bệnh nên dùng nước vôi rửa ráy chôn sâu, không được vớt ra các nơi đường đi sân vườn, áo quần vật dùng phải dùng thuốc giặt rửa nhưng không được giặt giữ rửa ráy trên sông suối. Nhà người bệnh ở nếu đã chuyển đi, hoặc khỏi bệnh hoặc bệnh chết cũng phải lập tức tẩy uế, nếu là nhà tranh mà quan thầy thuốc quyết định phá dỡ thì phải tuân hành. Người bệnh đã khỏi phải dùng nước xà phòng (1) tắm rửa giặt giữ quần áo mới được ra ngoài. Khoản 5 về phép khám tử thi. Tại thị xã hoặc nơi khác phàm có người chết mà ngờ là bệnh dịch phải có thầy thuốc người Tây người Nam của quan tới khám. Khoản 6 về cách chôn cất. Người bình thường sau khi chết 24 giờ phải chôn ngay, có khi có thầy thuốc theo bệnh chỉ thị. Phải chôn ở nơi không đáng lo ngại, huyết phải sâu 1 thước 5 tấc Tây. Nếu chết vì bệnh truyền nhiễm phải đặt ngay vào quan tài trét kín, lại đổ mật cưa (2) thật dày để tẩm liệm, huyết sâu 2 thước Tây, rưới nước vôi sũng lên. Chỗ chôn cất phải xa nhà ở, sông ngòi suối giếng và nơi lấy nước. Khoản 7 về việc đề phòng đường nước. Phàm phân rác và súc vật chết không được vớt xuống sông giếng ao hồ và những nơi gần khu dân cư. Khoản 8: các chợ búa và khu vực quanh chợ phải thường kiểm xét rửa ráy, không được lưu giữ những vật hư hỏng có mùi”.

(1) Nguyên bản viết là “xa phòng”, tức phiên âm Việt Hán từ Pháp “savon”.

(2) Nguyên bản chép là “mộc cứ mật”.

1473. Thân định lệ làm công ích đồng niên của xã dân (năm Thành Thái thứ 15 Nghị định trảng đình trong 13 phủ tỉnh đạo mỗi người đồng niên làm công sưu 10 ngày, trong đó 4 ngày giữ lại để làm việc trong làng, 6 ngày điều bát đi làm công ích trong hạt. Năm thứ 16 lại bản định trong 6 ngày công ích cho tình nguyện nạp tiền 2 ngày, mỗi ngày 2 hào. Đến lúc ấy Khâm sứ lại bàn nghĩ định lệ nạp thay, bèn do Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn trong 10 ngày công sưu trừ 2 ngày làm việc trong làng, còn 8 ngày đều làm việc công ích trong hạt, trong đó 2 ngày đều nạp thay, còn 6 ngày hoặc nạp thay hoặc ứng dịch thì tùy ý dân, vẫn do Khâm sứ đại thần xét chiều mỗi tỉnh nên nghị chuẩn để người giàu ra tiền, người nghèo ra sức, dân không nhọc mệt mà quan không hỏng việc).

1474. Sai Phụ chính đại thần Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lại Trương Như Cương sung hội viên Hội đồng Thượng Nghị viện Đông Dương, tới Phnom Penh (1) hội nghị.

(1) Nguyên bản viết là “Nam Vinh”.

1475. Thay đổi sáp nhập các thôn ở huyện Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh (bốn thôn Đông Trường, Tứ Mỹ, Phố Châu, Trị An xã Lạc Phố hạt ấy số ruộng đất ít hơn số ghi trong địa bạ, xin khám đo lại, giảm xuống rất nhiều. Trú sứ bàn nghị theo sổ có thật trừ giảm hoặc đổi hạng thêm tiền cho hợp với số nguyên trung, bốn thôn vì thế xin làm địa bạ riêng. Quan tỉnh tư xin ba thôn đều đổi hạng để sung đủ số nguyên trung, duy thôn Trị An ruộng đất chỉ có một khoảnh, không đủ số nguyên trung, bèn đem thôn Hòa Lãnh 77 đinh, 50 mẫu ruộng hợp vào làm thôn Trị An, cấp cho bài chỉ sổ sách mà bỏ tên xã Lạc Phố và thôn Hòa Lãnh).

1476. Chức lượng định ngạch dịch trạm ở Quảng Trị (đường quan lộ có 4 trạm, dịch trạm Trị Lập Dịch mục 1 người (trở xuống cũng thế), phu trạm 40 người, trạm Trị Cao phu trạm 13 người, trạm Trị Nghĩa phu trạm 15 người, trạm Trị Xá phu trạm 15 người. Ở thượng du có 7 trạm, Dịch mục đều 1 người, phu trạm đều 5 người, trong đó 3 người do quý quan trả lương, 2 người do tỉnh chi bổng).

1477. Tham tri bộ Hộ Trần Đạo Tiềm chết, chuẩn truy thụ Thượng thư (Tiềm người Thừa Thiên, thi đỗ Đồng Tiến sĩ, văn chương đức hạnh đều đáng bậc nho sư, môn hạ nhiều người hiền đạt).

1478. Tháng 12. Ngày Canh ngọ (ngày 12). Phụng đón Hoàng đích mẫu, Hoàng sinh mẫu về cung Ninh Thọ (lúc đầu là cung Ninh Thọ kính thờ thần chủ của Từ minh Huệ hoàng hậu, hai tôn cung vẫn ở điện Dưỡng Tâm trong cung. Tháng 11 làm lễ tiêu tường xong, bèn đưa thần chủ vào phụng tự ở gian bên phải điện Long Ân mà đón hai cung về cung Ninh Thọ).

1479. Mở hội chợ phiên lớn ở thị xã Vinh tỉnh Nghệ An (hội chợ 3 ngày). Nhân dân và thương nhân các tỉnh từ Hà Tĩnh trở ra Bắc cho tới Bắc Kỳ nhiều người đem hàng tới bán, sĩ nữ du lãm thường ngoạn mua bán, quả thật là một hội chợ lớn. Kế do hội đồng kiểm soát mặt hàng nào bán được nhiều và đặc biệt tốt đều cấp tiền thưởng và bằng khen. Tổng đốc Nghệ An Trần Đình Phác, Bộ chánh Đoàn Đình Duyệt đều đội ơn được ban chỉ khen thưởng.

1480. Xây dựng Tân Thư viện trong cửa Đông Nam kinh thành (Khâm sứ đại thần Levecque bàn nói điện Long An to lớn rộng rãi, điêu khắc tinh xảo, nhưng sau khi có việc bỏ không bị hư hỏng, nên tháo dỡ lấy gỗ ván làm thư viện, còn điện Hiếu Ân nên tháo dỡ, gỗ ván đưa về kho kinh để chờ lúc sử dụng, tường gạch giao cho Sở Canh nông lấy dùng, theo như lời bàn).

1481. Truy tặng công thần triều trước Nguyễn Trường Huống là Khai quốc công thần Tráng Vũ tướng quân Đô thống phủ Chương phủ sự, thụy Trung Trinh, đưa vào thờ trong đền Trung Nghĩa. Mạc Cảnh Huống là em Khiêm vương Mạc Kính Điển, Hiếu Văn hoàng hậu là cháu gái. Lúc đầu Thái tổ vào nam trấn thủ Thuận Hóa, Cảnh Huống đem gia quyến đi theo, trải làm quan tới chức Thống binh, dự bàn việc nơi màn trướng, cùng Nguyễn Ứ Dĩ, Tống Phước Hiệp đều là bậc công thần phụ tá thời quốc sơ. Con là Tử Vinh, cưới công chúa (Ngọc Liên) đời Hy tông, được ban quốc tính, đổi thành họ Nguyễn Trường, làm quan tới chức Phó tướng, Lưu thủ Phú Yên, năm thứ 16 đánh dẹp nghịch Phong có công được ban ân son. Ứ Dĩ, Phước Hiệp qua các triều đều đội ơn được phong tặng (Tống Phước Hiệp năm Gia Long thứ 4 nhờ sự trạng Khai quốc công thần hạng hai, âm thụ cho cháu làm Thứ Đội trưởng được thế tập, cấp cho ruộng thờ và phu giữ mộ. Nguyễn Ứ Dĩ vào năm Thiệu Trị thứ 5 được gia tặng Khai quốc công thần đặc tiến Tráng Vũ tướng quân Đô thống phủ Chương phủ sự Thái bảo, thụy Trung Trinh, vẫn phong Uy quốc công, từng từ ở án thứ nhất Hữu vu trong Thái miếu) mà Cảnh Huống vẫn khuyết. Đến lúc ấy người trong họ viện lệ thỉnh cầu, Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn cho truy tặng để báo đáp công lao.

1482. Chuẩn đôn giảm số ngạch các sắc quan binh trong đại nội cùng trong kinh ngoài tỉnh (Một: Thị vệ các hạng trong đại nội vốn có 14 người, lưu lại 1 người Nhất đẳng, 1 Hiệp lãnh, Nhị đẳng Tam đẳng Tứ đẳng đều 2 người, tất cả 10 người. Thân binh 2 vệ vốn có 600 người, lưu lại 400 người đôn làm 1 vệ 5 đội Thân binh, mỗi đội 80 người, mỗi ban lãnh lương làm việc 200 người, Chánh phó Đội trưởng đều 1 người, 5 đội cộng 10 người, 1 Vệ úy, 1 Phó Vệ úy, lấy đại viên võ ban chương quản kiêm quản Thị vệ Thái giám và Ty Cận tìn. Lại vì lâm thời xa giá ngự ra ngoài cần 3 viên Vệ úy (1 người phù liễn, 2 người mang bảo kiếm), số người lãnh quân Thị vệ phải nhiều hơn, bèn đặt thêm 1 Phó Vệ úy để sung thị hầu. Một: Nhất vệ kinh binh vốn có 300 người, lưu lại 250 người, chia làm 1 vệ 5 đội Thủ hộ, mỗi đội 50 người, Chánh Phó Đội trưởng vẫn như cũ, do Thủ hộ Chánh Phó sứ cai quản đốc suất. Một: Nhị Tam Tứ Ngũ Lục vệ kinh binh vốn đều có 300 người, lưu lại 200 người, cộng 1.000 người, chia làm 5 vệ Trung Nhất, Tiên Nhị, Tả Tam, Hữu Tứ, Hậu Ngũ cộng 5 vệ, mỗi vệ 5 đội, mỗi đội 40 người chia làm hai ban lãnh lương làm việc, Chánh Phó Quản vẫn như cũ. Các đội thuộc vệ Thủ hộ và hai vệ Nhất Nhị đều đặt 1 Chánh Đội trưởng, thuộc các vệ Tam Tứ Ngũ đều đặt 1 Phó Đội trưởng. Một: cơ binh ở Thanh Hóa Nghệ An vốn đều có 360 người, đều lưu lại 300 người, đôn làm 5 đội, mỗi đội 60 người, chia làm hai ban, mỗi ban 150 người Chánh Phó Quản vẫn như cũ, hai đội Nhất Nhị đặt Chánh Đội trưởng, các đội Tam Tứ Ngũ đặt Phó Đội đều 1 người. Lại đổi đặt Đề đốc Thanh Hóa làm Lãnh binh. Một: cơ binh Hà Tĩnh vốn có 360 người, lưu lại 300 người, đôn làm 4 đội chia làm hai ban lãnh lương làm việc, mỗi ban 150 người, Chánh Phó Quản vẫn như cũ, hai đội Nhất Nhị đặt Chánh Đội trưởng, hai đội Tam Tứ đặt Phó Đội trưởng đều 1 người. Một: cơ binh ở Quảng Bình, Quảng

Trị vốn đều có 230 người, đều lưu lại 200 người, dồn làm 3 đội, chia làm hai ban, mỗi ban 100 người, Chánh Phó Quân vẫn như cũ, đội Nhất đặt Chánh Đội trưởng, hai đội Nhị Tam đặt Phó Đội trưởng đều 1 người. Một: cơ binh ở Thừa Thiên vốn có 280 người, lưu lại 250 người, dồn làm 4 đội, chia làm hai ban, mỗi ban 125 người, Chánh Phó Quân vẫn như cũ, hai đội Nhất Nhị đặt Chánh Đội trưởng, hai đội Tam Tứ đặt Phó Đội trưởng đều 1 người. Một: cơ binh ở Quảng Nam vốn có 320 người, lưu lại 300 người, dồn làm 4 đội, chia làm hai ban, mỗi ban 150 người, Chánh Phó Quân vẫn như cũ, hai đội Nhất Nhị đặt Chánh Đội trưởng, hai đội Tam Tứ đặt Phó Đội trưởng đều 1 người. Một: cơ binh ở Quảng Ngãi vốn có 210 người, lưu lại 140 người, dồn làm 2 đội, chia làm hai ban, mỗi ban 70 người, Chánh Quân 1 người, đội Nhất đặt Chánh Đội trưởng, đội Nhị đặt Phó Đội trưởng đều 1 người. Ba cơ Đức Phổ, Nghĩa Hành, Sơn Tịnh dồn làm 2 đội quân Sơn phòng, chia làm hai ban, mỗi ban 46 người, Phó Quân 1 người, mỗi đội đặt Chánh Đội trưởng 1 người. Một: cơ binh ở Bình Định vốn có 340 người, lưu lại 300 người, dồn làm 4 đội, chia làm hai ban, mỗi ban 150 người, Chánh Phó Quân vẫn như cũ, hai đội Nhất Nhị đặt Chánh Đội trưởng, hai đội Tam Tứ đặt Phó Đội trưởng đều 1 người. Lại cơ Hoài Ân lưu lại giản binh 54 người dồn làm 1 đội quân Sơn phòng, chia làm hai ban, mỗi ban 27 người, Chánh Phó Đội trưởng đều 1 người. Một: cơ binh ở Phú Yên Khánh Hòa vốn đều có 140 người, đều lưu lại 100 người, dồn làm 2 đội, chia làm hai ban, mỗi ban 50 người, Chánh Quân 1 người, đội Nhất đặt Chánh Đội trưởng, đội Nhị đặt Phó Đội trưởng đều 1 người. Một: quân ở đạo Ninh Thuận vốn có 1 đội 30 người thường xuyên lãnh lương làm việc, nay lưu lại 20 người, Chánh Đội trưởng vẫn như cũ. Một: cơ binh ở Bình Thuận vốn có 62 người thường xuyên lãnh lương làm việc, nay lưu lại 50 người, dồn làm 2 đội, Chánh Quân 1 người, đội Nhất đặt Chánh Đội trưởng, đội Nhị đặt Phó Đội trưởng đều 1 người. Một: huyện ở kinh và phủ huyện các tỉnh mỗi nha chức lượng lưu lại lính lệ 10 người, Thổ huyện châu mỗi nha lưu lại lính lệ 5 người. Một: lương bổng binh đinh gần đây thường đến giữa tháng Tây lịch kết nhận giao lãnh, nay định lấy đầu tháng Tây lịch nhất loạt chi cấp. Trở lên từ Thị vệ tới Quân Suất trong kinh ngoài tỉnh chức lượng lưu lại tất cả 132 người, còn thừa 115 người thì ở kinh do bộ Binh, ở tỉnh do phủ tỉnh hợp xét ở tỉnh đường, ai khỏe mạnh kham nổi và lớn tuổi nhưng vẫn còn khỏe mạnh, cần cù công vụ vẫn lưu lại làm công vụ, ai tới niên hạn thăng một trật về hưu, ai bệnh tật điếc lác và nghiện thuốc phiện đều cho về quê, vẫn chiếu chức hàm mức lương hiện tại cấp bổng một năm hay nửa năm để được đội ơn. Còn số còn lại vẫn lưu làm Tùy hái chi bổng nhưng không suất lãnh quân binh, ai làm việc sai phách đắc lực gặp có chức khuyết thì án bổ, ai bất lực và có hành động xấu xa thì bãi chức, đến số ấy thì thôi, không được lại viện lệ thừa phách mà điền bổ. Số quân binh giảm hồi tổng cộng 1.476 người, đều cho chiếu lệ cấp ruộng hết ba năm. Một: Lệ mục ở phủ huyện theo nguyên lệ (1) bổ người bản địa làm Thí sai Chánh Cửu phẩm ở phủ, Thí sai Tùng Cửu phẩm ở huyện, tròn ba năm thực thụ hàm chính là thôi. Từ niên hiệu Đồng Khánh trở về sau châm chức bỏ Đội trưởng Bá hộ Bát Cửu phẩm và Suất đội Ngũ Lục Thất phẩm thừa ra, có khi có Lệ mục (Suất đội Ngũ Lục phẩm) phẩm hàm tương đương với phủ huyện mà sai sử đi lại, rất không có thể thống, trở đi do phủ huyện xét thuộc lại ai đứng tuổi có tài cán công lao thì bổ làm Thí sai, đủ niên hạn thì bỏ hàm chính thức (ở phủ là Chánh Cửu phẩm, ở huyện là Tùng Cửu phẩm), còn việc châm chức bỏ làm Suất đội và Chánh Đội trưởng tỉnh binh đều đình. Một: năm Thành Thái thứ 4 phụng chuẩn Viên tử tình nguyện vào quân ngũ tỉnh lớn không quá 12 người, tỉnh vừa không quá 10 người, tỉnh nhỏ không quá 8 người, nay nghĩ hạng người ấy phần nhiều không có việc gì mà làm, ai tình nguyện theo tỉnh sai phách phải đủ mỗi tỉnh 20 hoặc 30 người điền vào binh ngạch, trích giảm giản binh cho về chịu sưu. Một: các nha trong kinh ngoài tỉnh bất kể số quân là bao nhiêu, cũng chỉ đặt 2 Đội trưởng (trong đó 1 người có phẩm hàm, 1 người được cấp bằng), 4 Ngũ trưởng để xướng suất).

(1) Nguyên bản chép là “lệ” (lệ thuộc), có chỗ tối nghĩa, ngờ là “lệ” (luật lệ) bị chép lầm, đây đính lại như trên.

1483. Bộ Hộ tâu nói quan tỉnh Khánh Hòa Phạm Ngọc Quát khám việc Lê Bá Cử làm đơn nói khai khẩn xứ Đồng Trăng (1) trong hạt hiện đã thành ruộng đất 400 mẫu, xin sáp nhập vào xã Khánh Xuân bên cạnh, lập sổ chịu thuế, Bá Cử khai khẩn có công sẽ nghĩ thưởng riêng, theo như lời tâu.

(1) Nguyên bản viết là “Đồng Trăn”.

Quyển 21

1484. Năm Mậu thân Duy Tân thứ 2 (1908 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Gia phong Tôn chính Phủ Tôn nhân Yên Thành công Miên Lịch là Yên Thành quận vương, Hiệp biện đại học sĩ quản lãnh bộ Lại Hiền Lương tử Trương Như Cương thăng Vũ Hiền điện đại học sĩ, Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Học An Xuân nam Cao Xuân Dục gia hàm Thái tử Thiếu bảo, Thượng thư bộ Lễ Lê Trinh, Thượng thư bộ Hình Tôn Thất Hân thăng Hiệp biện đại học sĩ, Thượng thư bộ Hộ Huỳnh Côn, Thượng thư bộ Công Nguyễn Hữu Bài thăng Thượng thư Hiệp biện đại học sĩ.

1485. Ban điều khoản ân chiếu tấn tôn, ban cho các thân thần đại thần Phụ chính kim bài đều một tấm (lúc trước ban ân chiếu chưa có điều khoản, đến lúc ấy ban định thi ân, tất cả 19 điều).

1486. Tu bổ các cung điện trong đại nội (điện Quang Minh vâng làm nơi vua ở, các điện như Càn Thành do bộ Công kiểm khám tu sửa, phòng tiếp khách ở Tả Hữu vu do quý Tòa phái người tới khám tu bổ, còn lầu Nhật Thành cùng các điện Khôn Thái, Cao Minh do bộ Công tháo dỡ san bằng sạch sẽ thoáng dăng để ngày khác dựng một ngôi lầu kiểu Tây làm nơi vua ở).

1487. Sai Phụ chính đại thần Cao Xuân Dục ra Hà Nội xét nghĩ quy thức tân học, Phụ chính đại thần Nguyễn Hữu Bài tới khám các hạt Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh cùng khám đường Đèo Ngang (1), đều đắp tàu máy lên đường với Khâm sứ đại thần Levecque.

(1) Nguyên bản chép là “Hoành Sơn đạo lộ”.

1488. Ban tặng Toàn quyền đại thần Beau làm Phụ quốc vương, Khâm sứ đại thần Levecque làm Phụ quốc công, tặng cho kim bài đều một tấm, vì có công tôn lập nên theo việc cũ vậy (năm Thành Thái thứ 1 ban tặng Tổng thống Đông Dương Toàn quyền đại thần Richaud, Lương kỳ Toàn quyền đại thần Rheinart đều làm quận vương cùng tặng kim bài).

1489. Toàn quyền đại thần Beau nghỉ hưu về nước, Thống soái Nam Kỳ Bonhoure (1) quyền coi việc Phủ Toàn quyền, sai Phủ Phụ chính làm sắc thư thăm hỏi an ủi. Kế Quyền Toàn quyền tới kinh yết kiến, sai chế kim bài tặng cho.

(1) Nguyên bản viết là “Bô Hu”, tức Louis Alphonse Bonhoure. Nhân vật này giữ chức Thống đốc Nam Kỳ từ 1907 đến 1909, giữ chức Quyền Toàn quyền Đông Dương từ 28. 2. 1908 đến 23. 9. 1908

1490. Xóa bỏ tên hai thôn Hương Lâm, Hùng Thượng mới lập ở tỉnh Hà Tĩnh (trước là nhân dân hai xã Thủy Mai, Tĩnh Di thuộc huyện Hương Sơn ứng mộ khai khẩn ruộng đất bỏ hoang ở hai xã ấy lập riêng thành thôn Hương Lâm thuộc xã Thủy Mai, thôn Hùng Thượng thuộc xã Tĩnh Di. Đến lúc ấy vì đình điền quá ít, tự xin đều đem đình điền nhập vào bản xã chịu trung nạp, tiêu hủy triện gỗ được cấp, xóa bỏ tên thôn, cho như lời xin).

1491. Quý Giám quốc Đại Pháp (1)*** ủy nhiệm Thượng thư bộ Thuộc địa gửi thư đáp tạ sắc thư ngày Nguyên đán (Tết Nguyên đán Pháp sai Phủ Phụ chính vâng làm sắc thư chúc mừng, đến lúc ấy đáp tạ).

(1) Túc Armand Fallières. Nhân vật này giữ chức Tổng thống Pháp từ 18. 2. 1906 đến 18. 2. 1913

1492. Đặt thêm chức Huấn đạo ở huyện Tuy Phong và Thổ huyện Hòa Đa (đều thuộc tỉnh Bình Thuận). Huấn đạo ở Thổ huyện kém Huấn đạo ở trung châu hai trật, hàm Chánh Cửu phẩm).

1493. Thân định lệ phái viên tuần phòng trong hoàng thành và trong ngoài kinh thành (Một khoản: trong hoàng thành do Thự Tả quân Nguyễn Tất Trung phân phái đốc sức quan binh đêm ngày canh phòng cùng kiêm quản tuần binh canh giữ các cửa Ngọ Môn, Hiên Nhân, Chương Đức, Hòa Bình. Một khoản: bên ngoài hoàng thành, bên trong kinh thành do Chánh phó Quán Suất các vệ từ Trung Nhất tới Hậu Ngũ kinh binh luân phiên đi tuần, mỗi vệ tuần phòng hai ngày hai đêm ở các cửa thành cùng các đường bao quanh hoàng thành và đường phố ở kinh thành nhưng do Thống chương đốc sức. Điện Càn Chánh và Tả Hữu vu do Thống chương Ngũ vệ luân phiên trực hầu kiểm điểm quan binh, mỗi người một ngày một đêm. Một khoản: các nơi phủ bộ viện nha do Đề đốc Hộ thành phái quan binh canh phòng luân lưu ở các bộ đường, theo canh nhận thẻ như lệ trước nay. Một khoản: Nha Hộ thành tuân chiếu lệ trước nay, tuần phòng trong năm không xảy ra hỏa hoạn trộm cắp thì theo quý tư trình lên bộ Binh nghĩ biện. Một khoản: Quán Suất vắng mặt chậm trễ do Đề đốc Thống chương tư cho bộ Binh nghiêm trị, nếu Đề đốc Thống chương che giấu thì bộ Binh được trình lên Phủ Phụ chính nghĩ biện. Một khoản: Ngũ vệ kinh binh trừ số đã phân phái còn bao nhiêu giao cho Nha Hộ thành kiểm nhận, ban ngày sai phái công vụ, ban đêm phân phái canh phòng, vệ ấy không có Quán Suất thì trích Chánh phó Quán còn thừa hay trong năm vệ theo lệnh Đề đốc tuần phòng. Một khoản: các cửa bốn phía kinh thành do bộ Binh chức lượng phái quân binh canh giữ kiểm soát, mỗi tháng thay phiên một lần để có chuyên trách nhưng do Thống chương tuần sát kiểm tra, nếu vắng mặt bỏ phế thì trích ra tham hặc nghiêm trị).

1494. Tháng 2. Sai Phụ chính đại thần Trương Như Cương, Lê Trinh tới Quảng Nam khám xét tình hình (lúc bấy giờ dân hạt Quảng Nam tụ họp xin sưu, tình hình không yên nên có mệnh ấy).

1495. Đầu xuân ban ơn, chuẩn cho án quan trong kinh ngoài tỉnh được thăng cấp cao thấp khác nhau (văn từ Tham tri bộ Công Tôn Thất Hoài Điển được thăng Thự Thượng thư trở xuống 26 người, vũ từ Phó Đề đốc lãnh Lãn binh tỉnh Hà Tĩnh Nguyễn Khắc Trọng được thăng Đề đốc trở xuống 2 người).

1496. Chuẩn tạm đặt chức Thương biện Quảng Nam, lấy nguyên Tri phủ phủ Tuy An Hậu bổ là Nguyễn Trọng Hàm (tên cũ là Khải) sung vào. Lúc bấy giờ dân Quảng Nam xin sưu náo loạn, phủ huyện cơ hồ không thể chế ngự, Tổng đốc Nam Ngãi Hồ Đắc Trung xin tạm đặt chức Thương biện để giúp đỡ hiểu dụ trấn áp, nên có lời chuẩn ấy.

1497. Chuẩn cho xã Vọng Phú huyện Yên Định tỉnh Thanh Hóa hợp vào xã Ngọc Đa (hai xã ít đình, địa thế nối liền, tự xin hợp làm một, bỏ tên xã Vọng Phú), ba xóm Quan Kỳ Cẩm (dân người Thổ) xã Ngọc Bồi thuộc

phủ Thọ Xuân lập riêng thành xã Cẩm Quan (vì địa thế núi rừng xa cách, phong tục người Việt người Thổ bất đồng, nên ba xóm ấy xin lập thành xã riêng), tổng Tam Lư vốn thuộc châu Quan Hóa đổi sáp nhập vào châu Lang Chánh, hai xã Sơn Lô Đình Lô tổng An Thọ lại sáp nhập vào châu Quan Hóa (vì núi khe cách trở, đi lại khó khăn, xã dân xin khôi phục lại, quan Sở Đại lý và Trú sứ sở tại xem xét xin cho).

1498. Sai làm sắc thư thăm hỏi Quyền Toàn quyền đại thần.

1499. Tấn phong Thái trưởng công chúa triều trước Dĩ Ngu là Ngọc Lâm công chúa (tháng 6 năm ấy lại chuẩn trích cấp 750 đồng để tu bổ phủ đệ).

1500. Chấn cấp cho xã Duy Tinh (thuộc huyện Hậu Lộc), thôn Mật Sơn (thuộc huyện Đông Sơn) tỉnh Thanh Hóa và xã Vân Chàng (thuộc huyện Can Lộc) tỉnh Hà Tĩnh bị hòa hoạn (cấp cho mỗi hộ 1 đồng).

1501. Hiệp biện đại học sĩ trí sự Phạm Xứng chết. Xứng (Cử nhân, người Trung Bính Quảng Bình), là cựu thần triều Tự Đức, làm quan trải khắp trong ngoài, sau sung Khu phủ, huân lao vốn rõ, đã xin cáo lão, chưa bao lâu thì bệnh chết, chuẩn ban tế cấp tuất như lệ.

1502. Tháng 3. Tiết Thanh minh. Ngự giá tới các tôn lăng tôn điện chiêm yết.

1503. Chuẩn cho Tham tri bộ Lại Nguyễn Xuân Triêm đổi lãnh Tuần phủ tỉnh Quảng Ngãi, Thủ hộ Phó sứ Hồng Trí thăng lãnh Án sát tỉnh ấy (thay nguyên Tuần phủ Lê Từ, nguyên Án sát Lê Đình Đông về kinh chờ chỉ), Biện lý bộ Lễ Mai Hữu Dục thăng lãnh Phủ doãn phủ Thừa Thiên, Tham biện Nội các Trần Tiên Hối đổi bổ Phủ thừa phủ Thừa Thiên (thay nguyên Phủ doãn Trần Trạm đổi bổ Tham tri bộ Lại, nguyên Phủ thừa Nguyễn Hữu Ích triệt hồi chờ xét tội). Lúc bấy giờ các hạt từ Hà Tĩnh trở về phía nam nhân dân xin suu tình hình không yên, bèn chuẩn đều thay thế đổi bổ quan tỉnh để tiện đề phòng chế ngự. Kế lại phái quan chia đi các nơi hiểu dụ đàn áp (hoặc đặt chức Bang tá để giúp việc tuần phòng hoặc đốc suất quân binh để tiện đóng giữ).

1504. Lại phái nhân viên qua Tây du học (bọn Phó bảng Nguyễn Thúc Đình, Trợ giáo Hồ Đắc Đệ, Cử nhân Đào Thụy Thạch, Vũ Hành 7 người, tháng 12 năm ấy trở về).

1505. Quyền Toàn quyền đại thần Bonhoure vì Phụ chính đại thần Trương Quang Đản có công lớn nên thưởng Chương Mỹ kim bội tinh hạng nhất.

1506. Man dân Bình Định bắn chết quan Pháp Ba Di (1). Giám đốc Đô Phi Ninh bàn xin chuẩn lấy Án sát Quảng Trị Bùi Quán tới tỉnh ấy để dự bị bàn bạc. Phủ Phụ chính nhân đó tâu nói Quán từng làm việc phủ huyện ở Bình Định, am hiểu tình hình, xin đổi bổ Án sát Bình Định (nguyên Án sát Huỳnh Lưu đổi bổ ra Quảng Trị) để tiện đánh bắt làm yên địa phương, theo như lời tâu.

(1) Nguyên bản viết là “Ba Di”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1507. Dân các tỉnh từ Hà Tĩnh trở vào nam, Bình Định trở ra bắc náo loạn. Lúc bấy giờ bọn hiểu sự ở Quảng Nam Quảng Ngãi hiểu sai Tân thư, đem những từ “dân quyền”, “đồng bào” đi khắp nơi mở trường diễn thuyết, ngầm tới hạt khác sách động dụ dỗ, bắt dân cúp tóc thay đổi quần áo, quyên góp tiền bạc, ai không theo thì ép buộc, sai cùng họp bọn lên quan ra chợ âm ỉ, đều lấy tiếng xin giảm sưu thuế. Bắt đầu ở Quảng Nam, dân huyện Đại Lộc hơn 400 người vây quanh tỉnh thành chặn bắt quan phủ (chặn quan tỉnh, bắt Tri phủ Điện Bàn), tra xét ra 6 người đứng đầu hô hào (Trương Tôn, Trương Hoàn, Trương Côn, Trương Đình, Hứa Tạo, Lương Châu), đều chiếu luật Đánh bản quan tăng thêm hai bậc kết án đi đày phát phối lên Lao Bảo. Kế xã dân các phủ huyện trong hạt Quảng Nam và các phủ tỉnh Thừa Thiên, Quảng Ngãi, Bình Định, Hà Tĩnh họp bọn nổi lên náo loạn, hoặc chiếm giữ phủ thự, vây bắt quan trường, giết chết phái viên, thiêu hủy trại xá (dân ở thượng du Duy Xuyên Đại Lộc Quảng Nam ném Tổng Quát xuống sông, đốt trại của Phó Huyện), hoặc phá hủy Sở Cảnh sát (Thừa Thiên), hoặc tự xưng quan lớn bức hiếp nhân dân lấy tiền (Quảng Ngãi), hoặc đánh lính cướp súng, cản trở Công sứ (Bình Định), hoặc bức ép nhân dân náo động chợ búa, hăm dọa huyện đường, bắt trói huyện viên (Hà Tĩnh), quan địa phương không sao chế ngự ngăn cấm, phủ huyện sở tại trốn tránh về tỉnh thành không dám ở nhà thự làm việc. Các Trú sứ bắt đặc dĩ dùng binh lực đàn áp để giải tán, người đứng đầu lại ra lệnh xông tới, tiểu dân vô tội phần nhiều chết vì tên đạn. Lúc ấy Chính phủ bàn với quý Tòa tra cứu ra những người đứng đầu, đều do các tỉnh lâm thời chiếu luật Khích động lương dân gây biến xử chém hoặc chém bêu đầu, hoặc xử tử, tất cả hơn 20 người (ở Thừa Thiên có Phan Tấn, Nguyễn Mạnh, người Quảng Ngãi có Bồ chánh về hưu Lê Khiết, Âm tử Nguyễn Loan, Phan Long Bằng, ở Quảng Nam có Nguyễn Cang, Nguyễn Dục, Phan Tham, Trần Duy, Ông Ích Đường, Trần Phước, ở Bình Định có Nguyễn Thành, Trương Phùng, Nguyễn Văn Úc, Huỳnh Văn Đách (1), Nguyễn Bích, Bùi Tráng Liêm, Phan Vinh, Nguyễn Phan, Trần Đền (2), Nguyễn Tuy, Nguyễn Khiêm, Châu Văn Long, Phạm Sung, Hà Tĩnh có Nguyễn Hàng (3) Chi, Trịnh Khắc Lập), còn lại bị bắn chết tại đương trường và kết án khổ sai đi đày rất nhiều. Náo loạn tới ba bốn tháng mới yên ổn trở lại, người đương thời gọi là Loạn xin sâu.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “Đách – Đít” (*nhục + địch*).

(2) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “Đền” (*chí + đản*).

(3) Nguyên bản viết là “Ngaoan (*nguyên + hiệt*)”, là chữ “Hàng (*cang + hiệt*)” bị viết lầm, đây dính lại như trên.

1508. Dân xã Thanh Lương phủ Thừa Thiên là bọn Nguyễn Thước khai khẩn ruộng đất (ở sơn phận núi Ngũ Khê, hơn 20 mẫu), mộ dân (10 người) xin lập riêng làm ấp Thanh Khê, cho như lời xin (làm sổ cấp triện, cho lệ vào tổng Phú Ốc).

1509. Chuẩn cho hai thôn Nhân Nhuận, An Nông (thuộc huyện Nông Cống) tỉnh Thanh Hóa vẫn giữ riêng tên thôn như cũ (thôn Nhân Nhuận vốn thuộc xã Trang Liệt, thôn An Nông vốn thuộc xã An Nông, năm Thành Thái thứ 13 sáp nhập làm một, tranh giành ngôi thứ, người thôn Nhân Nhuận làm Lý trưởng thì người thôn An Nông không phục, người thôn An Nông làm Lý trưởng thì người thôn Nhân Nhuận cũng thế. Đến lúc ấy Tổng đốc Vương Duy Trinh xin chuẩn vẫn lập riêng làm hai thôn cho dân được tiện, cho như lời tâu).

1510. Quan bộ Học Cao Xuân Dục tâu nói sắp tới phép học phép thi đều cải lương, các hạng sách vở trừ những sách vở trường Ấu học mà Bắc Kỳ đã san định, còn các sách Tiểu học Trung học cũng nên bỏ bớt rườm rà quy về giản dị để tiện dạy dỗ, xin chuẩn cho bọn nguyên Chủ sự bộ Binh Phạm Liệu, Thừa biện Đặng Văn Thụy, Nguyễn Đức Lý, Nguyễn Ân Tái, Hành tâu bộ Binh Vũ Phương Trứ sung vào Sở Tu thư hội đồng biên tập, cho như lời tâu (về sau đến tháng 10 năm ấy *Quốc triều Tiên biên toát yếu*, *Quốc triều Chính biên toát yếu* (1), *Luật lệ toát yếu* và *Địa dư chí ước biên* hoàn thành, đều chuẩn in ra cấp phát).

(1) Nguyên bản chép gộp là “Quốc triều Tiên biên Chính biên toát yếu”, đây dịch tách ra như trên.

1511. Mở rộng lệ hưu bổng (năm Thành Thái thứ 12 nghị định văn từ Chánh Thất phẩm, vũ từ Chánh Lục phẩm trở lên. Đến lúc ấy Khâm sứ đại thần Levecque vì tiền kho hưu bổng có nhiều, bàn với Phủ Phụ chính tâu chuẩn cho văn từ Chánh Bát phẩm, vũ từ Chánh Thất phẩm trở lên cũng chiếu lệ khấu trừ 5% tiền nguyệt bổng).

1512. Mùa hạ, tháng 4. Bàn định giờ giấc giảng diên và chương trình sinh hoạt trong đại nội (mỗi buổi sáng 6 giờ phụng ngự trở dậy, 6 giờ rưỡi đến 7 giờ quan Giáo đạo hầu đi dạo trong thành nội hoặc tập võ nghệ, 7 giờ rưỡi theo phép vệ sinh tắm rửa, 8 giờ điểm tâm và đi bách bộ khoảng 15 phút, 8 giờ rưỡi đến 9 giờ giảng chữ Nho, 9 giờ rưỡi ra chơi, từ 9 giờ rưỡi đến 10 giờ giảng chữ Pháp, 11 giờ ngự Ngọ thiện xong nghỉ trưa, Mỗi buổi chiều 2 giờ tắm rửa, 2 giờ rưỡi đến 3 giờ giảng chữ Nho, 3 giờ rưỡi ra chơi, 3 giờ rưỡi đến 4 giờ rưỡi giảng chữ Pháp, 5 giờ hoặc 5 giờ rưỡi ngự xe song mã ra thành du lãm, 6 giờ ngự văn thiện, nghỉ ngơi một lúc, 8 giờ phụng ngự đi nghỉ, nếu gặp hôm triều hạ, tể hưởng, thánh đản thì tùy nghi chước định). Kế bàn chọn quan Pháp Ébrérhardt (1) làm Ngự tiền Phụ đạo.

(1) Nguyên bản viết là “É Bi Gia” (phía sau có chỗ viết là “É Bi Ra” nhưng cũng là một người), tức Tiến sĩ khoa học Philippe Ébrérhardt.

1513. Phủ Phụ chính tâu nói “Gần đây quan các địa phương và quan phủ huyện làm việc chỉ coi việc sổ sách là hết chức trách, còn như dân tình lợi bệnh, địa phương động tĩnh thì hoàn toàn không quan tâm, lúc gặp việc lại không nắm chắc, đến nỗi bọn sinh sự (xin xâu) kích động, dân ngu chết vì tên đạn (Bảo hộ dùng quân ngăn cản), trách nhiệm cha mẹ của dân thì đổ cho ai? Lần ấy dân hạt không yên, nghĩ không phải là duyên do một ngày một buổi mà địa phương điềm nhiên như không nghe không thấy, hoặc trong lòng có ý trông chờ, biết mà không cấm, để dân đem thân thử phép mà tự thoát ra ngoài cuộc chằng! Nay xin xét ai khiếm nhược lười biếng thì triệt hồi, ai biết việc hăng hái thì tạm tha để chờ thành hiệu sắp tới. Trờ đi phạm quan tỉnh và phủ huyện có chức trách thân dân đều phải gia tâm xét biết để ngăn lấp chuyện chưa xảy ra. Nếu phủ huyện tổng lý lại dịch phạm có ai những nhiều bị dân tố cáo thì quan tỉnh phải lập tức tra cứu xử tội, cốt được yên ổn để dân tin phục, không dám quá phận làm bậy. Dân đều là lương dân, cho dù là quan tốt mà cầu thả làm lỡ việc công, không coi dân tình là việc của mình cũng lấy luật Bỏ phế chức vụ mà xử”, chuẩn sao ra cho các nơi thi hành.

1514. Thái tử Thiếu bảo Phụ chính đại thần Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Binh Vương Duy Trinh chết ở công thự, sai quan ban tể, cấp tuất hộ tổng về quê đều như lệ.

1515. Mở rộng địa giới thị xã ở kinh thành. Trước là tháng 10 năm Thành Thái thứ 18 đã bàn tâu chuẩn mở rộng giới hạn (từ nhà trạm xe lửa ra các nơi chung quanh), đến lúc ấy lại vì nhân dân cư tụ ngày càng đông đúc, rất cần xây dựng, Khâm sứ đại thần bàn nghị mở rộng thêm một khoảnh về phía đông, vẽ thành bản đồ (bản đồ có chấm vào ghi rõ các nơi, ngoài đề năm chữ Pháp A B C D Đ (1)). Bề tôi Phủ Phụ chính cho rằng mở ra phạm vào ruộng đất công tư, vườn tược phần mộ của các xã thôn quá nhiều (hơn 142 mẫu ruộng đất, 521 gian đình chùa miếu mạo, 2.409 ngôi mộ thuộc địa phận các xã Thụ Lộc, Phú Xuân, Dương Xuân Thượng Hạ, Đông Lộc), bàn nghị với quý Tòa nghị lại cùng đệ bản đồ mới (lấy đường mới từ chỗ chữ A (2) tới Ngự kiều trên đường tới Nam Giao làm giới hạn), chiếu theo đó xác định, bèn tâu lên chuẩn cho thi hành (bản đồ mới so với bản đồ cũ có hẹp hơn, bản đồ ấy lưu chiếu ở Phủ Phụ chính).

(1) Nguyên bản viết là “A Bê Xê Đê Đê ngũ Pháp tự”, là Việt Hán hóa âm đọc của năm chữ cái đầu tiên trong hệ thống chữ quốc ngữ la tinh. Cần lưu ý trong năm chữ này thì Đ không có trong hệ thống chữ cái tiếng Pháp.

(2) Nguyên bản viết là “Á”, nhưng có lẽ cũng chính là A trong hệ thống năm điểm A B C D Đ trên tấm bản đồ của người Pháp vẽ.

1516. Bắt Quang lộc tự thiếu khanh sung Trợ giáo Hoàng Thông giam vào ngục thất phủ Thừa Thiên. Khâm sứ đại thần Levecque bàn nói Thông can nhiều tội, tuy xét ra không có bằng cứ nhưng góp vốn buôn bán chẳng qua là giả danh thu tiền để chi vào khoản khác, có khi thông đồng với bọn Phan Châu Trinh (Phó bảng, can án đi đày), Vũ Phương Trứ (Cử nhân, Hành tẩu hiện bị giam) tạo bằng chứng giả, nên chiếu phép nước nghiêm tra hết mức (về sau xét ra thương hội không thác cứ chi vào khoản khác, duy Thông viết *Tự trị thượng sách* nói bừa việc hưng phế, chiếu luật Tạo yêu thư yêu ngôn giảm một bậc xử đánh trượng khô sai hết mức).

1517. Vua ngự ra điện Đông Các tiến giảng.

1518. Đổi định lệ con cháu quan viên nhập âm, cho từ 14 tuổi trở lên đều được hạch bỏ (lệ năm Thiệu Trị thứ 3 định 15 tuổi trở lên, năm Thành Thái thứ 12 định ngân sách học bổng đổi thành 18 tuổi, đến lúc ấy bộ Học tâu nói học quy hiện tại đổi định 6 tuổi vào trường Ấu học mà phép thi lấy 30 tuổi làm hạn, dùng cả chữ Hán chữ Pháp và chữ quốc ngữ, nếu vẫn lấy hạn 18 tuổi thì tuổi lớn lười cứng khó đọc hết, xin mở rộng độ tuổi (14 tuổi) để kịp thời học tập).

1519. Đặt thêm chức Bang tá ở tỉnh Nghệ An (vì dân tình náo động nên quyền nghi đặt thêm, lúc nào bớt việc sẽ triệt bãi ngay).

1520. Phát mại các loại pháo đồng cho thương nhân người Tây Di Sô (1) (các hạng pháo đồng ở Phủ Nội vụ và tỉnh Quảng Nam cân được tổng cộng hơn 27.515 cân, tính ra tiền hơn 9.080 đồng).

(1) Nguyên bản viết là “Di Sô”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1521. Chuẩn cho Thượng thư bộ Công sung Phụ chính đại thần Nguyễn Hữu Bài kiêm chương quản sự vụ bộ Binh.

1522. Chuẩn cho Tham tri bộ Hình Bùi Xuân Huyền đổi hàm Tuân phủ lãnh Tổng đốc Bình Phú (thay Thứ Tổng đốc Tôn Thất Đạm triệt hồi về kinh chờ chỉ). Bàn Thành (1) là trấn thành lớn, dân tình náo động chưa yên, Đạm không chế ngự được nên lấy Huyền thay.

(1) Nguyên bản chép là “Bàn hệ cự trấn”, là “Bàn Thành hệ cự trấn” bị chép sót, đây bổ sung và dịch như trên. Bàn Thành tức Đồ Bàn là tên gọi cũ của thành Bình Định.

1523. Nguyên Thượng thư bộ Công đã trí sĩ là Nguyễn Thượng Phiên chết. Thượng Phiên khoa giáp xuất thân, cựu thần nhiều triều, trước đây vì tuổi già xin hưu trí, đến lúc ấy chết. Sai quan tỉnh truyền chỉ ban tế để tỏ rõ ý nhớ bậc cựu thần.

1524. Bàn đặt trên Cù lao Chàm (1) tỉnh Quảng Nam một sở đề lao để phát phối tù phạm. Sai Phụ chính đại thần Tôn Thất Hân cùng Khâm sứ đại thần Levecque tới nơi khám xét.

(1) Nguyên bản chép là “Đại Chiêm hải kiêu”.

1525. Thân định chương trình cho quân binh vệ Thủ hộ (quân binh hai đội Nhất Nhị vệ ấy thuộc Ty Thủ hộ, quân binh hai đội Tam Tứ thuộc Ty Phụng hộ, quân binh đội Ngũ thuộc Ty Kiên hộ, đều theo phận sự điều bát thị hầu. Về binh ngạch thăng bổ và những người trốn chết thải hồi do Quản Suất án chiếu đội nào thuộc Sứ ty nào thì trình Sứ ty ấy bẩm lên bộ chiếu biện, còn lương bổng của quân binh thì do Chánh Phó Quản nhận lãnh cấp phát).

1526. Tháng 5. Chuẩn trích tiền trợ cấp cho hội Quảng Tri ở kinh (hội ấy xin mượn tạm một khoảnh đất trồng nguyên là học đường của các hoàng đệ bên cạnh phủ Tuyên Hóa công tu bỏ lại để dạy học, nên chuẩn trích tiền giúp cho).

1527. Chuẩn cho dân xiêu dạt ở huyện Lê Thủy tỉnh Quảng Bình lập riêng phường Tân Hậu (đinh 29 người, đất 1 mẫu, tiền thuế nạp theo xã Quy Hậu).

1528. Chuẩn cho Phủ Nội vụ kiểm lại các loại bảo sao và tiền đồng niên hiệu Tự Đức cùng tiền đồng mỹ hiệu, tiền đồng cổ hiệu, mỗi hạng trích ra giữ lại để bảo tồn vết cũ (bảo sao và tiền đồng từ 10 văn, 20 văn tới 60 văn cộng 6 hạng, mỗi hạng lưu 100 đồng, tiền đồng mỹ hiệu 30 đồng, tiền đồng cổ hiệu 3.600 đồng), còn các hạng bảo sao và tiền cổ hiệu có tự dạng không rõ ràng cùng các hạng tiền đồng tiền chỉ đều phát cho Nha Thông bảo Thanh Hóa đúc tiền.

1529. Tiến sĩ Trần Quý Cáp bị tội chết. Quan tỉnh Khánh Hòa tư nói Quý Cáp cùng bọn Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh ngầm theo nước khác mưu tính làm việc bậy nghịch, tuy mưu tính chưa làm nhưng những thơ văn soạn ra lời lẽ bậy nghịch ngạo mạn, lại ngầm tàng trữ nguy thư *Sáo Nam từ* (1), thân làm ông thầy mà bức bách người ta cúp tóc, bè đảng làm bậy ở Nam Ngãi gần đây chưa chắc đã không phải do Cáp ngày thường mê hoặc sinh sự mà dẫn tới, cái lòng bội nghịch đã thành án chắc chắn, xin chiếu luật Mưu phản đại nghịch trị tội lăng trì xử tử, Nguyễn Tu Trực biết chuyện mà không tố cáo xin xử trảm quyết. Phủ Phụ chính duyệt nghĩ bàn đổi Quý

Cấp xử tội trăm quyết, Tư Trục xử trăm giam hậu, còn 13 người bọn Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh, Vũ Phương Trứ, Trương Gia Mô có liên can thì mật tư cho các tỉnh bắt giam xét xử.

(1) *Sào Nam tử*: bút hiệu của Phan Bội Châu ký trên nhiều tác phẩm. Xem điều 1547, 1731.

1530. Sửa điện Khâm Văn làm Sở Bác vật cho quý quan Phụ đạo.

1531. Triệt bỏ tháo dỡ tường gạch hai bên đường từ ngoài cửa Hiền Nhân vòng qua phía trong cửa Thế Nhân thẳng tới bên sông (phần lớn tường đã xiêu nghiêng, lại tối tăm cách bức, nên chuẩn tháo dỡ để được rộng rãi nhả quan).

1532. Tháng 6. Triều đình Đại Pháp bàn lấy Thượng thư Klobukowski (1) sung làm Tổng thống Đông Dương Toàn quyền đại thần, Phủ Phụ chính dâng phiến tâu lên để vua rõ.

(1) Nguyên bản viết là “Kỳ Lô Bru Cúc Sĩ Ký”, tức Antony Wladislas Klobukowski. Nhân vật này được phong làm Toàn quyền Đông Dương ngày 26. 6. 1908, nhậm chức ngày 24. 9. 1908, hết nhiệm kỳ ngày 31. 5. 1911. Thật ra trước khi qua Đông Dương, Klobukowski không phải là “Thượng thư” tức Bộ trưởng mà là đại diện mang hàm Công sứ Toàn quyền của chính phủ Pháp bên cạnh vua Ménélik ở Ethiopia.

1533. Dời xây trường nữ học tới phủ Hưng Nhân quốc công (trường nữ học vốn đặt ở sở Đại lý tự trong thành, rất là nhỏ hẹp, Khâm sứ đại thần bàn dời tới nơi ở của Hưng Nhân quốc công Bửu Kiêm, công cũng thuận tình, bèn chuẩn cấp tiền công 7.000 đồng dời qua xây ở phủ đệ).

1534. Ngày Bính dần (ngày 12) vua ngự tới ở trong điện Quang Minh, bề tôi Phủ Phụ chính tâu xin định rõ các việc thị hầu để được nghiêm trang kính cẩn (hầu hạ trong nội điện chọn lựa nữ quan lão tỳ cẩn thận trung hậu, ai thường xuyên thị hầu, lâm thời sắc thị khoản nào, do nữ quan chuyên truyền cho thái giám chuyên truyền cho bề tôi Nội các tuân biện. Còn thị vệ các hạng ứng hầu ở phòng trực không được tự tiện vào cấm điện, nếu hầu ngự giảng tập ở Kinh diên hoặc du ngoạn mới được theo hầu. Lại bên trái cấm thành chỉ mở một cửa Tả Dịch, vẫn do Thị vệ xứ (1) phái người canh phòng, ngày mở tối đóng, còn lại các cửa đều đóng, lâm thời phụng giá ngự hoặc quý quan và bề tôi Phủ Phụ chính xin vào ra mắt thị phụng chỉ truyền biện. Tới như sửa chữa các nơi do bộ nha hữu quan xin vào, lâm thời được mở, việc xong chiếu lệ đóng lại. Bề tôi Phủ Phụ chính thì thân thân Miên Lịch tuổi cao sức yếu, đại thần Trương Như Cương thì giao thiệp bận rộn, xin thỉnh thoảng (2) vào hầu, còn các đại thần Cao Xuân Dục, Lê Trinh, Tôn Thất Hân, Huỳnh Côn, Nguyễn Hữu Bài mỗi ngày sáng 8 giờ thay phiên vào hầu dự bị vua có việc hỏi han).

(1) Nguyên bản chép là “Thị vệ như”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “Thị vệ xứ” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

(2) Nguyên bản chép là “bất thần (thần = bề tôi)”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “bất thần (thần = giờ giấc)” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

1535. Sai làm quốc thư đệ đạt lên triều đình nước Pháp (thư đại lược nói hạ quốc từ lâu nhờ cậy thương quốc bỏ cũ thay mới, việc dân việc chính tu sửa quả thật nhờ cậy rất nhiều. Tháng 7 năm trước Hoàng phụ Thành Thái mỗi một việc chính sự, triều đình hạ quốc nghĩ thần khí rất trọng, không thể để trống quá lâu, tuân chiếu điển lệ truyền gia, theo tình hình thỉnh, nhờ có Đông Dương quý Toàn quyền đại thần Phụ quốc vương Beau cùng Trú kinh quý Khâm sứ đại thần Phụ quốc công Levecque hết lòng phò trợ thay lời đạo đạt, may mắn đội ơn ứng thuận. Hoàng phụ Thành Thái bèn nhường ngôi cho quả nhân, để nối tôn thống, lại đội ơn thay đổi Cơ mật viện làm Phủ Phụ chính, chọn các viên đại thần đương triều sung vào để cùng các đại thần quý Toàn quyền Khâm sứ đồng lòng bàn bạc khuông phò quả nhân, thực huệ tới tận nơi xa (1) toàn thể thần dân nước Nam đều mừng rỡ chúc tụng, quả nhân khôn xiết cảm tạ, kính gửi thư này đệ đạt lên tạ hữu để làm rõ lòng thành chất chứa).

(1) Nguyên bản chép là “thực viễn cập huệ”, là “thực huệ viễn cập” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

1536. Ban thưởng các kỳ lão ở Quý hương Quý huyện tỉnh Thanh Hóa tiền lụa có nhiều ít khác nhau (Vũ Văn Trợ 94 tuổi thưởng 1 lượng bạc, 1 tấm gấm, 16 người bọn Tống Văn Tước từ 80 tuổi trở lên đều thưởng mỗi người 1 đồng ngân tiền Nhị nghị, 1 tấm gấm, chiết cấp thành tiền mỗi tấm 4 đồng. Lúc bảy giờ Quý hương Quý huyện tới kinh cung tiền bạc trắng lạy mừng, đã chuẩn trả lại, lại sai chiếu lệ thưởng cấp để tỏ rõ ý ưu hậu).

1537. Chuẩn đổi phủ Quý Châu tỉnh Nghệ An làm Thổ phủ và dời đặt phủ lý (ở xứ Kê Bọn), chúc lượng đặt 5 dịch trạm (Kê Bọn, Gia Hội, Cỗ Ba, Kê Nhoi, Kê Dinh (1)).

(1) Nguyên bản chép ba địa danh có chữ Kê trên đây là “Kỳ Bôn”, “Kỳ Nhi”, “Kỳ Dinh”.

1538. Mùa thu, tháng 7. Chuẩn cho dân Gio Linh Quảng Trị lập lại phường Tân Khê (phường Tân Khê nguyên trước có 10 đình, khẩn ruộng được 8 mẫu lập riêng thành một phường, về sau vì nhân dân xiêu tán, ruộng

đất bỏ hoang nên sáp nhập vào phường An Cát bên cạnh, đổi tên là phường Cát Khê, đến lúc ấy mới tạm đủ ngạch cũ, mộ dân khẩn lại được 11 người, 18 mẫu ruộng đất, xin phục hồi tên phường Tân Khê, cho như lời xin). Dân ngụ cư ở trại Tiêu Tương thôn Vọng Liễu phủ Hà Thanh tỉnh Hà Tĩnh ruộng đất hợp với địa phận thôn Phương Động vừa khai khẩn chia ra làm thôn Thạch Lập (trại Tiêu Tương ruộng đất tư gồm 172 mẫu, vốn thuộc địa bạ thôn Vọng Liễu, đình 20 người, đều là dân các xã thôn tới ngụ cư canh tác trải qua nhiều đời, đến lúc ấy vì ở chỗ rừng sâu, xa cách với thôn Vọng Liễu mà đều xa cách với chính quán của dân ngụ canh, xin lập riêng thành thôn Thạch Lập. Lại thôn Phương Động cũ trước đây xiêu tán bị xóa tên, do Cửu phẩm Nguyễn Thiệu ngụ ở thôn Phương Giai khai khẩn thành ruộng, làm đơn xin khám làm sổ nhưng các xã thôn chung quanh đều không muốn cho phụ vào, tỉnh đã phái người xuống khám, đo được ruộng đất 10 mẫu, lại gần với trại Tiêu Tương tiện lợi, xin cho hợp làm một, ruộng đất vẫn do người khai khẩn cày cấy, lệ thuế thì do thôn Thạch Lập thu nạp. Thôn Vọng Liễu cùng sổ với thôn Thạch Lập cùng các xã thôn chính quán đều cho xóa tên của những dân ngụ canh ở thôn ấy, cấp cho triện bạ riêng, bắt đầu nạp thuế từ năm sau).

1539. Chuẩn cho Tế tửu Quốc tử giám Trần Đình Phong đổi sung làm việc ở Sở Tu thư (Đình Phong vì con là Trần Đình Phan can dự vào vụ Trần Quý Cáp, khai nói gửi sách vở, việc đang tra cứu nhưng lòng không yên nên xin nghỉ qua làm việc khác hoặc tại ngoại để chờ, nên có lời chuẩn ấy).

1540. Khâm sứ đại thần Phụ quốc công Levecque về nước (Giám đốc Đô Phi Ninh tạm nhiếp, chờ nguyên Thống sứ Bắc Kỳ Groleau (1) quyền biện).

(1) Nguyên bản viết là “Kỳ Rô Lô”, tức Élie Jean-Henri Groleau. Nhân vật này giữ chức Khâm sứ Trung Kỳ từ 1908 đến 1910.

1541. Quyền Khâm sứ đại thần Groleau tới kinh. Sai Phụ chính đại thần Trương Như Cương, Cao Xuân Dục cùng tạm nhiếp quyền Khâm sứ đại thần Đô Phi Ninh tới Đà Nẵng đón tiếp.

1542. Đặt thêm chức Giáo thụ ở Tư Nghĩa, Hàm Thuận, Diên Khánh và Thổ phủ Tương Dương cùng chức Huấn đạo ở Thạch Hà, Nghi Lộc, Tân Định, Đông Sơn, Nghĩa Đàn và Thổ huyện An Phước (Giáo thụ Huấn đạo ở Thổ phủ Thổ huyện chiếu lệ Giáo thụ Huấn đạo ở trung châu chi bồng, học xá đồ ký do nha hữu quan chế cấp). Các phủ huyện ấy hoặc năm quanh tỉnh thành, vốn chưa đặt Giáo thụ Huấn đạo, hoặc vì người Việt người Thổ xấp xỉ nhau, đã đặt nhưng lại giảm. Đến lúc ấy phép học thay đổi, không đặt Giáo thụ Huấn đạo thì cấp Tiểu học không sao thành tựu, mà việc kiểm tra đốc thúc trường Ấu học lại càng cần người, bộ Học bèn tâu lên, chuẩn cho thi hành.

1543. Bộ Hình tâu xin trở đi phạm các hạng tù phạm trong kinh ngoài tỉnh có ai bệnh chết thì ân cấp quan tài vải liệm để chôn cất, tới như lương ăn (năm Tự Đức thứ 6 nghị chuẩn) thì việc cấp 1 quan nên đình, chuẩn ghi lại làm lệ.

1544. Dời đặt huyện lỵ Bồ Trạch (thuộc tỉnh Quảng Bình) tới xã Hoàn Lão (huyện lỵ vốn đặt ở xã Vạn Lộc, xa đường quan lộ, gặp lúc có công văn khẩn cấp, ban đêm phu trạm sợ cộp không dám mang đi, nên chuẩn cho dời).

1545. Tháng 8. Sửa kỳ đài ở đô thành, bắt đầu dựng cột cờ bằng sắt (cột cờ lâu năm hư mục, gần đây bị bão gãy đổ, bèn chuẩn cho bàn bạc đổi chế tạo cột sắt).

1546. Ban dụ cho lưu hành tiền đồng Duy Tân 1 đồng ăn 10 (lúc bấy giờ Nha Thông bảo Thanh Hóa lần lượt chở về kinh 25.905 quan tiền đồng 1 đồng ăn 10, trong đó có 5.285 quan tiền hiệu Duy Tân mới đúc. Vì lần đầu tiên cho lưu hành nên chuẩn do Nội các ban dụ cho lưu hành).

1547. Trích trọng phạm ở các tỉnh phát phối ra Côn Lôn. Lúc bấy giờ phong trào các tỉnh náo động, các vụ án lớn nối nhau xảy ra, từ hưu quan thân sĩ tới dân ngụ can vào các tội danh Hợp người diễn thuyết, Cất giấu ngục thư (các tập *Sào Nam tử*) hoặc Bí mật hẹn ước với nhau mở ra thương cục gom góp tiền bạc giúp đỡ kẻ nghịch, rất nhiều người mắc vào lưới pháp. Khâm sứ đại thần trước là Levecque bàn nghị những tội nặng (nguyên Tiên sĩ Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng, Phó bảng Độc học Đặng Nguyên Cẩn, Cử nhân Đặng Văn Bách, Lê Văn Ôn, Tú tài Dương Quang Thạc và sĩ dân tất cả 27 người) thì phát phối ra Côn Lôn và phát giải. Khâm sứ đại thần mới Groleau bàn xin sao lục tội danh mà họ phạm giao cho các tỉnh niêm yết để nhân dân cùng biết.

1548. Bắt đầu đặt Thổ huyện Quy Hóa ở tỉnh Phú Yên (các sách Man ở thượng du hạt ấy gần đây Bảo hộ đặt một quý quan Sở Đại lý trú ở Man Rhade (1), đặt đồn tên là đồn Cheo Reo (2). Từ đồn ấy về tới huyện Sơn Hòa mất 3 ngày đường, về tới Sông Cầu mất 6 ngày đường, quan Đại lý xin đặt một Thổ huyện để giúp đỡ. Bèn bàn lấy người Man Ma Doanh làm Huyện thừa, chiếu lệ chế cấp ấn kiếm bằng gỗ, cấp cho lương Huyện thừa mỗi tháng 15 đồng. Về sau lại chước lượng đặt ba dịch trạm để công vụ được mau lẹ).

(1) Nguyên bản viết là “La Đê”.

(2) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

1549. Hào lý xã Thí Phô (thuộc huyện Mộ Đức) tỉnh Quảng Ngãi xin chia làm hai xã Nhất Phái, Nhị Phái, cho như lời xin (xã ấy có 7 ấp, đình điền rất nhiều, mỗi khi tới kỳ chia cấp thì rất nhiều người khiếu nại nên xin cho

chia làm hai xã. Lấy 5 ấp Trung Hòa, Phước Khánh Đông, Phước Khánh Tây, Phú Hội, Đức Mỹ làm xã Nhất Phái, 2 ấp Phước Thạnh, Lương Nông làm xã Nhị Phái để tiện chia cấp).

1550. Chức lượng giảm bớt sư ở các chùa công (các chùa công vốn đặt ở kinh gồm 7 chùa Thiên Mục, Long Quang, Từ Ân, Diệu Đề, Linh Quang, Thánh Duyên, Ngọc Sơn, có Tăng cang 3 người, Trụ trì 7 người, tăng nhân 72 người, cộng 82 người, hàng tháng cấp lương cho Tăng cang 1 đồng 62 xu, Trụ trì 1 đồng 53 xu, tăng nhân 1 đồng 26 xu. Đến lúc ấy ngân sách giảm bớt, bộ Lễ bèn bàn trích một khoản truy cấp tiền cho sư giảm xuống, đều truy cấp lương một tháng, một khoản chức lượng giảm sư trong chùa, lưu lại 3 Tăng cang, trụ trì 6, tăng chúng 33 người, giảm về 40 người. Một khoản: bãi chùa Ngọc Sơn cho nhập vào chùa Thiên Mục, chỗ nền cũ chùa Ngọc Sơn cho làm chùa tư, chuẩn cho thi hành).

1551. Chức định phép thi Hương thi Hội thi Đình khoa tới (tham chiếu phép thi Hương định năm Thành Thái thứ 18. Kỳ thứ nhất văn sách 5 bài, kỳ thứ hai thơ phú đều một đề, kỳ thứ ba làm luận chữ Hán 1 đề, chữ quốc ngữ 1 đề, kỳ thứ tư phúc hạch đủ cả văn thể ba kỳ, có một đề làm văn quốc ngữ. Việc ra đề chấm văn duyệt lại đều theo điều khoản mới đổi ở trường Hà Nam, đổi các hạng ưu, bình, thứ, liệt làm điểm số, mỗi trường phải được 10 điểm mới được cho dự hạng trúng tam trường, điểm số được 40 điểm trở lên mới được dự phúc hạch. Kỳ thứ tư được từ 7 điểm trở lên là thi đỗ, xếp vào hạng Cử nhân, giải ngạch vẫn như cũ. Kỳ thi tiếng Pháp, ai tình nguyện thi phải được 10 điểm trở lên mới được lấy số lẻ cộng vào, ai không muốn cũng không ép. Phép thi Hội, kỳ thứ nhất văn sách 7 bài, kỳ thứ hai chiếu dụ 1 bài, số tấu 1 bài, biểu văn 1 bài, kỳ thứ ba làm luận chữ Hán 1 đề, chữ quốc ngữ 1 đề. Kỳ thứ tư văn sách 7 bài. Thi điện vẫn làm đối sách như cũ, chờ khi tân học đã phổ biến sẽ tùy nghi bàn định. Kế chuẩn cho Sở Tu thư chọn những bài luận chữ Nho chữ quốc ngữ kiếu mới cùng chiếu dụ tấu số biểu văn sao ra cho các nơi làm mẫu).

1552. Thân rõ lệ cấp ruộng cho các sắc quân binh (Thân binh Cẩm binh ở kinh và lính tập tại ngũ cấp 1 mẫu 5 sào, tinh binh ở tỉnh ngoài cấp 1 mẫu 2 sào, các sắc quân binh còn lại đều 1 mẫu, đều là ngoài khẩu phần).

1553. Tháng 9. Tổng thống Đông Dương Toàn quyền đại thần Klobukowski cùng Đông Dương chư quân Đô thống đại thần từ Sài Gòn tới kinh yết kiến. Sai hoàng thân Hưng Nhân công Bửu Kiêm, Phụ chính đại thần Trương Như Cương, Cao Xuân Dục cùng Khâm sứ đại thần Groleau tới Đà Nẵng đón tiếp, khi tới kinh đãi yến ở điện Cần Chánh. Đến khi trở ra bắc sai làm thư đệ đạt, tặng cho kim bài các hạng để đôn đốc việc hòa hiếu.

1554. Nghệ An bão lụt (các phủ huyện hạt đều bị bão, hai hạt Diễn Châu, Quỳnh Lưu là nặng nhất).

1555. Chuẩn phong tặng cho cha mẹ ần quan vũ ban từ Tam phẩm trở lên, chiếu lệ ần quan văn ban từ Tứ phẩm trở lên (năm Thành Thái thứ 13 bộ Lại bàn chuẩn cứ đến các năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì ban ơn gia tặng có thứ bậc khác nhau) biện lý (bắt đầu từ năm Đinh mùi), là theo lời xin của đại thần kiêm chương quân bộ Bình Nguyễn Hữu Bài.

1556. Ban cho đại thần Cần Chánh điện đại học sĩ đã hưu trí ở Quảng Ngãi Nguyễn Thân kim khánh hạng lớn, Đông Các đại học sĩ Trương Quang Đản kim khánh hạng nhất mỗi người một tấm (lúc bấy giờ hai đại thần tới kinh chiêm cận, đặc mệnh ban tứ, lại truyền chỉ cho miễn vào lạy tạ).

1557. Tuyên Hóa công Bửu Tán ngu ở tỉnh Khánh Hòa xin về kinh chiêm bái, không cho (quan tỉnh Khánh Hòa tư về Phủ Phụ chính bàn, Khâm sứ đại thần trả lời không cho).

1558. Mùa đông, tháng 10. Chuẩn cho Tuần phủ lãnh Tổng đốc Nam Ngãi Hồ Đắc Trung thăng Tổng đốc, Thự Tuần phủ lãnh Bộ chánh Phú Yên Nguyễn Hách thăng Tuần phủ vẫn lãnh chức, vì dân trong hạt nào động mà xử trí được yên ổn.

1559. Trú kinh Giám đốc đại thần Đô Phi Ninh được bổ nhiệm làm Tổng thống Quảng Châu loan (thuộc địa của Đại Pháp ở Trung Hoa, là một trong năm xứ thuộc địa Đông Dương (1), Công sứ Thanh Hóa Bùi Dự (2) thay lãnh Giám đốc hạng nhất, Tham biện Sestier (3) bổ làm Công sứ Thanh Hóa).

(1) Nguyên bản chép là “Đông Dương thuộc địa ngũ xứ chi nhất dã”. Thật ra Liên bang Đông Dương (Union Indochinoise) thành lập năm 1887 đã có bốn xứ tức ba kỳ ở Việt Nam và Campuchia, đến 1899 có thêm Lào, đến 1900 có thêm Quảng Châu loan, trong đó Quảng Châu loan là tô giới (l'erritoire à bait), có lẽ các tác giả *Đại Nam Thực lục Chính biên Đế lục kỷ phụ biên* tính Trung Kỳ và Bắc Kỳ là một xứ.

(2) Nguyên bản viết là “Bùi Dự”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(3) Nguyên bản viết là “Xích Xê”, tức Henri Victor Sestier. Nhân vật này về sau giữ chức Quyền Khâm sứ rồi Khâm sứ Trung Kỳ từ 1910 đến 1912.

1560. Chuẩn cho miếu phu miếu Công thần tỉnh Quảng Bình lập riêng thành phường Chương Tín. Lúc đầu là miếu hai công thần Vĩnh An hầu, Chương Vũ hầu được ân cấp 8 mẫu ruộng, 16 phu giữ miếu, về sau khai khẩn mộ người, đến lúc ấy thành ruộng 72 mẫu, đình 13 người, xin cấp triệu bạ lập riêng thành phường. Quan tỉnh vì thế tư lên xin cho, bộ Hộ tâu nói phường ấy có 13 đình trong đó phu giữ miếu 10 người theo lệ được miễn dao dịch thì là quá hậu, bàn châm chức cho 6 người (mỗi miếu 3 người) còn 4 người đưa vào hạng tráng chịu thuế, cho lập riêng thành phường, cho như lời tâu.

1561. Biểu dương tiết phụ ở hai tỉnh Nam Định, Phú Thọ.

1562. Bọn Cử nhân vũ Chu Trạc ở Nghệ An ngầm họp bọn mưu làm giặc, chưa kịp nổi dậy thì bị phác giác, Tổng đốc Trần Đình Phác sức bắt được, bàn lấy tù phạm vượt ngục Hồ Xuân Trang làm thủ mưu kết án xử chém bêu đầu thị chúng (chờ bắt được sẽ chiếu án thi hành), Trạc thì gia ân không xử tử phát phối ra Côn Lôn, những người nhất thời đi theo và liên lụy bị xử khổ sai đi đày rất đông.

1563. Thị lang bộ Lễ Ngô Huệ Liên vì con là Ngô Đức Kế can tội (gọi vốn mở thương cục, gom góp tiền bạc lén giúp đỡ kẻ làm nghịch) xin giải chức ở bộ, ở nhà đợi chỉ. Bề tôi Phủ Phụ chính vì Đức Kế trẻ tuổi thi đỗ, trước đây xin ở lại quê học tập, viên ấy lớn tuổi làm quan ở kinh lâu năm, rất khó dạy bảo răn sức, bàn vẫn lưu làm việc ở bộ chờ đến tuổi sẽ theo lệ cho về hưu. Khâm sứ đại thần Groleau nói không thấy có gì trở ngại, bèn tâu lên, chuẩn cho vẫn giữ chức cũ.

1564. Lúc bấy giờ ở sơn phận phủ hạt Quỳnh Châu tỉnh Nghệ An có anh em tên Ái giả làm tiên đồng trên trời, tự xưng là dòng dõi nhà Lê lừa dối mê hoặc nhân dân. Tổng đốc Trần Đình Phác phái người nã bắt được đồ đảng là bọn Lang Văn Môn về tra xét, bàn xử giáng chức Tri phủ Quỳnh Châu Phan Huy Tấu vì báo tin chậm chạp không đúng sự thật.

1565. Thân định lệ bắt giam người bị đánh roi đánh trượng không có sức chuộc (trở đi phạm các nha xét án tra nghĩ các án những người phải đánh roi đánh trượng, xét nếu có sức thì chiếu lệ cho chuộc, nếu không có sức thì bị đánh 10 roi bắt giam 1 tháng, bị đánh 20 roi bắt giam 2 tháng, bị đánh 30 roi bắt giam 3 tháng, bị đánh 40 roi bắt giam 4 tháng, bị đánh 50 roi bắt giam 5 tháng, ai bị đánh 60 trượng bắt giam 7 tháng, bị đánh 70 trượng bắt giam 8 tháng, bị đánh 80 trượng bắt giam 9 tháng, bị đánh 90 trượng bắt giam 10 tháng, bị đánh 100 trượng bắt giam 11 tháng, đình lời nghị chuẩn năm Thành Thái thứ 10).

1566. Bắt đầu dời Quốc tử giám tới trong cửa Đông nam kinh thành (Quốc tử giám trước ở địa phận xã An Ninh huyện Hương Trà, đến lúc ấy dời vào trong thành gần với tân thư viện, trích gỗ ván cũ vốn ở điện Hiếu Tư để xây dựng, lại trích gỗ ván ở gác Minh Trung, hiên Đạo Tâm sau điện Long An đổi dựng Di Luân đường, Tri Khiêm viện đổi làm Tả Giảng đường, nhà ở của quân Tứ vệ đổi làm Hữu Giảng đường, chi hơn 5.000 đồng).

1567. Tháng 11. Sai Phủ chính đại thần Trương Như Cương cùng Khâm sứ đại thần Groleau tới Hà Nội hội nghị, lại sai làm sắc thư thăm hỏi Toàn quyền đại thần (đến khi trở về xin thưởng phẩm hàm tiền bạc cho các kỳ lão 80, 90 tuổi trở lên ở Thanh Hóa Nghệ An tới 64 người có thứ bậc khác nhau).

1568. Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lễ Lê Trinh, Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hộ hội đồng chiếu theo hội thương ủy nhiệm kiểm kê bảo vật của Hoàng phủ, làm thành danh sách (một bản lưu ở Phủ Nội vụ, một bản lưu ở Phủ Phụ chính, lại trích sao một bản giao cho quý Tòa), bảo vật thì giao cho Phủ Nội vụ tạm giữ, việc xong đem chuyen tâu lên.

1569. Bề tôi Phủ Phụ chính tâu xin định rõ điều lệ tráng đinh làm việc công ích. Mỗi đình chuẩn cho lưu lại 5 ngày làm việc trong làng, 5 ngày ứng biện việc công dịch ở bản xứ, trong 5 ngày công ích ấy cho nạp tiền 2 ngày (chiếu chỉ dụ năm Thành Thái thứ 19 mỗi ngày 2 hào), còn 3 ngày hoặc cho nạp tiền hoặc ứng biện thật thì tùy sở tại có việc gấp sẽ do Trú sứ cùng quan tỉnh bản định. Địa giới mỗi tỉnh hạt cần điều bát làm công ích nên phân rõ địa giới tổng huyện, tới như ngoài địa giới lâm thời cần sức điều bát thì do Phủ Phụ chính và Khâm sứ đại thần bàn định. Tất cả việc công cần làm hàng năm phải theo thể thức trình trước với thượng ty xét duyệt cho phép, mà số ngày công điều bát chỉ được trong số dự trừ mà thôi. Quan địa phương nên nghĩ cho ôn hòa làm sao để dân chịu công ích không đến nỗi phiền lụy (như điều bát tới nơi gần nhà, tránh dịp cấy gặt, chia ban thay phiên để trừ những nhiều tệ đoạn). Lại sức cho mỗi xã thôn ghi chép rõ ràng, mỗi phủ huyện cũng đều phải làm sổ sách 3 bản (1 nạp cho Tòa sứ, 1 nạp cho tỉnh đường, 1 lưu ở bản nha) để dự bị kê cứu. Kỳ Ất tịch biên thuộc tổng mục (đệ nhất biên đã ứng biện công ích dân số, đệ nhị biên ngày tháng năm điều bát công ích, đệ tam biên là ứng biện ở chỗ nào). Và lại còn có trách nhiệm bảo vệ lợi ích cho nhân dân ứng biện cùng kiểm soát để trừ tệ đoạn cùng dân ứng biện công ích phần nhiều bị bệnh hoạn, nên trừ tính làm thế nào để giữ vệ sinh (như tạm đặt trạm y tế ở các nơi làm việc công ích để dự bị chữa chạy vân vân), chuẩn sao ra cho thi hành. Một khoản công ích đã lần lượt có Nghị định (tháng 9 năm Đồng Khánh thứ 1 bắt đầu thi hành ở Bắc Kỳ, tháng 7 năm Thành Thái thứ 9 thi hành ở Trung Kỳ, về sau đến tháng 6 năm thứ 10, tháng 11 năm thứ 15 đều có thân định). Đến lúc ấy bề tôi Phủ Phụ chính cho rằng trong lời nguyên dụ và Nghị định có những chỗ trái nhau như dụ năm Thành Thái thứ 10 chuẩn lưu lại 10 ngày làm công ích ở làng xóm, về sau nghị giám chỉ còn 2 ngày, tráng đinh có người bất bình, nên có lời nghị ấy (về sau đến tháng giêng năm thứ 3 nghị định dân đình hạng tráng làm công ích 5 ngày, 2 ngày cho nạp tiền thay mỗi ngày 2 hào, còn 3 ngày giữ lại để làm việc trong làng).

1570. Quan tỉnh Thanh Hóa Tôn Thất Thiệm tư nói tên gọi các xã thôn trong hạt phần nhiều trùng lặp, Trú sứ Du Xu (1) bàn nghĩ nên sức thay đổi để tiện ghi vào bản đồ sổ sách chỉ bài để tránh lầm lẫn. Bộ Hộ tâu lên, chuẩn cho thi hành.

(1) Nguyên bản viết là “Du Xu”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1571. Chuẩn cho phường Quảng Xá tổng Bái Ân huyện Gio Linh tỉnh Quảng Trị vẫn sáp nhập vào tổng An Mỹ như cũ. Phường Quảng Xá, phường Tân Lộc sáp nhập vào phường Xuân Lộc, hai phường trước đây vì tách ra mộ dân làm phường khác, đến lúc ấy điều háo tự xin sáp nhập vào phường cũ, cho như lời xin.

1572. Tháng 12. Triều đình nước Pháp chuẩn cho quyền Khâm sứ đại thần Groleau thăng chức Khâm sứ, sai làm sắc thư thăm hỏi.

1573. Thân rõ lệ quan viên đình ưu, tuân chiếu lời nghị năm Thành Thái thứ 12 (Quan viên từ cha mẹ chết nếu có phẩm hàm thì cho 12 tháng, nếu không có phẩm hàm thì cho 1 tháng về quê để tang) để làm rõ sự thống nhất.

1574. Lúc bấy giờ những vụ án về việc nhân dân các hạt phía nam náo động làm bậy, các tỉnh đều đã lần lượt kết án đệ lên rõ ràng. Duy tỉnh Quảng Ngãi trước sau bắt giam tra xét tới hơn 230 người nhưng chỉ dựa vào lời phủ huyện xét bảm và Tổng lý khai báo, không kèm theo lời khai của tù phạm đệ lên để kết án, chiếu theo lệ thì không hợp, đã bác về cho tra xét lại, lại thúc giục xét xử đệ lên mà vẫn chưa xong, giam giữ quá hạn. Bề tôi Phủ Phụ chính bèn tâu lên, chuẩn phái Tá lý bộ Hình Trương Quang Tấn, Ngự sử Ngô Hoán tới tra xét tháo gỡ sửa chữa để thanh lý văn án (xét lấy lời cung khai của tội phạm, nếu quả có tội trạng thì lập tức kết án, nếu tra xét ra ai bị vu cáo bức ép, về tình có thể tha thứ và bị giam quá hạn thì lập tức bàn bạc phóng thích).

Quyển 22

1575. Năm Kỷ Dậu Duy Tân thứ 3 (1909 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Toàn quyền đại thần Klobukowski tới kinh, chuyển lên thượng du tỉnh Quảng Trị qua đường nước Lào. Sai Phủ chính đại thần Trương Như Cương, Cao Xuân Dục đón mời đưa tiễn theo như lệ.

1576. Chuẩn trở đi phạm sĩ dân các tỉnh nếu trước đó có ai ngầm ra nước ngoài lấy cố du học thì cho cha anh họ hàng trình báo, hạn trong vòng 6 tháng tìm về quê thì không hỏi tới tình tội nặng nhẹ đều tha thứ hết, nhưng do quan sở tại ở địa phương dẫn lên trình với Trú sứ cho được về nhà ở quê yên nghiệp. Nếu ngoài hạn vẫn có ý lẩn tránh không chịu hồi cải thì lập tức chiếu luật nghĩ xử. Lúc bấy giờ sĩ dân các hạt hiểu lầm về sự tự do, phần nhiều bị người nơi khác tới kích động mê hoặc sinh sự, bề tôi Phủ Phụ chính bèn có lời nghị ấy.

1577. Đổi đặt các Thổ phủ Thổ huyện ở tỉnh Bình Thuận (đổi Thổ huyện Hòa Đa làm Thổ phủ, đặt lại Thổ huyện Tuy Lý để tiện tuần phòng đánh bắt. Đổi tổng Man Túc Trang thành Thổ huyện Túc Trang).

1578. Dời huyện nha Đức Phổ tỉnh Quảng Ngãi (ở xứ Bàu Cối (1)), lại thay đổi sáp nhập các tổng (tổng Phổ Lai huyện Đức Phổ đổi làm tổng Hành Cận sáp nhập vào huyện Nghĩa Hành, tổng Đức Quy đổi làm tổng Quy Đức sáp nhập vào huyện Mộ Đức. Lại trích tổng Tri Đức huyện Mộ Đức đổi làm tổng Phổ Đức, tổng Triêm Đức đổi làm tổng Phổ Vân, hai tổng ấy và tổng Đức Cẩm gần nhau nên sáp nhập vào huyện Đức Phổ).

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

1579. Đầu xuân ban ơn, chuẩn cho án quan văn võ trong ngoài đều được thăng thưởng có thứ bậc khác nhau (văn từ Tổng đốc An Tĩnh Trần Đình Phác thăng Thự Hiệp biện đại học sĩ trở xuống 13 người, võ từ Thự Thống chế lãnh Chương vệ vệ Tiên Nhị Nguyễn Văn được thực thụ trở xuống 10 người. Tuần phủ ba tỉnh Quảng Trị, Quảng Ngãi, Bình Thuận đều thưởng kim khánh hạng hai mỗi người 1 tấm).

1580. Sắp có việc ở Nam Giao, sai Phủ chính đại thần Tôn Thất Hân kính tới đàn tế cáo.

1581. Ngày Kỷ Hợi (ngày 18) làm lễ khai giảng Kinh diên ở điện Văn Minh, về sau lấy đó làm lệ thường (yết cáo với Hoàng sư Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Đế sư Đào Đường, Hữu Ngu, Vương sư Hạ Võ, Thương Thang, Chu Văn vương, Vũ vương, Tiên thánh Chu công, Tiên sư Khổng Tử)***.

1582. Tháng 2. Gia phong Thiệu Hóa quận công Bửu Đảo (1) (tức Hoàng tông Tuyên hoàng đế) làm Phụng Hóa công.

(1) Nguyên bản chép là “bên trái là chữ Sơn, bên phải là chữ Đảo”, là chiết tự chữ Đảo,

1583. Dự chuẩn Thự Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hộ Huỳnh Côn lãnh Thượng thư bộ Công kiêm chương sự vụ bộ Binh Nguyễn Hữu Bài đều được thực thụ Hiệp biện đại học sĩ.

1584. Ngày Tân mùi (ngày 21) tế Giao. Sai Hưng Nhân quốc công Bửu Kiêm thay mặt làm lễ.

1585. Đạo Ninh Thuận xin phục hồi thôn Hướng Đạo (Lý trưởng cũ Thiên Ôn thôn Vụ Bản thuộc Thổ huyện Tuy Phước khai khẩn được 52 mẫu ruộng, mộ đình được 12 người, xin khôi phục lại tên thôn). Lại đặt xã mới Ngọc Lam (thuộc tổng Mỹ Tường trong hạt, Lê Văn Đoan ở Công ty Diêm điền mộ dân 30 người, khai khẩn hơn 60 mẫu ruộng, xin đặt riêng làm một xã) cho như lời xin.

1586. Đông Các đại học sĩ hưu trí Dịch Trung tử Hoàng Tá Viêm thọ 90 tuổi, chuẩn chiếu lệ khen thưởng (quan viên thọ 90 tuổi, Nhất phẩm thưởng 30 lượng bạc, 3 tấm sa Nam) để tỏ ý ưu đãi thương mến.

1587. Bộ Hình tâu xin trở đi phạm án kiện do các hạt đệ lên vụ nào do bộ phúc duyệt trừ trọng phạm bị xử quyết, còn lại sức dẫn người phạm tội tới công đường và đem những khoản người ấy phạm để khép vào tội mà giam hay phát phối bao nhiêu năm, chiếu theo hồ sơ nhất nhất hiểu dụ rõ ràng. Lại sức sao giao cho quan quân

trong đề lao chiếu theo thi hành cùng với các tội phạm vốn bị giam cũng đều theo thứ tự chiếu án hiệu sức để vâng lệnh tuân theo. Gặp kỳ khánh tiết tù phạm nào đội ơn được giảm, tù phạm nào đội ơn được tha cũng theo đó làm, không cho ngục tốt được lảng nhục ngược đãi, lại tư được che giấu lừa dối, người phạm pháp yên phận giữ mực thường. hổi cải về những việc sai trái trước kia, hướng về điều lành, Hòa Sơn cẩn thận trong việc dùng hình phạt, lỗi đĩnh vô phi chí giáo (1), nghĩ cũng là một điều hiểu rõ về việc hình. Chuẩn sao ra cho thi hành (lúc bảy giờ trong kinh ngoài tỉnh các nha xét án tra kết các vụ án đệ lên bộ duyệt bản trong án kết các tội danh nặng nhẹ, giam giữ phát phối bao nhiêu năm, thì người phạm tội đều không được biết. Người ngu rớt lại vẫn tối tăm về pháp luật, kẻ ương bướng rớt lại thì coi pháp luật như trò đùa, đến nỗi người mang án bỏ trốn đã được đội ơn tha tội mà lại phạm tội, nên bộ Hình có lời nghị ấy).

(1) 0792

1588. Tháng 2 nhuận. Chuẩn cho Yên Thành quận vương Miên Lịch trở đi phạm gập ngày kỵ đàn và triều hạ thì gia ân chuẩn cho khấu đầu ba lượt, miễn rảo bước quỳ lạy để tỏ rõ thành ý ưu đãi người già, thân yêu người thân.

1589. Thương Lê Bá Cừ hàm Hồng lô tự khanh (Bá Cừ nguyên là Thông sự hạng hai so hàm trao hàm Hàn lâm viện Thị giảng, trước bổ nhiệm Tùng sự ở Nha Kinh lược, sau sung làm Thông sự Phủ Toàn quyền, về sau từ chức mộ dân khẩn ruộng ở xứ Đồng Trăng tỉnh Khánh Hòa được 400 mẫu, lại đắp một con đường từ xứ Đồng Trăng tới tỉnh thành khoảng 12.000 thước Tây, khiến nhân dân đi lại buôn bán được tiện lợi. Lại xuất của nhà lập trường mời thầy, khai khẩn ruộng muối, làm nhiều việc có ích, bề tôi Phủ Phụ chính bèn tâu lên, chuẩn chiếu lệ Tự Đức năm thứ 17 chức lượng thưởng cho hàm ấy để tỏ rõ sự khuyến khích).

1590. Khâm sứ đại thần Groleau gửi thư nói Phủ đạo Ébrerhardt về nước, chọn phái Trợ giáo Trường Quốc học Viên Cơ Nhiếp (1) quyền sung, lại đệ chương trình giảng diên (đã trình với Toàn quyền đại thần duyệt định) gửi lăm.

(1) Nguyên bản viết là “Viên Cơ Nhiếp”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1591. Chuẩn cho ba xã Ân Đô, An Cư, Thủy Thanh (thuộc châu Ngọc Lặc) tỉnh Thanh Hóa lệ vào huyện Cẩm Thủy như cũ (ba xã vốn trước thuộc tổng Vân Trai huyện Cẩm Thủy, năm Thành Thái thứ 12 đặt châu lý trích sáp nhập vào tổng Hạc Cao châu Ngọc Lặc, đến lúc ấy xã dân làm đơn xin trở về huyện Cẩm Thủy. Tổng đốc Tôn Thất Thiệm tư do Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn cho thi hành).

1592. Nguyên Đông Các đại học sĩ trí sự Địch Trung tử Hoàng Tá Viêm chết. Tá Viêm là kỳ thạc mấy triều, công lao danh vọng, đến lúc ấy vì tuổi già thọ chung. Chuẩn phái biên binh hộ tống, lại sai quan ban tế để làm rõ sự ưu hậu (Tá Viêm người tỉnh Quảng Bình, con Hiệp tá đại học sĩ Hoàng Kim Xán, lúc nhỏ nhờ ẩm thụ vào Quốc tử giám được chọn bổ, kế lấy công chúa, trải làm quan một phương, công lao danh vọng vốn rất rõ ràng).

1593. Nam Ngãi Bình Trị hạn hán, quan tỉnh cầu đảo được mưa, chuẩn chiếu lệ cúng tạ.

1594. Bộ Binh tâu xin thân định số ngạch vũ viên (một khoản: Quân Suất thừa ra trong kinh ngoài tỉnh làm Tùy phái rất nhiều, ai đã đến hạn tuổi thì chuẩn cho về hưu, cấp cho hưu bổng. Một khoản: trừ ấn quan hưu trí do Phủ Phụ chính thẩm duyệt thi hành, còn thuộc viên có ai công phái không gấp lăm thì đều bàn chuẩn cho về hưu, lấy Tùy phái và các viên Hậu bổ có hồ sơ bổ sung. Một khoản: theo lệ trước nay Lệ mục ở các phủ tỉnh có khuyết thì chọn Đội trưởng và Bá hộ Thất phẩm, Bát phẩm, Cửu phẩm bổ sung tùy phái hậu bổ tham chức bổ dụng. Tháng 12 năm Duy Tân thứ 1 nghị chuẩn trở đi Lệ mục có khuyết thì do các phủ huyện chọn lấy Lệ mục thuộc viên làm việc nhiều năm siêng năng tài cán cử bổ vào, tới như Suất đội thì đình việc án bổ. Nay nghĩ các Chánh Phó đội hiện lãnh chức Tùy phái, Đội trưởng Thất, Bát, Cửu phẩm và những Bá hộ có quân công chịu sai phái khó nhọc được thưởng hàm và những thuộc viên Lệ mục làm việc nhiều năm quá có thực trạng sẽ chằm chước bổ dụng), chuẩn sao ra cho các nơi thi hành.

1595. Tuần phủ Quảng Ngãi Nguyễn Xuân Triêm chết, chuẩn truy tặng hàm Tổng đốc, lại trích chi cấp hai tháng lương (300 đồng) để làm rõ đạo trọng hậu (vì Xuân Triêm ngày thường làm quan trong sạch, gần đây vì dân hạt không yên, lao lực thành bệnh, Phủ Phụ chính bàn xin ưu cấp nên có lời chuẩn ấy).

1596. Tháng 3. Chuẩn ban thưởng cho nhân viên biên tập ở Cục Tu thư nhiều ít khác nhau (vì mùa đông năm trước biên tập bốn bộ *Quốc triều Tiền biên toát yếu*, *Quốc triều Chính biên toát yếu*, *Luật lệ toát yếu*, *Địa dư chí ước biên* (1) đã xong, chuẩn cho Lê Hoàn, Nguyễn Đức Lý, Đặng Văn Đoan đều được thưởng hàm Thị độc, Nguyễn Tư Tái được thưởng hàm Tri huyện).

(1) Nguyên bản chép là “Địa dư chí”, đây dịch như trên. Xem điều 1510.

1597. Thân định lệ nạp chuộc và bắt giam những người bị đánh roi đánh trượng (lúc bảy giờ Khâm sứ đại thần bàn nghị gần đây các vụ án đánh roi đánh trượng, xét phạm nhân không có sức nạp chuộc đổi nghị thành bắt giam, trong đó phần nhiều tình nguyện nạp chuộc, quan địa phương chuẩn cho rồi tư báo lên thẩm duyệt, văn thư

gởi đi gởi lại kéo dài ngày tháng, có khi người phạm tội đã mãn hạn bị giam mới nhận được lời tư cho chuộc toàn số, sự chậm trễ phiền phức ấy có nhiều điều bất tiện. Trở đi phạm án nào can tội đánh roi đánh trượng, trừ những án không chuẩn cho chuộc thì những án còn lại không cần xét có sức hay không có sức, duy đều chiếu lệ năm Thành Thái thứ 15 cho nạp chuộc, hạn trong một tháng, quá hạn thì người không có sức nạp chuộc lập tức chiếu theo lệ năm Duy Tân thứ 2 bắt giam. Lại do sở tại ghi rõ những tội phạm ấy không có sức nạp chuộc lưu chiếu để tiện cuối năm tính toán. Những người đình thu tiền nạp chuộc đến ngày bị giam tức ghi vào danh sách tù nhân, tội danh cùng số hiệu bị giam, vẫn ghi rõ dưới tên là không có tiền nạp chuộc, lại tư rõ thời hạn giam giữ cho bộ bị chiếu. Bề tôi Phủ Phụ chính phúc nghĩ sau khi kết án giao cho hương lý thân tộc của người phạm tội lãnh về chờ án, ngày nào duyệt định sẽ theo hạn biện nạp. Người phạm tội không có sức nạp chuộc đã đòi tới bắt giam được bao nhiêu tháng, còn thiếu bao nhiêu tháng, nếu có tiền chuộc cũng cho khấu trừ nạp chuộc để làm rõ ý thể tuất, phụng chuẩn sao ra cho thi hành).

1598. Thương cho xã Ngãi Trì tỉnh Hà Nam biển ngạch “Nghĩa dũng khả phong” (tháng 12 năm trước xảy ra vụ cướp ở xã Bích Trì, xã Ngãi Trì ấy ở liền bên cạnh tới cứu đánh bắt giết được một tên cướp, lấy được súng đạn đao sắt các hạng. Tuần phủ Đoàn Triễn xin ban thưởng, Thống sứ Bắc Kỳ đem việc tư cho Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn chiếu lệ ban thưởng).

1599. Sai Phụ chính đại thần Tôn Thất Hân cùng Khâm sứ đại thần Groleau tới tỉnh Quảng Ngãi quan sát tình hình (khi tới yết thị lời hiểu dụ của Toàn quyền đại thần sức cho sĩ dân trong hạt biết mà tuân theo. Đến khi trở về xin thưởng ngân tiền cho 9 người bọn Tú tài Lê Khải có lòng giúp đỡ công việc, để làm rõ ý khuyến khích).

1600. Khâm sứ đại thần Groleau bàn nói các cung điện cùng viên đình trong đại nội hiện tại chỗ nào nên giữ thì lập tức tính toán tu bổ, chỗ nào nên bỏ thì tháo dỡ thu xếp cho được nhã quan sạch sẽ, còn hoa cỏ trong ngự uyển nên thường xuyên vun tưới sao cho tươi tốt, nhưng do các đại thần bộ Lễ Lại ông hội đồng với quan Hộ lý Lại chính vào đại nội kiểm tra bàn bạc. Kế chuẩn cho Phụ chính đại thần Trương Như Cương, Lê Trinh, Nguyễn Hữu Bài hội đồng thi hành.

1601. Chuẩn cho Thự Tả quân kiêm quản vệ Thân binh cùng Thị vệ Thái giám Nguyễn Tất Trung thăng Ngũ quân Đô thống phủ Đô thống Chương phủ sự hưu trí. Tất Trung nhiều năm coi quân theo hầu cung cấm, đến lúc ấy vì tuổi già xin về hưu, chuẩn thăng cho hàm ấy, chiếu lệ cấp hưu bổng. Kế chuẩn cho Phó Đề đốc lãnh Phó Lãnh binh tỉnh Khánh Hòa Nguyễn Gia Trung sung Thống chế đội làm Chương vệ Thân binh kiêm quản Thị vệ Thái giám.

1602. Thương thọ quan 100 tuổi ở tỉnh Quảng Nam (nguyên Lãnh binh Thanh Hóa hưu dưỡng Nguyễn Nhiêu người xã Phong Phú huyện Quế Sơn thọ 100 tuổi, Tổng đốc Hồ Đắc Trung báo lên, bèn chuẩn chiếu lệ quan Tứ phẩm thượng 30 lượng bạc, the Nam the Bắc đều 1 tấm, vải Nam trù Nam đều 1 tấm, biển ngạch một tấm, vẫn chiếu lệ trước nay chiết cấp thành tiền là 83 đồng 3 hào).

1603. Bô chánh Thanh Hóa Nguyễn Hiền Dĩnh vì bệnh xin cáo quan, cho như lời xin (lúc bảy giờ Hiền Dĩnh cùng Tổng đốc Tôn Thất Thiệm ý kiến không hợp, bèn lấy cớ không hợp thủy thổ không thể làm việc ở lý sở lâu, xin được đổi bổ. Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn cho về quê (Quảng Nam) dưỡng bệnh, kế chuẩn lấy Án sát tỉnh ấy là Trần Tiễn Hối thay thế).

1604. Mùa hạ, tháng 4. Khâm sứ đại thần Groleau bàn nói cổ vật trong các tôn lăng (những đồ vật bằng ngọc ngà trân châu, áo quần các loại) đều là di vật của các triều trước, nên đặt ra một Viện Bác cổ thu giữ, đưa vào danh sách để bảo tồn cổ vật. Bèn chuẩn cho các đại thần bộ Lễ bộ Công hội đồng với quan Hộ biện Lại chính kiểm kê ghi thành danh sách.

1605. Kính sửa hai điện Càn Thành, Càn Chánh, lấy Thống chế Dương Biểu trông coi công việc (tu bổ hai điện ấy và các nơi lương đình, điều đình ở viện Tĩnh Quan, trừ tính ngân sách hơn 2.270 đồng).

1606. Thương cho thôn Hoàng Nghĩa (thuộc phủ Hưng Nguyên) tỉnh Nghệ An biển ngạch “Nghĩa dũng khả phong” (vì mạnh mẽ can đảm chống lại bọn cướp đáng khen).

1607. Chuẩn đặt lại Biện lý bộ Binh kiêm sung Phó sứ Hộ thành binh mã ty (lấy Lang trung bộ Binh Đào Mẫn sung vào, ấn kiểm do nha hữu quan chế cấp), lại chỉnh đội số ngạch quan quân trong Nha Hộ thành, là theo lời bàn của đại thần chương quản bộ Binh Nguyễn Hữu Bài (tháng 9 năm thứ 2 vì Nha Hộ thành công vụ bận rộn cần thiết, bàn chọn dòn quân binh Nha Hộ thành 200 người chia làm 5 đội. chức lượng đặt Chánh Phó Quản đều 1 người, Chánh Phó Đội đều 5 người chia ban chi lương làm việc, mỗi ban 100 người, lại đặt Bát Cửu phẩm 1 người, thư lại 2 người để tiện lâm thời sai phái. Đến lúc ấy Phủ Phụ chính bàn định tâu lên, chuẩn cho thi hành).

1608. Vì xong lễ đại tự, thương cho những người chấp sự có thứ bậc khác nhau (lại chuẩn lần này quan viên văn vũ dự việc tới lại dịch ai dự thường mà đã bỏ đi nơi khác, hậu bổ, về quê và quá cố đều chiếu theo lời bàn truy cấp để đều được hưởng ơn. Về sau chiếu theo đó mà làm).

1609. Năm ấy thi Hương. Chuẩn cho Tú tài, Ấm sinh và Tôn sinh, học sinh trường Quốc tử giám được cấp bằng về quê bất kể tuổi tác cao thấp đều cho ứng thí một khoa để mở rộng ân cách (trong đó người trên 50 tuổi nếu thi đỗ chỉ cấp bằng cho về quê, không được bổ quan, còn lại thi chờ từ khoa Nhâm tý trở đi sẽ bàn định).

1610. Thân rõ lệ các nha xét án lấy biên bản lời biện bác của tù nhân (người có tội biết chữ cho tự tay viết lời khai, người không biết chữ do ngục lại lấy khẩu cung, tội từ khổ sai đi đày xử tử tới bị đánh roi đánh trượng đều sức lấy biên bản biện bác để bớt việc gọi tới thân nhân).

1611. Chuẩn cho ấp Tân Tế tỉnh Khánh Hòa lập riêng thành thôn Tân Tế (ấp ấy vốn thuộc thôn Tân Phú huyện Tân Định, đến lúc ấy dân trong ấp là bọn Nguyễn Lâu mộ đinh được 34 người đều ghi công thổ trong 5 ấp xin lập riêng thành một thôn. Quan tỉnh Nguyễn Văn Mại tư cho bộ Hộ tâu lên, cho theo lời xin).

1612. Tháng 5. Ngày sóc, có nhật thực.

1613. Thân định chương trình thị hầu của Thị vệ xứ (tất cả 12 khoản. Khoản 1: Nhất thiết các hạng xe ngựa do Quản biện viên tùy thời kiểm soát đốc suất. Khoản 2: Đến kỳ ra triều ngày sóc ngày vọng mỗi tháng và những ngày giờ tới giảng diên thì tuân chiếu thị hầu. Khoản 3: Vua sinh hoạt trong cung có chỗ nào khác thường thì bất kể ngày đêm nữ quan thái giám cũng phải lập tức trình với thị vệ chuyển trình cho quý đại thần và các thân thân đại thần Phủ Phụ chính biết. Khoản 4: Tỷ nữ trong đại nội do người Quản biện kiểm soát căn cước rõ ràng, cấp riêng cho bài sừng để ra vào thị hầu. Khoản 5: Phạm trong đại nội nếu có gì trở ngại trong việc thấy nghe, nữ quan và thái giám phải lập tức đem việc trình, thị vệ lập tức chuyển trình cho quý đại thần và các thân thân đại thần Phủ Phụ chính biết, nếu im lặng thì khi phát giác ra, cứ nữ quan và thái giám mà bắt tội. Khoản 6: Những lúc du lãm thị vệ chiếu lệ thị hầu, các cửa hoàng thành phải bảo vệ cẩn mật, ba cửa Ngọ Môn, Hiển Nhân, Chương Đức sau khi bắn súng buổi sáng đều mở ra, sru không (1) lập tức đóng lại, ban đêm có việc gì khẩn yếu tâu xin môn bài mới được truyền chỉ mở ra, nếu quá giờ không đóng và đến giờ không mở thì cứ người giữ cửa mà bắt tội. Lúc có xa giá đi ra phải hồi loan trước lúc sru không. Khoản 7: Nô tỳ trong đại nội hoặc có ai làm việc cầu cúng ngu xuẩn thì do Trưởng ban nữ quan tùy thời kiểm soát, nếu có loại người như thế thì lập tức dẫn ra giao cho Thị vệ xứ để Quản biện viên lập tức trình lên Phủ Phụ chính xem xét, nếu đúng thì bàn định trục xuất. Khoản 8: Sau khi bãi triều như gặp ngày giảng diên thì Quản biện viên hoặc các viên Hiệp lãnh chia phiên theo hầu. Khoản 9: Gần giống như việc thị hầu ở điện Quang Minh tháng 6 năm trước, duy lâm thời có sắc chỉ khoản nào thì thái giám lập tức trình cho Phủ Phụ chính tuân duyệt bàn bạc, sẽ có lời truyền biện riêng. Khoản 10: Nay quý Giáo đạo đã về nước, nên đổi định giảng diên mỗi tuần giảng hai lần, mỗi lần một giờ là ngừng. Hiện đang mùa hạ trời nóng, mỗi ngày phụng ngự tắm rửa một lần. Khoản 11: 3 giờ chiều ngày 15 hàng tháng Quản biện viên nên đem xe ngựa tới bệnh viện mời quý quan thầy thuốc vào đại nội thăm khám, việc xong Quản biện viên lập tức trình lên cho Phủ Phụ chính biết. Khoản 12: Quân binh và tuần binh trong đại nội do kiêm Quản viên đốc suất sai phải tuần phòng và cắt cỏ để hành lang đường đi được sạch sẽ).

(1) *Sru không*: kiểm tra lục soát xem có kẻ gian hay không trước khi đóng cửa thành lúc ban đêm.

1614. Khâm sứ đại thần Groleau gửi thư nói nhận được điện của Toàn quyền đại thần và đại thần Thượng thư bộ Thuộc địa nghĩ việc đi tuần Đông Dương (khoảng ngày 2 tháng 6 Nam lịch sẽ từ thành Marseille đáp tàu khởi hành, ngày 26 tới Sài Gòn, trong nhật ký hành trình có định sẽ tới kinh đô Huế yết kiến và hỏi han xem xét việc thời vụ chính trị bản quốc), nếu có việc gì cần trình với quý Thượng thư đại thần thì Toàn quyền đại thần nên bàn trước với Phủ Phụ chính, cùng nên bàn bạc ấn định những việc nên làm lúc đón tiếp. Phủ Phụ chính làm phiếu tâu lên để vua biết rõ.

1615. Thường Tổng đốc An Tĩnh Trần Đình Phác kỷ lục quân công hai thứ (vì có công đánh bắt đầu đảng bọn cướp Nguyễn Văn Phụ).

1616. Trích 1.600 đồng tu bổ từ đường của cô Vĩnh Lại quận công Nguyễn Hữu Độ (tức được truy phong Vĩnh quốc công) và mua đặt ruộng thờ.

1617. Chuẩn trở đi phạm các nha xét việc kiện tụng lập tức đình chỉ khoản tiền lệ, nếu vẫn tiếp tục đòi hỏi những nhiễu, bị phát giác sẽ chiếu luật trị tội để tránh làm hại dân (lúc bấy giờ quan tỉnh Khánh Hòa Nguyễn Văn Mại vì trước nay xã dân làm đơn tố cáo ở nha môn phần nhiều thu tiền lệ kiện tụng, hoặc 3 quan hoặc 2 quan để sung vào việc chi dùng. Nay các tỉnh và phủ huyện đã có tiền chi vào các khoản lật vật đồng niên, xã dân kiện tụng đều mua tin chỉ viết đơn mà còn thu tiền lệ thì không khỏi quá nặng, nên tư xin nhất loạt cấm chỉ. Bộ Hình bèn tâu lên, chuẩn cho thi hành).

1618. Chuẩn cấp tiền (2.056 đồng) tu bổ từ đường của khai quốc công thần Quốc Oai công Tôn Thất Hiệp thời trước.

1619. Tháng 6. Chuẩn cho lãnh Tổng đốc Hải Yên Phú Hoàn nam Lê Hoan sung Khâm sai đại thần các xứ Bắc Kỳ cầm quân tới đánh bắt Hoàng Hoa Thám và phủ dụ dư đảng để làm yên địa phương, là theo lời nghị của Toàn quyền đại thần Klobukowski (lúc đầu Thống sứ Bắc Kỳ xét xin thưởng Lê Hoan hàm Thái tử Thái phó, bề tôi Phủ Phụ chính cho là vượt cấp bèn tâu chuẩn cho gia hàm Thái tử Thiếu bảo. Đến lúc ấy lại có mệnh ấy, kể lại chuẩn thưởng Hà Công Nguyệt người Thanh Hóa hàm Lãnh binh theo Khâm sai điều khiển).

1620. Đốc học Thanh Hóa Đàm Liêm chết, chuẩn truy thụ Quang lộc tự khanh (vì hết lòng dạy bảo, được học trò vui vẻ nghe lời).

1621. Thanh Hóa, Nghệ An bị bão (buổi chiều ngày 8 nổi lên, đến sáng sớm ngày 9 thì tắt, công thợ trường thi đều đổ sập, nhà cửa thuyền bè, người và gia súc ruộng vườn trong hạt phần nhiều bị tổn thất).

1622. Thường biển ngạch cho tiết phụ Nguyễn Thị Viên (1) (Thị Viên là vợ Công tôn Ứng Nghệ phòng Tuy Lý vương, sinh được một con là Bửu Vạn, năm 20 tuổi chồng chết, thờ phụng cha mẹ chồng. Đến lúc ấy 55 tuổi, con là Bửu Vạn thay mặt bầm lên, bộ Lễ bèn tâu lên chuẩn thưởng cho biển ngạch hạng bình).

(1) Nguyên bản viết là “Nguyễn Văn Thị Viên”.

1623. Hoàn thành việc khơi vét đường cảng ở Hương Trà hạt Thừa Thiên, chuẩn thưởng cho những người dự làm việc có thứ bậc khác nhau (một đường cảng đạo từ châu Nham Biều thẳng lên các xã ấp Nam Thanh, tháng 5 năm trước bàn khơi vét, đến tháng 8 hoàn công, 31 xã thôn huyện ấy dẫn nước tưới ruộng được lợi, quan phủ Mai Dục đem việc tư xin, bộ Công, bèn chuẩn cho ban thưởng).

1624. Định trở đi mỗi khi đến kỳ ra triều theo lệ có chia ban, văn từ thuộc viên Tứ phẩm Ngũ phẩm, vũ từ thuộc viên Tam phẩm đều cho đi giày mang tất vào Tả Hữu vụ thị hầu, là theo lời xin của bề tôi Đô sát viện.

1625. Mùa thu, tháng 7. Phụ chính đại thần Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lễ Lê Lê Trinh vì bệnh xin giải chức ở bộ, ở lại dưỡng bệnh kiêm nhiếp, cho như lời xin. Chuẩn cho Phụ chính đại thần Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hình Tôn Thất Hân kiêm chương sự vụ bộ Lễ.

1626. Toàn quyền đại thần Klobukowski tới kinh dự lễ khánh thành Tân Thư viện và Quốc tử giám.

1627. Chuẩn cho Hưng Nhân quốc công Bửu Kiêm qua Tây du học (công thường tới Tòa sứ xin qua Tây du học, Khâm sứ đại thần bàn xin cho như lời xin, học phí đồng niên khoảng 1.100 đồng do ngân sách Bảo hộ chi cấp, Phủ Phụ chính bèn tâu lên xin chuẩn).

1628*.** Sách *Thực lục Chính biên đệ lục kỷ* về Cảnh tông Thuần hoàng đế hoàn thành (tất cả 12 quyển), dâng lên, phụng dụ cho thi hành. Lời dụ nói (Thực lục thời xưa kiêm cả thể biên niên kỷ truyện, mà chính sử từ đó mà làm ra. Đại khái đó là vì làm rõ việc hay, nêu cao đức sáng, cùng ngôn hành chính sự, pháp độ kỷ cương đều chép đủ ở đó. Nhà nước ta thần truyền thánh kế hơn ba trăm năm, ơn hậu nhân sâu, phép ngài điển sáng, sáng nghiệp thù thống cùng sánh với Chu Hán Đường Tống, văn trị vũ công đều hơn cả Đinh Lý Trần Lê. Thực lục về liệt thánh ta các kỷ từ Tiên biên tới Chính biên lần lượt hoàn thành, đều đã đưa vào Sứ quán. Kính nghĩ Cảnh tông Thuần hoàng đế thiên tư thượng triết, vận gặp trung hưng. Quang phục hồng đồ, vâng theo mệnh lớn, kính trời mà cử hành Giao tự, nổi tổ mà kính giữ điển chương. Hiếu phụng Đông Triều, ơn ra tôn thất, với bề tôi lễ mao, với trăm họ khoan hồng. Ngự giá thân chinh rõ thánh vũ, giảng hòa kết hiếu với lân bang. Hiếu lời trung nơi can gián, ngộ thánh học ở Kinh diên. Siêng chính sự yêu nhân dân, hoãn hình phạt xét ngục tụng cùng là rộng khoa trường mở đường cho kẻ sĩ, tha thuế thiêu ra ơn cho bốn phương. Dịp lễ ban ơn, mùa xuân ra lệnh. Trái xem trong niên hiệu Đồng Khánh chính sự đều chu tất mà trọn vẹn, nên đang lúc việc nước gian nan mà duy trì đại cục, cố gắng có sự tốt đẹp ngày nay, tuy ở ngôi chỉ có ba năm mà việc hay thời trung hưng sử chép không hết, noi phong thái của liệt thánh, nêu bắt hủ nơi dao biên. Sử thần đã vâng lệnh biên tập, thân định nghĩa lệ, gia tâm khảo đính, gần đây theo lời bề tôi Phủ Phụ chính tâu nói tháng 5 năm trước nhận được tờ trình của bề tôi Quốc sử quán nói Sứ quán trước đây vâng lệnh kính soạn Chính biên Thực lục đệ lục kỷ về Cảnh tông Thuần hoàng đế, sách xong tiến lãm, đã giao ra cho bề tôi ở phủ kính duyệt đã xong, nay Sứ quán kính dâng biểu văn xin cho khắc in, cùng đem bản mẫu tiến trình. Trẫm kính cẩn duyệt kỹ, ngẩng thấy anh quân một đời công tích kinh luân sánh với thời trước, rất nên khắc in thành sách để lại cho đời sau. Thực lục đệ lục kỷ biên soạn được bao nhiêu quyển chuẩn cho Thái sử chọn ngày tốt khởi biện nhưng giao cho Sử thần kiểm lại chữ nghĩa quy thức, cốt được chu đáo rõ ràng, đại thần Tổng tài gia tâm kiểm soát trông coi cốt sao hoàn thành, là điều trẫm rất mong mỏi vậy. Những việc cần làm giao cho hữu ty kính cần tuân biện).

1629. Sai đặt hội đồng kính kiểm thư tịch tàng trữ trong Nội các đưa tới lưu trữ ở Tân Thư viện. Lúc bấy giờ Tân Thư viện xây xong, bộ Học tâu xin phái thuộc viên (bộ Học, Sứ quán, Đô sát viện mỗi nơi 1 người) chiếu theo danh sách vốn có hội đồng tra kiểm trong đó Thực lục các kỷ và những sách thiết yếu vẫn giao cho Nội các phụng giữ để dự bị lâm thời tiến lãm, số còn lại đều dời về lưu trữ ở Tân Thư viện, việc làm danh sách thì có nhân viên chuyên trông coi, người ngoài vào xem sẽ có quy định riêng. Chuẩn do Tế tửu, Tư nghiệp Quốc tử giám thường xuyên kiểm soát trông coi, trong đó bộ nào bị rách giấy mất chữ thì xem xét bổ sung để giữ thiện bản.

1630. Quan tỉnh Phú Yên Nguyễn Hách kết án dân trong hạt (thôn Lệ Uyên huyện Đồng Xuân) đốt rừng, phạt 10 đồng, bộ Công vì lời nghị ấy chưa hợp, đòi nghị chiếu luật Làm trái lệnh (đánh 50 roi, chuộc tiền 15 đồng), vẫn bắt thôn ấy phải cùng chịu, chuẩn sao ra cho thi hành.

1631. Tháng 8. Kính gặp ngày kỵ của Cung Huệ hoàng đế. Lúc ấy Tuyên Hóa công Bửu Tán (ngụ ở Nha Trang) xin về kính chiêm bái, cho như lời xin.

1632. Tham tri bộ Lễ Nguyễn Gia Thoại chết, chuẩn truy tặng hàm Thượng thư, vì giữ chức lâu năm, từng trải việc quân (Thoại người Thừa Thiên, đỗ Cử nhân, học rộng nhớ dai, làm quan lấy thơ rượu làm vui, lại có ý nghĩ thoát tục).

1633. Lễ thăng phụ Từ minh Huệ hoàng hậu đã xong, ban ân chiếu cho trong ngoài.

1634. Chương định chương trình cho Quốc tử giám (tất cả 19 khoản. Khoản 1: chia làm hai cấp, cấp Đại học dạy những người thi đỗ Cử nhân và dự thi Hội, cấp Trung học dạy các Tôn sinh, Âm sinh và những người dự thi Hương. Khoản 2: chỉ dạy các sinh viên được cấp học bổng cùng những sinh viên chờ nhập trường. Khoản 3: do Thượng thư bộ Học kiêm quản, còn Tế tửu, Tư nghiệp, Quản giáo, Trợ giáo thì chia ra làm việc giáo tập. Khoản 4: tuân chiếu Nghị định năm Thành Thái thứ 18, giáo pháp có ba, một là chữ Hán, hai là chữ quốc ngữ, ba là chữ Pháp. Khoản 5: về phép dạy chữ Hán. Khoản 6: về phép dạy chữ quốc ngữ. Khoản 7: về phép dạy chữ Pháp. Việc

dạy chữ Hán mỗi ngày đều 3 giờ, trừ ngày thứ sáu làm văn, ngày chủ nhật thì nghỉ ngơi thì dạy chữ quốc ngữ và chữ Pháp mỗi tuần đều phải được 6 giờ. Khoản 8: giờ giấc giảng dạy do Tế tửu và Tư nghiệp nghĩ trình. Khoản 9: thứ sáu mỗi tuần lễ làm văn, sáng sớm thứ năm bình Hán văn, buổi chiều giảng chữ Pháp và yết thị đề mục làm văn kỳ sau. Khoản 10: về giờ giấc. Khoản 11: về danh sách. Khoản 12: về học bổng. Khoản 13: về phòng ốc của sinh viên. Khoản 14: về việc khảo hạch lúc mới nhập học. Khoản 15: về hội đồng khảo hạch. Khoản 16: về việc sát hạch xem tiến bộ thế nào. Khoản 17: về việc chọn tuyển. Khoản 18: về việc trừng phạt. Khoản 19: tạm định hạng Học sinh chờ thành lập xong trường Đốc học Thừa Thiên sẽ theo Nha Học chính học tập).

1635. Bắt đầu định chương trình cho Tân Thư viện (tất cả 7 khoản. Khoản 1: chọn đặt thuộc viên văn giai Ngũ Lục phẩm sung chức Kiểm biện và Bát Cửu phẩm Tùy biện mỗi chức 1 người, Suất đội 1 người, quân binh 4 người, lương bổng chiếu theo phẩm hàm ở các bộ nha chi cấp. Khoản 2: bàn chọn một viên quan Pháp lui tới cai quản chiếu cố. Khoản 3: thư tịch tàng trữ phải lên danh sách và ghi số phiếu. Khoản 4: hai chái đông tây đều có đặt bàn ghế. Khoản 5: về điều lệ đọc sách. Khoản 6: ngày sóc ngày vọng hàng tháng viên Kiểm biện chiếu số kiểm điểm, cuối tháng trình chiếu, mỗi sáu tháng bộ ủy nhiệm đường quan tra kiểm một lần, mỗi cuối năm sai quan Hội biện hội đồng với Đô sát viện tra kiểm một lần. Khoản 7: sách nào hiện trữ hai ba bộ mới cho mượn xem, nếu chỉ có một bộ thì phải cẩn thận gìn giữ để khỏi bị rách nát).

1636. Bão lụt lớn (ngày 23, 24 tháng ấy gió bão rất lớn, nước dâng cao hơn mức thường, từ Thừa Thiên tới các tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình, Trị, Quảng Nam, Bình Thuận ruộng vườn đều bị tổn thất rất nhiều).

1637. Cào cào (Thừa Thiên, Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh đều bị nạn cào cào, báo tin hoa màu bị tổn thất sáu bảy phần).

1638. Khâm sai đại thần Bắc Kỳ Lê Hoan báo về tình hình đánh bắt (tháng trước đánh lớn ở tỉnh Phúc Yên, phá được đồn giặc, đảng giặc bị chết 25 người, quân ta có một quan ba và 13 lính tử trận. Đến lúc ấy tâu lên, đại lược nói Hoàng Hoa Thám ở hạt Yên Thế thượng du Bắc Giang Bắc Kỳ dựa chỗ hiểm tụ tập đồ đảng cướp bóc ở Phúc Yên, lan ra các hạt Vĩnh Yên, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Tuyên Quang, đạo Khâm sai ấy đã trình với Thống sứ đại thần chọn phái các viên Tham biện, Bang biện, Đề đốc, Lãnh binh chia đường hội tiểu, đánh nhau ba trận báo tiếp ba lần, thủ lĩnh giặc hoặc chết trận hoặc ra hàng, duy Hoàng Hoa Thám không chịu ra hàng, hiện đang tìm nhiều cách truy tìm trốn nã).

1639. Tháng 9. Phụ chính đại thần Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lễ Lê Trinh chết. Trinh khoa bảng xuất thân, là đại thần có danh vọng, làm quan trong ngoài công lao vốn rõ rệt. Gần đây vì lo lắng mệt nhọc thành bệnh, nhiều lần xin nghỉ để điều trị vẫn vô hiệu, đến lúc ấy chết. Sắc trích cấp tiền kho 100 đồng và chuẩn cấp thêm tiền tuất (300 đồng), chuẩn miễn triều một ngày, hôm chôn cất sai quân binh hộ tống, sai quan ban tế để làm rõ đạo trọng hậu. Quý Tòa nghe tin cũng tới đọc lời truy điệu vân vân (thư của Khâm sứ đại thần Groleau đại lược nói chợt nghe tin dữ về văn thân, thật rất đau xót, không những nước Nam mất đi một bề tôi công cao vọng trọng mà Bảo hộ cũng mất đi một người bạn đồng sự đáng tin cậy vân vân). Kế chuẩn truy phong là Vệ Nghĩa tử để báo đáp công lao (Trinh người Quảng Trị, thi đỗ Phó bảng, văn hay chữ tốt, giỏi về liễn đối, nhiều người truyền tụng).

1640. Lúc bấy giờ Cường Để người trong hoàng phái (phòng Anh Duệ hoàng thái tử, tước Kỳ Ngoại hầu) cùng Phan Bội Châu (Cử nhân người Nghệ An) lên ra ngoại quốc ngâm nuôi chí khác, dẫn tới chuyện bọn giả danh trong nước ta phụ họa hòa theo, ngầm làm việc kích động mê hoặc, quỳn góp tiền bạc giúp đỡ, vì thế liên lụy tới rất nhiều người (Nghệ An có bọn linh mục người Nam Phạm Văn Tường, Nguyễn Văn Đồng, Đỗ Lệnh đều can tội phát phối Côn Lôn, bọn Già (1) Châu, Văn Quế bị tội giáo, bọn Cử nhân Nguyễn Thức Độ, Tú tài Đặng Chúc bị kết án đánh trượng khổ sai hết mức, Hành tâu bộ Bình Vũ Phương Trứ, Cử nhân Phan Bá Hộc cũng vì bọn Ấm Trục, Lãnh Hạ*** khai có thông đồng nên đều bị tội khổ sai). Bề tôi Phủ Phụ chính cho rằng Cường Để ra khỏi nước, pháp lệnh có chỗ khó thi hành, Chính phủ Bảo hộ ngoại giao với các nước ắt có thể lo liệu việc ấy, xin bàn do Phủ Toàn quyền giúp đỡ bắt về xử tội, theo như lời tâu.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

1641. Sách *Liệt truyện Chính biên nhị tập* do Quốc sử quán biên soạn hoàn thành (tất cả 46 quyển), dâng biểu dâng sách xin khắc in, vua chuẩn lời tâu.

1642. Chẩn cấp cho thôn Kim Bằng (thuộc huyện Tuyên Hóa) tỉnh Quảng Bình bị hỏa hoạn (thôn ấy phát hỏa cháy lan ra 80 hộ, chuẩn chiếu lệ mỗi hộ cấp cho 1 đồng).

1643. Trích tiền (621 đồng, quý Tòa trích giao 214 đồng, lại trích khoản chi bất thường 407 đồng) chẩn cấp cho dân Thanh Hóa, Nghệ An bị bão (dân xã Duyên Hải chết đuối 207 người, mỗi người cấp 3 đồng, hạt Nghệ An dân hai xã thôn Vạn Phần, Hậu Song chết đuối 3 người, chuẩn chiếu lệ thi hành, châm chúc trừ sưu thuế 3 năm để tỏ rõ ý thương xót).

1644. Chuẩn trở đi phạm ai hãm dọa lấy tiền thì chiếu lệ trộm cướp (lệ năm Thành Thái thứ 2) theo tang vật mà kết tội nhưng miễn tăng bậc để được công bằng thích hợp (lúc bấy giờ tang vật trộm cướp theo lệ đã đổi định nhưng các án hãm dọa lấy tiền vẫn chiếu lời nghị năm Thành Thái thứ 5 theo luật Tang khoa xử đoán, thiên lệch quá nhẹ, nên bộ Hình có lời nghị ấy).

1645. Thương cho xã Đại Đồng (thuộc huyện Nam Đàn) và thôn Hoàn Sơn (thuộc phủ Anh Sơn) tỉnh Nghệ An biên ngạch “Nghĩa dũng khả phong” đều một tấm (vì chống cự đảng cướp, lấy được súng ống khí giới).

1646. Mùa đông, tháng 10. Sai Phụ chính đại thần Tôn Thất Hân tới Sài Gòn hội nghị.

1647. Chước định lệ thời hạn quan viên hưu trí (một khoản: Trở đi phạm tại chức 55 tuổi, làm quan liên tục 25 năm đều được hưu trí, chiếu lệ cấp tiền hưu bổng. Một khoản: Tiền hưu bổng đồng niên ít nhất cũng phải được 36 đồng).

1648. Sai quan các tỉnh và phủ huyện làm danh sách Hộ Hình (mỗi tỉnh và các phủ huyện đều có hai bản ký sách, một thuộc Hộ vụ, một thuộc Hình vụ, đều theo số hiệu, thể thức, phủ huyện, ngày tháng năm ghi vào danh sách trình lên tỉnh, tỉnh lại chép ra đệ qua Tòa Khâm sứ để tiện kiểm tra kê cứu). Lúc bấy giờ các tỉnh phủ huyện thụ lý đệ bẩm phần nhiều chậm chạp, quan tỉnh thu nhận án kiện không có luật định thống nhất. Khâm sứ đại thần Groleau bàn với Phủ Phụ chính, bèn tâu lên chuẩn cho thi hành.

1649. Sai Phụ chính đại thần Trương Như Cương, Cao Xuân Dục cùng Khâm sứ đại thần tới hai hạt Nghệ Tĩnh để quan sát hiện tình.

1650. Tấn phong công chúa thứ tám triều trước Ngọc Hoàn là Tân Phong công chúa.

1651. Thân định ngạch Chánh Phó sứ ở các tôn lăng (Thiên Thọ lăng đặt Thủ hộ Chánh sứ, Hiếu lăng đặt Thủ hộ Phó sứ, Xương lăng đặt Phụng hộ Chánh sứ, Khiêm lăng đặt Phụng hộ Phó sứ, An lăng đặt Kiền hộ Phó sứ và tăng quân Thủ hộ 25 người, tổng cộng 120 người).

1652. Tổng đốc Nam Ngãi Hồ Đắc Trung xin đặt lại nguyên ngạch học sinh Quảng Nam, cho như lời xin (số ngạch học sinh Quảng Nam có 18 người, tháng 9 năm Duy Tân thứ 1 bê tội đã quá cố là Vương Duy Trinh vì trong số học sinh có nhiều người lấy cớ đi buôn bán nên tước giảm. Đến lúc ấy Tổng đốc Hồ Đắc Trung tâu xin đặt lại nguyên ngạch, những học sinh năm trước đã sức cho về quê chịu sưu dịch xin đều cho vào loại miễn sai, cấp bằng về quê chờ khoa thi để được cùng đội ơn mà tỏ rõ ý thể tất. Bộ Lễ tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành).

1653. Tháng 11. Thân rõ lệ tuần tra ở các tôn lăng, tôn miếu, tôn điện (trở đi mỗi tháng Tả Tôn khanh hoặc Hữu Tôn khanh Phủ Tôn nhân 1 người cùng đường quan bộ Lễ và Khoa đạo đều 1 người kính tới các tôn sở hội đồng tuần tra, mỗi tháng từ ngày 2 đến ngày 8 đều kính kiểm một lượt, nếu có gì không hợp thì trích ra tham hặc, giao cho bộ Lễ nghĩ xử. Vì tháng 5 năm nay lâu trống ở Thế miếu phát hỏa Từ tế và quan quân canh giữ đều bị xử tội nhiều ít khác nhau, bê tội Phủ Phụ chính lại tâu chuẩn tuân chiếu lời chỉ dụ năm Minh Mạng thứ 17 và năm Thiệu Trị thứ 1, thứ 4, thứ 6 thân định lại để làm rõ sự thận trọng).

1654. Toàn quyền đại thần Klobukowski về nước, sai làm sắc thư thăm hỏi.

1655. Thân định điều khoản tu chỉnh phía trong kinh thành (khoản 1: trong thành chước lượng dọn lại làm 10 phường Thái Trạch, Vĩnh An, Trung Trách, Phú Nhân, Trung Hậu, Tây Linh, Tây Lộc, Tri Vụ, Thuận Cát, Huệ An, có bản đồ đông tây tứ chí do Nha Hộ thành quản cố tuần tra kiểm soát và sức điều bát công vụ, đốc thu tiền thuế lệ. Khoản 2: các đường lớn trong thành đều theo ranh giới cũ mở rộng tu bổ, lần lượt xây dựng cùng chước lượng mở rộng đường nhỏ ở các đường bao chung quanh hoàng thành, trừ những nơi lưu lại để làm việc công thì đều chia cho quan lại nhân dân dựng nhà trồng trọt, mỗi thửa khoảng trên dưới một hai sào, mỗi sào đất đồng niên nạp 1 hào, nhưng đều dựng hàng rào cột cho chính tề. Tới như ruộng vườn hoang nhân đều cho người khác nhận ở nhưng không cho chiêm cửi, như có bán vườn tược cây trái thì vẫn khê do Phường trưởng sở tại chứng nhận và trình Nha Hộ thành cấp bằng chấp chiếu nhưng không được bán đứt. Người trong hoàng phái cũng thế. Khoản 3: nhân dân xin nhận đất đều phải có đơn (hai bản) do Nha Hộ thành kiểm tra xác nhận trình với bộ Công thẩm chiếu, bộ Hộ duyệt y phê bằng. Hai bản ấy một bản lưu ở Nha Hộ thành, một giao cho chủ đất, nếu có trích sung làm việc công khoảnh nào thì sẽ chước lượng cấp tiền cây trái hoa lợi cùng phí tổn dời nhà. Khoản 4: các sở ruộng trung và ruộng chùa Từ Hiếu ở xã Phú Xuân trước đây do phủ Thừa Thiên nạp thuế, nay lệ quy vào thuế ngạch của Nha Hộ thành, còn những ruộng trường Canh nông nhận cày còn thừa thì cho nhân dân canh tác. Khoản 5: các hồ sen hồ rau giao cho phường sở tại nhận thuê người làm, tiền thuế lệ đồng niên phải nạp mỗi sào khoản 1 hào. Khoản 6: nhà mới xây hoặc nhà cũ phải trình cho Nha Hộ thành xem xét ưng thuận. Khoản 7: về việc phân hạng nhà cửa thì tuân theo lệ tuần kiểm, nhà ngói hạng nhất đồng niên nạp 1 đồng 5 hào, nhà hạng hai 5 hào, nhà tranh hạng nhất 5 hào, hạng hai 25 xu, hạng ba 13 xu. Khoản 8: chủ nhà phải tới Phường trưởng kê khai số người, tên họ, quê quán, tuổi tác, nghề nghiệp của tất cả nam phụ lão ấu tở trong nhà trình cho Nha Hộ thành biên vào sổ để tiện lâm thời kiểm soát tra cứu. Khoản 9: trong thành nếu có ai hoặc việc công việc tư ngụ lại nhà nào, chủ nhà phải báo lên Phường trưởng để tiện tra hỏi. Khoản 10: phạm cư dân đã nạp thuế đình ở chính quán phải có biên nhận thu tiền của xã làm bằng cứ, còn dân hạng trắng 18 tuổi tới 60 tuổi đều phải chịu thuế thân đồng niên 1 đồng và làm công ích 5 ngày, nếu có ai muốn nạp tiền thì mỗi ngày 2 hào. Khoản 11: điều lệ trong lời nghị này nếu ai không tuân chiếu thì xét theo tội Làm trái luật, còn các lệ tuần phòng do Nha Hộ thành chiếu biện. Khoản 12: Ai muốn ở trong thành phải làm đơn xin với Nha Hộ thành, nếu không cho thì không được tự ý xây nhà. Khoản 13: trước đây đã bàn định người ngoại quốc không được cư trú trong kinh thành, khách thương người Thanh như tới mua bán thì thân sức răn cấm không cho được ở lại qua đêm trong thành).

1656. Bắt đầu đặt Thổ huyện Kontum (1). Khâm sứ đại thần Groleau bàn việc Trú sứ Bình Định tâu xin đặt thêm một Thổ huyện người Man ở Kontum để tiện quản trị dân Man. Bê tội Phủ Phụ chính cho rằng việc người Man ở biên giới thần phục rất quan hệ với chính trị, quốc triều từng đặt Sơn phòng để dự bị võ về đánh dẹp, về sau

đình bãi Sơn phòng, Bảo hộ lại đặt đồn Đại lý thay vào, gần đây người Man nhiều lần xin quan cấp cho sắc văn ấn triện, tình nguyện thân phục, nay Man Kontum đã phục tùng xin đặt một Thổ Tri huyện, xét ai có lòng quy phụ thì tâu lên chuẩn cho thi hành (chuẩn chọn Tù trưởng Man Hà Ma làm Thổ Tri huyện, lại đặt 1 viên Thông lại, chi bổng đồng niên cộng 210 đồng, ấn kiếm do nha hữu quan chế cấp).

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “Côn Tô”, ngay ở dưới viết là “Con Tô”, phía sau lại có chỗ viết là “Côn Tung”.

1657. Truy phong Lãng quốc công (1) là Văn Lãng quận vương (tên phòng chiếu theo tước mới mà viết, còn tằm mộ từ đường chiếu theo lệ quận vương chi cấp gấp đôi).

(1) *Lãng quốc công*: tức vua Hiệp Hòa.

1658. Chuẩn cho cư dân ở sở Ba Lạch (1) ở Ninh Thuận lập riêng thành thôn Tân Mỹ (sở Ba Lạch dân cư khá đông, dân ở đó là bọn Nguyễn Văn Quý xin lập thành thôn lệ vào tổng Kinh Dinh làm công vụ, cho như lời xin).

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

1659. Chuẩn cho liệt đèn Quan Công tỉnh Quảng Ngãi (ở phủ Tư Nghĩa, trở xuống đều thuộc xã Minh Hương), đèn Trần Bắc (ở xã Thu Phố, thờ Bùi Tá Hán) vào tự điển.

1660. Bộ Hình tâu xin trở đi phạm các nha môn xét án tra kết các án phải chiếu theo tội danh người phạm tội mà kết án, mãn hạn giao về chính quán hoặc quê vợ quê mẹ nhận quản thúc chịu sai dịch cùng những binh tù khác mãn hạn cũng đều tha về giao cho quản thúc. Ngày sau nếu ai lại tái phạm thì Lý trưởng xã ấy được miễn nghị, từ ngày người ấy tái phạm thì xã ấy lập tức giải nạp, không được nhất khái phát phối làm binh để không có người bị giam trong ngục lâu ngày mà người phạm tội có thể hối lỗi, chuẩn sao ra cho các nơi thi hành (lúc bấy giờ những tù phạm bị tội sung quân đi đày đều đã được đổi làm khổ sai, gặp ngày Nguyên đán, ngày Chánh chung đội ơn được bàn giảm hạn phóng thích, còn tù phạm bị kết án nhẹ hơn thì chưa nghĩ tới. Huống hồ gần đây đồn điền sơn phòng đã bãi, tù nhân bị phát phối làm quân chỉ phát đi tỉnh khác giam giữ làm lao dịch mãi mãi không được tha, cũng gần như tù phạm bị trảm giáo giam hậu, nên bộ Hình có lời nghị ấy).

1661. Tháng 12. Toàn quyền đại thần mới Picquie (1) vừa tới Sài Gòn đóng lại, sai làm sắc thư thăm hỏi.

(1) Nguyên bản viết là “Bích Khê”, tức Albert Jean George Marie Louis Picquie. Nhân vật này giữ chức Quyền Toàn quyền Đông Dương từ tháng 1. 1910 đến tháng 2. 1911.

1662. Tuyên Hóa công Bửu Tấn (trú ở Nha Trang) xin về kinh chiêm bái, cho như lời xin.

1663. Ân cấp cho nguyên Tuần phủ Trị Bình hưu trí Nguyễn Văn Thi 150 đồng (vì bình nhật làm quan thanh liêm, đến lúc ấy 84 tuổi bèn chuẩn ân cấp một lần để làm rõ sự thể tất).

1664. Thân rõ lệ đeo bài ngà (phạm người được đeo bài ngà thì tư cho bộ Công chế biện, đều chiếu theo phẩm trật cao thấp chia định kiểu dạng lớn nhỏ, như văn từ Tam phẩm, vũ từ Nhị phẩm trở lên thì bài dài 1 tấc 3 phân, rộng 8 phân, văn vũ từ Tứ phẩm trở lên thì bài dài 1 tấc, rộng 7 phân, văn từ Thất phẩm, vũ từ Lục phẩm trở lên thì bài dài 1 tấc, rộng 6 phân, trừ loại cũ đúng kiểu được đeo thì những loại không đúng kiểu đều nạp về cho bộ Công sức chế đổi cấp, ai trái lệnh thì Nha Hộ thành trích ra tham hặc hay bị tố giác sẽ lập tức chiếu luật nghiêm trị). Lúc bấy giờ Thống sứ Bắc Kỳ tư nói ở Bắc Kỳ có rất nhiều người không có quan chức mà tự ý đeo bài ngà, vì thế sinh ra tệ đoan, nghĩ xin thân rõ định lệ quan viên văn vũ tại chức mới được đeo bài (lúc nào nghĩ chức thì lưu tằm bài ấy cho người nối giữ chức) ai vượt phạm tự ý đeo bài thì chiếu luật Nam hồi tội. Phủ Phụ chính bèn tâu lên, chuẩn tuân chiếu các lời nghị trước đây bàn định (năm Minh Mạng thứ 14, năm Thành Thái thứ 16) sao ra cho các nơi tuân hành.

1665. Chuẩn trích tiền (30.000 hoặc 40.000 đồng) mua gạo (10.000 tạ) chẩn cấp cho dân tỉnh Nghệ An (hạt Nghệ An năm ấy ruộng vườn bị bão lụt, cào cào làm tổn hại rất nặng, giá gạo tăng vọt, dân tình cùng quẫn, Tổng đốc Trần Đình Phác tư xin trừ hoạch cứu giúp. Khâm sứ đại thần gọi điện văn trình, Toàn quyền đại thần ưng thuận cho trích tiền mua gạo trợ cấp để làm giảm nỗi khổ cho dân, nên có lời chuẩn ấy).

1666. Bề tôi Quốc sử quán biên soạn sách *Đại Nam Nhất thống chí* (tất cả 18 quyển) tiến lãm, dâng biểu xin khắc in, vua chuẩn lời tâu.

1667. Bắt đầu đặt chức Đốc học ở phủ Thừa Thiên, lấy nguyên Tri phủ Anh Sơn Nguyễn Văn Trinh sung vào (lúc bấy giờ vừa định học quy mới, Trung học thuộc tỉnh, Đại học thuộc Quốc tử giám, các tỉnh đã có trường Đốc học, mà phủ Thừa Thiên vẫn thuộc vào Quốc tử giám, bèn bàn nghĩ đặt thêm, tâu lên chuẩn cho tuân hành).

1668. Sửa chữa đường sá trong ngoài hoàng thành.

1669. Bộ Binh tâu xin trở đi phàm Đội trưởng Lục, Thất, Bát, Cửu phẩm còn trong ngạch lính lệ hưởng lương như gặp lúc cha mẹ chết thì chiếu lệ binh đình cho về 1 tháng lo việc tang sự xong thì trở về quân ngũ làm công vụ để tránh phải phiền phức đòi thúc hay tìm người thay thế, chuẩn sao ra cho các nơi thi hành.

Quyển 23

1670. Năm Canh tuất Duy Tân thứ 4 (1910 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Ngày Tân Hợi (ngày 6), thiết triều ở điện Cần Chánh, là tuân theo cựu chế.

1671. Ngày Bính Thìn (ngày 11) làm lễ khai giảng Kinh diên, lấy Tham tri bộ Lễ Mai Khắc Đôn sung Phụ đạo.

1672. Trích tiền lưu lại 1.000 đồng sung giúp nước Đại Pháp bị lụt. Lúc bấy giờ Khâm sứ đại thần Groleau bàn nói thành Paris nước Pháp có tuyết lớn, nước dâng lên ngập, nhà cửa nhân dân bị tổn hại rất nhiều, các nước Thái Tây và Nam Kỳ thuộc Đông Dương nghe tin đều quyên góp cứu trợ, Trung Kỳ lẽ nào bỏ mặc. Bề tôi Phủ Phụ chính đem việc tâu lên, nên có lời chuẩn ấy. Lại sai Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Công kiêm chương sự vụ bộ Nguyễn Hữu Bài sung vào hội đồng quyên góp giúp đỡ để đồn đốc hòa hiếu.

1673. Quan Phụ đạo Ébrérhardt Đại Pháp dâng chương trình giảng diên cho vua ngự lãm (thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy hàng tuần sáng sớm cưỡi ngựa, tắm rửa, học chữ Pháp và thể thao, buổi chiều học chữ Hán. Buổi chiều mỗi ngày ngự xe song mã du lãm trong kinh thành, có quan Giáo đạo theo hầu. Mỗi ngày chủ nhật du lãm trong ngoài kinh thành, hoặc đường thủy hoặc đường bộ, có quan Phụ đạo theo hầu. Mỗi sáng sớm mỗi ngày học chữ Tây 1 giờ, buổi chiều học chữ Nho 1 giờ rưỡi).

1674. Ban thưởng phẩm hàm cho thọ dân 100 tuổi ở tỉnh Quảng Ngãi là bọn Nguyễn Văn Hà, Trịnh Văn Đường (chiếu lệ năm thứ 2 thưởng bọn kỳ lão Nguyễn Hữu Thập ở Thanh Hóa, Hà được thưởng hàm Tùng Bát phẩm, Đường được thưởng hàm Tùng Cửu phẩm), lại ban cho biển ngạch đều 1 tấm.

1675. Tháng 2. Chuẩn cho sao lục hành trạng của Lê tần triều trước Nguyễn Nhược thị chép vào liệt truyện (chép phụ vào sau truyện Anh hoàng hậu). Lê tần phụng hầu dưới triều Dục tông Anh hoàng đế, trải thăng tới Tứ giai sung Giáo tập tam cung lục viện, về sau giúp đỡ hai cung được thăng Tam giai, trải hết gian lao, rất có danh tiếng, đặc chuẩn sao lại hành trạng phụ vào sử sách để đặc biệt biểu dương.

1676. Đầu xuân ban ơn, chuẩn cho quan viên văn võ trong kinh ngoài tỉnh được thăng thưởng có thứ bậc khác nhau (văn từ Tổng đốc Thanh Hóa Tôn Thất Thiệm thăng Thự Hiệp biện đại học sĩ vẫn lãnh chức trở xuống 16 người, võ từ Chương vệ vệ Thân binh gia Thống chế sung kiêm quản Thị vệ thái giám Nguyễn Gia Trung thăng thụ Thống chế vệ Thân binh vẫn sung chức trở xuống 2 người).

1677. Quan phủ Thừa Thiên Từ Thiệp báo tin bão lụt (huyện Phú Lộc bị nặng nhất), chuẩn trích tiền (194 đồng) chẩn cấp.

1678. Quan quân tỉnh Nghệ An vây bắt ở thôn Phan bán chết thủ lãnh đảng nghịch Đặng Thái Thân và bắt được đồ đảng 5 người. Đầu tiên là Cử nhân người Nghệ An Phan Bội Châu lén qua Nhật Bản, thác tiếng du học nhưng thật ra là muốn mượn ngoại viện để mưu đồ nổi dậy, làm sách lập ngôn kích động dụ dỗ người trong nước, cùng ngầm sai bề đảng gọi vốn mở thương cuộc để giúp đỡ, nhất thời thân thương sĩ thứ nườm nượp về theo như điên (bọn Cường Để, Ứng Chú trong hoàng tộc, Phan Châu Trinh, Vũ Phương Trứ trong quan trường, bọn Ký Hiên làm việc ở Tòa sứ phụ họa, Phó Phụ, Phần Lâu là quân nhân a tòng, cùng các bậc đại khoa, Cử nhân Tú tài cùng sĩ dân bị các tỉnh trước sau lần lượt kết án có không ít người). Lúc ấy bọn vong mệnh bị kết án trốn đi, bọn du thủ du thực mưu lợi theo đó hoạt động bức hiếp quyên góp cướp bóc, đều nói là để khởi nghĩa, bọn lưu manh ở nơi hẻo lánh đều xưng là chí sĩ, tiếng tăm cơ hồ lan khắp cả nước. Thái Thân cùng bọn Tiến sĩ Ngô Đức Kế, Đốc học Đặng Nguyên Cẩn thiết lập Triều Dương thương quán làm cơ quan, phàm tiền bạc các tỉnh gởi về, tin tức trong ngoài báo tới đều do Thân làm chủ. Đến khi Nguyễn Văn Hinh cùng bọn giặc Hương tập hợp ở Hà Tĩnh thông đồng với Âm Viên trong lính tập khổ xanh dấy loạn, việc bị bại lộ liên lụy tới cả bọn, đã bị tỉnh Hà Tĩnh kết án (Bội Châu xử tử, chờ bắt được sẽ thi hành, Đức Kế, Nguyên Cẩn phát phối Côn Lôn, còn lại đều chiếu tình tội khác nhau kết án, phàm những người can án có tới hơn trăm), hiện tại đang trốn lánh, mật tư cho các nơi tìm bắt. Thân bèn trốn trong dân gian, đến lúc ấy dân thôn mật báo, quan tỉnh và Trú sứ phái quân vây bắt, Thân bán chết 1 lính tập, kẻ bị bán chết, thu được giấy tờ sổ sách có liên quan và ngân phiếu rất nhiều, đồng thời bắt được bọn Tá quốc khanh Ứng Chú và Tú tài Châu người Quảng Ngãi, đều bị tỉnh Nghệ An kết án. Lúc ấy bọn thủ lãnh trong đảng như Nguyễn Văn Hinh và Tú tài Phạm Ngôn, Nguyễn Kiên đều lần lượt bị bắt đáo án, mà mỗi một vụ bắt được thì liên lụy tới rất nhiều người, cùng với kẻ thù oán thù dệt, bọn côn đồ báo phục, nhân dân hàng ngày sống trong cảnh bị tình nghi khủng bố, hơn mấy mươi năm mới được yên ổn.

1679. Tháng 3. Chuẩn cho Tuyên Hóa công Bửu Tán về kinh (công vào tháng 10 năm thứ 1 dời tới ở trong dinh thự Án sát tỉnh Khánh Hòa, đến lúc ấy gởi thư cho Tòa Khâm sứ xin cho về ở trong kinh. Khâm sứ đại thần xét không thấy có gì đáng ngại bèn bàn tâu lên, cho như lời xin).

1680. Chước định Thống chương các vệ ở kinh (vệ Trung Nhất đặt một Đô thống, vệ Thân binh và vệ Tiền Nhị đều đặt một Thống chế, một Đề đốc kinh thành, các vệ Tả Tam, Hữu Tứ, Hậu Ngũ đều đặt một Chương vệ, vệ Thủ hộ đặt một Lãnh binh).

1681. Đổi định lệ phúc hạch Âm sinh (tham chiếu lệ hạch âm ở Bắc Kỳ, đề mục khảo hạch đều dùng chữ Pháp, chữ Hán và chữ quốc ngữ mỗi loại một bài).

1682. Chuẩn thưởng Tổng đốc Nam Định Phạm Văn Toán hàm Thái tử Thiếu bảo, là theo lời xin của Thống sứ đại thần (Thống sứ đại thần gởi thư nói Toán là người công bằng liêm chính ngay thẳng tận tâm giúp nước, người Pháp người Nam đều tin yêu).

1683. Đặt chức Bang tá ở huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi (tổng Lý Nhơn thuộc huyện ở riêng ngoài đảo, địa thế cách trở, khó quản cố chu tất, quan tỉnh xin tạm đặt chức Bang tá kiêm biện các việc kiện tụng và dạy học).

1684. Trú sứ Quảng Ngãi Đỗ Đài (1) kính dâng một con voi đực.

(1) Nguyên bản viết là “Đỗ Đài”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1685. Chước định lệ bảo vệ tẩm mộ của hoàng thân, vương công, công chúa, cung tần (tuân chiếu Nghị định năm Thành Thái thứ 10 giao cho người giữ việc thờ cúng và thân thuộc gia tẩm bảo vệ, hoặc tự thuê người trông coi bảo vệ hoặc theo địa phương thân sức cho Tổng lý thường xuyên trông coi).

1686. Chuẩn cho thôn Hội Phát huyện Hoài Ân Bình Định chia làm 3 thôn (Hội Phát, Hội An, Hội Văn) để tiện các việc tuần phòng trung thu.

1687. Thân định Tổng lý trưng thuế không được thu lạm. Trở đi phạm hạt nào đến kỳ trưng thuế mà Chánh Phó tổng, Lý trưởng bị phát giác ra thu lạm sách nhiễu thì chiếu luật Thu lạm lương thuế xử trị để trừng trị tệ đoan mà tránh làm khổ dân.

1688. Thân rõ lệ Chánh Phó Đội trưởng xét có thể giữ chức Quản cơ, Thành thủ úy. Trở đi phạm trong kinh ngoài tỉnh bất kể là Chánh Phó Đội trưởng, ai thăng tới Chánh Ngũ phẩm thực hàm, tại chức được một năm trở lên mà có thực trạng mới được chiếu lệ (lời nghị chuẩn năm Thành Thái thứ 5) xét biện.

1689. Mùa hạ, tháng 4. Yên Thành quận công Miên Lịch mừng thọ 70 tuổi, sai quan ban cho phẩm vật.

1690. Thân định lệ tập phong và chi bổng cho tôn tước. Lệ cũ tôn tước trong hoàng phái được tập phong thì chiếu tước chi bổng, năm Thành Thái thứ 11 chuẩn cho lãnh trước tiền bổng 5 năm mà đình việc cấp nguyệt bổng, năm thứ 16 chuẩn cho 72 người tôn tước và Công tử Công tôn được hưởng bổng lại nhưng có khuyết thì không được bổ sung. Đến lúc ấy Phủ Phụ chính bàn lần ấy khôi phục bổng lệ không phân biệt người được tập phong hay quá kế (1), ân phong, đều nhất khái định hạn có khuyết cũng không được bổ sung thì sắp tới hoàng phái sẽ không còn có lệ chi bổng cho người giữ việc thờ cúng, lại lâm thời phân phái rất khó, bèn tâu chuẩn trở đi trong phòng chỉ có một người được tập phong thì chiếu tước chi bổng để sung vào việc thờ cúng, còn những người quá kế thay giữ việc thờ cúng và được ân phong quyền giữ việc thờ cúng đều không được viện lệ ấy để xin.

(1) *Quá kế*: tức người hàng con cháu dòng này được chỉ định qua giữ việc hương hỏa cho bậc trưởng bối dòng khác không có con trai nối dõi.

1691. Đổi phủ Cam Lộ tỉnh Quảng Trị làm huyện Cam Lộ (công vụ ở phủ vì đặt huyện Hương Hóa nên chỉ còn 3 tổng, dân số quá ít nên đổi làm huyện), huyện Vĩnh Linh làm phủ Vĩnh Linh (huyện hạt tiếp giáp với chỗ xung yếu đầu tỉnh Quảng Bình, dân số khá đông nên đổi làm phủ).

1692. Quyền Toàn quyền đại thần Picquié về nước, nguyên Toàn quyền đại thần Klobukowski lại tới thay thế, sai quan đón tiếp thăm hỏi tặng biếu đều như lệ.

1693. Đình đặt chức Lãnh binh tỉnh Quảng Ngãi (việc đề phòng người Man ở Quảng Ngãi rất bận rộn, trước nay đặt Chánh Phó Lãnh binh mỗi chức một viên. Đến lúc ấy có đôn của quan Pháp đóng giữ nên đình đặt chức Lãnh binh, chỉ lưu chức Phó Lãnh binh).

1694. Sửa đổi lệ thăng bổ Dịch thừa Dịch mục (trở đi phạm Dịch thừa Dịch mục các dịch trạm có khuyết phải do các tỉnh hạt ấy xét người làm việc trong trạm lâu năm, hơi biết chữ thì suy cử bổ nhiệm làm Dịch mục thí sai, hoặc nếu không có loại người ấy thì xét theo sổ ngạch của trạm hoặc lấy hào lý thân sĩ ở xã điền bổ, mãn hạn 3 năm làm việc chăm chỉ tốt đẹp mới cho bổ làm Dịch mục, tại chức 4 năm mới được làm Dịch thừa thí sai, lại tròn 3 năm mới cho thực thụ Dịch thừa. Trong đó trạm nào cần Dịch thừa thì Dịch mục mới thực thụ được một hai năm cũng cho làm Dịch thừa thí sai, vẫn kể từ khi bổ làm Dịch mục đến khi làm Dịch thừa thí sai phải tròn 7 năm mới được thực thụ).

1695. Tháng 5. Khoa thi Hội năm ấy lấy Tổng đốc Bình Phú Bùi Xuân Huyền sung Chủ khảo, Hàn lâm viện Trục Học sĩ lãnh Đốc học Nam Định Nguyễn Viết Bình làm phó (phép thi chiếu theo lời Nghị định năm trước. Kỳ thứ nhất ra đề 5 bài kinh sách, 2 bài sử truyện, 2 bài Bắc sử, 1 bài Nam sử, công sĩ làm được 2 đề kinh sách, 2 đề sử truyện, 1 đề Bắc sử, 1 đề Nam sử là hợp lệ. Kỳ thứ hai chiếu dụ tấu số biểu văn đều 1 đề, đều dùng văn thời nay. Kỳ thứ ba luận chữ Nho 1 đề, luận chữ quốc ngữ 2 đề, tùy ý ra đề về văn học, cách trí, thời vụ. Kỳ thứ tư ra đề lịch sử Thái Tây 2 bài, cách trí 2 bài, địa dư bản quốc 2 bài, nhân vật 2 bài, thời vụ 2 bài, làm được 1 bài lịch sử

Thái Tây, 1 bài cách trí, 1 bài địa dư, 1 bài nhân vật, 2 bài thời vụ là hợp lệ. Làm được bảy tám bài cũng cho, làm được cả cang hay, tính hết dự cả 4 kỳ hoặc phân số 3 kỳ, ai tình nguyện thi tiếng Pháp thì thi một kỳ riêng, không muốn cũng không ép, trong đó có phân số 3 kỳ mà chữ Tây được lấy đủ cũng là thông được 4 kỳ, cho thuộc hạng trúng cách. Việc duyệt phê chấm điểm văn quyển đổi dùng điểm số, mỗi kỳ phải được 10 điểm trở lên mới là trúng hạng, tính hết hai kỳ thứ nhất thứ hai trong đó có một kỳ được 10 điểm trở lên thì cho vào kỳ thứ ba, trong ba kỳ có hai kỳ được 10 điểm trở lên thì cho vào kỳ thứ tư. Kỳ thứ tư hoặc kỳ thứ ba đều đủ 10 điểm trở lên, thi riêng tiếng Pháp một kỳ, chấm bài xong, trừ 3 kỳ chỉ được 30 điểm tới 40 điểm mà kỳ chữ Pháp không dự điểm chỉ theo điểm xếp hạng. Còn ai chữ Nho ba kỳ được 40 điểm trở lên, kỳ thi tiếng Pháp bất kể có điểm hay không có điểm và ai chữ Nho ba kỳ được 44 điểm trở lên hoặc ba kỳ chỉ được 30 điểm nhưng cộng chữ Pháp được 41 điểm trở lên thì cho vào hạng trúng cách, nhưng không chia hạng chánh thứ trúng cách mà nhất luật chuẩn cho vào thi Điện. Thi Điện cũng đổi chấm điểm, từ 1 tới 20 điểm làm hạn. Mỗi 1 điểm lại thêm 1 điểm, nếu không được 1 điểm hoặc nửa điểm thì truất điểm, tính chung cả điểm thi Hội thi Điện được 6 phần, mỗi phần được 20 điểm thì ban Đệ nhất giáp đệ nhất danh, được 7 điểm ban Đệ nhất giáp đệ tam danh, được 15 tới 13 điểm thì ban Đệ nhị giáp Tiến sĩ, được 10 tới 12 điểm thì ban Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ, được 7, 8, 9 điểm xếp vào hàng Phó bảng, Phó bảng cũng cho ăn yến, nhưng chỗ ngồi thức ăn thì có hơi khác với hạng tiến sĩ). Đến khi thi Điện (Hiệp biện lãnh Thượng thư bộ Lễ Huỳnh Côn, lãnh Tổng đốc Nam Ngãi Hồ Đắc Trung sung Đốc quyển, Thị lang bộ Lễ Mai Hữu Dục, Phủ doãn Thừa Thiên Từ Thiệp sung Duyệt quyển) ban cho 4 người bọn Vương Hữu Phu là Đồng Tiến sĩ, 19 người bọn Nguyễn Quỳnh là Phó bảng.

1696. Chuẩn cho Đề đốc lãnh Lãnh binh Hà Tĩnh Nguyễn Khắc Trọng hưu trí, lấy Phó Lãnh binh Quảng Trị Lê Văn Bách thay thế. Trọng (người tỉnh Hà Tĩnh) là vũ thần lão luyện, làm việc 35 năm, cần lao một tiết, đến lúc ấy vì già yếu xin về (hơn 60 tuổi), chuẩn thăng Đô thống phủ Đô thống, gia thưởng một tấm kim khánh hạng nhất, lại do tình thần xét hỏi con của viên ấy có muốn làm việc quan hay không thì tư cho bộ lục dụng.

1697. Thân định lệ cấp bổng cho quan viên hưu trí. Trở đi phạm viên nào vốn trước làm việc với Chính phủ quý Bảo hộ bao nhiêu năm tháng, sau đổi làm Bát phẩm văn giai, Thất phẩm vũ giai của bản triều trở lên đều được kể cả thời gian ấy chiếu theo lệ Nam triều biện lý. Tới như quan viên văn vũ trước kia đã hồi hưu hoặc có làm hậu bổ triệt hồi đều chiếu lệ trước biện lý (Lê Văn Thiệu về hưu trước khi có lời nghị mới, về sau chức lượng cấp cho 30 đồng) mà làm đề có phép tắc nhất định.

1698. Tháng 6. Sai quan các địa phương nghiêm sức phủ huyện trở đi phạm có sức điều bát việc gì có quan hệ tới tiền bạc sức lực của dân thì phải giao trát son cho các xã thôn nhận giữ lưu chiếu để tiện lâm thời đối chiếu tra cứu. Tới như tín bài thẻ tre các hạng chỉ dùng để đòi bắt những vụ kiện tụng lật vật mà thôi, là theo lời xin của quý Trú sứ tỉnh Bình Thuận (theo lệ cũ phạm phủ huyện đặt bài chỉ đòi bắt thì chức lượng khu vực lập kỳ hạn, tùy việc tiêu hủy, không có giấy tờ lưu chiếu, lại dịch dễ tư tộ nên có lời nghị ấy).

1699. Thân định lệ tuần binh trong đại nội về hưu (tham chiếu Suất đội và lính tập ở Tòa sứ đến hạn về hưu cùng tại ngũ bị bệnh bị thương chiếu lệ hưu bổng chi cấp. Các hạng tuần binh trong đại nội từ Suất đội tới như Ngũ trưởng tuần binh tại ngũ đủ hạn (25 năm) về hưu thì Suất đội hạng nhất đồng niên cấp tiền (trở xuống cũng thế) 60 đồng, Suất đội hạng hai 50 đồng, Thập trưởng 40 đồng, Ngũ trưởng và tuần binh đều 30 đồng. Những người tại ngũ bị bệnh bị thương cho về thì Suất đội hạng nhất cấp 50 đồng, Suất đội hạng hai 40 đồng, Thập trưởng 36 đồng, Ngũ trưởng và tuần binh đều 30 đồng).

1700. Đặt Hội đồng Học quy Trung Kỳ, lấy Hiệp biện lãnh Thượng thư bộ Học Cao Xuân Dục, Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lễ Huỳnh Côn và Thị lang bộ Lại Đào Thái Hanh, Đốc học phủ Thừa Thiên Nguyễn Văn Trình đều sung làm hội viên.

1701. Mùa thu, tháng 7. Gia phong Hiệp biện đại học sĩ lãnh Tổng đốc Hải Yên sung Bắc Kỳ Khâm sai đại thần Phú Hoàn nam Lê Hoàn là Phú Hoàn tử, lại chuẩn thăng Thự Vũ Hiền điện đại học sĩ, nguyên Tuần phủ sung Tham tán quân vụ Trần Đình Lượng thăng Tổng đốc, nguyên Đô thống sung Tham tá quân vụ Đỗ Đình Thuật thăng Thự Đô thống Chương phủ sự, vì có công tiêu bình đảng giặc Hoàng Hoa Thám ở hạt Yên Thế.

1702. Tháng 8. Thương quan viên kỳ dịch xã Thai Dương có thứ bậc khác nhau (nguyên Thự Tham tri bộ Công giáng ba cấp Trần Vỹ khai phục Hồng lô tự khanh, kỳ lão Nguyễn Văn Giáp, Nguyễn Văn Sơn hoặc thưởng hàm Tòng Cửu phẩm hoặc thưởng ngân tiền). Mùa thu năm ấy ngr giá ra tấn Thuận An xem biển, người sở tại xã ấy có lòng châu hầu hồ giá, nên đại thần Tôn Thất Hân, Huỳnh Côn xin ban thưởng cho.

1703. Đại thần Phủ Phụ chính Nguyễn Hữu Bài xin tới hạt Quảng Trị đi khám những đất trung khẩn được nhượng trung (nhận đất hoang ở xã Như Lệ huyện Hải Lăng đặt riêng làm sở Phước Môn), cho như lời xin.

1704. Các tỉnh từ Thừa Thiên tới Hữu Trục kỳ*** đều báo tin bị bão (tỉnh Quảng Bình nặng nhất, dinh thự Tòa sứ ở tỉnh và nhà cửa thuyền bè của dân chung quanh đều bị hư hại chìm mất, văn thư đều bị ngâm nước), sai quan địa phương khám xét trừ hoạch cứu giúp.

1705. Tháng 9. Sai Vũ Hiền điện đại học sĩ quản lãnh Thượng thư bộ Lại Trương Như Cương tới Hà Thành hội nghị.

1706. Sách *Thực lục Chính biên đệ lục kỷ* hoàn thành dâng lên (chánh phó bản đều hai bộ, tuân giữ trong điện Càn Thành và Đông Các).

1707. Lúc bấy giờ binh dân trong kinh thành bị bệnh dịch, sai Thái y viện cứu chữa điều trị phần nhiều có hiệu quả, chuẩn thưởng Phó Ngự y Phạm Đức Dụ hàm Ngự y.

1708. Quảng Bình mất mùa, dân trong hạt có 30 người quyên góp chẩn cấp, chuẩn đều thưởng phẩm hàm khác nhau (quyên mỗi 300 đồng thưởng 1 trật, người biết chữ thưởng hàm Tùng Cửu phẩm văn giai, người không biết chữ thưởng hàm Tùng Cửu phẩm Bá hộ, người chưa cập cách thì chờ đến năm 18 tuổi sẽ cấp nhưng không được viện vào đó xin bổ làm quan).

1709. Dời xây ba miếu Công thần, Hiền Lương, Trung Nghĩa tới nền Quốc tử giám cũ (miếu Công thần vốn ở xã Vĩ Dã, hai đền*** Hiền Lương, Trung Nghĩa vốn dựng ở xã An Ninh, quá gần chỗ dân cư, địa thế chật hẹp nên đều dời đi).

1710. Mùa đông, tháng 10. Lấy Hiệp biện đại học sĩ lãnh Tổng đốc An Tĩnh Trần Đình Phác đổi lãnh Thượng thư bộ Hộ sung Phụ chính đại thần (Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lễ Huỳnh Côn thôi kiêm), Thụ Tổng đốc lãnh Tuần phủ Quảng Ngãi Đoàn Đình Duyệt quyền lãnh Tổng đốc An Tĩnh, Phủ doãn Thừa Thiên Từ Thiệp thăng lãnh Tuần phủ Quảng Ngãi.

1711. Tỉnh Quảng Ngãi bị bão lụt (hơn 10 người chết đuối, nhà cửa thuyền bè dọc sông hư hỏng chìm mất có tới hàng vạn), chuẩn trích tiền lưu lại 1.000 đồng chẩn cấp.

1712. Chuẩn thưởng cho Công sứ tỉnh Quảng Bình Đấng Pha Lung (1) một đồng kim tiền (2) và các viên Trợ biện kim khánh kim tiền có thứ bậc khác nhau (vì hạt ấy gần đây bị bão lụt, có công cứu hộ dân bị nạn, sửa chữa cầu đường).

(1) Nguyên bản viết là “Đấng Pha Lung”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) Nguyên bản chép là “kim ngân tiền nhất mai”, ngờ là “kim tiền nhất mai” bị chép lầm, đây dính lại và dịch như trên.

1713. Thân định lệ chọn hạch sinh viên (lệ cũ cứ tới các năm Thìn Tuất Sửu Mùi phạm Công tử Công tôn, Tôn sinh, sinh viên ở Quốc tử giám cùng Âm sinh các tỉnh theo lệ được chọn tuyền, bộ Lễ và Đô sát viện hội đồng ở điện Bông Doanh* hồ Tịnh Tâm hạch biện. Đến lúc ấy vì nơi ấy bị hư hỏng nên tạm hội họp ở trường thi phủ Thừa Thiên khảo hạch. Về thể thức làm văn chiếu theo phép thi đưa ra đề mục ba kỳ, văn sách 1 đề, làm luận chữ Nho, chữ quốc ngữ đều 1 đề, chấm điểm được từ 18 tới 20 điểm là hạng ưu, 15 tới 17 là hạng bình, từ 10 tới 14 điểm là hạng thứ, người dự hạng do bộ Lại lập hồ sơ để bổ dụng).

1714. Tháng 11. Định lệ công ích đồng niên cho các dân Man ở địa hạt Kontum. Đất Man Kontum ở thượng du Bình Định, năm trước Chính phủ Bảo hộ trích đất làm tỉnh mới Pleikou (1) Đê (giáp giới nước Lào), gần đây đình bãi, nghị định sáp nhập xứ ấy trở về hai hạt Bình Định, Phú Yên thuộc cương giới bản quốc, phần thuộc địa phận Bình Định bàn đặt Sở Đại lý Kontum để tiện thống quản. Đến lúc ấy Khâm sứ đại thần Groleau bàn nghĩ thuê lệ, bèn chuẩn định từ năm ấy trở đi phạm dân Man và những dân Lào (như các tộc Sédan, Raglai, Bana@*** (1) thuộc hạt ấy đình tráng từ 20 tuổi tới 60 tuổi mỗi người đều chịu công ích 10 ngày (mỗi ngày chuộc tiền đều 1 hào), vẫn do Sở Đại lý làm danh sách trình lên Tòa Khâm sứ duyệt định thi hành (gặp lúc có thiên tai chuẩn giảm). Số công ích ấy dùng vào việc sửa sang đường sá trong hạt. Những quan viên từng sự Bảo hộ cùng bản triều và các tù trưởng, lính tại ngũ (cùng một người thân thuộc của người lính ấy đang ở nhà, tại ngũ liên tiếp 5 năm) đều được miễn.

(1) Nguyên bản viết là “Câu Lay”, tức “Lay Câu” bị chép lầm, đây dính lại và dịch như trên. Xem điều 1850.

(1) Nguyên bản viết là “Xê Đăng, Ra Kê, Ba Na”.

1715. Tăng cấp tiền bổng cho quý quan Phụ đạo Ebrérhardt (nguyên bổng đồng niên 15.000 quan tiền Tây, đến lúc ấy vì giáo đạo có công, tăng cấp tiền đồng niên đều 2.000 quan tiền Tây, bắt đầu từ ngày 1. 1 Tây lịch năm tới).

1716. Đồi man Bàn Thạch Tam Kỳ*** tỉnh Quảng Nam làm thôn Bàn Thạch Tứ Kỳ (đình số 21 người, chợ Tam Kỳ giao cho thôn mới quản trung, các sở ruộng đất vẫn phụ nạp theo các thôn Tam Kỳ, Dưỡng An).

1717. Chuẩn sáp nhập thôn Bình Chánh (vốn thuộc tổng Xuân Đài huyện Đồng Xuân) tỉnh Phú Yên vào phủ Tuy An (thuộc tổng An Sơn) để cân bằng khoảng đường, tiện việc công vụ.

1718. Chuẩn cho thân thuộc của công thần trung hưng người Đại Pháp Nguyễn Văn Chấn (tức chúa tàu Long), Lê (1) Văn Lãng (tức chúa tàu Bằng) là Nguyễn Trường Giáp tập ám Tòng Bát phẩm Đội trưởng coi việc thờ cúng (Nguyễn Văn Chấn vốn tên là Dayot (2), được ban quốc tính, theo quân chinh phạt, sai quản thuyền Long phi, làm quan tới chức Chương cơ. Đầu niên hiệu Minh Mạng vì già về nước, phu nhân vẫn ở lại bản quốc. Lê Văn Lãng làm quan tới chức Chương cơ, cùng con lưu lại bản quốc, sau đó qua đời, phần mộ đều ở hai ấp Phước Quả, Thủy Tú huyện Hương Trà phủ Thừa Thiên. Năm Thành Thái thứ 10 đã khám, mộ Lê Văn Lãng ở ấp Phước Quả, mộ phu nhân Nguyễn Văn Chấn ở ấp Thủy Tú, đều còn chữ viết, đã bàn cấp ruộng thờ 4 mẫu ở xã Lê Xá huyện Phước Vang, cũng ám thụ cho thân thích là Hồ Văn Tháp hàm Chánh Cửu phẩm, sung việc trông coi. Đến lúc ấy Tháp lại kêu xin thế tập, bộ Lễ tâu lên, cho như lời xin).

(1) Nguyên bản chép là “Nguyễn”, nhưng đoạn sau chép là “Lê”, đây dính lại như trên. Nhân vật này tên thật là De Forçan, là một trong những người phương Tây theo giúp Nguyễn Ánh trong nội chiến Tây Sơn – Nguyễn Ánh cuối thế kỷ XVIII.

(2) Nguyên bản chép là “Đa Đột”, nhưng đây là một lầm lẫn của sử thần triều Nguyễn từ đầu thế kỷ XIX trở đi. Đa Đột tức Jean Marie Dayot, tước Trí Lược hầu, theo Nguyễn Ánh trong nội chiến Tây Sơn – Nguyễn Ánh cuối thế kỷ XVIII, nhưng đến 1795 thì bỏ đi chứ không theo Nguyễn Ánh đến 1802. Nguyễn Văn Chấn tên thật là Philippe Vannière, vợ trước là một người Việt họ Hồ ở Huế. Về những ngôi mộ này, G. Nadaud trong bài *Les tombeaux de Phú Tử et de Phước Quả, Bulletin des Amis du Vieux Hué* (BAVH), Juillet-Septembre, 1915 và L. Cardière trong bài *Les Français au service de Gia Long, Tombeau de De Forcant*, BAVH, Avril-Juin, 1918 đã tìm hiểu khá chi tiết.

1719. Tháng 12. Thân định lệ nạp chuộc (trở đi vụ án nào nghĩ được nạp chuộc thì phải nạp đủ số rồi thả về, tiền chuộc do quan tỉnh giữ chờ đến khi duyệt án thì chiều lệ biện lý. Lâm thời án không được chuẩn y cho chuộc thì số tiền quan giữ phải lập tức sức cho trả lại).

1720. Đình bãi chức Bang biện ở đạo Ninh Thuận (năm Thành Thái thứ 13 đổi đặt đạo, vì công việc bận rộn nên đặt thêm chức Bang biện giúp việc. Đến lúc ấy việc ít bèn đình).

1721. Sách *Đại Nam Chính biên Liệt truyện nhị tập* (1) hoàn thành dâng lên (cắt giữ chánh phó bản ở điện Càn Thành và Nội các mỗi nơi một bộ), chuẩn in cấp cho án quan cùng các học đường trong kinh ngoài tỉnh và các đại viên hưu trí mỗi nơi một bộ.

Quyển 24

1722. Năm Tân hội Duy Tân thứ 5 (1911 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Gia phong Phụ chính thân thần Tôn chính Phủ Tôn nhân Yên Thành quận vương Miên Lịch là Yên Thành vương, Phụ chính đại thần Vũ Hiến điện đại học sĩ quản lãnh bộ Lại Hiến Lương tử Trương Như Cương là Hiến Lương bá, Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Học An Xuân nam Cao Xuân Dục là An Xuân tử, tấn phong Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hình Tôn Thất Hân là Phù Quang tử, Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lễ Huỳnh Côn là Mỹ Hòa tử, Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Công kiêm quản sự vụ bộ Binh Nguyễn Hữu Bài là Phước Môn tử, đều vì là người thân ngôi trọng hoặc vì kỳ thạc huân lao, chứ không phải chỉ vì có công tôn lập.

1723. Lại chọn phái những người trẻ tuổi, tư chất tốt đẹp qua nước Đại Pháp du học. Trước là năm Thành Thái thứ 18 nguyên Toàn quyền đại thần bàn định mỗi năm chọn phái người du học, về sau vì phí tổn quá lớn nên tạm đình. Đến lúc ấy Toàn quyền đại thần lại bàn tới việc ấy, nói kinh phí do ngân sách Bảo hộ chi cấp, bèn chọn phái bọn Cử nhân Trương Như Đình, Cao Xuân Xoang, Kiểm thảo Tôn Thất Phóng, Thông sự Nguyễn Chuyên sung vào.

1724. Toàn quyền đại thần Klobukowski về nước, sai Phụ chính đại thần Trương Như Cương, Cao Xuân Dục mang sắc thư tới Đà Nẵng thăm hỏi đưa tiễn (Toàn quyền đại thần tạm về nước bàn bạc các việc lợi ích của Đông Dương. Khâm sứ đại thần ở Cao Man là Luce (1) quyền thay).

(1) Nguyên bản viết là “Lục Sơ”, tức Louis Paul Luce. Nhân vật này giữ chức Khâm sứ Cao Miên (Résident supérieur du Cambodge) lần thứ hai từ 29. 12. 1905 đến 26. 7. 1911, giữ chức Quyền Toàn quyền Đông Dương trong thời gian Toàn quyền Klobukowski về Pháp lần thứ hai đến trước khi Toàn quyền Albert Sarraut sang thay từ 7. 2 đến 15. 11. 1911.

1725. Khâm sứ đại thần Groleau về nước, Giám đốc đại thần Sestier quyền thay, đưa tiễn đón tiếp đều như lệ.

1726. Tháng 2. Đầu xuân ban ơn, chuẩn cho quan viên văn võ trong kinh ngoài tỉnh thăng thưởng có thứ bậc khác nhau (văn từ Tham tri bộ Hình Tạ Tương thăng Thự Thượng thư trở xuống 11 người, võ từ Chương vệ Đổ Đức Phong thăng Thự Thống chế trở xuống 2 người).

1727. Bàn bạc chỉnh lý chương trình học vụ ở Bắc Kỳ (khoản 1: nghĩ lập Nha Học chính chuyên trách để tách biệt với chính trị, trong đó Học chính lại chia làm hai, một chuyên về việc dạy học, một chuyên kiểm soát các việc học vụ. Khoản 2: Trợ giáo là giáo viên ở xã thôn, chuyên dạy Sơ học, chọn những người trúng nhất trường thi Hương mà có bằng Sơ học tiếng Pháp sung vào, lương tháng do xã thôn chi cấp, nếu dạy dỗ học trò có tiến bộ sẽ được thưởng thụ phẩm hàm. Khoản 3: các chức vụ phẩm hàm kiểm soát lương bổng sẽ có chuẩn định riêng. Khoản 4: quản giáo chia làm hai hạng, một là các viên Giáo Huấn trường Trung học, một là các viên Giáo Huấn trường Đốc học, các viên Đốc học chuyên dạy trường phủ huyện và kiểm soát trường Sơ học ở các hạt, chuyên quản trường tỉnh học và các việc học chính trong tỉnh. Khoản 5: quan kiểm soát hạng nhất thể thống ngang với chức

Tuần phủ. Khoản 6: thầy giáo Sơ học chỉ có một hạng, Huấn Giáo đều chia làm ba hạng. Huấn đạo hạng nhất hàm Chánh Thất phẩm, hạng hai hàm Tùng Thất phẩm, hạng ba hàm Chánh Bát phẩm. Giáo thụ hạng nhất hàm Tùng Ngũ phẩm, hạng hai hàm Chánh Lục phẩm, hạng ba hàm Tùng Lục phẩm. Điền học hạng nhất hàm Tùng Tứ phẩm, hạng hai hàm Chánh Ngũ phẩm. Đốc học hạng nhất hàm Tùng Tam phẩm, hạng hai hàm Chánh Tứ phẩm. Quan kiêm Chương Học chính trật Tùng Nhị phẩm. Giáo chức có bằng Trung học Sơ phạm được chiếu hàm mới bổng mới, các viên Đốc học không có bằng cấp cũng được đổi theo hàm mới bổng mới).

1728. Khâm sứ đại thần Sestier gửi thư nói Đông Dương Toàn quyền đại thần bàn Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lễ Mỹ Hòa tử Huỳnh Côn rất có công trong việc nhà nông, nghĩ thưởng 1 tấm Nông chính kim bội tinh hạng nhất để biêu dương. Phủ Phụ chính dâng phiến tâu lên để vua rõ.

1729. Tháng 3. Chuẩn cho hai huyện Sơn Tịnh, Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi dời đặt huyện nha và thay đổi sáp nhập các tổng (huyện nha Sơn Tịnh vốn đặt ở tổng Tịnh Thượng nhưng quá gần đất Man nên dời tới tổng Tịnh Hòa, huyện nha Bình Sơn vốn đặt ở xã Liên Trì vì không hợp thủy thổ nên dời tới thôn Mỹ Thiện tổng Bình Hạ. Lại trích hai tổng Bình Hòa, Bình Châu sáp nhập vào huyện Sơn Tịnh, đổi tổng Bình Hòa làm tổng Tịnh Hòa, tổng Bình Châu làm tổng Tịnh Châu, hợp với hai tổng Tịnh Thượng, Tịnh Trung cộng 82 thôn trại, thuế đinh điền các hạng 34.112 đồng, huyện Bình Sơn hiện còn 4 tổng Bình Điền, Bình Hạ, Bình Hà, Lý Sơn cộng 68 thôn trại, thuế các hạng 34.181 đồng), là theo lời xin của Tuần phủ Từ Thiệp.

1730. Thương cho Võ Thị Đan xã Phú Cường tỉnh Khánh Hòa một tấm biển ngạch “Hiếu nghĩa khả phong” và ban cấp một đồng kim tiền Nhị nghị (Thị Đan xuất tiền ra trợ cấp dân nghèo, lại giúp xây dựng trường học và nhà thờ. Quan tỉnh tâu xin, bèn chuẩn thưởng cho).

1731. Mùa hạ, tháng 4. Bê tôi Phủ Phụ chính tâu nói trong những sách tân thư có những quyền do người Trung Quốc soạn như *Việt Nam vong quốc sử* cùng *Cáo Lục tỉnh văn*, *Việt Nam quốc sử khảo*, *Tân Việt Nam*, *Hoàn hải quy hồng kỷ niệm lục*, *Lư Thoa hồn* (1), làm lây lời suông bản bậy thời chính, bọn thiếu niên nước ta nhiều người lên truyền tay nhau đọc, bị mê hoặc khích động làm điều bậy bạ, nếu không tiến hành cấm trước sẽ sinh ra tệ đoan. Xin thân sức cho sĩ dân trong kinh ngoài tỉnh, trừ những sách cách trí vệ sinh, địa dư sử ký và chính trị Đông Dương đã được Thượng Nghị viện Hà Nội đưa vào phép học phép thi không thể không học thì tất cả đều cấm chỉ để ổn định lòng dân mà lập tắc những lời bản tán. Nếu đã thân sức mà ai còn dám tàng trữ in ấn truyền bá mê hoặc bậy bạ bị phát giác ra thì chiếu luật Tạo lời sấm vĩ thêm một bậc nghiêm trị, chuẩn sao ra cho thi hành.

(1) Ngoài quyển *Lư Thoa hồn* (Tinh thần Jean Jacques Rousseau), các tác phẩm *Việt Nam vong quốc sử*, *Ai cáo Nam Kỳ phụ lão ca*, *Việt Nam quốc sử khảo*, *Tân Việt Nam*, *Hoàn hải quy hồng kỷ niệm lục* nói trên đã được xác định là của Phan Bội Châu.

1732. Bắt đầu đặt Trường Hậu bổ. Ban dụ nói “Học không có thầy nhất định, cốt học cho rộng, dạy ắt phải lập việc học, cốt dạy cho chuyên. Học được rộng mà sau có thể hiểu rõ đem dùng, dạy được chuyên mà sau có thể giỏi nghề thành tài, đó đều là việc gấp hiện nay. Trong nước ta ngoài Quốc tử giám thì tỉnh đạo phủ huyện không đâu không có trường Nho học, đã rõ ràng đầy đủ vậy. Duy một khoản tân học trước đây đã bàn chuẩn nghĩ định, hiện nay đều đã thiết lập cùng trường Tiểu học ở phủ huyện, trường Trung học ở các tỉnh, học quy giáo pháp không gì không chăm chú cử hành để đợi ngày tiến hóa. Nhưng phép học trong việc chính trị là quan trọng nhất, năm trước Trường Quốc học đã chuẩn đặt một phòng Khoa mục nhưng giáo pháp chưa thể hoàn bị, Tiến sĩ, Phó bảng, Cử nhân cùng Cử nhân, Tú tài trong hoàng phái tôn thất, Cử nhân phân số và Âm sinh Tú tài hạng nhất sắp có trách nhiệm coi dân, làm việc giao thiệp đều phải hiểu biết chữ viết tiếng nói của quý quốc và chữ quốc ngữ cùng chính trị luật lệ của bản quốc, nếu không được dạy mà dự dưỡng thì ngày khác giao cho việc chính trị cũng như chưa học cầm kéo mà sai cất vải, mỗi tệ rất nhiều. Nay theo lời tâu của bê tôi bộ Học nói đã trình bê tôi Phủ Phụ chính bàn với quý Khâm sứ, các đại thần Groleau, Sestier một phen chấn chỉnh, nghĩ đặt một Trường Hậu bổ chuyên dạy những người khoa mục để học rộng biết nhiều, mở mang hiểu biết để hện ngày thực dụng. Về chương trình điều khoản đã qua bê tôi bộ Học bàn bạc với Phủ Phụ chính cùng quý Khâm sứ đại thần trừu nghĩ, rất hợp ý trầm, chuẩn cho thi hành. Chương trình điều khoản mà bộ Học bàn nghĩ tâu lên chuẩn sao ra cho thi hành”.

Kế chuẩn lãnh Tri phủ Hưng Nguyên Nguyễn Duy Cần đổi làm Hồng lô tự khanh sung Đốc giáo trường ấy, Thái thường tự khanh sung Trợ giáo Quốc tử giám Nguyễn Đình Hòe làm Phó (Chương trình: Tiết 1 nói về việc mở trường học. Trường ấy gọi là Hậu bổ để dạy Tiến sĩ, Phó bảng, Cử nhân ở Trung Kỳ và Cử nhân, Tú tài trong tôn thất hoàng phái cùng những Âm sinh, Tú tài hạng nhất. Phòng Khoa mục ở Trường Quốc học triệt bãi, chọn riêng những sinh viên hợp cách trong phòng ấy cho vào học trường này. Số người lấy 30 suất làm hạn, tuổi từ 24 tới 34, duy Tiến sĩ, Phó bảng tuy tuổi tới 40 cũng được. Những người được chọn vào học thì ở kinh do bộ Học, ở tỉnh do quan địa phương làm đơn bẩm lên, tư cho bộ Học làm thành danh sách trình Phủ Phụ chính xét nghĩ bàn với Khâm sứ đại thần duyệt định. Học bổng tính từ ngày khai trường, Tiến sĩ, Phó bảng, Cử nhân Tú tài trong hoàng phái tôn thất mỗi tháng đều 18 đồng, Cử nhân và Âm sinh Tú tài hạng nhất mỗi tháng 12 đồng, mỗi năm đều tăng thêm có nhiều ít khác nhau. Chi phí trường ấy do ngân sách học phí của bản triều chi biện. Tiết 2 nói về quy điều giảng dạy. Đặt một Đốc giáo, một Phó Đốc giáo và chức lượng số Trợ giáo, lại đặt một viên Cửu phẩm làm Thư ký từ hàn. Việc giảng dạy tiếng Pháp và các khoa Bác học thì Tòa Khâm sứ sẽ phái giáo sư sung biện. Vào học lấy

ba năm làm hạn, giáo pháp định làm bốn bậc. Một là chữ quốc ngữ, chữ Pháp, bác học, cách trí, vệ sinh, hai là sự phạm học bản quốc, ba là chính trị học Bảo hộ, bốn là chính thể luật lệ bản quốc lại kiêm giảng các sách Nho học. Cuối mỗi năm sát hạch một lần để tiện nâng bậc. Đến năm thứ ba sát hạch, người dự hạng tốt nghiệp chiếu lệ bỏ quan, lương bổng hưu bổng cũng như quan viên. Phạm các khoản trừng phạt khiển trách thân sức thải hồi trước tiên do Đốc học chỉ ra trình lên bộ Học thẩm định, riêng khoản thải hồi phải trình với Phủ Phụ chính bàn bạc. Tiết 3 nói về hội đồng kiểm duyệt chương trình. Đặt một Tòa Hội đồng kiểm soát các việc trường ấy, phạm thể lệ, công việc, giáo pháp, học vụ trong trường do hội đồng nghĩ định, lấy một viên Giám đốc sung Phó Khâm sứ hoặc Công sứ làm chủ hội, Thượng thư bộ Lại bộ Học, Thủ hiến Học chính Trung Kỳ, Hội biện Học chính cùng sung làm hội viên, lại chọn quan người Pháp người Nam đều một viên thường xuyên kiểm soát. Sắp tới chương trình này có khoản nào chưa chu tất cần thay đổi sửa chữa thì do Phủ Phụ chính quyết định, lâm thời nếu có khiếu nại tố cáo khoản nào cũng do Phủ Phụ chính xét quyết).

1733. Đình đặt Tham tri bộ Học, đặt thêm Thị lang, Biện lý mỗi chức một người. Lấy lãnh Bô chánh Khánh Hòa Nguyễn Văn Mại sung Thị lang, Lang trung ở bộ Nguyễn Thiện Hành sung Biện lý.

1734. Tháng 5. Sai Phụ chính đại thần Vũ Hiến điện đại học sĩ Hiền Lương bá Trương Như Cương vào Sài Gòn hội nghị (nguyên quý Toàn quyền đại thần Klobukowski về nước xin chuẩn vay 100 triệu để trừ biện những việc lợi ích cho bản quốc. Quyền Toàn quyền đại thần Luce bàn với các hội viên Thượng Nghị viện hẹn ngày hội nghị nên có lệnh ấy).

1735. Khâm sứ đại thần Sestier gửi thư nói triều đình Pháp chuẩn chọn nghị viên Albert Sarraut (1) sung Tổng thống Đông Dương Toàn quyền đại thần (nguyên Toàn quyền đại thần Klobukowski đổi sung Khâm mệnh đại thần ở nước Bỉ (2)). Phủ Phụ chính làm phiến tâu lên để vua rõ.

(1) Nguyên bản viết là “An Bi Sa Lộ”. Nhân vật này giữ chức Toàn quyền Đông Dương từ tháng 11. 1911 đến tháng 1. 1914.

(2) Nguyên bản viết là “Biên Di Cơ”, tức Belgique.

1736. Thương cho xã Hà Trung tỉnh Quảng Trị và xã Long Thạnh tỉnh Phú Yên biển ngạch “Mỹ tục khả phong” đều một tấm. Nhân dân hai xã thôn ấy lương thiện, phong tục thuần phác tốt đẹp, quan hai tỉnh tâu xin, nên ban thưởng cho.

1737. Tháng 6. Đặt Thổ huyện Trà Bồng (1) Kontum. Trước là năm Duy Tân thứ 3 chuẩn đặt Thổ huyện Kontum để cai quản dân Man, đến lúc ấy hoang Man ở thượng du lên xuống cướp bóc, quan Sở Đại lý Kontum xét xin đặt thêm Thổ huyện thứ hai, chọn binh đinh (là tù trưởng người Man thể tập) làm Huyện thừa để tiện kiểm chế đánh bắt. Phủ Phụ chính bàn bạc tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành.

(1) Nguyên bản chép là “Trà Bông”.

1738. Hoàng Như Bình ở ấp La Chử (thuộc huyện Hương Trà) phủ Thừa Thiên xin lập xã Gia Chử, bọn Trần Đình Chi ở xã Lập Định (thuộc huyện Vĩnh Xương) tỉnh Khánh Hòa xin lập xã Vinh Bình, đều cho như lời xin.

1739. Sửa đường đá lên Hòn Chén (1) (dài 26 thước Tây, rộng 3 thước Tây). Hòn Chén là một danh thắng ở thần kinh, trước kia đã sùng tu đền thờ tôn nghiêm, về sau vì bậc đá gập ghềnh, người đi bất tiện, Khâm sứ đại thần Sestier bàn tu sửa để giữ gìn vết tích danh thắng. Bộ Công bèn tâu lên, chuẩn cho thi hành.

(1) Nguyên bản chép là “Ngọc Trần sơn”.

1740. Tháng 6 nhuận. Ngự giá tới trường Hậu bổ xem lễ khai giảng.

1741. Sai Phụ chính đại thần Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hình Tôn Thất Hân cùng Khâm sứ đại thần Sestier tới các hạt, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận làm việc công.

1742. Sai bộ Học và Đô sát viện, Quốc sử quán hội đồng xét hạch Cống sĩ ở Di Luân đường (tham chiếu lệ khảo khóa năm Mậu thân Duy Tân thứ 2 và văn thể trường thi Hương Hà Nam năm thứ 3 để sát hạch)

1743. Bọn Nguyễn Vũ ở ấp Hoàng Thạch (thuộc huyện Phú Lộc) phủ Thừa Thiên xin lập riêng thành ấp An Bàn, bọn Trần Hồ ngụ cư ở xã Thanh Thủy (thuộc huyện Hương Thủy) xin lập riêng thành ấp Thanh Dã, Lê Ngưỡng ở xã Phú Ân (thuộc phủ Diên Khánh) tỉnh Khánh Hòa xin lập lại xã Trung An (nguyên sáp nhập vào xã Phú Lương), đều cho như lời xin.

1744. Mùa thu, tháng 7. Chuẩn lập bia sông Lạc Giang (tỉnh Hà Tĩnh). Một dải Lạc Giang (thuộc huyện Kỳ Anh) phía nam thông ra cửa biển Kỳ Anh, phía bắc tới sông Lam Cửa Hội*** trước đây nhiều lần bị cát bồi lấp, dòng chảy không thông, người làm ruộng kẻ buôn bán đều bị bất lợi. Năm Thành Thái thứ 10 nguyên Tuần phủ Tôn Thất Hân bàn với Trú sứ Xoang (1) tiến hành khơi vét, đến năm thứ 13 hoàn công, từ đó ruộng đồng được tưới tắm, thương thuyền tiện đi lại, làm lợi lớn cho dân trong hạt. Đến lúc ấy thân hào tổng lý, sĩ dân trong hạt xin xuất tiền chế bia khắc chữ dựng bên trái bờ sông để lưu lại mãi mãi, cho như lời xin.

(1) Nguyên bản viết là “Xoang”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1745. Đình việc đặt chức Huân đạo ở huyện Nghĩa Đàn (thuộc tỉnh Nghệ An), hạt ấy người Việt và người Man sống xen lẫn, không theo cử nghiệp, chỉ cần hơi biết chữ quốc ngữ là học buôn bán, nên đình đặt chức Huân đạo, đổi bổ Hương sư (chọn Tú tài biết chữ quốc ngữ làm).

1746. Chuẩn cho hai tổng Hoàng An, Phú Hà phủ Thiệu Hóa tỉnh Thanh Hóa lệ vào phủ hạt Thọ Xuân, hai tổng Lôi Dương, Xuân Lai phủ Thọ Xuân đổi lệ vào phủ hạt Thiệu Hóa (tổng Lôi Dương vốn thuộc huyện Lôi Dương, đổi làm tổng Xuân Phong) để tiện công vụ.

1747. Thân định lệ hạch bổ Âm sinh (được 24 tới 26 điểm là hạng ba, 30 tới 35 điểm là hạng hai, 36 tới 40 điểm là hạng nhất, ai muốn thi chữ Pháp cũng cộng thêm số lẻ ngoài 10 điểm vào. Trung Kỳ và Bắc Kỳ đều theo đó làm).

1748. Đổi định phép thi Hương (tham chiếu quy thức trường Hà Nam khoa Kỷ Dậu. Kỳ thứ nhất văn sách 5 bài, kỳ thứ hai luận chữ Hán 2 đề, kỳ thứ ba luận chữ quốc ngữ 2 đề. Đã trúng tam trường muốn thi chữ Pháp thì thi riêng chữ Pháp dịch ra chữ quốc ngữ 1 đề, không muốn cũng không ép. Kỳ thứ tư phúc hạch, văn sách 1 bài, luận chữ Hán 1 bài, luận chữ quốc ngữ 1 đề. Về quan trường thì các viên Sơ khảo, Phức khảo, Giám khảo chọn người kiêm thông chữ quốc ngữ sung vào, lại đặt thêm hai viên Kiểm thảo, lấy người khoa mục kiêm thông chữ quốc ngữ sung vào. Còn niên hạn ứng thí tuân chiếu lời nghị năm Thành Thái thứ 18 chuẩn cho sĩ tử trong vòng 30 tuổi trở lại mới được ứng thí, Tú tài, Tôn sinh, Âm sinh, Học sinh 30 tuổi và những người có chức sắc được miễn suu thuế đã dự hai khoa Nhâm tý, Ất mao cũng tạm cho vào thi).

1749. Bắt đầu đặt Cục Bị trừ thổ sản nông công kỹ nghệ*** ở kinh (tức Viện Bảo tàng Nông công hiện nay. Cục ấy tạm thời đặt ở dãy hành lang bên trái Cơ mật viện mới, cất chứa những sản vật tự nhiên dưới đất ở Trung Kỳ, hoặc những sản vật chế tác, hoặc những dụng cụ khai thác và chế tác sản vật đều có cất chứa. Người Pháp người Nam muốn tới xem đều cho, giờ giấc tới xem sẽ định riêng, sản vật chứa cất thì sức báo cho nhân dân đệ nạp, hoặc cho hoặc mua hoặc nhượng lại sẽ đặt riêng hội đồng xét nghĩ. Các việc chỉnh thiết ứng biện do bề tôi Phủ Phụ chính nghĩ định cử ra một viên am hiểu về sản vật kỹ nghệ nông công sung làm Hộ lý cục ấy. Kế chuẩn cho Quản đốc Nha Thông bảo Nguyễn Xuân Phiêu sung vào, lại đặt một hội đồng kiểm soát. Phạm hội đồng nghĩ định khoản nào thì Hộ lý cục ấy phải tuân chiếu thi hành. Cục ấy vừa thiết lập, nghĩ nên trích tiền lưu lại trong kho để làm việc, nay tính phí tổn khoản 1.500 đồng, nên trích chi biện, về sau sẽ lần lượt trích tiếp) chuẩn lấy Phụ chính đại thần Vũ Hiên điện đại học sĩ quản lãnh bộ Lại Trương Như Cương, Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Công Nguyễn Hữu Bài, Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hộ Trần Đình Phác đều sung vào hội đồng.

1750. Tháng 8. Định lệ làm công ích cho các Man ở thượng du Phan Rang. Lúc bấy giờ Tòa Khâm sứ hội thương nói Trú sứ Phan Rang tư xin tu sửa các đường thượng du, cần điều bát dân ứng biện việc công ích. Bề tôi Phủ Phụ chính nghĩ dân Man ở các tỉnh hạt trong bản quốc trước nay đã thiết lập trại sách, chọn đặt Man trưởng, sai nạp thuế lệ. Gần đây Bảo hộ chia đặt quan Sở Đại lý để vỗ về chế ngự, phàm các hạt dân Man (như các tộc Sédan, Rhade, Bana ở các hạt Bình Định, Kontum) đã bàn tâu chuẩn cho làm công ích để dùng vào việc cai trị trong hạt, các Man ở thượng du thuộc Phan Rang (đạo Ninh Thuận) phải chịu công ích mỗi người 5 ngày, không cho chuộc bằng tiền, do quan Sở Đại lý Đà Lạt (1) hiểu sức điều bát, cuối năm đóng thành tập đệ trình Trú sứ và Tòa Khâm sứ duyệt lại, tâu lên chuẩn cho thi hành.

(1) Nguyên bản viết là “Đa Lạc”.

1751. Chuẩn đặt nhà giảng tập cho các hoàng đệ ở An lăng.

1752. Khâm sứ đại thần Sestier gửi thư nói năm Tây lịch ấy (1911), Toàn quyền đại thần Luce nghị định chọn cử hội viên Thượng Nghị viện Đông Dương (Nam Kỳ có Tổng đốc hàm Đỗ Hữu Phương, Bắc Kỳ có Văn Minh đại thần Hoàng Cao Khải, ở kinh có Phụ chính đại thần Thượng thư bộ Lại Trương Như Cương, Cao Man có Thượng thư bộ Binh Bôn sung Chánh hội viên, Nam Kỳ có Nghị viên Nguyễn Thắng Hơ (1), Bắc Kỳ có Hiệp biện đại học sĩ Đỗ Văn Tâm, ở kinh có Phụ chính đại thần Thượng thư bộ Hình Tôn Thất Hân, Cao Man có Thượng thư bộ Thủy Sơn Diệp sung Phó hội viên), lại sao lục Nghị định giao qua Phủ Phụ chính tâu lên để vua rõ.

(1) Nguyên bản chép là “Nguyễn Tiến Hân”, đây đính lại như trên. Nguyễn Thắng Hơ người làng Phước Lễ Bà Rịa, xuất thân là Thông ngôn, lần lượt thăng hàm Tri huyện, Tri phủ rồi Đốc phủ sứ, sung làm hội viên Thượng Nghị viện, cuối đời cư ngụ ở Chợ Đũi, Sài Gòn.

1753. Chuẩn thưởng cho xã dân các tỉnh ở Bắc Kỳ biển ngạch “Mỹ tục khả phong” (các xã Cổ Ninh, Gia Lễ, Cổ Điền, Thái Hạc, Lương Cự, Lễ Cù tỉnh Thái Bình, các xã Thanh Xá, Tiên Quán, Lê Chi, Lang Trụ, Đồng Lạc tỉnh Hưng Yên, xã Phương Mỹ tỉnh Kiến An, các xã Mỗ Thổ, Đa Mai tỉnh Bắc Giang, do quan phát giao quy cách cho dân tự làm).

1754. Chuẩn cho thôn Trung Lương (nguyên thuộc huyện Đông Xuân) tỉnh Phú Yên đổi sáp nhập vào tổng An Sơn phủ Tuy An, thôn Phong Thới (nguyên thuộc tổng An Sơn phủ Tuy An) đổi sáp nhập vào tổng An Đức, là theo ý dân mong muốn.

1755. Tháng 9. Chuẩn cho Bộ chánh tỉnh Khánh Hòa Nguyễn Hiền Dĩnh về hưu, lấy Án sát Phú Yên Nguyễn Khải thay thế (Hiền Dĩnh người Quảng Nam, có văn tài đảm thức, điều đặng không chịu trói buộc nên có nhiều việc ngộ nghịch với đời).

1756. Lại chuẩn cho thương nhân người Pháp Bogaert nhận thêm đất trên gò Long Thọ. Gò Long Thọ là bản triều lưu lại làm thặng tích, trồng tưng xây đình dựng bia. Năm Tự Đức thứ 28 Khâm sứ Đại Pháp muốn xây Tòa sứ ở đó, vâng lời chuẩn nói gò ấy thuộc cấm địa không bàn nữa. Năm Thành Thái thứ 19 thương nhân người Pháp Bogaert xin nhận mua một khoảnh đất (25.000 thước vuông Tây), bề tôi Cơ mật viện bàn tâu chuẩn cho nhận một khoảnh phía tây dưới chân gò mỗi bề khoảng 100 thước Tây gần cuộc đất ấy, còn lại không hề có ý xâm phạm, vâng lời phê ký. Năm Duy Tân thứ 3 thương nhân ấy lại xin nhận thêm đất ấy, lại lập giao ước vĩnh viễn. Bề tôi Phủ Phụ chính nhiều lần bàn bạc qua lại, thuận cho thương nhân ấy nhận ở, định hạn 99 năm mới ổn thỏa. Đến lúc ấy bề tôi Phủ Phụ chính bèn tâu xin sai quan hội đồng khám đo (khoảnh đất ấy tổng cộng hơn 19.888 thước vuông Tây), lại lập tờ giao ước, chuẩn cho thương nhân ấy nhận trung, nhưng tấm bia đá trên gò (khắc chữ “Long Thọ cương”) phải để trống mỗi bên đều 2 thước Tây, toàn bộ khu gò cũng không được đào bới để giữ gìn thặng tích.

1757. Mùa đông, tháng 10. Triều đình nước Pháp nghị định đổi tên Thượng Nghị viện Đông Dương*** là Viện Quốc gia (1), Vũ Hiền điện đại học sĩ Hiền Lương bá Trương Như Cương vẫn sung hội viên.

(1) Tức Hội đồng Chính phủ Đông Dương (Conseil de Gouvernement de l'Indochine), theo sắc lệnh ngày 20. 11. 1911 của Tổng thống Pháp.

1758. Toàn quyền đại thần mới Albert Sarraut vừa tới. Sai Phụ chính đại thần Trương Như Cương, Cao Xuân Dục, Tôn Thất Hân cùng Khâm sứ đại thần Sestier tới Đà Nẵng đón tiếp và mang sắc thư thăm hỏi. Toàn quyền đại thần gửi thư phụng đáp cảm tạ, Phủ Phụ chính tâu lên, xin lại làm sắc thư an ủi.

1759. Thân định lệ quan viên văn võ truy nhận tiền hưu bổng (trở đi phạm quan viên đã làm quan liên tục hơn 25 năm được nhận tiền hưu bổng 20 năm trở lên muốn truy nhận, Phủ Phụ chính xét sẽ xét cho cấp hưu bổng, tới như ngày thường làm việc không biết giữ phép thì lập tức bác. Mỗi năm kiểm hạch hội đồng một lần, do Khâm sứ đại thần kiêm quản dự hội, quan Nam ba viên do Phủ Phụ chính chọn sung, quan Pháp hai viên do Khâm sứ đại thần chọn sung, quan Hội biện Hộ chính chương quản việc thu giữ giấy tờ sổ sách, Giám lâm Phủ Nội vụ chuyên lo việc ngân khố).

1760. Quan tỉnh Phú Yên tâu nói xã Thạnh Nghiệp (thuộc tổng Hòa Tường) phủ Tuy Hòa đình điền tăng lên nhiều, xin chia đặt làm hai xã An Nghiệp, Thạnh Nghiệp để tiện công vụ, cho như lời xin.

1761. Chuẩn cho Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Công sung Phụ chính đại thần Phước Môn tử Nguyễn Hữu Bài nhận khẩn trung ruộng đất còn bỏ hoang hai bên khu đất núi gò bỏ hoang ở địa phận xã Như Lệ huyện Hải Lăng tỉnh Quảng Trị, đặt làm sở Phước Môn.

1762. Biểu dương thưởng cho tiết phụ Từ thị xã Minh Hương tỉnh Bình Thuận một tấm biển ngạch “Tiết nghĩa khả phong”.

1763. Tháng 11. Biểu dương Thống sứ toàn Đông Dương Tổng thống Toàn quyền đại thần thăng hàm Tổng thống thuộc địa về hưu Luce là Phù Nam quận vương, nguyên Trú kinh Khâm sứ đại thần mang nguyên hàm về hưu Groleau, Giám đốc quyền Trú kinh Khâm sứ đại thần Sestier đều phong là Phù Nam công.

1764. Phủ Toàn quyền quyết định thưởng cho quý quan Nam quan huy chương các hạng, tư cho Tòa Khâm sứ chuyển bàn với Phủ Phụ chính tâu lên chuẩn cho thi hành.

1765. Tháng 12. Khâm sứ đại thần mới Mahé (1) tới kinh theo đường nước Lào. Sai Phụ chính đại thần Trương Như Cương, Trần Đình Phác cùng tới tỉnh Quảng Trị đón tiếp.

(1) Nguyên bản viết là “Ma Hy”, tức Georges Marie Joseph Mahé. Nhân vật này giữ chức Khâm sứ Trung Kỳ từ 1912 đến 1913.

1766. Chuẩn phạm ai xin trưng đất đai thuộc khu vực cấm ở các tôn lăng đều nhất thiết cấm chỉ.

1767. Phong thưởng Toàn quyền đại thần Sarraut là Phù Nam vương (đại thần trải qua nhiều trọng chức của quý quốc, danh vọng vốn rõ ràng, nhận mệnh tới nước Nam, đều lấy việc tôn cao quân quyền, mở mang dân trí làm điều chủ yếu, đặc chuẩn tấn phong ban thưởng để báo đáp huân lao).

1768. Quan tỉnh Bình Thuận tâu nói hạt ấy gần đây có nhiều dân từ các hạt ở Trung Kỳ, Bắc Kỳ tới ngụ cư làm thuê, mỗi năm tới 5.000 người, xin lập làm hai hộ Lạc Giao ở Phan Rang, Phan Rí để tiện quản cố, cho như lời xin.

1769. Cấm hình phạt đánh đập tra tấn. Bề tôi Phủ Phụ chính tâu nói hình phạt đánh roi đánh trượng của nước ta, một là để làm nhục, hai là để hỏi cung kẻ gian, trước nay nổi theo đã lâu. Hiện nay học giới văn minh, phong tục dần dần tiến hóa, Nam Bắc hai kỳ ở nước ta đều đã bỏ hình phạt đánh đập tra tấn, các nha môn coi việc

hình ở Trung Kỳ ta phàm kết án đánh roi đánh trượng đều đã nhất loạt cho chiết tính nạp tiền để chuộc, duy lâm thời vẫn còn kèm kẹp đánh đập tra hỏi, e không phải là thành ý coi trọng nhân cách. Nay xin phàm các hình phạt đánh đập tra tấn trước đây đều nhất loạt cấm chỉ, ai vi phạm sẽ chiếu luật Làm trái lời chế tăng bậc trừng trị không tha. Chuẩn ban dụ sao ra cho thi hành (lúc bấy giờ Toàn quyền đại thần Sarraut vừa tới, chú trọng chính sách văn minh khoan thứ, nên có lời nghị ấy).

1770. Thân định thể lệ cho quan viên Bắc Kỳ (văn quan ở Bắc Kỳ chia làm hai đường, một là chính trị, một là học chính, phàm hàm tham chiếu lệ cũ Nam triều, lương bổng chiếu theo điều nghị mới thi hành).

Quyển 25

1771. Năm Nhâm tý Duy Tân thứ 6 (1912 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Chuẩn sung việc bàn đặt hội viên Hội đồng Công chính Trung Kỳ, lấy Phụ chính đại thần Tôn Thất Hân, Trần Đình Phác sung vào (lúc bấy giờ Khâm sứ đại thần Mahé bàn định chiếu theo chỉ dụ ngày 20. 10. 1911 Tây lịch và Nghị định ngày 14. 12. 1905 Tây lịch về thể lệ Công chính ở xứ Bảo hộ Đông Dương, lại chiếu theo Nghị định ngày 31. 7. 1906 Tây lịch phụng chuẩn thi hành chỉ dụ ngày 18. 1. 1905 và Nghị định ngày 14. 12. 1905 thì ngân sách Công chính hoặc do Bảo hộ chịu, hoặc do các hạt chia nhau chịu cùng những việc cần tiến hành).

1772. Khâm sứ đại thần Mahé gửi thư nói Toàn quyền đại thần Sarraut nghị định (chiếu Nghị định về việc Hộ chính ở Đông Dương năm 1911 Tây lịch) thiết lập Hội đồng Bảo hộ Trung Kỳ, bàn chọn Phụ chính đại thần Tôn Thất Hân, Trần Đình Phác sung làm hội viên, Phụ chính đại thần Cao Xuân Dục, Nguyễn Hữu Bài sung hội viên đại diện lâm thời (lấy hai năm làm hạn, kể từ ngày 1. 1. 1912 Tây lịch), chuẩn sao ra cho tuân hành.

1773. Gia phong Hưng Nhân quốc công Bửu Kiêm làm Hưng Nhân công.

1774. Sai Phụ chính đại thần Cao Xuân Dục kính tới đàn Nam Giao tế cáo (lễ tế Giao hàng năm đều sai quan tới tế cáo trước).

1775. Tháng 2. Ngày Tân sửu, tế Giao. Sai Hưng Nhân công Bửu Kiêm nhiếp tế.

1776. Tiết Thanh minh, vua ngự giá ra Xương lăng làm lễ, lễ xong về An lăng chiêm bái.

1777. Ngày Ất mao, làm lễ khai giảng Kinh diên, sai Giáo đạo Mai Khắc Đôn sung làm lễ.

1778. Chuẩn cho thôn An Nhiên xã Hà Quảng (thuộc huyện Thạch Hà) tỉnh Hà Tĩnh lập riêng làm thôn Phúc Sơn (thuộc phủ Hà Thanh) đổi làm thôn Phú Sơn, là theo ý dân mong muốn.

1779. Khâm sứ đại thần Mahé bàn nói ở kinh thành sáng chiếu hàng ngày đều có bắn hai phát pháo, nhưng vào giờ Ngọ (12 giờ) lại không bắn pháo, nếu đồng hồ có nhanh chậm thì không biết dựa vào đâu mà định chuẩn, nghĩ ở kỳ dài đến giờ Ngọ bắn một phát pháo để quan lại binh dân đều biết giờ giắc. Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành. Việc bắn pháo giờ Ngọ bắt đầu từ đó.

1780. Tháng 3. Thái tử Thiệu bảo Đông Các đại học sĩ trí sĩ Trương Quang Đản thọ 80 tuổi, chuẩn chiếu lệ ban thưởng bạc (chiết thành tiền 50 đồng), the Nam (10 tấm), phẩm vật, sai quan địa phương mang tới ban cấp để làm rõ thành ý ưu đãi thương mến bậc lão thần.

1781. Bọn Lê Xuân ở ấp Thanh Lê (thuộc huyện Hương Thủy) phủ Thừa Thiên xin lập riêng ấp Thanh Tú (lệ vào tổng Sư Lỗ huyện Phú Vang), bọn Nguyễn Đích ở xã Trà Kiệu (thuộc huyện Duy Xuyên) tỉnh Quảng Nam xin lập riêng thôn Sơn Lộc Tây (lệ vào tổng Mậu Hòa), đều cho như lời xin.

1782. Mùa hạ, tháng 4. Hạn hán. Sai Thượng thư bộ Lễ Huỳnh Côn tới đền Quan Công ở xã Trạc Linh thành kính cầu đảo được mưa, chuẩn chiếu lệ cúng tạ.

1783. Chuẩn cho tổng Đức Hòa (thuộc huyện Đại Lộc) tỉnh Quảng Nam chia làm hai tổng Đức Hòa Thượng, Đức Hòa Hạ (tổng ấy địa thế rộng rãi, lại có sơn phận các tổng Đại An, Mỹ Hòa ngăn cách, quý quan đồn An Diêm đóng ở giữa nghĩ xin chia làm hai tổng. Quan tỉnh xem xét thấy tổng ấy có 14 xã thôn vùng thượng du, 12 xã thôn vùng hạ du, địa thế cheo leo xa cách, công vụ không khỏi chậm trễ phiền phức, chia làm hai tổng cho tiện. Bộ Hộ bèn tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành).

1784. Dân xã Đan Hoạch tỉnh Hà Tĩnh là bọn Nguyễn Đình xin lập riêng thôn Lộc Thủy (thuộc tổng Trung*** huyện Thạch Hà), cho như lời xin.

1785. Tháng 5. Cày ruộng tịch điền. Sai Phủ doãn phủ Thừa Thiên là bọn Đào Phan Duân làm lễ thay.

1786. Xây dựng ngự sở Thừa lương ở cửa biển Tùng Luật. Khâm sứ đại thần Mahé bàn nói ở kinh mỗi khi đến mùa hè rất nóng, xét có cửa biển Tùng Luật thuộc tỉnh Quảng Trị gió biển mát mẻ có thể hóng mát, hành trình cũng tiện (từ kinh đi xe lửa tới Đông Hà mất hai giờ, từ Đông Hà đi xe ngựa tới Tùng Luật khoảng 3 giờ). Phủ Phụ chính bèn bàn các khoản xây dựng phòng ốc hành tại và quan viên thị vệ hồ tuyền (Phụ chính đại thần luân phiên tới hầu, quan Giáo đạo hồ tuyền để dự bị lâm thời cần hỏi, Thái giám Thị vệ Thượng thiện Tuần binh theo hầu, quý Tòa lại phái 10 lính tập đóng giữ tuần phòng), ngày 6 tháng ấy khởi loan, hàng năm đến mùa hạ cũng thường ngự giá tới đó.

1787. Khâm sứ đại thần Mahé gửi thư nói Toàn quyền đại thần quyết định chọn hai viên quan Nam sung vào hội đồng phân định ranh giới Nam Kỳ và Trung Kỳ. Phủ Phụ chính bèn bàn chọn Tuần phủ Bình Thuận Phạm

Ngọc Quát, Án sát Trương Quang Tán sung làm hội viên đại biểu, phàm các việc cần làm về ranh giới và khoán ước phải đích thân tới khám xét địa thế dân tình, bàn với Công sứ tỉnh ấy cùng quý quan hội đồng nghĩ định, cốt làm sao cho được chu tất ổn thỏa thấu lên, chuẩn sao ra cho thi hành.

1788. Thái tử Thái phó Hiệp biện đại học sĩ nguyên Thượng thư bộ Lễ trí sự Huỳnh Vĩ chết. Vĩ là cựu thân tước vọng, trải làm quan trong triều ngoài quận, công lao tài năng rõ rệt, năm trước vì già yếu xin về hưu, đến lúc ấy chết, chiếu lệ cấp tuất phái quân hộ tống, lại sai ban tế một đàn để làm rõ đạo trọng hậu.

1789. Tỉnh Bình Thuận mùa đông năm trước gạo đắt, cái ăn khó khăn, dân tình quần bách. Quan tỉnh bàn cùng Trú sứ hiểu dụ khuyến khích người trong hạt có ai hảo tâm giảm giá bán gạo để cứu tế cũng cho, nhiều người vui vẻ làm theo. Đến lúc ấy cái ăn của dân nhờ thế tạm được thư thả, bèn chuẩn thưởng cho những người mộ nghĩa hiểu thi có thứ bậc khác nhau (chiếu lệ tháng 2 năm trước ban thưởng bọn Chánh tổng Trần Xôi (1), Dương Thiện ở Phú Yên giúp đỡ tiền gạo chẩn cấp, thưởng cho kim tiền hạng nhỏ đều một đồng, lại chuẩn thưởng cho Phan Quang Hướng nộp 150 tạ gạo hàm Chánh Cửu phẩm văn giai, Nguyễn Địch Cát nộp 100 tạ thưởng hàm Tòng Cửu phẩm văn giai, Nguyễn Thiện Thuật nộp 100 tạ thưởng hàm Tòng Cửu phẩm Bá hộ, còn Nguyễn Xuân Lộc, Huỳnh Văn Ngô giảm giá bán ra 100 tạ gạo đều thưởng cho mỗi người một đồng kim tiền).

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “Xôi” (*mẽ + xuy*).

1790. Chuẩn cho thôn Phú Cốc (thuộc phủ Tuy Hòa) hạt Phú Yên chia làm hai thôn Phú Cốc, Phú Điền (hai thôn ấy địa thế xa cách, đình điền lại nhiều, Lý trưởng nhiều khi phải đền tiền oan nên tình nguyện chia làm hai thôn để tiện công vụ, cho như lời xin).

1791. Bộ Công tâu nói Quốc tử giám nguyên ở xã An Ninh Thượng, ngày 10 năm Duy Tân thứ 2 dời dựng trước Tân Thư viện trong kinh thành, biên ngạch Di Luân đường và hai tấm bia bia đều đề niên hiệu vốn có, xin ghi thêm dòng “ngày tốt tháng 10 năm Duy Tân thứ 2”, trong đó trên hai tấm bia sau dòng chữ ấy xin chú thêm “Vốn ở địa phận xã An Ninh Thượng, năm ấy dời dựng Quốc tử giám”, lại xin dời bia tới dựng ở đó để làm rõ sự khác biệt, theo như lời tâu.

1792. Tháng 6. Sai Phụ chính đại thần Trương Như Cương, Cao Xuân Dục cùng Khâm sứ đại thần Mahé tới Lâm Viên quan sát.

1793. Khâm sứ đại thần Mahé đem một quyển sách nói về việc trồng trọt do sĩ nhân người Pháp Coquerel (1) ở Sài Gòn trước tác dâng lên ngự lãm.

(1) Nguyên bản viết là “Cốc Ky Liên”, tức Albert Coquerel, tác giả quyển *Paddys et Riz de Cochichine (Thóc gạo Nam Kỳ)*, Imprimerie A. Rey, Lyon, 1911

1794. Bọn Nguyễn Thuộc ở ấp Giám Tự phủ Thừa Thiên xin nhận khẩn một khoảnh đất hoang của thôn Thủy Dương (đều thuộc huyện Phú Lộc) nhượng giao (ở xứ Cây Roi (1), hơn 200 mẫu) lập riêng thành ấp mới Thủy Tự, Nguyễn Hiến (người Nam Trung, ngụ ở phố An Miếu) ở tỉnh Nghệ An xin nhận trung đất hoang (hơn 1.200 mẫu) ở xứ Nghĩa Động (thuộc huyện Nam Đàn) lập riêng thành trang Gia Mỹ, đều cho như lời xin.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

1795. Hạn hán. Kinh sư và các địa phương thành kính cầu đảo được mưa, chuẩn chiếu lệ cúng tạ.

1796. Bộ Học tâu chương trình thư viện, mỗi khi đến cuối năm ủy nhiệm một viên đường quan ở bộ, một viên ở Đô sát viện cùng quan Hội biện Lại chính hội đồng tra kiểm (trừ những sách Tây vốn do bên Tòa phát giao giữ gìn, hiện kiểm được 58.872 bản), việc xong xin chia đặt theo giá ở giữa, hai bên và phía sau cùng làm ba bản danh sách (giao cho Nội các một bản, lưu ở bộ một bản, thư viện giữ một bản) để tiện lâm thời kê cứu, theo như lời tâu.

1797. Mùa thu, tháng 7. Vì nhân ngày mừng cộng chánh (1) của nước Đại Pháp, chuẩn thăng thưởng cho quan viên văn võ trong kinh ngoài tỉnh có thứ bậc khác nhau (văn từ Hiệp biện đại học sĩ lãnh Tổng đốc Nam Ngãi Hồ Đắc Trung trở xuống 7 người, võ thì Thống chế Nguyễn Gia Trung thăng Đô thống vẫn kiêm Thị vệ).

(1) Tức quốc khánh Pháp vào ngày 14. 7 dương lịch. Xem thêm chú thích (1) điều 0079.

1798. Triều đình Pháp tặng Phụ chính đại thần Cao Xuân Dục, Tôn Thất Hân, Trần Đình Phác Bắc Đẩu bội tinh hạng tư, Tổng đốc Bình Định Tạ Tương, Tuần phủ Hà Tĩnh Tôn Thất Đề, Tham biện Phủ Phụ chính Đào Thái Hanh Bắc Đẩu bội tinh hạng năm.

1799. Truy tặng cô Hiệp biện đại học sĩ nguyên tằng Thượng thư bộ Lại An Trường tử Nguyễn Thuật là Đông Các đại học sĩ. Thuật là kỳ thạc nhiều triều, từng sung Khu phủ, kiêm quản bộ Lại (1), huân lao vốn rõ, sau khi trí sĩ lại nhân lúc dân hạt Quảng Nam náo động (việc tháng 3 năm Duy Tân thứ 2) cũng dự việc hiểu dụ, kể được yên ổn, một niềm lo lắng chăm chỉ việc nước từ đầu đến cuối không hề xao lãng. Tháng chạp năm trước bệnh

chết, đã chuẩn cấp tuất ban tế như lệ. Đến lúc ấy bề tôi Phủ Phụ chính lại tâu xin chiếu theo lời chuẩn gần đây (ngày tháng 5 năm Thành Thái thứ 14 truy thụ cố Văn Minh điện đại học sĩ Nguyễn Trọng Hợp là Càn Chánh điện đại học sĩ) truy tặng hàm ấy để tỏ rõ sự nhớ tiếc bề tôi cũ (Thuật người Quảng Nam, thi đỗ Phó bảng, thơ văn trang nghiêm cứng cỏi phong nhã, nay ở Sở quán còn di thảo các bản *Lại bộ Hà Đình lục sự trình*).

(1) Nguyên bản chép là “sứ bộ”, là “Lại bộ” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

1800. Sai Phụ chính đại thần Trương Như Cương, Tôn Thất Hân tới Sài Gòn dự hội nghị (cùng đệ sắc thư thăm hỏi Toàn quyền đại thần Sarraut).

1801. Đặt thêm ngạch Âm sinh ở trường Đốc học phủ Thừa Thiên (trước nay ngạch Âm học ở phủ Thừa Thiên đều lệ vào trường Quốc tử giám. Năm Duy Tân thứ 4 mới đặt Nha Đốc học, Học sinh ở Quốc tử giám nguyên ngạch 27 người đã bàn giao. Đến lúc ấy lại trích lấy 30 Âm sinh lưu giám, lại tăng hạch bỏ 30 Âm sinh đều do trường Đốc học phủ Thừa Thiên cấp học bổng dạy dỗ).

1802. Tháng 8. Tòa Khâm sứ bàn nói Thống sứ Bắc Kỳ tư nghị khảo quan trường Hà Nam trước đây đều do trong kinh chọn phái, đường sá xa xôi phí tổn rất nhiều, khoa này đã do Thượng Nghị viện học hội tùy nghi giám số (chỉ phái một viên Chủ khảo và hai viên Khoa đạo), chọn thêm quan viên Bắc Kỳ sung biện, lại chọn quý quan một viên kiểm soát trông coi để được đơn giản thuận tiện. Phủ Phụ chính cho rằng việc trường thi bận rộn, quan viên giám đi quá nhiều, lắm thời kiểm soát chằm bài e có chỗ không được chu tất, bèn bàn chiếu theo khoa gần đây ở kinh phái ra 10 người chức lượng giữ lại một nửa (Chánh Phó Chủ khảo đều 1 người, Giám khảo 2 người, Đề tuyển 1 người), lại phái 1 viên Giám sát, 1 viên Phân khảo do Tòa chuyên tư. Sau đó Thống sứ đại thần trả lời nói hiện tại số lượng sĩ tử chỉ có trên dưới 1.200 người, ít hơn khoa gần đây rất nhiều (khoa trước số sĩ tử tới hơn 3.000), nên chỉ chức lượng phái 5 người (Chánh Phó Chủ khảo đều 1 người, Giám khảo 1 người, Đề tuyển 1 người, Giám sát 1 người), vẫn phải chọn người tri trọng sung vào. Bèn tâu lên chuẩn lấy Tham tri bộ Lại Trần Trạ sung Chánh Chủ khảo, Bộ chánh Hà Tĩnh Trần Đình Bá làm Phó (Giám khảo Nguyễn Đức Lý, Đề tuyển Trần Ngọc Tú, Giám sát Nguyễn Trọng Tương giúp đỡ lo việc trường vụ).

1803. Tháng 9. Phụ chính đại thần Hiền Lương bá Trương Như Cương, Phụ chính đại thần An Xuân tử Cao Xuân Dục hai đại thần đều đến dịp thọ 70 tuổi, sai một viên đường quan bộ Lễ mang phẩm vật ban tứ (đại thần Trương Như Cương kim khánh hạng lớn 1 tấm, trong khắc bốn chữ “Lão thành thạc vọng”, the Nam 10 tấm, đại thần Cao Xuân Dục kim khánh hạng lớn 1 tấm, trong khắc bốn chữ “Kiêm đạt tôn tam”, the Nam 8 tấm), là ưu đãi bậc lão thần có danh vọng.

1804. Tòa Khâm sứ bàn giao tờ tư của Thống sứ Bắc Kỳ đệ đạt về phép hạch, phép thi, nghị định các điều khoản, bộ Học tâu lên chuẩn sao ra cho thi hành (phép hạch nghị định làm luận chữ Hán 1 đề, luận chữ quốc ngữ 1 đề, làm bài toán pháp, địa dư, cách trí chữ quốc ngữ đều 1 đề, ám tả chữ Pháp và dịch ra chữ Hán 1 đề, nếu không muốn cũng không ép. Quyền thi khảo hạch do Đốc quan Đốc học hội đồng với phái viên của tỉnh cùng giáo quan trường Pháp Việt chằm điểm, một viên quý quan hội đồng kiểm soát. Phải được 33 điểm trở lên mới cho dự trúng cho làm thí sinh, tới như khoản được trừ sru chiếu theo Thống sứ đại thần phân định số ngạch cho mỗi tỉnh chuẩn trừ. Thi Hương nghị định kỳ thứ nhất chữ Hán văn sách 4 bài, kỳ thứ hai quốc ngữ 3 đề, kỳ chữ Pháp ai không muốn thi cũng không ép, tính tất cả được 26 điểm trở lên mới được vào kỳ phúc hạch. Kỳ phúc hạch chữ Hán 1 đề, quốc ngữ 1 đề, được 7 điểm trở lên mới được lấy dự trúng ngạch Cử nhân 30 người, Tú tài 90 người).

1805. Mùa đông, tháng 10. Thân định thể lệ quan viên văn vũ thuyên chuyên thăng bổ chức hàm, lương bổng, xin nghỉ, chịu tang. Trước là nguyên Quyền Khâm sứ đại thần Sestier bàn cùng điều khoản bổ sung đệ trình Toàn quyền đại thần duyệt y. Đến lúc ấy Khâm sứ đại thần Mahé nói lệ ấy thi hành tương lai có ích không sao lường được, Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành (một khoản về hạn tuổi bổ làm quan: trở đi phạm tuổi chưa tới 20 và quá 40 thì không được bổ nhiệm làm quan lần đầu. Một khoản về định ngạch quan viên: bắt đầu từ ngày nhận được chỉ dụ về nghị định này, quan viên văn vũ bản quốc mỗi năm chiếu theo ngân sách đều có định ngạch, trở đi phạm thăng bổ không được thừa ra, lương bổng quan viên chỉ chiếu hàm chi bổng, không được lại chiếu chức chi cấp, trong đó nếu có cần cấp thêm thì cấp theo như viên giữ chức thực thụ, lắm thời có viên khác quyền lãnh thì tiền bổng và tiền cấp thêm cho viên quyền lãnh không được hơn viên thực thụ có hàm cao nhất, tiền bổng theo hàm cùng tiền cấp thêm đều trừ tiền hưu bổng, đến ngày về hưu cũng chiếu theo số tiền trước sau đã thu chiếu lệ cấp hưu bổng. Một khoản về lệ hậu bổ: trở đi quan viên văn vũ vĩnh viễn không được cho về quê chờ bổ. Một khoản về lệ đình ưu: nguyên lệ cho hạn một năm, nay giảm chỉ còn một tháng lo việc tang, trừ những ngày đi về, viên nào muốn để tang cũng không được quá một năm, nhưng do nha sở quan định rõ kỳ hạn, bắt đầu tính từ ngày được cho nghỉ, hết hạn thì lập tức chi bổng, gặp có chức khuyết thì chiếu hàm bổ lại, chi phí xe thuyên đi lại lúc về quê đình ưu cùng hết hạn tới làm việc đều trích ngân sách chi biện. Ai đình ưu xin nghỉ thì hạn trong một tháng cho chi cả lương, quá từ một tháng trở lên chỉ cho chi cả lương một tháng mà thôi. Một khoản về lệ cáo bệnh: quan viên đang mắc bệnh hoặc dưỡng bệnh muốn cáo muốn nghỉ phải có quý quan thầy thuốc chẩn khám cấp giấy chứng nhận mới cho. Lần thứ nhất ba tháng cho hưởng cả lương, lần thứ hai ba tháng chỉ nửa lương, lần thứ ba cho nghỉ sáu tháng chỉ chi một phần tư lương. Nếu quá một năm chữa trị không khỏi thì do thượng ty bàn với Trú sứ và quý quan thầy thuốc hội khám, nếu cần cho thêm ba tháng hay chức lượng cho về nghỉ, hay lại cho thêm ba tháng

nếu hết hạn không khỏi sẽ thả hồi đều do Phủ Phụ chính thẩm duyệt. Một khoản về việc xin nghỉ vì việc riêng: nguyên lệ đã định về việc cáo về thị dưỡng chung dưỡng trước nay đều đình, quan viên gặp khi có việc riêng xin nghỉ 29 ngày trở lên do thương ty xét cho phép nhưng không trả lương, ngoài ra tùy việc mà định rõ kỳ hạn, bắt đầu tính từ ngày được cho nghỉ, hết hạn thì lập tức chỉ bổng, theo chức khuyết chiếu hàm bổ dụng, định hạn xin nghỉ vì việc riêng không được quá một năm. Một khoản: chức lượng từng việc theo thứ tự thi hành, quan viên hậu bổ hiện nay sẽ do hai bộ Lại Bình hội đồng với quý quan Hội biện tra xét lý lịch khai trình cho Phủ Phụ chính bàn bạc, chiếu theo sự trạng xét định cho về hưu trí là một, cho về hưu viễn không được bổ dụng nữa là hai, theo hồ sơ bổ dụng là ba).

1806. Chuẩn y lời hội thương về thể lệ quan viên giáo chức (Một: đặt riêng điều khoản về ngạch quan viên dạy học. Trờ đi quan viên dạy học thuộc ngạch giáo chức riêng. Quan viên dạy học văn giai, duy trờ đi chuyên do bộ Học thống quản, không phải do bộ Lại thuyên tuyền như trước. Quan viên dạy học không được đổi bổ qua giữ chức chính trị mà chỉ được chọn bổ làm liêu thuộc bộ Học, nhưng chỉ từ chức thuộc viên tới Tham tri bộ ấy mà thôi. Còn chính khanh và quan Chánh Nhị phẩm bộ ấy trờ lên thì không thuộc số ngạch quan viên dạy học. Người được chọn tuyền vào ngạch quan dạy học ắt phải có khoa mục tuổi tác phù hợp, cùng phải phúc hạch tiếng Pháp (1), người hiện trúng cách mới được bổ dụng nhưng ai hiện giữ chức chuyên môn hoặc đã có văn bằng giáo khoa, hoặc xét quả đã có giáo học khoa thì chức lượng miễn hạch. Giáo quan đang tại chức ai muốn được tuyền vào ngạch học quan theo lời nghị mới cũng cho, chỉ cần người muốn khảo hạch chuyên môn trúng cách sẽ theo hàm bổ dụng, chiếu lời nghị mới chỉ bổng, ai không muốn cùng không thể ứng hạch thì chọn bổ giữ chức chính trị, hoặc tùy tình thế cho về hưu trí, hoặc theo thứ tự chọn lựa thả hồi cho về quê. Những chức khuyết lấy người chuyên môn sung bổ, quan viên giữ chức chính trị như muốn vào ngạch học quan cũng phải hợp cách mới cho. Một: điều khoản tuyền bổ giáo chức ở Trung Kỳ. 1. Chọn giáo học sinh viên hạch trúng chuyên môn trong trường Hậu bổ ở kinh. 2. Ngạch Trợ giáo Bảo hộ ở Trung Kỳ hiện nay ai vốn tốt nghiệp bằng Sơ học Pháp Việt hay bằng Pháp Việt cụ thể chiếu lệ hợp cách đều cho tuyền vào, trong đó ai chỉ có bằng Sơ học Pháp Việt thì phải làm giáo chức từ 5 năm trở lên mới được dự tuyền. 3. Ai có thể bổ vào ngạch giáo chức Bảo hộ mà trước kia đã học ở khoa Sư phạm chuyên môn Trường Quốc học tối thiểu 1 năm, xuất thân chiếu lệ hợp cách cũng được cho bổ dụng. Chương trình khảo tuyền như sau: Thi viết. Một là viết ám tả tiếng Pháp, hai là làm luận tiếng Pháp, ba là viết chữ, bốn là làm toán về cân đong đo đạc ruộng đất, dùng tiếng Nam giảng giải, năm là làm luận về bác vật hóa học, sáu là vẽ, bảy là dịch chữ Pháp ra tiếng Nam, tám là dịch chữ Hán ra chữ Pháp. Thi vấn đáp. Một là dịch chữ Pháp ra tiếng Nam, hai là dịch chữ Hán ra tiếng Pháp. Ba là đọc và giảng nghĩa một bài luân lý về sinh tiếng Nam cùng giáo pháp, bốn là chiếu theo chương trình Trung học hỏi về lịch sử và địa dư, năm là đối thoại tiếng Pháp. Phàm thi viết và thi vấn đáp được chấm từ 0 tới 20 điểm, bài nào cũng được từ 12 điểm trở lên thì lấy đỗ. Một: điều khoản về chức hàm lương bổng. Huân đạo chia làm ba hạng, hạng nhất Chánh Thất phẩm, lương đồng niên 420 đồng, hạng hai Tùng Thất phẩm 360 đồng, hạng ba Chánh Bát phẩm 300 đồng. Giáo thụ chia làm ba hạng, hạng nhất Tùng Ngũ phẩm 600 đồng, hạng hai Chánh Lục phẩm 540 đồng, hạng ba Tùng Lục phẩm 480 đồng. Điền học chia làm hai hạng, hạng nhất Tùng Tứ phẩm 720 đồng, hạng hai Chánh Ngũ phẩm 660 đồng. Độc học và Tư nghiệp chia làm hai hạng, hạng nhất Tùng Tam phẩm 1.080 đồng, hạng hai Chánh Tứ phẩm 960 đồng. Tế tửu Chánh Tam phẩm 1.380 đồng, Giám đốc Tùng Nhị phẩm 1.680 đồng. Lúc đầu việc trao phẩm hàm và niên hạn thăng trật đều tuân chiếu nguyên lệ theo thứ tự khoa mục mà làm).

(1) Nguyên bản chép là “tiện ung hạch Pháp”, là “tiện ung hạch Pháp tự” bị chép sót, đây đính lại như trên.

1807. Định quy cách đường ranh giới ở các tôn lãng (Một: tùy theo địa thế thời cơ chức lượng lưu lại vài mươi (1) thước Tây đất trồng quanh các tôn lãng chờ hội đồng nghĩ riêng lưu làm đường ranh giới, rộng khoảng ba bốn mươi thước Tây, nếu gặp đồng ruộng hoặc sông ngòi thì không câu nệ giới hạn ba bốn mươi thước Tây ấy. Lại trong đường ranh giới mới mở tùy theo địa thế mở ra đường nhỏ rộng khoảng ba bốn mươi thước để dự bị lâm thời bị cháy thì dễ có đường vào cứu hỏa. Tới như cảnh khô lá rụng chất đống dưới gốc tùng cần phải một quen quét dọn sạch sẽ. Một: thời hạn tiến hành bắt đầu từ tháng 2 Tây lịch năm sau, lúc vụ mùa rảnh rỗi theo thứ tự đo đạc phụ (2) cận các xã công ích khoảng 5.000 ngày trở lên, nếu chưa hoàn thành sẽ tăng trích thêm, trờ đi cứ ba năm sẽ chỉnh lý một lần. Một: thân cấm các tổng lý ở phụ cận sức cho xã dân phạm đi ngang khu cấm hoặc vùng lân cận thì không được mang củi cỏ và hỏa khí các hạng. Như xã thôn nào muốn tránh nạn cọp mà đốt quét củi cỏ phải trình với quan Kiểm lâm định hạn cho phép). Lúc bấy giờ ở địa phận các tôn lãng mỗi khi đến mùa hạ phần nhiều bị cháy, Tòa Khâm sứ bàn nên trừ nghĩ chia vạch đường ranh giới để đề phòng, bộ Lễ bèn tâu lên, chuẩn cho thi hành (về sau đến tháng 2 năm thứ 7 tiến hành, lấy Thự Thống chế vệ Tiền Nhị Đổ Đức Phong sung Đồng lý).

(1) Nguyên bản chép là “kỷ Tây xích” (vài thước Tây), có chỗ mâu thuẫn với đoạn sau, ngờ là “kỷ thập Tây xích” bị chép sót, đây đính lại như trên.

(2) Nguyên bản chép là “nại cận”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “phụ cận” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

1808. Tháng 11. Đổi định hàm cao nhất của quan chức (Tể tử Quốc tử giám trật Chánh Tam phẩm. Tư nghiệp Quốc tử giám và Án sát các tỉnh trật Tùng Tam phẩm. Quản đạo trật Chánh Tứ phẩm. Tri phủ trật Chánh Ngũ phẩm. Tri huyện trật Chánh Lục phẩm. Lại mục ở phủ nha trật Tùng Bát phẩm. Lê mục ở phủ trật Tùng Bát phẩm. Lại mục ở huyện nha trật Chánh Cửu phẩm. Lê mục ở huyện trật Tùng Cửu phẩm).

1809. Thân định thể lệ tuyển bổ lại dịch ty thuộc (trở đi phạm lại dịch ty thuộc đều lấy thư lại Thông sự hoặc Thừa biện theo thứ tự chọn bổ, hàng năm đến trước kỳ Chính phủ sẽ xét định khuyết ngạch cần điền bổ. Thư lại vị nhập lưu thì cho khảo hạch, ai dự hạng thì điền bổ. Còn Thất Bát Cửu phẩm bị khuyết bao nhiêu thì một nửa theo lệ được bổ vào hạng điền bổ, một nửa lấy những người có hàm trật tương đương điền bổ. Theo lệ thì những người được bổ dụng là Công tử Công tôn tôn thất ám thụ đã qua chọn hạch dự hạng hoặc Âm sinh Tú tài chọn hạch dự hạng, vẫn phải biết chữ quốc ngữ và toán pháp mới được bổ dụng. Và lại số điền bổ vào trật mỗi hạng đều có san định, Công tử Công tôn tôn thất hai phần sáu, ám thụ Âm sinh, Tú tài một phần sáu, Âm sinh chọn hạch dự hạng ba phần sáu. Nếu chức khuyết ít mà hạng theo lệ được bổ dụng nhiều thì chọn người lớn tuổi bổ trước, những chức khuyết còn lại thì chọn sĩ nhân Tú tài ai đã dự hạng hạch tuyển trong năm được điểm cao điền bổ. Trong đó Tú tài ứng hạch theo lệ được mỗi 100 điểm thì gia ân cho thêm 10 điểm, quy trình của kỳ hạch tuyển ấy tuân chiếu quy lệ khảo hạch vào Quốc tử giám ngày 18 tháng 10 năm Duy Tân thứ 5, thi chữ quốc ngữ, chữ Pháp (1), toán pháp. Sĩ nhân mới bổ thì vào hạng vị nhập lưu không có phẩm hàm, còn hạng theo lệ được bổ dụng thì chiếu nguyên lệ, mới được bổ hàm đều sung Thừa biện, ai có thể bổ làm các chức Lại mục và Kinh lịch, Thông phán thì phải ở chức cuối cùng ít nhất 2 năm mới được chọn bổ. Trở đi phạm việc thăng trật trừ phân biệt định ngạch đều chiếu nguyên lệ nghĩ biện, Tú tài tại chức 3 năm được thăng Cung phụng, người không có khoa mục phải từng sự tròn 6 năm mới được bổ thụ Tùng Cửu phẩm).

(1) Nguyên bản chép là “quốc ngữ tự pháp toán pháp”, là “quốc ngữ tự, Pháp tự, toán pháp” bị chép sót, đây đính lại như trên.

1810. Bắt đầu lập sổ sách khai sinh khai tử giá thú ở các thị xã tại Trung Kỳ. Khâm sứ đại thần Mahé bàn nghĩ nên sức cho các thị xã ở Trung Kỳ làm sổ sách khai sinh khai tử giá thú để tiện làm thời trình báo có sổ sách làm bằng cứ, sắp tới thành thói quen sẽ thi hành trong cả nước, đã soạn quy thức đệ trình Toàn quyền đại thần duyệt y. Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn cho thi hành (Khoản 1: khâm định lập sổ sách khai sinh khai tử giá thú ở kinh và ở tất cả các xã thôn phường ấp tại các thị xã ở Thanh Hóa, Nghệ An, Hội An, Quy Nhơn, Quảng Trị, Phan Rang, Phan Thiết. Khoản 2: phạm nhân dân ở tại các thôn phường thuộc địa phận thị xã bắt kê sinh con, bệnh chết hay cưới vợ chính vợ lẽ phải khai báo kết nhận ở thôn phường để vào sổ. Khoản 3: sổ ấy chia làm ba loại, một loại là sổ bộ khai sinh, một loại là sổ bộ khai tử, một loại là sổ bộ hôn thú, mỗi năm thay đổi một lần, mỗi loại chia làm hai bản Giáp Ất, ngày 10 tháng giêng hàng năm làng xã thôn phường mang bản Ất của những sổ ấy trình cho thị xã hoặc huyện chuyển đệ lên tỉnh đường thu trữ, còn bản Giáp giao cho thôn phường lưu chiếu. Khoản 4: cách thức sổ ấy đính kèm sau đây, nếu dân gian khai báo thì do xã phường theo sự thật căn cứ trước sau ghi vào sổ, không được bôi xóa sửa chữa, cũng không được để trống khoản nào. Khoản 5: nhà nước sẽ sức in riêng mẫu sổ bộ ấy phát cho các thị xã chiếu lệ tuân biện, mỗi quyển đều có đóng dấu ký tên của quan tỉnh và Trú sứ, cứ đến hết năm quan tỉnh và Trú sứ tra xét duyệt cộng mỗi thôn phường được bao nhiêu phê vào làm bằng, nếu có tranh tụng gì chỉ dựa vào sổ lưu ở tỉnh mà xác định. Khoản 6: ai làm đơn xin cấp tờ trích lục (1), bắt kê là sổ bộ khai sinh khai tử hay hôn thú, nếu thuộc sổ bộ các năm trước thì do hữu ty (2) cấp phát, còn thuộc sổ bộ trong năm thì do Lý trưởng chiếu cấp. Khoản 7: tờ trích lục ấy vẫn sao y lời khai trong sổ gốc, nhà nước đã có soạn một quyển sổ đóng dấu giáp lai (3) đính ở phía sau. Phạm ai có đơn xin trích lục thì chép vào sổ đóng dấu giáp lai, mỗi trang đều cắt ra cấp cho. Khoản 8: ai làm đơn xin trích lục cũng cho gọi đơn tới Sở Điện báo nhờ chuyển cho quan trích lục, cũng do Sở Điện báo gọi cho, phí tổn thư từ giấy tờ đi lại do người làm đơn chịu. Khoản 9: cứ một tờ trích lục theo lệ được thu 2 hào, nếu Lý trưởng trích lục thì do Lý trưởng thu làm việc làng, nếu tỉnh cấp thì do tỉnh thu đưa vào ngân sách Trung Kỳ. Khoản 10: phạm việc sống chết hôn thú trong dân gian hạn trong vòng ba tháng phải tới Lý trưởng hoặc Phường trưởng sở tại khai trình vào sổ. Khoản 11: Lý trưởng nhận lời khai và vào sổ không được đòi hỏi tiền bạc).

(1) Nguyên bản chép là “hà hệ đầu đơn khát cấp bắt câu...”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “hà hệ đầu đơn khát cấp trích lục bắt câu...” bị chép sót, đây đính lại như trên.

(2) Nguyên bản chép là “kỳ chur thượng niên bạ tắc do hữu cấp phát”, là “kỳ chur thượng niên bạ tắc do hữu ty cấp phát” bị chép sót, đây đính lại như trên.

(1) Nguyên bản chép là “phù hợp bạ”, nhưng đoạn sau lại chép là “hợp phù bạ”, đây đính lại là “hợp phù bạ” và dịch như trên.

1811. Thương cho Nguyễn Thị Bình đạo Ninh Thuận (người thôn Mông Đức tổng Vạn Ninh) một đồng kim tiền Nhị nghị (dân đạo đói, Thị Bình tình nguyện xuất ra 250 học thóc giúp đỡ chân tế, quan đạo tư lên xin ban thưởng, để khuyến khích người hiếu thiện. Bộ Hộ tâu lên chiếu lệ ban thưởng cho Vũ Thị Sách xã Phú Cường tỉnh Khánh Hòa tháng 2 năm trước) ban thưởng.

1812. Thôn Phú Sơn (thuộc phủ Tuy An) tỉnh Phú Yên xin chia làm ba thôn (Phú Sơn, Phú Nhuận, Tân Long), cho như lời xin (thôn ấy địa thế rộng lớn, đình điền đông nhiều, hào lý xin chia làm ba thôn để được cân bằng mà mau lẹ việc công vụ. Bộ Hộ tâu lên chuẩn sao ra cho thi hành).

1813. Thường cho Nguyễn Ngọc Ký thôn Hàm Tân (thuộc phủ Hàm Thuận) tỉnh Bình Thuận hàm Tùng Thất phẩm Thiên hộ (Ký xuất tiền mộ dân khai khẩn lập thành xã thôn, nhân đình được 83 người, ruộng đất được hơn 190 mẫu, trước nay đi lính nạp thuế đầy đủ. Quan tỉnh tư xin chiếu lời nghị năm Tự Đức thứ 17 thường hàm Tùng Cửu phẩm Bá hộ. Bề tôi bộ Hộ tra cứu lời nghị tháng 4 năm Duy Tân thứ 5 chuẩn thường Tôn Thất Thuyên mộ dân khai khẩn, chiếu lời nghị năm Tự Đức thứ 30 mộ được từ 6 tới 10 người, khai khẩn ruộng đất được 15 mẫu thường thụ một trật, nếu nhiều hơn thì theo thứ tự chức lượng gia hàm Tùng Bát phẩm văn giai. Nguyễn Ngọc Ký mộ đình khẩn ruộng so với Tôn Thất Thuyên đều nhiều hơn gấp mấy lần nên chuẩn tâu thường cho hàm ấy).

1814. Tháng 12. Bộ Học tâu xin nghị định hạn tuổi học sinh vừa vào học. Phạm có khuyết ngạch phải do quan phủ tỉnh hội đồng với học quan chọn tuyển ai tư chất tốt đẹp say mê học hành khảo hạch bổ vào, nhưng phải từ 18 đến 26 tuổi. Nếu có tang cha mẹ thì cho chiếu lệ về quê một tháng lo việc tang lễ, việc xong tới học, hoặc bị bệnh xin nghỉ thì xét cho nghỉ một hai tuần cũng phải lập tức vào học, phải học ở trường tỉnh bốn năm, sau đó chiếu nguyên ngạch cấp bằng về quê để có phép tác nhất định. Nếu lúc sơ hạch là người không hợp cách (từ 18 đến 26 tuổi), thì thả để khuyết chứ không cho lạm, đã chuẩn lời nghị ấy. Nhưng gần đây học sinh các phủ tỉnh khuyết ngạch quá nhiều, có nơi chọn người 27, 28 tuổi điền bổ vào trường đã hai ba năm, đến lệ (tuổi hơn 30 thì lấy nguyên hàm cấp bằng về quê) cấp bằng cho về quê dự vào hạng miễn sai, rất là quá lạm. Bộ Học lại tâu lời nghị tâu lên, chuẩn cho tuân hành.

1815. Khâm sứ đại thần Mahé hội thương nói nghe báo ở gian giữa điện Hòa Khiêm vốn có chôn nhiều vàng bạc, nên bàn ủy Hữu Tôn khanh Phủ Tôn nhân Ứng Hào, Tả Tham tri bộ Lễ Mai Hữu Dực, Phụng hộ Phó sứ Tùng Lễ hội đồng với hai viên Hội biện Lại Hộ lập tức tới nơi đào lên lấy số vàng bạc ấy giao cho Phủ Nội vụ để làm việc có ích. Bề tôi Phủ Phụ chính kính chiếu tôn điện là nơi trang trọng, ai báo tin ấy hư thực chưa rõ nhưng thể khó bàn bạc cản trở nên bàn định chờ xem khám nghiệm thế nào sẽ có thưởng phạt để tỏ rõ sự khuyến khích trừng phạt. Bèn ghi lại biên bản tâu lên để vua rõ. Sau đó hội đồng đào lên, qua hơn mười ngày không có gì cả, kể quý Tòa nói đã có lời Toàn quyền đại thần bàn dừng lại để khỏi ngờ vực náo động. Ngày 30 tháng giêng năm sau (1) chuẩn lấy Hiệp biện đại học sĩ Thượng thư bộ Lễ Huỳnh Côn, Tham tri bộ Lễ Cao Đệ cùng Hội biện Lại chính, Đốc công cùng các viên trong hội đồng tới nơi xét khám trừ nghi lấp lại như cũ, dự trừ chi phí hơn 2.000 đồng, bàn trích tiền lưu lại chi biện. Khâm sứ Mahé cũng vì việc ấy không có hiệu quả nên tháng 3 năm sau về nước (về việc này đại thần bộ Công Nguyễn Hữu Bài không dự, đương thời có câu “Bỏ vua không Khả (tức nguyên Thượng thư sung đại thần quản lãnh Thị vệ Ngô Đình Khả), bới mả không Bài”(2)).

(1) Nguyên bản chép là “Minh Mạng chính nguyệt tam thập nhật”, là “Minh niên chính nguyệt tam thập nhật” bị chép lầm, đây đúng lại như trên.

(2) Nguyên bản viết câu này bằng chữ Nôm.

1816. Chuẩn y lời hội thương về việc so sánh ban phẩm hàm cho những người tòng sự Bảo hộ và lính tập thuộc địa ở Trung Kỳ (Một: Thông ngôn, Ký lục tòng sự so ban hàm (trở xuống cũng thế). Thương biện hạng ba và thượng hạng Lục sự Phán sự, hạng nhất so ban hàm Chánh Tứ phẩm, thuộc viên thượng hạng, Lục sự Phán sự hạng hai so ban hàm Tùng Tứ phẩm, Lục sự Phán sự thực thụ (trở xuống cũng thế), hạng nhất so ban hàm Chánh Ngũ phẩm, hạng hai so ban hàm Tùng Ngũ phẩm, hạng ba so ban hàm Chánh Lục phẩm, hạng tư so ban hàm Tùng Lục phẩm, hạng năm so ban hàm Chánh Thất phẩm, hạng sáu so ban hàm Tùng Lục phẩm. Lục sự Phán sự thứ sai (trở xuống cũng thế) hạng nhất so ban hàm Chánh Bát phẩm, hạng hai so ban hàm Tùng Bát phẩm, hạng ba so ban hàm Chánh Cửu phẩm, hạng tư so ban hàm Tùng Cửu phẩm. Viên nào mới bổ, so ban hàm cùng mới được thăng hàm đều theo quê quán sức cho biết đã được ban hàm ấy, ngày nào cáo thoái sẽ theo nguyên hàm chuẩn cấp bằng sắc hoặc thưởng gia một trật, nhưng những người ấy không được viện lý do khác xin bổ chức quan của Nam triều. Còn những người có khoa mục tòng sự Bảo hộ thì tuân chiếu lệ Nam triều biện lý, sẽ do Nam triều chiếu hàm bổ riêng. Một: lính tập chức dịch so trao hàm (trở xuống cũng thế). Phó Quân so trao hàm Tùng Tứ phẩm, Đội hạng nhất so trao hàm Tùng Ngũ phẩm, Đội hạng hai so trao hàm Tùng Lục phẩm, Cai đội hạng nhất so trao hàm Tùng Thất phẩm, Cai đội hạng hai so trao hàm Tùng Bát phẩm, Ngũ trưởng so trao hàm Chánh Cửu phẩm, binh trao hàm Tùng Cửu phẩm. Chức dịch cùng binh lính ngày nào cáo hồi sẽ chiếu hàm cấp cho bằng sắc nhưng không được bổ làm việc cho Nam triều. Những người ấy ai theo lệ được lãnh hưu bổng mới được ban phẩm hàm, còn lại bất kể hạng nào mà về hưu, tòng sự lâu ngày hoặc bị thương bị thái hồi vân vân, ai chưa đến lệ được hưu trí cấp hưu bổng thì không chuẩn ban phẩm hàm. Tòng sự được 15 năm trở lên không có lỗi lầm về hưu hoặc mãn hạn đều cho ban hàm văn giai, ai được thưởng Bắc Đẩu bội tinh hạng năm sẽ ân chuẩn so hàm thưởng thêm hai trật, ai làm việc xuất sắc đáng khen thì không cần đến hạn về hưu cũng cho thưởng thụ thực hàm).

1817. Triều đình Pháp thường Phụ chính đại thần Trương Như Cương một tám Bắc Đẩu bội tinh hạng ba, Đô thống sung quản biện Thị vệ Nguyễn Gia Trung một tám Bắc Đẩu bội tinh hạng năm.

1818. Toàn quyền đại thần Sarraut tới kinh vào đại nội yết kiến, kính dâng một tấm Long bội tinh hạng lớn nhất của triều đình Pháp tặng. Lúc bấy giờ mở đại hội Thượng Nghị viện ở kinh, Toàn quyền đại thần nhân tới dự hội bèn dâng tặng.

1819. Khâm sứ đại thần Mahé nói Toàn quyền đại thần bàn bãi bỏ ngân sách các tỉnh quy về cho ngân sách Quân hạt để tiện kiểm soát trông coi, lại tránh lãng phí, lại đệ giao bản thảo lời dụ cho Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn cho ban dụ thi hành. Lời dụ nói “Tháng 10. 1903 dụ chuẩn lập ngân sách các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Bình Thuận, lại ngày 27. 6. 1904 dụ chuẩn thành lập ngân sách các tỉnh đạo Quảng Bình, Quảng Trị, Phú Yên, Ninh Thuận. Nay chiếu lời bàn của quý Toàn quyền đại thần nên đình bãi nhưng trở đi đều thống quy về ngân sách Hội đồng Quân hạt Trung Kỳ, sẽ do quý Toàn quyền đại thần chiếu lời nghị thi hành”.

1820. Lý dịch bảy xã thôn Năng Tĩnh, Sơn Triều, Mậu Lâm, Quan Quang, Phước Thạnh, Đại Phú, Mỹ Phú (thuộc huyện Tuy Hòa) tỉnh Phú Yên đều xin lập riêng thôn hiệu. Quan tỉnh tâu lên, cho như lời xin (thôn Năng Tĩnh thuộc tổng Hòa Bình (trở xuống cũng thế) nguyên có 4 làng chia làm 3 thôn Năng Tĩnh, An Tĩnh, Ninh Tĩnh. Quan Quang nguyên có 4 làng chia làm 3 thôn Quan Quang, Tường Quang, Ngọc Phong. Sơn Triều nguyên có 10 làng chia làm 4 thôn Sơn Triều, Cẩm Tú, Xuân Hòa, Thọ Bình. Mậu Lâm thuộc tổng Hòa Tường (trở xuống cũng thế) nguyên có 6 ấp chia làm 4 thôn Mậu Lâm, Nho Lâm, Tịnh Lâm, Hạnh Lâm. Đại Phú nguyên có 2 giáp chia làm 2 thôn Đại Phú, Thái Bình. Thôn Phước Thạnh nguyên thuộc tổng Hòa Lạc nguyên có 4 làng chia làm 2 thôn Phước Thạnh, Phước Thành. Thôn Mỹ Phú thuộc tổng Hòa Mỹ vốn có 2 ấp chia làm 2 thôn Mỹ Phú, Phú Hòa).

1821. Trích 9 xã Ngọc Kinh Đông Tây, Lập Thạch, Cam Lâm, Hữu Trinh, Hội Khách, Trung Đạo, Tân Đại, Thuận An hạt Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam đặt riêng làm tổng An Hòa, sáp nhập vào huyện Đại Lộc để tiện công vụ, là theo lời xin của Hiệp biện lãnh Tổng đốc Hồ Đắc Trung.

1822. Chuẩn cho hai xã Đông Ấp, Hà Linh tổng Chu Lễ (thuộc huyện Hương Khê, trở xuống cũng thế) tỉnh Hà Tĩnh đổi thuộc tổng Phương Điền, hai xã Thượng Bình, Phú Gia tổng Phương Điền đổi thuộc tổng Chu Lễ, là theo ý dân mong muốn.

1823. Bộ Hình tâu xin qua năm sau các tỉnh phủ đạo đều chiếu số tù phạm hiện đang giam giữ dự trừ bản nghĩ trích ngân khoản chi cấp cho mỗi người (ngoài áo quần được cấp) mùa hạ chiếu và nón tre đều một cái, mùa đông chiếu, nón tre và áo toại đều một cái, về sau chia làm hai kỳ mùa hạ mùa đông cấp phát để tỏ rõ ý thương xót, chuẩn sao ra cho thi hành.

Quyển 26

1824. Năm Quý sửu Duy Tân thứ 7 (1913 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Ngày Nhâm thân (ngày 15) thiết triều ở điện Càn Chánh.

1825. Càn Chánh điện đại học sĩ Diên Lộc quận công đã trí sĩ Nguyễn Thân thọ 60 tuổi, đặc ban cho bậc huân vọng kỳ thạc 1 tấm kim khánh hạng lớn, 10 tấm the Nam, sai quan tỉnh Quảng Ngãi truyền chỉ khen thưởng.

1826. Khâm sứ đại thần Mahé gửi thư nói ở địa phận các tôn lăng ở kinh nhiều khi bị cháy, nên mau lệ trừ tính làm sao để phân đường ranh giới ngõ hầu không bị hỏa hoạn. Phủ Phụ chính bèn tâu lên giao cho quan phủ Thừa Thiên chức lượng phát dân làm công ích ứng biện, nghĩ chuẩn lấy Thống chế vệ Tiền Nhị Đổ Đức Phong sung Đồng lý.

1827. Tháng 2. Giám quốc mới nước Đại Pháp Poincaré (1) bắt đầu nối giữ chính sự, sai chiếu lệ (tháng giêng năm Thành Thái thứ 11 Giám quốc Loubet nối giữ chính sự, tháng 5 năm thứ 18 Giám quốc Fallières*** nối giữ chính sự đều có làm thư đệ đạt) gửi quốc thư (thư đại lược nói quý Điện hạ là Thái Tây thạc vọng, tài đức kiêm toàn, từng chương quản việc bộ Binh bộ Ngoại giao, huân danh lừng lẫy, vốn được lòng người mong ngóng. Nay coi việc quốc chính, quả nhân nhận được tin báo, khôn xiết vui mừng. Vả lại hạ quốc đội ơn nước lớn che chở đã lâu mới còn, hàng ngày ghi nhớ đức lớn. Trở đi phạm các việc lợi ích lần lượt cử hành, nay quý Điện hạ vừa mới nối giữ chính sự, chỉ mong khoan dung cai trị, thương yêu xa gần, mọi người tin tưởng mà hạ quốc cũng được nhờ ơn, thêm phần yên ổn thái bình, là điều quả nhân cùng thần dân trong nước đều mong mỏi vậy) chúc mừng.

(1) Nguyên bản viết là “Bông Ca Lê”, tức Raymond Poincaré. Nhân vật này giữ chức Tổng thống Pháp từ 18. 2. 1913 đến 18. 2. 1920.

1828. Sai Phụ chính đại thần Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Học Cao Xuân Dục tới Hà Thành hội nghị về học quy (lúc bấy giờ Đại học Hội nghị viện Đông Dương mở hội nghị ở Bắc Kỳ, theo lệ bàn việc nên có mệnh ấy).

1829. Tu soạn Nội các Trần Đình Sĩ vì tự ý đốt văn thư nên bị biếm (trước là Đình Sĩ tự ý đem văn thư trong Nội các ra đốt, việc lộ ra chuẩn triệt chức cho tại ngoại, phái hội đồng tra xét. Về sau theo hội đồng báo lại thì những văn thư bị đốt đều là giấy tờ bị mối mọt trình lên, bề tôi Phủ Phụ chính bàn nghĩ những giấy tờ sổ sách bị

đốt quả thật đều là bị mỗi một chữ không có ý riêng gì khác. Duy văn thư do Nội các cất giữ mà Dĩnh Sĩ tự ý đem đốt khiến đồng sự trích ra tố giác thì rất tự tiện khinh suất, bèn tâu chuẩn chiếu luật Lễ ra phải trình lên cấp trên mà không trình xử đánh 40 roi, ghi vào lý lịch, biếm chức bổ làm thuộc viên).

1830. Tháng 3. Chuẩn thưởng bổng Huỳnh Tấn Mưu 26 người ở tỉnh Quảng Nam quyền tiền giúp đỡ xây dựng Nhà thương Bảo sản (1) phẩm hàm có khác nhau. Lúc bấy giờ Tổng đốc Nam Ngãi Hồ Đắc Trung vì việc chăm sóc phụ nữ thai sản có liên quan tới nhân chính mà Nhà thương tỉnh ấy chưa có sở Bảo sản, bèn bàn xin quyền tiền được hơn 14.000 đồng xây thêm một sở Bảo sản phòng ốc rộng rãi, từ lúc ấy những sản phụ ở tỉnh Quảng Nam có nơi bảo sản, mọi người đều cho là tiện.

(1) Nguyên bản chép là “Thương gia Bảo sản”.

1831. Khâm sứ đại thần Mahé về nước, Quản đốc La Bi (1) nhiếp hành.

(1) Nguyên bản viết là “La Bi”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1832. Chuẩn cho Phủ Phụ chính thông tư cho quan các tỉnh mật sức cho các phủ huyện gia tâm kiểm soát hiện tình, lại thỉnh thoảng đích thân đi tuần sát hiệu dụ, có việc gì lạ thì một mặt điện báo, một mặt bàn với Trú sứ trú tỉnh (lúc bấy giờ Trú sứ Bình Thuận kiểm soát bắt được kiếm vàng ẩn vàng, Trú sứ Quảng Nam gửi giao trái phiếu và phương lược của Quang phục quân, quan tỉnh Thái Bình ở Bắc Kỳ bị tạc đạn giết chết, hiện tại Hải Dương dò thám được nhiều tạc đạn, các thành phố Sài Gòn, Chợ Lớn (1) ở Nam Kỳ cũng thu được rất nhiều tạc đạn chưa nổ nên quý Tòa mật tư cho Chính phủ gửi điện văn thông sức cho các địa phương biết để tuân hành).

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

1833. Bắt đầu đặt Hội đồng Thương lượng ở các tỉnh. Ngày 28 tháng 2 năm trước (tức ngày 5. 4. 1912 Tây lịch) Tòa Khâm sứ bàn thiết lập Hội đồng hào mục các tỉnh chuyên xét những điều cấp bách và mong mỏi của nhân dân trong hạt để thân rõ trị đạo của quốc gia cùng những việc của dân gian có quan hệ với việc cai trị và việc làm ăn, nếu biết thì nói thẳng để lựa chọn mà làm. Hội đồng ấy mỗi năm họp một lần hoặc vài lần ở tỉnh thành, cho đem tình trạng làng xóm và điều trần rõ ràng ý kiến của những người bàn bạc, như trú tính các việc xây dựng chi phí tốn nhiều tiền, công ích sưu thuế đồng niên cùng các khoản thu chi, nhất thiết có quan hệ tới việc làm ăn và có ích cho dân trong hạt thì cho trình bày, duy cấm không được bàn bậy tới việc chính trị, đã bàn điều khoản trình lên quý Toàn quyền đại thần duyệt y. Ngày 5 tháng 11 năm trước dâng phiến tâu lên đã được chuẩn nhưng chưa thi hành. Đến lúc ấy Toàn quyền đại thần tới kinh đại hội, trong có đổi định một hai khoản mới được chu tất ổn thỏa. Phủ Phụ chính bèn tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành (khoản 1: các tỉnh thuộc Trung Kỳ đều nên thiết lập Hội đồng hào mục. Khoản 2: phận sự của hội đồng ấy chỉ chuyên xem xét những việc cần thiết và mong mỏi của dân trong hạt và những việc khác có ích cho việc cai trị và tài chính, xét rõ tình trạng trình lên nhà nước Báo hộ thẩm định bàn nghị. Khoản 3: về tư cách hội đồng. 1. Các phủ huyện có từ 6 tổng trở xuống chỉ được 1 người, 7 tổng trở lên theo lệ được cử 2 người, đều tuyển chọn từ các viên Chánh tổng được bổ thụ sung vào. 2. Các tổng Chăm tổng Thổ tổng Man cũng ít nhiều chọn Chánh tổng sung làm hội viên. 3. Ngoài quan viên đang giữ chức có ai là chức sắc khoa mục thông hiểu văn học có lưu ý tới những việc công ích khai hóa đều được cử làm hội viên. Số hội viên ấy mỗi tỉnh nên đặt bao nhiêu người sẽ do Khâm sứ đại thần bàn với Phủ Phụ chính thẩm xét quyết định. Khoản 4: việc tuyển cử hội viên mỗi hạt từ Chánh Phó tổng tại chức và các Chánh Phó tổng đã từ dịch vốn không có tội lỗi bị cách bị phạt hội tề bảo cử. Khoản 5: hội viên các hạt Chăm, Thổ, Man đều do Trú sứ hạt ấy và quan tỉnh chọn cử, nhưng số hội viên không được quá một phần tư số hội viên người Việt. Khoản 6: lại có hội viên người Nam không thuộc loại công cử mà chỉ do Trú sứ và quan tỉnh chỉ định chọn cử, loại hội viên ấy phải có gia sản ở hạt mà mình được đại diện nhưng không được quá một phần tư số hội viên công cử. Khoản 7: các hội viên bất kể công cử hoặc tỉnh cử đều phải có sự đồng ý của Khâm sứ đại thần bàn với Phủ Phụ chính rồi sau đó mới thành số ngạch. Khoản 8: kỳ tuyển cử do Trú sứ và quan tỉnh định ngày đòi những người tuyển cử tề tựu ở phủ nha huyện nha hội đồng bỏ phiếu kín bầu chọn. Khoản 9: việc bầu cử do quan tỉnh bàn với Trú sứ nghị biện. Khoản 10: những người được dự bảo cử cho đem giấy cử nạp cho hội đồng, hội đồng ấy một là Trú sứ hoặc quan đại diện sung làm Hội trưởng, hai là Thủ hiến quan tỉnh hoặc quan đại diện, ba là Chánh tổng cũ lớn tuổi sung vào hoặc chọn một Chánh tổng cũ thay mặt, bốn là thư ký người Nam một người do Trú sứ chọn sung vào. Khoản 11: hòm phiếu công cử mở vào lúc 8 giờ sáng, những người trúng cử thì hội đồng lập tức tuyên đọc để mọi người đều biết. Khoản 12: phạm công cử nếu ai nhiều phiếu hơn thì trúng cử, nếu nhiều người cùng được số phiếu như nhau thì chọn ai lớn tuổi hơn sung vào. Khoản 13: hội đồng ấy tuyển cử nếu có ai khiếu nại khoản nào thì do Trú sứ và quan tỉnh nghị xử. Nếu vẫn còn bất bình thì do Khâm sứ và Phủ Phụ chính thẩm định, nếu đơn khiếu nại ấy không có ghi vào biên bản hội đồng thì cho sau khi bãi hội 15 ngày đệ lên Tòa sứ nhận biện. Khoản 14: hội viên hội đồng ấy mỗi ba năm một khóa, sau khi mãn khóa cho được tái cử. Khoản 15: những người dự bảo cử như gặp việc gì đó vắng mặt hai tháng thì hội đồng bầu cử ở phủ huyện hạt ấy chiếu lệ công cử người khác thay vào. Khoản 16: hội đồng các tỉnh cho được bàn bạc về

các khoản như dưới đây. Một là Trú sứ các tỉnh chiêu ngân sách tỉnh hạt như tài chính, công ích, chi tiêu các khoản trình Khâm sứ đại thần nghị biện, hội đồng ấy cho được dự bàn. Hai là thay đổi sáp nhập địa phận các hạt như số phủ huyện châu tổng xã. Ba là kiểm soát việc tu sửa đường sá đê điều kênh mương. Bốn là nhà nước cần hỏi các việc cần làm trong tỉnh hạt. Khoản 17: hội đồng ấy theo lệ được điều trần các việc tài chính, tới như việc có liên quan tới chính trị thì cấm không được bàn bậy bàn bừa. Khoản 18: hàng năm họp ở Tòa sứ, ít nhất cũng phải họp một lần, lấy tuần lễ đầu tiên trong tháng 5 Tây lịch làm kỳ hạn, ngoài hội nghị thường xuyên, nếu Trú sứ cần việc gì muốn hội nghị để bàn bạc với quan tỉnh thì tư xin Khâm sứ đại thần chuẩn cho mới được. Khoản 19: hội viên tới hội trú lại ở tỉnh thành, mỗi ngày cấp cho tiền chi phí đều 1 đồng. Khoản 20: mỗi kỳ họp hội đồng Trú sứ làm Hội chủ, quan tỉnh làm phó, phạm lúc hội họp không cho người ngoài nghe trộm và mỗi kỳ hội nghị không được kéo dài quá 8 ngày. Khoản 21: Tòa sứ phái một viên Thương biện người Pháp, tỉnh phái một thuộc viên sung làm Thư ký hội đồng. Khoản 22: trước khi chưa mở hội nghị, Trú sứ và quan tỉnh cùng kê biên một bản trong kê tất cả những khoản cần bàn, trước đó giao cho các viên trong hội đồng nghị biện. Phạm khoản nào đã ghi vào biên bản thì hội đồng phải bàn trước, sau đó mới theo thứ tự bàn tới khoản khác. Khoản 23: số hội viên tới dự hội hiện diện không được một nửa, lại quá nửa có một người cũng không được họp. Khoản 24: biên bản của hội đồng bằng chữ Tây thì giao cho Thư ký Tây trong hội đồng, chữ Nho thì giao cho Thư ký Nam trong hội đồng ghi chép. Khoản 25: mỗi Tòa sứ đều có một quyển sổ nhật ký ghi chép biên bản hội đồng ấy, như mỗi kỳ hội đồng họp xong sau mười ngày phải sao biên bản ghi chép đệ trình lên Khâm sứ đại thần, quan tỉnh cũng phải làm biên bản chữ Nho đệ trình lên Phủ Phụ chính duyệt nghị).

1834. Tòa Khâm sứ gửi thư nói Toàn quyền đại thần tư nghị chiếu lời chỉ dụ ngày 20. 10. 1901 Tây lịch trong nói Toàn quyền đại thần là đại diện nước Pháp thống trị toàn cõi Đông Dương và xét xử các vụ án tử hình, nếu Toàn quyền đại thần chưa duyệt y thì không chuẩn cho thi hành, trở đi phạm những tội bị kết án tử hình, tất cả án tử đều phải đệ giao lên Toàn quyền đại thần duyệt chiếu. Lại quan đại diện Bảo hộ phải kê rõ nguyên do và xét xử theo tội danh nào trong án ấy tư lên, lại tư xin thẩm xét, thẩm xét xong trả lời trả lại hồ sơ án ấy mới được thi hành. Phủ Phụ chính cho rằng điều ấy là thuộc ý thận trọng hình phạt tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành.

1835. Thi Hội (sai Tuần phủ Quảng Ngãi Từ Thiệp làm Chủ khảo, Bô chánh Khánh Hòa Nguyễn Khải làm Phó, Đốc học Thanh Hóa Nguyễn Đức Lý sung Tri Cống cử) lấy 10 người hạng chánh trúng cách và thứ trúng cách. Đến khi thi Điện (sai Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lễ Huỳnh Côn, Tham tri sung Toán tu Quốc sử quán Cao Xuân Tiếu sung Độc quyền, Tá lý bộ Học Nguyễn Thiện Hành, Quang lộc tự thiếu khanh sung Viên ngoại Cơ mật viện Phạm Liệu sung Duyệt quyền) ban cho 1 người là Nhị giáp Tiến sĩ (Đinh Văn Cháp), Tam giáp Đồng Tiến sĩ (Võ Nhị Cát) 5 người, Phó bảng (Đỗ Xuân Phong) 4 người.

1836. Mùa hạ, tháng 4. Kính cẩn cử hành lễ an tự ở điện Hòa Khiêm, vì tháng chạp năm trước quý Tòa bàn phái hội đồng đào tìm vàng bạc, kính đón thánh vị vào gian bên trái điện Lương Khiêm tạm thời thờ cúng. Đến lúc ấy sửa chữa san lấp đã xong, bắt đầu đưa về an tự.

1837. Chuẩn cho các xã thôn Phụng Tường, Ngọc Lãnh (thuộc tổng Hòa Tường phủ Tuy Hòa), Trung Hậu (thuộc tổng Hòa Bình) tỉnh Phú Yên chia đặt thôn hiệu. Vì các xã thôn ấy đình đồng điền nhiều, địa thế xa cách, nên Lý dịch tình nguyện chia đặt để tiện công vụ, cho như lời xin (thôn Phụng Tường vốn có 3 ấp nay chia làm 3 thôn, ấp Hy Nông vẫn như cũ, xã Phụng Tường ấp Hy Lợi đặt làm thôn Long Tường, ấp Hy Nguyên đặt làm xã Long Nguyên. Thôn Ngọc Lãnh vốn có 4 ấp, nay chia làm 3 thôn, ấp Đồng Lợi cùng làng Hòa Sơn vẫn như cũ làm thôn Ngọc Lãnh, ấp Đồng Mỹ đặt làm thôn Đồng Mỹ, ấp Đồng Hòa đặt làm thôn Đồng Hòa. Xã Quy Hậu vốn có 2 ấp, nay chia làm 2 thôn, ấp Thành Đức vẫn là xã Quy Hậu như cũ, ấp Minh Đức đặt làm thôn Minh Đức).

1838. Chuẩn cho 8 xã phường vừa sáp nhập (xã Thủy Tú, phường Thủy Tú, xã Thủy Trung, xã Hoàng Công, xã Lê Luật, thôn Cháp Lễ, thôn Mỹ Duyệt vốn đều sáp nhập vào tổng Hồ Xá) ở phủ Vĩnh Linh tỉnh Quảng Trị đặt riêng làm tổng Hoàng Công, là theo ý dân mong muốn.

1839. Nguyễn Văn Đễ ở thôn Mậu Thịnh (thuộc tổng Mậu Lâm) huyện Nga Sơn Thanh Hóa xin lập riêng thôn Điền Hộ (tiền đình điền công ích phụ nạp hơn 115 đồng), chuẩn cho như lời xin.

1840. Thương cho thọ quan ở hai phủ tỉnh Thừa Thiên, Khánh Hòa (ở phủ Thừa Thiên là nguyên Lãnh binh hưu trí Chu Khắc Bảng người Lại Thế huyện Phú Vang thọ 90 tuổi, chiếu lệ thưởng 15 lượng bạc, 3 tấm the Nam, chiết cấp thành 33 đồng. Ở tỉnh Khánh Hòa là Chánh Thất phẩm Đội trưởng Mai Văn Lợi, người xã Vũ Lâm phủ Diên Khánh 102 tuổi, chiếu lệ thưởng 12 lượng bạc, the Nam và trừu mỗi thứ 1 tấm, chiết cấp thành 35 đồng).

1841. Tháng 5. Toàn quyền đại thần Sarraut cùng Quyền Khâm sứ đại thần Charles (1) vào kinh, sai Phủ chính đại thần Trương Như Cương, Cao Xuân Dục tới Đà Nẵng đón tiếp, khi tới yết kiến, thiết triều đãi yến đều như lệ.

(1) Nguyên bản viết là “Sa Lý”, tức Jean François Eugène Charles. Nhân vật này giữ chức Khâm sứ Trung Kỳ từ 1913 đến 1920.

1842. Bộ Hình tư xin thân rõ điều lệ Nha Hộ thành. Trở đi phạm như có trộm cắp hỏa hoạn và trong quý có yên ổn hay không cùng phân chia Quản Suất đi tuần nơi nào phải do Nha Hộ thành theo lệ trước nay (lời nghị chuẩn của bộ Binh năm Tự Đức thứ 34, 35, lời nghị chuẩn của bộ Hình và phiên chuẩn năm Đồng Khánh thứ 3,

Duy Tân thứ 3) mà làm để nghiêm việc công (nếu có xảy ra trộm cắp thì tư cho bộ Hình, hòa hoạn thì tư cho bộ Binh bàn bạc làm việc). Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành.

1843. Chuẩn y lời hội thương bàn định lệ xã thôn ở Trung Kỳ tố cáo kiện tụng với Tòa án Pháp. Lúc đầu là quý Tòa gửi thư nói gần đây Trung Kỳ không có thể lệ rõ ràng, các xã thôn được phép tố cáo khiếu nại với các tòa án, nếu khoản ấy được thi hành thì các xã thôn cậy có quyền đủ lý mà làm, Bảo hộ lâm thời có thể tránh khỏi nguy hiểm. Tháng 3 năm ấy (tức ngày 12. 4. 1913 Tây lịch) đã chuẩn ban dụ, về điều khoản thế nào do Toàn quyền đại thần nghị định. Đến lúc ấy Toàn quyền đại thần nghị định thể thức gồm 8 khoản do Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành (Khoản 1: về việc các xã thôn kiện tụng tố cáo với Tòa án Pháp chuẩn cho thi hành ở Trung Kỳ. Khoản 2: phạm các xã thôn ở Trung Kỳ muốn kiện tụng tố cáo về việc hình chính với Tòa Sơ thẩm Pháp (1) mà trước đó không có Trú sứ và quan tỉnh chuẩn y cùng muốn kiện tụng tố cáo với các Tòa Thượng thẩm Pháp (2) mà trước đó không có Khâm sứ đại thần và Phủ Phụ chính chuẩn y thì không được kiện tụng tố cáo. Khoản 3: ai muốn tố cáo xã nào phải đem chuyện tố cáo cùng tình tiết kê khai vào một tờ giấy, trước tiên trình với Trú sứ duyệt, Trú sứ nhận giấy ấy xong sẽ giao một tờ biên lai, lại chỉ thị rõ ràng cho hào mục xã ấy biết, lại đem giấy ấy và lời đối nại của hào mục bàn với quan tỉnh nghị định. Khoản 4: ai xin tố cáo chống án (3) với Tòa án Pháp mà Trú sứ và quan tỉnh bàn bạc không chuẩn y thì phải nói rõ lý do vì sao không chuẩn y, nếu Lý trưởng xã ấy muốn gửi đơn tới Khâm sứ đại thần và Phủ Phụ chính tố cáo thì trước tiên phải được hội nghị hào mục xã ấy ưng thuận, sau đó chuẩn cho đem đơn ấy tới tố cáo hoặc gửi theo Sở Điện báo đệ đạt cũng được. Khoản 5: nếu Khâm sứ đại thần và Phủ Phụ chính chiếu lời nghị định xét nghĩ thuộc loại không xử thì không được khiếu nại gì khác. Khoản 6: thời hạn Trú sứ bàn với quan tỉnh hoặc Khâm sứ đại thần bàn với Phủ Phụ chính xét nghĩ đơn kiện định là trong vòng 2 tháng kể từ khi nhận đơn. Khoản 7: bất kể khoản nào, xã ấy như muốn thỏa thuận phải có Khâm sứ đại thần bàn với Phủ Phụ chính nghị định chuẩn y mới được. Khoản 8: Khâm sứ đại thần Trung Kỳ và quan Tổng Đê hình Tòa Hình Đông Dương đều chiếu theo bốn phạm tuân hành Nghị định này).

(1) (2) Nguyên bản chép là “Sơ đẳng Pháp án tòa”, “Thượng đẳng Pháp án tòa”.

(3) Nguyên bản chép là “nại không”.

1844. Chuẩn y lời hội thương về lệ giấy thuế thân ở Trung Kỳ. Trước là trong kỳ hội thương ngày 24 tháng 8 năm trước (tức ngày 4. 10. 1912 Tây lịch) Khâm sứ Mahé bàn với Phủ Phụ chính xét nghĩ trước nay giấy thuế thân ở Trung Kỳ chưa có định lệ, phạm muốn đi đâu làm ăn lên quan xin nhận giấy căn cước hoặc giấy thông hành không những thời gian kéo dài mà còn nhiều sự phiền phức, mà kỳ hạn đi lại gấp rút không thể làm ăn lâu dài, rất là bất tiện, đã tham chiếu lời nghị ngày 17 tháng 2 năm Thành Thái thứ 10 chuẩn cho châm chước bổ sung lời nghị về thuế đinh để tiện cho dân. Đến lúc ấy bàn định điều khoản tâu lên, chuẩn cho thi hành (Khoản 1: nguyên lời nghị năm Thành Thái thứ 10 chuẩn cho bổ sung lời nghị về thuế đinh các khoản như sau. Khoản 2: ai muốn thì được cấp một tờ giấy thuế thân, trong ghi rõ tên họ căn cước, dùng làm giấy biên lai nạp thuế, ai mang giấy ấy trong người có thể đi làm ăn trong khắp các hạt Nam Kỳ, Bắc Kỳ, Cao Man, Ai Lao ở Đông Dương, không cần xin cấp giấy thông hành và giấy căn cước. Khoản 3: giấy thuế thân ấy lấy một năm làm hạn, từ ngày 1 tháng 7 Tây lịch năm trước đến ngày cuối tháng 6 Tây lịch năm sau là hết hạn. Khoản 4: thuế thân chia làm ba loại, một là giấy thuế thân tráng đinh đóng 2 đồng 2 hào để cấp cho dân đinh nội tịch đã nạp xong thuế thân đồng niên, hai là loại giấy miễn sưu 4 hào để cấp cho những người được miễn đao dịch, ba là giấy miễn thuế không thu tiền để cấp cho các chức sắc miễn sai và các hạng dân được miễn thuế. Khoản 5: loại giấy thuế thân ấy giao cho Lý trưởng cấp phát, ai đã nạp thuế tráng đinh và những người được miễn thuế, Lý trưởng xét cấp cho nhưng không được tạ sự thu tiền. Khoản 6: các hạng giấy ấy nhà nước sẽ in riêng giao cho Lý trưởng xét cấp, lập sổ lưu chiếu ghi lại căn cước quê quán của người được cấp do Lý trưởng chuyên trách, nếu khai man dối trá bị phát giác sẽ chiếu luật hình và lệ cai trị nghĩ xử. Khoản 7: trên mỗi giấy thuế thân có dấu lấn tay và do Tòa sứ sở tại phê duyệt, vào sổ nhật ký xong phát cho Lý trưởng nhận cấp. Loại giấy ấy là giấy riêng, không được cho người khác mượn, hết hạn cũng không được lạm dụng. Người nhận giấy ấy đã chết thì giấy ấy giao về cho Lý trưởng ở nguyên quán khai báo tiêu hủy. Khoản 8: có ai xin cấp giấy thì hạn từ ngày xin cấp tới ngày Lý trưởng giao giấy và có lời phê duyệt của Tòa sứ không được quá 15 ngày. Khoản 9: từ ngày nghị định này thi hành, phạm nhân dân Trung Kỳ đi lại ở các địa hạt tại Đông Dương không cần cấp phát giấy căn cước và giấy thông hành nữa. Khoản 10: phạm các sắc dân ở Đông Dương ai mang giấy thuế thân trong năm cũng được tùy ý thông hành ở các tỉnh Trung Kỳ, giấy thuế thân ấy nếu không có ghi rõ chiều cao hình dáng mặt mũi thì có dấu lấn tay và Trú sứ ở bản quán hoặc ở nơi sinh sống phê duyệt làm bằng. Khoản 11: còn có giấy căn cước đặc biệt thuộc điều đặc biệt qua năm không thay đổi, loại giấy ấy do Lễ bộ cấp, những người thuộc hàng Thượng thư cùng nguyên giữ chức Thượng thư muốn cấp thì chiếu lệ phát cho, nhưng trên giấy phải có lời phê của Khâm sứ Trung Kỳ cùng vào sổ nhật ký mới được).

1845. Tổng đốc Thanh Hóa Tôn Thất Thiệm xin hợp nhất xã Chính Mô vào với xã Chu Sơn (đều thuộc châu Lang Chánh), Tuần phủ Hà Tĩnh Tôn Thất Đê tư xin cho ba thôn Gia Đoàn, Phú Phong Thượng Hạ xã Chu Lễ (thuộc huyện Hương Sơn) được có ấn triện sổ sách riêng và giáp Đông Trung thôn Đông Trường (thuộc tổng Đỗ Xá) lập riêng thành thôn Đông Trung. Bộ Hộ tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành (xã Chính Mô đình điền thừa thót ít

ôi, sưu thuế công ích không có bao nhiêu nên hợp nhất. Xã Chu Lễ đình điền đông đúc, thôn Đông Trường dân cư pha tạp nên chia ra, là theo ý dân mong muốn).

1846. Biểu dương tiết phụ Nguyễn Thị Lương ở Hà Tĩnh (Thị Lương người Trung Lương Can Lộc, năm 18 tuổi chồng từng quân chết trận, sưng cư thủ tiết, phụng sự gia tiên, nuôi dạy con nhỏ, đến lúc ấy 61 tuổi. Quan tỉnh đề đạt lên, bộ Lễ tâu lên chuẩn cho chiếu theo hạng bình ban thưởng biển ngạch).

1847. Thường thọ dân ở Nghệ An, Quảng Ngãi (ở Nghệ An là Nguyễn Hữu Biểu người Vũ Liệt Thanh Chương, ở Quảng Ngãi là Phạm Văn Loan người thôn Đông Vĩnh Trường*** Mộ Đức, đều tròn 100 tuổi. Quan tỉnh báo lên, chuẩn chiếu lệ chúc cấp mỗi người 10 đồng, cho chế biển ngạch để treo).

1848. Thường Nguyễn Hữu Phát ở thôn Tây Giang (thuộc tổng Kinh Dinh) Ninh Thuận hàm Tùng Cử phẩm văn giai (Hữu Phát (1) xuất của nhà 400 đồng giúp xây dựng trường học, quan đạo vì thế tư xin cho, bộ Học tâu lên, chuẩn chiếu lệ thưởng bọn Lý trưởng Văn Giang Nguyễn Hữu Khánh ở Thừa Thiên, Võ Văn Trung ở Phú Cang Khánh Hòa gần đây thi hành). Lại sao ra cho các phủ tỉnh đạo trở đi phạm có những người như thế thì chuẩn cho chiếu lệ gần đây biện lý.

(1) Nguyên bản chép là “Hữu xuất...”, là “Hữu Phát xuất...” bị chép sót, đây đính lại như trên.

1849. Tháng 6. Quý quan Phụ đạo Ébrérhardt về nước, lấy Khâm phái Trường Viễn Đông Bác cổ Léonard Arousseau (1) quyền sung Phụ đạo.

(1) Nguyên bản viết là “Lê Ô Na Ô Du Sô”. Nhân vật này về sau giữ chức Giám đốc Trường Viễn Đông Bác cổ từ 1926 đến 1929.

1850. Thay đổi sáp nhập các tỉnh hạt ở Tả kỳ và thiết lập tỉnh Kontum (Toàn quyền đại thần nghị định chiếu chỉ dụ ngày 20. 10. 1911 Tây lịch nói về quyền hành của Đông Dương Toàn quyền đại thần cùng san chính việc Hộ chính và chính trị ở Đông Dương, chiếu nghị định ngày 25. 11. 1899 và nghị định ngày 20. 5. 1901 Tây lịch lập riêng tỉnh Phú Yên và Phan Rang, chiếu nghị định ngày 25. 7. 1904 thiết lập tỉnh Pleikou (1) Đê Man, chiếu nghị định ngày 12. 6. 1907 triệt bãi tỉnh Pleikou Đê Man, lại chiếu ngày tháng năm ấy trích tỉnh Pleikou Đê Man sáp nhập vào các tỉnh Bình Định, Phú Yên cùng đặt Sở Đại lý tại Kontum cùng Cheo Reo (2), chiếu nghị định ngày 22. 11. 1904 trích Darlak (3) của nước Lào (4) sáp nhập vào Trung Kỳ, đã bản bạc duyệt hợp, án khoản thi hành. Khoản 1: tỉnh Phú Yên thuộc Công sứ Bình Định cai trị, tỉnh Phú Yên ấy đặt một Sở Đại lý, lấy Tham biện hạng ba hoặc hạng bốn sung vào nhưng việc chính trị và đề hình không có gì thay đổi. Khoản 2: tỉnh Phan Rang nghĩ nên triệt giảm, tỉnh ấy kể từ chỗ giáp giới Cam Ranh cùng cửa biển Ninh Châu trở về phía nam thuộc tỉnh Bình Thuận, trở về phía bắc thuộc tỉnh Khánh Hòa, hiện đặt một Sở Đại lý ở Phan Rang thuộc tỉnh Bình Thuận. Khoản 3: tỉnh Pleikou Đê Man nay đặt làm một tỉnh tên Kontum, chiếu theo pháp luật bản xứ cai trị, các hạt Cheo Reo, Kontum cùng Darlak đều thuộc về tỉnh ấy thống hạt, nhưng Darlak nên lập Sở Đại lý ở Ban Mê Thuộc (4), tới như Sở Đại lý Kontum thì nghĩ triệt bãi).

(1) Nguyên bản viết là “Pha Ly Cơ”.

(2) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

(3) Nguyên bản viết là “Đa Lạt”.

(4) *Darlak của nước Lào*: nguyên bản chép như trên, vì lẫn tắt và thiếu hệ thống nên dễ gây ra ngộ nhận. Thật ra theo Nghị định ngày 2. 11. 1899 của Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer, khu vực Darlac ở Việt Nam bị cắt ra giao cho Khâm sứ Pháp ở Lào quản lý, rồi đến Nghị định ngày 22. 11. 1904 của Toàn quyền Đông Dương Paul Beau, Darlac được cắt ra đặt lại dưới quyền hành chính và chính trị của Khâm sứ Trung Kỳ. Xem thêm Phụ lục@

(5) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

1851. Ban dụ định thể lệ hình chính ở tỉnh Kontum. Lời dụ nói “Nay theo lời tâu của bề tôi Phủ Phụ chính nói Quyền Khâm sứ đại thần La Bi bàn nói vốn trước Kontum lệ vào tỉnh Bình Định nên án kiện do tỉnh ấy xét xử. Nay hạt Man ấy đã lập riêng thành một tỉnh, việc từ tụng hình chính ắt phải định rõ thể lệ ngõ hầu tiện tuân theo. Nay bản cùng xin ở tỉnh Kontum đặt một viên Tri huyện người Việt, do bề tôi bộ Lại chọn người mẫn cán điền bổ, một viên Thổ Tri huyện do quý Tòa chọn bổ để giúp Công sứ tỉnh ấy cai trị và làm các việc hình chính. Phạm người Việt kiện nhau thì do Tri huyện người Việt bàn với Trú sứ chiếu luật Nam triều nghĩ xử, Man đình kiện nhau thì do Thổ Tri huyện bàn với Trú sứ chiếu phong tục người Man nghĩ xử, còn dân Nam và Man đình kiện nhau thì do quý Trú sứ hội đồng với hai viên Tri huyện người Việt người Thổ chiếu theo luật Nam triều tham khảo châm chước phong tục người Man nghĩ xử. Nhưng tỉnh ấy ở vùng thượng du, đường đi xa xôi, nếu án kiện vụ nào cũng đệ về bộ duyệt thì không khỏi có sự chậm trễ, xin nên thân định điều khoản (khoản 1: xử án dân Việt chỉ tới phạt giam phát phối sai dịch một năm trở xuống thì cho Trú sứ duyệt nghĩ thi hành, tư về cho bộ hữu quan duyệt chiếu, còn từ đi đày một năm trở lên và những trọng án khác thì chiếu lệ đệ cho bộ hữu quan duyệt biện. Khoản 2: xử các vụ án của Man đình từ tội phạt giam một năm trở xuống thì do Trú sứ kết án thi hành, còn từ tội khổ sai trở lên và

những trọng án khác thì do quý Khâm sứ duyệt biện. Khoản 3: dân Việt và Man đình kiện nhau phạt giam một năm trở xuống do Trú sứ kết án lập tức thi hành, còn tội khổ sai từ một năm trở lên và những vụ trọng án khác thì do quý Khâm sứ đại thần bàn bạc với bề tôi bộ Hình duyệt biện các lễ), qua quý Khâm sứ đại thần duyệt hợp, rất hợp ý trẫm, chuẩn cho thi hành. Những việc cần làm thì do nha sở quan nghĩ biện”.

1852. Khâm sứ đại thần gửi thư nói Bang tá Trần Văn Bản (người Nam Trạch Hương Khê Hà Tĩnh) ở xứ Cam Môn nước Lào làm việc mẫn cán, Thống sứ nước Lào và quý Toàn quyền đại thần nghĩ nên chước lượng thưởng cho. Và lại người Nam cư trú ở nước Lào khá đông, thường xuyên đi lại nước Tiêm buôn bán đều do viên Bang tá ấy quản cố phủ dụ đều được yên nghiệp, nên nghĩ ban thưởng để tỏ rõ sự khuyến khích. Phủ Phụ chính bèn tâu lên, chuẩn thưởng Văn Bản hàm Chánh Cửu phẩm).

1853. Quyền Tuần phủ Trị Bình Nguyễn Khoa Tân tư nói “Khẩn trương đất hoang là việc có lợi ích chung, mà gần đây các đơn xin trưng khẩn bắt kể có người tranh giành cản trở hay không, chuyện gì cũng phải người xuống khám đo đất hoang đất thực được bao nhiêu mới bàn nghĩ cấp bằng, kéo dài ngày tháng, càng tăng phí tổn phiền phức. Hiện ở tỉnh vẫn còn lưu hơn mười lá đơn trưng khẩn mà chưa thể liệu lý ổn thỏa là vì như thế. Nay xin nên xét các đơn ấy người nào trưng khẩn chỗ nào, ghi rõ ranh giới bốn phía, do tỉnh ấy ban yết thị phát giao cho các phủ huyện yết thị ở nơi khẩn trưng, hạn trong một tháng nếu không có ai tranh giành cản trở thì do phủ huyện nha ấy báo gọi chuẩn chấp đơn nghĩ biện. Nếu cần đo khám thì sẽ phái riêng người biện lý, nếu ngoài thời hạn không có ai tố cáo thì các phủ huyện ấy phúc bẩm cho quan tỉnh xin giao đứt xứ ấy cho người làm đơn khẩn trưng, theo hạn (3 năm) khai khẩn trình bộ thẩm biện, chờ khi thành ruộng thực được bao nhiêu sẽ theo thứ tự báo khám định thuế để đơn giản thuận tiện mà tránh làm phiền cho dân. Trở đi phạm có người trưng khẩn đều theo đó biện lý”. Bộ Hộ bàn bạc trích lại tâu lên, chuẩn sao ra cho các phủ tỉnh đạo tuân hành (lúc bấy giờ Khâm sứ đại thần trả lời nói những đất bỏ hoang ấy đã có người xin trưng khẩn thì không cần đo khám, đại khái hiện tại vẫn làm như thế thì không khỏi lãng phí thời gian, huống hồ đất chưa khai phá mà tới đo khám thì cũng vô ích, nghĩ nên chờ sau ba năm ở đất ấy có khoảnh nào thành ruộng thực sẽ tiến hành đo khám mới ổn thỏa tiện lợi. Tới như người nào lãnh trưng thì trước tiên phải do huyện yết thị một tháng, nghĩ về khoản ấy nếu có nhân dân muốn khiếu nại chuyện gì cũng đã thông suốt phù hợp).

1854. Mùa thu, tháng 7. Tòa Khâm sứ gửi thư nói phi công máy bay Đại Pháp Marc Pourpe (1) lần đầu tới kinh thành bay lượn biểu diễn (các ngày 4 và ngày 6 tháng 8 Tây lịch tức ngày 3 và ngày 5 tháng ấy Nam lịch), nghĩ lưu lại các trò vui nhân tiết Cộng chánh trên bến sông Hương cho nhân dân xem để mọi người cùng vui. Phủ Phụ chính tâu lên để vua rõ.

(1) Nguyên bản viết là “Mạc Bút”, tức Marc Pourpe.

1855. Tri huyện Hậu Lộc Tôn Thất Hợp có tội bị cách. Năm trước quý Tòa tư nói Hợp không chi đòi hối lộ tầm thường mà thậm chí còn đánh người khảo của, Phủ Phụ chính tư cho tỉnh Thanh Hóa xét thực nghiêm trị. Đến lúc ấy án thành, cách về nguyên tịch (Cử nhân), vĩnh viễn không được bổ dụng.

1856. Dự định lệ thăng chức cho án quan. Lời dụ nói “Nay theo lời tâu của bề tôi Phủ Phụ chính nói đã hội thương cùng quý Tòa nghĩ định trở đi phạm thăng chức cho án quan thì trước đó phải dự trừ đưa vào danh sách hồ sơ thăng chức, danh sách thăng chức ấy hàng năm sẽ đặt hội đồng xét chọn đóng thành tập biện lý. Hội đồng ấy lấy một viên quan cai trị hạng nhất hoặc hạng hai sung làm chủ hội thay mặt Khâm sứ đại thần, đại thần Thượng thư bộ Lại, đại thần Thượng thư bộ Binh, một viên Tổng đốc các tỉnh do quý Khâm sứ đại thần bàn với Phủ Phụ chính chọn sung, quan Hội biện Lại chính, quan Hội biện Hộ chính đều sung làm hội viên. Các án quan ai chiếu theo thể lệ sự trạng nên trích xin thăng thì do bộ sở quan cùng Công sứ ở tỉnh hoặc quan Nam thủ hiến các tỉnh nêu tên xét cử xin thăng tư cho Phủ Phụ chính hoặc quý Tòa giao riêng cho hội đồng thẩm xét tuyển chọn mới được dự vào danh sách thăng chức. Hàng năm trước khi hội đồng ấy chưa hội nghị thì Khâm sứ đại thần chước lượng theo số ngạch lý lịch quan chức và ngân sách dự trừ phòng định các chức các trật nên ghi vào hồ sơ là bao nhiêu, do hội đồng chiếu theo xét nghĩ để tiện lâm thời Khâm sứ đại thần cùng bề tôi Phủ Phụ chính hội thương chiếu theo hồ sơ chọn tuyển tâu xin thuyên chuyển thăng chức. Nếu trong năm ngạch khuyết có ít mà số trong hồ sơ có nhiều, chọn được bao nhiêu người, còn thừa bao nhiêu người, trừ những người mắc tội có lỗi đều vẫn chiếu theo hàm trật đưa vào danh sách thăng chức để dự bị năm sau tuyển chọn, là muốn tuyển chọn được người xứng đáng, rất hợp ý trẫm, chuẩn cho thi hành”.

1857. Thân rõ lệ đi lại các tỉnh của người trong hoàng phái và châm chước miễn trừ việc kiểm tra lục soát phủ đệ dinh thự (việc người trong hoàng phái đi lại các tỉnh chiếu lời nghị chuẩn năm Kiến Phúc thứ 1 cùng lời nghị của Phủ Tôn nhân (1) gần đây biện lý. Đi lại ở Trung Kỳ thì do bộ Lễ cấp bằng, đi lại ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ thì xin Tòa sứ cấp giấy thông hành cho đi lại để được tùy tiện sinh nhai. Còn việc kiểm tra lục soát phủ đệ dinh thự thì phủ đệ được châm chước miễn trừ. Trong thị xã có 17 nơi, ngoài thị xã có 21 nơi, tất cả 38 nơi dinh thự (của quan viên văn võ từ Nhị phẩm trở lên), tham chiếu lời nghị chuẩn năm Thành Thái thứ 1 về chương trình tra bắt thuốc phiện lậu đều không được tự tiện kiểm tra lục soát. Những loại người kể trên nếu lâm thời có làm chuyện gì sai trái thì ty kiểm soát phải do quý Tòa mật tư báo cho 1 viên Tả Hữu Tôn khanh Phủ Tôn nhân, trong kinh thành thì Đề

đốc Nha Hộ thành hoặc Biện lý 1 viên, trong ngoài thị xã thì đường quan phủ Thừa Thiên 1 viên hội đồng kiểm tra lục soát để tỏ rõ là có phân biệt).

(1) Nguyên bản chép là “Tôn phủ”, là “Tôn nhân phủ” bị chép sót, đây đính lại như trên.

1858. Tháng 8. Thân định giới hạn đường xe lửa ở hai hạt Thừa Thiên, Quảng Nam (ranh giới hai tỉnh ấy trước ở xứ Bàn Thạch đèo Hải Vân, có cắm cột gỗ khắc chữ làm mốc. Về sau dựng Thiên hạ đệ nhất hùng quan trên đỉnh đèo, chuẩn định từ cửa quan trở ra bắc thuộc Thừa Thiên quản hạt, từ cửa quan trở vào nam thuộc Quảng Nam quản hạt. Hiện nay đường xe lửa chạy vòng trên lưng đèo, không qua cửa quan, rất khó phân định ranh giới. Bèn bàn hội đồng phái khám, lấy sông núi Hòn Đùn (1) ở cửa quan thẳng tới đá Hòn Roi (2) ở bờ biển làm ranh giới, chuẩn cho quan hai phủ tỉnh Thừa Thiên Quảng Nam hội phái dựng bia làm mốc khắc các chữ “Ranh giới Thừa Thiên Quảng Nam”).

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “*son + đôn*”.

(2) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “*chấm thủy + lai*”.

1859. Chuẩn trích các xã thôn trên bờ nam sông Lam thuộc Nghệ An (6 xã thôn Tường Xá, Hạ Phủ, Hưng Phúc, Điền Nghĩa, Quang Dụ, Bạch Sơn) sáp nhập vào hạt Hà Tĩnh, trích các xã thôn trên bờ bắc sông Lam thuộc Hà Tĩnh (6 xã thôn Phúc Giang, Xuân Nha, Xuân Thủy, Xuân Khẩu, Lộc Châu, Phú Vinh) sáp nhập vào hạt Nghệ An để làm rõ ranh giới (hai hạt An Tĩnh lấy sông Lam chỗ Bạch Sơn làm ranh giới, bờ bắc sông Lam là Nghệ An, bờ nam sông Lam là Hà Tĩnh, các xã thôn ấy xen lẫn cách trở nên trích sáp nhập).

1860. Thị lang bộ Công Hồng Thiết có tội bị miễn (lúc đầu là Khâm sứ đại thần Mahé gởi thư nói nghe nói trong hoàng phái có một hai người làm đơn xin nhà nước cho trưng thu tiền thuế ở Thanh Hóa Thừa Thiên, chia cho hoàng phái một nửa, là tin đồn nhảm phi lý nhưng muốn đẩy lên để tỏ vẻ mà tỵ hạp bọn thuộc lại, rất nên khiển trách. Phủ Phụ chính bèn tư cho Phủ Tôn nhân tra xét, về sau hỏi biết việc ấy là Thị lang bộ Công Hồng Thiết cùng tôn tước là bọn Hồng Uy, Hồng Trang, Hồng Quân theo dặt bịa đặt, đã dâng phiến tâu lên, chuẩn cho hội đồng với Phủ Tôn nhân xét hỏi cùng thu lại lá đơn ấy bàn bạc, chiếu luật Dâng thư tỏ lời phân biệt nghĩ xử. Về sau Khâm sứ đại thần Charles phúc đáp nói khoản kết án ấy quá nặng, người trong khánh phả nên châm chước đối đãi cho nhân hậu khoan hồng, như Hồng Thiết đã lớn tuổi nên cho về hưu, còn bọn Hồng Uy đều nên khoan miễn. Phủ Phụ chính bèn tâu lên, chuẩn cho theo lời nghĩ).

1861. Tòa Khâm sứ gởi thư nói Thống sứ Bắc Kỳ tư xin định điều khoản cho Lãnh biện Nguyễn Hữu Tiếp mở xưởng đúc tiền chì (Một khoản: hiện nay tiền tệ là vật rất cần dùng trong dân gian, việc đúc tiền chì là có lợi chung cho mọi người, nhà nước không thu thuế. Một khoản: quy cách tiền đúc ra chiếu theo quy cách tiền hiện có, nặng 7 phân. Một khoản: tiền đúc ra cho người đúc được tùy tiện tiêu dùng. Một khoản: những việc kiểm soát chuyên do Trú sứ sở tại trừ tính, nếu về sau người ấy không tuân theo thể lệ thì xưởng đúc do Trú sứ triệt bãi). Phủ Phụ chính hội thương tâu lên, chuẩn cho như lời xin.

1862. Đường sắt từ Nha Trang (thuộc tỉnh Khánh Hòa) tới Sài Gòn hoàn thành, Toàn quyền đại thần Sarraut tới làm lễ khánh thành. Sai Phụ chính đại thần Trương Như Cương, Nguyễn Hữu Bài cùng Khâm sứ đại thần Charles cùng tới Nha Trang chúc mừng, lại mang sắc thư thăm hỏi.

1863. Tháng 9. Chuẩn truy phong cố Phủ doãn Thừa Thiên trí sự Nguyễn Công Trứ là Thọ Tường tử. Lời dụ nói “Ban tước đề đền công là thịnh điển của quốc gia. Trẫm đối với bề tôi có huân lao danh vọng, sống thì vinh phong chết thì truy tặng, là để sùng đức báo công, làm rõ đạo trọng hậu. Nghĩ cố Phủ doãn Thừa Thiên trí sự Nguyễn Công Trứ: Lam Hồng đức khí, văn vũ kiêm toàn. Chấn dân ngự chúng tài cao, khẩn đất mộ dân công lớn. Ba triệu công cán, danh vọng lẫy lừng, công lao tài năng quả thật không thể mai một. Nay bề tôi Phủ Phụ chính tâu xin truy phong tước tử, rất hợp ý trẫm, chuẩn truy phong viên đã quá cố Nguyễn Công Trứ là Thọ Tường tử, những việc cần làm để tuyên phong do hữu ty tuân chiếu lệ biện lý, lại cho sao ra giao cho bề tôi Sở quán chép thêm vào truyện đề tường thưởng công lao ngày trước mà lưu truyền khuyến khích người sau”. Trước là tháng 2 năm trước Tòa Khâm sứ gởi thư nói Thống sứ Bắc Kỳ tư báo Dục thiện hưu trí Nguyễn Xuân Lai (người tỉnh Hà Tĩnh, con út của viên đã quá cố Nguyễn Công Trứ) làm đơn nói cố phụ Nguyễn Công Trứ trước kia thiết lập nhiều xã thôn ở ven biển Bắc Kỳ, thuộc loại có công xin nghĩ chuẩn thưởng, bàn giao cho bộ Hộ bàn bạc tiến hành, lại đính kèm bản dịch thư của Công sứ hai tỉnh Thái Bình, Ninh Bình đệ lên. Bộ Hộ chuyển trình lên Phủ Phụ chính bàn nghĩ, bề tôi Phủ Phụ chính tâu nói tra cứu trở về trước thì trong niên hiệu Minh Mạng Công Trứ làm Doanh điền sứ Nam Định mộ dân lập huyện Tiên Hải được hơn 2.350 đinh, hơn 18.379 mẫu ruộng, huyện Kim Sơn 1.260 đinh, hơn 14.600 mẫu ruộng, lại lập 2 tổng ở hai huyện Nam Chân, Giao Thủy (tổng Hoàn Thu, tổng Ninh Nhất) được 4 làng 9 ấp 3 trại 3 giáp. Hiện nay xã thôn phồn thịnh, dân các nơi ấy đều lập đền thờ, đã qua Công sứ hai tỉnh Thái Bình, Ninh Bình xét thực thì công trạng ích nước lợi dân ấy không kém gì Tuy Thịnh quận công (trong niên hiệu Minh Mạng Tuy Thịnh quận công Trương Đăng Quế đã quá cố nguyên phụng sung Kinh lược sứ Nam Kỳ do khám ruộng đất, chia đặt trạm thuế bến đò, phú thuế tăng lên gấp ba so với trước, đội ơn được tấn phong là Tuy Thịnh nam). Huống hồ Công Trứ lúc sinh tiền từng trải việc quân, gian hiểm không từ (năm Minh Mạng thứ 8 sung Tham

tán quân vụ Bắc Kỳ bắt được thổ khấu Phan Bá Vành (1), năm thứ 15 sung Tham tán Thái Nguyên đánh phá được nghịch Nông Văn Vân, năm thứ 19 vây bắt được hải khấu ở Quảng Yên, một vùng yên ổn, năm thứ 21 sung Tán lý Trấn Tây cùng Tướng quân Trương Minh Giảng đánh phá 12 đồn giặc, việc chép trong *Chư thần liệt truyện* (2) đáng dự vào hàng có công lao được truy tặng, xin chiếu lệ gần đây tâu lên (tháng 9 năm Thành Thái thứ 18 phụng chuẩn truy tặng cố Hiệp biện đại học sĩ Trần Đình Túc có công trước sau bàn bạc giảng hòa lấy lại được bốn tỉnh Bắc Kỳ, phong là Lại An tử) truy phong tước tử để làm rõ công lao. Lại xin chiếu lời nghị chuẩn về việc mộ dân khẩn đất trong niên hiệu Tự Đức (năm Tự Đức thứ 28 nghị chuẩn ai mộ dân khẩn đất lập thành phủ huyện, nhân dân tụ họp đông đúc thì sau khi chết những ruộng đất khai khẩn được sẽ do quan địa phương chước lượng giao lại cho con cháu nhận làm ruộng thờ, các Nha Sơn phòng Doanh điền các hạt nếu khuyến khích đốc suất có kết quả cũng chiếu theo lệ ấy thi hành), tư cho Tòa sứ Thái Bình Nam Định bàn nghị trích cấp ruộng thờ hoặc hiệu thị cho xã thôn sở tại ai có lòng giúp đỡ thì giao cho con cháu viên đã quá cố ấy để lo việc thờ phụng (sau đó quý Tòa đệ giao hơn 725 đồng của huyện Kim Sơn do Thống sứ Bắc Kỳ gởi cho Công sứ Hà Tĩnh nhận cấp), lại xin sai sao lại công lao giao cho bề tôi Sử quán chép thêm vào truyện để làm rõ sự ân vinh, chuẩn cho như lời nghị.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

(2) Túc phần *Chư thần liệt truyện* trong *Đại Nam Chính biên Liệt truyện nhị tập*.

1864. Bề tôi bộ Học Cao Xuân Dục tâu nói “Sùng đức báo công là phép thường của triều đình. Từ năm trước kiêm sung Sử quán, kính soạn *Thực lục Đệ tứ kỷ chính biên*, kính đọc Châu bản ngày tháng 2 năm Tự Đức thứ 27 phụng dụ cho cố Thự Thượng thư bộ Hình kiêm sung Chánh sứ sang Tây Lê Tuấn (1) được thực thụ, lại tặng Hiệp biện đại học sĩ, đợi về sau sẽ chuẩn đưa vào thờ ở đền Trung Lương. Nay thấy viên đã quá cố ấy huân danh tiết tháo nhiều người đã biết, mà đến nay kính duyệt bài vị trong đền Trung Lương thì chưa thấy đưa vào, xin kính tuân lời thánh dụ chuẩn cho viên đã quá cố ấy được đưa vào thờ, ngõ hầu trên làm rõ ý tốt của tiên hoàng nhân hậu đối đãi với bầy tôi, dưới để an ủi hồn thiêng của viên đã quá cố ấy trung thành báo nước. Không dám vì tình châu quận mà làm việc khác cho viên đã quá cố ấy (2), nếu đợi ơn ban dụ, xin giao cho bề tôi bộ Lễ trình cho Phủ Chính bàn bạc ổn thỏa rồi chuẩn cho thi hành”. Vua cho lời tâu ấy là phải.

(1) Nguyên bản viết chữ này thiếu bộ *nhật* (vì kiêng húy vua Khải Định).

(2) Nguyên bản chép là “phi cảm dĩ châu quận chi tình vị cai cố thần tác địa”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “phi cảm dĩ châu quận chi tình vị cai cố thần tác tha” bị chép lầm, đây tạm đính và dịch như trên.

1865. Bề tôi bộ Học Cao Xuân Dục xin in tiếp *Quốc triều Hương khoa lục*, *Quốc triều đăng khoa lục* (1) (trước đã biên soạn khắc in các khoa thi Hương từ năm Đinh Mão Gia Long thứ 6 đến năm Canh Tý Thành Thái thứ 12 và các khoa thi Hội từ năm Nhâm Ngọ Minh Mạng thứ 3 đến năm Mậu Tuất Thành Thái thứ 10. Đến lúc ấy lại xin biên soạn tiếp về các khoa thi sau, do Quốc sử quán khắc in kính giữ), cho như lời tâu.

(1) Nguyên bản chép gộp là “Quốc triều Hương Hội đăng khoa lục”, đây dịch tách ra như trên.

1866. Ban dụ chuẩn cho Phủ chính đại thần Thái tử Thiệu Bảo Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Học An Xuân tử Cao Xuân Dục thăng thụ Đông Các đại học sĩ trí sự. Lúc đầu là Xuân Dục vì lớn tuổi (71 tuổi) đã vượt hạn làm quan (36 năm) nhiều lần trích tư tâu lên xin trí sự (đại lược nói “Trên đài dưới lượng về sức mà thương về công, tôi thờ vua tiến theo lễ mà lui theo đạo, đều hợp với thời là nghĩa. Trộm nghĩ thần tài thức thô sơ, lạm dự ngôi lớn, làm quan trong ngoài không chút công lao, từ khi bệ hạ nối ngôi nói cần dùng hết người nên được cất nhắc, từ khi vào Khu phủ đến nay chỉ lo làm việc, quên hết chuyện riêng. Nay tính lại đã làm quan liên tục ba mươi sáu năm, chiếu lệ cũ hay mới cũng đều đã quá hạn. Năm trước từng viện lệ tâu xin, Phủ trưởng Phủ Chính vì việc công khuyên cố ở lại, nhưng đọc tới câu Dừng bước (1) của người xưa trong lòng thật rất không yên, xin được thôi việc hưu trí để di dưỡng tuổi trời”). Bề tôi Phủ Chính bàn bạc cho rằng Xuân Dục là bậc lão thành thạc vọng, chuyên sung bộ Học kiêm quản sử thành, kinh học uân sức, có công phù tá rất nhiều, tâu xin bàn nghị, bèn ban dụ chuẩn cho thăng hàm ấy hưu trí.

(1) *Dừng bước*: nguyên văn là “chỉ túc”, chữ trong bài *Tướng Đông du ngũ thập vận* của Bạch Cư Dị “Danh quý không hư đắc, Quan tri chỉ túc hưu” (Danh hào lòng nên thẹn, Quan cao quý biết dừng), ý nói không nên tham luyến công danh phú quý.

1867. Lấy Hiệp biện đại học sĩ lãnh Tổng đốc Nam Ngãi Hồ Đắc Trung lãnh Thượng thư bộ Học sung Phủ chính đại thần kiêm quản Quốc tử giám (cùng chiếu lệ chế cấp một tấm kim bài Phủ chính đại thần).

1868. Thường cho 19 người bọn Tạ Ngọc Châu lạc quyền giúp đỡ xây dựng y viện ở Quảng Ngãi hàm Chánh Tùng Cửu phẩm có khác nhau (chiếu lệ ban thưởng cho bọn Huỳnh Tấn Mưu ở Quảng Nam năm trước thi hành).

1869. Chuẩn trích các xã thôn ở phủ Quỳnh Châu tỉnh Nghệ An (các xã thôn Cát Mộng, Thái Thịnh, Luyện Vi, An Sinh tổng Phác Lễ, Thọ Vực tổng Thuần Hàm cùng Ấp Tấu, Trung Cốc, Phú Sơn, Kỳ Bộc, Uy Lễ, Lãng Gian sách Trọng Hợp) và thôn Vĩnh An huyện Quỳnh Lưu sáp nhập vào huyện Nghĩa Đàn, cùng chỉnh lý đặt lại 6 tổng thuộc huyện ấy (huyện ấy vốn có 7 tổng, nay giảm 2 tổng Nhiêu Xá, Đàn Lân cùng các xã thôn trích qua đặt làm tổng Thái Thịnh, còn 5 tổng Nghĩa Hưng, Lâm La, Thạch Khê, Cự Lâm, Hạ Sơn vẫn như cũ). Dân cư huyện Nghĩa Đàn phần nhiều cư trú xen lẫn với các hạt khác chưa được hợp lý, quan Sở Đại lý ở Nghĩa Hưng trình với Trú sứ chức lượng theo địa thế chia tách sáp nhập để theo ý dân mà tiện công vụ, quan tỉnh tư cho bộ Hộ tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành.

1870. Thân định hạn tuổi của Tôn sinh Âm sinh vào học ở Quốc tử giám (nguyên lệ định 18 tuổi mới được vào học ở Quốc tử giám, nay đổi là 16 tuổi, đã biết chữ Pháp lấy 26 tuổi làm hạn, chưa biết chữ Pháp lấy 23 tuổi làm hạn).

1871. Mùa đông, tháng 10. Thân định lệ cho vay lấy lãi trong dân gian (phạm kiện cáo về việc cho vay lấy lãi theo lệ công chuẩn định đồng niên không được quá 8%, còn nếu người vay tình nguyện thỏa thuận về tiền lãi thì chuẩn định không được quá 12%. Nếu người cho vay lấy lãi nhân lệ cùng thỏa thuận (12%) lâm thời lên quan tranh tụng, phát giác ra được sẽ chiếu kể từ khi đáo hạn trở đi, hoặc khấu trừ tiền lãi hoặc khấu trừ tiền gốc, nếu đã khấu trừ hết tiền gốc thì người cho vay phải trả lại số tiền lãi thu thừa, bắt đầu từ ngày thu thừa thì khoản lãi thừa ấy như lệ. Ai cho vay lấy lãi quen làm trái lệ bức bách đòi hỏi tiền lãi, xét ra nếu đúng sẽ chiếu luật Làm trái lời chế nghị phạt. Tới như buôn bán hàng hóa thiếu nợ đến kỳ không trả nổi, số tiền ấy sinh lãi bao nhiêu thì cho người mua cùng người bán tự do thỏa thuận, không thuộc lệ này. Lại phạm những lệ trước đây định vì việc riêng vay tiền hoặc thế chấp tài sản để vay thì mỗi tháng tiền lãi không được quá 3% (lãi mỗi tháng 3%), ngày tháng tuy nhiều cũng không được một vốn một lãi thì đều bãi bỏ).

1872. Thương định các điều khoản canh phòng giam giữ sai dịch trừng phạt tù phạm ở Lao Bảo (Khoản 1: phạm tất cả những việc cần làm trong nhà lao đều do Đốc lý kiểm soát. Khoản 2: chọn lính tập và giân binh sung vào canh giữ. Khoản 3: Đốc lý nên làm việc gì và động tĩnh thế nào thì cuối mỗi tháng tư biện việc khẩn tức thời trình báo. Khoản 4: các hạng tù phạm đang phát phối do Đốc lý điểm danh mỗi ngày hai lần, còn giam trong ngục kín mỗi ngày kiểm tra ít nhất một lần, tới như giờ giấc của tù phạm có phù hợp hay không cũng phải thường xuyên kiểm soát. Khoản 5: phạm cửa nẻo rào sắt nhà lao phải sửa cho kiên cố sạch sẽ, cấm không được mang những vật vương vãi vào trong lao. Khoản 6: kiểm soát tù phạm trong lao hàng ngày ăn ở phải sạch sẽ đúng quy định. Khoản 7: Đốc lý chuyên trách các sự vụ được dùng người Nam để sung dịch lại. Khoản 8: phạm dẫn tù phạm ra ngoài làm lao dịch và hàng ngày canh giữ đều phải do Đốc lý phân phái. Khoản 9: các viên chức dịch trong nhà lao có ra lệnh gì thì tù phạm cũng phải vâng lệnh. Khoản 10: phạm tù phạm bị giải tới giao giam thì do Đốc lý biên nhận tồn chiếu. Khoản 11: phạm thuốc lá, củi lửa, bút mực, dao kéo tất cả những vật trở ngại soát được đều tịch thu tiêu hủy. Khoản 12: tù phạm trong lao nhất thiết đều cấm la hét ca hát cười nói lớn tiếng và tụ họp huyên náo. Khoản 13: phạm tất cả các trò cờ bạc đều nhất thiết cấm chỉ, cấm tù phạm không được bán riêng phần cơm cho nhau. Khoản 14: mỗi tù phạm đều có chỗ riêng, còn nhà bếp nhà xí thì thường xuyên phái phát tù phạm quét dọn. Khoản 15: tù phạm ứng dịch như làm hư hỏng vật gì phải căn cứ vào thủ phạm mà trừng trị, còn trong nhà lao hoặc nơi làm việc như làm hư hỏng vật gì thì trước tiên trách phạt các tù phạm, sau đó xét ra ai làm hỏng sẽ trị tội riêng. Khoản 16: tường rào nhà lao không được dùng bút mực viết vẽ lên tường, không được xoi lỗ và đóng đinh vật gì lên tường, không được chắt cỏ rác ở sân, không được đào hố và ném bỏ những vật linh tinh, ai làm trái sẽ bị trừng phạt. Khoản 17: mỗi ngày điểm danh tù phạm ít nhất hai lần. Khoản 18: ai vi phạm điều khoản sẽ trách phạt như sau: 1. Tù phạm ngoài phiên sai dịch vẫn phải làm khổ sai, 2. Tù phạm chỉ được cấp nửa phần ăn, 3. Bắt ăn nhạt ba ngày, 4. Cấm cố trong ngục kín hoặc 15 ngày hoặc 15 đêm, 5. Cấm cố trong ngục kín, cùm một chân và phạt ăn nhạt 5 ngày. Khoản 19: kiểm tra cơm tù mỗi ngày hai lần, buổi sáng 11 giờ buổi chiều 6 giờ. Khoản 20: việc thức ngủ của tù phạm đều có giờ giấc, mỗi ngày 5 giờ rưỡi sáng dậy, 6 giờ rưỡi đi ngủ. Khoản 21: mỗi ngày đều dẫn tù phạm đi làm lao dịch trong đó trừ ngày chủ nhật và chiều những ngày lễ thì nghỉ để được tắm rửa. Khoản 22: thời gian làm lao dịch, sáng từ 6 giờ đến 10 giờ rưỡi, chiều từ 1 giờ rưỡi đến 5 giờ rưỡi. Khoản 23: công vụ trong nhà lao do Đốc lý sắp xếp để ai cũng có việc làm, ai ương bướng không chịu làm lao dịch lập tức chiếu điều lệ đã nêu trên xử phạt. Khoản 24: dẫn tù phạm đi làm lao dịch, trên đường đi phải có thứ tự tề chỉnh, phái quân giải đi, lúc trở về cũng thế. Khoản 25: phạm các phòng trong lao đều theo điều lệ đã định dịch ra chữ Hán và chữ quốc ngữ đều một bản yết thị cho cùng biết để tuân hành).

1873. Sai Phụ chính đại thần Tôn Thất Hân tới Hà Nội dự Hội đồng Thượng Nghị viện và mang sắc thư thăm hỏi Toàn quyền đại thần (Đại thần Phủ trưởng Phủ Phụ chính Trương Như Cương bị bệnh nên sai Thượng thư bộ Hình thay thế).

1874. Ban cho phòng Phụng Hóa công (tức Hoàng tông Tuyên hoàng đế) đặt tên theo bộ điều. Lúc đầu là ngày 23 tháng trước con trưởng của công (tức kim thượng hoàng đế) sinh, trong phủ có chim ngũ sắc kêu báo điềm lành (việc chép rõ trong Ngọc điệp về Hoàng tông Tuyên hoàng đế). Đến lúc ấy đây tháng, chuẩn cho lấy bộ điều đặt tên.

1875. Chuẩn cho xã Bạng Châu (thuộc tổng Đông huyện Thạch Hà) tỉnh Hà Tĩnh lập riêng làm bốn thôn (Mỹ Châu, Ngọc Bạng, Chi Phan, Phan Xá). Bốn thôn ấy nguyên cùng một sở, trong niên hiệu Tự Đức chuẩn cho

nhân đình Mỹ Châu, Ngọc Bạng đều chia riêng làm một thôn, Chi Phan, Phan Xá thì hợp làm một thôn. Đến lúc ấy Phan Xá xin lập thành một thôn riêng để tiện thuế khóa công vụ. Tuần phủ Tôn Thất Đề từ về bộ Hộ tâu lên, chuẩn cho thi hành.

1876. Thường cho thọ quan 100 tuổi ở phủ Thừa Thiên (nguyên Suất đội hưu dưỡng Ngô Đắc Hữu người Phù Bài, Hương Thủy 101 tuổi) hàm Phó Quản cơ (lại giúp 15 đồng) cùng ban một tấm biển ngạch (chiết cấp thành tiền 10 đồng, cho chiếu theo quy cách tự chế).

1877. Tháng 11. Thường Hiệp biện đại học sĩ lãnh Tổng đốc Hà Đông Hoàng Trọng Phu gia hàm Thái tử Thiếu bảo và ban cho một tấm kim bài (một mặt khắc “Thái tử Thiếu bảo”, một mặt khắc “Duy Tân ân tứ”), vì giữ quyền khốn ngoại lâu ngày, nhiều lần tỏ rõ công lao, gần đây Hà Thành xảy ra chuyện, hết lòng thu xếp được ổn thỏa nên ban thưởng.

1878. Bề tôi Khoa đạo Đô sát viện tâu nói “Chức vụ Huyện lệnh lấy việc bắt cướp yên dân làm trọng. Phủ hạt Thừa Thiên là nơi dưới chân thiên tử, người làm Huyện lệnh phải gia tâm tuần phòng đánh bắt để được cướp trốn dân yên mới là không phụ chức trách. Gần đây chiếu huyện Hương Trà mới có hai tháng mà xảy ra hai vụ cướp (thượng tuần tháng 10 ở xã An Ninh Thượng, thượng tuần tháng 11 ở xã Thanh Lương), nhưng vẫn chưa nghe nói đã truy bắt được thủ phạm. Huyện ấy là thủ huyện (1) ở kinh sư, không phải nơi bờ biển xa xôi, mấy năm được mùa không đến nỗi vì đói rét mà bị bức bách, lại có bọn côn đồ bắt sinh tự hợp làm bậy như thế, là do huyện viên huyện ấy ngày thường không biết nghiêm phòng mới đến nỗi như thế, thì chức trách thân dân ở đâu? Xin do bề tôi bộ Hình trích nghĩ tham hặc viên ấy cùng tư cho phủ Thừa Thiên nghiêm sức truy nã, cốt bắt được bọn tội phạm đáo án, để dứt rễ ác, làm yên địa phương”. Sớ dâng vào, vua cho là phải.

(1) *Thủ huyện*: ngày xưa huyện có phủ lý tỉnh lý đóng gọi là thủ huyện, phủ có tỉnh lý đóng gọi là thủ phủ, riêng huyện Hương Trà phủ Thừa Thiên còn là nơi kinh sư của triều Nguyễn, vị trí thủ huyện còn cao hơn các thủ huyện bình thường.

1879. Chuẩn định số ngạch học sinh ở Quốc tử giám (15 người, gọi là học sinh, phép Giám hạch tham chiếu chương trình hạch bổ nhập Giám năm Duy Tân thứ 5) cùng bắt đầu đặt học sinh tỉnh ở Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh (Thanh Hóa 12 người, Nghệ An 10 người, Hà Tĩnh 8 người). Học sinh Quốc tử giám vốn đã chuẩn cho trích giao Nha Học chính Thừa Thiên, ba tỉnh Thanh Nghệ Tĩnh là đất văn học mà trước nay chưa có ngạch học sinh, bề tôi bộ Học tâu lên nên chuẩn cho đặt thêm.

1880. Chính lý trường Sơ học (tham chiếu điều khoản trong nghị định năm Thành Thái thứ 18 biện lý, xã lớn phải lập một trường Ấu học, xã vừa xã nhỏ thì chức lượng theo địa thế kề cận cho hai ba thôn lập một trường, trong đó thôn nào tuy nhỏ mà đông đúc tình nguyện lập riêng một trường cùng xã nào lớn muốn đặt thêm hai ba trường càng tốt. Còn thầy giáo phải chọn Cử nhân Tú tài có bằng tốt nghiệp trường Sư phạm và thí sinh đã qua kỳ thứ nhất, kỳ thứ hai trường thi Hương, hoặc chọn những người tài giỏi kiêm thông cả chữ Hán chữ quốc ngữ xét bổ. Nghị định này thông tư cho các tỉnh chuyển sức cho phủ huyện đích thân xuống các xã thôn hiểu thị nhân dân, đốc suất hào lý để chính thức khởi biện, hạn trong ba tháng phải có kết quả báo lên bộ. Đại thần bộ trưởng sẽ đích thân tới một tỉnh kiểm soát làm mẫu rồi sẽ bàn ủy nhiệm một viên đường quan trong bộ lần lượt đi khắp các tỉnh kiểm soát. Nếu xã thôn nào chậm trễ báo cáo suông thì hào lý lần đầu sẽ chiếu luật Làm trái lệnh xử tội mà phủ huyện hiểu thị đốc suất bắt lặc và quan tỉnh thân sức không chu đáo lần đầu cũng sẽ ghi vào lý lịch, tỏ rõ sự trừng phạt để chờ thành hiệu).

1881. Thân định điều cấm trong việc tuần phòng của Nha Hộ thành (khoản 1: đặt Suất đội đội Tuần binh hàng đêm luân phiên canh phòng. Khoản 2: ở các cửa kinh thành và hai cửa Thủy Quan đông tây đều đặt một tên quân thường xuyên canh phòng, như có kẻ gian lạ mặt hoặc ai mang vật gì xét ra có vẻ khác lạ thì tra hỏi dẫn về nha trình xét, nếu vói vĩnh tiền bạc tha đi, bị phát giác sẽ trị tội. Khoản 3: đi đêm đến 12 giờ thì cho đình lệ cầm đèn, từ 1 giờ đến 5 giờ sáng ắt phải có đèn, ai làm trái sẽ bắt giải tra xét trị tội. Khoản 4: ai hội họp uống rượu lớn tiếng hoặc cãi cộ đánh nhau, trừ khi bị trọng thương sẽ chiếu luật hỏi tội, còn lại đều cho quân tuần giải về nha phạt hai ba tới năm ngày để tỏ rõ sự trừng phạt. Khoản 5: trở đi phạm đường từ trước Quốc sử quán và bảy bộ, sảnh đường Cơ mật viện mới phía trước Ngọ Môn tới các đường lớn hai bên nhất thiết cấm không được thả chăn trâu bò, ai làm trái sẽ tịch thu bắt giam năm ngày. Ai xâm nhập vào đất của trường Canh nông cũng theo đó biện lý. Khoản 6: nhà dân trong thành thường có người nơi khác lui tới, chiếu lời nghị chuẩn năm Duy Tân thứ 3, gia chủ phải tới trình báo cho Lý trưởng biết, ai làm trái sẽ chiếu luật Làm trái lệnh hỏi tội, trong đó người được báo trú lại lai lịch không rõ ràng, không rõ quê quán và bọn vô lại lừa đảo chuẩn phát giao cho phủ Thừa Thiên tra cứu xử trị. Khoản 7: chỗ các vói nước nghiêm cấm không được rửa ráy lãng phí và vứt rác. Khoản 8: những nhà ở gần bộ thự phủ viện cấm không được cãi cộ chửi bới âm ỉ. Khoản 9: kẻ trộm bắt được tang vật trên dưới 1 quan thì không lập án nhưng phạt giam một tuần, nếu tái phạm chiếu lệ tra xét xử trị. Khoản 10: ở cạnh đường sá nên quét dọn sạch sẽ nếu vun chất lá khô rác rưởi thì chiếu theo địa phận phạt giam 1 ngày hoặc phạt tiền 1 hào. Khoản 11: cấm mở sòng bạc lớn như Âm dương cục, Tứ môn kỳ, duy tổ tôm (1) không trong lệ cấm. Khoản 12: buổi tối đến 10 giờ thì cửa Chính Đông lập tức đóng lại, cửa Đông Nam thì được ra vào. Khoản 13: trở đi phạm phu xe buổi tối đến 12 giờ thì cho ra vào, từ 12 giờ trở đi nhất thiết cấm chỉ, tới như phu xe ban ngày gặp quý quan Nam quan phải kính cẩn tránh

đi hay dừng lại, ai làm trái sẽ phạt. Khoản 14: trở đi nghiêm cấm đánh trống đánh thanh la, thổi tù và, cầu đảo, lên đồng tụ tập âm ỉ, ai làm trái sẽ trị người giữ am. Khoản 15: những người bán hàng rong không được tụ họp buôn bán trên lề đường, trẻ con không được chơi đùa trên đường và chạy theo xe, làm trái sẽ bị phạt).

(1) Nguyên bản chép là “hà sào”.

1882. Tháng 12. Quyền Toàn quyền đại thần Sarraut về nước, vua ngự giá tới Đà Nẵng đưa tiễn ủy lạo, hoàng thân công cùng các đại thần hồ tùng.

1883. Quyền Toàn quyền đại thần Van Vollenhoven (1) tới kinh, sai Phụ chính đại thần Trương Như Cương, Huỳnh Côn, Hồ Đắc Trung cùng Khâm sứ đại thần Charles tới Đà Nẵng đón tiếp.

(1) Nguyên bản viết là “Văn Hoa Lãng Hồ Văn”, tức Joost van Vollenhoven. Nhân vật này giữ chức Quyền Toàn quyền Đông Dương từ tháng 1. 1914 đến 7. 4. 1915.

1884. Ban dụ cấm giết voi rừng. Lời dụ nói “Một khoản cấm giết voi rừng là có nhiều ý tốt có lợi chung. Nếu có thể dụ voi thuần dưỡng mà dùng thì rất có ích. Nay thân định cho các tỉnh Trung Kỳ trừ khi gặp nguy hiểm thì đều cấm không được giết hại voi rừng, còn nếu dụ voi nuôi bán thì cho tự tiện. Khoản này sẽ do Trú kinh Khâm sứ đại thần ban lập các điều lệ đặc biệt chuẩn sao ra cho các nơi thi hành” (Điều lệ. Khoản 1: cấm Trung Kỳ không được giết hại voi rừng bằng cung tên súng đạn thiết kế hầm bẫy nhưng trừ khi nguy hiểm theo như khoản 2 khoản 3 dưới đây. Khoản 2: nếu lâm thời có khi phải giết bao nhiêu phải do Trú sứ cho phép, nhưng việc xong phải kê ra lời cho phép và nguyên do sự thể đệ lên cho Khâm sứ đại thần biết rõ. Khoản 3: nhân dân có ai vì tự vệ hoặc bảo vệ súc vật tài sản, thế không thể không giết thì giết bao nhiêu voi phải trình ngay cho Trú sứ biết. Khoản 4: trừ thể lệ kê ra ở trên, ai dụ voi và mua bán thì cho được tự tiện. Khoản 5: người nào nhà nào nuôi voi phải trình với Trú sứ vào sổ. Khoản 6: voi dụ được tại tỉnh nào ở Trung Kỳ phải do quan tỉnh và Trú sứ tỉnh ấy vào sổ. Khoản 7: bất kể là voi rừng hay voi nhà, nếu bán qua tỉnh khác hoặc ra khỏi Trung Kỳ thì chủ bán phải khai trình để tiện vào sổ. Khoản 8: mỗi một con voi được phát một tấm bài chỉ nhưng không phải nộp tiền, ghi rõ hình dáng con voi ấy, nếu bán con voi ấy qua tỉnh khác thì phải ghi chú vào tấm bài chỉ ấy, nếu bán ra khỏi Trung Kỳ thì thu lại tấm bài chỉ ấy. Khoản 9: nếu gặp sự cố gì Khâm sứ đại thần nghị định nhất thời cấm chỉ thì không được bán qua tỉnh khác hoặc ra khỏi Trung Kỳ. Khoản 10: Khâm sứ, Quản đốc và quan Trú sứ các tỉnh tuân theo Nghị định này thi hành).

1885. Chuẩn cho Phụ chính đại thần Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Học Hồ Đắc Trung sung Phó Tổng tài Quốc sử quán, Phụ chính đại thần Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lễ Huỳnh Côn sung Tổng tài Sở Ngọc điệp (vì nguyên Tổng tài Cao Xuân Dục trí sĩ nên có mệnh ấy).

1886. Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hộ Trần Đình Phác bệnh nặng, chuẩn cho y viện Pháp điều trị, lấy Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lễ Huỳnh Côn kiêm coi sự vụ bộ Hộ.

1887. Bổ sung lời nghị về thể lệ hàm bổng và cấp thêm cho quan viên văn võ (Điều 1: chiếu theo điều 6 nghị định tháng 11 năm trước bổ sung để thi hành. Điều 2: văn ban chia làm hai ngạch, quan viên giữ chức chính sự trong kinh ngoài tỉnh là một ngạch, các quan viên ở đền miếu lăng tẩm là một ngạch. Điều 3 về việc san định bổng ngạch của quan viên văn võ. Điều 4: ngoài bổng chỉ theo hàm chỉ cấp thêm cho Phụ chính đại thần và Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chánh, Phủ thừa, Quán đạo và Tri phủ, Tri huyện tỉnh ngoài mà thôi. Điều 5: y sinh y thuộc các tỉnh khuyết ngạch không điền bổ nữa. Điều 6: giáo chức chưa hợp với lệ lương mới thì chiếu theo khoản a (1) chi biện. Điều 7: có hàm ân quan được bổ chức thực thụ mới được chiếu hàm chỉ bổng, nếu sung làm thuộc viên thì chiếu hàm thuộc viên hiện tại mà chi bổng. Điều 8: phạm Lại mục, Thư lại, Thông lại, Lê mục, Dịch thừa, Trạm mục Bát phẩm Cửu phẩm bất kể hàm nào cũng chiếu theo chức vụ đang làm chi bổng. Điều 9: phạm quan lại sung bổ ở vùng Man cảnh thượng du bất kể hàm nào thì hàng năm cũng chiếu ngân sách định bổng chi biện. Điều 10: trở đi Phủ thừa phủ Thừa Thiên đổi định trật là Tùng Tam phẩm.

(1) Nguyên bản chép là “Giáp tự đồ”, đây dịch như trên.

1888. Chuẩn cho nguyên Thượng thư sung đại thần quản lãnh Thị vệ Ngô Đình Khả khai phục nguyên hàm Thượng thư, chiếu lệ mới cấp hưu bổng. Bề tôi Phủ Phụ chính tâu nói hội đồng xét kiểm quan viên hậu bổ bàn chiếu nguyên Thượng thư Ngô Đình Khả trước theo làm việc với quý quan nhiều năm, từ khi lệ vào quan tịch Nam triều từng trải việc quân dự có công lao, lại lúc vừa lập Trường Quốc học thì Đình Khả kiểm soát trông coi chính lý học chính nhiều việc có ích, về sau sung đại thần quản lãnh Thị vệ đã qua bàn bạc tấn phong tước nam nhưng chưa được trả lời, kể vì phạm lỗi bị giáng. Nay tuổi đã hơi cao, làm quan liên tục hơn 20 năm chưa được chi bổng, xin gia ân khai phục nguyên hàm, chiếu theo lệ mới chỉ cấp hưu bổng (miễn việc truy nhận) để tỏ ý thể tất, cho như lời tâu.

1889. Hiệp biện đại học sĩ lãnh Tổng đốc Thanh Hóa Tôn Thất Thiệm chết. Thiệm là người trong khánh phá, khoa bảng xuất thân, làm quan trải khắp trong ngoài hơn 30 năm, từng sung sứ bộ qua Tây, bạt thiệp gian lao,

gần đây làm Tổng đốc Thanh Hóa là nơi trọng địa, dốc lòng vỗ về đánh dẹp, toàn cõi yên ổn, đến lúc ấy vì bệnh chết ở nơi làm quan. Chuẩn cho truy phong là Mỹ Hàm tử (hộ tống cấp tuất ban tế đều chuẩn cho như lệ).

Quyển 27

1890. Năm Giáp dần Duy Tân thứ 8 (1914 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Đầu xuân ban ơn, tấn phong Phụ chính đại thần Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hộ Trần Đình Phác là Lễ Môn tử, Thượng thư bộ Học kiêm quản sự vụ Quốc tử giám sung Phó Tổng tài Quốc sử quán Hồ Đắc Trung là Khánh Mỹ tử (hai đại thần từ lâu thân giữ đại quyền, công lao tỏ rõ, sửa sang công việc có nhiều xếp đặt, đặc chuẩn tấn phong để báo đáp công lao).

1891. Đặt thêm chức Bang tá ở Nông Sơn (thuộc huyện Quế Sơn. Xứ ấy có một sở mỏ than, nguyên trước do công ty của quý Đốc Huy Nhi Ê (1) khai trung, đến lúc ấy Pha Di Nha Ông (2) lãnh trung, duy xa cách với huyện, thuê mướn điều bát nhân công bất tiện, lý dịch không ai thống nhiếp, việc kiện tụng lật vặt cũng khó xử trị ổn thỏa, bèn chuẩn đặt thêm để tiện kiểm soát chiếu cố. Lẫy Chánh tổng Trung Phước Nguyễn Quang Trứ sung vào, lương bổng do mỏ than chi cấp).

(1) Nguyên bản viết là “Huy Nhi Ê”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) Nguyên bản viết là “Pha Di Nha Ông”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1892. Tháng 2. Toàn quyền đại thần chọn cử Phụ chính đại thần Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hình Phủ Quang tử Tôn Thất Hân, lãnh Thượng thư bộ Công kiêm chương quản sự vụ bộ Binh Phước Môn tử Nguyễn Hữu Bài sung làm hội viên Hội đồng Bảo hộ An Nam (1), lãnh Thượng thư bộ Lễ Mỹ Hòa tử Huỳnh Côn, lãnh Thượng thư bộ Học Khánh Mỹ tử Hồ Đắc Trung sung làm hội viên đại diện lâm thời. Phủ Phụ chính dâng phiến tâu lên để vua rõ.

(1) *Hội đồng Bảo hộ An Nam*: tức Hội đồng Bảo hộ Trung Kỳ. Xem điều 0985.

1893. Chuẩn y lời hội thương quyết định mỗi năm trích 1.000 đồng cấp thêm cho quý quan Kết (1) ở Y viện Trung Kỳ (vì có công hầu hạ điều trị).

(1) Nguyên bản viết là “Kết”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1894. Quyền Toàn quyền đại thần Van Vollenhoven đi khám từ Nghệ An tới các nơi đường núi Hà Tề, Nam Đễ, Giao Mía (1) thẳng tới nước Lào, lại từ Savannakhet (2) theo đường núi chuyển về Lao Bảo khám xét trừ nghi đường sá ở thượng du, khi tới Đông Hà thì theo đường bộ về Bắc. Sai làm sắc thư nhờ quý Tòa chuyển đệ thăm hỏi.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

(2) Nguyên bản viết là “Sa Hoa Na Kết”.

1895. Đặt thêm thị xã Bến (1) Thủy ở Nghệ An và tỉnh thành Quảng Trị. Đầu tiên là Toàn quyền đại thần xét nghĩ Bến Thủy và thị xã tỉnh Quảng Trị trước nay chưa đặt, nay nên chiếu theo các chỉ dụ đã lần lượt ban hành (ngày 20. 10. 1898, ngày 12. 7. 1899, ngày 19. 3. 1901 và ngày 22. 6. 1903 Tây lịch) đặt làm châu thành, thể lệ giống như các thị xã ở kinh thành, Thanh Hóa, Nghệ An, Hội An, Quy Nhơn, Phan Thiết, trích cấp đất công thổ và công thổ của xã thôn làm sở hữu của hai châu thành ấy, lại đệ bản thảo chỉ dụ do Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “*chám thủy + biến*”.

1896. Chuẩn y lời hội thương về việc thu thuế ở thị xã Hội An (thuộc tỉnh Quảng Nam. Khoản 1: quyết định các hạng thuế trong ngạch thuế Hội An do ngân sách Trung Kỳ kê ra sau đây. Điều 1: nhà cửa phỏng theo phỏng ốc giá cả cầm bán được bao nhiêu quyết định thu 8%, mỗi năm do hội đồng quý quan Nam quan bàn định, hào mục nghị định, những đất vườn gần đường cái có đăng ký cứ mỗi 10 thước Tây đồng niên nạp thuế 2 hào, công sở và đền miếu thì miễn thuế. Điều 2: các hạng thuế nền gạch và mái hiên cùng nhà ngói 2 đồng, nhà tranh 3 hào. Xin tu bổ nhà ngói 5 hào, nhà tranh 1 hào. Làm mái hiên ở mặt phố mỗi thước vuông Tây đồng niên 2 hào. Lát gạch trên cầu và bên đò mỗi thước vuông Tây đồng niên 2 hào 5 xu. Những vật dùng hàng hóa đặt trên vỉa hè mỗi thước vuông Tây mỗi tháng 2 xu, các vật dùng hàng hóa đặt ngoài mái hiên mỗi thước vuông Tây đồng niên 6 hào. Điều 3: thuế bến thuyền. Thuyền lớn chở 200 tạ trở lên mỗi ngày 5 xu, 100 tới 200 tạ mỗi ngày 4 xu, 50 tạ tới 100

tạ mỗi ngày 3 xu, 10 tạ tới 50 tạ mỗi ngày 2 xu. Điều 4: số người giúp việc. Số không có ảnh mỗi quyển (1) 5 hào, có ảnh mỗi quyển 1 đồng. Điều 5: về việc di táng. Dời mộ khách thương người Thanh mỗi mộ 1 đồng. Điều 6: bắt nhốt súc vật và đồ vật trên đường cái. Trâu, bò, ngựa mỗi con mỗi ngày 5 hào, chó, dê, cừu mỗi con mỗi ngày 1 hào, heo mỗi con mỗi ngày 5 xu. Thuyền bè xe ngựa. Xe một ngựa và xe tay mỗi chiếc mỗi ngày 2 hào, hàng hóa khác mỗi gánh mỗi ngày 2 xu. Điều (2) 7: thuế vệ sinh. Chiếu theo giá nhà chia hạng chịu thuế, hạng nhất 8 hào, hạng hai 5 hào, hạng ba 2 hào 5 xu. Điều 8: các việc đốt pháo đánh trống và ca múa ở bãi đất trống mỗi tối 5 hào, nửa tối 2 hào, ngày lễ tết thì miễn thuế. Những chỗ thường ca hát mỗi tháng 15 đồng. Điều 9: thuế thuê mướn xe tay. Xe tay một chiếc mỗi tháng 2 đồng. Điều 10: về tạp thuế. Thuế nhà kỹ nữ đồng niên 10 đồng, kỹ nữ mỗi người mỗi quý nộp thuế 6 hào. Khoản 2: trong châu thành có một phần phố xá cấm không được xây dựng nhà lá nhà tranh, do Trú sứ chuẩn định. Khoản 3: những lệ nào không phù hợp với dụ này đều bãi bỏ). Lúc bấy giờ Tòa Khâm sứ chiếu theo chỉ dụ các năm trước (ngày 26. 10. 1898, ngày 12. 7. 1899, ngày 30. 8. 1899, ngày 19. 3. 1901, ngày 14. 7. 1901 Tây lịch) cùng nghị định về việc trưng thu thuế ngạch trong thị xã Hội An ngày 2. 12. 1902 Tây lịch, thêm bớt thay đổi phỏng theo nghĩ ra lời dụ do Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn cho thi hành.

(1) Nguyên bản chép là “nhất quyển ngũ quyển mao”, là “nhất quyển ngũ mao” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

(2) Nguyên bản chép là “khoản”, là “điều” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

1897. Ban cho Vũ Thị Ý người thôn Lộ Vị (thuộc xã Cổ Quán phủ Tiên Hưng) tỉnh Thái Bình một tấm biển ngạch “Hiếu nghĩa khả phong” (Thị Ý xuất tiền nhà 300 đồng chẩn cấp cho dân bị lụt, nên ban thưởng cho).

1898. Thân định chương trình trường Hậu bổ. Trường ấy vào tháng 4 năm Duy Tân thứ 5 đã nghị chuẩn định điều khoản, đến lúc ấy hội đồng nghĩ đổi các khoản do bộ Học tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành (Tiết 1: sinh viên vào học hàng năm đến kỳ tu duyệt ngân sách, hội đồng bàn chọn duy Cử nhân và Tôn sinh, Âm sinh, Tú tài ắt phải có hội đồng khảo thí mới được. Sinh viên hạng từ 22 tới 30 tuổi, duy Tiến sĩ Phó bảng thì không cần kể tuổi tác, ai muốn vào học ắt phải làm đơn xin, tuân theo thể lệ trong trường và đính kèm giấy khám của thầy thuốc. Hàng năm ở kinh hạch bỏ vào trường một lần, ngày ấy sẽ do Khâm sứ đại thần bàn với bộ Học nghị định. Phép khảo hạch thì theo chương trình giảng dạy năm thứ nhất giám bớt để khảo hạch, sinh viên dự hạng ai có văn bằng Sơ học thì theo chương trình năm thứ hai, có văn bằng Cụ thể theo chương trình năm thứ ba. Học bổng của sinh viên bắt đầu tính từ ngày vào học, mỗi năm đều có tặng học bổng khác nhau. Tiết 2: việc dạy học thì tiếng Pháp và các khoa bác vật châu Âu do Tòa Khâm sứ chọn phái giáo sư người Pháp sung vào. Học sinh năm thứ ba trường ấy đã có tiến bộ sẽ chọn phái quan Pháp quan Nam hàng ngày tới trường diễn thuyết về chính hiến thể lệ của nước Pháp cùng bản quốc và các điều khoản trong luật lệ bản quốc. Vào học lấy ba năm làm hạn, đến năm thứ ba bắt đầu chia làm hai ban chính trị, giáo dục. Giáo pháp có bốn bậc, một là chữ quốc ngữ, chữ Pháp, bác vật, cách trí vệ sinh, hai là sự phạm học bản quốc, ba là chính trị học Bảo hộ, bốn là chính thể luật lệ học bản quốc, lại kiêm giảng các sách Nho học như các bộ luật lệ sử lược. Năm thứ nhất năm, thứ hai cứ đến cuối năm sát hạch lên lớp một lần, năm thứ ba sát hạch tốt nghiệp. Những người tốt nghiệp được bổ quan thì theo thứ tự thi đỗ cao thấp mà lần lượt bổ dụng, không có chức khuyết để bổ ngay thì chiếu học bổng năm thứ ba chi cấp. Sinh viên ở trường cũng như ở nhà thừa biện, tới như việc thăng trật và khấu tiền hưu bổng cũng chiếu theo lệ làm quan biện lý, người bị đuổi học và không tốt nghiệp thì không được bổ quan, không được hỏi nhận tiền hưu bổng trong ba năm ấy).

1899. Chuẩn thông sức cho các hạt trong ngoài trừ các chùa công có quan cấp bằng thì cho được dùng tăng ấn, ngoài ra tất cả phù ấn pháp lục đều tiến hành tịch thu tiêu hủy để trừ bỏ sự mê hoặc cho dân. Nếu có ai dám giấu diếm bị phát giác ra sẽ theo luật xử trị (lúc bấy giờ bộ Hình duyệt vụ án Nguyễn Bá Thái ở Thanh Hóa giả mạo ấn bằng nên có lời nghị ấy).

1900. Tháng 3. Toàn quyền đại thần chọn cử Phụ chính đại thần Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hình Tôn Thất Hân, Thượng thư bộ Công kiêm chương quản sự vụ bộ Binh Nguyễn Hữu Bài sung hội viên chính thức Hội đồng Bảo hộ Bắc Kỳ, lãnh Thượng thư bộ Lễ kiêm chương quản sự vụ bộ Hộ Huỳnh Côn, lãnh Thượng thư bộ Học Hồ Đắc Trung sung làm hội viên bổ sung (mỗi kỳ hai năm kể từ ngày 1. 1. 1914 Tây lịch).

1901. Quyền Toàn quyền đại thần Van Vollenhoven tới kinh yết kiến.

1902. Phụ chính đại thần Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hộ Lê Môn tử Trần Đình Phác chết ở công thự, chuẩn hộ tống ban tế cấp tiền tuất (250 đồng) để làm rõ sự ưu lễ (Đình Phác là thế thân danh vọng, trải làm quan trong ngoài, nhiều lần tỏ rõ công lao tài năng, thủy chung vì lo việc thành bệnh, đến lúc ấy chết, người ta đều thương tiếc. Ngày chôn cất Khâm sứ đại thần đọc lời điều văn rất đau xót cảm động, lại tuyên đọc lời điều văn của thủ hiến các hạt ở Đông Dương để tỏ rõ sự đau xót có nhau).

1903. Mùa hạ, tháng 4. Lây Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Học kiêm quản sự vụ Quốc tử giám sung Phó Tổng tài Quốc sử quán Khánh Mỹ tử Hồ Đắc Trung kiêm chương quản sự vụ bộ Hộ.

1904. Thường nguyên lãnh Tri huyện Bình Khê thăng Hàn lâm viện Thị giảng về hưu Trần Kỳ Phong làm Quang lộc tự thiếu khanh. Kỳ Phong là người liêm chính, lúc coi việc huyện theo việc công giữ phép nước, dân trong hạt tin yêu. Về sau quan quân chinh tiểu nghịch Man lại tận tâm sách ứng, rất có công khó nhọc, nhưng khi về hưu thì không được cấp bổng, lại được dự thăng. Đến lúc ấy bề tôi Phủ Phụ chính đề đạt xin cho, cho như lời xin.

1905. Chuẩn trích các xã thôn phủ Thăng Bình tỉnh Quảng Nam (thuộc tổng An Thạnh Hạ (trở xuống cũng thế) các xã Kỳ Sơn, Trương An, Tú Viên, An Lương và thôn Trà Lộ, ấp Phương Trì) sáp nhập vào huyện Duy Xuyên (6 xã thôn ấp ấy cách phủ nha Thăng Bình một ngày đường, cách huyện nha Duy Xuyên nửa ngày đường, hào lý đều xin trích sáp nhập để tiện công vụ. Quan tỉnh tư về, bộ Hộ tâu lên, cho như lời xin).

1906. Quan phủ Thừa Thiên xin hợp các ấp nhỏ trong hạt thành một xã (xã Giang Triều và ấp Thọ Vực huyện Phú Vang hợp làm xã Giang Triều Thọ Vực, ấp Cổ Xuân và ấp Xuân Điền tổng Mậu Tài huyện Phong Điền hợp làm một ấp Cổ Xuân, vẫn thuộc tổng Phù Ninh như cũ. Giáp Trung*** thôn Miêu Nha huyện Hương Thủy sáp nhập vào xã Tuần Lương, đưa trở về tổng Lương Điền huyện Phú Lộc. Ấp An Phú Hạ, ấp Lương Xuân huyện Phú Lộc hợp làm xã Xuân An thuộc tổng Lương Điền) để tiện công vụ.

1907. Quan tỉnh Phú Yên xin chia thôn Đông Phước (thuộc tổng Hòa Bình phủ Tuy Hòa) làm hai thôn Đông Phước, Phước Khánh (vì số đình điền nhiều, dân cư xa cách), đều cho như lời xin.

1908. Bọn Nguyễn Khắc Xương, Nguyễn Văn Nhựt (người thôn Triêm Đức huyện Đồng Xuân) tỉnh Phú Yên mộ đình khẩn ruộng, đặt làm thôn mới (hai thôn Phước Lãnh, Phú Giang), chuẩn chiếu lệ (lệ năm Tự Đức thứ 29) thường hàm có khác nhau (Khắc Xương Chánh Bát phẩm, Văn Nhựt Chánh Cửu phẩm đều là văn giai).

1909. Tháng 5. Bộ Binh tâu nói hiện nay văn minh dần tiến hóa, chính trị đang cải lương, việc học chữ quốc ngữ rất cần thiết mà vũ viên trong kinh ngoài tỉnh và quân nhân các vệ đội rất ít người biết chữ quốc ngữ, làm thời sai phái có khi có việc cần mật cần kiểm soát thư từ biên nhận ký tên rất cần chữ quốc ngữ mà không biết thì việc công khó mau lẹ ổn thỏa, xin trở đi phạm quan quân các cơ vệ trong kinh ngoài tỉnh nên sức cho đều nên học chữ quốc ngữ. Tới như những kỳ thăng bổ vũ viên thì vẫn theo lệ trước xét niên hạn phẩm hàm, làm việc chăm chỉ, nhưng học chữ quốc ngữ cũng nên là một điều để xem xét khen thưởng. Lại phạm Phó đội Lệ mục và thừa mục các dịch trạm vừa bổ đều chiếu lệ biện lý, ai am hiểu chữ quốc ngữ thì bổ dụng trước để khích lệ, vua chuẩn y lời tâu (về sau Phủ Phụ chính lại tâu xin lại dịch ở các bộ nha phủ tỉnh và phủ huyện nha cũng chiếu theo phiến tâu của bộ Binh, xin sao cho các nơi tuân hành).

1910. Bộ Hình tâu nói luật lệ là công cụ để xử án, mà điều khoản phức tạp, ý nghĩa sâu kín, nếu không giảng giải rõ ràng thì làm thời gặp việc ắt sẽ tới chỗ mờ mịt khó mà xử tội phù hợp với luật. Hiện nay án kiện ngày càng chông chát mà người trong bộ chưa chắc am hiểu hết luật lệ, xin trở đi lấy sáng sớm thứ ba trong tuần lễ hội họp ty thuộc, giảng giải luật lệ để được khảo sát tinh tường, thêm siêng năng bỏ lười biếng, theo như lời tâu (về sau đến tháng 10 lại tâu chuẩn sao ra cho các tỉnh đường lấy buổi sáng hoặc buổi chiều thứ ba trong tuần lễ hội họp ty thuộc, giảng giải luật lệ rõ ràng để làm thời dẫn dụng không đến nỗi sai lầm).

1911. Tháng 5 nhuận. Ngày Kỳ hội (ngày 20), hoàn thành Ngọc điệp Tôn phá cung tiến (trước là sai Đông Các đại học sĩ Cao Xuân Dục sung Tổng tài Sở Ngọc điệp, Hữu Tôn khanh Ứng Hào làm phó, về sau vì Xuân Dục hưu trí, lấy Thượng thư bộ Lễ Huỳnh Côn thay thế, Toàn tu Quốc sử quán Lưu Đức Xứng, Thị lang bộ Lễ Hồng Ích sung Toàn tu Sở Tôn phá. Đến lúc ấy hoàn thành, theo lệ cung tiến, chuẩn cho ban thưởng nhiều ít khác nhau).

1912. Tháng 6. Nhân ngày tiết Cội chánh của nước Pháp chuẩn thăng thưởng cho quan viên văn vũ trong kinh ngoài tỉnh có thứ bậc khác nhau (văn từ Phủ doãn Thừa Thiên Đào Phan Duân thăng Tuần phủ trở xuống 4 người, vũ từ Phó Lãnh binh Khánh Hòa Huỳnh Việt Bút thăng Lãnh binh trở xuống 3 người).

1913. Tòa Khâm sứ gọi thư nói Toàn quyền đại thần nghĩ định trở đi dân quốc tịch Pháp và dân thuộc địa khẩn trung những đất đai bỏ hoang ở các xã thôn từ 50 mẫu Tây trở lên thì không chuẩn y chỉ trưng suông (không nạp tiền) như trước mà đều cho đấu giá, khoản ấy nghĩ nên thi hành ở Trung Kỳ. Duy những nhân dân không can dự tới bản quốc vẫn chiếu lệ cũ của bản triều về việc khẩn trung, lại đệ bản thảo chỉ dụ (dụ ấy bổ sung lời nghị về khoản nhân dân người Pháp khẩn trung đất công trong lời dụ ngày 27. 9. 1897 Tây lịch bất kể nhiều ít đều miễn nạp tiền) do Phủ Phụ chính ban dụ thi hành. Lời dụ nói “Chiếu lời dụ ngày 27. 9. 1897 Tây lịch nghĩ định các khoản, nay thân định lời nghị bổ sung như sau. Khoản 1: trở đi những đất đai còn bỏ hoang vô chủ ở các xã thôn thuộc địa phận Trung Kỳ chuẩn cho dân quốc tịch Pháp và nhân dân thuộc địa khẩn trung, theo lý phải nhất loạt nạp tiền. Khoản 2: những ruộng đất ấy duy chỉ 50 mẫu Tây mới chuẩn cho những người ấy trưng suông (miễn nạp tiền). Khoản 3: chuẩn cho Toàn quyền đại thần nghĩ định thể lệ những việc cần làm để tiện thi hành khoản 1 khoản 2 trong lời dụ này. Khoản 4: tới như nhân dân bản quốc trung khẩn ruộng đất thì tuân chiếu lệ hiện tại biện lý, không có gì thay đổi. Kính đây!”.@

1914*.** Phủ Phụ chính tâu nói Tòa Khâm sứ bàn nói nước Áo (1) ở châu Âu gây hấn với nước Trại Nhĩ Tư Duy Á (2) (vì học sinh nước Trại ném tạc đạn giết chết vợ chồng hoàng thân (3) Áo), nước Phổ (4) nghiêng về giúp đỡ Áo đến nỗi nước Nga bắt đả dĩ (5) đánh nhau với nước Phổ. Nước Phổ vốn nổi tiếng tàn bạo, người ta phân nhiều không sao chịu nổi, nay thác có dấy binh, Đại Pháp, Anh Cát Lợi kết hiệp với nước ta cùng nước Bỉ (6), nước Trại Nhĩ Tư Duy Á và nước Nga hợp quân năm nước để hỏi tội. Kể nhận được công điện của quý Tòa nói người Phổ quen làm việc tàn bạo, không nghĩ tới điều thành tín hòa hiếu, ra quân vô danh, lấy ít chống nhiều, nay vừa đánh nhau một trận đã bị bẻ gãy mũi nhọn, từ đó quân nhân nghĩa tới đâu thắng đấy, và lại Đại Pháp và nước ta có tình hữu nghị, vừa đánh nhau đã có trận thắng ấy rất đáng vui mừng, xin làm sắc thư chuyển đạt chúc mừng để đôn đốc tình nghị, theo như lời xin.

(1) Nguyên bản viết là “Áo Địa Lợi Á quốc”, tức Autriche.

(1) Nguyên bản viết là “Trại Nhĩ Tư Duy Á quốc”, tức Serbia.

(3) Tức Đại công tước Áo - Hung Franz Ferdinand, bị Gavrilo Princip người Serbia ám sát ngày 28. 6. 1914.

(4) Nguyên bản viết là “Phổ Lỗ Sĩ”, là phiên âm Việt Hán từ Prusse tức Preußen. Trước khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ nhất, vương quốc Phổ chiếm hai phần ba lãnh thổ của Đế chế Đức nên “Phổ Lỗ Sĩ” hay “Phổ” thường được dùng để chỉ chung nước Đức.

(5) Nguyên bản viết là “bất dĩ”, là “bất đắc dĩ” bị chép sót, đây dính lại như trên.

(6) Nguyên bản viết là “Bỉ Lợi Thì”, tức Belgique.

1915*.** Toàn quyền đại thần bàn điều lệ cấm chở thóc gạo và súc vật xuất cảng (Khoản 1: nghiêm cấm không được chở ngũ cốc cùng các loại súc vật ở Đông Dương ra nước ngoài, chỉ cho chở qua nước Đại Pháp, Anh Cát Lợi, Bỉ, Ấn Độ thuộc địa của Hà Lan, Nhật Bản, Nga La Tư và các thuộc địa của nước Pháp mà thôi. Khoản 2: nghị định này do Cục Điện báo thông báo cho các địa hạt ở Đông Dương biết để tuân hành, hạn cho các địa hạt nhận được điện báo phải lập tức thi hành trong vòng 24 giờ. Khoản 3: giao cho quan thủ hiến Tổng đốc Thương chính Đông Dương tuân chiếu nghị định thi hành. Ngày 8. 8. 1914 Tây lịch, Toàn quyền đại thần Van Vollenhoven ký).

1916. Chuẩn y lời hội thương lập hội đồng thanh tra Phủ Nội vụ và ngân khố tiền hưu trí (duyet ngân sách năm 1913 và thanh tra ngân khố tiền hưu trí), lấy Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hình Tôn Thất Hân bàn bạc với Hội biện Hình chính Bông Nôm (1) đồng đốc công việc để trọng quốc khố.

(1) Nguyên bản viết là “Bông Nôm”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1917. Đổi đạo Ninh Thuận làm phủ Ninh Thuận (quy vào tỉnh hạt Khánh Hòa, quan lại binh dinh hoặc chức lượng lưu lại, hoặc thay đổi giảm bớt, ấn kiểm thì chiếu lệ do các phủ nha cấp để làm việc).

1918. Quan tỉnh Nghệ An Tôn Thất Trạng tư nói trong tỉnh ấy có nhiều thôn chỉ có ba bốn đình hoặc năm sáu đình, hoặc có đình không có ruộng, hoặc ruộng nhiều đình ít, rất nhiều điều bất tiện, đã bàn thông sức xuống hạt, phạm xã thôn nào được 10 đình trở lên mới được làm một xã thôn, nếu không đủ số ấy thì hoặc sung thêm cho đủ 10 đình, hoặc sáp nhập vào các xã thôn bên cạnh để được đơn giản tiện lợi. Bộ Hộ tâu lên chuẩn sao ra cho thi hành.

1919. Mùa thu, tháng 7. Thân rõ điều lệ tra biện án kiện (trở đi phạm các địa phương xét xử kết án, khoản nào chỉ xử tới đánh roi hết mức trở xuống thu tiền chuộc hoặc bắt giam thì do quan địa phương bàn với Trú sứ duyệt biện, vụ nào duyệt hợp thì thành án, lập tức sức cho chiếu án biện lý, đóng thành tập đệ về bộ trình chiếu. Trong đó những án đánh roi nên trừ ba khoản. Một là án nghị xử đánh roi mà Trú sứ có ý kiến khác, hai là án nghị đánh roi mà có quan viên lại dịch can dự, ba là người phạm tội bị đánh roi lại can tội khác nặng hơn, ba khoản ấy đều nên chiếu lệ đệ về do nha sở quan duyệt biện. Lại phạm những án kết tội đánh roi tuy quan kinh quan tỉnh bàn định thi hành mà lâm thời Khâm sứ đại thần cùng bộ bàn nghị tra xét lại hoặc có khiếu nại xét lại thì sẽ phụng lời chuẩn tạm đình biện lý, giao cho nha sở quan tra cứu định án, chờ phúc thẩm sẽ biện lý. Tới như quan xử án phải xét rõ duyên do tình tiết chiếu luật kết án, không được gượng gạo viện dẫn nặng nhẹ, như tình tội vốn không được giảm mà cố giảm, cùng tội nào đã có luật ấy, nên xử tội nặng mà cố ý dẫn dụng điều khoản nhẹ hơn để xử, nếu tra xét ra được thì chiếu luật Xử án mà riêng tư xử tội để đề phòng tệ nạn mua bán), là theo lời nghị của bề tôi Phủ Phụ chính.

1920. Chuẩn y lời hội thương về cách thức đề phòng bệnh hủi lây lan (các tỉnh cùng đặt một sở cho người hủi ở riêng trong tỉnh (1), một là người bệnh hủi không đến nổi xa lìa thân quyến, hai là an trí người hủi ở xã phường mới lập thì ít khổ lụy hơn so với ở quê quán lại không bị lây nhiễm, ba là người hủi đã ở riêng thì ăn uống sinh hoạt thường gần gũi nhau, việc cai quản cũng nên như các xã, không chỉ tránh được hiềm nghi né tránh mà có thể tránh được nổi khố bị khinh miệt, bốn là con cái và họ hàng quyến thuộc của người hủi đều tránh được không bị lây).

(1) Nguyên bản chép là “chư tỉnh hợp thiết phong nhân trú tỉnh, nhất thị...”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “chư tỉnh hợp thiết phong nhân trú tỉnh nhất sở, nhất thị...” bị chép lầm, đây dính lại và dịch như trên.

1921. Bề tôi Phủ Phụ chính tâu nói hiện nay các nước châu Âu giao binh, vừa nhận được tin báo tiếp ở Đại Pháp do quý Tòa chuyển tới, đã dâng phiến tâu lên để vua rõ. Lần hội thương gần đây Khâm sứ đại thần Charles bàn nói Đại Pháp vì kết minh với các nước nên bất đắc dĩ dùng binh để làm rõ nghĩa lớn, nhưng binh là việc dữ chiến là việc nguy, sĩ tốt không thể không bị thương bị chết, người bị thương ắt cần thuốc men, người bị chết cũng phải cấp tuất. Gần đây triều đình nước Pháp gửi điện văn cho Toàn quyền đại thần tru nghị kêu gọi đóng góp tiền bạc để sung vào việc chấn cấp, đã bàn trích ngân sách Bảo hộ Trung Kỳ 50.000 đồng và quan viên Đại Pháp quyền góp giúp đỡ. Nước ta và Đại Pháp tình nghi có nhau, gặp lúc có việc thế này cũng nên giúp đỡ để đôn đốc việc hòa hiếu. Bèn chuẩn trích tiền lưu lại 10.000 đồng và ban sắc trích 1.500 đồng trợ cấp, còn hoàng thân, đình thần văn

vũ và thuộc viên các bộ viện dinh nha đều chức lượng tùy số lương bổng chia nhau thu nạp cho Tòa sứ nhận biện. Tới như đường quan thuộc quan ở tỉnh ngoài sẽ có điện thông sức riêng để biết mà thi hành.

1922. Nguyên Phụ chính đại thần Cần Chánh điện đại học sĩ Túc Liệt tướng Diên Lộc quận công trí sự Nguyễn Thân chết ở kinh. Thân lấy tài lược văn vũ làm huân thần quốc thích của nước, ra tướng vũ vào tướng văn, vốn có oai vọng, năm trước trí sự, đến lúc ấy chết trong bệnh viện ở kinh, tạm quản quan tài ở sảnh đường bộ Binh (giải vũ bên phải). Vua rất thương tiếc, chuẩn cho gia hàm Thái phó cùng ban tể cấp tuất hộ tống đều rất ưu hậu. Các quý đại thần thủ hiến Đông Dương từ Toàn quyền đại thần tới Khâm sứ, Thống sứ nghe tin đều gửi thư và điện văn chia buồn (điện văn của Toàn quyền đại thần đại lược nói đại thần đúng là một người bạn trung thành của nước Đại Pháp, gặp lúc không yên ổn duy chỉ đánh dẹp là việc cấp bách, đến hiện nay toàn hạt Trung Kỳ đều được hưởng phúc thái bình, lúc cầm quyền ngày đêm trù tính về việc nước, vốn có danh vọng, công ấy đức ấy đến nay toàn hạt Đông Dương vẫn còn bia miệng vân vân. Lời chia buồn của Khâm sứ đại thần đại lược nói đại thần lúc còn sống danh tiếng lẫy lừng, như việc đánh bắt ở Nam Ngãi Bình Định, nhất là chiến công oanh liệt ở Nghệ Tĩnh chắc đã in sâu vào tâm não mọi người, không cần kể ra rườm rà. Và lại giữ lòng công bằng ngay thẳng, hoài bão trị nước yên dân, đều bắt đầu từ lòng ưu ái, chỉ lo điều ích nước lợi dân. Ôi, trời sinh rất lạ, tinh hoa sông núi (1), là bậc hào kiệt lớn, nhà chính trị lớn (2), không phải chỉ là một viên tướng tài đánh là thắng, công là chiếm mà thôi đâu. Hai triều nhớ nhung, quý đại thần thương tiếc (3) tiếng tăm công tích vinh quang tốt bậc không bao giờ quên).

(1) Nguyên bản chép là “Y, thiên sinh kỳ đặc, sơn tinh quốc anh, nãi đại hào kiệt gia, đại kinh tế gia, phi đặc chiến khắc công thủ nhất tướng tài dĩ”, có mấy chỗ ngờ là bị chép lầm chép sót như “tài tướng” chép là “tướng tài”, “nhi dĩ” chép là “dĩ”, riêng mấy chữ “sơn tinh quốc anh” (tinh hoa núi nước) có chỗ vô lý, ngờ là “sơn tinh thủy anh” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên. Tuy nhiên trong chữ Hán thì “quốc” và “thủy” hoàn toàn không thể lầm lẫn qua lại về mặt tự dạng, nên chi tiết này có thể do sai lạc trong quá trình phiên dịch văn bản chữ Pháp ra chữ quốc ngữ latin và chữ Hán dẫn tới.

(2) Nhà chính trị lớn: nguyên văn là “đại kinh tế gia”, kinh tế tức “kinh bang tế thế” (sắp xếp việc nước, cứu giúp người đời), chỉ việc làm chính trị.

(3) Nguyên bản chép là “túc tích (tích = xưa)”, là “túc tích (tích = tiếc)” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

1923. Nguyễn Văn Tâm ở xã Cam Ranh (thuộc huyện Vĩnh Xương) khẩn trung ruộng đất (một dải rừng hoang ở địa phận xã Vinh Bình được 140 mẫu) chiêu mộ dân đinh (15 người) xin lập làm thôn Phú Bình, cho như lời xin.

1924. Thân định chương trình Quốc tử giám (Một: phòng ốc quần áo của sinh viên phải chiếu theo phép vệ sinh, tất cả phụ nữ người ngoài đều không được tự ý vào. Một: hàng năm sát hạch vào Giám (1) một kỳ, văn thể chiếu theo như đã được dạy, chữ Hán, chữ quốc ngữ và các môn cách trí Thái Tây ba bài, duy chữ Pháp thì cho tinh nguyện. Ở kinh và các tỉnh cùng hạch một đề, trước đó niêm phong phát giao. Cử nhân muốn vào Giám chỉ hạch chữ Pháp chữ quốc ngữ và cách trí mà thôi. Phạm sinh viên học trường Giám ở trường Giám chỉ học bổng lâu không được quá 6 năm, Tôn sinh Âm sinh thi đỗ Cử nhân cho được vào hạng Cử nhân miễn hạch. Trở đi phạm quan viên Quốc tử giám đều chiếu thực hàm chỉ bổng theo lệ quan viên các bộ nha khác. Đổi định điều lệ chọn hạch. Hàng năm đầu tháng 6 Tây lịch tức tháng 5 Nam lịch chọn hạch một lần, còn nguyên lệ triều đình chọn hạch thì đình bãi. Sinh viên qua đủ hai năm mới được ứng tuyển, người dự hạng do bộ Học cấp bằng, việc bổ dụng chiếu theo nguyên lệ, vẫn chiếu theo thứ tự dự hạng cao thấp mà chọn lựa bổ dụng. Tân Thư viện. Trở đi Tế tửu và Tư nghiệp Quốc tử giám thường xuyên cai quản trông coi).

(1) Nguyên bản chép là “công Giám”.

1925. Tháng 8. Bão (cung điện nhà cửa phần nhiều bị tổn thất hư hỏng).

1926. Chuẩn cho Đô thống vệ Thân binh kiêm quản Thị vệ Thái giám Nguyễn Gia Trung hưu trí. Lúc bấy giờ vua ban sắc trước mặt sai dắt voi ra đánh nhau với trâu để làm vui, Khâm sứ đại thần Charles nghe chuyện nói như thế rất nguy hiểm, mà các viên thị hầu không có một câu can ngăn, lại không đem chuyện trình báo. Gia Trung là đại thần Thống chương, khó mà chối lỗi, bèn bàn tâu lên chuẩn cho về hưu, lấy Vệ úy Thân binh Nguyễn Văn Hiền quyền biện công vụ.

1927. Vua ở trong cung thường sai đội Nhạc chính tấu nhạc suốt đêm (9 giờ tối chủ nhật đến 4 giờ sáng thứ hai, tối hôm sau thì đến khuya mới thôi), thường đến khuya vẫn chưa đi nghỉ. Khâm sứ đại thần Charles lo lắng bèn gửi mật thư cho Phủ Phụ chính dâng lên can ngăn (đại lược nói vua đang lúc thơ ấu mà thức khuya quá nhiều thì việc giữ gìn sức khỏe thế nào? Việc ấy phải nên đình bãi, nên giảng rõ việc thức đêm chơi bời là vô ích, e làm hại tới sức khỏe), lại lập tức tạm dời người trong đội Nhạc chính ra ngoài hoàng thành, kể bàn tới việc các quan trực có lỗi không trình báo, Phủ Phụ chính bèn đem việc tâu lên.

1928. Bàn đặt tổng Tân Hương ở hạt Kontum (Tòa Khâm sứ gửi thư nói dân Việt cư trú ở tỉnh hạt Kontum đã thành phường ấp, làm đơn xin cấp sổ bạ đình điền để hợp thể lệ, nên chuẩn cấp cho triện bạ để tránh có trở ngại

về sau, còn việc chia trích địa giới thì sắp tới sẽ nghĩ bàn. Phủ Phụ chính bèn tâu lên, chuẩn cho 5 phường mới Tân Hương, Phương Quý, Phương Hòa, Phương Nghĩa, Trung Lương quy vào một tổng, gọi là tổng Tân Hương).

1929. Bãi bỏ Thổ huyện Hội Nguyên (thuộc phủ Tương Dương Nghệ An) cùng cấp thêm lương tháng cho lính lệ các Thổ phủ Thổ huyện (huyện Hội Nguyên đất rộng người thưa, rất gần phủ Tương Dương, giao cho phủ ấy kiêm lý cũng tiện nên bãi bỏ. Lính lệ Thổ phủ Thổ huyện không có phụ cấp của xã dân, lại ở vùng thượng du thức ăn đất đồ, khó đủ chi dùng, nên cấp thêm cho).

1930. Đổi định thuế lệ ruộng muối. Trước là năm Thành Thái thứ 9 nghị định do Nha Thương chính giao bài chi thu thuế (mỗi mẫu đồng niên 1 đồng) trừ đi thuế ngạch trong sổ bộ ruộng đất, đến năm thứ 10 nghị định do Nha Thương chính chức lượng mua vào, hàng năm xã dân chỉ lãnh ruộng muối ấy của Nha Thương chính mà phơi muối, còn muối do nha ấy bán nạp, ruộng muối ấy không kể vào sổ bộ điền thổ của xã thôn ấy, cũng không nạp thuế. Đến lúc ấy quan tỉnh Nghệ An tư nói Trú sứ bàn xét ruộng muối trong hạt vốn không có lệ thuế như hà thương tri. Về sau tra khám ruộng muối trong hạt tổng cộng hơn 100 mẫu, bàn nên chiếu lệ thuế ruộng hạng ba trung nạp và ghi phụ vào sổ bộ nạp thuế năm ấy, đã sức cho sửa lại sổ, tính ra tiền thuế (huyện Quỳnh Lưu 60 mẫu tiền thuế 48 đồng, huyện Nghi Lộc 27 mẫu tiền thuế 21 đồng 6 hào, phủ Diễn Châu 14 (1) mẫu thuế 11 đồng 2 hào) tư lên. Bộ Hộ bàn nghĩ các tỉnh có nhiều ruộng hạng ấy chứ không chỉ riêng Nghệ An, bèn tâu xin chuẩn sao ra cho các địa phương chiếu theo tra khám, nếu có loại ruộng ấy thì lập tức sức cho cùng sửa lại chép phụ vào sổ bộ, chiếu lệ ruộng hạng ba trung nạp để làm rõ sự nhất quán, theo như lời tâu.

(1) Nguyên bản chép là “thập điền mẫu”, là “thập tứ mẫu” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

1931. Lại bàn định chương trình Ấu học (khoản 1: lập sổ biên chép những trường do từng xã thôn lập ra và những trường do vài xã thôn cùng lập. Khoản 2: thầy giáo phải chọn lựa những người đã học trường sư phạm hoặc sĩ nhân có bằng trường Pháp Việt mà thông hiểu chữ Hán, hoặc Cử nhân Tú tài và Tôn sinh, Âm sinh, Học sinh đã dự trúng chọn hạch chờ bổ cùng sĩ nhân hơn 30 tuổi về quê hoặc thi Hương trúng kỳ thứ nhất thứ hai mà đều am hiểu chữ quốc ngữ. Khoản 3: lương tháng của thầy giáo định là từ 6 đồng trở lên, do thầy giáo và các xã lập tờ thỏa thuận hai bản, lấy đủ sáu năm làm hạn, mãn hạn tiếp tục là tùy hai bên thỏa thuận. Nếu thầy giáo xét thấy không dạy dỗ được hoặc hạnh kiểm có chỗ xấu xa, hoặc can án thì lập tức thái hồi, không được kể vào hạng miễn sai dịch như trước. Phạm thầy giáo đã sung việc dạy dỗ phải lập tức đưa vào hạng miễn sai, còn lương tháng do trong xã trừ liệu, hoặc trích công điền công thổ, hoặc chia bổ trong dân, hoặc trích hoặc nạp thay tiền nhà (1). Duy chia bổ đóng góp phải định trước mỗi người nạp bao nhiêu, nếu xã nào không cấp lương cho thầy giáo sẽ lập tức chiếu luật Làm trái lệnh nghĩ trị. Thầy giáo được nhận phẩm hàm thể lệ như dưới đây (2) như trong kỳ tuyển hạch xem số người dự trúng nhiều hay ít, trên thì quan ty, dưới thì dân xã đều đồng tình mới chuẩn ban cho phẩm hàm. Như thầy giáo đã tròn năm năm mà muốn được phẩm hàm ắt phải lập lại tờ thỏa thuận ở lại dạy ba năm thì lập tức cho thưởng hàm Tòng Cửu phẩm, mãn hạn ba năm lại tình nguyện dạy ba năm nữa thì thăng thưởng hàm Chánh Cửu phẩm, lại muốn dạy ba năm nữa thì thưởng hàm Tòng Bát phẩm, ba năm sau cùng tình nguyện thì mãn hạn thưởng tới Chánh Bát phẩm là thôi, trừ Cử nhân, Tôn sinh, Âm sinh đã chọn hạch trúng hạng sẽ chiếu lệ khác biện lý. Khoản 4: việc kiểm tra khảo hạch kiểm soát các trường thầy giáo là do Đốc học Giáo thụ Huấn đạo nắm giữ (3), phủ huyện sở tại cũng nên gia tâm đốc thúc xem xét, trường ốc mỗi năm tu bổ do xã thôn sở tại trừ biện. Khoản 5: đến kỳ tuyển hạch thì quan Pháp một viên hoặc Tòa sứ ở tỉnh bàn ủy nhiệm đại diện một viên, Giáo Huấn đều một viên cùng một viên Trợ giáo trường Pháp Việt hội đồng sát hạch. Khoản 6: quy thức giảng dạy trong trường, thì chữ quốc ngữ do quan thủ hiến Học chính Trung Kỳ nghĩ biện, chữ Hán do đại thần Thượng thư bộ Học nghĩ biện. Khoản 7: chương trình tuyển hạch chiếu quy thức giảng dạy lúc bình thời mà hạch biện. Khoản 8: mỗi năm bãi trường hai kỳ, một kỳ định từ ngày 24 tháng 12 đến ngày 16 tháng giêng Nam lịch, lại một kỳ định từ ngày 1 đến ngày 28 tháng 6 Nam lịch. Trong hai kỳ nghĩ ấy thầy giáo vẫn được trả lương. Khoản 9: nếu thầy giáo gặp đại tang hoặc vì chuyện vợ con thì được xin phép, hoặc vì có việc mà muốn xin phép phải có thượng quan xét thực cho phép mới được. Nếu xin phép quá một tháng đều không được trả lương).

(1) Nguyên bản chép là “đại nạp tư cái ngân”.

(2) Nguyên bản chép là “thể lệ tả như”, là “thể lệ như tả” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

(3) Nguyên bản chép là “hệ thuộc Đốc học Giáo đạo Huấn hàm chương”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “hệ thuộc Đốc học Giáo thụ Huấn đạo chương” bị chép lầm, đây tạm đính lại và dịch như trên.

1932. Thái tử Thiệu phó nguyên Phụ chính đại thần kiêm sung Cơ mật viện đại thần sung Tổng tài Quốc sử quán kiêm quản Quốc tử giám Đông Các đại học sĩ trí sĩ Trương Quang Đản chết. Quang Đản là nhà thế thần có danh vọng, huân lao vốn rõ rệt, đầu niên hiệu Thành Thái cùng Kim Giang tướng công Nguyễn Trọng Hợp đồng tâm phụ chính, nội trị ngoại giao, giúp đỡ rất nhiều, về sau vì lớn tuổi xin thôi chức Cơ mật viện chuyên sung Sử quán. Kế lại dâng sớ xin về hưu trí, năm ấy 82 tuổi chết, trong ngoài nghe tin đều lấy làm thương tiếc. Vua nghĩ tới bậc lão thần huân lao thạc vọng, đặc chuẩn gia hàm Thái tử Thiệu phó (1), ban tiền tuất gấp đôi, ban tể để tỏ rõ sự ưu hậu.

(1) Nguyên bản chép là “gia Thái tử hàm”, là “gia Thái tử Thiếu phó hàm” bị chép lầm, đây đính lại như trên. Xem điều 0808.

1933. Tháng 9. Bề tôi Quốc sử quán xin khắc in sách kinh truyện rút gọn cấp cho các trường học trong kinh ngoài tỉnh (năm trước Sở Tu thư vâng lời chuẩn y biên tập, đến lúc ấy hoàn thành chép sạch làm bản mẫu 8 quyển, tâu xin khắc in), cho như lời xin.

1934. Bề tôi Khoa đạo tâu nói “Học phải có nghỉ ngơi để di dưỡng tinh thần, không chìm đắm vào việc chơi bời là để đề phòng ham muốn dật lạc. Kính nghĩ hoàng thượng xuân thu đang thịnh, thiên tính thông minh, nuôi dưỡng chính khí làm bậc thánh triết, chỉ nên đúng giờ lâm ngự mà tới Kinh diên học bài, Cửa Tùng hóng mát, học nhưng cũng có lúc đi chơi nghỉ ngơi. Khâm sứ đại thần nhiệt thành bảo hộ, Phụ chính Phủ thần đồng lòng tán trợ, rất mong chăm chỉ học tập giữ gìn sức khỏe. Nhưng gần đây thấy đi chơi có khi quá giờ thì không phải là thuật vệ sinh mà giữ thiên hòa, còn mong răn việc trước dè chuyện sau, trở đi thức ngủ động tĩnh xin theo đúng giờ giấc mà Khâm sứ đại thần và Phủ Phụ chính cùng quý Phụ đạo bàn định, nhiếp dưỡng có phương, ngày càng khỏe mạnh, ngày theo tháng tới, việc học liên tiếp, vui chỗ quang minh thì bề tôi vui lắm, thiên hạ may lắm”. Lúc bấy giờ trong cung đàn sáo suốt đêm không nghỉ, ngoài thành ruổi xe quá giờ chưa về, bề tôi kiêm quản Đô sát viện Tôn Thất Hân lấy làm lo lắng, bèn cùng bề tôi Khoa đạo dâng sớ can ngăn.

1935. Mùa đông, tháng 10. Sai Phụ chính đại thần Vũ Hiên điện đại học sĩ quản lãnh bộ Lại Hiền Lương bá Trương Như Cương tới Hà Thành hội nghị, lại đệ sớ thư thăm hỏi Toàn quyền đại thần.

1936. Thân định chương trình túc trực thị hầu trong đại nội (lúc bấy giờ thái giám nữ quan trong cung trực hầu đều đã giảm bớt, bộ Lễ bèn nghĩ định chương trình giờ giấc trình Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành).

1937. Sắc sai Nội các soạn phiếu tấu châu bản của các bộ nha từ năm Thành Thái thứ 1 đến năm Thành Thái thứ 19 dâng vào đại nội.

1938. Quan tỉnh Bình Định xin lập riêng 9 sách Man (sách Trại Giữa, sách Đinh Mỡ, sách Đinh Ô, sách Đinh Thỏ, sách Trại Gạo, sách Giang Phá, sách Ý Toái, sách Đinh Phan, sách Đinh Quý) thêm đính ghi vào bộ tịch trung thu (bắt đầu từ năm sau), cho như lời xin.

(1) Nguyên bản chép một số trong các địa danh nói trên bằng chữ Nôm.

1939. Thái giám thái giám và nữ quan thị tỳ trong đại nội.

1940. Sai Quốc sử quán biên tập sách *Hội điển tục biên*. Lúc đầu bộ Hình tâu nói điều lệ Lục bộ chur nha của bản triều từ năm Tự Đức trở về trước đã chép rõ trong sách *Hội điển*, sau vì nhân thời thế chậm chước cải nghị bỏ nghị nên so le không thống nhất, nếu không kiểm đính biên tập thì lâm thời rất khó kê cứu, xin do Quốc sử quán đồng lý đốc sức biên tập (những lời nghị từ năm Tự Đức thứ 4 đến năm Thành Thái thứ 7 trước đây đã sao lưu chưa kịp khắc in cùng những lời nghị từ năm Thành Thái thứ 7 trở đi còn rải rác ở các bộ nha chưa từng sao chép tập hợp) khắc in để tiện tuân theo, nên có mệnh ấy.

1941*.** Tháng 11. Tặng Thống súy đại thần Thượng tướng quân Nho Pha Sơ (1) nước Đại Pháp một tấm kim khánh hạng lớn cùng sắc thư có trục cuốn sơn màu để biểu dương công tích to lớn (lời sắc đại lược nói “Các bậc danh tướng xưa nay không gặp đại địch thì không lấy gì để tỏ rõ hùng tài ứng biến. Người Phổ âm mưu gây họa, lom lom thềm thường nhìn châu Âu đã nhiều năm, hôm trước cam tâm làm trái công pháp, lúc đầu gây hấn với nước Bỉ, kể lại xâm phạm đại bang. Đang lúc có nạn gấp ấy, được quý triều đình đặc sai quý đại thần sung Đại Thống súy Thượng tướng quân thông lãnh các quân hợp với quân đông minh đánh dẹp kinh địch, dùng binh kỳ diệu, thể trận hùng tráng, đạt được ưu thế cực điểm khiến các đội quân của người Phổ chiến tuyến không thể nối liền, không chế nhuệ khí của họ, làm mạnh thanh thế quân ta (2), tương lai dần dần sẽ có cái thế ruổi dài tiên thắng, quả nhân mỗi khi đọc báo đều rất khen ngợi. Vả lại bản quốc và quý quốc tình nghị ngày càng thân thiết, xa mừng quý đại thần riêng cầm quyền ngoại khốn, đại hiển tài năng tướng súy, đánh là thắng công là lấy, diệt kẻ bạo trừ kẻ hung, tuy chiến cục chưa xong nhưng đã mấy lần báo tiếp, hẹn thấy khu vực Âu Tây chung hưởng hòa bình, nhân dân Á Đông cũng được lạc lợi, há lại có thể không ca tụng tên tuổi của Đại Thống súy, chuyển đi hùng tráng này rất nên ghi nhớ. Chuẩn đệ tặng một tấm kim khánh hạng lớn (3) cùng sắc thư có trục cuốn sơn màu, đặc biệt có tua rú xuống để làm rõ công tích to lớn”).

(1) Nguyên bản viết là “Nho Pha Sơ”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(2) Nguyên bản chép là “tráng ngã quân ngã thanh”, là “tráng ngã quân thanh” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

(3) Nguyên bản chép là “đệ tặng đại thần hạng kim khánh nhất diện”, là “đệ tặng đại hạng kim khánh nhất diện” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

1942. Chuẩn cấp lại lệ lễ đồng niên cho đền Thân Huân (đền Thân Huân vào năm Minh Mạng thứ 20 vâng lời chuẩn xây dựng ở ấp An Tân, chuyên thờ phụng bốn quận vương Tá vận tôn thần An Biên, Thông Hóa, Tương

Dương, Hải Đông và năm vị Thuận An công, hàng năm xuân thu tế lễ, trước đây đều trích tiền kho chi cấp, về sau vì có việc đình giảm. Đến lúc ấy bộ Lễ tâu xin lại trích đồ thờ chi tiền cấp cho để làm rõ sự đôn mục, theo như lời xin).

1943. Quan tỉnh Quảng Trị tư nói sở Phước Môn khẩn trưng ruộng đất (hiện được hơn 198 mẫu) thuê mộ dân đình (hiện được 20 người), xin sức làm sổ bộ, đặt Lý trưởng, bàn cấp triện đồng, bắt đầu chịu thuế từ năm sau. Bộ Hộ tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành.

1944. Tháng 12. Gia phong Phụ chính đại thần Thái tử Thiệu phó Vũ Hiền điện đại học sĩ quản lãnh Thượng thư bộ Lại Hiền Lương bá Trương Như Cương là Hiền Lương hầu. Lúc đầu là Phủ Phụ chính tâu nói đại thần Phủ trưởng Trương Như Cương đứng đầu ban đã lâu, hết lòng trừ hoặch, nhiều lần tỏ rõ công lao, phạm mọi việc hội thương đều cùng lòng làm việc, khiến tình nghĩa giữa hai nước ngày càng được đôn đốc, trong nước nhờ thế được yên tĩnh, quả thật có công lớn với nước nhà, từ khi đội ơn chuẩn cho gia phong tước bá đến nay đã được ba năm, xin phụng nghĩ gia phong tước hầu để biểu dương công lao to lớn mà ưu đãi bậc thạc phụ. Đã bàn với Khâm sứ đại thần trình Toàn quyền đại thần duyệt hợp, bèn chuẩn gia phong để làm rõ chỗ khác người khác.

1945. Tòa Khâm sứ gởi thư nói triều đình nước Pháp gởi điện văn phụng chỉ dụ chuẩn bổ nhiệm nguyên Toàn quyền đại thần thuộc địa của Đại Pháp ở Tây Phi là Roume (1) làm Toàn quyền đại thần Đông Dương. Và lại quý đại thần là người từng trải trong ngoài, hiểu rõ việc đời, lại có đại tài, nhiều phen tỏ rõ thiện chính, nay tới Đông Dương ắt có thể tiếp tục suy nghĩ trừ hoặch việc lớn khiến cho ngày càng thịnh trị, cùng hưởng phúc thái bình. Phủ Phụ chính dâng phiến tâu lên để vua rõ.

(1) Nguyên bản viết là “Du Mỹ”, tức Ernest Roume. Nhân vật này giữ chức Toàn quyền Đông Dương từ tháng 4. 1915 đến tháng 5. 1916.

1946. Chuẩn cho Tham tri bộ Công Cao Đệ thăng hàm Thượng thư bộ Lễ hưu trí. Đệ khoa giáp xuất thân, làm quan đã lâu. Năm đầu niên hiệu Duy Tân từng sung Kinh diên, hết lòng giúp ích, sau dự việc bộ, làm việc đều được chăm chỉ ổn thỏa, đến lúc ấy viện lệ tâu bày xin trí sự, đặc chuẩn thăng hàm để tỏ rõ ý thể tất.

1947. Chuẩn cho Thổ huyện An Phước lệ vào tỉnh Khánh Hòa (Thổ huyện An Phước vốn thuộc đạo Ninh Thuận, đến lúc ấy đổi đạo làm phủ, huyện ấy thuộc huyện cũ, chiếu lời nghị định của Toàn quyền đại thần ngày 10. 5. 1914 Tây lịch, huyện cũ sáp nhập vào tỉnh Khánh Hòa, vì thế bộ Lại bèn tâu chuẩn sáp nhập vào tỉnh Khánh Hòa để tiện công vụ).

1948. Chuẩn trở đi phạm các địa phương chi cấp các khoản cho tù phạm (như khẩu phần ăn uống, quần áo, toi nón, chăn chiếu của tù phạm cùng các khoản giam cầm và tiền quan tài vải liệm cho những người bị bệnh chết) đều do ngân sách quý Tòa chi biện, nhưng lấy tháng giêng Tây lịch năm nay (năm 1915 Tây lịch tức tháng 11 năm ấy Nam lịch) bắt đầu (chi cấp cho tù phạm các khoản trước nay đều do Nam triều chi biện, hiện nay trừ tính việc xây dựng thường thiếu rất nhiều, bộ Hình bèn có lời bàn ấy tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành).

Quyển 28

1949. Năm Ất mao Duy Tân thứ 9 (1915 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Vì năm ấy kính gặp đại lễ tế tự Nam Giao, sai Phụ chính đại thần Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Học kiêm chương quản sự vụ bộ Hộ Khánh Mỹ tử Hồ Đắc Trung kính tới đàn Nam Giao làm lễ tế cáo.

1950. Đội Bó chánh Khánh Hòa làm Tuần phủ Thuận Khánh (tháng 9 năm Thành Thái thứ 18 bàn chuẩn đình đặt chức Tổng đốc Thuận Khánh, tháng 9 năm Duy Tân thứ 1 chuẩn đặt lại chức Tuần phủ Bình Thuận. Đến lúc ấy vì đạo Ninh Thuận lệ vào Khánh Hòa, địa thế khá rộng, việc chính trị bận rộn bèn chuẩn lấy đại viên thông quản để long trọng chức chương).

1951. Toàn quyền đại thần Roume mới tới, sai Phụ chính đại thần Trương Như Cương, Tôn Thất Hân, Hồ Đắc Trung cùng Khâm sứ đại thần Charles tới Đà Nẵng đón tiếp cùng mang sắc thư thăm hỏi.

1952. Ban dụ thân định điều cấm về việc đề phòng bệnh dịch gia súc (Khoản 1: nơi nào phát ra bệnh dịch, có súc vật chết tuy chưa xác định được rõ là chết vì bệnh gì cũng hạn trong 24 giờ phải lập tức đốt đi hoặc đem chôn, nhưng phải rưới nước vôi, chôn sâu 2 thước Tây. Khoản 2: chỗ chôn phải cách nơi dân cư và sông suối đầm hồ ít nhất 100 thước Tây, những cỏ mọc ở đó chỉ được đốt chứ không được cắt đem về cho trâu bò ăn hoặc thả chăn trâu bò ở đó. Khoản 3: súc vật bị bệnh dịch mà chết hoặc lập tức giết chết phải đốt hoặc theo phép đem chôn, thịt và da sừng lông móng cấm không được khinh suất sử dụng, cũng không được đem bán). Lời nghị này đã vâng dụ ngày 24. 1. 1905 và 3. 3. 1906 tra xét súc vật bị dịch để đề phòng tổn hại truyền nhiễm, đến lúc ấy lại bổ sung lời nghị, ban dụ chuẩn cho thi hành.

1953. Chuẩn y lời hội thương bàn định về lệ cấm săn bắn (Khoản 1: thú rừng như thỏ cùng chim thường trú trừ các loài chim di trú (1) thì chim nước và các loài thuộc về gà tức gà rừng, chim đa đa, chim trĩ, gà sao (2), chim công trong hạt mỗi năm cho săn bắn từ ngày chủ nhật 15. 10 đến 15. 3 Tây lịch là thôi, nếu hôm ấy không phải là

ngày chủ nhật thì lấy ngày chủ nhật tiếp theo làm hạn. Khoản 2: trong thời hạn không cho săn bắn hàng năm thì thỏ rừng cùng các loại gà rừng bắt kể từ đầu mà có cũng cấm không được di chuyển mua bán, ai làm trái thì những chim thú ấy đều tịch thu phóng sinh. Khoản 3: các hạng chim thú kể trên cùng các loại chim lớn nhỏ cho dù còn sống nhưng còn trong thời hạn cấm săn bắn hàng năm cũng cấm không được mua bán cùng di chuyển qua nơi khác. Khoản 4: các loại gà rừng trong thời hạn cấm săn bắn hàng năm cũng cấm không được gài bẫy đặt lưới để bắt, cũng không được đem bán nhưng có khi Công sứ ở tỉnh cho phép để các hạng chim thú còn sống nạp cho Sở nuôi chim thú thì không trong lệ cấm). Lệnh này đã cho thi hành ở Bắc Kỳ năm 1909 Tây lịch, đến lúc ấy Tòa sứ hội thương đệ lời tư trình của Trú sứ Thanh Hóa nghị định thể lệ, bề tôi Phủ Phụ chính cho rằng việc cấm săn bắn cũng thuộc việc nhân đức và có lợi cho cầm thú (3) bèn tâu lên, chuẩn sao ra cho các nơi tuân hành.

(1) Nguyên bản chép là “thiện luân cảnh điều” (chim hay đổi chỗ ở), đây tạm dịch như trên.

(2) Nguyên bản chép là “tức sơn kê, gia gia điều, trĩ, cầm kê”.

(3) Nguyên bản chép là “hữu ích chi cầm thú” (chim thú có ích), có chỗ tối nghĩa, ngờ là “hữu ích chư cầm thú” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

1954. Tháng 2. Tề Giao, vua đích thân tới làm lễ.

1955. Tiết Thanh minh. Xa giá tới Khiêm lăng triển yết, sau đó về An lăng chiêm bái, lễ xong hồi loan.

1956. Chuẩn thay đổi sáp nhập các tổng xã phủ huyện ở hạt Nghệ An (10 xã thôn An Lăng, Hội Tâm, Kim Liên, Bàu Vạn, An Lại, Tiên Nông, Vạn An, Hiệp Hòa, Thọ Lão, An Mỹ tổng Vân Tụ huyện Yên Thành sáp nhập vào phủ Anh Sơn. Thôn An Trạch tổng Đô Lương sáp nhập vào tổng Bạch Hà huyện Anh Sơn. 2 thôn Đa Trọ, Phú An tổng Vân Trình phủ Hưng Nguyên sáp nhập vào tổng Bạch Hà huyện Anh Sơn, 2 tổng La Vân, Vân Trình sáp nhập vào huyện Nghi Lộc. Tổng An Dương huyện Nghi Lộc sáp nhập vào phủ Hưng Nguyên nhưng trừ 5 xã thôn Hậu An, Đại Ngô thuộc hai tổng Xuân Xứng, Phan Xá vẫn thuộc huyện Nghi Lộc. 3 tổng Đại Đồng, Nam Đàn, Xuân Lâm sáp nhập vào huyện Thanh Chương nhưng trừ 2 xã Đông Liệt, Đông Xuân vẫn thuộc tổng Xuân Liễu huyện Nam Đàn. Thôn Toàn Tảo tổng Nam Kim huyện Thanh Chương quy về huyện Nam Đàn. 10 xã thôn Chi Cơ, Vũ Nguyên, Khoa Trường, Phú Thọ, Vạn Lộc, Đặng Xá, Thanh Đàm, Lương Giai, Tâm Tang, Ngũ Phúc tổng Bích Triều sáp nhập vào huyện Nam Đàn. Tổng Thổ Hào đình bãi nhưng 2 điểm Côn Kiên, Ông Thực trích sáp nhập vào tổng Vũ Liệt. Cả tổng Thổ Hào hợp nhất với những xã thôn còn lại thuộc tổng Bích Triều đặt làm tổng Bích Hào lệ vào huyện Thanh Chương. Đặt tổng Xuân Khoa, lấy 10 xã thôn Chi Cơ nguyên thuộc tổng Bích Triều (xem ở trên) hợp với 5 xã thôn Quy Chính, Năm Đông, Đức Nẫm, Nghi Lệ, Khả Lãm thuộc tổng Xuân Liễu lệ vào huyện Nam Đàn, còn xã thôn nào nên sáp nhập sẽ nghĩ riêng).

Lúc bấy giờ Tổng đốc Nghệ An Tôn Thất Trạng bàn nghị xin thay đổi sáp nhập các xã thôn phủ huyện để nối liền gần gũi tiện lợi, không bị cách trở khó khăn, dễ cho việc quản trị phòng bị. Phủ Phụ chính bàn bạc cho rằng như thế là chiều theo đường sá thay đổi sáp nhập phủ hợp cho quan địa phương dễ đích thân tới, bèn tâu rõ lên, chuẩn sao ra cho thi hành (Về sau đến tháng 8 năm ấy lại chuẩn thay đổi sáp nhập xã thôn ở các phủ huyện Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Châu. Khoản 1: trích 15 xã thôn phủ Diễn Châu sáp nhập vào huyện Yên Thành, thôn Trụ Thạch quy vào tổng Vân Tụ, xã Xuân Đào quy vào tổng Quỳnh Trạch, Văn Thành và thôn Thọ Vinh quy vào tổng Quan Hóa, các xã thôn Văn Sơn, Phú Văn, Hào Kiệt, Phú Thọ, Trung Xá, Phi Cam, Phú Điền, Phú Hữu, An Nhân, Vạn Trường, Văn Trai quy vào tổng Lăng Trung. Khoản 2: trích 14 xã thôn huyện Yên Thành sáp nhập vào phủ Diễn Châu, các xã thôn Quảng Hà, Xuân Sơn, Hậu Tân, Vân Hội, Xuân Viên, Quang Trạch, Trung Phường, Chu Trung, An Hóa, Vĩnh Thọ, Chánh Lộc quy vào tổng Quỳnh Xá, thôn Nhân Mỹ và Lý Mỹ quy vào tổng Lý Trai, thôn Phú Hậu quy vào tổng Cao Xá. Khoản 3: phủ Diễn Châu thôn Thanh Lý tổng Cao Xá trích quy vào tổng Quỳnh Xá***, xã An Thống tổng Vạn Phân và thôn Sĩ Hào tổng Hưng Xá trích quy vào tổng Lý Trai, thôn Long Mỗ tổng Vạn Phân trích quy vào tổng Hoàng Trường đều vẫn lệ vào phủ ấy, thôn Tiên Xá tổng Quan Trung huyện Yên Thành trích quy vào tổng Quan Hóa vẫn lệ vào huyện ấy. Khoản 4: các xã ấp tổng ở phủ Quỳnh Châu nơi nào gần gũi tiện lợi thì cho trích sáp nhập. Hai xã Thanh Nga, Gia Hội tổng Hữu Đạo trích quy vào tổng Đồng Lạc, xã Tri Lễ tổng Đồng Lạc trích quy vào tổng Tào Khê, xã Đắc Tổng trích quy vào tổng Phác Lễ. Ấp Kỳ Thái xã Thanh Châu sáp nhập vào xã Gia Hội. Xã Nghênh Tiên thuộc Tào Khê sáp nhập quy vào tổng Phó Nham. Ba ấp Niết Trung, Niết Ngoại, Na Mi xã Nghênh Tiên cùng Kê Hộc, Kê Cháo xã Phó Nham sáp nhập vào xã Diên Lãm. Ba ấp Kê Đàm, Kê Ai, Kê Quỳnh xã Đồng Lạc sáp nhập vào xã Phó Nham. Xã Quang Luyện tổng Quang Luyện sáp nhập vào tổng Thanh Xuyên, còn 4 xã Đồng Văn, Vĩnh Phú, Kim Giám, Xa Trục trước đây bị xiêu tán, phủ viên vừa phủ dụ trở về cùng xã Khiếu Cát quy vào một tổng gọi là tổng Kim Giám. Kê Bao xã Thịnh Giai sáp nhập vào xã Phụ Thành quy vào tổng Quang Phong) (1).

(1) Trong các địa danh trên đây có một số trong nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

1957. Phó Toàn quyền đại thần Van Vollenhoven về nước, sai mang sắc thư thăm hỏi (lúc bấy giờ Đại Pháp và liệt cường dùng binh tiêu trừ kinh địch, đại thần ấy quả quyết về nước tòng chinh. Vua bèn sai làm sắc thư

đệ tặng để lên đường thêm phần mạnh mẽ. Quý đại thần về nước sung quan một lục quân, ngày 29. 9 Tây lịch năm ấy trúng đạn bị thương).

1958. Thường Thái tử Thiếu bảo Thự Vũ Hiến diện đại học sĩ Phú Hoàn tử Lê Hoan một tấm kim bài (một mặt khắc chữ “Duy Tân ân tứ”, một mặt khắc chữ “Thái tử Thiếu bảo”), Hoan tiết chế quân vụ nhiều năm, lập nhiều quân công, Toàn quyền đại thần, Thống sứ đại thần đề đạt xin cho, nên đặc cách ban thưởng.

1959. Tổng đốc Nghệ An Tôn Thất Trạng tư nói bọn Trần Văn Hóa ở thôn Quang Tĩnh phủ Diễn Châu làm đơn xin lập riêng xã Quang Phong (đinh 15 người, ruộng đất 220 mẫu), Tuần phủ Quảng Trị Phạm Ngọc Quát tư nói bọn Nguyễn Lợi ở xã Như Lệ huyện Hải Lăng làm đơn xin lập riêng thôn Tân Mỹ (đinh 25 người, ruộng đất 80 mẫu), bộ Hộ hội thương tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành.

1960. Tháng 3. Sai quan tỉnh Quảng Trị sức lập bia đá làm ranh giới cho hai xã Bồ Bản, Lễ Xuyên (thuộc phủ Triệu Phong). Tháng chạp năm trước hai xã Bồ Bản, Lễ Xuyên tranh giành ranh giới, Án sát ở tỉnh Hồ Đắc Chiêu mang Thông phán Nguyễn Xuân Vịnh, nguyên Tri phủ Tôn Thất Xuân tới khám, xét ra là hai xã ấy bướng bỉnh làm càn, đã chuẩn phái bọn Hình khoa Chuông án Ngô Hoán tới hội đồng khám xử (lấy khu vực xứ Cồn Dọc (1), phía nam đối diện với đê đất xã Bồ Bản, phía bắc đối diện với ruộng đất xã Lễ Xuyên làm ranh giới), việc xong bèn sai quan tỉnh sức cho Tri phủ đốc suất hai xã hội đồng lập bia đá để dứt việc tranh giành.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

1961. Ban cấp sắc thần cho các thôn ấp ở thành phố Sài Gòn, là theo ý dân mong muốn.

1962. Ban thưởng biểu dương thọ dân 100 tuổi ở Bình Định (Nguyễn Đình Truyền người thôn Thới Phú 102 tuổi, chuẩn chiếu lệ thưởng cấp 8 lượng bạc, gấm vải đều 1 tấm, biên ngạch 1 tấm, nhưng chức cấp tiền công 27 đồng).

1963. Bọn Nguyễn Khai ở phố Phú Thịnh (thuộc huyện Thạch Thành tỉnh Thanh Hóa) xin lập xã Phú Thịnh (đinh 10 người, ruộng 7 mẫu 8 sào), dân ngoài tỉnh thành Quảng Nam xin lập xã Kim Thành (đinh 21 người, đất 13 mẫu) cùng bọn Ngô Dũng ở xã Tùng Sơn (thuộc huyện Hòa Vang) xin lập xã Mỹ Hòa (đinh 14 người, ruộng đất hơn 63 mẫu), bọn Trần Huỳnh Thường ở thôn Định Phong (thuộc phủ Tuy An) tỉnh Phú Yên xin lập thôn Nguyên Hanh (đinh 15 người, ruộng đất 68 mẫu), đều cho như lời xin.

1964. Mùa hạ, tháng 4. Toàn quyền đại thần Roume tới kinh, sai hoàng thân Tuyên Hóa công Bửu Tấn, Phụ chính đại thần Trương Như Cương, Nguyễn Hữu Bài tới Đông Hà mời tiếp. Đến khi vào yết kiến, thiết triều đãi yến, đệ tặng sắc chỉ, kim bài. trưởng thêu đều như lệ (sắc chỉ tặng kim bài đại lược nói “Quý đại thần kinh luân ôm mộng, chính trị đủ tài, vâng mệnh qua Nam tông quản đại quyền ở Đông Dương, nghĩ ắt có thể thi triển mưu xa kế lớn, trừ nghĩ các việc lợi ích khai hóa, khiến bản quốc văn minh tiến bộ, ngày càng thịnh lợi, là điều rất mong mỏi vậy).

1965. Thi Hương ở các trường Thừa Thiên, Bình Định, Nghệ An (trường Thừa Thiên lấy Tuần phủ Thuận Khánh Đào Phan Duân làm Chủ khảo, Án sát Quảng Trị Nguyễn Thúc Dinh làm phó. Trường Bình Định lấy Đốc giáo trường Hậu bổ Nguyễn Duy Tích làm Chủ khảo, Tham biện Nội các Phạm Tuyên làm phó. Trường Nghệ An lấy Tham tri bộ Lại Trần Trạng làm Chủ khảo, Án sát Quảng Ngãi Phạm Liệu làm phó. Khoa ấy là thi tạm, kỳ thứ nhất phép thi vẫn như cũ (1) nhưng đề luận quốc ngữ trong kỳ thứ hai có theo lời nghị thay đổi).

(1) Nguyên bản chép là “Hậu nhất khoa thí pháp nhưng cựu”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “đệ nhất trường thí pháp nhưng cựu” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

1966. Chẩn cấp xã dân bị hỏa hoạn ở các hạt Thanh Hóa, Thừa Thiên (phố Cửa Hà huyện Cẩm Thủy 12 hộ, xã Trinh Sơn huyện Hoảng Hóa 10 hộ, xã Bằng Trinh phủ Thiệu Hóa 72 hộ, xã Tây Nhai phủ Quảng Hóa 7 hộ, phường 1 Thừa Thiên 174 hộ, chuẩn chiếu lệ mỗi hộ cấp 1 đồng, còn những người bị thương cấp cho 3 đồng để tỏ rõ ý thể恤).

1967. Nguyễn Văn Diễn ở xã Đại Áng (thuộc phủ Triệu Phong) tỉnh Quảng Trị xin lập phường Đại An (đinh 10 người, đất 11 mẫu), bọn Nguyễn Lập ở xã Kiên Giáp (thuộc huyện Nga Sơn) tỉnh Thanh Hóa xin lập ấp Phong Phú (đinh 10 người, đất 25 mẫu), đều cho như lời xin.

1968. Thường xã Bài Vệ (thuộc huyện Tùng Thiện) tỉnh Sơn Tây một tấm biên ngạch “Nghĩa vụ khả tường” (hạt ấy bị ngập lụt, xã ấy hết lòng cứu hộ, việc báo lên chuẩn ban thưởng để khuyến khích).

1969. Ban thưởng biểu dương tiết phụ Trần Thị Nga người xã Lại Thế (thuộc huyện Phú Vang) Thừa Thiên (hạng bình).

1970. Tháng 5. Chuẩn y lời hội thương về những việc cần làm trong tiết Cộng chánh của Đại Pháp năm nay (Toàn quyền đại thần gởi điện văn nói quý quốc hiện đang dùng binh thì tiết Cộng chánh không thể để mất tinh thần yêu nước, hưởng hô hiện tại đại quân thanh thế lớn gấp mười lần, gặp ngày kỷ niệm của quốc gia mà không để người Nam cùng vui thì có chỗ không hợp lẽ. Nhưng quân lính của quý quốc bị thương cùng gia đình người bị chết rất nhiều, phạm việc vui chơi cá nhân của quan viên người Pháp nhất thiết đình bãi, nên chuẩn định ba khoản, một là duyệt binh, hai là diễn trò, ba là hội mừng chế tạo thành công đại bác miệng súng 75 phân Tây, chi phí đều như

năm trước bàn định. Lại bàn đặt đại bác trên tường thành kỳ đài đài Trấn Bình hướng về phía nam khai hỏa để hùng tráng quân thanh).

1971. Thương nhân người Pháp Mi Ra (1) xin thuê đất ở vườn Dữ Dã để trồng thử các loại hương thảo. Trú sứ Thừa Thiên tư xin cho thuê ba hạn (mỗi hạn ba năm, mỗi năm nộp 50 đồng), Phủ Phụ chính bàn nghĩ đất ấy trước đã chuẩn cho xã Dương Xuân lãnh tá, về sau hệ thứ năm của tôn thất xin trung nhưng qua bàn bạc vẫn không chuẩn, nay Trú sứ ở phủ quyết định cho thương nhân ấy thuê, duy đất ấy thuộc ngự viên, chỉ trồng những cây ăn trái, không nên trồng cây lớn để tiện lâm thời thu hồi thì tránh được trở ngại về sau, bèn chuẩn lời tâu bàn định khoán ước giao cho thương nhân ấy nhận làm (khoản 1: tất cả các sảnh đường mộ chỉ trong vườn đều phải theo lệ tôn kính không được vi phạm, còn những cây đã có trái cũng theo mùa trích hái cung tiến. Khoản 2: trong vườn phải giữ như cũ cùng cây cỏ gì dưới bóng râm nên trồng cũng nên trồng khắp. Khoản 3: tất cả trong vườn cùng những nơi khác, tương lai nếu bản triều có nghĩ định khoán nào, thì tuy trong hạn thuê 9 năm cũng phải nghe theo). Phiến tâu dâng lên, vua phê nói “Cho thuê một hạn” (về sau nhận được lời quý Tòa hội thương giao đơn kiện của xã Dương Xuân Hạ nói xã ấy và Lê Tô quản nhận đã lâu, hàng năm canh tác nộp thuế, nay trích giao cho người khác nhận tá, rất không công bằng, nên không chuẩn cho quý thương Mi Ra nhận tá nhưng tuân chiếu lời nghị chuẩn tháng 9 năm Đồng Khánh thứ 3 cho xã ấy và bọn Lê Cường lãnh canh. Tới như gia tộc ấy vào tháng 2 năm Thành Thái thứ 1 do phủ làm đơn xin nhận trung canh tác đóng thuế, xét ra không có chi dụ rõ ràng, nên do phủ bàn bạc thu lại. Còn lời chuẩn hiện nay về tiền thuê đất thì chiếu hiện giá thu xếp).

(1) Nguyên bản viết là “Mi Ra”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1972. Vua ở hành cung Thừa lương (cửa Tùng Luật) ban sắc sai đưa tới kim tiền (12 đồng), kim khánh (1 tấm hạng hai) để ban thưởng các viên nhân theo hầu chăm chỉ có công. Khâm sứ đại thần Charles bàn nói kim tiền kim khánh là trọng bảo của Nam triều, dùng để thưởng những quan viên quả thật có tài năng công lao, viên nào được ban thưởng xin chuẩn cho Phủ Phụ chính nghĩ bàn mới dâng phiến tâu lên xin chuẩn y để trọng danh khí mà làm rõ sự khác biệt trong việc ban thưởng.

1973. Bọn lưu dân Đặng Khắc Niệm thuộc Thủy Man phủ Thừa Thiên xin lập ấp Thủy Tân (bọn dân lưu ngụ ấy có 45 người sống trôi nổi trên mặt nước, vốn không có ruộng đất làm vốn, chuẩn trích 35 mẫu ruộng đất chưa vào sổ ở giáp Dưỡng Mông Hạ cấp cho để cày cấy cư trú, làm sổ chịu thuế), bọn Nguyễn Văn Tâm ở xã Cam Ranh tỉnh Khánh Hòa xin lập thôn Phú Bình (mộ đình được 15 người, khai khẩn thành ruộng 140 mẫu (1)), đều cho như lời xin.

(1) Nguyên bản chép như trên, nhưng đoạn “Nguyễn Văn Tâm ở xã Cam Ranh...” là lặp lại nội dung điều 1922*, ở đây chúng tôi vẫn tạm theo đúng nguyên bản.

1974. Ngày Bính thân (ngày 26) bắt đầu dựng lầu ngự ở nền cũ lầu Minh Viễn (quy chế do Tòa Công chính hoạch định, trước tiên vẽ ra bản đồ bàn bạc giao cho bộ Công bàn với Hội biện Hộ chính Ô Mễ (1) trích tiền lưu lại xây dựng, nhưng do quý quan Doanh thiện hội đồng đốc suất cai quản. Về sau đến ngày tháng 11 năm ấy hoàn thành, hội kiểm dâng phiến tâu lên, vua phê sai đặt tên là lầu Du Cừ, lại sắc cho bộ Công trừ tính chế tạo biển ngạch (khắc chữ “Du Cừ lầu”) để treo).

(1) Nguyên bản viết là “Ô Mễ”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1975. Tháng 6. Thi Hương ở Thanh Hóa, lấy Tham tri sung Toàn tu Quốc sử quán Lưu Đức Xứng sung Chủ khảo, Đốc học Quảng Nam Hồ Trung Lượng làm phó.

1976. Chuẩn cho Thái thường tự khanh sung Quảng giáo Quốc tử giám Nguyễn Hữu Mẫn thăng hàm Thượng thư bộ Lễ về hưu. Mẫn từng sự Hành nhân nhiều năm, lão thành luyện đạt, từng hai lần được phái theo sứ bộ qua Tây công cán, lại sung thị hầu chữ Pháp trong đại nội, về sau sung giáo chức, dạy dỗ sĩ tử, tán trợ tân học cũng có công lao, đặc chuẩn cho thăng hai trật trao hàm ấy để tỏ ý thể tất.

1977. Đổi phủ Hà Thanh tỉnh Hà Tĩnh làm huyện Kỳ Anh, huyện Thạch Hà làm phủ Thạch Hà. Huyện Thạch Hà đình điền sưu thuế nhiều hơn phủ Hà Thanh (huyện Thạch Hà có 7 tổng, đình số 9.232 người, tiền sưu 27.180 đồng, ruộng đất 39.717 mẫu, tiền thuế hơn 27.666 đồng. Phủ Hà Thanh có 4 tổng, đình số 4.942 người, tiền sưu 14.539 đồng, ruộng đất 22.262 mẫu, tiền thuế hơn 15.801 đồng). Lại ở tỉnh phòng giữ xử kiện nhiều việc quan trọng bận rộn, hiện so với Hà Thanh dân thuần việc ít tình thế khác nhau, tỉnh ấy thương lượng hội đồng với Công sứ ở tỉnh bàn bạc cũng hợp bèn tư về, bèn tâu Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành (huyện Thạch Hà đổi đặt làm phủ Thạch Hà, thống hạt hai huyện Cẩm Xuyên và Kỳ Anh, phủ Hà Thanh là huyện Kỳ Anh vẫn như cũ, việc thay đổi nhân viên dịch mục, chế cấp ấn kiểm do nha hữu quan chiếu lệ thi hành).

1978. Tổng đốc Bình Phú Đoàn Đình Duyệt tư nói binh ngạch của các xã thôn trong hạt ấy trước nay chưa có định số, hoặc đình điền ít mà binh tại ngũ nhiều, hoặc đình điền nhiều mà hiện binh tại ngũ ít, cùng các thôn vốn đã đầu mộ làm phu trạm hoặc lính lệ lại tăng điền bổ vào gián binh, lại có công điền ít, số binh đã đông mà còn tình

nguyên ứng mộ lính tập, trước đã có lời tư của Trú sứ cấp lương ruộng, xã dân không biết lấy đâu mà cấp, nhiều lần khiếu nại, tỉnh ấy cùng bàn định ở 7 phủ huyện 27 tổng, 708 thôn trong hạt trừ thôn nào đinh số 20 người trở xuống và không có công điền công thổ thì miễn điền bổ vào binh, còn thôn nào nhiều công điền mà đinh số ít, mỗi 20 người thì chia một phần công điền cho người làm binh, mỗi 20 người chia chịu ruộng binh 1 người, công điền ít mà đinh số nhiều, mỗi 30 người chia chịu ruộng binh 1 người (cứ 2 lính lệ trừ ruộng gián binh 1 người, cứ 3 phu trạm trừ ruộng gián binh 1 người), cộng hết toàn hạt thì binh ngạch có 2.500 người. Trờ đi thôn nào mới định binh ngạch còn ít mà hiện quân tại ngũ còn đông thì nên tạm lưu tại ngũ chờ khi thái hồi sẽ miễn điền bổ, thôn nào mới định binh ngạch nhiều mà hiện số quân tại ngũ ít thì sẽ lần lượt điền bổ, trong đó thôn nào đã đầu mộ lính lệ hoặc phu trạm thì miễn điền bổ binh ngạch khác. Tới như thôn dân tình nguyện đầu mộ vào hạng binh nào, vẫn xét binh ngạch ở thôn ấy nếu binh ngạch đã tuyển được đủ cũng cho đầu binh, nhưng không được dự cấp ruộng lương, chờ lúc khuyết điền bổ thay thế mới được nhận ruộng để làm rõ sự thống nhất.

Bộ Binh chiếu theo tra cứu thì quốc triều chọn binh hoặc 3 đình (Thừa Thiên và bốn tỉnh Hữu kỳ), 5 đình (Nam Kỳ), 7 đình (Tả kỳ, trung châu Bắc Kỳ), 10 đình (các tỉnh Tuyên Quang, Hưng Hóa, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn) lấy 1 binh làm lệ. Lại xét ngạch số gián binh các tỉnh ấy vào năm Tự Đức thứ 35 (kinh binh 8.475 người, tỉnh binh 2.596 người), đến năm Ất Dậu niên hiệu Đồng Khánh chuẩn đều chiếu nguyên số gián binh cũ, bất kể bỏ trốn, đã chết, về hưu, thái hồi và điều háo chưa từng điền bổ đều theo nguyên ngạch chuẩn miễn một nửa, còn một nửa nghiêm sức thôi thúc điền bổ phân phái, nhưng chiếu theo hiện tại binh đình đã giảm mà nguyên ngạch gián binh của tỉnh ấy có một nửa đưa vào kinh binh (4.200 người) đã qua dồn giảm, đến tháng 11 năm Duy Tân thứ 1 lại vâng lệnh san định dồn lại, vì kinh binh tỉnh ấy xa quê đều đã giảm hết mà số cơ binh lưu lại ở tỉnh cũng không còn bao nhiêu (cộng 294 người chia ban), như thế lấy gián binh mà nói thì binh ngạch của toàn tỉnh ấy tính cả lính tập lính trạm lính lệ hiện nay xin đều chiếu cho tùy xã thôn đình điền nhiều ít cấp cho phần ruộng lính (cộng 2.500 người), cũng là nhất thời tùy nghi tạm thu xếp để tiện cho dân, tạm cho theo đó mà làm. Nhưng về sau lâm thời quốc gia có việc gấp cần bao nhiêu quân thì số quân tỉnh ấy phải chiếu theo lời nghị chuẩn năm Đồng Khánh Ất Dậu giao đủ một nửa số ngạch gián binh. Trình ra hội thương duyệt y, tâu lên chuẩn cho sao ra tuân hành

1979. Chuẩn cho ba xã thôn Quảng Phú Tứ Chánh***, An Hà, Phú Thạnh (đều thuộc tổng Hưng Thạnh) phủ Thăng Bình Quảng Nam sáp nhập vào phủ Tam Kỳ (các xã thôn ấy tiếp giáp với phủ Tam Kỳ, lại bị ngăn cách bởi một con sông, bọn bất sinh dễ tụ họp, khi có án cướp lâm thời tập nã phải sức báo cho phủ Thăng Bình gia phái quan quân không khỏi chậm trễ nên đòi sáp nhập để tiện công vụ), ba xã Phong Niên, An Thọ, Tân An phủ Điện Bàn sáp nhập làm xã An Phong (vẫn thuộc tổng Phú Triêm. Ba xã ấy địa thế nối liền, nhân dân tình nguyện nên chuẩn cho hợp làm một xã lớn, đặt Chánh Phó Lý trưởng đều một người, Chánh Lý trưởng chọn người Phong Niên, An Thọ, Phó Lý trưởng chọn người Tân An).

1980. Dân ngụ cư ở phường Phương An (thuộc tổng Mai Lộc huyện Cam Lộ) tỉnh Quảng Trị là bọn Nguyễn Văn Cán xin lập phường Sơn Nam (đình 12 người, ruộng đất hơn 32 mẫu, đất hoang ở gò núi hơn 65 mẫu), cho như lời xin.

1981. Thương thọ dân 100 tuổi ở tỉnh Quảng Ngãi (Võ Văn Tâm 110 tuổi, Nguyễn Văn Tín 103 tuổi, Nguyễn Văn Đô*** 102 tuổi, chiếu lệ thường thọ dân Phạm Văn Loan (1) năm Duy Tân thứ 7 ân cấp 10 đồng, cho đều chế một tấm biển ngạch).

(1) Nguyên bản chép là “Nguyễn Văn Loan”, là “Phạm Văn Loan” bị chép lầm, đây đính lại như trên. Xem điều 1847.

1982*.** Đặt lại chức Huấn đạo ở Quý hương Thanh Hóa (Quý hương là ấp thang mộc, năm trước đặt chức Huấn đạo để giảng dạy nhưng đã tạm đình, đến lúc ấy đặt lại).

1983. Tòa Khâm sứ tư đệ nghị định của Thống sứ Bắc Kỳ về phép hạch phép thi của trường thi Hương Hà Nam năm ấy do Phủ Phụ chính tâu lên chuẩn sao ra cho thi hành (Phép hạch. Tháng 5 Nam lịch năm ấy (1915 Tây lịch) các tỉnh đều án kỳ hạch biện. Sĩ tử ứng hạch phải có bằng Khóa sinh, niên canh hạn trong vòng 40 tuổi, đề mục khảo hạch thì chữ Hán luận 1 đề luân lý hoặc văn chương chính trị, dùng kinh truyện ra đề, luận quốc ngữ 1 đề văn chương hoặc sử ký, chữ Pháp ám tả đơn giản 1 đề và dịch ra quốc ngữ. Điểm số từ 0 tới 20 điểm, ai mỗi kỳ không được 10 điểm và kể chung ba kỳ không tới 44 điểm thì không được dự hạng Thí sinh. Tới như kỳ chữ Pháp ít điểm cũng không đánh rớt, người dự hạch chiếu điểm số xếp vào loại trúng hạng, duy số được miễn suu là theo nguyên ngạch Thống sứ định cho các tỉnh, không được viện nghị định ngày 16. 11. 1906. Phép thi Hương. Ai vừa phúc hạch trúng Thí sinh và Tú tài, Ấm sinh mới được vào thi. Kỳ thứ nhất văn sách 4 bài, kỳ thứ hai văn quốc ngữ 3 đề, kỳ thứ ba chữ Pháp 2 đề, kỳ phúc hạch chữ Hán văn sách 1 bài, quốc ngữ luận 1 đề, đề mục cũng lấy luân lý văn chương chính trị, luật lệ sử ký địa dư toán pháp ra đề, việc chấm điểm cũng như kỳ khảo hạch. Duy kỳ phúc hạch không được 7 điểm thì đánh rớt, người điểm cao lấy làm Cử nhân, phải đủ số ngạch 30 người, còn lại xếp vào hạng Tú tài, phải đủ số ngạch 90 người).

1984. Bổ sung lời nghị chương trình Hậu bổ (khoản 1: thi tuyển vào trường thêm một đề làm văn chữ Pháp, nhưng ai không muốn cũng không ép. Khoản 2: sát hạch cuối năm bài thi viết phải dịch hai đề, bài thi văn

đáp cũng phải dịch miệng. Khoản 3: chương trình khảo hạch tốt nghiệp cũng như cũ, tăng thêm một đề cách trí và vấn đáp về luật lệ. Khoản 4: số sinh viên hạch tuyển vào trường phòng đình ban Chính trị 5 người, ban Giáo chức 14 người. Khoản 5: sinh viên chiêu theo học lực phân vào các ngành học không cần câu nệ có bằng cấp hay không nhưng phải học được hai năm ở trường mới cho tốt nghiệp. Khoản 6: trường này nguyên tên là Trường Hậu bổ, nay đổi làm Học đường Hậu bổ. Khoản 7: thầy giáo vốn gọi là Trợ giáo nay đổi là Kiểm giáo. Khoản 8: xây dựng sở Dục tài, sân thể thao, sân đua ngựa trong trường).

1985. Mùa thu, tháng 7. Đặt lại chức Bang biện ở Phủ Phụ chính (nguyên trước đặt Thương biện Bang biện đều 1 viên, tháng 10 năm Thành Thái thứ 9 chuẩn đặt Bang biện 2 viên, gần đây vì cắt giảm chỉ đặt Tham biện. Lúc bấy giờ giao thiệp bận rộn, phiên dịch rất cần bèn chuẩn đặt lại Bang biện 1 viên để dự bị sai phải, kể chọn Thị độc Thừa biện Nguyễn Hy sung vào chức ấy).

1986. Thi công trong đại nội, đào đất sau cửa Tường Loan để sửa chữa ống nước chạm phải hầm bạc, phái viên (bạn Lang trung bộ Công Nguyễn Văn Hiền, Kiểm biện Nguyễn Thuận Phát, Bang biện Trần Đình) lập tức đem việc trình lên. Bề tôi Phủ Phụ chính cùng Khâm sứ đại thần Charles cùng tới xem thấy dưới hầm gạch có hòm gỗ, hai đầu đều có đai sắt mục đứt, lộ ra bạc thối, biết là bạc trong đại nội, bèn bàn định phái ủy Tả Tôn khanh Ứng Huy, Tham tri bộ Hộ Hồng Khăng, Tham biện Phủ Phụ chính Đặng Ngọc Oánh, Quản biện Thị vệ Nguyễn Văn Liên, Thị lang bộ Công Phạm Hữu Điển hội đồng với Hội biện Lại chính Sa Tiên (1), Hội biện Hộ chính Ô Mễ (2) kiểm soát đốc thúc biên binh đào lên. Đến khi đào lên xong kiểm điểm có 60 hòm gỗ, 10.000 hốt bạc, 1 đồng kim tiền (khắc chữ “Phủ thọ đa nam”), 1 đồng tiền đồng đỏ (khắc chữ “Phủ thọ đa nam”), 28 đồng tiền đồng và một tấm bia đá trong hầm (trong khắc 16 chữ “Giáp ngọc cát nhật, Thập vạn bạch cầm (kim). Vĩnh cung quốc dụng, Thù cảm hoặc xâm – Giáp ngọc ngày tốt, Mười vạn bạc ròng. Lưu làm quốc dụng, Ai dám riêng lòng”). Bèn dâng phiến tâu tâu lên để vua rõ, kể vâng lời sắc trước mặt nghĩ định chia cấp số bạc đào được. Kể Khâm sứ đại thần Charles hội thương nói từ khi quý quốc dùng binh đến nay từng đội ơn ban tiền trong đại nội và quan viên trích tiền bổng giúp đỡ, nghĩ đã rất hậu. Duy hiện nay có bán trái phiếu quân dụng (3), nếu giao 20.000 đồng trong khoản bạc này và nhà nước xuất ra 50.000 đồng, cộng 70.000 đồng mua trái phiếu ấy thì ngày khác tiền gốc tiền lãi sẽ chiêu theo trả lại hết, đó cũng là một cách giúp đỡ binh phí. Còn nạn dân bị hạn lụt ở Bắc Kỳ, nghĩ nên cấp 10.000 đồng. Tới như các nhà thương, nhà thuốc phòng thuốc (4) ở Trung Kỳ chi phí vẫn còn dư dật, việc cấp cho 10.000 đồng xin đình lại. Còn lại số bạc bao nhiêu cứ do Phủ Nội vụ vào sổ lưu trữ sẽ nghĩ tiếp. Về sau vâng sắc trích số bạc ba vết trong hầm tiền riêng lưu lại để làm kỷ niệm. Phủ Phụ chính bàn chiếu số bạc ba vết ấy hiện có 10.000 hốt, tính thành tiền là 150.000 đồng, trong đó trừ 70.000 đồng mua trái phiếu và cấp cho nạn dân bị lụt ở Bắc Kỳ 10.000 đồng (cộng 80.000 đồng) nay xin trích 1.000 hốt kính dâng, vẫn do Phủ Nội vụ chứa riêng để chờ cần chi khoản nào xin sắc cho bề tôi ở phủ tuân theo bàn bạc sẽ lại tâu lên chuẩn sao ra cho thi hành. Về sau đến ngày 29 tháng 8 các phái viên trong đại nội thi công sửa chữa miệng ống nước chỗ cửa Tường Loan đào gạch lát nền lại chạm vào một phiến đá, ngẫu nhiên nhặt được một đồng tiền đồng hạng lớn, nghĩ là hầm chôn bạc, cũng lập tức trình lên bề tôi Phủ Phụ chính trước mặt tâu lên đưa vua tới xem, lại bàn với Khâm sứ đại thần Charles tới xem, bàn nghĩ đào lên. Phụng lời chuẩn y, bèn ủy cho hội đồng quý quan Nam quan lần trước phái sức binh đình đào lên, lấy được 1 đồng kim tiền (khắc chữ “Minh Mạng thông bảo”, trở xuống cũng thế) 1 đồng tiền đồng đỏ, 28 đồng tiền đồng, một tấm bia đá (trong khắc 16 chữ “Minh Mạng Giáp ngọc, Tàng thập vạn ngân. Quốc nô phát quỹ, Vĩnh tích trần trần” - Minh Mạng Giáp ngọc, Cát bạc trăm ngàn. Của nước không thiếu, Chết chửa muôn vạn) và 70 cái hòm gỗ, hội đồng mở ra kiểm điểm lại được 10.000 hốt bạc thối, cũng giao cho Phủ Nội vụ nhận giữ, dâng phiến tâu lên để vua rõ.

(1) Nguyên bản viết là “Ô Vĩnh”, ngờ là “Ô Mễ” bị chép lầm, đây đính lại như trên. Xem điều 1974.

(2) Nguyên bản viết là “Sa Tiên”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

(3) Nguyên bản chép là “Phóng trái binh phí chi”.

(4) Nguyên bản chép là “Thương gia, dược nhĩ gia ốc”.

1987. Trích các tổng và xã thôn huyện Hương Sơn Hà Tĩnh (Phụng Công, Nhân Thi, Hòa An, Mỹ Xuyên, Đồng Hòa, Đồng Lạc, Đồng Cường thuộc tổng Đồng Côn, thôn Huệ Ác thuộc tổng Dị Ác cùng Du Đồng, Đồng Văn, Chính Trung, Cẩm Trang, Lai Đồng, Văn Tân, Lãng Quang, Ngũ Khê thuộc tổng Du Đồng cộng 16 xã thôn) đổi lệ vào phủ Đức Thọ quản hạt (một hạt Hương Sơn địa thế khá rộng, hai bên là hai con sông lớn (một là sông Ngàn Phố, hai là sông Ngàn Sâu (1)), thôn xóm dân cư không được nối liền, huyện lỵ hiện dời tới đặt ở xã Phúc Dương tổng An Ấp ở bờ trái sông Ngàn Phố mà các tổng xã Đồng Công, Du Đồng đều ở bờ phải sông Ngàn Sâu, cách huyện nha tới hai con sông lớn, lại cách một dải núi cao, đường sá rất xa (hành trình tới 14 kilômétres (2)), còn tới phủ lỵ Đức Thọ không cách sông, đường sá lại gần (khoảng 7, 8 kilômétres) nên đổi sáp nhập để tiện công vụ).

(1) Nguyên bản chép là “Phố giang” và “Thâm giang”.

(2) Nguyên bản viết là “ky lô miệt”.

1988. Trích xã Bình An Nội (thuộc phủ Tam Kỳ) tỉnh Quảng Nam sáp nhập vào huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi (lệ vào tổng Bình Hà). Xã ấy địa thế nối liền với huyện Bình Sơn, xã dân cũng thuần tình sáp nhập nên trích sáp nhập.

1989. Thu thêm công suru của Man đình ở Kontum. Thuế Man đình hạt ấy vào tháng 11 năm Duy Tân thứ 4 (tức tháng 12. 1910 Tây lịch (1)) đã định thu mỗi đình công suru đồng niên 10 ngày, mỗi ngày 1 hào, ai muốn nạp tiền thay bao nhiêu ngày cũng cho. Đến lúc ấy Tòa Khâm sứ bàn nói Trú sứ tỉnh ấy trình xin tăng thêm thu mỗi ngày 2 hào để thuê mướn liệu lý việc xây dựng. Bề tôi Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành.

(1) Nguyên bản chép là “Tây niên nhất thiên cửu bách thập niên cửu nguyệt nhật” (tháng 9. 1910 năm Tây lịch), có chỗ vô lý, vì tháng 11 âm lịch năm Canh tuất Duy Tân thứ 4 là từ ngày 2 đến ngày 31. 12. 1910, đây đính lại như trên.

1990. Thân định thuế ngạch cho Man đình ở thượng du Quảng Ngãi (Khoản 1: mỗi tráng đình người Man đồng niên nạp 1 đồng là các khoản thuế đình điền, lại phụ nạp 10 ngày công ích (5 ngày làm việc cho quan, 5 ngày làm việc trong sách), như ai muốn nạp tiền thay bao nhiêu ngày cũng cho nhưng định là nạp mỗi ngày 2 hào. Khoản 2: dân Lào ngụ cư ở đất Man hiện có nhà cửa cũng nạp thuế như dân Man. Khoản 3: người Việt ngụ cư ở đất Man thì ngoài việc nạp thuế theo lời nghị riêng cũng phải tuân chiều theo đó nạp thuế. Khoản 4: Man đình ngụ cư ở thôn xóm người Việt chiều theo lệ thuế người Việt phụ nạp. Khoản 5: Man đình và người Việt cư trú ở đất Man đều có sổ bộ riêng. Khoản 6: ngạch binh Man đình cũng chiều lệ người Việt điền bổ). Thuế lệ binh ngạch ở Quảng Ngãi vào năm Thành Thái thứ 14 đã phụng lời nghị chuẩn sao ra cho thi hành, đến lúc ấy ở hạt Man ấy đất đai ngày càng khai phá, hộ khẩu ngày càng đông đúc, nên một phen chỉnh lý để tỏ rõ ý thương yêu mọi người như nhau mà tăng thêm thuế nước, bèn ban dụ cho thi hành.

1991. Tháng 8. Phủ Phụ chính tâu nói về khoản phụ nạp phần trăm thuế ruộng đất cùng nạp chuộc tiền công ích đã vâng chỉ chuẩn sao ra cho thi hành. Lần này hội thương Khâm sứ đại thần Charles nói trở đi thuế ruộng đất mỗi 100 đồng có phụ nạp 8 đồng, năm sau (1906 Tây lịch) nên chiều theo đó mà làm. Lại tiền công ích toàn hạt nạp chuộc mỗi ngày 2 hào, ngoài Phan Thiết phải nạp 5 hào là nên, chuẩn sao ra cho thi hành.

1992. Khâm sứ đại thần Charles bàn nói việc cấp phát bài chỉ để tiện thông hành vẫn chưa một phen quyết định, đến nỗi người muốn ra ngoài sinh nhai không được tự tiện, động tới là khiêu tố, dân nghèo khổ há có thể đặt ngòi chét dí trong phòng treo khánh (1), nghĩ nên đặt một loại giấy căn cước (giống như giấy thông hành), phàm nhân đình đã có giấy thuế thân muốn tới hạt nào thì mang theo giấy ấy, khỏi cấp giấy thông hành, ngoài ra như muốn tới các tỉnh ở Bắc Kỳ, Nam Kỳ, Cao Man, nước Lào làm ăn thì cấp một giấy thông hành riêng để tránh bị cật vấn. Giấy ấy lấy 6 tháng làm một hạn, phải có Lý trưởng nhận thực mới cho. Lại trên giấy ấy cũng có đóng dấu của Công sứ xác nhận, việc nạp tiền chỉ định 25 xu là hợp. Phủ Phụ chính cho rằng việc ấy là hoạch định tiện cho dân nghèo buôn bán đi lại bèn tâu lên, chuẩn sao ra cho các nơi thi hành.

(1) *Ngòi chét dí trong phòng treo khánh:* nguyên văn là “khởi khả trí tọa khôn đình (đình = dân đình) huyền khánh thất trung”, có chỗ tối nghĩa, ngờ là “khởi khả trí tọa khôn vu (vu = trong) huyền khánh thất trung” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên. “Huyền khánh thất trung” lấy ý câu trong *Quốc ngữ, Lỗ ngữ thượng* “Thất như huyền khánh, dã vô thanh thảo, hà thị nhi bất khủng” (Nhà như khánh treo, đồng không cỏ mọc, cây vào cái gì mà không sợ), chỉ việc trong nhà thiếu thốn.

1993. Tòa Khâm sứ đệ giao điện văn của Thượng thư bộ Thuộc địa gởi tới cảm tạ thịnh tình của Nam triều và Nghị viện nhân dân các xứ Đông Dương xa gần hâm mộ tin tưởng nước Đại Pháp. Thư đại lược nói sơ dĩ nước Pháp được tin tưởng hâm mộ như thế là vì quân Pháp vốn nổi tiếng dũng cảm mạnh mẽ, trước nay ra trận đối địch không ai không nghĩ hăng hái xông lên để giữ gìn danh tiếng hiển hách của quân đội ngày trước. Đến lúc ấy ruổi dài tiền tuyến, quân Đức phải thua chạy, theo điện văn mấy ngày gần đây thì ngoài số đại bác và quân lương khí giới bắt được rất nhiều, hiện quân giặc bị thương bị chết hoặc bị bắt sống có tới ba đại đội. Quý đại thần nghĩ các sắc thân dân ở Đông Dương trước nay nhiệt thành tin yêu nước Pháp đã lâu, hôm nay được tin báo tiếp như thế ắt có thể nhảy nhót đồng tình, càng thêm mừng rỡ khôn xiết. Phủ Phụ chính dâng phiến tâu lên để vua rõ, lại xin làm thư cảm tạ để đôn đốc tình nghị.

1994. Chuẩn cấp tiền (150 đồng) tu bổ đền thờ Lạng Giang quận công (Lạng Giang quận công Tôn Thất Hội là công thần trung hưng, huân vọng rõ rệt, từ đường nguyên ở xã Xuân Hòa, gần đây dời tới dựng ở ấp Xuân An, lâu ngày hư hỏng, đến lúc ấy tăng tôn là Tổng đốc Bình Phú hưu trí Tôn Thất Đạm trình lên xin ân cấp tu bổ. Bộ Công đề đạt xin cho, nên chuẩn trích ngân khoản dự trù về việc tu bổ cấp cho).

1995. Bổ sung lời nghị về chương trình Quốc tử giám (Khoản 1: Sinh viên năm đầu quá 26 tuổi không được nhập học. Cử nhân hơn 26 tuổi không được vào Giám nhưng ai hơi thông chữ Pháp thì 28 tuổi cũng cho. Khoản 2: năm thứ hai năm thứ ba hiện giảng dạy bằng tiếng Nam, năm sau sẽ đổi giảng dạy bằng tiếng Pháp. Khoản 3: chọn Tôn sinh cho vào ngạch sinh viên trường Đốc học ở các phủ tỉnh (phủ Thừa Thiên 20 người, tỉnh ngoài mỗi tỉnh 3 người), chỉ học bổng cho học tập, mỗi tháng đều cấp 3 đồng. Khoản 4: xây thêm sở Dục tài và tu

bổ các trường học, trích tiền còn thừa chi biện. Khoản 5: nguyên số sinh viên là 160 người, nay chức lượng giảm ngạch, hiện còn 20 Cử nhân, 25 Tôn sinh, 60 Âm sinh, 15 Học sinh trường Giám, tổng cộng 120 người, cho ở lại trong sở Dục tài học tập. Khoản 6: giáo pháp bài giảng nên do quý Chương giáo Đê Lê Ty (1) chỉ thị quy thức, quý giáo sư Lê Bá Dị (2) kiểm tra điều khoản giảng dạy hiện hành. Khoản 7: ngân sách nhà Giám năm sau cộng tất cả 16.515 đồng, so với năm nay thì tăng 500 đồng. Khoản 8: phạm Cử nhân ở Giám tuổi cao xin về thi cho do bộ căn cứ vào hồ sơ bổ dụng).

- (1) Nguyên bản viết là “Đê Lê Ty”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.
(2) Nguyên bản viết là “Lê Bá Dị”, chúng tôi chưa tìm hiểu được nguyên danh tiếng Pháp.

1996. Bộ Hình tâu nói lời nghị về khoản nạp chuộc năm Thành Thái thứ 15 nghị định người già, trẻ em, người tàn phế và phụ nữ nghèo khổ không có sức rất có sai biệt, ví dụ tráng đinh quân nhân phạm tội đánh 50 roi nạp tiền chuộc 15 đồng còn người già, trẻ em, người tàn phế và phụ nữ nghèo khổ không có sức cho thu tiền chuộc 2 đồng thấy đã ổn thỏa, duy khoản ai không có sức thì bắt giam thì lời nghị năm Duy Tân thứ 2 chưa có phân biệt, nếu cứ nhất khái chiếu lệ bắt họ về giam thì không khác gì tráng đinh quân nhân. Loại người ấy phần nhiều bệnh tật yếu ớt không kham nổi việc sai dịch, nếu giam giữ lâu ngày thì không lấy gì tỏ ra thương xót trong việc dùng hình phạt mà còn tăng thêm phí tổn. Xin trở đi người già, trẻ em, người tàn phế và phụ nữ nghèo khổ không có sức phạm tội đánh roi đánh trượng mà không nạp nổi thì phạm tội đánh 10 roi chiết tính đổi thành giam 5 ngày, đánh 20 roi chiết tính đổi thành giam 10 ngày, đánh 30 roi chiết tính đổi thành giam 15 ngày, đánh 40 roi chiết tính đổi thành giam 20 ngày, đánh 50 roi chiết tính đổi thành giam 1 tháng, phạm tội đánh 60 trượng chiết tính đổi thành giam 1 tháng rưỡi, đánh 70 trượng chiết tính đổi thành giam 2 tháng, đánh 80 trượng chiết tính đổi thành giam 2 tháng rưỡi, đánh 90 trượng chiết tính đổi thành giam 3 tháng, đánh 100 trượng chiết tính đổi thành giam 4 tháng để có định hạn mà tiện tuân theo. Tới như phạm các tội từ khổ sai đi đày trở lên đều cho chuộc, nếu không chuộc nổi thì chiếu án bắt giam, gặp ngày khánh tiết do quan tỉnh tư xin giảm án phóng thích để tỏ ý thể tuất. Chuẩn sao ra cho các địa phương nhất loạt tuân hành.

1997. Tháng 9. Bổ sung lời nghị về lệ quan viên hưu trí (Khoản 1: tháng giêng năm sau (năm 1916 (1) Tây lịch) vẫn giai từ Tòng Bát phẩm tới Tòng Cửu phẩm (trở xuống cũng thế) (2) cùng Thư lại Thông lại chưa có phẩm hàm, vũ giai từ Tòng Thất phẩm tới Tòng Cửu phẩm cùng Lại mục thí sai đều được dự nhận hưu bổng. Tới như Dịch mục, Dịch thừa các dịch trạm và những lính cơ có phẩm hàm hiện được chi lương không trong lệ về hưu, ai dự vào lệ được hưu bổng thì trích lại lương tháng 5% nhưng niên lệ phải đủ mới được chi cấp hưu bổng. Khoản 2: tiền hưu bổng trong ngân sách Nam triều 4 phần nay giảm còn 3 phần. Khoản 3: quan viên hưu được 5 năm hoặc trong 5 năm về hưu không có hưu bổng sẽ nghĩ trợ cấp cho hưu bổng 1 tháng, từ 5 năm tới 10 năm trợ cấp 2 tháng, từ 10 năm trở lên trợ cấp 3 tháng, sẽ trích riêng tiền kho hưu trí để chi. Khoản 4: khoản tiền trợ cấp ấy chỉ cấp cho các quan viên dự lệ được hưởng tiền hưu bổng mà thôi. Khoản 5: người đã dự nhận hưu bổng mà bất hạnh qua đời thì trích tiền kho hưu trí cấp cho tiền tuất).

- (1) Nguyên bản chép là “Tây nhất thiên cửu lục bách lục niên”, là “Tây nhất thiên cửu bách thập lục niên” bị chép lầm, đây đính lại như trên.
(2) Nguyên bản chép là “dĩ thượng”, là “dĩ hạ” bị chép lầm, đây đính lại như trên.

1998. Thái tử Thiếu bảo nguyên Tổng đốc Hải Dương Thư Vũ Hiến điện đại học sĩ Phú Hoàn tử hưu trí Lê Hoan chết. Hoan trải làm quan các tỉnh Bắc Kỳ, rất có công lao, đánh dẹp Đê Thám lập được quân công, lúc chết người ta đau xót, Thống sứ đại thần cũng đích thân tới đọc lời ai điếu.

1999. Chuẩn cho Tổng đốc Nam Ngãi Tạ Tương thăng hàm Hiệp biện đại học sĩ hưu trí. Tương (người Quảng Ngãi) khoa giáp xuất thân, trải làm quan trong ngoài, từng sung nhung vụ, dự trải gian lao, đến lúc ấy đến tuổi về hưu, nên chuẩn thăng cho hàm ấy.

2000. Chuẩn cho Hình khoa kiêm Công khoa Chương ân Ngô Hoán thăng hàm Quang lộc tự khanh hưu trí. Hoán khoa mục xuất thân, trải làm quan ở phủ huyện, bình dị gần dân, sau sung chức ở Giám viện làm việc đều được ổn thỏa chu tất, đến lúc ấy đến tuổi về hưu, đặc chuẩn thăng hàm cho về hưu để tỏ rõ ý thể tất.

2001. Gió bão nổi lớn, mưa to nước lụt. Sắc cho bộ Lễ phái ủy đường quan thuộc viên chia nhau tới các tôn điện hội đồng kiểm điểm trừ tính việc tu bổ.

2002. Giảm bớt ngạch Tự thừa Lễ sinh ở phủ tỉnh (người đến hạn và già yếu cho về hưu, người khỏe mạnh do bộ Lại chức lượng bỏ vào các ngạch Tự thừa Lễ sinh, cấp cho nguyệt bổng, lại bổ thêm nhân viên Trợ giáo. Trước đây công vụ Nha Học chính chuyên giao cho các viên Trợ giáo giúp đỡ, việc tế tự tán xướng chuyên giao cho Lễ tào kiêm biện, tới như việc phái các viên Phụ giáo gần đây thì đình bãi).

2003. Mùa đông, tháng 10. Sai Toàn quyền đại thần Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hình Phủ Quang tử Tôn Thất Hân tới Hà Thành hội nghị cùng đệ sắc thư thăm hỏi Toàn quyền đại thần.

2004. Chuẩn phái người biên tập sách *Trung Việt được tính*. Lúc đầu là Khâm sứ đại thần Charles gửi thư nói các loại được phẩm và tên gọi mà Trung Quốc và Việt Nam sử dụng, vị nào chữa chứng nào, phân lượng thể

nào nên do Thái y viện tra cứu kê ra biên tập đệ lên, đây là việc mà đại thần Thượng thư bộ Thuộc địa tư qua sai làm, rất có lợi ích. Phủ Phụ chính bàn bạc thấy các loại dược tài rất phong phú phức tạp, lại các vị thuốc Nam trước nay chưa được biên tập thành sách, việc phân biệt tính chất và kê cứu sử dụng cùng tục danh rất phức tạp, mà Thái y viện chỉ có ba người, đều là hàm thấp tài ít, nếu ủy cho khảo cứu nghĩ khó mà chu toàn, lại chậm trễ ngày giờ. Bèn xem xét lấy Ngự y Thái y viện đã về hưu là Phan Thái (thông hiểu lão luyện), Thị độc Nội các Lê Trinh (hỏi biết y học) và Tú tài Công sinh Đinh Nho Chấn (nổi tiếng về nghề y) phái sung vào Hội đồng khảo cứu biên soạn, lại do Phủ chính đại thần Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Lễ Huỳnh Côn (Mỹ Hòa tử) thường xuyên kiểm tra đôn đốc để chăm chỉ làm việc. Tờ tâu dâng lên, chuẩn sao ra cho thi hành.

2005. Trường Hà Nam thi Hương, lấy Tham tri bộ Lại Trần Trạ sung Chủ khảo, Bồi chánh Nghệ An Nguyễn Khoa Tân làm phó (Giám khảo là Đốc học Thanh Hóa Nguyễn Đức Lý, Đề tuyển là Lang trung bộ Công Nguyễn Văn Hiền, Giám sát là Ngự sử Tả Trực Tôn Thất Uyển theo làm việc trường vụ).

2006. Năm ấy thi Hương, quan trường Thừa Thiên, Bình Định, Thanh Hóa chấm bài có sơ suất làm lẫn (trường Thừa Thiên, quyển thi của Cử nhân Nguyễn Thúc ngoại trường chấm điểm son, chỗ phúc khảo lại phê riêng 10 điểm, quyển thi của Tú tài Hồ Đắc Uyên thi Sơ khảo Hồ Sĩ Đạo đổi làm 10 điểm, cùng hai trường Bình Định, Thanh Hóa có những quyển sót chữ đề bài mà quan trường không kiểm tra trích ra), bị hội đồng (bộ Học, Nội các, Đô sát) duyệt lại trích ra, chuẩn đều truyền chỉ thân sức một lần. Duy trường Nghệ An và Hà Nam đều theo như quan trường đã nghĩ.

2007. Chuẩn thay đổi sáp nhập đặt thêm các xã thôn ở huyện Đại Lộc tỉnh Quảng Nam (thay đổi sáp nhập 6 xã thôn (trở xuống cũng thế) châu Phước Lộc sáp nhập vào châu mới Hòa Mỹ, thôn Phước Vinh sáp nhập vào xã Khương Mỹ, xã Giạm Hạnh sáp nhập vào thôn Cư Nhơn, xã Nhơn Liên sáp nhập vào xã Tiên Sơn Tây, thôn An Châu sáp nhập vào xã Đông An, xã An Hoài sáp nhập vào xã Đại An. Đặt thêm 16 xã thôn (trở xuống cũng thế) là thôn Cư Nhơn, xã Thuận An, thôn Trung Đạo, xã Tân Đại, ấp An Thới, thôn An Điềm, xã Long Phú, châu Hà Dục Trung, châu Mỹ Trạch, châu An, thôn Tân Thừa Hòa, châu Hòa Mỹ Trung, châu Phước Nhơn, xã Hải Châu, châu Thúy La, châu Mỹ Tân. Các xã thôn ấy nguyên định số không đầy 10 người nay tăng thêm cho đủ, vẫn lấy tên như cũ). Các xã thôn ở huyện Đại Lộc phần nhiều chỉ có năm bảy nhân đinh, ruộng đất cũng không có bao nhiêu, làm thời sai dịch điều bát phiền phức, Trú sứ tỉnh ấy bàn chiếu theo địa thế dân tình thu xếp cho tiện công vụ. Bộ Hộ tâu lên chuẩn sao ra cho thi hành.

2008. Bề tôi Quốc sử quán tâu xin biên tập điều lệ của bộ Học (nguyên trước chưa đặt) và của Quốc sử quán (nguyên trước chưa biên tập) để dự bị kê cứu, cho như lời xin.

2009. Tháng 11. Sai in cấp kinh truyện rút gọn cấp cho các trường học trong kinh ngoài tỉnh (năm trước phái người biên tập, đến lúc ấy đã khắc ván xong, bề tôi Quốc sử quán xin in cấp để giảng dạy nên có mệnh ấy).

2010. Chuẩn trở đi phạm quan văn võ Nhất phẩm Nhị phẩm đội ơn được phong tặng gia tặng hai ba đời cứ đến các năm Thìn Tuất Sửu Mùi thì chiếu lệ tiến hành. Lúc bấy giờ bề tôi Đô sát viện tư nói ân quan văn võ đội ơn được phong tặng gia tặng đã lần lượt có lời nghị chuẩn (năm Gia Long thứ 3 chuẩn Tùng Nhất phẩm được phong tặng ba đời, Chánh Tùng Nhị phẩm được phong tặng hai đời, Chánh Tùng Tam phẩm được phong tặng một đời, nếu có công huân chính tích phải chờ ban dụ mới được ban định phong cho. Ngày tháng 10 năm Tự Đức thứ 17 phê chuẩn sau khi đã phong tặng lại được thăng trật thì chiếu hàm gia phong nhưng phải lưu lại chờ đến năm có việc vui mừng ban ơn, những người chưa kịp dự ban ơn hoặc chết hoặc về hưu nhưng không có tội gì cũng chuẩn cho được truy phong. Tháng 5 nhuận năm thứ 18 phê định lấy hiện hàm cuối các năm Thìn Tuất Sửu Mùi làm chuẩn. Tháng 12 năm Thành Thái thứ 13 bộ Lại nghị chuẩn cha mẹ ân quan ban văn được phong tặng gia tặng nếu gặp các năm Thìn Tuất Sửu Mùi cũng chiếu lệ phong tặng, nếu về sau lại thăng trật sẽ lại xin gia phong), thật đã chu đáo tường tất thận trọng. Duy ân quan Nhất phẩm Nhị phẩm tuy theo lệ được tặng hai ba đời nhưng phải chờ đến năm có việc vui mừng, nếu phụng lời chuẩn thi hành thì mười năm một lần, kéo dài ngày tháng, nghĩ tâm lòng muốn kịp thời làm vinh hiển cha mẹ của kẻ thần tử có chỗ chưa yên. Xin trở đi gặp các năm Thìn Tuất Sửu Mùi cứ chiếu lệ tiến hành để an ủi hồn thiêng (1) mà làm rõ sự sùng ái đặc biệt. Phủ Phụ chính tâu lên, cho như lời tâu.

(1) Nguyên bản chép là “dĩ ủy tiêm ủy”, là “dĩ ủy tiêm linh” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

2011. Chuẩn cho các xã thôn ở huyện Yên Thành tỉnh Nghệ An (10 xã thôn An Lăng, Hội Tâm, Kim Mai, Bàu Vạn, An Lại, Tiên Nông, Vạn An, Hiệp Hòa, Thọ Lão, An Mỹ, vốn đều thuộc tổng Vân Tự) lập riêng thành tổng An Lăng sáp nhập vào phủ Anh Sơn, là chức lượng theo địa thế và theo ý dân mong muốn.

2012. Đặt Thổ huyện Sơn Hà ở tỉnh Quảng Ngãi (tại Lang Đê (1) thuộc huyện Sơn Tịnh, quan lại dùng người bản địa gồm 1 Tri huyện, 1 Trợ giáo, 2 Thông lại, 1 Lệ mục và 10 người lính để tiện việc phòng bị quản trị).

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm.

2013. Tháng 12. Bề tôi Phủ Phụ chính tâu nói hiện nay nước Đại Pháp dùng binh, các nước bạn bè như Ấn Độ ở châu Á, Sénégal (1) ở châu Phi đều cấp quân giúp đỡ. Bản quốc cùng quý quốc tình nghĩa rất dày, đã nhiều lần quyên góp tiền bạc giúp đỡ để làm rõ nghĩa đau ngựa có nhau, còn như một điều trợ chiến thì chưa nghĩ tới.

Gần đây Khâm sứ đại thần Charles bàn nói xin nên yết thị khắp các phủ tỉnh cho đều tuân lệnh mộ lính từng chinh để ra sức vì nghĩa, lại viết sẵn chỉ dụ cùng điều khoản xin chuẩn sao ra cho thi hành. Vua phê nói “Được”, bèn ban dụ nói “Nước ta và nước Đại Pháp hòa hiếu đã lâu. Trước kia khi Thế tổ Cao hoàng đế ta bình giặc Huệ Nhạc thì có Pigneau quận công Béhaine bày mưu vạch kế, bọn Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Văn Chân quản lãnh chiến thuyền, công lao rõ ràng người đều nghe thấy. Từ khi nhận quý quốc Bảo hộ trở đi nước ta quân binh nhàn rỗi, giặc cướp im hơi, chính trị ngày càng canh tân, văn minh ngày càng tấn tới, đều là nhờ công sức giúp đỡ chỉ bảo dạy dỗ của quý Bảo hộ. Hiện nay giặc Phổ nảy dạ sói lang, cây tài lừa ngựa (2), coi thường công pháp, dám chống đại bang, không những liệt cường châu Âu đồng tâm tiêu trừ nghịch bạo mà các nước hữu nghị như Ấn Độ ở châu Á, Sénégal ở châu Phi cùng các xứ ở Đông Dương cũng đều đem quân tới giúp, nghĩa vụ đương nhiên ai ai cũng công nhận. Nước ta và quý quốc vốn vẫn tin yêu nhau, tình nghị rất mật thiết, đã nhiều lần quyên góp tiền bạc giúp đỡ Hội Chữ Thập đỏ để tỏ nghĩa đau ngựa có nhau, trong đó một khoản Trung Kỳ mộ quân trợ chiến cũng nên nghĩ tới để thể hiện nhiệt thành. Và lại người Nam vốn có tiếng hùng nghị trung dũng, cảm kích ơn sâu của Bảo hộ thì ý nghị khảng khái đồng cừu rất nặng vậy. Nhân sĩ quân dân đều nên hăng hái đem thân gánh việc, vì nước từng quân, ôm ấp hùng tâm địch khái, thi triển tráng chí bình sinh, khiến cho trên chiến trường lớn ở châu Âu có bọn thiếu niên khỏe mạnh nước ta hăm hở nhảy nhót trong hàng ngũ những người mang giáp bên cầm gươm sắc, há chẳng rất quang vinh sao! Ngày khác nghịch tặc đã dẹp, chiến sự đã xong, ghi công ban thưởng, không những triều đình tự có cách ưu đãi khác thường mà tên họ thanh danh ở đô thành Paris cũng lưu lại một kỷ niệm về quân đội nước Nam ta, nghĩ chẳng lớn lao sao! Các điều khoản vốn có kể ra sau đây (Khoản 1: ai tình nguyện đầu mộ thì làm đơn với quan địa phương hoặc quý Trú sứ, sẽ có hội đồng sức khỏe (3) khám tuyên, nếu được trúng tuyển trước tiên cấp thưởng 200 quan tiền Tây, thành tiền khoảng 80 đồng. Khoản 2: lúc từng quân (4) sẽ chiêu lệ cấp binh lương, còn vợ con người thân ở nhà được lãnh lương chi cấp hàng tháng. Khoản 3: nếu gặp việc bất hạnh mất mạng thì vợ con và người thân được dự hưởng tiền hu, nhưng trước đó tạm cấp 120 quan tiền Tây, thành tiền 50 đồng, chờ ngày định rõ số hu bổng sẽ cho theo kỳ nhận lãnh. Khoản 4: những người ứng mộ đều được miễn sai dịch như binh ngạch bản triều, nếu lập được quân công và từng chinh lâu ngày thì ngoài việc quý quốc sẽ nghĩ cách ban thưởng, bản triều cũng sẽ ban cho phẩm hàm. Nếu bất hạnh mất mạng sẽ truy tặng phẩm hàm và ban nhiều ấm cho con trai hoặc em trai cháu trai một người”).

(1) Nguyên bản viết là “Xê Nê Gan”.

(2) *Cây tài lừa ngựa*: nguyên văn là “Kiềm lư sính kỹ”. Liễu Tôn Nguyên, *Tam giới chép đất* Kiềm không có lừa, có người hiểu sự chờ một con lừa tới thả vào rừng. Cọp nhìn thấy hình dáng to lớn sợ lắm, ngờ là thần. Một hôm lừa hí, tiếng nghe vang rền, cọp càng sợ. Nhưng lâu ngày cọp quen dần, mon men tới gần trêu chọc, lừa nổi giận co chân đá. Cọp mừng rỡ nói “Té ra tài nghệ cũng chỉ có thế”, bèn xông vào cắn cổ giết chết lừa, ăn hết thịt rồi bỏ đi. Văn chương xưa thường dùng điển “Kiềm lư chi kỹ” (tài nghệ của con lừa đất Điền) chỉ kẻ tài năng tầm thường, đây ý nói quân Đức không có tài năng gì.

(3) Nguyên bản chép là “Vệ sinh hội hội đồng”.

(4) Nguyên bản chép là “tùng từng chi thời”, là “tùng quân chi thời” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên.

2014. Thụ Hiệp biện đại học sĩ lãnh Tổng đốc Nam Định Đoàn Triển dâng sớ xin về hưu (sớ đại lược nói “Thần làm quan liên tục 26 năm, đến nay đã 62 tuổi, sức khỏe đã suy, tự lượng khó kham nổi việc sai phái, đã mấy lần viện lệ xin nghỉ. Tháng trước xong việc trường thi, đội ơn Toàn quyền đại thần ưng thuận ngựa già trâu bệnh bỏ cho gánh nặng, chí nguyện bình sinh mừng được an ủi rất nhiều. Năm trước lạm dự lời bàn công cử, đội ơn được tới kinh chiêm cận, trong vòng tuần nhật ân sủng chong chất, sau khi bệ từ, Quân thiên đại đức (1) vẫn thường trong giấc mộng. Nay được cho về làng, nhìn về đình đài phương nam khôn xiết quuyến luyến, còn mong sức khỏe ngày càng khang cường, học vấn ngày càng tấn tới để giữ gìn cục diện hòa bình, tạo phúc cho thần dân trong thiên hạ, tuổi thừa được rong chơi dưới cảnh trời quang nắng sáng thì khôn xiết mừng vui may mắn” vân vân). Sớ dâng vào, vua phê nói “Tự biết chức phận thần tử của quốc gia, hay lắm”, đặc chuẩn gia hàm Thái tử Thiếu bảo để tỏ rõ ý ưu đãi thể thiệp (Phủ Phụ chính vì Tổng đốc Đoàn Triển vốn có danh vọng, từng gánh vác việc ngoại khốn lại sung việc quân, đối với nước nhà thật có công lao nên tâu xin chuẩn cho gia hàm ấy).

(1) *Quân thiên đại đức*: *Quân thiên* là một trong cửu thiên theo quan niệm thiên văn xưa. *Lữ thị Xuân thu*, *Hữu thủy* chép “Trung ương gọi là quân thiên... (Chú: quân là cân bằng, làm chủ bốn phương, nên gọi là quân thiên)”, *đại đức* nguyên văn là “quảng lạc”, chỉ đức lớn rộng rãi khoan hồng, đây đều chỉ vua Thành Thái.

2015. Phụ chính đại thần Vũ Hiên điện đại học sĩ quản lãnh bộ Lại Hiền Lương hầu Trương Như Cương vì tuổi quá 70 xin miễn theo ban quỳ lạy lúc ra triều, cho như lời xin (mỗi khi đến kỳ triều hạ chuẩn cho mặc thịnh phục, miễn việc quỳ lạy).

2016. Chọn trường nữ của kiêm Thụ Thượng thư bộ Lễ sung Giáo đạo Mai Khắc Đôn là Mai Thị Vàng (1) tiến vào nội cung. Lúc đầu là hai cung ban ý chỉ nói tuổi tác đức nghiệp của vua đều đã trưởng thành, đã chọn tuyển Mai Bá thị phong tư nét na có thể xứng đáng, sai hữu ty soạn nghi thức chọn ngày tốt tiến vào nội cung để

sung việc hầu hạ. Phủ Tôn nhân và bộ Lễ tham chước kính nghĩ những việc cần làm, kính phụng chuẩn cho lấy ngày ngưng ra lầu mới cử hành.

(1) Nguyên bản viết bằng chữ Nôm “kim + hoàng”.

Quyển 29

2017. Năm Bính thìn Duy Tân thứ 10 (1916 Tây lịch). Mùa xuân, tháng giêng. Toàn quyền đại thần Roume tới kinh, sai hoàng thân công Bửu Tấn, đại thần phủ Phụ chính Trương Như Cương, Nguyễn Hữu Bài và Khâm sứ đại thần tới tỉnh Thanh Hóa đón tiếp.

2018. Chuẩn cho lấy khoảnh đất rộng trước trường thi Hương và trường thi trong kinh thành làm nơi tạm trú tập luyện cho lính mới mộ. Kỳ thi Hội năm ấy đình lại, đến tháng 5 mới vào trường.

2019. Định thể lệ mộ lính thợ cùng lương và các khoản khác cấp cho lính thợ gần như nhau (tháng 12 năm trước (1) đã chuẩn định lệ mộ lính), lúc bấy giờ Toàn quyền đại thần tới kinh bàn tới chuyện ấy, kể tâu lên chuẩn cho thi hành.

(1) Nguyên bản chép là “Bản niên thập nhị nguyệt”, là “Khứ niên thập nhị nguyệt” bị chép lầm, đây đính lại và dịch như trên. Xem điều 2013.

2020. Bộ Lễ theo lệ tâu về nhật kỳ ngự giá du xuân, vua phê sau phiên tấu nói “Hôm ấy trầm sẽ mặc vũ phục cưới ngựa du xuân”. Bề tôi ở bộ đem lệ trước nay tâu lại xin vua mặc thịnh phục (khăn áo màu vàng), vua theo như lời tâu.

2021. Bộ Binh tâu nói lính mộ mới tuyển qua nước Đại Pháp từng chinh, trong đó như có dân ngoại tịch tình nguyện cũng cho ứng mộ, lại do hào lý kết nhận, đều miễn tội lậu đình. Quan quân các vệ ở kinh và cơ binh các tỉnh có ai tình nguyện từng chinh thì không thể giống như lính mới mộ, về tiền thưởng lương bổng cùng tiền trợ cấp cho vợ con trừ khoản do quan Đại Pháp chiêu lệ cấp phát, còn khẩu phần ruộng lương vẫn do vợ con người ấy nhận cày cấy, cũng vẫn kể vào binh ngạch như cũ. Tới như công vụ thì phái ban binh khác sung thay, khi nào công phái thanh toán trở về sẽ nghĩ thưởng riêng, vua cho lời tâu ấy là phải.

2022. Chuẩn đặt một dịch trạm ở Thổ huyện Sơn Hà (thuộc tỉnh Quảng Ngãi) để tiện việc chuyển phát (vì huyện mới đặt, công vụ hơi bận rộn).

2023. Đặt trường công học ở phủ Trương Dương (trước đã đặt Giáo bổ, đến năm Thành Thái thứ 13 vì học trò thừa thớt tạm đình, đến lúc ấy quan tỉnh Nghệ An xin đặt lại), lại chọn một thầy giáo cấp lương cho dạy học.

2024. Định chương trình Tiểu học (tất cả ba khoản. Một là học trò Tiểu học do các viên Giáo Huấn chuyên trách, cho học trò vào học hoặc xét thải hồi nhưng phải trình với Đốc học. Hai là các viên Giáo Huấn phải chiếu theo điều khoản chương trình Ấu học tra kiểm các trường Ấu học trong hạt. Ba là các viên Giáo Huấn đều phải theo chương trình đã định, thường xuyên chỉnh đốn học vụ trong trường).

2025. Chính lý chương trình trường Hậu bổ. Lúc đầu là định Tiến sĩ Phó bảng đều được học tập ở trường ấy, nhưng trong đó có người lớn tuổi không biết chữ quốc ngữ, cũng chưa học hiểu chữ Pháp, có cho miễn cưỡng vào học cũng không ích lợi bao nhiêu, đã qua hội đồng kiểm sát nghĩ trình bèn đình lại. Trở đi có ai muốn học ắt phải sát hạch chữ quốc ngữ và chữ Pháp, nếu dự trúng mới được vào học. Người tốt nghiệp sẽ nghĩ bổ quan trước, còn người không muốn học thì cho do các bộ nha bổ dụng.

2026. Tháng 2. Đình việc biểu dương quý Phụ đạo Ebrérhardt hàm Thiếu sự. Lúc đầu là vua ban sắc trước mặt chuẩn gia hàm ấy cho quý Phụ đạo cùng chế cấp bài ngà bội bài để trọng đạo tôn sư. Phủ Phụ chính đưa việc ra bàn, Tòa Khâm sứ chuyên bàn với quý Phụ đạo, kể trả lời xin từ chối. Phủ Phụ chính tâu lên, sao nguyên bản thư trả lời dâng trình, vua phê nói “Nếu quý Phụ đạo nghĩ chưa đến lúc nhận thì triều đình ta cũng tùy ý quý Phụ đạo”, kể chuẩn cho đình.

2027. Ban dụ chuẩn cho Tổng đốc Bình Phú Đoàn Đình Duyệt thăng Thự Hiệp tá đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Hộ sung Phụ chính đại thần (thay Hiệp tá đại học sĩ Trần Đình Phác bệnh chết).

2028. Bắt đầu đặt Tri huyện người Việt ở tỉnh Lâm Viên. Lúc đầu là Khâm sứ đại thần Charles bàn nói Lâm Viên trước đây lệ vào tỉnh Bình Thuận, án kiện do tỉnh ấy xử đoán. Nay Lâm Viên đã đặt riêng thành một tỉnh, việc tù tụng hình chính ắt phải định rõ thể lệ ngõ hầu tiện tuân theo. Bèn bàn nghĩ đặt một Tri huyện người Việt ở tỉnh mới Lâm Viên phối hợp với Tri huyện người Man đã đặt để giúp đỡ Trú sứ tỉnh ấy. Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn cho thi hành.

2029. Ban cho Tổng đốc Nam Định trí sự Vũ Quang Nhạ hàm Đông Các đại học sĩ. Lúc đầu Nhạ làm Tổng đốc Nam Định đã trao cho hàm Thự Đông Các trí sự, đến lúc ấy Thống sứ đại thần Bắc Kỳ bàn xin cho thực thụ hàm ấy. Phủ Phụ chính vì Nhạ trải giữ ngoại khố, lại dự có quân công bèn tâu lên, chuẩn y lời xin.

2030. Hoàng Văn Ngại (người Thanh Chương Nghệ An) đánh mẹ chết bị xử trăm giam hậu. Ngại vì mẹ trách mắng nói làm hỏng lúa ruộng, lên cơn hung dữ đá vào lưng mẹ, hôm sau thì chết, đến khi tra xét liền thú nhận. Quan tỉnh Nghệ An thẩm xét giám tội kết án trăm giam hậu đóng thành tập đệ về. Bộ Hình tư trình với Phủ Phụ chính thẩm duyệt xem nên hoãn giảm hay không, Phủ Phụ chính bàn cứ theo lời nghị, nhưng tên Ngại phải vĩnh viễn giam cầm, gặp kỳ ân xá cũng không được tha để làm rõ sự răn dè.

2031. Lại mục Trần Trọng Thám huyện Phù Cát tỉnh Bình Định nhân được phái sức hiểu dụ mộ lính, lấy cớ đem phép quan ép dân ký tên mộ lính, bị tội biếm một trật bãi dịch.

2032. Tháng 3. Thiết lập thị xã Lâm Viên. Lúc đầu vì địa thế Lâm Viên rộng rãi, khí hậu mát mẻ, tương lai có thể thành nơi đô hội đông đúc, đã đặt riêng làm một tỉnh. Lúc ấy nghĩ đặt thêm ở xứ Đà Lạt (1) một thị xã và dinh thự nhà cửa, cùng công sánh biện sự Đông Dương đều lần lượt xây dựng, còn nhân dân như có ai muốn tới ở đất quan phòng quanh thành, xây dựng nhà cửa làm ăn sinh sống cũng cho, chiếu theo lời nghị mới tuân hành.

(1) Nguyên bản viết là “Đồ Lịch”.

2033. Chuẩn cho Nha Thông bảo tỉnh Thanh Hóa đổi đặt ở kinh, lệ vào Trường Bách công, vẫn có quan Nam sung Đốc biện như cũ, lại do quý Đốc quan trường ấy kiểm soát trông coi, thuộc viên phu thợ của nha ấy chức lượng giảm bớt, là theo lời hội thương bàn.

2034. Hai bộ Lại Học cùng bàn Cử nhân ở quê và Tôn sinh, Âm sinh chọn hạch theo lệ quá tuổi (tháng 10 năm Duy Tân thứ 6 nghị 40 tuổi không được bắt đầu bổ dụng làm quan) không được bổ dụng, nhưng nên niệm tình công lao học hành khó nhọc, đã bàn lại nên chiếu lệ Bắt đầu bổ dụng, chức lượng cho nhận hàm lưu lại ở quê yên nghiệp, được cho theo lời bàn nhưng không được viện lệ thăng bổ. Lại nói trở đi hoặc chọn hạch, hoặc thi Hương thi Hội ai được trừ tính điền bổ vào chức khuyết phải dự vào hạng đủ điểm. Lúc ấy bề tôi hai bộ cùng bàn tâu lên, chuẩn cho thi hành.

2035. Sách phong Mai Bá thị (con gái Phủ chính Mai Khắc Đôn) trong nội đình là Nhị giai Diệu phi, là vâng lời sắc trước mặt, tuân theo ý chỉ của hai cung chuẩn thăng Mai Bá thị làm Phi tần Tam giai, Bề tôi Phủ Phụ chính tuân lệnh bàn bạc, Khâm sứ đại thần Charles trả lời nói chiếu lệ trong nội cung năm Thành Thái thứ 5 có ba vị, trong đó có một vị phong làm Nhị giai phi. Nay xin tuân chiếu lệ trước, phong Mai Bá thị trong nội đình làm Nhị giai phi để trọng sự thể. Bề tôi Phủ Phụ chính dâng phiến tấu lên xin chỉ, cho như lời xin.

2036. Tù phạm ở tỉnh Bình Định là Thái Thu tộ hợp tù phạm cùng lao phá ngục, đến khi tra xét đều chịu tội, chuẩn chiếu tội Lờ lẽ bội nghịch nghị xử, Thu bèn bị chém.

2037. Chuẩn sung lời bàn trích hơn 1.140 đồng tu bổ ngự sở Thừa lương ở cửa biển Tùng Luật.

2038. Chuẩn bàn cấp cho Tri huyện người Việt ở tỉnh Lâm Viên ấn kiểm đều một quả (ấn khắc các chữ “Lâm Viên Nam Tri huyện”, kiểm khắc hai chữ “Lâm Viên”).

2039. Chế tạo biển ngạch ở điện Khâm Văn và lầu Du Viễn mỗi nơi một tấm.

2040. Bình Định thi Hương, sĩ tử nguyên Học sinh Đặng Cửu Mai thông đồng với quân canh trong trường, việc bị lộ ra, Mai bị tội đánh trượng đi đày, tước bỏ nguyên tịch Học sinh, quân canh trong ngoài trường là bọn Đặng Cần đều bị xử tội khác nhau, Phó quản Lê Đức Phong bị xử đánh 40 roi ghi vào lý lịch, Lãnh binh Giám thí Hà Văn Luận thì truyền chỉ thân sức một lần.

2041. Giám bớt Tự thừa, Lễ sinh ở các tỉnh, đổi đặt Trợ giáo mỗi tỉnh một người, lương tháng 20 đồng, đều theo trường Pháp Việt học tập.

2042. Mùa hạ, tháng 4 (Quý ty). Đêm ngày 2 (Canh tý) vua tự rời ngôi báu. Lúc đầu là vua bị phi nhân Trần Cao Vân mê hoặc, nửa đêm ngấm rời khỏi hoàng thành ra ngoài, theo đảng nghịch Vân bàn bậy việc quang phục, mưu đồ nổi loạn (Vân người Tư Phú, Quảng Nam, từng can trọng án, được tha về lại mưu sự, cùng Thái Phiên thông đồng tin tức với nước ngoài, tạo cờ hiệu, chế khí giới, họp đồ đảng lên tới kinh sư, ngấm liên kết với Suất đội Siêu, Thị vệ Đề đưa tin vào đại nội. Lúc đầu giả làm người câu cá sau hồ Tịnh Tâm, mưu xin chiếu văn, kẻ tới Thương Bạc dùng thuyền lừa mời ngự (1) giá. Lại vẽ bản đồ đài Trấn Bình (2), tộ hợp dụ dỗ lính mộ ở đồn Mang Cá (3) nội ứng ngoại công, nhiều cách bắt mối. Vua gần đây ngôn ngữ cử chỉ dường như có vẻ uất ức, đến lúc ấy gặp lời tà làm dao động, bèn tới nổi vút bỏ ngôi báu như chiếc giày rách, bôn ba gió bụi. Đã qua mấy ngày, lòng người nháo nhác, nhờ có Phủ Phụ chính đồng tâm dẹp nạn, vẫn hồi đại cục, theo vết tìm kiếm thì kẻ sinh sự đều là bọn đầu sỏ phản nghịch Trần Cao Vân gây ra tội nghiệt, việc lộ ra bắt tra nghịch Vân và bè đảng là bọn Thái Phiên. Nguyễn Quang Siêu, Nguyễn Đề khếp vào tội đại nghịch đều xử chém, đồng mưu có nguyên Tá lý (hưu trí) Nguyễn Thượng Trung xử đánh trượng đi đày đổi thành khổ sai 9 năm nhưng chờ xét lại lời khẩu cung chức lượng nghị xử. Lại Thông chế vệ Thân binh Trần Văn Liên là Thị vệ kề cận trong cấm cung mà không phát giác ra được, nghĩ biếm xuống hàm Chương vệ cho về hưu, còn lại đều chiếu theo tội nặng nhẹ cùng mười người can tộ dự mưu làm phản giao cho tòa kết án). Kẻ mời xa giá trở về ở đài Trấn Bình trong thành, ngày 3 tháng 6 hộ tống tới Nam Kỳ. Mùa đông, tháng 10 lại đón Phế đế Thành Thái từ Cap Saint Jacques (4), cùng đáp tàu máy tới cư trú ở đảo Réunion thuộc địa của nước Đại Pháp.

Ngày 15 (ngày Quý sửu) tháng ấy Tôn nhân đình thần văn vũ bàn với quý Bảo hộ đón con trưởng của Cảnh tông Thuận hoàng đế là Phụng Hóa công (tức Hoàng tông Tuyên hoàng đế) vào nối dòng đại thống.

- (1) Nguyên bản chép là “biển yêu pháp giá”, có chỗ vô lý, đây đính lại như trên.
- (2) Nguyên bản chép là “Bình đài”, là “Trần Bình đài” bị chép sót, đây đính lại như trên.
- (3) Nguyên bản chép là “Ngư thành”.
- (4) Nguyên bản viết là “Cấp Xanh Giác”, tức Vũng Tàu.

Sách dẫn

* Bảng Sách dẫn này ghi nhận những tên riêng như tên người, tên cơ quan, tên đất, tên sách vở bản đồ và tên riêng khác trong *Chính biên Đệ lục kỷ phụ biên*, gọi chung là đơn vị.

Tên người trong Sách dẫn gồm tên thật, tên tự, tên hiệu, tên thụy. Trường hợp có hai hay nhiều người trùng tên họ thì đơn vị từ thứ hai trở đi sẽ có yếu tố chỉ định đặt giữa hai ngoặc đơn để đảm bảo tính khu biệt. Ví dụ *Chính biên Đệ lục kỷ phụ biên* có chép về hai Lê Trinh, một người là Thượng thư, một người là Thị độc Nội các, thì đơn vị Lê Trinh thứ hai được chú thêm là “Lê Trinh (Thị độc Nội các)”. Trường hợp một người được ghi nhận với nhiều tên riêng khác nhau thì mỗi tên riêng ấy sẽ được ghi nhận là một đơn vị với tên chính làm yếu tố chỉ định đặt giữa hai ngoặc đơn, ví dụ Trương Đăng Quế có khi được ghi theo tên thụy là Trương Văn Lương, Nguyễn Thân có khi được ghi theo tên hiệu là Thạch Trì công, thì ngoài các đơn vị Trương Đăng Quế, Nguyễn Thân, Sách dẫn sẽ có thêm hai đơn vị là “Trương Văn Lương (Trương Đăng Quế)”, “Thạch Trì công (Nguyễn Thân)”.

Tên cơ quan trong Sách dẫn gồm tên các cơ quan ở cấp trung ương của triều Nguyễn, các cơ quan từ cấp kỳ trở lên của chính quyền thuộc địa, các cơ quan ở cấp trung ương của chính quyền nước Pháp.

Tên tổ chức đoàn thể trong Sách dẫn gồm tên các hội đảng, thương hội, công ty, ngân hàng...

Tên đất trong Sách dẫn gồm tên các châu lục, các nước, các đơn vị hành chính, các công trình kiến trúc và các loại hình địa lý. Tất cả các tên đất Việt Nam đều nêu rõ yếu tố chỉ định về cấp độ hành chính (kỳ, liên tỉnh, tỉnh, thành phố, thị xã, phủ, huyện, tổng, xã, thôn, ấp, phường, vạ, dịch trạm. Trong một số ít trường hợp nguyên bản không nêu rõ cấp độ hành chính như đoạn ở điều 1010 “các xã thôn từ Hóa Khuê, Đông Xã, ấp Bình Thuận tới Liên Trì, Xuân Thả, Phục Đán, An Khê, Thanh Khê, Phú Lộc, An Hải, Mỹ Khê, Phước Trường”, thì ngoài ấp Bình Thuận, Sách dẫn tạm nhất loạt xếp vào cấp xã), loại hình kiến trúc (cửa quan, đồn bảo, chợ, bến đò, cầu đường, đê đập, chùa, miếu, đền, nhà thờ, lăng điện lâu các, cửa thành), loại hình địa lý (núi đồi, sông suối, cửa biển, đảo, cù lao, đầm, hồ...).

Tên riêng khác trong Sách dẫn gồm tên các thư tịch bản đồ, bệ tinh, tàu máy, bệnh viện... Ngoài tên các thư tịch bản đồ được in nghiêng, các tên riêng còn lại đều có yếu tố chỉ định.

* Các đơn vị trong Sách dẫn được xếp theo thứ tự âm vị - vần chữ cái (chẳng hạn G và Gi, K và Kh được coi là hai vần, hay T, Th, Tr được coi là ba vần nên xếp tách ra, hết G mới tới Gi, hết K mới tới Kh, hết T mới tới Th, Tr. Tương tự, N, Ng - Ngh và Nh được coi là ba vần nên xếp tách ra, trong đó Ng và Ngh được coi là một vần nên xếp chung) và theo thứ tự thanh điệu không huyền sắc hỏi ngã nặng.

* Trong bản dịch mỗi điều được ký hiệu bằng một ký số từ 0001 trở đi, đơn vị trong điều nào được chỉ định bằng ký số của điều ấy. Một đơn vị xuất hiện nhiều lần trong một điều cũng chỉ đưa vào Sách dẫn một lần.

A*

A Da Tu (tàu máy), 0469.

A Lê (người Pháp), 0110, 0572.

Ai Lao, 0364, 0520, 0535, 0548, 0634, 0766, 1844.

Ái, 1564.

An (châu), 2007

An Ấp (tổng), 1987.

An Bàn (ấp), 1743.

An Biên (), 0111, 1942*.

An Cát (phường), 1538.

An Cư (bến), 0683.

An Cư (xã), 1591.

An Cựu (chợ), 0119.

An Cựu (cầu), 0591.

An Cựu (tổng), 1261.

An Châu (thôn),

An Dương (huyện), 0443.
An Dương (tổng), 1956.
An Điền (đồn), 1783.
An Điền (thôn), 2007.
An Đức (tổng), 1754.
An Hà (xã),
An Hòa (tổng), 1821.
An Hóa (xã), 1227.
An Hóa (xã thôn), 1956.
An Hoài (xã),
An Lại (xã), 1956, 2011.
An Lăng (xã), 1956, 2011.
An lăng (lăng), 0172, 0249, 0484, 0558, 0738, 0770, 0987, 1025, 1417, 1651, 1751, 1776, 1955.
An Lương (xã), 1905.
An Miếu (phố), 1794.
An Mỹ (huyện), 0165.
An Mỹ (thôn), 1439.
An Mỹ (xã), 1956, 2011.
An Mỹ (tổng), 1571.
An Ninh (xã), 1329, 1566, 1709.
An Ninh Thượng (xã), 0679, 1791, 1878.
An Nghiệp (xã), 1760.
An Nhân (xã thôn), 1956.
An Nhiên (thôn), 1778.
An Nhơn (phủ)
An Phong (xã),
An Phú Hạ (ấp), 1906.
An Phước (huyện), 1035, 1039.
An Phước (tổng), 0998.
An Phước (Thô huyện), 1238, 1542, 1947.
An Sinh (xã thôn), 1869.
An Sơn (tổng), 1717, 1754.
An Tân (ấp), 1942.
An Tĩnh (liên tỉnh),
An Tĩnh (thôn), 1820.
An Thạnh Hạ (tổng), 1905.
An Thọ (xã),
An Thống (xã), 1956.
An Thới (ấp)
An Thường (công chúa), 0255.
An Trạch (thôn), 1956.
An Truyền (chợ), 0119.
An Vân (chợ), 0119.
Ấn Đồ (xã), 1591.
Anh Duệ hoàng thái tử, 0152, 0456, 0469, 0566, 1096, 1365, 1640.
Anh Nhu, 0566.
Anh Sơn (huyện), 1956.
Anh Sơn (phủ), 0628, 1218, 1222, 1645, 1667, 1956, 2011.
Auvergne (Jean Calixte Alexis Auvergne), 0810, 0964, 0966, 0967, 0970, 0985, 1007, 1010, 1023, 1065, 1068, 1069, 1070, 1078, 1092, 1093, 1164, 1179, 1226, 1233, 1250, 1267, 1269, 1438.
Albert Sarraut, 1735, 1758.
Allys (Eugène Marie Joseph Allys), 1009.

Â*

Âm dương hợp lịch, 1282.
Ân Thi (huyện)
Âp Tầu (xã thôn), 1869.
Ấn Độ, 1915, 2013.

B*
Ba Di (người Pháp), 1506.
Ba Hang, 0921.
Ba Kiều, 0921.
Ba Khuông, 0921.
Ba Lạch (sở), 1658.
Ba Mai La Xá, 0921.
Ba Mạn, 0921.
Ba Nhi An (người Pháp), 0329.
Ba Phan, 0921.
Ba Phanh (người Man), 1070.
Ba Vi (người Pháp), 0125.
Bạ Tê Lô Mi (người Pháp), 1322.
Bạch Hà (tổng), 1956.
Bạch Hạc (sông), 0391.
Bạch Sơn (xã thôn), 1859.
Bạch Xi, 0471, 0500, 0533, 1265.
Bái Ân (tổng), 1571.
Bãi Vệ (xã),
Ban Mê Thuộc (*), 1850.
Bàn Thạch (xứ), 0981, 1858.
Bàn Thạch (tổng), 1306.
Bàn Thạch (man), 1716.
Bàn Thạch (thôn), 1716.
Bang Đôn, 0194.
Bạng Châu (xã), 1875.
Bao Vinh (chợ), 0119.
Bao Vinh (bến đò), 0119.
Bao Vinh (xã), 0680, 0928.
Bao Vinh Hạ (thôn), 1321.
Bảo Thạch (Thụy Khanh công), 1357.
Bàu Cối (xứ), 1578.
Bàu Vạn (xã),
Bay (người Pháp), 0538, 0545, 0553, 0556, 0572.
Bắc Giang (tỉnh), 0646, 0647, 0666, 0672, 0969, 1270, 1638, 1753.
Bắc Kỳ,
Bắc Ninh (tỉnh), 0017, 0049, 0062, 0076, 0112, 0118, 0165, 0213, 0331, 0403, 0430, 0452, 0542, 0568, 0646, 0647, 0672, 0969, 1205, 1270, 1342, 1638.
Bắc Ninh (hạt), 0017
Bắc sử tiết yếu, 0793
Bằng Trình (xã),
Bến Thủy (thị xã), 1895
Bi Đa (người Pháp), 0135.
Bí Tinh, 0567.
Bi (nước), 1735, 1914, 1915, 1941.
Bích Hào (tổng)
Bích Triều (tổng)
Bình An Nội (xã), 1988.
Bình Chánh (thôn), 1717.
Bình Châu (tổng), 1091, 1729.
Bình Điền (tổng), 1091, 1141, 1729.
Bình Định, 0102, 0142, 0187, 0190, 0206, 0207, 0208, 0219, 0251, 0266, 0268, 0286, 0293, 0308, 0317, 0323, 0325, 0424, 0431, 0445, 0537, 0585, 0596, 0603, 0627, 0749, 0839, 0856, 0875, 0878, 0887, 0890, 0912, 0981, 1013, 1022, 1064, 1138, 1195, 1204, 1232, 1238, 1240, 1257, 1268, 1282, 1365, 1375, 1383, 1409, 1446, 1462, 1465, 1482, 1506, 1507, 1656, 1686, 1714, 1741, 1750, 1798, 1819, 1850, 1851, 1922, 1938, 1962, 2031, 2036.
Bình Định (trường), 0224, 0263, 0958, 0971, 1048, 1368, 1427, 1965, 2006, 2040.
Bình Giang (dịch trạm), 1195.
Bình Giang (phủ), 0213, 0637.

Bình Hà (tổng), 1141, 1729, 1988.
Bình Hạ (tổng), 1729.
Bình Hòa (xã), 0984.
Bình Hòa (tổng), 1729.
Bình Khê (huyện), 1195, 1904.
Bình Lục (huyện),
Bình Sơn (huyện), 0409, 0887, 1141, 1295, 1683, 1729, 1988.
Bình Phú (liên tỉnh), 0226, 0336, 0404, 0414, 0516, 0541, 0553, 0577, 0690, 0856, 1205, 1349, 1522, 1695, 1978, 1994, 2027.
Bình Thái (công chúa), 0255.
Bình Thái (tổng), 0936.
Bình Thuận (tỉnh), 0137, 0142, 0186, 0251, 0280, 0342, 0422, 0423, 0431, 0463, 0629, 0663, 0726, 0852, 0853, 0856, 0875, 0878, 0912, 0934, 0935, 0976, 0980, 1007, 1010, 1013, 1111, 1168, 1203, 1204, 1216, 1227, 1232, 1260, 1262, 1264, 1268, 1284, 1288, 1292, 1388, 1393, 1409, 1412, 1458, 1468, 1482, 1492, 1577, 1579, 1636, 1698, 1762, 1768, 1787, 1789, 1813, 1819, 1832, 1850, 1950, 2028.
Bình Xuyên (huyện)
Bích Trì (xã), 1598.
Bồ Đòan, 0965.
Bồ Ra, 0708.
Bồ Vi Gie (người Pháp), 0564.
Bồ Trạch (huyện lỵ), 0523, 0812, 1544.
Bồ Bản (xã), 1960.
Bồi lãng (lãng),
Bôn Na Tinh, 0649.
Bôn (người Man), 1752.
Bông Nôm (người Pháp), 1916.
Bông Dinh (điện), 0435, 0439, 0455, 1713.
Bùi Ân Niên, 0150, 0229, 0273, 0302, 0324, 0338, 0394, 0397, 0477, 0524, 0598.
Bùi Duy Thụy, 0561.
Bùi Duy Tịnh, 0206.
Bùi Dự, 1559.
Bùi Đình Phác, 0617.
Bùi Huệ, 1031.
Bùi Như (người Pháp), 0574, 0693, 0721, 0811.
Bùi Quân, 1506.
Bùi Quang Tạo, 0338, 0387, 0925.
Bùi Tá Hán, 1659.
Bùi Tập, 0452.
Bùi thị (Kiên thái vương phi), 1000.
Bùi Tráng Liêm, 1507.
Bùi Văn Lược, 0124.
Bùi Văn Bằng, 0356, 0391, 0469, 0475, 0798.
Bùi Xuân Huyền, 1031, 1345, 1440, 1522, 1695.
Bửu Đảo (Thiệu Hóa quận công, Phụng Hóa công), 1582.
Bửu Giới, 1109.
Bửu Lân (vua Thành Thái), 0001.
Bửu Lũy (Mỹ Hóa quận công, Tĩnh Nhã), 0162, 0798, 1109.
Bửu Kiên (Hoài Ân công, Hưng Nhân quốc công, Hưng Nhân công), 0162, 0798, 1192, 1228, 1366, 1396, 1533, 1553, 1584, 1627, 1773, 1775.
Bửu Tán (Bửu Thiện, Tuyên Hóa quận công, Tuyên Hóa công), 0162, 0989, 1221, 1228, 1234, 1347, 1366, 1396, 1557, 1631, 1662, 1680, 1964, 2017.
Bửu Tung (An Hóa công), 0778, 0947.
Bửu Thạch, 0674.
Bửu Thiện (Bửu Tán, Tuyên Hóa quận công, Tuyên Hóa công), 0162, 0798, 0989, 1144.
Bửu Vạn, 1622.
Beau (Jean Baptiste Paul Beau), 1144, 1154, 1168, 1310, 1349, 1360, 1363, 1374, 1377, 1378, 1379, 1410, 1411, 1448, 1450, 1488, 1489, 1535.
Bideau, 0253.
Bihouard (Paul Louis Georges Bihouard), 0135, 0157.

Bogaert, 1423, 1426, 1756.
Bonnal (Jean Thomas Raoul Bonnal), 0166, 0238.
Bonhoure (Louis Alphonse Bonhoure), 1489, 1505.
Boulloche (Léon Jules Pol Boulloche), 0013, 0045, 0293, 0375, 0489, 0490, 0496, 0499, 0514, 0695, 0814, 0819, 0834, 0835, 0837, 0842, 0845, 0846, 0856, 0857, 0887, 0889, 0897, 0904, 0908, 0912, 0913, 0917, 0918, 0922, 0928, 0931, 0932, 0934, 0940, 0941, 0948, 0951, 0962, 0964, 0967, 1078, 1093, 1105, 1129, 1134@, 1144, 1147@, 1154, 1164, 1176.
Boulangier (Ernest Boulangier), 0469.
Broni, 0985, 1018.
Brière (Ernest Albert Brière, Hộ Nam công), 0078, 0166, 0238@, 0285@, 0303, 0318, 0343, 0349, 0377, 0383, 0460, 0488, 0489, 0572, 0577, 0589, 0590, 0613, 0620, 0626, 0639, 0640, 0651, 0657, 0658, 0662, 0685, 0695, 0708, 0715, 0719, 0721, 0725, 0730, 0735, 0740, 0742, 0744, 0747, 0755, 0763, 0764, 0777, 0784, 0794, 0795, 0798, 0807, 0810, 0813@, 0843.

C*

Ca Di (người Pháp), 1250.
Ca Xanh (chiến hạm), 1366.
Cách vật nhập môn, 0626.
Cam Cát ()
Cam Lâm (xã), 1821.
Cam Môn (xứ),
Cam Ranh (xã),
Can Lộc (huyện)
Cần Thành (điện), 0008, 0727, 1486, 1605, 1706, 1721.
Cảnh tông Thuận hoàng đế, 0001, 0070, 0114, 0172, 0248, 0260, 0508, 0539, 0928, 1024, 1128, 1330, 1628, 2042.
Cảnh Thái (Chu Kỳ Ngọc), 0724.
Cạnh Tê, 0721.
Cạnh Tung (tàu máy), 0469.
Cao Bằng (tỉnh), 0112, 0120, 0431, 0528, 0621, 1978.
Cao Đệ, 0828, 1366, 1815, 1946.
Cao Điền, 0239, 0252, 0616.
Cao Đồi (chợ),
Cao Ly (),
Cao Man,
Cao Ngọc Lễ, 0375, 1206.
Cao Thắng, 0116, 0451.
Cao Xá (tổng), 1956.
Cao Xuân Dục, 0283, 0433, 0943, 0960, 1026, 1032, 1067, 1093, 1150, 1363, 1366, 1401, 1427, 1435, 1440, 1460, 1471, 1484, 1487, 1510, 1534, 1541, 1553, 1575, 1649, 1700, 1722, 1724, 1758, 1772, 1774, 1792, 1798, 1803, 1828, 1841, 1864, 1865, 1866, 1885, 1911.
Cao Xuân Tiểu, 0410, 1330, 1835.
Cao Xuân Xoang, 1723.
Cáo Lục tỉnh văn (sách), 1731.
Cát Khê (phường), 1538.
Cát Mộng (xã),
Cát Sơn (phường)
Cam Lộ (phủ),
Cam Lộ (huyện),
Cáp Châu (đồn)
Cấm Muộn (), 0287
Cầm Bá Thước, 0116, 0471, 0488, 0498, 0517, 0522, 0567, 0921.
Cầm Lương (huyện),
Cầm Tú (thôn), 1820.
Cầm Thủy (huyện), 1248, 1439, 1591, 1966.
Cầm Trang (xã)
Cầm Xuyên (huyện),
Cần Chánh (điện), 0462, 0577, 0920, 1019, 1301, 1361, 1367, 1457, 1493, 1553, 1670, 1824.
Câu Pha Vi (người Pháp), 0125.
Cầu Giấy (cửa ô)

Cây Roi (xứ), 1794.
Cô Dung (người Anh), 0367.
Cô Tôn (người Pháp), 0090.
Cổ Điền (xã), 1753.
Cổ Ninh (xã), 1753.
Cổ Quán (xã), 1897
Cổ Xuân (ấp)
Côn Lôn (đảo), 0074, 0081, 0247, 0377, 1547, 1562, 1640, 1678.
Cồn Dọc (xứ),
Cồn Kiến (điểm),
Công Man, 0287
Công pháp tiện lăm, 0626.
Công pháp hội thông, 0626.
Công ty Dupuis, 0623.
Công ty Diêm điền, 1585.
Công ty Hợp thương, 1444.
Công ty Long Hoa, 1250.
Công ty Than Nông Sơn, 0363.
Công thần (miếu), 0195, 1030, 1560, 1709.
Cơ Đô Gia (người Pháp), 0098.
Cơ mật viện, 0003, 0010, 0015, 0016, 0025, 0027, 0029, 0030, 0031, 0033, 0034, 0058, 0061, 0068, 0069, 0108, 0117, 0119, 0121, 0133, 0135, 0150, 0157, 0158, 0159, 0186, 0193, 0217, 0219, 0220, 0234, 0235, 0265, 0268, 0269, 0279, 0284, 0286, 0287, 0296, 0297, 0302, 0317, 0324, 0325, 0327, 0334, 0340, 0349, 0350, 0357, 0362, 0377, 0382, 0383, 0392, 0398, 0402, 0405, 0406, 0414, 0422, 0424, 0452, 0460, 0461, 0469, 0471, 0474, 0480, 0482, 0488, 0498, 0499, 0509, 0514, 0515, 0521, 0537, 0540, 0544, 0545, 0549, 0550, 0562, 0573, 0574, 0582, 0589, 0604, 0610, 0631, 0636, 0645, 0650, 0657, 0658, 0669, 0670, 0690, 0691, 0704, 0708, 0709, 0717, 0721, 0725, 0733, 0735, 0742, 0744, 0746, 0747, 0763, 0764, 0766, 0776, 0780, 0784, 0785, 0788, 0790, 0795, 0798, 0820, 0822, 0823, 0826, 0832, 0833, 0835, 0843, 0845, 0848, 0852, 0855, 0856, 0857, 0863, 0864, 0866, 0869, 0871, 0873, 0876, 0886, 0894, 0897, 0912, 0917, 0918, 0922, 0923, 0924, 0927, 0928, 0931, 0934, 0941, 0943, 0944, 0948, 0957, 0962, 0967, 0970, 0971, 0973, 0974, 0980, 0985, 0994, 1007, 1008, 1009, 1010, 1020, 1023, 1027, 1028, 1031, 1039, 1045, 1048, 1052, 1057, 1065, 1068, 1069, 1076, 1086, 1087, 1088, 1093, 1094, 1099, 1108, 1119, 1126, 1132, 1134, 1136, 1155, 1156, 1158, 1161, 1163, 1168, 1175, 1178, 1179, 1180, 1185, 1186, 1187, 1189, 1190, 1204, 1206, 1207, 1212, 1217, 1226, 1233, 1234, 1243, 1247, 1250, 1253, 1257, 1258, 1264, 1265, 1266, 1269, 1270, 1271, 1277, 1278, 1290, 1291, 1293, 1296, 1299, 1300, 1303, 1304, 1307, 1308, 1310, 1329, 1334, 1342, 1344, 1347, 1350, 1355, 1357, 1363, 1366, 1369, 1373, 1374, 1375, 1377, 1378, 1380, 1381, 1384, 1386, 1388, 1390, 1391, 1392, 1394, 1401, 1402, 1403, 1410, 1411, 1417, 1418, 1420, 1421, 1422, 1423, 1426, 1434, 1436, 1438, 1441, 1444, 1445, 1448, 1450, 1452, 1535, 1749, 1756, 1835, 1881, 1932.
Cơ Thánh (lăng),
Cục Bị trừ thổ sản nông công kỹ nghệ, 1749
Cung Huệ hoàng đế, 0001, 0172, 0300, 0307, 0989, 1024, 1631.
Cung tông (Cung tông Khoan nhân Duệ triết Tĩnh minh Huệ hoàng đế), 1024, 1043, 1120.
Cư Nhơn (thôn),
Cự Đằng (thôn)
Cự Lâm (tổng),
Cửa Hà (phố)
Cường Đê (Kỳ Ngoại hầu), 1365, 1640, 1678.
Cửu An (xứ)
Cửu An (núi)
Cửu Lý, 0742.
Carnot (Francois Sadi Carnot), 0157, 0469, 0505.
Casimir Périer (Jean Paul Pierre Casimir Périer), 0469, 0505.
Coquerel (Albert Coquerel), 1793.

Ch*

Chánh Lộc (xã thôn), 1956.
Châu Văn Long, 1507.
Châu Văn Tiếp (Lâm Thao quận công), 0174.
Cháp Lễ (thôn), 1083, 1838.
Cheo Reo (đồn), 1548, 1850.

Chế Quang Mỹ, 1282.
Chi Cơ (xã thôn)
Chi Phan (thôn),
Chí Linh (tổng huyện)
Chiên Đàn (),
Chiêu (tên húy vua Thành Thái), 0001.
Chiêu Khôn, 0287.
Chiêu Tấn (châu), 0111.
Chiêu (Đội trưởng*), 1227.
Chính biên Liệt truyện sơ tập, 0885.
Chính biên đệ lục kỷ, 1330*.
Chính Đông (cửa), 0001, 1215, 1372, 1881.
Chính Mô (xã),
Chính Mông (), 0250.
Chính Trung (xã)
Chợ Lớn (thành phố), 1111, 1832.
Chu Khắc Bàng, 1840.
Chu Khương, 0114.
Chu Lễ (tổng), 1822.
Chu Lễ (xã), 1845.
Chu Sơn (xã)
Chu Trạc, 1562.
Chu Trung (xã thôn), 1956.
Chu Văn, 0654, 1128
Chu Văn vương, 1581.
Chung Phương Thành, 0059.
Chư thân liệt truyện (sách), 1863
Chương Đức (cửa), 0843, 1069, 1143, 1493, 1613.
Chương Mỹ (huyện),
Charles (Jean Francois Eugène Charles), 1841, 1860, 1862, 1883, 1921, 1926, 1927, 1951, 1972, 1986, 1991, 1992, 2004, 2013, 2028, 2035.
Chavassieux (Léon Jean Laurent Chavassieux), 0036, 0077, 0084, 0278, 0425, 0432, 0468, 0490, 0494, 0525.

D*

Darlac, 1850.
Dã Khê (ấp), 0434
Di Linh, 0934.
Di Luân đường, 0659, 0779, 1566, 1742, 1791.
Di Mông Bi Gia (người Pháp), 0712.
Di Sô (người Pháp), 1520.
Dĩ Ngu (Ngọc Lâm?*), 1499.
Dị Ác (tổng),
Diên Khánh (huyện), 1542.
Diên Khánh (phủ), 1035, 1743, 1840.
Diên Lãm (xã), 0840, 1956.
Diễn Châu (phủ)
Diệp Văn Cương, 0097, 0126.
Diệu Đề (chùa), 0675, 1550.
Du Cửu (lâu),
Du Đồng (xã), 1987
Du Xu (người Pháp), 1570.
Duy Xuyên (hạt), 1821
Duy Xuyên (huyện), 1351, 1507, 1781, 1905
Duyên Hải (xã),
Dữ Dã (vườn),
Dực tông Anh hoàng đế, 0002, 0009, 0012, 0070, 0114, 0172, 0248, 0394, 0508, 0598, 0600, 0645, 0815, 0877, 0908, 1024, 1053, 1055, 1128, 1235, 1281, 1420, 1675.
Dương Biều, 1417, 1605.

Dương Lâm, 0278, 0807, 1205.
Dương Ninh, 0650.
Dương Quang Thạc, 1547.
Dương thị, 1068.
Dương Thị Thực, 1283.
Dương Thiện, 1789.
Dương Văn Điện, 0839.
Dương Xuân (xã),
Dương Xuân (bến đò)
Dương Xuân Thượng (xã)
Dương Xuân Hạ (xã)
Dưỡng An (thôn), 1716
Dưỡng Mông Hạ (giáp), 1973.
Dayot (Jean Marie Dayot), 1718.
Decrais (Albert Decrais), 1094.
De Lanessan (Jean-Marie de Lanessan), 0121, 0269, 0270, 0278, 0282, 0288, 0289, 0308, 0317, 0334, 0337, 0344, 0352, 0376, 0383, 0405, 0406, 0430, 0440, 0461, 0468, 0480, 0507, 0532, 0540.
Doumer (Paul Doumer), 0708, 0729, 0745, 0767, 0782, 0795, 0798, 0923, 0952, 0985, 1001, 1018, 1071, 1093, 1094, 1104.
Dupuis (Jean Dupuis), 0058, 0159, 0332, 0405.
Duvillier, 0593, 0631, 0639, 0657.

D*

Đa Câu Ế (người Pháp), 0033.
Đa Mai (xã)
Đa Mạt (người Pháp), 0274, 0789.
Đa Trợ (thôn),
Đà Lạt (Sở Đại lý),
Đà Nẵng (tỉnh), 0141, 0251, 0296, 0363, 0468, 0469, 0521, 0525, 0532, 0540, 0548, 0582, 0620, 0636, 0683, 0684, 0714, 0729, 0745, 0782, 0798, 0814, 0821, 0917, 0954, 0975, 0985, 1010, 1093, 1094, 1117, 1144, 1186, 1207, 1339, 1366, 1367, 1370, 1377, 1420, 1541, 1553, 1724, 1758, 1841, 1882, 1883, 1951.
Đại An (phường),
Đại An (xã), 2007
Đại An (tổng),
Đại Áng (xã),
Đại báo châm, 0865.
Đại Đồng (xã),
Đại Đồng (tổng)
Đại học, 0018
Đại học diễn nghĩa đại toàn, 0793
Đại hành hoàng đế (vua Đồng Khánh), 0002, 0009, 0012, 0039, 0040.
Đại hành hoàng đế (vua Kiến Phúc)@, 1024
Đại Lộc (huyện)
Đại Nam công báo, 0278.
Đại Nam Chính biên Liệt truyện nhị tập, 1059, 1721.
Đại Nam Chính biên Liệt truyện, 1077
Đại Nam điện báo tiện lãm, 0186.
Đại Nam đồng văn nhật báo, 0278.
Đại Nam Liệt truyện Tiền biên, 1077.
Đại Nam Nhất thống chí, 0678, 1426, 1666.
Đại Nam quốc sử diễn ca, 0774.
Đại Ngô (xã thôn)
Đại Phú (thôn)
Đại Từ (huyện nha)
Đại Thanh (nước),
Đàm Khiêm (Liêm?*), 1440.
Đàm Liêm, 1205, 1365, 1620.
Đàn Lân (tổng),

Đào Duy Từ (Hoàng quốc công), 0174.
Đào Hoằng, 1283.
Đào Hữu Ích, 0206, 0474, 0565, 0704, 0879.
Đào Nguyên Phổ, 0828.
Đào Mẫn (Đề tuyền), 1401.
Đào Mẫn (Lang trung bộ Binh), 1607.
Đào Phan Duân, 1440, 1785, 1912, 1965.
Đào Tấn, 0117, 0265, 0313, 0446, 0509, 0704, 0729, 0817, 0873, 0901, 0903, 0941, 1134, 1156, 1176, 1258, 1446, 1465.
Đào Thái Hanh, 1700, 1798.
Đào Thụy Thạch, 1504.
Đào Trọng Kỳ, 0017, 0043.
Đào Xuân Bách, 0661.
Đạo Ngạn (nhà thờ), 0076.
Đạo Tâm (hiên),
Đan Hoạch (xã)
Đắc Tổng (xã), 1956.
Đặng Pha Lung, 1712.
Đặng Cao Đệ, 1358.
Đặng Cần, 2040.
Đặng Cửu Mại, 2040.
Đặng Chiêu, 0660.
Đặng Chước, 1640.
Đặng Huyền, 0660.
Đặng Nguyên Căn, 1547, 1678.
Đặng Ngọc Oánh, 1986.
Đặng Ngọc Thụ, 0935.
Đặng Như Vọng, 0822, 1307, 1343.
Đặng Thị Huệ, 0823.
Đặng Văn Bách, 1547.
Đặng Văn Đoan (Đặng Văn Thụy), 1246, 1596.
Đặng Văn Thụy (Đặng Văn Đoan), 1510.
Đặng Xá (xã thôn)
Đặng Xuân Huy, 1066.
Đề (linh mục), 0124.
Đề đốc Vinh, 0696.
Đề Hưởng, 0614.
Đề Khang, 0614.
Đề Lạc, 0541.
Đề Lãng, 0567.
Đề Lê Ty (người Pháp), 1995.
Đề Tào, 0629.
Đề Thám (Hoàng Hoa Thám), 1998.
Đề Thắng (Cao Thắng), 0116.
Đề Trạch, 0624.
Địa dư chí ước biên, 1510, 1596.
Địch Lâm, 0247, 0640, 1155.
Địch Lâm (đạo), 0165
Đình Bái, 1239.
Đình Công Nhung, 0247.
Đình Công Tài, 0567.
Đình Dụng Tân, 0448.
Đình Hữu Hình, 1311.
Đình Mỡ (sách Man), 1938.
Đình Nho Chấn, 2004.
Đình Nho Quang, 0018, 0198, 0217, 0220, 0274.
Đình Ngọc Tài, 0471.
Đình Ô (sách Man), 1938.
Đình Phan (sách Man), 1938.

Đình Quý (sách Man), 1938.
Đình thị, 0413.
Đình Thỏ (sách Man), 1938.
Đình Văn Cháp, 1835.
Đình Văn Vinh, 0247.
Đình Xuân Trạc, 1358.
Đình Khê (nhà thờ), 0076.
Đình Hồ (), 0040.
Đình Phong (thôn),
Điền Hộ (thôn),
Điền Nghĩa (xã),
Điện Bàn (phủ),
Đo Xa, 0574.
Đò Gỏi (bến đò),
Đoan Nhu (Bùi thị), 1000.
Đoàn Chí Tuân, 0533.
Đoàn Đình Duyệt, 0614, 1218, 1479, 1710, 1978, 2027.
Đoàn Lang, 0683.
Đoàn Lâm (tổng),
Đoàn Khắc Nhượng, 0267.
Đoàn Phương, 0058.
Đoàn Tử Quang, 1139.
Đoàn Thị Thuyền, 1107.
Đoàn Triển, 1598, 2014.
Đoàn Văn Bình, 0051, 0072.
Đoàn Văn Cân, 0577, 0593, 0629, 0661.
Đoàn Văn Hội, 0267, 0302, 0324, 0336, 0338, 0523, 0544, 0553, 0598.
Đoàn Văn Lan, 0650.
Đoàn Văn Phú, 0175.
Đoàn Văn Tường, 0175.
Đô Lăng Tôn, 0819, 0927.
Đô Lương (tổng)
Đô Mậu, 0500.
Đô Phê Ninh (Đô Phi Ninh), 0449.
Đô Phi Ninh (Đô Phê Ninh), 0567, 1434, 1506, 1540, 1541, 1559.
Đô sát viện,
Đô Ty, 0917.
Đô Thống, 0500.
Đỗ Đình Thuật, 1701.
Đỗ Đức Phong, 1726, 1807, 1826.
Đỗ Hải Lượng, 0260.
Đỗ Hữu Lợi, 0683, 0769, 1060.
Đỗ Hữu Phương, 1752.
Đỗ Lệnh, 1640.
Đỗ Phát, 0681.
Đỗ Văn Lâm, 0219.
Đỗ Văn Lợi, 1046.
Đỗ Văn Tâm, 1752.
Đỗ Văn Toại, 1246, 1440.
Đỗ Xá (tổng), 1845.
Đỗ Xuân Phong, 1835.
Đội Toàn, 0643.
Đông (thôn),
Đông (tỉnh), 0087.
Đông An (xã)
Đông Ấp (xã), 1822.
Đông Các (điện), 0012, 0727, 1450, 1517, 1706.
Đông Dương,
Đông Gia (chợ), 0168.

Đông Gia (câu), 0374, 0680.
Đông Hà (),
Đông Hồ (), 0033
Đông Liệt (xã), 1956.
Đông Môn (cửa)
Đông Phước (thôn), 1907.
Đông Triều (đạo)
Đông Trung (giáp), 1845.
Đông Trung (thôn), 1845.
Đông Trường (thôn), 1475, 1845.
Đông Côn (tổng), 1987
Đông Công (tổng), 1987,
Đông Cường (xã),
Đông Châu xã (),
Đông Hòa (ấp), 1837.
Đông Hòa (thôn), 1837, 1987.
Đông Lạc (xã), 1753, 1956, 1987.
Đông Lạc (tổng), 1956.
Đông Lợi (ấp), 1837.
Đông Mỹ (ấp), 1837.
Đông Mỹ (thôn), 1837.
Đông Nai Thượng, 0934.
Đông Ngô, 0247.
Đông Sĩ Vĩnh, 0398, 0880, 1031.
Đông Thuận (phố),
Đông Trăng (xứ), 1483, 1589.
Đông Văn (xã), 1956, 1987.
Đông văn nhật báo, 0437, 0469, 1170.
Đông Xuân (huyện), 0897, 0981, 1630, 1717, 1754, 1908.
Đông Xuân (xã) 1956.
Đức Cẩm (tổng), 1141, 1578.
Đức Hòa (tổng), 0392, 0998, 1432, 1783.
Đức Hòa Hạ (tổng), 1783.
Đức Hòa Thượng (tổng), 1783.
Đức Mỹ (ấp), 1549.
Đức Năm (xã thôn), 1956.
Đức Phô (châu), 0190, 0887.
Đức Phô (huyện nha), 1578.
Đức Phô (huyện), 0887, 0950, 1141, 1279, 1294, 1306, 1482 (cơ), 1578.
Đức Quy (tổng), 1578.
Đức Thọ (phủ)

E*

Eo Cây Khế (), 0239.
Eo Ngàn (xứ)
Ébrérhardt (Philippe Ébrérhardt), 1512, 1590, 1673, 1715, 1849, 2026.
Étienne (Éugène Étienne), 0157.

F*

Faure (Félix Faure), 0886.
Fourès (Augustin Juline Fourès), 0507, 0609, 0647, 0666, 0717, 0733, 0736.
Fallière (Armand Fallière), 1379, 1827.

G*

Groleau (Élie Jean-Henri Groleau), 1540, 1541, 1547, 1553, 1563, 1567, 1572, 1590, 1599, 1600, 1604, 1614, 1639, 1648, 1656, 1672, 1714, 1725, 1732, 1763.

Gi*

Gia Chử (xã),
Gia Đoàn (thôn)
Gia Định (),
Gia Hội (dịch trạm), 1537.
Gia Hội (câu), 1224.
Gia Hội (xã), 0168*, 1956.
Gia Hưng quận vương (), 0096.
Gia Khê Dung, 1325.
Gia Lễ (xã)
Gia Lộc (huyện)
Gia Mỹ (trang)
Gia Thọ (cung), 0004, 0071, 0130, 0307, 0326, 0411, 0469, 0518, 0581, 0752, 0845, 0908, 0919, 1041, 1043, 1044, 1046, 1054, 1055, 1056, 1094.
Già Châu, 1640.
Giác thế kinh, 0774.
Giam Hạnh (xã),
Giám Tụ (ấp),
Giang Khê Niết, 0666.
Giang Phá (sách Man), 1938.
Giang Triều (xã)
Giang Triều Thọ Vực (xã)
Giao (miếu), 0009, 0039, 0273, 0307, 1024.
Giao (hộ), 1768.
Giao Mía (đường núi), 1894
Giao Thủy (huyện),
Giặc Chanh, 0220, 0239*.
Giặc Cát, 0614.
Giặc Đạt, 0614.
Giặc Mậu, 0239, 0471, 0500, 0628.
Giặc Nghị, 0643, 0650.
Giặc Ninh, 0618.
Giặc Phác, 0239.
Giặc Tại, 0618.
Giặc Thám, 0666.
Giặc Thu, 0614.
Giặc Trạch, 0220, 0551, 0618.
Giặc Vinh, 0643, 0650.
Gio Linh (huyện)
Ghi, 0461

H*

Harmand (François Jules Harmand), 0754.
Hà Công Nguyệt, 1619.
Hà Diễn, 0219.
Hà Dục Trung (châu),
Hà Đông (),
Hà Linh (xã)
Hà Ma, 1656.
Hà Nội (tỉnh), 0015, 0024, 0036, 0076, 0078, 0110, 0112, 0115, 0165, 0200, 0202, 0213, 0221, 0238, 0263, 0278, 0304, 0327, 0431, 0437, 0469, 0480, 0542, 0580, 0582, 0598, 0617, 0653, 0685, 0736, 0763, 0821, 0826, 0836, 0914, 1093, 1117, 1150, 1209, 1270, 1296, 1310, 1342, 1363, 1366, 1420, 1472, 1487, 1567, 1731, 1873.
Hà Nam (tỉnh), 0221, 0234, 0293, 0418, 1270, 1598.
Hà Nam (trường), 0288, 0502, 0748, 1368, 1427, 1551, 1742, 1748, 1802, 1983, 2005, 2006.
Hà Quảng (xã),
Hà Tế (đường núi), 1894
Hà Tĩnh (tỉnh), 0010, 0042, 0067, 0116, 0122, 0125, 0142, 0159, 0194, 0198, 0217, 0218, 0220, 0233, 0239, 0251, 0272, 0274, 0276, 0277, 0287, 0314, 0330, 0401, 0402, 0431, 0451, 0470, 0474, 0480, 0488, 0490, 0491, 0492,

0493, 0498, 0499, 0500, 0510, 0515, 0548, 0551, 0561, 0571, 0573, 0577, 0578, 0585, 0593, 0595, 0603, 0604, 0617, 0618, 0622, 0624, 0630, 0641, 0648, 0650, 0652, 0657, 0661, 0662, 0668, 0676, 0704, 0710, 0737, 0746, 0789, 0804, 0818, 0827, 0857, 0875, 0878, 0898, 0899, 1013, 1028, 1057, 1072, 1074, 1090, 1107, 1139, 1145, 1188, 1198, 1204, 1206, 1232, 1244, 1254, 1259, 1268, 1288, 1290, 1323, 1409, 1427, 1475, 1479, 1482, 1487, 1490, 1495, 1500, 1503, 1507, 1538, 1636, 1637, 1678, 1696, 1744, 1778, 1784, 1798, 1802, 1819, 1822, 1845, 1846, 1852, 1859, 1863, 1875, 1879, 1977, 1987.

Hà Thanh (phủ), 0474, 1206, 1538, 1778, 1977.

Hà Thành (), 1705,

Hà Thúc Quan, 0010.

Hà Trung (xã)

Hà Văn Luận, 2040.

Hạ Phù (xã thôn)

Hạ Sưu (tổng)

Hạc Cao (tổng)

Hải An (), 0267.

Hải Châu (xã)

Hải Dương (tỉnh),

Hải Đông (*), 1942

Hải Lăng (huyện),

Hải Nam (bang), 0099.

Hải Ninh (tỉnh),

Hải Vân (đèo), 1339, 1858

Hải Yên ()

Hàm Tân (thôn)

Hàm Thuận (phủ)

Hành Cận (tổng),

Hạnh Lâm (thôn)

Hào Kiệt (xã thôn), 1956.

Hậu An (xã thôn),

Hậu Song (thôn),

Hậu Tân (xã thôn), 1956.

Hiền Lương (miếu),

Hiệp Hòa (xã),

Hiều (lăng),

Hiếu kinh (sách), 0774.

Hiếu Tư (điện),

Hector (Séraphin Hector), 0077, 0090, 0097, 0103, 0104, 0105, 0107, 0108, 0119, 0126, 0137, 0139, 0141, 0158, 0197, 0202, 0268, 0285, 0286.

Hề Vinh Ky, 0549.

Hòa An (xã),

Hòa Bình (tổng)

Hòa Đa (Thổ huyện),

Hòa Đa (thổ phủ),

Hòa Khiêm (điện),

Hòa Lạc (tổng)

Hòa Lan, 0424, 1050.

Hòa Mỹ (tổng),

Hòa Mỹ (châu),

Hòa Mỹ Trung (châu),

Hòa Sơn (làng), 1837

Hòa Tường (tổng),

Hòa Thục (đồn),

Hòa Vàng (huyện)

Hoài Ân (châu),

Hoài Trạch công (vua Thành Thái), 0001.

Hoàn Lão (xã),

Hoàn hải quy hồng kỷ niệm lục (sách), 1731

Hoàng An (tổng)

Hoàng Bá Đàm, 0967.

Hoàng Bính, 0051.
Hoàng Cao Khải, 0017, 0043, 0087, 0123, 0202, 0223, 0256, 0289, 0309, 0336, 0352, 0362, 0430, 0441, 0468, 0568, 0604, 0617, 0640, 0664, 0666, 0670, 0682, 0713, 0717, 0736, 0764, 0776, 0780, 0782, 0784, 0798, 0833, 0852, 0901, 0930, 0946, 1076, 1093, 1100, 1144, 1150, 1155, 1752.
Hoàng Công (xã)
Hoàng Công (tổng)
Hoàng Chi, 1313.
Hoàng Hữu Xứng, 0267, 0336, 0338, 0394, 0600, 0678, 0705, 0800, 0828, 1012, 1356.
Hoàng Kim Xán, 1592.
Hoàng Mậu, 0561.
Hoàng Nghĩa (thôn),
Hoàng Tá Viêm, 0022, 0900, 1320, 1586, 1592.
Hoàng Tuấn, 0679.
Hoàng Thạch (ấp),
Hoàng Thị Kiểm, 1297.
Hoàng Thị Lịch, 1382.
Hoàng Thoan, 0593.
Hoàng Thông, 0743, 1516.
Hoàng Trọng Phu, 0604, 0626, 0636, 0969, 1877.
Hoàng Trường (tổng), 1956.
Hoàng Văn Ngai, 2030.
Hoàng Văn Tuấn, 0655, 0675.
Hoàng Xuân Hải, 1313.
Hoàng Xuân Phụng, 0194, 0198.
Hoàng Hóa (huyện),
Hoàng liệt Thông triết Mẫn huệ Thuận hoàng đế, 0009
Hoàng tông Tuyên hoàng đế (Phụng Hóa công), 0778, 1037, 1079, 1400, 1582, 1874, 2042.
Hoành Sơn (thôn),
Hoành Thu (tổng)
Hòn Chén (danh thắng), 1739
Hòn Đùn (), 1858.*
Hòn Roi (), 1858.
Hò Biên, 0679.
Hò Đắc Chiêu, 1960.
Hò Đắc Đệ, 1504.
Hò Đắc Trung (Khánh Mỹ từ), 0683, 0717, 1259, 1496, 1558, 1602, 1652, 1695, 1797, 1821, 1830, 1867, 1883, 1885, 1890, 1892, 1900, 1903, 1949, 1951.
Hò Đắc Uyên, 2006.
Hò Đệ, 1035, 1110, 1205, 1239, 1309, 1311, 1343, 1399.
Hò Hưu, 1186.
Hò Kỳ, 0175.
Hò Khuê, 0648.
Hò Lãm, 0474.
Hò Lê (An Lương từ), 0095, 0226, 0336, 0404, 0436, 0454, 0488, 0533, 0595, 0601, 0765, 0769, 1156, 1206, 1210, 1246, 1258, 1265, 1277, 1300, 1302, 1307.
Hò Phúc, 0577, 0593.
Hò Quỳnh, 0158.
Hò Sĩ Đạo, 2006.
Hò Thế Trị, 1388.
Hò Trung Lượng, 1975.
Hò Uy, 0175.
Hò Văn Phúc, 0180, 0614, 0661, 1009.
Hò Văn Tháp, 1718.
Hò Viễn, 1186.
Hò Xá (tổng)
Hò Xuân Trang, 1562.
Hội An ()
Hội điển (sách), 0044, 0542, 1940.
Hội điển (sách nhà Minh), 0815.

Hội điển tục biên (sách), 1940.
Hội Khách (xã)
Hội Loát (người Pháp), 0247.
Hội Nguyên (thổ huyện)
Hội Tâm (xã)
Hồng Bàng, 1015.
Hồng Bảo (An Phong công), 0877.
Hồng Dánh, 0058.
Hồng Dục, 0927.
Hồng Đơn, 0554, 1001, 1047, 1118, 1366, 1407, 1417.
Hồng Đức, 1015.
Hồng Hàn, 0490, 0880, 1258.
Hồng Hưu (Gia Hưng công), 0019.
Hồng Ích, 0957, 1911.
Hồng Kiện (Thường quốc công, An Phước công), 0295.
Hồng Kỳ, 0687.
Hồng Kháng, 1113.
Hồng Khăng, 0406, 0540, 1986.
Hồng Mục, 0174.
Hồng Nhung, 0894, 1005, 1160.
Hồng Phó (Thái Thịnh quận vương), 0775.
Hồng Phố, 1095.
Hồng Quân, 1860
Hồng Tô (Tuyên quốc công, Hoảng Trị công, Hoảng Trị quận vương), 0295, 0722, 0758, 0798, 0916, 0917, 1093.
Hồng Thiết, 0980, 1860.
Hồng Thúc Huệ, 1401.
Hồng Thứ *, 1095.
Hồng Trang, 1860
Hồng Trí, 0097, 1503.
Hồng Uy (Hòa Thịnh quận vương, Hòa Thịnh quận công), 1305, 1860.
Huế (kinh đô),
Huế (Nguyễn Huệ), 0804, 2013.
Huế An (phường),
Huế Ác (thôn)
Hùng, 0980.
Hùng Sơn (đồn),
Huy Nhi Ê (người Pháp), 1891
Huỳnh Bá Trinh, 0137.
Huỳnh Côn (Mỹ Hòa từ), 0513, 0661, 0673, 0704, 0884, 0887, 0950, 1091, 1141, 1241, 1246, 1299, 1308, 1310, 1366, 1390, 1440, 1452, 1471, 1484, 1534, 1583, 1695, 1700, 1702, 1710, 1722, 1728, 1782, 1815, 1835, 1883, 1885, 1886, 1892, 1900, 1911, 2004.
Huỳnh Kim Đài, 1264.
Huỳnh Lư, 1506.
Huỳnh Phước Lợi, 1366.
Huỳnh Quyên, 0129.
Huỳnh Tấn Mưu, 1830, 1868.
Huỳnh Tịnh Cửa, 0698.
Huỳnh Thúc Kháng, 1529, 1547.
Huỳnh Văn Đách, 1507.
Huỳnh Văn Ngô, 1789.
Huỳnh Vĩ, 0072, 0161, 0336, 0392, 0436, 0534, 0553, 0682, 0684, 0721, 0784, 0798, 0901, 0917, 0946, 1076, 1092, 1093, 1212, 1788.
Huỳnh Việt Bút, 1912.
Hứa Tạo, 1507.
Hưng Di Dinh Bôn, 0734.
Hưng Hóa (tỉnh)
Hưng Nguyên (phủ),
Hưng Nhân quốc công (Bửu Kiêm), 1404, 1417.
Hưng Nhân quốc công (phủ), 1533.

Hưng Phúc (xã thôn)
Hưng Thạnh (tổng),
Hưng Xá (tổng), 1956.
Hưng Yên (tỉnh),
Hương Khê (huyện)
Hương Sơn (chợ),
Hương Sơn (huyện)
Hương Sơn (hạt)
Hương Thủy (huyện)
Hương Trà (huyện),
Hướng Đạo (thôn),
Hữu Đạo (tổng), 1956.
Hữu Giảng đường,
Hữu Lũng (huyện)
Hữu Trinh (xã)
Hựu tông Trưng hoàng đế, 0671.
Hy Lợi (ấp),
Hy Nông (ấp),
Hy Nguyên (ấp)

I

J*

Jean Brière, 0807.

K*

Kê Bao (ấp), 1956.
Kê Cháo (ấp), 1956.
Kê Đàm (ấp), 1956.
Kê Học (ấp), 1956.
Két (người Pháp), 1893.
Kiên Giáp (xã)
Kiên Thái vương* (), 0005
Kiến An (tỉnh),
Kiến Xương (huyện)
Kiến Văn (Chu Doãn Văn), 0724.
Kiều lãng (lãng), 0009.
Kim Bảng (thôn),
Kim Giám (xã), 1956.
Kim Giám (tổng), 1956.
Kim Liên (xã),
Kim Luông (nhà thờ), 0076.
Kim Luông (), 0243.
Kim Mạ (xã), 2011.
Kim Sơn (huyện),
Kim Thanh Hưng, 0136.
Kim Thành (xã)
Kinh Xuân thu, 0297.
Kinh Dinh (tổng)
Kinh Triều (xã)
Kontum (tỉnh), 1850
Kontum (Sở Đại lý)
Kontum (Thổ huyện), 1656, 1714, 1737, 1750, 1850, 1851, 1928, 1989.
Kỳ Anh (huyện)
Kỳ Anh (cửa biển)
Kỳ Sơn (xã)
Kỳ Bộc (xã),
Kỳ Thái (ấp), 1956.

Klobukowski (Antony Wladislas Klobukowski), 1532, 1553, 1575, 1619, 1626, 1654, 1692, 1724, 1734, 1735.

Kh*

Khả Lãm (xã thôn)

Khánh (con Tôn Thất Thuyết), 0823.

Khánh Chúc (thôn)

Khánh Hòa (tỉnh),

Khâm định tập yếu, 0793

Khâm định Tập vận trích yếu, 1337.

Khâm định Việt sử, 0106.

Khâm định Việt sử cương mục, 0793

Khâm định Việt sử thông giám cương mục, 0580, 1033, 1077.

Khâm định Việt sử phú, 0783.

Khâm Châu (biên ải),

Khâm thiên giám, 0014, 0040, 0052, 0070, 0114, 0244, 0245, 0248, 0307, 0322, 0326, 0398, 0428, 0508, 0518, 0539, 0559, 0719, 0851, 1076, 1155, 1282, 1299, 1354, 1366.

Khâm Văn (điện),

Khe Ai (ấp), 1956.

Khe Quỳ (ấp), 1956.

Khiêm lăng (lăng),

Khiếu Cát (xã), 1956.

Khiếu Hữu Sứ, 0338.

Khiếu Năng Tĩnh, 0659, 0828, 1296.

Khoa Trường (xã thôn)

Khoái Châu (phù)

Khu Lê (), 0469.

Khuông Phò (chợ),

Khương Mỹ (xã),

L*

La Bi (người Pháp), 1831, 1851.

La Cô (xứ), 0281.

La Chử (ấp)

La Định (châu),

La Sơn (hạt),

La Vân (tổng)

Lạc (hộ), 1768

Lạc Biên (),

Lạc Giang (sông)

Lai Đồng (xã)

Lao Bảo (),

Lào,

Lạo (châu)

Lam (sông)

Lang Chánh (châu)

Lang Đề (), 2012.

Lang Trụ (xã)

Lang Văn Môn, 1564.

Lãng Gian (xã),

Lãng Quang (xã),

Lãng Trung (tổng), 1956.

Lạng Giang (phù),

Lạng Sơn (tỉnh)

Lại bộ Hà Đình lục sứ trình, 1799.

Lại Đức, 0255.

Lại Thế (xã), 1840

Lãnh Thuận, 0567.

Lãnh binh Cát, 0614.

Lãnh binh Nghị, 0696.

Lâm Cẩm (đập), 0124.
Lâm La (tổng),
Lâm Nhạc, 0460.
Lâm Phúc Lợi, 0342.
Lâm Thao (hạt)
Lâm Viên (tỉnh)
Lập Định (xã)
Lập Thạch (xã)
Lập Thạch (huyện)
Lê Bá, 1189.
Lê Bá Cử, 1483, 1589.
Lê Bá Dị (người Pháp), 1995.
Lê Bá Đôn, 0293.
Lê Bá Thận, 1189.
Lê Bằng, 0469.
Lê Cơ, 0247.
Lê Cơ, 1052.
Lê Cơ, 1244.
Lê Chất, 0091.
Lê Chân, 0577, 0593, 0629, 0630, 0661, 0961, 1310, 1417.
Lê Chí Thành, 0422.
Lê Cường, 1971.
Lê Duy Hình, 0097, 0126, 0317.
Lê Duy Thụy, 0338, 0970.
Lê Đạt, 0898, 1206.
Lê Đức, 0412.
Lê Đức Phong, 2040.
Lê Dịch Cát, 0089.
Lê Đình Đông, 1503.
Lê Hoan (Phú Hoàn nam, Phú Hoàn tử), 0247, 0452, 0664, 1619, 1638, 1701, 1958, 1998.
Lê Hoàn, 1440, 1596.
Lê Hữu Điền, 0812.
Lê Hữu Tích, 1258.
Lê Hữu Tín, 0955.
Lê Luật (xã)
Lê Liên, 0821.
Lê Kinh Hiệp, 0194.
Lê Khải, 1599.
Lê Khiết, 0577, 0593, 0614, 0617, 0624, 0648, 0652, 0661, 0742, 1200, 1507.
Lê Mẫn đế, 0671.
Lê Mậu, 1055, 1060, 1208.
Lê Ngọc Trác, 1423.
Lê Ngưỡng, 1743.
Lê Nhất Thiệu, 0899.
Lê Phan, 0493.
Lê Phú Ân, 1052, 1093.
Lê Quý, 0614.
Lê Tấn, 1210.
Lê Tiếp, 1206.
Lê Tô, 1971.
Lê Tuấn, 0899, 1864.
Lê Tụy, 0614.
Lê Từ, 1503.
Lê Thám, 0661.
Lê thị (Kiến Thụy vương phi), 0739.
Lê Thị Tây (Nhu Thục), 1061.
Lê Thiện Kế, 0924, 1220.
Lê Thụy, 0053, 0683.
Lê Thuyết (Tôn Thất Thuyết), 0058, 0108, 0158, 0823.

Lê Trinh, 0018, 0055, 0332, 0414, 0537, 0553, 0601, 0643, 0696, 0873, 1212, 1252, 1277, 1347, 1363, 1366, 1378, 1426, 1435, 1452, 1467, 1484, 1494, 1534, 1568, 1600, 1625, 1639.
Lê Trinh (Thị độc Nội các), 2004.
Lê Trường Danh (Tuy Viễn hầu, Đôn Mục), 1061.
Lê Trường Kỳ (Phú Phong bá, Đôn Trang), 1061.
Lê Trường Tô (Phúc Tích tử, Thuần Nhã), 1061.
Lê Trường Yêu (Chính Lộc nam, Đoan Trực), 1061.
Lê Ứng, 0675.
Lê Văn Bách, 1696.
Lê Văn Diễn, 0091.
Lê Văn Duyệt, 0091.
Lê Văn Đoan, 1585.
Lê Văn Hưu, 1015.
Lê Văn Khánh, 1273.
Lê Văn Lăng (chúa tàu Bằng), 1718.
Lê Văn Phú, 0091.
Lê Văn Ôn, 1547.
Lê Văn Thi, 0434.
Lê Văn Thiệu, 1698.
Lê Văn Trung, 0577, 0593, 0704,
Lê Văn Trứ, 0726.
Lê Xá (xã),
Lê Xuân, 1781.
Lê Xuân Bút, 0704.
Lễ (Giám mục), 0076.
Lễ Cù (xã)
Lễ Xuyên (xã)
Lệ Chi (xã),
Lệ thiên Anh hoàng hậu, 0002, 0040, 0114, 0752, 1242, 1281.
Lệ Uyên (thôn),
Liêm Bình (phủ)
Liên Thành (),
Liên Trì (xã)
Linh Quang (chùa), 1550.
Liang-bian, 0934, 1350.
Long An (điện),
Long Cốc (xã)
Long Mỹ (thôn), 1956.
Long Nguyên (xã)
Long phi (thuyền), 1718
Long Phú (xã),
Long Quang (chùa), 1550.
Long Tường (thôn)
Long Thành, 0255.
Long Thạnh (xã)
Long Thọ (gò),
Lộ Châu (đồn),
Lộ Vị (thôn), 1897
Lộc (Giám mục), 0076.
Lộc Châu (xã thôn)
Lộc Thủy (thôn)
Lôi Dương (tổng)
Luận ngữ,
Luận ngữ chính văn tiểu đối, 0390, 0774.
Luận ngữ thích nghĩa ca, 0700, 1137.
Luật lệ toát yếu, 1510, 1596.
Lục Lâm (chòm)
Lục Nam (tỉnh),
Lục Ngạn (huyện),

Luyện Vi (xã thôn),
Lư Ba Sơ, 0402.
Lư Sơ Tồi, 0666.
Lư Thoa hồn (sách), 1731
Luu Cung, 0356, 0682, 0716.
Luu Đức Xứng, 0568, 0704, 1127, 1159, 1911, 1975.
Lương Ân Thứ, 0430.
Lương Cự (xã), 1753
Lương Châu, 1507.
Lương Doãn Nguyên, 1358.
Lương Điền (tổng)
Lương Giai (xã thôn)
Lương Khiêm (điện),
Lương Nông (ấp), 1549.
Lương Quy Chính, 0055, 0178, 0216, 0239, 0254, 0279, 0297, 0338.
Lương Tam Kỳ, 0222, 0638.
Lương Vân Phong, 0090.
Lương Xuân (ấp)
Lưỡng Quảng (), 0108.
Lý Hành Ký, 0121.
Lý Mỹ (thôn), 1956.
Lý Nhân (phủ),
Lý Sơn (tân thủ), 0251.
Lý Sơn (tổng), 1729.
Lý Trai (tổng), 1956.
Levecque (Fernand Ernest Levecque), 1367, 1377, 1386, 1388, 1391, 1392, 1401, 1418, 1422, 1434, 1436, 1438, 1448, 1450, 1455, 1460, 1467, 1468, 1470, 1472, 1480, 1487, 1488, 1511, 1516, 1524, 1535, 1540, 1547.
Léonard Aourousseau, 1849.
Lieven (Alexandre Alexandrovich Lieven), 1291.
Luce (Louis Paul Luce), 1724, 1734, 1752, 1763.
Loubet (Émile Loubet), 0886, 1827.
Lyon (thành), 0469.

M*

Ma Di (người Pháp), 0917.
Mạ (xứ), 0934.
Mạc Cảnh Huông, 1481.
Mạc Kính Điển, 1481.
Mạc Lê (người Pháp), 0208.
Mai Bá thị (Mai Thị Vàng), 2016, 2035.
Mai Dực (phủ), 1623***.
Mai Đức Nghị (Vĩnh Lại hầu), 0174.
Mai Hữu Dực, 0614, 1503, 1695, 1815.
Mai Khắc Đôn, 0798, 1322, 1671, 1777, 2016, 2035.
Mai Lộc (tổng),
Mai Quý (Mai Thế Quý), 0899.
Mai Thị Vàng, 2016.
Mai Thị Ôn, 0976.
Mai Trọng Điền, 0899.
Mai Văn Lợi, 1840.
Man (đất)
Man Rhade ()
Man (người)
Mang Cá (đồn), 2042.
Mậu Hòa (tổng)
Mậu Lâm (thôn)
Mậu Tài (tổng)
Mậu Thịnh (thôn)
Mê Di Sơ (), 0734.

Mi Lư (), 0372, 0482.
Mi Ra (người Pháp), 1971.
Minh Đức (ấp)
Minh Đức (thôn)
Minh Hương (xã)
Minh Mạng cung từ, 0113.
Minh Mạng chính yếu, 0570, 1036, 1077.
Mi Nô (người Pháp), 0222.
Minh Nghĩa, 0255.
Minh sử, 0724.
Minh Trung (gác), 1566.
Minh Viễn (lâu),
Miên Lâm (Hoài Đức công, Hoài Đức quận vương), 0003, 0012, 0020, 0269, 0273, 0519, 0524, 0660, 0682, 0799.
Miên Lịch (Yên Thành quận công, Yên Thành quốc công), 0447, 1347, 1452, 1484, 1534, 1588, 1689, 1722.
Miên Miễn (Cẩm Giàng quận công), 0015, 0599.
Miên Phương (An Xuyên quận công, Xuyên quốc công), 0354, 0729, 0798, 1001, 1026, 1093.
Miên Tuấn (Hòa Thịnh công, Hòa Thịnh quận vương), 0674, 0901, 1442.
Miên Thẩm, 0113.
Miên Triệu (Quỳnh quốc công, Hoảng Hóa công), 0019, 0056, 0058, 0579, 1324.
Miên Trinh (Tuy Lý công, Tuy Lý quận vương, Tuy Lý vương), 0003, 0012, 0020, 0056, 0127, 0255, 0259, 0273, 0519, 0524, 0660, 0797, 1242.
Miêu Nha (thôn)
Móng Cái (xứ),
Mông Đức (thôn),
Mỗ Thổ (xã),
Mộ Đức (huyện), 0887, 1294, 1549, 1578, 1847.
Mường Chấn (châu)
My Nanh (người Pháp), 0036.
Mỹ Châu (thôn)
Mỹ Duyệt (thôn)
Mỹ Đức (huyện)
Mỹ Đức (đạo)
Mỹ Hào (huyện)
Mỹ Hòa (tổng),
Mỹ Hòa (xã)
Mỹ Phú (xã thôn)
Mỹ Tân (châu),
Mỹ Tường (tổng),
Mỹ Thạnh (thôn),
Mỹ Thiện (thôn),
Mỹ Trạch (châu),
Mỹ Xuyên (xã),
Marseille (thành), 0469, 1094, 1614.
Mahé (Georges Marie Joseph Mahé), 1765, 1771, 1772, 1779, 1786, 1787, 1792, 1793, 1805, 1810, 1815, 1819, 1826, 1831, 1844, 1860.
Marlier, 0567.
Moulié (Jean-Ernest Moulié), 1267, 1286, 1287, 1293, 1294, 1296, 1300, 1302, 1304, 1307, 1334, 1339, 1342, 1349, 1350, 1366, 1367, 1375, 1391.
Marc Pourpe, 1854.

N*

Na Mi (ấp), 1956.
Nam Chân (huyện)
Nam Đàn (huyện),
Nam Đàn (tổng)
Nam Đẽ (đường núi)
Nam Định (tỉnh),
Nam Giao (đàn),
Nam Huân (đồn)

Nam Kim (tổng)
Nam Ngãi (liên tỉnh)
Nam Phố (chợ),
Nam Thanh (xã ấp),
Nam Trạch ()
Nam Trung ()
Nam Xương (huyện)
Năng Tĩnh (xã thôn)
Năm Đông (xã thôn)
Nậm Nhoóng ()
Ni Cô La, 1094.
Niết Ngoai (ấp), 1956.
Niết Trung (ấp), 1956.
Ninh Bình (tỉnh)
Ninh Châu (cửa biển), 1850
Ninh Nhất (tổng)
Ninh Tĩnh (thôn)
Ninh Thuận (đạo),
Ninh Thuận (phủ)
Nội các, 0009, 0018, 0044, 0046,
Nông Cống (hạt)
Nông Sơn (xã), 1891
Nông Sơn (mỏ than), 0090, 0363, 0461, 0573, 1891
Nông Tang, 0982.
Nông Văn Vân, 1863.
Nordemann (Edmond Nordemann), 0836, 1401.

Ng* – Ngh*

Nga Sơn (huyện),
Ngãi Trì (xã),
Ngàn Bông ()
Ngàn Phố (sông),
Ngàn Sâu (sông),
Ngọ Môn (lầu),
Ngọc Bạng (thôn)
Ngọc Hoàn (Tân Phong công chúa), 1650.
Ngọc Huyền, 0255.
Ngọc Kinh Đông (xã)
Ngọc Kinh Tây (xã)
Ngọc Lam (xã),
Ngọc Lãnh (thôn)
Ngọc Lặc (châu),
Ngọc Lâm, 1499.
Ngọc Liên, 1481.
Ngọc Phong (thôn),
Ngọc Sơn (chùa), 1550.
Ngọc Sơn (xã), 1439.
Ngọc Trăn, 0255.
Ngô Cung, 0475.
Ngô Dũng, 1963.
Ngô Đắc Hữu, 1876.
Ngô Đức Đĩnh, 0485.
Ngô Đức Kế, 1032, 1547, 1563, 1678.
Ngô Đình Khả, 0284, 0577, 0593, 0661, 0721, 0966, 1009, 1228, 1366, 1391, 1455, 1815, 1888.
Ngô Hoán (Khoa đạo), 0975, 1231.
Ngô Hoán (Ngự sử), 1574.
Ngô Hoán (Hình khoa Chương ấn), 1960, 2000.
Ngô Huệ Liên, 0561, 0600, 0678, 1563.
Ngô Hữu Hựu (Hựu Đức hầu), 0175.

Ngô Hữu Thành, 0175.
Ngô Liên, 1246.
Ngô Mậu Trực, 0661.
Ngô Oánh, 0512.
Ngô Phúc Hoàn, 0804.
Ngô Sĩ Liên, 1015.
Ngô Tông Châu (Ninh Hòa quận công), 0174.
Ngũ kinh đại toàn thể chú, 0793
Ngũ Khê (xã),
Ngũ lễ thông khảo, 0815.
Ngũ Phúc (xã thôn)
Ngưng Hy (điện), 0039, 0041, 0778, 0957, 1024.
Nguy Khắc Hương, 0158.
Nguyễn Hanh (thôn),
Nguyễn Ân Tài, 1510.
Nguyễn Bá Thái, 1899.
Nguyễn Bích, 1507.
Nguyễn Cang, 1507.
Nguyễn Cảnh, 0711.
Nguyễn Cần, 0736.
Nguyễn Cây, 1456.
Nguyễn Công Tuy, 0701.
Nguyễn Công Trứ (Thọ Tường tử), 1863.
Nguyễn Cư Trinh (Tân Minh hầu), 0174.
Nguyễn Cửu Dật, 0174.
Nguyễn Cửu Tụ, 0194.
Nguyễn Chánh, 0029, 0117, 0133, 0267, 0324, 0338, 0458, 0465, 0488, 0490, 0697.
Nguyễn Chát, 0431.
Nguyễn Chúc, 1200.
Nguyễn Chuyên, 1723.
Nguyễn Chước, 0779.
Nguyễn Doãn, 1016.
Nguyễn Doãn Tụ, 0220.
Nguyễn Duy Cần, 1732.
Nguyễn Duy Đạm, 1366.
Nguyễn Duy Hàn, 1382.
Nguyễn Duy Miên, 1296.
Nguyễn Duy Phan, 0186.
Nguyễn Duy Phiên, 1440.
Nguyễn Duy Tích, 1965.
Nguyễn Duy Trách, 1358.
Nguyễn Dực, 1507.
Nguyễn Đắc Mậu, 0642.
Nguyễn Đăng Tuấn, 0092.
Nguyễn Đề, 2042.
Nguyễn Điền, 1016.
Nguyễn Đích, 1781.
Nguyễn Địch Cát, 1789.
Nguyễn Đình, 0661.
Nguyễn Đình, 1784.
Nguyễn Đình Hòe, 0284, 1732.
Nguyễn Đình Hiến, 1358.
Nguyễn Đình Nhuận, 0490, 0578.
Nguyễn Đình Quang, 0222.
Nguyễn Đình Tấn, 1444.
Nguyễn Đình Tuấn, 1032.
Nguyễn Đình Trạch, 0412.
Nguyễn Đình Truyện, 1962.
Nguyễn Đình Văn, 0980.

Nguyễn Đức Hiệp, 1210.
Nguyễn Đức Huy, 0561, 0812, 1031.
Nguyễn Đức Lý, 1440, 1510, 1596, 1802, 1835, 2005.
Nguyễn Gia, 0597.
Nguyễn Gia thị (Hoàng quý phi) 0728.
Nguyễn Gia Thoại, 0512, 0561, 0577, 0593, 0607, 0630, 0661, 1310, 1366, 1401, 1632.
Nguyễn Gia Trinh, 0010.
Nguyễn Gia Trung, 1601, 1676, 1797, 1817, 1926.
Nguyễn Gián, 0802.
Nguyễn Giảng, 1200.
Nguyễn Giao, 1052.
Nguyễn Hàng Chi, 1507.
Nguyễn Hách, 1280, 1353, 1558, 1630.
Nguyễn Hiến, 1794.
Nguyễn Hiến Dĩnh, 0577, 0593, 0662, 1603, 1755.
Nguyễn Hiệp, 0207.
Nguyễn Hoàng, 1028.
Nguyễn Huân, 1258.
Nguyễn Huyền, 0422, 0800.
Nguyễn Hữu Bài, 0635, 1009, 1094, 1266, 1366, 1367, 1377, 1381, 1386, 1434, 1436, 1441, 1452, 1484, 1487, 1521, 1534, 1555, 1583, 1600, 1607, 1672, 1703, 1722, 1749, 1761, 1772, 1815, 1862, 1892, 1900, 1964, 2017.
Nguyễn Hữu Biểu, 1847.
Nguyễn Hữu Cấp, 0097, 0257.
Nguyễn Hữu Cảnh (Vĩnh An hầu), 0174.
Nguyễn Hữu Dật (Tĩnh quốc công), 0174.
Nguyễn Hữu Độ (Vĩnh Lại quận công, Vĩnh quốc công), 0015, 0151, 1026, 1616.
Nguyễn Hữu Ích, 1503.
Nguyễn Hữu Khánh, 1848.
Nguyễn Hữu Lộc, 0168.
Nguyễn Hữu Mẫn, 0058, 0292, 0743, 1976.
Nguyễn Hữu Nền, 0168.
Nguyễn Hữu Phát, 1848.
Nguyễn Hữu Tấn, 0017.
Nguyễn Hữu Tiếp, 1861.
Nguyễn Hữu Tường, 0643.
Nguyễn Hữu Tý, 1026.
Nguyễn Hữu Thăng (Nghĩa An bá), 0241, 0254, 0267, 0302, 0336, 0357, 0397, 0408, 0479, 0532, 0704, 0717, 0784, 0798, 0814, 0873, 0939, 0998, 1032, 1057, 1076, 1093, 1144, 1155, 1176, 1221, 1269, 1277, 1293, 1299, 1307, 1352.
Nguyễn Hữu Thiên, 1221.
Nguyễn Hữu Thứ, 1052.
Nguyễn Hữu Trác, 0812.
Nguyễn Hữu Vĩnh, 0017.
Nguyễn Hy, 1985.
Nguyễn Kiện, 0577, 0593.
Nguyễn Khang, 0642.
Nguyễn Khai, 1963.
Nguyễn Khải, 0338.
Nguyễn Khải (Bổ chánh Khánh Hòa), 1755, 1835.
Nguyễn Khắc Niêm, 1440.
Nguyễn Khắc Trọng, 0585, 0661, 1495, 1696.
Nguyễn Khắc Xương, 1908.
Nguyễn Khiêm, 1507.
Nguyễn Khoa Đàm, 0942.
Nguyễn Khoa Tân (Tuần phủ), 1853, 2005.
Nguyễn Khuê, 0390, 0774.
Nguyễn Lập, 1967.
Nguyễn Lâu, 1611.
Nguyễn Lâm, 0243.

Nguyễn Lâm Phụ, 0537.
Nguyễn Liên, 0408, 0705.
Nguyễn Liêu, 1365.
Nguyễn Loan, 1507.
Nguyễn Lợi, 1959.
Nguyễn Lương, 0528.
Nguyễn Mạnh, 1507.
Nguyễn Mỹ Lăng, 0628.
Nguyễn Năng Quốc, 0966.
Nguyễn Ngọc Ký, 1813.
Nguyễn Ngọc Lăng, 0471.
Nguyễn Ngọc Liên, 0051.
Nguyễn Ngọc Ngoạn, 0200.
Nguyễn Nhiều, 1602.
Nguyễn Nhuận, 0585, 0942.
Nguyễn Như, 0124.
Nguyễn Như Lâm, 0769.
Nguyễn Nhự, 0537.
Nguyễn Phan, 1507.
Nguyễn Quán, 0561.
Nguyễn Quang Siêu, 2042.
Nguyễn Quang Trứ, 1891.
Nguyễn Quý Am, 0239, 0252.
Nguyễn Quýnh, 1965.
Nguyễn Sanh, 0922, 1367.
Nguyễn Tâm Cảnh, 1315.
Nguyễn Tân, 0701, 0887.
Nguyễn Tất Trung, 1030, 1052, 1093, 1142, 1166, 1366, 1493, 1601.
Nguyễn Tăng Ý, 0030.
Nguyễn Tiến, 0568, 0646.
Nguyễn Tiễn, 1401.
Nguyễn Tiến Cương, 0743.
Nguyễn Tiến Tài, 0816.
Nguyễn Tình Định, 0422.
Nguyễn Toán, 0431.
Nguyễn Tuân, 0699.
Nguyễn Tuy, 1507.
Nguyễn Tuyển, 0614.
Nguyễn Tư Giản, 0062.
Nguyễn Tư Tái, 1596.
Nguyễn Tư Trực, 1529.
Nguyễn Trương, 0743.
Nguyễn Tử Thân, 0338.
Nguyễn Tự Như, 0828.
Nguyễn Thanh, 0980.
Nguyễn Thanh Nhã, 1351.
Nguyễn Thành, 1507.
Nguyễn Thành Ý, 0267, 0321, 0830.
Nguyễn Thắng Hơn, 1752.
Nguyễn Thân, 0190, 0207, 0211, 0219, 0226, 0231, 0235, 0236, 0266, 0286, 0308, 0323, 0325, 0357, 0404, 0414, 0553, 0577, 0585, 0593, 0603, 0614, 0630, 0640, 0642, 0645, 0652, 0653, 0670, 0682, 0683, 0701, 0708, 0714, 0728, 0729, 0745, 0760, 0782, 0784, 0798, 0800, 0812, 0814, 0833, 0852, 0887, 0901, 0923, 0943, 0946, 0989, 1076, 1094, 1096, 1144, 1155, 1556, 1825, 1922.
Nguyễn Thị (Huyền phi Nhất giai), 0759.
Nguyễn Thị Bình, 1811.
Nguyễn Thị Chu (Trinh Nhân), 1061.
Nguyễn Thị Đình, 0989.
Nguyễn Thị Khang (Trinh Thục), 1061.
Nguyễn Thị Lượng, 1846.

Nguyễn Thị Tần, 0914.
Nguyễn Thị Tuyên, 1107.
Nguyễn Thị Viên (vợ cố Ngự sử Lạng Bằng Phạm Thắng Phương), 0803.
Nguyễn Thị Viên (vợ Công tôn Ứng Nghệ phòng Tuy lý vương), 1622.
Nguyễn Thiện, 0845.
Nguyễn Thiện Hành, 1733, 1835.
Nguyễn Thiện Thuật, 1789.
Nguyễn Thoại, 0058.
Nguyễn Thuận, 0642.
Nguyễn Thuận Phát, 1986.
Nguyễn Thuật, 0021, 0061, 0254, 0279, 0293, 0313, 0390, 0414, 0460, 0477, 0525, 0548, 0553, 0561, 0683, 0782, 0784, 0798, 0814, 0873, 0901, 0917, 0930, 0960, 1005, 1031, 1156, 1176, 1243, 1799.
Nguyễn Thúc, 2006.
Nguyễn Thúc Dinh, 1504, 1965.
Nguyễn Thúc Độ, 1640.
Nguyễn Thước, 1508, 1794.
Nguyễn Thường Đỉnh, 0175.
Nguyễn Thượng Hiền, 0338.
Nguyễn Thượng Phiến, 0267, 0336, 0415, 0561, 0787, 1523.
Nguyễn Thượng Trung, 2042.
Nguyễn Trần Lương, 0812.
Nguyễn Tri Đạo, 0243.
Nguyễn Tri Phương (Tráng Liệt bá), 0243.
Nguyễn Tri, 0173.
Nguyễn Trọng Hàm, 1496.
Nguyễn Trọng Hợp, 0003, 0012, 0020, 0051, 0052, 0127, 0150, 0161, 0197, 0204, 0241, 0242, 0245, 0254, 0269, 0273, 0302, 0335, 0352, 0398, 0469, 0524, 0532, 0535, 0542, 0636, 0682, 0683, 0692, 0705, 0717, 0730, 1015, 1059, 1117, 1155, 1320, 1799, 1932.
Nguyễn Trọng Tô, 1417.
Nguyễn Trọng Tương, 1802.
Nguyễn Trung Quán, 0245.
Nguyễn Trục Lượng, 0010.
Nguyễn Trường Huống (Mạc Cảnh Huống), 1481.
Nguyễn Trường Giáp, 1718.
Nguyễn Trùng, 0058, 0930.
Nguyễn Văn, 0577, 0593, 0607, 0661, 1417, 1579.
Nguyễn Văn Bản, 0812.
Nguyễn Văn Cán, 1980.
Nguyễn Văn Cương, 1273.
Nguyễn Văn Chất, 1282.
Nguyễn Văn Chấn (chúa tàu Long, Dayot), 1718, 2013.
Nguyễn Văn Chiêu, 1380.
Nguyễn Văn Diễn, 1967.
Nguyễn Văn Đắc, 0091.
Nguyễn Văn Đổ, 1981.
Nguyễn Văn Đông, 1094.
Nguyễn Văn Đồng, 1640.
Nguyễn Văn Giáp, 1702.
Nguyễn Văn Hiền (Chủ sự bộ Lại), 1094, 1421,
Nguyễn Văn Hiền (Vệ úy Thân binh), 1926.
Nguyễn Văn Hiền (Lang trung bộ Công), 1986, 2005.
Nguyễn Văn Hữu, 0689.
Nguyễn Văn Ích, 1127.
Nguyễn Văn Khâm, 1229.
Nguyễn Văn Khiêm, 0175.
Nguyễn Văn Lâm, 1417.
Nguyễn Văn Liên, 1986.
Nguyễn Văn Mại, 0469, 0743, 1032, 1188, 1206, 1611, 1617, 1733.
Nguyễn Văn Mẫn, 0469.

Nguyễn Văn Miến, 1273.
Nguyễn Văn Nhon (Kinh Môn quận công), 0091, 0174, 0507, 0699.
Nguyễn Văn Nhược, 1908.
Nguyễn Văn Phiếm, 0743.
Nguyễn Văn Phụ, 1615.
Nguyễn Văn Phương, 1094.
Nguyễn Văn Quang, 0111.
Nguyễn Văn Quế, 1244.
Nguyễn Văn Quý, 1658.
Nguyễn Văn Quỳ, 0655, 1401.
Nguyễn Văn Sơn, 1702.
Nguyễn Văn Tán, 0206.
Nguyễn Văn Tán, 0689.
Nguyễn Văn Tâm, 1923, 1973.
Nguyễn Văn Tất, 1380.
Nguyễn Văn Tề, 1031, 1375.
Nguyễn Văn Tín, 1981.
Nguyễn Văn Tính, 1032.
Nguyễn Văn Tường, 0246, 0490, 1380.
Nguyễn Văn Tham, 1029.
Nguyễn Văn Thái, 0010.
Nguyễn Văn Thành, 0175.
Nguyễn Văn Thắng, 2013.
Nguyễn Văn Thịnh, 0468, 0565, 0919, 1001, 1046, 1063, 1118, 1121.
Nguyễn Văn Thụy, 1039, 1084.
Nguyễn Văn Trinh, 0828, 1667, 1700.
Nguyễn Văn Trung, 0206, 0207, 0226.
Nguyễn Văn Trương (Đoan Hùng quận công), 0091, 0151.
Nguyễn Văn Vĩnh, 0091.
Nguyễn Văn Vịnh, 0537.
Nguyễn Văn Úc, 1507.
Nguyễn Văn Uyên, 0175.
Nguyễn Viết Bình, 0051, 1695.
Nguyễn Viết Hữu, 0557, 0585, 0597, 0630, 0661, 1052, 1063, 1121, 1264.
Nguyễn Viết Lợi, 0605.
Nguyễn Viết Tuyên, 1005.
Nguyễn Viết Thông, 1032, 1358.
Nguyễn Vĩ, 0491, 0515, 1335.
Nguyễn Vũ, 1743.
Nguyễn Vũ Trinh, 1229.
Nguyễn Ư Dĩ (Uy quốc công), 0174, 1481.
Nguyễn Xuân Hiền, 0010.
Nguyễn Xuân Lai, 1863.
Nguyễn Xuân Liên, 0687.
Nguyễn Xuân Lộc, 1789.
Nguyễn Xuân Phiêu, 1749.
Nguyễn Xuân Toàn, 1031.
Nguyễn Xuân Triêm, 0577, 0593, 0661, 1503, 1595.
Nguyễn Xuân Thiêm, 1366.
Nguyễn Xuân Vịnh, 1960.
Nghệ An (tỉnh), 1636, 1637,
Nghệ Tĩnh (liên tỉnh),
Nghênh Tiên (xã), 1956.
Nghị Lộ (xã)
Nghị Lộ (huyện),
Nghị thiên Chương hoàng hậu, 0002, 0040, 0070, 0071, 0096, 0267, 0694, 0752, 0983, 1118, 1128, 1131, 1235,
1242, 1281.
Nghĩa Đàn (huyện),
Nghĩa Định ()

Nghĩa Động (xứ)
Nghĩa Hành (huyện)
Nghĩa Hành (châu)
Nghĩa Hưng (tổng)
Nghiem Châu Tuệ, 1032.
Nghiem Thị Thập, 0976.

Nh*

Nha Học chính, 1634, 1727, 1879, 2002.
Nha Kinh lược Bắc Kỳ, 0048, 0093, 0095, 0189, 0197, 0234, 0247, 0261, 0270, 0278, 0282, 0298, 0299, 0325, 0331, 0344, 0362, 0405, 0430, 0452, 0453, 0466, 0528, 0535, 0542, 0568, 0647, 0736, 0763, 0806, 1589.
Nha Thông bảo,
Nha Thương chính, 0115, 0470, 0768, 0852, 1930.
Nha Trang (), 0856, 1350, 1468, 1631, 1662, 1862.
Nha Trinh (đập), 0124.
Nham Biều (châu), 1623.
Nhạc (Nguyễn Nhạc), 2013.
Nhân Mỹ (thôn), 1956.
Nhân Thi (xã), 1987.
Nhân thế tu tri, 0943, 1140.
Nhất Phái (xã), 1549.
Nhật Bản,
Nhật Tinh (cửa),
Nhiêu Xá (tổng), 1869.
Nhị Phái (xã), 1549.
Nho Lâm (thôn), 1820.
Nho Pha Sơ (người Pháp), 1941.
Nhơn Liên (xã),
Nhú, 1084.
Như, 1014.
Như Lệ (xã), 1703, 1761, 1959.

O*

Odend'han, 1247.
Outrey (Antoine Georges Amédée Ernest Outrey), 0934.

Ô*

Ô Mễ (người Pháp), 1974, 1986.
Ô Sát (người Pháp), 0557.
Ông Ích Đường, 1507.
Ông Thực (điểm), 1956

P*

Paris (thành), 0058, 0469, 0604, 1094, 1672, 2013.
Paul Bert, 0157.
Parreau (Eusèbe Irénée Parreau), 0032, 0043.
Piquet (Jules Georges Piquet), 0068, 0099, 0115, 0121, 0125, 0157, 0193, 0202.
Pigneau de Béhaine, 0469, 0809, 1096*.
Picquie (Albert Jean George Marie Louis Picquie), 1661, 1692.
Poincaré (Raymond Poincaré), 1827.

Ph*

Pha Di Nha Ông (người Pháp), 1891.
Pha Nha, 1070.
Phác Lỗ (tổng), 1158, 1869, 1956.
Phạm Biều, 1022.
Phạm Bính, 0970, 1032, 1055.

Phạm Cát, 0577, 0593, 0661, 1022.
Phạm Cửu Lăng, 1160.
Phạm Dư, 0845.
Phạm Đôn, 1401.
Phạm Đình Toái, 0774.
Phạm Đức Dụ, 1707.
Phạm Đức Tư, 0628.
Phạm Hân, 0650.
Phạm Hữu Mô, 0102.
Phạm Hữu Điền, 1986.
Phạm Liệu, 0828, 1510, 1835, 1965.
Phạm Năng Tuần, 0175.
Phạm Ngọc Thụ, 1243.
Phạm Ngọc Quát, 1483, 1787, 1959.
Phạm Phú Lâm, 0026, 0206, 0582.
Phạm Quang Trí, 0206, 0422, 0431.
Phạm Sĩ Ái, 0802.
Phạm Sung, 1507.
Phạm Tấn, 0175.
Phạm Tuấn, 0828, 1005, 1160.
Phạm Tuyên, 1965.
Phạm Tự, 0821.
Phạm Thắng Phương, 0803.
Phạm Thị Bích (Huy Trinh), 1061.
Phạm Thường, 0316.
Phạm Văn Hội, 0091.
Phạm Văn Khoa, 0493, 0593, 0614, 0726.
Phạm Văn Loan, 1847, 1981.
Phạm Văn Nhân, 0091.
Phạm Văn Tươi, 0816.
Phạm Văn Tường, 1640.
Phạm Vinh, 1278.
Phạm Xứng, 0044, 1005, 1160, 1243, 1308, 1357, 1366, 1381, 1441, 1459, 1501.
Phan Bá Hòe, 1640.
Phan Bá Vành, 1863.
Phan Bội Châu, 1365, 1640, 1678.
Phan Công Nhật, 0129.
Phan Châu Trinh, 1516, 1529, 1678.
Phan Duy Phô, 0338, 1440.
Phan Đình Bình, 0066, 0339.
Phan Đình Nghênh, 0642.
Phan Đô Y, 0375.
Phan Đình Phùng, 0495, 0498, 0499, 0624, 0629, 0642.
Phan Huy Dững, 0798, 1257, 1375.
Phan Huy Nhuận, 0495.
Phan Huy Quán, 0330, 0382, 0578, 0648, 0662, 0704, 0981, 1048.
Phan Huy Tấu, 1564.
Phan Hữu Thường, 0704.
Phan Long Bằng, 1507.
Phan Phiên, 0451, 0493.
Phan Phu Tiên, 1015.
Phan Quang Cư, 0617, 0624, 0643.
Phan Quang Hương, 1789.
Phan Thái, 2004.
Phan Rang (tấn thú), 0251.
Phan Rang () 0856, 1350.
Phan Rang (xứ), 1039, 1750, 1768.
Phan Rang (thị xã), 1810.
Phan Rang (tỉnh), 1850.

Phan Rí (tân thủ), 0251.
Phan Rí (đảo), 0268.
Phan Rí (đồn), 1284.
Phan Rí (), 1768.
Phan Tấn, 1507.
Phan Tham, 1507.
Phan Thanh Liêm, 0097, 0588, 0706.
Phan Thanh Toại, 1401.
Phan Thị Điều (Từ minh Huệ hoàng hậu), 0001, 0005, 0518, 1478, 1633,
Phan Thị Thuần, 0804.
Phan Thiết (),
Phan Văn Cương, 0557.
Phan Văn Liên, 0375.
Phan Văn Tâm, 0437.
Phan Văn Thuận, 0485.
Phan Văn Vũ, 0356.
Phan Vinh, 1507.
Phan Xá (tổng)
Phan Xá (thôn)
Phản tính đồ, 0774.
Phát Diệm (),
Phi Da (), 1250.
Phi Ca Du (người Pháp), 1357.
Phì Cam (xã), 1956.
Phó Nham (xã), 1956.
Phó Nham (tổng), 1956.
Phong (sông)
Phong Doanh (huyện)
Phong Điền (huyện)
Phong Niên (xã),
Phong Phú (ấp),
Phong Phú (xã),
Phong thần truyện, 0817.
Phong Thới (thôn),
Phổ Đức (tổng),
Phổ Lai (tổng)
Phổ Lợi (đồn)
Phổ Vân (tổng),
Phú An (thôn)
Phú Ân (xã),
Phú Bình (thôn)
Phú Cang ()
Phú Cốc (thôn)
Phú Cương (xã),
Phú Điền (thôn), 1790.
Phú Điền (xã), 1956.
Phú Gia (xã)
Phú Giang (thôn)
Phú Hà (tổng)
Phú Hậu (thôn), 1956.
Phú Hòa (thôn)
Phú Hội (ấp),
Phú Hữu (xã), 1956.
Phú Lộc (huyện),
Phú Lương (xã)
Phú Nhân (phường)
Phú Nhuận (thôn)
Phú Phong Hạ (thôn)
Phú Phong Thượng (thôn)

Phủ quốc sách, 0626.
Phủ Sơn (thôn)
Phủ Thạnh (xã),
Phủ Thịnh (phố)
Phủ Thịnh (xã)
Phủ Thọ (tỉnh), 1561.
Phủ Thọ (thôn), 1285.
Phủ Thọ (xã), 1956.
Phủ Triêm (tổng),
Phủ Vang (huyện)
Phủ Văn (xã), 1956.
Phủ Văn Lâu (bến), 0497, 1440.
Phủ Vinh (xã thôn)
Phủ Xuân (xã)
Phủ Xuân (bến đò),
Phủ Yên (tỉnh),
Phủ An (đồn)
Phủ Bài ()
Phủ Cát (huyện),
Phủ Cừ (tổng)
Phủ Ninh (tổng)
Phủ Tôn nhân, 0002,
Phủ Cam (), 719, 1186.
Phủ Cam (câu), 303.
Phủ Cam (nhà thờ), 1009.
Phủ Phụ chính,
Phủ Thành (xã), 1956.
Phúc (Giám mục), 0076.
Phúc Dương (xã),
Phúc Giang (xã thôn)
Phúc Kiến (bang), 0099, 0136.
Phúc Sơn (thôn)
Phúc Yên (tỉnh),
Phụng An (điện), 0009.
Phụng Công (xã),
Phụng Hóa công (Bửu Đảo, Hoàng tông Tuyên hoàng đế), 1582, 1874, 2042.
Phước Khánh (thôn)
Phước Khánh Đông (ấp), 1549.
Phước Khánh Tây (ấp), 1549.
Phước Lãnh (thôn)
Phước Lộc (châu)
Phước Môn (sờ),
Phước Nhon (châu)
Phước Quả (ấp), 1718
Phước Thành (thôn)
Phước Thạnh (ấp), 1549.
Phước Thạnh (thôn), 1820.
Phước Thạnh (xã), 1820.
Phước Vang (huyện)
Phước Vinh (thôn)
Phượng An (phường),
Phượng Điền (tổng)
Phượng Động (thôn), 1538,
Phượng Giai (thôn), 1538
Phượng Hòa (phường)
Phượng Lâm (tỉnh)
Phượng Mỹ (xã),
Phượng Nghĩa (phường)
Phượng Quý (phường)

Phượng Trì (ấp),
Phượng Tường (thôn)
Phượng Tường (xã)
Pleikou Đê (tỉnh), 1714.
Pleikou Đê Man (tỉnh), 1850.

Qu*

Quan Công (đền)
Quan Hóa (tổng)
Quan Quang (thôn)
Quan Trung (tổng)
Quang Dụ (xã thôn)
Quang Luyện (tổng)
Quang Luyện (xã)
Quang Minh (điện),
Quang Phong (tổng)
Quang Phong (xã),
Quang Tĩnh (thôn),
Quang Trạch (xã thôn)
Quang Vũ, 0724.
Quách Văn Sâm, 0888.
Quản Trần Mai, 0614.
Quảng Bình (tỉnh), 1593, 1636, 1637,
Quảng Đông (bang), 0099.
Quảng Đông (tỉnh), 0108.
Quảng Hà (xã thôn),
Quảng Hóa (phù)
Quảng Hưng*, 1258.
Quảng Nam (),
Quảng Ninh quận vương (*), 1095.
Quảng Ngãi (tỉnh), 0102, 0121, 0142, 0190, 0206, 0211, 0251, 0266, 0268, 0269, 0286, 0308, 0323, 0325, 0409, 0431, 0445, 0535, 0537, 0649, 0767, 0827, 0875, 0878, 0887, 0950, 1013, 1091, 1107, 1124, 1141, 1200, 1204, 1232, 1238, 1268, 1279, 1285, 1288, 1293, 1306, 1342, 1365, 1409, 1482, 1503, 1507, 1549, 1556, 1574, 1578, 1579, 1593, 1595, 1599, 1695, 1674, 1679, 1683, 1684, 1693, 1710, 1711, 1729, 1741, 1819, 1825, 1830, 1835, 1847, 1868, 1965, 1981, 1988, 1990, 1999, 2012, 2022.
Quảng Phú Tứ Chánh (xã),
Quảng Tế (huyện)
Quảng Trị (tỉnh),
Quảng Xá (phường),
Quảng Yên (hạt),
Quế Dương (huyện)
Quốc Can (con Trương Quốc Dụng), 0899.
Quốc sử quán, 0052, 0072, 0113, 0150, 0172, 0245, 0267, 0302, 0336, 0394, 0398, 0467, 0508, 0510, 0561, 0580, 0598, 0600, 0669, 0678, 0700, 0705, 0724, 0727, 0750, 0798, 0800, 0806, 0872, 0885, 0909, 0920, 0943, 0948, 0960, 1005, 1011, 1012, 1015, 1032, 1059, 1085, 1089, 1112, 1150, 1242, 1330, 1356, 1363, 1366, 1399, 1427, 1435, 1440, 1460, 1628, 1641, 1666, 1742, 1835, 1865, 1881, 1885, 1890, 1903, 1911, 1932, 1933, 1940, 1975, 2008, 2009.
Quốc tử giám, 0009, 0183, 0302, 0379, 0570, 0598, 0659, 0669, 0699, 0721, 0779, 0813, 0828, 0885, 1011, 1013, 1015, 1125, 1173, 1180, 1201, 1296, 1313, 1337, 1366, 1435, 1460, 1469, 1539, 1566, 1592, 1609, 1626, 1629, 1634, 1667, 1709, 1713, 1732, 1791, 1801, 1808, 1809, 1867, 1870, 1879, 1890, 1903, 1924, 1932, 1976, 1995.
Quốc triều Chính biên toát yếu, 1510, 1596.
Quốc triều đặng khoa lục, 1865.
Quốc triều Hương khoa lục, 1865.
Quốc triều Tiền biên toát yếu, 1510, 1596.
Quy Chính (xã thôn)
Quy Đức (tổng),
Quy Hậu (xã)
Quy Lai (đồn),

Quy Nhơn ()
Quỳ Châu (hạt), 0643, 1564.
Quỳ Châu (phủ), 0365, 0977, 1183, 1194, 1340, 1537, 1564, 1869, 1956.
Quỳ Châu (phòng), 1095.
Quỳ Trạch (tổng)
Quỳ Xa (tổng)
Quỳ Xá (tổng)
Quỳnh Lưu (huyện), 1869

R*
Rô Bi, 1017.
Ra Nê, 1321.
Rheinart (Pierre Paul Rheinart), 0012, 0013, 0023, 0029, 0034, 0050, 0058, 0065, 0075, 0097, 0106, 0469, 0574, 0877, 1488.
Richaud (Étienne Antoine Guillaume Richaud), 0012, 0013, 0069, 0157, 1488.
Rodier (François Pierre Rodier), 0432, 0540.
Roume (Ernest Roume), 1945, 1951, 1964, 2017.
Rousseau (Paul Armand Rousseau, Phù Nam vương), 0548, 0573, 0577, 0582, 0609, 0636, 0639, 0666, 0682, 0690, 0708, 0714, 0715, 0717, 0721, 0794.

S*
Sa Lê (người Pháp), 1276.
Sa Lâu (sở)
Sa Tiên (người Pháp), 1986.
Sài Gòn (thành phố), 0317, 0402, 0521, 0548, 0582, 0917, 1144, 1350, 1410, 1461, 1471, 1553, 1614, 1646, 1661, 1734, 1793, 1800, 1832, 1862, 1961.
Sào Nam tử (sách), 1529, 1547.
Sắn (con Tôn Thất Thuyết), 0823.
Sầm Tó (huyện)
Sĩ Hào (thôn), 1956
Sô Lê, 0811, 0917, 0965.
Sông Sâu, 0934.
Sở Tu thư,
Sơn Diệp (người Man), 1752.
Sơn Hà (Thô huyện), 2012, 2022.
Sơn Hưng Tuyên (liên tỉnh)
Sơn Lộc Tây (thôn)
Sơn Nam (phường),
Sơn Tây (tỉnh),
Sơn Tĩnh (huyện),
Sơn Tĩnh (châu),
Sơn Triều (thôn)
Suất đội Tĩnh, 0618.
Sư Lỗ (tổng)
Soler, 0375.
Savannakhet (), 1894.
Sestier (Henri Victor Sestier), 1559, 1725, 1728, 1732, 1735, 1739, 1741, 1752, 1758, 1763, 1805.
Sénégal, 2013.

T*
Tam Cảnh (xã)
Tam Dương (huyện)
Tam Kỳ (chợ), 1716
Tam Kỳ (thôn), 1716
Tàm Tang (xã thôn)
Tả Giảng đường,
Tạ Hàm, 1401, 1440.
Tạ Ngọc Châu, 1868.
Tạ Tương, 0338, 0577, 0593, 0614, 0661, 1401, 1726, 1798, 1999.

Tạ Thúc Dĩnh, 0015, 0018, 0267, 0338, 0523, 0854.
Tạ Thúc Kiện, 1358.
Tán Thuận*, 0614.
Tán Thuật*, 0087.
Tào Khâm Bô (), 0460.
Tào Khê (tổng), 1956
Tàng thư viện,
Tặng Phiệt Năng Đồ Mỹ Tịnh Phái, 0995.
Tân An (xã),
Tân Đại (xã)
Tân Định (huyện),
Tân Hương (phường)
Tân Khê (phường),
Tân Long (thôn)
Tân Lộc (phường),
Tân Mỹ (thôn),
Tân Phong công chúa, 1650.
Tân Phú (thôn)
Tân Tế (ấp),
Tân Tế (thôn),
Tân Thừa Hòa (thôn),
Tân Việt Nam (sách), 1731
Tân (con Tôn Thất Thuyết), 0823.
Tây Giang (thôn)
Tây Linh (phường),
Tây Lộc (phường),
Tây Nhai (xã)
Tây Phi (*), 1945
Tây tra thi tập, 0469.
Tiêm (quân)
Tiêm La,
Tiên Du (huyện)
Tiên Hưng (phủ), 1897
Tiên Lãng (huyện)
Tiên Nông (xã)
Tiên Nhiêu (xã)
Tiên Quán (xã), 1753
Tiên Sơn Tây (xã),
Tiên Xá (thôn), 1956
Tiền biên Liệt truyện, 0885.
Tiền Hải (huyện)
Tiết Hiện, 0087.
Tiêu Tương (trại), 1538,
Tịnh Tâm (hồ),
Tịnh Châu (tổng),
Tịnh Hòa (tổng),
Tịnh Lâm (thôn)
Tịnh Thượng (tổng),
Tịnh Trung (tổng),
Tòa Khâm sứ,
Toàn Tảo (thôn)
Tô Lãng, 1344, 1355, 1401.
Tôn từ (Tư minh Huệ hoàng hậu), 0005.
Tôn Thất Anh, 1302.
Tôn Thất Cung, 1358.
Tôn Thất Diệm, 0194.
Tôn Thất Đạm, 0206, 0415, 1005, 1057, 1252, 1347, 1349, 1375, 1522, 1994.
Tôn Thất Đề, 0887, 1029, 1798, 1845, 1875.
Tôn Thất Hạo (Tương Dương quận vương), 0174.

Tôn Thất Hân (Phù Quang tử), 0595, 0661, 0662, 0704, 0710, 0746, 0898, 0899, 1057, 1222, 1381, 1410, 1417, 1452, 1484, 1524, 1534, 1580, 1599, 1625, 1646, 1702, 1722, 1741, 1744, 1752, 1758, 1771, 1772, 1798, 1800, 1873, 1892, 1900, 1916, 1934, 1951, 2003.

Tôn Thất Hoài Điền, 0422, 0917, 0970, 1407, 1495.

Tôn Thất Hội (Lạng Giang quận công), 1994.

Tôn Thất Hợp, 1855.

Tôn Thất Khê (Nghĩa Hưng quận vương), 0174.

Tôn Thất Luận, 0642.

Tôn Thất Lệnh, 0704.

Tôn Thất Mịch, 1401.

Tôn Thất Nhiếp, 0316.

Tôn Thất Phán, 1313.

Tôn Thất Phòng, 1723.

Tôn Thất Phương, 1221, 1407.

Tôn Thất Tĩnh, 0488.

Tôn Thất Thiệm (Mỹ Hàm tử), 0469, 0569, 0828, 1399, 1419, 1570, 1591, 1603, 1676, 1845, 1899.

Tôn Thất Thuýên, 1813.

Tôn Thất Trục, 0226.

Tôn Thất Uyên, 0634, 0742, 0942, 2005.

Tôn Thất Vĩnh, 0161, 0442, 0538, 0548, 0636, 0704.

Tôn Thất Vĩ, 0661.

Tôn Thất Xuân, 1960.

Tổng Duy Tân, 0375.

Tổng Phước Hiệp, 1481.

Tổng Văn Tước, 1536.

Tổng Hòm (), 0629.

Tổng Đông (tổng), 1875

Tú Vĩ, 1444.

Tú Viên (xã)

Tuần Lương (xã)

Túc Trang (tổng Man)

Túc Trang (Thổ huyện)

Tùng Hóa (phủ)

Tùng Luật (cửa biển)

Tùng Sơn (xã),

Tùng Thiện (huyện),

Tuy An (phủ)

Tuy Hòa (phủ)

Tuy Lý (Thổ huyện),

Tuy Phong (huyện)

Tuy Phước (Thổ huyện),

Tuy Thịnh quận công (Trương Đăng Quế, thụy là Văn Lương), 0320, 0730, 0946, 1863.

Tuyên Hóa công (Bửu Tán), 1404, 1417, 1428 (Miên Tán*?), 1468, 1526.

Tuyên Hóa (huyện),

Tuyên Quang (hạt),

Tuyên Quang (tỉnh)

Tư Hiền (cửa biển),

Tư lãng (lãng),

Tư Nghĩa (phủ)

Tư Thường, 0826.

Từ Ân (chùa), 1550.

Từ dũ Bác huệ Thái Thái Hoàng thái hậu (Nghị thiên Chương hoàng hậu), 0007, 0009, 0012, 0070.

Từ dũ Bác huệ Khang thọ Thái Thái Hoàng thái hậu (Nghị thiên Chương hoàng hậu), 0070, 0114, 0435, 0688, 0877, 0908, 0919, 0971, 1024, 1041, 1042, 1053.

Từ Hiếu (chùa*),

Từ huấn lục (sách), 0694.

Từ minh Huệ hoàng hậu, 0001, 0005, 0518, 1478, 1633.

Từ Minh Hoàng thái hậu, 1431.

Từ Nghi (cung), 0469, 0518, 1053.

Từ Sơn (phủ),
Từ thị, 1762.
Từ Thiệp, 1218, 1401, 1677, 1695, 1710, 1729, 1835.
Từ Dương (Chu Hy thời Tống), 0943.
Từ Vinh, 1481.
Từ thư đại toàn thể chú, 0793.
Tự Đức Thánh chế thi sử, 0394.
Tự Đức Thánh chế thi sử toàn biên, 0694.
Tự vưng, 0793.
Tự trị thượng sách, 1516.
Tương An (xã)
Tương Dương (phủ),
Tường Loan (cửa),
Tường Xá (xã thôn)
Toulouse (trường), 0734.

Th*

Thạch Lập (thôn), 1538
Thạch Hà (huyện)
Thạch Khê (tổng)
Thạch Phụng, 0460.
Thạch Thành (huyện),
Thạch Trì (Nguyễn Thân), 1117.
Thai Dương (xã),
Thái Bình (tỉnh),
Thái Bình (thôn)
Thái Cấn (xã)
Thái Hạc (xã),
Thái Hòa (điện), 0002, 0012, 0037, 0562, 0815, 0908, 0918, 0979, 1361, 1450.
Thái Nguyên (hạt),
Thái Nguyên (tỉnh), 1978
Thái Phiên, 2042.
Thái Thịnh (xã thôn), 1869
Thái Thịnh (tổng), 1869
Thái Trạch (phường)
Thái Tri Nhu, 1375.
Thái Văn Trung, 0194, 0614, 0629, 0630, 0661.
Thao Man, 1070.
Thảo Long (đồn)
Thanh (người),
Thanh Ba (hạt)
Thanh Châu (xã),
Thanh Chương (huyện)
Thanh Dã (ấp)
Thanh Đàm (xã thôn)
Thanh Hóa (tỉnh), 0013, 0021, 0024, 0027, 0034, 0053, 0058, 0061, 0073, 0076, 0116, 0141, 0142, 0186, 0235, 0239, 0251, 0252, 0254, 0269, 0272, 0279, 0293, 0296, 0298, 0310, 0313, 0328, 0332, 0342, 0375, 0390, 0402, 0405, 0414, 0425, 0431, 0458, 0465, 0471, 0488, 0490, 0517, 0522, 0535, 0542, 0548, 0563, 0567, 0571, 0573, 0577, 0584, 0592, 0593, 0616, 0641, 0671, 0676, 0690, 0691, 0697, 0702, 0704, 0726, 0802, 0823, 0827, 0828, 0852, 0855, 0857, 0869, 0875, 0878, 0888, 0892, 0896, 0904, 0905, 0912, 0921, 0924, 0938, 0945, 0972, 0974, 0976, 0984, 0996, 1001, 1007, 1008, 1013, 1014, 1015, 1021, 1023, 1070, 1072, 1168, 1191, 1204, 1220, 1227, 1232, 1237, 1246, 1248, 1256, 1257, 1267, 1268, 1269, 1275, 1288, 1290, 1325, 1340, 1365, 1366, 1369, 1373, 1385, 1393, 1399, 1409, 1419, 1422, 1439, 1440, 1466, 1482, 1487, 1497, 1500, 1509, 1528, 1536, 1546, 1559, 1567, 1570, 1591, 1602, 1603, 1619, 1620, 1621, 1636, 1643, 1674, 1676, 1746, 1810, 1819, 1836, 1839, 1845, 1855, 1860, 1879, 1889, 1895, 1899, 1953, 1963, 1966, 1967, 1975*, 1982, 2005, 2017, 2033.
Thanh Hóa (trường), 0224, 0263, 0971, 1427, 1975, 2006.
Thanh Hóa quan phong kỷ thắng, 1325.
Thanh Lê (ấp)

Thanh Liêm (huyện)
Thanh Lương (xã)
Thanh Lương (chợ),
Thanh Lý (thôn)
Thanh Miện (huyện)
Thanh Nga (xã),
Thanh Nghệ (liên tỉnh),
Thanh Nghệ Tĩnh (liên tỉnh)
Thanh Nghệ Tĩnh Bình (liên tỉnh)
Thanh Tú (ấp)
Thanh Thủy (xã)
Thanh Xá (xã),
Thanh Xuyên (tổng)
Thánh Duyên (chùa), 1550.
Thánh chế tự học giải nghĩa ca, 0700, 1137.
Thánh chế thi sử, 0394, 0600.
Thánh chế thi văn, 0394.
Thành Đức (ấp)
Thành Thái,
Thạnh Nghiệp (xã)
Thăng Bình (phủ)
Thân Huân (đền),
Thân Trọng Huệ, 0604, 0626, 0645, 0798, 0822, 1207.
Thân Văn Nhiếp, 0604, 0645.
Thân Văn Ưông, 0672.
Thi vận, 0793.
Thi vận tập thành, 0793.
Thiên Mục (chùa), 0919, 1063, 1329, 1431, 1550.
Thiên Mục (gò), 1426.
Thiên Ôn, 1585.
Thiên Thọ (lăng),
Thí Phở (xã), 1549.
Thị Kỳ, 1200.
Thị Nghi, 1375.
Thị Từ (Công nữ), 0232.
Thiệu Hóa (phủ),
Thiệu Hóa (hạt)
Thịnh Giai (xã),
Thọ Bình (thôn),
Thọ Lão (xã)
Thọ Trương (xã),
Thọ Vực (ấp), 1906
Thọ Vực (thôn),
Thọ Vinh (thôn)
Thọ Xuân (phủ)
Thoại Thái vương , 1236, 1357.
Thoại Thái vương phi, 1061, 1359.
Thổ Hào (tổng)
Thông Hóa (*),
Thông Trá, 0982.
Thới Phú (thôn),
Thu Bồn (),
Thu Phở (xã),
Thuần Hàm (tổng)
Thuận An (xã)
Thuận An (tấn),
Thuận An (cửa biển)
Thuận An công (*)
Thuận Cát (phường),

Thuận Hòa (đồn)
Thuận Khánh (liên tỉnh),
Thúy La (châu),
Thủy Dương (thôn)
Thủy Man (*), 1973
Thủy Nguyên (tổng huyện)
Thủy Tân (ấp), 1973
Thủy Tú (ấp), 1718
Thủy Tú (đồn),
Thủy Tú (phường)
Thủy Tú (xã)
Thủy Thanh (xã),
Thủy Trung (xã),
Thủy Vĩ (châu), 0111.
Thụy Nguyên quận vương (), 0012.
Thừa lương (ngự sở)
Thừa lương (hành cung), 1972
Thừa Thiên (phủ),
Thừa Thiên (tỉnh), 1637,
Thực lục Chính biên đệ nhất kỷ, 0508.
Thực lục Chính biên đệ nhị kỷ, 0508.
Thực lục Chính biên đệ tam kỷ, 0508.
Thực lục Chính biên đệ tứ kỷ, 0508, 0727, 0920, 0993.
Thực lục Chính biên đệ ngũ kỷ, 0508, 0750, 1199.
Thực lục Chính biên Đệ lục kỷ, 0508, 0750, 1330, 1628, 1706.
Thực lục Đệ tứ kỷ, 0052.
Thực lục Tiền biên, 1327.
Thương Bạc (), 2040.
Thương Sơn thi tập, 0106.
Thương biện Đĩnh, 0696.
Thường Hậu, 0124.
Thượng Bình (xã)

Tr*

Trang ý Thái Hoàng thái hậu (Lê thiên Anh hoàng hậu), 0009, 0012, 0114.
Trang ý Thuần hiếu Thái Hoàng thái hậu (Lê thiên Anh hoàng hậu), 0114, 0172, 0518, 0735, 1024, 1043, 1050, 1053, 1056, 1114, 1115, 1128.
Trà Bông (Thổ huyện)
Trà Kiệu (xã)
Trà Lộ (thôn)
Trạc Linh (xã)
Trại Gạo (sách Man), 1938.
Trại Giữa (sách Man), 1938.
Trần Bắc (đền),
Trần Bình (đài),
Trần Biên ()
Trần Định ()
Trần Lao (), 0268
Trần Ninh (),
Trần Tạo ()
Trần Tây,
Trần Tĩnh (phủ),
Trần Cao Vân, 2042.
Trần Cát Miển, 1188.
Trần Chí, 1206.
Trần Chí Tín, 0313, 0469, 0512, 0730, 0745, 0798, 0970, 1087.
Trần Di (Phó Quán), 0551.
Trần Di (Tú tài), 1401.
Trần Dĩnh Sĩ, 0561, 1278, 1829.

Trần Duy, 1507.
Trần Đạo Tiềm, 1032, 1246, 1366, 1440, 1477.
Trần Đền, 1507.
Trần Đình, 1986.
Trần Đình Bá, 1802.
Trần Đình Chi, 1738.
Trần Đình Kiềm, 1321.
Trần Đình Lượng, 0646, 0969, 1701.
Trần Đình Phác (Lễ Môn tử), 0330, 0541, 0704, 0933, 1299, 1309, 1321, 1387, 1466, 1479, 1562, 1564, 1579, 1615, 1665, 1710, 1749, 1765, 1771, 1772, 1798, 1886, 1890, 1902, 2027.
Trần Đình Phan, 1539.
Trần Đình Phong, 1032, 1246, 1435, 1539.
Trần Đình Tạng, 0642.
Trần Đình Túc (Lại An tử), 0276, 0373, 1242, 1420, 1863.
Trần Đình Tuấn, 1440.
Trần Đức Cơ, 1206.
Trần Đức Phương, 1466.
Trần Đức Tuy, 0812.
Trần Gia Mô, 0812.
Trần Giản, 0313.
Trần Hồ, 1743.
Trần Hoàng Cương, 0523.
Trần Hoàng Mưu, 0536.
Trần Huỳnh Thường, 1963.
Trần Hữu Việt, 0550, 0557.
Trần Kỳ Phong, 1904.
Trần Khai Ký, 0059.
Trần Khánh Dũng, 1278.
Trần Khánh Hội, 0226.
Trần Khánh Tồn, 0206, 0313.
Trần Khánh Tiến, 0510.
Trần Lai, 0607.
Trần Lục, 0027, 0076.
Trần Lưu Huệ, 0033, 0059, 0177, 0202, 0542, 1058, 1300, 1443.
Trần Ngọc Tú, 1802.
Trần Nhượng, 0045@.
Trần Phước, 1507.
Trần Quý Cáp, 1529, 1539.
Trần Tiến Hối, 1503, 1603.
Trần thị Tùng chính di quy, 0536.
Trần Thị Dạng, 0976.
Trần Thị Nga, 1969.
Trần Thị Quyên, 1382.
Trần Thoan, 0650.
Trần Trạm, 0800, 1031, 1258, 1366, 1503, 1802, 1965, 2005.
Trần Trí Tri, 0491.
Trần Trọng Thám, 2031.
Trần Văn Bản, 1852.
Trần Văn Câu, 1351.
Trần Văn Cư, 0010.
Trần Văn Chuẩn, 0536.
Trần Văn Dã, 0614, 0643.
Trần Văn Đống, 0158.
Trần Văn Giáng, 1160.
Trần Văn Hóa, 1959.
Trần Văn Hữu, 0970.
Trần Văn Lâm, 1366.
Trần Văn Liên, 2042.
Trần Văn Năm, 1358.

Trần Văn Nhung, 0018@.
Trần Văn Thiêm, 0673, 0751.
Trần Văn Thống, 1032.
Trần Văn Trường, 0507.
Trần Văn Vĩ, 0930, 0961, 1150.
Trần Viết Thọ, 0902.
Trần Vỹ, 1702.
Trần Xán, 0704.
Trần Xôi, 1789.
Trần Xuân Soạn, 0158, 0471.
Tri Lễ (xã)
Tri Vụ (phường), 1655.
Tri Khiêm (viện), 1566.
Tri Bình An Tỉnh (liên tỉnh)
Trinh Sơn (xã),
Trinh Xuân Điền, 0342.
Trịnh Đình Vĩ, 0247.
Trịnh Khắc Lập, 1507.
Trịnh Trí Viễn, 0422.
Trịnh Quang Bích, 1313.
Trịnh Quang Toán, 0282.
Trịnh Quang Thái, 0431.
Trịnh Văn Thái, 0632.
Triển Thân (đền), 0301.
Triêm Đức (sông), 0403.
Triêm Đức (tổng), 1578.
Triêm Đức (thôn), 1908.
Triều Châu (bang), 0099.
Triều Sơn (đồn),
Triệu Phương, 0182.
Triệu Tường (núi)
Trọng Hợp (sách)
Trụ Thạch (thôn), 1956.
Trúc Động (huyện)
Trung (tổng), 1784.
Trung An (xã), 1743.
Trung Cốc (xã thôn),
Trung Đạo (xã), 1821.
Trung Đạo (thôn), 2007.
Trung Hậu (thôn), 1837.
Trung Hậu (phường), 1655.
Trung Hòa (ấp), 1549.
Trung Kỳ,
Trung Nghĩa (miếu), 1709.
Trung Nghĩa (đền), 1101, 1481.
Trung Lương (thôn),
Trung Lương (phường)
Trung Phước (tổng)
Trung Phường (xã thôn), 1956.
Trung Trách (phường)
Trung Việt dục tỉnh (sách), 2004.
Trung Xá (xã thôn).
Truy Tư (điện), 0039.
Trung (Đoàn Trung), 0877.
Trương Côn, 1507.
Trương Đăng Quế, 0730, 1863.
Trương Đình, 1507.
Trương Đình, 1005, 1166.
Trương Đình Bình, 1029.

Trương Đức Uẩn, 0748.
Trương Gia Mô, 1529.
Trương Hoàn, 1507.
Trương Minh Giảng, 1863.
Trương Như Cương, 0010, 0133, 0161, 0216, 0241, 0254, 0308, 0325, 0509, 0582, 0682, 0684, 0714, 0721, 0729, 0784, 0798, 0901, 0917, 1052, 1076, 1093, 1166, 1176, 1243, 1277, 1299, 1350, 1366, 1377, 1378, 1434, 1448, 1450, 1452, 1474, 1484, 1494, 1534, 1541, 1553, 1567, 1575, 1600, 1649, 1705, 1722, 1724, 1734, 1749, 1752, 1757, 1758, 1765, 1792, 1800, 1803, 1817, 1841, 1862, 1873, 1883, 1935, 1944, 1951, 1964, 2015, 2017.
Trương Như Đình, 1723.
Trương Phùng, 1507.
Trương Quang Dân, 0003, 0012, 0020, 0052, 0072, 0138, 0150, 0161, 0241, 0273, 0324, 0352, 0386, 0468, 0524, 0540, 0649, 0669, 0670, 0705, 0798, 0808, 0828, 0864, 0973, 1011, 1055, 1505, 1556, 1780, 1932.
Trương Quang Kỳ, 0649.
Trương Quang Ngọc, 0122.
Trương Quang Tấn,
Trương Quang Tạo, 1407.
Trương Quốc Dụng, 0394, 0899.
Trương Quốc Quán, 0899.
Trương Quốc Tiên, 0899.
Trương Tôn, 1507.
Trương Trọng Hữu, 0780, 1206.
Trương Văn Danh, 0091.
Trương Văn Đễ, 0386.
Trương Văn Hùng, 0798.
Trương Vĩnh Ký, 0378.
Trương Văn Loan, 1278.
Trương Văn Tê, 0091.
Trương Văn Tiết, 1273.
Trường Bách công (hệ thống)
Trường Canh nông (hệ thống)
Trường Hậu bộ (hệ thống),
Trường Ninh (cung), 0004, 0064, 0130, 0307, 0326, 0469, 0518, 0529, 0581, 0752, 1053.
Trường Pháp Việt (hệ thống), 1210, 1363, 1804, 1931, 2041.
Trường Quốc học (hệ thống),
Trường Tiền (bến đò),

U*

U Tư Lai, 0934.
Uy Lỗ (xã thôn)
Ưu Đàm (chợ),
Ứng Dinh, 1394, 1421.
Ứng Dự, 1313, 1358.
Ứng Hào, 1252, 1815, 1911.
Ứng Huy (Gia Hưng quận công), 0917, 1150, 1252, 1366, 1986.
Ứng Lịch (Xuất đế Hàm Nghi), 0084, 0405.
Ứng Tạo, 1095.
Ứng Trí, 1005.
Ứng Vũ, 1317.

V*

Vạn An (xã), 1956, 2011.
Vạn Lộc (xã), 1544.
Vạn Lộc (thôn), 1956.
Vạn Ninh (tổng), 1811.
Vạn Phân (xã), 1643.
Vạn Phân (tổng), 1956.
Vạn quốc công pháp, 0626.
Vạn Trường (xã thôn), 1956.
Văn Bàn (châu), 0111.

Văn Giang (*), 1848.
Văn Hiệp, 0888.
Văn Khắc Thân, 0422.
Văn Lăng quận vương (vua Hiệp Hòa), 1657.
Văn Lâm (huyện),
Văn Minh (điền), 0014, 0018, 0309, 0384, 0613, 1217, 1457, 1581.
Văn Quế, 1640.
Văn Sơn (xã), 1956.
Văn Tân (xã)
Văn Tiến Hùng, 0577, 0593, 0629, 0661, 0683, 0798.
Văn Thành (xã), 1956.
Văn Trai (thôn), 0643, 1956.
Văn Hội (xã), 1956.
Văn Tụ (tổng), 0840, 1956, 2011.
Văn Trai (tổng), 1591.
Văn Trinh (tổng), 1956.
Văn Trinh (xã), 0689.
Vi Viết Tinh, 0672.
Vi Văn Lý, 0761.
Viên Cơ Nhiếp, 1590.
Vinh Bình (xã), 1738, 1923.
Vinh Phú (xã), 1956.
Vĩnh Trụ (xã)
Vĩnh Văn (xã)
Viện Bác cổ, 1604.
Việt Nam quốc sử khảo (sách), 1731.
Việt Nam vong quốc sử (sách), 1731.
Việt sử tông vịnh (sách), 0106.
Việt Tri ()
Vi Dã (xã), 0195, 1709.
Vĩnh An (phường), 1655.
Vĩnh An (thôn), 1244, 1869.
Vĩnh An (xã), 1010.
Vĩnh Định (sông),
Vĩnh Linh (huyện), 0812, 1083, 1333, 1691.
Vĩnh Linh (phủ), 1691, 1838.
Vĩnh San (vua Duy Tân), 0001, 1448, 1449.
Vĩnh Tu (bến đò),
Vĩnh Tường (phủ)
Vĩnh Tỳ (Bửu Giới, Kỳ Ngoại hầu), 1109.
Vĩnh Thọ (xã thôn), 1956.
Vĩnh Trân, 0908.
Vĩnh Trường (*), 1847.
Vĩnh Xuân (ấp),
Vĩnh Xương (huyện), 1035, 1738, 1923.
Vĩnh Yên (tỉnh), 0221, 1270.
Vĩnh Yên (hạt), 1638.
Võ Duy Tân, 0219.
Võ Duy Tịnh, 0211, 0742.
Võ Giàng (huyện)
Võ Hội, 1273.
Võ Nhi Cát, 1835.
Võ Tánh (Hoài quốc công) 0175.
Võ Thị Đan, 1730.
Võ Trứ, 0981.
Võ Văn Long (Hoài quốc tử) 0175.
Võ Văn Tâm, 1981.
Võ Văn Trung, 1848.
Vọng Liễu (thôn), 1538.

Vô Y Lung (người Pháp), 1350.
Vũ Doãn Tuân, 0137, 0336, 0422, 0686, 0798.
Vũ Duy Tĩnh, 0568.
Vũ Khoa, 0010, 0042, 0737.
Vũ Hành, 1504.
Vũ Lâm (xã), 1840.
Vũ Lâm Mật, 0533.
Vũ Liệt (tổng), 1956.
Vũ Liệt (trạm), 1340.
Vũ Liệt (xã), 0840, 1847.
Vũ Nguyên (xã thôn), 1956.
Vũ Phạm Hàm, 0338, 0437.
Vũ Phương Trứ, 1510, 1516, 1529, 1640, 1678.
Vũ Quang Nhạ, 0017, 0043, 0315, 0430, 0452, 0786, 0969, 1300, 2029.
Vũ Thành, 0994.
Vũ Thị Sách, 1811.
Vũ Thị Ý, 1897.
Vũ Thiện Đễ, 0338.
Vũ Trọng Bình, 0276, 0796, 0829, 1242.
Vũ Văn Báo, 0058, 0234.
Vũ Văn Hy, 0557, 1315.
Vũ Văn Kiêm, 0316.
Vũ Văn Nghĩa, 0234.
Vũ Văn Ty, 0614.
Vũ Xuân Lâm, 1016.
Vụ Bản (thôn), 1585.
Vương Danh Quý, 0338.
Vương Duy Trinh, 0490, 0560, 0563, 0704, 0828, 0888, 0924, 1021, 1191, 1246, 1325, 1373, 1399, 1435, 1444, 1459, 1466, 1509, 1514, 1652.
Vương Đình Trân, 0812, 1206.
Vương Hữu Phu, 1695.
Viademxki, 0327.
Van Vollenhoven (Joost van Vollenhoven), 1883, 1894, 1901, 1915, 1957.

X*

Xa (người Pháp), 1401.
Xa Ca Liên (tàu máy), 0469.
Xa Ma Lãng (người Pháp), 0551.
Xa Trục (xã), 1956.
Xiêm (nước),
Xoang (người Pháp), 1744.
Xu Danh (người Hòa Lan), 1050.
Xu Phi (người Pháp), 0751.
Xuân An (ấp), 1994.
Xuân An (xã), 1906.
Xuân Đài (tổng), 1717.
Xuân Đài (xã), 0247.
Xuân Đài (tấn thủ), 0251.
Xuân Đào (xã), 1956.
Xuân Điền (ấp), 1906.
Xuân Hòa (thôn), 1820.
Xuân Hòa (xã), 1010, 1994.
Xuân Khẩu (xã thôn), 1859.
Xuân Khoa (tổng), 1956.
Xuân Lai (tổng), 1746.
Xuân Lâm (tổng), 1956.
Xuân Liễu (tổng), 0840, 1956.
Xuân Lộc (phường), 1571.
Xuân Lộc (thôn), 0680.

Xuân Nha (thôn), 1145, 1198, 1859.
Xuân Phong (tổng), 1746.
Xuân Sơn (xã thôn), 1956.
Xuân Thủy (xã thôn), 1859.
Xuân Viên (xã thôn), 1956.
Xuân Xúng (tổng), 1956.
Xương (lăng), 0060, 1047, 1055, 1651, 1776.
Xương Ông (người Pháp), 0469.

Y*

Ý Yên (huyện)
Ỡ (người Man), 1084.
Ỡ Toái (sách Man), 1938.
Yên Lạc (huyện)
Yên Lăng (huyện)
Yên Lê (tổng), 0672.
Yên Lộc (xã), 0672.
Yên Thành (huyện), 0840, 1956, 2011.
Yên Thành (hạt), 1433.
Yên Phong (huyện),
Yên Phong công (Hồng Bảo), 0413, 0877.
Yên Thành công (Miên Lịch), 1452.
Yên Thế (đạo), 0672.
Yên Thế (huyện), 0118, 0331, 0666, 0672.
Yên Thế (hạt), 0672, 1638, 1701.